TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TRỌN BỘ 42 TẬP

30

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TẬP 30

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập
Có chỉnh lý và bổ sung

TẬP 30

Sưu tầm, biên soạn:
NGUYỄN HOÀNH KHUNG

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2000

CÙNG BẠN ĐỌC

Các tập 28, 29, 30 và 31 của bộ ***Tổng tập văn học Việt Nam*** *đang ở dưới mắt bạn đọc chính là các tập 29A, 29B, 29C và 29D của bộ sách được tái bản lần thứ nhất.*

Theo dự kiến ban đầu của Hội đồng biên tập Tổng tập văn học Việt Nam, tập 29 - in lần thứ nhất (gồm 29A và 29D) sẽ giới thiệu với bạn đọc mảng văn xuôi hiện thực những năm ba mươi của thế kỷ XX qua một số tác phẩm tiêu biểu và một số sáng tác có tính chất phong trào. Tập 29A (xuất bản 1988) được biên soạn theo dự kiến sắp xếp đó và bài ***Khải luận*** *in ở đầu tập cũng được viết giới thiệu nội dung đó. Do nhiều khó khăn ở khâu xuất bản nên mãi đến 1997, tập 29 mới được xuất bản tiếp. Khi biên soạn để xuất bản tiếp, Hội đồng biên tập, Nhà xuất bản và người biên soạn đều nhận thấy không thể giữ nguyên nội dung tập 29 như dự kiến ban đầu cách đây gần hai mươi năm. Công cuộc đổi mới lớn lao diễn ra trên đất nước hơn mười năm qua đòi hỏi có sự đổi mới trong cách nhìn nhận các giá trị văn học; đặc biệt, cần khắc phục lối nhìn máy móc, hẹp hòi khá phổ biến một thời, dẫn đến sự bỏ rơi nhiều hiện tượng văn học "tiền chiến" có giá trị như trước đây. Sự phân biệt mang tính chất đối lập giá trị giữa các dòng văn học hiện thực và lãng mạn cũng không còn được chấp nhận. Do quan niệm như vậy nên trong lần xuất bản các tập 29B, 29C, 29D và nhất là trong lần tái bản này, các tập đều có những chỉnh lý và bổ sung quan trọng so với sự sắp xếp ban đầu. Diện tác giả, tác phẩm đưa vào đã mở rộng hơn và không nhất thiết đó đều là "hiện thực". Sự phân bố các tác giả, tác phẩm trong các tập đều được sắp xếp lại. Bốn tác giả lớn Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Tuân, Ngô Tất Tố, vẫn giữ nguyên vị trí chủ chốt trong bốn tập, nhưng sự phân bố các tác giả khác trong các tập thì có điều chỉnh ít nhiều, các tập cân đối, nhất quán hơn, cũng tức là hợp lý hơn... Phần bổ sung phải là những tác giả, tác phẩm có giá trị cần được kể đến, ít nhất cũng có ý nghĩa về một mặt nào đó trong sự phát triển đa dạng của văn học thời kỳ này.*

Như vậy các tập 28, 29, 30, 31 này không phải là sự tái bản lần lượt từng tập 29A, 29B, 29C, 29D, mà là tái bản của hệ thống bốn tập với sự sắp xếp lại nội dung các tập. Với lần tái bản này, chúng tôi hy vọng sẽ giới thiệu tương đối đầy đủ và có hệ thống một số tác giả, tác phẩm của nền văn xuôi Việt Nam, những năm ba mươi của thế kỷ XX.

Trong lần xuất bản thứ nhất, tập 29A (xuất bản 1988) là công trình tập thể của nhóm biên soạn gồm ba người: Phan Cự Đệ, Nguyễn Hoành Khung, Trần Hữu Tá (Phan Cự Đệ là chủ biên và viết bài ***Khải luận****). Các tập 29B, 29C, 29D (xuất bản 1997, có chính lý, mở rộng so với quy định ban đầu) do Nguyễn Hoành Khung biên soạn. Các tập 28, 29, 30, và 31 của bộ* ***Tổng tập*** *tái bản này cũng do Nguyễn Hoành Khung biên soạn.*

Hà Nội, 11-1998

Soạn giả

NGÔ TẤT TỐ
(1893 - 1954)

Ngô Tất Tố sinh trong một gia đình nhà nho nghèo, gốc nông dân, quê làng Lộc Hà, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội). Ông nội nhà văn đã 7 lần đi thi song chỉ đỗ tú tài, ông thân sinh cũng 6 lần "lều chõng" mà không đỗ đạt gì. Bản thân Ngô Tất Tố cũng dự khoa thi hương khoa Nhâm Tý (1912), nhưng cũng chỉ vào được tam trường, mặc dù rất "hay chữ". Trong kỳ khảo hạch cuối cùng của tỉnh Bắc Ninh (năm 1915), ông đỗ đầu, nên mọi người gọi ông là "đầu xứ Tố". Nhà nho lỡ vận ấy đã vứt bút lông, cầm bút sắt, sớm bước vào làng báo làng văn và trở nên một cây bút nổi tiếng trên trường văn trận bút đương thời.

Gia đình Ngô Tất Tố thuộc loại nông dân nghèo, phải lĩnh thêm ruộng làng để cấy và thường phải vay nợ lãi. Tuy sống chủ yếu ở thành phố nhưng Ngô Tất Tố vẫn thường xuyên đi về quê và có tình cảm gắn bó sâu nặng với bà con nông dân ở quê hương.

Sự nghiệp trước tác của Ngô Tất Tố khá đa dạng, phong phú, bao gồm nhiều lĩnh vực: khảo cứu triết học cổ đại Trung Hoa và văn học cổ Việt Nam, viết truyện lịch sử, viết tiểu phẩm châm biếm, phóng sự, viết truyện ngắn, tiểu thuyết, dịch thơ Đường, dịch tiểu thuyết cách mạng Trung Quốc, sáng tác chèo...

Về phương diện biên khảo, Ngô Tất Tố chẳng những chứng tỏ một kiến thức uyên thâm về tư tưởng cổ đại Trung Quốc và văn học cổ Việt Nam, mà còn có quan điểm khá tiến bộ, thức thời, vượt hẳn lên lớp nhà Nho cùng thế hệ. Ông đã phê phán bệnh sùng Nho mù quáng và sự xuyên tạc Nho giáo của Trần Trọng Kim trong cuốn "*Phê bình Nho giáo của Trần Trọng Kim*" (1940). Ông đã nêu bật và đề cao những nhân tố duy vật và tích cực tiến bộ trong học thuyết Mặc Tử trong cuốn *Mặc Tử* (1942). Cuốn *Lão Tử* (1942, viết chung với Nguyễn Đức Tịnh) có thể coi là một công trình khảo cứu có tinh thần phê phán khoa học tiến bộ hiếm có đối với tư tưởng Lão Trang ở nước ta, ít nhiều có tác dụng "giải độc" đối với những người ăn phải "bả Lão Trang" lúc bấy giờ. Trong bộ *Văn học đời Lý, văn học đời Trần* (1942), Ngô Tất Tố tỏ ra thiết tha với việc bảo tồn và phát huy di sản tinh thần của cha ông. Ông đặc biệt đề cao tư tưởng độc lập, sáng tạo của văn thơ đời Trần, theo ông là "có

khí cốt", "chưa bị trói buộc vào trong xiềng xích của nghề từ chương". Trong khi phần lớn các nhà nho cùng thế hệ và cả nhiều trí thức "tâyhọc" đương thời chịu ảnh hưởng nặng nề của phong trào phục cổ do thực dân đề xướng, nhà Nho Ngô Tất Tố lại có những tư tưởng tiến bộ khá bất ngờ. Nhiều bài báo, phóng sự và cả cuốn tiểu thuyết *Lều chõng* (1939) của ông đã nhất quán một tinh thần chống phục cổ, tuy nhà văn rất tha thiết với những giá trị văn hóa cổ truyền.

Trên lĩnh vực báo chí, Ngô Tất Tố được coi là "một tay ngôn luận xuất sắc trong đám nhà Nho" – lời Vũ Trọng Phụng (báo *Thời Vụ*, 1939). Ông viết trên nhiều tờ báo khắp Trung, Nam, Bắc: *Annam tạp chí, Thần chung, Thực nghiệp, Đông phương, Công dân, Tương lai, Việt nữ, Thời vụ, Đông Pháp, Con ong, Hải Phòng tuần báo*..., dùng nhiều bút danh khác nhau: Lộc Hà, Lộc Đình, Phó Chi, Hy Cừ, Thôn Dân, Tuệ Nhỡn, Thuyết Hải... Đó là ngòi bút xông xáo, luôn băn khoăn về tình trạng đất nước và nhân dân, có một lập trường dân chủ tiến bộ, giàu tính chiến đấu – tuy không tránh khỏi những hạn chế nhất định. Văn phong các tiểu phẩm Ngô Tất Tố sắc bén, cho thấy một tài nghệ châm biếm già dặn.

Tiểu thuyết *Tắt đèn* (đăng báo 1936 và 1937, in thành sách 1939), các phóng sự *Dao cầu thuyền tán*, *Tập án cái đình* và *Việc làng* đã cho thấy Ngô Tất Tố thật sự là một nhà văn hiện thực và xứng đáng được xem là "nhà văn của nông dân". *Tắt đèn* như nhà văn Vũ Trọng Phụng đã giới thiệu trên báo *Thời vụ*, là "một thiên tiểu thuyết có luận đề xã hội hoàn toàn phụng sự dân quê, một áng văn có thể gọi là kiệt tác, tùng lai chưa từng thấy", xứng đáng được xem là một trong những thành công xuất sắc nhất trong trào lưu văn học hiện thực đương thời. Các phóng sự *Tập án cái đình* và *Việc làng* là những tập hồ sơ kết án những hủ tục "quái gở, mọi rợ" ở nông thôn Việt Nam trước cách mạng. Ngô Tất Tố coi đó là mối tai họa khủng khiếp đối với người nông dân khốn khổ.

Tiểu thuyết *Lều chõng* (1939) đã cung cấp nhiều tài liệu phong phú và tái hiện các cảnh tượng về chế độ khoa cử phong kiến một cách sinh động, rất có không khí: cảnh thầy đồ dạy học, cảnh bình văn, cảnh trường thi, cảnh vinh quy... Nhưng, khác hẳn nhiều tác phẩm viết về đề tài này lúc bấy giờ, *Lều chõng* đã vạch trần tính chất nhồi sọ trong cách giáo dục và sự trói buộc khắc nghiệt phi lý trong chế độ thi cử phong kiến. Và như vậy, *Lều chõng* ít nhiều có tác dụng chống lại phong trào phục cổ đương thời. Tác phẩm đã lý tưởng hóa lối sống của các nhân vật Vân Hạc, Hải Âu, những Nho sĩ tài hoa lỡ vận, đã quay lưng với khoa cử và cả với công danh thế sự, sống lối sống tiêu dao nhàn tản của người nghệ sĩ giang hồ.

Ngô Tất Tố đã chân thành chào đón Cách mạng Tháng Tám và hăng hái đi theo cách mạng, kháng chiến. Ông tham gia Hội Văn hóa cứu quốc, rồi lên chiến khu Việt Bắc tích cực sáng tác phục vụ kháng chiến. Ông viết cho báo

Cứu quốc, báo *Thông tin khu 12,* tạp chí *Văn nghệ,* phụ trách văn nghệ Liên khu 1. Ông làm ca dao, thơ, viết bút ký, truyện ngắn, dịch tiểu thuyết cách mạng của Liên Xô và Trung Quốc (các tiểu thuyết *Suối thép* của Xêraphimôvích, *Lửa chiến đấu* của Lưu Bạch Vũ, *Trời hửng* của Vương Lực v.v...), soạn vở chèo *Bùi Thị Phác...*

Ngô Tất Tố mất tháng 4–1954, trước đại thắng Điện Biên Phủ chỉ ít ngày.

TÁC PHẨM CỦA NGÔ TẤT TỐ TRƯỚC CÁCH MẠNG

Truyện lịch sử:

– *Lịch sử Đề Thám*, Nhật Nam xuất bản, 1935.

– *Những trận đổ máu*, Nhật Nam xuất bản, 1935.

– *Vua Hàm Nghi với việc kinh thành thất thủ*, Nhật Nam xuất bản, 1935.

– *Gia đình Tổng trấn Tả quân Lê Văn Duyệt*, Mai Lĩnh xuất bản, 1935.

– *Vua Tây chúa Nguyễn, đăng Tiểu thuyết thứ ba* các số 1, 2, 3–1937.

Biên khảo:

– *Đường thi* (tuyển dịch), Tân Dân xuất bản, 1939.

– *Thơ và tình*, Mai Lĩnh xuất bản, 1939.

– *Thi văn bình chú*, Tân Dân xuất bản, 1941.

– *Việt Nam văn học (Văn học đời Lý – Văn học đời Trần)*, Mai Lĩnh xuất bản, 1942.

– *Phê bình "Nho giáo" của Trần Trọng Kim,* Mai Lĩnh xuất bản, 1940.

– *Lão Tử* (viết chung với Nguyễn Đức Tịnh), 1942.

– *Mặc Tử*, Mai Lĩnh xuất bản, 1942.

– *Kinh Dịch*, 4 tập, Mai Lĩnh xuất bản, 1944.

Phóng sự:

– *Dao cầu thuyền tán,* báo *Công dân*, 1935.

– *Tập án cái đình*, báo *Con ong*, 1939.

– *Việc làng*, báo *Hà Nội tân văn*, 1940, Mai Lĩnh in thành sách, 1941.

Truyện ngắn:

– *Cái bánh chưng*, báo *Tương lai*, 1937.

– *Trời tối*, báo *Tương lai*, 1937

– *Mớ rau trong hòm*, báo *Thời vụ*, 1939.

– *Suối hoa đào,* báo *Hà Nội tân văn*, 1940.

Tiểu thuyết:

– *Tắt đèn*, trích đăng một chương trên báo *Tương lai*, 1936; đăng trọn trên báo *Việt nữ*, 1937, Mai Lĩnh xuất bản, 1939.

– *Lều chõng*, đăng báo *Thời vụ*, 1939; Mai Lĩnh xuất bản, 1941.

Bài báo:

Hàng trăm bài báo, phần lớn là những tiểu phẩm châm biếm, đăng trên nhiều tờ báo, tạp chí ở cả Bắc, Trung, Nam Kỳ: *Annam tạp chí, Thần chung, Thực nghiệp, Đông phương, Phổ thông, Công dân, Tương lai, Việt nữ, Thời vụ, Đông Pháp, Thời báo, Con ong, Hải Phòng tuần báo, Tao đàn, Hà Nội tân văn, Trung Bắc chủ nhật, Tiểu thuyết thứ ba...*, với các bút danh: Thục Điểu, Phó Chi, Lộc Hà, Lộc Đình, Thôn Dân, Tuệ Nhỡn, Thuyết Hải, Hy Cừ, Đạm Hiên, Xuân Trào...

*

* *

Về văn bản các sáng tác Ngô Tất Tố in dưới đây, chúng tôi chủ yếu dựa vào bộ *Ngô Tất Tố – tác phẩm*, Phan Cự Đệ biên soạn, Văn học xuất bản, 1977 (N.B.S).

BÀI BÁO, TIỂU PHẨM

*

* *

ÔNG PHẠM QUỲNH LÀ BẠC TÌNH LANG

Mình mới dự vào báo giới được mấy ngày, làm việc có hai ngày, hôm nọ đã nói đến ông Thượng Chi [1], hôm nay nói đến ông Phạm Quỳnh, không khéo ông ta lại cho mình túng bài mượn tên ông ta làm đầu đề.

Thật quả bài mình chưa túng, chỉ vì cái chức của mình là chức "Gặp đâu nói đấy" mà trong phút sờ đến quản bút, không hiểu làm sao óc mình cứ vơ vẩn gặp mãi ông ta.

Thôi thì, ai trách phải chịu, đã gặp hãy nói:

Ông Phạm Quỳnh là bạc tình lang.

Ấy chết, nói vậy không đúng, chữa lại kẻo ông ta phản đối.

Ông Phạm Quỳnh chẳng khác gì bạc tình lang.

Khoảng mười hai năm sắp đi ở cái vùng mình ở, mấy người biết tên ông Phạm Quỳnh?

Từ mười hai năm sắp tới, hai chữ Phạm Quỳnh chẳng những phao khắp trong nước mà bay cả sang đến bên Pháp.

Bước một bước từ chức thư ký trường Bác Cổ, qua Hàn lâm viện trứ tác, Hồng lô tự khanh, đến thẳng Bắc Kỳ nhân dân đại biểu, con đường ông đi thật mau. Cái gì nó thổi ông ta lên vù vù như vậy?

Ấy là ngọn gió nồm.

Tập báo *Nam phong* đối với ông Quỳnh thật có công to, ơn nặng, khác gì một ả nhân tình rất tận tâm rất đắc lực, đã vì ông gây dựng được cơ đồ, điểm tô phẩm giá, nâng ông lên hoàn cảnh ngày nay. Được một ả nhân tình như vậy, nếu là giai nhân, thục nữ, ai không nâng niu âu yếm, nghĩa keo sơn gắn bó đến bạc đầu?

---

1. *Thượng Chi*: bút danh của Phạm Quỳnh

Nhưng Phạm Quỳnh tiên sinh lại không thế. Trước kia mầu hồ còn đượm, xã hội còn kẻ đón người đưa, thì đối với chị ả *Nam phong*, tiên sinh cũng hết lòng chải chuốt, khiến cho ả đúng tuần trăng mà ra mặt với đời. Vài năm gần đây, chị ả vì phấn lạt son phai, xã hội ít người thưởng thức, tiên sinh cũng ruồng rẫy ngay ả, mà ôm ái tình đi sang con đường chính trị. Tiên sinh chẳng ỏ ê đến ả, để cho ả sống dở chết dở, thoi thóp ngắc ngoải, hai tháng ra một số, ba tháng ra một số. Thiên hạ ai còn hữu tình, đều phải mong đỏ con mắt, mong thắt khúc ruột, mà ả vẫn nằm bẹp ở hộc chữ của nhà in Đông Kinh.

Cho nên tôi dám nói, nếu ông Phạm Quỳnh mà ở tình trường, chắc ông cũng là chàng tình bạc.

Thiết Khẩu Nhi

Phổ thông số 65, ra ngày 17-9-1930.

SAU LƯNG CỤ BÙI QUANG CHIÊU, HAI ÔNG QUỲNH, VĨNH ĐUỔI NHAU SỒNG SỘC

Quý ông Bùi Quang Chiêu năm xưa chí sĩ, trước có xướng ra vấn đề lập hiến, và lập ra một đảng kêu là đảng Lập hiến.

Vì là người xướng ra chính kiến mới mẻ ở nước mình, nhà chí sĩ họ Bùi được cử làm lãnh tụ của đảng Lập hiến. Lúc sang Pháp dự Hội Quốc tế liên hiệp rồi trở về nước nhà, chí sĩ này nhẩy vót lên ghế Chánh hội đồng quản hạt về phe Annam.

Cái kiểu "lập hiến" lợi lắm, ông Phạm Thượng Chi biết vậy, thừa cơ có phong trào biến động, bèn cho *Nam phong tạp chí* nghỉ chơi mấy tháng, viết luôn bài "Vấn đề lập hiến cho nước Nam" đăng lên báo Tây.

Hiến pháp của họ Bùi chủ trương, chỉ có hai bộ chủ động: chính phủ bảo hộ và nhân dân Việt Nam. Theo kỷ hà học, vật hai cạnh không thể thành hình, hoặc giả vì thế mà hiến pháp họ Bùi không ai trông thấy.

Đẻ sau khôn trước, bạn thân của ông Ng. Bá Trác (ông Phạm

Quỳnh) biết chỗ khuyết điểm đó, khi thảo hiến pháp cho nước Nam cũng theo mẫu của ông Bùi mà thêm vào hoàng đế Bảo Đại làm một cạnh nữa, thành ra "hiến pháp chân vạc".

Ông Bùi chỉ có hiến pháp hai cạnh còn làm được Chánh hội Quản hạt, mình có hiến pháp rành rành ba.

– Vì trời.

– Anh vẫn chưa hết cái óc mê tín?

– Đâu phải? Cái "trời" tôi nói đây không phải là "trời" mù mù xanh xanh, mà nhiều người vẫn gọi là chúa tể của vũ trụ, cái "trời" tôi nói đây là "trời" của dân.

Ở sách Hán Đổng Trọng Thư nói rằng: "Dân lấy sự ăn làm trời". Câu đó chỉ nghĩa tính mệnh của dân quan hệ ở sự ăn.

Các ông Dân biểu của ta, từ hôm 23 Septembre [1], sau khi họp mặt ở tiệc trà của ông Nguyễn Hữu Cự, thì có trên sáu chục ông bị phe của ông Lục kéo xuống Khâm Thiên, luôn trong hai ngày, được uống, được ăn, đã say lại no, cái "trời" của ông Lục đối với các ông Dân biểu lớn lắm chớ.

Ăn cây nào rào cây ấy, các ông ấy bầu cho ông Lục thật là kính "trời" sợ "trời".

Theo nghĩa câu sách Hán trên kia, ông trời "cơm riệu" là trời chung của "dân", các ông này biết trọng trời của "dân" mà suy đãi ông Lục, thật đáng là người thay mặt cho "dân", "dân" hoan nghênh lắm.

Thiết Khẩu Nhi

Phổ thông số 73, ra ngày 27-9-1930.

1. *Septembre*: tháng chín.

HỘI VẠN QUỐC CẤM NÓI TIẾNG "GHE"

Đừng ai tưởng chữ "Ghe" đây là tiếng Bắc Kỳ, nó là tiếng Pháp, âm của ngữ guerre, dịch ra chữ Hán nghĩa là chiến tranh, mà dịch ra chữ Annam mình thì là đánh nhau, hoặc đánh lộn.

Tại sao Hội Vạn quốc cấm nói tiếng đó?

Ngành ngọn hơi dài.

Số là sau trận giặc Đức làm tàn hại mẫu quốc chúng ta, bên Âu-Mỹ nhiều người cũng tự nhận sự chiến trận là sự trái nhân đạo. Mấy nước kỳ dịch thế giới bắt đầu xướng ra vấn đề hòa bình.

Năm ngoái các ngài kỳ dịch thế giới mới cùng nhau ký một bản điều ước của thầy Kelloog nghĩ ra, gọi là điều ước "phi chiến" hay là điều ước Kelloog, chủ ý tẩy chay sự chiến tranh. Nghe cái tên điều ước mới nhân đạo làm sao.

Nhưng ở đời việc làm vẫn không đi cùng với nhời nói.

Ta thường thấy các cụ kỳ dịch nhà quê chúng ta vì mưu sự hòa bình của trong làng, đặt ra khoản ước rất nghiêm, dân làng nếu đánh nhau hoặc kêu làng nước thì phải vạ, phải phạt v.v... Song đến khi ăn uống tại đình, nhiều lúc tức nhau vì miếng xôi lớn, miếng thịt bé, chính các cụ kỳ dịch lại choảng nhau đổ máu mồm, sồm máu mũi ra.

Kỳ dịch thế giới cũng vậy. Tuy rằng một mặt thì cổ động hòa bình nhưng một mặt vẫn đóng tầu bay thực nhiều, chế thuốc ngạt thật mạnh, sửa sang hạm chiến cho thật to, vấn đề tài giảm hải quân vì thế mà quyết liệt nhiều lần, kho thuốc ở miền Balkan lại chực nổ lần nữa, rừng đạn ở bờ biển Thái Bình cũng rục rịch muốn vung ra.

Hội Vạn quốc lo rằng vấn đề hòa bình khó thấy kết quả, kỳ hội đồng vừa rồi, các ngài mới bàn nhau cấm nói tiếng guerre nghĩa là cấm nói tiếng chiến tranh vậy. Cái phương pháp của Hội Vạn quốc thật diệu, nếu theo đúng phương pháp này mà làm, thì dù thế giới chẳng hòa bình nhưng sự chiến tranh quyết liệt là không có.

Sao vậy? Giả sử nước nào nước ấy đều cấm được tiếng nói chỉ nghĩa chiến tranh ở nước mình, thì dù có chiến tranh cũng không phải là chiến tranh. Ví dụ nước Pháp nay mai có đánh nhau với nước

Ý thì nói là "La France frappe l'Italie", nước Tàu có đánh nhau với nước Anh, thì nói là Trung Hoa đả Anh Cát Lợi, còn nếu Annamite chúng mình mà có phải theo mẫu quốc sang đánh nhau với chú Mussolini thì nói là chào mào Annam giã nhau với tặc Ý v.v... Như vậy ai dám bảo là có chiến tranh.

Thiết Khẩu Nhi

Phổ thông số 78, ra ngày 3-10-1930.

ÔNG THÔNG REO DÁM TIẾT LỘ VIỆC BÍ MẬT CỦA ÔNG QUỲNH

Nói sau thì mang tiếng nói đuôi, chớ cái việc nhà học giả Phạm Quỳnh muốn làm Thượng thư bộ Học thì mình cũng biết đã lâu.

Biết từ khi thấy Phạm Quỳnh tiên sinh vô cớ cho *Nam phong tạp chí* tắt nghỉ mấy tháng mà thảo ra hiến pháp cho Trung Bắc Kỳ, rồi đến khi quan khâm sứ Trung Kỳ diễn thuyết ở viện Dân biểu trong ấy, thì ý ngài cũng rưa rứa như ý nhà học giả họ Phạm, chỗ đó khiến cho mình phải phục cái tài tiên tri về luồng gió chính trị của ông chủ *Nam phong*, chẳng khác chi các nhà thiên văn trông thấy những luồng bão biển.

Tuy nhiên mà chưa muốn nói, vì mình nhát, sợ rằng nói ra mà tiên sinh họ Phạm lại hỏi vặn sao dám tuyên tiết việc bí mật của ngài, như hôm nọ ông Vĩnh đã dắt ngài ra mà hỏi ai tuyên tiết điều lệ lập đảng là điều lệ bí mật của ông ấy, thì mình chẳng biết đằng nào mà trả lời.

Té ra bàn tay không che kín mặt trời, mình không nói người khác cũng nói.

Ông Thông Reo người viết báo *Trung lập*, hôm vừa rồi đã bô bô đem việc ấy nói toẹt lên báo rồi. Mà nào có nói êm đềm, nói một cách quả quyết rằng: Nếu sau này Trung Bắc Kỳ thành lập hiến pháp mà nhà học giả họ Phạm không được kêu bằng cụ Thượng Học thì cứ đem ông ta ra mà chém.

Lấy cớ gì mà ông Thông Reo cam đoan ghê gớm như vậy? Vì ông ta thấy tiên sinh Thượng Chi vẫn tuyên bố không phải là chánh trị mà lại nhè dịp sắp có việc cải cách, xướng ra vấn đề hiến pháp là vấn đề chính trị to như trời, vả lại hiến pháp không phải là hiến pháp trơn, hiếp pháp có đèo thêm việc giáo dục, mà giáo dục không phải là giáo dục trơn, giáo dục lại nói vào cái đuôi bảo tồn chữ quốc ngữ để phá ngầm việc sửa đổi chữ quốc ngữ của ông Vĩnh.

Ấy đó, cái chí muốn làm Thượng thư bộ Học của nhà học giả họ Phạm nó lồ lộ ra đó, ông Thông Reo trông thấy một cách rõ ràng, cho nên mới dám cam đoan bằng đầu, chớ cũng không phải có can đảm như ông Vĩnh cam đoan hôm xưa.

Cái cam đoan này chẳng nguy hiểm, nếu có ai treo giải cho người nói trúng, thì mình cũng cam đoan chơi với ông Thông Reo. Bởi vì, về việc ông Quỳnh muốn làm Thượng thư bộ Học, mình còn biết hơn ông Thông Reo một tin đồn nữa.

Nhưng cái tin này mình cũng không muốn nói, không nói nhưng cũng không muốn mách cho ông Thông Reo biết.

Đây cái tin đồn ấy đây.

Cũng một ông họ Phạm, tên là Văn Quảng, dân biểu Trung Kỳ, mới rồi không biết vì việc gì mà ông này đi đi lại lại ở hai viện Dân biểu Trung và Bắc nhiều lần lắm. Đến khi chức Nghị trưởng Bắc Kỳ về ông họ Phạm tên Lục thì ông họ Phạm tên Quảng có thò một bản hiến pháp kêu là "quan dân cộng sự", quan chứ không phải quân (?), có chữ ký của nhiều ông nghị Trung Kỳ, rồi bảo 45 ông nghị Bắc Kỳ ký theo, bấy giờ ông nghị Quỳnh ký trước, rồi đến 42 ông nghị khác, còn hai ông nữa không ký.

Nếu quả như vậy thì chức Thượng thư bộ Học của ông Quỳnh chắc như lên rồi, chẳng những thế, có lẽ Quỳnh tiên sinh còn kiêm cả chức Tổng trưởng bộ lập pháp nữa kia.

Thiết Khẩu Nhi

Phổ thông số 84, ra ngày 10–10–1930.

PHẦN MỘ HỌ KHỔNG THỪA ĐỘNG VẬY ÔI

Than ôi, suy vậy thay, vận mệnh của họ Khổng bây giờ!

Đất "tiêu thụ" đạo giáo cụ Khổng có hai xứ lớn, Việt Nam và Trung Hoa, mấy nghìn năm cả hai xứ đều tôn cụ như trời, thế mà hồi này xem ra khác hẳn.

Ở ta, nhà thờ long trọng thứ nhất của cụ là Văn Miếu Hà Nội, trước đây mỗi khi xuân đỉnh thu đỉnh và ngày sinh ngày hóa của cụ, tại nhà này người ta thường thấy luôn cái vẻ "tể tể y quan". Bây giờ tự nhiên nhà này thành ra mốc phủ rêu phong, khói tàn hương lạnh, thỉnh thoảng lại bị một nhà chớp bóng mượn làm nơi chớp phim ảnh, dẫu những kẻ tự mình là người nối đạo thống của cụ, cửa miệng phun phè phè những hơi đạo đức, cũng không hề ngó tới bao giờ.

Ở Tàu lại thảm hơn. Mảnh đất Khúc Phụ là chỗ chôn nhau cắt rốn của cụ, lăng cụ, miếu cụ, đều ở tại đó "trăm quan trưng giầu, tôn miếu trưng đẹp", dẫu ngồi xó lều đọc sách cũng có thể tưởng tượng ra cái quang cảnh tôn nghiêm tráng lệ ở nơi đất thánh Sơn Đông này. Bất nhân vậy thay, tụi quân phiệt nước Tàu, chúng vì tranh nhau miếng ăn, mà nỡ tương xuống đó mấy chục trái bom, làm cho miếu mạo tan tành, đền đổ lổng chổng.

Chẳng những thế trong lúc cụ đương buồn bã về sự cháy thành vạ lây, thì chính những người ở trong môn đồ của cụ lại đem cụ ra mà làm lôi thôi trên báo chương.

Mới rồi ở ta, vì ông nghị Trần Trọng Kim viết ra cuốn *Nho giáo* là sách nói về đạo cụ, mà sinh ra một cuộc tranh biện khá dài (*), rồi cũng vì thế, một người đã liệng "mấy phát trái phá vào cửa đồn cụ" là ông Phan Khôi lại mời cụ cùng Trần phu tử đến nói chuyện ở nhà M.Logique [1], có lẽ bấy giờ đây cụ cũng vẫn còn ngồi đó để chứng kiến cuộc tranh luận của hai ông kia, thật là phiền cho cụ quá.

1.(*) Đây là nói về cuộc tranh luận trên tờ *Phụ nữ tân văn* năm 1930 chung quanh cuốn *Nho giáo* của Trần Trọng Kim. Trên tờ *Phụ nữ tân văn* số 63, 31.7.1930 Phan Khôi viết bài *Mời Trần Trọng Kim tiên sinh đi với Khổng Tử, Mạnh Tử đến nhà M.Logique chơi, tại đó chúng ta sẽ nói chuyện.*

Ở Tàu cũng vậy.

Độ trước cháu bảy mươi mốt đời của cụ là thầy Khổng Chiêu Thanh có xuất bản một cuốn sách tên là "Đại học châu nghĩa", trong sách bác hết những lời chú thích của Chu Hy mà thêm vào những nghĩa rất mới. Đại khái như chương "Tài tụ dân tán, tài tán dân tụ" thì thấy mới tước làm hai mà giải rằng: "Kẻ khéo lý tài thì tan của ở dân, kẻ không khéo lý tài thì tụ của ở nước", rồi thầy lại nói thêm một câu như vầy: Vấn đề "dân hữu", "quốc dân" bây giờ thế giới mới bàn đến, chớ cụ Thánh Khổng nhà tôi đã nghĩ trước từ mấy nghìn năm rồi". Nghĩa đó mới thì mới thật, nhưng xem ra cũng có ý gàn gàn. Ấy cũng vì chỗ gàn đó mà sau khi sách ấy phát hành thì một lũ báo Tàu như là Hoa Tự, Hoa Tính, Công Thương nhật báo nhao nhao phản đối. Bên bẻ, bên cãi giằng nhau suốt một tháng bẩy sang hết tháng tám, rút lại cháu cụ phải chịu thua, cụ "không hay giúp được một lời".

Trong học giới, sự tranh luận là thường, có điều cùng trong một dịp mà cả Ta lẫn Tàu đều có người đả động đến cụ, thật là sự lạ.

Phần mộ của cụ thửa "động" vậy ôi, sao mà nhiều sự rắc rối đến cụ như vậy?

Nếu cụ mà đọc cả báo Tàu báo ta, chắc cụ cũng phải ngùi vậy than rằng: Rất vậy ta suy vậy, lâu vậy ta chẳng trông thấy cảnh tượng ngày xưa.

Thiết Khẩu Nhi

Phổ thông số 88, ra ngày 15-10-1930.

TRUYỆN KIỀU SẼ GHI VÀO HIẾN PHÁP CÓ NGÀY

Trông thấy chữ hiến pháp đi liền với chữ Truyện Kiều, bạn độc giả chắc đã biết ngay rằng mình sắp nói đến quan Hồng Lô Phạm Quỳnh.

Phải đó.

Có điều lâu nay mình nói về nhà học giả "gió nồm" [1] này đã nhiều, mà hôm nay nói đến nữa không khỏi đồ đệ của nhà học giả ấy lại bĩu môi mà bảo rằng dùng mánh khóe vặt để công kích thầy họ.

Mặc!

Họ có thầy thì họ phải binh, họ muốn nâng đội thầy thì họ phải rào đón, còn mình đây mình chẳng ưng cái kiểu hành động của quan Hường kia thì mình cứ lôi ra mà nói. Nói chỗ này chẳng hết, mình sẽ nói ở chỗ khác.

Nói gì?

Rằng: Truyện Kiều sẽ có ngày ghi vào hiến pháp Việt Nam.

Mới nghe câu này chắc nhiều người sẽ cho là vô lý, và nhiều người muốn hỏi vặn rằng: Hiến pháp "chết vạ" gì mà lại có cả tiểu thuyết truyện Hoa Nô ở trong?

Thế mà có lý đấy, chẳng tin hãy giở hiến pháp của quan Hường họ Phạm mà coi.

Trong bài tuyên ngôn về chương trình lập hiến, quan Hường họ Phạm có nhồi vào một đoạn nói về kế hoạch "quốc gia giáo dục", cái kế hoạch đó rất chú trọng về việc bảo thủ đức tính cố hữu của dân tộc ta, ngài còn nói thêm rằng: "Sự học chỉ cốt dạy cho đại đa số quốc dân biết những điều thường thức cần dùng cho sự sinh hoạt ở đời".

Cái gì là sự thường thức cần dùng cho sự sinh hoạt?

Lại theo như bản ý quan Hường, thì chẳng gì hơn Truyện Kiều.

Năm xưa khi còn làm ông Hàn, trong một cuộc diễn thuyết tại hội Khai trí tiến đức về ngày kỷ niệm ông tác giả Truyện Kiều, quan

1. "*Gió nồm*": dịch nghĩa hai chữ *Nam phong* với ý hài hước; Phạm Quỳnh là chủ nhiệm kiêm chủ bút báo *Nam phong* nên Ngô Tất Tố gọi là "học giả gió nồm".

Hường có chỉ một ngón tay phải lên trời nói một cách vừa bi ai vừa khẳng khái mà rằng: "Văn chương của mình có độc một quyển! Vừa là kinh! Vừa là truyện! Vừa là thánh thư phúc âm của một dân tộc! Nếu lại mất nốt, thì cái tình cảnh dân tộc ta sẽ ra thế nào!!!???"

Ấy đó cứ ý quan Hường Phạm thì Truyện Kiều có quan hệ với vận mệnh của dân tộc Việt Nam là thế, nếu hiến pháp của ngài mà đắc dụng, ngài được dự quyền trong bộ lập pháp, có lẽ ngài lại nỡ bỏ thánh thư phúc âm mà chẳng ghi vào trong hiến pháp hay sao?

Thiết Khẩu Nhi

Phổ thông số 93, ra ngày 21–10–1930.

BA TẤC LƯỠI CỦA CỤ THƯỢNG QUỐC

Người ta thấy cái lưỡi mềm oặt, nói không làm có, vặn phải ra trái, cho nên hay chế nhạo nó, cho nó là vật không xương, lắt léo đường nào cũng được. Kỳ thực lưỡi có nhiều hạng, có thứ lưỡi chỉ để ăn, có thứ lưỡi chỉ để luồn lọt, cũng có thứ lưỡi làm nên những việc chuyển núi nghiêng non, lay trời động đất.

Vì cái lẽ nói sau đó mà ông Lương Khải Siêu mới đem lưỡi ví với gươm, bút, ông nói rằng: "Người quân tử có ba cái đáng sợ: sợ ngọn bút của văn sĩ, sợ ngọn kiếm của hiệp sĩ, sợ ngọn lưỡi của biện sĩ".

Cái ngọn lưỡi của biện sĩ quả đáng sợ thật. Tô Tần nhờ ba tấc lưỡi mà đeo ấn tướng quốc của sáu nước. Lịch Sinh nhờ ba tấc lưỡi mà hạ được bẩy mươi hai thành của nước Tề. Trương Lương nhờ ba tấc lưỡi mà làm thầy cho một vị Hoàng đế. Công danh của cái lưỡi ghê gớm thật! Cũng bởi cái lưỡi của biện sĩ làm được nhiều việc như vậy, cho nên có nhiều người quí nó hơn là cái khác. Trương Nghi khi bị đánh bấn từng miếng thịt, thiếu chút nữa thì chết, lúc vực về nhà, chẳng hỏi chi đến vết thương nặng nhẹ, chỉ há hốc cái mồm ra mà hỏi mụ vợ "lưỡi có còn không"?

Một điều mà ta nên biết, cái hạng lưỡi oanh oanh liệt liệt đó cần phải có thiên tài, có học vấn, có lịch duyệt mới rèn ra được, tức như bốn người trên kia, theo trong sử thi họ đều là bậc thông minh, lại có học tập nhiều ngày về môn thuyết khách, cho nên lưỡi họ mới dẻo

như thế. Còn các người bình nhật vốn không phải là nhà biện sĩ mà hốt nhiên có lúc lại nói được liền như nước chảy, cảm động được người nghe, thì xưa nay chưa có bao giờ. Họa chăng bây giờ mới có cụ Thượng Nguyễn Năng Quốc ở ấp Thái Hà là một.

Thật thế, xưa nay đã ai thấy cụ lớn Quốc đăng đàn diễn thuyết. Thế mà cách đây một tuần lễ báo *Ami du Peuple* [1] và báo *Trung Bắc tân văn* đều đăng tin rằng:

Có hai người con gái thình lình vào nhà cụ Thượng Quốc tự xưng là người của VNQDĐ [2] phái đi quyên tiền, và xin cụ lớn giúp đảng. Cụ lớn không giúp, lại đem lời giảng dụ cho hai người nghe.

Thế rồi hai người điềm nhiên đi ra.

Tin này các báo Hà Nội, trừ ra tờ *Phổ thông* – đều có trích đăng– cho đến ngày hôm qua đây, cũng hãy còn có người trích nữa.

Cứ theo tin đó mà đoán ra, thì quyết hai người kia đã cảm động về lời giảng dụ của cụ lớn Quốc, nên mới đi ra một cách điềm nhiên.

Ôi! Cụ lớn Quốc thật là một người hùng biện.

Nhưng tiếc thay, cụ đã có lưỡi hoạt bát như thế, sao cụ không dụ luôn họ ra thú với Chính phủ, há chẳng đỡ cho sở Mật thám một việc dò xét?

Hiện nay ở Trung Kỳ Đảng Cộng sản thỉnh thoảng lại biểu tình, làm cho Chính phủ vẫn cứ mất công giải tán và bắt bớ. Cụ Thượng Quốc đã có tài hùng biện thế ấy, thiết tưởng Chính phủ nên khởi phục cho cụ vào làm khâm sai miền ấy, để cụ diễn dụ cho dân nghe. Cụ đã cảm hóa được hai người cách mệnh kia, chắc cụ sẽ cảm hóa được muôn nghìn người cộng sản khác.

Tiện việc biết chừng nào.

Thiết Khẩu Nhi

Phổ thông số 168, ra ngày 23–1–1931.

1. *Ami du Peuple*: Bạn dân.
2. *VNQDĐ*: Việt Nam quốc dân đảng.

KIỂU ĐẤT Ở PHỐ HÀNG TRỐNG

Thấy cái đầu đề này, không khéo có người đem cáng đến đón mình đi làm đất. Xin chớ, vì khoa học Tả Ao mình thật dốt đặc, cái kiểu đất Hàng Trống mình nói đây chỉ là do ý tưởng tượng mà đoán ra, chẳng có căn cứ vào sách nào cả.

Tuy không dựa vào sách, nhưng quyết là đúng. Ai không tin thử diễu một vòng qua phố Hàng Trống mà ngắm xem. Cái ngôi đền ở giữa phố choèn choèn bằng cái quán bán nước, thè lè ra mép đường đi, chẳng biết là thờ vị thần chi chi mà coi bộ sầm uất hết sức. Một năm 360 đêm, đêm nào cũng như đêm nào, khói hương nghi ngút, đèn nến bập bùng, đàn bà con gái đến lễ đông như nêm cối; có khi lễ trên hè không hết, lễ xuống cả dưới vệ đường, làm cho nhiều lúc đi qua trông thấy mà sợ thay, – vì nếu có hai chiếc ô tô gặp nhau ở đó, thì không khéo có kẻ mất mạng. Lạ nhất là bất kỳ bà nào, cô nào, hễ đã bước đến cửa đền thôi thì đầu ai đầu nấy, gật lấy gật để, trông như mấy chục cái chầy giã gạo cùng một lúc.

Coi cho kỹ thì những người đến lễ đây, phần nhiều là những ả má phấn môi son, nếu không trông thấy ba chữ "Nghiễn thiên muội" ở trên cửa đền, ai cũng phải đồ là đền thờ vị thần mày trắng. Trước kia mình vẫn tưởng vì đền này thần thiêng cho nên đông khách lễ bái, đến nay xét ra, mới biết sự đông khách đó không tại thần thiêng chỉ tại "được đất". Bởi vì ở đó có phải chỉ có một mình cửa đền ấy mà thôi đâu, hai bên tả hữu còn có 2 cái "xăm" [1] nữa, nghe nói cả hai đều được "đêm đêm hàn thực, ngày ngày nguyên tiêu" tất cả – Theo câu tục ngữ: "tốt đất, cò đậu", thì có lẽ phố Hàng Trống là chỗ đất tốt, cho nên một đền hai "xăm" đều phát phúc như thế, không biết mạch đất từ ngôi đền chạy sang hai ngôi "xăm", hay là từ hai ngôi "xăm" chạy về ngôi đền?

"Xăm" ở thành phố thì là sự bất thường, không lạ, duy có ngôi đền quái gở ấy mà lại lù lù mọc ở Hà thành thì thật chướng mắt. Nếu có người Anh hay người Nhật qua đó bụng họ tất phải hỏi thầm:

---

1. *Xăm* (Chữ Pháp: chambre, đáng lẽ đọc là *săm*): nhà cho thuê phòng ngủ, thường là nơi mại dâm.

"Làm sao ở chỗ đô hội lớn của một xứ thuộc địa nước văn minh mà lại có chỗ kỳ khôi như vậy?'

Nào các ông nghị viên thành phố ở đâu? Mọi ngày các ông hay soi xét những ngõ dơ phố bẩn mà xin sửa sang kia mà, cái ngôi đền Hàng Trống này đối với con mắt người ngoại quốc chẳng qua như đống rác ở giữa phố vậy. Các ông mần thinh sao đành?

Thục Điểu

Đông phương số 380, ra ngày 13-3-1931.

MƯỜI NĂM NỮA BÁO CHÍ BẮC KỲ SẼ CỔ ĐỘNG ĐẾN "THÒ LÒ" "QUAY ĐẤT"

Đó là lời một người tiên tri mới nói với mình hôm chủ nhật vì được biết mình là người làng báo. Sau khi nghe hết câu ấy thì mình lấy làm sửng sốt, căm giận mà hỏi lại:

– Ông rủa làng báo chúng tôi hay sao! Báo chí chết rét nào mà lại cổ động những trò mọi rợ ấy?

– Tôi đâu dám rủa các ngài – nhà tiên tri trả lời một cách điềm nhiên và tiếp:

– Các ngài là những người "hướng đạo" (!) cho quốc dân chúng tôi kia mà. Tôi đâu dám rủa các ngài. Tôi bảo mười năm nữa báo chí Bắc Kỳ sẽ cổ động "thò lò quay đất" ấy là theo quá khứ và hiện tại mà đoán định tương lai, cái luật tiến hóa phải như vậy.

–???

– Ngài ở làng báo, chắc là ngài nhớ hơn chúng tôi. Về quá khứ, cách đây chừng hơn mười năm, một cuốn tạp chí hết sức cổ động chúng tôi học *Truyện Kiều* nhờ đó quốc dân chúng tôi mới biết bộ *Tiểu sử của Hoa nô* kia là Thánh thư phúc âm (!) của dân tộc Việt Nam, rồi đó chúng tôi mới đua nhau nghiên cứu về khoa "Kiều lẩy"; kế tiếp, một vài tờ báo cổ động cho quốc dân chúng tôi học hát ả đào, nhờ đó chúng tôi mới biết cái khoa "Quỳnh rượu hát hãm" là một món quốc túy của thi nhân mặc khách ngày xưa, từ đó chúng tôi xô nhau mà học đánh chầu nghe phách, sách dạy đánh chầu in ra như bươm bướm.

Thế là về quá khứ, chúng tôi đã nhờ các ngài mà bước được hai bước khá dài trên đường tiến bộ vậy.

Còn về hiện tại, một bạn đồng nghiệp bằng quốc văn của các ngài vẫn thường có đăng những bài giải nghĩa những ván tổ tôm cắc cớ, quý nghiệp hữu sợ cổ động như vậy hiệu quả không được chóng lại xuất bản tờ báo bằng Pháp văn, luôn luôn đăng những kiệt tác dạy cho các hạng thanh niên tân học cái lối "nằm khàn bất phỗng, ăn dọc, đá ngang"; rồi đến một cuốn tạp chí vừa mới ra đời kia, số đầu có một thiên đại bút(!) nói về môn học "xe pháo mã tốt", số hai đã dạy cho chúng tôi cái bí yếu của những anh ôm túi quân cờ, ngồi nơi đầu đường cuối chợ rồi. Phải, những món ấy là những món lợi dân ích quốc (!) không có các ngài "chỉ lối đưa đường" cho, chúng tôi đâu có biết.

Từ thời kỳ các ngài khuyến khích chúng tôi học *Kiều* học hát ả đào đến thời kỳ các ngài chỉ dẫn chúng tôi đánh tổ tôm, đánh cờ tướng, chẳng qua trong vòng mười năm. Theo luật tiến hóa, chắc là sau mười năm nữa, sẽ có những ngài đem cái thành tâm đối với chủng tộc giang sơn đầy ăm ắp, nóng hôi hổi mà cổ động cho quốc dân học những món quay đất thò lò, vì nó cũng là món chơi đặc biệt của dân tộc Việt Nam, bấy giờ quốc dân chúng tôi sẽ nhờ ơn các ngài mà được mở mặt rạng mày với thế giới, "chen vai thích cánh" với các nước phú cường. Ân đức của các ngài thật lớn lắm vậy.

Nói đến đấy, mình toan hỏi vặn lại thì nhà tiên tri kia trông mình mà nhổ toẹt xuống đất một bãi rồi ngảnh mặt đi.

Thục Điểu

Đông phương số ra ngày 17-3-1931.

MẤY LỜI NHẮN NHỦ CÁC ÔNG ĐỒ

Đời vua Thái tổ Thái tôn, ngòi bút lông còn làm chúa tể cõi học đất Việt, thế lực của các ông đồ mạnh lắm kia chứ, ông đồ muốn ngang thì ngang, muốn dọc thì dọc, thiên hạ chẳng ai dám trêu, lúc ấy vô phúc trêu đến ông đồ thì ôi thôi! Nguy hiểm là nguy hiểm.

Các cụ truyền lại: Một khoa thi cuối đời Tự Đức (trường thi Hương còn ở Hà Thành) có con gái của ông Bá hộ K. là người giàu nhất thành phố, chỉ nói chua với ông đồ một câu, thế mà đồ nọ rủ đồ kia, trong một lúc kéo đến hàng nghìn, hò nhau phá nhà cụ Bá. Lính phòng thành không dám can thiệp. Cực chẳng đã, cụ Bá phải chuồn cửa sau và kêu với quan Tổng đốc. Lập tức quan Tổng đốc tự mình đến điều đình, bắt cô con gái cụ Bá K. phải ra trước mặt ông đồ mà tạ tội. Bấy giờ các ông đồ mới tha cho.

Kinh không? Ông đồ thời ấy chẳng khác gì quân Tam phủ đời Lê, mình nghe chuyện mà dựng tóc gáy!

Từ ngày lối học "chi hồ giả giã" đã chuyển sang lối "a, b, c", thế lực ông đồ chẳng còn chút nào, điều đó ai cũng biết, không cần phải nói. Trò đời, giậu đổ bìm leo, vận hội ông đồ đã suy, thiên hạ hay tìm ông đồ mà kiếm chuyện, bây giờ ở Hà Nội này, vẫn có kẻ theo chân ông đồ mà xét từng tý, ông đồ hở đâu là họ chộp đấy...

Quả có thế thật, trong rừng "nhà hướng đạo cho quốc dân" (!) bây giờ vẫn có thói giả mạo như vậy, thầy đồ thì hay nói đến Nã–phá–luân, Hoa–thịnh–đốn, Lư–thoa, Mạnh–đức–tư–cưu [1], mà thầy ký thì luôn luôn nhắc đến Khổng Tử, Mạnh Tử, có khi thầy còn giở cả Trang Tử, Lão Tử kia nữa. Nhưng mà có ăn thua gì, đụng đâu trật đấy, thầy đồ cũng vậy, thầy ký cũng thế...

Vậy xin có lời cảnh cáo mấy ông đồ rằng: Người ta xét nét các ông là như vậy đó, mà nay về sau, cái gì không biết thì xin các ông chớ nói, nhất là về môn học Phơ–lăng–se! Vả chăng các ông không biết môn học này, cũng chưa chắc đã là dốt bởi vì cụ Khổng nhà ta đã dạy "biết đấy là biết đấy, chẳng biết là chẳng biết, ấy biết vậy" kia mà.

Thục Điểu

Đông phương số ra ngày 24–3–1931.

---

1. Napôlêông, Oasinhtơn, Rútxô, Môngtexkiơ, đọc theo cách phiên âm Hán Việt.

KHÔNG PHẢI ĐÁNH BỐC, ĐÁNH BÀI TÂY ĐẤY

Chuyện này tuy cũ mà còn mới, cũng nên để độc giả ai chưa nghe thì nghe. Vẽ ra là tự báo *Ami du peuple* [1].

Một số báo vào khoảng cuối tháng hai Tây thì phải, báo *Ami du peuple* có in cái hình hai nhà văn sĩ đánh bốc với nhau, trong cái hình này, một bên có chữ Phạm Quỳnh, một bên có chữ Nguyễn Văn Vĩnh. Lấy ý mà đoán, có lẽ cái hình ấy bạn đồng nghiệp Tây muốn mô tả việc bất bình ở giữa ông Vĩnh và ông Quỳnh.

Mà có thế thật, cứ bề ngoài mà xét, thì hai ông "nên dân" (dân biểu) này từ khi sắp bầu nghị trưởng mà đi, thường thường có sự xích mích với nhau; rồi đến khi bàn việc cải cách, mỗi ông lại giữ mỗi ý.

Bởi có bức vẽ đó mới rồi trên *Thực nghiệp dân báo*..., ông Hủ Tân bác cái ý của *Ami du peuple*, lấy cớ rằng, hai ông này làm bạn nối khố với nhau, lẽ nào lại chống chọi nhau thế. Rồi đến ông Đồ Gàn lại phản đối cái thuyết của ông Hủ Tân, nói quyết là hai ông Quỳnh, Vĩnh có đánh bốc thật. Đồ Gàn tiên sinh viện lẽ rằng đánh bốc không phải sự thù hằn, đánh nhau đấy nhưng xong cuộc lại bắt tay nhau, ông Quỳnh và ông Vĩnh tuy trước kia có phân rẽ nhau về hai thuyết bảo hộ và trực trị, chẳng qua để thử lòng người đó thôi, bây giờ đã thấy hai thuyết ấy gần nhau rồi. Như vậy thì mục đích của hai ông này cũng như mục đích của hai người đánh bốc. Mấy ông đoán đều sai tất cả.

Ông Hủ Tân bảo hai ông Quỳnh, Vĩnh không đánh bốc đành là không biết rõ hai ông ấy, nhưng ông Đồ Gàn bảo hai ông ấy đánh bốc thật cũng không phải! Bởi vì đánh bốc không phải là sự thù hằn, không phải là sự chỉ định làm hại nhau nhưng cũng phải đánh thật, người thua bốc lắm khi nguy hiểm, ta chẳng thấy có người bị đấm mà nằm chết lặng cả đi đó sao? Ông Vĩnh và ông Quỳnh là bực khôn trẻ nỏ ra khi nào lại chơi kiểu dại dột ấy. Cứ ý mình tưởng thì hai ông Vĩnh, Quỳnh hồi này cũng có đánh chác nhưng không phải đánh bốc, các ông ấy đánh bài Tây đấy!

---

1. Bạn dân.

Ai chưa biết đánh bài Tây thế nào cứ đi ra đầu Hàng Ngang hay các nơi đình đám hội hè mà khảo cứu.

Một chị đàn bà ngồi trong làm "cái", miệng hát tay "tráo" ba quân *ít xỳ,* để cho hàng xứ đến đánh, đánh trúng "bài người" thì được, đánh phải "bài hoa" thì thua. Nhưng cứ một mình chị này thì chẳng ma nào dám đánh với, vì người ta biết rằng đánh với chị ấy tất thua. Bởi vậy lại phải có một chị đàn bà khác ngồi ngoài làm "con", cởi ruột tượng mà đánh, đánh một cách hăng hái sát phạt, thiên hạ thấy vậy ngõi mắt đánh theo, lắm người phải dốc túi với các chị. Tối đến, chị "cái" chị "con" đổ tiền làm một. Trừ vốn đi còn được bao nhiêu chia nhau.

Ấy cái lối đánh bài Tây nó thế.

Thục Điểu

Đông phương số 391, ra ngày 26-3-1931.

HỠI ĐỒNG BÀO VIỆT NAM, CHÚNG TA NÊN VẼ MÌNH CHO CON CÁI CHÚNG TA

Dẫu rằng cuộc đời mỗi ngày một mới, mà ở xã hội "con rồng cháu tiên" thiếu chi người ưa những lối xưa. Cái phong trào "bảo tồn quốc túy" đã im đi một độ, độ này xem chừng lại thấy rục rịch nổi lên: tờ báo nọ hô hào bạn gái cứ giữ gìn cái sinh hoạt ở cửa buồng xó bếp, tờ báo kia cổ động dân quê nên duy trì cái thói tục ở góc điếm, sân đình; lại một cuốn tạp chí nọ hàng tuần đem những cặn bã ở cửa Khổng, sân Trình mà nhồi mãi vào óc độc giả! Tuy rằng người ta chưa cho mình nghe những tiếng la "bảo tồn quốc túy" nhưng kỳ thực cái không khí bảo tồn quốc túy vẫn tích tụ ở giải đất từ núi Ngôi đến bến Nhị mà lan tràn ra khắp nơi.

Phải, bảo tồn là phải! Những món đó đều là những tinh hoa trong văn minh Annam, chẳng bảo tồn lỡ ra mà nó tiêu diệt đi thì dân tộc Annam sinh tồn sao được.

Phải, bảo tồn là phải! Có khuyến khích được nhiều người bảo tồn những món đó mới xứng đáng là cơ quan độc nhất của phụ nữ, mới xứng đáng là hướng đạo cho quốc dân, mới xứng đáng là hướng tiền phong trong đội quân tiến thủ (!).

Nhưng có điều đáng tiếc là những cái quốc túy mà mấy tờ báo chí đang hô hào bảo tồn đó mới là những cái, những món quốc túy về đời trung cổ mà thôi – tục ngôi thứ trong đình, mới đặt ra từ Trần Thủ Độ, món cặn bã của đạo Chu Khổng, cũng mới tải vào từ khi Sĩ Nhiếp làm thứ sử, còn cái lý thuyết nam ngoại, nữ nội tuy không biết xuất hiện từ đời nào nhưng "cổ" lắm đi nữa chẳng qua cũng mới từ khi đời Sĩ Nhiếp là cùng, vì nó cũng là một thứ "hàng Tàu" nhập cảng – đã bảo tồn thì bảo tồn hẳn những món quốc túy thượng cổ kia có được không? Tội gì mà bảo tồn những món quốc túy trung cổ ấy?

Xét trong quốc sử, cái tục "vẽ mình" là cái văn minh rất cổ của dân tộc Annam, vì nó xuất hiện từ đời vua Hùng kia. Đời đó dân tộc ta còn sống về nghề mò tôm bắt cá, nhiều người xuống nước bị thuồng luồng ăn thịt, các cụ ta mới phát minh ra kiểu vẽ mình đó, nghĩa là đẻ con ra thì dùng chàm mà vẽ vào mình nó những con rồng, con rắn, con ba ba v.v... để cho nó lúc lớn lên khi nào xuống nước, các giống dưới nước sợ mà phải tránh. Tục đó còn truyền mãi đến đời vua Anh Tôn nhà Trần mới bỏ. Món quốc túy ấy cổ biết chừng nào! Có lẽ không cái gì là cổ hơn nữa. Nếu món ấy mà bảo tồn được thì dân tộc Annam mới xứng đáng là dân tộc Annam. Vậy tôi xin thay mặt các nhà bảo tồn quốc túy mà hô lớn lên rằng: "Hỡi đồng bào Việt Nam! Chúng ta nên vẽ mình cho con cái chúng ta".

Thục Điểu

Đông phương số 394, ra ngày 30–3–1931.

CÒN CHỜ GÌ NỮA MÀ CHƯA GIẢI TÁN VIỆN DÂN BIỂU?

Ngó cái đầu đề này, chắc có nhiều người cho là quái gở. Dân chúng Annam nhất là Bắc Kỳ, bấy lâu nay vẫn sống dưới một chế độ rất mập mờ, không ra bảo hộ, không ra trực trị, không ra dân chủ, hết thảy quốc dân không có một chút quyền gì, từ hội họp cho đến đi lại.

Nếu đã mong cho nước có ngày khá, ắt phải mong cho dân được có quyền.

Các viện dân biểu tuy rằng quyền hạn còn hẹp hòi, chưa được như các nghị viện của các nước, nhưng nó vẫn là cơ quan do dân bầu ra, để thay mặt cho dân, và nó chính là mầm của chế độ dân quyền mà chúng ta hiện đương ao ước.

Cái mầm ấy vừa nứt đất mọc lên, cần phải nâng niu vun bón cho nó ngày một lớn, thì mình mới có hy vọng về kết quả tốt đẹp của nó. Cớ sao lại muốn hủy hoại nó đi?

Người ta sẽ nghĩ như vậy.

Khoan đã! Thưa các ngài!

Các ngài hãy rê ràng mà ôn lại tập lịch sử của viện dân biểu.

Viện dân biểu ngày nay là một cơ quan nối cái hương hỏa của tư vấn nghị viện ngày xưa.

Trong cái đời dằng dặc mấy chục năm của tư vấn nghị viện do bọn ông Nguyễn Hữu Thu, đóng vai nghị trưởng, nhân vật ra sao, hành động thế nào, có lẽ nhiều người còn nhớ.

Thôi thì buổi đó mới là buổi nghị viện tập sự, vả lại, nó là câu chuyện lâu ngày; hãy tạm bỏ đi không kể.

Từ ngày tư vấn nghị viện đổi làm nhân dân đại biểu viện, cái cơ quan gọi là "thay mặt cho dân" đó đã làm được việc gì dính đến dân quyền hay chưa?

Thật chưa! Một nghìn lần chưa.

Ngoài những kỳ hội đồng thường niên – hay là những kỳ họp

mặt hàng năm của các ông dân biểu – lịch sử dân viện từ năm 1926 đến nay, vẫn là những trang giấy trắng, không một nét mực nào.

Chẳng phải tôi có ý mạt sát, hoặc là không chịu ghi nhớ việc làm của viện ấy. Nhưng sự thực không có tài [1] nặn cho có được?

Nói cho đúng, trong các kỳ hội đồng thường niên, các ông dân biểu cũng có thảo ra những tập thỉnh cầu để đệ lên quan Thống sứ, không phải chỉ họp nhau cho nhớ mặt nhau mà thôi. Nhưng mà những tập thỉnh cầu ấy nó vẫn nằm trong tủ giấy của phủ Thống sứ, quốc dân chưa thấy hình nó, bóng nó ra sao? Thế thì có cũng như không vậy.

Sự đó, cố nhiên không phải lỗi tại dân viện.

Dân viện bây giờ vẫn là tính chất tư vấn nghị viện khi trước. Chỉ có hai cái nhiệm vụ: ngồi đó để chính phủ hỏi ý và đưa lên chính phủ những điều nguyện vọng của dân.

Thế nhưng, hai nhiệm vụ ấy, các ông dân biểu vẫn chưa được phép làm cho trọn vẹn. Nghĩa là, khi nào chính phủ hỏi đến, các ông ấy chỉ được trả lời bằng những câu chính phủ định nói, khi nào trình bày nguyện vọng của dân, các ông ấy cũng chỉ được nói đến những điều mà chính phủ muốn nghe. Thế mà thôi.

Điều ấy không phải chỉ riêng người ngoài trông thấy, chính mình các ông dân biểu cũng phải nhận thấy rõ ràng.

Trong kỳ hội đồng bất thường của Viện dân biểu theo lệnh quan Thống sứ mà triệu tập hôm vừa rồi, ông Vũ Văn An đã phải than rằng:

"Viện dân biểu, theo chế độ hiện hành chưa đủ quyền lực mà quyết nghị một việc can hệ đến toàn thể quốc dân".

Đó, chính miệng ông nguyên phó viện trưởng nói như vậy đó.

Ừ thì ông An là người nghịch với phái ông Phạm Huy Lục, là người bất đắc dĩ ở viện dân biểu, người ta có thể ngờ rằng ông đó nhìn viện bằng con mắt bi quan, nên mới nói thế.

Song mà chẳng một ông An còn người khác nữa: "Luật khoa tiến sĩ" Lê Thăng.

Ông dân biểu họ Lê hiện làm thư ký ban thường trực, cánh tay phải của ông viện trưởng họ Phạm, có thể cho là một người rất đắc

---

1. Có lẽ in lầm hoặc in thiếu chữ (NBS).

chí ở dân viện. Thế mà cũng tại kỳ hội đồng bất thường vừa rồi, ông đó cũng buột mồm mà nhìn nhận câu nói trên kia của ông An là đúng. Đúng thật! Sự thực như thế, nhận đi còn được tiếng là người biết điều.

Ấy là nói về tình thế của viện. Lại còn nhân vật trong viện mới đáng buồn hơn.

Những ông gọi là dân biểu của ta, cố nhiên không có ông nào được như nghị viện các nước, giả như có ai quá tôn mà bảo mấy ông đó cũng như nghị viện các nước, có lẽ nhiều ông cũng phải xấu hổ đỏ mặt, cho là người ta chế mình.

Tuy vậy, theo cái quyền hạn hẹp hòi của dân viện ngày nay, thì trong số những người gọi là dân biểu, cũng có vài ông có chút học thức, có thể tạm cho là hạng xứng chức – xứng chức chứ chưa hẳn đã được việc. Song mà dân viện không phải chỉ có một vài ông đó lại còn vô số ông khác.

Những ông khác ấy, hầu hết là những hạng xuất thân ở hàng lý trưởng, chánh tổng, không có một mảy học thức. Cái lịch duyệt của họ không ra ngoài mấy ngôi hàng cơm của huyện, cái tư tưởng của họ không vượt khỏi những chữ "hàn lâm" hay "bội tinh". Đừng nói việc dân, việc nước, giả sử có ai bảo họ cắt nghĩa mấy chữ "nhân dân đại biểu", đố họ nói cho thông, đừng nói thay mặt cho dân, chính họ thay mặt cho họ cũng không thể nổi.

Nếu ai không tin hãy cố chờ kỳ hội đồng của viện dân biểu, thử ra coi mặt khắp lượt mà xem. Với hạng người ấy, còn ai làm được trò gì?

Tình thế như thế.

Nhân vật như thế.

Cái viện dân biểu ngày nay, thật là một món "xa xỉ phẩm" không quan hệ gì cho sự sống của dân. Món "xa xỉ phẩm" ấy chẳng phải chỉ như những điếu thuốc lá, thuốc lào, tốn kém không mấy nỗi.

Món "xa xỉ phẩm" ấy mỗi năm buộc chính phủ phải tiêu bạc vạn vừa trả lương tháng cho ban thường trực, lương ngày cho các dân biểu, vừa trả tiền vé xe lửa hạng nhất cho người ta đến dự hội đồng.

Tiền đó đều ở trong túi dân chúng ném ra.

Đương lúc kinh tế khủng hoảng, dân chúng chạy ăn chưa xong, cứ phải chơi mãi món "xa xỉ phẩm" phí tổn quá lớn như thế, thật oan uổng.

Còn chờ gì nữa mà chúng ta chưa xin giải tán cái viện dân biểu ấy đi?

Đừng nên tiếc rằng nó là cái mầm dân quyền.

Chẳng quyền gì đâu, nó chỉ là thứ đồ chơi bày ra cho đủ lệ bộ.

Chưa có dân viện, tình cảnh dân chúng đã thế này. Từ khi có dân viện, tình cảnh dân chúng cũng vẫn thế này.

Dân chúng không thể mong gì vào thứ đồ chơi ấy.

Giải tán đi là phải.

Nếu như chính phủ muốn hỏi ý kiến, muốn biết dân nguyện, đã có ... quan lại hiện thời.

Bởi vì – trên kia đã nói – khi chính phủ hỏi đến, dân viện chỉ được trả lời bằng những câu chính phủ định nói, khi trình bày dân nguyện, dân viện chỉ được đạo đạt những điều chính phủ muốn nghe. Hai nhiệm vụ ấy, các viên quan lại làm cũng thừa sức, không cần phải đợi đến viện dân biểu.

Tương lai – 1936.

ĐỪNG GIỞ NHỮNG NGÓN ẤY RA NỮA TÔI CAN MẤY ÔNG NGÀY NAY

Từ khi còn là đời báo *Phong hóa* cho đến bây giờ đổi sang đời báo *Ngày nay,* chưa ai từng thấy mấy ông trưởng giả ở hai cơ quan ngôn luận ấy sốt sắng với một việc gì, ngoài việc dùng môn giáo dục "đánh phấn, xoa nước hoa, lựa màu quần áo" để câu nhử bạn đọc phụ nữ [1]. Chẳng những không sốt sắng, có khi mấy ông ấy còn dùng nhiều ngón gian quyệt *phá thối* công việc chính đáng của người khác nữa. Đem giọng trào phúng pha vào những chuyện quan hệ, khiến cho trong óc độc giả, chuyện quan hệ hóa ra chuyện khôi hài. Cố nói sai lạc sự thật, khiến cho trong óc độc giả không thể phân biệt phải trái. Ấy là những ngón sở trường của mấy ông ấy.

1. Họa sĩ Cát Tường (Lơ-muya) trên các báo *Phong hóa, Ngày nay* đưa ra các kiểu quần áo phụ nữ theo lối mới và dạy cách trang điểm, cổ động phong trào "vui vẻ trẻ trung".

Người ta vẫn tưởng đối với những việc không quan trọng mấy, thì mấy ông đó mới dùng ngón ấy, cho nên không ai chỉ trích làm chi. Chẳng ngờ đến việc quan hệ tới vận mệnh dân nước, mấy ông đó cũng cứ giở những ngón ấy ra...!

Cái việc lựa chọn đại biểu, thảo tập nguyện vọng để chờ đưa cho Ủy ban điều tra [1] đối với óc người Việt Nam, ai chẳng coi là việc quan trọng, dù rằng chưa chắc ủy ban đó có sang hay không. Sống trong hoàn cảnh eo hẹp đã mấy đời nay, bây giờ bỗng có một dịp, có thể mong rằng may ra quốc dân được khỏi cảnh ấy. Việc như vậy, chẳng là quan trọng, thế nào nữa mới là quan trọng?

Hiện nay, hầu hết cả nước, nhất là anh em trong Nam, đương sốt sắng lo lắng cho cái việc ấy được có kết quả tốt đẹp, người thì tự xuất tiền nhà sang tận Paris để vận động cho Đông Dương đại hội, người thì vì việc hô hào Đông Dương đại hội mà không quản đến những chuyện bị bắt, bị giam.

Thế mà mấy ông đồng nghiệp ở đường Quan Thánh lại định làm cho việc quan trọng thành ra việc "lùng tùng xòe". Cái đó mới nhẫn tâm chứ!

Chúng ta hãy giở tập tuyển báo *Ngày nay* số 28 coi thử cái nhẫn tâm của mấy ông ấy như thế nào? Trang trào phúng dưới cái đầu đề "Trung thu thỉnh cầu", mấy ông *Ngày nay* vẽ mấy cái hình một đứa con nít xin với ủy ban điều tra cho mình ông trăng trên trời, thế là mấy ông bảo rằng: "Ai thảo tập nguyện vọng nên xin những điều vừa vừa chứ thôi. Nếu xin những việc to lớn thì cũng như những đứa con nít muốn xin mặt trăng". Phải vậy không?

Thử hỏi trong vụ thỉnh cầu này, xin những chuyện gì là to lớn? Chưa thấy ai bàn xin cho nước Nam độc lập. Người ta chỉ nói nên xin đổi lại chính phủ hiện thời, hoặc trực trị hoặc tự trị, to lớn đến thế là cùng. Cũng thừa biết rằng xin vậy, chưa chắc đã được, nếu như ủy ban điều tra có sang đến đây. Nhưng dù không được đi nữa, thì xin vậy cũng có thể tỏ cho bên Pháp biết rằng: dân Nam đã muốn như vậy. Cái "xin" lần này tức là bậc thang cho cái "xin" lần sau; cái xin ấy thật không con nít, và có hão huyền cũng không đến nỗi khôi hài như xin mặt trăng.

---

1. Khi đó, có phong trào thu thập nguyện vọng các tầng lớp nhân dân để đưa cho Ủy ban điều tra do Giuytxtanh Gôđa, phái viên của chính phủ Pháp dẫn đầu sắp sang Đông Dương.

Mấy ông bảo là con nít, mấy ông bảo là xin mặt trăng không những là khinh mạn người ta, lại còn hiểm độc là khác. Bởi vì những bức vẽ ấy có thể khiến cho nhiều người tưởng những việc kia là trò khôi hài của con nít mà nhụt mất cái chí hăng hái hành động.

Đó là tranh vẽ, còn lý luận nữa. Trong bài *Dân nguyện* các ông nói rằng: "... Miệng nói vì dân vì nước, mà họ chỉ vì đảng phái, hơn nữa vì người". Sao lại cố nói ra ngoài sự thực như vậy!

Bảo rằng đảng phái thì đúng. Hiện trong vụ này, Bắc Kỳ quả có hai phái: phái ông Phạm Huy Lục và một phái nữa không hợp tác với phái ấy. Vì sao lại có phái không muốn hợp tác với phái ông Lục, trong bài "Dân chúng không hoan nghênh việc làm của bọn ông Lục" đăng ở *Tương lai* số 1 đã nói kỹ rồi. Điều nên nói thêm là, một đằng chủ trương đưa tập *Dân nguyện* lên phủ thống sứ, một đằng chủ trương đưa thẳng tập ấy cho ủy ban điều tra. Chưa nói đến ý kiến khác nhau nhưng một chỗ chủ trương không giống nhau đó, phái nọ cũng không thể nào hợp tác với phái kia được.

Còn bảo người ta chỉ vì đảng phái, vì người thì không đúng. Những người không hợp tác với phái ông Lục, là vì việc làm của phái ấy có những tính cách chuyên quyền độc đoán, lén lút, mờ ám v.v... Không phải họ vì đảng phái hay cá nhân nào. Sao lại nói nộm như thế?

Cũng trong bài ấy, mấy ông *Ngày nay* viết rằng: "Chỉ đệ những bản thỉnh cầu lên phái bộ điều tra. Chẳng lẽ ai lại đi thỉnh cầu những điều khốn nạn. Mà ai để cho làm như thế!". Câu nói vô lý làm sao! Những người có óc khốn nạn, họ sẽ thỉnh cầu những điều khốn nạn, chứ ai!? [1] Mấy ông chưa đọc sử Nam nên mới có gan nói liều đến thế. Nếu mấy ông có đọc sử Nam, mấy ông biết rằng nước Nam có Trần Ích Tắc thì chắc không dám nói như vậy. Hạng người như Trần Ích Tắc thì đời nào mà không có. Sau hồi Âu chiến, Wilson sáng ra thuyết "dân tộc tự quyết", bấy giờ Annam cũng đã có người bày mưu tự quyết thay cho nước Nam đây mà! Ấy là một hạng khốn nạn. Còn một hạng nữa – cái khốn nạn sau đó chính ở trong óc mấy ông mà ra.

---

1. Trong việc đưa *Dân nguyện*, nhóm *Ngày nay* của Nguyễn Tường Tam đã ra sức bênh cho những hoạt động phá hoại của nhóm Phạm Huy Lục (Viện Dân biểu Bắc Kỳ). Nhóm Phạm Huy Lục đưa vào dự thảo *Dân nguyện* nhiều vấn đề vụn vặt hoặc vô bổ (như "xin cho dân Annam lại học chữ Hán) với ý đồ làm lạc hướng đấu tranh, và chủ trương nộp các tập *Dân nguyện* lên phủ Thống sứ, chứ không đưa thẳng cho phái bộ điều tra của Gôđa.

Cũng trong bài ấy, mấy ông khuyên hạng trí thức và các nhà báo nên để ý tìm hộ nguyện vọng cho dân quê để đưa vào tập *Dân nguyện*. Mấy ông trưng ra năm sáu vấn đề, có cả vấn đề tuần phòng.

Mấy ông nói rằng:

"Dân quê có được ngủ yên hay không, những phương pháp hiện thời thi hành để giữ sự yên ổn nơi thôn quê có hiệu nghiệm hay không, tưởng không phải là những điều không đáng để ý đến".

Thấy mấy ông lo cho thôn quê mà buồn. Ở thôn quê tuần phòng là việc thiết thân của họ, và họ có toàn quyền tự do, nên họ làm việc được rất hoàn toàn, chẳng cần mấy ông phải để mắt đến. Vả, giá cho việc ấy không được hoàn toàn đi nữa cũng không có ai điên rồ mà đem sự dân quê ngủ không yên vào tập *Dân nguyện*. Nếu mấy ông đưa cả việc ấy vào tập *Dân nguyện*, nay mai phái bộ điều tra sang đây ngó thấy, thì người ta sẽ tưởng tượng ra sao? Tôi chắc người ta sẽ bật cười mà nói với nhau rằng: "khốn nạn".

Cái lối thỉnh cầu khốn nạn ấy, chẳng phải chỉ riêng mấy ông mới có. Còn nữa. Còn có người muốn xin ấn định tiền thuế cho phu xe. Còn có người muốn xin cho dân Annam lại học chữ Hán. Còn có người muốn xin đừng thi hành luật tuần lễ 40 giờ. Những người ấy cũng như mấy ông đều trực tiếp hoặc gián tiếp thuộc về bọn ông Lục tất cả. Như thế, khốn nạn hay không khốn nạn? "Ai để cho làm như thế", mấy ông tự mắng mới phải. Nhưng "ai" đó là ai? Chắc không phải bọn ông Nguyễn Tường Tam, những người về phái ông Lục, vì các ngài đều là xuất sản gia của những điều thỉnh cầu khốn nạn kia rồi. "Ai" đó hẳn là những người phản đối lại phái ông Lục không cho ông Lục được làm như thế, phải dùng cách gì? Nếu hợp tác với phái ông Lục đến khi quyết nghị việc gì tất bị thiểu số, không thể ngăn nổi những việc độc đoán kia. Thế thì ai đứng vào địa vị ấy, mà không phải lập riêng một phái? Cớ sao mấy ông lại nói nộm là "họ chỉ vì đảng phái, vì người". Tóm lại một câu: mấy ông *Ngày nay* thật là đủ ngón gian quyệt nhưng mà những ngón ấy bây giờ đã bại lộ rồi! Tôi can mấy ông không nên giở lại nữa. Đối với việc thảo tập *Dân nguyện*, mấy ông đừng làm cho độc giả tưởng nó là việc khôi hài, mấy ông đừng cổ động người ta đưa những điều vụn vặt khốn nạn vào tập ấy.

Lộc Đình

Tương lai số ra ngày 11–10–1936.

TƯƠNG LAI
VỚI THÁI THƯỢNG LÃO QUÂN

Thái thượng lão quân tức là tổ sư của môn phù thủy. Ngài vốn họ Lý, tên Nhĩ, tự là Bá Dương, lại có tên là lão Nhiêm, đạo gia tôn ngài, mới gọi trọng là Thái thượng lão quân.

Cứ sách *Phù lục* đã chép, thì ngài là người xướng ra cái thuyết tu tiên. Trong khi đắc đạo sắp sửa lên trời, ngài có vẽ một đạo bùa đem ném xuống dòng Hoàng Hà và dặn cư dân ở vùng ấy khi nào bị bệnh ôn dịch cứ uống nước ở khúc sông ấy sẽ khỏi. Quả nhiên mấy trăm năm sau, dân cư miền đó bị bọn ôn thần quấy nhiễu, chết vì bệnh dịch như rạ. Nhớ lời ngài dặn, họ thử múc nước Hoàng Hà làm thuốc chữa bệnh, thì ra, ai uống cũng khỏi tất cả. Về sau những kẻ theo học đạo thuật của ngài, họ cũng dùng hương đốt lửa, vẽ bùa vào bát nước lã bắt bọn tin họ phải uống. Vì vậy, thiên hạ gọi họ là bọn phù thủy. Phù là bùa, thủy là nước, phù thủy là bùa với nước vậy. Phép của phù thủy, chẳng những có thuật dùng hương vẽ bùa vào nước mà còn có cách dùng bút lông vẽ bùa vào giấy vàng nữa. Những cái giấy ấy các thầy phù thủy gọi là những đạo bùa. Người ta đồn rằng: bùa của phù thủy rất có oai linh, tà ma ngó thấy đều phải hoảng hồn mà chạy vì nó là dấu hiệu của Thái thượng lão quân.

Tương lai đối với những ông quan lại tham nhũng cũng có hiệu lực như vậy. Các cụ cứ vững dạ, chúng tôi chỉ nói những ông quan lại tham nhũng, ai không tham nhũng, cứ việc bình chân như vại, không phải giật mình. Quan lại tham nhũng chẳng là những kẻ bóp dân như bà cô bóp con cháu à? Thủ đoạn của họ cực kỳ mầu nhiệm, họ đã bóp người nào, thì người ấy không thể không lè lưỡi ra, lè lưỡi cho đến khi có đồ cúng họ.

Nhưng họ chỉ bóp dân ở trong tối, trừ ra những kẻ bị bóp quỷ thần cũng không thể biết. Hành động của họ chẳng khác gì một lũ tà ma. Bởi thế tục ngữ mới đem họ mà nối liền với ma trong câu "quan tha ma bắt".

Thần cây đa, ma cây gạo, cú cáo cây đề vẫn là những thứ kẻ quê rất sợ, song chưa nguy hiểm cho dân bằng họ. Bởi vì thần, ma, cú, cáo quấy nhiễu có thể dùng mũ mã cúng tiền, ném gạo muối mà tống

đi. Chứ đến những ông quan lại tham nhũng quấy nhiễu, thì không tiễn bằng mũ mã, cũng không thể tống bằng gạo, muối. Trước kia còn tòa kiểm duyệt, họ là bực rất linh thiêng. Nhờ có ngọn bút chì xanh của ông Bảng Mộng ủng hộ, bao nhiêu tội ác của họ đều được che lấp hết thảy. Từ khi tòa kiểm duyệt bãi bỏ, ngọn bút chì xanh của ông Bảng Mộng hết cả thế lực, thì họ cũng mất thiêng liêng. Thế rồi, từ ngày *Tương lai* ra đời, tội ác của họ luôn luôn bị công kích dưới những ngòi bút nghiêm nghị. Bây giờ họ thấy *Tương lai*, tức thì hai mắt đổ dồn lại một, run sợ như tà ma ngó thấy bùa trừ của Thái thượng lão quân – Mà sự thực thì *Tương lai* chính là đạo bùa trừ họ.

Hiện nay những ông quan lại hay ăn quanh của bọn khố vặn, đã không dám ngó đến hình bóng *Tương lai*, không muốn cho trong đất cai trị của họ có tờ *Tương lai* lọt vào. Cho nên họ đã giở ra nhiều trò lén lút, đê hèn: nào xui đại lý đừng bán, nào dọa bạn đọc đừng đọc, nào đến tận nhà giây thép ở hạt mình biên tên những người mua năm *Tương lai*, để cho người ta khỏi biết ở trong trời đất đương có đạo bùa trừ họ. Làm vậy, họ đã không sợ nhục cho cái áo thụng. Chúng tôi rất có từ tâm, có thể thương xót đến những kẻ ăn cắp, điều cần nhất là kẻ ăn cắp phải chừa cái thói ăn cắp đi đã. Với mấy ông quan lại tham nhũng cũng vậy, chúng tôi vẫn coi là một người, nhưng người ấy phải chừa cái thói tham nhũng đi chứ. Nếu thói tham nhũng không chừa, mà cứ dùng những thủ đoạn lén lút đê hèn, hòng tránh sự khu trừ của *Tương lai*, ấy là muốn gỡ tội ra mà càng buộc thêm tội vào vậy, không thể ngăn mọi sự khu trừ của *Tương lai*.

Hỡi những ông quan lại có máu phàm ăn đã làm những thủ đoạn đê hèn lén lút! Chúng tôi thật không ghét gì các ông, rất mong các ông cải tà quy chính.

Có muốn cho mình khỏi bị *Tương lai* khu trừ, tốt hơn hết là các ông hãy rửa cho sạch lòng ruột, từ nay đừng bóp nặn dân đen như ngày trước nữa. Cấp cấp như luật lệnh.

Phó Chi

Tương lai, 1937.

RÕ THẬT RẮC RỐI CÁI CON ĐƯỜNG QUAN BÁO

Trong hồi ông chủ bút *Nam phong* chỉ nhảy đánh vọt một cái, lên luôn được ghế Thượng thư Bộ Giáo dục, bàng quan ai nấy đều phải ngạc nhiên.

Người ta tưởng tượng như đứng trước một trò rất phi thường trong rạp xiếc. Chẳng những lấy làm lạ vì một người chân trắng đột nhiên làm đến Thủ tướng. Họ còn lấy làm lạ vì báo giới đã có người bước sang quan trường.

Kể ra ở các nước khác, quan trường và báo giới, hai xóm vẫn rất gần nhau, và vẫn thông nhau bằng một đoạn đường vừa thẳng vừa rộng. Trong các nước ấy, dân báo giới luôn luôn nhập tịch xóm quan trường, cũng như dân quan trường luôn luôn ngụ cư xóm báo giới. Hai xóm hầu như "nhất xã nhị thôn hỗn cư hỗn canh".

Hai xóm báo giới và quản trường của mình, không những xa nhau lắc lơ, mà còn thêm thù nhau nữa. Giấu gì bạn đọc. Xóm báo giới nước mình lập nên tuy mới khoảng hai chục năm mà đã nghiễm nhiên là đảng kình địch của xóm quan trường. Trừ ra mấy kẻ có "dữ phỉ phán thông" [1], bạn đọc chắc cũng thấy dân Làng Báo luôn luôn nhè chỗ yếu của Làng Quan mà đánh.

Về bên Làng Quan cũng vậy, mấy vị hào trưởng bên ấy không bỏ quên một dịp nào mà không dùng kế hiểm độc đối phó với quân thù. Nếu không đủ sức vận động đóng cửa... Các ngài cũng dùng cái chính sách kinh tế tuyệt giao như hội Quốc Liên trừng trị nước Ý hồi trước, cấm dân hạt mình không được mua cái báo mà mình không thích.

Trước tình thế ấy, ai chẳng tưởng xóm Quan – Báo nước mình sẽ đời đời không đội trời chung.

Bởi thế, trong khi thấy chuyện di cư của cụ lớn Phạm Thượng Chi, người ta đều phải sửng sốt. Và thiên hạ cũng đều nghi rằng: dân Làng Báo đi người nào mất người ấy, chẳng bao giờ kéo lại được nữa.

Sự ước đoán ấy bây giờ mới biết là lầm. Theo tin *Việt báo* mới

---

1. *Dữ phỉ phán thông*: thông đồng với giặc.

đây, thì quan Võ hiển Hoàng Trọng Phu, một vị chúa tể trong Làng Quan đã đệ đơn xin từ chức Tổng đốc Hà Đông, nếu như Chính phủ cho từ. Ngài sẽ mở một tờ báo.

Đáo để quí hóa! Chúng tôi xin cầu trời, khấn phật cho ngài được từ giã Làng Quan, tuy chúng tôi cũng biết dân bên Làng Quan, không ai muốn để ngài sang bên Làng Báo.

Giả sử ngài là vị quan nhà Nho, thì trước khi tự Làng Quan sang Làng Báo, chắc ngài sẽ đem câu này trong *Tống sử* mà tặng cụ lớn giáo dục bộ Thượng thư:

"Đường tôi về, đường ông đi,
Lẽ trời lồ lộ, sao không suy!"

Nhưng chắc đâu, sau khi bước sang Làng Báo – nếu ngài sang thật – lại không có ngày quan Võ hiển không trở về Làng Quan? Mà cụ lớn chủ bút báo *Nam phong* ngày xưa đã nhập tịch Làng Quan cũng có lúc lại trở về Làng Báo.

Phó Chi

Tương lai số ra ngày 21–11–1937.

DÂN VÔ SẢN VỚI NHỮNG NGÀY ĐÃ ĐƯỢC GỌI LÀ KINH TẾ PHỤC HƯNG

Kinh tế phục hưng! Đó là cái danh từ mới mẻ của các nhà cầm quyền. Trong mấy bài diễn văn tràng giang đại hải của các nhà cầm quyền mới cho dân chúng nghe lỏm trong hồi này, xứ Đông Dương đã có hân hạnh được tô điểm bằng bốn chữ.

Nhưng nền kinh tế của xứ Đông Dương đã lấy được phục hưng thật chưa? Câu hỏi ấy còn đợi câu trả lời của những nhà kinh tế học.

Nếu như cái ngày những đồ ăn dùng đất đỏ mà có thể gọi được là kinh tế phục hưng thì xứ Đông Dương thật đã xứng đáng lãnh nhận cái danh từ tốt đẹp ấy. Kinh tế phục hưng!

Chúng tôi cũng muốn đem cái huy hiệu ấy mà ca tụng cho nền kinh tế Đông Dương. Tiếc rằng nó chả hợp với hiện tượng kinh tế của phái hữu sản, không hợp với hiện tượng kinh tế của phái vô sản.

Thật thế, từ ngày đồng phật lăng hạ giá đến nay, hiện tượng kinh tế của phái hữu sản quả có hơi khá hơn trước. Nó khá cho mấy chủ ruộng, chủ đất đỏ, chủ mỏ than có lúa, có cao su, có than đá mà bán. Nó khá cho những ông chủ hãng buôn to có vốn bỏ ra đầu cơ. Nó khá cho những ông chủ xưởng thợ, chủ nhà máy có tiền, chế các hóa phẩm. Nó khá cho những người có của mà bán. Nhưng nó không khá cho dân vô sản. Chẳng những không khá mà thôi, nó còn dìm dân vô sản xuống đất đen nữa. Dân vô sản chỉ có những giọt mồ hôi là sản nghiệp của trời ban cho, có thể đem mà bán được. Còn thì họ đều phải mua, mua từ thanh củi, mớ rơm trở lên. Ba bốn tháng nay, cái ngày mà người ta gọi là kinh tế phục hưng đó, giá đồ ăn dùng mỗi ngày một cao. Gạo lẻ trước kia bốn đồng một tạ, bây giờ một tạ có lúc lên tới trên mười hai đồng. Vải trắng trước kia một thước hai mươi xu, bây giờ đâu đến hơn bốn mươi xu một thước. Ấy là kể hai món chính. Ngoài ra, muối, mắm, củi, rác... những vật mà dân vô sản phải cần có trong sự sống, đều đắt gấp ba hồi xưa. Cho được có những cái "để mà sống" đó, hẳn ai cũng biết, dân vô sản chỉ trông vào giọt mồ hôi, cái sản nghiệp mà trời đã ban cho họ.

Bán mồ hôi mua gạo, mua vải, mua các sự sống. Tai hại cho họ, cái giá mồ hôi vẫn không theo kịp cái giá đắt đỏ của đồ ăn dùng. Các hầm mỏ, các xưởng thợ, các nhà máy, sau mấy cuộc đình công kịch liệt, thợ và phu kêu bã bọt mép, mới được tăng lương chừng mười hay năm phần trăm. Đem số năm, mười phần trăm tiền lương ấy, chi vào cái số ăn dùng đắt đỏ gấp ba ngày xưa kia, phỏng bôi làm sao cho đủ?

Vậy mà mấy ông chủ mỏ, chủ xưởng, chủ nhà máy đã kêu om sòm lên rồi. Tiền lương của họ, không mong gì được tăng thêm nữa. Làm thế nào?

Trong khi mong đợi giảm giờ làm việc, luôn thể họ cũng phải mong cho giảm bớt bề rộng của dạ dày, không còn cách gì khác.

Như vậy vẫn chưa là thảm. Tình cảnh của dân vô sản ở thôn quê còn đáng thương hơn. Họ cũng phải sống. Họ cũng phải chịu cái giá ăn dùng đắt đỏ như mọi người. Nhưng mồ hôi của họ bán có mùa thôi. Bây giờ đây mùa gặt hết rồi, mùa cấy lại vì nắng cạn phải bỏ, ấy là mùa bán mồ hôi của họ cũng hết, chẳng những không có hân hạnh tăng lương năm, mười phần trăm như phu hầm mỏ, thợ trong xưởng, mà họ còn phải úp bụng nằm suông, cầu khẩn cho có người thuê mướn.

Chỗ nào có việc – ví như gồng gánh, khuân vác chi đó – chật chẹo từ sáng đến tối mới được chừng hai ba xu, họ thường phải giấu diếm cho kín, kẻo sợ người khác tranh mất.

Trước những tiếng hoan hô kinh tế phục hưng, ai nấy thử tưởng tượng cái sống của dân vô sản thôn quê ra sao? Vải đắt, không có tiền mua, họ có thể chui vào ổ rơm, ổ rạ, hoặc để cho xương thịt chọi nhau với sức giá rét của trời đông. Nhưng còn gạo? Giá gạo cũng lên vùn vụt. Những nhà cho vay bóp cổ khi trước, bây giờ để lúa để thóc cũng dư lời lãi, người ta không cần buông ra. Dạ dày của họ không thể trống rỗng luôn nữa. Dân vô sản thôn quê sẽ trông vào đâu mà sống?

Tôi muốn mời các ngài hãy về nhà quê xem qua. Này, những khóm rau má vệ đường, những ngọn khoai lang ở mấy thửa ruộng khô khốc như ngói, đều trụi thui lụi, không sao mà mọc lên được. Đó, cái sống của một số đông dân vô sản ở nhà quê đều trông vào đó. Những người gầy như con hạc, những người mặt bủng da chì, những người hai mắt mòng mọng, đều là những nhà bác sĩ đã phát minh được cách dùng rau lang, rau má thay cơm, mà tự họ đã thí nghiệm bằng bản thân họ vậy.

Kinh tế phục hưng!

Trong khi những nhà tư bản vui vẻ đón rước tiếng hoan hô ấy, dân vô sản vẫn khóc mếu về cái nạn lên giá của các đồ ăn dùng.

Kinh tế phục hưng!

Trong khi các nhà cầm quyền mừng rỡ tuyên bố cái danh từ tốt đẹp ấy, ở các thôn quê, không mấy đêm không xảy ra những đám trộm đói, cướp đói và cướp giật.

Người ta cũng đã nghĩ đến chỗ đó. Đã có một ban hội đồng chuyên giữ cho các giá sinh hoạt khỏi lên quá cao. Đã có một bản giá mục hạn định giá bán cho các vật cần dùng trong sự sống. Vậy mà làm sao những kẻ đầu cơ vẫn cứ tự do nâng cao vật giá như vậy? Chẳng hay ban hội đồng có trách nhiệm giữ mức thăng bằng cho cuộc sinh hoạt kia đã ngó thấy chỗ đó hay chưa? Chắc rằng chưa.

Nếu có ngó thấy các ngài đã chẳng để cho bọn đầu cơ được bóc lột dân chúng thái quá như vậy. Thiên hạ kêu ca nhiều rồi. Ai có chuyên trách về việc ấy cũng nên để mắt vào cho. Nếu cái mức sinh hoạt còn chênh lệch quá thế này, e rằng rồi đây nhà pha không đủ chỗ mà chứa những kẻ trộm đói, cướp đói.

Ngô Tất Tố

Tương lai, số ra ngày 28–1–1937.

XIN NHỜ LƠ MUYA CÁT TƯỜNG VIỆC NÀY NỮA

Càng ngày càng thấy Cát Tường Lơ muya là bậc vĩ nhân. Nhà họa sĩ ấy nếu mà vẽ khéo một chút, chắc cũng nổi tiếng như các ông họa sĩ khác.

Sự thi đậu thứ bét trường Mỹ thuật của ông ta chẳng cấm ông ta đem cái óc cách mệnh mà tô điểm cho nước Việt Nam. Cuộc cách mệnh bắt đầu từ mấy cái gấu quần, gấu áo của bạn gái kẻ chợ mà *cách mệnh* đi. Trước đây, chừng năm, sáu năm chi đó, gấu áo gấu quần của bạn gái kẻ chợ đâu được *văn minh* như ngày nay. Nó còn bàn bạt bằng cái quân bài kia chứ. Nhờ về một bầu máu nóng của họa sĩ họ Lơ tuôn xuống dưới ngòi bút vẽ, mà đến bây giờ, bao nhiêu gấu quần, gấu áo... hủ bại ngày xưa đều bị đánh đổ tất cả.

Cuộc cách mệnh ấy đã lan đến các cụ cao mũ dài áo. Các cụ đang hăng hái cách mệnh cái áo thụng cho khỏi mang tiếng hủ bại. Việc này rất nên có! Không cần nói đến quốc thể. Chúng ta cứ tưởng tượng một cụ có râu hay không râu, náu mình trong tấm áo màu lam, cổ tràng vạt, hai ống tay bằng hai cái cống tháo nước, đứng trước một bà kẻ lông mày, bôi môi son, bận quần trắng, đi giày cao gót, phỏng chừng bà nọ có thể nhắm mắt mà hôn cụ kia một cái được chăng?

Sợ cụ thì sợ thật, hôn cụ quyết không dám. Theo tin của một tờ báo hàng ngày, kiểu phẩm phục đó, nhà họa sĩ nọ vẽ theo lối lễ phục của sứ thần các nước đời xưa. Nghĩa là áo kiểu tây, mà khi mặc, đít nó xòe ra như cái đuôi tôm.

Các cụ cho thế là được. Chắc rằng các bà ở nhà cũng nhận như thế là được. Rồi đây trên trường quan lại, dân chúng sẽ vui vẻ được trông các cụ tân thời, cũng đẹp mắt như ngày nay được nhìn các bà tân thời.

Trong mấy năm trời, nhà họa sĩ đó đã làm đỏm cho phụ nữ, lại làm đỏm cho các quan, thượng lưu nước nhà, họ sắp sửa đẹp đẽ cả rồi.

Bây giờ tôi muốn ông mỹ thuật thứ bét hãy ngó mắt đến kẻ hạ lưu, thôn quê... Giả sử mẹ Phó nhà tôi mà cách mệnh được cái váy của nó, thì tôi rất cám ơn ông.

Phó Chi

Tương lai, số ra ngày 4-2-1937.

CÁI KHÍ GIỚI CỦA BỌN PHÚ HÀO DÙNG ĐỂ BÓC LỘT DÂN NGHÈO HAY LÀ NẠN VAY LÃI Ở THÔN QUÊ

Chúng tôi muốn tiễn ông Gôđa [1] bằng món quà này.

Số báo này in ra, ông Gôđa đã từ biệt đất Bắc Kỳ rồi. Nhưng ông còn ở Trung Kỳ, thì nó có thể đi đến tay ông như các số báo trước. Vậy chúng tôi muốn tiễn thêm ông một vật làm quà.

Không phải cây vàng lá ngọc, đồ cổ Viễn Đông như các vật người ta thường tiễn các ông quan khác. Món quà mà chúng tôi sẽ gửi theo đây, chỉ là một ít tài liệu về tình cảnh dân quê Bắc Kỳ. Các tài liệu mà khi ở Bắc ông vẫn muốn biết, mà chưa có ai chỉ cho ông biết.

Chúng tôi muốn nói về nạn vay lãi ở thôn quê.

Thật đúng như lời ông Gôđa đã nói trong khi dự tiệc của hội Nhân quyền: Ở các thôn quê, hạng người sống về cây lúa còn ở dưới bực thợ thuyền. Thợ thuyền sống ở nhà máy, còn có việc làm, còn có chút cơm ăn, áo mặc, và làm việc còn có thì hạn, chớ bọn dân cày sống về cây lúa kia thì bất kỳ ngày đêm, lúc nào cũng đầu tắt mặt tối, và lúc nào cũng đói cơm rách áo.

Nguyên nhân sự thống khổ của họ ở đâu?

Bên cạnh những nạn sưu thuế nặng nề, quan lại đè nén, công xá rẻ rúng..., chúng tôi nhận thấy cái nạn vay lãi chính là thủ phạm trong sự dày vò hạng người vô sản ở thôn quê.

Thật thế. Hết thảy thôn quê Bắc Kỳ, hạng người vô sản, chỉ là kẻ sống về nghề ăn vay.

Trong một năm, mạn Bắc trừ ra hai tháng 9 và 10, mạn Nam trừ ra hai tháng 4, 5 là mùa gặt lúa, mà cũng là mùa đòi nợ của chủ nợ, thì họ không phải hay không thể đi vay. Còn các tháng khác, không tháng nào là không lĩnh lãi.

Chủ nợ của họ là ai?

---

1. *Justin Godart*: Trưởng phái bộ điều tra của Chính phủ Bình dân Pháp.

Nói đến mà rùng mình.

Bọn đó có thể chia ra mấy hạng, đều là thứ người đầu trâu mặt ngựa, ăn thịt người không tanh. Cách cho vay của chúng cũng có nhiều lối mà toàn là lối bóp hầu bóp cổ, nạo tận xương tủy.

*

* *

Đứng đầu bọn đó thì là một số nghị viên, hội viên thông già, ký già, quan lại về hưu hay còn tại chức.

Bọn này phần nhiều cho vay bằng tiền. Muốn vay của họ phải có ruộng đất, nhà cửa làm đồ bảo đảm. Của bảo đảm đáng giá mười đồng, thì họ cho vay độ hai, ba đồng. Mà văn tự phải viết bán đứt, và phải có triện lý trưởng và triện trưởng bạ nhận thực hẳn hoi, nếu như quá hạn không trả, họ sẽ cứ việc dịch sổ mà nhận lấy của bảo đảm, không phải kiện cáo lâu gì, chầy nhất được đến sáu tháng là cùng. Tiền lãi thì nhẹ là 8 phân, nặng là 10 hay 15 phân, nghĩa là một đồng bạc trong mỗi tháng phải chịu lãi 8 xu, 10 xu hay 15 xu. Cái tháng của họ bao giờ cũng theo âm lịch (vì tháng âm lịch ngắn hơn tháng dương lịch được một, hai ngày), giá như đến ngày 25, 26 mới vay, nhưng 4, 5 ngày trong cuối tháng ấy, cũng phải chịu lãi nguyên cả một tháng.

Đã vậy, mà trong khi mắc nợ với họ, còn phải tốn kém về họ nhiều khoản nữa chớ.

Nếu gặp ngày tư ngày tết, phải có chim ngói, gạo mới hay sỏ lợn, chân giò, mùa nào thức nấy, đem đến nhà họ, gãi đầu gãi tai, xin họ nhận cho.

Nếu gặp họ có giỗ mẹ hay việc hiếu hỷ chi chi, phải có đồ lễ đến mừng đến phúng, sang thì vài bao chè, hèn cũng vài chai rượu hoặc một buồng cau.

Nếu họ chẳng may mà sổ mũi nhức đầu, mắc bệnh mắc tật, phải có táo tàu, đường phèn hay thịt thăn, giò nạc, mang lại làm quà và hỏi thăm vài câu.

Những vật đem biếu đem lễ họ đó, kẻ bị nợ suốt đời không được nếm qua.

Vô cớ biếu họ lễ họ, người ta khờ hớ hay thảo lảo gì, mà làm

một việc ở ngoài bổn phận? Chỉ cốt mua chuộc lòng họ, một là mong lần sau họ lại cho vay, hai nữa, có thế thì khi trả nợ, họ mới trả lại văn tự.

Bởi vì đã vay của họ, thì số tiền trong văn tự, tất phải viết lên gấp bốn gấp năm số gốc và lãi. Tử tế thì khi hết hạn, họ đòi đủ gốc đủ lãi mà thôi. Thất ý họ, sẽ bị chiếu theo văn tự mà lấy, không thể kêu vào đâu được.

Rồi đến vợ cả vợ lẽ, con gái nàng dâu của hạng người nói trên. Ngoài cái kiểu cho vay như kiểu của chồng hay cha, những người này còn có ba kiểu cho vay khác nữa.

Một là đặt thóc non.

Hàng năm, cứ đến tháng bảy, tháng tám co hẹp không có gì ăn, thì họ buông cho bọn vô sản một số tiền trước – số tiền ấy, mỗi người được nhận của họ, nhiều nhất là 5, 6 đồng trở lại – để đến tháng 10 bán thóc cho họ. Giá lúa do họ định ra bằng một mức rất hạ. Vì như họ liệu tháng 10, thóc bán mỗi gánh chừng 1 đồng 2 hào, thì họ trả độ 6 hào một gánh. rồi khi cây lúa thoạt về nhà, đập xong, phơi xong, ấy là họ phái người nhà, đầy tớ đến nơi, quạt lấy, xúc lấy cho đủ số thóc họ đặt.

Kiểu cho vay ấy không có giấy má gì cả, nhưng họ không hề mất nợ bao giờ. Kẻ đi vay vẫn là hạng dân lép vế, chỉ có bỏ làng mà đi mới quỵt được họ.

Cuối năm vừa rồi, giá thóc từ 1 đồng 2 hào một gánh, nhẩy vọt lên 2 đồng 5 hào, những kẻ đi vay kiểu này thật là mếu dở, khóc dở. Tháng7, tháng 8, được tiêu 6 hào, mà đến thánh 10, tháng 11 phải trả 2 đồng 5 hào, té ra lãi mấy trăm phân?

Vậy mà không ai bớt được của họ một hột thóc nào, cố nhiên trời vẫn không phú một chút từ tâm cho bọn người thả lãi.

Hai là trồng họ "mua bán".

Kỳ thủy họ "mua bán" chỉ là một hội đông người bỏ tiền giúp nhau, do người "cái họ" đi thu tiền của người nọ trao cho người kia. Tuy kẻ được tiêu tiền trước phải trả lãi cho kẻ sau, song lại còn hơi nhẹ. Lợi dụng kiểu ấy, vợ con kẻ phú hào mới xoay ra cách "cho vay trả góp", cũng gọi là họ "mua bán".

Cứ đến đầu năm hay mùa buôn bán những thứ lặt vặt, thì họ tự xuất tiền nhà trồng cho "người vay" khoảng 15 đồng hay vài ba chục.

Mỗi tháng nhất định, phải trả góp họ mấy đồng, trong một năm hay bao nhiêu tháng, theo lời giao hẹn của cả hai bên, phải trả hết gốc và lãi.

Tháng tháng *lâu la* của họ chống gậy đến cổng đòi hỏi tiền góp. Chậm trả sẽ bị nhục nhã lôi thôi.

Người ta không thể tính được vay vậy lãi mấy mươi phân, vì số trả bao giờ cũng nhiều gấp rưỡi số vay, mà tháng nào cũng phải trả.

Hơn nữa, họ còn nghĩ ra kiểu "trồng họ phiên", cách vay cách trả cũng như họ "mua bán", nhưng hạn vay chỉ trong một tháng hay hai tháng, mà mỗi phiên chợ phải trả một lần.

Những người vay họ trồng hay vay họ phiên, hầu hết là đàn bà con gái nhà nghèo. Xong mùa cấy gặt, không có việc làm, muốn có cái vốn nho nhỏ, buôn bán các thức lặt vặt (như hàng xén, hàng xáo v.v...) để kiếm miếng ăn, cho nên phải vay như vậy. Người ta đã quên đi rằng vay lãi như thế, số tiền kiếm lợi trong hàng tháng, khéo lắm mới đủ trả lãi cho bọn chủ nợ.

Thứ ba đến cách vay thóc. Cách này thì rất giản dị không phiền phức như kiểu vừa nói. Họ chỉ cho vay một hạn rất ngắn, mỗi năm hai kỳ. Trong tháng giêng đến tháng năm phải trả và từ tháng 6 đến tháng 10 phải trả. Về lối tính lãi họ thường gọi "trăm ra trăm rưỡi". Thế nghĩa là tháng giêng vay một thùng thóc, rồi tháng 5 trả thành thùng rưỡi. Vay từ tháng 6 đến tháng 10 cũng vậy.

Kiểu sau này là hạng vay lãi nhẹ nhất ở thôn quê. Nhưng lấy con số mà tính thì một đồng bạc trong một năm có thể thành hai đồng hay hơn một ít. Người ta tưởng rằng chả chi, song nếu tính trong 10 năm, thì cái đồng bạc ấy sẽ thành 1.124 đồng. Đáng sợ hay không đáng sợ?

*

* *

Ở thôn quê còn nhiều lối cho vay khác nữa, nhưng một bài này không thể nói hết và nói bấy nhiêu tưởng cũng đủ lắm rồi.

Tóm lại, cái lối thả lãi ở thôn quê thật là một thứ khí giới của bọn phú hào dùng để bóc lột hạng dân vô sản.

Làm thân kẻ vô sản ở nông thôn, họ đã chịu đủ các thứ bóc lột.

Một việc đi vay, ăn một miếng đã phải trả đến mười miếng, cặm cụi suốt năm đến tối, thằng còng làm chưa chắc đủ cho thằng ngay ăn. Vậy mà còn phải nộp sưu nộp thuế, còn phải đóng góp với dân làng? Phỏng họ còn gì để nuôi con nuôi vợ?

Cái nạn vay lãi ở thôn quê cũng như các vấn đề khác, cần phải giải quyết, nếu muốn nâng cao trình độ cho dân nghèo, nếu muốn cho dân nghèo có cái ăn, như lời ông Gôđa nói hôm nọ. Bằng không thì dù cải cách kiểu nào, họ cũng khó lòng mà được dễ thở.

Tương lai, số ra ngày 25-2-1937.

BÃI NƯỚC BỌT TRÊN MẶT MỘT ÔNG TUẦN PHỦ

Đây là mặt ông Nguyễn Doãn T... Tuần phủ hưu trí, hiện đương làm việc thả lãi và vẫn vui cảnh "cố viên tùng cúc" ở làng Du Lâm.

Bãi nước bọt ở trên mặt ngài không phải nước bọt của các cô nhỏ, cậu nhỏ nhà ngài, mà là nước bọt của ông Nguyễn Phương Đ..., nguyên thông phán phủ toàn quyền, cùng họ với ngài và đương làm chánh hội làng Du Lâm. Lịch sử bãi nước bọt ấy hơi dài.

Số là ở làng Du Lâm, họ Nguyễn của ông T... và ông Đ... thuần túy là một quí tộc, đã lắm quan lại đông người hơn hết các họ *bách tính*. Xưa nay quyền chánh trong làng đều ở họ này, mấy họ khác chỉ là bọn phục tùng mệnh lệnh. Đối với họ Nguyễn, dân làng Du Lâm quen gọi bằng tiếng "quan họ".

Vậy mà từ ngày nhận chức chánh hội, ông Đ... lại không trị dân bằng chế độ phong kiến. Nghĩa là ông ấy không muốn cách biệt với bọn bách tính, cho họ được ngồi ngang với mình khi bàn các việc của làng. Hơn nữa ông ta còn làm mấy việc chỉ có lợi cho bình dân, không có lợi cho quí tộc. Một người đại thần phong thế như ông T... cố nhiên không thể vui lòng với những chứng bệnh lạ lùng ấy của ông Đ... Mích lòng cụ lớn hơn hết là việc quân cấp công điền mà ông Đ... cố ý muốn làm.

Làng Du Lâm chẳng phải là xóm Hoa Lâm của nhà Lý à? Công điền làng ấy đã chiếm một phần rất lớn trong địa giới! Nhưng mà đến

hồi gần đây số ruộng công ấy bị hóa thành ruộng tư rất nhiều, những ruộng chia cho ... làng chỉ còn độ hơn một nửa. Thình lình có lệnh của ông công sứ Bắc Ninh bắt phải chia lại số ruộng công ấy. Nếu là người không muốn lôi thôi mất công, thì thôi, ruộng công còn bao nhiêu, chia cho dân đinh bấy nhiêu, miễn là công bằng, dân cũng nhớ ơn lắm rồi. Ông Đ... không thế, cứ muốn theo đúng địa bạ Gia Long móc hết những số ruộng công đã bị hóa làm ruộng tư mà chia luôn thể. Cái khó chịu của ông T... là ở chỗ đó. Bởi vì trong những ruộng tư của ông tuần này lại có một thửa hay nhiều thửa đã bị ông Đ... và dân làng Du Lâm giở đến căn cước của nó mà bảo nó là ruộng công ngày xưa.

Việc đó tuy rằng đích thực, không thể chối cãi, nhưng ông T... vẫn có quyền xích mích với ông Đ...

Cách đây không lâu, bỗng có lá đơn của mấy ông tộc biểu đệ lên tòa sứ Bắc Ninh kiện ông Đ... về mười sáu khoản hà lạm. Theo sự dò la của ông Đ... thì vụ kiện ấy do ông T... cầm đầu cho lũ nguyên đơn. Với một người đã có bộ mặt Châu Xương như ông Nguyễn Phương Đ..., vụ kiện không có sự thực kia chính là mớ lửa đốt cho cơn giận bùng lên. Một hôm, giữa đám cỗ của người trưởng họ, ông Đ... hỏi thẳng ông T...:

– Có phải anh đã sai lũ tộc biểu đi kiện tôi không?

Lẽ tự nhiên là ông T... phải chối. Ông Đ... chỉ mặt ông T... nói tiếp:

– Thế thì anh là kẻ hèn nhát, không có can đảm tự nhận cái việc mà mình đã làm, tôi phải nhổ vào cái mặt hèn nhát của anh.

Rồi một bãi nước bọt tự miệng ông Đ... nhẩy luôn sang mặt ông T...

Chuyện vẫn chưa hết.

Ông T... còn lấy nhiều người làm chứng mà kiện ông Đ... ở tòa sứ Bắc Ninh. Khi ấy ở tỉnh Bắc Ninh, người ta đã xét ra rằng mười mấy khoản của bọn tộc biểu đã kiện ông Đ... đều là vu khống, đến lúc nhận được đơn kiện của ông T... ông Sứ nói với ông Tổng đốc Bắc Ninh như vầy:

"Nếu ông Tuần phủ Nguyễn Doãn T... cũng có công tâm lo lắng việc dân như ông Chánh hội Nguyễn Phương Đ... thì chúng ta không phải mất công xét xử những chuyện lặt vặt như thế này".

Vụ kiện còn đương xét hỏi chưa xong, thì ông T... theo lời điều đình của người trong họ, lên tỉnh xin rút đơn ra. Ngài không kiện ông Đ... nữa. Bấy giờ việc mới kết liễu.

Chuyện này xảy ra, những người trong tỉnh Bắc Ninh đều biết. Họ đã thì thầm hỏi nhau: "Không biết lúc ấy ông T... có rửa mặt không?". Chắc không, vì cụ lớn là một viên quan thâm nho mà trong sách nho đã chép một chuyện rất hợp với chuyện của cụ.

Ấy là chuyện Lâu Sư Đức. Lâu Sư Đức nhà Đường có người em được cử làm Thái thú châu Đại, khi hắn sắp sửa tới nhậm, ông ta có dặn cần phải tốt nhịn. Hắn nói: "Từ nay nếu ai nhổ vào mặt tôi, tôi cũng chùi đi mà thôi". Sư Đức chưa cho là phải và bảo thêm rằng: "Người ta nhổ vào mặt mày là giận mày đó. Nếu mày chùi đi càng khích cho họ giận thêm. Phải để cho nó tự nhiên khô đi".

Thiên Quan châm ấy có ghi trong bộ Đường thư, ông T... khi mới xuất chính ắt đã đọc rồi. Thế thì trong lúc làm quan, ông T... chắc biết trước mình sẽ có ngày phải thực hành câu nói của Lâu Sư Đức. Bây giờ hưu rồi việc mới xảy ra, đó cũng là may mắn lắm. Rửa chi cho tổn nước và hại xà phòng!

Phó Chi

Tương lai, số ra ngày 1–4–1937.

ÔNG THỐNG SỨ VỚI TRẬN MƯA HÔM NỌ

Bảy tám tháng trước, trời không thí cho nhân dân một hạt mưa nào. Hầu hết các vị thần thánh đều bị những ông kỳ mục nhà quê khẩn khoản cầu cúng, xin kêu với trời mưa đi. Cơ trời cũng không hề chuyển động. Giả sử không có chút ít tri thức về khoa học, có lẽ nhiều người đã đổ tội cho trời đình công. Bởi vì, theo các thi sĩ đời xưa, trời cũng là thợ – người ta có thể tưởng rằng: anh "thợ trời" đình công cho nên mất mưa.

Nhưng đêm mồng ba rạng ngày mồng bốn, trời đã mưa rồi. Tuy chưa đủ nước cày bừa, cây cối cũng đã tươi tỉnh. Trận mưa "phải thời" này đã khiến cho làng nho thêm nhiều công việc. Ngoài sự uống rượu mừng mưa, ngâm thơ mừng mưa, các ông bạn nho còn muốn tìm ra cái cớ vì đâu mà mưa. Cứ như sử sách phương Đông chép lại thì những lúc mưa nắng khác thường như chuyện mưa nắng hồi này đều

có can liên đến tình hình chính trị. Nghĩa là tình hình chính trị có thể làm cho trời nắng và khiến cho trời mưa. Chứng cớ rõ rệt hơn hết là chuyện mưa nắng trong đời vua Thang.

Ông Thang khi đánh vua Kiệt, giết hại nhiều người để tranh ngôi vua, trời mới nắng cho một mẻ luôn bảy năm tròn. Đến khi ông ấy biết lỗi, tự ra Rừng dâu cầu đảo và sám hối sáu điều thất đức của mình, thì trời mưa liền như trút. Truyện đó thấy ở *Thương thư* những ông tiên nho bàn sử đều nói quyết rằng: trời mưa như thế là cảm cái lòng thành thực của ông Thang, không phải một sự bỗng chốc. Nhân cái "ca" [1] ấy của vua nhà Thương, người ta lại suy ra cái "ca" này của xứ Bắc Kỳ.

Bắc Kỳ cũng nắng cạn rồi cũng mưa rào, lẽ tất nhiên phải có một chuyện cảm đến lòng trời, không phải một sự bỗng chốc. Song mà chuyện đó là chuyện gì? Người ta kiếm hoài chưa thấy. Thì hôm nay người ta đã kiếm thấy rồi: ông thống sứ Tholance xuống tàu về Pháp. Nhưng mà cái việc giã Bắc Kỳ của ông Tholance nó không giống chuyện cầu đảo của vua Thang, có thể khiến trời mưa được chăng? Sử sách phương Đông lại trả lời rằng "được".

Hậu hán thư chép rằng: Trịnh Hoằng khi mới được bổ làm quan, trong hạt đương có hạn hán, suốt cả mùa xuân không mưa. Ông ta bèn giảm bớt sưu thuế, bỏ những chánh sự phiền hà cho dân. Thế rồi xe của ông ta tới đâu thì trời mưa tới đó. Bởi vậy thiên hạ mới gọi những hạt mưa ấy là những "trận mưa theo xe".

Các bạn nghĩ coi: quan nhỏ mọn như Trịnh Hoằng còn làm náo động lòng trời huống chi Tholance đại nhân, một vị thủ hiến Bắc Kỳ, đại diện cho cả hai Chính phủ Nam triều và Pháp quốc, sự "ở" sự "đi" của ngài há chẳng xoay được vận trời hay sao?

Dù trong lúc trọng nhậm xứ này, ngài không thèm làm những việc Trịnh Hoằng đã làm, nhưng cái chánh tích của ngài cũng có nhiều điều đáng chép: chính ngài đã chửi cái báo quốc văn mà ông Rôbin quan thày của ngài đã khen - làm cho các báo quốc văn nhất tề không dám đăng lời diễn thuyết của ngài. Chính ngài đã làm giàu cho một hiệu kim hoàn trong khi ái nữ của ngài được thành gia thất và chính ngài đã trích bạc vạn ở quỹ Bắc Kỳ để nuôi nhà ông Lê Thăng, cái nhà chưa có ích gì cho dân Bắc Kỳ!

Một người đã có công đức với xứ thuộc địa như vậy, ngày nay phải bỏ thuộc địa mà đi, lẽ nào ông trời lại không tiếc?

---

1. *Ca* (tiếng Pháp: cas): trường hợp.

Mồng năm ngài mới đi, mồng bốn trời đổ mưa, đó là trời cũng tỏ ý cảm động để ngài còn kịp ngó thấy. Vậy thì những hạt mưa rào hôm nọ có thể cho là một cuộc tiễn chân Tholance đại nhân. Nó cũng linh nghiệm như những "trận mưa theo xe" của Trịnh Hoằng, nhưng một đằng mưa trong khi đến, một đằng mưa trong khi đi. Khác nhau chỉ ở chỗ đó.

Bây giờ ông Tholance đã "đi", ông trời hạn hán đã mưa, dân chúng Bắc Kỳ mát mẻ lắm rồi. Chúng tôi xin lấy danh nghĩa một kẻ... "Nói chơi", thay mặt những kẻ bị nắng hạn ở Bắc Kỳ, tiễn ông một khúc Sở từ Annam, gọi là chút quà Viễn đông để ông đem về quý quốc.

Khóc rằng:

Ông Tô ở hề trời hạn hán,
Ông Tô đi hề trời mưa rào.
Được mưa rào hề dân mát mẻ,
Nhớ ông Tô hề dân nghĩ sao?
Chúc trời Đông hề tạnh giông bão,
Chúc biển Tây hề đừng ba đào.
Để ông yên lành hề về đến cố quốc,
Lại gặp lão Gôđa hề xem công việc thế nào?

Phó Chi

Tương lai, số XI, 8 – 4 – 1937.

ÔNG PAGÈS CHẮC CÓ ĐỌC QUA *TRANG TỬ*

Cái chuyện hai ông Diệp Văn Kỳ và Bùi Thế Mỹ bị ông Thống đốc Pagès đuổi ra khỏi đất Nam Kỳ, bạn đọc chắc đều biết cả. Bấy giờ *Tương lai* tuy chưa ra đời, chúng tôi cũng nghe nhiều dư luận đối với việc ấy! Người ta bàn tán om sòm một hồi, rút lại, ai nấy chỉ muốn hiểu rõ cái cớ vì sao mà hai bạn đồng nghiệp chúng tôi bị đuổi. Thì ra mỗi người đều mắc hai tội; một là hai người đã dám công nhiên viết báo, ông Kỳ cổ động cho hội nghị Đông Dương, ông Mỹ công kích một chuyện cờ bạc chi đó; hai là hai người lại dám công nhiên đẻ ở Trung Kỳ chứ không đẻ ở Nam Kỳ.

Cố nhiên tội trạng của họ đáng phải trục xuất, nhưng hội Liên hữu của báo giới Nam Kỳ cũng vẫn xin ông Thống đốc xử mình không nên trị họ bằng cách nghiêm ngặt như vậy. Xong chẳng ăn

thua gì hết, hai ông Kỳ, Mỹ vẫn phải giã đất Lục tỉnh trở ra cái chỗ chôn rau của mình. Thế rồi "Hội đảng Đông Dương dân chủ" của bọn ông Michel Mỹ thành lập ở Nam Kỳ. Đầu tiên đảng ấy làm luôn cái việc mà hội Liên hữu báo giới Nam Kỳ đã làm. Nó nhậy cha cha là nhậy! Đảng ấy vừa mới hé răng, ông Pagès đã hứa luôn rằng: để ngài xét lại. Bây giờ xét lại đã xong. Thống đốc đại nhân đã xóa nghị định trục xuất, cho phép hai ông Kỳ, Mỹ lại được vào đất Nam Kỳ. Hai bạn đồng nghiệp chúng tôi có vào trong đó nữa không thì chưa được rõ. Thấy vậy, nhiều người lấy làm ngạc nhiên: cùng một câu nói, sao hội báo giới Liên hữu nói không đắt lời mà hội Dân chủ Đông Dương nói được kết quả? Có kẻ cho rằng: đó là Pagès đại nhân muốn quảng cáo cho hội Đông Dương dân chủ.

Đông Dương Dân chủ đảng vốn là cái thai đầu của ông Thống đốc đẻ ra. Sợ nó thơ ngây trứng nước, không đủ tín nhiệm với dân, cho nên ngài phải ưng thuận lời xin của nó, tỏ cho mọi người biết rằng hội ấy có thế lực lắm. Nói vậy rất vô lý! Ông Pagès dù là người cha đỡ đầu của Đảng Dân chủ Đông Dương đi nữa, lúc này ngài cũng già rồi, hơi đâu mà làm quảng cáo không công cho nó như vậy.

Theo ý chúng tôi, trong việc này có lẽ Pagès đại nhân vì yêu hai ông Kỳ, Mỹ mà muốn bắt chước Thư Công nước Tống. Ông đó là người rất thích chơi khỉ, trong nhà nuôi khỉ rất nhiều. Vì muốn hạn chế lương ăn của chúng. Thư Công gọi chúng và hỏi: "Cho mi sớm bốn chiều ba hạt dẻ, mi bằng lòng không?" Các khỉ đều cau mày tỏ ý bất bình. Ông ta đổi lại: "Cho mi sớm ba chiều bốn hạt dẻ, mi bằng lòng không?" Đàn khỉ nhảy nhót tỏ ý mừng rỡ. Đó là truyện ở *Trang Tử*.

Không hiểu ông Pagès có biết chữ Tàu hay không, nhưng chắc có đọc qua chuyện ấy, cho nên ngài mới làm đúng như hệt. Ngài rất yêu hai ông Kỳ, Mỹ và muốn làm ơn cho họ, nhưng mà làm ơn bằng cách nào, khiến cho họ phải cám ơn mình? Quyền hành sẵn ở trong tay, ta hãy đuổi cổ họ đi để cho họ sợ, rồi lại tha cho họ lại, để cho họ mừng. Đương sợ mà mừng, tất nhiên họ phải cảm phục cái lượng hải hà của mình đã đối với họ. Đó cũng như Thư Công cho khỉ ăn sớm ba mà chiều bốn vậy. Hoặc giả thế chăng?

Nếu không thế, cớ sao tự ngài đặt ra nghị định trục xuất, rồi thì tự ngài lại bãi bỏ luôn nghị định của ngài? Thế ra ông Thống đốc Pagès năm nay phản đối ông Thống đốc Pagès năm ngoái à?

Phó Chi

Tương lai, số ra ngày 15-4-1937.

MỘT CÁI THẢM TRẠNG

Lúc bấy giờ, trời đã nhá nhem tối, trống mõ trong các làng đã dồn dập thu không, hồi chuông chiêu mộ trong tam quan chùa ngân nga reo vào khoảng không gian tịch mịch để cảnh cáo cho mọi người trong thôn sự kết liễu của một ngày. Những cái cảnh sắc chốn thôn trang, nơi đồng ruộng đều bắt đầu chìm đắm trong cõi u âm lặng lẽ.

Trên con đường đất quanh co khúc khuỷu, còn thấy có hai cái bóng đen đương mập mờ chuyển động. Một cái chớp nhoáng trên không trung dọi xuống người ta nhận thấy hai cái bóng ấy là hai người đương ì ạch dìu nhau, một người thì cao lớn lực lưỡng đương lễ mễ bên người thấp bé, lả lướt như chẳng buồn đi. Hai cái bóng ấy dần dần tiến về phía cổng làng. Càng lại gần, càng nghe tiếng rên rỉ, rền rẫm. Tiếng người đàn ông thở hổn hển như thiết tha khuyên nhủ: "Cố đi mấy bước nữa, gần đến nhà ta rồi, mình cố bước lên cho tôi đỡ mệt". Tiếng người đàn bà yếu ớt thều thào đáp lại: "Đau lắm!... Nhọc lắm!... dễ nó tụt ra đây này!... Thôi để tôi ngồi dựa vào gốc đa kia, mình mau mau chạy về gọi ai ra đỡ tôi vậy".

Người đàn ông ra dáng ngần ngừ rồi nói: "Hay mình chịu khó nằm ngửa lên lưng tôi để tôi cõng vậy, vì ở đây xa làng xóm, trời thì gió lạnh, sắp mưa, ở lại đây nếu có sự gì chất ngại thì khốn! Thôi, cố về đến nhà cho yên dạ". Nói rồi không đợi cho người đàn bà đáp lại, ráng hết sức cắp ngang người vợ lên lưng, chạy một mạch tới cái điếm đầu làng, bỗng thấy người trên lưng tụt xuống, thoảng nghe thấy tiếng trẻ khóc.

Một tiếng dõng dạc trong điếm hỏi ra: – Ai?

– Tôi xin bác làm ơn... Người đàn ông chưa nói dứt thì mấy anh tuần đã vội nhảy cả ra, rồi cùng reo: Vợ đĩ Tít đẻ anh em ạ!

Người đàn ông vội sụp xuống lạy, khẩn khoản van lơn xin ngơ đi cho để đem vợ về tới nhà.

Bỗng một tiếng của bác trương lẫm liệt thét ra:

"Không được, việc này rất quan hệ, đàn em đâu, hãy chạy vào trình cụ tiên xem cụ dạy thế nào đã, anh em mình quyền rơm vạ đá, ăn chẳng có thì tội gì mà để khó đến thân".

Bác đĩ Tít hu hu bưng mặt khóc, để mặc vợ rũ rượi tóc tai. Dưới ánh mồi lửa của bọn tuần, mẹ con người khốn nạn đầm đìa trong vũng máu!

Một anh tuần chạy đi một lát thì bỗng thấy đèn lửa lập lòe trong xóm đi ra, người lớn trẻ con lốc nhốc kéo theo cụ tiên chỉ. Cụ mình khoác áo bông, chân đi guốc gộc, đầu bịt chiếc khăn bông, lòa xòa một chòm râu trắng xóa. Hai con mắt hoăm hoắm dưới bộ lông mày bạc nhìn theo mấy anh tuần chỉ trỏ rồi cụ cất tiếng hỏi:

– Vợ chồng thằng Tít đấy phải không?

Một tiếng dạ run run trong cổ họng bác Tít đưa ra còn nghẹn ngào nức nở.

– Gô cổ mẹ nó ra gốc đa kia cho ông! Hừ! Sinh dữ tử lành, chúng bay còn không biết à? Trời đất dân làng đang yên lành thế này, chúng bay dám rước vạ làng ông chăng? Năm xưa đã thằng cu Ốc đem vợ đẻ về làng, rồi trong làng sinh dịch lệ tứ tung, tiễn tống khốn khổ, chúng bay còn không nhớ à? Dù phép vua còn phải thua lệ làng, chúng bay làm trái lệ làng thì chúng bay còn hòng ở làng nữa hay không? Chúng bay tưởng ông không trừng trị nổi chúng bay à? Tuần đâu rong lên, co cổ con mẹ ấy ra ngoài kia, chỗ dây máu kia thì lấy nắm rác đốt lên rồi rẫy cho sạch đất đổ xa đi, còn thằng Tít thì trói nó vào cái điếm kia, mai ông sẽ liệu!...

Dứt lời oanh liệt của bậc trí tôn, bác Tít người run như cầy sấy, sụp lạy cụ tiên, cầu khẩn xin cho theo ra để tìm cái che đậy cho vợ con khỏi rét mướt rồi sẽ xin vào chịu tội.

Mấy bác tuần răm rắp dạ. Người lớn trẻ con trong xóm đều ngấm nguýt đua nhau thóa mạ: "Đàn bà thối thây dầy da, kỳ sinh nở chẳng biết liệu lại còn định dẫn nhau về để trực gieo vạ cho làng". Cũng có người động mối thương tâm, kẻ thì thổi cơm, người thì nấu nước đem ra cho, lại xúm nhau ôm rơm rác, chiếu nong để làm lều làm túp.

Cũng có kẻ lại sợ vía van, sợ cung long chẳng dám lại gần. Duy có cái phong tục cổ truyền là cấm người đem gái đẻ về làng chẳng hề ai há miệng nói sao, cũng chẳng ai hiểu vì sao mà độc.

Đạm Hiên

Thời vụ, số 3, 15–2–1938

KHÔNG NÊN QUÊN MỘT BỌN VĂN SĨ

Trong một tuần lễ trước đây, hội đồng Phòng bệnh hoa liễu có họp một kỳ hội nghị bàn việc dự định thể lệ cho nghề mãi dâm. Nhưng thể lệ ấy đã khởi thảo rồi, ở báo hàng ngày đã có đăng rõ, mục đích của nó không gì khác hơn là chỉnh đốn cho nghiêm cái nghề "bán dâm" để bài trừ những bệnh hoa liễu.

Một việc rất nên làm và rất hợp thời.

Hiện nay bệnh hoa liễu mỗi ngày một bành trướng lạ thường, nếu không tìm được cách gì ngăn ngừa thì một ngày kia, không khéo khắp trong dân tộc Annam sẽ khó mà kiếm một người không mắc bệnh khốn nạn ấy.

Điều nên nói là trong bản thể lệ ấy, hội đồng Phòng bệnh hoa liễu mới nhìn bệnh hoa liễu bằng cái nguyên nhân thứ hai, còn bỏ sót cái nguyên nhân thứ nhất của nó.

Bệnh hoa liễu cũng như một vài bệnh khác, ngoài cái nguyên nhân thứ hai là nạn mãi dâm còn có nguyên nhân thứ nhất gây ra mầm bệnh mà không phải là loại vi trùng. Nếu không trừ được nguyên nhân thứ nhất của bệnh, không thể cấm bệnh không được lan ra.

Nguyên nhân thứ nhất của bệnh hoa liễu là gì?

Các ngài sẽ đổ cho sự gay go trong cuộc sinh hoạt. Cố nhiên, với sự bành trướng đáng ghê của bệnh hoa liễu, hiện tượng sinh hoạt vẫn phải chịu một phần trách nhiệm. Nhưng một phần thôi, còn một phần khác, là trách nhiệm của bọn văn sĩ.

Tôi muốn nói mấy ông văn sĩ thiếu lương tâm, quen dùng văn chương khiêu dâm để quyến rũ bạn đọc phụ nữ. Nói cho phải, văn chương của ta hồi này cũng có tiến bộ hơn trước, nhất là nghề viết tiểu thuyết. Nhưng trong khi tiến bộ về phương diện nghệ thuật, đồng thời nó cũng tiến bộ luôn về phương diện khiêu dâm. Hãy giở những cuốn tiểu thuyết tình xuất bản gần đây mà coi, các ngài sẽ thấy lời nói ấy không sai sự thực. Tác giả những áng văn chương ấy vẫn là nhà văn có tài, cái tài cổ động chủ nghĩa khoái lạc về nhục dục mà người ta gọi tránh đi là "vui vẻ trẻ trung". Họ phá hủy nền liêm sỉ của trai gái bằng những ngòi bút mạnh bạo. Họ mô tả trần truồng cái chân tướng ái tình

bằng giọng văn hay hớm và lả lơi. Họ làm được cảnh tượng của dục tình ở mặt giấy cũng hoạt động như ở màn ảnh.

Đừng nói những hạng trai trẻ, giả sử các cụ sáu bảy mươi tuổi nghe văn của họ có khi cũng thấy dậm dựt trong mình. Nhờ vậy, họ đã đi được tới đích, hầu hết phụ nữ ở thành thị đều đua nhau làm độc giả của họ. Trong vài năm nay, tâm hồn phụ nữ thành thị đã bị họ cám dỗ...; người ta đã nói bằng giọng của họ, người ta đã nghĩ bằng tư tưởng của họ, rồi người ta muốn làm như những nhân vật trong tiểu thuyết của họ.

Cái ảnh hưởng ấy nó đưa chị em phụ nữ đến đâu? Bước thứ nhất là đến một cuộc đời lãng mạn. Trong vài năm nay, đối với phụ nữ – nhất là phụ nữ tân thời – liêm sỉ chỉ là tính hèn nhát, dư luận chỉ là lời hủ bại, biết bao nhiêu người đã ngang nhiên đem thân thể thờ thần nhục dục một cách tự do, không e lệ, cũng không hối hận. Tại các thành thị, tiệm nhảy và phòng ngủ mở ra mỗi ngày một nhiều, đó là bằng chứng rất rõ rệt về phong trào lãng mạn của phụ nữ.

Ai nấy chắc đều nhận rằng: từ lãng mạn đến mãi dâm không xa, và từ mãi dâm đến bệnh hoa liễu càng không xa nữa..

Đi ngược trở lại, chúng ta có thể nói rằng: bao nhiêu nữ tướng trong việc truyền bệnh hoa liễu đều là tín đồ của chủ nghĩa lãng mạn; mà bao nhiêu nữ tín đồ của chủ nghĩa lãng mạn đều là độc giả của những văn sĩ kia.

Vậy thì những người mắc bệnh hoa liễu đều là người đã phải bùa mê của bọn văn sĩ khiêu dâm, chính bọn văn sĩ khiêu dâm đã đưa người ta lên giường bệnh hoa liễu.

Nói vậy không phải quá đáng. Nếu vào nhà thương mà hỏi những chị em bệnh hoa liễu có đọc tiểu thuyết của bọn văn sĩ kia không, quyết rằng trong số trăm người đều trả lời rằng có.

Đối với pháp luật, văn chương khiêu dâm vẫn thuộc về tội đáng trừng phạt. Nhưng cái điều kiện của pháp luật về những khoản đó hình như không rõ ràng, cho nên bọn văn sĩ khiêu dâm vẫn có đường trốn. Họ trốn ra đường nghệ thuật. Họ viện vào thuyết "nghệ thuật" để bênh vực cho nghề nghiệp của họ.

Nếu những tác phẩm của họ cứ được tự do đầu độc phụ nữ thì nghề mãi dâm còn thịnh hành và bệnh hoa liễu còn bành trướng.

Thuyết Hải

Thời vụ, số 5, 22–2–1938.

TÔI MUỐN CỬ ÔNG PHẠM HUY LỤC

Các ngài đừng tưởng là chuyện dân biểu? Việc bầu cử dân biểu tuy sắp đến nơi, nhưng ông Phạm Huy Lục đã thay mặt cho dân luôn mấy khóa rồi, biết rằng khóa này ông ấy có ra nữa không mà cử.

Tôi muốn nói về chuyện phản ác ở làng Xuyên Phả.

Theo tin một bài lai cảo của báo *Đông Pháp*, làng Xuyên Phả ở tỉnh Thanh Hóa bây giờ, đương khốn đốn về nạn cháy. Lúc đầu, nhằm hồi đầu năm 7, 8 nóc nhà bị thiêu, thiệt hại chừng vài nghìn đồng. Dân làng ngờ cho những kẻ ăn chơi trong tiết tháng giêng, đốt nhà người ta để chực hôi của. Nhưng không phải, sau đó mấy hôm, lại có một đám khác, rồi thì cách năm ba ngày lại cháy một lần. Có điều những đám sau này không cháy dữ dội như đám đầu tiên.

Người ta đương không hiểu vì cớ gì mà cháy mãi thế thì lại nghe đồn đại mấy sự rất lạ.

Một mụ đàn bà đương ngồi đun bếp, thình lình có thằng bé con độ 8, 9 tuổi ở đâu vào lấy que châm lửa mà nghịch. Mụ này mắng nó và cố giằng lại cái que lửa của nó. Nó bé nhưng nó rất khỏe, mụ không cướp được cái que ở trong tay nó. Rồi nó đứng phắt dậy làm cho mụ phải giật mình đánh thót một cái và ngã xuống đất. Một lát sau, láng giềng ầm ầm kêu cháy, mụ vừa tỉnh dậy, vội chạy ra sân thì lạ thay, cái que lửa của thằng bé con lúc nãy đã cắm ở trên mái nhà, còn thằng bé con ấy thì biến đâu mất. Xét ra nó không phải là con nhà nào trong làng.

Một lần khác, có người đàn ông vắt một tấm áo chéo go ở nhà, bỗng bị kẻ nào cắt mất một vạt, không hiểu nó dùng cái vạt ấy làm gì. Ngay lúc đó ở nhà hàng xóm thấy có lửa cháy. Sau khi chữa được, người ta thấy cái mảnh vạt áo của lão kia vứt ở mái nhà mới bị cháy đó, nhưng vẫn không cháy tý nào.

Rồi ngày 11 Avril [1] vừa rồi, tự nhiên các nhà trong làng đều thấy có rắn bò vào. Nó nhỏ, nhưng nó không chạy, đánh chết con này lại thấy con khác hiện ra.

---

1. *Avril*: tháng tư.

Bởi những sự kỳ quái ấy, dân làng Xuyên Phả ngờ là *động chạm* gì chăng, nên đã mời một cô đồng về thiếp. [1]

Khi đã tra hỏi khắp cả âm phủ, cô đồng bảo cho làng biết có kẻ phản ác, nó quăng một đạo bùa cái xuống giếng, cho nên làng phải như thế.

Chính cô đồng ấy đã dùng nhiều phép để lấy đạo bùa ấy lên mà không lấy được, các pháp sư khác cũng đều chịu cả. Hiện nay làng ấy vẫn luôn luôn bị cháy như thường, đàn ông đàn bà đều phải ở nhà giữ nhà, không đi làm ăn gì được, tình hình cực bối rối.

Người viết bài ấy có yêu cầu rằng: "Ai có phép gì cứu được dân làng ấy ra khỏi vòng lầm than xin cho biết rõ địa chỉ, để dân làng đến nơi đón mời".

Tôi xin giới thiệu: người có nhiều phép bây giờ có lẽ không ai bằng ông Phạm Huy Lục, Viện trưởng Viện dân biểu Bắc Kỳ.

Thật thế, bạn đọc chắc cũng nhớ rằng: ông Lục đã hiến trái tim cho dân, mà vẫn mạnh khỏe như thường, chẳng có pháp thuật cao cường thì đâu được thế. Huống chi trong mấy khóa liền, khóa nào ông ấy cũng giữ chiếc ghế nghị trưởng không ai tranh nổi. Ông ấy không phải bênh vực quyền lợi cho dân mà cứ làm phó hội trưởng của hội Nhân quyền, ông ấy không phải học thuốc ngày nào mà nghiễm nhiên làm một yếu nhân trong hội thày thuốc, nghe nói ông dân biểu kiêm thày bùa ở Hà Đông đã chịu tài, đủ tỏ ông Lục là một nhà phù thủy cao tay.

Quyết là ông ấy có thể chữa được đám phản ác ở Xuyên Phả. Ai muốn đón cứ ra Viện dân biểu Bắc Kỳ mà đón.

Xuân Trào

Thời vụ, số 21, 22-4-1938.

---

1. *Cô đồng*: người phụ nữ được thần linh hoặc hồn người chết nhập vào để có thể nói ra những điều bí ẩn; thiếp: do phù phép mà hồn thoát khỏi xác để vào cõi âm tìm linh hồn người chết.

BIỂU TÌNH Ở THANH HÓA

Thanh Hóa là một tỉnh hiền lành nhất ở Trung Bắc Kỳ, trong khi phong trào chính trị đùng đùng nổi lên khắp xứ, tỉnh ấy vẫn thái bình hơn tỉnh Thái Bình, không xảy ra một chuyện gì rắc rối.

Vậy mà ngày nay cũng có biểu tình. Những cuộc biểu tình ấy thật tốt lành lắm.

Số là trước kia dân huyện Yên Định có góp cho ông Nguyễn Văn T... tri huyện của huyện ấy một số tiền 2603p69 để làm nhà thương hàng huyện.

Tiền góp đã lâu, nhà thương chưa thấy có. Thình lình, có tin ông Nguyễn Văn T... phải đổi sang huyện Cẩm Thủy. Nếu là dân huyện khác, có lẽ ngoài việc tiễn chân quan phụ mẫu để chúc tụng vài câu, thì không ai dám công nhiên hỏi ngài về số tiền ấy. Là vì còn sợ nếu một ngày kia, ngài được thăng đến chức Án sát, Tổng đốc của tỉnh Thanh Hóa.

Dân hạt Yên Định không thế. Trước khi ông Huyện từ biệt huyện ly, họ kéo nhau độ 200 người đến tận cửa huyện để hỏi quan huyện xem số tiền của họ bây giờ ở đâu?

Những kẻ bàng quan chắc phải hồi hộp lo hộ ông Huyện. Giả sử quá chân, quá tay tiêu mất của họ, khi ấy sẽ ăn làm sao và nói làm sao? Nghĩ là nghĩ vớ vẩn. Cổ ngữ có câu: "Quan bất tại ngu", [1] một người làm nên chức tri huyện như ông Nguyễn Văn T... có ai dại gì mà tiêu món tiền có tang chứng như vậy!

... Khi dân biểu tình kéo đến, ông ấy liền gặp họ một cách mạnh bạo và trả lời rất gãy gọn. Thế nhưng dân chưa chịu thôi, họ còn hỏi rằng: số tiền trả thư ký đạc điền các hạt có 12p00, sao huyện Yên Định lại phải đến 15p00? Ông Huyện bảo cái đó là tự quan trước, mình không can dự.

Bấy giờ dân mới chịu lui. Cuộc biểu tình đầu đuôi chỉ có bấy nhiêu. Nhưng đối với "lịch sử biểu tình" – nếu biểu tình có lịch sử – thì nó cũng có một chỗ quan hệ. Vì nó là cuộc biểu tình đầu tiên xảy ra giữa quan với dân. Có thể làm nhụt nhuệ khí của nhiều ông quan khác.

---

1. *Quan bất tại ngu:* làm quan chẳng ở chỗ ngu; ý nói làm quan đâu có ngu dại.

Thật thế, một ông quan nào có tính lá lem, khi nghe chuyện này ít ra cũng giật mình đánh thót. Lâu nay, người ta thường hay phiền trách quan lại nhiều ông không được thanh liêm. Điều đó cố nhiên là một sự thực. Nhưng cái miệng người dân kể ra cũng không nên nói.

Lòng tham là thiên tính của loài người, cũng như sự dữ tợn là thiên tính của giống hùm beo sư tử. Cái lòng tham ấy nó bành trướng được ở trong quan trường, chẳng qua là dân đã xử với quan nhã quá. Giả sử dân nào cũng như dân hạt Yên Định, gặp một việc gì ám muội, không thèm kiện cáo lôi thôi, cứ việc rủ nhau thật đông, đến tận cửa quan mà hỏi thì lần sau dẫu đem tiền nấu xúp mà đổ vào miệng, các ông ấy cũng không dám ăn.

Hùm beo sư tử ở rạp xiếc có dữ tợn đâu?

Xuân Trào

Thời vụ, số 23, 29–4–1938.

ANNAM LẠI SINH THÁNH

Thánh có nhiều hạng. Cái hạng thánh nhất trong các vị thánh là những ông lập ra tôn giáo.

Từ nửa trên thế kỷ 20 về trước, tất cả thế giới chỉ có bốn ông thánh về hạng này. Một là ông Thích ca mâu ni sáng lập ra đạo Phật, hai là ông Gia tô Cơ đốc sáng lập ra đạo Gia tô, ba là ông Mô hãn mặc đức [1] sáng lập ra đạo Hồi , bốn là cụ Khổng, thủy tổ của đạo Nho. Bốn vị đại thánh nhân đó đều đẻ ra trong giải đất Á châu. Thích ca là người Ấn Độ, Gia tô là người Do Thái, Mô hãn mặc đức là người Thổ Nhĩ Kỳ, cụ Khổng là người ở Trung Hoa. Đó là một điều rất lạ. Đất cát năm châu không hẹp, cớ gì các ngài không đẻ san ra các nơi khác, lại chen nhau sinh vào một khu?

Ông Lương Khải Siêu, một nhà thông minh bác học ở Tàu cũng không hiểu được lẽ đó, đã phải đánh đố như vầy: Ai mà nói được cái cớ vì sao ba vị đại thánh nhân ấy (Gia tô, Thích ca, Khổng tử) lại cùng đẻ ở châu Á thì tôi xin cầm roi ngựa mà theo hầu.

---

1. *Mô hãn mặc đức*: Môhamét.

Nhưng xét ra cớ ấy cũng không có gì là khó giải. Chẳng qua vì Á châu là nơi "thổ sản giáo chủ" cũng như Sơn Tây là nơi "thổ sản rau muống", Đình Bảng là nơi "thổ sản củ mài" vậy, cho nên các ngài mới cùng tìm đến Á châu mà đẻ.

Nói thế không phải là nói chầy cối, tôi có nghiệm xét rõ ràng. Nếu Á châu không phải là nơi thổ sản giáo chủ thì sao lại cứ sản ra giáo chủ luôn luôn? Cho nên ngày nay của "hiếm có" ấy vẫn cứ nẩy ra ở đại lục này như thường.

Cái ông giáo chủ cuối cùng là người nước ta, thánh hương ở ấp Bến Tam, tỉnh Biên Hòa, thánh húy là đức Xã Phúng, đạo của ngài là đạo Nhất tâm.

Theo báo *Lục tỉnh tân văn*, đạo Nhất tâm xuất hiện mới 4 tháng nay, tín đồ hiện đã đông lắm. Mỗi tháng cứ đến hai ngày rằm và mùng một là kỳ giảng đạo, trong nhà thờ đèn nến sáng choang, đàn ông đàn bà "con chiên" rải nệm ngồi la liệt từ ngoài đầu sân ngồi vào. Quy luật của đạo này cũng giống quy luật của đạo Thiên chúa, ai đã theo đạo thì phải theo gọn cả nhà, không được để ở nhà mình có một người nào ngoại đạo.

Lạ lùng nhất là phép chữa bệnh của đức giáo chủ. Kẻ nào có bệnh xin chữa thì ngài hoặc dùng roi mây mà quất vào đít, hoặc dùng nước lã mà đổ vào mũi, hoặc dùng bùa giấy mà thọc vào trong cuống họng, để chẩy ra rãi xanh, rãi vàng. Vậy mà nhiều người cũng cứ đem bệnh đến cho ngài chữa. Nghe nói ngài đang dự bị soạn một bộ kinh thánh để truyền bá cho đời, không biết nay đã xong chưa! Tiếc rằng ngài sinh khí muộn, nếu sớm được hai nghìn năm nữa... chắc đâu bây giờ ngài không là một vị cứu thế?

Đi ngược trở lại, ta còn thấy nhiều đức giáo chủ khác cùng giống như giáo chủ Nhất tâm. Giáo chủ của Tam kỳ đại đạo, giáo chủ của Thiên địa hội, giáo chủ của Bạch liên giáo, đều sản ở Á châu tất cả. Coi đó biết Á châu thật là cái ổ nở ra giáo chủ. Quý hóa thay!

Xuân Trào

Thời vụ, số 24, 3–5–1938.

LÀM NO
hay
CÁI ĂN TRONG NHỮNG NGÀY NƯỚC NGẬP

Qua những rặng tre bị ngập đã lâu, cành lá úa rực, xiêu đổ, chiếc thuyền nan của chúng tôi phải len lỏi, chỗ thì phải cúi đầu để chui qua những cây sắn đổ, chỗ thì phải đè một cành cây cổ thụ xuống nước, chỗ thì phải gạt những trà rào trôi nhấp nhô trên mặt nước đỏ ngầu và phải đẩy cong con sào mới vượt được cụm bèo tây ứ lại. Chiếc thuyền mỗi chốc chòng chành làm cho tôi lảo đảo, nhưng cái ý muốn mục kích cảnh điêu linh cùng khổ của dân lụt đã làm cho tôi quên cả nhọc nhằn. Một vùng nước mông mênh bát ngát, bao nhiêu những nhà tranh vách đất chỉ còn trông thấy những mái úp sập sè hình như những quần đảo ẩn hiện chập chùng theo làn nước bạc mà rập rờn như phao. Những thuyền nan, những mảng chuối nhấp nhô chen chúc tựa lá tre dưới những rặng cây lả lướt. Đằng xa kia, trên những gò, đống mấp mô thấy lố nhố những sừng trâu cong vắt: con đứng, con nằm, thỉnh thoảng lại nghe tiếng rống lên như báo cho chủ biết nỗi thèm rơm đói cỏ của nó.

Người ta bảo trận vỡ đê Đồn Vàng nước to hơn năm Quý Tỵ.

Thằng bé chở thuyền cho tôi ngoảnh lên hỏi:

– Cậu định đi đâu?

Tôi thẫn thờ đáp:

– Đi đâu cũng được!

Thuyền qua một rặng trúc, nhìn vào bên trong thấy có ba gian nhà tranh xiêu lật lại đằng sau. Trước nhà, biệt ra một khu vuông vắn như một cái ao, tôi đoán chừng đó là cái sân. Trước sân đóng bốn cái cọc tre, trên bắc cái chõng, chiếc rổ đeo lủng lẳng một bên, chiếc sào vó ghệch lên thành chõng. Phía dưới là một cái mảng ghép bằng bốn cây chuối. Từ cái chõng đi vào trong nhà, có một cái cầu tre vắt ngang. Một người đàn ông, vóc rạc hom hem, đầu trọc tếu, ngồi thu hình trong chiếc áo bành tô rách mướp, nét mặt đăm đăm nhìn xuống tăm nước đục lờ.

Tôi hỏi: – Nhà ai đây?

– Đây là nhà bác ba Tụy.

– Rẽ vào chơi đã.

Thằng bé khom lưng lái mũi thuyền vào trước sân, len qua những cụm bèo tây đóng chuồng trong những chiếc vành nong kìm bằng chiếc nạng tre có những bè muống, bè ngổ, bè dừa quấn quýt xung quanh.

Bác Tụy trông thấy tôi, vồn vã hỏi:

– Kìa ông ký đã về chơi đấy ư? Các ông ở tỉnh về được dịp bơi thuyền chở mảng thế này thì thích lắm nhỉ. Mời ông lên đây, cái chõng này còn chắc chắn, ông ngồi chơi xem tôi kéo vó cho vui.

Tôi kéo thuyền sát cái mảng chuối, rồi bước lên. Bác khúm núm với cái điếu cày trên cọc, mời tôi hút thuốc, tôi chối không biết hút. Bác bèn lấy thuốc giắt trên kẽ tai, đặt vào nõ điếu, thổi cái mồi rơm, rụi than vào điếu, rúc một hơi thật dài, cái điếu rít lên như tiếng chim sẻ, một làn khói xanh tự miệng bác đưa ra khét lẹt, những cái xương sườn theo nhịp thở mà vươn lên rụt xuống trước cái bộ ngực gày nhom. Mấy đứa trẻ lau nhau, nghe tiếng người lạ chen chúc nhau thò cổ ra trước mái tranh mà nhìn. Những cái bộ mặt gầy còm hốc hác ấy như thiếp một màu vàng lợt, làm nổi những cặp mắt trõm lờ đờ, đần độn.

Tôi đưa đà hỏi:

– Thế nào, bác kéo cá có được khá không, cho tôi mua một bữa nào, có con nào to không, ngồi kéo vó giữa sân cũng thú nhỉ.

Câu nói của tôi như nhắc bác chưa cất vó. Bác nhoẻn mép nhìn tôi, rồi vui vẻ pha trò, gạn bán mẻ vó bác sắp cất. Nói rồi khom lưng, bãi cẳng, kẹp đầu sào xuống dưới háng, hai tay giương thẳng, cất vó lên, giọt nước theo bốn gọng thánh thót chảy xuống, dưới lòng vó thấy hơi động dần dần lên khỏi mặt nước, mấy cặp mắt nhìn cả vào đấy, thấy mẻ vó được hai con cua kềnh và bốn con diếc con. Bác vơ vó vào để bắt, ngoảnh lại hỏi tôi:

– Ông trả cháu bao nhiêu?

– Độ một hào chứ mấy!

Bác cười khanh khách và nói:

– Nếu thế thì nhà cháu phong lưu chán!

Bác nói rồi ngoái tay với cái giỏ bỏ vào. Tôi điểm một câu chúc của phường hội tát: "Sí sốc một chốc đầy giỏ" rồi nhổm lên nhìn vào

trong giỏ thì mới có độ một vốc tay tép mại, hai con ốc nhồi và một mẻ vó bác mới bỏ vào sau. Bác khôi hài:

– Thế là nhà cháu đã được một niêu hai tay bưng rồi đấy ông ạ!

Thoảng tiếng trẻ con trong mái tranh đưa ra: Bố ơi, bố làm bánh đa cho con ăn.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

– Bác lại có cả nghề làm bánh đa nữa ư?

Bác ngặt nghẽo cười:

– Vâng, bánh đa nhà cháu là thứ bánh đa mới chế, chưa ai biết làm cả. Ông ngồi đây, cháu làm cho ông xem. Bác nói rồi chui vào trong nhà, một lát đem ra một nắm đất sét trắng, một cái mê rổ, một cái khăn vuông. Bác dúng cả khăn lẫn đất xuống nước cho ướt rồi đặt lên chõng, căng thẳng chiếc khăn vuông phiết một lần đất lên thật mỏng đoạn đặt vào mê rổ, lại chui vào nhà, thổi lửa nướng. Chỉ trong chớp mắt, bác đã bưng ra, trông trong mê rổ thấy một lượt đất khô cong, lũ con bác kéo nhau ra xúm xít chung quanh rổ. Bác mời tôi nếm thử thứ bánh đa bác mới chế, tôi ngẩn người chưa hiểu bác nói thật hay nói bỡn, thì bác tách ra một miếng bỏ vào miệng, nhai giòn khau kháu, lũ con bác cũng xô nhau bẻ lấy mà ăn một cách ngon lành. Bác bảo: Đấy là thứ quà vặt của các cháu, nếu ông biết thứ ăn thay cơm của nhà cháu thì cháu xin đưa ra để ông xem. Bác nói rồi chui vào lấy ra một cái nồi đất to chìa cho tôi xem, và đố tôi biết là cái gì. Tôi thấy bác gạt một lần tép vụn ở trên, dưới lộ ra một lớp đen đen, xếp từng miếng mỏng như bánh dầy. Nhìn gần lại, thì thoáng ngửi một mùi nằng nặng, khăn khẳn như mùi thối tai. Tôi nín thở, lắc đầu xin chịu để bác giảng cho tôi nghe thức ăn quái gở ấy.

Bác đắc chí cười rũ mà bảo tôi: Cũng đất đấy! Người ta bảo chết thì ăn đất, nhưng chính nhà cháu sống về đất đấy ông ạ! Món này là một thứ cơm nắm của nhà cháu, làm công trình hơn một tí. Mới đầu là lấy đất sét trắng về, vật đi vật lại như ta nặn đầu rau, rồi thái từng miếng mỏng như ta thái bánh dầy, đặt vào mủng, mẹt đem phơi khô. Khi dùng nó thì phải có nõn sắn lót thật dầy xuống đáy nồi, rồi mỗi lượt đất lại một lượt cá tép, rồi cho vài duộc tương. Bắc lên đun thì tra thêm tí nước cho khỏi khê, cứ nhỏ lửa đun mãi cho tương cạn cá chín, những cái béo của tương, của cá ngấm vào đất sét đỏ như miếng hồng tầu, thế là được.

Tôi hỏi: – Ăn như thế mùi mẽ ra làm sao?

Bác bảo: – Nó quanh quánh như ta nhai miếng bánh dày, lại đậm vì có tương có cá đưa đi, không phải ăn đồ ngoài.

– Thế ăn vào có thấy gì không?

– Việc quái gì! Nó chỉ phải cái nặng bụng hơn các thứ rau cỏ khác. Lần đầu cháu ăn rặt đất thì thấy tanh tanh và chán lắm, ăn vào rồi hôm sau thấy mền mệt, chắc là không có béo bổ gì, cho nên cháu nghĩ ra cách om với cá thì ăn ra chiều dễ chịu hơn.

Tôi hỏi: – Ai bảo bác rằng đất sét ăn được?

Bác nói: – Nào có ai bảo đâu, cũng là một cách ăn liều của cháu. Hôm nước vào đã già nửa tháng, trong nhà hết ăn, mẹ cháu phải ra tỉnh kiếm việc làm. Bữa sáng hôm ấy chỉ còn mấy củ khoai lang đủ cho cháu ăn thôi, cháu đành nhịn đói, để anh em nó trông nhau ở nhà, một mình chở mảng ra cái ao trước cửa đình để lặn xuống đánh củ súng. Lặn ngụp mãi chưa dò thấy cụm củ súng nào cả, mà lòng không dạ đói, lặn mãi mệt quá. Cháu cố lặn một hơi thật dài, mò mãi chẳng thấy gì, bèn xắn vội một nắm đất sét ngoi lên. Thấy chất đất vừa dẻo, vừa trắng, ngửi thấy tanh tanh, nhân lúc đói ngoạm chơi một miếng, nhai rồi nuốt đi, không thấy gì, ăn hết nắm đất, thấy đỡ cồn cào. Cháu liền bỏ cả củ súng, hãy xắn mấy cục đất đem về đã. Đương lềnh bềnh trên mảng chuối trở về, bỗng thấy mập mờ cái vó trôi, cháu mừng quá đuổi theo vớt được cả vó lẫn gọng là cái vó này đây. Cả nhà cháu mới ăn đất được dăm hôm nay, các cháu cũng chịu khó ăn cả, nhưng mới đầu chưa biết cách chế biến, ăn chóng chán lắm, cách om đất với cá này là nhờ có cái vó nên cháu mới nghĩ ra. Tuy vậy, cũng cần phải đổi bữa luôn.

– Đổi bữa bằng gì?

Bác chỉ tay ra mấy đám trước sân: kia ngổ dừa, bèo tây, còn cụm rau muống là của quý nhất, hiếm nhất cháu còn đương gây chưa dám ăn đến, vì chưa biết bao giờ nước ra khỏi làng. Trong những thứ rau ấy thì ngổ với dừa dễ ăn hơn, nhưng sợ ăn mãi nó cụt đi, cháu phải độn thêm bèo tây.

– Bác làm thế nào mà ăn?

– Muối dưa cụm sen kia, vặt lá vặt rễ, chỉ để cái vú, phơi hơi tái đi rồi muối như ta muối dưa cải, lấy vỉ nén cho chặt. Giá không có muối mặn thì ăn nó chẳng khác gì nhai cái ngọn mía nhạt, mà lại

lăn tăn ngứa! Thứ ấy là thứ đồ ăn, ăn kèm với cháo cám thì ngon tuyệt! Đã nửa tháng nay, cả nhà cháu không biết hột cơm, hột gạo là gì cả, mà cám cũng ít có, chỉ vì hôm nào kéo cá được một vài con to bán được dăm ba xu thì mới dám mua cám ăn, cám là thứ quý nhất, chỉ ăn cho có hơi gạo đó mà thôi, chứ ăn no thì lấy đâu. Một hôm, cháu nghĩ buồn cười quá ông ạ. Đong được cám về, thằng bé lớn nhà cháu lấy nồi đổ nước lên đun, lóng cóng thế nào nồi vỡ, không đun được nữa. Cháu bèn vớt cám ra, nắm lại một nắm, ngoài trát một lần đất sét, bỏ vào bếp nung. Thế mà ăn ngon hơn bánh khảo phục linh đấy ông ạ. Giá được rặt cám mà ăn thì còn nói gì nữa, khốn nỗi họ lại pha mùn cưa vào cho được nhiều lãi, thì ăn chẳng còn lý thú gì cả, chỉ thấy ráp sì thôi.

Tôi chợt trông thấy cây cau, cây nào cũng cụt cả, vội hỏi: – Sao cau cụt cả thế kia?

Bác nói: – Nó cũng đã chui vào mồm cả rồi đấy.

– Cau mà cũng ăn được ư?

– Ông tính cái gì vào lửa mà chẳng ăn được. Ôi chà, nghĩ cái nguồn cơn ăn cỗ cau mà sợ. Lần đầu, cháu chặt một cái bóc hết bẹ xanh rồi thái như thái măng phơi, cứ thế luộc rồi đem ra ăn: Ăn rồi, bố con rạo rực nằm mất một ngày, chân tay cứ rời rã ra, bọt mép phèo ra, bụng vẫn tỉnh mà không sao cựa được, sau hỏi ra mới biết phải luộc bỏ nước đi, ngâm hết nửa ngày nữa mới ăn được. Ăn hết cau rồi, thấy làng nước họ đua nhau đi tìm củ chuối để ăn, cháu cũng vớ được vài cái đem về bung. Ăn nó có phần mát ruột mà chắc dạ hơn ăn bèo tây, rau ngổ, hơn cả ăn đất sét, đất sét phải cái nặng, làm rỗng cả ruột ra, về sau ăn cái gì cũng mãi mới no!Nhưng củ chuối đâu mà ăn được hàng tháng trên mặt nước, chỉ được ít lâu là nó thối nhũn ra thì còn ăn gì được nữa.

Cháu cứ ăn liều mà nhiều cái cả làng phải bắt chước cháu. Cháu còn nhớ một năm trời không làm lụt, nhưng phải năm đói kém quá, làng nước nhao cả lên. Mẹ cháu năm ấy lại vừa ở cữ, thành ra lúng túng với nhau, chẳng đi làm đâu được, ở làng chẳng ai mướn làm gì cả, cháu chỉ nghĩ cách ăn trừ bữa, cái ni lại ăn trừ bữa cái kia. Lần đầu cháu đi qua nền Văn Chỉ thấy một đám cải rừng, xanh tốt lắm, cháu nhấm thấy thơm thơm, liền hái một chét đem về ăn thử, thế mà luộc chấm tương ăn thú lạ: nhà cháu ăn ba bốn ngày làng nước mới biết thì chẳng còn gì cả. Cháu lại xoay ra tìm cách khác xem ra

lợn ăn được cái gì thì người ăn được cái ấy, chẳng sào cả. Một lần cháu ăn liều mà ngon. Đương mùa nhãn, cháu thấy ở chợ, người ta vứt rất nhiều hột, cháu mới quét lấy được trên lưng thúng đem về. Lấy dao gọt hết vỏ đen đi, đổ vào ngâm một đêm cho hết chát, rồi tra vào nồi, bung như ta bung ngô, thế mà đem ra ăn cứ bùi nghìn nghịt như hạt sen, đã ngon lại chắc dạ; thế là cháu cứ đi tìm các chợ, để nhặt hết hạt nhãn đem về, tích lại một gánh, vợ chồng ăn uống no nê mà chẳng ai biết cách ăn của cháu thế nào. Rồi sau họ biết, họ đặt vè để chế cháu, cho nên làng ta bây giờ đã có câu: *Nói dối thằng Trà, ăn ma thằng Tụy*. Ông tính thế có tức không, mình có ăn cắp ăn trộm của ai đâu, không có, ăn xằng ăn bậy cho qua ngày đoạn tháng, họ cũng chế, họ bảo là ăn ma ăn mãnh. Cháu thấy họ chế, tức mình giấu biệt những cách ăn độn ăn lót của nhà cháu cho bõ ghét.

Cháu còn nhiều cách ăn giản tiện mà ngon, cháu chế biến cũng khéo, cho nên họ lo đói, cháu chẳng biết đói là cái gì, chỉ có ngon hay không mà thôi, làm thế nào cháu cũng có cái ăn, không chịu đói bao giờ. Ông tính con sâu con bọ, con giun con dế nó còn chẳng lo đói huống nữa là mình, phải thế không ông?

– Phải, sống qua trong nạn đói mà vẫn giữ được lòng ngay thẳng thật thà thì còn gì quý hóa bằng. Giá bác tài nấu nướng thế mà ra Hà Nội mở hiệu thì...

Bác phá lên cười, rồi tiếp câu nói của tôi:

– Thì... cho chó nó ăn!... ông nhỉ!

Ánh nắng chiều xiên qua nan chõng, chiếu xuống làn nước đỏ ngầu, gặp trận gió rung rinh trên mặt nước thành những đàn rắn ngoằn ngoèo. Một tảng vỏ mít lềnh bềnh trôi vào gọng vó, bác Tụy chỉ tay mà bảo:

– Kìa tảng vỏ mít kia đã cứu sống vợ chồng con cái nhà cháu ba ngày đấy ông ạ!

Nói đoạn, lấy sào kều ngửi, lắc đầu:

– Hỏng, thối cả.

Vứt tõm xuống nước rồi kể tiếp:

– Thằng bé lớn nhà cháu năm nay lên tám. Ấy chính năm đẻ nó thì gặp trận đói to, vì hai năm mất mùa liền, nhân dân lại xao xuyến về dịch lệ. Nhà cháu quanh năm ăn độn, ăn lót, ăn thường, nhưng bu cháu mới đẻ, nếu cho ăn xằng xịt vào thì sợ ốm đau khổ cả mẹ lẫn con,

cho nên dù sao cháu cũng cố kiếm cho mẹ cháu mỗi bữa một niêu cơm riêng để lấy sữa cho con bú, còn cháu thì ăn thế nào cũng được. Gặp nạn đói mới biết cái khổ của hạng sức dài vai rộng như chúng cháu, đi xin không ai cho, làm mướn không ai thuê, thế mà lại lâm vào cảnh vợ mọn con thơ thì lại càng khổ nữa! Hôm ấy trong nhà chỉ còn đủ gạo để thổi bữa sáng cho mẹ cháu, còn cháu thì có hai bát ngô bung. Ăn xong, cháu vác thuổng, bủa sang chợ, đón công xem ai mượn đánh gốc bổ củi thì cháu làm. Ngồi từ sáng tới non trưa, chẳng ai hỏi tới, chợ thì vãn, bụng thì đói, mà chắc mẹ con nhà cháu cũng đang mong chờ bữa. Cái nông nỗi mong chờ vơ vẩn làm cho cháu nóng ruột bội phần. Tần ngần ngồi bên đống vỏ mít, ruồi nhặng đậu đen ngòm, cháu nghĩ ngay cách ăn tranh chúng nó, bèn ngả nón bốc đem về, đổ vào rổ sề đem ra ao rửa sạch, gọt hết gai đi, rồi thái cả xơ lẫn cùi, cho vào nồi đun thật dừ. Tra mắm muối cho vừa vặn. Còn mấy chục cái hột tìm trong đống vỏ vận định luộc riêng, rồi nấu cháo cho bu cháu ăn, nhưng nó thấy cháu nhường nhịn chẳng đành lòng, nên cùng ăn cả. Cháu bèn giã cả hột cho vào thành một thứ canh vừa bùi vừa ngọt, ăn thú quá! Một điều sung sướng là ăn vào, sáng hôm sau hai bầu sữa của bu cháu thẳng căng, thằng cháu bú no nê, không cần nhằn như mấy bữa trước. Thế là mấy hôm sau cháu cứ việc đi chợ khuân vỏ mít về làm bữa, ăn rồi lại kỳ cạch thái phơi bỏ lọ, thứ thì lựa rặt cùi để kho ăn với cơm. Nhưng mà mít nó là giống có mùa, không thể trông vào đấy mà ăn mãi được. Cháu nghĩ ngay ra cách ăn bã đậu.

– Bã đậu chắc ăn chóng chán lắm thì phải, vì tôi ngửi mùi nó ngang ngang khó chịu lắm, nhất là khi nó đã ôi.

– Làm cho không có mùi ngang ngang, mà không bao giờ ôi được mới tài chứ! Cháu tìm ra cách ăn được, nhất định bí truyền, thành ra các tướng cũng bắt chước cháu ăn, rồi bỏ cả đấy ông ạ!

– Làm cách nào mà ăn?

– Khó gì đâu! Chỉ có mẹo một tí thì bã đậu đã thành một thứ xôi vò thượng hảo hạng! Mới đầu hãy tãi ra nia, phơi trong râm, nhưng đừng để cho ruồi nhặng bâu vào thỉnh thoảng lấy đũa cả đánh đi đánh lại cho rời ra rồi cho vào chõ đồ, rắc thìa muối cho đậm, hơi bốc lên là bạt hết mùi chua, mùi ngái mà ông bảo là ngang ngang, muốn kỹ đem đồ hai lượt thì tốt lắm. Ăn bã đậu béo người, tuy mất tiền mua nhưng cũng rẻ, cứ bốn bố con nhà cháu, một ngày chỉ hai xu bã đậu là no phích!

– Mỗi năm bác phải ăn độn lót thế độ mấy tháng?

– Quanh năm ấy ông ạ! Có chăng chỉ những ngày giỗ tết thì dù túng kiết thế nào cũng cố dành dụm kiếm lưng cơm quả trứng, thoi vàng nén hương cho tinh sạch. Những ngày ấy mới là ngày ăn uống sang trọng của nhà cháu tưởng ăn một bữa hết hai ba hào chỉ, giá cứ quanh năm ăn thế thì núi cũng phải lở, ông nhỉ?

– Nhưng ăn rồi lại kiếm ra thì sợ gì?

– Kiếm như chúng cháu nghĩ mà buồn! Chỉ mong một ngày được ba xu với hai bữa cơm no cũng còn khó thay, ấy bu cháu ra tỉnh chuyến này nếu ở được mỗi tháng một đồng kia đấy, nhưng mà...

Thoáng một vẻ buồn hiện trên nét mặt bác, tôi mỉm cười nói giỡn:

– Thôi lại nhớ mẹ đĩ rồi!

Bác cũng gượng cười nói chữa:

– Không, giá cháu nhớ thì cháu đã chẳng bảo đi, nhưng cháu chỉ lo nước Hà Nội chóng ngay xương lắm! Đi làm đỡ nạn mấy tháng khi về lại quen đi, không gồng nặng gánh nhẹ được thì khổ, ấy cũng nhiều người thế đấy, rồi sau vợ chồng sinh chán nhau hoặc bỏ chồng con theo những anh bồi bếp để ăn trắng mặc trơn, nhiều anh mất vợ vì thế đấy.

– Có "tâm" là lòng, "ý" là lòng chứ, ai cũng thế thì còn ai dám đi làm lụng gì nữa. Vả lại bác gái nhà bác bồ chề xốc xếch thế thì việc gì!...

Bác nghe câu khuyên giải của tôi, nét mặt lại bình tĩnh như thường. Tôi bỗng nhắc bác:

– Kìa từ nãy tới giờ, mải nói chuyện mà quên cả cất vó? Dễ vợ chồng con sộp nó đem nhau vào ở cữ trong vó của bác rồi cũng nên!

Bác khanh khách cười, tay nâng sào vó, khom lưng rút khum gọng vó, nước sóng sánh chuyển động chiếc bèo tây đang đủng đỉnh trôi xuôi.

Mẻ vó suông!

Bác khoan khoan cho vó xuống, tôi thẫn thờ nhìn ánh nước rập rờn trên bức vách.

Đạm Hiên

Thời vụ, số 24, 3–5–1938
và số 25, 6–5–1938.

CÔ TÂY HOẺN

Gặp phải cảnh mẹ chồng cay nghiệt, cô Hoẻn cắp áo trốn nhà ra đi, đoạn tuyệt với anh chồng lưng đen, khố bện, từ giã cái cảnh cà chua mắm mặn, với cái đời chân lấm tay bùn. Cô đi đâu? Bẵng đi sáu bảy tháng trời, biệt vô âm tín khiến cho hai họ xảy nhiều điều xếch mếch.

Bỗng một hôm, lũ trẻ chăn trâu tới tấp chạy về làng, hoảng hốt báo:

"Có Tây về làng ta!"

Các tướng nấu rượu lậu, nhớn nhác xô nhau cất dọn giấu diếm, cả lão trùm Đẩu đương du dương say tỉnh với mấy phân thuốc phiện ngang cũng vội nhỏm dậy lẻn ra đầu nhà vứt cái hến thuốc xuống ao!

Tây càng đi gần tới, lũ trẻ càng xô nhau chạy, mọi người đứng trong bụi hàng, hay nấp trong cổng nhìn ra: Một anh Tây lính mũi lõ râu xồm, mình cao bụng phệ dắt chiếc xe đạp đi bên cạnh một người đàn bà phấn son sặc sỡ, quần áo lam, giày cao gót, chiếc ô xanh biếc, chiếu xuống bộ mặt phấn bị mồ hôi loang lổ, bộ răng trắng nhom nhem khấp khểnh như rã rụa với bộ môi cong mỗi khi cười nói. Bộ răng ấy, bộ môi ấy đã làm cho dân làng nhận được là cô Hoẻn, con ông đĩ Hoét! Đi sau là một mụ vú già khệ nệ vác chiếc va ly to kệch.

Lũ trẻ quê ngờ nghệch chắp hai tay lên cổ hấp háy trông theo, các "chủ lò rượu" yên tâm, chỉ lão trùm Đẩu tha thiết tiếc mấy phân thuốc phiện, dậm chân, đạp cẳng, lẩm bẩm chửi bâng quơ cho hả giận rồi vào!

Một bữa cơm thết chàng rể, mà cảnh nôn nao rộn rịp như trong làng có loạn, nào xua gà, đuổi cá, chuốc từ nải chuối, kén từ mớ rau, vất vả nhất là ông anh đi lùng mua rượu, bánh. Trong khi ấy thì cô tây Hoẻn dắt đức lang quân đi khắp đình chùa miếu mạo. Ông đĩ Hoét cũng áo the khăn lượt dẫn theo sau, giảng giải từ bệ tế thần nông tới văn chỉ tế thánh Khổng, mở rộng cửa đình cho con rể xem chỗ phụng tự, chỗ ăn ngồi. Sau những tiếng rụt rè nhỏ nhẻ của ông đĩ Hoét, cô Hoẻn lại cong môi chĩa răng ra thông ngôn lại bằng một chuỗi tiếng bồi, lũ trẻ chạy theo xem cũng học lỏm được mấy chữ "lúy phe", "lúy điếc". Bác lính Tây lúc bấy giờ trông hiền lành ngoan ngoãn tệ! Chẳng thế mà mỗi lần đi xa một tí, cô Hoẻn gầm lên một

tiếng "sê ghi" mà chậm lại, là cô nhả tiếng ta ra chửi thống cho một hồi, chỉ thấy anh Tây há hốc mồm ra cười, chứ không hầm hầm độc dữ như mấy anh Tây đoan về bắt rượu mọi ngày.

Cô Hoẻn càng thấy dân làng đổ ra xem, lại càng trổ tiếng Tây dữ! Vừa nói vừa khua tay múa chân cười nói tự nhiên, nhưng cũng nhiều người chê là lố bịch!

Chiếc va ly trong đựng những gì?

Đó là những khí cụ văn minh của Tây đủ cải hóa cả một gia đình ông đĩ Hoét! Này thì đây:

Của quí mà con gái và con rể đã đem lại cho ông: một cái kêbi, một cái cát–két hai thứ tiện dụng cho cha và anh lúc cày bừa, dùng nó che nắng mà không bị gió lật như đội nón, bốn chiếc bành tô vàng đã cũ, hai cái sơ mi đàn ông, ba cái coóc sê viền đăng ten, trông cũng hay hay, bà đĩ Hoét tính không hay đỏm dáng, chỉ dấn vài nước nâu là được một cái vừa làm áo, vừa làm yếm, tiện biết bao! Này lại hai đôi giầy, một đôi bằng da, dưới có đinh lởm chởm, đôi này ông đĩ sẽ dùng khi có đám thứ việc làng, còn đôi băng túp [1] thì để cho ông anh khi đi tuần có cái dùng cho đỡ xéo phải gai. Đến cái khăn bông tắm kích nô, tuy còn lành nhưng hoen ố nhiều chỗ. Ông đĩ Hoét bảo: cái này dấn vài nước vỏ só để mùa rét làm khăn bịt đầu thì ấm chán! Một cuộn tranh có đủ cả ảnh mấy tướng Foch, tướng Joffre, [2] những kiểu áo đầm lòe loẹt, những mẫu áo tây gọn ghẽ của hàng thợ may, cô Hoẻn mắt trông tay chỉ cho cả nhà xem những cái hay cái lạ trong quyển cát ta lô, nào cái cối xay hạt tiêu, cái cối xay cà phê, cái cối vắt nước chanh, cái cùi dìa, cái phóng sét. Ai cũng nắc nỏm khen cô thông minh sáng láng, giá không đi ra ngoài, thì đời nào biết được như thế!

Cô lại quá cao hứng bắt ông bố đặt tên hai con chó. Một con đặt tên là Phốc để thay tên con cộc, một con đặt tên là Ki Ki để thay tên là con cái! Vì cô rất ghét gọi chó mà lại cứ rống lên êu – êu, cộc – cộc! Cô bắt dọn riêng cho cô một chái nhà để cô đem bộ giường về kê, phòng khi đi về có chỗ nằm, hoặc khi chồng đi "man - nơp" hay đi "câu - lơn" [3] thì cô về ở cho vui.

---

1. *Băng-túp* (pantoufle): giầy băng túp.

2. *Foch* và *Joffre*, hai thống chế Pháp trong Đại chiến 1914-1918.

3. *Man-nơp* (manoeuvre): thao diễn, diễn tập. *Câu-lơn* (colonne): hành quân cấp đại đoàn, cũng có nghĩa là hành quân.

Ngày vui ngắn chẳng đầy gang, vợ chồng cô sắp từ biệt ra đi, ông đĩ Hoét còn giữ lại việc trả của cho người chồng cũ. Cô trợn mắt nói: "Thầy mẹ chúng nó, tôi lấy Tây thì tôi tức là đầm rồi, đứa nào vô phúc thì động đến chân lông tôi mà chơi, thầy đừng lo! Việc làm ăn cứ chăm chỉ, rồi có muốn tậu ruộng tậu vườn, nếu trong làng ai bán thì thầy cứ ra bảo tôi. Thằng này tuy khá, nhưng nó sắp về Tây, chẳng bòn cũng thiệt".

– Thế "anh nó" không sang nữa ư? Rồi làm thế nào?

– Không sang thì thôi, lấy thằng khác, cần gì!

Trong khi chuyện với anh Tây lúi húi sửa cái xích xe đạp, cô Hoẻn cầm cái ô tần mần sỉa xuống đất thành những lỗ con, rồi ngước mắt nói: rồi tôi sẽ dắt díu cho lũ trẻ làng ta ra ngoài ấy, dạy dỗ cho tiếng Tây thông thạo, phấn son vào, ăn mặc vào, rồi mối manh cho khéo, bùa thuốc cho linh, thay quyền cha mẹ chúng nó mà gả bán cho Tây, thì phải biết là khá!... tội gì mà cứ bắt chúng nó chăn trâu cắt cỏ ở chốn quê mùa này, khổ bỏ mẹ đi ấy.

Tiếng chuông xe đạp bấm kính công, báo hiệu giục đi, cô Hoẻn nhoẻn mép nghiêng mình chào bố mẹ, bác lính Tây ngả mũ chìa tay ra bắt tay ông đĩ Hoét mà bảo: "Ông già bố cu tốt" kèm theo một tiếng cười ròn rã của cô Hoẻn gửi lại cái nhà tranh. Lũ trẻ chạy theo một cách bạo dạn hơn.

Đạm Hiên

Thời vụ, số 40, 28–6–1938.

Làm thay hội Khai trí tiến đức.

NHỚ VIỆN XƯA...

Bài văn tế Viện Dân biểu khóa vừa qua.

Bắc Kỳ nhân dân đại biểu viện tuy không liên lạc gì với hội Khai trí tiến đức, nhưng hàng năm hội họp viện ấy vẫn phải họp nhờ hội quán của hội ấy, như thế cũng đáng kể là một chỗ tình nghĩa. Nay viện ấy đến ngày tận số, hội Khai trí đáng lẽ cũng nên tế phúng một

tuần. Nhưng ban văn học của hội ấy chừng còn bận chấm các văn thưởng chắc không có thì giờ lo điếu việc này, vậy xin làm thay một bài văn tế cho được có đầu có mỏ.

Văn rằng:

Năm Bảo Đại thứ 12, tháng 6, kiến đinh vị, mồng một ngày Giáp Tuất, qua mồng 8 ngày Tân Ty, hội Khai trí tiến đức đem rượu xâm banh, bánh ngọt, thuốc lá Bastos, dâng trước linh sàng "biểu dân cử cơ quan" Bắc Kỳ quý hội Bính Dần khóa nhân dân đại biểu viện; khóc mà than rằng:

Than ôi!

Tuồng tuyển cử đã ngày khai mạc, đào nào kép ấy, nhặng bộ theo nhau;

Chợ nghị trường đến lúc thay phiên, nghĩa cũ, tình ghi, bồi hồi khôn tỏ.

Nhớ viện xưa:

Sinh năm Quý Hợi, ở đất Bắc Kỳ; với dòng Lạc Hồng cùng ông thủy tổ.

Lèm bèm nếp đất, ăn vụng như ma;

Ù cạc tính trời, gật tràn không hổ.

Cũng có kẻ vì dân... rình trộm, trương tuần Linh quen đi nắng nằm sương;

Cũng có người vì nước... trừ tà, thày tự Năng giỏi vẽ bùa đọc chú;

Đứng trùm hai khóa, Phạm bìm bịp năm trăm mỗi tháng, nhớ về tướng thâm môi;

Ăn mảnh một mình, Lê cò lương bạc vạn hàng năm, bởi có tài vươn cổ.

Thơ thẩn đứng ngoài chép miệng, Vũ Văn An gặp phải cơn đen;

Tung tăng theo đóm ăn tàn, Đỗ Thúc Phách nay đương vận đỏ.

Nghiêng đầu mửa xuống ghế, quá mồm, quá miệng, ma men ám nghị Đồng;

Giữa viện, bĩnh ra quần, xấu dạ xấu trôn, quân tào đuổi nghị Lộ.

Rồi những kẻ ngồi trong hội nghị, uể oải ngáp dài;

Rồi những người nghe đọc diễn văn, lim dim gật ngủ.

Than ôi!

Mặt nạ cùng phường,

Bù nhìn một lũ.

Bốn năm chẵn dạ – vâng chầy cối, bảo rằng bênh quyền lợi quốc gia;
Trăm miệng thi ăn nói quàng xiên, cũng gọi cơ quan dân chủ!
Thôi thế cũng có đầu có mỏ, gọi là góp tiếng với người;
Chỉ thương thay không ốm không đau, phút chốc đến ngày tậnsố.
Than ôi!
Vật không mến chủ, sông Lô, núi Tản, mưa nắng vẫn như thường;
Cảnh vội quên người, bến Nhị, hồ Gươm, cỏ hoa không chịu ủ;
Nay bản hội vì tình quen thuộc, lòng thành, lễ bạc, truy điệu thay bảy triệu quốc dân;
Hỡi hương hồn ở chốn u minh, sống khôn thác thiêng, trung thành mãi với hai chính phủ.
Hỡi ôi, thương thay!
Phụ duy thượng hưởng!

Xuân Trào

Thời vụ, số 42, 5–7–1938.

ĐÃ THẤY ÔNG PHẠM HUY LỤC

Hú vía! Tưởng là mất ông Phạm Huy Lục.

May sao các bài chiêu đề của *Thời vụ* vừa mới truyền đi thì ông ấy đã lòi ra liền. Đúng như lời thiên hạ dự đoán từ hồi thông tư năm ngoái, ông ấy trổ ra trong tỉnh Phú Thọ và đã ứng cử ở khu thứ nhất tỉnh ấy. Thì ra ông viện trưởng sắp "cựu" của Viện Dân biểu Bắc Kỳ cũng là một nhà phù lục [1] cao tay, trong lúc người ta nhao nhao phơi mày phơi mặt với cử tri, ông ấy vẫn tàng hình ở các lũy tre Phú Thọ để sai khiến âm binh, luyện tập phù phép tranh cử?

Hành động bí mật là thế mà ông Lục còn bị bốn người vật lộn cả thảy. Cái sân vật ấy nếu không có ai là "mồi bài tây" thì cuộc tranh cử của ông Lục cũng hơi chật vật.

Tuy vậy, cái ghế dân biểu của khu thứ nhất Phú Thọ thế nào cũng về ông Lục. Bởi vì bốn địch thủ với ông ấy đều là hạng thiếu sức. Chẳng những ông cụ 73 tuổi, già quyện không làm gì được, mà đến mấy ông trai trẻ khỏe mạnh, cũng không đánh nổi ông Lục.

---

1. *Phù lục*: như phù thủy.

Là vì ông Lục có nhiều phép ngoại.

Người ta nói rằng: trong mấy hôm nay, âm binh của ông Lục đã rắc bùa cái, bùa con, bùa đeo, bùa dán, bùa yểm đủ các thứ bùa ở khắp một khu thứ nhất Phú Thọ và đã thu hết hồn vía của cử tri rồi. Chỉ đợi đến ngày bỏ phiếu, ông Lục đọc một bài sai những âm binh ấy sẽ có đủ phép thần thông để nhặt hết phiếu bầu mà ném vào cho ông Lục. Bốn đô vật kia không thạo những pháp thuật ấy mà muốn tranh với ông Lục thì tranh sao được?

Ông Lục phải thắng, cái đó chắc như trầy chét rồi. Điều đáng tiếc là, đã có pháp thuật cao cường như vậy, sao ông Lục không ứng cử ngay ở Hà Nội, mà lại bon về Phú Thọ.

Phải, đường đường một ông nghị trưởng đương thứ, mà khi muốn ra tái cử, lại phải bỏ đất đô hội chuồn về xứ đồng rùng, thật là chuyện thương tâm. Người khác ở trường hợp ấy, tất nhiên không thể cầm được nước mắt, không biết trong khi ngồi xe lửa từ Hà Nội ngược lên Phú Thọ, ông Lục có khóc tiếng nào hay không?

Có người đoán chắc rằng ông Lục không khóc. Bởi vì ông ấy cho rằng: cái đất nghìn năm văn vật bây giờ đã thành ra đất điêu bạc vô lễ, dám biết hết "tày" một ông viện trưởng đã *trưởng viện* đến hai khóa liền.

Ông ấy không buồn thay mặt cho họ, nên mới để mặt đem về cố hương, úp vào... dân cày.

Nhưng cũng có người đồn rằng: ông ấy có liêm sỉ, khi đã biết đất Thăng Long, khóa này chẳng ma nào bầu cho mình mà phải xách va li cùng đồ đệ tếch lên mạn ngược, ông ấy cũng có cảm động và đã rơm rớm nước mắt! Đáng lẽ ông Lục cũng không muốn ra ứng cử khóa này, nhưng nếu không làm dân biểu thì ông ấy sẽ thành ra vô nghề nghiệp – vì ngoài nghề "dân biểu" ông Lục không biết một nghề nào khác – sợ hoặc có ngày bị ghép vào tội du đãng, cho nên ông ấy ngậm cay nuốt đắng cố theo đuổi với các cuộc bầu cử năm nay. Thực ra chẳng phải đợi ai nhắc nhở, chính mình ông ấy cũng đã biết rằng: một ông nghị trưởng hai khóa nay phải bỏ về ứng cử ở thượng du, là chuyện rất ê.

Nếu vậy, ông Lục thật là người đáng thương, bà con cử tri ở khu thứ nhất Phú Thọ cũng nên thương tình ông ấy mà bầu cho ông ấy.

Xuân Trào

Thời vụ, số 42, 5-7-1938.

CHỈ CÓ ÔNG ẤY ĐÁNG LÀM DÂN BIỂU

Hôm nọ, tôi đọc danh sách những người ứng cử dân biểu, tôi buồn vô hạn là buồn.

Hơn 200 ông lăm le ra thay mặt dân, lý trưởng, chánh tổng có, cử nhân tiến sĩ cũng có, vậy mà không ai xứng đáng làm ông nghị viên của dân, chẳng chứng nọ thì tật kia. Cái đất ngày xưa đã đẻ ra những nhà chính trị đại tài như Trần Thủ Độ, Nguyễn Công Hãng, ngày nay bỗng đốn mạt đến thế, bảo tôi không buồn sao được. Té ra tôi đã nghĩ lầm. Có người cực kỳ xứng đáng mà tôi không hay.

Các ngài chắc đương nóng muốn biết người quý hóa ấy là ai. Thưa rằng: ông Phạm Huy Ngh... cháu gọi ông Phạm Huy Lục bằng bác, hiện đang ứng cử nghị viên thương mại cho dân Phú Thọ. Xứng đáng là vì trong lúc tranh cử, ông ấy đã làm một việc oanh liệt, người khác không thể làm nổi.

Việc lạy người sống.

Không phải là lạy cử tri, ông ấy lạy người tranh cử với mình. Số là ở tỉnh Phú Thọ, chỉ có 2 ghế thương biểu mà đến 3 người đầu đơn, ngoài ông Ngh... ra lại có hai ông Ngạc Văn Mai và Vũ Huy Hiền, cũng đều là tay kình địch. Liệu chừng đường đường vật nhau với họ chắc phải chật vật, ông Ngh... liền nghĩ ra kế "đà đao" tuyên bố xin nhường cho hai ông kia. Quả nhiên, cả hai đều trúng kế, không ai dự bị gì cả. Đến phút cuối cùng ông Ngh... vẫn không rút đơn. Bấy giờ ông Mai mới biết rằng mình bị lừa, hỏa tốc đến nhà ông Ngh... để hỏi cho ra duyên cớ. Chừng như nhà dưới lúc ấy cũng có kẻ hầu đầy tớ đứng cạnh, không tiện giở thủ đoạn ra, ông Ngh... liền mời ông Mai lên gác. Thế rồi, trước mặt ông Mai, ông Ngh... làm luôn cái việc mà xưa nay người ta chỉ để dành cho ông bà ông vải?

Không phải chuyện đặt. *Việt báo* đã đăng tin đó và nói chắc chắn thêm rằng: Trong ngày bầu cử vừa rồi, chính miệng ông Mai, khi đứng trước ông Ngh... bô bô thuật với công chúng như vậy, ông Ngh... không hề cải chính nửa lời, đủ tỏ chuyện có thế thực. Chỉ tiếc *Việt báo* đã kể mà còn bỏ sót, không nói lúc ấy, ông có dùng đến kiểu lên gối xuống gối hay không.

Các ngài đừng chê ông Ngh... đê tiện. Đó là một việc oanh liệt. Chẳng cần hỏi đến học thức, chính kiến, chỉ một chỗ đó, đủ thấy ông Ngh... có thừa tư cách làm người đại biểu cho dân.

Không phải tôi khen ông Ngh... giỏi lạy, sau này ông ấy sẽ lạy Chính phủ để xin những điều ích lợi cho dân. Cái việc mà Chính phủ đã không muốn cho, dù có cắn rơm, cắn cỏ cũng không xin được nữa là lạy!

Tôi muốn nói về phương diện khác.

Trước hết hãy hỏi vì sao mà có nghị viện? Trong đời quân chủ chuyên chế, dân chúng không được tham dự chính trị, Chính phủ thường hay có sự lạm quyền, hại đến quyền lợi của dân chúng. Sau cuộc cách mệnh nước Pháp người ta thấy rằng muốn cho dân chúng dễ thở, quyền của Chính phủ phải hạn chế lại. Bởi thế các nước mới đặt ra nghị viện để bênh vực dân chúng khi mà quyền lợi của họ sắp bị Chính phủ xâm lấn.

Theo nguyên tắc ấy, nghị viện tức là cơ quan đối đầu với Chính phủ. Người nào có gan cãi lại Chính phủ mới xứng đáng ở vào ngôi ấy.

Xét đến chỗ này, các ngài chắc đã nhận thấy ông Ngh... rất đủ tư cách làm một ông nghị đắc lực. Là vì cái tục lạy sống, đức Bảo Đại đã cấm từ năm nọ rồi. Thế mà mới ra tranh cử nghị viện, ông Ngh... nhất định cứ lạy người sống, chứ không chịu theo, ấy là ông ấy đã phản đối đức Bảo Đại một cách gián tiếp vậy. Oanh liệt hay không oanh liệt?

Tôi dám tin rằng nếu không phải một nhà có đất quen làm dân biểu không thể có cái cử động ấy.

Thảo nào ông Phạm Huy Lục làm nghị trưởng hoài.

Xuân Trào

Thời vụ, số 46, 19-7-1938.

LÁ ĐƠN CỦA MẤY NHÀ CÔ ĐÀO Ở NGÃ TƯ SỞ GỬI LÊN CỤ THƯỢNG VI

Cô đào cố nhiên không phải tín đồ của cụ Khổng.

Vậy mà từ khi đạo Khổng sa sút thì phong hóa của xóm cô đào cũng như phong hóa của xóm ông cử, mỗi ngày mỗi thấy suy đồi.

Nếu ngài là một nhà đạo đức... thì khi qua các phố cô đào, ngài sẽ thấy cực kỳ khó chịu, nhất là ở các phố cô đào ngoại ô. Bóng ngài còn ở đàng xa, hàng đội bộ mặt trát phấn đã thi nhau ngong ngóng đứng đợi. Nếu tới đó mà vô ý nhìn vào một cái nhà nào, thì ngài sẽ bị vồ như cái mồi ngon gặp con cọp đói. Họ nắm tay phải ngài, họ lôi tay trái ngài, họ điệu ngài đi sềnh sệch như kẻ bắt nợ. Thật là mời khách quá nhà thổ ế.

Sự đó tuy không rối cuộc trị an nhưng cũng trở ngại cho cuộc giao thông của hàng xứ. Nó có thể làm cho nhiều ôtô xảy ra tai nạn, khi mà người ta còn phải "bắt khách" không kịp nghe hiệu còi của sốp phơ. Cái thói đáng ghét ấy ở nơi khác may ra còn được dong dự, chứ ở cái đất dưới quyền cai trị của cụ Thượng Vi tất nhiên phải bị bài trừ. Là vì tính cụ không ưa nhìn những cái chướng mắt. Mấy hạt mà cụ đã bước chân vào, bao nhiêu bèo Nhật Bản đều bị coi như giặc cướp cả. Như thế khi nào cụ chịu để cho cô đào hoành hành?

Mấy tháng trước đây cụ đã ra lệnh cho các nhà cô đào trong hạt không được cho con em ra đường lôi khách, kéo khách, người nào phạm vào tội đó sẽ bị trừng phạt. Vậy mà họ cũng không "tuân". Mới đây, mấy nhà cô đào ở Ngã Tư Sở đã bị chính cụ, hoặc người "thuộc hạ" của cụ bắt được quả tang khi họ đang làm cái việc mà cụ đã cấm. Theo lệnh cụ, các nhà đều phạt tám ngày đóng cửa, không được tiếp một người khách nào.

Đành rằng sự trừng phạt ấy cũng là đáng tội, nhưng xét cái tình của họ cũng đáng thương. Tôi xin nghĩ giùm họ một lá đơn khiếu oan để gửi lên cụ Thượng Vi.

"Kính bẩm cụ lớn

Chúng em là "chị em" ở Ngã Tư Sở, xin cụ lớn xét cho một việc sau này:

Duyên hôm vừa rồi, trong khi cửa hàng ế ẩm, chúng em có sai mấy người ra đường rước khách, mục đích chỉ cốt kiếm lời mà ăn, chứ không có ý gì khác. Chẳng ngờ việc đó đến tai cụ lớn và bị cụ lớn bắt phải chịu tội như nhà báo khi trước, đóng cửa luôn trong 8 ngày. Chúng em lấy làm oan uổng, dám xin cụ lớn xét lại.

Bẩm cụ lớn nếu trong xã hội Việt Nam, không ai làm việc đê tiện như chúng em thì chúng em chịu sự trừng phạt của cụ lớn cũng là đáng lắm. Nhưng hiện nay ở xứ sở của cụ lớn, sự tranh khách, cướp khách có phải riêng gì chúng em? Hôm nọ trong cuộc bầu cử dân biểu, hết thảy những người ứng cử đều dùng ôtô để săn cử tri, người ta co kéo cử tri còn đê tiện hơn chúng em co kéo khách hát, thiếu một cách họ chưa lễ sống cử tri mà thôi. Sao những người ấy không ai bị phạt, cụ lớn lại phạt chúng em?

Vả chăng, đối với chúng em, cái sự mời được người khách vào nhà cũng khó khăn như sự thăng trật, thăng hàm đối với các quan phủ huyện vậy. Cụ lớn chắc đã biết rõ, ở cái đời này, các ông phủ huyện không chịu vận động khi nào mà họ được thăng? Tình cảnh chúng em cũng vậy, nếu không ra đường co kéo, khó mà có được người khách vào nhà, đàn ngọt hát hay mặc kệ.

Vậy xin cụ lớn nghĩ những chỗ đó tha tội cho chúng em.

Nay kính bẩm"

Xuân Trào

Thời vụ, số 47, 22-7-1938.

CÁI BẤT NHÃ CỦA ÔNG PHÓ SƠN HỌ HÍT

Sau cuộc "Muy châu phó hội" [1] của ba vị yếu nhân Anh, Pháp, Ý, thế giới hiện đang hết sức hoan hỷ. Người ta cho rằng: nhờ cuộc đại hội ấy, nhân loại đã khỏi một hội mạt kiếp.

Riêng tôi, khi đọc những tin hàng ngày tôi rất khẳng khái cảm

1. Trong hội nghị Muyních (30-9-1938), Anh và Pháp đã nhận để Hítle chiếm đóng Tiệp Khắc. Đây là sự phản bội của Anh, Pháp đối với nhân dân Tiệp Khắc và là sự đầu hàng trước thế lực phát xít hiếu chiến. Hítle sau khi đưa quân vào vùng Xuyđét, ngày 15-3-1939, đã xâm chiếm toàn bộ nước Tiệp Khắc.

động, chút nữa phải sa nước mắt nếu như tôi sẵn nước mắt. Cố nhiên không phải vì thương số phận của nước Tiệp Khắc. Bởi vì, trước tiếng gầm hét của con cọp già Đại Đức, chính nước Pháp là bạn nối khố với nước Tiệp còn không thương nổi họ thay huống chi... tôi... Tôi chỉ ái ngại cho hai cụ Xămbéclanh và Đalađiê [1]. Khốn nạn, cái vị trọng yếu của hai cụ có kém gì lão Mutxôlini? Ai dám cả gan mà bảo danh giá của Thủ tướng nước Anh và thủ tướng nước Pháp không bằng danh giá của Thủ tướng nước Ý, có lẽ tôi phải cãi cho tới cùng! Hơn nữa, trong mấy bữa trước, khi mà Thủ tướng họ Mút ngồi tốt ở thành La Mã để thỉnh thoảng nói vài câu chơi, thì Xăm tướng công và Đa tướng công đã bao phen bay đi bay về trong vùng Ba Lê – Luân Đôn để duy trì nền hòa bình cho Âu châu. Với sự khó nhọc ấy, đáng lẽ trong cuộc đại hội ở Muy thành, lão Hít nên đãi hai cụ hậu hơn lão Mút mới phải.

Nhưng không thế, hình như ông phó sơn này chỉ biết có bạn áo đen của mình, không thèm để hai cụ vào trong con mắt của hắn. Thì lúc đó lão Mút khởi hành sang Đức, lão Hít ra tận biên giới cũ của nước Áo nghênh tiếp hẳn hoi, mà khi hai cụ Xăm, Đa lần lượt hạ máy bay xuống đất nước Đức, hắn chỉ giao cho mấy kẻ bộ hạ của hắn đón rước qua loa lấy lệ, chính hắn không hề ỏ ê gì đến, như thế có tức không chứ?

Ừ thì một mình hắn không thể săn sóc được cả ba người, cái đó có thể tha thứ. Nhưng sao đến lúc ăn cơm, hắn vẫn cố xử một cách bên khinh bên trọng? Buồng ăn của hắn, chắc không chật hẹp đến nỗi không thể ngồi lọt bốn người. Thế mà bữa trưa hôm ấy, hắn chỉ mời riêng lão Mút về ăn với hắn ở điện La Prime Eugène để cho hai cụ Xăm, Đa đi ra hàng cơm "xực phàn" với nhau. Thực là xỏ lá ra mặt! Các cụ còn cố nhịn nhục mà nuốt cho trôi bữa cơm của hắn chứ tôi, nếu gặp trường hợp như thế, tôi sẽ bay tuột về Luân Đôn, bay về Ba Lê, thế giới chẳng hòa bình thì chớ!

Nào có thế thôi.

Lúc xong công việc, ba vị Thủ tướng của ba nước đến từ biệt hắn mà về thì hắn cũng chỉ đi tiễn một mình lão Mút ra ga, không thèm đưa chân hai cụ Xăm, Đa bước nào, chỗ đó mới càng đáng ghét hơn nữa.

---

1. Thủ tướng Anh và Thủ tướng Pháp khi đó.

Mà nào các cụ nhà mình có làm điều gì trái với ý hắn? Hắn đòi cướp đất Suyđét, hai cụ đã vâng cho hắn kéo quân vào chiếm Suyđét. Hắn đòi mở cuộc đầu phiếu ở nơi có ít dân Đức, trong đất nước Tiệp, các cụ cũng thuận cho hắn muốn mở cuộc ấy ở đâu thì mở. Như thế, hắn còn thiệt thòi gì nữa mà không trọng đãi các cụ!

Thì ra, các cụ càng nhượng bộ với hắn bao nhiêu, hắn càng coi thường các cụ bấy nhiêu. Trước sự đãi ngộ bất bình đẳng ấy, bảo tôi không tức sao được!

Các ngài đừng tưởng cái tủi của tôi là vô ý thức! Với nước Nam, nước Pháp là một mẫu quốc, chuyên để lo lắng công việc khai hóa, mà với nước Pháp, nước Anh là một huynh quốc, việc gì Anh cũng đi trước cho Pháp đi theo. Thế thì làm dân nước Nam như tôi, với nước Pháp cố nhiên có nghĩa là đứa con nuôi, mà với nước Anh cũng có nghĩa là đứa cháu gọi bằng cậu.

Bây giờ lão Hít chẳng những khiếm nhã với cụ Thủ tướng của "nước mẹ" tôi, mà hắn còn khiếm nhã luôn cả với "nước cậu" tôi nữa, thì cái thứ tôi, phỏng hắn còn coi ra gì, nếu hắn biết trong nước Nam có tôi.

Than ôi, viết đến câu này, tôi lại rưng rưng nước mắt.

Xuân Trào

Thời vụ, số 69, 7–10–1938.

THẾ THÌ NHÀ BÁO LÀ ÔNG TRỜI

Các báo Trung Bắc chưa có hân hạnh ấy.

Đây là sự vinh dự của các bạn đồng nghiệp trong Nam.

Nhưng không phải là chuyện tự do báo chí. Nó là dây dưa của nạn cướp lúa.

Trong một bài trước, tôi đã nói qua, nạn ấy, độ nọ, đã làm cho nhiều nơi ở miền Hậu Giang hầu như lộn xộn trật tự.

Cứ lời ông Nguyễn Văn Sâm đã nói trong báo *Tự do*, thì đầu đuôi trong mấy hôm trời, hai tỉnh Bạc Liêu, Rạch Giá, xảy ra mười đám cướp lúa cả thảy.

Nói là cướp, chẳng qua tôi muốn hà tiện cho cái ngòi bút. Kỳ thực bấy nhiêu đám đó đều chưa đủ điều kiện được gọi là những vụ cướp. Bởi vì bao nhiêu ngàn người dự các vụ ấy đều không có một tấc khí giới. Hơn nữa, khi đến những nhà chủ điền, nhiều người còn trao cho họ những bức văn tự vay nợ, có ký tên tuổi rõ ràng. Đáng lẽ phải gọi là vay. Nhưng vì trong khi hỏi vay, người ta không đợi chủ nợ ưng ý, cứ kéo ùa vào mà xúc lấy lúa, vay đâu có lối vay thế! Thà bảo là cướp còn có nghĩa hơn.

Dù vay dù cướp cũng vậy, sự đặt tên ấy không quan hệ gì. Cái quan hệ là nguyên nhân nạn ấy ở đâu mà ra?

Quan Thống đốc Nam Kỳ bảo là có kẻ xúi giục.

Ông Nguyễn Văn Sâm của báo *Tự do* bảo tại cái máy chính trị vụng về, không biết kiếm công tìm việc cho dân làm ăn trong khi túng thiếu.

Bạn đồng nghiệp *Lục tỉnh tân văn* chừng muốn được lòng mấy ông xét ty [1] đổ tội luôn cho đạo nghị định cấm việc cho vay nặng lãi.

Còn tôi? Lúc đầu, tôi vẫn tưởng rằng: nạn đó, một phần là tại mấy ông chủ ruộng. Giả sử, ngày thường các ông ấy không bòn rút bọn kia một cách thái thậm, thì dù có gặp một năm mất mùa may ra họ cũng không đến nỗi đói.

Hay là giả sử trong lúc họ trót đói rồi, các ông ấy chịu bố thí bớt cái thừa thãi của mình để cứu những bộ dạ dày trống rỗng của họ thì đâu đến nỗi họ phải rủ nhau đi cướp?

Nhưng không thế!

Những năm được mùa, người ta đã nạo xương họ, hút tủy họ chỉ để họ đủ sống một đời ngắn ngủi, rồi khi đói khổ, người ta khư khư khóa chặt "lẫm lúa" không chịu vung ra một hạt.

Nào ai cãi lại câu đó để tôi xin mời hai ông Hứa Quang Chiểu và Trương Quang Thành làm chứng.

Bằng một thứ giấy bạc đặc biệt, ông Chiểu đã cho tá điền vay nợ với kiểu "một vốn tám chín mười lời". Và trước cái cảnh nheo nhóc của hàng nghìn dân đói, ông Thành vẫn chất lẫm một vạn ba nghìn giạ lúa để cho mọt ăn. Những chuyện ấy trong tờ báo này đều có nói đến.

---

1. *Xétty* (shetty): chủ cho vay nặng lãi.

Thế là người ta chế tạo ra lũ dân đói để bắt họ phải đến nhà mình mà cướp chứ gì?

Ấy là khi trước thì tôi nghĩ vậy. Song, sợ mất lòng mấy ông điền chủ. Cho nên hôm nọ tôi phải kết án cho con ma đói. Nhưng xét cho kỹ buộc tội oan nó, chính nó cũng là khổ chủ, không phải thủ phạm. Vì thế, tôi đương muốn trút tội lỗi vào đầu ông trời. Bởi tại ông ấy gây ra nạn lụt nạn "tim", lấy hết lúa gạo của lũ dân cày, cho nên mới đẻ ra lũ ma đói chuyên xui đàn bà con nít kéo đi cướp lúa.

Quả báo! Tôi mới nghĩ vậy mà chưa kịp nói, thì, như muốn trả thù cho trời, mấy ông điền chủ trong Nam đã quay trở lại mà đổ tội luôn cho các bạn đồng nghiệp của tôi trong ấy.

"Cái nạn dân đói cướp lúa, chỉ tại các báo quốc âm gây ra", khi quan Thống đốc xuống miền Hậu Giang, các ông ấy nói ở trước mặt ngài như thế, và các ông ấy còn yêu cầu Chính phủ khôi phục lại việc kiểm duyệt báo chí là khác. Cố nhiên các báo trong ấy không có báo nào xui dân đi cướp lúa, cũng không báo nào xui dân "đói đi". Thế thì cớ sao lại bị người ta gắp lửa mà bỏ bàn tay? Hay là các bạn đồng nghiệp trong ấy đã có bí thuật gây ra nạn lụt, nạn "tim"? Nếu thế thì các báo quốc âm cũng có uy quyền thiêng liêng như ông trời rồi còn gì!

Nhưng không nên trách mấy ông chủ ruộng, chỉ trách các báo trong ấy. Làm sao các bạn đã lĩnh cái trách nhiệm hướng đạo quốc dân, mà còn để cho khu vực của mình vẫn có những ông điền chủ ngây thơ đến vậy? Tôi muốn yêu cầu các bạn từ đây trở đi, mỗi bạn nên mở thêm một mục "điền chủ giáo dục" dành riêng cho mấy ông ấy.

Xuân Trào

Thời vụ, số 74, 25-10-1938.

CHÚNG TÔI RẤT KHÓ CHỊU VỚI BỌN "NHO" Ở CÁC PHỦ HUYỆN

Mỗi khi có việc phải đi lại giao thiệp với phủ huyện, chúng tôi lấy làm khó chịu với bọn "nho", một hạng người sống lẩn lút trong hàng nha lại ở các phủ huyện, không có quyền hành trách nhiệm gì, mà cũng chẳng có lương bổng gì, chỉ nhờ cái tài bợ đỡ luồn lọt, mà sống trên lưng kẻ khác bằng cách giả dối lường gạt, mối lái cho việc

hối lộ, làm ngòi cho việc thưa kiện, ung dung được cơm no áo ấm quanh năm.

Trong việc giao tiếp với những người có việc ở nha môn, họ thay đổi một ngày không biết bao nhiêu nét mặt. Người đương sự nếu là một người dân quê khờ khạo, ngớ ngẩn, thì bất luận người ấy tuổi tác đáng vai cha chú, bất cứ bên bị hay bên nguyên, hoặc có việc gì khai báo, chỉ những bộ áo nâu sồng rách rưới cũng đủ làm cho họ khinh nhờn rẻ rúng, đối đãi bằng cách cốc láo trắng trợn, níu lấy áo, giằng lấy đơn, chê bỉu là ngu là dốt, bẻ bác mãi lẽ này lẽ khác, rồi hăm dọa sẽ bị can, bị cứu, hay là quan không chấp đơn, cụ bộ bắt làm lại, năm bảy anh xúm vào bàn tán, cật vấn từng ly từng tý. Trước tình cảnh ấy, người dân quê không lịch duyệt, không học thức không khỏi có sự bối rối lo sợ. Thừa dịp ấy là chúng xoay cách gạ làm đơn hộ, hứa sẽ đứng trang xếp hộ công việc cho chóng xong. Nếu cố cưỡng không chịu mất tiền thuê, thì quả nhiên cái đơn không được ai tiếp nhận, vì bị bác là lời khai không minh bạch, nghĩa lý mập mờ bắt khai lại. Lá đơn ấy bị đem ra thì tất nhiên cái giá làm đơn của chúng sẽ tăng lên cho bõ ghét. Nếu người đương sự có vẻ phong lưu, hay hiểu biết đôi chút thì chúng giả bộ trọng vọng kính cẩn, gây cảm tình bằng những cách nịnh hót nhảm, làm thế nào cho người ta vui lòng sai khiến bảo ban cho thì lấy làm sung sướng lắm. Có khi họ mách bảo bên nguyên vừa xong, khi tiếp kẻ bị đơn, họ lại làm ra hình thân mật, xúi bẩy cách vật lại bằng lẽ này lẽ khác, rồi hứng đựng cả công việc lo chạy cho hai bên để kiếm chác. Nếu việc chẳng ăn thua gì, thì chúng tìm cách nói bóng gió xỏ xiên, kẻ có việc làm thinh chịu nhịn cho qua, thì chúng được thể lên câu, vu cho thế này thế khác, hoặc xúc xiểm kẻ khác làm hại. Cái phong vị khinh bạc ở nha môn dân quê nhẫn nhục đã quen rồi, nhà chuyên trách cũng chẳng lấy thế làm chướng tai nghịch mắt. Vả chúng lăn lưng vào làm việc không công, cốt "ôm chân nấp bóng" để hòng kiếm lợi của người dân các xã, đã chẳng thiệt hại cho ai, lại sẵn có người sai bảo, thì sự dung túng cho họ những cái cử chỉ ấy là lẽ tất nhiên phải có. Trong bọn "nho" ấy lại có một hạng giàu nổi ở các xã, muốn ra tranh ngôi tổng lý, đem lương ăn, đem lễ vật đến gửi thân trong vài ba tháng, nói là để tập tành cho biết việc quan, nhưng kỳ thực là muốn nương tựa chỗ quyền quý cho thêm uy thế để dễ lòe nạt người khác. Tuy học hành chẳng được mấy, nhưng cốt có ngọn bút cài tai thậm thọt trước nha môn cũng đủ khiến lũ dân lành khiếp sợ!

Bọn "nho tài tử" này lại nguy hiểm cho dân hơn nữa. Chúng hết sức tìm kiếm bới móc những việc trong hương thôn, xui bên nọ giục bên kia, để dắt mối thưa kiện cho quan thầy kiếm lợi, càng bới được nhiều việc, quan thầy càng yêu, sự mơ tưởng hàng ngày của chúng là được quan thày tặng cho cái tên đày tớ chân tay là hả lắm rồi!

Vì hiểu thấu sự nhũng lạm ấy, mấy năm trước, quan trên đã ra lệnh cấm ngặt bọn "nho" ở các nha môn phủ, huyện, bắt nha lại phải làm lấy hết thảy những công việc mà mình có quyền hành trách nhiệm. Lệnh ấy thi hành trước tiên tại tỉnh Hà Đông, được một độ vắng những hạng đầu trâu mặt ngựa ấy, dân cũng được đôi phần dễ chịu, nhưng rồi sau vì không có sự kiểm soát nghiêm ngặt mà cũng một phần bởi chính sách tiết kiệm của Chính phủ, nên thiếu viên chức làm việc, nhờ có bọn "nho" đỡ tay thay việc được nhiều, cho nên bọn ấy dần dần lại hiện ở các nha môn như cũ.

Muốn hưng lợi cho dân, tất phải trừ hại đã.

Đó là cái nguyện vọng mà dân chúng tôi mong mỏi hằng ngày. Chúng tôi nhận thấy chỗ nào cũng có hạng đầu cơ bàng thực [1] chỉ chờ dịp để sống trên lưng thằng lưng cao khố bện. Họ giở nhiều thủ đoạn quỉ quái tinh ma để lừa dối lường gạt lũ lương dân chúng tôi, bọn "nho" này là cái họa đã lâu đời, vẫn lẩn lút trong bóng tối, vì chúng mà dân chúng tôi lâm vào vòng thưa kiện, đoạn tuyệt hết những tình nghĩa họ hàng làng xóm, dân chúng tôi tan cửa nát nhà, vợ con điêu đứng cũng một phần vì chúng chỉ lối đưa đường để đem của mồ hôi nước mắt đổ vào túi tham không đáy, riêng phần chúng chỉ là lũ quân săn, được hưởng chút phần rơi rụng mà thôi.

Mong rằng Chính phủ ra tay trừ khử cho dân chúng tôi cái họa ấy.

Đạm Hiên

Thời vụ, số 75, 28-10-1938.

---

1. *Bàng thực*: đứng ngoài ăn vào.

VIỆC TUẦN PHÒNG Ở CÁC LÀNG

Hương thôn có tuần tráng cũng như ở thành thị có cảnh sát, để ngày đêm canh giữ trong làng và ngoài đồng, ngăn ngừa trộm cướp, cứu cấp thủy hỏa cùng thi hành những mệnh lệnh của dân.

Người đi tuần đã vì công an, công ích mà xuất lực, thì phận sự của người cùng làng đều vui lòng báo lại bằng lệ lấy lúa sương, mỗi sào vài lượm, hoa màu ngô khoai thì mỗi sào mấy xu, trong làng thì cho thu tiền nóc nhà chia ra làm ba hạng, nhà ngói, nhà gỗ và nhà tre, thuế trâu bò và tiền cheo của con gái làng khi đi lấy chồng. Cổ lệ, thì mỗi làng cắt mười người đàn em chia nhau canh gác trong năm trống canh, hai người trương tuần thì hiệp lực với phó lý để trông nom đốc thúc. Những món lợi hàng năm mà dân cho chẳng qua chỉ là món phụ cấp chứ không phải là lương, vì món tiền ấy chẳng được bao nhiêu. Về sau, những nhà giàu có, đến tuổi đóng góp với làng không chịu gánh vác việc khó nhọc ấy, nhà nghèo thì trông vào số lợi ấy chẳng đủ nuôi thân cũng sinh lòng chán nản, người ta mới nghĩ ra cách mua nhiêu mua xã để hạng bạch đinh trọc phú bỏ của ra cho khỏi phải chịu việc khó nhọc. Thế là từ đấy, những việc gian lao nguy hiểm ấy trút cả cho bọn cùng đinh, bắt những người nghèo khó, nhà tranh vách đất, ăn đói mặc rét, phải ra canh giữ cho những người giàu có sung sướng. Bọn đó cố nhiên là ai cũng có quyền khinh rẻ thì những món lợi mà dân để cho lại bị bọn tổng lý, nha lại, lính lệ, lính tuần lấy thế là người được quyền kiểm soát, đốc thúc, rồi cũng tìm cách ăn bớt, ăn chặn mất cả.

Ngoài việc phận sự canh gác, lại còn phải hầu hạ các ông tổng lý, nào là theo hầu ông lý, ông bá trong các đình đám, nào là phục dịch trong nhà các ông ấy khi có giỗ chạp, hoặc sai bảo việc này việc khác của những ông có quyền đánh mắng.

Quyền lợi đã không có, công việc lại khó nhọc, thế mà trong việc canh giữ nguy hiểm thì khí giới không có, luyện tập cũng không, thì địch lại thế nào được những quân trộm cướp hung bạo. Một khi trong làng có trộm cướp xảy ra, nếu không đút lót cho tổng lý, van lạy sự chủ thì sẽ bị người ta khép vào tội không ứng cứu mà bắt đền, bắt lỗi nữa.

Xưa nay việc trộm cướp xảy ra trong làng phần nhiều là do bọn du thủ, du thực kết nạp với bọn ở ngoài mà đem việc trộm cướp về làng. Việc xong rồi cũng có người biết là tự thằng nọ thằng kia mà không dám nói rõ trước mặt nhà chuyên trách, vì việc thám báo đã chẳng lợi gì, mà có khi mắc tội man báo, có khi bị chúng nó thù oán khó lòng làm ăn yên ổn được. Bọn tổng lý nhân đấy tìm cách ăn thông với bọn cướp, tìm cách che chở bênh vực, dọa nạt sự chủ, tuần phiên, rồi lập tờ trình qua quýt cho xong chuyện, ngoài việc dối trá trong việc khai trình, còn bắt sự chủ và tuần phiên đút lót với quan nữa.

Việc phòng thủ thôn quê hiện nay có mấy điều khó khăn là cấp lương cho tuần phiên thì dân đinh, điền hộ đóng góp nặng nề lắm rồi, không chắc có thể nuôi nổi lương tuần, mà tuần có lương, tổng lý không có lương thì trước hãy xảy ra một cuộc đấu giá cho nha lại tổng lý, rồi sau này anh nào được, còn phải cung ứng cho khỏi bị họ hành hạ để bóp nặn. Việc luyện tập thì không có người huấn luyện, mà cũng chưa biết huấn luyện theo phương pháp võ nghệ của ta, hay theo lề lối nhà binh. Nếu tập theo võ nghệ của ta thì môn ấy đã thất truyền từ lâu, và có cũng không thể đem giáo mác gậy gộc ra đối địch với quân cường đạo có súng ống đạn dược. Nếu tập theo cách nhà binh thì hẳn là chính phủ không bao giờ dám cấp súng cho tuần.

Việc dò xét trộm cướp cần phải có một cơ quan thám thính, thì hiện nay sở liêm phóng bắt buộc sự chủ phải nộp tiền lệ phí rất nặng, rồi mới ra lệnh truy tầm là một sự rất khó khăn, mà quan bản hạt thì trăm việc đổ vào đầu, không sao làm xiết được, nếu trong hạt mà trộm cướp nổi lên lại là một dịp kiếm tốt, một việc không quan thiết tới cuộc thăng thưởng của mình như việc bán rượu cho chạy, thu thuế cho róc, thì tội gì vất vả khó nhọc, mà có khi lại còn nguy hiểm tới thân...

Đạm Hiên

Thời vụ, số 83, 2-12-1938.

CHIẾC MŨ BA ĐÀO

Ở Anh - cát - lợi người ta mới khám phá ra một việc cực kỳ quan trọng. Tuy không chết ai, nhưng rất quan hệ đến danh dự của đế vương giới. Có lẽ, nó đã làm hay sẽ làm cho dư luận giới ấy phải sôi nổi bất bình.

Cái mũ của cựu hoàng đế nước Á bị lọt vào tay một người thợ bạc.

Cứ như báo *Daily Mail* đã nói, thì người thợ ấy tên là Tyndall, vẫn ở Luân Đôn, hiện đương rao bán chiếc mũ ấy. Người ta nói rằng: Thực giá của nó phải 9 vạn đồng tiền Anh, vì nó là mũ tôn vương của Đại Á[1] hoàng đế, có giát 718 viên bảo thạch.

Không hiểu vì lẽ gì Tyndall lại vớ được thứ bảo vật ấy. Chắc không phải là hắn ăn trộm hay ăn cướp của Á hoàng. Bởi vì, nếu bị mất trộm, mất cướp thì ngài đã báo với Hội Quốc liên, ngài chỉ trình về việc mất... nước, không thấy nói đến chuyện mất mũ, quyết không phải bị ai lấy không!

Hay là ngài cố cho hắn?

Cái đó cũng hơi có lý.

Lúc từ Ăng - lê sang Thụy Sĩ để theo vụ kiện Mussolini, ngài cũng túng tiền lộ phí, có thể làm được việc đó. Hoặc giả ngài nghĩ nước đã không còn, mũ cũng là vô dụng, cho nên thà tống nó đi.

Nói cho phải ra, cái mũ ấy của Á hoàng kể cũng khí nặng. Không nói thứ khác, những như hơn bảy trăm viên bảo thạch hợp lại, ít ra cũng đến bảy kilô, chẳng kém gì một thúng đất của phu đất, của phu lục lộ. Xem như những người mua mũ hay chuốc thứ mũ rút cân cho nhẹ, thì biết một vị đế vương phải đội đến bảy kilô trở lên, cũng là một thứ hình khổ nhục. Lười biếng như tôi, giả sử ai cho mũ ấy để bán lấy tiền, thì tôi hết sức hoan nghênh, nếu bắt ngày ngày đội nó mà ngồi chễm chệ trên ngai vàng, thì ôi thôi, tôi cũng xin lạy cả nón. Thà cứ làm thằng Xuân Trào.

Nhưng mà có thế mới làm được vua. Chẳng những một mình Á hoàng, các vua nước Tàu ngày xưa đều phải chịu thứ hình phạt ấy.

---

1. *Đại Á*: tức nước Abixini (Êtiôpi ngày nay), trước đây gọi là nước Á. Năm 1935, Abixini bị nước Ý phát xít đánh chiếm.

Bởi vì, các vị thiên tử của Tàu đều đội mũ miện. Theo sách *Lễ ký* đã nói, thì "miện" của thiên tử là một thứ mũ "mái phẳng", có 12 tua toàn bằng châu ngọc. Tuy không biết là bao nhiêu cân, nhưng cứ 12 chuỗi ngọc thườn thượt từ ngang đỉnh đầu xuống trước trán, tưởng tượng cũng biết là nặng.

Song nặng thì nặng, nó đã là vật của mình vẫn đặt lên đầu, không nên để nó bệ rạc, nếu mình còn quý đầu mình. Vì thế, sách cổ của Tàu mới nói: "cái mũ dù nát vẫn cứ phải để lên đầu".

Mũ thường còn phải giữ gìn như thế, huống chi là mũ tôn vương. Chúng ta chưa được từng trải việc ấy, cho nên không cho là hệ trọng. Thực ra, đối với người châu Âu, cái mũ tôn vương vẫn quý vô giá, chưa kể đến số châu báu trang sức.

Bởi vì cuộc đội mũ của các đế vương châu Âu, không phải giản dị như lúc "trẫm" ra sân khấu. Nó là chuyện theo ở cổ điển của lịch sử, có nhiều lễ văn phiền phức. Người ta phải cử hành ở nhà thờ của đạo Gia tô. Trong đời thượng cổ, vua nước Israel là người thực hành lễ ấy trước tiên. Cách mấy trăm năm, hoàng đế nước Đông La Mã tuân hành một lần thứ hai. Từ đó trở đi thành lệ, ai lên ngôi vua cũng phải nhờ tay giáo hoàng đặt giùm cái mũ lên đầu.

Với người Âu châu, cái mũ tôn vương mà được quý giá là bởi lẽ đó.

"Đại Á cựu thánh thượng" tuy không phải là người Âu châu nhưng ở cạnh nách Âu châu mà lại không biết nghĩa ấy hay sao?

Đáng lẽ giấy rách cũng giữ lấy lề, trong lúc ngộ biến, nước nhà có thể bỏ, nhưng cái mũ tôn vương thì không thể bỏ. Vì nó là dấu vết của ngày vẻ vang. Vậy mà thất nghiệp một cái, ngài liền để nó phải chịu số phận ba đào. Té ra ngài không bằng mấy ông tẩy. Lính tẩy khi đi ghẹo gái Annam, dù bị nguy hiểm, họ vẫn cố chết giữ lấy cái mũ, không dám để nó lìa mình như vậy.

Bây giờ Á hoàng đã lang thang giang hồ, chắc không ngày nào chuộc lại được mũ ấy.

Vô phúc mà bị một anh phường chèo mua được, thì thể diện của đế vương giới sẽ ra làm sao.

Nếu gặp vận "tấy" như vua Phổ Nghi hồi này, tôi quyết vì bạn đồng nghiệp bỏ tiền chuộc lấy nó về.

Xuân Trào

Thời vụ, số 84, 6-12-1938.

CỚ SAO MÌNH LẠI LẠT LẼO CÁI MẶT CỦA MÌNH?

Tôi muốn nói về cuộc bầu cử hội viên thành phố Hà Nội bữa 4 Décembre [1] vừa rồi.

Không cần cắt nghĩa, chắc ai cũng biết hội viên của Hà Nội cũng như của hết thảy nơi khác, đối với dân chúng, đáng lẽ là chức cực kỳ quan hệ.

Bởi vì theo như nguyên tắc của chế độ đại nghị, thì hội viên của hạt nào tức là đại biểu của dân chúng trong một cơ quan chính trị của hạt ấy.

Lúc thường, nếu một người dân Hà Nội chỉ mặt ông Lê Thăng hay là ông Bùi Tường Chiểu chẳng hạn mà bảo là mặt của tôi, cố nhiên các ông ấy không chịu, nhưng một khi mà mấy ông đó đã ngồi lên ghế hội viên, thì mặt của họ tức là mặt của chúng ta, vì họ đã xin đem nó để thay làm mặt dân. Dân là chúng ta chứ là ai.

Những cái mặt ấy, chúng ta tuy không phải mất tiền mua nhưng vẫn được có quyền dùng, không phải chỉ để bày cho đủ lệ bộ ở tòa Đốc lý, còn để che chở cho quyền lợi của chúng ta nữa.

Phải, ở tòa Đốc lý, chúng ta vẫn còn nhiều việc dính đến những bộ mặt ấy. Kể từ những thùng vệ sinh trở lên. Thí dụ như mấy tháng trước, nếu những bộ mặt của Ủy ban thành phố hay bênh vực quyền lợi cho dân, thì sở vệ sinh đâu có được phép tự ý thu tăng tiền thùng trước khi họ đem việc ấy ra trước hội đồng thành phố!

Huống chi ngoài chuyện bẩn thỉu ấy ra, lại còn bao nhiêu việc sạch sẽ khác, nào kinh tế, nào xã hội, nào chính trị, việc gì mà không phải một hay nhiều lần qua miệng những ông hội viên?

Tóm lại, những chiếc mặt của chúng ta vẫn đem bày ở tòa Đốc lý, thật có liên lạc mật thiết đến bản thân chúng ta, không như những mặt nạ ở rạp Quảng Lạc chỉ để xem chơi cho vui.

Như vậy, đối với cuộc bầu cử hội viên thành phố, tức là một buổi chọn mặt gửi vàng, lẽ ra chúng ta phải săn sóc một cách sốt sắng.

---

1. *Décembre*: tháng 12.

Sự thực lại trái hẳn lại.

Thuộc về phe dân Annam, một người có chân dự bầu, tất cả được hơn 4 nghìn, vậy mà bữa 4 Décembre vừa rồi, chỉ có hơn một nghìn người chịu đi bỏ phiếu, còn 3 nghìn nữa, đành cho lá phiếu của mình vào sọt rác, để đổi lấy một giấc ngủ. Ấy là đã có ôtô đến rước tận nhà, nếu không, có khi cả 4 nghìn người đều không bước đến phòng bầu cử. Tôi không hiểu cớ sao bà con lại tự lạt lẽo với cái mặt của mình đến thế!

Nào phải nhiều quá mà mình rẻ rúng cho cam!

Dân số Hà Nội có hơn 18 vạn người, tính cả lớn bé già trẻ. Thế mà chỉ được có 6 cái mặt để thay cho mình ở tòa Đốc lý. Nghĩa là hơn 3 vạn người chung nhau có một chiếc mặt mà thôi.

Của hiếm như thế, bà con vẫn không biết quý, há chẳng là một sự lạ? Hay là bà con nhớ những khóa trước, người ta đem mặt ra phòng hội đồng thành phố chỉ để xin đất công, thầu giá đất, hoặc là cầu danh cầu lợi cho họ, rồi bà con sinh ra chán nản?

Nếu quả như thế thì tôi không dám bình phẩm. Lẽ của bà con chính đáng lắm rồi, bình phẩm vào đâu được nữa.

Vậy tôi chỉ xin đề nghị điều này:

Hơn một nghìn người đi chọn lấy sáu cái mặt, rồi bảo nó là mặt chung của 18 vạn người, như thế thật trái với nguyên tắc của chế độ đại nghị.

Âu là bà con xin với chính phủ cho đổi cuộc bầu cử ra cuộc rút thăm. Bao nhiêu ông ra ứng cử đều phải biên tên vào giấy và vò thành viên bỏ lọ. Rồi cho một người nhắm mắt mà gắp. Gắp được tên ai, thì gọi người ấy là ông hội viên thành phố.

Bà con bằng lòng thì xin làm đơn đệ lên chính phủ cho khỏi có cuộc tái cử trong ngày chủ nhật sắp tới.

Xuân Trào

Thời vụ, số 85, 9-12-1938.

NHÀ ĐOAN VỚI CUỘC PHÒNG THỦ ĐÔNG DƯƠNG

Có tin đích xác: nay mai nhà Đoan sẽ cho thuốc phiện lên giá. Hộp tám hào lên chín hào. Hộp đồng sáu lên đồng tám. Các hộp lớn nữa cũng đều thăng trật tất cả.

· Thật là sét đánh vào tai dân nghiện. Tuy chưa đến nỗi cuống quýt như cơn hồi hộp của các nhà giàu trong hồi hội nghị Muynich nhưng quang cảnh làng bẹp đã thấy nôn nao. Ở tiệm hút rất nhiều tiếng thở dài. Dưới những lá cờ hiệu RO [1] nhiều người đã mua "lương đen" trữ sẵn. Trước tình thế ấy, dân nghiện không khỏi có kẻ oán ngầm nhà Đoan. Họ tưởng nhà Đoan căm giận gì họ nên mới tăng giá thực phẩm của họ một cách đột ngột. Nếu vậy thì họ hiểu lầm. Nhà Đoan mà phải bắt họ ăn đắt cũng là sự vạn bất đắc dĩ. Thực ra, người ta không hề căm giận gì họ, mà còn thương họ quý họ. Bởi vì ở xứ thuộc địa, họ đã là hạng khách hàng béo bở, tự đem tài sản hy sinh cho đức chúa Phù dung, ngoài ra họ còn có công khai hóa cho dân bản xứ là khác.

Tôi nói thật không phải nói bỡn. Các ngài hãy nghĩ trời sinh thuốc phiện làm gì? Ấy là cốt để gây nền hạnh phúc cho những dân tộc "dã man"...

Không nói Anh, Nga, Đức, Ý làm chi cho xa, ngay ở bên Pháp, thuốc phiện cũng bị coi như truyền đơn hội kín. Người nào vào thành Ba Lê với một hộp thuốc phiện trong mình, ít ra cũng phải ngồi tù ba tháng, bất luận là thuốc phiện lậu hay thuốc phiện của nhà Đoan. Nhưng ở các xứ "dã man" thì món quà ấy vẫn được đãi vào bậc tự do tín ngưỡng. Ai ai cũng có quyền hút. Miễn là đừng hút ở giữa đường cái.

Cái đó không có chi lạ. Chỉ vì đối với dân tộc "dã man" đã bị những người văn minh chinh phục, thuốc phiện tức là một thứ đạo giáo tốt đẹp có thể đưa họ đến cõi cực lạc. Chẳng thế mà sau khi vì thiên chức thiêng liêng mà phải đem trái bom, trái phá khai hóa cho dân Tàu, người Nhật đồng thời còn khai hóa cho con cháu vua Hoàng ấy bằng đạo Phật và thuốc phiện nữa. Coi đó thì biết các ông Phù

---

1. *RO* (viết tắt của Régie d'opium): đại lý bán thuốc phiện.

Tang nhận thuốc phiện là một đạo giáo, công hiệu cũng ngang với thuyết cao siêu của đức Thích ca mâu ni.

Mà thật vậy, đức chúa Phù dung là đấng vạn năng, ngài đủ quyền pháp làm cho con chiên của ngài trở nên hạng người từ bi *ngoan ngoãn. Bởi thế, hết thảy những người tu theo tôn giáo "a* phiến" đều chừa được tội "hăng hái", "tiến chủ", nhất định để những nghĩa vụ loài người đến kiếp sau mới làm. Giả sử đạo giáo ấy mà *được lan rộng, thì những* dân tộc "dã man" không bao giờ còn xảy ra chuyện chính trị. Họ sẽ im lặng và đem nòi giống lên cõi cực lạc để hưởng cái hạnh phúc "tịch diệt".

Trong nước Annam, ai là người đã vì đức chúa Phù dung đem đạo giáo ấy khai hóa cho dân Annam?

Ấy là nhà Đoan. Nhưng, với những kẻ "ngoại đạo", nhà Đoan không thể đem đạo giáo của mình rót vào miệng họ. Sở dĩ tôn giáo A phiến bành trướng được như ngày nay chính là nhờ công những vị tiên tiến trong làng bẹp, khéo nhử con em. Vị nào càng "oắt sà lai", công trạng càng lớn, vì đã tin đạo lâu năm, chiêu dụ được nhiều tín đồ. Như thế, đối với các vị ấy, đáng lẽ nhà Đoan cũng nên trọng đãi họ mà hạ giá thuốc phiện xuống để cho các ngài dễ rủ tín đồ. Chứ ai muốn tăng nó lên làm chi.

Sở dĩ người ta phải nhấc cho giá thuốc cao thêm, hoặc giả cũng vì vấn đề phòng thủ Đông Dương đó chăng? Phải, cái đạo A phiến chỉ lợi cho sự cai trị bên trong, không lợi cho sự chống giữ bên ngoài. Trong bấy nhiêu năm truyền bá, đạo ấy hiện đã phổ cập đến cả đàn bà và trẻ em, như thế đối với bên trong là đủ lắm rồi. Giả sử đạo ấy mà rộng thêm nữa, thì chẳng bao lâu hai mươi triệu dân Annam sẽ không còn ai vác nổi cái cuốc để đào chiến hào, đừng nói cầm súng bắn giặc! Lúc đó công cuộc phòng thủ Đông Dương sẽ trông vào đâu?

Có lẽ nhà Đoan nghĩ thế nên mới tăng giá thuốc phiện cho đạo A phiến đừng lan thêm nữa. Vậy thì các ngài cũng nên vui lòng ăn đất ít lâu để đợi ngày siêu thăng thiên giới.

Xuân Trào

Thời vụ, số 86, 13–12–1938.

CHO NO ĐỦ ĐÃ!

Đó là một đầu đề bài luận thuyết của bạn đồng nghiệp *Pháp Việt tạp chí* nói về chính sách cai trị của quan Toàn quyền Brévié hiện nay. Ngài không dám như vua Henri IV mong cho một người dân quê nghèo nhất nước Pháp cũng có thể làm thịt một con gà trong những ngày chủ nhật, mà chỉ mong cho một người dân quê nghèo nhất xứ Đông Dương cũng có một bát gạo thứ hai thôi.

Lời nói thiết tha thành thực ấy, dân chúng tôi rất lấy làm cảm động, nhưng không khỏi làm sửng sốt cho các nhà tư bản thực dân bên thượng quốc, hàng ngày ngấp nghé nhòm sang. Vì Đông Dương xưa nay vẫn có tiếng là một thuộc địa giàu có nhất của nước Pháp. Chẳng thế mà vẫn đứng đầu trong các việc đóng góp với mẫu quốc về quân phí, về quốc trái, về lạc quyên. Lại những con số xuất cảng, nhập cảng hàng năm cộng nên con số kếch xù. Những quan lại công chức hàng năm biết bao nhiêu gia đình khi nheo nhóc kéo sang chẳng bao lâu đã phởn phơ kéo về, hành lý kĩu kịt!

Lại biết bao những tài chủ, nghiệp chủ và điền chủ cùng những danh công đại thương, lập nên những công ty vĩ đại, những cổ phần, những thương phiếu trên thị trường quốc tế có một địa vị cao quý, làm cho bao kẻ thèm muốn cái xứ bờ xôi ruộng mật này. Lại những cảnh tượng rực rỡ xa hoa trong các nơi thành thị, những công sở, những biệt thự, những lâu đài kiến trúc, kinh phí hàng năm kể vạn kể triệu. Thế mà cái chính sách của quan Thủ hiến Đông Dương thì mong cho lũ dân nghèo có bát gạo thứ hai thôi thì cũng hẹp hòi lắm ru? Nếu dân Đông Dương ngày nay nghèo đói đến thế thì còn hy vọng mở mang gì nữa.

Hoặc giả là một lời nói vu vọng chăng?

Này thì đây, hãy thử coi: Quan Toàn quyền đã mở một cuộc điều tra, xét tình trạng một dân giàu, một dân trung bình và một dân nghèo tại xứ Bắc Kỳ, thì ngài nhận thấy một cây số vuông ở miền trung châu phải chứa đựng tới ba ngàn cư dân, cái sức sinh nở của dân bản xứ càng mau chóng thì cái nạn dân mãn lại càng nguy ngập, số sản xuất thóc gạo không đủ cung cấp cho dân thừa, công nghệ thương mại thì hãy còn ở trong vòng ấu trĩ. Ba ngàn cư dân ấy lại

còn nấp sau lưng năm sáu đứa con, thế là mỗi miếng đất của một người dân ấy sau này còn phải chia năm sẻ bảy nữa.

Thế thì xứ Đông Dương giàu từ đâu tới đâu, mà nghèo từ đâu tới đâu?

Xét như thế thì xứ Đông Dương này có thể nói là thuộc địa của phái quan lại công chức, của phái tư bản thực dân bên thượng quốc, mà cái chính sách phụng sự cho công quỹ phong phú dư dật đã làm cho dân bản xứ chúng tôi khó lòng kiếm được bát gạo thứ hai, mà kiếm được bát gạo thứ nhất cũng đã chật vật lắm rồi.

Đã hay rằng chính sách cứu vãn tình thế sinh hoạt cho dân chúng tôi không phải là chính sách mới, quan Toàn quyền Brévié săn sóc tới điều đó, chẳng qua là kế tiếp công cuộc của quan Thủ hiến trước, song chúng tôi nhận xét thì thấy rằng cái chính sách thương dân trước kia mới là trong thời kỳ hứa hẹn, mà công cuộc của quan Toàn quyền thi thố hiện nay là một người thừa hành lời hứa hẹn. Đó là cái hành động đặc biệt, đó là cái công khai hóa của một vị Thủ hiến đã có tài năng lịch duyệt mà hứa ít làm nhiều.

Hy vọng và chờ đợi, phải, không gì khôn ngoan bằng trị dân theo cách ấy, nhưng cái tình trạng của dân chúng tôi hiện nay đã kích thiết tới thâm tâm, nên đã từng ngao ngán ở lời hứa hẹn, mà cái lòng oán trách căm hờn vụng trộm chúng tôi không chối cãi, vì chính phủ bấy nay chỉ chăm lo cho công quỹ mà quên kẻ làm giàu cho công quỹ, đã quá nhiều trọng quyền lợi cho quan lại thực dân của mẫu quốc mà ngăn ngừa hắt hủi người dân thuộc quốc ở xứ này, tự gây ra một cái hố sâu để ngăn cách đời sinh hoạt của hai dân Nam – Pháp...

Đạm Hiên

Thời vụ, số 86, 13-12-1938.

TÌNH THẾ NƯỚC PHÁP VỚI MẤY CÔ GÁI QUÊ ANNAM

Tan cơn giông tố Đức – Tiệp, tiếp luôn đến cuộc thân thiện Đức–Pháp, lúc đầu tôi rất mừng thay các cô gái quê Annam và hết sức vì mấy cô ấy cảm ơn ngài tổng lý nội các nước Pháp. Quả thật trong cuộc vận động cho Pháp được thân với Đức, cụ lớn Đalađiê đã làm ơn cho những cô này nhiều lắm.

Tôi không nói đùa. Các ngài ngẫm kỹ thì biết. Cứ như tình thế Âu châu hiện thời thì Đức và Ý cũng giống hai chàng vô lại mà Pháp thì là một cô con gái nhà giàu. Gái nhà giàu ở vào cạnh nách những anh vô lại, cố nhiên là phải có chuyện. Mà khi họ đã gây chuyện với nhau, ấy là họ la cả thế giới, không để cho ai ở yên.

Trận đại chiến năm 1914, tuy rằng có nhiều nguyên nhân, rút lại chẳng qua vì Pháp "bất khẳng thụ" những sự nài hoa ép liễu của Đức, thật không dính gì đến mình.

Thế mà mấy vạn gái quê Annam bấy giờ đã phải cắn răng chịu lấy cái nạn suốt đời phòng không! Tuy rằng sự thiệt thòi ấy người ta cũng được đền bằng những phút tình cờ đi qua Hà Nội, nhìn vẻ đồ sộ của đài kỷ niệm tướng sĩ trận vong, song cái vinh hạnh này chưa đủ bù cái hiu quạnh những đêm gió bấc mưa dầm. Giả sử bảo cô gái nào đánh đổi một đêm xa chồng để hưởng cái thú xem đài kỷ niệm ấy trong mười năm hoặc hai ba mươi năm đi nữa, chắc rằng cô ấy cũng phải bai bải từ chối! Cho nên Pháp còn ngủng nghỉnh với Đức ngày nào, tức là các cô gái quê còn phải lo sợ ngày ấy. Vì hễ đôi ấy hục hặc với nhau thì các cô này phải sống cái kiếp chinh phụ:

Sầu xếp nặng hãy chồng làm gối
Muộn ôm giây, hãy thổi làm cơm

Cực biết chừng nào! Thế thì làm Pháp được thân với Đức, há chẳng làm cho các cô Annam khỏi bị góa chồng? Trước kia tôi vẫn nghĩ vậy. Chẳng ngờ Pháp thân với Đức chưa đủ, lại còn ông Ý ở bên này nữa. Từ ngày thấy Pháp và Đức tạc một chữ "đồng" anh chàng La Mã bèn nổi cơn ghen. Rồi hắn tức thì sinh sự với Pháp bằng việc

đòi đất của Pháp và đến ngày nay hắn vẫn nằng nặc chưa thôi. Đó là hắn muốn đứng bên bờ rào của Pháp mà nói chõ sang như vầy:

"Chị đừng tưởng chị thân với anh Bá Linh mà đã đủ đâu! Còn tôi đây nữa!".

Đành rằng sức hắn cũng chẳng làm gì được Pháp, nhưng, trước thái độ vô lại của chàng láng giềng, cô gái nhà giàu không khỏi khó chịu.

Thấy tình cảnh ấy của Pháp, tôi bỗng nhớ đến một chuyện của Hồ Xuân Hương. Hồ Xuân Hương có khi bị hai anh đồ nấp hai bên cửa và chực bóp vú, cô ta đã phải ứng khẩu mấy câu như vầy:

Đằng quốc tôi nay vốn nhỏ nhen
Hai tên Tề, Sở vẫn rình chen
Ngoảnh mặt thờ Tề, e Sở giận
Cúi đầu luồn Sở sợ Tề ghen.

Nhưng ghen thì ghen, chứ Ý có khi nào bóp vú được Pháp. Hình như bên Pháp đã nói trắng trợn rằng: Nước Ý nhất định đòi đất của Pháp, tất nhiên phải có chiến tranh. Vậy là Pháp đã quyết "tòng nhất nhi chung" với Đức rồi vậy.

Thế thì các cô Annam vẫn chưa khỏi lo, dù mà Pháp Đức thân thiện.

Xuân Trào

Thời vụ, số 90, 27-12-1938.

THẾ RA HỌ VẪN SĂN SÓC TỚI CHÚNG TÔI

Vụ ông Vũ Văn Kiền, nguyên chủ báo *Thời nay* lạm thế quan trên ép dân mua báo vừa xong, thì lại tiếp tin mấy bác thợ ảnh cũng mạo nhận là người của chính phủ phái đi chụp hình cho dân dán vào thẻ thuế thân. Tin ấy đến tai quan Thống sứ, Ngài đã thông sức cho các quan đầu tỉnh nói rằng chính phủ không giao độc quyền cho ai chụp hình cho dân quê, nếu bắt được kẻ nào mạo phạm thì ra lệnh truy tố để làm gương cho kẻ khác.

Thế ra họ vẫn chăm sóc tới chúng tôi!

Phận làm dân, lẽ cố nhiên là phải biết ơn những người đã săn sóc tới mình.

Nhưng đáp lại sự săn sóc ấy, chúng tôi cần phải có tiền mới được. Gặp những thịnh tình nhã ý ấy, chốn thôn quê chúng tôi, không phải là nơi bùn lầy nước đọng đáng ghê tởm như người ta thường nghĩ, trái lại, thì nó còn là những miếng mồi thơm của loài cá mập, hay cái hố bạc cho kẻ tham lam. Dù chúng tôi không muốn mất, hay không đáng mất tiền, cũng không thể được, vì các "ân nhân" của chúng tôi sẽ có đủ thế lực, đủ điều kiện, làm cho chúng tôi phải mất như thường. Trước sự săn sóc sốt sắng ấy, chúng tôi sinh một mối ngờ, ngờ rằng đó chỉ là cách lợi dụng.

Những việc lợi dụng ấy, chẳng phải là mới mẻ.

Cấp rượu cho dân uống, cấp thuốc cho dân hút, hai cái đặc ân ấy, không phải là một việc dễ mưu đồ. Thì ngày nay chúng tôi đã nhận thấy người ta tìm được những nguồn lợi khác, như việc thầu khắc triện cho tổng lý chức dịch, làm mực dấu, hộp dấu, in sổ sách cải lương, giấy sắc bách thần, thầu từ cái ống để đựng sổ, mảnh ván để vẽ, cái thước để đo. Ngoài những món thầu chính thức, lại còn biết bao nhiêu nhà doanh nghiệp, khách văn chương, nhà chính trị, nhòm ngó vào túi chúng tôi để hòng vơ vét, những tác phẩm, hóa phẩm, một vài thứ điền khí, quyển tiểu thuyết dịch, bài ca cải lương, bài chửi cách mệnh, bài khuyên dân nên trung thành, dồn dập hiện lên như nấm. Rồi muốn cho chạy, thì các tác giả đua nhau luồn lọt vận động cho được một bản chu tri hay một lời giới thiệu của quan trên để hòng khua khoét các dân làng. Vẫn biết những cái mà người ta chỉ vẽ cho chúng tôi, cũng có một vài phần tiện lợi; vẫn biết rằng cuộc sinh hoạt của dân chúng tôi còn nhiều điều thiếu thốn, nhưng trình độ và tài lực trong dân, chúng tôi cần phải xét nghiệm lấy để bổ cứu những cái khuyết điểm thiết cận, chúng tôi cần có một cái tự do tương đối với thế lực của nhà chức trách. Chứ như hiện nay dân đinh điền hộ chúng tôi, ngoài số sưu thuế của nhà nước, còn phải gánh vác trên lưng một khoản "tạp tiêu" nặng trĩu, mà tổng lý đã bày ra. Vì trong số đó, còn hàm cả khoản tiền trình, tiền tạ, tiền thôi đốc, tiền canh phòng, ăn uống, hàng trăm thức chồng lên với những khoản mua cưỡng bách như trên. Dân chúng tôi chẳng phải là không biết những cái gian ngoan ấy, nhưng khiếu nại cũng không công hiệu gì, đành cứ chịu làm thân trâu chết, mặc cho ai muốn róc xương đẽo thịt thế nào cũng được.

Trước những sự lợi dụng ấy, chúng tôi nghiệm ra gặp năm mất mùa đói khát thì lại thấy yên thân hơn năm no đủ được mùa. Vì một

khi đói khát thì số "ân nhân" đem cấp "hàng văn minh" cho chúng tôi lại đi vùng khác. Những tay thầy kiện thầy cò cũng ít thấy tới phù nguy cứu nạn. Dù có kẻ vì đói khát mà sinh ra ăn trộm, ăn cắp, thì pháp luật đã lôi đi; còn anh nào ở làng nhịn đói nằm co, tuy cũng khổ với cái dạ dày lép kẹp nó dày vò, nhưng nghĩ tới những thói đời xu viêm phụ nhiệt [1] hay những phường cầu cạnh bôn xu đáng ghét kia, đã rảnh mắt mình, thì cũng lấy làm dễ chịu.

Đạm Hiên

Thời vụ, số 92, 3–1–1939.

MỘT NGƯỜI OAN, MỘT NGƯỜI KHÔNG OAN

Tôi muốn nói vụ án *Quốc gia tuần báo* bị truy tố vì một bức hí họa đăng ở số 4.

Bạn đọc chắc đã biết rõ, vụ ấy có ba người bị cáo, chủ bút là ông Trương Tửu, họa sĩ là ông Nguyễn Đỗ C... và quản lý là mụ Ngô Thị Thoa, vợ Lê Ngọc Thiều tức Bảo Ngọc, tức Bình Hưng, tức chủ một hàng thuốc lậu.

Người ở các tỉnh còn chưa biết lắm, chứ ở Hà Nội không ai lạ gì chị họ Lê này.

Ngoài Lê Ngọc Thiều còn Lê Huy Phách anh ruột hắn và Lê Ngọc Vụ em ruột hắn cũng đều làm nghề bán thuốc hạ bộ. Đã mấy năm nay, cả chi đều trông vào số dân lậu mà ăn.

Không biết từ trước đến giờ, đã có những ai uống thuốc của nhà ấy mà được khỏi bệnh. Người ta chỉ biết về đường học vấn, Thiều cũng như Phách, mà Phách thì cũng như Vụ, cả ba đều xứng đáng *treo làm câu đối hai câu "Hán tự đếch biết Hán, Tây tự đếch biết Tây" của ông Tú Xương.*

Nhưng quốc ngữ thì không mít đặc. Họ cũng đọc được, chỉ có viết thì không thông.

Ấy vậy mà trong bọn đó có kẻ dám rao rằng chính mình đương mơ một lớp hàm thụ dạy về nghề thuốc kia đấy.

---

1. *Xu viêm phụ nhiệt*: xu phụ cái nóng; chỉ thói cơ hội, chạy theo kẻ mạnh vì lợi.

Xã hội Việt Nam chưa hết người khờ dại.

Thuốc của họ có người mua, tất nhiên việc dạy thuốc của họ cũng có người học.

Giả sử họ yên phận sống về bệnh lậu thì có ai thèm nói đến. Cái tức cười là mấy tháng trước đây, Lê Ngọc Thiều lại táo bạo vác cái bằng sơ học yếu lược để theo vợ vào làng báo, mới khổ cho người ta chứ.

Hẳn là hắn cũng tưởng rằng: nhà đã có đất phát về nghề bán thuốc lậu, thì cũng có đất phát về nghề buôn báo chứ gì?

Nhưng, hình như mả tổ của hắn chỉ có ống thụt, không có quản bút. Bởi thế, tờ báo của hắn ra 16 số thì bị đình bản và bị tòa án truy tố. Sau mấy tháng điều tra, trong phiên mới đây, tòa đã xử xong việc ấy. Ngô Thị Thoa phải phạt trăm quan, ông Trương Tửu thì bị gấp hai, họa sỹ Nguyễn Đỗ C... thì được trắng án.

Vụ này lúc đầu, một vài tờ trong Nam đã có nói đến và cho thị Thoa cũng oan như hai người kia. Chừng như các bạn tưởng rằng vợ chồng thị ấy là người quý lắm, có thể là bạn đồng nghiệp với mình, nên cố bênh vực cho họ.

Tôi không nhận họ là bạn đồng nghiệp, nhưng tôi cũng cho thị Thoa bị án là oan.

Trên kia tôi phải nói qua về nghề nghiệp của anh em vợ chồng nhà thị cốt để minh oan cho thị.

Thì cái người đàn bà ở trong một nhà chuyên bán thuốc lậu như thế, còn biết báo là cái gì. Thế mà người ấy lại được can án về việc báo, há chẳng oan sao?

Nhưng ông Trương Tửu thì không oan một chút nào.

Ai bảo ông ấy "thí nghiệm ngòi bút" với hạng người ấy?

Trời cho mình có cái bút, cũng nên trân trọng mới phải. Lẽ nào cái chỗ chỉ chứa thuốc lậu mà cũng chọc nó vào được.

Huống chi ông ấy không những chỉ chọc vào đó mà thôi, lại còn đem những tư tưởng chính trị quảng cáo cho nhà thuốc lậu, để vì nhà ấy mà mua tín nhiệm của quốc dân nữa chứ.

Đừng tưởng thế là không hại cho ai.

Nhờ sự quảng cáo ấy của ông Trương Tửu họ mới dám rao lên báo rằng: *Quốc gia tuần báo* đình bản là cần sửa soạn để ra hàng

ngày. Rồi họ in luôn 10 vạn biên lai mua báo *Quốc gia giống* hệt như vé xổ số Đông Dương và đã gửi bán khắp cả ba kỳ. Chính Lê Ngọc Vụ đã đem 13 tập vé giả ấy vào bán ở Sài Gòn rồi. Coi đó đủ biết số người bị lừa về kiểu "mập mờ đánh lận con đen" của anh em nhà hắn không phải là ít. Ông Tửu tuy không dính đến việc ấy, nhưng cũng không thể chối được trách nhiệm.

Nếu không có ngòi bút của ông ấy thí nghiệm một cuộc làm báo với họ, thì họ đâu biết ngón lường gạt ấy?

Vả chăng, ông Tửu dù không phải chịu trách nhiệm về việc giả mạo vé số đi nữa, thì cũng phải chịu trách nhiệm về sự lường gạt của báo *Quốc gia*.

Phải! Báo *Quốc gia* rao với độc giả là sẽ xuất bản hàng ngày. Vậy mà bây giờ họ lại dùng nó để in những tập tiểu thuyết mót lại của Tàu, khuôn khổ vừa vặn bằng cái bàn tay, như thế không là lường gạt, thì thế nào nữa mới là lường gạt.

Cố nhiên ông Trương Tửu cũng không can liên gì đến việc này, nhưng chính ông ấy là người đã lôi bọn đó vào làng báo. Bây giờ bọn đó vấy bẩn làng báo như vậy, ông ấy không chịu trách nhiệm thì để ai chịu?

Thế thì cái án hai trăm quan tiền mà tòa trừng trị mới phạt ông ấy còn là nhẹ lắm. Đáng lẽ còn phải mấy năm quản thúc ngòi bút, để cho ông ấy khỏi thí nghiệm nó một cách bừa bãi.

Xuân Trào

Thời vụ, số 96, 17-1-1939.

KHÔNG BIẾT NHỮNG QUAN NÀO THẾ?

Chúng tôi vẫn tưởng cái thứ thuế một đồng, nó đã làm cho quan chức các tỉnh hồi này đều vất vả hết sức.

Là vì theo đúng thể lệ của chính phủ Bắc Kỳ, chỉ có những kẻ trong tay không có nghề gì kiếm nổi mỗi ngày một xu, và trên mặt quả đất, phần hắn không có một chỗ cắm lọt cái dùi, mà hắn vẫn chưa làm thằng ăn mày, thì mới bị ở bậc ấy, ngoài ra những người hơn hắn một chinh đều được ở bậc thuế thân hai đồng năm hào một

năm. Bởi thế, quan chức các tỉnh muốn cho hạt mình khỏi có tên trong dân gian lận, hình như các ngài đã phải dùng kính hiển vi soi hết sổ đinh, sổ điền của các làng để xem trong đám đinh cùng, kẻ nào còn có một nghề mỗi ngày kiếm được từ một xu trở ra, còn có một vài thước đất để úp cái lều che mưa che nắng, hoặc là còn có một vài thước ruộng – dầu là thứ ruộng chuột chạy hở rốn – của làng cấp cho, thì thăng trật cho nó được lên hạng trên.

Cái công việc ấy há chẳng mệt nhọc. Vậy mà các ngài vẫn còn thì giờ để soi xét cả đến số phận của bọn đàn bà nữa đấy.

Theo tin của báo *Đông Pháp*, mới đây, có mấy ông quan tỉnh ở Bắc Kỳ đã trình với quan Thống sứ thế này: Đàn bà ở Annam có nhiều gái góa và nhiều người ở một mình mà gia tư cũng khá giàu có, lợi tức về sản nghiệp của họ mỗi năm có thể được một vài thứ thuế. Rồi các người ấy xin quan Thống sứ cho những đàn bà cô độc Annam cũng được đóng thuế như đàn ông vậy.

Đáo để. Tôi phục mấy vị đó thật là xứng đáng làm một ông quan thương dân, con mắt của các ngài đã soi khắp từ ngọn cây đến ngọn cỏ vậy.

Không biết mấy vị quý hóa ấy là những ông nào? Ở đường xuôi hay đường ngược, tên tuổi là gì. Cớ sao người ta không nói cho rõ, để cho dân chúng đời đời nhớ ơn?

Không phải nói đùa. Dân chúng Annam nên đời đời nhớ ơn những ông đầu tỉnh ấy mới phải. Bởi vì cái sáng kiến của mấy ông ấy, ngoài sự giúp cho công quĩ, nó còn là việc nhân đạo có quan hệ đến công cuộc khai hóa cho xứ này nữa.

Từ đời Hồng Bàng đến nay, Annam không ai nghĩ đến việc đánh thuế của đàn bà. Người ta cho rằng: Đàn bà xứ này không được dự đến chính trị trong nước, ấy là một sự thiệt thòi. Dù họ còn có sản nghiệp đi nữa, nhưng ruộng của họ phải đóng thuế điền, nhà đất của họ phải đóng thuế thổ trạch, nghề nghiệp của họ phải đóng thuế môn bài, cho đến những thức mà họ ăn dùng, từ một hột muối trở lên cũng phải có thuế gián tiếp tất cả. Như thế họ đã no mặt đủ đòn lắm rồi. Còn cái thân họ, chỉ được *thở không* và *hút không* của nhà nước mỗi ngày vài thùng không khí, không lẽ lại đánh thuế nốt? Bởi vậy người ta mới tha thuế thân cho đàn bà.

Thế mới biết người mình nông nổi, thảo nào cứ phải là nước dã man.

Cứ như các bài diễn thuyết vẫn nói, thì cái chính sách của nước Pháp bảo hộ nước Nam là một chính sách rất nhân đạo.

Thể cái ý ấy của chính phủ, những người có trách nhiệm coi dân Annam, chắc không ai muốn cho dưới quyền cai trị của mình, còn có một người đáng thương.

Ở trên đời này, đáng thương nhất là hạng đàn bà cô độc, vì họ cứ phải giá rét trong những tiết đêm đông.

Thế nhưng dân tộc Annam có tính gặp sao hay vậy, họ không biết thế là khổ, nhiều người cứ chịu cô độc đến già.

Mấy ông đầu tỉnh kia chắc không muốn ngó thấy những thảm trạng ấy, cho nên mới định khai hóa cho Annam bằng việc đánh thuế thân đàn bà, để họ có sợ tốn tiền, thì phải rủ nhau mà đi lấy chồng.

Cái đó, không phải là thuế không khí, nó là một cách bài trừ cái nạn đàn bà cô độc vậy.

Nhân đạo biết chừng nào.

Vậy mà quan Thống sứ lại không chịu theo. Ngài bảo thể lệ thuế thân Annam ngày nay mới là một cuộc thí nghiệm không thể bắt buộc đàn bà có sản nghiệp phải gánh góp đủ đồng như đàn ông.

Chắc quan Thủ hiến Bắc Kỳ cũng đã suy trước tính sau. Nếu cho đàn bà Annam được đóng thuế thân, rồi đây họ sẽ vin vào cớ đó để đòi làm nghị viên, hội viên, hay là quan phủ quan huyện quan tổng đốc, thì không lấy lẽ gì mà từ chối được.

Hoài của! Tôi lấy làm tiếc.

Xuân Trào

Thời vụ, số 100, 31-1-1939.

VẬY THÌ ANNAM CŨNG PHẢI CÓ THUỘC ĐỊA CHỨ?

Nếu không được nghe, các bạn chắc cũng nhiều lần được đọc những lời hùng hồn của mấy ông đế quốc cắt nghĩa với kẻ bị chinh phục về việc "đánh chiếm thuộc địa" của mình.

Chẳng ai dùng đến chữ "đánh chiếm", người ta bảo đó là công cuộc rất nhân đạo của mấy nước văn minh vì thiên chức mà khai hóa cho những dân tộc dã man.

Cố nhiên những nước dã man họ vẫn ở riêng một khu, không hề ăn tàn làm hại các ông văn minh. Nhưng thấy cái dã man của họ, mấy ông ấy cũng động lòng thương, nên phải cố công vượt biển, vượt khơi, tìm đến tận nơi mà dìu dắt cho họ bước lên con đường văn minh.

Trăm lần đúng cả trăm. Hễ mà mở miệng trước mặt lũ dân bị chinh phục, mấy ông văn minh không bao giờ quên cái giọng chứa chan nhân nghĩa ấy.

Tôi đương thành tâm kính phục cái nhân đạo của mấy ông đó và muốn tin rằng ở trên đời này chỉ có cuộc khai hóa, không bao giờ có cuộc đánh chiếm. Thế nhưng tôi vẫn còn phân vân, và tự hỏi thầm: "Nếu quả như vậy, thì ra cái trận Âu châu đại chiến năm 1914, cũng do mấy ông Nhật nhĩ man[1] định khai hóa cho nước Pháp à?"

Giữa lúc tôi cứ lúng túng nghi ngờ, chưa biết thế nào là phải, thì vừa thấy có điện tín Âu châu, tóm tắt và đưa sang đây đại ý bài diễn thuyết 200 trang đánh máy của ông Hitler.

Trong thiên diễn văn tràng giang đại hải ấy, chỗ nói về vấn đề thuộc địa, lão trùm áo nâu cho việc các nước chiến thắng cướp lấy thuộc địa của Đức từ hồi Âu chiến đến nay là rất vô lý. Ông ta bảo rằng: công việc phân chia tài sản trên thế giới rõ ràng là việc do ở sức mạnh làm ra. Vì thế, thỉnh thoảng lại phải nhờ đến sức mạnh để sửa đổi lại.

Rồi thì ông ta nhắc luôn đến nạn nhân mãn ở Đức. Theo lời ông ta, nước Đức hiện nay có tới 80 triệu người, tính số trung bình,

1. *Nhật nhĩ man (Germains)*: chỉ người Đức.

thì đến 135 người chen chúc nhau trong một cây số vuông đất. Nước Đức cũng cần phải tranh lấy ít thuộc địa, mới đủ chỗ cho họ đẻ. Ý của ông ta có thế.

Nếu thế thì ra những cuộc bảo hộ của các cường quốc trên địa cầu đều là những cuộc lấn cướp, không phải là việc khai hóa nữa ư?

Tôi không dám tin như thế. Song tôi cũng cho cái câu cuối cùng trên đây là có lý lắm.

Vì nó hơi hợp với tình thế nước Annam.

Nếu bảo phải có võ lực mới được mở mang thuộc địa, thì Annam xin lạy cả nón không dám xin góp chuyện. Nhưng nếu cái việc mở mang thuộc địa còn là quyền của xứ đông người thì Annam xin tiếp chuyện một cách sốt sắng.

Nước Đức mới có 135 người ở chung một cây số vuông đất, chứ nước Annam, tại nhiều tỉnh Bắc Kỳ, trong một cây số vuông đất có đến 400 người ở kia mà. Đức mà cần có thuộc địa, thì Annam cũng phải có thuộc địa chứ.

Chúng tôi không dám khai hóa cho ai, chỉ cần có chỗ để sống. Vả lại, trên mặt quả đất, những xứ bị coi là nước dã man – thí dụ như nước Annam – đâu cũng có chủ cả rồi, cố nhiên chúng tôi không dám mong như ông Hitler khăng khăng đòi lại chỗ này chỗ khác. Nhưng ở chúng tôi, còn có những tỉnh Kon Tum, Đà Lạt và Ban Mê Thuột nhiều đất béo tốt, chỉ để cho hùm beo sinh nở đời đời. Vậy mà chúng tôi vẫn không có quyền đến đó khai phá, cho đến những người Trung Kỳ lên đấy, cũng phải có giấy căn cước mới được. Té ra cái quyền đối với đất hoang chúng tôi không bằng mấy con hùm beo kia à?

Theo bạn T.T. bên Hàng Gai, tôi muốn chõ sang Bá Linh mà nói câu này:

Cố đi cụ Hít!

Đầu đi đuôi lọt. Nếu vì có đông người mà cụ đòi được thuộc địa may ra chúng tôi có thể vin vào lẽ đó mà được tự do lên khai phá ở miền tây nước tôi.

Xuân Trào

Thời vụ, số 101, 3 - 2 - 1939.

HỎI THĂM ÔNG HUYỆN VÔ DANH

Đọc mục "vắn tắt" kỳ trước, các bạn chắc đã thấy việc một ông tri huyện bị bắt trong một sòng sóc đĩa ở phố Hữu Môn tỉnh Hưng Yên.

Kể ra cái chuyện ông huyện đi đánh sóc đĩa chỉ là một việc rất thường. Nó cũng thường như việc ông huyện trốn vợ đi cô đầu vậy. Ai đã vào các sòng sóc đĩa Hà Nội, nhất là ở sòng Nghĩa Dũng độ nọ, hẳn đều nhận thấy sự ấy.

Điều khác thường là, làm sao ông khác đều không việc gì, riêng cái ông này lại bị túm được giữa trận?

Hoặc giả cũng vì chỗ lạ lùng ấy mà khi đã tra tay vào xích, ông lớn đáng thương kia vẫn nhất định chỉ khai chức tước, không chịu nói tên, nói tuổi, nói lý sở của mình.

Nhưng dù cố giấu đi nữa, ngài cũng giấu được chốc lát mà thôi. Một khi đã vào nằm trong bóp sở Cẩm, tất nhiên, ngài không thể vĩnh viễn là người vô danh. Huống chi dưới quyền cai trị của ngài, còn biết bao nhiêu con đen trong huyện; thình lình thấy công đường mất đức "phụ mẫu", quyết là họ phải nhớn nhác dò tìm. Thế thì giấu làm sao được.

Vả lại có việc chi mà phải giấu? Cờ bạc chỉ là bác thằng bần, nó không là bác quan huyện. Thằng bần đánh bạc là hư, quan huyện đánh bạc là một sự rất tốt.

Trong việc đó, tôi nhận thấy ngài có nhiều đức tính đáng khen.

Một là đức thanh liêm.

Làm một ông quan muốn cho ra mẽ ông quan, sự tiêu pha cần phải rộng rãi. Ngoài món chi dụng hàng ngày trong gia đình, lại còn số tiền thừa thượng, tiếp hạ trong lúc cần phải giao thiệp, lại còn số tiền "vi thiềng" hàng tháng phải góp cho tròn phận sự kẻ hạ ty. Ấy là chưa kể đến tiền ét xăng, tiền sốp phơ và tiền bỏ két để tậu nhà lầu, mua đồn điền. Với cái lương tháng tám chục hay hơn một trăm, tuy có hậu hơn ngạch khác, nhưng bôi làm sao cho đủ bấy nhiêu món đó? Vì vậy, nhiều ông cứ phải gõ vào đầu thằng dân. Ông này cũng là một ông tri huyện, thì sự chi tiêu cũng không thể hà tiện hơn các ông khác. Nhưng vì nặng lòng thương dân, ngài không muốn khoét của dân mà tiêu, nên phải kiếm quanh của tụi con bạc.

Hai là đức bình đẳng.

Thường thường làm một ông quan, trừ khi ngồi với bà quan, ông nào cũng chỉ ngồi cùng những người ngang hàng với mình trở lên. Còn kẻ bạch đinh, nhất là thằng dân, nếu muốn hầu tiếp, đều phải đứng tít dưới thềm mà vái, khi nào họ được gần gũi các ngài. Ông này chừng cũng cho sự phân biệt đó là thói xấu của chế độ phong kiến nó không hợp với phong trào bình dân ngày nay. Vì vậy ngài phải vào hẳn sòng bạc, cho bọn bố cu, bố đĩ cùng ngồi với mình để tỏ ý đánh đổ cái óc giai cấp của xã hội.

Bằng hai đức tốt như thế, đáng lẽ ngài được thăng quan mới phải. Vậy mà người ta lại nỡ bắt ngài vào bóp, há chẳng oan uổng cho ngài.

Tôi tuy chưa có hân hạnh biết ngài là ai, nhưng nghe tin ngài bị nạn, cũng rất áy náy. Tiếc rằng không được là dân hạt ngài để viết lá đơn khiếu oan cho ngài.

Vậy xin theo vần bài thơ của cụ Yên Đổ hỏi thăm cụ Tuần Tiên Khoán mất cướp, [1] tôi kính thăm ngài bằng tám câu Nôm sau đây:

"Con bạc thằng nào khéo rủ ông?
Ông đem lưng vốn được bao đồng?
Thẻ ngà lúc ấy còn đeo chứ?
Nước bạc canh này có khá không?

Báo Cẩm, cha mày, quân độc ruột!
Phản quan, mẹ nó, giống ăn lông!
Bẩm ông, trong lúc tay mang xích,
Lũ lính canh phòng có chửi ngông?"

Xuân Trào

Thời vụ, số 104, 14-2-1939.

---

1. Đó là bài thơ Nôm của Nguyễn Khuyến hỏi thăm ông Tuần phủ Trần Đích (người làng Tiên Khoán, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam) bị mất cướp như sau:

Tôi nghe kẻ cướp nó lèn ông,
Nó lại mang ông bỏ giữa đồng.
Lấy của đánh người quân tệ nhỉ!
Thân già da cóc có đau không?
Bây giờ mới sẽ xây da trán,
Ngày trước đi đâu mất mảy lông!
Thôi cũng đừng nên ky cóp nữa,
Kẻo mang tiếng dại với phường ngông!

(Theo *Nguyễn Khuyến - Tác phẩm,* Nxb Khoa học xã hội, 1984)

HẾT NĂM

Còn một ngày và nửa đêm nữa thì đủ cái số ba trăm và sáu chục ngày của "ông ba mươi".

Nếu quan chế của nhà trời đúng với sự tin tưởng của người phương Đông, thì số báo này đến tay các bạn, có là cụ lớn Đương niên hành khiển của năm Mậu Dần đương làm bàn giao với cụ lớn Đương niên hành khiển của năm Kỷ Mão, để nghỉ một hạn là mười hai năm.

Năm cũ đã hết.

Theo lệ, nhà báo cũng như nhà buôn, lúc giao thời này phải cộng hết sổ công việc trong 12 tháng vừa qua, để báo cáo và luôn thể để quảng cáo với độc giả.

Nhiều bạn đồng nghiệp của chúng tôi đã làm tròn cái phận sự ấy. Tựu trung làm được oanh liệt hơn hết là ông Hoàng Đạo của báo *Ngày nay*.

Phải! Giữa lúc dừng chân ngắm công đức của báo ấy trong năm Mậu Dần, nhà "độc quyền ru ngủ chúng ta bằng món xã thuyết" của đồng nghiệp trên đường Quan Thánh đã nói thế này:

"Trong công cuộc ấy, một điều rõ rệt hơn nhất, là chúng tôi đã dừng hai bước – để tỏ lòng phẫn uất đối với những vụ bất công, những điều ức hiếp, công kích những chế độ dã man, những phong tục cổ hủ, những sự mê tín không lý, vạch rõ những sự thật xấu xa che đậy dưới sự xảo quyệt của người...".

Chà chà công đức vô lượng!

Nhưng chưa hết, ông ấy còn bới trong tập lưu cảo của *Ngày nay* để nhắc lại với chúng ta nhiều công lao khác và kết luận rằng:

"Ngay bên công cuộc chỉ trích, phác họa [1] xưa (?) chúng tôi đã xây dựng một công cuộc kiến thiết vững vàng (?). Trên đời còn gì hơn hiểu và biết. Các bạn và chúng tôi đã dắt tay nhau đi vào vườn tri thức, ngắt những bông hoa của tinh thần, những bông hoa thơm của văn chương, những bông hoa lạ của tư tưởng...".

---

1. Có lẽ là phá hoại.

Tốt đẹp vậy thay những sự nghiệp ấy của báo *Ngày nay*. Té ra báo *Ngày nay* đã dắt được những ông nào, có lẽ bà nào thì đúng hơn– những bà nào đó, vào vườn trí thức, không rõ là kiến thiết cái gì – rồi đấy. Thế mà đồng bào, quốc dân và cả mấy ông *Ngày nay* vẫn đều không biết, oan uổng.

Đọc hết bài ấy của ông Hoàng Đạo, tôi rất kính phục và phải nhớ luôn đến những câu này của mấy ông lang thuốc lậu vẫn nói trong máy truyền thanh:

"A–lô! A–lô! Xin các quí ngài chú ý! A–lô! A–lô! Bản hiệu từ khi ra đời, đã chữa được mấy triệu người bệnh, danh tiếng lừng lẫy khắp cả Đông Dương không ai mà không biết! A–lô! A–lô!".

Hai thứ văn chương ý nghĩa thật giống nhau như tạc. Có điều ông Hoàng Đạo là nhà ngôn luận, cho nên giọng nói cũng văn hơn mấy ông cứu thế độ của... hạ bộ nước nhà.

Trông người mà ngắm đến ta, tôi rất buồn bã. Là vì, tôi cũng là kẻ viết báo, đáng lẽ cũng phải tự tụng công đức của mình như người ta chứ. Nhưng mà nghĩ mãi hai ba ngày nay chưa biết nên tụng cái công đức nào. Thật khổ cho tôi.

Giả sử cũng gác liêm sỉ một bên để quảng cáo cho mình như ông Hoàng Đạo hay bọn lang thuốc lậu, thì tôi có thể khoe với các bạn như vầy:

"Một điều rõ rệt hơn nhất là tôi đã dùng trào phúng để đánh đổ cái chính sách độc tài của Hitler, cái thủ đoạn chuyên chế của Mussolini, cái cử chỉ tàn bạo của bọn quân phiệt Nhật Bản. Và ngay bên ấy, tôi đã xây dựng một nền tảng cho cuộc hòa bình của Âu châu. Vì có lời nói của tôi mà nước Đức mới thân thiện với nước Pháp bằng bản hiệp ước Pháp–Đức, vì có lời nói của tôi, nước Pháp mới tỏ thái độ cương quyết trong khi Ý đòi đất của mình, và vì có lời nói của tôi, quân Nhật ở đất Tàu, mới dùng dằng không dám đánh vào Quảng Tây, Vân Nam".

Nói vậy tôi cũng có lý hơn ông Hoàng Đạo, bởi vì chính tôi đã có nói tới công việc của mấy nước ấy. Và tôi tin rằng nói thế Hitler, Mussolini hay bọn quân phiệt Nhật Bản, cũng không cải chính.

Nhưng chỉ sợ bạn mắng tôi là vô liêm sỉ.

Thế thì tôi biết nói làm sao?

Không lẽ lại nín không nói.

Vậy theo cái lẽ của mọi năm, tôi xin chúc mừng các bạn trong dịp năm mới.

Nhưng mà những cái bình an, mạnh giỏi, đắc tài, đắc lộc, các bạn chắc không thiếu gì. Bởi vì người ta chúc tụng các bạn đã nhiều.

Về phần tôi, tôi xin cầu cho các bạn, trong năm sắp tới, không phải nghe giọng ru ngủ của ông Hoàng Đạo.

Đó là hạnh phúc thứ nhất trên đời.

Xuân Trào

Thời vụ, số 105, 17-2-1939.

BÀ ẤY CHỈ HIỂU LẦM MỘT CÂU *TRUYỆN KIỀU*

Bạn gái Hà thành, nhất là những vị tín nữ của thuyết tự do giá thú, chắc đương chau mày, nghiến răng, bất bình thay cho cuộc gả bán của cô Đoàn Thị Tuệ.

Cô Tuệ là một nữ nghệ sĩ của một gánh hát Nhật Tân, có tài hát, lại có cả tài diễn kịch. Trong khi theo gánh hát ấy đi diễn trò khắp các tỉnh Bắc Kỳ, cô ấy đã nổi tiếng là một đào giỏi.

Vậy mà xuân xanh chưa có bao nhiêu. Có người bảo rằng cô ấy mới 13 tuổi. Đó là người ta muốn cho cô ấy thêm vẻ ngây thơ. Kỳ thực, nữ nghệ sĩ ấy năm nay đã vừa tới tuần cập kê. Nghĩa là bằng tuổi cô Kiều trong lúc bắt đầu gặp chàng Kim Trọng.

Và về sự phát triển của đường tình, cô Tuệ cũng không thua gì cô Kiều.

Cái người đã được cô ấy để vào mắt xanh và đương cố đóng vai Kim Trọng là một học sinh trường tư, hiện ở với chị tại phố Hàng Nón Hà Nội.

Không hiểu đã biết tuổi vàng từ bao giờ, lâu rồi hay mới. Người ta chỉ biết cô cậu đã nặng lời thề thốt, nhất định cùng nhau tạc một chữ đồng đến xương.

Ác nghiệt là cái bà mẫu của cô. Bà ấy cũng như Thúc ông, cố tình nghiến răng bẻ chữ đồng làm đôi.

Là vì có ông chuyên "xếp chỗ ngồi cho khách" ở rạp Hiệp Thành cũng hỏi cô Tuệ làm vợ, không rõ vợ chính hay vợ thứ. Chừng như thích phường trò hơn là học trò, cho nên bà Vũ Thị Định mới tựa vào công mang nặng đẻ đau, bắt cô Tuệ phải bỏ người tình mà lấy cái người "không tình".

Cố nhiên cô Tuệ không thuận.

Cố nhiên bà Định vẫn cố ép uổng.

Nhưng, những sự đó chỉ là việc rất thường trong các gia đình nửa mới nửa cũ.

Cái lạ là thứ hình phạt của bà mẫu kia đã dùng để phạt cô Tuệ.

Không đánh, không đập, không cần đến thủ đoạn phũ phàng. Bà ấy đưa tuột cô Tuệ về làng Đồng Quan, phủ Thường Tín, cái làng quê mình. Rồi thì bà ta nhốt luôn cô ấy vào buồng và đóng thật chặt các cửa. Sợ cô ấy có thể trốn, bà Định lại dùng xích sắt xích chân con gái vào chân mình nữa.

Nhiều người thấy vậy, cho rằng vị hiền mẫu ấy đã xử với con một cách tàn nhẫn. Nhưng mà xét cho kỹ ra, có lẽ không tàn nhẫn tý nào, chẳng qua bà ta cũng chỉ vì hiểu lầm một câu *Truyện Kiều* mà thôi.

Cuốn *Kiều* chẳng có chỗ nói: "Buộc chân thôi cũng xích thằng nhiệm trao" à?

Chắc là bà đó cho rằng "xích thằng" tức là xích sắt, nên mới dùng nó "trao" cho con gái. Nhưng sao bà ta lại không xích cô Tuệ vào chân ông "xếp chỗ ngồi" của rạp Hiệp Thành, mà lại xích vào chân mình. Chỗ đó cũng khó hiểu một chút.

Đáng lẽ bữa nay là ngày cô Tuệ phải xích về nhà ông "xếp chỗ ngồi" của rạp Hiệp Thành. Vì lệnh bà mẫu cô ấy giục phải cưới đi, kẻo chậm nữa, e rằng xích không giữ nổi. Nhưng, cậu học sinh Hàng Nón còn đi trình Cẩm, và nhờ các nhà đương sự can thiệp, không rõ tấn tuồng đã diễn đến cảnh gì rồi.

Dù cho diễn đến cảnh nào đi nữa, cô Tuệ cũng không thể vượt quyền bà mẫu mà kết duyên với cậu học sinh Hàng Nón, nếu như bà ấy không thuận.

Bởi vì xứ này không phải là chỗ để chứa những quyền tự do của cá nhân, dầu nó là quyền tự do về sự giá thú.

Chẳng thế mà quyển *Bắc Kỳ dân luật* đã cho chúng ta hiểu rằng: con trai lấy vợ, con gái lấy chồng, đều phải do người gia trưởng làm chủ hôn.

Thế nhưng, nói dại đổ đi, nếu cô Tuệ vì tuyệt vọng về đường nhân duyên mà phải sống thác với tình, thì chẳng còn ai bị tội về cái án đó!

Nếu thế thì ai giết người?

Xuân Trào

Thời vụ, số 120, 18-4-1939.

LỜI CỦA GIẢN UNG ĐÃ ĐƯỢC THỰC HÀNH

Chuyện này hình như ở *Tam Quốc chí* không có. Người ta chép nó vào bộ *Hán thư*.

Hồi ấy, chắc vì Trương Phi say rượu đánh mất Tiểu Bái, Lưu Bị mới hạ lệnh cấm rượu.

Không phải chỉ cấm rượu lậu, không cấm rượu ty như bây giờ đâu. Vị anh hùng khéo khóc này cấm hết các thứ chế bằng men, vô luận là lậu hay không lậu.

Thế rồi, một hôm tình cờ đi với Giản Ung vào một nhà dân, Lưu Bị vớ được bộ đồ nấu rượu, ông ấy liền làm như các lính Đoan ngày nay, bắt luôn cả người và tang vật điệu đi. Và định trị tội một cách rất nặng, vì tên dân ấy đã dám chứa đồ nấu rượu.

Giản Ung không nói gì cả.

Đi một quãng nữa, thình lình gặp một người đàn ông. Giản Ung chỉ vào mặt hắn và bảo Lưu Bị:

– Người kia có tội. Phải bắt mà trị.

– Tội gì?

– Tội dâm.

– Sao tiên sinh biết?

– Khám trong mình nó, chắc là có chứa "đồ dâm".

Lưu Bị biết là Giản Ung chế giễu cái việc mình bắt kẻ chứa đồ nấu rượu, ông ta liền tha cho hắn.

Coi chuyện đó, ai chẳng tưởng nó là một câu khôi hài, không khi nào mà được thực hành. Bởi vì trong thế gian, người ta có quyền được chứa đồ dâm, bắt làm sao được?

Vậy mà ngày nay nó đã được đem thực hành.

Có điều người ta mới thực hành cho loài bò, chứ chưa dùng vào loài người.

Theo tin của báo *Tiếng dân*, nhiều con bò đực ở vùng mấy làng An Phong, Phúc Tích, Thạch An trong tổng Bình Trung, phủ Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi đương bị *ki-mi* [1] một cách rất ngộ.

Cổ nó đeo một cái khung hình vuông giống như cái gông. Bụng nó, dưới chỗ thận nang, có nhiều dây buộc chằng chịt, đầu cái bửu bối về sự sinh dục thì có treo một cái ống như để hứng lấy tiểu tiện của nó.

Cố nhiên là nó bị tội. Nhưng đố ai biết tội gì?

Ấy là tội dâm.

Không phải nó đã "dâm nhân thê thiếp" như luật Gia Long đã nói, chỉ phạm cái tội chưa thiến.

Nghe đâu trong mấy năm nay, ở tỉnh Quảng Ngãi công việc kén chồng cho loài bò cái vẫn được tiến hành một cách chu đáo. Người ta đã về nhà quê lựa chọn những con bò đực béo tốt khỏe mạnh để làm bò giống. Người ta đã sức cho những nhà có nuôi bò cái phải dắt nó đến nhà có bò giống lấy "đực" cho nó. Rồi thì người ta lại phái nhân viên của Sở thú y về liền thôn quê thiến bớt những con bò đực không đủ tư cách sinh dục đi nữa.

Vậy mà còn sợ trong cái xã hội loài bò vẫn chưa hết thói hỗn dâm, cho nên người ta lại phải đề phòng.

Những thứ hình phạt đối với bò đực nói ở trên kia đều do kiểu của Sở thú y đề ra cho dân làm theo.

Ông kỹ sư chế ra bộ đồ "phòng dâm" ấy đã nghĩ rất kỹ, mỗi bộ phận trong bộ đồ đều có công dụng riêng cả.

Cái gông, cốt để cản con bò đực khỏi nhảy lên lưng bò cái. Cái ống là để hãm bộ bửu bối của nó khỏi thòi ra ngoài. Còn những dây chằng chung quanh thận nang thì để làm cho cái ổ dâm dục ấy phải vướng vít không thể tự do hành động. Với sự phòng bị cẩn mật như vậy, con vật vô giáo dục dù có động cỡn mà muốn hiếp dâm hay hòa dan với con bò cái cũng không tài nào đạt được chí nguyện.

---

1. *Ki-mi hay cơ-mi*: cách giàm buộc súc vật có phần lỏng lẻo.

Thần diệu thay sự sáng chế ấy, chẳng những có thể lọc lại chủng tộc cho loài bò, nó còn có công duy trì phong hóa cho giống vật vẫn mang tiếng dốt ấy nữa.

Vậy là ý kiến của Giản Ung phát minh, sau hơn nghìn năm, đã được thực hành ở nước Annam rồi vậy.

Phải, theo thuyết "trạch chủng tưu lương" [1] thì công cuộc ấy rất là nên làm, tuy nó cũng hơi nhũng nhẳng lôi thôi và có ngăng trở cho sự làm ăn của các chú bò.

Chỉ tiếc là cái khí cụ ấy sao lại chỉ ứng dụng vào một loài bò?

Chúng ta há chẳng thấy những ông tu hành lợi dụng bóng Phật để đi chim vợ chim con người ta đó sao?

Ước gì vị kỹ sư nào đó, cố nghĩ lấy một bộ đồ "phòng dâm" đẹp đẽ hơn và chắc chắn hơn, để bán cho mấy ông đó, thì có lẽ trong nước Annam sẽ có nhiều người thành Phật.

Xuân Trào

Thời vụ, số 124, 2–5–1939.

CHÁN ĐỜI LÀ PHẢI

Báo *Đông Pháp* ra ngày 7 Juin, [2] có đăng luôn trong một cột, hai cái tin của hai người chán đời, mà đều là đàn ông cả.

Cái ông thứ nhất định chết ở ấp Thái Hà.

Lúc ấy độ hai giờ chiều, ngày 6 Juin, một lũ tuần phu của ấp Thái Hà đi tuần ở trong xóm, chợt gặp một người đàn ông chừng năm chục lủi thủi đi vào một cái ngõ hẻm. Thấy người ấy có vẻ đáng ngờ, bọn tuần theo đến và hỏi vào đó làm gì. Thì ra ông ta đi tìm bà nội tướng.

Cứ lời ông ta kể với mấy ông tuần này, thì bà nội tướng ấy nâng khăn sửa túi cho ông kể cũng đã lâu, hiện đã đẻ cho ông ta được năm đứa con. Thế rồi hồi này, không hiểu vì sao – có lẽ vì cái tuổi ngũ tuần của chồng không đủ để phụng sự việc đẻ – bà ấy phải bỏ nhà đi để nhờ người khác cho nốt đàn con trong bụng ra đời. Bởi được tin vợ đương sum họp với một người ở ấp Thái Hà, cho nên ông ta tới đó dò

1. Chọn giống cho tốt hơn.

2. *Juin*: tháng sáu.

tìm. Bà vợ đã trông thấy chồng và đã nghe tiếng chồng gọi, nhưng vẫn thản nhiên không đáp.

Mới thở ra được bấy nhiêu tâm sự, thì người đàn ông ù chạy vào một ngõ hẻm, và ngửa cổ đổ chai át–xít vào miệng để toan kết liễu cuộc đời. Người ta đã chở ông đó vào nhà thương cấp cứu. Chưa rõ ông ta tên tuổi là gì, quê quán ở đâu.

Còn người thứ hai thì tên là Nguyễn Khắc Mậu, ở làng Vĩnh Tình, huyện Thanh Trì, Hà Đông. Anh ta đâm đầu vào chuyến xe lửa *chạy qua Văn Điển hồi 9 giờ tối 6 Juin. Nhưng không chết. Chỉ bị* thương ở đầu. Sau khi được đem vào nhà thương điều trị, anh ta đã nói cho mọi người biết cái cớ mình phải tự tử.

Té ra không có chi lạ. Chỉ vì vợ hắn đã đổ bệnh tình cho hắn, chữa mãi không khỏi, cho nên hắn không muốn sống ở cái đời ô trọc này nữa.

Kể thì hai người ấy chán đời cũng là có lý.

Tôi khen bác Nguyễn Khắc Mậu giầu về liêm sỉ. Ừ! Một người đã bị vợ đổ cho cái bệnh có thể hại cho giống nòi, mà chữa không được thì sống làm gì. Làm người chu di dân tộc Việt Nam à? Bác muốn chết, hoặc giả cũng vì còn thương nòi giống Rồng Tiên. Và cái chí muốn chết của bác, có thể là muốn hy sinh cho chủng tộc vậy. Nhưng rất không nên. Tội gì mà chết một mình. Bao nhiêu người cũng mắc một bệnh như bác, vẫn sống sờ sờ cả kia.

Đến cái trường hợp của ông vô danh ở ấp Thái Hà càng không nên nữa.

Ông ấy phải uống át–xít để hòng trốn thoát nợ đời, chắc cũng nghĩ rằng: làm thân đàn ông, mà phải dương mắt nhìn người vợ mình đem sừng cắm vào đầu mình, thì là một sự nhục nhã, sống cũng như chết. Cố nhiên cái đó vẫn là nhục nhã, nhưng nhục với ngày xưa kia, chứ với bây giờ thì nó là chuyện rất thường. Chúng ta há chẳng nghe nói lắm người thượng lưu vẫn vui vẻ khuyên vợ cắm sừng lên đầu cho mình đấy ư? Có người muốn chóng thăng quan tiến chức, còn cố cưới thêm nàng hầu, để chuyên giúp mình vào việc đó nữa. Như thế, cái chuyện mọc sừng, không phải là chuyện xấu của đời nay rồi, việc gì phải chết.

Hay là ông ta muốn chết để cảnh tỉnh những người cùng một cảnh ngộ với mình?

Cái đó càng không nên lắm.

Những người cùng một cảnh ngộ với ông, chẳng những họ không cho thế là nhục, trái lại, họ còn lấy thế làm vinh nữa chứ! Thật thế, nếu không cho thế là vinh, khi nào người ta lại đua nhau làm!

Ông chết thì thiệt thân ông, các bạn đồng nghiệp của ông chẳng ai động lòng một chút.

Vậy thì với ông vô danh này cũng như với bác Nguyễn Khắc Mậu, tôi muốn can cả hai người bằng hai câu của cụ Yên Đổ:

Ai chẳng biết chán đời là phải,
Nhưng vội gì đã mải lên tiên.

Xuân Trào

Thời vụ, số 133, 9-6-1939.

NƯỚC BẠC CUỐI CÙNG CỦA CỤ BÙI QUANG CHIÊU

Té ra cụ Bùi Quang Chiêu lại định xin vào đảng Xã hội cấp tiến.

Nhưng mà không được.

Theo tin các báo trong Nam, thì trong phiên đại hội thường niên của chi nhánh đảng Xã hội cấp tiến họp ở Sài Gòn vừa rồi, đảng viên của đảng ấy đã đem đơn xin vào đảng của Bùi tướng công ra giữa hội nghị để mở một cuộc trưng cầu ý kiến bằng cách công khai, chứ không bỏ phiếu bí mật. Hầu hết những người có mặt ở đó – cả Tây lẫn Annam – đều giơ tay tỏ ý không bằng lòng cho Bùi đại nhân vào phe với mình. Nhiều người còn bới móc cụ nhiều điều là khác.

Than ôi! Nghĩ đến mà buồn cho cụ.

Tôi muốn ví đời cụ như một canh bạc.

Đánh bạc thường có lúc đỏ lúc đen, đỏ thì lên voi, đen thì xuống chó, người ta vẫn nói như thế!

Cái đời chính trị của Bùi tướng công cũng vậy.

Bạn đọc chắc chưa ai quên, trước đây mười năm cụ Bùi oanh liệt biết chừng nào. Khi còn lưu học ở Pháp và luôn luôn đi lại với ông Phan Chu Trinh, chính cụ đã được số đông học sinh Annam ở Pháp kính phục.

Nhờ một bài diễn thuyết công kích rượu, thuốc phiện và cái chính sách thuộc địa thi hành ở Đông Dương mà cụ càng được người ta sốt sắng hoan nghênh.

Lúc ấy làm cách mệnh hãy còn dễ lắm, chỉ ra cửa ga nói lớn một câu "bớ đồng bào" tức là thành cách mệnh rồi. Vì vậy trong Nam bấy giờ rất nhiều cách mệnh, và mấy tay lãnh tụ cách mệnh ở Nam Kỳ thi nhau đưa cụ lên tít mây xanh, khiến cho hầu hết quốc dân, nhất là dân chúng Nam Kỳ, đều coi cụ như một vị cứu tinh của cái nước Việt Nam. Người ta tưởng rằng chỉ có cụ mới vớt được nước Việt Nam khỏi chỗ chìm đắm. Người ta tin rằng hễ cụ ra tay một cái, thì nước Việt Nam sẽ độc lập, tự do, bình đẳng rồi phú cường, làm đàn anh tất cả thế giới. Và người ta không kịp nghĩ rằng: cụ chỉ có một cái miệng và hai bàn tay trắng trơn, chứ không có phép thần thông gì cả, miệng cụ dù có nói thánh, nói tướng thế nào mặc lòng, nhưng hai bàn tay trắng trơn kia cũng không thể làm được đúng như cái miệng đã nói. Bởi không kịp nghĩ như thế, cho nên khi cụ ở Pháp sắp sửa về nước, các ông lãnh tụ cách mệnh Nam Kỳ hết sức hô hào dân chúng đón rước. rồi khi chiếc tàu cụ đi cập bến Sài Gòn, trên bờ có đến hơn ba vạn người chờ đợi để hô cho được tiếng "Bùi Quang Chiêu vạn tuế".

Người ta làm như chọc vào mắt mấy ông mã tà, khiến mấy ông đó không thể chịu nổi, đã đánh đập ít người kia mà!

Giả sử lúc ấy mà cụ cứ chết đi cho một cái, thì ôi thôi, dân ta tha hồ mà khóc, không khéo có người đến tự tử mà chết theo cụ cũng nên.

Nhưng cụ không chết. Giữa tiếng hoan hô của mấy vạn con người, cụ ung dung về nhà với vợ và con.

Thế rồi cụ mặc áo thụng xanh ngoài bộ áo tây để khóc ông Phan Tây Hồ. Thế rồi cụ ra làm hội đồng quản hạt. Thế rồi, cụ nghĩ ra hai chữ "lập hiến" để lập một cái chính đảng hữu danh vô hình. Thế rồi cụ cày mấy nghìn mẫu ruộng Đồng Tháp Mười. Thế rồi cụ làm đại biểu Nam Kỳ ở thượng hội đồng thuộc địa bên Pháp.

Ấy là trong lúc đỏ.

Nhưng cái khi mà cụ mỗi ngày mỗi lên như diều thì cố nhiên nước Annam vẫn chỉ là nước Annam. Bao nhiêu những cái hy vọng vào cụ ngày trước, không thấy được một cái gì, bấy giờ người ta mới bắt đầu tỉnh ngộ. Và sau khi tỉnh ngộ người ta mới biết cụ Bùi Quang

Chiêu cũng chỉ là người Annam dù mà cụ vẫn mặc tây, ăn cơm tây, cả nhà đều nói tiếng Tây.

Thế là người ta đâm ra hoài nghi về cụ. Trước còn hoài nghi trong bụng, sau rồi họ nói lên báo, sau rồi họ công kích, sau rồi họ chế giễu, sau rồi họ thóa mạ. Bây giờ, đối với dân chúng Nam Kỳ, lời nói của cụ không còn có giá trị gì. Trong kỳ bầu cử hội đồng quản hạt vừa rồi, cụ đã không dám đầu đơn ứng cử, vì cụ biết rằng dù có ứng cử đi nữa, cũng chẳng ma nào nó bầu cho mình, thà không ứng cử còn là cao thượng.

Khi lùi nó lùi như thế.

Nếu như cụ Bùi mà giỏi nghề đánh bạc, thì trong đời chính trị, tất nhiên cụ biết ăn non. Muốn ăn non về danh, cụ chết quách ngay khi đương được quốc dân hoan nghênh, thì cái danh của cụ có khi còn to hơn Nguyễn Huệ hay Trần Hưng Đạo. Dịp ăn non về danh đã lỡ, bây giờ cụ cũng có cái ăn non về lợi. Cái số ruộng đất tiền bạc nhờ công làm chính trị trong bấy nhiêu năm mà có, tưởng cũng đủ để nuôi cái đầu bạc phơ kia rồi. Bây giờ cụ cứ khểnh cẳng nằm nhà, hôn hít một lũ cháu chắt, mặc kệ điều ra tiếng vào, như thế tưởng cũng không thiệt thòi gì.

Vậy mà không thế, cụ thấy quốc dân Annam không ưa mình, lại muốn đem cái đầu bạc vào đảng cấp tiến xã hội của Tây để hòng hoạt động trên đường chính trị một lần nữa, thật là cụ không biết cơ.

Không biết bây giờ đảng cấp tiến xã hội từ chối, cái nghiện chính trị của cụ đã từ chưa!

Nếu chưa từ được, không khéo nay mai chúng ta sẽ thấy cụ đem đảng Lập hiến sáp nhập với phe đệ tứ quốc tế.

Hãy xin chờ.

Xuân Trào

Thời vụ, số 139, 30–6–1939.

CÁI ẤY ĐÁNG ĐƯỢC BẢO TỒN

Các bạn chắc không thể đoán nó là cái gì.

Ấy là một vật tuy không được tôn làm "ngài" làm "đức" như các thánh hiền vua chúa, nhưng vẫn được người ta kiêng tên. Báo *Trung Bắc* gọi là cái xiêm đàn bà – riêng những người đàn bà nhà quê kể từ Nghệ Tĩnh ra đến Móng Cái – còn phong dao thì kêu bướng là cái trống – *cái trống mà thủng hai đầu, bên ta thì có bên Tàu thì không.*

Kiêng tên như thế, kể cũng văn hoa thật đấy, nhưng cũng khí phiền. Vả chăng, bây giờ cái lệ kỵ húy đã nhạt, những tên ông gì còn chẳng được kiêng, huống chi tên một vật mọn.

Chi bằng cứ nói đến nơi, gọi phăng nó ra là cái váy. Không hiểu vì sao mà trong món "văn hiến bốn nghìn năm" của nước Việt Nam, người ta không chịu kể đến cái váy. Thực ra cái váy với nước Việt Nam, chính là một món quốc túy rất cổ.

Nếu có can đảm thật thà để dám nhận rằng tổ tiên dân Thổ thượng du tức là những người cùng họ với cụ Hồng Bàng nhà ta, chúng ta sẽ thấy váy có ở nước ta lâu lắm, ít nhất cũng phải từ đời bà nội, hay bà thân cụ Hồng Bàng. Ai nấy thử ngắm mà xem cái váy của đàn bà Thổ và cái váy của đàn bà ta, kiểu mẫu có gì khác nhau? Chỗ đó chứng minh rằng nó là điển hình của thời đại Hồng Bàng để lại, cho nên dân ta, dân Thổ mới cùng dùng theo một mốt.

Nhưng vì dân Thổ biết trọng quốc túy, những cái ở đời tiên tổ thế nào, họ vẫn theo đúng thế ấy, vì vậy họ vẫn nhuộm chàm và vẫn cũn cỡn như cái khâu dao. Còn dân ta thì đã tiêm nhiễm với văn hóa của Trung Hoa, cho nên đã có thay đổi, đổi màu chàm hóa ra màu nâu, hoặc màu thâm, đổi kiểu khâu dao ra kiểu lượt thượt quét gót. Song cũng là đổi về tiểu tiết mà thôi, còn điều đại thể thì đâu vẫn đúng đấy.

Theo dấu vết của lịch sử mà xem xét, thì từ đời Lê về trước, bao nhiêu đàn bà thuộc về giòng dõi cụ Hùng đều mặc váy cả. Sở dĩ bây giờ mà có những người mặc quần, chính là công của nhà Nguyễn.

Phải! Trong mấy năm nhà Nguyễn cai trị nước Nam, về kinh tế, chính trị, văn học không kể, nhưng về y phục, thì đã cải cách cái váy.

Bấy giờ trong nước ta chia làm hai phe: Bắc là phe Trịnh, Nam là phe Nguyễn. Phe Nguyễn rất ghê phe Trịnh, họ kêu là quân Bắc khấu, vì thế bây giờ người tỉnh Quảng Bình vẫn dùng tiếng ấy để chỉ người Bắc, tuy tiếng "khấu" ngày nay đã không có nghĩa gì nữa. Bởi tại hai bên thù nhau như vậy, cho nên các chúa họ Nguyễn mới bắt đàn bà con gái phe mình đều phải mặc quần cho khác với người phe Trịnh. Ngày nay từ vùng Quảng Bình trở vào, không còn người nào mặc váy, là do cớ đó. Nhưng trong hồi ấy, cái hồi từ đời chúa Nguyễn Phúc Khoát về trước, đàn bà con gái từ vùng Nghệ Tĩnh trở ra, thì vẫn mặc váy như thường, họ gọi nó là cái mấn.

Đến khi vua Gia Long đánh được Tây Sơn, vì còn nhiều việc phải làm, nên chưa nghĩ đến cái váy. Lúc vua Minh Mệnh nối ngôi, muốn làm nốt công cuộc của các tiền vương làm dở, ngài mới nhất định cải cách thứ hạ phục của phụ nữ bằng cách tích cực. Theo tập sắc dụ còn lại, thì trong đời ngài có ba, bốn lần cấm dân Bắc Kỳ dùng váy. Lệnh ấy rất nghiêm, đã làm dân chúng nháo nhác nhiều lúc. Vì vậy phong dao xứ Bắc mới có câu này:

Tháng sáu có chiếu vua ra
Cấm quần không đáy người ta hãi hùng.
Chẳng đi thì chợ không đông,
Đi ra, bóc lột quần chồng sao đang?
Có quần dọn quán bán hàng,
Không quần ra đứng đầu làng trông quan,
Tình tình! Anh bắt được nàng...

Còn nữa, còn dài lắm, nhưng tôi chỉ nhớ bấy nhiêu, các bạn coi đó chắc cũng thấy rằng lệnh ấy không thờ ơ như các lệnh khác. Phải! Người ta đã dùng đến quan đi bắt những người mặc váy, thì không phải là sự vừa. Vậy mà cũng chỉ có người thành thị gần với quan lại là chịu mặc quần, còn nhà quê, họ vẫn cứ váy mà mặc. Cái dân Bắc Kỳ kể cũng bướng thật.

Ô kìa! Lôi thôi giây cà ra giây muống, tôi đã nói về sự tích cái váy nhiều quá, bây giờ xin vào đề.

Trước kia thấy dân Bắc Kỳ cam tâm trái lệnh triều đình để cố giữ cái "quần không đáy", tôi tưởng, với họ, cái ấy tiện hơn cái quần có đáy, cho nên họ không muốn bỏ. Té ra không phải. Thứ quốc phục đó, ngoài cái tiện về sự che chở thân thể, nó còn có công dụng khác.

Các bạn chắc đã biết việc cố đạo Tân tranh đất với dân Cẩm Bào?

Chuyện này báo *Trung Bắc* đăng rất kỹ càng. Theo tin báo ấy thì mấy năm trước, cố đạo Tân đã muốn mua một quả núi đất của làng Cẩm Bào bằng cách không trả xu nào. Cố nhiên là dân làng ấy không bán. Nhưng không bán cũng không được, ông Bửu Phú tri phủ Nông Cống mấy lần về làng Cẩm Bào ốp lép dân làng phải bán. Họ vẫn không nghe. Các bạn thử đoán họ làm thế nào?

Một người đàn bà dùng váy làm cờ, dùng nước đái mà vẩy vào mặt ông phụ mẫu của họ.

Trước ngọn "xích xý" của nương tử quân, ông Bửu Phú đành phải lui bước.

Nhưng chưa thôi, ông này còn xin lính về đóng ở đồn La Miết, dặn họ thấy ai người làng Cẩm Bào thì bắt mà giam cả lại, để quan đàm phán với họ về chuyện mua núi. Thế rồi xảy ra chuyện dân với lính xung đột. Ông phủ Nông Cống đã khôn, ngài đi lẫn vào trong đám lính khi hai bên đã giáp lá cà. Vậy mà một người đàn bà Cẩm Bào cũng trông thấy ngài. Chị ta cứ tốc mãi "quần không đáy" để vỗ đôm đốp cái bửu bối vào mặt ông phủ. Lần này ông phủ không lui, vì đã có súng của lính.

Coi vậy, thì biết cái quốc phục ấy, ngoài sự che đậy thân thể, còn có thể dùng cả vào việc chiến tranh.

Chỉ tiếc món quốc túy đó ngày nay đương bị phong trào quần trắng đè lấn, không khéo có ngày sẽ phải tiêu diệt.

Ai là người hữu tâm với nước nhà, hãy nên hết sức hô hào bảo tồn lấy nó.

Vấn đề phòng thủ Đông Dương là việc phải sốt sắng mà lại!

Xuân Trào

Thời vụ, số 140, 4–7–1939.

SAO KHÔNG HỎI TỰ LỰC VĂN ĐOÀN?

Hai tuần lễ nay, hôm nào tôi cũng chăm chỉ đọc báo hàng ngày để xem gia quyến cô Vũ Thị Nội đã tìm thấy cô ấy chưa?

Các ngài chắc chưa quên, ở phố Phúc Xá hạ ấy mà!

Năm nay cô ta mới mười sáu tuổi, bồ côi mẹ, vẫn ở với cha và anh. Cái tuổi đôi tám, nếu như ngày xưa thì cũng chưa phải là tuổi ngứa nghề, thế mà một hôm, cách đây hơn hai tuần lễ, cô Nội tự nhiên "không cánh mà bay"; người nhà tìm kiếm trong nhà, thấy có ba bức thư của cô ấy để lại.

Theo lời trong thư mà các báo hàng ngày đã đăng, thì ra cô này sở dĩ "chả ở nhà được" chỉ tại cái đời trống trải.

Bởi cô cảm thấy đời mình trống trải, chắc nó trống trải như cái phòng không – nên cô cần phải ra đi để tìm sự êm ấm của thợ... tạo. Cô bảo, với cái tuổi 16 của cô không thể giam hãm trong thành kiến cổ hủ của gia đình. Cô nói con chim khi đã đủ lông đủ cánh cũng cần phải lìa cái tổ êm ấm của cha mẹ mà đi tìm lấy một cuộc mưu sinh tự lập. Cô không quên so sánh đời cô với đời con chim, cho nên, cô đành phụ công cha anh, bước chân ra đi, dù có gặp cảnh thân gái dặm trường, cô cũng cam tâm với số phận. Cô quyết phải đi để tìm cho ra chân lý. Phải! Chân lý chứ không phải chân sáo. Vì chỉ có chân lý mới tạo cho cô một cuộc đời sống đầy đủ. Cô còn thề rằng: nếu trong ba năm mà không tìm thấy chân lý, thì cô sẽ chết theo mẹ...

Đáo để, văn chương tư tưởng mới mẻ làm sao! Thật có thể là những cuốn *Đoạn tuyệt, Lạnh lùng* và *Đời mưa gió*. Tôi lấy làm lạ rằng sao một người đã có văn tài như thế mà chưa có chân ở Tự lực văn đoàn.

Dù không ở Tự lực văn đoàn đi nữa, tôi chắc cô ấy cũng là độc giả rất trung thành của nó. Nếu không cô ấy đào đâu ra thứ tư tưởng văn chương ấy.

Nhưng chỗ đó không quan hệ mấy, cái mà nhiều người nhất là những người có vợ trẻ tuổi, hay có con gái đến thì, đều đương muốn biết, là chỗ cô Nội đi tìm chân lý nó ở phương nào, gần hay xa!

Tôi chắc trong hai tuần nay, gia quyến cô ấy, sau khi đem việc này trình với sở Cẩm, đã có cắt người đi dò nhiều nơi.

Phải, mỗi lúc đẻ được một con gái, nuôi được đến 16 tuổi để đọc *Đời mưa gió, Đoạn tuyệt,* và *Lạnh lùng*, bây giờ tự nhiên đoạn tuyệt với gia đình mà đi tìm cảnh lạnh lùng trong đời mưa gió, thì ai mà không bồn chồn nhớ tiếc.

Vậy mà bẵn bặt hai tuần lễ nay, không thấy trên báo đăng một tin gì về cô gái ấy, chắc rằng người nhà đi tìm chưa ra.

Kể thì đi tìm cô ấy bây giờ nó cũng như thể tìm chim, công việc có khó thật đấy, nhưng cũng không phải là chuyện không thể làm được.

Cứ đi hỏi Tự lực văn đoàn sẽ ra manh mối.

Thì trong bức di thư, cô Nội đã nói rằng cô ấy phải đi tìm lấy chân lý, để nhờ nó tạo cho mình một cuộc đời đầy đủ đấy mà.

Cái chân lý mà cô Nội đương đi tìm đó, chính là chân lý rất chắc – chứ không lép – Tự lực văn đoàn đã truyền bá. Bởi muốn truyền bá cái chân lý ấy, để cho đàn bà khỏi phải ở yên với chồng, con gái đến thì khỏi phải ở yên với cha mẹ, cho nên cái văn đoàn ấy mới rất nhiều tác giả cổ động cho nó...

Chẳng những cổ động mà thôi, một vài nhân viên trong văn đoàn ấy, thí dụ các ông Thạch Lam, Nhất Linh chẳng hạn, đã đem cái chân lý ấy mà thực hành ở chung quanh mình rồi vậy.

Chẳng tin các ngài cứ hỏi ông Hoàng đạo và bác Quí xứ Nghệ thì biết. Tôi không nói sai một ly. Nếu như mấy ông Khái Hưng, Nhất Linh, Thạch Lam có nghe một cách rành rọt, quả thật, mấy ông ấy tuy vẫn phản đối cụ Khổng, nhưng đã làm đúng như lời cụ Khổng: "dục trị quốc, tiên tề kỳ gia".

Người ta đã là tay sáng chế và thực hành cái chân lý ấy, thì tôi tưởng khắp trong xứ Bắc, xứ Đông, những cô con gái chưa chồng, hay có chồng, ai muốn đi tìm cái chân lý ấy mà không phải đến sào huyệt của nó. Chu tầm chu, mã tầm mã cái đó là sự rất thường.

Vậy thì gia quyến cô Nội hay những ông nào bà nào có vợ bỏ nhà, có con gái lớn tự nhiên biệt tích, cứ đến mà hỏi Tự lực văn đoàn tự nhiên sẽ thấy.

Điều nên nhớ là phải hỏi bí mật và phải cam đoan khi đã thấy vợ hay em, không dám đem việc của mình trình với sở Cẩm, thì các ông ấy mới bảo.

Xuân Trào

Thời vụ, số 142, 11–7–1939.

TỪ NAY DÂN PHÁP LẠI KHỔ HƠN DÂN ANNAM THÊM MỘT TỪNG NỮA

Cái đầu đề này không khéo sẽ làm cho một số người ngạc nhiên mà bảo là chuyện nói bỡn.

– Chuôi chẳng khi nào lại ngắn hơn giáo.

Dân Pháp là người "nước mẹ" của dân Annam, khi nào lại khổ hơn dân Annam?

Chưa kể những món tự do, bình đẳng, bác ái, hãy nói về cách kiếm tiền của hai thứ dân tộc.

Dân Nam, một người thợ đã lành nghề, lại được chủ yêu, may ra mỗi tháng mới được 18,20 đồng bạc, còn những hạng thợ tập việc, hết thảy chỉ ăn cơm nhà. Kẻ nào nhờ có trời đất, quỉ thần phù hộ, mà được mon men vào cái ngạch bậc lương tối thiểu do phòng Lao động định ra, chẳng qua mỗi ngày được độ hào rưỡi, hào tám, để mua gạo muối. Có phải vậy không?

Ở Pháp đâu có như thế. Người thợ hạng bét bên ấy cũng được mỗi tháng nghìn quan, tức là một trăm đồng bạc Đông Dương, bằng lương một ông tri huyện hạng ba bên mình. Còn những thợ khéo thì năm, sáu nghìn quan là thường, một ông Tổng đốc bên mình, cũng chưa được hưởng cái ngạch lương ấy.

Như vậy mà bảo dân Pháp khổ hơn dân Nam, thì ai nghe được?

Người ta sẽ nói như vậy.

Khoan đã.

Tôi hãy xin hỏi các ngài: kiếm được nhiều tiền để làm gì?

Nếu như không nói dối tôi, các ngài chắc phải đáp rằng: Cốt để ăn uống chơi bời cho thỏa.

Ấy đó, dân Pháp khổ hơn dân Annam ở cái chỗ đó.

Thì khắp các thành phố trong nước Annam, mà cả Ai Lao, Cao Miên những chỗ đã có bước chân người Nam bước tới cũng vậy, thành phố nào không có những tiệm công yên. Tuy rằng chính phủ chưa từng cho phép nhưng mà người ta vẫn cứ mượn cái môn bài tiệm trà để mà chiêu tập dân nghiện một cách công nhiên. Tại những thành

phố sầm uất như Sài Gòn, Hà Nội, Hải Phòng, mỗi nơi kể có hàng mấy trăm tiệm. Nòi giống Rồng Tiên nhà ta, từ đàn ông cho đến đàn bà, từ người già cho đến người trẻ, tha hồ thở hút, không bị ngăn cản một chút nào hết.

Dân Pháp đâu được như thế.

Với nước Pháp thuốc phiện bị coi như một môn thuốc độc, làm hại nòi giống. Bất cứ hút, chỉ giất một hộp thuốc phiện trong mình – dù là thuốc phiện của nhà Đoan Đông Dương mặc lòng – đã phải ngồi tù luôn ba tháng rồi. Nếu số thuốc phiện nhiều hơn thì cái hạn tù cũng phải dài hơn. Người ta nói rằng: Ở bên ấy kiếm được thuốc phiện mà hút là sự rất khó. Bởi thế, bao nhiêu ông Tây, bà đầm trót vì ở đất thuộc địa mà đa mang với ả phù dung, đều không muốn về Tổ quốc, hay có về nữa, thì trong ít lâu, lại phải kiếm cách mà sang, để hưởng cái thú bẹp tai của dân thuộc địa.

Vậy là trong "tứ đổ tường", dân Pháp đã thua dân Nam cái món "yên" rồi. Nhưng trước đây, họ còn được hưởng ba món.

Bây giờ lại bị rút một món nữa, ấy là rượu.

Dân Pháp chẳng chậm đẻ à!

Như trong bài trước tôi đã nói qua, [illegible] trăm năm nay, số người mẫu quốc chúng ta chỉ tăng được có hai triệu.

Hình như chính phủ bên ấy đã nhận thấy rằng: cái nguyên nhân làm cho các bà mẫu quốc ít đẻ, một phần cũng là tại rượu.

Bởi vậy, trong cái tin về đạo sắc lệnh khuyến khích sự đẻ mà hãng thông tin đã thông sang đây ngày chót tháng trước, lại có thêm một câu này:

"Chính phủ lại chống nạn rượu bằng cách hạn chế số tiệm bán rượu, và cứ mỗi trăm lít rượu dùng để chế rượu khai vị, sẽ bị đánh thêm 300 quan tiền thuế".

Thấy chưa?

Thế là từ giờ trở đi, cái thú mềm môi của người bên ấy đã bị giảm đi nhiều rồi!

Dân Nam đâu phải như vậy?

Nói về chất rượu, mình đã được uống nước pha cồn, sắc hơn các rượu của họ cũng là sung sướng lắm rồi. Huống chi lại còn được lệnh cưỡng bách cho uống là khác.

Phải! Bây giờ nó đã thành một thương tê liệt không ai buồn nhắc đến nữa, chứ ở thôn quê, cái luật "uống rượu" vẫn nguyên như cũ.

Có nơi xin phép giết một con bò, phải có cái bông đã mua mấy chục chai rượu mới được. Mỗi suất đinh một tháng phải uống đủ một lít rượu, nếu kém, tổng lý sẽ bị các quan phủ huyện quở trách.

Đó dân Annam sướng như vậy đó.

Vạn tuế dân Annam!

Xuân Trào

Thời vụ, số 152, 22-8-1939.

DAO CẦU THUYỀN TÁN

(Trích)

I. TÔI CÒN SỐNG VÌ KHÔNG UỐNG THUỐC

... Hôm sau bệnh tôi đã khỏi, mới đến thăm bạn thì anh Xuân vẫn cứ bồ hôi ướt đầm, chân tay vật vã không lúc nào yên. Ông bà hơi sợ, lại cho mời ông lang đến. Theo lệ, cụ lang ra bộ trầm tĩnh nắm vào cổ tay bệnh nhân, rồi bảo nhà chủ:

– Mạch cậu ta đã bớt nhiều lắm rồi đấy, còn cái bồ hôi thì không ngại gì, tôi cho uống một thang "ngọc bình phong" là khỏi.

Ngài lại ngảnh vào mặt tôi và tiếp:

– Chắc thầy cũng không biết thuốc ngọc bình phong là thuốc cầm bồ hôi rất diệu. Nó chỉ có ba vị hoàng kỳ, phòng phong, cam thảo mà thôi, nhưng hay lắm, hay vì hoàng kỳ dùng với phòng phong: Thánh nhân dạy rằng: "Hoàng kỳ úy phòng phong, đắc phòng phong kỳ lực dũ dại" nghĩa là hoàng kỳ thì sợ phòng phong, mà được phòng phong thì sức nó càng lớn. Thầy tính tôi có nhớ sách không? Nếu làm thuốc mà không nhớ sách thì giết người ta đấy.

Rồi cụ lang mới sai lấy giấy kê đơn. Bấy giờ tôi cũng phục sách, tin rằng anh Xuân uống thang thuốc ấy sẽ khỏi. Chẳng ngờ anh ta rủi quá, không chịu theo sách mà ốm thành ra thuốc tuy cắt vào sách mà bệnh vẫn không chuyển, bồ hôi vẫn ra, nước vẫn khát, lưỡi sắp đổi ra màu đen và khô như ngói. Cái lo của cha mẹ cũng theo cái bệnh của con mà tăng lên, ông bà bàn nhau đổi tay, sai người mời thầy lang khác. Thăm bệnh, thăm mạch xong rồi, cụ lang này phải giữ đúng "luật" thầy lang, mắng luôn cụ lang trước không biết làm thuốc, bệnh là bệnh âm hư mà dám dùng những tử tô, phòng phong, láo quá. Rồi cụ kê cho một cái đơn cụ gọi là bài lục vị, cụ dặn ba tháng thì khỏi. Người nhà theo đúng lời cụ.

Uống hết thang thứ nhất, chẳng biết thuốc trúng bệnh hay anh Xuân đã hết bồ hôi mà không thấy bồ hôi ra nữa, nước cũng đỡ khát nhưng lưỡi lại đen thêm, và cả ngày nằm ly bì không cựa. Đến thang thứ hai thì các chứng cũ vẫn nguyên, lại phát thêm chứng đầy, nhưng người nhà vẫn tưởng là bớt. Uống thang thứ ba thì bụng phát

chướng, trước còn bí tiểu tiện, sau rồi bí cả đại tiện. Bấy giờ ông bà đã rối như canh hẹ, mới thải cụ lang ấy, đồng thời rước hai cụ lang khác. Cái lệ cụ lang đến sau vẫn phải công kích cụ lang chữa trước là cố nhiên rồi. Hai cụ này cũng không đồng ý kiến với nhau. Cụ thứ nhất bảo bệnh nhân mạch *trầm vị*, đó là hỏa suy, dương hư theo như sách *Phùng thị* đã dạy phải dùng Bát vị xung sâm, mà phải có quế thật tốt mới được. Cụ thứ hai nói cả hai tay mạch đều khẩn thực, nó là nhiệt tà uất kết, phải hạ mới khỏi? Ấy mới rầy, cùng một cái phập phồng ở mạch máu, mà một cụ gọi là *trầm vị* một cụ gọi là *khẩn thực*, chính cái tay của người có bệnh lại không biết cãi, thì biết nghe ai bây giờ. Thế nhưng hai cụ vẫn cứ cãi nhau, cụ thứ hai bảo uống sâm quế thì chết, cụ thứ nhất bảo hạ thì không thể gỡ được.

Rút cục, cụ thứ nhất thắng, vì đã nói đến sách *Phùng thị* thứ sách mà nhà chủ nghe nói là môn vương đạo. Vả lại, thuốc có sâm quế, nhiều vị trọng, khiến cho người nhà dễ tin. Uống một thang chỉ thấy hai mắt đỏ ngầu, còn các chứng vẫn đâu đóng đấy.

Uống một thang nữa, đại tiện vẫn bí như trước, lại thêm được chứng nói mê sảng, hơi thở cực to và mau.

Ông bà lúc này mới tin lời cụ lang thứ hai hôm nọ nói phải, lật đật sai người đi rước cụ đến. Đắc thế, cụ mắng nhà chủ, cụ mắng các bạn đồng nghiệp, tưởng như khí tức sắp bốc lên tận mây xanh. Nhà chủ nằn nì mãi, cụ mới hơi dịu nét mặt và rung đùi nói mát:

– Tôi kê bài *tiểu thừa khí* mà dùng năm đồng phác tiêu, ba đồng đại hoàng, ông bà có bằng lòng không?

Nhà chủ lúc ấy, chỉ một mực nâng cụ lên bậc cứu dân độ thế mà xin cụ cứu cho con mình, chứ còn dám nói gì nữa.

Thuốc sắc rồi, anh Xuân không còn đủ sức mà húp, người ta phải lấy thìa mà đổ vào miệng cho anh. Hay lắm: thuốc đi khỏi họng độ ba tiếng đồng hồ, bụng anh Xuân thấy réo ầm ầm, rồi thì đại tiện cứ ra, chướng bớt, thở bớt. Nhưng từ đó thì anh hóa ra người trống tràng, đại tiện cứ tự do mà chảy ra chiếu. Cụ lang xoay xỏa hết ba thang thuốc, mà cái quái vật ấy vẫn không nể mặt cụ, nó cứ luôn luôn tìm đường đi ra. Anh Xuân thì da thịt đã tiêu tan đi hết, trong bụng lại thấy đau.

Ông bà hồn vía chẳng còn, không biết lấy thuốc đâu cho con. Nhân có người bạn đọc cái quảng cáo của dược phòng nọ, thấy nói ông chủ dược phòng giỏi lắm, chứng gì cũng chữa được hết, ông bà tức tốc cho mời đến ngay.

Nắn cổ tay, sờ bụng, thấy nói đau bụng, ông chủ dược phòng bảo luôn là đau dạ dày phòng tích, không cần phải uống thuốc chén, chỉ dùng vài chục ve thuốc chữa dạ dày của mình là khỏi. Ông bà nóng ruột, thấy nói sao thì vơ lấy vậy, sai ngay tôi đến dược phòng ấy mua 20 ve một lúc. Tôi ngờ quá, trước khi cho anh Xuân uống, tôi hãy nếm thử, thấy nó mằn mặn như vị thuốc muối bicarbonate de soude, chua chua như vị sơn trà, thơm thơm như vị mạch nha, ngòn ngọt như vị cam thảo, thả vào nước thì nó vàng lòe như sắc hoàng liên.

Anh uống hết ba ve, bệnh tình vẫn không giảm chút nào nghĩa là đại tiện mãi không cầm được, mà người thì cực kỳ suy nhược.

Lại vì một cái quảng cáo khác, ông bà cho mời một ông chủ y quán khác cứu cho con mình. Ông này cả quyết là không việc gì, chỉ uống một liều thuốc viên là khỏi, nhưng thuốc đắt lắm, một đồng một viên, một liều năm viên. Con như thế ai còn tiếc tiền, một đồng một viên chứ 10 đồng một viên, ông bà cũng lấy.

Lấy thuốc về, tôi lại nhấm thử, thì toàn là xái thuốc phiện, anh Xuân uống hết năm viên thì đại tiện cầm hẳn nhưng bụng lại trướng lên bằng cái trống. Thế rồi sau một ngày nữa bạn tôi tắt nghỉ. Thương hại thay! Tôi với bạn cùng chung một bệnh, kẻ không uống thuốc thì khỏi, một kẻ từng trải năm sáu ông lang, tống vào bụng bao nhiêu thứ thuốc thì phải bỏ cha bỏ mẹ mà đi...

Ai giết anh Xuân? Hẳn là những ông "cứu thế độ dân" ấy. Cái chết của anh Xuân đã định cho tôi một câu kết luận về bọn "dao cầu thuyền tán" hiện thời.

Tôi kết luận rằng: vô số ông chủ của vô số "dao cầu thuyền tán" kia, họ chỉ cầu có người ốm để bán thuốc chứ họ không cần chữa bệnh, trái lại họ lại có tài làm cho bệnh lớn ra. Ai uống thuốc của họ mà khỏi, chỉ là sự ngẫu nhiên.

Thế nhưng làm sao họ vẫn sống, sống một cách phát đạt? Trong lúc kinh tế khủng hoảng này, buôn bán nghề gì cũng bị thua lỗ, duy có những kẻ mở hàng thuốc thì đều "tấy" cả, "tấy" một cách không ai ngờ. Một kẻ kiết xác đóng vai ông lang trong vài năm đã thấy họ có tiền mua nhà, mua đất, tậu ô tô, dấn vốn có hàng nghìn hàng vạn. Thì ra họ dùng toàn ngón "bịp", bịp bằng quảng cáo nói một cách vô liêm sỉ, bịp bằng cửa hàng đồ sộ, bịp bằng lọ thuốc, hộp thuốc chế theo kiểu Tây, bịp bằng lời nói khôn khéo quyến rũ người bệnh.

Mỗi lần họ bịp, ấy là mỗi mạng người chết. Chung quanh lưỡi dao cầu, bánh xa thuyền tán của họ, "đống xương vô tội đã cao bằng đầu...".

II. CHỮA KHOÁN HẾT CÁC BỆNH

Trên tòa nhà hai tầng sừng sững đứng trước đám cây xanh mát, một lá cờ lớn bằng cánh buồm thuyền thoi phất phơ phô cái dấu hiệu đặc biệt với khách qua đường. Rồi một tấm biển đứng hình chữ "nhật" chắn ngang trên mái ngói, rồi một bấm biển gập hình chữ "nhân" úp đứng trên mái hiên, rồi một bức màn trắng kín những chữ căng ngang trước cửa như một bức nghi môn.

Trước cửa, hai cái tủ kính bày những hình ảnh kỳ dị, khiến cho ai đã qua đó, đều phải đứng lại mà nhìn. Phía trong, trên cái giá sơn son, một bộ lộ bộ ngăn cách đường ra lối vào, sắc đồng sáng choang của những thứ gươm, chùy, mâu, kích như muốn khoe vẻ quý phái của chủ nhà. Chạy theo bức tường dài, hai lớp tủ đứng bóng lộn mùi quang dầu. Ô thuốc, hộp thuốc, lọ thuốc, chai thuốc, mỗi thứ có hàng mấy trăm cái.

Bấy nhiêu sự góp lại thành một hiệu thuốc. Xin tạm gọi là "Hiệu thuốc Ông Trăng", một cửa hàng thuốc đã tốn công làm quảng cáo nhất ở Hà thành. Ngoài những việc quảng cáo trên báo, trong sách, hàng ngày lại có một người ôm đống quảng cáo bằng cái bồ, chăm chỉ rút từng tờ mà ấn vào tay, hoặc quẳng vào xe của những người qua lại.

Ông chủ hiệu ấy, đố ai đoán được là hạng người gì. Quần tây, đôi kính trắng gọng vàng quanh năm làm diềm cho bộ mặt gồ ghề và cái nước da đen xạm. Trên bàn giấy, luôn luôn thấy cái điếu ống vắt vẻo cây tre rễ trúc chừng hai thước tây. Khi đi, khi đứng, khi ngồi, nếu là tiết mùa hè, không khi nào không có hai đứa đầy tớ vác đôi quạt lông chạy theo mà phẩy, phẩy cho chủ nhà của họ thành ra một người quý phái.

Trông những sự trang hoàng trong cửa hàng và ngắm cái cách cư xử của chủ hiệu, người ta có thể đồ chừng sự ăn tiêu của nhà ấy mỗi tháng không dưới ba trăm đồng. Ấy là chưa kể cái vốn để chế hoặc mua thuốc. Ba trăm đồng một tháng, sự ăn tiêu ấy phải là một nhà cự phú mới có thể đương nổi. Mà cự phú thật, hắn mới cự phú trong vài năm nay. Những người đã hơi biết hắn, đều phải ngạc nhiên cho sự phát đạt lạ lùng của hắn.

Phải. Trước đây khoảng 10 năm, chủ nhân hiệu thuốc Ông Trăng còn là một kẻ lang thang và dốt nát. Ngoài chữ quốc ngữ là thứ chữ

mà trẻ con cũng đều đọc được, vị chủ nhân hiệu ấy không biết thứ chữ gì khác. Một người tư cách như vậy ai ngờ có ngày trở nên một thầy thuốc, xin tạm gọi là thầy thuốc, chủ trương một cửa hàng thuốc rất to. Thoạt kỳ thủy, hắn chỉ là kẻ buôn thuốc, không phải là buôn thuốc cái như những người gánh bồ, nghĩa là hắn mua vài thứ thuốc ghẻ, thuốc lở ở quê, đem ra Hà Nội gửi bán tại các cửa hàng sách. Gặp dịp may mắn, cuộc thương mại ấy đã làm cho hắn đủ tiền thuê một chỗ kê cái ghế vải mà nằm ở đất phồn hoa. Tình cờ tại một phố kia, có viên quan lớn vì đi làm quan, muốn tìm một người cẩn thận cho ở nhà trong để trông nom và lau quét dùm những căn nhà ngoài. Nhờ được người quen giới thiệu, ông chủ cái ghế vải đã thành người coi nhà cho ông quan to.

Lợi dụng cơ hội, hắn mới đăng luôn lên báo mấy dòng, rao rằng: "Cần người đại lý bán thuốc, ai muốn điều đình xin đến nhà ấy nhà nọ mà hỏi".

Bấy giờ thiên hạ hãy còn nhiều người khờ hớ hơn bây giờ, cho nên quảng cáo đăng được vài ngày thì đã có người ở tỉnh khác tìm đến xin làm đại lý.

Chủ nhân tiếp khách ở nhà ngoài của viên quan kia, và đòi án quỹ một số là hai trăm đồng. Trông thấy ghế, sập, lư, đỉnh và các đồ bài trí trong nhà, khách tin chủ là người phú quý. Với cái cửa nhà lừng lẫy, số tiền 200 đồng, nếu đem án quỹ, chưa thấm vào đâu, chắc không bao giờ sứt mẻ một đồng nào được. Nghĩ vậy, khách nhận lời chủ cách vài ngày thì đệ số bạc kia đến.

Trong lưng đã sẵn đồng tiền, một mặt hắn đi mua thuốc của hiệu khác mà thay chai, thay hộp, dán lá nhãn của mình vào, rồi gửi đi cho đại lý, một mặt thuê nhà, đóng tủ mở một cửa hàng thuốc con con lấy thương tiêu là hiệu Ông Trăng. Thế là ông "lang thang" đã nhảy lên địa vị ông "lang băm".

Ngôi tuy đổi mà tư cách còn nguyên như cũ, ông chủ hiệu thuốc ấy vẫn không biết mặt biết tên một vị thuốc nào. Nghề làm thuốc của hắn chỉ cốt ở sự thay hình đổi dạng. Nghĩa là mua thuốc của các hiệu khác đem về, thuốc viên thì tán thành bột, thuốc bột thì nặn thành viên, hoặc là viên lớn xẻ thành viên nhỏ, viên nhỏ hợp làm thành viên lớn, rồi nhồi vào hộp vào chai mà bán.

Đồng thời việc quảng cáo trên báo, hắn vẫn hết sức tiến hành, vừa nói khoác bạt mạng cho các thuốc ở cửa hàng mình, vừa quyến rũ

lấy đại lý bán thuốc ở các tỉnh nhỏ. Nhờ về sự quảng cáo "không biết thẹn" đó mà thuốc tuy không chữa khỏi bệnh vẫn bán được, người các tỉnh xin làm đại lý vẫn mỗi ngày một thêm. Cái cửa hàng con con vụt chốc thành một cửa hiệu nguy nga, rực rỡ.

"Mỗi người phải lừa một lần là tôi giàu rồi". Ấy là lời cuối cùng mà cũng là câu xưng tội của chủ nhân nhà thuốc "Ông Trăng" đã đáp lại câu hỏi hiểm hóc của mấy người quen biết.

Có thế thực, một người đến mua thuốc là có một món tiền lời, một người xin làm đại lý là có một số tiền ký quỹ. 25 triệu con Rồng cháu Tiên chưa phải ai cũng khôn ngoan, người mua thuốc, người làm đại lý chưa bao giờ hết. Lừa bằng cách ấy chưa đủ, ông chủ hiệu ấy lại phải nghĩ thêm cách khác. Trong lúc xã hội "thày lang" hãy còn lộn xộn, những người có bệnh phần nhiều không biết lấy thuốc của ông thày nào, người ta sợ rằng "tật mang mà tiền vẫn mất". Đoán thấy chỗ yếu của số đông người, chủ hiệu "Ông Trăng" mới lập cái kế "chữa khoán". Phong, lao, cổ, lại, bốn chứng đó, các sách Tàu đều cho bệnh bất trị, cho đến các nhà y học Âu Tây cũng chưa tìm được cách chữa chắc chắn. Vậy mà chủ hiệu Ông Trăng dám nhận chữa khoán hết thảy. "Chữa khoán bệnh lao" "Chữa khoán bệnh hủi"... bức màn trắng treo trên cửa hiệu, luôn luôn nêu mấy dòng thật lớn như thế, và nói rõ rằng "nếu không khỏi không lấy tiền", bệnh nào cũng vậy. Tưởng là thực, kẻ có bệnh theo nhau mà đến, nhiều nhất là người mắc bệnh lao.

Lúc này tư cách chủ hiệu đã tiến hơn trước, nghĩa là hắn đã đọc qua vài cuốn sách thuốc quốc ngữ, nhớ được ít tên thuốc và tên mạch để làm sao mà tiếp con bệnh.

Cũng hỏi chứng, cũng xem mạch, cũng giở sách thuốc nói quàng nói xiên, rồi tùy từng mặt mà nặn tiền, có thể nặn được đến đâu thì hắn nặn cho đến đấy. Nhưng vô luận bệnh gì, hắn đều bắt đặt một nửa tiền tính theo cái giá đã khoán.

Ngó những lộ bộ, quạt lông, điếu ống xe dài thườn thượt, kẻ có bệnh cố nhiên không ai dám trả rẻ tiền. Nhưng trong khi đặt một nửa tiền, người ta cũng đành bắt ông chủ viết cho cái giấy. Bạn đọc thử nghĩ giấy ấy hắn viết ra sao?

"Một bên là ông X chủ hiệu Ông Trăng, một bên là ông Y, người có bệnh lao ở phố P đã bằng lòng với nhau những điều sau này:

Ông Y xin thuê khoán cho ông X chữa bệnh lao của mình, và

thuận trả ông X một số là 100 đồng. Nay hãy đặt trước 50 đồng, khi nào khỏi bệnh sẽ trả nốt 50 đồng nữa. Ông X nhận của ông Y 50 đồng, phải chữa cho ông Y thật khỏi. Nếu không khỏi thì ông X phải trả lại cho ông Y số tiền đặt trước ấy. Nếu ông *Y nửa chừng bỏ dở* thì số tiền đặt trước ấy, ông X không phải trả lại".

Giấy là vậy, còn thuốc thế nào? Thiên môn, mạch môn, khoản đông, tử uyển, một mớ vị thuốc *nhuận phế* đó hắn luyện thành viên, hắn nấu thành cao, đưa mãi cho người ta uống. Thuốc như vậy, đời nào mà chữa cho được bệnh lao! Bệnh không khỏi, kẻ ốm đem giấy đến hiệu đòi lại số tiền đã đặt. Chủ hiệu chỉ phải đáp lại một câu:

– Trong giấy đã nói "nếu uống thuốc nửa chừng bỏ dở" thì "tôi không phải trả lại số tiền đặt ấy" kia mà. Bây giờ tôi còn đương chữa mà ông đã thôi, ấy là ông bỏ dở, không thể đòi tiền tôi được.

Thì ra trong giấy không nói cái "hạn chữa khỏi" là bao nhiêu ngày, giả như theo thuốc đến mấy chục năm, khi thôi, cũng vẫn là người bỏ dở. Ấy đó, hắn gạt người ta cốt ở chỗ đó! Song điều đó chỉ gạt được người nhà quê, chớ Hà Nội thì ít kẻ mắc. Nhưng các thầy "lang băm" đều là thánh sư nghề lừa gạt, họ đã có nhiều cách khác để gạt người Hà Nội.

III. THẦY LANG THỎ ĐỰC

Phải, người ấy gọi là Thỏ Đực thì đúng. Trông cái hình dáng, có thể bảo hắn là một anh kép già ở xóm cô đầu, nếu hắn không đi giày ban. Nhưng ngắm đến bộ miệng thì lại có thể tưởng hắn là một con thỏ, vì cái miệng ấy nó chum chúm như mõm con thỏ, mà tự môi trên đến môi dưới, rồi thì ngoài mép quanh cằm, đâu cũng nhẵn thín, không bén một sợi râu nào.

Trước đây khoảng ba chục năm, hắn chỉ là một chàng học trò ở vùng xuôi, chữ Hán cũng biết ít nhiều, chữ Pháp không thuộc một tiếng. Làng nhà hắn cũng như làng Xa La ở Hà Đông, vô luận người nào, có biết chữ hay không biết chữ, đều thuộc võ vẽ một ít bài thuốc, nhớ lõm bõm vài câu sách thuốc. Xách dao cầu đi phương khác, họ đều có thể bịp người mà kiếm ăn. Nhờ về phong thổ đó, hắn đủ tư cách như mọi trai làng, nhân khi túng đường sinh nhai mới sắm dao cầu tủ thuốc, kéo lên ngã tư nọ ở ngoài Hà thành, mở cửa hàng thuốc, vì không thể gọi là cửa hàng gì. Kỳ thực trong hàng của hắn chỉ có mấy thứ thuốc bột chữa sâu răng, thuốc cao chữa mụn nhọt và

vài chục vị vừa thuốc bắc vừa thuốc nam, đựng trong một cái tủ mốc. Gọi là hàng thuốc, cũng xấu hổ cho hai tiếng ấy.

Lúc ấy, vùng đó, răng đã ít người đau, nhọt lại ít kẻ bị, thuốc ế, mạng nhện bắt đầu quấn vào dao cầu, những người gần quanh thấy cái cảnh đói khát của hắn đã phải động lòng thương hại.

Tình cờ gần đó có vị đại thần lên cái hậu bối, dùng đã nhiều thứ thuốc lắm mà vẫn không khỏi. Một hôm, người nhà bàn nhau:

– Hay thử gọi lang "Thỏ Đực" vào đây xem hắn có chữa được không? Nghe nói nhà hắn có bán thuốc cao hoặc giả nó là môn thuốc gia truyền thì chắc có hiệu.

Bàn vậy mà thôi, thực ra người ta cũng không thèm gọi. Bởi vì đối với nhà vị đại thần đó, anh lang "Thỏ Đực" chỉ là mảnh chĩnh vứt ngoài thành tre chứ có giá gì.

Chẳng ngờ lời bàn ấy bị một viên tri huyện là cháu vị đại thần kia nghe tiếng và tin là thực. Rồi từ ngày mai trở đi, gặp ai hỏi thăm bệnh tình của viên đại thần, viên tri huyện đều nói rằng ngài dùng thuốc của thầy lang "Thỏ Đực". Danh giá của con Thỏ Đực đã tăng lên nhiều. May sao cách vài chục ngày, vị đại thần ấy khỏi bệnh. Khỏi là nhờ thuốc của người khác, chứ người ta không dính tý thuốc nào của Thỏ Đực lương y. Thế nhưng Thỏ Đực là kẻ gian ngoan, đi đâu cũng phô rằng mình đã chữa được vị đại thần ấy.

Cũng vì có mấy câu nói của viên tri huyện, thành ra trong đám phủ huyện, nhiều người tin rằng vị đại thần kia quả có dùng thuốc của thày lang này. Thế là mọi người đua theo, trong nhà động có người nào mọc mụn phải gai, họ liền cho lấy thuốc của hắn. Phúc làm sao, hắn chữa luôn được vài bệnh, tiếng tăm đồn đi, khách lấy thuốc càng ngày càng đông, do đó đã có dấn vốn kha khá. Bấy giờ hắn mới sắm sửa đồ đạc dọn luôn lên đất Hà thành. Từ đó, hắn mới giở ngón bịp ra.

Khác với các chủ dược phòng, y quán, hắn chỉ quảng cáo bằng miệng, không hề quảng cáo bằng giấy hay báo. Ngồi với một người hơi biết chữ Hán, thì hắn giở luôn thi phú câu đối ra đọc, toàn là thơ cũ, phú cũ, câu đối cũ của các đại gia mà hắn đã học thuộc lòng, nhưng hắn vẫn nói là của mình làm ra.

Ngồi với một người có bệnh hoặc nhà có người bị bệnh thì hắn đọc luôn sách thuốc hàng tràng. Cũng là những đoạn hắn học thuộc lòng, nó không dính dáng gì đến cái bệnh mà hắn sắp chữa hay đương chữa.

Thơ phú cho đến sách thuốc của hắn nhớ được, quanh quẩn độ hơn 10 bài chứ không nhiều gì, nếu ai chú ý mà nghe sẽ thấy lần nào hắn cũng chỉ đọc có mấy bài ấy. Thế nhưng, những người không biết thì ai cũng tưởng là hắn thông lắm.

Đến việc chữa bệnh, hắn lòe thiên hạ lại càng bợm hơn. "Hôm qua tôi đi thăm bệnh cho quan Thượng tỉnh nọ, hôm kia đi kê đơn cho quan Tuần kia, ngày nay có bà Án hay bà Phủ nọ đón đến thăm mạch mà chưa đi được". Mở đầu câu chuyện nói với con bệnh đại để hắn vẫn dùng cái sáo ấy. Có khi hắn còn can đảm mà nói tràn rằng: "Chính vua nước Lào có bệnh, đốc tờ chữa không khỏi, cũng phải vời mình sang chữa".

Rồi thì người Tây, người Tàu, người Ấn Độ, các thứ người ở Đông Dương đều bị hắn vơ làm người đã uống thuốc của hắn, người nào bệnh cũng nặng và cũng khỏi cả. Kỳ thực Tây, Tàu, Ấn Độ, có ai dùng thuốc của hắn bao giờ.

Đáng tức cười nữa là mỗi khi cất miệng tiếp khách, ấy là hắn công kích thuốc tây, hắn khoe những bệnh đốc tờ bỏ, không chữa được, hắn chữa chỉ hai thang thuốc là khỏi, hắn nói chính phủ đã biết cái tài làm thuốc của hắn đã cấp cho hắn, cái bằng đốc tờ về nghề thuốc Tàu.

Bởi thế, hắn mới muốn được người ta gọi quan Đốc, ai không gọi thế thì hắn thịu cái mặt ra. Với những ngón bịp như vậy, kẻ nông nổi ai mà không mắc? Huống chi cái lối làm thuốc của hắn lại cũng là một lối bịp.

Nói cho phải, hắn cũng có đọc vài đoạn sách thuốc, chứ không đến nỗi dốt đặc. Nhưng hắn đọc để thuộc lòng, đọc để lấy khách, không phải đọc để mà hiểu.

Những vị thuốc mà hắn hay dùng ấy là sâm, hoài, linh, biển và bài *lục vị*. Trong tập đơn thuốc của hắn đã kê không thấy cái nào không có bốn vị thuốc đó, hoặc dùng xen với bài lục vị hoặc dùng lẫn với các vị khác.

Sâm, hoài, linh, biển hay thuốc *lục vị*, hắn tưởng cũng như cơm tẻ, uống vào trúng bệnh thì khỏi, không trúng cũng không đến nỗi chết ai, vì vậy bệnh gì hắn cũng dùng đến. Quả có thế thực, những vị thuốc ấy, dù có trái bệnh, cũng không phát lên kịch liệt.

Bởi vậy người ta mới phục hắn làm thuốc theo lối vương đạo. Họ không hiểu rằng: đã gọi là thuốc, có thể khỏi bệnh thì có thể chết

người. Chỉ vì sâm, hoài, linh, biển nó giết người ta một cách từ từ, cho nên người ta không biết. Bao nhiêu người theo hắn hàng trăm thang thuốc, chết vẫn hoàn chết, cái họa "sâm, hoài, linh, biển" là vậy.

Chết cũng mặc, khoét được tiền hắn cứ việc khoét. Đúng như lời bà phán Phước đã nói, ai đã uống thuốc, hắn cũng phán cho mua những vị trọng; và bắt phải mua của mình. Thậm chí hắn còn mua sâm giả của bọn Cao Ly bán rao, rồi đưa cho vợ bán lại cho những người quen thuộc chồng, cái đó mới tinh quái chứ.

Tóm lại, ngón bịp của thầy lang Con Thỏ Đực còn giỏi hơn ngón bịp của thầy lang khác nhiều lắm. Bịp bằng hoành phi câu đối chói lọi trong nhà, bịp bằng lời nói mềm mỏng ngọt ngào như mẹ dầu dỗ khách, bịp bằng cách khoe quan nọ quan kia uống thuốc của mình, bịp bằng lối dùng thuốc không thưởng, không phạt, bịp bằng phép bán những vị trọng cho con bệnh hoặc bắt con bệnh uống những tễ thuốc ba bốn chục đồng.

Trong đất văn vật nghìn năm biết bao kẻ bị hắn bịp cho đến chết mà vẫn không tỉnh ngộ.

Tuệ Nhỡn

Công dân, số ra ngày 20-11-1935.

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH

(Tập phóng sự – trích)

MỖI NĂM MỘT LẦN ĐÁNH ĐUỔI THÀNH HOÀNG

Mới vắng mùa xuân bốn ngày, trời đất đã thấy khác hẳn.

Hai tiếng "lò cừ" của *Cung oán ngâm khúc* có lẽ chỉ để chỉ vào vũ trụ hôm nay. Hôm nay ông thần Hạn bạt đã báo thù trần gian một cách tàn nhẫn. Mới già nửa ngày thiêu đốt, lá cây đều héo rũ như ngọn cờ tang, mặt đất tuy không chảy mỡ, nhưng hơi khét bốc lên ngào ngạt.

Bãi cỏ vệ đường lúc này đã thành ra vật cần dùng cho khách bộ hành. Nhờ nó, gót chân những người không dép không giầy cũng bớt rát bỏng.

Chỉ mấy ông nông phu là đáng kính phục. Mắt họ đã không thể mở vì bồ hôi trán tràn trụa chẩy qua, miệng họ đã phải há ra để giữ lấy sợi quai nón, vai họ đã phải oẻ xuống để đỡ lấy chiếc đòn gánh nặng nề, nhưng đôi ống chân của họ vẫn thay lượt nhau cất nhẹ nhàng và nhanh chóng.

Theo họ, đem hết năng lực, nghị lực chiến đấu với con quạ vàng, chúng tôi đã tiến vào cổng thôn T. với sự sung sướng của một người qua bể cát.

Cái làng nhà quê vùng bể đâu phải là thế giới trong câu vịnh chùa của Tống Huy Tôn? Vậy mà trước mắt chúng tôi, ngọn tre, lá chuối, tường đất, mái tranh, gì gì cũng vàng tất cả.

Sau nửa tiếng đồng hồ nấp dưới bóng rợp cây đa, để lau cho ráo bồ hôi, và nghỉ cho tinh con mắt, ông P. một người đưa đường của tôi, dẫn tôi vào nhà người quen ông ấy. Chúng tôi chờ coi cảnh tượng buổi tối.

Mồng bốn tháng tư.

Tối nay, năm thôn của làng V.L. tề tập cả ở thôn T. để diễn cuộc đánh đuổi thành hoàng. Thiên hạ đồn rằng vui lắm.

không phải ngạc nhiên, khi nghe ở vùng thôn quê có chiến tranh kiểu này.

Phải! Trong lũy tre xanh, thành hoàng làng nào tức là vua của làng ấy.

Kiểm duyệt bỏ

"Không hình không bóng" đó đều là những đấng thiêng liêng luôn luôn ngự ở đầu họ, vai họ, có thể làm oai làm phúc cho họ. Vì vậy, họ đều thành thực kính sợ không dám dị nghị điều gì. Thì đến những con lợn ỷ nuôi để cúng những đức vua ấy, họ còn kính trọng mà tôn làm ông làm người, huống chi bản thân các ngài, khi bảo họ dám động tới?

Thế thì cớ sao lại có cái làng dám đánh dám đuổi thành hoàng? Hay là làng ấy đã cách mệnh với thần giới?

Các ngài sẽ hỏi như vậy.

Thưa không. Cuộc trị an của chư thần, đâu cũng như đâu, vẫn vững như núi Thái Sơn, trận đánh đuổi đó chỉ là ván trò diễn lại một võ công oanh liệt của đức thành hoàng làng ấy. Nhưng không phải là chuyện dẹp giặc dẹp cướp, cái võ công này là võ công của... me xừ Toóng.

Chúng ta đã thường thấy trong sách Tàu: chú cai phu có thể làm vua nhà Hán, anh bợm bạc có thể làm vua nhà Tống, thằng nhỏ của chùa Hoàng Giác có thể làm vua nhà Minh, và vô số những ông cắn cơm không vỡ chỉ nhờ cái tài đẻ vào nhà vua mà nghiễm nhiên ngồi trên ngai vàng, cố nhiên chúng ta không lấy làm lạ, khi thấy những ông chết đói, chết rét, những ông ăn cướp ăn trộm ngang nhiên được làm thượng đẳng phúc thần. Nhưng đến cái ông "bốn cẳng" mà cũng được làm thành hoàng, thì thật là việc gia ân rất đặc cách!

Là vì, nghề làm thành hoàng cũng phải có đủ điều kiện. Điều kiện cốt yếu của các vị thành hoàng tức là bốn chữ "hộ quốc tý dân", các sắc bách thần đều thế, dù là sắc của những ông thành hoàng chết đói, chết rét, ăn trộm, ăn cướp, mặc lòng.

Me xừ Toóng có thể hộ quốc tý dân được chăng?

Tôi đã tìm câu trả lời cho câu hỏi ấy trong nhiều cuốn công đức lục của các đấng tiên liệt họ Toóng.

Nhân hậu hơn hết, chỉ có ngài Toóng trong chuyện Liễu trai.

Ngài ấy quán ở Triệu Thành bên Tàu. Vì trót ăn thịt con trai của

một mụ già vùng ấy, ngài ta mới bị quan huyện sở tại bắt làm con nuôi bà kia, để sớm hôm nuôi cái thân già cô độc. Ngài ấy bằng lòng, và liền bắt hươu, bắt nai, ăn trộm vàng bạc, gấm vóc tha về cho bà mẹ nuôi. Rồi khi bà lão tạ thế, ông con nuôi này còn về tận mả gầm gào một hồi. Người ta bảo đó là ông cọp khóc mẹ. Vì vậy, người ở miền ấy mới lập ngôi nhà thờ ngài, họ nói là đền Nghĩa Hổ.

Ngoài đức "Toóng" ở Liễu trai, loài Toóng chỉ có hạng hay ăn thịt người. Thuở xưa mẫu quốc chưa biết lo về nạn nhân mãn, chắc rằng người ta không coi việc đó là việc tý dân hộ quốc.

Vậy mà ông Toóng V.L. cứ được làm vua năm thôn! Thì ra trong nước Việt Nam, cái gì cũng có đặc ân được cả.

Tôi không biết trong đạo thần sắc của ngài, phong ngài làm "gì đại vương". Chỉ biết người trong làng ấy đều kiêng tiếng "hổ", họ gọi trạnh đi là "hể" cũng có người gọi là ông Ba mươi, hay là quan tướng năm dinh...

Cái miếu để thờ vua hổ ở đây nghiêm lắm, nghiêm như một nơi cung cấm. Trừ ông thủ từ là kẻ cận thần của ngài, người làng không ai được ngó mắt vào. Những người đi qua trước miếu đều phải ghé ô, ghé nón.

Nhờ có một ông đàn anh trong làng làm người hướng đạo chúng tôi đã được chiêm yết cái hành doanh của Hổ đại vương.

Nó là năm gian nhà gạch lối cổ nhiều bề rộng mà ít bề cao. Giữa tiết trời hè, trong nhà vẫn tối om om và ẩm rờm rợp. Bước vào trong cửa tôi tưởng như bước vào trong hang núi. Dưới lớp mái ngói, đầu xà mối kẻ quanh những con cốn con rồng, long, ly, qui, phượng nằm chen nhau với cúc, trúc, thông, mai để làm chỗ chứa đựng cát bụi. Mạng nhện chăng chi chít như những chiếc võng chăng từ đầu cột nọ đến đầu cột kia.

Cứt chim sẻ rơi xuống dưới sàn nhà trắng xóa.

Lòng miếu chia làm ba ngăn. Hai ngăn bên đều có lát ván chừng để làm nơi dân làng họp hành, ăn uống. Ngăn giữa tức là ngự doanh của Hổ đại vương.

Vì có bức mành hoa thườn thượt từ trên mái nhà buông xuống, chỗ này có thể gọi là hai lớp. Lớp ngoài, không hiểu là để làm gì. Ngự tọa của Toóng đại vương thì ở lớp trong, cái lớp bị bức mành mành che kín, người làng gọi là hậu cung.

– Chết nỗi! Hậu cung là chỗ thâm nghiêm, ngoài tôi ra không ai dám bước chân vào. Các ngài không nên coi thường. Đức thượng đẳng làng tôi thiêng lắm, người nào vô ý sẽ bị người vật chết tươi.

Ông thủ từ nghiêm nghị nói với chúng tôi như thế khi chúng tôi yêu cầu ông ấy cho vào xem trong hậu cung.

Bằng một giọng khẩn khoản thiết tha, chúng tôi phải nói dối là rất thành kính, rất thanh tịnh và cam đoan rằng nếu người vật chết chúng tôi xin vui lòng, bấy giờ ông ta mới chịu khúm núm thắp đèn đốt hương làm lễ, rồi rụt rè hé bức mành mành cho vào.

Chúng tôi tưởng như mình đi xuống âm cung, vì cái hậu cung của Toóng đại vương tối như hũ nút và hôi như tổ cú.

Nào có lạ gì đâu? Trước ánh sáng lù mù của ngọn đèn dầu ta chỉ thấy một cái bệ gạch xứt xở đột ngột nổi ở chính giữa. Trên bệ một cái bình hương đầy ụ chân hương. Và ở trước cái bình hương, một vật đỏ đỏ xanh xanh sùm sụp úp xuống mặt bệ, coi chẳng khác cái đầu sư tử tháng tám.

– Đấy là lốt "bệt".

Ông thủ từ cắt nghĩa như vậy trong lúc ông ta đã đưa chúng tôi ra ngoài mành mành và lên trên sàn ngồi chơi. Chúng tôi không hiểu và cố hỏi cho hiểu:

– Bệt là cái gì, thưa ông?

Ông thủ từ mỉm cười ra bộ kiêu ngạo:

– Tôi tưởng các ông nhà báo thì biết nhiều tiếng. Té ra hai ông không biết tiếng ấy ư? Lốt bệt tức là cái lốt bằng giấy làm giống hình *Người*. Lát nữa, coi dân làng tôi đuổi bệt các ông sẽ thấy.

Như sợ chúng tôi không nhận sự long trọng của cái lốt bệt, ông ấy nói thêm:

– Tiếng rằng nó là đồ mã, nhưng cũng là vật sự thần, vì vậy, từ xưa đến nay, không bao giờ làng dám mua bán bằng cách cẩu thả. Hàng năm cứ đến hai nhăm tháng ba, cụ trưởng lễ và bốn ông hương trưởng làng tôi phải sửa trầu rượu ra đình làm lễ, xin đi thửa bệt. Luôn trong bữa ấy, cả năm ông đó lại đem một trăm quả cau đến nhà một người thợ ở làng bên cạnh, bảo họ làm lốt. Người thợ mã nhận số cau ấy, liền phải đặt lên bàn thờ cúng tổ sư, rồi mới nhận lời các cụ làng tôi. Trong lúc đan hom, dán giấy, người thợ mã phải tắm rửa sạch sẽ, ăn chay, không được gần vợ, gần con. Nếu không thế tất

nhiên bị *Người* quở phạt. Năm xưa có người thợ mã đương làm công việc nhà thánh, thình lình thấy trời đổ mưa, cả nhà đi vắng, anh ta phải chạy ra sân cất cái xống [1] nâu cho vợ. Đáng lẽ, hắn dùng nước gừng tẩy uế cái tay thì không sao cả. Nhưng anh ta vội quá, cứ để bàn tay uế tạp lại vào cắt giấy. Tức thì *Người* cho một trận đau bụng lăn giường trên xuống giường dưới, tưởng như sắp chết đến nơi. May sao người vợ vừa về. Chị ta vội vàng sắm sửa trầu rượu, thiết lập bàn thờ giữa sân, kêu khấn với *Người*, bấy giờ anh ta mới khỏi. Các ông coi đó, việc quỷ thần có phải chuyện chơi?

Nghe nói ông cọp luôn luôn ăn trầu uống rượu, chúng tôi đã suýt phì cười, phải cố nhịn mãi mới giữ được vẻ mặt tự nhiên. Chờ cho ông thủ từ dứt mạch, tôi lại hỏi tiếp:

– Thần tích làng ta ra sao? Ông có thể nói cho chúng tôi biết chăng?

Ông thủ từ lắc đầu một cách quả quyết:

– Cái đó không sao được! Bởi vì sự tích của *Người* vẫn cất ở trong hòm sắc, cả làng tôi không được ai coi, chính tôi cũng không được biết ra sao. Vả chăng sự tích của *Người*, xưa nay làng tôi vẫn giữ bí mật, dù có biết nữa, tôi cũng không dám nói ra.

Rồi ông ấy cáo từ chúng tôi đứng dậy sắp sửa mũ áo, vì giờ đuổi bệt đã đến.

*

* *

Trời tối, trẻ con tấp nập chạy nháo quanh đình với những tiếng hò reo vui vẻ.

Trong đình nổi một hồi trống cái, xen với hồi chiêng, ông thủ từ xúng xính mũ áo thụp xuống lòng đình lễ đủ bốn lễ, rồi thụt vào trong hậu cung. Tám, chín ông khác đứng ngoài đồng thời lạy vào. Kẻ đã ngay lưng đứng lên, người mới cúi đầu gục xuống, cảnh tượng giống như lũ phu bổ củi.

Cánh đồng trước đình bỗng nghe có tiếng ầm ầm và thấy bóng lửa bốc lên sáng rực.

Ánh lửa mỗi lúc một rõ thêm, tiếng ầm ầm mỗi lúc một gần lại.

Một lát sau, hàng trăm bó đuốc đùng đùng chiếu vào cổng làng với những hàng gậy tre nghênh ngang ở trước ánh lửa.

---

1. *Xống*: cái váy. (Chú thích của NTT).

Người đâu mà nhiều dữ vậy! Họ đi hàng ba, hàng tư, hàng năm một lũ dài kéo vào cửa đình, chẳng khác một đám quân chạy.

Trống cái trong đình thúc mau như trống hộ đê. Tù và thổi liên thanh bất chỉ.

Đám người cầm đuốc tức thì rẽ ra hai hàng và đứng thẳng băng trước đình như hai dẫy cột đèn, làm cho sân đình thành một đoạn đường cái. Mấy trăm gậy tre nhất tề vừa múa vừa theo đoạn đường giữa hai hàng đuốc nhẩy vào cửa đình.

Hình như những người múa gậy đều có luyện tập. Nếu không làm sao bấy nhiêu chiếc gậy cùng múa mà không chiếc nào đụng vào chiếc nào!

Đuốc vẫn cháy nỏ, trống cái vẫn thúc rền, tù và vẫn thổi dữ,đám gậy hùng dũng xông vào lòng đình, tiếng người reo như xô mái ngói.

Bỗng như bị vật gì ngăn cản, mấy trăm người và mấy trăm gậy nhất tề chạy ra chỗ cũ như một đàn vịt bị đuổi.

Trống cái, tù và lại thưa. Các gậy lại thi nhau múa.

Rồi, lại như nước, trống cái lại thúc mau, tù và lại thổi dồn. Đám gậy lại sầm sập tiến vào lòng đình và lại ù té chạy ra giữa những tiếng hò reo vang trời dậy đất.

Tôi đương lo rằng cái trò "thả chiến thả tẩu" diễn đến bao giờ cho rồi, thì đội quân đánh gậy đã lại hùng hổ xông vào phía trước hậu cung một lần thứ tư.

Trước bóng lửa sáng, bức mành mành treo dưới cửa cấm tự nhiên lay động.

Một vật xanh xanh đỏ đỏ từ trong hậu cung chồm chồm nhẩy ra:

– *Người* ra! *Người* ra! *Người* ra kia!

Theo với một hồi vỗ tay, tiếng la "*Người* ra" ầm ầm như đám chợ vỡ.

"*Người*" là cái mà người làng này vẫn gọi là "bệt". Đóng vai đội cái lốt bệt là ông thủ từ nói chuyện với chúng tôi vừa rồi. Tuy rằng phải chạy, phải nhẩy, có khi phải tế bằng kiểu bốn chân ông ấy vẫn giữ chiếc áo thụng lam súng sính.

Đám người múa gậy đều rạt ra hai bên đường, đứng lộn với đám người cầm đuốc nhường quãng đất không cho bệt chạy ra.

Giống như người múa sư tử, bệt cứ chạy, vừa nhẩy vừa tế bốn chân mà lồng ra đường.

Đuốc, gậy, tù và, trống cái nhất tề chạy theo với những tiếng reo rầm rầm.

Lúc này quang cảnh mới càng náo nhiệt. Trên những ruộng đất cày lổm chổm, lắm người ngã sấp ngã ngửa.

Chúng tôi đã sắp đứt hơi vì muốn theo đuổi trò lạ đời ấy cho đến cứu cánh.

Trong ánh lửa sáng, một tòa đền cổ lù lù hiện dưới bóng cây với những chiếc tréo đao cong dướn.

Đám đuốc vừa suỵt tới nơi bệt liền thụt vào trong đền.

Một hồi vỗ tay chấm dấu hết cho một cuộc chiến đấu. Bọn người đuốc gậy lẻ tẻ chia đi các ngả, ai về làng nấy. Chúng tôi vừa thở vừa theo người quen, ông P. trở về thôn T. Thì ra trong lúc mới rồi, chúng tôi cũng như những người đuổi bệt đã vô tình mà chạy một mạch luôn bốn cây số.

Ngủ một đêm, hôm sau vẫn còn thấy mệt.

Trước khi từ biệt, ông chủ nhà căn dặn lại chúng tôi:

– Các ông đừng cười. Cái hèm [1] nhà thánh làng tôi như thế. Nếu mà bỏ đi, trong làng sẽ không được yên, có khi sinh ra dịch tễ người chết như rạ.

CUỘC THI GIẾT LỢN

Ông bảng Đồng Tỉnh nói đúng: chữ "dâm" không phải "bậy" cả.

Làng Th.L. của tỉnh Phúc An tuy không hề "nẩy ra hiền" nhưng không khác gì làng khác. Họ cũng sinh nhai bằng nghề cầy cấy, cũng biểu lộ cái tính chất phác bằng những áo vải quần nâu. Họ chưa lấy những mốt ăn chơi hiện đại, nhất là đàn bà con gái của họ chưa biết lợi dụng son phấn làm tiền như số đông các bà các cô thị thành.

Vậy mà họ lại bị gọi là làng Dâm.

Thì ra chữ "dâm" ở đây không có nghĩa là chửa hoang, làm đĩ.

Tôi đã thân hành tới tận làng ấy bằng cái công trình cuốc bộ năm, sáu cây số sau khi xuống ga xe lửa Xuân Kiều. Không phải cốt vì họ mà minh oan cho cái tiếng dâm. Là để coi một cuộc thi giết lợn.

1. *Hèm*: trò diễn lại sự tích vị thần thờ trong làng.

Hồi ấy nhằm đầu tuần giữa tháng giêng, cái tháng mà hầu khắp thôn quê Bắc Kỳ rộn rịp những tiếng chiêng trống. Danh tiếng của cuộc thi ấy tuy không lừng lẫy cho lắm, nhưng nó đủ sức lôi kéo tôi tới vùng đó từ chiều hôm trước với một người quen. Vì không tiện ngủ ở làng sở tại, chúng tôi phải tạm trú tại một làng bên cạnh. Sáng mai gà gáy một tiếng, bạn tôi đánh thức tôi dậy để đi cho kịp cái giờ cuộc thi bắt đầu.

Đêm xuân trong xứ Bắc Kỳ, mấy khi không mưa? Nó còn thêm cả gió nữa. Trước sự tàn nhẫn của gió bấc mưa phùn, trời giá như cắt, chúng tôi lần mò qua một cánh đồng không với sự hăng hái của toán lính cảm tử ra trận, để đi sang làng Th.L.

Sáng rõ. Sân đình đã thấy tấp nập. Ngoài bọn hương lý quần chùng áo dài, thêm có vô số con nít mắt đầy rử rạp, hình như sáng dậy, chúng vội ra đình chưa kịp rửa mặt.

Tiếng trống cái và tiếng trống con ầm ầm thúc ở các ngõ. Những ông hương lý láo nháo chạy ra trước đình, con nít thi nhau hò reo: "Ỷ của quan đám [1] đã ra!".

Một toán, hai toán, ba toán, bốn toán. Hai phía đầu đình cả bấy nhiêu toán lần lượt tiến vào. Toán nào toán ấy, cờ mở trống dong, linh đình như những đám quan trẩy.

Đó là bốn con lợn lớn. Thứ lợn nuôi để cúng thần, đã được tôn làm "ông Ỷ".

Giữa đám lọng xanh, lọng vàng xúm xít bốn "ông lợn" lớn, chõm chọe ngồi trong bốn chiếc cũi tre, giống như hồi xưa người ta giải các tướng giặc bị bắt. Có điều cũi của tướng giặc ngày xưa chỉ có đanh chốt đóng giữ, còn cũi của mấy ông lợn này thì chằng buộc toàn bằng thừng trạc nhuộm mầu cánh sen, coi bộ cực long trọng. Hơn nữa, đằng sau mỗi cũi, lại có một đội âm nhạc đủ cả đàn, sáo, kèn, nhị và một ông già đội mũ tế mặc áo thụng xanh, cung kính đi hầu.

Như đám hàng tổng đánh cướp, trống cái trống con của các toán thi nhau thúc một hồi cuối cùng. Bốn chiếc cũi tre đồng thời được rước vào tận trước đình, và sắp thành chữ nhất. Bằng vẻ mặt rất tự nhiên, cả bốn "ông lợn" cùng chầu vào cửa đại đạo, không sợ hãi và không ụt ịt một tiếng nào hết.

Cờ quạt tàn lọng vừa được dựa lên mái đình hay là cắm vào tổ

---

1. *Quan đám*: xem ở chương *Được một trai, mất ba lợn* tiếp theo.

giá, một đội nồi, sanh ở đâu nhất tề tiến ra với những người khỏe mạnh hung tợn chẳng khác một bọn tướng cướp. Các sanh đều có để bát muối trắng và con dao bầu sáng choang. Các nồi đều đặt vào chiếc quang dài do hai người khiêng lễ mễ. Miệng nồi tuy có đậy nắp, hơi khói vẫn bốc lên nghi ngút, tỏ rằng ở trong có đựng nước sôi.

Trong đình nổi một hồi tùng cắc. Ông thủ từ phủ phục phía trước hương án, hai tay giơ lên che miệng và khấn lầm rầm, để cho một lũ ông khác sì sụp lễ theo.

Mỗi người vừa hết bốn lễ, ba vái thì tiếng tùng cắc vừa tan. Một ông trong bọn vừa cởi áo thụng vừa chạy ra trước cửa đình để nói một câu rất hách dịch:

– Chạ đã làm lễ *tỉnh sinh* xong rồi. Các quan đám truyền cho gia nhân vào việc đi chứ!

Tiếng reo đồng thời nổi lên ồn ồn với những tiếng ti–u của các hiệu sừng, hiệu ốc. Trẻ con, đàn bà, những người vô sự hết thảy bạt ra ngoài tường bao lan, nhường khu đất trước đình cho các đội đồ tể.

Có thể tưởng như đám quỉ sứ phá ngục, những ông khỏe mạnh hung tợn chực ở chung quanh các cũi hùng hổ xúm lại kẻ thì dùng dao chặt hết những sợi thừng trạc nhuộm đỏ, người thì chém đanh, chém chốt, tháo hết các then cũi ra.

Mỗi cũi chừng hơn mười người xấn vào. Nhanh như cắt họ túm "ông lợn" lôi ra sềnh sệch. Lúc này đối với con lợn, người ta không giữ lễ độ như trước. Tựa cái sức mạnh của đông người, họ không cần trói, chỉ giữ bằng bàn tay không, thế mà ông lợn cũng chỉ há mồm mà kêu eng éc, không thể động cựa, dù mà sức lực "ông ấy" to lớn gần bằng con trâu. Cái sanh đựng muối đã được một người xách lấy hai quai và hứng dưới cổ con vật đáng thương. Một người khác sắn gọn hai ống tay áo, lăm lăm cầm con dao bầu đâm vào cổ nó, giữa lúc hai người béo lớn lật đật khiêng nồi nước sôi đi sau, để cho một người nhanh nhẩu cầm gáo múc nước dội vào mông nó.

Bấy giờ công việc mới càng túi bụi! Tiết ở cổ lợn cứ việc chẩy ra lòng sanh, nước ở trong gáo cứ việc đổ vào mông lợn, người bưng cái sanh, người cầm cái gáo, người khiêng cái nồi nước sôi cũng như những người túm bốn chân lợn, đều chạy như bắn. Ra khỏi đầu đình bốn tốp chia ra bốn ngả, tốp nào về nhà chủ lợn tốp ấy. Sao mà tài quá đi mất! Cả đám đều chạy như thế, mà không người nào giẫy xéo lên chân người nào, tiết lợn cũng không vung vãi ra đất một giọt.

Theo sau một đám, để coi cho biết cứu cánh của cuộc tế sát lạ đời, tôi bỗng nghĩ đến cái cáng. Người ta bảo chính vua Quang Trung đã chế ra thứ đồ vận tải ấy.

Bấy giờ quân Tôn Sĩ Nghị đã vào đóng trong thành Thăng Long. Vua Quang Trung muốn gấp đường tiến binh cho kịp đánh họ một trận vào dịp nguyên đán, vì sợ lính tráng họ đi suốt ngày suốt đêm, tất nhiên ai nấy nhọc mệt không đủ sức mà đánh giặc, ngài mới nghĩ ra cái cáng để các quân sĩ cắt lượt nhau hai người khiêng cho một người ngủ.

Sách Tàu có một chuyện giông giống như thế. Tôi không nhớ là viên tướng nào, chỉ nhớ trong khi gấp đường tiến quân, viên tướng ấy đã bắt quân lính đổ gạo đổ nước vào các sanh lớn, rồi hai người khiêng, một người vừa đi vừa cầm đuốc mà đốt dưới sanh.

"Ừ thì việc binh cần phải thần tốc, người ta mới dùng đến cách vừa đi vừa ngủ hay vừa đi vừa nấu cơm. Chứ việc gì cúng thần cũng không lấy gì làm cấp bách, sao cái làng này cũng dùng đến cách vừa chạy vừa giết lợn?" Tôi đương hỏi tôi và tôi đương phân vân tìm câu trả lời, nhưng chưa tìm được.

– Anh em sắp chày ra!

Một tiếng giục giã dữ dội báo cho tôi biết đã tới cổng nhà quan đám!

Không biết họ đã cạo lông lúc nào, cái mông con lợn của họ đang khiêng đã trắng phôm phốp cả rồi.

Trong sân nhà quan đám đã kê sẵn một tấm phản ngựa, dao, thớt, rổ, rá, bát, đĩa, nồi, chậu la liệt bầy khắp chung quanh.

Con lợn sau khi bị khiêng qua cổng, liền được đặt huych vào phản.

Người ta làm việc đúng như nhà thương mổ xẻ người bệnh. Một người khoét miếng thịt mông đã cạo lông rồi quăng ra cái rổ. Hai ba người khác pha miếng thịt mông ấy làm hai ba mảnh và lọc lấy nạc thái ra. Rồi lại hai ba người nữa bỏ những thịt ấy vào cối mà giã. Một người cứ múc nước sôi đổ vào mình lợn. Hai ba người khác cứ việc cầm dao cạo lông. Giữa lúc người này cầm cái sỏ lợn đem luộc, thì người nữa cũng rạch bụng con lợn moi lấy lòng gan đem rửa.

Hoạt động chưa đầy một giờ đồng hồ họ đã làm xong một mâm cỗ lớn đủ cả giò, nem, ninh, mọc, lục phủ ngũ tạng con lợn và đệ ra đình cúng thần.

Mọi người hí hửng cười ran.

– Chắc là cỗ của nhà ta được giải nhất.

Quan đám vui vẻ bảo với chúng tôi:

– Làng tôi, mỗi năm có bốn đám, mỗi người phải nuôi một con ỷ, cứ đến hôm nay đem ra thờ. Của làng có năm sào ruộng treo giải, hễ ai làm xong trước, và làm được cỗ nhất, nghĩa là cỗ có nhiều món thì sẽ được cấy năm sào ruộng ấy. Kể ra năm sào ruộng không đáng bao nhiêu, nhưng nếu chậm, cỗ bé, thì sẽ mang tiếng với làng nước. Vì thế chúng tôi phải cố. Ông tính một ngày như vậy, nhà tôi cũng phải tốn kém đến hơn trăm bạc, vì lát nữa còn phải mời làng ăn uống một bữa. Như thế, cấy năm sào ruộng của làng một năm đã bù lại được một phần mười hay chưa?

Từ biệt ông chủ đi ra, bạn nói cho tôi biết, làng ấy vẫn thờ một ông... tướng cướp.

Chỉ có những ông tướng cướp mới có cái kiểu giết lợn... "hỏa tốc" như vậy.

ĐƯỢC MỘT TRAI, MẤT BA LỢN

Hồi còn thời đại khoa cử, tôi đã trọ học ở làng Th.S. trong huyện Tiên Du. Vì nhà trọ kế tiếp với đình làng ấy, nên tôi biết ông Đám Phức.

Kể ra, ông già lão này cũng như cái cung thôn trong di hạt của Từ Thức kia, không có vẻ gì đặc biệt. Chỗ đáng cho tôi chú ý là cái chức ông đám.

Ở thôn quê, đâu mà không có ông đám? Phận sự của viên chức này đại khái chia ra hai hạng. Làng nào có riêng ông từ, ông tế, ông đám chỉ có một việc nuôi lợn cúng thần, người ta gọi là cai đám. Làng nào không có ông từ, ông tế, ông đám tuy không phải vì nhà thánh phụng dưỡng con heo, nhưng phải kiêm lĩnh cả hai chức đó, nghĩa là, ngày thường, ông đám là kẻ trông nom đình đền, khi có đình đám cúng bái, ông đám được súng sính mũ áo, làm chủ các cuộc tế lễ.

Với những làng theo về chế độ thứ hai, địa vị ông đám rất long trọng, dân làng thường vẫn tôn làm quan đám.

Tuy không có quyền đối với chính sự trong làng, nhưng điều kiện để làm quan đám có khi nghiệt hơn điều kiện ra làm tổng thống các nước dân chủ.

Cũng như các ông tổng thống, quan đám cũng do dân bầu, không có thi cử bổ bán gì cả, nhưng kỳ hạn chỉ có một năm là mãn một khóa, làng lại phải cử người khác.

Cố nhiên ứng cử quan đám không có chương trình để trổ cái tài nói khoác và cũng không phải vận động bằng thuốc phiện, bằng sâm banh hay bằng cô đầu, nhưng phải có đủ tư cách.

Một người ngoài năm chục tuổi, không can án, không tàn tật, không có tang chế và không góa vợ, mới được ứng cử quan đám.

Người nào hợp với lệ ấy, làng sẽ bầu cho. Nhưng dù cả làng thuận bầu, cũng chưa là đắc cử. Còn phải đợi mệnh lệnh của thần thánh nữa.

Người ta đưa quan đám mới đến trước hương án trong đình làm lễ. rồi họ bắt quan đám mới một tay bưng một cái đĩa, một tay cầm hai đồng tiền, vừa khấn lầm rầm vừa đặt đồng tiền xuống đĩa như người thầy bói gieo quẻ. Công việc ấy, kêu là "xin keo". Đặt xong một "keo", quan đám mới phải chìa cái đĩa ở trong tay mình cho cả mấy người chứng kiến cùng coi. Hễ hai đồng tiền được một đồng sấp và một đồng ngửa, họ bảo đó là nhà thánh ưng ý, quan đám mới sẽ được thực thụ. Trái lại, nếu nó sấp cả, người ta bảo là nhà thánh ngài gắt, nếu nó ngửa cả, người ta bảo là nhà thánh ngài cười, quan đám mới liền bị bác bỏ, dân làng lại theo kiểu đó mà bầu người khác.

Sau khi đắc cử, quan đám phải làm bữa tiệc khao dân, giầu thì mổ bò, mổ trâu, ăn uống linh đình, kiết xác mồng tơi, cũng phải cầm đất, cầm nhà, để giết lấy một con lợn mới thành danh quan đám.

Lệ luật của làng định cho quan đám phải theo trong khi tại chức lại càng ngặt nữa.

Bất kỳ là hạng người nào, hễ đã lĩnh chức quan đám của làng thì đầu tiên phải sắm một manh quần đỏ, một chiếc nón lá quai đỏ và một đôi giầy hay dép, hoặc guốc cũng được. Không cứ trời nắng, trời mưa hay trời dâm, ở trong mái nhà thì thôi, nếu đã bước ra ngoài sân mà đi, dù đi một bước mặc lòng, phải nhớ đội nón, đi guốc và mặc quần đỏ. Bởi vì quan đám tức là một người luôn luôn ở cạnh nhà thánh, phải kiêng đội trời, kiêng dẫm đất, kiêng mặc đồ trắng.

Suốt trong một năm tại chức, quan đám ban đêm phải ngủ lại đình, ban ngày không được đi ra khỏi làng.

Ngoài những công việc thắp đèn, thắp hương, lau chùi đồ thờ, quét rũ mạng nhện ở đình và đền, quan đám cũng được cất nhắc việc riêng của nhà mình, nhưng phải kiêng những việc ô uế như gánh phân, gánh tro, hay là giặt dịa, may vá quần áo cho vợ.

Người ta cũng cho phép quan đám được dự những đám ăn uống do người trong làng mời đi, nhưng phải kiêng những đám ma tươi và những nhà mới có người chết.

Trong hạn tại chức, chẳng may bị có anh em họ mạc qua đời quan đám dù không bước chân đến cửa tang gia, nhưng chiếu luật, mình phải để chở người bất hạnh ấy, thì phải lập tức sửa một cơi trầu lễ tạ nhà thánh và có lời từ chức với làng, để cho làng bầu người thay chân. Nếu không thế, sẽ bị bãi chức.

Một điều đáng sợ hơn hết, ấy là cái nạn vợ chửa.

Đã là quan đám, phần nhiều vợ không thể chửa, vì đã già rồi. Chỉ có người nào còn có bà hai, bà ba, thì mới phạm vào điều đó.

Nội các luật lệ của làng đã định, quan đám làm trái điều nào cũng bị phạt cả, nhưng các tội khác, người ta chỉ phạt nhè nhẹ. Đến như cái tội vợ chửa, thì phải chịu phạt rất nặng. Bởi vì, nó là tang chứng chứng tỏ rằng khi hầu hạ nhà thánh quan đám đã dám làm việc ô uế.

*

* *

Với làng Th.S. ông Đám Phúc chính là một người đã được dân làng và đức thượng đẳng làng ấy chính thức cho làm quan đám. Tất nhiên ông phải theo đúng điều luật phổ thông của quan đám mọi làng.

Trải sáu chục năm chỉ biết có nghề cày sâu, cuốc bẫm, nhà ông không phải có dư của ăn của để mà cần năm thiếp bẩy thê để gỡ lại sự thiệt thòi của cái tuổi răng long đầu bạc. Vì ông sinh con một bề, nên phải đèo bồng một người vợ hai.

Cương thừng thắng con ngựa trắng, đáng lẽ là một cách yên ủi tuổi già. Rủi cho ông, thứ phòng [1] cưới về chưa đầy một năm thì ông đã bị bầu làm quan đám.

---

1. *Thứ phòng*: vợ lẽ.

Tôi vào trọ làng Th.S. giữa khi ông mới nhận chức độ vài chục ngày. Bây giờ tuy đã cách hơn ba mươi năm tôi vẫn chưa quên bộ điệu kính cẩn của ông đối với thần thánh.

Ở đình về nhà ăn cơm và ở nhà ra đình hầu hạ nhà thánh, mỗi ngày ít nhất ông phải bốn lượt đi về. Lượt nào cũng vậy, ông không hề quên chiếc nón ba tầm, đôi guốc củ tre, cây gậy mũi sắt và tấm quần sồi nhuộm mầu hoa hiên.

Trong lúc tránh sự nóng nực của nhà trọ, chạy ra hóng luồng gió mát trên dẫy hồ ao trước đình, tôi thường gặp ông trịnh trọng đánh một hồi chuông, và thường nói chuyện với ông sau khi ông đã quỳ gối trước hương án, đọc một thôi dài "na–mô–a–di–đà–Phật".

Tuy không dám phàn nàn về sự phải gánh công việc nhà thánh, nhưng sắc mặt ông vẫn thường có vẻ rầu rầu, như muốn ăn năn một điều tội lỗi.

Tôi biết ông đương có một mối khổ tâm. Với tuổi lục tuần của người trần gian, cái tuổi đã bị coi như làn nắng quái chiều hôm, bao nhiêu công việc định làm mà chưa kịp làm, người ta còn phải tiến hành một cách gấp bội, huống chi câu chuyện cầu tự là chuyện quan hệ đến sự còn mất của nòi giống, ai mà trì hoãn cho được?

Nhưng chức vị của ông bắt ông phải hoãn. Trước bóng nhà thánh, ông không được tự do để tâm lực vào cái công cuộc “nước chẩy qua sân” nếu ông giữ đúng luật lệ của làng đã định.

Thế rồi, một hôm làm xong công việc đèn hương, vẫn cái vẻ rầu rầu, ông than thở trước mặt tôi:

– "Tôi sắp mất nghiệp cậu ạ".

Và rồi từ đó trở đi, ông càng chăm việc lễ bái hơn trước. Nhưng cái vẻ rầu rầu vẫn bao phủ trên nét mặt ông thêm ba tháng nữa.

Bữa ấy, tôi đi bình văn vừa về đến nhà, thì vừa được nghe một câu đầy giọng đắc ý của ông chủ trọ:

– Cậu thử ra đình mà xem, hôm nay làng tôi ăn vạ lão Đám Phức đấy.

Vừa nói, ông lão vừa tất tả đi thẳng ra cổng, như có việc gì cần kíp, không để cho tôi hỏi thêm câu nào.

"Ừ, ăn vạ cũng là quốc tục của người Việt Nam, mình phải coi cho biết cảnh tượng của nó". Tôi nghĩ thế, và đủng đỉnh dạo ra chỗ gốc cây trên hồ trước đình như kiểu mọi ngày vẫn đi hóng mát.

Trên đình, dưới nhà tiền tế, hai bên giải vũ, chỗ nào cũng đầy những người. Với bộ mặt sầu não của kẻ có tội, ông Đám Phức đương ngồi gãi tai ở trước chiếc chiếu của bọn hương dịch. Ông chủ nhà tôi cũng có ở đấy và đương cất cái giọng sang sảng đáp lại những sự nằn nì của ông quan đám đáng thương.

"Ông nói không thể nghe được. Mình đã hầu hạ nhà thánh vợ vẫn chửa bĩnh ruột ra. Thế mà còn bảo xin chạ châm chước, thì phỏng châm chước làm sao. Chúng tôi cũng nể ông lắm, nhưng mà lệ làng như thế, không ai dám bỏ. Nếu như chúng tôi không ăn vạ ông, lỡ ra nhà thánh quở phạt, liệu dân làng này có yên được không?"

Một ông hương dịch đứng dậy chỉ tay vào bọn trai đinh lố nhố trong nhà tiền tế:

– Anh em cứ việc bắt lợn ra làm thịt đi. Mau mau, chạ còn sửa lễ lễ tạ nhà thánh!

Một người trai đinh nở nang hỏi lại:

– Thưa chạ, bắt mấy con lợn? Và bắt những lợn nhà ai?

Trong đám hương dịch có tiếng dõng dạc:

– Tùy đấy, nhà ai có lợn thì bắt. Mấy con cũng được! Tưởng chừng ăn hết bao nhiêu thì bắt bấy nhiêu.

Cả bọn trai đinh tấp nập, kéo ra cổng đình, với cái bộ điệu sung sướng của một đám người kéo nhau đi hôi của.

Một ông hương dịch hất hàm hỏi ông Đám Phức:

– Thế nào, ông có sắp sửa mâm bát nồi sanh cho chạ, hay định để chạ đi mượn?

Ông Đám Phức ra dáng khúm núm:

– Chúng tôi sống nhờ chạ, chết nhờ chạ, đâu dám để chạ phải mượn đồ dùng. Tôi đã bảo người nhà tôi từ nãy rồi. Hễ chạ dùng đến thứ gì, tôi xin đem ra thứ ấy.

Sau đình có tiếng eng éc. Bọn trai đinh hăm hở khiêng hai con lợn đặt trước sân đình.

Mấy ông hương dịch trưởng chê lợn nhỏ quá, chạ ăn không đủ, giục họ bắt thêm con nữa.

Cái bàn giết lợn kê sẵn ở trên bờ ao. Cả mấy con lợn liền bị khiêng ra chọc tiết.

Vô sự và cứ vơ vẩn đứng mãi, hình như cũng thấy bất tiện, tôi phải tạm về nhà trọ. Nhưng cảnh tượng ăn vạ vẫn chưa coi hết, trưa đến tôi lại ra đình.

Cỗ bàn đã làm xong rồi, người ta đương sắp ăn uống.

Mọi ngày, tiệc lệ của làng, chỉ có những người quang quẻ mới được dự, hôm nay là cuộc phạt vạ, cho nên những người có chở cũng đều có quyền đi ăn.

Cả làng không sót người nào, từ cụ móm răng đến những đứa trẻ răng chưa mọc đủ, chỉ trừ con gái đàn bà.

Những chiếc mâm mốc chứa toàn thịt luộc, rau chuối la liệt bày khắp trên đình, dưới nhà tiền tế và hai bên giải vũ với những thưng cơm đầy lù và những chậu nước suýt khói bay nghi ngút.

Bốn người một cỗ, tám người hai cỗ. Ít tuổi ngồi dưới, nhiều tuổi ngồi trên, ai biết ăn, ở lại mà ăn, ai chưa biết ăn thì được chia phần để vào rổ để chị hay em đem về.

Thì ra bữa tiệc hôm nay, có cả những cậu còn ẵm ngửa.

Như một đàn tằm ăn rỗi, cả làng vừa ăn vừa hạch tội khổ chủ cho sướng mồm và ông khổ chủ với bộ khăn đen áo dài, luôn luôn đi cạnh các mâm, vái từ người già đến người trẻ.

Nghề ngà từ trưa đến chiều bữa tiệc mới tan, cả làng ai nấy gói những thịt ăn không hết cầm tay, lũ dài lũ ngắn ngất ngưởng ra về, để lại những đống mâm bát tanh banh cho người nhà Đám Phức dọn dẹp.

Đêm ấy ông Đám Phức được ngủ ở nhà, vì đã mất chức quan Đám. Sáng mai, ông vào cái nhà tôi trọ, đánh tiếng bán nhà, bán đất để trang những món tiền lợn, tiền rượu, tiền gạo mà chạ đã ăn.

Vì nếu không trang, sẽ bị dân làng sổ ngôi và khi chết dân làng không khiêng.

Năm sau, tôi lại gặp ông. Bấy giờ ông đã dọn ra một túp lều tranh đầu làng, nhưng mà coi bộ vui vẻ hơn trước. Ông nói:

– Cậu mừng cho tôi. Cuối năm ngoái, nhờ bóng nhà thánh phù hộ, cái hai nhà tôi, đã sinh được thằng con trai. Cháu ngoan lắm.

LỢN ANH, LỢN EM

Tôi đã bật cười khi bốn tiếng bắt đầu lọt vào lỗ tai, vì tưởng trong nước Đại Nam lại có nhà đạo đức nào sắp sửa duy trì phong hóa cho loài lợn.

Vậy mà ngoài mấy tiếng ấy, bạn tôi nhất định không chịu nói thêm, cố bắt tôi phải đi mà tìm lấy câu cắt nghĩa.

Hôm ấy nhằm ngày 11 tháng hai, trời gần hết rét. Những ruộng ngô non đã được mưa xuân nhuộm thành mầu lam. Mỗi khi gió nổi, đứng trên đường ngó ra quãng xa xa, có thể lầm với làn sóng biển.

Tiếng hát trong ruộng ngô của bọn trai gái cắt cỏ lần đưa chúng tôi đến làng Th.C., một làng khá lớn trong huyện Gia Lâm.

Đình làng ấy cất giữa khu đồng bát ngát. Quanh đình, là một bãi cỏ xanh rì.

Trời đã chiều, sân đình phấp phới bóng cờ đỏ. Chiêng trống vẫn im lặng đánh đu dưới giá, chờ lũ con nít thỉnh thoảng nắm tay đấm một vài đấm cho đỡ cơn thèm.

Dân làng còn thưa vắng. Vì cuộc tế thần cử hành về đêm, những người chấp sự vẫn chưa tới hết. Trong lúc chờ đợi coi cuộc đại lễ, tôi có dịp dò đến gia thế của anh em nhà lợn.

Không biết như thế có thể gọi là "Đào viên kết nghĩa" được không chứ đồng bào huynh đệ thì rất không phải. Bởi vì đôi anh em ấy, chẳng những không do một cha một mẹ đẻ sinh, mà còn không ở chung một gia đình nữa.

Với làng này, con lợn thờ cũng là một đấng thiêng liêng và tôn quý như đồng bào nó ở các làng khác. Theo lệ, hàng năm trong làng phải có hai người đương cai, mỗi người nộp cho làng một con ỷ để cúng thần. Điều luật ấy, người ta thi hành bằng cách bắt buộc. Người nào đến tuổi, nhất định phải theo, không thể chối, cũng không bỏ. Hễ ai vô phúc mà bỏ, ấy là mang tiếng thiếu đóng, thiếu góp với làng, sống cũng như chết, nếu họ còn ở trong làng. Bởi thế những kẻ nghèo có khi phải bán nhà bán đất, bán con bán cái để nuôi lợn cho làng. Chẳng thà mất cả con cái, nhà đất mà có con lợn nộp làng còn hơn thiếu lợn của làng mà còn nhà đất, con cái.

Sở dĩ tốn kém như vậy, là vì tục làng đã định, con lợn của mỗi người đương cai ít nhất cũng phải hai tạ, nhiều nữa thì càng hay. Cho được có một "ông ỷ" hùng vĩ như vậy, tất nhiên phải nuôi nó từ hai năm trở ra. Trong hai năm trời, hàng ngày phải cứ cung đốn bằng những chuối tiêu, bột nếp hay là của ngon vật lạ trong các mùa, cũng đã hao tiền lắm rồi huống chi từ lúc mua con lợn giống, đến khi rước một "ông ỷ" ra thờ, còn có nhiều lệ ngạch khác. Làng đi chọn ỷ, làng vào thăm ỷ... tuần nào tiết ấy gia chủ phải có cơm rượu thết làng. Và những lúc trở trời trái gió, "ông ỷ" ăn không ngon miệng, gia chủ lại phải sửa lễ ra đình kêu đức "thượng đẳng" vuốt ve cho ngài, thì sự phí tổn còn biết đến đâu là hạn. Những người đến lượt nuôi ỷ, trong hai năm trời, lúc nào cũng phải canh cánh lo sợ, chẳng khác nuôi ông tướng giặc trong nhà. Bao giờ ỷ ra đến đình, bấy giờ mới là vững dạ.

Mười một tháng hai, chính là ngày làng ấy tế ỷ. Những năm ngày ấy lỡ có mưa gió, việc tế phải cử hành vào lúc nhá nhem. Hôm nay vì trời nắng ráo, cho nên công việc cũng hơi chậm chạp một chút.

Ánh nắng ra khỏi sân đình. Mây đỏ rực rỡ ở đám chân trời phía tây phản chiếu lại bầu không gian trước đình, như thêm vẻ tưng bừng cho bóng cờ quạt. Trong đình dần dần đông thêm. Tuần phu, hương lý, quan viên tế, đàn bà, trẻ con, lần lượt từ trong cổng làng tiến ra.

Trên ngọn tre của mấy làng xa tít, mặt trăng từ từ tiến lên giữa trời. Ánh trăng vằng vặc chiếu xuống khu đồng. Lúc này người đã đông nghịt. Ngoài những ông mũ cao, áo rộng súng sính, thêm có những ông thắt lưng bó que, ăn bận rất gọn ghẽ.

Nào dáo, nào mác, nào gậy tầy, mã thò, nào những bó đuốc nứa bó sẵn, dài ba, bốn thước trở ra, các vật ấy nghênh ngang tựa khắp tường đình, giống như những khi người ta dự bị khí giới để đi đánh cướp.

Một hồi tù và rúc mau. Tiếng trống cái thủng thẳng điểm trong đầu làng hòa với tiếng hò reo của lũ con nít. Đôi cũi mới chăng thừng mầu đỏ và một vài lá cờ đã rước anh em "ông lợn" ra đến cửa đình.

Cuộc tế bắt đầu khi đôi cũi ấy đặt ngang hàng nhau ở trước tiền tế.

Giữa lúc tiếng kèn, tiếng trống xen tiếng "hơng" "bái" làm vang trong đình, tôi có ý hỏi trong hai con lợn trong cũi, con nào là anh, con nào là em. Người ta đáp rằng: cái đó còn quyền ở đức thượng đẳng. Hễ đức thượng đẳng phù hộ giáp nào, thì lợn của giáp ấy sẽ được là anh, bây giờ chưa thể biết trước. Thì ra làng này tuy to,

nhưng chỉ chia ra làm hai giáp: giáp Đông và giáp Đoài. Hai con lợn nghiêm chỉnh ngồi trong cũi kia là của mỗi giáp một con. Đôi vật ụt ịt ấy tuy không có sự *huých tường*, nhưng mà những người can hệ đến nó, đương vì nó tranh ngôi trên ngôi dưới.

Trong đình vừa dứt hai tiếng "lễ tất" rất dài và lớn, trống cái nổi lên thùng thùng.

Các bó đuốc nứa nhất tề châm lửa. Dáo dài, mác nhọn, gậy tầy, mã thò nhất tề theo bọn trai trẻ khỏe mạnh kéo đến vây quanh đôi cũi.

Ba hồi trống cái vừa kết liễu bằng ba tiếng cuối cùng, hai người lăm lăm cầm hai con dao sáng choang chặt các then cũi. Đôi cũi tức thì tung ra từng mảnh. Đám người vây quanh cũi đều giải vòng vây lùi xa ra ngoài. Tuy là thân thể béo ỵ, mọi ngày đi đứng rất khó nhọc, nhưng lúc này, sau một trận kinh hoàng vì sự cầm tù, đôi lợn trong phút vừa được tháo cũi, đều cắm đầu chạy bằng cả năng lực của trời phú cho.

Người ta không bắt và còn đuổi thêm cho nó chạy mãi ra ngoài đồng ruộng.

Trong đình trống càng thúc dữ, tù và nổi như ếch kêu. Dưới ánh sáng trắng trong của mặt trăng, các bó đuốc đùng đùng bốc lửa.

Trống cái trong đình thình lình im bặt. Một hồi chiêng bu bu tiếp theo. Giáo mác, gậy gộc nhất tề theo đám đuốc lửa đùng đùng kéo xuống giữa đồng. Khu đồng quanh đình thành một bãi chiến trường kịch liệt. Tiếng người chạy huỳnh huỵch và giáo gậy chi chít đụng nhau, làm cho bầu tịch mịch trong cánh đồng không trở nên một xứ có loạn.

– Thừng đâu? Ai cầm thừng? Đem đến đây mau!

Tiếng hô vừa dứt, luôn đến tiếng kêu eng éc!

– Anh về giáp ta! Anh về giáp ta rồi!

Giữa những tiếng reo vui như bắt được giặc, một đám người hùng dũng khiêng một con lợn từ phía đồng xa lên đình. Con vật đã bị chém gẫy một chân, máu vẫn ròng ròng chảy xuống. Một nửa số người theo lợn lật đật kéo về trong làng. Còn một nửa vẫn xông xáo đuổi lợn ở dưới đồng ruộng.

– Thế là năm nay anh về giáp Đoài.

Một ông người làng bảo với chúng tôi như thế, và ông còn cắt nghĩa thêm:

– Theo tục làng tôi, hễ con lợn nào được bắt về trước thì được là anh, con lợn nào bị bắt về sau thì phải làm em.

Tôi toan hỏi làm anh có được hương hoa gì không, thì ông đã nói tiếp:

– Lát nữa, làng tôi lại còn tế một tuần nữa. Lợn anh được làm cỗ chính tiến, cúng đức thượng đẳng; lợn em phải để vào cỗ tùy tiến, cúng các bộ hạ. Tuy sự khác nhau chỉ có bấy nhiêu, nhưng nó rất là quan hệ. Bởi vì lợn của giáp nào được dùng vào cỗ chính tiến, ấy là giáp ấy được đức thượng đẳng phù hộ suốt năm làm ăn phát đạt. Trái lại, lợn của giáp nào bị dùng vào cỗ tùy tiến, thì quanh năm người trong giáp ấy làm ăn không ra gì cả.

Rồi ông khoe:

– Lợn anh năm nay là của giáp tôi. Vậy là luôn trong bốn năm, năm nào giáp tôi cũng đã được vào cỗ chính tiến...

Coi mặt ông, hình như có vẻ đắc ý, vì cả hàng giáp nhà ông đã được có lợn làm anh.

ÔNG THÀNH HOÀNG ẤY ĐÃ BỊ CÁCH RỒI

Năm nọ, một hôm, qua huyện Văn Lâm, tôi phải hết sức ngạc nhiên về cái lỗ hổng sau bầu của đình làng T.D.

Với thôn quê, bất kỳ làng nào, "chuôm bầu" vẫn là một chỗ quan hệ. Tuy bị mang tên xấu xí, nhưng nó chính là bộ phận trọng yếu trong các tòa đình.

Thường thường các đình nhà quê, không kể hành lang, giải vũ, ít ra cũng phải có đủ ba lớp. Ngoài nhất thì nhà tiền tế, dùng để tế lễ khi có đám lớn. Chính giữa là đình dùng để họp hành ăn uống và lễ bái trong các tiệc thường. Chuôm bầu là lớp trong nhất, nối liền với đình bằng kiểu "trồng diêm" hay kiểu "chuôi duộc", long ngai, bài vị của thành hoàng để ở trong đó.

Bởi vì thành hoàng làng nào tức là vua của làng ấy, cho nên chuôm bầu mới được coi là nơi nghiêm cẩn, người hay gọi nó là hậu cung.

Ai đã biết sự long trọng của hậu cung của các vua chúa, thì cũng có thể tưởng tượng ra được sự long trọng của chuôm bầu của các thành hoàng.

Ngoài chỗ chuôm bầu giáp nhau với đình, tất nhiên phải có một nếp cửa võng. Ở nhiều làng, cái cửa võng ấy đã phải trạm đến chín từng rồng phượng cho đúng với chữ "cửu trùng". Qua nếp cửa võng, còn cách một lần cửa nữa mới đến chuôm bầu. Lần cửa trong này, quanh năm đều đóng im ỉm. Cho đến những lúc tế lễ, cánh cửa tuy có hé ra giây lát để cho người có việc ra vào, nhưng ở bên ngoài vẫn phải buông mành xùm xụp. Trừ ông thủ từ là người đối với thành hoàng vẫn kiêm ba chức: quan hoạn, lính thị vệ và ngự tiền văn phòng bí thư, không ai được qua lại cửa đó. Ngoài lớp cửa ấy thì thôi, trong "bầu" không có cái cửa nào khác, dù là cái cửa sổ để lấy ánh sáng.

Vậy mà riêng cái chuôm bầu của làng T.D. thì ở đằng sau lại có lỗ thủng vừa lọt người chui. Nó không tròn, không vuông, không bồ dục, không miếng huỳnh, chẳng ra cái hình gì cả. Nếu nó là chỗ tường lở, thì chỉ xây vào năm sáu viên gạch là kín, chứ không khó nhọc chút nào. Đằng này người ta không xây và ở trong lỗ, lại có bưng một lớp ván coi bộ cực kỳ kiên cố. Hơn nữa miệng lỗ lại có những vết chân người và có trát vôi nhẵn nhụi coi rõ là chỗ làm sẵn từ lúc dựng đình không phải là có ai đào khoét.

"Cái lỗ này là cái quan hệ chắc có lịch sử sao đó, không phải là một chuyện thường". Tôi nghĩ thế. Cách một tuần sau, tôi mới hiểu được nhiệm vụ của quái vật ấy.

*

*　*

Bữa ấy nhằm ngày 14 tháng 8 chính là ngày thánh hóa của đức thượng đẳng làng T.D. Trời đã chiều. Dân làng sắp sửa mũ áo tế thần.

Quang cảnh cuộc tế của làng này không khác gì các làng khác. Lạ một điều là, người ta cố ý kéo dài chuyện "hưng bái" ấy từ chiều cho đến tối sẩm và lúc tế cái bài vị lại để ở hương án ngoài.

Tuần rượu cuối cùng bắt đầu thì ở quanh đình và nhà tiền tế, một bọn đàn ông ăn bận gọn gàng tấp nập kéo ra. Tôi biết bọn đó toàn là tuần phu, vì ở lưng họ, sườn họ có những hiệu ốc, hiệu sừng

lủng lẳng. Nhưng tôi không hiểu vì sao bọn tuần lại không vác sào, vác mác, họ chỉ dùng toàn khí giới của Đinh Tiên Hoàng, thứ khí giới chế bằng bông lau, bông sậy.

Trong đình dứt hồi tò te và tiếng tùng cắc, bao nhiêu đèn nến đều tắt phụt. Cả đến cái hương đương cháy cũng bị người ta dầm đi, không để cho nó có dính chút lửa đỏ.

Cả khu lòng đình tối như hũ nút. Nếu là lúc này, có lẽ tôi phải ngờ là thành hoàng làng ấy thử tập một cuộc phòng không thụ động. Nhưng hồi ấy, ở đây chưa phải đề phòng về nạn máy bay, cái danh từ kia chưa có, tôi không thể đoán họ sắp làm gì.

Tù và thình lình nổi lên choáng óc. Rồi thì mõ cá đập choang choác, trống cái giật giọng điểm ba tiếng một. Trước nhà tiền tế và chung quanh đình, bóng người nhốn nháo như đám chạy cướp, những ông tuần phu với những khí giới lau sậy tất tả chạy ra sau đình.

Cái gì thế? Trộm vào trong đình hay là trong làng đã xẩy ra chuyện bất thường! Một người xa lạ mục kích cái cảnh tượng ấy, tất nhiên phải hỏi như vậy.

Vội quá, tôi không kịp hỏi và cứ theo bọn di tướng của vua nhà Đinh đi ra phía sau.

Vầng trăng của tiết trung thu vằng vặc tự trên lưng trời chiếu xuống, cả khu sau đình sáng như ban ngày. Trừ ra một giải sau bầu riêng có bầu bóng cây um tùm.

Trống cái, mõ cá, tù và ở đằng trước đình vẫn thúc liên thanh bất chỉ, các ông tuần phu vẫn vác khí giới lau sậy láo nháo chạy ở sau đình.

Một vật đen đen lù lù từ lỗ sau bầu nhuồi ra. Dưới luồng sáng thấp thoáng của ánh trăng dọi trong bóng cây, tôi còn nhận ra một cái đầu người. Và nhanh như chớp, cái đầu người ấy đã đưa cả một thằng người nhẩy từ lỗ thủng xuống đất.

– Mày chạy lên trời!

– Mày chạy lên trời!

Sau mấy tiếng thét rất có lễ độ, thằng người ấy liền bị hai ông tuần phu quật cho mấy cái gậy sậy. Rồi nó chạy ù ra phía trước đình với một vật vuông vuông ôm ở trước ngực.

– Trộm! Hẳn là thừa cơ lúc làng đang tế, trộm vào ăn trộm đồ thờ.

Nếu nghĩ như vậy thì chỉ đúng được một nửa, còn một nửa nữa không đúng. Bởi vì thằng người vừa bị đánh đó, chính là một ông tiên chỉ trong làng, mà vật vuông vuông hắn ôm trước ngực tức là bài vị thành hoàng.

Trống, mõ, tù và im hẳn. Trong đình lại có đèn sáng. Ông tiên chỉ ôm chiếc bài vị tụt vào trong bầu. Cả làng đều làm lễ tạ. Người được vào lễ trước nhất là hai ông tuần mới thưởng cho ông tiên chỉ mấy cây gậy sậy trong phút ông ấy ở lỗ sau bầu chui ra.

Tan cuộc lễ bái, dân làng đều có vẻ mặt rời rợi, như lo sắp có tai vạ đến nơi. Người ta thì thầm bảo nhau:

– Thế là năm nay vận làng lại không ra sao!

Tôi đã cố hỏi sự tích của ván trò ấy. Nhưng người làng ấy không nói. Họ đã nhìn tôi bằng con mắt bất bình và đáp vấn rằng:

– Đấy là cái *hèm* làng tôi.

*

* *

Cái *hèm* ấy, tôi đã khám phá ra được bởi một ông bạn quê ở cạnh đó.

Thì ra đức đại vương của làng T.D. vốn là đồng nghiệp của chú Trích. Ngài là người về đời Lê, lúc sống rất giỏi về khoa đào tường khoét ngạch. Thế nhưng ngài cũng bị bắt và bị xử tử. Chỉ vì nhờ được giờ linh, cho nên mới được tôn làm thành hoàng.

Mười bốn tháng tám chính là cái ngày ngài phải hy sinh tính mệnh cho nghề nghiệp. Vì thế hàng năm cứ đến ngày ấy, dân làng phải diễn một cuộc "xuyên tường tạc bích" để kỷ niệm sự nghiệp của ngài.

Cái ông tiên chỉ ôm chiếc bài vị tức là giả thân của ngài. Còn những tuần phu vác khí giới lau sậy thì là vai tử thù của ngài ngày xưa. Phận sự họ cốt phải bắt ngài cho được, khi ngài làm việc phi pháp.

Nhưng bắt được ngài, không phải là việc có công. Cứ như cổ tục làng ấy truyền lại, thì khi cái ông tiên chỉ ôm chiếc bài vị chui qua lỗ hổng sau đình, nếu bị người làng đánh phải một roi, tức là cả một năm ấy, cả làng làm ăn không hay. Mọi năm cái ngày kỷ niệm thường gặp mưa gió tối trời, ông tiên chỉ vẫn chui được thoát. Năm

nay vì trời sáng trăng cho nên ông ấy bị bắt tại trận. Thế là cái điềm không tốt.

Té ra, dương sao âm vậy, trong "giới" thành hoàng cũng có đủ các thứ người như các giới khác ở nhân gian.

Nghe đâu cũng vì thiên hạ chế riễu nhiều quá, gần đây làng ấy đã cách vị thành hoàng ấy mà rước một ông thần "bơi" về thờ. Bây giờ người ta đã kỷ niệm thành hoàng bằng cuộc bơi trải.

Té ra dư luận của người Annam chỉ ảnh hưởng ở thần giới.

Thế cũng còn là may!

VŨNG LỘI LÀNG NGANG

Hẳn không ai dám bảo cụ Tam nguyên Yên Đổ làm hại phong hóa. Vì cụ vốn là một nhà đạo đức, và cái đạo đức của cụ dù không cao lắm, nhưng nó cũng đáng ngồi lên trên đầu những người cầm cân phong hóa ngày nay. Nếu mà bảo cụ làm hại phong hóa, tất nhiên sẽ bị người ta chỉ mặt mà mắng là thằng nói láo.

Vậy mà ở trong tập thơ của cụ, chúng ta đã được đọc bài sau đây:

Đầu làng Ngang có vũng lội,
Có đền ông Cuội cao vòi vọi.
Đàn bà đến đó vén quần lên,
Cao thì đến háng, thấp đến gối.
Ông Cuội ngồi trên mỉm miệng cười:
"– Cái gì trăng trắng như con cúi"
Đàn bà khép nép ngẩng lên thưa:
"– Con trót hớ hênh, ông xá tội."
"– Thôi! Thôi! Con có tội chi con,
Lại đây ông cho giống ông Cuội."
Từ đó làng Ngang đẻ ra người,
Đẻ ra rặt những phường nói dối.

Bài ấy đã được in làm mẫu văn chương và được coi làm sách giáo khoa, đủ tỏ nó không hại gì phong hóa, dù nó mô tả một việc sỗ sàng mà bọn đạo đức giả vẫn kiêng như húy gia tiên không dám nói đến.

Cảnh tượng kỳ dị của vũng lội làng Ngang thế nào, một bài thơ ấy đã tả hết rồi. Không cần vẽ thêm nét bút nào nữa. Chỗ còn thiếu, chỉ là lịch sử của cái vũng ấy.

Phải, cái vũng ấy cũng có một thiên lịch sử quan hệ. Tôi đã được nghe trong khi qua huyện N.S. của tỉnh Hà Nam, tiện dịp chiêm yết miếu mạo Cuội vương.

Thì ra ông Cuội này không phải ở trên cung trăng rơi xuống. Lúc sống, ổng cũng là cái xác thịt do người làng Ngang đẻ ra. Không biết vô tình hay hữu ý mà người đã nặn ra ổng lại đem tất cả những kiểu vụng về ở gầm trời dồn vào mặt ổng. Khiến cho bộ diện của ổng thành một chỗ chứa những cái: mày rậm, mắt sâu, mũi lõ, răng vẩu, hai môi bì bì như hai con đỉa no máu.

Thế rồi cả cặp thợ nặn kế tiếp trốn xuống âm phủ bỏ ổng ở lại với người làng Ngang.

Chỉ vì ổng không biết nói thật bao giờ, cho nên các nhà nuôi ổng đều phải mời ổng ra cửa và tặng cho ông cái tên "thằng Cuội".

Lúc này đời ổng không khác gì cái đời hàn vi của ông tổ chúa Trịnh, ngày thì dong dẻo hết đầu làng đến cuối làng; tối đến, tất phải ăn trộm một hai con gà, hay là một hai con chó.

Hình như tướng tinh của ổng do sao thiên cẩu nhập vào, cho nên chó ở trần gian đều phải khiếp sợ. Bất kỳ chó dữ đến đâu, hễ thấy bóng ổng là nem nép nằm im, không dám cựa, cũng không dám sủa. Vì vậy, đêm đêm ổng cứ tự do ra vào các nhà để lấy gà chó của họ.

Chửi đã mỏi miệng, không thấy có ảnh hưởng gì, những kẻ mất gà mất chó sốt ruột bảo nhau rình bắt cho được. Nhưng mà ổng trốn rất tài, mấy lần bị hóc ở trong vòng vây, đều ra được cả.

Bây giờ ổng đã trở nên một đấng "anh hùng", kẻ nào trái ý với ổng tức thì bị chửi, bị đánh, có khi bị dọa đốt nhà là khác. Trước cái uy phong lẫm liệt ấy cả làng đều phải đầu hàng. Họ bèn cắt nhau nộp thuế cho ổng: mỗi ngày một số gạo, rượu, mắm, muối, đủ làm ma cho những con vật ấy.

Nếu trên đời chỉ có ban ngày, thì đời ổng hồi này thật là tiên cách. Ngoài những lúc ngồi vặt lông gà hay vặt lông chó, chỉ có việc ngất ngưởng với hồ rượu!

Khổ một nỗi lại còn ban đêm. Nhất là những đêm mưa dầm gió bấc.

Ổng cũng biết rằng đàn bà ở đời không phải là thừa. Nhưng hơn ba chục năm làm thân đàn ông, ổng chưa biết hơi đàn bà thế nào!

Nhiều lần ổng đã cậy mối hỏi vợ. Chỉ vì tướng mạo khác người của ổng, khiến cho con gái trong làng đều phải lè lưỡi lắc đầu khi thấy có người bầu họ đi làm bà Cuội. Thành ra ổng cứ phải làm người trai tân mãi.

Hình ảnh đàn bà luôn luôn quanh quẩn ở trước mặt ổng.

Những lúc đêm đông mưa sa rả rích dưới giọt tranh, gió thổi ù ù vào các khe cửa, ổng càng trằn trọc khó ngủ, và càng mơ tưởng các cô các chị trong làng. Cái răng, cái tóc, cái mắt, cái mũi của họ, ổng đều hình dung được cả. Cho đến cái vú ộ ệ vẫn nấp trong lần yếm nâu, ổng cũng tưởng tượng ra được vì đã nhiều lần ổng thấy người ta vạch ra để cho con bú.

Người ta còn mong làm nên ông này, ông khác, áo rộng mũ cao, chứ ổng thì ổng chỉ mong có thế. Đối với ổng, mũ cao áo rộng, không quí bằng cái mà ổng thèm biết. Nếu được nhìn qua cho biết, dẫu chết cũng là đáng đời, ổng vẫn mình tự nhủ mình như thế.

Làng ổng ở vào giữa cánh đồng chiêm, quanh làng toàn nước, đầu làng có một con đường độc đạo chạy qua cửa lều của ổng, những người đi lại đều phải qua đó. Ổng bèn xẻ cho đứt khúc đường ấy, rồi bắc luôn hai dịp cầu bằng tre, một dịp ở trên ngang với mặt đường, và một dịp ở dưới cao hơn mặt nước một ít.

Mỗi ngày xong hai bữa ăn, ổng lại ra nằm duỗi dài ở dịp cầu dưới hai mắt giương tròn để nhìn dịp cầu trên. Người ta hỏi ổng sao lại nằm chỗ oái oăm như vậy, thì ổng nói là thích xem thiên văn, vì ở trên trời sắp có một ngôi đế tinh hiện ra ban ngày.

Đàn bà con gái lúc đầu còn thẹn, sau rồi quen dần, họ cứ đi lại một cách tự nhiên, ổng xem thiên văn mặc ổng.

Tuy vậy, khoa thiên văn ấy vẫn hoàn toàn ẩn ở trong đám huyền bí. Ổng đã mòn đôi con mắt với những cái bóng thấp thoáng trên cầu tre nhưng mà "trông lên thiên địa mù mù", chẳng nhận ra cái gì hết.

Dịp cầu trên dần dần long bật cập kênh, người đi phải dò từng bước.

Sáng hôm ấy, một buổi sáng của mùa thu, ánh nắng đã hun hết những hơi sương đọng lại ban đêm, bầu trời trong như nước lọc. Trước

ngọn gió thu hiu hiu thổi trên mặt nước, ổng đã thiu thiu nằm ngủ. Chợt thấy có tiếng cót két, ổng phải bừng mắt trông ra. Một chị hàng cháo đương dún dót bước ở cầu trên với bộ quang gánh kĩu kịt. Thích chí một cách rạo rực, ổng cũng khanh khách cười dưới gầm cầu.

Tiếng cười bật ra thình lình, khiến chị hàng cháo giật mình đánh thót, ngã nhào từ trên cầu xuống. May được chỗ đó nước nông chị ấy không bị chết đuối. Khi chị chàng lóp ngóp đứng lên, ổng vẫn nằm khểnh trên mặt cầu dưới, cơn sướng chưa hết, tiếng cười vẫn ròn tan. Trông hai nồi cháo đổ ụp xuống nước, chị này vừa xót của vừa bực mình, sẵn chiếc đòn gánh nổi trên mặt nước, chị ta vớt lấy và giơ thẳng cánh phang luôn cho ổng mấy cái. Đòn trúng chỗ phạm, ổng rẫy đành đạch rồi tắt thở.

Đồng vắng, kẻ giết người trốn thoát. Chiều đến, đàn quạ dập dìu kéo đến quanh cầu đưa những tiếng kêu quàng quạc. Người làng mới biết dưới cầu có người chết, họ bèn đem bộ di hài ông Cuội táng vào góc gò gần đấy.

Một tháng sau trong làng thấy động, gà chết, chó chết, lợn chết, trâu chết rồi đến người chết. Thày bói bảo đó là vong hồn ông Cuội quấy nhiễu, vì ông chết được giờ linh, hiện nay được làm vị thần to lắm.

Cho được tạ tội với ổng, người ta phải lập ngôi đền vào chỗ lều cũ của ổng quanh năm hương khói phụng thờ.

Sống làm sao, thác cũng chiêm bao làm vậy. Lúc ổng còn ở trên đời chí xem thiên văn vẫn chưa thỏa, nên khi làm đức thượng đẳng, ổng vẫn thèm xem thiên văn. Vì thế ổng đã đạp đồng bảo người làng Ngang phải phá mấy nhịp cầu tre của ổng đã bắc và không được lấp vũng lội giữa đường. Để cho đàn bà qua đó đều phải vén quần mà lội. Ổng ở trong đền cứ việc tự do mà nhìn.

Nghe nói ổng đã được phong đại vương. Lòng sắc cũng đủ những chữ "hộ quốc tý dân, nẫm trừ linh ứng". Trải bao dâu bể, miếu mạo của ổng và cái vũng lội vẫn nghiễm nhiên trường thọ với non sông...

ĐUỔI GIẶC CHO THẦN

Gần hai chục năm lăn lóc trong nghề gõ đầu trẻ ở vùng thôn quê, ông giáo Hoàng đã vô tình trở nên cái kho chứa những tục lạ.

Một hôm gặp tôi sau khi xa nhau trên mười năm trời ổng đã khoe cái kho ấy với tôi để tiêu thì giờ trong quãng đêm trường. Ông nói:

– Chúng mình vẫn tin ở cổ nhân, cứ tưởng thông minh chính trực mới gọi là thần. Té ra không phải như thế.

Vì tập hồ sơ của tội án cái đình đương cần sưu tầm tài liệu nên khi thấy ổng giở câu chuyện đó tôi tưởng như bắt được của, và tôi chờ đợi lời ổng một cách vui vẻ.

Ngừng lại một lát để tìm manh mối cho sự ghi nhớ trong óc, ổng tiếp:

– Hồi còn dạy học ở tỉnh Hà Đông, chính tôi đã được mục kích một cuộc bênh vực cho thần.

Rồi nhìn tôi bằng hai con mắt trào phúng, ổng hỏi:

– Anh đã qua làng V.A. bao giờ hay chưa?

Và không đợi tôi trả lời, ổng dễ dàng kể:

– Ở vùng thôn quê, các làng thường thường vào đám trong khoảng tháng hai, tháng ba, riêng có làng này vào đám tháng tám.

May sao cái ngày nhập tịch của họ lại nhằm giữa ngày chủ nhật, theo lệ các ông giáo trước, tôi phải sửa ít hương sáp ra đình lễ thần. Anh đừng cười. Chúng tôi đi gõ đầu trẻ nhà quê, vẫn phải nặng hơn các bạn nhà giáo thành thị khoản đó.

Ở nhà quê, làm thân một người trợ giáo, thật chẳng khác một người nàng dâu cưới về nhà chồng phải ở cho được lòng tất cả mọi người, nghĩa là ngoài những người trên, chúng tôi còn phải thờ phụng ông hương, ông lý và ông thần của làng sở tại. Nếu không như thế, họ cho là khinh làng họ, rồi mình khó mà ở yên với họ. Vì thế, tôi cũng không thể làm ngơ với ngày tế thần của họ, dù mà tôi vẫn không biết ông thần ấy là ông nào.

Bởi hôm ấy nhằm ngày chủ nhật, tôi định lễ cho xong chuyện để có thì giờ đi chơi, nên mới ra đình thật sớm, từ khi ngoài đình mới nổi tiếng trống.

Nhưng khi tới đình, xôi lợn tuy đã sắp sửa sẵn sàng, trong đình vẫn im phăng phắc, quan viên và các hương lý, chức dịch còn tấp nập ở nhà tiền tế. Các tường bao lan cũng như dưới mái giải vũ, giáo mác, sào gậy ngổn ngang. Phía bắc sân đình có bầy hai chiếc hương án: chiếc trong đặt cái sỏ lợn và một mâm xôi, chiếc ngoài thì để cây đèn, ống hương, đĩa trầu cau và cái mâm bồng nhỏ xếp đầy hồng chuối. Đằng trước hương án, có trải chiếc chiếu cạp điều.

Theo lời mời của một ông hương trưởng, tôi vào ngồi ở sân đình. Trong tiền tế bắt đầu nổi hồi trống cái. Với bộ mũ áo súng sính, ông tế chủ phủ phục trước chiếc hương án giữa sân. Sau khi lễ hết bốn lễ, ông ấy giơ cao đôi tay áo thụng che miệng và đọc những tiếng lâm râm. Chừng một hồi dài, ông ấy lạy thêm bốn lạy rồi mới khúm núm đi lùi trở ra. Giữa những tiếng tùng cắc xen nhau rối rít, các ông hương trưởng lần lượt kế chân ông chủ tế khấu đầu trước cái hương án, coi bộ rất kính cẩn.

Nén hương cháy vừa đến chân, ông tế chủ lại vào phía trước hương án chắp tay vái luôn ba vái. Trong đình bỗng có hồi trống ngũ liên. Quanh đình, tù và thổi lên inh ỏi. Giữa lúc ấy, hai đầu hương án thấy có hai người lực lưỡng sấn vào, một người bưng mâm xôi, một người bưng mâm sỏ lợn, đùng đùng chạy thẳng lên phía đầu làng.

"Trống ngũ liên càng thúc dữ dội, tù và vẫn kế tiếp nhau rúc từng hồi dài. Bao nhiêu sào gậy giáo mác dựa ở quanh đình đều bị các ông tuần phu vớ lấy. Rồi hùng dũng như đám đánh cướp, các ông ấy nhất tề đuổi theo hai người đương bưng hai mâm xôi, sỏ mà chạy. Những tiếng thét đánh, thét trói vang một góc trời.

"Bởi chưa hiểu họ làm trò gì, nêu tôi phải ra đầu đình đứng xem.

Không muốn làm đứt câu chuyện của ổng, tôi chỉ lắng tai ngồi nghe. Ông lại dừng lại giây phút, để châm một điếu thuốc, rồi thêm:

– Người ta thấy vậy, có khi sẽ tưởng hai người đương bưng hai mâm xôi, sỏ là kẻ bất lương ăn cướp đồ lễ của làng. Nhưng mà không phải. Đương lúc cả làng người tấp nập ở đó, dù kẻ táo gan đến đâu cũng không có đủ can đảm mà lấy đồ lễ của họ. Cuộc đó chỉ là một cuộc đóng trò. Họ đuổi theo hai người kia ra cổng làng thì đều quay lại với dáng bộ của toán quân thắng trận.

"Sau khi sào gậy, giáo mác của họ đã quẳng cả vào một chỗ bấy giờ trong đình mới dạo trống tế.

"Chờ đến bao giờ cho họ tế xong, mình mới được lễ?...". Tôi nghĩ thế và toan cáo từ để về nhà trọ. Nhưng ông hương trưởng nhất định giữ lại, để xơi với dân chén nước. Bởi vì ấm nước họ đun từ khi tôi thoạt bước chân lên đình, bấy giờ mới sôi.

"Cố nhiên tôi phải chiều ý ông ta, bấm bụng ngồi lại, để coi một cuộc "hưng bái" của họ.

"Thì ra nghi tiết cuộc tế của làng này khác hẳn mọi làng. Mọi làng lúc tế đều xướng bằng tiếng chữ Hán, làng này xướng tế lại có pha thêm tiếng ta".

Điếu thuốc cháy đã hết nửa, ổng đặt vào trên chiếc đĩa gạt tàn và lại mỉm cười hỏi tôi:

– Anh có đoán ra họ xướng những tiếng gì không?

Và ổng lại đáp:

– Miếng xôi, miếng thịt, miếng dồi, miếng gan! Ấy họ xướng tế như thế. Suýt nữa tôi phải bật cười khi nghe tiếng ông đông tán ngân giọng thật dài để đọc ba tiếng "miếng bồ dục".

"Lục phủ, ngũ tạng con lợn đã bị đọc lên khắp lượt, cuộc tế mới dứt. Bấy giờ người ta mới đệ vàng hương của tôi vào trong hương án và bảo tôi xuống lễ thánh.

"Sau đó, tôi đã dò hỏi nhiều người về cái sự tích của đức thượng đẳng làng ấy. Không biết đức thượng đẳng ấy là hạng người gì, mà trong lúc tế, lại có những trò lạ kia? Nhưng mà hết thảy người làng không ai chịu nói. Sau cùng, nhờ có một người ở làng bên cạnh thuật lại, tôi mới hiểu rõ.

"Thì ra đức thượng đẳng của làng này là một người mù.

"Mù mà vì chết được giờ linh, nên ngài cứ được làm vua một làng.Và khi đã được làm thành hoàng, ngài vẫn cứ mù như thường, vì thế, lúc tế, sợ ngài không biết, người ta mới phải đọc từng miếng ăn cho ngài được rõ.

"Tế lễ như vậy, ai nghe mà chẳng tức cười. Một hôm, cả làng đương tế, thình lình có hai người lạ đi qua sân đình. Thấy kiểu xướng tế như vậy họ đều ngứa miệng và chêm một câu:

"........."

"Bản ý họ định nói vụng mà thôi, chẳng ngờ lại lọt vào tai người làng. "Ngạo mạn quỉ thần" như thế ai mà không tức. Tức thì cả làng

đổ ra, đuổi hai người ấy mà đánh. Trong lúc thịnh nộ, người ta chỉ muốn đánh cho đã hờn. Cả hai người kia đều chết thẳng cẳng và đều bị đám dân làng lôi đi vùi vào một xó.

Rồi đó trong làng tự nhiên lủng củng. Gà, lợn, trâu, bò và người không đau ốm gì, bỗng chốc lăn ra mà chết. Cả làng phải cắt người đi xem bói.

"Thầy bói bảo rằng: Đó là hai người chết oan báo thù, họ vào trong đình tranh cái ngai vàng của ông thành hoàng. Bởi ông thành hoàng mắt mũi chẳng có, không địch lại với họ, nên ngài phải bỏ hậu cung mà đi. Bây giờ nếu muốn cho yên, cả làng phải tạ tội với hai người đó, để họ trả cái ngai vàng cho đức thượng đẳng.

"Vì vậy, mỗi khi cúng tế thành hoàng, người ta cứ phải thiết lập bàn thờ ở giữa sân để cúng hai ông bạo kia đã. Cúng các ông ấy xơi rồi, cả làng lại phải diễn lại cái trò đuổi đánh ngày xưa, để hai ông ấy trốn ra khỏi làng, rồi mới cúng đến thành hoàng, thì đức thành hoàng mới dám ngồi yên mà hưởng. Nếu như hai ông giặc đó còn lảng vảng ở quanh khu đình thì đức thành hoàng sẽ không dám. Người làng ấy đều tin như vậy.

MIẾNG THỊT CHÙI DAO

Trong cái đêm tắt đèn, ông Ng.Tr.L. vẫn chưa nói hết mỹ tục của làng D.L. Mới đây, khi ở Vinh ra, ông đã bổ khuyết với tôi chỗ đó.

Nó vẫn là chuyện con lợn. Thứ lợn đã được dân quê tôn làm ông ỷ.

– Ngoài con lợn ra, có lẽ "quí quán chúng ta" sẽ không có chuyện gì nữa.

Ông L. mở đầu bằng một giọng nói khôi hài như vậy, rồi mới vào chuyện:

– Như đêm hôm xưa, tôi đã kể qua với anh, hàng năm, cứ đến ba mươi tháng chạp thì ỷ làng tôi ra thờ. Cho được tỏ sự vui mừng trong lúc làm tròn phận sự nuôi một con lợn, gia chủ, ngoài bữa rau nộm khao làng từ ngày 23 tháng ấy, hôm nay lại phải thết làng một bữa cháo nữa, người ta kêu là "cháo xem ỷ". Tiếng gọi là cháo, kỳ thực vẫn chỉ là rượu với thịt. Nghĩa là trong một bữa tiệc, rượu thịt chiếm chín mươi chín phần trăm, cháo chỉ có một phần trăm thôi. Cho đủ

một bữa cháo đó, nhà giầu phải hết hàng trăm, nhà nghèo cũng tốn vài ba chục bạc.

"Đó mới là việc nhà chủ ông ỷ đối với dân làng. Bây giờ đến chuyện dân làng đối với ông ỷ.

"Vài bốn năm nay làng tôi hình như đã có cải cách. Trước kia cũng như các làng, lễ nghi thuộc về ông ỷ cực kỳ long trọng. Người ta dùng đủ cờ, quạt, tàn, tán, chiêng, trống để rước ông ỷ từ nhà quan đám ra đình. Cuộc rước ấy cũng linh đình như một đám quan trẩy trong thời xưa vậy.

"Sau khi ông ỷ đã ngự chiếc cũi buộc bằng dây thừng nhuộm đỏ vào đến cửa đình, dân làng bắt đầu làm lễ?

Đến đây, ổng bỗng nhìn tôi bằng hai con mắt trào phúng.

– Anh đừng tưởng rằng người ta cúng thần bằng con lợn sống ấy đâu. Lễ đó, mới là trình để bộ hạ của thần biết rằng: Ông ỷ nguyên vẹn, béo tốt, không có vết tích bệnh tật gì hết. Điều đó, ở nước Annam, kể cũng không lạ. Thuở xưa, làng Nghi Tàm còn phải tiến chim sâm cầm, mỗi lần có chim sắp sửa đem đi, đều phải trình qua quan Thượng, quan Bố tỉnh mình, và mỗi lần xin được mấy chữ "vũ mao tề mỹ" của các ông ấy, đều phải tốn kém mấy chục quan tiền và lạy sầy trán là khác. Dương sao, âm vậy, người còn thế, huống chi là thần...

"Lễ trình xong rồi, dân làng mới đem ông ỷ làm thịt.

"Công cuộc giết một con lợn thì chẳng có gì đáng nói. Dù con lợn ấy là một ông ỷ đi nữa, cũng đến chọc tiết, cạo lông, mổ bụng moi lấy lòng gan là cùng. Chỗ khác người của làng tôi chỉ có con dao để pha thịt ông ỷ.

"Hết thảy các làng, từ lúc giết ỷ, đến lúc thái thịt ông ỷ, họ đều dùng những dao thường, miễn là nó sắc, cắt được đứt thịt. Làng tôi, không thế, hình như các cụ ngày xưa cho rằng dao thường chắc phải làm việc uế tạp, nếu đem thái thịt cúng thần, ấy là bất kính với thần. Vì thế mới có con dao đặc biệt, chỉ chuyên để thái thịt ỷ.

– Con dao quí ấy rèn bằng gì, hình dạng ra sao?

Nhân lúc ổng nghỉ để hút thuốc lào, tôi bèn hỏi xen câu đó. Ổng thở khói thuốc rồi đáp:

– Nào nó có khác gì các dao thường! Chẳng qua cũng rèn bằng sắt và thép, hình dạng cũng bầu và nhọn như con dao bầu của hàng

thịt vậy. Sở dĩ quan hệ, chỉ tại chức vụ của nó. Anh nên biết rằng: với làng tôi, con dao ấy chẳng kém gì viên truyền quốc ngọc tỉ của các vua chúa bên Tầu, ngày thường nó vẫn được ông thủ từ cất kín ở trong hậu cung, chỉ có khi nào giết ỷ thì mới lấy ra. Và không phải rằng lấy ra thì đem dùng liền. Việc quỉ thần đâu có giản dị như thế! Cho được cầm con dao ấy để cắt miếng thịt, còn phải có nhiều thủ tục lôi thôi. Nếu anh chưa từng nghe ai kể chuyện, quyết không thể nào tưởng tượng ra được.

– Thì cũng đến đem dao mà mài hoặc rửa chứ gì. Hay là làng anh lại còn làm lễ xin "động dao" nữa?

– Không! Một làng văn vật như làng tôi, khi nào lại có cái lễ "con nít" đến vậy! Trước khi dùng con dao ấy, người ta cũng có mài qua làm phép. Nhưng cái đó không phải là việc quan hệ. Điều tôi muốn nói là việc chùi con dao ấy.

"Những làng cẩu thả dùng thứ dao thường thái thịt cúng thần, ít khi họ lau chùi. Hay có lau chùi đi nữa, thì họ cũng chỉ dùng cái giẻ lau bằng tấm vó cũ hay mảnh áo rách mà thôi. Có phải thế không? Làng tôi khác hẳn. Người ta chùi dao bằng thịt!

Tôi đã chứng kiến một cuộc chùi dao tại đình. Kể ra cũng hơi phiền phức. Nếu chưa trông thấy ai làm bao giờ, có lẽ người nào cũng không làm được đúng lệ của làng.

"Anh đừng tưởng rằng: dao làng đã lấy ra đó, ai chùi thì chùi, người nào muốn chùi cũng được! Công việc đình trung bao giờ cũng theo ngôi thứ. Đến ngôi nào thì làm việc nào, làng đã có lệ nhất định như một đạo luật. Cái việc chùi dao ở làng tôi theo với việc thái thịt, đều là chức trách của bàn ba.

"Con ỷ sau khi cạo lông, moi ruột, rửa cọ cho thật sạch sẽ mấy ông đồ tể xúm nhau khiêng lên để vào cái nong đặt trên sân đình, và trình với làng công việc của mình đã xong, bấy giờ các ông hương trưởng dõng dạc ngồi trong chiếu cạp ra lệnh cho bọn bàn ba làm lễ.

"Theo lệ làng tôi, thịt ỷ chỉ để cái sỏ và một bộ lòng cúng thần, còn bao nhiêu chia cho người làng. Ai ở ngôi trên thì được phần to, kẻ nào ngôi dưới thì được phần nhỏ, trật tự hương thôn là vậy.

"Nhưng sự long trọng không ở những miếng thịt phần, nó ở cái sỏ để cúng thần đó.

"Khi đã được lệnh của ông hương trưởng, một người ở đầu bàn ba, cầm con dao thường cắt một miếng nầm...

Nói đến tiếng "nầm" ổng lại nhìn tôi và hỏi:

– Anh có biết "nầm" là gì không? Nó là giải thịt ở bụng con lợn, chạy theo chiều dài của một dẫy vú. Thịt ấy ta thường gọi là thịt bụng, tiếng chuyên môn của phường đồ tể kêu là thịt nầm. Tôi không hiểu người bàn ba ấy có phải luyện tập gì không, mà sao hắn cắt miếng thịt khéo quá. Số thịt đó chỉ được một cân, lệ làng như vậy. Người không thạo nghề, thì cắt làm sao cho đúng, nếu không thừa ra vài lạng, tất nhiên cũng thiếu vài lạng. Đằng này không, miếng thịt của hắn cắt ra, bắc cân lên cân vừa đúng một cân, không hơn kém một đồng nào hết. Lúc đầu tôi còn ngờ là sự ngẫu nhiên. Về sau hỏi ra mới biết, người nào lên đến bàn ấy, cũng có cái diệu thủ ấy. Thì ra những người bàn ba làng tôi hình như trong mắt đã có một quả cân riêng, họ định bao nhiêu là được bấy nhiêu, không phải dùng đến cân nữa.

"Miếng nầm cắt rồi, người bàn ba ấy rẽ ràng dùng nó làm cái khăn chùi, rồi hắn lật đi lật lại con dao đặc biệt, chùi qua mỗi mặt vài lượt, rồi mới dùng dao ấy cắt cái sỏ lợn.

"Hẳn anh đã tưởng chùi dao xong rồi, miếng thịt dùng làm khăn chùi sẽ bị quẳng đi? Không! Dù là thịt làm giẻ lau mặc lòng, nó vẫn là của "thần huệ". Chẳng những người ta không dám bỏ đi, mà còn để làm phần riêng cho một hạng người. Người được hưởng miếng thịt chùi dao, tức là các ông bàn ba đến ngôi phải chùi dao đó.

"Tuy vậy, không phải người nào có công chùi con dao ấy thì được ăn miếng thịt ấy. Có người không chùi dao mà được ăn thịt, lại cũng có người không được ăn thịt mà phải chùi dao. Cái đó mới là rắc rối!

"Là vì, như tôi đã nói, công chùi dao ở làng tôi, bao giờ cũng về người bàn ba. Nhưng ở nhà quê, chắc anh đã rõ, chỉ những người quang quẻ mới được dự việc đình trung, còn ai bị nặng vía thì phải ở nhà đợi phần bất luận là lễ tiệc gì. Giả sử tôi là người đầu bàn ba, đáng lẽ tôi phải chùi dao, nhưng vì có trở hay mắc một việc gì khác tôi không có mặt ở đình ngày ỷ ra thờ, thì người dưới tôi phải thay quyền tôi làm công việc cho tôi. Nghĩa là phải cắt lấy miếng thịt lợn chùi con dao đặc biệt của tôi. Còn miếng thịt đó thì vẫn là phần của tôi. Nếu phần ấy không đưa về nhà cho tôi, thì tôi được có quyền hỏi. Mà tôi đã hỏi thì làng phải xét. Một khi cái tội ăn cắp hoặc đánh

mất miếng thịt chùi dao bị truy ra, thì kẻ phạm tội cực kỳ nguy nghiệp. Nghèo thì van xin mỏi gối, giầu thì bị làng mổ lợn ăn vạ.

Rồi ông kết luận:

– Anh bảo trong nước Nam đã mấy làng đã được văn vật như làng D.L. tôi chưa?

CÁC CỤ CHỈ CHUNG NHAU CÓ BÁT NƯỚC MẮM

Nhìn theo sử sách, ai cũng phải cho C.L. là làng văn vật. Bởi vì nó là kinh đô của vua An Dương, trước mấy nghìn năm, hẳn đã từng chứa cái phồn hoa của áo xiêm, cung điện. Trong nước Việt Nam, làng ấy khai hóa rất sớm. Với bấy nhiêu năm tiến hóa, tự nhiên nó phải văn minh hơn những thôn xã mới lập sau này.

Có đến mới biết. Sự thật ít khi đi với tưởng tượng.

Hình như đã bị một dải thành đất giam hãm trong vành tròn ốc quanh co, "con ốc cổ" ấy tuy có sống lâu, nhưng vẫn không thể nhích đi bước nào.

Nó chỉ hơn người cái lớn. Tính cả nam, phụ, lão, ấu, làng ấy có tới trên một vạn người. Riêng về số người phải đóng thuế thân, cũng đã đến gần ba nghìn.

Ba nghìn người chung nhau một cái đặc tính. Các ngài về tỉnh Phúc An, bất kỳ hàng cơm hay quán nước, hễ thấy có kẻ ăn tục nói khoác, thì cứ hỏi họ có phải là người C.L. hay không. Nếu họ đáp không, ấy là họ nói dối.

Đào tạo cho họ nên đặc tính ấy, một phần do ngôi Chợ Xa, cái chợ rất lớn của tỉnh Phúc An. Hàng hóa nhiều nhất trong chợ là lợn. Cứ đến phiên chợ, lợn lớn, lợn nhỏ đua nhau nằm một dẫy dài. Vì thế, trong cố đô của nhà Thục, sản xuất rất nhiều lái lợn. Họ đã tổ chức thành một nhóm hội, hội viên chừng cũng khá đông. Với một vành khăn tai chó ngất ngưởng trên bộ trán da đồng, hàng phiên, các hội viên ấy thi nhau xưng hùng xưng bá ở dẫy hàng lợn. Bất cứ kẻ mua, người bán, nếu không qua tay họ không xong.

Nghề ấy rất có sức mạnh, nó đã làm cho cả làng biến thành quân thù của văn học. Họ cũng học đấy, song mà không cần phát đạt. Trong cái thời đại Hán học dằng dặc gần một nghìn năm, họ chỉ góp với các xứ một ông Tú tài. Từ ngày Tây sang đến giờ, chưa có người nào thi đậu Cao đẳng tiểu học.

Nhưng mà người họ rất thọ.

Các làng Bắc Kỳ, phần nhiều có lệ năm mươi nhăm tuổi thì được lên lão. Những ông gọi là lão nhiêu đáng lẽ phải đóng thuế thân thêm sáu năm nữa mới được miễn trừ, song vì tục dân trọng lão đã quen, cho nên dân phải vui lòng chia nhau gánh đậy cho các lão ấy. Làng này hơi khác. Hạng lão của họ già hơn hạng lão các nơi năm tuổi, bởi vì cái tuổi lên lão của họ phải đúng sáu mươi. Vậy mà số lão ở đây mới đông làm sao! Có thể bằng một làng nhỏ.

Chợ Xa họp vào ngày sáu, ngày một. Trong những ngày ấy, khoảng chín, mười giờ, đứng ở cổng chợ phía bắc, người ta sẽ thấy những ông tóc bạc, râu dài, lộc chộc chống chiếc gậy trúc kéo vào trong chợ từng lũ. Rồi đến buổi chiều, cũng ở chỗ ấy, từng đoàn gậy trúc lại đưa những ông cụ ấy trở vào cổng làng với những bộ mặt đỏ như mặt trời và những hơi thở sặc sụa mùi rượu.

Các cụ no say về lợn. Bao nhiêu con lợn đem đến bán ở Chợ Xa đều phải nộp thuế cho các cụ cả.

Giữa chợ có một cái quán khá rộng, người ta thường gọi là "cầu các cụ". Cứ đến phiên chợ, các cụ ăn cơm thật sớm, rồi rủ nhau ra ngồi tại quán đó, để ra lệnh cho tên mõ chợ đi lùng trong dẫy hàng lợn.

Những người đi bán lợn con thường có một bộ đồ dùng đặc biệt. Họ rốt lợn vào dọ, họ đựng dọ bằng chiếc lồng to, rồi họ dùng cây đòn tre khiêng cái lồng ấy vào chợ.

Lồng lợn của họ vừa đặt xuống đất, mõ chợ đã đến thu mất cây đòn để đem về quán trình với các cụ. Bán hết lợn, muốn khiêng lồng về, người ta phải đến quán ấy mà chuộc lấy cây đòn ấy. Tiền chuộc tùy ý các cụ định liệu, ít nhất cũng phải hai hào. Đó là thuế một lồng lợn.

Một cái thị trường rộng lớn như ngôi Chợ Xa, mỗi phiên phải có hàng trăm lồng lợn. Bởi vì lợn của mấy huyện gần đấy, đều phải bán ở chợ ấy. Cho nên, riêng số thuế lợn, mỗi ngày đã có vài chục đồng.

Trừ ra một phần để dành, món tiền ấy sẽ làm cho các cụ no say trong ngày hôm ấy. Vì vậy, các cụ mong đến phiên chợ, chẳng khác con gái mong đến ngày cưới. Mưa bão chết cò, cũng cố dò đi, chỉ có khi nào ốm nặng mới chịu ở nhà.

Trong lúc ăn uống các cụ không thèm dùng đến đầy tớ, nhà bếp. Đã có cụ dưới đi phục dịch cụ trên. Thì ra cái tuổi lục tuần, ở các làng khác là tuổi cơm bưng, nước rót, con cháu dưới gối sum vầy, nhưng ở làng này, vẫn còn là tuổi chỉ để năm ngày một lần ra chợ thái thịt, đun bếp, xách bát, bưng mâm cho các người khác.

Đấy là nạn hàng phiên. Cái nạn hàng năm còn khổ hơn nữa.

Một làng C.L. tất cả trên sáu trăm cụ. Mỗi năm một lần, cứ đến hồi cuối tháng chạp, mấy trăm cụ đó họp nhau đánh chén một bữa.

Chi phí về bữa chén đó đã có số tiền thuế lợn để dành trong hàng phiên. Các cụ chỉ cần người chứa.

Những ai phải đóng vai ấy?

Thì lại mấy cụ ngồi dưới.

Họ kêu là "chức các cụ".

Tôi đã bị một phen sặc cười khi nghe một cụ làng ấy thuật lại chi tiết của công cuộc đó.

Cái đặc sắc của "cỗ việc làng" làng này chỉ là thịt chém mấu nứa.

Các ngài nếu chưa ăn cỗ nhà quê, chắc chưa biết thứ thịt ấy. Nó là những miếng thịt luộc chặt ra, lớn bằng nắm tay đứa trẻ lên năm trùng trục như mấu cây nứa, người ta đựng bằng lá chuối và để lù lù giữa mâm, cỗ của làng này ăn uống tại đình, phần nhiều chỉ có món đó. Nhưng đến bữa tiệc tất niên của các bô lão, thì lại không dùng kiểu ấy, các cụ ăn lối nửa chợ nửa quê.

Đã có điều lệ nhất định, mỗi mâm phải tám thứ nấu, tám thứ giò nem, chả, lòng, thịt, tất cả cũng tám thứ nữa. Cộng trong một mâm, lớn, nhỏ hai mươi bốn thứ.

Cứ thế cũng đủ chết người chứa rồi, vì không có hạng mâm nào đựng được hết bấy nhiêu thứ. Nhưng nào có thế mà thôi, nó còn gấp lên nhiều lần.

Theo tục làng ấy, mỗi cỗ đều phải đóng sáu. Sáu người ngồi chung một cỗ, tránh sao cho khỏi cái tệ ăn tham? Với hạng trai trẻ, người ta có thể dùng cách bẻ đũa để trừng phạt những kẻ gắp nhiều,

nhưng các cụ là bực đạo mạo, không thể làm theo kiểu ấy. Chắc hẳn ngày xưa đã có cụ nào nghĩ đến chỗ đó, nên mới đặt ra lệ ăn riêng.

Trong một mâm, bất cứ món gì đều phải đủ con số sáu. Sáu giò, sáu nem, sáu bong bóng, sáu mắm mực. Cái gì cũng sáu tất cả.

Các ngài hãy thử tưởng tượng hình dạng mỗi mâm ấy ra sao! Sáu lần hai bốn, thành ra một trăm bốn tư. Một trăm bốn tư bát, đĩa xếp vào một đống. Kém gì một cái gò nhỏ. Cố nhiên trong thế gian này, không có một thứ mâm nào bầy được nhiều đĩa bát. Người ta phải đặt nó vào chiếc chiếu. Thế rồi, khi ăn, phần của ai thì người ấy gắp, các cụ chỉ chung nhau một bát nước mắm.

Những cái dạ dày già nua chứa sao hết bấy nhiêu món ăn? Ăn không hết các cụ lấy phần. Mỗi phần ít ra cũng đầy một rổ.

Chỉ khổ các cụ nhà chứa. Nhà nào sắm cho đủ bấy nhiêu đĩa bát. Trước ngày phải nhờ họ hàng đi mượn, sau ngày chứa lại cậy họ hàng đi trả. Bao nhiêu con lợn chết theo với cuộc chứa đó. Nhiều người làm ăn gom góp từ trẻ đến già, chỉ chứa một bữa là hết.

VỪA TẾ VỪA NGỦ

– Đám ma cụ Bá Tr. Th. chắc là lớn lắm. Hôm nọ, khi mà cụ ấy giở chứng, tưởng chừng không thể qua khỏi, ông Lý, con cụ, đã cho người nhà đi tậu sáu, bẩy con trâu và nhờ họ mạc xay hộ hơn trăm thúng gạo tám thơm, ấy là chưa kể bò, lợn, gạo nếp.

– Thôi, còn phải nói! Trước kia nhà ấy có tiếng giầu. Từ năm vỡ đê Dâu Canh, đồng làng Tr.Th. được bồi mấy thước phù sa, những ruộng chiêm khô, mùa thối, đều thành ra nhất đẳng điền, nhà cụ lại càng giầu bội. Giết bao nhiêu trâu, ăn bao nhiêu gạo mà chẳng được.

– Nghe đâu quan tài còn để trong nhà ba, bốn ngày nữa mới đưa ra đồng, nhưng đã bắt đầu ăn uống từ trưa hôm nay. Người ta bảo rằng: ông Lý sẽ mời nhiều nóc đến tế: ngày mai tư văn trong làng, ngày kia chức sắc hàng xã, ngày kìa thân hào hàng tổng; hàng tổng, hàng xã, mỗi nóc chỉ tế một tuần, còn làng thì tế ba tuần. Đám ấy chắc là vui lắm.

Những người đi chợ kháo nhau như thế trong khi có tin cụ Bá Tr.Th. từ trần.

Té ra thế gian lại có cái đám ma vui. Tôi rất muốn được tới nơi tìm thêm hạnh phúc cho hai con mắt. Chết vì với nhà ấy, tôi chỉ là người cùng tổng, không có họ hàng quen thuộc gì hết. Thế thì lấy danh nghĩa gì mà vào trong đám? Đóng vai đi xem thì không được rồi.

Bỗng có thư của tang gia cậy người đưa lại. Thư bằng chữ Hán đại ý nói rằng: "Chúng tôi bất hiếu, thân phụ chúng tôi đã bỏ chúng tôi từ sáng hôm nay. Anh em chúng tôi vâng mệnh thân mẫu, định đến ngày... thì nộp lệ làng. Vậy tới ngày đó, xin rước các ngài tạm rời gót ngọc tới tệ xá, dạy bảo lễ nghi, thì kẻ còn, người mất đều được cảm ơn...".

Nhìn ở cuối thư, chỗ tin những người bị mời, thấy có tên rõ ràng. Thì ra ngoài đám thân hào dự tế hiếu chủ còn mời tất cả những người có tiếng trong tổng, bất kỳ người quen hay không quen.

Thật là buồn ngủ gặp chiếu manh, may cho tôi quá. Đúng ngày hẹn, tới tang gia ngay từ sáng sớm, với một món đồ lễ, không bạc không hậu.

Cách cổng nhà chủ độ vài chục bước, đã ngửi thấy mùi thịt trâu. Bước vào trong sân, mùi thịt trâu lại càng nồng nực, tôi đã lợm giọng, rức đầu, cực kỳ khó chịu, nhưng trót vào tới đó, không thể lùi ra, đành phải mạo hiểm tiến đến trước rạp.

Khách khứa đã đông nghìn nghịt. Người ta mời tôi ngồi lên chiếc phản giữa rạp sau khi người đón đồ lễ đã dùng mâm đồng mà độ đồ lễ của tôi vào bàn thờ.

Hiếu chủ cúi mặt xuống đầu gậy tre, lom khom từ trong bậc cửa đi đến chỗ tôi. Ông ta gật đầu chào tôi và giơ ống tay áo xô bưng miệng mời tôi vào ngồi trong nhà. Đó là người ta đãi tôi vào bậc thượng khách. Nhưng tôi nhất định từ chối. Không phải là sự khiêm tốn, chỉ vì tôi cân nhắc rằng: ở đây ngửi mùi thịt trâu tuy có nguy hiểm nhưng cũng còn hơn vào tận trong nhà mà sưởi bên cái "hòm đựng người".

Một bọn khách nữa vừa đến. Họ cũng bị mời vào ngồi một chiếu với tôi. Hết một tuần nước, người ta cất dọn đèn điếu, ấm chén để đặt vào đó một chai rượu và một mâm cỗ. Cái mâm mới giống cái phản bán thịt ở chợ làm sao, trong mâm chỉ có thịt trâu là thịt trâu, đĩa nào đĩa ấy đều đỏ hon hỏn. Ngó qua tôi đã hết vía, liền phải dịch ra chiếu ngoài. Một ông thay mặt hiếu chủ mời tôi

trở lại chỗ cũ uống rượu. Nhưng tôi khất đến trưa, lấy cớ không quen ăn cơm sáng. Phải hai, ba lần trần tình một cách thiết tha người ta mới để cho tôi ngồi yên.

Mâm cỗ liền bị đưa vào trong nhà với mấy ông khách mới đến.

Bây giờ không thấy mùi thịt trâu nữa. Khứu giác của tôi đã bị cái kỳ hương ấy ám ảnh làm cho mất hẳn bản năng, nó không đủ sức để làm phận sự của nó. Thảo nào những nhà hàng mắm không hề ngửi thấy mùi mắm bao giờ.

Lúc này mới kịp ngắm cảnh tượng nhà đám.

Đám to thật!

Khắp các cột nhà, cột rạp, cột nào cũng có câu đối giấy xanh. Ngoài rạp cũng như trong nhà, trướng sa tanh, câu đối cát bá che kín các bức vách và các bức thuận. Quan tài cụ Bá lù lù nằm ở gian nhà chính giữa. Hợp với hương án trong kê trước giường thờ và hương án ngoài kê giáp bực cửa, nó đã thành ra hình chữ "công" để chứa một lũ con cháu trắng lốp giống như một đàn bồ câu trắng.

– Trâu làng xong rồi! Các anh vào mà sắp sửa chỗ tế! Mau lên! Kẻo chạ sắp tới bây giờ.

Tiếng quát tháo thình lình nổi lên giục tôi phải quay đầu lại.

Bao nhiêu bàn ghế ở gian giữa rạp đều phải khiêng đi nơi khác để nhường chỗ cho một cái nong và một đôi đẳng. Qua mấy phút nhốn nháo, lộn xộn, cái nong được an trí ngay ở phía trước thềm, đôi đẳng thì kê đối nhau ở ngoài cửa rạp. Đài rượu, be rượu, cây đèn, cây nến bầy lên ngổn ngang.

Ngoài cổng, bỗng có tiếng reo ầm ầm. Một bọn chừng hơn mười người xúm nhau khiêng con trâu thui vào rạp, rồi đặt nó nằm phủ phục vào trong chiếc nong dưới thềm. Con trâu đẹp lạ, thật giống như con voi ở các cửa miếu. Làng vào.

Tất cả độ hơn chục ông, ai cũng như nấy, guốc gỗ, áo nâu, quần cháo lòng và tấm áo thụng trắng vắt ở trên vai lủng lẳng. Sau một cuộc chào mời rất cung kính của tang gia, cả bọn ngồi lên dẫy phản bên kia. Các áo thụng trắng quăng đầy mặt chiếu. Tan tuần trầu nước, và vài ba lượt thuốc lào, người ta mới cất công việc. Sau khi ai nấy đều khoác tấm áo thụng trắng vào mình, các ông quan viên chia làm hai đội: tám ông cứ ở bên ấy, còn tám ông nữa thì sang dẫy phản bên này.

Trước rạp nổi lên một hồi trống cái, tiếp đến tiếng kèn tò te, rồi đến tiếng đàn, tiếng sáo, tiếng tam, tiếng nhị.

Lâu lâu, các thứ nhạc khí đều im.

Ở dẫy bên tả, một ông quan viên đứng ra đầu phản, giơ tay áo thụng và gào một câu "củ soát tế vật" thật dài, rồi lại ngồi xuống chỗ cũ để nói chuyện gẫu. Đàn sáo trống phách lại thấy vi veo.

Một cái bàn đèn, hai cái bàn đèn, rồi ba cái bàn đèn, bốn cái bàn đèn. Bốn ông mặt xanh như cỏ cùng rước bốn cái bàn đèn ở nhà khách lên trước cửa rạp.

Người ta làm gì thế này? Hay là cụ Bá sinh thời có làm bạn với ả phù dung, cho nên bây giờ con cháu dùng nó để làm tế phẩm?

Không. Những ông rước bàn tĩnh đó vào khỏi cửa rạp liền chia làm hai cánh, họ đặt cái tĩnh của họ xuống phản và cùng móc túi lấy cỗ tổ tôm để vào cái đĩa.

Con hương của thánh a phiến khêu bấc thắp đèn, xin phép đám người mặc thụng trắng, rồi họ lấy gối nằm nghiêng xuống đó, diễn trò Triệu Tử múa đao.

Một ông đại biểu của tang gia tất tả chạy đến mời "chạ" thưởng thức cái thú phun mây thở khói và lập tại mỗi dẫy phản một bàn tổ tôm.

Tôi cũng dự một chân trong cuộc tổ tôm ấy.

Cái này thông lắm. Bởi vì, coi cái bộ điệu kéo dài của đám quan viên, cũng biết cuộc tế chắc còn lâu lắm. Nếu không có một trò gì tiêu khiển thì khó mà ngồi xem cho được từ đầu đến trót.

Đàn, sáo, kèn, nhị vẫn inh ỏi. Mùi thuốc phiện bay ra ngào ngạt. Người ta mời ông Đông tán nằm xuống – nằm cả áo thụng – hút luôn hai điếu. Ông ấy hãm một chén nước nóng, thở hết khói thuốc, rồi mới đứng dậy và ngân giọng xướng:

"Tế chủ dĩ hạ tựu vị".

Hiếu chủ lom khom chống chiếc gậy tre đem đám đàn bà trẻ con bước qua bậc cửa.

Ông Động tán lại ngồi vào cạnh bàn đèn.

Đàn, sáo, kèn, nhị vẫn réo rắt xuống chìm lên bổng. Cuộc tổ tôm đã hết năm ván, hiếu chủ nhúc nhích đi hết cái thềm và bước xuống sân. Rồi hết một hội tổ tôm ông ấy mới tới bãi rơm tả ở giữa rạp là chỗ của tế chủ.

Ông Đông tán lại đứng lên xướng "cử ai".

Những tiếng "cha ơi" của đàn bà nhịp nhàng theo nhau hòa với điệu của kèn sáo. Khi ông Đông tán xướng đến "ai" thì bàn tổ tôm đã đánh đến ván thứ ba.

Các ông quan viên ngồi mãi cũng buồn, người thì đứng dậy tiểu tiện, kẻ thì ra đồng đại tiện, buổi trưa, tang gia bưng mấy mâm rượu ra đó mời "chạ" vừa uống rượu vừa tế. Bấy giờ không còn cách từ chối, tôi phải uống rượu với bọn khách tổ tôm.

Hết tuần rượu thứ nhất, ông Đông tán xướng một tiếng "bái" rồi lại ngồi xuống uống rượu. Theo lời xướng, hiếu chủ phục ở trước hương án.

Mâm rượu gần tàn, ông Tán đứng lên xướng "hâng". Mãi mãi không thấy hiếu chủ ngẩng lên, tôi tưởng ông ấy cố làm như thế.

Một lát, trước hương án có tiếng ngáy khè khè. Té ra tế chủ đương giấc.

Đăng trên báo *Con ong*,

từ số ra ngày 18–10–1939.

VIỆC LÀNG

(Phóng sự)

I

LỚP NGƯỜI BỊ BỎ SÓT

Hôm ấy, một hôm về cuối mùa đông, cách đây độ hơn mười năm, trời xế chiều, tôi mới đến nhà cụ Thượng Lão Việt.

Cái nhà mới lạ làm sao! Nó là một túp lều tranh lụp xụp, đầy cảnh thê thảm, nhưng lại có vẻ vui vẻ.

Ở gian bên này khách khứa tấp nập. Người ta cười cười nói nói sốt sắng đợi hơi thở cuối cùng của ông lão già.

Cụ Thượng nằm to vo trên chiếc giường tre trong gian bên kia. Mặt cụ ngoảnh vào bức vách. Lưng cụ uốn gù con tôm. Bức chăn dạ đỏ phủ trên mình đã hóa ra màu gạch non vừa vặn đậy kín từ vai đến gối. Cái đầu trắng xóa và đôi bít tất thủng gót đeo ở cổ chân đều bị để lộ ra ngoài.

Cánh dại che ở trước cửa chỉ còn lơ thơ vài nan. Gió bấc tự do đưa mãi hơi lạnh ngoài sân vào vách. Mấy cục củ tre dóm trên đống trấu cạnh giường, đã hết ngọn lửa, khói đang nghi ngút tỏa ra khắp nhà. Cụ Thượng từ từ mở hai bàn tay gầy guộc khoác nhau ở đằng sau gáy, nặng nhọc trở mình ra ngoài, chào tôi bằng hai con mắt cảm động khi tôi rón rén ghé vào giường cụ, và sẽ lên tiếng hỏi cụ.

Biết bao nhiêu sự hối hận rung động lòng tôi! Nó trách tôi đến thăm cụ muộn quá.

Với cụ, tôi không phải là kẻ họ hàng thân thích, hay người cùng tỉnh cùng huyện. Sở dĩ biết nhau, chỉ vì một chuyến tàu thủy chạy từ Hà Nội xuống Nam Định, chuyến tàu chở dân lều chõng lần cuối cùng.

Bấy giờ tàu cạn ở trên cửa Luộc, phải dừng lại đó hai đêm một ngày để chờ con nước. Trong lúc suốt ngày đêm lênh đênh ngồi trên

mặt nước để nghe những tiếng "dì xế dì" và "xám xế xám" của bọn mạch nô đo nước, người ta dễ thân với nhau, nếu đã cùng nhau ăn cùng mâm và nằm cùng chiếu. Nhờ vậy tôi mới trở nên người bạn của cụ, dù tôi kém cụ hơn ba chục tuổi và không phải cùng làm một nghề với cụ. Cụ yêu tôi về tính hoạt động. Còn tôi thì tôi trọng cụ ở chỗ từng trải, chất phác, có can đảm, không câu nệ, luôn luôn nhìn đời bằng con mắt lạc quan, nhất là những lúc rung đùi mà cất chén rượu, cụ đã tỏ ra người có chí khí.

Bấy giờ cụ đương buôn than, thường lên Hà Nội mua hàng tải về Nam Định. Nhưng cụ cũng có biết chữ; chữ quốc ngữ đủ để đọc báo, chữ Hán thì có thể hiểu những cuốn *Tam quốc chí* hay là *Chinh đông chinh tây*.

Sau mấy ngày tình cờ hội ngộ, chúng tôi biệt nhau khi tàu cập bến Nam Định.

Từ đó, tuy không giáp nhau, nhưng mà hai bên vẫn có thư từ đi lại. Mỗi lần cụ đổi nghề này làm nghề khác, đều có viết giấy cho tôi. Ân hận hơn hết là cái giấy mời tôi tới làng Lão Việt dự tiệc bảy mươi, cái tiệc người ta đã ăn vạ cụ về tội dám sống đến bảy chục tuổi để làm "cụ thượng" làng ấy.

Lúc ấy, tôi đã định đi, rồi lại ngần ngại không đi.

Thế rồi, ba năm sau, một bữa tôi nhận được một bức thư của cụ và tôi giật mình đánh thót, khi coi đến mấy dòng này:

"Tôi nay sắp sửa từ giã cái làng Lão Việt, từ giã hết thảy những sự yêu ghét trong khoảng bảy mươi năm trời. Gan ruột tôi đương bồn chồn không muốn ở lại một ngày nào nữa. Sở dĩ chưa nhắm mắt được, là vì còn mớ tâm sự muốn ngỏ với ông. Nếu lần này mà không được gặp ông nữa, thì cái tâm sự ấy, tôi đành đem xuống suối vàng để nói với lũ quỉ sứ...".

Chao ôi! Một chữ bao nhiêu đau đớn! Có lẽ cụ đã viết bằng nước mắt.

Còn một lẽ nào có thể để tôi chậm sự lên đường trong vài giờ?

Nhưng tôi hết sức ngạc nhiên khi thoạt bước đến trước cổng nhà cụ.

Trong khu vườn xoan kề ở bên cổng, người ta đã buộc một con trâu kềnh. Theo cái giá rẻ hồi ấy, nó cũng đáng đến bốn chục bạc. Cạnh đó, một bó nứa khô, mấy chiếc đòn tre, lổng chổng dựa vào gốc xoan và mấy bó rơm tanh bành quẳng ở giữa vườn. Thoáng coi những vật liệu ấy, đủ thấy một cuộc vật trâu đương được dự bị tại đó.

Ngó vào trong cổng, một tòa rạp lớn nghênh ngang dựng ở ngoài sân, mái cót còn chưa lợp kịp. Dưới rạp, giường, phản, bàn, ghế đã kê sẵn sàng. Nong bát, nong đĩa, chum đựng nước, cối giã giò, rồi nồi ba mươi... không biết mỗi thứ là bao nhiêu cái, la liệt bầy khắp ngoài rạp.

"Tội nghiệp! Cụ Thượng đã chết mất rồi! Con cháu đã đương sắp đồ làm ma đây rồi! Mình không được nói với cụ một câu nào, sao mà phụ phàng cụ thế?..."

Với sự bùi ngùi ấy, tôi bỡ ngỡ bước vào trong sân.

Mấy chục con mắt đổ vào tôi. Không ai biết tôi là người nào hết. Bởi vì tôi đến nhà cụ, lần ấy là lần đầu.

Sau khi tôi tự giới thiệu, một người đàn ông, độ bốn mươi tuổi, tươi cười bảo tôi:

– Rước ông vào chơi trong nhà! Ba bốn hôm nay, hôm nào thầy tôi cũng nhắc đến ông.

Thì ra người đó chính là con trai cụ Thượng. Lúc đó tôi mới biết cụ Thượng còn sống.

Đưa tôi vào đến cạnh giường cụ Thượng, người ấy chỉ kịp rót cho một chén trà nguội, rồi, ông ta sấp ngửa chạy đi, coi bộ đương bận rộn lắm.

Cụ Thượng tuy đang ốm nặng, nhưng nó chỉ là bệnh già, cũng như cái cây hết nhựa, chứ không có chứng gì khác. Vì vậy tinh thần vẫn còn tỉnh táo, tuy đã xa nhau đến gần mười năm, mà khi thoạt nghe tiếng tôi, cụ liền nhận ngay ra tôi và cố quay mặt ra chỗ tôi ngồi!

Cái mặt mới đáng sợ chứ! Nó sạm như bị ngả bùn, đôi mắt chũng hoáy, đôi má hóp lại, hai cái gò má dô lên, người ta có thể ngờ là một chiếc đầu lâu, nếu không có đôi con ngươi lóng lánh.

"Sao mình không đi thăm cụ tự mấy tháng trước để đáp tấm lòng ân cần của cụ trong mấy năm xa nhau? Bây giờ đã đến thế này, cụ còn sức đâu mà kể với mình những điều cụ vẫn định kể! Thật là mình đã phạm một tội lớn! Chính mình đã làm cho cụ áy náy trước khi từ giã cõi đời!...".

Tôi đương phàn nàn với tôi như vậy thì cái bàn tay cẳng gà của cụ chờ choạng nắm lấy tay tôi. Rồi cụ cất giọng rên rên như sắp đứt hơi:

– Đáng lẽ tôi sẽ im lặng mà chết, không thể nói thêm câu nào, dù mà tôi vẫn muốn nói. Bởi vì luôn hai bữa nay người tôi đã hết khí

lực, không đủ sức để đưa câu nói ở trong miệng ra. Không hiểu vì sao mới nghe tiếng ông, tự nhiên tôi thấy trong mình hơi mạnh hơn trước. Có lẽ bây giờ tôi đã có thể nói nhiều với ông.

Ngừng lại giây lát, cụ tiếp:

– Tôi sẽ là người chết oan! Ông nên nhớ cho như thế!

Nghe đến câu ấy, tôi phải hết sức sửng sốt, nhưng vẫn cố giữ vẻ bình tĩnh. Cụ vẫn ngập ngừng cất từng tiếng một:

– Đời tôi thế nào, ông đã biết rõ. Nhiều lúc tôi vẫn tự phụ: tuy không thông minh, nhưng không đến nỗi ngu đần. Nhất là tôi không lười biếng...

Xen vào đó một tiếng thở dài, rồi cụ lại nói đều đều:

– Thật vậy, từ thuở mười bảy tuổi đầu đến giờ, tôi không chơi không ngày nào, trừ ra những ngày đau ốm. Thôi thì cày sâu cuốc bẫm, buôn ngược bán xuôi, không quản ngại một việc gì cả. Có lúc đã lên mỏ Hích lăn lộn với đám phu mỏ... Những việc tôi làm, bất kỳ việc nào, tuy không phát đạt, nhưng không thất bại bao giờ, chẳng lãi nhiều thì lãi ít. Vậy mà suốt đời nghèo xác, nghèo xơ, ăn không đủ, mặc không đủ, cả nhà có một thằng con, đành phải để nó dốt nát. Ông bảo là vì cớ gì!

Tiếng cười nói ở gian bên kia làm cụ im đi một lúc như để chờ câu trả lời của tôi. Lâu lâu cụ mới cắt nghĩa:

– Ấy là bởi gánh việc làng.

Cái làng Lão Việt nhà tôi có thể đại biểu cho tất cả hương thôn già cỗi của nước Việt Nam. Vì nó là chỗ để chứa hủ tục. Bất kỳ hủ tục nào, làng tôi đều có đủ cả. Vì thế mà tôi suốt đời còm cọm, chỉ để đóng góp là vừa. Bây giờ tôi sắp nằm xuống, lại sắp để lại cho thằng con tôi một cái gánh nặng. Những sự linh đình ông thấy ở ngoài sân kia, sẽ là món nợ mà một đời nó chưa chắc trả hết...

Đuôi con mắt cụ bỗng có một giọt nước rỏ xuống dưới chiếu, cụ cố nói cho ra giọng cứng:

– Hủ tục không phải là thứ thiên kinh địa nghĩa, nó vẫn có thể thay đổi, nếu phái trí thức để ý đến sự khai hóa cho dân quê.

"Nhưng vì chúng tôi là một lớp người bị bỏ sót trong lũy tre xanh, con mắt của phái trí thức ít khi ngó tới. [1]

"Bởi vậy, những cái tục lệ quái gở, mọi rợ mới được tự do kế tiếp nhau, chồng chất trên vai chúng tôi.

"Nhiều lúc tôi muốn hắt cái gánh nặng ấy đi, nhưng sức một mình không thể làm nổi, đành phải è cổ mà chịu(*).

"Một người chăm chỉ, cần kiệm, lao lực như tôi, chỉ vì một gánh tệ tục đè ép, đến nỗi suốt đời không ngóc đầu được, bây giờ sắp chết, gánh tệ tục ấy vẫn còn đè ép chưa tha, ông bảo có oan uổng không?(*).

"Vậy mà nó vẫn được coi như vị thần thiêng, không ai đả động đến nó. Lạ thay!(*)

"Tôi ước ao rằng: sau khi tôi đã nhắm mắt, ông sẽ đem những tội ác của nó mà phơi ra bóng mặt trời"...

Lúc này tiếng nói của cụ đã thấy nhỏ dần. Vì sợ cụ mệt, tôi tạm cáo từ để ra chỗ khác. Gần tối, tôi lại tới đó. Cụ vẫn ngoảnh mặt trở ra như có ý đợi tôi. Khi thấy tôi đến, cụ cố gắng sức đưa ra những tiếng thì thào và rời rạc:

"– Một nước giống như một cái xe bò, lớp trí thức là người làm bò, lớp dân quê là người đẩy xe. Nếu kẻ đẩy xe còn bị những dây tệ tục buộc chặt hai chân, thì kẻ làm bò tài giỏi bậc nào cũng không thể kéo được cái xe bò lên dốc... Vì vậy... tôi chỉ mong mỏi các ông đưa mắt đến chỗ bẩn thỉu, tối tăm... trong lũy tre xanh".

Hết câu đó, cụ bỗng trợn ngược hai mắt, đờm ở trong cổ kéo lên khè khè. Cả nhà nhớn nhác xúm lại. Cụ đã tắt thở. Cái lúc trong nhà im lặng bỏ tiền và gạo vào miệng người chết, thì ở ngoài vườn người ta cũng hò reo để vật con trâu.

Từ lúc đưa đám cụ Thượng, lời cụ vẫn văng vẳng bên tai tôi. Sau mười năm lang thang nay đây mai đó, tới đâu tôi cũng thấy chứng cớ về sự từng trải và nỗi đau đớn của cụ. Cụ quả là người chết oan.

Cho được an ủi vong hồn của cụ, tôi phải minh oan cho cụ và cho những người như cụ bằng thiên phóng sự này.

1.(*) Những câu này trong *Hà Nội tân văn* số 5-3-1940 bị Pháp kiểm duyệt bỏ.

II
MỘT ĐÁM VÀO NGÔI

Nhà bác Cả Mão mọi ngày thường im phăng phắc, hôm nay đột nhiên có vẻ linh đình như đám giỗ nhỏ. Dưới cầu ao, hai người đàn ông lực lưỡng đương châu đầu trên chiếc rổ thưa, tỉ mỉ nhổ từng sợi lông tơ cho một con gà trong rổ. Trên bờ ao, một con chó xồm bị trói bốn chân, nhe răng nằm trước vũng máu lênh láng. Cạnh nó, một nồi nước sôi, khói bốc nghi ngút và bốn năm người, cũng hạng đàn ông lực lưỡng, kẻ cầm gáo múc nước, người cầm dao sắp sửa cạo lông.

Từ cổng đến thềm, tấp nập những người đi lại.

Tôi mới nhô vào đến sân, bác Cả lật đật chạy ra đón lên nhà trên với một bộ điệu vui vẻ.

Mới buổi sáng sớm, trong nhà đã thấy rộn rịp lạ thường.

Ở gian bên kia, độ bảy, tám ông ngổn ngang nằm vây một chiếc khay đèn thuốc phiện. Với những cặp môi thâm xịt và dài vều, và những chiếc quần cháo lòng, áo ba–đờ–xuy rách lòi khố tải, các ông ấy như muốn bảo cho tôi biết đây toàn là hạng kỳ dịch kiêm tín đồ của đức chúa phù dung.

Dãy phản bên này, hai bàn tổ tôm kế nhau. Bàn trong vang những tiếng ăn, tiếng phỗng, bàn ngoài đương ỏm tỏi cãi nhau về sự đánh thấp đánh cao.

Chủ nhân lễ phép mời tôi vào ngồi trong chiếc tràng kỷ kê ở gian giữa, đối mặt với tòa bàn thờ hương khói vắng tanh. Mấy ông trong bàn tổ tôm thi nhau nhìn tôi bằng nửa con mắt trông nghiêng, giữa khi vài ông ở bàn thuốc phiện lần lượt ngóc cổ như đoàn rắn lửa. Rồi thì ai nấy lại cùng theo đuổi công việc của họ, người hút cứ hút, người đánh bài cứ đánh bài.

– Ông có lòng đến đây mừng cho nhà cháu, thật là quý hóa! Xin mời ông xơi tạm chén nước.

Bác Cả Mão đương một tay gãi tai, một tay bưng chén chè nụ đặt trước mặt tôi, bên bàn tổ tôm bỗng có tiếng gọi:

– Anh Cả đâu! Cho mượn hai đồng đánh thêm hội nữa. Đen quá cả hội chẳng ù ván nào!

Bằng một tiếng vâng đầy giọng thành tâm, bác Cả Mão nhanh

nhẩu chạy xuống nhà dưới, để tôi ngồi đó với bác Hai Thìn, một người em ruột bác ấy.

Thơ thẩn chưa biết nên nói chuyện gì, tôi có dịp nghĩ đến cái câu của bác Cả Mão mới nói.

Với bác, tôi chỉ là người trọ học ở nhà láng giềng. Vì năng gặp bác, thành ra quen biết. Hôm nay là ngày "vào ngôi" cho thằng con bác mới đẻ được ba tháng nay, bác vẫn mến tôi nên cố mời tôi sang chơi. Ở làng khác, vào ngôi chỉ là một lệ rất thường, người ta phí tổn độ vài ba chục, hay vài ba trăm quả cau là xong. Sao trong đám này lại có cỗ bàn linh đình, và sao ở trước mặt khách, ông chủ lại nói đến câu "mừng cho nhà cháu?" Hay là riêng với làng này, vào ngôi là một việc hỷ? Nếu vậy, có lẽ mình phải mất một món tiền mừng.

Óc tôi còn đương vẩn vơ, bác Cả Mão đã ở nhà dưới chạy lên. Cung kính trao hai đồng bạc cho một ông trong bàn tổ tôm, bác ấy tung tăng ra sân, khiến tôi không kịp nói chuyện.

Dưới bếp, có tiếng dao thớt ký cốc, mùi xôi ngào ngạt đưa lên nhà trên. Một ông trong đám thuốc phiện dõng dạc cất cái giọng khàn khàn:

– Anh Cả đâu! Lên đây tôi bảo!

Một tiếng dạ lớn, bác Cả Mão từ sân vào thềm, rồi khoanh tay đứng tựa vào cột:

– Bẩm cụ dạy gì con ạ!

– Trưa lắm rồi đấy! Liệu mà giục bảo chúng nó sắp đồ lễ mau lên! Rồi anh phải thân hành đến mời cụ Điển lại chơi, kẻo cụ lại ăn cơm nhà.

Lại một tiếng dạ rất lễ phép, bác Cả rón rén lui ra.

Tiện dịp, tôi bảo bác ngồi xuống chỗ tôi ngồi và móc ví lấy một đồng bạc mừng bác. Nhưng bác khăng khăng từ chối, nói rằng việc này không có lệ mừng.

Ngoài thềm có tiếng lẻng kẻng. Một người xách chiếc mâm đồng sáng choang đặt lên cái bàn ở trước mặt tôi. Rồi một người khác để luôn thúng xôi vào đó. Bác Cả Mão núc hai bàn tay như thầy phù thủy bắt quyết và nói với tôi:

– Bên này chật quá, mời ông sang nhà chú cháu. Ông nhạc tôi cũng ở bên ấy.

May quá, tôi đang muốn tránh cái bầu không khí khó chịu. Nghe lời chủ nhân, tôi liền theo bác Hai Thìn đi luôn. Nhà này cũng thấy lố nhố những người, nhưng toàn là người tôi quen. Qua một tuần trà, bác Hai Thìn nhìn tôi và nói bằng giọng sung sướng:

– Anh tôi lo công việc này cho cháu tất cả cũng hết đến trăm rưỡi bạc. Ấy là chúng tôi khôn khéo, xoay sở thì việc mới xong, người khác ở vào địa vị chúng tôi, dù có mấy trăm, vị tất đã lo nổi.

Câu nói của bác khiến tôi hết sức ngạc nhiên:

– Sao nhà các ông hoang quá như vậy! Tôi thấy người ta "vào ngôi" cho con chỉ tốn độ vài đồng bạc là cùng!

Bác Hai xua tay và nói bằng giọng thì thầm:

– Nào có phải hoang! Ông tính ở đời ai muốn mất tiền! Đó là sự bất đắc dĩ.

Nói giấu gì ông, nhà tôi không phải gốc gác ở làng này. Ông thân chúng tôi ở vùng Nam lên đây sinh cơ lập nghiệp, rồi mới đẻ ra anh tôi và tôi. Thế là tới làng này, nhà tôi mới có hai đời. Theo lệ nhà quê, những người ngụ cư ba đời mới được "thành tổ". Nghĩa là được ngang bằng với mọi người khác.

Làng này lại ngặt hơn nữa, từ xưa đến giờ họ không cho một người ngoài nào nhập bạ. Vì thế, anh tôi và tôi cũng như ông thân chúng tôi, đều không có ngôi ở đình.

"Chắc ông cũng biết ở làng mà không có ngôi, thật là một sự nhục nhã. Những lúc tứ quý kỳ phúc, người ta thì phần ăn, phần gói, mình thì chẳng có miếng gì. Những lúc hội hè, đình đám, người ta rước cờ, rước quạt, mình chỉ đóng vai khiêng chiêng. Như thế cũng đã khổ rồi. Hơn nữa, lỡ có cha già mẹ héo, làng giáp có chôn cho đâu! Chính lúc ông thân bà thân chúng tôi qua đời, anh em tôi đều phải nhờ cậy hàng xóm khiêng giúp. Rồi khi xong việc, chúng tôi muốn theo mọi người nộp lệ cho làng con trâu, họ cũng không thèm nhận cho. Cái đó mới cực cho chứ!"

– Người ta không nhận thì càng khỏi mất. Việc gì mà cực!

Tôi mỉm cười và đáp một câu khôi hài như vậy. Bác Hai vẫn nói một cách thật thà:

– Thế được còn nói gì nữa! Anh em chúng tôi, trời cho trong nhà cũng đủ bát ăn, mỗi người cũng có được con trâu cày và dăm mẫu ruộng, thế mà không thể nộp được lệ làng cho cha và mẹ, tức là tiếng

xấu để đời... Mỗi khi nghĩ lại những nông nỗi ấy, anh tôi và tôi tức chết người đi được. Trước đây, chúng tôi đã cố luồn lọt mấy ông đàn anh, để xin nhập bạ, nhưng mà bấy giờ hãy còn cụ Bá, cụ ấy nghiệt lắm, nhất định bảo rằng nhà tôi đến ở làng này chưa được ba đời, không thể nhận lời. Chúng tôi đành phải cắn răng mà chịu. Bởi vậy lần này anh tôi sinh được mụn cháu, lại may gặp lúc cụ Bá đã mất, chúng tôi phải cố vào ngôi cho nó.

– Nhưng mà các ông tiêu những món gì mà hết đến hơn trăm bạc?

Bác Hai càng hạ giọng xuống, sau khi liếc mắt ngó qua những người chung quanh:

– Ông bảo những công việc ấy, nói bằng miệng không được ư? Phải mất tiền cả đấy! Cụ chưởng lễ ba chục, ông chánh hội hai chục, ông lý trưởng mười lăm đồng, ông phó lý và ông phó hội mỗi người mười hai đồng, thư ký, trưởng bạ, mỗi người mười đồng, hương trưởng, lý cựu, tộc biểu, trương tuần mỗi người năm đồng. Những số tiền ấy hết ngoài trăm đồng rồi. Lại còn ăn uống từ chiều hôm qua đến giờ...

– Nếu đã mất tiền cho họ thì thôi cái bữa ăn uống có được không? Bày vẽ làm gì cho tốn?

Bác Hai lắc đầu:

– Không được ông ạ! Ở chốn thôn quê, ăn uống là sự đầu tiên. Muốn gì thì gì, hễ không có ăn thì việc không thành. Lúc trước, anh tôi cũng nghĩ như ông, đã định chước sự ăn uống vì đã rắc tiền khắp mặt chức dịch. Nhưng ông chánh hội không nghe. Ông ấy nói rằng thế nào cũng phải đấm miệng cho các bô lão, và bọn trai đinh bò bướu một bữa. Nếu không họ sẽ phá ngang, tất nhiên sẽ có cản trở.

Trước mặt có người đi qua, bác Hai ngừng lại một lát chờ cho người ấy đi khỏi, rồi tiếp:

– Một bữa ăn này, ít ra anh tôi cũng phải tiêu đến năm, sáu chục đồng. Vì không tiếng làm thịt lợn, sợ rằng làng nước cho là húng mỡ, nên mới đi chợ mua thịt. Sự thực, mua thịt lại quá giết lợn. Sáng ngày đi lấy vừa lòng lợn vừa thịt lợn tất cả mười một đồng bạc, đáng lẽ cũng đủ nhưng cụ chưởng lễ thích ăn thịt cầy, nên ông lý trưởng bắt phải giết thêm con cầy. Chẳng nhẽ mời dân mời làng ăn uống trong nhà, ngoài đình lại không có gì. Bởi thế chúng tôi phải sửa cỗ xôi, con gà để ra lễ thờ. Bấy nhiêu món đã hết ngót hai chục rồi. Còn

tiền rượu, còn tiền thuốc phiện, còn tiền cung đốn họ đánh tổ tôm. Ông đã biết rõ, mọi khi làng tôi có ai dám đánh "góp một"? Lớn lắm chỉ "góp năm hào". Hôm nay vì tiền nhà chủ bỏ ra, được thì ăn, thua thì không phải trả, nên họ hò nhau đánh góp hai đồng. Rồi đấy ông xem, đến lúc đứng dậy, ai cũng thua hết, anh tôi đưa ra bao nhiêu mất hút bấy nhiêu, chẳng lại được đồng nào hết... Lúc nãy tôi nói trăm rưởi, còn là hà tiện, xong việc có lẽ hết hơn, chứ bấy nhiêu tiền không thể nào đủ.

Bác Hai còn muốn nói nữa. Bên nhà bác Cả chợt nghe có tiếng ầm ầm, bác ấy lật đật xin lỗi đứng dậy:

– Mời ông ngồi chơi với các cụ tôi. Tôi phải chạy sang bên kia. Làng đã vào rồi!

Tiếng ầm ầm bên nhà bác Cả mỗi lúc một to, trước còn cười nói, sau đến quát tháo, cuối cùng thì đến những tiếng mách tục mách qué. Lâu lâu cuộc xô xát lại dữ dội thêm, bác Hai Thìn hốt hoảng chạy về, vừa thở vừa nói:

– Khổ quá, mấy ông bô lão lại còn bẻ vành bẻ vẻ, nhất định nói rằng: hương ước không có chỗ nào nói cho người ngoài vào ngôi. Cụ Điển hết sức giàn xếp không được. Ông chánh hội và ông lý trưởng bảo anh tôi phải trồng hai chục đồng bạc – tiền ngay cốc cộc – để cúng vào nóc các lão, thì việc mới yên. Thôi thế cũng còn là may.

Cuộc ăn uống kéo dài mãi đến gần tối, nhưng không xảy ra sự gì nữa.

Cách ba bữa sau, bác Cả Mão sang nhà tôi trọ, dạm bán cho ông chủ nhà một mẫu hai ruộng, lấy trăm đồng bạc để trang công nợ. Vui vẻ bác khoe với tôi:

– Tất cả, tôi lo hết gần hai trăm. Của nhà có non một trăm, còn thì đều phải đi vay. Nhưng tôi cũng lấy làm hả. Từ nay trở đi, cháu đã có ngôi ở đình, chúng tôi sẽ được ăn miếng thịt phần việc làng của nó...!

III
CÁI ÁN ÔNG CỤ

Bấy giờ đã quá trưa. Ánh nắng của mặt trời tháng năm thiêu đốt càng dữ. Trên đường thỉnh thoảng lại thấy khét như lửa cháy.

Bước rảo chừng hơn một tiếng đồng hồ, tôi cố phấn đấu với thần Hạn bạt và đi cho chóng đến cổng làng K. Q. để được nhờ sức che chở dưới bóng mát của một cây đa cổ thụ.

Trong làng văng vẳng có tiếng ồn ào. Rồi một lũ tuần phu nghênh ngang đi ra đầu làng với một đoàn tay thước mã tấu, chiêng trống, cờ quạt, coi bộ như sắp có cuộc nghênh tiếp ông quan nào đó.

Đôi mắt quáng nắng đã tỉnh, tôi đủng đỉnh đi vào giữa làng để tìm đến nhà người bạn. Tiếng ồn ào mỗi lúc mỗi rõ thêm. Và, nó biến ra những câu gào khóc, thét lác, khi tôi thoạt tới đầu đình.

Người làng làm gì mà đông như vậy? Họ đứng rải rác khắp trong giải vũ, ngoài tường bao lan, và họ lố nhố ở trước sân đình.

Dưới giọt tiền tế, chiếc chiếu cạp đỏ cuộn thành một đống xù xù, như có người nằm ở trong.

Cạnh đó, mấy vũng máu tím lênh láng đọng trên mặt gạch, ruồi nhặng bay đến dình dình, mùi tanh hôi nồng nực pha trong hơi nắng. Trên sân tiền tế một người đàn ông lực lưỡng chễm chện ngồi với một con dao nhọn. Tuy hai khuỷu tay bị sợi *thiếu cày* ghì vào cây cột sau lưng, nhưng coi nét mặt vẫn thấy nhơn nhơn đắc ý.

– Ới anh ơi! Tôi đã can anh không nên gây thù gây oán, anh chẳng nghe tôi! Bây giờ anh chết bỏ mẹ con tôi bơ vơ, tôi biết nương tựa vào đâu! Ới anh ơi! Ới anh Quản ơi!

Một người đàn bà với bộ đầu tóc rã rợi, gục vào trên chiếc chiếu cạp, vừa đập tay lên mặt đống chiếu vừa khóc bằng giọng thảm thiết. Dứt mấy tiếng ti tỉ, rên rẩm, người ấy bỗng đứng phắt dậy. Và như con choi choi, chị ta nhẩy xổ đến trước tiền tế, hai tay đen đét đánh song thẳng vào mặt người bị trói, réo mãi tam tộc, ngũ phục nhà hắn, nguyền rủa một cách rất độc.

Người kia cũng nham nhảm chửi lại:

– Ông chết thì thôi! Nếu ông còn sống thì ông sẽ giết cả nhà nhà mày; cái mạng của thằng chồng mày, ông coi như mạng chó vậy.

Chồm chồm như con trâu lồng, người đàn bà ấy nhảy vọt lên sân tiền tế, vớ luôn lấy con dao nhọn, chực đâm vào người đàn ông. Mấy người chung quanh xúm lại kéo chị ta ra và khuyên:

– Bà Quản không nên nóng quá. Việc đã có quan. Sát nhân giả tử! Bà không ngại! Lát nữa quan về, quan sẽ phân xử!

Hẳn là một vụ án mạng. Tôi đoán như vậy và cố nén cơn lợm lòng bởi mùi hôi tanh của vũng máu tươi phơi nắng gây ra, để đi vào coi cái chết của kẻ bất đắc kỳ tử.

Người này vào khoảng dưới bốn chục tuổi. Tuy bị chiếc chiếu phủ kín từ cổ đến gối, nhưng đầu và chân còn hở ra ngoài.

Hình như hắn chết đã lâu. Một chân co ở trong chiếu, đầu gối dựng lên, làm cho chiếc chiếu thành ra cái hình khum khum. Chân nữa bê bết một lượt máu tím, vẫn duỗi thẳng dẵng trên gạch. Cái mặt anh ta mới đáng sợ chứ! Nó bị bốn năm vết chém rất sâu. Một vết ở mắt bên trái, rạch hẳn gò má thành miếng thịt sắp rơi. Một vết ở mắt bên phải, ngăn đôi con mắt, giống như cái hình chữ thập. Trời nắng, da thịt bị nướng trong bầu không khí nộng nực, nó phải co lại, những vết thương đều rộng hoác ra, chẳng khác những vết nứt nẻ trên mình một con bò thui.

Tôi đương rùng mình kinh sợ, đằng sau chợt thấy có người vỗ vai, khiến tôi giật mình quay lại. Đó là bạn tôi, người ở làng ấy. Không kịp chào tôi, anh ta hỏi một cách ngạc nhiên:

– Anh cũng đến xem cái án "ông cụ" đấy à?

– Không! Tôi đến thăm anh! Tình cờ thấy có sự lạ, nên còn đứng lại...

Anh ấy liền kéo tôi về nhà. Rồi vừa đi, anh ta vừa kể cho tôi nghe đầu đuôi vụ án mạng ấy.

Thì ra cái người bị trói trên đình tên là Hai Thu, em ruột lý Xuân, chính là hung thủ vụ đó. Còn người bị giết thì là quản Thi, con trai ông Thư, một ông bô lão làng ấy. Sở dĩ xảy ra án mạng, chỉ vì một quân "ông cụ".

Cha con ông Thư, trước kia chỉ là những người ngụ cư ở làng K.Q., theo tục lệ nhà quê, hạng dân ngụ cư, bao giờ cũng bị khinh rẻ. Ông ấy mấy lần muốn xin vào ngôi cho con, nhưng mà không được. Bởi vì nhà ấy đến ở làng này chưa được ba đời, cho nên người ta

không nhận. Thình lình gặp có khóa lính, quan bắt rất gấp, trong làng không ai chịu đi. Lý trưởng phải gọi cả Thi. Thừa cơ, anh Thi yêu cầu cả làng ký kết cho mình nhập tịch và được hưởng đủ quyền lợi như mọi người khác, mới chịu ứng mộ. Bí quá dân làng đành phải bằng lòng. Trời kia đất nọ, anh ta ra lính vài tháng thì được đóng bếp. Rồi chẳng bao lâu bác bếp Thi đã thành ra ông đội Thi. Đến khi hưu trí, ông đội ấy nghiễm nhiên về làng với chức phó quản để ngồi vào ngôi tiên chỉ.

Bỗng không bị một người ngoài đè đầu cưỡi cổ, cả làng ai cũng cay lắm, nhưng việc đã lỡ, còn biết nói sao.

Một hôm ở bàn tổ tôm trong một đám khao lão, có lý Xuân và ông cụ Thư cùng dự. Trong cỗ tổ tôm, có quân "bách vạn" bôi đỏ, người ta thường gọi là quân "ông cụ". Khi nào bài ù, hết thảy là quân để trắng, chỉ có một quân "ông cụ" bôi đỏ, ấy là ván bài "kính cụ", được ăn tiền bằng ba những ván ù suông. Lúc ấy, một người trong cuộc, bốc "nọc" gặp phải một quân "ông cụ", hắn đùa và hỏi:

– "Ông cụ" của làng cũng được kính chứ?

Lý Xuân buột miệng trả lời:

– Chỉ kính "ông cụ" của nhà, ai kính "ông cụ" ngụ cư.

Ông Thư nghe câu đó lấy làm căm tức, về nhà thuật lại với con; Từ đó quản Thi đem lòng thù oán lý Xuân, và luôn luôn bới bèo ra bọ, để kiện lý Xuân. Nhờ có thần thế lại có nhiều tiền, quản Thi đã thành một vị thần thông, có phép đổi đen ra trắng. Kết cục, lý Xuân hết cả cơ nghiệp, bị cách lý trưởng, lại bị phạt tù sáu tháng.

Hai Thu là đứa ngỗ nghịch, trước sự oan ức của người ruột thịt, cố nhiên hắn không chịu nhịn. Sáng nay nhân có việc làng, hắn bèn sinh sự cãi nhau với quản Thi, rồi sẵn con dao chọc tiết lợn, hắn đâm và chém quản Thi đến hai chục nhát. Một nhát trúng phổi, quản Thi chết không kịp ngáp.

Kể hết câu chuyện bạn tôi nói thêm:

– Ngay lúc xảy ra án mạng, lý dịch làng tôi đã phải phái người lên phủ trình quan. Tử thi còn phải để đó, đợi quan về khám.

Rồi thì anh ta kết luận:

– Vụ này có lẽ Hai Thu sẽ bị ghép vào án tử hình. *Vậy là một quân "ông cụ" giết chết hai mạng* [1]

---

1. Câu này trong *Hà Nội tân văn* số 26-3-1940, bị cắt bỏ khi in thành sách (PCĐ).

IV
NGHỆ THUẬT BĂM THỊT GÀ

Từ khi thôi học, tính ra đã gần mười năm, bây giờ tôi mới lại gặp Lăng Vân. Những chuyện tích lại trong một thời gian khá dài, lúc ấy được dịp xuất hiện nó đã làm cho chúng tôi đều phải quên ngủ, tuy đêm đã khuya.

Ngoài sân trời tối như mực và mưa sùi sụt, nước mưa rả rích dội xuống đầu thềm, như thêm vẻ chứa chan cho mối tình cửu biệt.

Gà bắt đầu gáy. Dưới bếp bỗng có tiếng người khậm khoặc. Rồi thấy bóng đèn lập lòe. Một lát sau, nghe có tiếng gà đập cánh phành phạch và kêu quang quác. Tôi ngạc nhiên hỏi:

– Người nhà đã sắp làm cơm đấy sao?

Lăng Vân lắc đầu:

– Không! Sáng mai nhà tôi phải chứa hàng xóm.

Chứa xóm cố nhiên không phải là một đầu đề để nói chuyện. Chúng tôi lảng ra chuyện khác. Đồng hồ điểm hai tiếng, mới cùng trùm chăn nằm ngủ.

Giấc ngủ của tôi đương ngon, thình lình bị tan bởi mấy tiếng lộc cộc của guốc, và gậy nện xuống thềm gạch. Tôi bừng mắt ra, trời đã sáng rõ, trong nhà lố nhố mấy ông cụ già khăn áo tề chỉnh, Lăng Vân đang xoăn xoe chào mời các cụ một cách cung kính. Giữ lễ xã giao với người lạ, tôi vội tung chăn ngồi dậy và đương lúng túng chưa biết nên ở đó hay lánh đi đâu, Lăng Vân đã bưng đến chỗ tôi ngồi một bộ bàn chè một siêu nước sôi, bảo tôi cứ việc pha nước và uống tự nhiên.

Người đến mỗi lúc một đông. Già có, trẻ có, đứng bóng có. Toàn là đàn ông tất cả. Trong nhà giường phản chật hết, người nhà phải quét cái thềm mưa ướt rờm rợp, rồi trải chiếu lên, để làm chỗ ngồi cho mấy ông tí nhau.

Hàng xóm vẫn lục tục kéo đến với những bàn chân đất lấm bê bết. Ai cũng như nấy, sau khi đã đến bể nước dội qua, người ta đi nhón lên thềm, chùi chân vào cái chổi rơm làm phép, rồi bước xàm xạp lên chiếu.

– Sao không lấy gì mà che, lại đi đội trời thế kia! Nước mưa ướt cả đồ lễ!

Tiếng thét dõng dạc của một ông già ở phản bên kia vừa dứt, thì ở dưới sân, một người vừa lù lù bưng mâm xôi gà lên thềm và đặt vào chiếc phản giữa. Rồi một người khác để luôn lên đó hai chai rượu lớn. Con gà cũng không nhỏ lắm, ước chừng một người ăn cố mới hết. Cỗ xôi vừa kín cái lòng mâm đồng, nó phải độ bốn đấu gạo! Còn hai chai rượu thì đầy ăm ắp, hạng chai ba phần tư lít.

Mọi người ngồi yên, một ông đàn anh ra lệnh:

– Hàng xóm đã đến đông đủ! Thằng Mới đem làm cỗ đi!

Thì ra cái người đội mâm xôi gà lúc nãy chính là mõ làng. Hắn dạ một tiếng thật dài rồi khép nép đứng tựa bên cột:

– Thưa các cụ làm bao nhiêu cỗ?

Ông đàn anh ấy lại lên giọng:

– Mày trông xem có bao nhiêu người *kiến tại*.

Thằng Mới liếc mắt một lượt từ trong nhà ra đến ngoài thềm, rồi thưa:

– Bẩm ba mươi người tất cả.

Ở đầu dãy phản tay phải, thấy có tiếng hỏi:

– Hàng xóm ta mươi mấy suất, cụ có nhớ không?

Rồi có tiếng đáp:

– Năm ngoái bảy mươi tám suất, năm nay mới thêm năm suất thế là tám mươi ba suất cả thảy.

Ông đàn anh vừa rồi nhìn vào thằng Mới:

– Vậy thì phải làm hai mươi ba cỗ, tám cỗ kiến tại, một cỗ chứa, một cỗ cho mày, còn mười ba cỗ làm phần.

Câu nói của ông ấy khiến tôi hết sức ngạc nhiên. Một con gà và bấy nhiêu xôi mà làm đến mấy chục cỗ, thì làm ra sao? Chắc là còn có món gì khác nữa. Tôi nghĩ như thế.

Nhưng mà không. Chẳng có chi hết. Người nhà chỉ bưng lên thềm hai thúng đĩa bát, một con dao, một cái thớt, một liễn nước mắm và hai chồng mâm.

Thằng Mới lễ mễ bưng mâm xôi gà ra thềm. Hắn nhấc con gà sang chiếc mâm khác, rồi chữa cỗ xôi hình tròn ra hình vuông.

Ồ lạ! Con gà làm được hơn hai chục cỗ, thật là một kỳ công! Tôi phải giả vờ đứng dậy ra sân để đến tận nơi mà coi cho rõ.

Thằng Mới đặt thử con dao lên mặt cỗ xôi, hắn tính lẩm bẩm giây lát, rồi xắn một chiều làm sáu, một chiều làm bốn. Sau khi lấy một miếng xôi véo ra từng tí để phụ vào các miếng kia, hắn nhấc mâm xôi sang bên cạnh và kéo cái thớt vào chỗ trước mặt. Cái thớt khí chũng, hắn gọi thằng nhỏ đổi cho cái khác và hắn lẩm bẩm một mình.

– Băm thịt gà cần phải dao sắc, thớt phẳng. Nếu mà dao cùn thớt chũng thì thịt sẽ bong hết da!

Vừa nói, hắn vừa với sang thúng đĩa lấy đủ chục chiếc, bày la liệt trên mặt thềm.

Thằng nhỏ đã xách lên đó chiếc thớt mới nguyên, sắc gỗ nghiến còn đỏ đòng đọc.

Nhanh nhẩu, hắn sờ ngón tay vào lưỡi dao, xem có bén không. Và hắn lật cái trôn bát liếc luôn ba lượt thật mạnh. Bấy giờ mới giở đến bộ lòng gà. Mề, gan, tim, phổi, các thứ đều được thái riêng và được bày riêng vào một góc đĩa. Tuy nó chỉ được một dúm con con, nhưng trong mười đĩa không đĩa nào thiếu một thứ nào.

Rồi hắn nhấc cả con gà ra thớt. Bắt đầu chặt lấy cái sỏ, sau mới chặt đến miếng phao câu. Thình lình thấy hắn đứng lên ngoảnh mặt vào phía mấy ông đàn anh:

– Thưa trình các cụ, hôm nay sỏ gà pha mấy? Phao gà pha mấy?

Một ông trong bọn nhìn qua vào đám nhiều tuổi, hình như để đếm đầu người, rồi đáp:

– Ở đây chỉ có năm cụ và bốn ông đàn anh. Vậy thì sỏ gà pha năm, phao gà pha bốn.

Hắn lại ngồi xuống chỗ cũ. Trước hết ghè dao vào giữa hai miếng mỏ gà, để cắt cái sỏ ra làm hai mảnh. Rồi hắn úp cả đôi mảnh xuống thớt, chặt mảnh mỏ dưới làm đôi và mảnh mỏ trên làm ba.

Tôi không biết những miếng thịt này có đều nhau không, chỉ thấy tất cả năm miếng, miếng nào cũng có dính một tí mỏ.

Tiếp đến cuộc pha phao câu. Công việc tuy không lấy gì làm khó, nhưng hắn làm cũng vẫn có vẻ khác người. Bốn miếng phao gà, miếng nào cũng có đầu bầu, đầu nhọn, chẳng khác một cái chũm cau chẻ tư.

Sỏ gà bày vào một đĩa, phao gà bày vào một đĩa. Hắn lại cắt lấy hai chiếc cánh gà, chặt luôn làm hơn mười miếng và bày với đôi chân gà làm một đĩa nữa.

Bây giờ thì đến mình gà. Hắn lách lưỡi dao vào sườn con gà, cắt riêng hai cái tỏi gà bỏ ra góc mâm. Rồi, lật ngửa con gà lên thớt, hắn ướm dao vào giữa xương sống và giơ dao chém luôn hai nhát theo chiều dài cái xương ấy. Con gà bị tách ra làm hai mảnh. Mỗi mảnh đều có một nửa xương sống. Một tay giữ thỏi thịt gà, một tay cầm con dao phay, hắn băm lia lịa như không chú ý gì hết. Nhưng mà hình như tay hắn đã có cỡ sẵn, cho nên con dao của hắn giơ lên, không nhát nào cao, không nhát nào thấp. Mười nhát như một, nó chỉ lên khỏi mặt thớt độ một gang, và cách cái ngón tay hắn độ vài ba phân. Tiếng dao công cốc đụng vào mặt thớt, nhịp nhàng như tiếng mõ của phường chèo, không lúc nào mau, cũng không có lúc nào thưa. Mỗi tiếng cốc là một miếng thịt băng ra. Miếng nào như miếng ấy, đứt suốt từ xương đến da, không còn dính nhau mảy may.

Trông những miếng thịt của hắn bốc ra góc mâm mới đẹp làm sao! Không dập, không nát, không bong da, nó giống như tập cánh con bươm bướm. Nếu để trước môi mà thổi, có thể bay được mười thước.

Băm xong con gà, hắn móc túi lấy một nắm tăm. Mỗi miếng thịt gà, hắn xâu cho một cái tăm vào giữa. Rồi hắn cắm vào mâm xôi. Cứ mỗi tảng xôi là bốn xâu thịt. Thịt vừa hết, xôi cũng vừa khắp. Té ra cái mình con gà, hắn đã băm được 92 miếng.

Lăng Vân cười và hỏi tôi:

– Anh đã chịu nghề băm thịt gà của ông Mới làng tôi chưa? Nhà hắn ba đời làm cái nghề ấy, thì mới thạo được như thế. Người khác dễ ai làm nổi!

Tôi chịu lắm. Và tôi muốn dâng cho ông Mới ấy cái chức nghệ sĩ.

VI
GÓC CHIẾU GIỮA ĐÌNH

Trời đã quá trưa! Tôi vừa về đến nhà trọ, đã thấy người nhà ông Lũy sang mời.

Lần này là ba. Sáng ngày đã hai lần rồi. Trước sự ân cần như vậy, ai mà có thể từ chối. Bởi tại hôm nay nhằm kỳ bình văn, tôi phải có mặt ở trường, nên còn xin khất đến chiều.

Kể ra tôi với ông không phải có thân tình gì. Vì tôi trọ học ở gần nhà ông thành ra quen ông.

Người ta bảo với tôi rằng: ông rất thật thà chân chỉ. Trước đó chừng mười lăm năm, ông còn làm nghề cày thuê, vợ ông thì chuyên đi ở vú sữa. Cái chính sách tiết kiệm, trong một thời kỳ khá dài, đã đưa nhà ông lên đến bậc có máu mặt, lưng vốn ở nhà đã có gần mẫu ruộng và nửa con trâu. Trong mấy năm nay, vợ ông đã không còn sữa, ông cũng không được khỏe mạnh như xưa, cho nên cả hai đều tự hưu trí để cùng trông nom nhà cửa ruộng nương. Nhờ trời hồi ấy luôn luôn được mùa, vận ông lại càng tấn tới, trong chuồng lúc nào cũng có lợn lớn, thóc lúa đủ ăn từ vụ nọ đến vụ kia. Trong các hạnh phúc của loài người, ông không mong gì hơn thế, nếu như làng ông không có cái đình.

Khổ vì cái làng Đ.Tr. nhà ông tuy không phải làng văn vật, nhưng mà rất có trật tự.

Bao giờ cũng vậy, chỗ ngồi trong đình làng ấy cũng như chỗ ngồi ở các rạp hát, vẫn chia ra rất nhiều lô: trên nhất là chiếu phẩm hàm, rồi đến các chiếu chức dịch, trai đinh phải ngồi vào lớp cuối cùng. Ông tuy ngoài năm chục tuổi, nhưng vẫn là hạng bạch đinh, mỗi khi ra đình, chỉ được ngồi với bọn bố cu, bố đĩ. Điều đó, ông rất lấy làm bất mãn. Nhiều lần làng khuyết lý trưởng, phó lý, ông đã dốc lòng định mưu lấy chút danh phận. Chỉ vì ông không biết một thứ chữ nào, cho nên không được như nguyện.

Năm nay, mái đình làng ấy có mấy chỗ dột. Dân làng cũng muốn chữa lại, nhưng mà tiền công của làng chỉ vừa đủ để các hào lý đi việc quan, không còn thừa mà mua ngói. Các ông kỳ dịch liền gọi ông ra giữa đình, để bàn cho ông cái chức lý cựu lấy một trăm bạc chi tiêu vào công việc tu bổ. Lúc đầu ông cũng phân vân, vì sợ cái của "không tân mà cựu" sẽ không được ai quý trọng. Mấy ông kỳ dịch nói rất bùi tai, họ bảo người ta bỏ hàng năm, bảy trăm, một nghìn để làm ông lý, ông phó. Đàng này, ông chỉ tốn có một trăm bạc, không vất vả gì, mà rồi cũng được ngồi ngang với họ, ăn biếu ăn xén như họ. Ấy là một dịp hiếm có, không nên bỏ qua.

Nghe vậy ông cũng cho là rất có lý và đã bàn kỹ với vợ. Vợ ông cũng muốn được làm bà Cựu, nên cũng khuyên ông cố lo.

Từ nửa tháng trước, ông đã bán trâu, bán ruộng được hơn trăm

bạc, để nộp cho làng. Thế là công việc mười phần đã xong chín phần, chỉ còn khao làng một bữa, thì sẽ thành danh ông Cựu.

Đáng lẽ bữa khao ấy ông định hoãn đến tháng mười, đợi có lúa gạo của nhà, đỡ phải vay mượn mất lãi. Nhưng mấy ông hương lý không nghe. Họ nói để lâu không tiện, dân làng đã vậy, còn quỷ thần.

Ừ thì cái áo còn lo được, huống chi cái giải ! Trước một lần, sau cũng một lần, lo lúc nào thì xong lúc ấy. Ông nghĩ vậy, nên mới cố mua bát họ hơn sáu chục đồng để lo cho yên.

Cứ ý bà Cựu, thì cuộc khao này chỉ cốt cho đủ lệ làng, không mời khách khứa nào cả. Ông Cựu không chịu. Bây giờ ông đã làm bậc lý Cựu trong làng, không thể xử cách nhom nhem được. Bởi vậy, ông định làm thật linh đình.

Nhà chật. Trừ khu bếp đun, toàn thể dinh cơ chỉ có bốn gian một chái nhà tranh. Ngày thường, với gia đình ông như thế cũng rộng. Lúc này có việc, nó không đủ chỗ để chứa làng xóm họ mạc. Từ chiều hôm qua, ông đã sai mổ con lợn, để nhờ bà con dựng hộ gian rạp.

Bây giờ đã nửa tháng tám, công việc ngoài đồng xong rồi, cả làng ai cũng rỗi rãi. Tôi tuy chưa sang nhà ông, cũng nghe nói số người giúp đáp đông lắm. Mẹ nào con ấy, chị nào em ấy, người ta kéo vào từng lũ.

Cái anh người nhà sang mời khoe rằng:

– Bữa chiều hôm qua, tất cả năm chục mâm cỗ. Con lợn bảy yến, chỉ ăn một lượt là hết. Sáng nay, ông Cựu lại cho giết ba con nữa, hai con để họ hàng ăn cơm, và một con để đem lễ thờ, rồi biếu dân làng.

Và hắn thêm:

– Nhưng cũng chưa đủ. Chiều nay còn mời các lão và tư văn, thế nào cũng phải vài ba con nữa.

Rồi hắn giục tôi:

– Rước ông sang ngay đi cho kẻo ông Cựu tôi lại bắt người khác sang mời. Ở bên ấy, các ông hàng tổng đương đợi ông đấy.

Anh ta nói đúng. Tôi còn lúi húi rửa mặt, đã nghe có tiếng lợn kêu eng éc tự phía ngõ ngoài đi vào. Và một lát sau lại có người nữa sang giục.

Thay xong quần áo, tôi theo hai anh người nhà cùng đi.

Từ cổng trở vào, bát đĩa mâm nồi la liệt bày khắp mặt đất.

Trong rạp đông nghịt những người. Đám này không khác gì các đám khác, ngoài một số người tay dao tay thớt, lại có các ông chỉ chuyên thuốc phiện và tổ tôm. Tôi ngó hai dãy phản rạp thấy có ba bàn tổ tôm và bốn bàn thuốc phiện. Thì ra cái bữa thết làng tuy đã xong từ sáng ngày, nhưng mà các ông kỳ dịch vì có cảm tình với ông "Cựu mới" cho nên còn lưu lại đó tất cả.

Thoáng thấy bóng tối, ông Cựu chào hỏi một cách lơi lả và mời tôi vào trong nhà ngồi với mấy người làng bên. Rồi ông trách tôi đã tệ với ông, vì từ hôm qua đến giờ mới sang.

Theo lệ tôi mở ví lấy một đồng bạc ra mừng. Ông Cựu ra ý không thích và nói:

– Ông cho nhà cháu mấy chữ chả quý hơn ư? Tiền tuy cũng quý, nhưng nhà cháu còn có thể kiếm ra được. Hay là để cháu mua một đôi liễn [1], rồi ông viết chữ vào cho.

Tôi còn chưa kịp trả lời, thì thấy một người tất tả chạy vào báo với ông Cựu:

– Tư văn đã vào!

Ông Cựu lật đật chạy ra ngoài rạp. Thằng Mới vừa bưng vào đó một mâm cau và một bánh pháo. Theo nó, một bọn lố nhố độ hai chục người tiến vào trong rạp. Sau khi đã nói vài câu chiếu lệ, ông Cựu mời họ sang ngồi nhờ ở nhà láng giềng, rồi ông giục người bưng cỗ sang đó.

Một ông ở bàn thuốc phiện vào chỗ tôi ngồi, nói chuyện tiếp tôi:

– Ông nó lo một việc này, có lẽ cũng tốn đến hai trăm bạc. Song cũng còn may! Ông tính không làm việc ngày nào, tự nhiên thành người kỳ cựu, chễm chện ngồi chiếu cạp điều giữa đình, há chẳng sướng sao?

Vì có chúng tôi giúp cho thì việc mới xong, người khác đâu được như thế.

Uống rượu xong, tôi từ biệt ra về. Tới cổng lại thấy một lũ kéo vào. Đó là các lão trong làng vào mừng ông Cựu.

Cuộc linh đình còn mãi đến sáng hôm sau.

Năm hôm sau nữa, tôi gặp bà Cựu cắp nón đi ra cổng làng, với một dáng điệu không vui:

---

1. *Liễn*: dải vải, giấy, hoặc phiến gỗ, để viết câu đối.

– Chào ông ở nhà, cháu đi làm đây.

Và không đợi tôi hỏi, bà ấy vội vàng cắt nghĩa:

– Cháu sang Hà Nội làm vú già ông ạ. Có gần mẫu ruộng và nửa con trâu đã bán hết cả, lại còn nợ thêm hơn bảy chục đồng, nếu không đi làm thì lấy gì mà đóng họ?

VII
NÉN HƯƠNG SAU KHI CHẾT

Từ hôm làng bàn chữa lại tam quan đến nay, hôm nào ông chủ nhà tôi cũng bận tiếp khách, bỏ cả công việc. Thằng ở đã phải càu nhàu, bà chủ đã phải lườm nguýt, mấy con chó dé nhăng nhắc sủa không dứt tiếng.

Hôm nay cũng vậy, những ông kỳ dịch hương hội vừa ra, bà lão răng móm đầu bạc đã vào.

Người ta nói chuyện với nhau ở trên nhà thờ. Hình như câu chuyện cũng không cần giữ bí mật.

Biết là việc riêng của họ, tôi không có ý nghe ngóng làm gì, nhưng cái lỗ tai vô tình thỉnh thoảng lại bị lọt vào những câu như vầy:

– Sức tôi chỉ lo được thế, trăm sự nhờ ông giúp tôi.

– Tôi vẫn hết sức giúp cụ, nhưng ông Điển lễ nhất định không nghe, không lẽ tôi làm phù thủy lại bù gà nhà!

Tan một hồi tiếng to, tiếng nhỏ, bà lão lững thững chống gậy trở ra, ông chủ nhà tung tăng đi xuống nhà học với một nụ cười đắc chí:

– Ở nhà quê, giàu mà lép vế nghĩ cũng khổ thật ông ạ!

Tôi chưa nói sao, ông ta liền hỏi: [1]

– Chắc ông không biết bà lão mới rồi là ai?

Và ông ấy lại giảng:

– Đó là bà Tư Ty, thím thằng cả Thân ở xóm dưới. Bà ta góa chồng từ thuở ngoài hai mươi tuổi. Lúc chồng chết đi, trong nhà không có hột gì. Chỉ nhờ có chiếc đòn gánh với hai bàn tay, thế mà

1. Những câu này bị cắt bỏ khi in thành sách, nay in bổ sung theo bản đăng báo *Hà Nội tân văn*, số ra ngày 7.5.1940 (theo PCĐ).

trong mấy chục năm, bà ấy tậu được hơn bốn mẫu ruộng, làm được năm gian nhà ngói, còn tiền cho vay không kể. Làng tôi ai cũng phải phục bà ta có tài làm giàu.

Vừa nói, ông ấy vừa ghé vào chỗ tôi ngồi và tiếp:

– Nhưng mà họ giàu là phải. Ông tính quanh năm khách khứa không có, sưu thuế không mất, làm gì mà chẳng giàu? Nếu mình mà được như họ, có lẽ còn giàu bằng hai. Tuy vậy giàu như bà này, cũng chỉ là cái thân tội...

Ngừng lại để vê một mồi thuốc lào, rồi như sợ tôi cướp lời, ông ta kể luôn một mạch:

– Bà ấy không có con trai. Lúc trước chỉ được một đứa con gái, nhưng sau nó lại chết mất. Vậy mà bà ta hà tiện "vắt cổ chầy ra nước". Suốt đời cơm ăn với muối, bữa nào hoang lắm mới dám mua một mớ rau. Tháng năm tháng mười cũng như tháng ba tháng tám, nếu không độn khoai, thì độn ngô, chẳng bao giờ nấu cơm toàn gạo. Những năm gạo đắt, thường chỉ ăn khoai ăn ngô trừ cơm. Thế nhưng nhiều lúc vẫn phải đổ đi hàng trăm, hàng chục.

Là vì ông lý ông phó làng tôi, đều tay ghê gớm. Thấy bà ta có, nay người này hỏi vay vài chục, mai người kia hỏi vay vài chục. Cho họ vay, ấy là mất hút, chớ có bao giờ họ trả. Nhưng nếu không cho họ vay, họ sẽ bới bèo ra bọ, khó mà yên lành với họ.

Bà ta cũng đã chịu khó luồn lọt. Nội các đàn anh trong làng, nhà nào có giỗ có chạp, hay có cưới xin khao khoán, dù không mời, bà ta cũng đến, với một món đồ lễ: đám nhỏ vài chai rượu, đám lớn thì vài đồng bạc. Những lúc làng có công việc, ví như chữa đình, chữa chùa chẳng hạn, bà ta đều có xuất tiền công đức, không tuần chay nào không mất nước mắt. Vậy mà các ông hào lý vẫn không tha cho, hễ gặp dịp bóp được là họ cứ bóp.

Tôi hơi ngạc nhiên và hỏi:

– Bà ấy không có họ hàng nào ư? Cớ sao người ta chịu để người ngoài ăn hiếp mãi người trong họ như vậy?

– Họ hàng xa cả, chỉ có cả Thân là gần, chính nó được ăn thừa tự bà ấy. Nhưng mà thằng ấy tệ lắm, nó cũng đục khoét bà ta như mọt. Năm trước thua bạc, nó đã bán của bà ấy mất hơn mẫu ruộng, bà ta cũng phải cắn răng mà chịu. Nhiều lúc nó còn thông với các ông hào lý kiếm cớ mà xoay bà ta. Cái việc bây giờ cũng là ở nó mà ra, chứ ai!

Nói đến đây, như đã dứt mạch, ông ấy thông điếu, đặt thuốc, hút một hơi dài. Rồi lại tiếp tục:

– Hiện nay bà ấy đương xin *đặt hậu* [1] ở làng. Việc này, kỳ thủy không phải tự ý bà ta. Vì thằng cả Thân, thấy thím còn vài mẫu ruộng và mấy gian nhà, nó muốn bán nốt, nhưng trong làng chẳng có ai mua. Hắn mới bàn với ông Điển xui cho bà ta đặt hậu, nếu việc xong, ông Điển phải chia cho nó một nửa số tiền. Ông kia bằng lòng. Nó liền về nhà tán với bà cụ thế này: đáng lẽ, sau khi bà ấy trăm tuổi, bao nhiêu gia tài sẽ về nó cả. Nhưng nó có tính chơi bời, sợ rằng không thể giữ được. Muốn cho chắc chắn, bây giờ đem một phần ruộng mà giao cho làng, sau này làng sẽ cúng giỗ cúng tết bà ấy mãi mãi. Bà ta nghe cũng bùi tai, liền bảo nó đi nói với các ông kỳ dịch xin nộp một mẫu ruộng để làm ruộng hậu, một trăm bạc để làng sung công, và sửa con lợn cỗ xôi, trước lễ thánh, sau kính làng. Một đám *đặt hậu* như thế, ở làng tôi kể cũng là hậu. Các ông hào lý nhận lời. Chờ đơn "ký hậu" làm xong bà ta đã mắc vào tròng, bấy giờ họ mới giở ngón: ông Điển đòi năm chục, chánh hội, lý trưởng mỗi người đòi ba chục. Có được thế họ mới ký tên vào đơn, thì việc mới xong. Thấy thế bà ta chết ngã cổ ra, đã toan xin thôi. Nhưng họ lại dọa: Nếu mà bà ấy bỏ dở việc này, ấy là bà đã đánh lừa làng, họ sẽ đệ đơn trình quan và sau khi bà ấy chết đi, làng không khiêng nữa. Bà ấy hoảng quá, không dám nói đến chuyện thôi đặt hậu, chỉ xin rút bớt số tiền "nhuận bút" của các vị hào lý mà thôi. Mấy bữa nay bà ta luôn luôn đến đây là cốt nhờ tôi nói đỡ với họ. Tôi đã khuyên họ nên nghĩ phúc đức về sau, không nên bóp nặn người ta thái quá. Chánh hội, lý trưởng và các tộc biểu bằng lòng mỗi người bớt cho mươi đồng, nhưng ông Điển lễ nhất định đòi đủ năm chục. Công việc nhà quê có rắc rối không?

Ngoài cổng lại thấy có tiếng chó sủa, ông Điển lễ với tấm áo the quấn cổ, lộc cộc chống chiếc gậy song đi vào. Xăm xăm đến cửa nhà khách, ông ta nhìn ông chủ nhà tôi và hỏi một cách tự nhiên:

– Thế nào! Lúc nãy con mẹ Tư Ty nó nói với ông ra sao?

Ông chủ nhà tôi liền mời ông ta ngồi vào trong ghế và đáp:

– Nó vẫn chối khan chối vã là không có tiền.

Ông Điển lễ cười ròn khanh khách:

---

1. *Đặt hậu:* giao ruộng cho làng để sau khi chết, làng đặt cho một bát hương ở đình hoặc cúng giỗ mãi mãi.

– Ông cho gọi nó đến đây! Tôi sẽ liệu xoay cách khác.

Vâng lệnh ông chủ, thằng nhỏ lật đật vác gậy ra đi.

Một lúc sau, bà lão Tư Tỵ đã đến với một dáng bộ khúm núm. Sau khi chào ông Điển lễ, bà ấy ngồi phệt xuống mặt thềm gạch. Ông Điển lên giọng hách dịch:

– Tôi đòi năm chục đồng bạc, bà tưởng là đắt hay sao? Nếu đắt thì thôi, tôi không cần. Một người như bà, sau khi nhắm mắt, kiếm được kẻ thắp cho nén hương cũng khó lắm thay, huống chi muốn được cả làng cúng lễ. Cũng vì làng chữa tam quan, cần đến tiền tiêu, cho nên chúng tôi phải cố thu xếp cho bà. Nếu như lúc khác, bà có hàng nghìn cũng không lo nổi. Bà thử nghĩ kỹ mà xem.

Bà lão nói giọng phều phào của người móm:

– Thưa cụ, tôi không dám tiếc các cụ, chỉ vì trong nhà chưa sẵn, ruộng bán không có ai mua, đi vay không được...

Ông Điển không để cho bà ấy nói hết lời:

– Nếu vậy thì bà gạt ruộng cho tôi cũng được. Không phải văn tự văn khế gì hết, hễ bà bằng lòng thì tôi cứ bảo chưởng bạ dịch sổ, rồi bà điểm chỉ vào sổ, thế là xong.

Hình như bà lão biết mình chẳng sống ở đời bao lâu nữa, không tiếc cái của mồ hôi nước mắt làm gì, nên phải miễn cưỡng vâng lời. Cả bọn cùng giải tán.

Hôm sau, ông chủ nhà tôi vừa cười vừa nói với tôi:

– Bà Tư Tỵ đã phải *sang sổ* cho ông Điển lễ hơn năm sào ruộng rồi đấy. Ông ấy đã ký đơn rồi, chừng vài ngày nữa bà ta sẽ phải chồng tiền hậu và giao ruộng hậu cho làng.

VIII
HẠT GẠO XÔI MỚI

Hôm nay vừa đầy tám ngày, ngày nào trong nhà ông Quyết cũng thấy họ mạc kéo đến tấp nập.

Có gì đâu? Ông ta phải *sửa xôi mới*.

Với làng Th. Th. của ông Quyết cũng như với nhiều làng khác, xôi mới vẫn là một lễ long trọng. Hễ làng chưa làm lễ ấy, các nhà

không ai được ăn, hoặc cúng, hay bán thứ gì bằng nếp. Người nào phạm vào điều đó sẽ bị bắt vạ tức thì.

Là vì theo tục thôn quê, nghề gì cũng có tiên sư, tiên sư của nghề làm ruộng là ông Thần nông. Muốn đền cái ơn dậy dân cấy gặt và muốn cầu cho suốt năm mưa thuận, gió hòa, hàng năm, đến mùa lúa chín, người ta phải tế ông ấy bằng ba mâm xôi gạo nếp mới, ý nghĩa của lễ xôi mới là vậy.

Cho được tỏ lòng thành kính đối với quỷ thần, làng lại bắt buộc gạo ấy phải do người làng làm ra, không được mua sẵn ở chợ, sợ rằng gạo chợ không được tinh khiết. Bởi vậy, làng đã để riêng một mẫu ruộng tốt, mỗi năm, chiếu theo ngôi thứ giao cho bốn người cày cấy. Rồi khi gặt lúa, mỗi người phải thổi cho làng một nồi gạo xôi.

Ruộng ấy, năm nay đến lượt ông Quyết được cấy.

IX
MUA CỖ

– Đấy! Bác vào nói với nhà tôi! Ông ấy có giúp được bác thì giúp. Chứ tôi bây giờ chẳng có đồng nào. Bác nói mãi cũng đến thế thôi!

Tôi đương nói chuyện với ông chủ nhà trong buồng học, những tiếng the thé bỗng tự đầu thềm đưa vào. Khiến tôi và ông chủ nhà đều phải trông ra phía sân.

Bà chủ nhà đương cầm cái gậy đuổi chó để dẫn một người đàn ông lạ mặt đến sân nhà học, rồi lại trở xuống nhà dưới.

Với cái nón cụp gẫy cạp cầm tay, người ấy khúm núm bước lên thềm và rụt rè đi vào trong nhà. Sau khi đã nâng vạt áo nâu cũ lau qua những giọt mồ hôi đọng lại trên trán, hắn đặt cái nón xuống bậc cửa và nhìn thẳng vào ông chủ nhà:

– Lạy cụ ạ! Con sang từ nãy... Nhưng tưởng là cụ có khách, nên không dám lên.

Như sợ tôi lầm người ấy là một người bạn hay một người có họ thì có hại đến danh giá của mình, ông chủ nhà vội vàng giới thiệu bằng một cách trống suông:

– Bố thằng bé ở. Tưởng là ông quý khách nào!

Rồi bằng một giọng *thách mé* của kẻ cả, ông ấy ngước mắt nhìn người kia:

– Anh sang hỏi gì? Vay tiền chứ!

Người ấy vẫn quanh co ở ngoài bậc cửa. Vì chưa được lệnh ông chủ bảo ngồi nên chưa dám ngồi. Khi thấy ông này gạn hỏi, anh ta liền tựa vào cột và nói ra giọng van lơn:

– Vâng! Cháu muốn kêu cụ giúp cháu ít đồng. Vì mấy hôm nữa, cháu phải "mua cỗ" cho em thằng Tý.

Thằng Tý là một thằng nhỏ mới đến ở với nhà ấy vài tháng nay, năm nay mới mười bốn tuổi. Theo sự tưởng tượng của tôi lúc ấy, thì chính nó cũng chưa dùng gì đến cỗ, huống chi em nó chắc còn bé nhỏ hơn nó... Thế thì người ta mua cỗ cho nó làm gì. Tôi đương phân vân suy xét, ông chủ nhà lại ngó người kia và chối bai bải:

– Thầy nhà tôi nói, tiền công năm nay của thằng Tý anh đã lấy trước rồi kia mà. Bây giờ còn tiền nào nữa mà giúp?

Người ấy vẫn cố nằn nì:

– Phải, tiền công năm nay của nó, cháu đã mượn trước của cụ bà rồi. Nhưng vì làng cháu mới gọi "bán cỗ" cho thằng bé con, cháu đi vay mãi không được, cho nên lại phải sang kêu với cụ... Xin cụ dón tay làm phúc, cho cháu lo đủ lệ làng. Nếu cụ không cứu giúp cho, có lẽ vợ chồng nhà cháu sẽ phải bỏ làng mà đi.

Câu nói thảm thiết của anh ta làm tôi phải cảm động. Nhân lúc ông chủ đi ra, tôi mời anh ấy vào ngồi trong phản bên cạnh và hỏi:

– Bác ở làng nào?

Anh ta đáp rất lễ phép:

– Thưa ông cháu ở C.L.

À, C.L. cái làng rất cổ trong tỉnh P.A. tôi đã có dịp đi tới.

Thoáng nghe tên nó, như nhắc cho tôi nhớ lại mấy người quen. Sau khi hỏi thăm qua loa về cận trạng của họ. Tôi bắt sang chuyện người em thằng Tý:

– Thằng cháu thứ hai nhà bác năm nay mấy tuổi?

Anh ta nhanh nhảu trả lời:

– Thưa ông, nó mới năm tuổi.

– Năm tuổi mà đã mua cỗ của làng?

– Vâng ạ! Theo lệ làng cháu con trai đẻ trong một tháng thì phải vào ngôi. Hễ ai có ngôi rồi thì làng cứ việc theo sổ mà bán cỗ cho! Có đứa mới có hai tháng đã phải mua cỗ rồi, nữa là năm tuổi!

Tôi càng không hiểu anh ta nói thế nghĩa là thế nào. Cái tính hiếu kỳ bắt buộc tôi cố hỏi cho hiểu:

– Đứa trẻ hai tháng hẳn chưa thể ăn được cỗ. Sao làng lại bắt chúng nó phải mua?

Anh ta bật cười, như muốn chế tôi là kẻ ngu ngốc. Rồi hắn cắt nghĩa:

– Thưa ông, gọi là mua cỗ chẳng qua nói theo tiếng của các cụ ngày xưa. Kỳ thực nào có cỗ bàn gì đâu! Số là hàng năm cứ đến thượng tuần tháng giêng làng cháu vào đám, trai đinh phải cắt lượt nhau làm cỗ bưng ra đình, để từ bàn trùm trở lên uống rượu nghe hát. Lệ của các cụ đặt ra như thế. Nhưng đã lâu nay, làng không có nhiều của công, cho nên, mỗi khi làng cần đến tiền lại bắt những người sắp đến lượt phải làm cỗ, chồng tiền cho làng, chứ làng không lấy cỗ nữa. Vì vậy kêu là bán cỗ.

Bây giờ tôi đã hiểu nghĩa bán cỗ tức là nộp tiền cho làng. Nhưng còn muốn biết rõ hơn, nên lại hỏi thêm:

– Mỗi năm làng bác dùng hết độ bao nhiêu cỗ?

Anh ta ra bộ đắc ý:

– Ối chà! Làng cháu to lắm, tất cả đến ba nghìn suất đinh. Riêng từ bàn trùm trở lên cũng có hơn bốn trăm người. Tục làng sáu người một cỗ, cứ thế mà tính hết bao nhiêu thì gọi cho đủ bấy nhiêu. Mỗi năm ước chừng phải bảy mươi cỗ trở ra.

Con số to lớn khiến tôi hết sức kinh ngạc:

– Một người phải làm bấy nhiêu mâm cỗ hay bao nhiêu người?

Anh ta lắc đầu lia lịa:

– Nếu một người làm cả bấy nhiêu mâm cỗ thì có bán cả đình làng cũng không đủ. Mỗi người phải làm có năm mâm thôi, nhiều cỗ nhiều người, ít cỗ ít người!

– Nếu mua cỗ thì mỗi người phải chồng cho làng bao nhiêu?

– Cái đó không nhất định. Càng nhiều tuổi càng nhiều tiền. Càng ít tuổi càng ít tiền. Bởi vì nhiều tuổi là người sắp phải làm cỗ, mà kẻ ít tuổi thì lượt "làm cỗ" còn lâu mới đến mà lại!

– Những năm bán cỗ, làng sẽ thôi uống rượu chứ?

– Sao lại thôi! Bán lớp người trên thì làng gọi lớp người dưới làm cỗ; bán lớp người dưới thì gọi lớp người dưới nữa. Hễ có vào đám thì làng cứ việc đánh chén như thường.

– Nếu bán hết lượt thì làm thế nào?

– Hết lượt thì lại vắt lại, chẳng bao giờ làng chịu hết người làm cỗ. Đáng lẽ mỗi người một đời chỉ phải gánh cỗ một lượt, nhưng vì có lệ "bán cỗ" thành ra có người phải mua đến bốn, năm lần. Như cháu, năm nay mới bốn mươi mốt tuổi đã phải mua đến bốn lượt rồi, có lẽ còn phải mua một lượt nữa.

– Những lúc thế nào thì làng có quyền bán cỗ?

– Chẳng có lệ ngạch nào cả. Các ông kỳ dịch muốn bán lúc nào thì bán. Đại khái thiếu tiền việc quan, hay là chữa chùa, chữa đình chẳng hạn, thì làng gọi người mua cỗ. Nhưng cũng có khi không có việc gì, các ông kỳ dịch bảo nhau thuê thợ đảo lại ngói đình, hoặc là phá đoạn tường này xây đoạn tường khác để lấy cớ mà *bán cỗ*. Bởi vì số tiền của người *mua cỗ* đem nộp, các ông ấy lại tiêu với nhau, trai đinh biết đấy là đâu? Nhiều người đã định bướng không chịu mua, nhưng không mua thì họ bắt phải làm cỗ, cũng chết, thì thà mua cho rảnh.

– Thế sao trai làng ấy không kiện?

– Năm xưa cũng đã có người kiện rồi. Nhưng không đổ. Vì bọn kỳ dịch có tiền. [1] Mà nào họ có mất gì của nhà họ đâu? Tiêu hết bao nhiêu họ cứ đi vay, xong việc, họ lại bán cỗ mà trả. Chẳng những họ không lỗ vốn, có khi còn được lãi nữa. Bởi vậy, họ đã bán cỗ cho ai, người ấy nhất định phải mua. Không mua họ bảo là người thiếu đóng, thiếu góp với làng rồi họ sổ ngôi.

Nghe đến câu đó, tôi rất phục cái thủ đoạn của mấy ông kỳ dịch làng ấy. Có lẽ họ không thua gì những nhà chính trị đại gia. Tôi còn đương muốn hỏi thêm thì ông chủ nhà vừa ở ngoài sân đi vào.

Người cha thằng Tý bỏ tôi, để quay ra van lạy ông ấy lấy tiền mua cỗ cho thằng con út.

---

1. Những câu này bổ sung theo *Hà Nội tân văn* số 11-6-1940 (PCĐ).

X
CON GÀ THỜ

Ở làng V.Đ. ông chủ nhà trọ của tôi đáng lẽ cũng là bậc sướng.

Dẫu không là tay cự phú, trong nhà cũng có gần sáu mẫu ruộng, một con trâu cái, một con lợn nái, thóc lúa đủ ăn từ vụ nọ đến vụ kia, tiền bạc tiêu đâu sẵn đó, nếu chỉ bảy tám chục đồng trở lại, dù là việc bất thình lình, cũng không phải vay của ai.

Gia đình lại rất đuề huề. Trên thì bà mẹ gần tám mươi tuổi, vẫn còn sáng suốt, tỉnh táo, không lòa không điếc, cũng không lẫn lộn, dưới thì đàn con sáu đứa, trai có, gái có, đứa nào cũng ngoan ngoãn dễ bảo. Cái cô con gái đầu lòng mới mười lăm tuổi, mà đã bốn năm ông tổng, ông bá muốn hỏi cho con. Bà vợ ông ấy chưa nhận lời ai, sợ rằng gả chồng cho cô này, công việc đồng áng sẽ không đủ người coi sóc.

Tuy cũng là nhà làm ruộng, nhưng mà quanh năm chí tối, ông ấy không hề phải đặt cái cày lên vai. Cho đến những lúc *sớm cạn, mạ úa,* người ta đánh nhau vỡ đầu vì tranh nhau cái *bầu tát* nước, ông ấy cũng chỉ đủng đỉnh ra đồng với cái cuốc bổ xem chỗ nào còn nước, chỗ nào hết nước, đâu nên cấy trước, đâu nên cấy sau, và anh thợ cày có chịu làm việc, hay chỉ ngồi hàng ngồi quán. Ấy đó, công việc ông ấy đại khái có vậy.

Ở thôn quê, như vậy cũng là tiên cách. Quan bất phiền, dân bất nhiễu, suốt năm lúc nào cũng ung dung.

Nhưng mấy tháng gần đây, ông ấy lại rất vất vả.

Chỉ vì có hai con gà.

Năm đó, ông ta chẳng đã năm mươi nhăm tuổi à?

Theo tục làng đó, đàn ông năm mươi sáu tuổi mới lên lão làng. Nhưng từ ba mươi tháng một năm năm mươi nhăm tuổi, đã phải sửa một cỗ xôi và một con gà để đem ra đình lễ thần, rồi biếu dân. Cỗ xôi không quan hệ lắm miễn được gạo trắng và dẻo, đóng vào đầy một chiếc quả "phù trang" của làng. Duy có con gà thì hơi cầu kỳ một chút.

Nó phải là thứ gà sống mã đỏ, chân vàng, vặt lông và luộc chín rồi, còn đủ bốn cân. Lệ làng định rõ như thế.

Thế nhưng ít ai chịu giữ đúng lệ. Người ta đua nhau tự tăng số

cân ấy lên, ít nhất cũng là năm cân, nhiều, thì có khi sáu cân, bảy cân, hễ gà càng lớn bao nhiêu, ông chủ càng được dân làng kính trọng bấy nhiêu. Nghe nói từ đời Thiệu Trị, Tự Đức chi đó, có ông lão nuôi được con gà nặng bảy cân rưỡi, đến nay cả làng vẫn còn ca tụng. Họ bảo ông đó đã hết lòng thành kính đối với quỷ thần, nhờ có quỷ thần phù hộ, cho nên gà của ông ta mới lớn như vậy.

Dù chẳng dám mong nối gót được ông cụ ấy, nhưng ông chủ nhà trọ của tôi cũng vẫn quả quyết không chịu thua ai trong hồi gần đây. hồi cuối năm kia, nghe nói ở dưới làng Hồ có giống gà tốt, ông ấy muốn mua, đã phải thân hành đến nơi để được tự mình kén chọn. Sau mười mấy ngày lăn lóc ở vùng Hồ, ông ấy vui mừng trở về với hai con gà con nhốt trong một chiếc lồng khiếu.

Đôi gà mới lạ làm sao! Nó lớn bằng con chim câu và trọc lông lốc như đầu ông sư. Từ cổ đến đuôi toàn là thứ thịt đỏ hỏn, lơ thơ điểm ít sợi lông tơ. Mỗi con ở hai vút cánh, đều có hai cái lông cánh lớn bằng vảy ốc và cong vểnh lên như miếng cau khô để ngửa.

Ông ấy bảo với tôi rằng:

– Những nhà hà tiện thường chỉ nuôi có một con. Bởi vì lệ làng chỉ có một con. Nhưng mà con gà độ bốn, năm cân, tất nhiên phải nuôi trong khoảng hai năm trở ra. Giả sử nuôi đến nửa chừng, chẳng may nó chết, thì không thể nào mua đâu được nữa. Bởi vậy tôi phải mua phòng hai con. Nhờ giời nếu nó còn cả thì, một con lễ đình, còn một con nữa tôi đem lễ chùa, chứ không dám bán mà cũng không dám ăn. Vì rằng mình đã thành tâm nuôi về việc thờ, nếu đem bán hay để ăn, ấy là đắc tội với quỷ thần.

Tiếp đó, ông ấy lại khoe:

– Đôi gà này nếu đem bán chợ, chẳng qua độ bốn, năm hào một con. Họ thấy mình chuốc, nên họ bóp mắt bóp mũi. Tôi phải trả một đồng một con họ mới chịu bán. Tuy vậy, kể cũng không đắt. Giống gà này quý lắm. Nó mới bỏ mẹ mà đã lớn bằng bấy nhiêu. Nếu khéo nuôi, sau này có thể lớn bằng con ngỗng.

Luôn bữa đó, ông ta sửa lễ ra đình để trình với "đức thượng đẳng" là mình đã mua được gà, rồi đem cả đôi quý vật thả vào nếp chuồng ở đầu nhà trên.

Chuồng ấy, ông ta làm riêng để nhốt gà thờ, cũng mới hoàn thành độ một tháng trước. Cửa chuồng ngoảnh về phía nam. Gậm

chuồng xây gạch làm bức tường con, để giữ rắn, chuột. Quanh chuồng lại có bốn bức rào bằng phên nứa, ngăn hẳn khu đất đầu nhà thành cái vườn vuông, để làm chỗ cho gà ăn... chơi.

Ròng rã gần hai năm nay, những việc lấy nước cho gà uống, tung thóc cho gà ăn và sớm mai mở cửa cho gà ra vườn, chiều tối bắc cầu cho gà lên chuồng, đều do tự tay ông ấy làm lấy, không dám giao cho người nào, vì sợ người khác làm không cẩn thận. Trừ ra cái việc hai ngày một lần múc nước, quét rửa chuồng gà thì anh thợ cày được thay.

Hồi cuối năm ngoái, một trận gió bấc nổi lên giữa khi ấm áp, đã gây cho làng V.Đ. cái nạn gà toi. Ông ấy lập tức sai vợ sửa cái sỏ lợn và một mâm xôi làm lễ ra đình, để cúng các đấng "bộ hạ" khấn ngài phù hộ cho gà của mình. Sau đó, bao nhiêu gà của làng ấy chết hết. Riêng đôi gà này vẫn được mạnh khỏe như thường. Ông ấy cho là các đấng "bộ hạ" thiêng lắm.

Đúng như ông ấy ước mong. Đôi gà mỗi ngày mỗi thấy chóng lớn như thổi. Trong hơn một năm nó đã xù xù như hai con công. Lông đẹp, cánh đẹp; ống chân bóng nhoáng như ngà, tiếng gáy ò ò như tiếng còi tàu thủy.

Nhưng cả hai con đều gầy như hạc.

Ông ấy cắt nghĩa như vầy:

– Cái phép nuôi gà cũng như nuôi lợn, lúc nó còn non, phải hãm cho nó đừng béo, thì nó mới lớn. Nếu khi nó còn đang lớn mà đã béo rồi, ấy là nó sẽ không lớn được nữa.

Thế rồi bắt đầu từ cuối tháng tám, cái tháng cách ngày "lễ thờ" độ một trăm ngày, công việc nuôi gà của ông ta bỗng thấy thay đổi khác hẳn.

Khu vườn của gà không dùng đến nữa. Sớm ra, ông ấy bắt gà ở chuồng xuống lồng, tối đến ông ấy bắt gà ở lồng lên chuồng. Trong tháng đầu, đồ ăn của gà đã xen thêm ngô, mỗi ngày bốn bữa, hai bữa ngô và hai bữa thóc. Từ tháng thứ hai trở đi, hai món ấy đều bị bãi cả, ông ta cho gà ăn cám.

Lúc đầu còn là cám nấu với gạo đổ vào chậu sành để gà tự mổ. Hình như nó cũng thấy ngấy không ăn được nhiều, nên sau lại phải dùng theo phương pháp bào chế.

Ông ta luyện cám như luyện thuốc tễ và đem viên lại mỗi viên lớn

độ bằng đầu ngón tay. Đến bữa ông ấy ngậm nước trong miệng, rồi ôm con gà vào lòng, một tay vành hai mỏ gà, một tay ấn viên cám vào. Sau khi đã mớm cho nó hớp nước, ông ta sè sẽ lấy tay vuốt vào cổ nó, để cho viên cám từ từ trôi xuống dưới diều, mới lại bón tiếp viên khác. Mỗi con gà, mỗi bữa độ vài chục viên, mỗi ngày độ chín mười bữa, đều do ông ta tự làm, chứ không khiến ai. Thành ra suốt ngày, ông ấy chỉ quanh vào hai con gà mà không lúc nào được nghỉ.

Giữa lúc công việc túi bụi, bà mẹ ông ta lại bị ốm nặng, cả ngày chỉ nằm trên giường và rên hừ hừ. Tuy vậy, những việc cơm cháo thuốc men cho bà cụ, ông ta giao mặc vợ con, vì mình không có thì giờ trông đến. Bà cụ hình như cũng biết thân mình không quan hệ bằng hai con gà, cho nên, mỗi khi thấy cháu gọi con lên buồng xem bà làm sao, bà ấy lại gạt ngay đi.

– Việc thờ không thể nói chơi. Cứ để thầy mày trông nom cho gà. Gọi lên làm gì!

Hôm ấy nhân bữa 25 tháng một.

Theo lệ mọi ngày, ông chủ nhà trọ của tôi vừa ở trên giường xuống đất, mắt nhắm mắt mở, chạy luôn ngay ra trước chuồng gà để rước gà ra.

Quái lạ! Làm sao hôm nay một trong đôi gà có vẻ khác thường! Thả vào trong lồng, nó cứ rụt cổ mà đứng lù đù. Nhắc cái lồng ra, nó cũng không buồn cựa quậy.

Hoảng quá! Ông ấy vội bắt nó lên, để xem là chứng bệnh gì. Chung quanh thân thể không thấy vết tích gì hết. Riêng có cái diều cứng rắc và lớn chần chần như một quả bưởi.

Vừa ôm con gà, ông ấy vừa gọi người nhà bưng rổ cám ra để mình bón thử cho nó mấy viên. Nhưng mà nó không chịu nuốt, viên cám ấn vào trong mỏ, nó lại lắc đầu lắc cổ cho bật ra.

Với vẻ mặt không còn sắc máu, ông ấy hầm hầm chạy xuống nhà khách sau khi thả con gà ấy vào lồng của nó. Rồi cơn thịnh nộ theo sự lo sợ nổi lên, ông ta bỏ cả cơm nước, gắt vợ, gắt con luôn miệng. Bởi vì, theo ý ông ấy, con gà bị bệnh là do vợ con ông ta đều không thành kính mà ra.

– Đã bảo không được gọi "người" là "gà", cả nhà không đứa nào nghe! Bây giờ còn năm hôm nữa thì được sửa lễ, nếu như "người" có làm sao, chúng bay còn khổ với ông! Ông thì tống cổ mẹ con nhà mày!

Cứ một câu ấy, ông ta nhắc đi nhắc lại đến mấy chục lượt. Các con đều phải nem nép không dám ho he. Hình như chúng cũng tự biết gọi gà là "gà" chính là một cái tội lớn.

Cho được chuộc lại cái lỗi ngạo mạn với gà, một lần nữa bà vợ ông ta lại phải đi chợ mua đồ cúng các bộ hạ của "đức thượng đẳng". Trước khi đi, bà ấy dặn anh thợ cày ở nhà giã gừng hòa với rượu tẩy uế chuồng gà cho kỹ. Vì sợ chuồng không trai khiết, cho nên sinh ra thế chăng.

Tin tức truyền đi mới chóng làm sao! Bà này mới ra khỏi nhà độ mười lăm phút, họ hàng làng nước kéo đến hỏi thăm rất đông. Người nào, người ấy nét mặt ngơ ngác, giống như đứng trước một tai nạn lớn của người ruột thịt.

Giữa khi ấy, bà mẹ ông chủ nhà tôi ở nhà trên lại nổi cơn bệnh. Ngồi ở nhà dưới cũng nghe tiếng rên và tiếng "ối chao". Nhưng không ai nhắc đến bà cụ. Người ta chỉ hỏi chứng bệnh con gà.

Có người bày cho ông ấy nên dùng tỏi tươi giã nhỏ mà bón cho nó. Ông ta nhất định không nghe, cho rằng tỏi tươi là vật uế tạp, nếu cho gà ăn, nó sẽ uế tạp lây đến gà, thì ra mình không tin ở quỷ thần nữa ư! Phải cứ thành tâm tin ở quỷ thần, hễ ngài *vuốt ve* đi cho thì nó khắc khỏi. Ông ta đáp lại họ mạc làng nước như vậy.

Nhưng mà ông ta đã bị thất vọng.

Bữa trưa hôm ấy, sau khi bà vợ ở chợ về nhà, đồ lễ đã được sửa soạn một cách hỏa tốc, ông ta liền tự ra đình lễ bái và cầu khẩn thiết tha. Vậy mà bệnh tình của gà chẳng những không chút thuyên giảm, lại còn trầm trọng hơn nữa. Sáng ngày nó còn chịu đứng và chịu mở mắt, bây giờ thì chỉ nằm phục dưới đất, hai mắt nhắm nghiền, nước mũi chảy ra rành rạch.

Cả nhà đều luống cuống chỉ lo còn con gà nữa lại mắc bệnh nốt.

Cực chẳng đã, ông ấy phải dùng bài thuốc của người ta mách lúc nãy.

Thì ra con gà đã mắc phải bệnh thương thực. Bởi tại hôm trước ông ta nhồi cám cho nó nhiều quá, tiêu hóa không kịp, diều nó chương lên. Từ lúc được ít tỏi tươi vào miệng, giúp sức cho sự tiêu hóa, hình như trong mình nó đã dễ chịu, cho nên thỉnh thoảng nó đã đứng dậy, đôi mắt có lúc mở to. Đến chiều hôm ấy, nó đã nhỏ nhẻ mổ vài hột gạo. Và sáng hôm sau thì nó ăn uống như thường. Trong nhà lúc ấy vui vẻ như tết.

Ông ấy lại phải sửa lễ ra đình để tạ các vị bộ hạ của "đức thượng đẳng".

Thấm thoát đến ngày 29 tháng một.

Sáng sớm hôm ấy, sau khi ra chuồng thăm gà, ông ta liền sai người nhà quét dọn suốt cả nhà trên nhà dưới, rồi đi gánh nước đổ thêm vào bể.

Gần trưa, họ mạc làng xóm kéo vào tấp nập. Người ta chia nhau mỗi người đi làm mỗi việc. Bà này rửa bát, bà kia rửa nồi, ông này kê bàn, ông kia kê phản, năm bảy ông khác vào chuồng bắt lợn làm thịt.

Chừng đến quá trưa, con lợn bị giết đã thành ra mấy chục mâm dấm ghém, la liệt bày khắp cả mấy tòa nhà.

Họ hàng ăn xong bữa ấy, mặt trời đã xế về tây. Bấy giờ người ta bắt đầu lo đến việc thờ.

Những người làm giúp lúc này chia làm hai đội. Một đội sắp sửa quang gánh gánh mấy thúng gạo ra giếng để vo, vì sợ vo bằng nước bể hột gạo xám đi, sau này xôi sẽ không trắng. Còn một đội nữa thì đi đun nước để làm lông gà.

Gần tối, đôi gà đã vặt lông xong. Con nào con ấy màu da trắng nõn. Cả họ đều khen là béo và lớn.

Sau khi mấy anh con trai dùng díp nhổ râu nhổ hết những sợi lông tơ ở đầu ở cổ, ở quanh hai mỏ đôi gà, ông chủ nhà tôi quyết định để con bị ốm hôm nọ lễ chùa, còn con không ốm thì đem lễ đình, và tươi cười nói với mấy ông nhiều tuổi trong họ:

– Công việc nuôi gà của tôi thế là xong rồi. Bây giờ còn việc luộc gà xin mặc các cụ. Nếu luộc được khéo, cả họ nhà ta sẽ được tiếng khen.

Ô hay! Luộc gà chẳng qua đến bỏ vào nước mà đun là cùng, cớ sao ông này lại nói như vậy? Hay là trong cái việc ấy ở đây còn có bí quyết gì chăng. Tôi đương tự hỏi như vậy thì một ông già trong đám dõng dạc đáp ông chủ tôi:

– Cái đó, cụ cứ yên tâm, chúng tôi sẽ bắt anh em làm cho thật khéo.

Rồi thì ông đó ngoảnh lại gọi bọn ít tuổi:

– Ai biết chằng gà thì đem gà ra chằng đi.

Sau một tiếng dạ rất gọn, mấy anh con trai linh lợi bưng hai con gà đặt vào hai chiếc mâm đồng và để lên một cái bàn kê ở gian giữa. rồi một người khác đem đến cho họ một bó thanh tre và một cuộn dây gai.

Dùng tre làm cốt và dây cuốn ngoài, họ buộc cho hai con gà ngỏng cổ, giương cánh, đứng trên mặt mâm. Rồi họ lấy những ruột non, ruột già và bộ dạ dày của nó chằng từ đầu mỏ quặt sang hai cánh, làm cho con gà thành ra cái hình con phượng ngậm bức cuốn thư. Cả đám xúm lại ngắm nghía, ai nấy đều cho là được. Bấy giờ họ mới giục nhau đun nước luộc gà.

Mỗi con gà đó, từ cổ đến chân có thể cao đến gần hai thước, hai cánh của nó cũng phải đến hơn một thước, tôi không hiểu rằng luộc vào nồi nào cho vừa, nhưng vẫn yên lặng để xem họ làm ra sao.

Luôn trong một lúc thấy họ bắc bếp đến sáu chiếc nồi ba mươi, nồi nào nước cũng gần đến miệng.

Nửa đêm, cả sáu nồi nước đều sủi. Người ta liền bưng cả hai mâm gà xuống đó. Dưới hai ngọn đèn hai dây sáng như ban ngày, năm sáu cái gáo chĩa vào các nồi múc nước dội từ đầu gà trở xuống. Và cứ dội luôn như thế không lúc nào ngơi, hết nồi nước ấy, họ lại nấu nồi nước khác, trong bếp không lúc nào không sẵn nước sôi. Dội đến gần sáng thì gà vừa chín. Té ra cái kiểu luộc gà của họ là vậy.

Chờ cho đôi gà đều nguội, họ cởi hết các dây chằng, đặt vào trong giữa mâm xôi rồi đem ra đình và đưa lên chùa.

Lễ xong, con gà của ông chủ nhà tôi cân được 7 cân. Ông ấy sung sướng bảo tôi:

– Đời tôi như thế là mãn nguyện!

XI
CỖ OẢN TUẦN SÓC

Hơn một năm nay, cả làng M.H, ai cũng ái ngại cho ông Linh Phúc.

Nào phải là người ăn hoang làm biếng cho cam, ông ấy rất tần tiện và chịu khó làm việc, cả đời không dám tiêu hoang một xu, cả năm không hề chơi không nửa ngày. Trước kia còn vợ, vợ làm, chồng

làm, tuy không thừa thãi, nhưng không đến nỗi phải đi vay. Từ đầu năm ngoái, bà Phúc "về với tổ tiên" sau nửa năm nằm liệt với bệnh hậu sản, mấy sào tư điền bán hết, vẫn chưa trang xong số tiền thuốc và tiền ma chay, ông ấy mới mang công mắc nợ.

Kể ra số nợ của ông ấy vay cũng không lấy gì làm to. Nhưng ở thôn quê, cái giống nợ lãi nó đẻ dữ lắm; một năm, một đồng thành hai, còn là hạng thường, hơn nữa, có khi một đồng thành gần ba đồng. Chỉ nuôi báo cô vài chục bạc nợ, hai bàn tay trắng của ông ta cũng đủ nhược rồi, huống chi dưới nách lại vướng năm đứa con mọn, đứa bé còn bú, đứa nhớn mới mười bốn tuổi. Cái thân gà sống mổ sỏi, phỏng kiếm làm sao cho chúng đủ no. Sau khi bà vợ mồ yên mả đẹp, ông ấy đã phải dứt tình cậy người nuôi giúp đứa nhỏ và cho đứa lớn đi ở không công. Trong nhà chỉ để lại ba đứa nhỡ.

Bây giờ trong cái gia đình một bố ba con, hoàn toàn trông vào một chiếc đòn gánh.

Quê quán ông ta chẳng gần với chợ Xa à?

Hàng ngày, trời nóng cũng như trời lạnh, trời nắng cũng như trời mưa, sáng ra, sau khi thổi nấu cho các con ăn, ông ấy liền vác luôn chiếc đòn gánh xuống làng T.B. gánh thuê cho mụ hàng cháo một gánh "cháo đúc" lên thẳng chợ Xa, chiều đến, lại từ chợ Xa đài về bến đò Đ.C. cho bọn B.Đ. một gánh lá trầu hoặc các hàng vặt.

Đường đi cũng không xa xôi cho lắm, chuyến đi chừng năm cây số, chuyến về độ sáu cây số.

Mỗi ngày chỉ chạy mười một cây số, kể còn nhàn hạ gấp trăm phu xe. Vả lại, gánh hàng của mụ hàng cháo chỉ có nồi cháo và thúng bánh đúc, trọng lượng độ vài chục cân, với sức ông ấy, cái sức quen theo chân trâu của người lực điền, kể cũng chẳng thấm vào đâu.

Độc địa là gánh hàng của bọn B.Đ.

Hình như đối với ông Phúc, mấy cụ B.Đ. vẫn có mối thù tiền kiếp, cho nên, hễ đã thuê đến ông ta *ganh đưa*, họ liền rủ nhau dồn hai ba gánh làm một. Cái thúng của họ xếp trong quang, ít khi để cho chiếc quang có chỗ bỏ trống.

Ai bảo xương cứng, tôi xin nhất định cãi là xương dẻo. Bởi vì mắt tôi đã thấy cái lúc ông Phúc xoay trần trùng trục để cho bên vai đỡ chiếc đòn gánh đeo những thùng hàng của bọn B.Đ. thì cái xương vai cong lõm hẳn xuống, chẳng khác một chiếc vòng cung để ngửa.

Kĩu kịt trên vai ông ấy, cái đòn gánh luôn luôn co lên, ẻo xuống như con cá mè giẫy cạn. Mỗi khi đôi đầu đòn gánh lướt xuống ấy là mỗi lần cái vai ông ấy lệch đi, cái cổ ông ấy rụt lại, cái mồm ông ấy nhành ra, cái sườn ông ấy nghiêng sang một bên. Vậy mà đôi chân ông ấy vẫn cứ nhon nhón bước rảo để đưa cái đầu cung cúc cúi xuống đằng trước, y như con cuốc lủi trong ruộng lúa.

Người ta bảo như vậy không phải là khỏe. Chỉ vì gánh nặng nên phải đi thật nhanh, nếu đi chậm, có khi sẽ bị ngã gục xuống đất.

Xưa kia nghe người nhà quê mỉa nhau "vai u thịt bắp" tôi vẫn không hiểu là gì. Bây giờ được thấy chân tướng cái vai ông Phúc, tôi mới biết nó là một tiếng tả thực.

Trời ơi, đôi vai mới lạ làm sao! Nó giống hệt lưng con lạc đà, mỗi bên có một cái bướu lớn chừng bằng quả soài tượng. Cố nhiên hai cái bướu ấy cũng đều bằng thịt. Nhưng nó là thứ thịt cứng rắn, ấn không thấy lõm, bấm không thấy đau, mà da xù xì và mốc thếch như da trăn gió.

Ông Phúc gọi nó là thịt thành chai và kể với tôi:

– Hồi tôi còn đi cày ruộng, hai vai cũng vẫn nhẵn nhụi như vai các ông. Từ khi bắt đầu xoay sang cái nghề gánh mướn, vì chiếc đòn gánh đè xuống nặng quá, thớ thịt đầu phải dập nát và sưng u lên, lúc ấy đặt chiếc đòn gánh lên vai, người tôi thấy buốt từ đầu đến gót, tưởng như chết điếng đi được. Vậy mà tôi cứ phải gánh – nếu không gánh thì lấy gì nuôi các cháu – gánh đi độ vài thôi đường rồi nó ê đi, không thấy đau nữa. Tôi tưởng thế nào nó cũng nung mủ. Nhưng mà không, nó cứ việc sưng, tôi cứ việc gánh, trong vài bốn ngày, chỗ sưng đét đi và lớp da ngoài dần dần dày lên, thành ra hai cái bướu đó. Bây giờ hai cái bướu ấy có ích lợi cho tôi. Là vì nhờ nó ngăn đệm ở giữa, chiếc đòn gánh không thể tì sát đến xương, nên dù gánh nặng đến đâu cũng vậy, chỉ mỏi ống chân và mỏi xương sống, chứ không bao giờ đau vai.

Tôi hỏi đi gánh như thế mỗi ngày ước chừng được bao nhiêu tiền. Ông ta lắc đầu và đáp:

– Nào có được là mấy nỗi! Gánh cháo chỉ ba bốn xu, còn gánh lá trầu, ngày nắng bỏng đất họ mới trả cho hào hai, hôm nào mát trời chỉ độ tám, chín xu.

Thế là mỗi ngày ông ấy kiếm được chừng mười lăm xu. Bây giờ

vật giá còn hạ, với số tiền ấy, ông ta cũng đủ mua ngô, mua khoai để nuôi năm cái dạ dày, tuy mỗi ngày vẫn phải bớt ra mấy xu để góp lại mà trả lãi tháng cho người chủ nợ.

Giả như ông ta còn là hạng trai trong làng thì thôi, như thế cũng đủ để sống mà chờ đàn con khôn lớn.

Chết vì đầu năm đến giờ, ông ta lại mới lên ngôi "ông trùm".

Với thôn quê, ông trùm là hạng đàn anh chiếu theo ngôi thứ mà thăng, không phải chạy chọt gì cả. Số ngạch ông trùm không có nhất định, nhiều ít tùy theo tục làng. Thuở xưa, ông trùm tức là những người hợp với lý tưởng chủ trương tất cả việc làng. Từ ngày thôn quê có cuộc cải lương, quyền của ông trùm chỉ còn trong việc lễ bái, nhưng cũng vẫn tiếng là hạng đàn anh.

Ở làng M.H. tất cả có hai mươi bốn ông trùm. Lên trùm tuy không phải khao dân làng, nhưng hàng năm cả hai mươi bốn ông ấy phải chia lượt nhau mà sửa oản chuối cúng thần trong hai ngày rằm và mồng một của mỗi tháng, người ta gọi chung là lễ "sóc vọng".

Vừa "vọng", vừa "sóc" mỗi năm có hai mươi bốn kỳ, đáng lẽ mỗi người chỉ gánh một lần là đủ. Nhưng mà theo lệ làng này, số oản mỗi kỳ cúng rồi, phải chia khắp từ già lão xuống đến bàn nhất và các chức dịch, mỗi người một chiếc. Nghĩa là phải hơn trăm chiếc mới đủ. Như vậy, mỗi người sửa riêng một kỳ, e rằng nặng quá, người ta mới định mỗi kỳ hai người. Bởi vậy mỗi người một năm mới phải gánh lễ vọng hai lần.

Ông Phúc là rốt "bàn trùm", lượt oản thứ nhất ông ấy phải sửa vào ngày mồng một tháng sáu.

Tôi tuy không phải người làng M.H. nhưng đến trọ học ở làng ấy và nhà tôi trọ lại ở gần nhà ông ta.

Từ khoảng trung tuần tháng năm, trong lúc lật đật đi vay tiền sưu, tôi thấy ông ấy đã lo đến cái lễ "sóc" nó đương sắp tới sau lưng.

Rồi đến hai mươi tháng năm, suốt đêm trời mưa tầm tã, gió tây nổi lên đùng đùng. Sáng ra, gió im, mưa tạnh, tôi qua trước nhà ông ấy, đương thấy ông ta hùng dũng đứng trên mái nhà, bốc những rạ lợp ném mãi xuống đất. Tưởng là hôm qua nhà bị gió "chốc", tôi hỏi bằng giọng chia buồn:

– Ông lợp nhà lại đấy ư? Trận gió ban đêm tai hại lắm nhỉ!

Ông ta uể oải trả lời:

– Không! Nhà tôi có bị "chốc" đâu, mà phải lợp lại! Tôi dỡ đi đây!

Rồi, như hiểu sự ngạc nhiên ở trong óc tôi, ông ấy nói tiếp:

– Tuần sóc tháng sáu đến lượt tôi phải sửa oản ra thờ. Nhà không sẵn, vay không ai tin, tôi đành dỡ hai gian nhà làm củi để bán lấy tiền mua gạo. Đáng lẽ tôi định để vài bữa nữa mới dỡ, nhưng vì thấy trời mưa dầm, chắc là củi đắt, nên mới dỡ từ hôm nay. Thôi thì túng kiết quanh năm, hãy cho qua cái lúc này. Bao giờ trời cho mở mặt, bấy giờ lại làm nhà khác.

Vả lại, có bốn bố con, ở vào hai gian một chái cũng còn vừa chán.

Vừa nói, ông ấy vừa dùng cái cưa xì xoẹt cưa đứt cây tre "cái nóc", rồi rút nó ra và quăng xuống đất một cách giận dữ.

Dưới nhà nồi niêu, thúng mủng, bát đĩa, rổ rá, lổng chổng ở gian bên kia. Ba đứa bé con to vo ôm nhau ngồi trên chiếc giường đầy những rác cặn.

Tối ba mươi, vào khoảng nửa đêm, tôi tình cờ lại đi qua cửa nhà ấy.

Bấy giờ cái đầu nhà bị phá hai gian vẫn còn bỏ trống chưa có bức vách. Nhưng mà trong nhà đèn thắp sáng choang.

Lố nhố dưới bóng đèn, tôi thấy độ hai chục người, chia làm bốn tốp, vây quanh bốn chiếc mâm cỗ đầy những thịt đậu, đặt trên chiếc chiếu sàm sạp trải ở mặt đất. Tiếng cười tiếng nói vui như ngày tết. Người ta khen ông Phúc hết lòng lo việc thờ. Người ta bảo ông Phúc phá nhà bán củi, thật là một người tháo vát. Người ta tán dương oản của ông ấy tốt và chuối của ông ấy mẫm. Rồi người ta thúc bách ông ấy đi mua chịu lấy chai rượu nữa.

Ba đứa bé con vẫn rau ráu ngồi ở đầu thềm hình như chúng thiếu chỗ ngủ.

Sáng mai ông Phúc gặp tôi liền phô:

– Thế mà đêm qua nhà tôi cũng hết năm chai rượu và hơn đồng bạc rau đậu, ông ạ. Cái nhà phá ra, bán cả tre, rạ được bốn đồng rưỡi. Mua gạo, mua chuối hết non hai đồng, còn hơn hai đồng chi vào bữa chén không đủ. Khốn nạn, tôi có muốn tốn làm gì. Bà con có lòng chạy đến, không thế không được.

Tôi hỏi:

– Bao giờ ông lại sửa tuần sóc thứ hai?

XII
MỘT TIỆC ĂN VẠ

Hôm ấy nhằm phiên chợ đình, cái chợ mà cả làng Đ.G. đều sống về nó.

Tôi đi đến đầu làng ấy giữa lúc người làng đi chợ đương đông.

Quái lạ! Làm sao hôm nay không có đàn ông, trên đường rặt những đàn bà.

Kẻ gồng rau, người gánh gạo, bà này gồng chiếc lồng lợn, bà kia quẩy đôi lồng gà, hết lũ dài đến lũ ngắn, người ta tiếng to tiếng nhỏ, nhao nhao nói chuyện với nhau.

– Khốn nạn! Trông thấy tình cảnh ông Sửu mà tôi thương quá. Hôm qua đến giờ, bà vợ lúc nào nét mặt cũng ủ rầu rầu, ông chồng chỉ nằm thở dài, có lúc đấm mãi hai tay vào ngực, hàm răng nghiến lại kèn kẹt...

Bà ấy còn định nói nữa, nhưng bị bà khác cướp lời:

– Tôi cũng ái ngại cho ông ấy. Tội nghiệp! Cả vợ lẫn chồng ai cũng hiền lành biết điều, thật thà như đếm. Không hiểu cớ gì lại bị nhiều người ghét bỏ đến thế? Phen này không khéo hết cả cơ nghiệp!

Một bà thứ ba nói xen:

– Các bà là bậc nhân đức từ bi, các bà cứ thương ông ấy. Riêng tôi, tôi chẳng thương một chút nào!...

Anh em ít, cánh vế không có, thế mà vẫn không biết thân, lại còn cứ bướng, thì ai người ta để cho yên lành!

Lại một bà nữa tiếp theo:

– Phải, bà nói phải đấy! Mình ở trong làng, sống nhờ làng, chết nhờ làng. Cái người đã dám vác miệng chửi làng, thì bị trừng trị là đáng kiếp lắm. Hơi đâu mà thương?

Rồi một bà nữa cãi lại:

– Các bà đừng nói như thế, oan cho ông ta! Chẳng qua ghét nhau thì họ gắp lửa bỏ vào bàn tay... chứ đời nào ông ấy dám động đến làng. Luôn mấy năm nay, hết người này ăn hiếp, lại đến người kia đè lấn, ông ấy vẫn nhịn như nhịn cơm sống, có dám bướng bỉnh với ai đâu!

Còn nữa! Làn sóng dư luận còn kéo dài mãi ở dọc đường. Nhưng nó mỗi lúc mỗi theo những gánh gà lợn, rau gạo đi xa dần, nên khi bay lại tai tôi, không còn rõ là tiếng gì nữa.

Cố nhiên tôi không có ý nghe chi những chuyện giữa trời, nhưng vì nó đã ngẫu nhiên lọt vào lỗ tai, tôi cũng ngẫu nhiên bận óc vì nó.

"Chắc là trong làng đã có người nào bị đánh bị trói gì đây". Với câu phỏng đoán đó vơ vẩn trong óc, tôi lững thững đi vào cổng làng.

Người làng ở trong các xóm, lũ lượt kéo ra con đường giữa làng, già có, trẻ có, con nít cũng có. Trái lại với quang cảnh của đoạn đường lúc nãy, ở đây rất nhiều đàn ông, thỉnh thoảng mới có một người đàn bà. Với những tiếng cười cười, nói nói, vui như đám hội, người ta đổ xô về nẻo cuối làng. Xen lộn vào sự xôn xao của đám đông người, ở trong các xóm, lại có tiếng lợn eng éc.

"Không phải là chuyện đánh nhau, trói nhau, có lẽ người ta sắp sửa có cuộc ăn uống. Phải rồi, hôm nay đàn ông vì bận ăn uống nên mới nhường hết quyền đi chợ Đình cho bọn đàn bà, đoạn này toàn là đàn ông", tôi vừa cải chính cái câu của tôi đoán phỏng mới rồi, vừa im lặng đi theo một đường với lũ người ấy. Và tôi đã từ biệt họ khi đến khỏi đình: họ thì tấp nập kéo vào điếm đình, tôi thì rẽ sang nhà Khóa Trúc, người bạn đồng học với tôi năm xưa. Bởi vì chúng tôi đã có hẹn trước, cho nên lúc ấy anh Trúc đã đương vơ vẩn đón tôi ở chỗ đầu ngõ. Đường đi tuy rằng hơi xa, nhưng cái nhà anh này lại ở kề với sân điếm. Nó trông thẳng vào cửa điếm và chỉ cách khu điếm một bức rào bằng găng tây. Vào ngồi trong nhà anh ấy, tôi còn thấy rõ hết cảnh tượng trong điếm.

Cái điếm rộng quá! Ngoài một tòa chính ở giữa lại có hai tòa giải vũ kèm ở hai đầu, mỗi tòa độ bốn năm gian.

Đám người lúc nãy lần lượt tiến vào cửa điếm. Các ông già và người cao tuổi lên thẳng tòa chính, còn người ít tuổi và đám con nít thì xuống hai tòa giải vũ. Giây lát, ba bọn đàn ông lực lưỡng khiêng ba con lợn bị trói đặt vào trước sân, và một lũ người khác đài tải tới đó đủ hết các thứ: bát, đĩa, dao, thớt, rổ, rá và nồi ba mươi. Rồi đó, bọn này bắc nồi đun nước, bọn kia đè lợn chọc tiết.

Bắt đầu câu chuyện, tôi phải hỏi ngay anh Trúc: đám ấy là đám gì, đám gì mà có đủ từ ông bạc đầu đến lũ trẻ con! Anh Trúc mỉm cười và đáp:

– Đó là một đám ăn vạ!

Rồi vừa pha nước, anh ấy vừa tiếp:

– Cái tục ăn vạ, thiên hạ cũng nhiều nơi có. Nhưng mà có lẽ không đâu nặng bằng làng tôi. Bởi vì theo lệ làng tôi quyền hành của bốn "trùm nhất" lớn lắm, bao nhiêu công việc trong làng đều do bọn đó quyết định, lý dịch cũng phải theo họ. Người nào cưỡng lại với họ, ấy là họ sẽ tìm cách ăn vạ.

Như đã thấy tôi không hiểu "ăn vạ" là gì, anh Trúc uống cạn chén nước rồi thêm:

– Chắc anh chưa được chứng kiến cuộc ăn vạ nào thì phải! Có gì đâu, người nào có lỗi với "làng" thì "làng" cứ việc mua lợn, mua rượu, mua gạo, đem ra điếm làng mà ăn. Phí tổn bao nhiêu, người có lỗi đó phải chịu. Hôm nay họ ăn vạ lão Sửu. Tội nghiệp! Lão ấy hiền lành thật thà nhất làng tôi đấy! Chỉ vì nhà đã lép vế, lại có bát ăn, một hôm một ông trong bốn ông "trùm" đến nhà hỏi vay gánh lúa, lão ta đi vắng, mụ vợ chối là không có, ông trùm kia lấy thế làm thù, cách vài hôm sau hắn mượn việc làng sinh sự cãi nhau với lão ấy, rồi hắn vu cho lão ta chửi làng và đem chuyện đó trình "làng". "Làng" là bọn đó chứ có ai đâu. Chúng với hắn cũng như một đào một kép, cho nên khi thấy hắn trình, chúng liền hùa nhau bắt vạ lão Sửu.

Anh Trúc rót chén nước nữa cho tôi, rồi tỏ ra vẻ ái ngại:

– Cuộc ăn vạ này, chúng làm hại lão ta đến hơn trăm bạc. Bởi vì chúng ăn to lắm, ăn suốt từ trên đến dưới. Những đứa con nít toét mắt, ỏng bụng mà anh thấy đó, cũng đều được ăn tất cả. Chúng nó cũng là "làng". Hễ ai là "làng", hôm nay đều được ra ăn, chỉ trừ đàn bà và những trẻ con ẵm ngửa.

Tôi vẫn chưa hiểu:

– Thế thì những tiền mua lợn, mua rượu, mua gạo đó ai ứng cho làng?

Anh Trúc trả lời:

– Chẳng ai phải ứng hết thảy, họ đi mua chịu tất cả. Mà hễ họ đã hỏi mua, thì ai cũng bán. Bởi vì bán chịu cho "làng" như thế, sau này có thể tính với khổ chủ một giá rất cao và tính bao nhiêu, khổ chủ phải trả bấy nhiêu, không được bớt một đồng nào hết.

– Nếu như khổ chủ không chịu thì sao?

– Khổ chủ không chịu thì họ phải lấy tiền làng mà chi. Nhưng rồi họ sẽ họp làng tại đình, đóng chiếc đinh cù vào cột đình và phát thệ rằng: "nhà ấy đã không thèm tuân lệ làng, từ sau trở đi, những lúc làng có ăn uống, không ai được ngồi với người nhà ấy, và rồi nhà ấy có người nào chết, bất kỳ đàn ông, đàn bà, họ xa, họ gần, làng sẽ không khiêng". Ở thôn quê, cái người lúc sống không ai ngồi với, lúc chết làng không khiêng cho, là người cực nhục, sống cũng như chết. Vì vậy từ xưa đến nay, họ đã ăn vạ người nào, người ấy cứ phải bán nghiệp mà trả. Không ai dám bướng.

Anh ta đương nói, thì ở bên điếm, có tiếng nói lớn:

– Thưa "chạ"! Hôm nay từ trên già lão đến dưới trai đinh, tất cả hơn hai trăm xuất, ăn ba con lợn có lẽ không đủ, xin "chạ" cho bắt thêm một con nữa.

Thế rồi, một lúc sau, lại nghe có tiếng lợn kêu.

Cuộc ăn uống linh đình mãi đến quá trưa mới tan.

Chiều hôm ấy, tôi còn ở đó, đã có tin nói lão Sửu thắt cổ chết ở trong nhà, lý dịch còn đi khất quan về khám.

XIII
XÂU LÒNG THỜ

Một ngày hôm qua tôi thấy bác Hai Đắc đến nhà tôi trọ trước sau tới mười một lần: lần đầu tiên trời mới sáng rõ, lần cuối cùng chừng hết canh hai. Trừ ra lần thứ mười một vì tối quá, không thể trông rõ, còn các lần trước, tôi đều gặp bác. Lạ thay, lần nào cũng vậy, sau khi thấy nói ông chủ nhà tôi đi vắng, thì bác lập tức lật đật trở về với cái bộ mặt đầy vẻ sợ hãi.

Hôm nay, trời còn mờ mờ, đã thấy tiếng bác vấm véo gọi cổng. Ông chủ nhà tôi cũng vẫn chưa về, nên bác không vào. Rồi cách một giờ sau, bác lại hoảng hốt chạy đến. Và vẫn bị thất vọng như lần trước, bác lại lủi thủi đi về bằng một dáng điệu cực kỳ buồn rầu.

Với bác, tôi không phải là chỗ quen thuộc, vì trọ trong làng B.X. đã lâu nên tôi cũng có biết mặt, biết tên, hơn nữa tôi còn biết bác là người đần độn, hiền lành, nhà khá, có trâu cày, có ruộng cấy. Bởi vậy, nay thấy thái độ khẩn cấp của bác, tự nhiên tôi để ý suy nghĩ.

Và tôi đoán rằng: chắc bác đã phạm một tội quan trọng, nếu không chứa đồ quốc cấm, tất là lỡ đánh chết người. Nhưng mà tôi lầm. Nếu bác mắc phải việc đó, thì từ hôm qua đến giờ, làng nước đã đồn ầm lên rồi, người ta đã gông cổ bác điệu lên quan rồi, khi nào bác được xổng xểnh chạy đi, chạy lại? Huống chi một người cẩn thận như bác, đời nào có thể xảy ra những việc ghê gớm ấy?

Thế thì cớ gì bác phải tìm ông chủ nhà tôi gấp quá như thế?

Trời cũng không thể đoán được.

Bóng nắng đã đến nửa thềm, bác lại lù lù tiến vào trước sân giữa *những tiếng sủa sô sát của đàn chó dữ.*

– Cụ đã về chưa? Anh nhỏ!

Thằng nhỏ vì phải đuổi chó cho bác nhiều lần, nó cũng phải phát cáu với bác:

– Chưa về! Làm gì mà đến hỏi luôn mãi thế! Chỉ quấy rầy!

Bác giả vờ như không nghe tiếng và lại quay mặt trở ra, toan đi.

Vì muốn rõ cái chuyện cấp bách của bác, tôi cố gọi bác vào trong buồng học và hỏi:

– Bác tìm cụ Chánh có việc gì mà kíp như vậy? Nói cho tôi biết, xem tôi có giúp được chăng?

Bác cám ơn tôi và đáp:

– Chỉ có cụ Chánh họa chăng mới cứu được tôi. Nếu hôm nay mà cụ không về, thì tôi đành phải ngồi tù.

Rồi, như trong bụng nóng nảy không thể ngồi yên, bác lại đứng dậy toan ra. Tôi phải an ủi, giữ bác ở lại để hỏi cho hết câu chuyện.

Nể tôi quá, bác lại nén lòng ngồi xuống và kể đầu đuôi cái nạn phi thường của mình.

Thì ra trưa ngày hôm kia, làng ấy làm lễ "thượng điền".

Đó là cái lễ để trình với vua Thần nông và các cụ tiên nông trong làng đời xưa biết rằng: làng mình cày cấy đã xong. Cũng như lễ "hạ điền" cử hành trong khi bắt đầu cắm cây lúa xuống ruộng, lễ này tại các thôn quê làng nào cũng có.

Bởi vì làng B.X. năm nay trời cho mưa nắng thuận hòa, suốt một vụ cấy, không nhà nào phải tát một khau nước nào, hơn nữa, hễ cấy đến đâu lúa cứ xanh tốt ngùn ngụt đến đấy, không cần phân tro gì

hết. Người ta tin rằng nhờ có quỷ thần ủng hộ mới được như thế. Cho nên, nhân ngày "thượng điền" làng có sửa một con lợn, trước là tạ ơn thần thánh, sau nữa, cả làng ăn uống cho vui.

Trong khi cúng tế, thịt lợn để nguyên cả *dãnh*, lòng lợn cũng để nguyên cả *giàn*, nhưng phải thái lấy tám bát đủ cả dồi, tim, gan, phổi, lá lách, dạ dày, để bày vào mâm xôi thờ, người ta gọi là lòng thờ.

Tế xong, đồ lễ hạ xuống, phận sự bốn người "bàn hóa" phải giữ công việc làm cỗ.

Theo lệ làng, phần của trai đinh chỉ có xôi thịt. Ngoài ra sỏ lợn, *lăm lợn*, nhõn lợn, mũi lợn, rồi móng chân lợn và *khấu đuôi* lợn đều phải để làm *phần biếu*, để biếu từ cụ Chưởng lễ đến ông bàn nhì. Còn riêng tám bát *lòng thờ* thì phải để kính tám ông trên nhất có ra lễ thánh trong lúc cúng tế. Vì vậy, số lòng lợn ấy lại có biệt hiệu là "lòng mũ áo".

Bác Hai Đắc mới lên "bàn hóa" từ đầu năm nay.

Trong bữa "việc làng" hôm kia, bác cũng dự một chân làm cỗ. Công việc thái thịt, bày thịt cho phần trai đinh, sức bác làm dư đi rồi. Rắc rối cho bác, chỉ có cái số phần biếu.

Thể lệ kính biếu, không phải chỉ nói bằng miệng mà thôi. Ông nào được biếu thứ nào, đã có sổ sách biên chép rõ rệt. Cuốn sổ ấy có chữ cả làng ký kết, lại có trình quan duyệt y, nó là một pháp luật của làng, không ai được phép thay đổi.

Một người "bàn hóa" biết chữ, khi chia phần biếu có thể giở sổ mà coi. Nhưng với những người không biết chữ nào ít nhất cũng phải tập sự hai năm mới thuộc bởi vì một năm chỉ được học việc có bảy tám lần mà thôi. Bác Hai Đắc không biết chữ gì, và lên bàn hóa mới già nửa năm, cố nhiên bác không thể thạo được chức vụ. Tuy vậy, hôm đó nhờ có ba người *tuổi trên* cáng đáng, cho nên các phần cũng không lầm lẫn. Khổ cho bác, chỉ tại một "xâu lòng thờ" của cụ Chưởng lễ.

Hôm ấy, cụ Chưởng lễ có ra chủ tế, phần cụ phải có một xâu lòng thờ là dĩ nhiên rồi. Tế xong, cụ cũng mũ áo lễ thánh như các ông khác, theo lệ, cụ lại được hưởng xâu nữa. Bác Đắc không hiểu lệ đó, chỉ để phần cụ một xâu. Đến khi thằng nhỏ đệ phần vào nhà, cụ Chưởng lễ kiểm lại số thịt thấy thiếu, tức thì cụ sai đầy tớ gọi bác đến nhà, ghép bác và tội tự nhiên cất phần của cụ, và bảo cho bác

biết rằng: việc ấy cụ đã nhất định đưa lên quan xét. Rồi cụ sai đuổi bác ra, không cho nói thêm câu nào. Mấy lần bác đã cậy người xin giúp, đều không đắt nhời. Bây giờ chỉ còn một cách nhờ cụ Chánh Cựu – tức là ông chủ nhà tôi – nói đỡ. Xưa nay cụ Chưởng lễ vẫn nể cụ này, nếu như cụ này chịu giúp cho bác, họa may bác được thoát nạn. Vì thế bác phải khẩn cấp đi tìm ông chủ nhà tôi.

Nói đến đây, thấy bác rơm rớm nước mắt và thêm: Năm xưa, một người bàn hóa cũng đánh mất phần của cụ Chưởng lễ, và bị cụ ấy đi kiện. Hai bên vật nhau từ huyện lên tỉnh lại sang Hà Nội. Rút lại, người bàn hóa đó tốn kém đến gần nghìn bạc mà vẫn bị phạt một đồng. Ấy là anh ta nhà giàu, biết lý luật, lại biết tòa nọ, sở kia, còn không chống nổi cụ ấy. Huống chi như tôi, tiền không có, từ thuở mẹ đẻ đến giờ không đến cửa quan bao giờ... nếu bị kiện, mười phần chắc phải ngồi tù cả mười.

Rồi bác gạt nước mắt đứng dậy.

Ngoài sân nghe có tiếng giầy sền sệt kéo trên mặt gạch.

Ông chủ nhà tôi đã về.

Bác Hai Đắc vội vàng nép vào cây cột gần đó, và vái một vái cực kỳ cung kính.

Ông chủ nhà tôi điềm nhiên đi vào trong nhà. Sau khi bỏ khăn và cởi áo ngoài treo lên đinh cột, ông ấy ghé vào chỗ tôi, vớ lấy cái điếu, châm lửa hút thuốc. Chờ cho ông ta thở hết hơi khói trong miệng, bác Đắc khúm núm đi ra trước chiếc phản ngựa, thụp xuống lễ luôn hai lễ.

Ông chủ nhà tôi có vẻ ngạc nhiên và hỏi giật giọng:

– Mày làm cái gì thế, Đắc?

Bác Đắc với bộ lưng khom khom như hình con tôm, chắp tay đứng ở ngoài thềm, nước mắt chảy ra giàn giụa:

– Lạy cụ, xin cụ cứu con...

Ông chủ nhà tôi vẫn một giọng sửng sốt:

– Mày làm sao?

Bác này như líu lưỡi lại:

– Lạy cụ cứu con!

Ông chủ nhà tôi phải gắt:

– Nhưng mà cứu cái gì chứ? Thằng này điên à?

Bác Đắc đứng bên cửa vừa mếu vừa kể cho ông ấy nghe việc đánh mất phần của cụ Chưởng lễ và bị cụ ấy đe kiện. Ông chủ nhà tôi nhìn tôi, và cười tủm tỉm:

– Cái phái tổng lý chúng tôi có gớm hay không?

Rồi ngoảnh sang phía bác Đắc, ông ấy lại gặng:

– Bây giờ mày bảo tao đi lạy mướn cho mày à?

Bác Đắc chỉ nằn nì mãi một câu:

– Lạy cụ, xin cụ cứu con.

Ông chủ nhà tôi ngẫn ngừ một hồi, rồi đáp:

– Nói với con mọt già ấy khó lắm, phi tiền không xong. Nhưng cứ về đi, lát nữa tao đi cho. Chiều lại đây, công việc thế nào tao bảo.

Bác Đắc sung sướng vái chào chúng tôi rồi ra.

Mặt trời tà tà, ông chủ nhà tôi khăn áo chỉnh tề ra đi. Một lúc lại thấy trở về và nói với tôi:

– Tôi đã biết mà. Lão Chưởng lễ làng tôi đểu lắm, cái gì cũng tiền. Tôi đến nói hộ thằng Đắc, lão ta nhất định đòi hai điều này: một là thằng Đắc giết lợn mời làng tế thánh để lấy một xâu lòng thờ biếu hắn; hai là nó đền cho hắn trăm bạc. Mà hắn đã nói một trăm, ít ra cũng phải sáu chục mới xong. Ấy ở nhà quê khó thế, ông ạ' Có của đã chắc giữ được mà ăn đâu?

XIV
MỘT CHIẾC LĂM LỢN

Bấy giờ bóng đã *chiều cả*. Mặt trời chỉ cách ngọn tre của dãy làng xóm xa xa độ vài con sào. Chân trời phía tây, dần dần hiện những tia đỏ.

Dưới đồng còn đông người làm. Trong rừng ngô đậu xanh rì, tiếng hát theo gió đưa đi réo rắt.

Tôi vừa đi đến ngã tư rẽ vào đường làng Đ.C. và những giọng lên bổng xuống chìm của bọn gái quê xới đậu, vun ngô như đương bảo tôi

khoan bước để thưởng cái cảnh trời xuân minh mị. Bỗng ở trong nẻo đầu làng có tiếng thét lớn, như phá cái bầu tịch mịch của cánh đồng chiều, làm cho các đám hát xướng đều phải im bặt.

Càng đi gần lại, tiếng thét càng dữ thêm. Tiếp đến tiếng chửi phũ phàng của cơn thịnh nộ, rồi đến tiếng kêu làng nước inh ỏi.

Trong khu văn chỉ của làng Đ.C. bóng người đen kịt. Và ở cổng làng cũng như các ngả đường khác, đàn ông đàn bà tất tả chạy ra. Ai cũng như nấy, mỗi người trong tay đều có một món khí giới, hoặc sào, hoặc gậy, hoặc cán cuốc, hoặc đòn gánh, có người thì vác cái vồ đập đất. Tứ chi bát mạch, nhất tề đổ vào khu đất văn chỉ với một bộ điệu hùng hổ.

– Đánh! Đánh! Đánh!

Mấy tiếng thét đánh vừa dứt, cuộc hỗn chiến tức thì bắt đầu. Đòn gánh giơ lên, tai cuốc bổ xuống, tiếng chi chát của các khí giới đụng nhau xen lộn với tiếng kêu, tiếng chửi, tiếng gầm gào, nghe thật gớm ghiếc.

Tôi phải dừng lại ở một quãng xa để chờ đến lúc tan cuộc, vì rằng đường đi đã bị chiến trường ngăn cản, không có lối nào qua được.

Tấn náo kịch mỗi lúc một thêm kịch liệt.

Các toán viện binh các nơi vẫn tiếp tục kéo đến ầm ầm. Đáng sợ nhất là mấy mụ đàn bà. Xắn váy, xắn áo và quấn búi tóc vểnh ngược, các mụ liều mạng xông vào trận địa như một đội quân cảm tử.

Tôi phải rùng mình sởn gáy, khi thấy một người lực điền thẳng cánh giơ vồ đập đất bổ vào đầu một ông già vừa chui ra khỏi vòng vây.

Ông già ấy loạng choạng, lảo đảo như con gà toi giẫy chết rồi ngã phục vị xuống đất. Người lực điền kia lại vác chiếc vồ nghênh ngang vào trận.

Giữa đám túi bụi, thấp thoáng có bóng xanh xanh.

Khi đã lách qua vòng vây, bóng xanh xanh liền hiện ra thành hình người.

Ồ! Lạ! Trong đám ẩu đả lại có người mặc áo thụng lam và đội mũ nhiễu hoa bạc!

Tuy rằng đứng ở đằng xa, tôi cũng trông rõ hình dạng. Người ấy, hàm râu đã dài, cái áo thụng lam đã toạc vạt trước, trên trán có một vết đỏ chạy thẳng từ trán xuống cằm, có lẽ là vết máu chảy.

Chỉ kịp lật mũ vất xuống vệ đường, người ấy vén tay áo thụng, giằng lấy chiếc gậy của một người khác, rồi quay vào đám đông người, ra sức vụt lấy vụt để.

Hình như bây giờ đến hồi loạn chiến, người ta chỉ cốt đánh cho sướng tay, bất phân ai là phe thân, ai là phe thù. Vì vậy, giao chiến đã lâu mà vẫn chưa phân thắng phụ.

Phía trong cổng làng chợt có tiếng hiệu rúc hồi.

Một đoàn tuần phu độ hơn mười người, kẻ vác giáo, người vác mã tấu, tấp nập đi theo lý trưởng tiến lên khu đất văn chỉ.

– Trói lại! Trói hết cả lại! Điệu về đình kia! Đánh nhau chết người ra đấy, tội vạ ai chịu?

Lý trưởng thét vừa dứt miệng, cả bọn tuần đinh hăng hái sấn vào đám đông, đàn áp một cách hùng dũng và can đảm.

Các tay chiến sĩ tuy đương "ham đánh" nhưng cũng còn sợ pháp luật, thấy bóng tuần phiên tiến vào, ai nấy tản mác lùi ra, kẻ này chạy vào trong làng, người kia trốn xuống dưới ruộng. Trên bãi chiến trường còn lại bọn tuần đinh với một đám độ hơn mười người hầu hết có mặc áo thụng.

Cái gì thế nhỉ? Cớ sao người ta lại bận lễ phục để đi đánh nhau? Hay là ở đây cũng là cửa Khổng, sân Trình, cho nên dù là đánh nhau, cũng phải giữ lễ?

Giông tố đã yên, tôi bèn lại chỗ văn chỉ để về trong làng, và luôn thể coi qua cho biết tình hình cuộc đại chiến.

Té ra những ông áo thụng còn ở lại đó rặt là "tư văn" và đều bị thương tất cả.

Đau nhất thì ông Cựu Thỉnh. Ông ấy bị một vết ở má bên phải. Hình như nó là vết thương của mấu đòn gánh đập vào – gò má bị khuyết mất một miếng thịt khá to, cái xương lòi ra, máu chảy rành rạch xuống vai áo thụng.

Rồi đến ông Cựu Bình. Không biết ông này bị những cái gì đánh vào mà trông thảm quá, giữa trán mươu lên như quả ổi lớn, gò má

bên trái sưng húp như cái *đồng chai* úp vào. Con mắt bên ấy híp lại như mắt lợn ỷ.

Rồi đến ông Phó Đê, cái ông bị một chiếc vồ lúc nãy. Ông ấy mất mảng tóc đỉnh đầu, thịt non phơi ra đỏ hỏn.

Cả ba ông đó cùng phải nằm liệt dưới đất, thi nhau kêu rên hừ hừ.

Còn các ông khác, hoặc bị thương ở mặt, hoặc bị thương ở tay, hoặc bị thương ở vai hay cổ, tuy cũng đau lắm, nhưng còn có thể ngồi gượng.

Sau khi sai người lấy chiếu đắp cho những người đau nặng, lý trưởng cắt bọn tuần phiên, một nửa ở đó canh gác, một nửa thì đi lùng bắt những kẻ có dự vào cuộc chiến tranh. Rồi hắn về nhà đóng ngựa lên huyện, khất quan về khám.

Lúc ấy trời đã gần tối, những người làm đồng lũ lượt trở về.

Một người cùng đi một đường với tôi, đã được chứng kiến trận ẩu đả ấy và biết rõ nguyên ủy. Cứ như anh ta đã nói, thì căn do của tấn thảm kịch chỉ tại một chiếc lăm lợn.

Làng Đ.C. cũng như làng khác, vẫn có riêng một số người chuyên coi về việc tế tự, người ta gọi là "tư văn" hay là "văn giáp", hoặc "văn hội", có làng gọi là "quan viên". Mỗi khi làng có cúng tế thì từ chủ tế đến việc rước nến, bưng đài, đều do tư văn phải làm.

Theo nguyên tắc, hội "tư văn" tức là môn đồ của Khổng phu tử. Bởi vì trong số hội viên, trừ những người dưới do làng bầu ra, các người đứng đầu phải là những bậc khoa hoạn. Làng nào không có khoa hoạn, thì lấy những người chức sắc thay vào.

Hàng năm, cứ đến ngày "đinh" của tháng giữa mùa xuân và ngày "đinh" của tháng giữa mùa thu, tư văn làm lễ tế tại văn chỉ, gọi là *xuân đinh và thu đinh*. Đó là lễ riêng của hội tư văn, người ngoài không ai được dự.

Nhưng không phải là tế Khổng Tử. Quyền tế Khổng Tử thuộc về nhà vua và các văn miếu hàng tỉnh, hàng phủ, còn dân gian thì chỉ được tế những vị "tiên đạt" của làng mình.

Làng Đ.C. không có khoa mục. Chức Chưởng lễ của hội tư văn vẫn thuộc về cụ bá Trung. Đáng lẽ, mỗi khi trong làng có tế, bất kỳ là tế ở đâu, cụ ấy vẫn được giữ ngôi tế chủ. Nhưng vì tuổi già, lễ bái khó nhọc, cho nên cụ ấy vẫn giao công việc chủ tế cho ông Cửu Nghĩa.

Theo lệ nhất định, những khi làng tế bằng lợn, cái sỏ lợn phải để biếu cụ Chưởng lễ, còn cái cổ lợn thì cắt làm hai khoanh tròn – người ta gọi là cái lăm – một khoanh biếu ông *tả văn*, một khoanh nữa thì để biếu một ông nào đã gánh công việc chủ tế. Chủ tế là ông tả văn, ông ấy sẽ được hưởng cả đôi lăm, nếu chủ tế là cụ Chưởng lễ, thì phần cụ ấy phải có một lăm một sỏ.

Mọi khi hai cái lăm của con lợn tế thần đều là phần ông Cửu Nghĩa. Bởi vì ông ấy vừa quyền tế chủ lại vừa viết văn.

Nhưng độ này ông Cửu Nghĩa ốm nặng, ngày mai tư văn làm lễ *xuân đinh* chắc là ông ta không thể ra làm chủ tế. Chức ấy phải cắt đến người thứ ba.

Từ chiều hôm nay, tư văn có sửa tuần rượu đệ lên văn chỉ làm lễ "túc yết". Ai vào chủ tế ngày mai, hôm nay phải lên văn chỉ mà khấn, để các tư văn lễ theo.

Chiếu theo ngôi thứ, chức chủ tế ngày mai đến ông Cựu Thỉnh, và rồi ông ấy sẽ được hưởng cái lăm lợn dư huệ của ông Cựu Nghĩa.

Ông Cựu Bình lấy thế làm tức. Bởi vì, nếu ông Cựu Thỉnh từ chối, thì chức tế chủ và cái lăm lợn ngày mai sẽ về ông ta. Đợi lúc ông Cựu Thỉnh súng sính mũ áo, sắp sửa vào khấn, ông Cựu Bình ngăn lại và hỏi:

– Ông định khấn như thế nào, phải đọc trước cho cả tư văn cùng nghe cái đã!

Cái đó mới hiểm độc chứ. Một người suốt đời chưa học chữ nào như ông Cựu Thỉnh thì đọc văn khấn làm sao cho trôi? Bí quá, ông Cựu Thỉnh phát cáu:

– Khấn thế nào, tôi không phải trình với anh.

Ông Cựu Bình lại càng làm già:

– Không phải trình tôi, thế thì nếu anh khấn cha, khấn mẹ về đó tư văn cũng phải chịu à?

Ông Cựu Thỉnh đương cơn tức tối, liền tát cho ông Cựu Bình một cái và thét:

– À! Thằng này mày chửi ông à?

Ông Cựu Bình cũng không chịu nhịn, túm luôn lấy cổ áo thụng ông này và đấm vào gáy một chập.

Trong đám tư văn, có người là họ ông Thỉnh, có người là họ ông Bình, thấy hai bên đánh nhau, kẻ thì kêu làng cầu cứu, người thì xông vào đánh giùm.

Lúc này, người làm dưới đồng còn đông, những kẻ thù ghét cả hai ông kia, thi nhau kéo lên đánh hôi, cốt để gieo vạ cho kẻ thủ xướng, vì thế mới thành ra cuộc đại chiến, và mới đến bấy nhiêu người bị thương.

Nửa đêm hôm ấy quan huyện mới về biên án. Ngay lúc đó, những người bị thương đều được khiêng lên nhà thương.

Khi họ đi đường người ta còn nghe tiếng rên ầm ầm...

XV
MIẾNG THỊT GIỖ HẬU

Hôm ấy vào khoảng thượng tuần tháng chạp. Trời đương quang đãng, tự nhiên, thấy tối sầm lại.

Gió bấc ở đâu kéo đến đùng đùng. Những đám mây đen tự phía chân trời lù lù tiến lên giữa trời, rồi hóa ra một tấm màn màu tro phủ kín bầu trời.

Bằng cái hăng hái của người chạy mưa, tôi cứ trông thẳng cổng làng H.Đ. cắm đầu đi thật rảo bước.

Tấm màn màu tro dần dần thấp xuống. Rồi những luồng chớp nhằng nhằng như đàn rắn vàng đuổi nhau ở nẻo xa xa. Rồi những tiếng sét vỡ trời tự góc trời nọ dồn nhau sang góc trời kia chẳng khác tiếng những tảng đá lớn từ đỉnh núi lăn xuống chân núi.

Hột mưa rào rào sa xuống, như muốn giúp sức cho sự giá lạnh. Hai má tôi đã thấy buốt, hai tay tôi đã thấy cóng.

Trong cái quán ở đầu cổng, đàn ông đàn bà đương chen vai nhau đứng vây chung quanh mấy bó mạ chiêm. Những lúc phong vũ bất tình, ai cũng muốn giữ thân nấy, khi nào họ chịu nhường chỗ cho một người lạ? Tôi đành đội mưa dò trên con đường lầm lội, định cố đi tới

nhà một người bạn rồi nghỉ luôn thể. Nhưng khi mới đến sân đình, trời càng mưa to, không thể liều đi được nữa, tôi phải lánh lên thềm đình. Ở ngoài cổng đình lù lù tiến vào một lũ độ trên mười ông lão già. Ông nào cũng như ông nấy, đầu đội nón lá, lưng khoác áo tơi, tay chống một chiếc gậy tre lộc cộc.

Sau khi đã trao chân vào cái vũng nước dưới giọt đình, các cụ lẩy bẩy trèo lên thềm đình, và lò dò bước lên sân đình với những tiếng thít tha đáng ái ngại.

Hết bọn ấy, lại tiếp bọn khác. Các cụ lẻ tẻ đến mãi. Những bọn sau không được đông như bọn trước, mỗi bọn độ vài bốn người.

Trên đình có tiếng mâm bát lẻng kẻng. Mùi hương ngào ngạt trong đám tiếng người lào xào.

Hẳn là người ta cúng lễ gì đó. Tôi không để ý và chăm chăm nhìn những giọt nước từ mái ngói chảy xuống sân gạch.

Trời tháng chạp mà sao mưa to làm vậy? Chỉ trong một lát sân đình nước chảy lênh láng, bong bóng trôi trên mặt nước lềnh bềnh. Gió bấc mỗi lúc mỗi thêm dữ dội; nó hắt hột mưa tua tủa vào chỗ tôi đứng, như muốn đuổi tôi lên đình để xem cảnh tượng trên ấy ra sao.

Dưới bức *chấn song* ở phía sau đình, một chiếc mâm cao sơn đỏ chễm chệ kê giữa mảnh chiếu rách cạp. Trước mâm có để mấy bó vàng hồ, một chai rượu và mấy quả cau. Trên mâm là một tảng xôi vuông vắn bằng cái lá nem và một miếng thịt lợn luộc ước chừng hai cân trở lại. Nén hương cắm trong mâm xôi cháy đã hết nửa, tàn hương rụng trên mặt xôi đen xì. Các cụ túm năm, tụm ba, bó gối ngồi trong mấy chiếc chiếu trải liền bên cạnh bao lơn. Tất cả độ bốn chục cụ, cụ nào cũng sắc mặt xám mét.

Thấy tôi nhô lên, các cụ đều ngơ ngác nhìn. Lâu lâu, một cụ sẽ cất cái giọng run run của người bị rét:

– Ông khách vào chơi nhà ai?

Tôi đáp rất lễ phép:

– Thưa cụ, tôi vào thăm ông tú Tĩnh.

Cụ khác lên giọng phều phào:

– Ấy! Nhà tôi cũng ở liền ngõ với nhà ông ấy. Ông hãy ở đây lát nữa cùng đi với tôi.

Thì ra cụ này chính là cụ Thượng làng ấy. Sau khi tôi tỏ ý cám ơn, một cụ nữa ngó vào cụ ấy và nói:

– Thôi hết hương rồi! Cụ Thượng "vái hạ" đi cho!

Cụ Thượng sẽ gật đầu, rồi lom khom đứng ra phía trước mâm xôi, cúi đầu vái luôn ba vái.

Trong đám có tiếng dõng dạc, tôi không nhận ra tiếng cụ nào:

– Thằng Mới hạ mâm xuống để làm cỗ đi. Tất cả bốn mươi sáu suất, mười một cỗ rưỡi, với một cỗ nhà chứa, một cỗ cho mày. Làm mười bốn cỗ, còn thừa hai phần! Nghe không?

Với một tiếng dạ không được lễ phép cho lắm, thằng Mới nhanh nhảu bưng mâm xôi thịt đến chỗ dao thớt giữa khi một cụ ít tuổi trong bọn lệch kệch nhắc mấy bó vàng ra chỗ bệ đình, phì phò thổi chiếc mồi rơm, châm lửa.

Thằng Mới làm cỗ mới nhanh làm sao! Đống vàng cháy chưa hết nửa, mười bốn mâm cỗ đã xong rồi. Nó bưng từng mâm đặt ra các chiếu. Mỗi mâm chỉ có một đĩa thịt mỏng, một bát nước mắm và một cục xôi bằng bánh xà phòng ba xu. Bốn một, tám hai, các cụ tự do ngồi vào các cỗ, không ai phải mời ai. Cụ Thượng sai thằng Mới bổ cau quệt trầu đưa ra thết tôi:

– Mời ông xơi tạm miếng trầu. Chúng tôi xin *thất lễ* ông chén rượu. Hôm nay làng tôi có giỗ *ông hậu*. Mọi khi còn làm to hơn. Bây giờ *thời buổi cải lương*, nên có giảm đi đôi chút.

Chai rượu bị rót ra hai cái bát ở mâm thứ nhất, lần lượt chuyển xuống đến mâm cuối cùng. Các cụ bắt đầu cầm đũa. Một cụ lại gọi thằng Mới:

– Còn thừa hai phần, mày đem một phần *chiếu lại* trên mâm cụ Thượng, còn một phần nữa thì để cho người *quá lộ*!

"Người ta sắp sửa bố thí xôi thịt cho mình đây chắc?" Tôi đương tự hỏi như vậy, thì ở trong đám vừa thấy có người cắt nghĩa:

– Ông khách hẳn chưa biết hai chữ "quá lộ" là gì. Chính nghĩa thì là những người qua đường, nhưng đây chúng tôi chỉ nói riêng bọn ăn mày. Là vì trong lúc dân làng ăn uống, thường thường vẫn có ăn mày đến xin. Dù ít dù nhiều, thế nào cũng phải cho họ. Bởi vậy, đám nào làm cỗ, cũng phải để dành cho họ, nếu họ không đến thì cho thằng Mới.

Dứt lời, các cụ lần lượt chia đũa mời nhau "đưa cay".

Câu chuyện "cái giá cắn đôi" của đất Hà Nội, tôi mới được nghe chưa từng được thấy, nhưng ở đám này tôi đã mục kích một kiểu ăn uống còn có lễ độ hơn thế. Miếng thịt gắp lên, các cụ chỉ sẽ "nhấm" một chút síu, rồi lại đặt luôn xuống bát của mình. Có lẽ cái chỗ bị "nhấm" nó chỉ lớn bằng hạt đỗ.

Ngoài sân sấm vẫn ù ù, những hột mưa đã nhỏ dần dần, chiều trời cũng quang dần dần. Tôi đương vơ vẩn trông trời trông đất, chợt thấy có tiếng đũa đặt xuống mâm leng keng. Chai rượu đã hết, các bát rượu đã cạn, các cụ đã cùng *bãi tiệc*, xôi thịt còn lại, đương bị chia ra làm phần. Tuy đứng xa tôi cũng trông rõ: mỗi phần chỉ có hai ba miếng thịt xâu vào cái tăm và một hòn xôi bằng quả ổi con, đặt ở trên mảnh lá chuối.

Mưa tạnh, các cụ lần lượt đứng dậy, ai nấy đội nón, chống gậy, mặc áo tơi, lò dò bước xuống sân đình với một dáng bộ run rẩy.

Cụ Thượng phều phào bảo tôi:

– Nào! Ông khách có vào nhà ông tú Tĩnh thì đi với lão.

Hình như có vài hớp rượu, cơn rét của cụ lại càng tăng thêm. Ra khỏi đầu đình, hai ống chân cụ loạng choạng, siêu vẹo, mấy lần suýt ngã. Tôi phải chạy lại gần cụ, nắm lấy cánh tay và dắt cụ đi. Bằng hai hàm răng đập vào nhau cầm cập, cụ vừa đi vừa nói chân tình:

– Tôi gần tám mươi tuổi đầu, mà lúc mưa rét thế này, cũng cố dò đi ăn uống chắc ông sẽ cho là già tham ăn. Thực ra, tôi có thiết gì miếng xôi, miếng thịt! Sở dĩ cố đi, chỉ vì có mấy đứa cháu. Ở nhà quê, gạo ăn còn chẳng có, lấy đâu ra tiền mua thịt? Nếu không có miếng phần việc làng, thì những trẻ con quanh năm không được biết mùi thịt ra sao. Bởi thế, tôi phải dò đi, để lấy phần về cho chúng nó...

Câu chuyện chưa hết, cụ Thượng vừa tới cổng nhà. Mấy đứa trẻ con mặt xám như gà cắt tiết, thấy cụ liền reo một cách mừng rỡ như người được của:

– A! Ông đã về! Phần của cháu đâu?

Hình như chúng nó đợi cụ đã lâu lắm.

XVI
MÓN NỢ CHUNG THÂN

Thường thường ô tô chở khách chạy đường Hà Nội – Thái Nguyên, vẫn bị tài xế "om" ở C.Đ. để đón khách, hoặc ăn cơm. Có khi cao hứng họ còn tán chuyện bù khú với bọn hàng quà, đến hai, ba giờ đồng hồ, hành khách giục giã mặc kệ.

Hôm ấy, tôi và ông L. cũng bị họ giam lại đó. Bấy giờ đương giữa mùa hè, trời nắng như thiêu. Vì ở trên xe chật quá, chúng tôi cũng muốn thoát ly cái chỗ "người như nêm cối" để xuống hàng nước nghỉ mát, cho nên dù chờ đợi quá lâu, cũng không ai thấy sốt ruột.

Thình lình một chiếc xe nhà ở nẻo xa xa lạch cạch kéo đến. Cái xe hình như đóng đã lâu ngày, vải mui đã rách, gọng mui đã bựt, hai càng đã hết màu sơn, hai bánh lấm bê lấm bết, trên xe không có người ngồi.

Uể oải qua cửa hàng nước, anh xe cúi đầu chào ông L.

– Lạy cậu!

Rồi hắn đỗ xe bên đường, lau qua những giọt mồ hôi nhễ nhại trên trán, và hắn vừa thở vừa bước vào hàng.

Trông bộ dạng hắn, không hơn một người ăn mày. Quần đã xơ cả hai gấu, áo đã vá hàng chục mụn mà hãy còn hở một bên vai, cái nón trên đầu đã tơi như tàu lá chuối bị bão.

Hạ nón úp xuống mặt chõng của nhà hàng, hắn ngửa chiếc bát lên chõng và giục nhà hàng múc nước.

Ông L. nhìn tôi và nói:

– Thằng này là người làng tôi. Nó vẫn kéo xe cho ông T.T.

Rồi ông lại nhìn người kia và hỏi:

– Mày đánh xe đi đâu?

Anh xe òng ọc uống hết bát nước, rồi đáp:

– Bẩm cậu, con ra Hà Nội để đón cụ con.

Ông L. ra bộ ngạc nhiên:

– Ở Hà Nội về làng ta, chỉ hết một hào ô tô. Thế mà cũng dắt xe nhà đi đón, sao mà cụ mày cẩn thận quá vậy!

Anh xe lắc đầu:

– Không phải cẩn thận. Chỉ vì độ này ở nhà không có việc gì, cụ con sợ con chơi không, nên mới bắt con đánh xe đi đón cho khỏi tốn một hào chỉ.

Rồi hắn nói tiếp:

– Trong mấy năm nay, cụ con đi đâu một bước cũng dùng xe nhà. Không chịu mất một đồng tiền xe, tiền tàu nào hết. Nhiều hôm con phải chết dở với cái xe ấy.

Như muốn mượn câu chuyện của hắn để tiêu thì giờ, ông L. lại gặng:

– Xe hỏng hay sao!

Anh xe cầm chiếc nón rách vừa quạt vừa nói:

– Nào nó có hỏng đi cho, đã phúc nhà con!

Rồi hắn ngửa mặt nhìn ông L.:

– Thưa cậu, từ làng ta đến làng V.Đ. ước chừng bao nhiêu cây–lô–mếch?

Ông L. bấm đốt ngón tay và đáp:

– Tất cả đến sáu chục cây. Làng ta đến Hà Nội hơn mười cây, Hà Nội đến Hà Đông hơn mười cây, Hà Đông vào V.Đ. hơn ba mươi cây.

Anh xe nhanh mồm lẻ lưỡi:

– Trời ơi! Sáu chục cây số kia ư! Thế mà năm ngoái, khi sang V.Đ. đưa ma, cụ con cũng bắt con kéo đi đấy.

"Bữa ấy, cũng vào mùa hè; cụ con dậy từ gà gáy, sai người gọi con đưa xe ra cổng. Ngoài đường, trời tối như mực, con phải đi dò từng bước, kẻo sợ đâm xuống vệ đường. Lệ thường ở nhà cụ con, chắc cậu đã biết, hôm nào cũng đến chín giờ thì ăn cơm sáng. Hôm ấy, vì còn sớm quá, người nhà chưa nấu cơm, cụ con cũng đi lòng không, thì con còn được miếng gì vào miệng! Ra đến Hà Nội, con đã đói, nhưng phải cố gượng và tưởng thế nào vào đến Hà Đông cụ con

cũng cho ăn quà. Té ra không, khi qua Hà Đông cụ con chỉ cho vào hàng uống một bát nước, rồi lại bắt kéo đi liền. Trời nắng, bụng đói, con đã vàng cả hai mắt, uể oải lôi đôi càng xe, chẳng khác gì thằng ốm dở. Tới V.Đ. cụ con vào nhà đám, con phải nằm lử trong xe. Đến lúc người nhà gọi cho ăn cơm, thì con mệt quá, nhai không buồn nuốt.

"Hôm sau, đưa đám xong rồi, cụ con lại bắt kéo về. Tuy rằng sáng nay có được ăn uống no nê, nhưng vì hôm trước phải chạy kiền kiệt cả ngày, cho nên con thấy mỏi mệt hết sức. Tới Hà Đông, con đi thủng thẳng bước một, giống như người đi xe giờ. Cụ con bảo con cố kéo về đến Hà Nội sẽ nghỉ. Nhưng đến Thái Hà, chân con như bị rời ra, không thể nào mà bước đi được. Cùng quá, cụ con bảo con kéo vào nhà một ông bạn trong ấp, để cho con ngủ một đêm.

Nói đến đấy, anh xe đứng dậy, đến chỗ chúng tôi xin mồi thuốc lào:

– Ấy, con đi làm như thế, mà một đồng xu mua thuốc không có, quanh năm cứ phải ăn xin. Nhiều khi con đã cố từ, nhưng nghiện nặng quá, không sao từ được!

Ông L. véo thuốc cho hắn:

– Thế, tiền công của mày để đâu?

Hắn đón mồi thuốc bằng một dáng bộ buồn rầu:

– Bẩm cậu, nhà con nó quên đi mất.

Ông L. tỏ vẻ ái ngại: [1]

– Vợ mày đi mất rồi à?

– Bẩm không! Nhà con nó mới chết ạ!

Vừa nói, hắn vừa trở lại chỗ ngồi của hắn bằng một bộ điệu chán nản. Ông L. lại hỏi:

– Thế sao nó lại quên được tiền công của mày?

– Thưa cậu, cho con hút xong điếu thuốc, sẽ xin kể để cậu nghe.

Rồi hắn vội vàng đặt thuốc vào điếu, lấy đóm châm lửa. Và bằng thái độ của kẻ nghiện nặng phải nhịn đã lâu, hắn nót hai má hút

---

1. Đoạn văn từ chỗ này đến hết đã bị cắt bỏ khi in thành sách.

một hơi dài. Như muốn để cho hơi thuốc ngấm vào xương cốt, hắn cố ngậm khói trong miệng hồi lâu, rồi mới há miệng cho nó từ từ đùn ra. Hai mắt lờ đờ nhìn sang ông L. hắn tiếp:

– Cảnh con bây giờ khổ quá, cậu ạ! Từ giữa năm ngoái, nhà con bị bệnh hậu sản, nhưng nó vẫn gượng đi làm. Đến đầu tháng mười thì nó ốm nặng, suốt ngày suốt đêm chỉ nằm trên giường và ho khù khụ. Bấy giờ con vào làm cho cụ con mới được một tháng, tiền công lĩnh rồi, lại phải vay thêm năm đồng nữa, lấy tiền thuốc men cho nó.

"Giả sử trời để nó sống, thì số tiền ấy, chúng con trả trong vài tháng cũng hết. Chẳng ngờ thuốc uống không chuyển, bệnh nó chẳng những không bớt, lại cứ mỗi ngày một tăng, rồi cuối tháng một nó chết.

Nói đến đấy, hắn bỗng ngừng lại. Một giọt nước mắt từ trong khóe mắt rơi xuống mặt đất. Im lặng chừng độ nửa phút, hắn lại rề ràng nói thêm:

– Lệ của làng ta, chắc cậu đã rõ. Một người *nằm xuống*, dù giàu dù nghèo, nhà chủ cũng phải giết một con lợn đãi "phe" một bữa dấm nghém, phe mới khiêng cho. Không được thế, thì phải nhờ cậy họ mạc khiêng giúp. Nhà con tuy còn ít tuổi, nhưng nó là người thiên hạ và cũng hẩn hoi với con, nếu để họ khiêng, thì sợ tủi vong hồn nó, và rồi con cũng không mặt mũi nào trông thấy anh em nhà vợ nữa. Vì thế, con phải cố lo bữa rượu để mời *hàng giáp*.

"Một con lợn, mươi nồi gạo, vài chục chai rượu, tất cả cũng hơn ba chục đồng, chưa kể quan ván của nó.

"Trong nhà không có đồng nào, một chốc phải tiêu đến bấy nhiêu tiền, cậu bảo lấy ở đâu ra?

"Nếu nhà vợ con mà được giàu có, thì con cũng không khổ lắm. Nhưng mà bên ấy cũng không có gì, bà nhạc con và các cậu nó chỉ giúp cho được hơn mười đồng. Còn thiếu, con lại phải kêu cụ T.

"Cụ con bằng lòng cho con vay thêm hai nhăm đồng nữa, với năm đồng trước thành ba chục đồng. Cho người khác vay, cụ T. vẫn đều tính lãi mỗi đồng một tháng sáu xu, vì con là kẻ tôi tớ, cụ con cũng thương, nên mỗi đồng một tháng chỉ lấy năm xu, nhưng tháng nào phải trả lãi ngay tháng ấy, còn gốc chịu đến bao giờ cũng được.

"Tiền công của con ở đấy, mỗi tháng một đồng rưỡi; trừ vào tiền lãi là vừa. Từ cuối năm ngoái đến giờ, quần áo rách như bươm bướm, con cũng không có đồng nào mà may.

Rồi với hai hàng nước mắt giàn giụa, hắn kết luận:

– Đời con không còn lúc nào trả xong được món nợ ấy. Bây giờ đã vậy, không biết rồi khi về già, không kéo nổi cái xe kia nữa, thì làm thế nào.

Ông L. cười và bảo tôi:

– Một bữa "lệ làng" có thể gây cho người ta một món nợ lãi chung thân không trả hết.

Đăng trên báo *Hà Nội tân văn* từ số ra
ngày 5–3–1940, Mai Lĩnh xuất bản, 1941.
In lại theo *Ngô Tất Tố – Tác phẩm*,
Văn học xuất bản, 1977.

Ngô Tất Tố và L.T. soạn

LỊCH SỬ ĐỀ THÁM

(Truyện lịch sử trích)

I. LÚC CÒN NHỎ

Phía Nam từ phủ Thuận Thành trở lên, phía bắc từ tỉnh Lạng Sơn trở xuống mấy huyện thượng du Bắc Ninh (nay là tỉnh Bắc Giang) nguyên là một nơi hiểm trở ở Bắc Kỳ. Núi cao chót vót, rừng rậm um tùm, đồi suối khuất khúc quanh co, chắn hết đường đi lối lại. Thuở trước trừ người trong vùng, ít ai hiểu rõ hình thế xứ đó ra sao.

Chằm lớn non sâu, phải có rồng thiêng rắn dữ; những chỗ núi sông hiểm trở ắt sản xuất những người khí phách ngang tàng. Thật thế, cái vùng thượng du Bắc Ninh này, cách đây 40 năm về trước, vẫn có tiếng là xứ "tợn nghịch". Cai Vàng, Cai Kinh cũng đều xuất hiện ở đây. Đọc câu tục ngữ: "Trai Cầu Vồng Yên Thế, gái Nội Duệ Cầu Lim", có thể biết rằng tính cách của người xứ ấy khác hẳn tính cách của người xứ khác.

*

* *

Đề Thám cũng là một người con trai trong miền Yên Thế, Cầu Vồng, mà cái kiệt hiệt của Thám, có lẽ còn hơn cái kiệt hiệt của bọn Cai Vàng, Cai Kinh ngày trước.

Chọc trời quấy nước, gây cuộc binh đao, đối với Chính phủ bảo hộ, Thám vẫn là kẻ có tội, song mà hai bàn tay trắng, ba thước gươm cùn, một mảnh giang sơn, mười năm cát cứ, thủ đoạn ấy thực cũng khác thường. Rồi đây đồn ải Phồn Xương, núi rừng Yên Thế, mấy xứ

hẻo lánh trên đường ngược, hoặc có ngày nhắc đến trong sử xanh, há chẳng phải vì sự "phản nghịch" của Thám.

Ngày nay sao dời vật đổi, Thám cùng đồng đảng đều hóa nhân vật đời xưa, nhưng cái lịch sử của Thám vẫn quan hệ với lịch sử của xã hội. Theo nguyên tắc của xã hội học, những sự đã quan hệ với một thời đại, tất nhiên phải ghi lại dấu tích của đời sau. Như vậy, dù Thám là kẻ "nghịch" với Chính phủ mặc lòng, sự thực của xã hội quyết không thể phó cho nước chảy mây tan, cùng thời gian tiêu diệt.

Vậy thì đời Thám ra sao.

Xưa nay ai cũng yên trí là Thám họ Hoàng, vì ba chữ "Hoàng Hoa Thám" nghe đã quen tai. Kỳ thực không phải họ Hoàng, Thám vốn họ Trương.

Ông thân của Thám, một nhà làm ruộng rất nghèo ở vùng Yên Thế, tên là Trương Văn Vinh, bà thân của Thám là gì thì chưa được rõ. Vợ chồng hiếm hoi, chỉ có một người con gái, đến năm ngoài bốn mươi tuổi mới sinh ra Thám.

Đối với những nhà giàu có, thì ở gia đình ấy, Thám sẽ là hạt ngọc trên tay, cha mẹ không rời nửa phút.

Nhưng đối với một nhà cùng quẫn như nhà Trương Văn Vinh, quanh năm kiếm không đủ ăn, thì dù là con hiếm mặc lòng, vẫn không thể tránh khỏi cái bước cực khổ. Năm 8, 9 tuổi Thám đã xa cha mẹ, đi ở với một người trong vùng, chăn trâu thả bò, kiếm lấy mỗi ngày hai bữa cơm chín!

Ở vào hoàn cảnh ấy, nếu là kẻ bất tài vô chí, chẳng qua lúc nhỏ làm một đứa trẻ ngoan ngoãn, lớn lên thì chịu thương chịu khó, ra sức cày sâu cuốc bẫm, kiếm được bụng no cật ấm là cùng. Thám thì không thế, từ thuở nhỏ đã tỏ ra tính ngang tàng xấc xói, chơi nghịch nhiều trò lạ lùng, thường thường làm trùm cho tụi con nít vùng đó. Bất cứ là quen hay lạ, hễ gặp đứa nào trạc tuổi với mình, thì Thám rủ luôn vào bọn, rồi gây sự đánh nhau với trẻ con làng khác, có lúc Thám lại ra lệnh cho trẻ con trong tụi, giả làm bên quan bên giặc giao chiến với nhau, pháo nổ đì đoành, còi lá dứa thổi lên inh ỏi, y như một trận giặc thật. Những lúc tinh nghịch kiểu đó, bao giờ Thám cũng chỉ làm tướng giặc chứ không làm quan. Thấy vậy, nhiều người tin rằng sau này Thám sẽ không vừa, nhưng cũng không ai ngờ rằng đời Thám tung hoành đến vậy.

Tuổi mỗi ngày một lớn, sức vóc càng ngày càng khỏe mạnh, đứa trẻ chăn trâu bò thuở nọ, vụt chốc thành một tay tráng sĩ nơi rừng xanh, khuôn mặt khôi ngô, con mắt sáng quắc, tai rất tinh, mũi rất thính, hơi có tiếng động hoặc mùi lạ ở nẻo thật xa, người khác không thể biết, nhưng Thám biết ngay tức thì.

Vì phải đánh nhau với thú dữ và phải chống lại với giặc cướp, nhân dân đường rừng thường phải đón người Tàu về dạy võ. Lúc đó Thám cũng cùng học với anh em. Nhờ có sức khỏe và tài nhanh, cho nên chỉ tập ít năm, võ nghệ của Thám không ai địch nổi, một mình Thám có thể đánh đổ 4, 5 chục người.

Tại miền Thám ở khi ấy, thường khổ về nạn lợn lòi; lúa má cây cối bị hại nhiều lắm, dân làng trừ mãi không được. Một hôm Thám chống chiếc gậy tầy đi thăm đồng – vì tính Thám tợn nghịch, cho nên đi đâu cũng đem khí giới – xịch thấy một con lợn lòi, đương nghiến ruộng lúa nhà mình. Tức quá, Thám vác gậy xông vào nhằm giữa tinh mũi con lợn ấy giáng hạ một gậy thật mạnh. Hăng tiết, con vật quái ác "lao" vào toan húc, Thám nhanh chân, vì nhờ có món võ "thiếu lâm", nhẩy tót một cái qua đầu con vật, vượt ra đằng sau, tức thì lại nhẩy quay lại, giang tay thẳng cánh phang luôn mấy gậy đều trúng vào đầu nó cả, con vật vỡ tan cả đầu, lồng độ một quãng khá dài, rồi gục xuống.

Thám cố đuổi theo, phang thêm mấy gậy vào cẳng. Con ác thú cựa được vài cái thì chết. Thám vác lên vai, rồi đem về làng, cả làng trông thấy, ai cũng phải khiếp. Từ đấy tiếng tăm của Thám đồn vang trong huyện.

Các bực già cả, bây giờ vào khoảng tám chín mươi tuổi, nghĩa là những người đã có sống qua cái thời đại ấy, chắc còn nhớ rằng cuộc đời lúc đó ra sao.

Về phía trung châu Bắc Kỳ, cờ ba sắc của Chính phủ Pháp đã phấp phới bay trong các tỉnh; về phía thượng du, một mặt thì cờ vàng của quân Hoàng Sùng Anh kéo xuống, một mặt thì cờ đen của quân Lưu Vĩnh Phúc tiến sang, lại thêm Cai Vàng tuy mới tan, dư đảng vẫn còn hoạt động; khắp cả trong xứ, giặc giã nổi lên lung tung, cái nạn chiến tranh không ngày nào không có. Thế nước lúc ấy thật chẳng khác nồi canh đương sôi, góc nọ chưa im, góc kia đã sùng sục. Đối với thời cục như vậy, một người đã tự đắc là có tài sức lại có chí vẫy vùng trời bể như Thám, chắc không thể ngày ngày vác cày vác cuốc, cùng những trâu bò, cây cỏ, nấp náu chốn đồng rừng.

Tuy rằng Thám mới kết hôn, nhưng cái vui phòng động đuốc hoa, không ngăn nổi cái chí tang bồng hồ thỉ, vì vậy, Thám mới từ biệt quê hương, tự đem thân xung vào quân đội của ông Trần Quang Loan ở Bắc Ninh, bấy giờ Thám vừa 20 tuổi. Thấy Thám sức khỏe, lại giỏi võ nghệ, Trần Quang Loan nhắc lên làm chức Lĩnh binh, cho được lĩnh một cánh quân, cùng mình chống nhau với quân của Chính phủ Pháp. Nhưng mà mác cùn gươm ngắn, không thể địch lại với sức mạnh của trái phá, đạn chì, chẳng bao lâu Trần Quang Loan thất bại. Thám lại phải một phen chơ vơ.

Tuy vậy, cái chí hăng hái của Thám vẫn không lui nhụt chí nào, thường vẫn một người một ngựa, dạo khắp các miền thôn quê, để kiếm lấy anh em đồng chí.

Giặc giã nhiều quá, binh lực của triều đình không đủ sức mà dẹp được hết, nhiều nơi hàng hai ba năm đằng đẵng, chỉ biết có giặc không biết có quan là đâu, cái nạn lấy của đốt nhà, không mấy làng tránh khỏi. Bởi vậy ở hạt Bắc Ninh, bao nhiêu hàng xã, hàng thôn, những bực hào cường đều phải họp tập những kẻ trai trẻ, kết đoàn lập ước, đào hào đắp lũy, sắm sửa khí giới, cùng nhau ra sức giữ làng. Những đoàn hương binh ấy, người ta gọi là "hàng ước". Trong mỗi hàng ước, nhiều thì đến hàng trăm nghìn, ít ra cũng có vài chục con người, tuy không chia ra cơ đội như lính nhà vua, nhưng ở trong cũng có kẻ trên người dưới, kỷ luật rất nghiêm, chẳng kém gì một đạo binh có luyện tập.

Đứng đầu hàng ước ở vùng Yên Thế là ông Bá Phức, một tay hào phú trong miền, từ khi lập ra đoàn ước mà đi, khí giới lương thực, phần nhiều do của nhà ông ta chi cấp. Binh lính của ông này lại đều là hạng khỏe mạnh và có thao luyện, vì thế giặc cướp các nơi nghe tiếng là sợ, không dám bạ men đến gần.

Một hôm Thám thình lình cưỡi ngựa đi qua vùng đó, thấy nói Bá Phức là bực hào kiệt, Thám tự tìm vào yết kiến. Sau khi cùng nhau bàn bạc ít câu về việc binh, Bá Phức biết Thám là người thao lược, lưu lại trong đoàn để cùng ra sức giúp mình. Thám cũng phục Bá Phức là bực kiến thức, lại thạo nghề binh, mới nhận Bá Phức làm cha, tự mình xin làm con nuôi. Tự đó hai người ý hợp tâm đầu, Bá Phức coi Thám như thể một cánh tay phải, công việc trong đoàn, bất cứ lớn nhỏ đều có bàn qua với Thám.

Binh lính mỗi ngày mỗi nhiều, thanh thế ngày càng lớn, gặp lúc tỉnh thành Bắc Ninh thất thủ, quân Pháp đã lấy gần hết Bắc Kỳ, bấy giờ cái chí "giữ làng" của bọn Bá Phức mới đổi ra chí "Cần vương". Họ bèn tế cờ khao quân, cắt đặt tướng tá, đem đại binh thẳng xuống miền xuôi, hòng đánh lại với quân Pháp. Nhưng mà trứng chọi với đá, trọn vẹn sao được, giao chiến vài trận, đạo quân Bá Phức tan tành gần hết. Bá Phức cùng Thám chạy sang Tàu, nhập bọn với Cai Kinh.

Cai Kinh nguyên là dư đảng của Cai Vàng. Từ khi Cai Vàng đã chết, Cai Kinh lẩn lút ít lâu, rồi sang Vân Nam, cố sức chiêu binh tập mã, cũng mong nối chí của thày ngày xưa. Sau khi đã giáp mặt Thám, thấy Thám tướng mạo khôi ngôi mà lại chăm chỉ việc quân, có lắm mưu kế lạ thì Cai Kinh hết sức kính yêu, nhận làm một người tâm phúc, bấy giờ tuổi Thám đã hai mươi chín. Chẳng bao lâu, Cai Kinh cùng Thám và Bá Phức đem các bộ hạ quân lính về nước, chiếm mấy rặng núi về miền thượng lưu sông Thương (ngày nay rặng núi ấy còn gọi là: "núi Cai Kinh"), binh uy rất là lẫm liệt. Lòng trời chẳng giúp, đương lúc công việc chưa đâu vào đâu, thì chính mình Cai Kinh đã bị một người trong đảng ám hại, thế là đại quân Cai Kinh lại bị tan tành.

Trong khi theo giúp Cai Kinh, Thám được cử làm Đề đốc, coi một toán quân khá lớn, đến lúc Cai Kinh bị giết, Thám bèn thu nhặt ít nhiều quân tàn, từ biệt Bá Phức kéo về đường xuôi, quyết ra sức tung hoành cho phỉ chí.

III. RÚT QUÂN VÀO RỪNG

Tung hoành gần một năm trời, đồ đảng của Thám càng ngày càng đông, nghiễm nhiên thành một đám quân lớn. Chính phủ tuy biết, nhưng vì ở dưới trung châu đánh dẹp chưa thật yên, nên cũng ngơ đi. Qua đầu năm sau, thấy Thám quấy rối nhiều nơi, Chính phủ mới phái quan sáu là M.Gocdin đem một đạo binh lên đánh. Dò được tin đó, Thám liền hội họp các tướng bàn cách đối phó.

Cả Dinh nói:

– Từ khi khởi sự đến nay, chưa đánh trận nào dữ dội, nay có đủ quân đủ súng, liều chết mà đánh một trận. Được thì thừa thế tràn

xuống đường xuôi; vạn nhất có thua sẽ theo đường Lạng Sơn rút cả sang Tàu để đợi cơ hội.

Lĩnh Huân gạt đi mà rằng:

– Anh Cả nói vậy không được. Quân ta tuy có vài nghìn, nhưng phần nhiều là quân ô hợp, không được luyện tập mấy nỗi, không thể địch lại với quan quân. Nếu mà đánh nhau, bên ta chỉ có phần thua mà không có phần được.

Sau khi đã thua, quân sĩ tan, súng đạn hết, bao giờ lại gây dựng được cái cơ sở như ngày nay. Bất nhược ta hãy tạm rút vào rừng, chờ cho quan quân lui đi, rồi sau ta lại kéo ra. Việc lớn cần phải mưu đồ từ từ, chớ không nên nóng.

Thám khen Lĩnh Huân nói phải, tức khắc hạ lệnh cho đầu đảng rút quân vào rừng.

Chỉ để Lĩnh Huân, Cả Huỳnh và 200 tên quân có đủ 200 tay súng ở lại Chương Văn với mình thôi.

Hôm sau, quan quân tới nơi; lập trận xong rồi, quan sáu Gocdin truyền lệnh đem hết trái phá nhằm vào Chương Văn mà bắn. Lúc ấy Thám đã đem ra hết ngoài trại mai phục, đến khi quan quân gần tới nơi, Thám liền ra hiệu cho 200 tay súng bắn một sạp thật dữ, rồi Thám đốc quân trốn hết vào rừng.

Vừa bắn vừa tiến, quan quân lên đến sào huyệt của Thám thì không thấy một tên nào cả. Biết là đảng Thám đã chạy vào rừng tất cả, quan quân phá hết dinh trại của Thám, rồi chia từng đạo đi vào các rừng lùng bắt.

Quân Thám phần nhiều là dân đường ngược luồn rừng đã quen, cho nên thấy bóng quan quân, thì họ lẩn đi nhanh lắm. Tầm nã suốt trong mấy tháng, chỉ bắt được mấy tên mà thôi. Tưởng là quân Thám tan bết, quan sáu Gocdin bèn rút binh về.

Tuy rằng chạy trốn, nhưng quân Thám ngày nào cũng có mấy tên lảng vảng ở ngoài dò la tin tức. Khi đã biết rằng quan quân lui hết, Thám liền truyền lệnh cho các tướng lại kéo quân ra.

Trận này Thám tuy bị thua, nhưng, vì đã biết cơ mà lùi trước, cho nên quân lính súng đạn, không bị hao hụt mấy nỗi. Sau khi đã ra khỏi rừng, Thám liền chia quân làm năm đạo. Lĩnh Huân, Cả Dinh, Cả Huỳnh và sư Định Tảo, mỗi người thống lĩnh một đạo, đóng đồn ở mấy nơi hiểm yếu trong miền Yên Thế, Lạng Giang, Thám và mấy

người đầu đảng thống lĩnh một đạo đóng đồn ở giữa, cho tiện việc thôi đốc các đồn quân kia.

Chỉ trong vài tháng công việc sắp đặt lại đâu vào đấy bấy, giờ Thám một mặt sai người đi luồn rừng sang Tàu mua thêm súng đạn, và nhân dịp kết thân với bọn quan Tàu ở vùng Quảng Tây, một mặt phái người lẻn về trung châu, dụ thêm đồ đảng. Hễ gặp cơ hội, Thám lại sai quân đánh phá những nơi gần đó, hòng để mở thêm thế lực.

Trước kia ở dưới trung châu đương có nhiều việc cần phải mở mang, Chính phủ chưa kịp chú ý đến miền thượng du. Nay thấy đảng Thám mỗi ngày mỗi to, có cơ lan xuống đường xuôi, Chính phủ biết rằng không đánh cho tan thì không yên được, mới phái quan tư Tane, quan ba Plessier và quan hai Winckel Mayer đem quân tuần tiễu.

Bắt đầu giao chiến một trận, quân Thám thua to, khí giới quân lính thiệt hại rất nhiều, Thám biết chừng không thể chống lại, mới dùng mưu của Lĩnh Huân khi trước, vừa đánh vừa rút vào rừng. Đến khi quan quân đuổi đến cùng đường thì quân Thám đều trốn được cả. Nhớ rằng lúc ấy người Pháp mới đến Bắc Kỳ, đối với địa thế đường rừng chưa được am hiểu tường tận như ngày nay. Vả lại máy bay chưa có, súng bắn không xuể, cho nên họ đã lẩn được vào rừng, dù có thiên binh vạn mã cũng khó lòng mà bắt được. Biết vậy, quan quân mới cử một đạo đóng luôn tại đó, hãm cho quân Thám khỏi ra, một ngày kia tuyệt hết lương thực thì đảng Thám sẽ tan nát cả.

Quả nhiên như vậy. Thám rút vào rừng ít lâu, lương thực khánh kiệt, nguy hiểm đến nơi, Thám mới hội họp các tướng bàn định. Lĩnh Huân, Ba Biều đều nói:

– Bây giờ sự đã thế này, ra cũng chết, không ra cũng chết. Còn súng, còn đạn bất nhược liều mạng ra đánh một trận được thì ta lại tung hoành, có thua cũng chỉ đến chết là cùng, chết trận còn hơn chết đói.

Thám và mọi người đều khen là phải. Họ bèn quyết định kéo ra đánh úp vào đồn quan quân.

Đêm ấy vừa gió vừa mưa, trời đen như mực. Quan quân trong đồn, cơ nào đội ấy, đương lúc nghỉ ngơi, thình lình quân Thám chia làm ba toán đổ ra, một toán thẳng tới cửa đồn, bắn chết mấy người lính canh, rồi xông vào đồn.

Giao chiến vừa đến gần sáng. Quân Thám chiếm được đồn đó.

Hôm sau, Thám tạm đóng quân tại đó, sai mấy toán quân đi các làng chung quanh, tống lấy lương thực. Rồi họp các tướng, bàn định phương kế chiến thủ.

Cả Huỳnh nói:

– Nay mới lấy được đồn này, hãy nên đóng quân lại đây, để cho lính tráng nghỉ ngơi, nhân dịp mộ thêm binh mã cho nhiều. Nếu mà quan quân tới nơi, ta sẽ liều mạng mà đánh.

Cả Dinh gạt đi mà rằng:

– Không được, mấy lần trước mình cứ ở yên một xó. Gặp có quan quân lên đánh, lại rút vào rừng. Như vậy chỉ tổ hao binh tổn tướng, bao giờ thành được việc lớn. Bất nhược nay cứ thừa thắng đánh tuốt xuống đường xuôi hễ mà lòng dân tin theo thì lấy tỉnh Bắc Ninh dễ như bỡn vậy. Bắc Ninh đã lấy được, tức là có chỗ căn cứ, bấy giờ sẽ thừa cơ đánh các tỉnh khác...

Thám nghĩ một hồi, ngảnh lại hỏi Lĩnh Huân và Ba Biều rằng:

– Hai người nói vậy, còn ý các anh thế nào?

Dõng dạc, Ba Biều đứng dậy và thưa rằng:

– Theo ý tôi, hai anh nói đều nhầm cả. Đồn này trống trải, đóng quân tại đây, cố nhiên là không vững rồi. Nhưng nếu thừa thắng đánh về trung châu cũng nguy hiểm lắm. Bởi vì quân ta có ít không thể địch lại với quan quân.

Nếu mà kéo về đường xuôi, chẳng qua chỉ phá được vài phủ huyện, chớ không thể nào phá được Bắc Ninh. Lỡ mà bị thua, không có đường tháo, ấy là quân sĩ tan tác hết cả. Gần đây có rừng Hữu Thế, địa thế rất hiểm. Nay hãy rút quân vào đó, chứa thóc, chứa lương, mua thêm khí giới kiếm cách giữ gìn cho vững, quan quân có đến cũng khó làm gì được mình. Bao giờ mình được cả cánh, dầy vây, bấy giờ kéo xuống trung châu cũng chưa muộn.

Thám khen Ba Biều nói phải, bèn phong cho làm chức đốc quân. Luôn bữa đó, Thám cùng các tướng kéo quân vào rừng Hữu Thế.

V. QUÂN CHÍNH PHỦ PHÁ ĐỒN HỮU THẾ

Bát ngát bao la, một sắc xanh rì, phủ kín nhiều rặng đồi núi và nhiều khu thung lũng, Hữu Thế là một khu rừng rất lớn, cây cối um

tùm, cỏ gai chằng chịt, đứng ngoài mà ngó, tưởng như con chim sẻ không thể bay qua, thuở trước đây, chỉ có cái ổ tụ tập của những giống hùm thiêng thú dữ.

Sau khi đem quân tới đó, Thám tạm đóng trại tại thung lũng chính, giữa khu rừng, và sai các tướng mỗi người đem vài chục tên quân có đủ súng đạn, chia đi nấp trong các bụi rậm rạp kín đáo ở chung quanh rừng, phòng có quan quân vào đánh.

Rồi Thám giao cho Cả Dinh, Lĩnh Huân ở lại cầm quân giữ trại, tự mình lên ngựa đem vài bốn quân hầu thủ túc luồn khắp trong rừng để xem xét địa thế.

Trở về Thám cho gọi hết những người đầu đảng đến trại, bàn cách lập đồn. Hồi lâu, các tướng kéo đến đông đủ, Thám liền đưa ra một bức bản đồ Hữu Thế để cho mọi người đều coi. Trong bản đồ ấy, Thám có vẽ rõ chỗ nào nên xây pháo đài, chỗ nào nên đào chiến hào, chỗ nào nên mở đường thật, chỗ nào nên mở đường giả v.v... rành rọt từng ly từng tý.

Các tướng xem rồi, ai nấy đều phục cách bố trí như vậy là vững chãi lắm.

Tức thì Thám sai mấy người đem ít quân lính theo trong đồ bản mà làm. Chính giữa đắp một pháo đài thật lớn và thật cao, hình thù khúc khuỷu, gần giống như hình hoa hồi, trong có từng gác để cho quân ở ngoài có hai lớp bệ thấp vừa tầm bắn súng, để cho quân nấp ở đó bắn ra.

Trại quân đóng ở phía sau pháo đài, quanh trại đều có chôn gỗ làm hàng cột rào thật kín. Đầu cột đều tẩm thuốc độc, người nào vô ý động phải, có khi chết liền, xa xa bên ngoài, sáu góc đắp thêm sáu pháo đài nữa, mỗi pháo đài này đều có trại quân, rào gỗ, qui mô y như pháo đài ở giữa nhưng chỉ nhỏ hơn một ít mà thôi. Giữa khoảng pháo đài nọ sang pháo đài kia, mở ra rất nhiều đường giả chằng chịt khuất khúc khiến cho người ngoài không biết lối nào mà đi.

Giữa những đường giả, thỉnh thoảng, lại đào một hố thật sâu, dưới để chông gai và đóng cọc nhọn đầu, trên thì gác cành cây, rồi phủ một lượt lá khô hoặc trát đất trồng cỏ cho kín, người nào bước chân vào đó, lập tức sa luôn xuống hố không thể lên được. Còn bao nhiêu chỗ đường ra lối vào trọng yếu đều có đào nhiều chiến hào làm chỗ bắn. Rồi những bụi cây um tùm ở lớp ngoài nhất, thì có gác gỗ làm chòi, để cho quân lính ngồi đó mà canh.

Hồi này ở dưới trung châu vẫn còn nhiều việc rắc rối như trước. Chính phủ chưa thể kiêm cố đến mặt đường rừng. Nhờ đó, Thám cứ tự do hành động. Chỉ trong vài tháng, sắp đặt đâu vào đó hết. Thám cùng vợ cả đóng ở trại giữa, giao cho Lĩnh Huân, Ba Biều, Cả Dinh, Cả Huỳnh đóng ở các trại chung quang. Muốn cho lương thực khỏi bị thiếu thốn, Thám lại ngấm ngầm chiêu dụ dân quê vào đó phá những thung lũng hoang rậm, làm vườn làm ruộng, nuôi bò, nuôi trâu, công việc rất có trật tự.

Cơ sở bên trong đã hơi vững vàng, bấy giờ Thám mới mưu khuếch trương thế lực ra ngoài, một mặt sai quân đánh chiếm ít nơi gần quanh, một mặt thì sai người lẻn về trung châu, chiêu dụ đồ đảng.

(...)

VI. THÁM BỊ MƯU SÁT

Sau khi thua trận Hữu Thế, cơ nghiệp tan tành hết cả. Thám cùng vợ con và ít người tâm phúc trốn lên mấy nơi rừng rú ở phía trên Yên Thế. Đồ đảng của Thám tuy không ở chung một chỗ với Thám, nhưng họ cũng rải rác nội trong vùng đó, tin tức vẫn thông với nhau. Biết rằng trong lúc lưng đơn cánh mỏng, chưa làm gì được, Thám dặn các tướng phải hết sức giữ cho yên lặng, không hề ra mặt làm một việc gì, để cho quân Pháp không biết là mình ở đâu.

Nhưng mà trong lúc yên lặng đó, Thám vẫn bí mật mua súng, đúc đạn và chiêu dụ đồ đảng.

Hơn một năm trời, miền Yên Thế không có tung tích của Thám.

Qua năm 1894, đồ đảng của Thám lại đông, súng đạn lại mua được nhiều, bấy giờ Thám cùng mấy người đầu đảng lại chia ngả lẻn về những miền Lạng Giang, Việt Yên, Võ Giàng, đánh phá vài đồn lính và mấy phủ huyện, cướp được khá nhiều tiền của khí giới.

Tưởng là thế lực đã vững, Thám lại họp hết đồ đảng kéo lên Yên Thế, đánh chiếm lấy rừng Hữu Thế dựng lại cơ nghiệp ngày xưa.

Cây cối bị phát khi trước, nay đã mọc cành nẩy lá xanh um; những chỗ pháo đài bị phá khi xưa, bây giờ đều cỏ gai chằng chịt. Trông qua cảnh ấy, Thám cùng đồng đảng không khỏi một phen bồi hồi. Sau khi dạo đi một vòng, coi lại địa thế. Thám bèn truyền lệnh

các tướng cùng đem quân sĩ xây pháo đài, dựng quân doanh, đào chiến hào, mở ra đường giả, hố ngầm. Qui mô gần như lúc trước, nhưng lần này thì cách bố trí hiểm hơn, pháo đài, chiến hào cũng nhiều hơn.

Đêm đó, khoảng nửa canh một, Thám nằm trong trại, lo tính công việc ngày mai, chung quanh có vợ cả, vợ hai, con nuôi, con đẻ và mấy người tâm phúc ngồi hầu. Ngoài rừng, bốn bề im ả như tờ, thỉnh thoảng mới thấy tiếng trống cầm canh, khoan thai điểm với tiếng sương rỏ lá rừng lác đác. Trong trại, mấy ngọn đèn dầu trên vách, le lói đưa ra luồng ánh sáng đỏ chói như muốn khoe đôi mắt thông minh của chủ nhân. Hết nằm lại ngồi, trước mặt hai khẩu súng lục có nạp đạn sẵn, Thám cứ nhắc lên đặt xuống luôn luôn, hình như trong bụng có sự khó nghĩ mà tính chưa ra.

Chợt có một tên lính canh đưa cánh thiếp vào. Cả Dinh đón lấy và đệ cho Thám. Cầm lấy tấm thiếp nhìn qua, thấy có đề tên Bá Phức, Thám sầm mặt lại, ra bộ rất là khó chịu. Giây lâu, Thám lại đổi hẳn nét mặt, như đã nghĩ được sự gì. Rồi tức thì Thám giắt hai khẩu súng lục vào mình, và sai Cả Dinh ra cửa đón Bá Phức vào.

Độc giả chắc chưa hiểu vì sao đối với cha nuôi, Thám lại tỏ ra thái độ nghi kỵ như vậy?

Số là từ khi Thám khởi binh đến nay, Bá Phức cũng vẫn rủ nhiều đồ đảng, mua nhiều súng đạn, đánh phá nhiều nơi trên miền thượng du Bắc Ninh, giúp sức cho Thám. Sau khi Thám bị thất bại ở Hữu Thế, cha con mới không gặp nhau. Mãi đến tháng hai năm 1894, bị ông Lê Hoan, Tổng đốc Bắc Ninh hồi đó, lấy sự lợi hại khuyên dỗ, Bá Phức mới đem 70 khẩu súng ra hàng, rồi theo Lê Hoan cùng đi đánh Thám trong khi Thám đang cướp mấy nơi thượng du Bắc Ninh.

Tin đó Thám đã biết rồi, nhưng vẫn giả làm không biết, thỉnh thoảng vẫn sai thủ hạ tìm đến Bá Phức, hỏi han việc nọ việc kia. Bá Phức cũng yên chí rằng Thám chưa biết việc mình ra hàng, cho nên nay mới vâng lệnh Lê Hoan vào trại quân Thám...

Khi ấy Cả Dinh ra khỏi, Thám lại bình tĩnh ngồi đợi. Một lát, thấy Bá Phức vào, tay xách một chiếc hòm gỗ, theo sau có mấy tên hầu.

Hớn hở, Thám đứng dậy vái chào, rồi mời Bá Phức lên giường cùng ngồi. Đặt chiếc hòm gỗ xuống gầm giường Bá Phức ngồi ghé cạnh giường, chỗ gần với chiếc hòm gỗ, bốn tên hầu đứng hầu ở ngoài.

Trước khi nói chuyện, Thám sai sắp sửa bàn đèn mang ra, vì Thám đã biết ông già ấy nghiện nặng, những lúc đi xa mới nghỉ, nếu không hút thì không thể nào chịu được.

Trên chiếc khay gụ bóng lộn, ngọn đèn dầu lạc lập lòe chiếu xuống nét xanh tím của những miếng khảm trai. Cha giả, con hờ đối mặt nằm ở hai bên, điếu tạc điếu thù, vừa hút thuốc vừa nói chuyện.

Kéo luôn một sạp độ hơn 10 điếu, Bá Phức tỉnh như con cáo.

Nhìn mặt ông già, Thám cung kính hỏi:

– Thưa cụ, độ này cụ vẫn ở miền Lạng Giang đó chứ!

Bá Phức sửng sốt hỏi lại:

– Thế ra anh chưa biết à! Lão mới bị thua một trận tan nát hết cả. Lần mãi mới vào đến đây, cốt để bàn định với anh. May sao trong lúc đi đường lão đã giúp anh một việc rất lớn. Nếu không có lão, thì anh tất bị nguy hiểm.

– Việc gì vậy, thưa cụ?

– Độ này anh có hút không, làm sao không chịu thôi đốc quân lính? Chúng nó canh phòng cực kỳ sơ suất, đến nỗi có tên thám tử lọt vào mà cũng không biết. Lão đi tới đây, thấy có người vơ vẩn trong rừng, coi bộ đáng ngờ, mới sai mấy thằng kia bắt lại hỏi dồn mấy câu, thấy nó trả lời lúng túng, ngú ngớ, lão liền khám soát trong mình, thì có một bức địa đồ, té ra nó định dò la đường lối trong rừng. Giận quá, lão sai chém luôn, cái đầu nó và bức địa đồ hiện đựng ở trong hòm kia, lão muốn đem cho anh xem, để anh biết mà phòng bị.

Nói vậy, Bá Phức tưởng là đánh lừa được Thám, nhưng giấu đầu vẫn còn hở đuôi, giết người giữa rừng, lấy đâu ra hòm mà đựng cái đầu ấy, sự khờ hớ đó dẫu kẻ cực ngu cũng biết ngay, huống chi một người thông minh như Thám. Tuy vậy, Thám vẫn giả vờ như tin là chuyện có thực, nét mặt mừng rỡ và nói:

– May quá, thật là trời giúp! Nếu không gặp cụ, thì nó sẽ dò hết địa thế nơi này chớ chẳng chơi. Đâu? Xin cụ cho con coi cái đầu ấy?

Ngồi nhỏm ngay dậy, Bá Phức cúi xuống cạnh giường, se sẽ mở nắp hòm ra.

Thám cũng ngồi lên, giả cách chống tay vào lòng, kỳ thực cốt nắm lấy khẩu súng lục, phòng sự bất trắc của Bá Phức.

Một tay cầm bức địa đồ, một tay xách cái đầu người máu đã thâm tím, Bá Phức chìa cho Thám xem và nói:

– Anh thử nhìn xem mặt thằng nào đây!

Thám ngắm nghía cái đầu người và bức địa đồ rồi nói:

– Thằng này coi mặt lạ lắm, có lẽ là dân Thổ, nhưng cái địa đồ nó vẽ thì cũng hơi đúng.

Đặt bức địa đồ xuống giường, Bá Phức quay ra bỏ chiếc đầu người vào hòm, rồi ra bộ đắc ý mà rằng:

– Đó, quân lính của anh canh phòng như thế đã giỏi hay chưa?

Vồn vã, Thám cảm ơn Bá Phức một cách ân cần, rồi sai quân hầu ra gọi Lĩnh Huân và Thống Luận.

Giây lâu, hai người bước vào, vái chào Bá Phức và Thám, rồi chắp tay đứng ở trước giường.

Thám nhìn mặt hai người đưa mắt một cái và mắng:

– Các anh canh phòng thế nào, để cho quân gian vào được trong rừng mà vẽ địa đồ kia kìa. Nếu không gặp cụ, thì cái đồn này phỏng còn gì nữa! Nay hãy tha cho lần đầu, nếu còn trễ nải như thế, ta sẽ cứ theo quân pháp mà trị tội.

Hai người dạ dạ mấy tiếng, nét mặt ra vẻ sợ hãi. Muốn coi thử Bá Phức định làm trò gì, Thám bèn đuổi hai người đó và các vợ, các con, các quan hầu đều phải ra hết. Trong nhà chỉ có Thám và Bá Phức cùng mấy tên hầu Bá Phức mà thôi. Cha giả, con hờ lại cùng nằm hút.

Cóc có gan cóc, nhái có gan nhái, không khí trên giường lúc đó đầy khê những sự ngờ vực.

Trống đồn điểm canh ba, gió thổi lá rừng lác đác, trăng non vừa lặn, hơi sương lạnh ngắt theo ngọn gió đưa vào trong nhà, trên vách mấy ngọn đèn dầu dần dần lù mù, như đã mỏi mệt buồn ngủ.

Giọc tẩu vẫn sè sè kêu, hơi thuốc vẫn ngào ngạt xuông, khói thuốc vẫn vẩn vơ, vơ vẩn bốc lên, Thám tuy không nghiện, nhưng sức hút cũng theo được kịp Bá Phức. Mỗi người hút luôn độ vài chục điếu, góp ít nhiều câu chuyện tầm phơ, rồi ai nấy con mắt lim dim ra chiều giở thức giở ngủ.

Thực ra Bá Phức ngủ thế nào được, tâm sự của hắn còn để cả ở chiếc hòm gỗ kia, nó buộc hắn không giây nào mà bẵng quên được. Chẳng qua hắn cũng giả ngủ để chờ cơ hội đó.

Càng lâu, Thám càng nằm im, hai mắt nhắm nghiền, hơi thở rất đều đặn.

Chắc là Thám đã say thuốc ngủ say, Bá Phức se sẽ ngồi dậy, châm lửa hút thuốc, con mắt, lỗ tai, đều chăm chỉ để vào trạng thái động tĩnh của Thám.

Thám vẫn nằm yên, hơi thở không hề đổi khác.

Cái phút quý hóa, cái phút trời phật đều phù hộ cho mình, cái phút mà vô số những cảnh phú quý, công danh sắp sửa bày ra trước mắt, mừng quá, Bá Phức nhẹ nhàng đứng dậy dí tàn đóm vào đầu sợi dây quấn ở quanh chiếc hòm gỗ, rồi nhón hai ngón chân, nhanh như cắt, đi luôn ra cửa, bốn tên hầu cũng đều theo đi.

Lên tới cổng trại, quân canh giữ lại không cho đi, Bá Phức xưng là cha nuôi quan Đề, và nói có việc cần kíp, quan Đề bắt phải đi ngay ban đêm, đến gần sáng thì sẽ trở lại.

Quân canh nhất định không nghe. Bá Phức dọa nạt mà rằng:

– Nếu mà nhùng nhằng lỡ việc, ấy là tại tội các anh, ngày mai đừng có trách!

Quân canh cũng có ý sợ, mới xin Bá Phức hãy để lại đây hai tên quân hầu làm tin.

Cực chẳng đã Bá Phức đành phải nghe lời.

Sau khi ra khỏi cổng trại, ba thày trò dắt díu lẫn nhau, lần đường đi về mặt Luộc Hạ.

Mây đen phủ kín bầu trời, dưới những bóng cây um tùm, đường đi tối như hũ nút, vạch gai, rẽ cỏ, Bá Phức vừa đi vừa hồi hộp, chỉ sợ có người đuổi bắt. Đi được một quãng hơi xa mới hơi vững lòng. Lúc này Bá Phức bụng chỉ nghĩ thầm: "này này nó nổ". Tiếng gà eo óc trên các đồi xa; bên cạnh đường, giun dế kêu rền rĩ, trong rừng vẫn không thấy động tĩnh chi hết, Bá Phức nóng ruột, mình lại hỏi mình: "có lẽ thuốc hả hay sao? Làm sao không thấy gì cả thế này?"

Đương lúc băn khoăn nghĩ ngợi, thì bỗng đằng sau đánh "ầm" một tiếng nghe như đổ núi lở đồi, trên cây chim chóc xào xạc bay ra, dưới rừng, cầy, cáo, hươu nai nhốn nháo tìm đường chạy trốn.

Bá Phức reo lên mà rằng:

– Chết rồi! Đề Thám chết rồi! Có lẽ vợ con tướng tá của nó cũng chết hết rồi.

Rồi, quay lại bảo hai tên hầu:

– Khá lắm! Chúng bay thế nào cũng được thưởng to! Chỉ thương cho hai thằng kia, không biết chúng nó có trốn được không?

Thầy trò đều vui vẻ, ai nấy rảo bước mà đi, ra đến cửa rừng thì trời vừa sáng. Bá Phức về thẳng trại quân Lê Hoan thuật rõ tình hình và xin thưởng công cho những tên hầu cùng đi theo hôm ấy.

Ông Lê Hoan lúc đó đương làm Tổng đốc Bắc Ninh, lại có kiêm chức Đổng lý quân vụ. Chính phủ giao cho lĩnh một đạo quân đánh Thám. Lạ gì cách hành binh của các quan ta hồi đó gặp giặc thì cũng chờn vờn bắn chơi cho tắc trách, kỳ thực tuy có đánh nhau mà giặc không chết, lính cũng không, chẳng chết ai hết. May mà dụ được Bá Phức ra hàng, cho nên đối với Chính phủ, Lê Hoan cũng vẫn có công.

Nay lại nghĩ ra mưu lạ, khiến cho Bá Phức dùng bom ám sát được Thám, ông ta mừng rỡ biết chừng nào, tức thì sai người thảo tờ bẩm gửi về Hà Nội xin thưởng cho thầy trò Bá Phức, một mặt thì kiểm điểm quân lính, kéo thẳng tới miền Hữu Thế, phá nốt sào huyệt của Thám.

Đến nơi, quân Lê Hoan họp với một đạo lính tập kéo vào trong rừng, chặt cây phát cỏ, mở lấy đường lối mà đi.

Cũng như lần trước, quân đi phải dò từng bước, nhưng lần này thì ai nấy đều được vững dạ, vì rằng Thám đã chết rồi, dư đảng chắc cũng tan nát, không ai chống cự được nữa.

Đường dọn đến đâu, quân đi đến đấy, vào nơi sào huyệt của toán giặc lớn, không khác vào nơi rừng hoang, luôn trong mấy ngày, tuyệt nhiên không phải bắn một phát súng.

VII. TRẬN ĐẠI CHIẾN Ở THÁI NGUYÊN

Mặt trời sắp lặn, bóng tà dương lấp ló trên đầu cây, đồi núi bốn bên, hơi đất bốc lên nghi ngút; bữa đó, giữa tiết mùa hạ, khí trời nóng bức như nung, toán lính tập và toán quân Lê Hoan kẻ đeo đạn, người chặt cây, hăm hở, tiến vào Hữu Thế, ai nấy sắc mặt đỏ gay, bồ hôi ướt đẫm mấy lần áo. Quân đi gần tới giữa rừng, thì trời tối sầm. Hiệu kèn nghỉ vừa mớt dứt tiếng, quân lính vừa mới dừng tay dừng chân, thì đùng đùng một sạp súng nổ, hơi thuốc khét lẹt, đạn súng tự trong bụi rậm bắn ra như mưa. Vì không phòng bị, và không đủ can đảm mà đứng lại, toán quân Lê Hoan quay đầu lùi trước, rồi toán lính tập cũng phải lùi sau, thẳng một mạch về đến Nhã Nam, kẻ vấp người ngã lổng chổng.

Trận này chưa giáp lá cà, quân lính chỉ chết ít người và phải ít người bị thương, may sao Lê Hoan không đi, Bá Phức tuy có đi, nhưng vẫn lảng vảng ở ngoài, nên cũng lanh chân chạy thoát.

Thấy vậy, quan Đại lý Nhã Nam lấy làm nghi ngờ, không chắc Thám đã chết thật. Nhưng Bá Phức và Lê Hoan thì nhất định Thám đã chết rồi. Bom nổ như vậy, sống sao được mà chẳng chết! Những đứa chống lại quan quân đó, chẳng qua là dư đảng của Thám mà thôi.

Hai người đều hăng hái tình nguyện ngày mai lại kéo quân vào rừng Hữu Thế. Chiều lòng, quan Đại lý Nhã Nam cũng phái một đội lính tập cùng đi.

Bữa sau, trời vừa tảng sáng, lính tráng cơm nước đã xong, Lê Hoan cùng Bá Phức đem một đạo lính khố xanh, hợp với đạo lính khố đỏ cùng tiến vào rừng. Lần này Lê Hoan sai khiêng tút đạn thật nhiều, vừa đi vừa bắn, bắn vung tàn tán từ ngoài cửa rừng mà vào. Vào đến giữa rừng, thì thỉnh thoảng trông hút đằng xa, thấy có một toán độ vài ba người, nhốn nháo kiếm đường lẩn trốn, mà người nào cũng đều khăn trắng, áo trắng cả. Đi một quãng nữa, lại thấy một đám ít người vừa khiêng quan tài vừa chạy, trong đám có người đàn bà khăn trắng áo trắng đi theo.

Ừ! Thám chết rồi mà! Bá Phức chắc mẩm như vậy. Hắn mới bạo dạn đưa Lê Hoan và quân lính thẳng đến trại quân của Thám.

Cái nhà nằm hút hôm xưa, nay đã tan tành đổ bể, mấy bức tường đá bắn đi xa hơn mười thước, ném đổ luôn mấy nếp nhà gần bên, chiếc giường gỗ gụ, nát thành từng mảnh vụn bét.

Bá Phức chỉ bảo Lê Hoan:

– Đây, hôm xưa, lúc tôi trở ra, hắn vẫn nằm ngủ trên cái giường này. Bây giờ cái giường nát vụn thế này thì xác hắn phỏng còn gì nữa.

Lê Hoan gật đầu:

– Có lẽ cái quan tài mà chúng khiêng đi vừa rồi, chính là có xác Đề Thám. Tiếc rằng không đuổi bắt được.

Rồi, Lê Hoan truyền lệnh phá nốt dinh trại, đồn ải, lấp các hầm hố, bẫy cạm. Chiều hôm đó, kéo quân ra đóng ở cửa rừng.

Tướng giặc chết, đảng giặc đã tan, từ nay hết nạn Đề Thám, quân lính thảy đều mừng rỡ. Lê Hoan, Bá Phức cũng đều tấp tửng

mừng thầm: chẳng những hạt Bắc Ninh từ đây sẽ được bình yên, mà cái cuộc tiến chức thăng quan, cũng chẳng bao lâu sẽ tới.

Đóng quân xong rồi. Lê Hoan một mặt sai Bá Phức phi báo về đồn Nhã Nam, một mặt truyền cho quân lính mổ trâu giết bò, ăn mừng một tiệc thật lớn.

Rượu hàng hũ, thịt hàng mâm, cơ nào đội ấy, ăn uống cho bõ mấy ngày gian nan. Chừng tới canh hai, từ cai đội đến lính tráng ai nấy bèn ngủ lăn ngủ lóc, có chỗ mâm bát còn bỏ lổng chổng. Cửa đồn mấy chỗ lính gác cũng đều ngủ gà ngủ vịt, bao giờ đến lượt đi tuần, bấy giờ mới chịu bừng mắt đứng dậy. Trong đồn, ông Lê Hoan vì còn tính toán cái cuộc tương lai nên cứ nằm rồi lại ngồi, lật quật, ngủ không yên giấc.

Đoành! Đoành! Súng nổ chuyển một góc rừng, tiếp đến tiếng người hò hét ầm ầm, ngoài đồn vô số quân lính, gươm mác sáng quắc, xông vào.

Dữ như hùm, lạnh như cắt, toán quân ấy chia làm nhiều lớp, lùng khắp các nơi, bấy giờ lính của Lê Hoan, vì bị say rượu, đứa mới ngủ dậy đương ngáp, đứa thời hãy còn oằn oại, khí giới bỏ ngổn ngang từng đống. Toán quân kia lấy hết súng đạn, rồi trói mấy người bắt phải dẫn đi tìm bắt quan Đổng, vì họ không biết rõ mặt quan Đổng thế nào.

May thay từ khi nghe thấy súng nổ, Lê Hoan đã thay lần áo ngoài, theo bóng tối lẩn đi được rồi.

Tầm nã khắp lượt, vơ vét rất nhiều binh khí, một người đầu đảng nổ năm phát súng làm hiệu, toán quân ấy lại họp thành bọn và rú vào rừng.

Sáng mai, Lê Hoan trở về, điểm lại quân lính, chỉ chết mấy tên lính canh mà thôi, nhưng khí giới thì mất nhiều lắm.

Đảng giặc này chắc là quân của Đề Thám, Lê Hoan nghĩ thầm như vậy. Song đó cũng cho là tàn quân sống sót mà thôi, chứ Đề Thám thì còn đâu nữa.

Chẳng riêng gì một Lê Hoan, khắp miền Yên Thế, ai ai cũng tin là Thám đã chết. Thám chết thì còn sợ gì. Luôn bữa đó, Lê Hoan tư về Nhã Nam xin thêm súng đạn, rồi lại đem quân vào rừng Hữu Thế dò la tung tích đảng Thám.

Quả nhiên không thấy người nào, vùng Yên Thế lại được bình tĩnh.

Cách đó vài hôm, Lê Hoan kéo quân về Bắc Ninh.

Cũng như Yên Thế, Thái Nguyên, vẫn một xứ hiểm trở, nhất là về miền Tam Đảo, núi vừa cao vừa dài, rừng vừa to vừa rậm, suối sâu đèo dốc, đường đi đã ít lại quanh co, thuở xưa nhắc đến Thái Nguyên, ai cũng phải tưởng tượng luôn cái cảnh ma thiêng nước độc.

Đối với Yên Thế, Thái Nguyên lại là lân bang, trong những khu rừng núi liền núi, hai xứ vẫn thông nhau bằng mấy con đường khuất khúc và nhỏ hẹp.

Nhưng mà những con đường ấy, trừ dân Thổ Mán, chưa ai dám đặt chân vào.

Trong những hồi Đề Thám tung hoành ở Yên Thế, Thái Nguyên vẫn được yên lành. Vì xứ này đất rộng dân thưa, lương thực khó kiếm, không phải là nơi dụng võ, cho nên xưa nay ít sản xuất những tay tợn nghịch ngang tàng.

Tuy vậy, quan sứ Thái Nguyên hồi đó là M.Sestier cũng vẫn để ý đề phòng. Bởi vì, đương khi giặc cướp còn nhiều, việc binh bị vẫn là việc rất cần cho cuộc bảo hộ.

Bữa đó, trời vừa sáng rõ, tòa sứ vừa ngỏ cửa, quan sứ vừa ra.

Bỗng thấy có tin báo rằng: Hiện có toán giặc ở đâu kéo đến, đóng lại gần núi Cồ Vân. Chúng có rất nhiều súng ống, đã đánh phá mấy làng cạnh đó!

Giặc nào vậy? Ai nấy đều ngạc nhiên.

Tức thì M.Sestier cử viên giám binh cùng mình dẫn một đạo lính khố đỏ theo đường Phấn Mễ, đi thẳng tới chỗ có giặc.

Giặc nào vậy?

Chắc ai cũng đoán là dư đảng Đề Thám.

Không phải, chính Đề Thám đó. Người ta vẫn tưởng Thám đã chết về trái bom của Bá Phức rồi; kỳ thực Thám vẫn còn sống.

Số là trong khi Bá Phức vào trại, Thám đã biết chắc sẽ có sự không tốt cho mình, nên vẫn để ý đề phòng từng ly từng tý. Cái lúc Thám ngủ đó, không phải ngủ thật, mắt tuy nhắm mà tinh thần vẫn tỉnh, cốt giả ngủ để dò cử động của Bá Phức đó thôi. Bá Phức trở dậy hút thuốc, châm lửa vào ngòi trái bom, Thám đều biết cả.

Sau khi Bá Phức ra khỏi cửa. Thám ngồi phắt dậy, thấy mùi thuốc súng khét lẹt, ghé xuống gầm giường thấy lửa đương cháy xì xì, Thám vội dí tắt cái ngòi lửa đi, rồi lập tức gọi vợ con và các tướng tá ở đó phải trở dậy dọn trại ngay đi nơi khác, nếu chậm thì sẽ chết cả.

Chỉ trong nháy mắt, khí giới dọn xong, trong trại còn trơ mấy nếp nhà bỏ không. Thám đuổi quân lính phải tránh cho xa, tự mình lại châm lửa vào ngòi bom, rồi lanh như chớp, Thám cũng chạy đi một chỗ.

Lúc bom nổ, Thám đã bình yên đóng quân ở trại mới, cách trại cũ độ vài cây số.

Ý Thám chỉ cốt làm cho Lê Hoan tưởng mình đã chết, ngông nghênh kéo quân vào, thì Thám sẽ dùng tử lực mà đánh, vì vậy mới bắt quân sĩ ăn mặc đồ trở, khiêng quan tài, lượn lờ trong rừng, để cho Lê Hoan trông thấy.

Quả nhiên Lê Hoan mắc mẹo, bị thua luôn với Thám mấy trận.

Tuy được Lê Hoan, Thám cũng không muốn ở luôn Hữu Thế nữa, sợ rằng ở đó chẳng bao lâu sẽ có đại binh của Chính phủ kéo lên, thì không thể nào địch nổi, bất nhược nhân lúc thắng trận, cứ bình yên mà đi nơi khác. Vả lại, Thám vẫn tin rằng: việc hành binh cần phải thần xuất quỉ một, nay ở chỗ này, mai ở chỗ kia, một là khiến cho người ta không biết đường nào mà dò, hai là khiến cho quân của Chính phủ phải lật đật về sự đi lại, vì vậy Thám mới bỏ đồn Hữu Thế, rút cả sang miền Thái Nguyên...

VIII. GIA ĐÌNH CÔ CẨN

Một dẫy chuối tiêu xanh ngắt, nấp trong hàng rào nứa lơ thơ. Mấy cây bưởi ngọt, nhãn lồng, lá rủ cành la, như muốn tỏa bóng mát che cho những thứ cam sành chanh cốm. Cái trại của ông Cả Lộc tuy không rộng mà có ngăn nắp. Khắp cả chung quanh không hề xen một ngọn cỏ nào.

Trong trại chỉ có vài nếp nhà nhỏ, mái tranh, tường đất, cách cẩn tạo rất sơ sài, nhưng mà hiên thềm cao ráo, bước vào thấy mát rời rợi. Nhất là về mấy tháng xuân, các thứ cam bưởi đều ra hoa, đứng đâu cũng mùi thơm ngát.

Ông Cả Lộc nguyên quán ở làng Vạn Vân, đến đó sinh cơ lập nghiệp. Bao nhiêu năm vất vả, chân lấm tay bùn, mưa dầu, nắng dãi, ông mới sửa sang được khu trại cỏn con này. Bấy giờ đầu bạc phơ phơ, nhờ có bấy nhiêu hoa quả thanh bông, ông cũng đủ tiêu dao ngày tháng.

Bà Cả mất đã lâu, để lại cho ông hai người con, một trai, một gái.

Trai là Cả Luận năm ấy khoảng ngoài ba chục tuổi. Từ thuở nhỏ, Luận chỉ ưa nghề cung kiếm, không thiết làm ăn, tuy có theo lệnh ông Cả, đi học ít năm, nhưng cũng ề à học cho biết qua, không chịu cắm cúi như các người khác.

Trong hồi Bá Phức lập ra những đoàn hương binh, Luận cũng dự vào. Những lúc Bá Phức chạy sang Vân Nam về giúp Cai Kinh, Luận cũng theo đi tất cả. Nhờ mấy dịp đó, Luận mới quen biết Đề Thám. Từ khi Cai Kinh chết, Bá Phức phải phiêu lưu, Luận mới đi cầm quân giúp Thám. Thám cũng yêu Luận, tin Luận, nên đã phong cho làm chức Thống tướng, vì vậy người ta mới gọi "Thống Luận", lâu nay Luận vẫn ở với Thám.

Gái là cô Cẩn, kém Luận sáu tuổi. Tuy chẳng có cái dung nhan "nhạn sa, cá lặn" như các mỹ nhân trong tiểu thuyết Tàu, nhưng cô Cẩn cũng là hạng con gái dễ coi, nét mặt sáng sủa và có vẻ nhanh nhảu, nhất là đôi con mắt lóng lánh như gương, rõ ra tướng một người linh lợi.

Khác hẳn các bạn gái, cô Cẩn không ưa cái thói e lệ rụt rè. Gặp việc gì cô cũng bạo dạn xông pha, dù ai chê cười cũng mặc. Nhưng mà giống với tính anh, cô ta chỉ thích đeo gươm cấp nỏ, vào rừng săn bắn mà chơi, không tưởng gì đến cây cối vườn tược. Vì vậy, nhiều khi ông Cả gắt mắng tàn tệ, nhưng cô cũng không chừa.

Vậy mà cô Cẩn này lại ham sự học, những lúc Cả Luận đi học về nhà, cô lại bảo anh dạy mình những chỗ đã học, trước còn nhận những mặt chữ, nghĩa chữ sau rồi học viết.

Nhờ sự chịu khó và tính thông minh, cho nên chẳng bao lâu cô đã có thể đọc sách hiểu nghĩa, tuy chẳng làm nổi văn chương, nhưng thư từ chữ Nho cô viết đã thông. Thứ sách mà cô ưa đọc hơn hết là những bộ *nhâm, cầm, độn, toán* và mấy bộ binh thư của Tôn Vũ, Ngô Khởi. Đối với con mắt các nhà khoa học ngày nay, những sách ấy phần nhiều là đồ vô dụng, song, đối với ý tưởng cô Cẩn, thì những

cuốn sách ấy lại là những vật hữu dụng, có thể suy tính và dự đoán hết mọi việc sắp sửa xảy ra. Bởi vậy cô cứ đêm ngày nghiền ngẫm, học kỳ thuộc lòng mới thôi.

Cả Luận tập võ, cô cũng xin anh cho học theo. Nhờ vậy, người cô tuy nhỏ nhưng sức rất khỏe, đàn ông chẳng thấm vào đâu! Tuy ở nhà quê, nhưng cô chỉ muốn biết việc nước, mỗi khi gặp ai nói chuyện về thời sự, thì cô cứ mê mệt mà nghe, y như trai gái say chuyện của nhau vậy.

Lúc đó nhiều người bảo cô điên rồ, cho nên xuân xanh đã ngoài hai mươi, mà không hề có ai dám hỏi chi hết. Dù vậy mặc lòng, cô cũng không lấy sự đó làm bực mình. Vì cô cho rằng những tiếng khen chê của người đời, không có gì là quan hệ, vả cái người chồng trong trí tưởng tượng của cô không phải là người vùng đó.

Từ khi Cả Luận đi theo Đề Thám, ông thân vẫn lấy làm buồn, trái lại, riêng cô lấy làm vui, vì cô cho rằng anh mình đã làm được một việc đồng ý với mình, cho nên vẫn để ý hỏi han tin tức của quân Đề Thám, trận nào Thám được, trận nào Thám thua, cô đều biết cả. Luận cũng tin em, thường thường sai người thông tin tức cho em.

Bữa đó trời vừa sáng rõ. Cô Cẩn mới ngủ dậy, chợt thấy có người lẻn vào nói rằng:

Tháng trước, quan Đề (Đề Thám) mới thua một trận to lắm ở Thái Nguyên, đồ đảng quân sĩ tan lạc hết cả, hiện nay chưa biết ai chết, ai sống. Nhưng quan Thống nhà ta (Thống Luận) thì may trốn được. Nhân lúc đi tìm quan Đề, chiều hoặc đêm nay, quan Thống sẽ tạt về thăm nhà, và có mấy ông khách cùng về. Bởi vậy, người cho báo tin về trước, để cô ở nhà sắp sửa cơm rượu.

Nghe nói, cô Cẩn nửa vui, nửa buồn, buồn vì quân Thám bị thua, vui vì bao nhiêu năm nay, anh vẫn đi vắng, bây giờ anh em sắp sửa gặp nhau, những chuyện bí mật về việc quân, chắc mình sẽ sắp được nghe tất cả. Sau khi đã nói cho ông Cả biết cái tin đó, cô Cẩn lưu người thông tin ở nhà, rồi một mình đeo gươm xách nỏ vào rừng đi săn. Quá trưa, săn được con nai khá to đem về, cô tự giết thịt, làm một vài món đồ ăn, rồi lại tự đem ít thịt đổi cho một người trong làng lấy rượu.

Cơm rượu sửa soạn đâu đấy, chờ mãi không thấy anh về, cô mới ra đứng đầu làng trông ngóng.

Mặt trời đã lặn, dịp còi lá dứa, ấm ó giục trâu bò về chuồng. Đồng áng vắng tanh, trống thu không đã luôn hồi điểm nhặt.

Dần dần mây đen kéo đến, hơi sương tan ra, mấy ngọn đồi núi chung quanh đều bị nuốt vào bóng lù lù, bầu trời hiện ra cảnh thảm đạm.

Càng trông càng chẳng thấy anh, nóng ruột, cô Cẩn trở về dặn qua ông Cả vài câu rồi lại một mình đeo gươm cắp nỏ ra đồng đón anh. Rồi thuận đường cô lại kéo thẳng vào rừng, vì cô tin rằng anh mình sẽ luồn rừng mà về.

Khu rừng rậm rạp, um tùm, đường đi như mạng nhện, tìm người cũng như tìm con chim chích, còn biết lối nào mà dò. Cô Cẩn biết vậy, song cô cũng cứ đi, đi cho khuây cái lòng mong đợi, hoặc giả may mà gặp anh cũng chưa biết chừng.

Gió thổi hiu hiu, lá rừng điểm giọt sương lộp độp. Tiếng giun tiếng dế, rền rĩ khóc trong khe đá gốc cây.

Trên những chòm cành lá lơ thơ, cú vọ gọi ma rừng, khoan nhặt buông ra giọng âu sầu buồn bã. Xa xa mấy khu bụi rậm, cọp đói rên những tiếng thật dài.

Đêm tối, đường rừng, một thân thui thủi, bao nhiêu cảnh đáng kinh, đáng sợ, dồn dập nhau kéo đến bên mình. Nhưng cô Cẩn thì coi như không, một là vì cô sẵn có tính can đảm, hai là vì đường lối trong rừng ngày thường đi lại đã quen, dù rằng bóng tối om om, mà khi lên dốc xuống đèo, chân cô không hề lầm bước.

Lâu lâu, mây đen tan hết, trăng khuya bắt đầu mọc, dưới những khe lá, một vài tia nắng xuyên qua, chị Hằng như có ý soi đường đi cho bạn gái. Rẽ lối này, quanh lối khác, cô Cẩn một mình lẽo đẽo kiếm mãi không thấy anh, nhưng cái nhiệt tâm của cô, nó buộc cô cứ luẩn quẩn trong rừng không thể dứt tình về được.

Thình lình đi qua một đám cây rậm, sịch nghe có tiếng lá cây sột soạt, đưa mắt nhòm sang, thấy rõ bóng người cao lớn, chĩa súng nhắm mình mà bắn. Lanh như cắt, cô Cẩn né mình sang một bên, vừa giơ thanh gươm phòng để gạt đạn, vừa hỏi một cách bạo dạn:

– Ai?

– Tôi.

Tiếng trả lời từ trong bụi cây dõng dạc đưa ra. Rồi người cao lớn ấy buông tay súng xuống, đứng im như có ý nghĩ ngợi.

Nghe rõ ra tiếng đàn ông, nhưng không phải tiếng anh mình, cô Cẩn cũng buông thanh gươm xuống và hỏi tiếp:

– Ông đi đâu mà đêm khuya trời tối thế này, hãy còn nấp náu ở đó?

Ôn tồn, người kia đáp lại:

– Chẳng giấu gì cô, tôi ở đường xuôi lên đây đi buôn thuốc phiện. Chẳng may giữa đường bị kẻ cướp đón đường cướp mất. Tôi chạy tháo thân vào rừng, không ngờ trời tối, không biết đường nào mà đi, mới phải đứng nấp ở đây định chờ cho đến sáng. Cô có biết lối nào đi ra, làm ơn chỉ giúp cho tôi?

– Ông đã có súng làm sao gặp cướp không bắn, mà lại chạy?

– Tôi cũng có bắn, nhưng không trúng người nào. Vả lại, họ cũng có súng, nếu không chạy thì chết với nó.

– Bây giờ ông định đi đâu?

– Tôi muốn ra khỏi khu rừng nguy hiểm này, ngày mai sẽ xuôi về Bắc Ninh.

Có ý thương hại, cô Cẩn gạt đi mà rằng:

– Đi về mạn ấy thì đường rừng còn dài lắm. Nhà tôi cũng ở gần đây. Nếu ông có muốn ngủ trọ, tôi sẽ đưa ông về nhà?

– Vâng, cám ơn cô. Nếu được vậy thì may cho tôi lắm. Nhưng tôi trong mình có súng, vứt đi thì tiếc, mà đem cả đến nhà cô không biết có tiện hay không?

Vừa cười, cô Cẩn vừa đáp:

– Được! Không sao! Cái đó ở nhà tôi là vật rất thường. Mà tôi cũng không thèm lấy của ông đâu! Ông cứ vững dạ mà đi không sợ chi hết. Thôi đi đi!

Dứt lời, cô Cẩn nhẹ nhàng đi trước, người kia cũng nhanh nhảu theo sau.

Leo cành cây, luồn bụi rậm, xéo lên những đống gai góc kềnh càng, đường rừng, đi rất là khó nhọc, có lúc qua khúc suối, cô Cẩn phải đu ngọn cây mà văng mình sang. Người kia chừng cũng quen cách đi rừng cho nên cô Cẩn sang rồi, hắn cũng dùng lối đánh đu mà sang luôn được, không phải chờ đợi một phút nào cả.

Khoảng nửa giờ, ra khỏi cửa rừng, đi một quãng dài nữa, đến làng. Cô Cẩn vạch lũy vào trước, người kia theo lối vào sau. Tới nhà mới sang canh ba, đèn hãy còn thắp, ông Cả cũng chưa đi ngủ.

Cô Cẩn đon đả mời người ấy vào trong nhà, rồi giới thiệu cho biết ông cụ già đó là ông thân của mình.

Người ấy vái chào ông Cả, rồi ngồi vào chiếc giường ở gian bên kia.

Trông cô Cẩn, ông Cả vồn vã hỏi:

– Thế nào? Không gặp anh mày à? Người đi với mày là ông nào thế?

Cô Cẩn lễ phép đáp:

– Thưa thày, con không gặp anh con đâu ạ! Còn ông khách này là một người đi buôn bị cướp, chạy lạc vào rừng. Thấy nói con cũng áy náy thay cho, nên mới mời về đây nghỉ.

Vừa nói, cô Cẩn vừa nhìn người khách, có ý coi xem mặt mũi thế nào.

Người ấy cũng đứng dậy, nói một cách cung kính:

– Thưa cụ, tôi chẳng may gặp phải vận nạn, xin cụ cho phép ngủ nhờ một đêm, sáng mai tôi sẽ xuôi sớm!

– Được! Nhà rộng, ông cứ ngủ đây với tôi. Nếu chưa tiện xuôi, thì hãy ở đây vài ngày cũng được. Bây giờ chắc ông chưa ăn cơm tối, để tôi bảo cháu làm cơm ông xơi.

Rồi, ông Cả quay sang bảo cô Cẩn:

– Con đi làm cơm mau mau, kẻo ông khách đói! Treo gươm lên vách, gác nỏ lên mái nhà, cô Cẩn lui xuống nhà dưới.

Ông Cả mời người kia sang ngồi cùng giường với mình nói chuyện.

Bắt đầu câu chuyện, người kia hỏi:

– Thưa cụ, năm nay cụ đã bao nhiêu tuổi, sinh hạ được mấy các cậu các cô?

Sau một tiếng thở dài, ông Cả khoan thai đáp:

– Tôi đã sáu mươi tám tuổi, chỉ sinh được hai đứa con, một con bé đi cùng ông lúc nãy, và một thằng con trai nữa.

– Cụ bà có nhà hay đi vắng?

– Bà nó nhà tôi chết đã lâu rồi. Ôi chao. Cái cảnh gà trống nuôi con cay đắng không biết chừng nào, ông ạ. Bây giờ chúng nó đã lớn, tôi mới được thư nhàn một tí.

Đương nói thì cô Cẩn đã bưng mâm lên, ông Cả rót rượu mời khách, mình cũng ngồi tiếp, cô Cẩn đứng hầu ngoài hiên.

Các món trong mâm toàn là thịt nai, rượu ngon đồ nhắm tốt, ông khách chừng cũng hứng thú, ăn uống một cách thực thà.

Gần cạn chén rượu, người khách liếc nhìn cô Cẩn rồi hỏi ông Cả:

– Thưa cụ, cô em năm nay đã bao nhiêu tuổi? Sao mà bạo dạn thế! Đêm khuya như vậy, một mình dám tay gươm tay nỏ vào rừng, tôi chưa thấy người con gái nào can đảm được vậy, chắc cô đi có việc gì hẳn?

Ông Cả vui cười đáp:

– Ấy tính cháu vẫn thế. Nó có thiết làm ăn gì đâu, cậy rằng bắn nỏ giỏi, bắn súng tài, lại biết được mấy miếng võ, cho nên ngày nào cũng lang thang săn bắn trong rừng, có hôm đến gần nửa đêm mới về. Tôi mắng bảo thế nào cũng không được. Hôm nay vì có tin nói anh nó sắp về, nên nó đi đón anh nó đấy.

– Thưa cụ, cậu cả đi đâu, có buôn bán chăng?

Nét mặt buồn rầu, ông Cả tiếp:

– Nào có buôn bán gì đâu, nó đi theo ông Đề Thám. Chẳng biết có làm nên cơm cháo gì không, mà bảy, tám năm nay không thấy nó về đến nhà.

Người kia vừa cất miệng toan hỏi nữa, thì ngoài cổng có tiếng gõ cạch cạch, rồi thấy có người gọi cổng.

Cô Cẩn hớn hở nói:

– Thưa thầy anh cả đã về.

Tung tăng cô ra mở cổng. Theo sau Thống Luận, thấy lố nhố ba bốn người nữa. Sau khi anh em chào nhau một cách vồn vã, cả bọn đó rầm rập đi vào.

Tới thềm, nhác thấy người khách, cả bọn không kịp hỏi đến ông Cả, ai nấy đều cúi đầu chào riêng một mình người khách.

Cái quang cảnh ấy, đối với cô Cẩn cũng như đối với ông Cả, ai nấy đều ngạc nhiên, không rõ người khách đó là ông thiên thần hay địa lý nào. Nhưng đối với độc giả, chắc ai cũng đoán ngay là Đề Thám. Nếu không phải Thám, bọn Thống Luận đâu có cung kính như vậy?

Thật phải Đề Thám hay không? Chưa coi đoạn sau, độc giả cũng chưa lấy gì làm đích xác lắm.

(...) [1]

---

1. Lược hai chương: Chương IX: *Mối duyên kỳ ngộ* và Chương X: *Đánh đồn Lạng Giang.*

XI. BA NĂM RA HÀNG

Trời mưa như trút, lá rừng gió thổi ào ào, trên trời mây đen ủ rũ, như có ý để tang mấy kẻ đã chết về nạn binh đao. Quanh vùng Yên Thế, súng vẫn nổi ầm ầm, trái phá vẫn bắn dữ dội, kèn trận vẫn thúc không dứt tiếng.

Phía trong, quân của Đề Thám vẫn nấp náu trong các bụi cây khe núi, chốc chốc lại nhằm bóng mũ vàng bắn ra, mỗi một viên đạn của họ, phải có một người nhào xuống, chẳng chết cũng bị thương, Nhưng, cái nhuệ khí của quân Chính phủ vẫn theo hơi thuốc khét lẹt mà bốc lên, kẻ trước vừa ngã, kẻ sau liền tiến.

Giữa lúc giao chiến kịch liệt, thì thấy có lệnh của Thám cho gọi mấy người đầu đảng về trại bàn việc.

Số là từ ngày Chính phủ đem quân lên miền Yên Thế tới nay, ngày nào cũng bắn vào dinh trại của Thám rất dữ. Thám tuy giữ chỗ hiểm yếu một người có thể đương nổi mười người, nhưng bên Chính phủ lính nhiều đạn nhiều, quân Thám bắn cũng không kịp. Ròng rã trong hai tháng trời như thế, đồ đảng của Thám chết người nào, mất người ấy; tút đạn của Thám bắn phát nào hết phát ấy, thế Thám dần dần yếu đi, đồng đảng của Thám cũng đã nhiều kẻ ra thú. Vậy mà quân Chính phủ vẫn tiến không lùi. Bấy giờ sự đã nguy cấp, biết rằng không thể chống với Chính phủ được nữa, Thám mới sai đòi mấy người tâm phúc vào trại để hỏi ý kiến của họ.

Một lát, bọn Thống Luận, Đốc Biều, Đốc Thu, Lĩnh Huân... và các vợ, các con của Thám đều kéo về trại, ai nấy sắp hàng đứng im dưới thềm.

Cất giọng buồn rầu Thám hỏi:

– Nay quân ta chết hại đã nhiều, mười phần chỉ còn ba, bốn, mà quan quân vẫn cứ đánh mãi, cứ như ý ta, thì chỉ trong mười ngày nữa, họ sẽ đánh vào đến đây. Vậy thì các người ai có mẹo gì, gỡ được nạn này hay không?

Đốc Thu hăng hái nói:

– Quân ta tuy bị thiệt hại nhiều trận, nhưng tính cả các trại, cũng còn được hơn nghìn người. Mà trong số hơn nghìn người đó, hầu hết là quân cảm tử, một người có thể địch nổi trăm người. Vậy cứ liều chết mà giữ, tôi chắc trong mấy ngày nữa, tất nhiên quan quân cũng nhược mà phải lui. Nếu họ không lùi bấy giờ ta cứ đổ ra mà đánh, thế nào cũng phá được tan.

Đốc Biều nói tắt mà rằng:

– Chưa chắc họ đã chịu lùi, vì tôi xem ra chuyến này họ hăng lắm, ta bắn chết họ đã nhiều mà họ "cứ tiến mãi". Quân mình chống được với họ, chỉ nhờ rừng núi hiểm trở mà thôi. Nếu mà đường đường ra mặt giao chiến, mình không thể mà địch lại họ được, vì quân họ nhiều gấp trăm phần quân ta kia mà. Theo ý tôi, nay hãy đánh tan vòng vây tháo đường chạy đi nơi khác, rồi sau lại liệu.

Cô Ba gạt đi mà nói:

– Hai anh nói đều không phải. Anh Thu bảo nên cố giữ lấy khu rừng này nhưng mà không thể giữ được, vì quan quân đã vào đến chỗ hiểm yếu của mình rồi. Anh Biều bảo nên tháo đường mà chạy, cũng không thể được. Từ ngày quan Đề khởi quân đến nay, đã mấy phen bỏ rừng này trốn đi rừng khác, rút lại lúc nào cũng vẫn nguy hiểm, chưa có gì là cơ sở vững vàng.

Liếc nhìn cô Ba, Thám hỏi:

– Giữ không được, trốn không được, thế thì chịu chết hay sao?

Cô Ba nghiêm sắc mặt, đáp:

– Sao lại chịu chết.

– Thế thì cô định thế nào?

– Bất nhược hãy xin ra thú.

Cả Trọng không bằng lòng, nói:

– Ra thú thà rằng chết cả còn hơn. Tôi xin dì đừng nhắc đến câu chuyện đó.

Tủm tỉm cười, cô Ba đáp lại:

– Phải! Nếu ra thú thật, thà rằng chết quách cho rảnh đời. Tôi nói ra thú, đó là "thú giả" để cho thư thả cái nguy trước mắt này thôi. Trong lúc ra thú, mình ngấm ngầm xếp đặt công việc như thường. Bao giờ cơ sở vững vàng, bấy giờ ta lại không chịu "thú" nữa, như vậy, thì có hại gì?

Cả Dinh nói:

– Dì nói phải đó, nhưng nếu người Pháp không chịu cho mình ra thú thì làm thế nào!

– Tôi chắc thế nào họ cũng bằng lòng. Vì lúc này ở dưới trung châu vẫn còn chưa yên, người Pháp đương cần tỏ lượng khoan hồng, để mua chuộc lòng dân nước ta, xem như họ đối với Lương Tam Kỳ thì biết.

Thám cũng khen phải, bèn sai các tướng đâu lại về đó, chống giữ quan quân, một mặt sai người viết thư nhờ người cố đạo ở Nhã Nam giới thiệu cho mình ra thú, trong thư nói rõ hạn đầu trong thời kỳ xin định là ba năm, và xin cai quản cả vùng Yên Thế.

Bấy giờ Chính phủ đánh Thám đã hơn hai tháng trời, quân lính nhược mệt, mà đảng Thám vẫn chưa tan, chưa biết đánh đến bao giờ mới tan. Vả lúc ấy cũng có nhiều việc khác nữa, không phải chỉ có một việc đánh Thám mà thôi. Vì vậy khi thấy Thám xin ra thú, Chính phủ muốn cho quân lính nghỉ ngơi, nên cũng bằng lòng cho Thám ra thú một hạn ba năm, giao cho Thám cai trị cả vùng Yên Thế, nhưng buộc Thám không được mộ người vào đảng, và không được đánh phá những làng không thuộc chính quyền mình, công việc của Thám đã làm, phải để cho viên Đại lý Nhã Nam kiểm soát.

Thám xin chịu hết các điều khoản.

Cách đó vài ngày, đại quân Chính phủ rút về Hà Nội.

Thế công khi đã xoay ra thế hàng, Thám không phải lo về sự chiến tranh, cái tư cách của một tay "quấy nước chọc trời", bề ngoài như đã đổi ra tư cách một người chủ ruộng.

Nam tới Lạng Giang, bắc tới Lạng Sơn, đông từ sông Sỏi lật sang, tây tự Thái Nguyên, Tuyên Quang trở lại, giang sơn Yên Thế, một giải rừng xanh, núi đỏ đều do quyền Thám chủ trương. Bây giờ Thám một mặt chiêu mộ điền tốt, tới đó phá núi vỡ rừng, cày cuốc các thung lũng, làm vườn làm ruộng; một mặt thì sai người dựng làng lập ấp cho dân, xây đắp các chỗ ở cho mình và đồ đảng của mình.

Chính chỗ Thám đóng ở đồn Phồn Xương, giữa có nhà gạch lợp ngói, sau có chuồng nhốt ngựa, trước có kho chứa lúa, kho đựng tiền, quy mô xếp đặt rất ngăn nắp, nhà cửa xây cũng kiên cố.

Lúc ấy Thám bắt đầu giao thiệp với người Pháp bằng cách ôn hòa, hoặc có sơn hào, lâm sản, Thám thường sai người đem biếu những viên Đại lý Nhã Nam, có khi Thám mời mấy người ấy đến chơi đồn mình, cũng có khi Thám tự thân hành ra tận Nhã Nam thăm các viên ấy.

Trong khi giao tiếp, Thám chỉ nói những chuyện lúa má mùa màng, hỏi những cách bón cây, trừ cỏ không hề đả động đến chuyện thời cục bao giờ. Một hai khi các viên chức Tây ở đó cũng muốn mời Thám ăn cơm, ăn tiệc để tỏ tình thân mật của đôi bên, nhưng tính Thám đa nghi, chỉ sợ hoặc bị đầu độc, nên không nhận lời lần nào.

Người ta đồn rằng: hồi đó có lần Thám ra Nhã Nam, cô Ba cũng đi theo, trong khi pha nước, cô Ba đưa mắt cho Thám. Biết ý, khi sắp uống nước, Thám vừa mời mọi người cùng ngồi, vừa cầm khay nước quay hẳn góc nọ sang góc kia, rồi mới cất chén mà uống. Trong đám có người cầm phải chén nước trước ở góc Thám sau bị Thám xoay ra góc mình người ấy chỉ súc miệng rồi nhổ đi liền, song cũng đứt lưỡi mà chết.

Muốn cho Thám được lòng Chính phủ, nhiều lần các viên Đại lý Nhã Nam đã khuyên Thám nên về ra mắt quan Toàn quyền và thăm cảnh Hà Nội luôn thể. Thám tuy không đi nhưng vẫn thoái thác một cách rất khôn khéo, cho nên người Pháp hoặc cũng tin rằng Thám đã thực lòng phục theo Chính phủ.

Thực ra trong lúc bình tĩnh này, Thám vẫn không quên cái chí vẫy vùng trời biển, suốt ngày suốt tháng chỉ lo tính về việc khởi binh.

Những dân làm ruộng của Thám, lúc vô sự họ vẫn cuốc vườn cầy ruộng, cắm cúi như dân quê mùa. Đến lúc hữu sự, cái bản tướng mới lộ ra, họ đều có thể vác súng ra trận, bắn phát nào trúng phát ấy. Bởi vì những người dân ấy phần nhiều là đảng cướp ở trung châu, hoặc quân tàn của văn thân ngày trước, bất đắc chí mà trốn lên đây. Cái việc bắn súng múa gươm, vẫn là việc sở trường của họ. Vậy thì đồn điền có bao nhiêu dân cày ruộng, ấy là Thám có bấy nhiêu chiến binh, gọi lúc nào được lúc ấy.

Khắp miền Yên Thế, cách bố trí của Thám, đều dự bị về việc dụng binh.

Cạnh đồn Phồn Xương, Thám có xây một pháo đài rất kiên cố và rất hiểm hóc cũng như pháo đài Hữu Thế ngày xưa. Thám tự đóng

dinh ở đấy, cho tiện việc đi lại trông coi các nơi, còn ba vợ ba con và các tướng tá, thì chia đi đóng khắp bốn mặt.

Chạy vòng từ đông lên bắc, bắt đầu từ Chợ Gồ, đồn của cô Ba, một bên giáp với đồn Thám, một bên liền với pháo đài làng Nưa, tức là pháo đài Hữu Thế ngày trước. Đối với Phồn Xương chỗ này là trọng yếu hơn hết.

Rồi đến Lũng Thượng, đồn của vợ cả Thám, rồi đến Gốc Gỗ, đồn của vợ hai Thám.

Rồi thì đến các khu quanh làng Định Tảo, đồn của bọn Cả Dinh, Cả Huỳnh.

Lại vòng một lượt từ bắc xuống tây, thì có những đồn Lục Giới, Bãi Miệt, và nhiều đồn khác: Thống Luận, Đốc Thu, Tổng Chu, Lãnh Huân, Đốc Biểu... đều ở mặt ấy, mỗi người coi riêng mỗi đồn.

Trong bấy nhiêu đồn đó, đồn nào cũng có pháo đài, và có rất nhiều điền tốt, nói cho đúng, tức là rất nhiều chiến binh. Những điền tốt ấy, ngoài người Annam ra, lại có dân Thổ ở mạn Tuyên Quang kéo về, và dân Tầu ở mặt Quảng Tây kéo sang nữa. Trong đám dân Tầu đó nhiều nhất là toán quân của Lương Tú Xuân, có đến hơn 50 người, Thám cho ở trong đồn Cả Huỳnh.

Bên trong xếp đặt đã yên, Thám lại ngấm ngầm sai các đồ đảng đem quân đánh phá các miền đường xuôi, dữ dội nhất là năm 1895.

Tháng 3 năm ấy, đêm 23, Thám sai Lĩnh Huân, Đốc Biểu, nhân lúc tối trời, lẻn xuống hạ đồn Phả Lại, cướp được khá nhiều tiền bạc và súng đạn.

Tháng 4 năm ấy, đêm 30, Thám sai Đốc Thu, Đốc Xuyết, dẫn một toán quân giả làm lính Nhà nước đi tuần, lẻn xuống Bắc Ninh đốt phá mấy nhà trong phố.

Thấy động, đội lính sen đầm kéo ra đồn đánh, nhưng không bắt được người nào. Verdene, Jean Moulhaud và nhiều lính tráng bị chết ở trận.

Tháng 9 năm ấy, đêm 15, Thám sai Cai Sơn, Tổng Chu kéo về phá làng Phú Liêm gần phủ Lạng Giang. Bọn này trước hết đốt đình làng ấy, để cho người làng đổ ra chữa cháy, rồi họ xông vào mấy nhà giàu có, phá rương lấy bạc. Khi có lính đồn kéo về, thì họ đã trốn đi hết cả.

Từ đó mà đi, đồ đảng của Thám lần lượt dẫn quân về vùng Bắc Ninh, hoặc đánh phá những đồn quan binh hoặc chẹn đường cướp súng của lính khố xanh đi tuần, hoặc đốt phá những nhà nhiều của. Khắp vùng Lạng Giang, Việt Yên, Hiệp Hòa, Võ Giàng, Quế Dương... hết nơi này đến nơi kia, đêm nào cũng có vài nơi bị phá. Quân lính các đồn đi đánh mặt này, lại thấy tin báo mặt kia, không biết đánh đâu, dừng đâu.

Cách đó ít lâu, Thám sai Thống Luận và Tổng Chu công nhiên đem hai toán kéo xuống đóng ở địa hạt Bắc Ninh, mỗi nơi chỉ cách tỉnh thành Bắc Ninh độ vài cây số.

Lính tỉnh giao chiến nhiều trận dữ dội vẫn không phá tan hai toán quân này. Bấy giờ M. Muscher, Công sứ Bắc Ninh, phải gửi thư về phủ Toàn quyền, xin cho thêm lính sang giúp.

Tiếp được thư đó, Chính phủ sai luôn Đại tá Galliéni, Phó sứ Quennée cùng Tổng đốc Lê Hoan kéo quân lên thẳng Yên Thế, đóng khắp các ngả chung quanh địa hạt của Thám. Một mặt thì quan Toàn quyền viết thư trách Thám về những việc xảy ra ở vùng Bắc Ninh.

Ý quan Toàn quyền lúc ấy cũng muốn giải quyết việc này bằng cách hòa bình, chứ không muốn dùng võ lực. Vì thấy mấy lần đánh Thám hồi trước, binh lính chết hại nhiều, mà đảng Thám vẫn chưa dẹp yên, cho nên lúc sai mấy viên quan binh dẫn quân lên ngược, Ngài cứ dặn đi dặn lại, đừng khai chiến vội, hãy lấy lời lẽ ngon ngọt dụ Thám, bắt Thám phải trừng trị bọn Thống Luận, Tổng Chu, nộp hết khí giới cho Chính phủ, và đem đồng đảng về với Chính phủ; nếu Thám nghe lời, thì cũng không cần dụng binh làm chi, trừ ra khi nào Thám cố ý không nghe, bấy giờ hãy nên dùng đến võ lực.

Cái chí của Thám lúc nào cũng làm những chuyện vá trời lấp biển, tung hoành khắp bốn phương.

Đến như cái sự sinh cơ lập nghiệp ở đường rừng dù có sướng đến bực nào, vui đến bực nào, Thám cũng không cho là mãn nguyện.

Mấy phen thất bại, một thân xiêu bạt lênh đênh, mà Thám cũng còn mưu những chuyện tầy trời. Huống chi ngày nay, lương thực đủ, quân lính nhiều, tướng tá đông, súng đạn cũng dư dật, thì Thám ở yên sao được.

Thư quan Toàn quyền gửi lên, lời của Đại tá Galliéni đưa vào, Thám chỉ tìm cách chống chế cho xong lần.

Theo lệnh Thám, quân của Đốc Thu vẫn tràn xuống miền Lạng Giang, quân Thống Luận, Tổng Chu vẫn kéo xuống Đa Phúc, quân của Lĩnh Huân; Đốc Biều vẫn lên xuống Võ Giàng, Quế Dương và Phả Lại. Những toán quân ấy vẫn cứ đánh phá dữ dội như xưa.

Sự thế đến vậy, quan Toàn quyền vẫn muốn giải quyết bằng cách hòa bình, ngài còn gửi cho Thám một lá thư cuối cùng nữa. Sau khi thư đã quá hạn, Thám không trả lời, bấy giờ Đại tá Galliéni mới được lịnh khai chiến.

(...) [1]

XVI. VIỆC ĐẦU ĐỘC Ở HÀ NỘI

Thấy thế lực của đảng Nghĩa Hưng đã lớn, những chỗ ách yếu ở đường xuôi đều có người trong đảng lẩn vào, Thám cho là có thể khởi sự được rồi. Sau khi đã gọi những lĩnh tụ các chi bộ về đồn Phồn Xương, hỏi rõ tình hình, Thám bèn quyết định đánh thành Hà Nội trước đã.

Theo chương trình của Thám, trong đêm 17 tháng 11 năm 1907 đảng bộ ở Hà Nội phải đánh lấy thành Hà Nội. Phá được Hà Nội, thì ngay đêm ấy lập tức phi báo lên đồn Phồn Xương; ngày 18, Thám sẽ kéo quân đánh tỉnh bắc Giang, rồi đánh luôn xuống tỉnh Bắc Ninh, Lĩnh Huân, Ba Biều thì dẫn quân sang đánh tỉnh Thái Nguyên, rồi đánh tuốt xuống Vĩnh Yên; ngày 20 các đạo phải đến Hà Nội tất cả, rồi mới chia ngả kéo xuống miền Đông và miền Nam.

Đứng đầu đảng bộ ở Hà Nội là Đội Hỗ và Lý Nho, theo lệnh Thám, hai người phải tìm cách thông báo cho các cơ quan biết kỳ khởi sự, và dặn dò hết các phương pháp làm việc.

Tổng cơ quan của đảng thiết lập tại một ngôi nhà ở phố Cửa Nam,

---

1. Lược các chương:

Chương XII: *Kéo sang Tam Đảo.*

Chương XIII: *Kỳ Đồng (Nguyễn Văn Cẩm) và phong trào Đề Thám.*

Chương XIV: *Lễ quy thuận tại Nhã Nam (17-4-1901).*

Chương XV: *Đảng Nghĩa Hưng và phong trào Đề Thám.* Giữa nghĩa quân Đề Thám và chính quyền thực dân lại có một cuộc đình chiến tạm thời trong khoảng 10 năm. Trong thời gian đó Đề Thám một mặt tích cực củng cố căn cứ địa của nghĩa quân, mặt khác giúp đỡ đảng bí mật Nghĩa Hưng hoạt động ở Hà Nội và miền trung châu.

súng đạn các nơi đem về đều chứa tại đó. Những đảng viên ở các tỉnh khác sẽ dự vào việc phá thành Hà Nội cũng đều tới đó tụ họp.

Từ ngày 15, khí giới vận về đã đủ, đảng viên các nơi lục tục kéo đến, ngày 16, thì những người đã cắt vào việc, hết thảy có mặt ở đấy.

Hôm ấy, trong trại lính, trong nhà pha cũng đều biết tin tới đêm 17 thì khởi sự, lính tráng, cai đội đều hồi hộp nóng ruột mong cho chóng đến hôm sau, để coi trận huyết chiến này sẽ ra thế nào, còn những tù nhân trong ngục, thì chỉ lăm le những chuyện phá cùm, tháo xích mà ra.

Giả sử việc này không bị bại lộ thì cái vận mệnh của thành Hà Nội chưa biết ra sao.

Chẳng ngờ, chiều ngày 16, trong đảng có kẻ nội công, đem hết công việc báo với sở Liêm phóng.

Thanh tra chính trị là M. de Miribel tức thì một mặt cấp báo với quan sáu võ Piel, một mặt sai người đến phố Cửa Nam dò thám.

Quả nhiên, thấy cái nhà đó có vẻ đáng ngờ, trong một tiếng đồng hồ mà kẻ ra người vào tấp nập.

Sở Liêm phóng lại phi báo với quan sáu võ một lần nữa.

Tức khắc, quan Sáu sai thêm lính Tây đi tuần khắp các phố. Những nơi canh gác trọng yếu như dinh Toàn quyền, dinh Thống sứ, kho súng, kho thuốc đạn, nhà pha, trại lính... đều dùng Tây không dùng lính ta. Lính ta thì phải nhốt ở trong trại, lột hết khí giới, cửa khóa chặt.

Gần 6 giờ chiều ngày 17, quan sáu Piel đem một đạo lính Tây và hai viên quan hai đến vây phố Cửa Nam. Lúc đó, cái nhà bị tình nghi không thấy có ai ra vào. Quan sáu Piel ra lệnh cho lính xông vào trong nhà, cũng không thấy người nào cả. Khám soát các nơi, bắt được rất nhiều súng đạn.

Thì ra từ sáng hôm ấy, Lý Nho, Đội Hỗ, Lang Sỉu và các đảng viên ở cơ quan Cửa Nam biết rằng công việc bại lộ, họ đều trốn đi nơi khác, duy còn một số súng đạn không kịp chạy nên phải bỏ lại đó mà thôi.

Sau khi lùng bắt cái nhà Cửa Nam, quan sáu Piel lại đốc mấy toán lính Tây đi tuần khắp trong phố, và đón các cửa ô, khám xét những người có vẻ đáng ngờ.

Đêm ấy, trong trại lính, trong nhà pha, chờ mãi không thấy bên nào nổi hiệu, cũng đều phải im.

Thám ở Phồn Xương đã cắt đặt hết các tướng tá, cơ nào đội ấy, dự bị chỉnh tề, chỉ còn đợi tin ở Hà Nội đưa lên thì sẽ kéo đại đội xuống. Nhưng mà đợi mãi không thấy. Thám cũng biết là công việc hỏng rồi, quả nhiên đêm hôm 18, chị Từ ở Hà Nội lên nói, biết tình hình như vậy, cho nên không khởi sự được, nhưng cũng may, chỉ thiệt mất một ít súng đạn, còn đảng viên không ai việc gì.

Thám đập tay xuống bàn mà rằng:

– Cơ hội đáng tiếc! Công việc sắp đặt đâu vào đó rồi mà không làm được trò gì.

Rồi Thám cho gọi hết các đảng viên trọng yếu ở đường xuôi lên Phồn Xương để cùng bàn định các việc.

Cách đó vài ngày. Lý Nho, Đội Hỗ, Lang Sỉu đều đến Phồn Xương, trước hết bọn này xin lỗi Thám về việc thất bại ở Hà Nội, Thám an ủi và nói:

– Việc đã sắp thành lại bị có kẻ phản đảng. Đó là tại trời không phải lỗi tại ai cả. Bây giờ nhà binh của Chính phủ sắp sửa có cuộc tập trận rất lớn ở chùa Thông, theo lệ, lính Tây, lính ta ở Hà Nội – trừ ra vài toán ở lại canh gác – còn thì phải đi tất cả. Đội Hỗ khuyên Thám nên định kỳ khởi sự vào những bữa đó.

Thám lấy làm phải, bèn phái mấy người tham mưu ở Phồn Xương cùng về Hà Nội giúp Đội Hỗ, Lý Nho xếp đặt các công việc.

Sau khi về đến Hà Nội, Đội Hỗ và Lý Nho lại thuê vài cái nhà khác để làm cơ quan của đảng. Tổng cơ quan thì ở chiếc nhà gần ô Yên Phụ, còn các cơ quan phụ thuộc thì ở những nhà về mạn Cầu Giấy, Cầu Dền, Đống Mác... Đội Hỗ và Lý Nho thường ở trong tổng cơ quan, đảng bộ bàn việc gì cũng họp ở đó.

Thu xếp đã yên, Thám ở Phồn Xương lại sai người giấu súng đạn vào những xe lúa xe gạo, tải về rất nhiều.

Đội Hỗ giao cho các đảng viên đem để ở các cơ quan, mỗi chỗ vài chục khẩu súng và vài trăm viên đạn, đến lúc khởi sự đâu cứ sẵn đó mà lấy ra.

Ngày tập trận sắp đến, Đội Hỗ, Lý Nho và Lang Sỉu ra lệnh cho

các đảng viên ở trong trại lính, hễ lúc ra khỏi cửa trại, sẵn súng cứ việc nạp đạn bắn vào lính Tây và các quan binh, cướp lấy súng đạn, rồi lập tức chia làm hai đạo, một đạo quay lại chiếm lấy trại lính còn một đạo khác thì kéo xuống đánh phá nhà pha Hỏa Lò.

Các cơ quan khác, nghe thấy nẻo trại lính có tiếng súng nổ, lập tức kéo đến phá nhà dây thép, cắt hết các đường dây thép rồi đi đánh phá kho bạc và nhà băng. Khi nào lấy xong Hà Nội, hỏa tốc báo lên Phồn Xương cho Thám biết, Thám sẽ đốc quân về lấy Bắc Giang, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Vĩnh Yên.

Xếp đặt như vậy, tưởng là hoàn toàn và công việc giữ rất bí mật, tưởng rằng không thể tiết lộ được nữa. Chẳng ngờ trong đảng cũng lại có kẻ nội công, báo với Chính phủ. Được tin, quan sáu Piel phòng bị một cách rất chu mật.

Đến ngày tập trận, quan sáu sai lính Tây tải súng ống đi trước, lính ta chỉ đi tay không, mỗi toán lính ta lại có hai toán lính Tây đi kèm. Còn ở trại lính Hà Nội thì lính Tây chia làm hai phiên, một phiên đi tập, một phiên ở lại giữ thành Hà Nội, bao giờ phiên kia về, phiên này mới đi.

Đối với cách phòng bị chu đáo ấy dẫu có tài thánh cũng khó có thể mà làm được.

Lại một chuyến thất bại. Cô Từ và các nữ đảng viên phải lên Phồn Xương báo cho Thám biết. Thám thấy hai lần khởi sự, việc đều sắp đâu vào đấy, mà lại hỏng cả, bèn truyền lệnh cho các đảng viên hãy im lặng để chờ cơ hội khác. Một mặt thì Thám luôn sai người đem quà cáp biếu đãi các viên chức Tây ở Nhã Nam, hoặc là mời các viên chức ấy đến chơi Phồn Xương để cho Chính phủ khỏi ngờ.

Tuy vậy, Chính phủ cũng phải chú ý một cách đặc biệt, nhất là ở thành Hà Nội.

Từ khi thấy có hai cuộc âm mưu, tại Hà Nội, sự canh phòng lại càng nghiêm ngặt. Khắp trong các phố cứ 20 phút lại có một toán lính Tây diễu qua. Suốt trong mấy tháng đêm nào cũng vậy, nhưng từ cuối năm 1907 đến hết tháng 4 năm 1908, đều không xảy ra sự gì đáng ngờ.

Thình lình đến đêm 22 tháng 5, vào khoảng 12 giờ khuya, tại đường Sơn Tây bỗng có một nhà phát hỏa. Tưởng là sự biến đã xảy ra, các toán lính Tây nhất tề đổ lại, trong trại cũng nổi hiệu kèn

điểm binh, rồi ở các đường, các phố, lính tráng đi lại tấp nập, y như đã có giặc lớn. Các nhà trong phố đều đóng cửa cho chặt.

Tới chỗ phát hỏa, không có sự gì khả nghi, cứu tắt ngọn lửa, rồi lính tráng đâu lại về đó, chỉ có toán nào chuyên việc tuần phòng thì phải đi tuần trong phố mà thôi.

Bấy giờ ai cũng yên chí rằng trận hỏa tai đó chỉ vì vô ý mà ra, kỳ thực đâu có phải vậy. Ấy là Đội Hỗ đốt đó.

Số là từ khi bị hai lần làm việc không xong, Đội Hỗ lấy làm xấu hổ với Thám, lần này quyết định làm việc bí mật không cho Thám biết, vì Thám lại ngăn trở, cho nên Đội Hỗ mới bàn riêng với Cai Ngà hẹn nhau đến đêm 22 tháng 5 thì cùng khởi sự. Đội Hỗ ở ngoài trước hãy đem các đảng viên đánh phá mấy nơi trọng yếu. Cai Ngà ở trong đốc hết anh em lính tráng bắn giết lính Tây chiếm lấy trại lính rồi kéo ra giúp sức cho toán quân ngoài. Nhưng lại hẹn nhau nếu ở ngoài có việc ngăn trở không hành động được thì Đội Hỗ sẽ đốt lửa ở đường Sơn Tây làm hiệu. Thấy hiệu lửa thì Cai Ngà ở trong lại phải im lặng đừng hành động gì nữa.

Đúng ngày đã định, vào khoảng 11 giờ đêm, Đội Hỗ đem các đảng viên định đánh úp vài nơi, nhưng các nơi ấy đều có lính Tây canh phòng rất cẩn. Tưởng chừng không thể làm gì được. Đội Hỗ mới đốt chiếc nhà đó để báo hiệu cho Cai Ngà. Thế là Cai Ngà lại cứ yên tĩnh như thường. Bởi vì chuyến đó không có nội công cho nên sau khi công việc không thành, Cai Ngà vẫn không bị bắt, mà Thám cũng không biết là có việc đó.

Cách đó ít lâu, đảng bộ Hà Nội lại nhận được lệnh của Thám đòi lên Phồn Xương bàn việc.

Theo lệnh, Lý Nho, Đội Hỗ, Lang Sỉu và hơn hai chục đảng viên trọng yếu tức khắc lên ngay.

Thám lại định đánh phá Hà Nội.

Lần này Thám biết lính Tây của Chính phủ còn nhiều nếu chỉ dùng toàn võ lực mà thôi, thì không thể nào lấy được Hà Nội.

Cô Ba bầy mưu cho Thám, bảo Thám phải tìm cách bỏ thuốc độc cho lính Tây chết hết, rồi sẽ thừa cơ đánh phá trại lính.

Thám khen là mẹo rất hay, bèn đòi đảng bộ ở Hà Nội lên,

truyền cho phải làm việc đó. Thuốc độc Thám đã sai người chế tạo và thí nghiệm quả có thần hiệu. Sau khi đã ngỏ ý ấy với các đảng viên ở Hà Nội, Thám giao mấy hộp thuốc độc đem về chia cho những người của đảng hiện làm bồi hoặc bếp ở trong trại lính, hẹn đến ngày 28 tháng 6 thì phải hạ thủ đầu độc, rồi đánh chiếm những chỗ quan yếu trong tỉnh.

Vâng lệnh, bọn Đội Hổ trở về Hà Nội, tức khắc họp đảng viên bàn định chương trình làm việc.

Bàn bạc hồi lâu, các đảng viên quyết định như vầy:

Ngày 27, hồi 1 giờ, Lang Sỉu và đảng viên ở tổng cơ quan phải đem mấy hộp thuốc độc gói làm những gói nhỏ, để sẵn ở đó, đúng 3 giờ, chị Từ và các nữ đảng viên phải ăn mặc giả làm vợ lính đem những gói thuốc độc đó đến trước trại lính giao cho Cai Ngà, rồi ở luôn đó để thông tin tức với các cơ quan; Cai Ngà nhận được thuốc độc phải tức khắc trao cho Hiền, để Hiền phát ngay cho những người đầu bếp có chân trong đảng; lúc nấu ăn, những người đầu bếp có chân trong đảng phải pha thuốc độc vào các món ăn; đúng 6 giờ Đội Nhân, Dương Bế, Trí Bình phải ngấm ngầm sắp sửa lừa ngựa, đợi lúc khởi sự thì chở súng trái phá ra ngoài; đến 7 giờ rưỡi, hết thảy đảng viên trong trại phải dốc quân lính đánh chiếm lấy kho thuốc đạn, và cướp lấy súng. Cai Lê phải dẫn một toán quân phá nhà dây thép. Cai Bốn phải đánh lấy kho bạc, Đội Đàm và Vinh cùng nhiều đảng viên phải đánh Đồn Thủy, Cai Bốn và Chinh phải đánh vào trại khố xanh ở chợ Hôm.

Cai Ngà, Đội Nhân, Dương Bế, Trí Bình sau khi phá được trại lính, phải chia quân làm bốn toán: Cai Ngà dẫn một toán đánh phá nhà pha Hỏa Lò, tháo xích thả cho tù ra, Đội Nhân dẫn một toán chẹn cầu Sông Cái. Dương Bế dẫn một toán chẹn đường Sơn Tây, Trí Bình dẫn một toán chẹn đường Hàng Cỏ. Đúng 11 giờ đêm, công việc phải xong tất cả, khi ấy mấy nữ đảng viên trong bọn chị Từ phải phóng ngựa lên thẳng Phồn Xương báo tin với Thám.

Định xong chương trình, Đội Hổ lại thân hành lên Phồn Xương trình Thám.

Thám khen là phải, ra lệnh cho chi bộ Hà Nội theo đó mà làm và lại phái thêm ít người đầu đảng bắn giỏi lẻn về Hà Nội giúp sức cho các đảng viên ở đó.

Trở về Hà Nội, Đội Hỗ lại truyền lệnh của Thám cho các đảng viên cùng biết.

Chẳng bao lâu đến ngày 27.

Đảng viên ai nấy theo giờ đã định trong chương trình mà làm công việc của mình.

Bữa đó, trời nóng như thiêu, càng về chiều càng dữ, mãi đến gần 7 giờ tối, khí nắng vẫn chưa lui.

Mọi lần gặp ngày hội tiệc, thì ở trại lính, cứ đến giờ ấy, từ quan binh đến lính Tây đều vào bàn ăn, bắt đầu ăn uống.

Bữa nay vì trời nực quá, cho nên đã quá 7 giờ, các viên quan binh còn mỗi người đi hóng mát mỗi nơi, chỉ có vài trăm người ăn mà thôi.

Tuy biết là việc đã lỡ, nhưng các món ăn đều pha thuốc độc cả rồi, nếu hoãn lại tất cũng vỡ chuyện. Hiên và các người đầu bếp có chân trong đảng đành phải cứ theo chương trình làm việc.

7 giờ 10 phút, Trương Tiến, cai pháo thủ, đảng viên của đảng Nghĩa Hưng, lẻn vào phòng giấy của quan hai Bébel báo hết những việc mà đảng ấy đã định làm trong đêm nay, duy còn một việc đầu độc thì hắn không biết. Lập tức quan hai Bébel giữ Trương Tiến ở lại phòng giấy của mình không cho ra ngoài, rồi ông ấy đến luôn phòng của quan sáu Piel nói cho ông này biết cái tin đó.

Quan sáu Piel một mặt ra lệnh cho mấy viên quan binh ở Đồn Thủy phải đốc mấy toán lính Tây đi tuần trong phố, một mặt sai quan hai Bébel phái mấy chục lính nấp sẵn bên cạnh Đội Nhân, Đội Đàm, Trí Bình, Dương Bế, coi họ hành động ra sao.

7 giờ 20 phút, mấy trăm lính Tây ăn trước đều say lảo đảo, lúc đầu người ta còn tưởng là họ say rượu, chừng trong 3 phút, hết thảy đều ngã đùng ra, có người bọt mép xều ra, hai mắt trợn ngược như người phải gió.

Biết là lính Tây bị đầu độc, quan sáu Piel tức khắc hạ lệnh cho người nào chưa ăn thì đừng ăn nữa, rồi lập tức lùng bắt các người đầu bếp, và những cai đội lính tráng đã bị Trương Tiến báo là có chân trong bọn khởi nghịch.

Hiên và các đầu bếp đều trốn được cả. Người ta lùng mãi đến 9 giờ mới bắt được một người tên là Xuân nấp trong một cái thùng

rượu bỏ không, còn bọn Cai Ngà, Cai Tốn, Đội Nhân, Dương Bế, Trí Bình thì bị bắt hết.

Quan sáu Piel một mặt giao cho thày thuốc cứu chữa những người lính Tây ngộ độc, một mặt hạ lệnh thiết quân luật tại Hà Nội.

Lính Tây phải chia ra nhiều toán canh gác hết các công sở nhất là những nơi trọng yếu như dinh quan Toàn quyền, nhà dây thép, sở kho bạc, nhà pha Hỏa Lò, và phái đi tuần luôn luôn trong phố, hễ thấy những người đi lại ngoài đường, bất cứ trai gái, già trẻ, đều bắt lại và đưa vào bóp xét hỏi.

Thấy vậy, dân trong thành phố đều nhốn nháo sợ hãi không biết là có việc gì, có kẻ đoán rằng: Hà thành sẽ sắp có cuộc đại chiến, có kẻ nói rằng quân của Đề Thám đã đến Gia Lâm... nhà nào nhà ấy đóng cửa im ỉm, những người nhát gan đã phải gấp sức cả nhà đào hầm chui xuống.

Người Tây, trừ các quan binh, cũng không mấy kẻ biết là việc gì, lắm kẻ cũng bối rối lo sợ. Cách vài bữa sau, khi đã nghe rõ căn do, có một bọn vài trăm người Tây kéo đến cửa dinh Toàn quyền, yêu cầu Chính phủ phải trừng trị dân Annam một cách thẳng tay, cho bõ cái lúc lo sợ ấy.

Bấy giờ quan Toàn quyền đi vắng, quan phó Toàn quyền phải lấy lời ngọt ngào an ủi họ, bảo họ không nên nóng nảy, cứ đâu về đó cho có trật tự, việc trừng phạt những kẻ mưu loạn đã có pháp luật của Chính phủ. Bấy giờ bọn đó mới giải tán.

Lúc ấy, quan sáu Piel cũng đã bãi việc đặt quân luật ở Hà Nội, dân trong thành phố đã được như thường, nhưng việc lùng bắt những kẻ mưu loạn hôm đó thì vẫn tiến hành một cách nghiêm ngặt.

Suốt trong 3 tháng, các nhà trinh thám hết sức dò la, đã bắt được rất nhiều đảng viên của đảng Nghĩa Hưng, Lang Sỉu, Đội Hỗ cũng đều có mặt ở nhà pha, duy có Lý Nho và chị Từ thì vẫn trốn thoát. Vì không bắt được sổ sách, cho nên Chính phủ chưa biết rõ đảng ấy có những người nào.

Khi ấy vài tờ báo Tây ở đây đều yêu cầu Chính phủ phải trừng bị bọn mưu loạn một cách rất nặng.

Chính phủ phải lập một kỳ hội đồng đề hình để xử những người đã bị bắt đó.

Sau khi tra hỏi, hội đồng đề hình tuyên án như sau:

8 người được tha bổng, 10 người phải từ 1 năm tù đến 5 năm, 26 người phải phát lưu từ 2 năm đến 5 năm, 4 người phải đầy chung thân, và 18 người phải chịu tử hình.

Trong số 18 án tử hình đó, trừ ra sáu người bồi bếp trốn thoát (khép án vắng mặt), 12 người này thì phải hành hình:

Đội Hỗ, Lang Sỉu, Cai Ngà, Cai Tốn, Đội Đàm, Dương Bế, Trí Bình, Đội Nhân, Cai Lê, Hiên, Xuân và Vinh.

Thế là chi bộ của đảng Nghĩa Hưng ở Hà Nội đã tan hết cả.

(...) [1]

XIX. KẾT CỤC ĐỜI VUA YÊN THẾ

Bấy nhiêu năm vẫy vùng non nước, liều sống thác với mưa đạn rừng gươm, Thám tuy là tên dân đường rừng nhưng cũng vào bực ít thấy trong lịch sử. Giả thử Thám chỉ cầu lấy sự phú quý một mình, thì những khi bãi chiến giảng hòa, Thám cứ yên tâm làm Đề Kiều, làm Thống Luận, làm Lương Tam Kỳ, cái địa vị "ông vua" mấy chục xã đồng rừng, cũng không phải là cảnh áo xiêm đùm bọc.

Nhưng mà giang hồ quen thú, "ở cạn" không phải là tinh thuồng luồng. Cho nên dù đã ngồi lên trên cuộc giàu sang, Thám vẫn không quên chí cũ.

Có người nói rằng: Thám tuy can đảm, nhưng vì ít học, không biết lo xa. Đồ đảng của Thám, phần nhiều là hạng vũ phu, chỉ giỏi nghề bắn súng cầm quân, không biết tính đến đại cục. Cái lúc hai bên giao hiếu, hòa ước đã ký rồi, chính là lúc Chính phủ bảo hộ đương dự bị công việc đánh Thám. "Con đường Thái Nguyên – Yên Thế đắp xong, súng trái phá có thể xe đến một cách dễ dàng, ấy là lúc đồn ải Phồn Xương sắp tan nát dưới những cơn lửa đạn". Sự đó, kẻ ở ngoài cuộc đều nhìn thấy rõ, vậy mà thầy trò nhà Thám, ai nấy đều lấy làm yên. Cuộc thất bại của Thám sau này tuy có nhiều nguyên nhân, mà sự hớ hênh đó, chính là một nguyên nhân rất lớn.

---

1. Lược Chương XVII: *Trận đại chiến ở đồn Chợ Gồ* và Chương XVIII: *Cô Ba bị bắt.*

Lời nói ấy có đúng hay không xin nhường các nhà chép sử sau này phán đoán...

Vậy phận sự kẻ chép chuyện này cần nhất phải để độc giả đọc nốt cả đoạn trót trong đời Đề Thám.

Cái cảnh anh hùng mạt lộ, chắc ai cũng biết là cảnh vô hạn buồn rầu.

Sau khi phá được vòng vây núi Lạng, Thám chỉ còn hơn mười thủ hạ, biết rằng cô Ba bị bắt mà không thể cứu được, quân của Chính phủ vẫn còn đuổi riết, Thám phải chạy vào trong rừng. Vợ mất, con mất, tướng tá đồ đảng tan tành, nghĩ đến tình cảnh của mình, Thám đau đớn biết là chừng nào. Vậy mà chiếc thân sống sót, vẫn phải dầm sương dãi gió, vượt núi qua rừng, tránh sao cho thoát vòng gươm đạn! Như vậy, còn có thể làm được việc gì. Luôn trong mấy tháng, Thám phải im hơi nín tiếng không hành động chi cả. Nhưng mà một người như Thám, không thể sống với cây rừng đá núi cho hết đời, dù rằng số trời đã định như vậy. Sang năm 1911 Thám lại quay về Yên Thế tìm xem có gặp được người tướng cũ nào không; Thám có biết đâu cái lúc mình đi tìm, họ đã bị đưa sang Tahiti, cùng nhau sống trong cảnh cát cồn, sóng biển. Tìm suốt mấy tháng không gặp một người nào. Ngày 21 tháng 11 năm ấy, Thám cùng thủ hạ đi trên một ngọn đồi cao, nấp dưới lớp cỏ tranh rậm rạp, chợt thấy một toán lính khố xanh đi qua. Thám cùng thủ hạ phải ẩn xuống bóng cỏ tranh, không muốn sinh sự. Chẳng ngờ bọn lính đó chính là toán quân phái đi tìm Thám, họ trông thấy, liền hăng hái sấn vào, chĩa súng bắn lên ngọn đồi, chực giết Thám cho được. Bấy giờ Thám và thủ hạ cũng chĩa súng xuống bọn lính đó mà bắn. Chỉ vài chục phát, bọn lính chết luôn vài người. Thám cùng thủ hạ kéo ồ xuống xông vào bắn chém. Còn mấy người lính sống sót, không thể địch lại với Thám, người nào, người ấy tìm đường chạy tháo thân, súng đạn bị Thám cướp mất cả.

Bọn lính thua trận, chạy về báo với quan Đại lý Nhã Nam, tức thì quan Đại lý sai mấy toán quân vào rừng lùng bắt.

Bấy giờ Thám đã trốn đi xa rồi, tầm nã hơn 10 ngày, không thấy bóng Thám đâu cả.

Mấy toán quân đó lại kéo về đồn.

Nhưng mà lúc đó người ta biết chắc rằng Thám vẫn q

ở vùng này, cho nên các toán lính của quan Đại lý Nhã Nam vẫn phải luôn luôn vào rừng dò thám, toán nọ về, toán kia lại đi.

Hơn 1 năm nữa, vẫn không gặp Thám ở đâu.

Cuối năm 1912, tại một làng ở vùng Yên Thế, bỗng xẩy ra một đám cướp lớn, rồi đến mấy làng gần đó, cũng bị quân cướp đến đánh. Người ta đoán rằng, những đám cướp ấy, chính là Thám đứng đầu, muốn bắt Thám cho kỳ được, các viên Công sứ Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh đều phái lính khố xanh chia đi các đường tầm nã.

Cách đó ít lâu, M.Bouchet, Đại lý Nhã Nam thình lình nhận được lá thư do một người Khách đưa lại.

M.Bouchet giở coi, thì là thư của Thám xin hàng, và xin bằng lòng để cho người của Chính phủ ở luôn bên cạnh, kiểm soát công việc của mình.

Thì ra, những đám cướp kia quả nhiên do Thám đứng đầu thực. Lúc đó lại tính cuộc hoạt động một chuyến nữa, nên phải tìm tiền để mua súng đạn và dụ đồ đảng. Chẳng ngờ bị lính khố xanh của mấy viên Công sứ Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên, truy nã riết quá, Thám tưởng chừng khó trốn được thoát nên phải xin hàng, còn như Thám định hàng thật, hay lại là kế hoãn binh thì không ai rõ. Coi thư xong, M.Bouchet trả lời cho người cầm thư biết rằng: hãy đợi ít ngày vì việc đó còn phải hỏi quan Toàn quyền. Rồi ông Bouchet viết thư gửi về Hà Nội. Hồi ấy, ông Albert Sarraut mới sang nhậm chức Toàn quyền Đông Dương, nhận được thư của M.Bouchet, ông Albert Sarraut quả quyết trả lời là không cho Thám hàng.

Vì đã dụng công cho người do thám tung tích người Khách đưa thư của Thám, biết rõ chỗ của Thám ở, M.Bouchet lại tự về Hà Nội hỏi quan Toàn quyền có nên cho lính đánh Thám hay không? Quan Toàn quyền trả lời là không cần đánh, chỉ sai quan binh đem lính giữ khắp các nơi, không cho Thám trốn thoát. Rồi ngài thông sức và yết thị khắp các nơi, nhắc cho dân gian biết rằng: ai bắt được Thám hoặc giết Thám, lấy đầu đem nộp, Chính phủ sẽ thưởng cho một số tiền là hai vạn đồng. Với số tiền to lớn ấy ai mà không muốn, nhưng không phải ai ai cũng giết, hay bắt được Thám.

Biết rằng làm được việc đó, chỉ có Lương Tam Kỳ – vì Kỳ là người quen Thám, chắc biết tung tích – một viên quan cai trị lên tận chợ Chu hỏi Kỳ:

– Ông có biết Đề Thám ở đâu không? Tưởng viên quan binh ấy ngờ mình chứa Thám, Kỳ bai bải chối không. Vừa cười, viên quan binh vừa nói: – Không phải tôi ngờ ông đâu. Nếu ông biết chỗ Thám ở, thì ông sẽ được món tiền to, vì Chính phủ đã treo giải, ai bắt hoặc giết được Thám, sẽ thưởng cho hai vạn đồng.

Kỳ vẫn một mực chối là không biết.

Sau khi viên quan cai trị ấy ra khỏi, ba tên Khách là đầy tớ tâm phúc của Kỳ vì tham tiền mà lẻn đi tìm Thám.

Ba tên Khách đó lần mò luồn rừng xuống miền Yên Thế dò la tung tích của Thám. Bấy giờ Thám ở miền chợ Gồ, thủ hạ chỉ còn hai người, ngày nào cũng lang thang trong rừng, vì sợ có quân lính lùng bắt.

Rình mò hơn một tháng, ba tên Khách thình lình gặp Thám đi bên sườn đồi. Vì chúng theo Kỳ từ khi Kỳ còn đi lại với Thám, cho nên còn nhớ mặt Thám. Ba tên Khách đó liền cúi đầu chào một cách cung kính. Thám hỏi sao lại biết mình, ba tên Khách đó đáp rằng chúng vốn là đầy tớ của Lương Tú Xuân, thủa trước đã theo Cả Huỳnh đóng ở Yên Thế, từ khi thua trận Yên Thế, thầy tớ lạc nhau, chúng tôi không tìm thấy Lương Tú Xuân ở đâu, vẫn phải bơ vơ trong rừng cướp giật lấy ăn. Rồi chúng xin Thám cho đi theo hầu.

Bấy giờ đương lúc cần người, Thám bằng lòng cho họ theo mình, nhưng Thám vẫn không tin, lúc nào cũng đề phòng 3 tên Khách ấy rất cẩn thận.

Lẽo đẽo theo Thám đã hơn một tháng, vẫn không có dịp nào hạ thủ được. Vì không lúc nào chúng được gần Thám, hai tướng của Thám vẫn hết sức giữ gìn cho Thám, lúc Thám ngủ thì hai người ấy phải thức mà canh, lúc hai người ấy ngủ thì Thám lại thức. Ba tên Khách đó lúc nào cũng phải ngồi cách thật xa, dù thức dù ngủ mặc lòng. Thế nhưng chúng vẫn cố công theo đuổi.

Năm 1913, tháng 2, đêm mồng 9, trời mưa như trút, trong rừng gió thổi ào ào, Thám nằm trong túp nhà tranh ở trại Tổ Cú, trằn trọc suốt đêm không ngủ. Gần sáng, đến lượt hai tướng của Thám đi ngủ, Thám phải thức cho họ ngủ. Nhưng vì thức khuya mệt quá, Thám lại nằm xuống giường, rồi cũng thiu thiu ngủ mất.

Ba tên Khách rình ở ngoài lều, vẫn thức để chờ cơ hội, thấy Thám và hai tướng đều ngủ, chúng ra hiệu cho nhau. Nhưng mà không có khí giới, vì từ khi theo Thám, Thám vẫn không tin ba tên Khách đó, nên không cho đeo gươm đeo súng, chỉ giao mỗi người một cái cuốc bổ, phòng khi phải đào chiến hào. Ba tên Khách đó rón rén vác cuốc bò vào trong lều, giơ cuốc bổ xuống đầu Thám thật mạnh, rồi cướp lấy súng của Thám, bắn hai tướng của Thám. Ngoài lều vẫn mưa gió, trên rừng vẫn bị mây đen phủ kín, trời đất như muốn vẽ ra cảnh buồn rầu.

Ba tên Khách cắt lấy đầu Thám và hai tướng của Thám, đem về nộp lấy thưởng.

Hết đời vua Yên Thế!

Nhật Nam thư quán xuất bản, Hà Nội, 1935.

In lại theo *Ngô Tất Tố – Tác phẩm*,

Văn học xuất bản, Hà Nội, 1977.

TẮT ĐÈN

Tiểu thuyết

I

Bắt đầu từ gà gáy một tiếng, trâu bò lục tục kéo thợ cày đến đoạn đường phía trong điếm tuần.

Mọi ngày, giờ ấy, những con vật cũng như những người cổ cày, vai bừa kia, đã lần lượt đi mò ra ruộng làm việc cho chủ. Hôm nay, vì cổng làng chưa mở, chúng phải chia quãng đứng rải rác ở hai vệ đường, giống như một lũ phu cờ chờ đón những ông quan lớn.

Dưới bóng tối của rặng tre um tùm, tiếng trâu thở phì phò, tiếng bò đập đuôi đen đét, xen với tiếng người khạc khúng khắng.

Cảnh tượng điếm tuần thình lình hiện ra trong ánh lửa lập lòe của chiếc mồi rơm bị thổi. Cạnh dãy sào, dáo ngả nghiêng dựng ở giáp tường, một lũ tuần phu lố nhố ngồi trên lớp chiếu quằn queo. Có người phì phò thổi mồi. Có người ve ve mồi thuốc và chìa tay chờ đón điếu đóm. Có người há miệng ngáp dài. Có người dang hai tay dụi mắt. Cũng có người còn gối đầu trên cái hiệu sừng trâu, ngảnh mặt vào vách mà ngáy.

Cái điếu cày và cái đóm lửa bị năm, sáu người chuyên tay, chiếu đi, chiếu lại độ vài ba vòng, ánh lửa lại tắt, trong điếm chỉ còn tiếng nói chuyện rầm rầm.

Gà gáy giục. Trời sáng mờ mờ.

Trâu bò con đứng con nằm, thi nhau quai hai hàm răng nhai trầu suông và nhả ra những cục nước bọt to bằng cái trứng.

Thợ cày khắp lượt dùng bắp cày, vai cày làm ghế ngồi, cùng nhau bàn tán bâng quơ về chuyện sưu thuế.

Những con chèo bẻo chẽo choẹt hót trên ngọn tre, như muốn họa lại khúc ca réo rắt – mà người quê vẫn gọi khúc *"váy cô, cô cởi"* – của mấy con chào mào, vẻ tươi đẹp của cảnh trời buổi sáng.

Trang cổng vẫn đóng chặt. Tuần phu lại lần lượt thổi mồi hút thuốc lào.

– Ông trương ơi, ông làm ơn mở cổng cho tôi đánh trâu ra đồng. Mọi ngày bây giờ tôi đã cày được ba sào ruộng rồi. Hôm nay bây giờ còn nhong nhóng ở đây... Phỏng chừng từ giờ đến trưa, cày sao cho xong cái ruộng mẫu hai? Thôi, ông làm phúc, làm đức...

Sau tiếng năn nỉ của anh chàng cục mịch, vai vác cày, tay cầm thừng trâu, trương tuần quẳng cái điếu cày xuống đất, thở nốt khói thuốc trong miệng, rồi giương đôi mắt say thuốc lờ đờ:

– Nay chẳng xong thì mai! Ông Lý đã bảo thuế còn thiếu nhiều, không cho một con trâu, bò nào ra đồng hết thảy...

– Thưa ông, ông chủ tôi nóng tính lắm kia! Ông ấy đã dặn buổi nay tôi phải cày cho xong ruộng ấy, nếu không xong, đến trưa về ăn cơm, ông ấy mắng như tát nước và nói như móc cơm ra... Chớ tôi có muốn vất vả vào mình làm gì? Vả lại, ông Lý sai tuần đóng cổng, cốt để bắt trâu, bắt bò của những người thiếu thuế kia chứ! Ông chủ tôi nộp thuế đủ từ hôm qua rồi, xin ông mở cổng cho tôi!...

Trương tuần nhăn mặt:

– Tôi không phải tộc biểu, không phải phần thu, biết đếch đâu ông chủ anh nộp đủ thuế rồi hay chưa nộp. Bây giờ mở cổng cho anh, chốc nữa ông Lý ông ấy chửi cha tôi lên, anh có nghe hộ tôi không?

Anh chàng cục mịch lủi thủi đánh trâu gồng cày lùi xuống, để nhường khu đất trước điếm cho người khác vác bừa và đuổi trâu lên.

– Người ta trâu của nhà, ông chẳng cho thì chớ. Đây tôi, trâu thuê... đồng hai một buổi đáp, ông ạ. Xin ông lượng tình mà ngỏ cổng cho tôi ra đồng, kẻo trưa quá mất rồi.

Người ấy nói tuy thiết tha, trương tuần chỉ đáp lại bằng cái lắc đầu:

– Nếu trưa quá thì bừa luôn đến chiều. Trâu thuê sợ gì!

– Thế được thì còn nói chuyện gì nữa! Của một đống tiền, ai để cho mình ốp nó đến chiều! Chỉ đến non trưa, ông chủ có trâu cho thuê đã ra tận ruộng tháo vai trâu và dắt trâu về, muốn bừa thêm một nửa đường nữa, người ta cũng không cho, ông ạ. Thôi! Mùa làm ăn, ông nghĩ lại...!

– Tôi chẳng nghĩ lại, nghĩ đi gì cả! Bố tôi sống lại, bảo tôi mở cái cổng này bây giờ, tôi cũng xin chịu, đừng nói anh...

Người ấy lại vác bừa, đưa trâu trở lại chỗ cũ với cái sắc mặt thìu thịu.

Mặt trời ngấp nghé mặt lũy, muốn nhòm vào điếm. Tuần phiên lẻ tẻ vác sào, cắp chiếu, đeo hiệu đi về. Trong điếm chỉ còn trương tuần duỗi gối kiểu gọng bừa, ngồi trên chiếc chiếu điểm những tro mồi, bã điếu, đốc xuất mấy tên đàn em ở lại canh ngày.

Xa xa nẻo trong đình, một hồi mõ cá thật dài tiếp luôn đến trống ngũ liên nện đủ ba hồi chín tiếng.

Như có vẻ kinh ngạc về những thứ hiệu lệnh dữ dội, mấy con trâu bò đang nằm còng queo trên đường, đồng thời lóp ngóp đứng dậy.

– Mẹ chạ chúng nó! Hôm nay vẫn chưa đóng thuế, chúng nó định để tội để vạ cho ai? Được! Cứ bướng đi ông thì bắt hết trâu bò! Bán ráo!...

Tiếng chửi om sòm như giục mấy chục cặp mắt ngơ ngẩn của bọn thợ cày đều phải nghiêng về phía đình. Ông Lý nách cắp cuốn sổ, một tay cầm gậy song, một tay xếch đôi ống quần móng lợn, vừa đi ra phía điếm tuần vừa thét mắng những người chậm thuế.

Đã năm hôm nay, nghĩa là sau khi bài bổ trình phủ đã được giao về với một chữ "y", Lý trưởng Đông Xá ngày nào cũng vất vả về thuế.

Đầu tiên hắn còn cho mõ đi rao. Rồi đến tộc biểu, phần thu đi hỏi. Rồi đến đầy tớ của hắn đưa đày tớ Chánh tổng đi thúc từng người. Trong năm ngày nay, ngày nào cũng vậy, mõ cá, trống thúc liên hồi, hiệu ốc, hiệu sừng thổi inh ỏi. Suốt từ sáng sớm cho đến tối mịt, trong làng lúc nào cũng như đám đánh cướp. Bây giờ đã gần đến ngày đổ thuế, công việc càng gấp. Hôm qua hắn đã lên phủ, xin với ông phủ phái cho một người cai lệ và hai người lính cơ về làng để trừng trị những kẻ bướng bỉnh. Nhờ có cái thần thế ấy, hắn mới chửi rỡ, thét mắng khắp làng cho oai.

Thợ cày và tuần phu đều biết cái hách dịch của ông Lý, ai nấy chỉ đáp lại những câu chửi chùm chửi lợp bằng sự nín im.

Trâu, bò nhiều con vẫy tai như muốn chào một người chức việc chăm chỉ phận sự trong khi người ấy qua trước mặt chúng.

Bước lên sàn điếm, Lý trưởng quăng tạch cuốn sổ xuống bàn, giơ tay chỉ vào mặt mấy tên đàn em:

– Hiệu không thổi, để làm sỏ bố chúng mày à?

Một hồi tu tu đồng thời nổi lên, hiệu sừng xen với hiệu ốc cố theo đúng lệnh của "nhất lý chi trưởng".

Đập hai bàn chân vào nhau, giũ cho sạch bụi, rồi co chân lên ngồi vào chiếu, Lý trưởng vớ luôn lấy cái điếu cày và sai tuần phu lấy đóm, thổi lửa.

Mấy anh thợ cày của những điền chủ đã nộp đủ thuế, bạo dạn tiến đến trước mặt ông Lý:

– Thưa ông, trưa lắm rồi! Xin ông cho tuần mở cổng để chúng tôi đánh trâu đi cày!...

– Thong thả! Hãy đứng đấy! Cày đã nóng bằng thuế của Nhà nước à?

Vừa nói, Lý trưởng vừa đặt mồi thuốc vào điếu, hút luôn một xạp ba điếu. Khói thuốc theo hai lỗ mũi tuôn ra như hai ngà voi, Lý trưởng dõng dạc:

– Trương tuần, anh bảo nó mở cổng ra. Nhà nào đủ thuế thì cho trâu bò ra đồng. Còn nhà nào thiếu thì bắt trâu bò điệu cả về đình cho tôi, để tôi liệu cho chúng nó!

Sau một tiếng dạ của trương tuần, mấy tên đàn em loay hoay tháo nêm, rút then cổng. Rồi cùng đứng choãi chân chèo, cố lấy hết sức của lực điền, họ kéo mãi mới được hai bức cánh lim bị sịt xuống gạch vì cối cổng đã mòn nhiều quá. Lý trưởng đứng lên mở sổ xướng tên những người đủ thuế cho trương tuần nghe. Ước chừng mươi con trâu bò được đi với bọn thợ cày cùng ra ngoài cổng. Còn độ hai chục con nữa đều phải vâng lệnh ông Lý, theo gót trương tuần và tuần phu lũ lượt kéo vào sân đình, chờ khi phải chịu tội thay cho chủ.

II

Mõ cái trên cột đình lại há miệng nhận những cây dùi giận dữ. Trống cái dưới xà đình lại lỳ mặt chịu những cái nện phũ phàng. Vừa dứt hồi vang của tiếng mõ, tiếng trống bị những lũy tre ngăn cản phải lật trở lại. Lý trưởng liệng dùi trống xuống sân đình và quát một cách ra phết:

– Từ sáng đến giờ vẫn chưa đem chiếu ra trải thì cha nó ngồi vào đâu? À cái thằng Mới láo thật! Xong thuế rồi ông tống cổ...

Mẹ Mới ở phía sau đình lếch thếch ôm mấy chiếc chiếu đặt lên sân đình:

– Bẩm ông, hôm qua ông dặn bố nó nhà con sáng nay phải đi chợ sớm...

– Trải ra rồi đi gọi các ông phần việc đến đây!... Kệnh dệnh! Kệnh dệnh! Bố người ta đấy mà hôm nào cũng bắt người ta phải mời... Chẳng qua việc là việc làng, chứ việc riêng nhà ai!... Ngày mai không đủ thuế thì ông khai hết ra cho, thử xem thằng nào ngồi tù?

Đằng sau có tiếng léo xéo:

– Làm gì mà gắt gỏng dữ thế ông Lý? Bà cháu bận mang cơm thợ cày, tôi phải nấu chín nồi cám cho lợn sề nó ăn. Vì nó mới đẻ, sợ bỏ đói quá thì nó mất sữa, rồi con nó xấu. Bởi thế tôi mới chậm ra một chút, chứ có kệnh dệnh gì đâu?

Những câu phân trần tha thiết kéo dài từ ngoài đường vào đến giọt đình. Thủ quỹ nhanh nhảu bước lên thềm đình với cái tráp sơn đen bệ vệ cắp ở sườn tay phải. Lý trưởng vội vàng nói chữa:

– Tôi nói là nói người khác kia! Chứ ông... nhà neo, lắm việc, tôi có trách gì ông đâu... Kìa các ông ấy đã ra cả kia!

Trưởng bạ ôm ống sổ và một tập sổ đi đầu một bọn độ mười người: Thư ký lồng khăn xếp vào cánh tay. Phó lý quấn áo thâm lên cổ. Chánh hội vắt áo the bên vai, năm sáu ông kỳ cựu và tộc biểu lệt xệt kéo đôi guốc gỗ đã mòn hết gót. Cả bọn lật đật tiến từ xóm giữa vào đình. Ai nấy trụt guốc cầm tay, nhảy lên sàn đình, đút guốc vào dưới gậm chiếu rồi ngồi lên trên.

Con vợ thằng Mới cung kính đệ lên bên cạnh cột đình một cái điếu đàn đựng trong một chiếc bát gỗ đánh đai bằng lạt vào cái mồi rơm dài chừng một sải. Hai đứa con nó kỳ kệch khiêng lên chỗ đó nồi nước chè khô mới nấu, khói đương bốc lên nghi ngút và chồng bát đàn sơn bằng những cáu nước chè.

Chánh hội vừa khơi mào nói về chuyện thuế thì người nhà Lý trưởng lễ mễ bưng một bộ khay đèn thuốc phiện rước Chánh tổng từ nẻo xóm dưới đi lên. Ông cai lệ và hai ông lính cơ hộ tống cụ Chánh vào trước cửa đình. Trong đám đông, mỗi người một câu:

– Cụ đã ra!

– Lạy cụ.

– Xin mời cụ lên trên.

Chánh tổng khoan thai bỏ giày, bước qua một dãy chiếu dưới, để lại mặt chiếu hai hàng dấu chân đầy cát bụi, rồi vắt vẻo ngồi lên chiếc chiếu trên cùng. Bộ khay đèn từ tay người nhà Lý trưởng sang tay cai lệ, lên nằm làm bạn với "quan trong hàng tổng".

Ngay từ sáng sớm, cụ Chánh đã có điểm tâm độ vài chục điếu ở nhà Lý trưởng, cho nên cụ rất tỉnh táo. Nghiêm nghị, cụ lên giọng kẻ cả:

– Các ông chức việc làng này thật lười quá. Hôm nay mà thuế còn thiếu be thiếu bét, chưa thu được một nửa bài chỉ? Tôi hạn từ giờ đến tối phải thu cho đủ. Nếu không đủ, sáng mai tôi phải trình quan.

Lý trưởng đón:

– Vâng! Xin cụ thúc giục đi cho! Chứ mấy hôm nay các ông ấy cứ ỳ ra đó, chẳng ông nào chịu ra miệng ra tiếng... thì phỏng ai nộp cho?

Mọi người đều im lặng. Không phải sợ câu dọa nạt của Chánh tổng, Lý trưởng, họ còn mải nhìn ra cổng đình.

Thằng Mới kĩu kịt trên vai chiếc đòn gánh treo hai chiếc quang. Đằng trước là một xanh vừa gan, vừa phổi, vừa tiết để trên rổ lòng. Đằng sau thì một thúng thịt lợn.

Lững thững ở ngoài tiến vào, nó đặt quang gánh xuống sân đình, và mời ông Lý ra xem.

– Bẩm ông, hôm nay thịt đắt, tất cả hết sáu đồng rưỡi.

Ông Chánh hội, ông thủ quỹ và nhiều ông khác cùng đổ xô ra. Ai nấy đều bĩu môi chê đắt, Chánh tổng nằm trong giữa đình nói ra:

– Đắt với rẻ, chẳng qua cũng của mấy đứa phụ canh, các ông có mất gì đâu! Thôi, để cho nó đem về làm đi, trưa lắm rồi!

Thằng Mới mừng rỡ lại cất quang gánh lên vai. Lý trưởng dặn theo:

– Phải đánh mỗi mâm một bát tiết canh, mày nhé!

Rồi mọi người cùng lên sân đình, bắt đầu nhúng tay vào việc.

Lý trưởng quăng cuốn sổ điền ra chiếu và bảo thư ký:

– Ông đọc cho các ông kia tính, xem rằng chủ nào bao nhiêu... chủ nào bao nhiêu... rồi biên ghi vào mảnh giấy. Tính những chủ chưa nộp đồng nào ấy thôi.

Thủ quỹ mở tráp lấy ra cái bàn tính, cái bút chì và một tờ giấy tây, rồi đưa bàn tính cho ông Lý cựu:

– Ông tính ta, tôi tính tây, rồi cùng kháp lại, hễ hai đằng mà không sai nhau là đúng.

Một người đàn bà rón rén bước vào sân đình với một chuỗi tiền trinh trong tay:

– Lạy cụ Chánh, lạy các cụ ạ...

Bên bàn đèn, một cậu lính cơ ngẩng cổ lên, quát:

– Làm gì mà đến hôm nay mới đem nộp thuế?

Lại còn vác những Khải Định ra đấy! Ai lấy cho?

Lý trưởng gạt đi:

– Người nhà tôi đấy... Các ông tính dùm, xem của bà ấy có bao nhiêu ruộng tất cả.

Thư ký giở sổ, đọc:

– Nguyễn Thị Quy điền dĩ hạ: nhất sở Đồng Bắc xứ bảy sào chín thước, nhất sở Đồng Cá xứ sáu sào ba thước hai thốn...

Lý cựu vừa gẩy con toán lách tách vừa nhẩm:

– Nhất ngũ như ngũ, nhị ngũ nhất thập chi, tam ngũ nhất thập ngũ...

Thủ quỹ chăm chú để hai con mắt vào mảnh giấy tây dưới ngọn bút chì. Một hồi sau, thư ký đọc hết, lý cựu hỏi:

– Có phải ba mẫu bốn sào năm thước ba thốn hay không?

Thủ quỹ đáp:

– Không biết. Bây giờ tôi mới tính. Cộng bằng tính tây vẫn chậm hơn tính ta. Ông biết thế.

Thị Quy nói theo:

– Vâng! Ông thủ tính kỹ cho. Ruộng nhà cháu có đâu mà được ba mẫu!

Một hồi nữa. Thủ quỹ hì hục với cây bút chì, rồi ngẩng đầu lên mắng thị Quy:

– Bà nói lạ! Bốn mẫu hai ruộng cả thảy, sao dám bảo không được ba mẫu!

Thị Quy thề sống thề chết:

– Cháu có ăn gian thì trời không chứng! Thật quả ruộng của nhà cháu chỉ có hai mẫu bảy sào...

Lý cựu, thủ quỹ cùng xô lại dồn thị Quy. Người đàn bà nhất định không chịu. Cái bàn tính và cái bút chì lại phải làm việc thêm nhiều lần nữa.

Chánh tổng sốt ruột, giục Lý trưởng:

– Ai tính cứ tính, ai đi đốc cứ đi đốc. Chứ xúm nhau ở cả đây, thì đến tết cũng không thể thu xong thuế!

Lý trưởng lấy làm phải, liền sai mấy tên gia nhân đi đưa các ông lệ, lính cơ, đầy tớ chánh tổng vào khắp những nhà cùng đinh và dặn:

– Đứa nào chưa có sưu hay chưa có thuế thì cứ trói cổ lại và điệu ra đây, để tôi cho chúng nó một mẻ.

Mõ lại thúc, trống lại giục, tù và lại inh ỏi thổi lên. Ánh nắng bứt rứt chiếu đến nửa sân đình. Mấy con trâu, bò vẫn nằm gò lưng dưới những gốc gạo, gốc đa, hơi thở trong cổ họng kéo ra hồng hộc.

III

Nếp nhà tranh lủn củn nấp dưới rặng tre là ngà, lặng lẽ úp lấy khu đất dề thành và kín đáo náu trong một xóm cuối làng Đông Xá, đứng xa ngó lại, có thể lầm với nơi nhốt lợn hay chứa tro; đó là nhà của Nguyễn Văn Dậu.

Với tầm cao gần xế mặt thành, dãy mái hiên cườm cượp nhòm ra ven thành, luôn luôn phạt kẻ ra vào bằng những cái cộc bươu đầu choáng óc, nếu họ quên không cúi đầu.

Với lớp rêu xanh điểm những lá tre vàng úa và những cỏ gấu phất phơ, cái sân đất rộng bằng đường bừa, lỗ chỗ vết chân chó xen vết chân người, vừa làm đường đi, vừa làm khu vực "hoãn xung" phòng bị những lúc mưa rào, đất ở chân thành khỏi lở vào thềm và cửa.

Bao nhiêu bộ phận cần có của một gia đình, đều được thu cả vào trong nhà.

Nhà cất theo lối kiến trúc phổ thông của các cụ, toàn thể gồm có một chái và hai gian.

Gian đầu là buồng.

Bức mành rách mép lướt thướt rủ ngoài cửa buồng, cũng như bức phên nan nứa sừng sững chắn ngang lòng nhà, đều hết sức giữ cho trong buồng có vẻ bí mật. Trái lại, những khe hở ở cạnh cửa và những

lỗ thủng ở chân phên lại cũng ra ý phô sòng, như muốn khai rằng: ngoài chiếc giường tre gãy giát, kê giáp bức bụa, trong này có một lũ chum mẻ vại hàn, chen nhau đứng bên cạnh đống đất hang chuột.

Đối với buồng ấy là bếp đun, cảnh tượng lại càng bề bộn.

Dưới từng mái chái thấp hẹp, những luồng ánh sáng xanh tía, thông thống kéo thẳng từ nóc đến nền, cố hun cho khô những chỗ đêm qua mưa dột.

Cạnh bó củi dong ẩm ướt, đoàn vung sứt miệng hềnh hệch nằm ngửa trong những cái rế tre, như muốn cười với lũ niêu đất thư nhàn, lông lốc lăn nghiêng lăn ngửa.

Trên bãi tro trấu tanh bành, nguội lạnh, mấy hòn gạch vỡ chầu đầu vào nhau, nghiêng mình nằm thế chân vạc, đương chờ đến lúc đội nồi.

Kế đó đến bàn thờ.

Chiếc ngưỡng tre uốn lưng gù gù đỡ lấy một bộ đố tre, dõng dạc đứng ra hình chữ "môn" và hộ vệ cho một mớ nan tre lành phành long bựt, giường thờ giống như cái chạn đựng bát, lơ lửng gác giữa khoảng cột của bếp và buồng.

Tờ giấy xanh lạnh lùng phủ ngoài vách đất tỏ rằng nhà mới có tang.

Những mớ mạng nhện chằng chịt quấn trên đám chân hương lơ thơ, lại làm chứng cho một thời gian khá lâu chủ nhân không hề cúng lễ.

Rồi ở giữa nhà, chiếc chiếu rách thủng xộc xệch phủ trên tấm phản long đinh.

Rồi ở dưới phản, mấy con chó con đòi ăn, ăng ẳng kêu không dứt tiếng.

Và ở ngoài hiên, quang gánh, liềm, hái xen với yếm, áo, váy, quần, lôi thôi rủ suốt mấy gian duỗi.

Trong tay bồng đứa con gái hai tuổi, chị Dậu thơ thẩn ngồi trên chiếc chõng long nan. Cái nhanh nhảu của đôi mắt sắc ngọt, cái xinh xắn của cặp môi đỏ tươi, cái mịn màng của nước da đen giòn và cái nuột nà của người đàn bà hai mươi bốn tuổi, vẫn không đánh đổ những cái lo phiền buồn bã trong đáy tim. Nét mặt rầu rầu, chị im lặng nhìn sự ngoan ngoãn của hai đứa con nhỏ.

Cái Tý và thằng Dần đương hì hục bới đống rễ khoai tìm những củ mập, củ dây, bỏ vào trong rổ. Chúng nó mừng reo hí hửng khi thấy một củ nguyên lành, và chúng nó cãi cọ làu nhàu khi lục mãi chẳng được gì cả.

Mặt trời gần đến đỉnh đầu.

Ánh nắng xuyên qua lũy tre chiếu xuống trước thềm khoang khủa.

Đằng sau, gà gáy te te.

Nóc bếp láng giềng, ngọn khói bốc lên nghi ngút.

Thằng Dần với bộ mặt thìu thịu, bỏ đống rễ khoai đứng dậy, lùng bùng:

– Nhặt mãi từ sáng đến giờ mới được ba mẩu khoai ranh! Con không phải tội mà bới nữa. U đi mua gạo mau lên! Hàng xóm nấu cơm trưa rồi, nhà ta vẫn chửa ăn cơm sáng! Chúng con đói quá!

Ngó con một cách đau đớn, chị Dậu ngọt ngào:

– Con hãy cố nhặt thêm vài chục mẩu nữa, rồi chị nó luộc cho ăn, chứ u làm gì có tiền đong gạo?

Thằng bé phụng phịu:

– Hôm qua và hôm kia u bán hai gánh khoai lang được năm hào mà... đã tiêu gì đâu!

Vừa nói, nó vừa tung tăng chạy đến cạnh mẹ, toan lần dải yếm của mẹ. Cái Tý thỏ thẻ khuyên em:

– Tiền bán khoai còn phải để dành đóng sưu cho ông Lý chứ? Dễ được đem mà mua gạo đấy hẳn? Em có đói thì hãy ăn tạm củ khoai sống vậy...!

Câu nói nghĩa lý của con bé bảy tuổi, hình như có một sức mạnh thần bí, khiến cho chị Dậu hai hàng nước mắt chạy quanh. Uể oải, chị bế cái Tỉu lên sườn và lử thử đi ra ngoài cổng, để ngóng xem chồng đã về chưa.

Chồng chị – anh Nguyễn Văn Dậu – tuy mới 26 tuổi nhưng đã học nghề làm ruộng đến mười bảy năm.

Với cái sức khỏe mạnh, với cái tính nhanh nhảu, với cái đức chịu thương chịu khó trong nghề cày cuốc mướn, những năm son rỗi, vợ chồng nhà anh cũng vẫn kiếm được thừa ăn. Mấy năm gần đây, phần vì thóc cao gạo kém, phần thì con đẻ thêm ra, vợ bận mọn luôn, sự

tiêu dùng của anh mới không được dồi dào như trước, vắt mũi chỉ đủ đút miệng mà thôi.

Rồi tháng tám năm ngoái, mẹ anh bị bệnh qua đời. Lại tháng giêng năm nay, thằng em trai anh cũng vì phải gió mà chết. Dầu anh vẫn hết sức tần tiện, hai cái ma ấy cũng cứ lôi kéo đi mất của anh hai món lệ làng hết đúng sáu đồng, và hai cỗ quan tài hết gần tám đồng. Nhà không có, anh phải quanh co tần tảo cho có. Hai cái dớp ấy cũng đủ đưa anh lên đến bậc nhì, bậc nhất trong hạng cùng đinh rồi. Hơn nữa, tháng ba đến giờ, thần bệnh sốt rét ở đâu tiến đến, nó bắt anh cứ phải nghỉ việc nằm nhà. Thế là gần ba tháng trời, những sự đóng góp chi tiêu của một gia đình năm miệng ăn, hết thảy trông vào hai bàn tay của người đàn bà con mọn.

Sự đói rách của con và sự lầm than của vợ, đắp đổi tiến đến trước mắt, đã làm cho anh gan ruột nẫu nà. Thêm mấy bữa nay, Lý trưởng ngày ngày sai người giục thuế, anh càng luống cuống như con kiến bò trong chảo nóng, không biết lo liệu thế nào. Sớm ngày, cơn sốt đã tan, anh phải gắng gượng chống gậy ra đi, cũng định vay mượn lấy một vài đồng trả cho xong "món nợ Nhà nước". Nhưng đi thì đi, chính anh cũng không tự biết mình sẽ đi đến nhà ai, và chừng bao giờ thì về.

Mong mãi không thấy bóng chồng, chị Dậu lại bồng cái Tỉu trở vào, ngồi phịch xuống chõng.

Cái Tý loay hoay với đống rễ khoai, thằng Dần đương rau ráu nhai mẩu khoai sống.

Bên nhà láng giềng có tiếng mâm bát lạch cạch. Mấy con nít tíu tít gọi nhau ăn cơm. Mùi canh dưa và mùi cá kho theo ngọn gió nồm đưa sang ngào ngạt.

Thằng bé háu đói nuốt vội miếng khoai trong miệng, vớ tấm áo nâu toạc vạt khoác luôn vào mình, đon đả chạy lại vỗ vào vai mẹ:

– Con sang chơi bên nhà ông bác, u nhé!

Cái Tý trừng mắt:

– Bên ấy sắp sửa ăn cơm đấy mà!... Sang làm gì? Rồi bà bác lại đuổi oai oai như hôm nọ ấy. Thôi, đói thì cứ chịu vậy, em cứ nhặt cố mấy củ nữa, rồi chị đứng lên bắc nồi.

Thằng Dần quăng tọt cái áo vào chõng, ngoảnh đít quay lại, trên mặt đầy vẻ thất vọng:

– Khổ lắm, bao nhiêu củ ngon củ lành, u đã lựa hết đem bán, ở đây chỉ còn những rễ là rễ, lấy đâu ra khoai mà nhặt?

Cái Tý lại dịu nét mặt:

– Chả bán thì lấy tiền đâu đóng sưu?... Em hãy chịu khó nhặt đi với chị! Hãy còn vô khối củ mẫm ra đấy.

– Nhưng mà em còn đói vàng cả mắt, không nhặt được nữa!...

Nói xong, thằng Dần vùng vằng bước đến bên cạnh rổ khoai, chọn lấy một củ lớn nhất, nó chùi vào bụng cho sạch cát bụi rồi cho vào mồm cắn...

Chị Dậu tuy vẫn ngồi im không nói, nhưng ở khóe mắt, nước mắt lại cứ chan chứa chảy ra. Chừng như không muốn để cho các con thấy sự đau lòng của mình, chị vờ ngoảnh mặt nhìn vào trong vách.

IV

Con chó cái nằm ở gậm phản bỗng chốc vẫy đuôi rối rít, tỏ ra dáng bộ vui mừng.

Anh Dậu lử thử từ cổng tiến vào với cái vẻ mặt xanh ngắt và buồn rứt như kẻ sắp bị tù tội.

Cái Tý, thằng Dần cùng vỗ tay reo:

– A! Thày đã về! A! Thày đã về!...

Mặc kệ chúng nó, anh chàng ốm yếu im lặng dựa gậy lên tấm phên cửa, nặng nhọc chống tay vào gối và bước lên thềm. Rồi lảo đảo đi đến cạnh phản, anh ta lăn kềnh lên trên chiếc chiếu rách.

Ngoài đình, mõ đập chan chát, trống cái đánh thùng thùng, tù và thổi như ếch kêu.

Chị Dậu ôm con vào ngồi bên phản, sờ tay vào trán chồng và sẽ sàng hỏi:

– Thế nào? Thày em có mệt lắm không? Sao chậm về thế? Trán đã nóng lên đây mà!

Anh Dậu nằm thừ không cựa, cũng không trả lời. Chị Dậu lại gặng:

– Chắc thày em mệt lắm thì phải? Từ sáng đến giờ đi những đâu? Hỏi vay của ai?

Vắt tay lên trán, anh Dậu thở một tiếng dài và cất cái giọng lề dề của người ốm:

– Tôi lên nhà lão hội Ích.

– Có được đồng nào hay không?

– Chẳng được gì cả. Tôi cũng biết cái thằng già ấy nó bẩn như chó, mình đã mắc nợ của nó, chẳng khi nào nó lại cho mình vay thêm. Nhưng vì bí quá nên phải nhắm mắt đi liều. Quả nhiên mới cất miệng hỏi, nó đã mắng sấm sấm sơi sơi, rồi lại dọa rằng: "Ba đồng cầm đất cầm nhà vay ngày tháng giêng, lãi mười hai phân, đến tháng sáu này thì vừa hết hạn, tính thành ra năm đồng một hào sáu xu. Nếu không trả được nó sẽ cấm cả nhà đất để làm chuồng xí".

Chị Dậu cau đôi lông mày:

– Trời đất ơi! Cấm cả nhà đất để làm chuồng xí! Ăn nói như thế thì còn trời đất nào nữa?... Thế sao thày em không đến ông cậu hỏi tạm lấy một đồng vậy?

– Có, tôi có hỏi! Nhưng cũng chẳng ăn thua gì. Ông ấy nhiếc mãi vợ chồng sức dài, vai rộng mà có vài ba đồng bạc tiền sưu cũng không chạy nổi...

Chị Dậu giậm chân xuống đất:

– Khốn nạn! Ấy ông cậu đấy! Ông cậu giàu có nứt đố đổ vách, cả đời cháu mới hỏi vay mấy đồng, còn nỡ nhiếc móc như thế, trách chi người ngoài!... Thế bây giờ thày em đã định vay đâu hay chưa?

Anh Dậu nín lặng một hồi, rồi lại thở dài tiếng nữa:

– Tôi đã nói với cụ Nghị Quế ở thôn Đoài... Hay là bán quách...

Đương nói dở câu, anh Dậu ngập ngừng lại thôi, như có vật gì nghẹn ở cổ họng. Chị Dậu cố gắng:

– Bán quách cái gì? Thày em cứ nói ở đây có ai mà sợ!

Anh Dậu rơm rớm nước mắt:

– Hay là bán quách cái Tý cho cụ ấy?

Chị Dậu cũng nước mắt chảy qua gò má ròng ròng. Chị cứ cúi gầm mặt xuống, không biết trả lời ra sao. Cái Tý nghe thấy rụng rời củ khoai trong tay, vội vàng đứng lên năn nỉ:

– Con van thày! Con van u! Thày u để con ở nhà chơi với em con. Con van thày! Con van u! Thày u đừng đem bán con.

Thằng Dần nhả vội miếng khoai trong miệng và sụt sịt khóc:

– Em không nào! Em không nào! Em không cho bán chị Tý nào! Có bán thì bán cái Tỉu kia kìa!

Anh Dậu cũng như chị Dậu, ai nấy sè sẽ gạt thầm nước mắt và cũng giả cách làm thinh.

Cái Tý vẫn bai bải như tế sao, một hai xin thày u đừng bán nó đi, tội nghiệp cho nó.

Chừng như cầm lòng không đậu với những lời ngây thơ và thê thảm của con bé ngoan ngoãn, chị Dậu xoa xuýt cái Tỉu và yên ủi cái Tý:

– Không! Thày con nói đùa thế thôi! Bán con thì lấy ai ẵm con bé này cho u đi làm?

Cái Tý vui vẻ ngồi vào cạnh đống rễ khoai, nó lại hí hoáy bới bới nhặt nhặt.

Một bầu không khí tẻ ngắt bao phủ cả mấy gian nhà, người ta có thể nghe rõ tiếng đập ở hai trái tim của hai vợ chồng anh trai cùng.

Ngoài đường có tiếng chó sủa xô xát. Rồi tiếng roi quật vào vách đèn đẹt. Rồi tiếng người hỏi dữ dội:

– Đĩ Dậu có nhà đấy không?

Chị Dậu lật đật bồng con bé con ra cổng đuổi chó. Anh Dậu cũng ngồi nhỏm dậy và ngó ra sân.

Người nhà lý trưởng nghênh ngang múa chiếc tay thước với sợi dây thừng, đưa ông cai lệ và cây roi song hùng dũng bước vào trong cổng. Hai người cùng ra oai rộ con chó cái và cùng nhảy lên thềm. Phủ đầu, ông cai lệ chỉ cây roi vào mặt anh Dậu và quát:

– Sưu đâu? Sao không đem nộp? Người ta vào hỏi, vẫn còn ngồi ỳ ra đó!

Anh Dậu lẩy bẩy đứng dậy. Cái mặt xanh xao khi ấy đã đổi ra sắc tái mét. Run run, anh sẽ giơ tay gãi tai:

– Thưa ông tôi chưa có.

Ông cai lệ thị hùng bằng hai con mắt giương tròn:

– Cả năm chỉ có hai đồng bảy hào tiền sưu, bây giờ vẫn chưa có, anh định bao giờ mới có?

Với cái dáng điệu có vẻ van lơn, anh Dậu hổn hển thở và đáp:

– Thưa ông, vì tôi đau yếu, nên chưa lo kịp, xin ông thư cho đến mai. Thuế còn năm bữa nữa mới phải đăng trường kia mà!

– À! Thuế còn năm hôm nữa mới phải đăng trường cho nên anh không nộp vội, phải không?

Hỏi vậy, nhưng ông cai lệ không để cho kẻ bị hỏi được có thời gian phân trần. Nhanh như cắt, ông chuyển phắt cây roi song sang tay trái và nắm năm ngón tay phải, đưa luôn vào ngực anh Dậu một mớ quả thụi. Cái thụi chuyên môn của người cửa công khác hẳn thứ thụi phổ thông của thường dân. Anh Dậu chỉ ức ức mấy tiếng, chứ không thể kêu lên được. Thuận tay, ông cai lệ túm cổ áo anh Dậu và ngảnh lại bảo ông người nhà lý trưởng:

– Thừng đâu? Trói cổ nó lại. Có một suất sưu bây giờ chưa nộp lại còn chực giở lý sự!

Tức thì hai người xúm lại, mỗi người nắm một cánh tay anh Dậu bẻ quặt ra đằng sau lưng, rồi luồn thừng vào và riết thật chặt. Họ trói anh chàng khốn nạn giống kiểu như nhà quê trói chó để làm thịt vậy.

Thằng Dần òa lên khóc.

Cái Tý mếu máo nhếch nhác, chạy đến cạnh ông cai lệ, chắp tay vái lấy vái để:

– Cháu lạy hai ông! Hai ông tha cho thày cháu. Hai ông đừng trói thày cháu!

Sẵn roi song trong tay, ông cai lệ quất luôn cho nó mấy cái vào đít và quát:

– Bước ngay!

Con bé đau quá. Nó lăn đành đạch xuống đất và nó giãy giụa như con gà phải nước nóng. Thằng Dần cũng khóc dữ.

Ông cai lệ đương cơn thịnh nộ, lại thẳng tay giơ cây roi song, toan trừng phạt nốt thằng bé này. Chị Dậu lếch thếch ôm con bé con chạy vào:

– Thôi, tôi xin ông cai! Ông tha cho cháu... Chúng nó hãy còn bé bỏng.

Lời nói thiết tha của người đàn bà có duyên vẫn có đôi chút hiệu lực. Thằng bé ngây thơ đã được ông cai ân xá.

Ngảnh lại thấy chồng bị trói chặt quá, mặt mũi nhăn như chuột kẹp, chị Dậu lại dẽ dàng kêu van ông cai:

– Nhà tôi đương ốm... Xin ông làm phúc nới rộng nút thừng ra cho.

Lần này không có kết quả, những lời nần nì của chị chỉ được ông cai đáp lại bằng một giọng oai nghiêm:

– Không phải nói! Trói thế cũng chưa chết nào! Mà có chết nữa, chồng chị khỏi đóng sưu.

Anh Dậu nói xen:

– Nhưng tôi đau quá... Xin ông hãy nới lỏng ra cho tôi một tí. Nào tôi có chạy mất đâu!

Ông cai lệ nổi cơn lôi đình, tặng luôn anh Dậu năm bảy cái tát vào mặt và hầm hè:

– Bướng với ông à? Mày có tội thì ông mới trói. Lại còn bướng với ông à?

Chị Dậu nhìn ông cai bằng đôi mắt đỏ ngầu:

– Thôi tôi cũng lạy ông nữa! Chẳng qua nay mai đủ thuế thì thôi, làm gì ông phải hành hạ chồng tôi quá vậy? Có đánh thì ông cứ đánh tôi này. Bao nhiêu tôi xin chịu cả. Chồng tôi đau ốm chẳng làm nên tội.

– À, mày thách ông phải không? Hà! Thấy ông nể mặt mày càng làm già! Được! Ông thử cho mày biết tay. Này thách! Này thách! Này, thách!!!

Mỗi tiếng "này thách" từ miệng ông cai đã đưa ra, chị Dậu lại được hai quả thụi vào ngực. Đứng không vững, chị này ngã phịch xuống đất. Cái Tỉu nằm trong lòng mẹ khóc ngặt khóc nghẽo. Cái Tý, thằng Dần mỗi đứa nấp một xó nhìn trộm bố mẹ phải đòn. Cả hai đứa cùng nức nở khóc không ra tiếng.

Người nhà lý trưởng chỉ cái tay thước vào mặt chị Dậu:

– Không thấy người nào lắm điều như chị. Nếu nhà ai cũng bướng như nhà này, có lẽ thuế của Nhà nước đến bỏ. Thôi! Đứng dậy mà đi chạy sưu cho chồng đừng ngồi ăn vạ đấy nữa!

Rồi hai ông hầm hầm túm lấy đầu thừng, sền sệt điệu anh Dậu xuống thềm. Tới cổng, anh chàng khốn nạn quay lại dặn vợ:

– U nó để cái Tỉu ở nhà sang ngay bên cụ Nghị Quế cho tôi...

V

Bước vào khỏi cổng thôn Đoài, đã thấy nhà ông Nghị Quế.

Nó là một đám bung xung nhọn như ngọn tháp, hùng dũng úp trên đoàn bịch vựa đồ sộ, dường như phô nhà mình thóc để hàng bốn, năm mùa.

Nó là một lũ đống rơm, đống rạ lớn bằng trái núi, chen nhau đứng bên cạnh ngọn mít, ngọn sung, dường như khoe ông chủ cày cấy tới mấy trăm mẫu.

Nó là những tòa mái ngói muốn bảo tồn quốc túy bằng những "dấu" vuông chòm chõm, những xối tàu cong rướn và những con cá chép "mảnh sứ" há miệng nằm giáp tường hồi.

Nó là nếp nhà hai tầng muốn phản đối mỹ thuật bằng những khung cửa ngang phè, những cây cột phục phịch và những con rồng, con phượng xanh đỏ vẽ ở ngoài bộ cánh cửa sơn vàng.

Nó là một dương cơ rộng chừng ba mẫu quây quần trong bốn bức tường gạch cắm mảnh chai, cảnh tượng phức tạp, giống như ngôi chợ đóng trong khu trại, họp đủ các vật sang, hèn, các kiểu cũ, mới.

Cái cơ nghiệp ấy tuy tự tổ tiên để lại, ông Nghị cũng có khai thác thêm nhiều.

Ông không đi buôn, không đi thầu, chỉ làm ông chủ ruộng kiêm ông chủ thả lãi.

Đụng đến của ông nhẹ nhất cũng là mươi phân. Và, vay từ một đồng trở lên, đều phải viết ruộng hay nhà, hoặc phải gửi vật gì khác bảo đảm. Quá hạn thì mất. Dương cơ ông ở cũng như ruộng nương ông cấy, hộc đồng, lọ sứ ông thờ, phần nhiều là của người vay nợ hết hạn không trả bị ông chiếm lấy và bắt lấy.

Nhà ông đời đời phát về bên hào. Bước đường công danh của ông cũng bắt đầu từ chức lý trưởng vượt qua những bậc phó tổng, chánh tổng, rồi cơm rượu, bò lợn và Quan Phủ, quan tỉnh hiệp sức với nhau đưa ông lên ghế nghị viên.

Không như những kẻ mặt người dạ thú, mượn tiếng "thay mặt dân" để hót Chính phủ mà xin xỏ việc này việc kia, ông ra nghị trường, chỉ cốt mua cái "vị thứ tân thời", lấy chỗ mỗi năm vài lần, ăn uống và... ngồi nằm với bọn tai mặt trong xứ.

Cái đức "không thèm biết... chữ" của ông hơn hẳn các bạn đồng viện, tuy những ông ấy chỉ xuất thân bằng nghề lái lợn hay cai phu. Vào viện, ông cũng như hầu hết các ông Nghị khác, không bàn và không cần nghe bàn. Nhưng, ông cũng chỉ ngáp vặt, chứ không ngủ gật bao giờ, vì sợ đôi giày Chí Long để dưới chân ghế lỡ bị mất trộm trong khi phải co chân đặt lên mặt ghế cho hợp thói quen của ông.

Từ ngày giữ chức "ông Nghị", danh tiếng của ông đã bay khắp tỉnh Trung Sơn. Thế nhưng, suốt năm chí tối, ông không phải thết một ông khách nào, trừ ra hai ngày giỗ cha và giỗ mẹ.

Cố nhiên, ông phải là một người cơ chỉ, so kè, từ một đồng xu trở đi. Vậy mà lắm khi ông lại rất hào. Nhất là những dịp tết ta, tết tây, không dịp nào ông quên không bắt chim ngói, gà mái theo những thúng gạo tám thơm vào cửa mấy ông to lớn.

Với ông, vợ chồng đĩ Dậu không có họ hàng thân thích gì cả. Nhưng vì cái hắn cày thuê cấy mướn cho ông đã nhiều, nên đều biết nhà, biết người.

Sau khi cai lệ và người nhà lý trưởng đã dẫn anh Dậu ra đình, chị Dậu theo lời chồng dặn, trao con bé con cho cái Tý, vớ chiếc nón rách đeo vào cổ tay. Thằng Dần khóc nhếch khóc nhác, rầu rĩ kêu đói. Giả điếc, chị cứ lủi thủi cắp nón ra đi.

Ánh nắng tháng năm rát như lửa châm vào mặt.

Hơi nước dưới đồng bốc lên, nóng như hơi trong chõ xôi.

Những con cua chửa và những con rắn nước chịu không nổi sức nóng của nước trong ruộng, rủ nhau bò lên mặt đường và núp vào các khóm cỏ.

Đông Xá với Đoài Thôn vẫn là một xã, cách nhau độ ba cây số. Trong lúc nắng gắt, người ta coi đoạn đường ấy như con đường thiên lý trong bãi cát già. Nhưng, với chị Dậu nó không mùi gì, vì đời chị đã quen hàng ngày dạn mặt với thần nắng.

Nhờ sức che chở của chiếc nón rách, chị chỉ bước rảo một thôi thì tới cổng nhà Nghị Quế.

Mặt trời đứng bóng.

Trâu bò lũ lượt lôi thợ cày ở ngoài đồng về.

Thập thò ngoài cổng, chị nâng vạt áo nâu mốc lau những giọt mồ hôi nhễ nhại trên đôi lông mày và mở to đôi mắt quáng nắng nhòm vào trong cổng.

Trên cái sân gạch Bát Tràng mông mênh như bãi đá bóng, không điểm một vết bóng râm.

Đàn chim bồ câu chổng mông mổ trên nong đỗ.

Con gà mái ấp cục tác từ trên cửa chuồng nhảy xuống, ưỡn đít bón một bãi phân cho chậu lan.

Mấy con lợn con theo mẹ nghễu nghện diễu chung quanh chậu nước vo gạo.

Không có người nào qua lại.

Đánh bạo, chị Dậu xăm xăm tiến vào sân.

Một đàn chó dữ như đàn hùm ở đâu nhất tề xồ ra. Chúng nhảy chồm lên tận mặt người lạ.

Hoảng quá, chị Dậu ngồi phịch xuống gạch, vừa vung cái nón khua đuổi những con ác thú, vừa kêu:

– Anh bếp có nhà không? Làm phúc đánh chó cho tôi với!

Trong nhà có tiếng thét ra the thé, nghe rõ là tiếng đàn bà:

– Làm gì mà nheo nhéo thế? Nhà ai không có chó? Làm sao đi không mang gậy? Thằng bếp còn bận việc khác, nó không phải hầu chúng bay!

Rồi lại im.

Thì ra vợ chồng ông Nghị đương ăn cơm ở nhà khách. Nghe tiếng chị Dậu léo xéo, Bà Nghị bực mình, quát đổng vài câu cho oai, chứ bà không thèm đứng dậy. Tính bà xưa nay vẫn thế, chẳng khi nào lại chịu hạ mình mà đi mắng chó, đuổi chó cho kẻ vay nợ hay người làm thuê.

Đàn chó cứ vây kín chung quanh chị Dậu như quân đèn cù. Hình như chúng nó muốn cố làm hết phận sự với chủ: con nào con nấy nhe răng lè lưỡi, chỉ chực vồ vào hai chân chị chàng đáng thương.

Cái nón dùng làm khí giới đã bị đàn vật cắn rách tan tành. Chị Dậu luống cuống không biết làm thế nào. Bí quá, chị phải giơ hai nắm tay đánh nhau bộ với "đội lính coi nhà" của ông Nghị.

Một mụ thợ cấy ở dưới nhà bếp lật đật vác gậy chạy lên. Mụ đuổi đàn chó tán loạn mỗi con chạy đi mỗi ngả. Chị Dậu lóp ngóp đứng dậy và đi đến trước nhà khách. Bàn tay phải bị chó cắn vào lúc nào không biết, máu tươi chảy ra đầm đìa. Ghé răng, chị xé một miếng ở đầu dải yếm, buộc chặt lấy chỗ bị thương. Rồi, rụt rè, chị lên bậc thềm:

– Thưa lạy hai cụ ạ!

Bà Nghị gắt:

– Chó cắn vào tay phải không? Cho chết? Đương lúc người ta ăn uống, ai bảo cứ dẫn xác vào! Hỏi gì?

Ông Nghị đặt bát xuống mâm, vừa nhai nhồm nhoàm vừa đón:

– Sáng ngày chồng nó đã sang xin bán đứa con. Chắc nó đến để nói nốt chuyện ấy chứ gì nữa.

– Bẩm cụ phải, con sang thưa cụ về việc ấy.

Bà Nghị đưa mắt ra hiệu cho ông Nghị rồi bảo chị Dậu:

– Thong thả! Hãy ngồi đấy! Để người ta ăn xong cái đã. Đừng quấy rầy!

Ông Nghị như đã hiểu ý của vợ, cứ việc chan chan gắp gắp, không nói không rằng.

Khép nép, chị Dậu ngồi phệt xuống mặt thềm gạch.

Mọi ngày tuy vẫn làm mướn cho ông Nghị đấy, nhưng chị chỉ thì thọt ra vào trong mấy gian bếp, chưa biết nhà trên thế nào. Hôm nay bạo men tới đây, ấy là lần đầu chị được trông thấy cảnh tượng nhà khách của ông dân biểu. Trong mắt chị nhà ấy lịch sự vô cùng.

Nào ở cạnh bức hoành phi khảm trai, mấy cô con gái tổng ngổng đùi vú vừa nằm vừa tủm tỉm cười tình.

Nào ở giữa đôi câu đối sơn son thếp vàng, hai thằng bé con béo tròn và xoay trần, lễ mễ khiêng hộp sữa bò cao lớn gần bằng chúng nó.

Nào ở bên chiếc độc bình men đỏ, cái điếu ống vất vểu vươn cành xe trúc dài thườn thượt như cái cần câu.

Rồi ở trong cái tủ chè chạm dây nho, một rổ trứng gà đầy lùm, ngất nghểu chồng trên bộ khay chè trắng bóng.

Rồi ở trước cái sập gụ lên nước, bốn chiếc ghế gụ mặt đá cùng chầu vào chiếc bàn mây sơn xanh.

Và ở đầu cái giường tây sơn quang dầu, quần lĩnh thâm và khăn quàng nhiễu xanh cùng vắt một chỗ.

Biết bao của quý vật lạ, chị Dậu nhìn vẫn chưa khắp.

Trên bàn ăn có tiếng leng keng.

Ông Nghị đâm chéo đôi đũa qua mặt mâm, bưng bát nước canh, trợn mắt, húp một cái đánh "soạt". Rồi ông vừa nhai, vừa nuốt, vừa

giục thằng nhỏ lấy tăm. Bà Nghị cầm đĩa giò kho ăn dở, trút vào trong niêu, sai thằng bếp treo lên lao màn và dặn:

– Bà đã đếm kỹ từng miếng rồi đấy. Còn mười bốn miếng tất cả. Hễ mất miếng nào thì chết với bà!

Thằng bếp bưng mâm cơm ra.

Thằng nhỏ đệ chậu nước vào.

Ông Nghị, Bà Nghị, mỗi người nhúng ba ngón tay vào chậu, vuốt qua hai mép một lượt, rồi cùng uống nước xỉa răng. Hai đứa đầy tớ đứng hai bên cầm quạt phẩy lại. Bà Nghị mở cái tráp tròn lấy trầu và cau nhai với một sợi thuốc. Ông Nghị nhắc cái điếu ống để trên trốc tủ, đặt thuốc, châm lửa, vít cái xe trúc vào miệng. Bắt chân chữ ngũ, ông vểnh mặt hút sòng sọc một hơi:

– Con mẹ kia! Bán con bán cái thế nào? Vào mà nói chuyện với bà!...

Rón rén, chị Dậu đứng nép vào cửa và ngập ngừng:

– Thưa lạy hai cụ, nhà con túng quá, xin hai cụ cứu giúp chúng con.

Bà Nghị nhả miếng bã trầu cầm tay, quai thật dài cặp môi cấn chỉ:

– Chẳng cứu với vớt gì cả! Mày có bán đứa con gái tao mua!

– Xin vâng.

– Sáng ngày chồng mày nói rằng con bé ấy đã lên bảy tuổi, xin lấy ba đồng. Cụ ông tưởng nó nói thật, bằng lòng cho hai đồng. Nhưng giờ nghe nói con mày mới có sáu tuổi, thì tao chiết đi một nửa, chỉ cho một đồng thôi. Thuận bán thì về đưa nhau sang đây!

Chị Dậu ngơ ngác:

– Thưa cụ, thật quả cháu đã lên bảy, nó đẻ tháng giêng năm Tý. Chúng con không dám nói dối cửa cụ!

– Tao không thể tin cái miệng vợ chồng nhà mày! Người ta mách tao là nó lên sáu. Chứ tao biết đâu nó đẻ năm Tý hay đẻ năm tỵ năm tỳ!...

Chị Dậu đờ mặt, không biết nói sao. Bà Nghị tiếp:

– Vì cái Hai bên kia...

Ông Nghị cau mặt ngắt lời:

– Sao bà cứ gọi bằng lối xách mé như vậy? Tôi đã dặn bà phải gọi nó là mợ... Bây giờ ở nhà các quan, con gái đều được kêu gọi là mợ tất cả. Tôi hèn ra cũng là một ông Nghị viên, có lúc ngồi với quan

sứ quan thượng, danh giá không kém gì một ông quan. Bà có gọi con bà là mợ, cũng không quá lạm kia mà!

Bà Nghị cười ngặt cười nghẹo:

– Thế thì ông cũng lầm rồi! Con dâu kia người ta mới gọi là mợ; con gái thì người ta đều gọi là cô. Chẳng cứ gì nhà các quan, tôi thấy những nhà ông ký, ông phán, những nhà buôn bán ở Hà Nội đều như thế cả.

Miễn là đừng gọi chúng nó bằng cái kiểu tục tằn, của những nhà bố cu, bố đĩ... Mợ thì mợ, cô thì cô...

Bà Nghị ra bộ đắc ý:

– Vâng, thì cô!... Cô Hai bên kia hiếm hoi, mấy lần xem bói, thày bói đều bảo cô ấy phải nuôi con nuôi thì mới đứng số. Bởi thế, tao muốn mua cho cô ấy một đứa, để nó "gánh vác đỡ đi". Chứ nhà tao thiếu gì người hầu hạ? Vả lại, con bé mới lên sáu tuổi, đã làm được công trạng gì mà tao phải chuốc? Huống chi nó sang ở với cô ấy, cơm no áo lành, lại không sung sướng gấp trăm gấp nghìn ở nhà với vợ chồng mày hay sao? Đáng lẽ biếu không thì phải... Cho một đồng cũng quá lắm rồi... Không phải nài nẵm gì nữa!

Chị Dậu ngồi đờ như gỗ, không biết trả lời ra sao.

VI

Bà Nghị chỉ tay quát thằng nhỏ lấy nước. Bà uống một hớp dấp giọng rồi hỏi chị Dậu:

– Thế nào, mày nghĩ tao nói có phải hay không?

Chị Dậu rơm rớm nước mắt:

– Vâng, thưa hai cụ con cũng biết rằng cháu được sang đó nương nhờ các cụ và cô Hai, thật là phúc cho nó lắm. Nhưng vì, nhà con thiếu hơn hai đồng tiền sưu, mới phải đến kêu cửa cụ. Nếu cụ chỉ cho một đồng thì còn hơn một đồng nữa, chúng con không biết chạy vào đâu được. Vậy xin hai cụ nhón tay làm phúc...

Ông Nghị quát:

– Thiếu bao nhiêu mặc kệ mày, kể lể gì? Mày định bổ vào nhà tao đấy à?

Chị Dậu thèn lẹn, nâng dải yếm sẽ chùi vào mắt.

Bà Nghị yên ủi:

– Thiếu một đồng nữa, thì xem trong nhà còn có cái gì đáng tiền, đem mà bán nốt đi vậy! Chứ đứa con gái sáu tuổi, bây giờ cho không cũng không đắt thay, ai động rồ mà trả mày hơn...

– Thưa lạy hai cụ, thật quả nhà con không còn cái gì đáng giá hai hào.

Bà Nghị cười nhạt:

– Sao bảo nhà mày có con chó cái khôn lắm.

– À! Thưa cụ có! Nhưng nó mới đẻ, con nó hãy còn non lắm, có bán không ai mua, nếu có người mua chọ, chúng con đã không phải bán cháu!

– Nó đẻ mấy con? Con nó đã mở mắt chưa?

– Bẩm, bốn con. Nó biết ăn cơm đã hai hôm nay... Hay là xin cụ đỡ con hai đồng, lời lãi thế nào con cũng xin vâng. Chỉ độ hai phiên chợ nữa, mấy con chó ấy cứng cáp, bán được, thì con lại xin nộp cụ.

Bà Nghị bĩu môi:

– Tiền tao có phải vỏ hến mà tao quẳng cho mày bây giờ? Dễ tao hám lãi của mày lắm đấy? Thôi, thế này: chó non tao cũng mua vậy. Bắt cả con chó cái và đàn chó con sang đây, tao trả cho một đồng nữa. Với con bé kia một đồng là hai... Thế là nhà mày đủ tiền nộp sưu, lại khỏi nuôi chó, khỏi nuôi con. Sướng nhé!

Rồi Bà Nghị vui vẻ nhìn mặt ông Nghị:

– Ấy tôi cứ hay thương người thế đấy!... Người khác thì họ mặc kệ, ai hơi đâu! Kêu lắm thì bã bọt mép.

Chị Dậu lại chứa chan nước mắt. Buồn rầu, chị ngồi xuống bậc cửa và nói chầu lên:

– Vâng! Con cũng biết cụ có lòng thương nhà con mới thế. Chứ đàn chó vừa mới mở mắt, ai mua làm gì?... Nhưng, thưa cụ, giá chó bây giờ cũng không rẻ lắm, một con chó cái, con đem ra bán ít nhất cũng được đồng rưỡi. Còn bốn con chó con, nếu nuôi thêm vài phiên chợ nữa, thế nào cũng được năm hào một con. Vậy là tất cả đến ba đồng rưỡi, cụ cho một đồng thì thiệt con quá. Xin cụ trông lại!

Ông Nghị đập tay xuống sập:

– Đem ngay đi chợ mà bán! Không nói lôi thôi! Mất thì giờ! Thời Tây bây giờ, thì giờ là vàng bạc, không ai công đâu mặc cả với mày... Hừ! Vừa mới ngoen ngoẻn nói rằng "bán không ai mua" người ta làm phúc mua cho, lại còn nhằng nhằng kêu rẻ! Rẻ thì đem ngay ra chợ mà bán. Ra ngay!

Chị Dậu nhổm đít toan đứng dậy. Bà Nghị thẽ thọt:

– Chúng bay cứ cái thói ấy, không trách chẳng ai buồn thương, khổ là đáng kiếp. Trong lúc thuế má ngặt ngòi, đồng bạc cho vay, lãi ngày năm xu, người ta đã phải bỏ ra mà mua đàn chó mới mở mắt, thế là người ta làm ơn cho mày. Mày tưởng người ta không thể mua đâu được chó đấy chắc? Hay là chó của mày bằng vàng? Thôi, cho thêm hào nữa, thế là vừa con, vừa chó, cả thảy được hai đồng mốt. Bằng lòng không?

Chị Dậu lại tần ngần ngồi xuống:

– Bẩm cụ, một vài hào ở cụ chẳng thấm vào đâu, nhưng ở con thì nó lớn lắm. Xin cụ cho con lấy năm hào nữa vậy.

Bà Nghị ra bộ dễ dãi:

– Con mẹ này cũng ghê gớm lắm! Thấy bở thì đào mãi! Ừ, thì tao cũng trả thêm cho một hào. Là hai đồng hai. Bằng lòng thì lên nói với ông giáo làm văn tự cho. Và phải trả ông ấy hai hào giấy mực. Nghe không!

Chị Dậu thất vọng:

– Thế thì con chỉ được hai đồng đem về...

Ông Nghị lại cáu:

– Chứ bao nhiêu nữa? Hai chục nữa nhé! Thôi, cho thế cũng đắt lắm rồi. Bán thì đi làm văn tự. Không bán thì về. Về thẳng!

"Về thì đâm đầu vào đâu? Để chồng bị trói đến bao giờ nữa?... Thôi, trời đã bắt tội, cũng đành nhắm mắt liều...". Bên tai chị Dậu văng vẳng có tiếng như vậy. Nước mắt ứa ra, chị lại đứng dậy với bộ mặt não nùng:

– Vâng con xin bán hầu hai cụ. Nhờ các cụ cho bảo ông giáo làm giấy giúp con!...

Bà Nghị dõng dạc gọi xuống nhà dưới:

– Đứa nào lên nhà học mời ông giáo xuống đây cho tao!

Đồng hồ trên tủ, thong thả đánh mười một tiếng. Dây cót xổ ra xòe xòe.

Bà Nghị tươi cười nói với ông Nghị:

– Sao bây giờ mới mười một giờ? Hay là đồng hồ nhà ta chạy sai?

Ông Nghị rung đùi, vuốt chòm râu tây cong vắt trên mép ngậm tăm:

– Bà quê lắm! Đồng hồ của Tây làm ra có bao giờ sai? Bây giờ mười một giờ là đúng. Nhà ta ăn cơm khí sớm.

Bóng nắng xuống thềm gần một hàng gạch.

Xe lửa "một giờ" toe toe hét còi.

Ông giáo kéo đôi giày vá từ đầu nhà thờ đi sang. Trong tay đủ cả quản bút, lọ mực, giấy trắng và giấy thấm.

Với cái búi tóc ngất ngưởng trên đầu, với cái sức học chữ Nho bằng rưỡi quốc ngữ, ông ấy gọi là thầy đồ thì đúng hơn. Chỉ vì về phần nhà chủ nuôi cơm, tiếng nuôi ông đồ không sang bằng tiếng nuôi ông giáo, cho nên ông ấy phải đổi sang ngạch "thày giáo", để dạy mấy đứa trẻ học *Tam tự kinh* và A B C, và viết văn tự cho những người đến nhà ông Nghị cầm cố vay mượn. Vào nhà khách, ông giáo se sẽ đẩy thúng gạo nếp trên chiếc tràng kỷ gỗ lát và lễ phép ngồi vào chỗ đó.

Sau một hồi để ý nghe lời ông Nghị dặn dò, ông giáo nghiêm trang cúi vào mặt bàn. Trịnh trọng, ông ấy viết.

Cả nhà im lặng.

Năm phút, mười phút, nửa giờ... ông giáo ngẩng lên ngó mặt chị Dậu:

– Chị kia sang đây tôi đọc cho nghe, rồi điểm chỉ vào!

Rón rén, chị Dậu đến cạnh tràng kỷ. Ông giáo đằng hắng ba tiếng rồi bằng giọng cắt nghĩa cho học trò, ông ấy đọc:

"Tên tôi là Nguyễn Văn Dậu hai mươi sáu tuổi ở làng Đông Xá, và vợ tôi là Lê Thị Đào, hai mươi bốn tuổi, cũng ở làng ấy, có mượn của bà Hoàng Thị Sẹo, năm mươi tám tuổi, vợ cả ông Nghị viên Trần Đức Quế ở làng Đoài Thôn, một đôi hoa tai bằng vàng nặng ba đồng cân, đáng giá hai chục đồng bạc. Hạn trong năm ngày phải trả. Nếu không trả, chúng tôi xin chịu tội bội tín.

Giấy này làm tại làng Đoài Thôn, ngày... tháng... năm...".

Chị Dậu nghe rồi giãy nảy:

– Thưa ông, ông lầm rồi. Tôi bán con và chó, chứ có mượn hoa tai của bà đâu!

Ông Nghị rút vội cái tăm trong miệng mình đặt ngang vào miệng tách nước:

– Không ai thèm đánh lừa chúng bay. Bây giờ luật mới nghiêm cấm cha mẹ bán con, cho nên văn tự phải viết như thế, chứ không nói con, nói chó vào được. Sau này, mày để cho con mày ở mãi với cô Hai, thì cái giấy ấy tao cũng coi như không có. Nếu mày trở mặt mà đem con về, tao sẽ chiểu giấy bỏ tù cả vợ lẫn chồng. Giấy làm như vậy, chỉ cốt giữ cho nhà mày khỏi lật nhà tao, chứ nhà tao không đời nào thèm lật nhà mày. Thế là bao giờ tao cũng nắm đằng chuôi, chứ tao không cầm đằng lưỡi. Nghe không?

Dứt mạch diễn thuyết, ông Nghị bưng tách nước uống một hớp lớn, xúc miệng òng ọc mấy cái, rồi nhổ toẹt xuống nền nhà:

– Tùy đấy, mày có tin nhà tao thì điểm chỉ vào đem về cho chồng mày ký tên và xin chữ ký lý trưởng nhận thực tử tế. Rồi mang sang đây, thì tao sẽ giao tiền cho. Nếu mày không tin thì thôi. Đây tao không ép.

Hai hàng nước mắt hòa với những giọt mồ hôi, thánh thót rơi xuống gò má, chị Dậu cắm mặt đứng im. Một lát sau, chị quả quyết:

– Con xin vâng theo lời cụ.

Thế rồi chị giơ bàn tay buộc giẻ chìa hai ngón tay để cho ông giáo bôi mực và in vào bức văn tự. Xong việc, chị gấp bức văn tự, giắt vào lưng. Bước ra thềm chị nhặt lấy cái mê nón bị chó cắn rách. Ngần ngại, chị đặt mê nón lên đầu, cúi chào vợ chồng ông Nghị và ông giáo. Bà Nghị căn dặn nhắc đi nhắc lại:

– Nhớ lấy cái gì đậy cho mấy con chó con, kẻo nó bị nắng.

VII

Bóng cây ngả đến gần tường bao lan.

Mặt trời chênh chếch nhòm vào gốc đa, gốc gạo.

Những con trâu, bò bị bắt và bị ký giam chỏng gọng nằm dưới ánh nắng, uể oải nhai những rễ khoai hoặc cỏ héo của chủ ban cho.

Một lũ đàn bà chờ đợi nộp thuế, lê la ngồi khắp thềm đình.

Đàn chó chui trong gậm đình, chực cướp xương rơi, con nọ cắn con kia ý ẳng.

Trên đình ăn uống đã tàn.

Chánh tổng ngậm tăm nằm cạnh bàn đèn, hai mắt lim dim dở ngủ.

Cai lệ ngồi nhổm hai chân cạo lọ, cặp môi thâm sịt nhành ra gần tới mang tai.

Cậu lính cơ lấy hết gân guốc trên bộ mặt đỏ gay, ra sức nghiền cục xái trong cái chén mẻ.

Mấy ông hương trưởng, tộc biểu, trương tuần xúm quanh cái điếu đàn và chiếc ấm tay, kẻ hút thuốc, người phùng miệng thổi bát nước nóng.

Lý trưởng tựa lưng bên bức câu lơn, thù tiếp chánh hội, phó hội bằng mâm cỗ chỉ còn rau chuối và lá tía tô.

Thư ký, chưởng bạ lễ phép chìa đũa mời nhau gắp mấy miếng thịt mỡ khô cong các cạnh.

Lý cựu, phó lý, thủ quỹ châu đầu trên lớp bát đĩa đầy nhặng xanh, gật gù nhấc chén lên lại đặt chén xuống.

Người nhà chánh tổng, người nhà lý trưởng, mấy anh tuần phu canh ngày, ken vai vây lấy rá cơm "đi hơi" và chậu nước xuýt ruồi chết nổi lều bều, soàn soạt vừa và vừa nuốt.

Mỗi người mỗi miệng, ai nói nấy nghe. Sự ầm ầm càng giúp sức cho sự nóng nực.

Chị Dậu về đến cổng đình, vừa thấy tiếng ông Lý cựu quát vang trong đình:

– Thằng Mới đâu? Vào ty lấy thêm mấy chai rượu nữa ra đây! Chúng tao còn uống! Ai thôi mặc ai.

Tiếp đến tiếng ông Chánh hội:

– Hãy gượm! Rượu còn đấy, các ông cứ uống cho hết. Để nó đi mua vài đồng thuốc phiện nữa đã. Cụ Chánh đợi đã lâu rồi.

Rồi đến tiếng ông hương trưởng:

– Thong thả hãy mua thuốc phiện cũng được! Miệng tao còn chưa rửa đây. Ra giếng múc tao chậu nước!

Rồi đến tiếng ông thủ quỹ:

– Rồi hãy múc nước! Mày đi rót một ít nước mắm vào đây cái đã!

Rồi đến lượt ông Lý cựu vắt lại:

– Các ông đừng bỉ mặt nhau! Tôi đương bảo nó đi lấy thêm rượu, các ông lại nỡ vỗ vào mặt tôi, người này sai nó việc này, người kia sai nó việc khác... Khinh nhau vừa vừa chứ!

Bạo dạn, chị Dậu bước lên cửa đình, hạ cái mê nón ở trên đầu xuống:

– Chào các cụ, chào các ông.

Cả đình đổ xô trông ra. Người nhà lý trưởng tráo ngược đôi đũa chỉ vào mặt chị:

– Sưu của anh ấy đủ chưa? Đem mà nộp đi!

Cai lệ vừa cạo hết xái trong lọ, ngẩng đầu trông lên.

– À! Con vợ thằng gì ở xóm cuối làng phải không? Chị ta cứng cổ lắm, lý sự lắm. Sáng nay nếu không vội đi bắt đứa khác thì tôi biếu thêm cho chị ấy vài chục quả phật thủ nữa.

Phó lý trõ vào:

– Nó là vợ thằng đĩ Dậu chứ thằng gì? Sao ông không giã thêm cho nó một mẻ? Ông Lý tôi mời ông về đây, chỉ cần có thế.

Lý trưởng rung đùi ra bộ đắc ý:

– Tôi nói trên có cụ Chánh, có ông cai và đông các ông tất cả: vụ thuế này tôi làm kể cũng cứng lắm. Không cần gì hết, đứa nào trái ý, đánh luôn. Mà cũng có thế mới được. Chúng tôi làm vua làm việc, quanh năm đầu chày đít thớt, chỉ có những lúc "hồng thủy trướng giật" và những khi "sưu thuế giới kỳ" như thế này, thì mới có quyền. Tha hồ đánh, tha hồ trói, trai làng thằng nào bướng bỉnh... đánh chết vô tội vạ.

Chị Dậu chẳng nói chẳng rằng. Điềm tĩnh, chị nhìn khắp mấy gian đình.

Góc đình trong cùng, chừng hơn mười anh trai đinh choãi chân ngồi sắp hàng sau đám mâm bát lổng chổng. Ai cũng như nấy, khuỷu tay gô vào chấn song bởi một sợi dây thừng kếch sù.

Cố nhiên, đàn bà con gái không thể đi qua trước chỗ dân làng ăn uống. Chị Dậu bèn lùi trở xuống, quành ra cửa sau, rồi lẻn đến chỗ chồng ngồi.

Anh Dậu ngả đầu vào bức chấn song, mắt nhắm nghiền, miệng há hốc ra và thở hổn hển, mười đầu ngón tay xuống máu sưng lớn bằng mười quả chuối.

Chị Dậu rụng rời đổ đốt:

– Trời đất ơi, chồng tôi làm sao thế này?

Những bạn bị trói của anh Dậu, mỗi người trả lời một câu.

– Anh ấy lên cơn sốt rét từ hồi non trưa kia đấy. Bây giờ chừng mệt quá hẳn mới lả đi và mới im được một lát, lúc nãy còn vừa run vừa rên, làm sốt cả ruột người ngoài.

– Thôi, liệu mà vay mượn bán chác mau lên, cố lo cho đủ tiền sưu, rồi đem anh ấy về nhà. Chúng tôi khỏe mạnh thế này mà bị người ta chằng trói cũng còn đau rức khổ sở thay, huống chi anh ấy đương ốm!...

Chị Dậu sụt sùi:

– Khốn nạn! Nào tôi có tiếc gì đâu? Trông thấy chồng con thế kia dầu có ruột gan là sắt cũng phải đau đớn. Nhưng vay chưa được, bán chưa kịp, các bác ạ!

Vừa nói chị Dậu vừa nước mắt ràn rụa, ngồi xuống, chị se sẽ vỗ vai chồng:

– Thày em! Thày em ơi! Tỉnh dậy cái nào!

Anh Dậu vẫn lì bì lịt bịt.

Phó lý ở ngoài lòng đình ra oai:

– Con mẹ đĩ Dậu! Mày có câm đi, không thì ông vả vào mồm bây giờ! Đình làng chứ xó buồng của vợ chồng mày đấy à? Ai cho chúng bay đú đởn với nhau ở đấy? Đàn bà thối thây, suốt năm có một suất sưu của chồng mà không chạy nổi, lại còn nỏ mồm... "thày em" với "thày anh" gì?... Ngứa tai chúng ông!

Chị Dậu như không nghe biết chi hết, cứ việc nắm lấy hai vai chồng lay đi lay lại, như người ta cứu kẻ ngộ gió. Lâu lâu, anh Dậu lờ đờ mở to hai mắt trắng dã và rên hầm hừ.

Chị Dậu mếu máo:

– Thày em làm sao thế? Có phải lên cơn sốt rét hay không? Hay là chỗ trói đau quá?

Anh Dậu ú ớ:

– U nó đã ra đấy ư? Đi lấy cho tôi bát nước. Khát lắm, ráo cả họng từ sáng đến giờ.

Chị Dậu vội gạt nước mắt đứng dậy, mượn thằng Mới cái bát yêu đàn, chị ra giếng xin một bát nước bưng vào. Anh Dậu vục đầu vào bát, òng ọc nốc một hơi dài, rồi anh ngửa cổ ra bức chấn song mà thở. Bụng sủi ầm ầm như suối reo.

Bên ngoài mấy ông Lý dịch vẫn uống rượu, vẫn hút thuốc, vẫn quạt phành phạch, vẫn giở lý luật cãi nhau lộn bậy.

Chị Dậu sờ trán chồng, sờ chân chồng, sờ cổ tay chồng, rồi chị lân la sờ cái nút thừng ở đằng sau lưng chồng, toan tính cởi trộm cho nó rộng ra một chút. Nhưng cái nút ấy, người ta thắt kiểu "móng lợn", và riết chặt lắm, chị không thể nào mà nới ra được. Một lát sau, anh Dậu hơi tỉnh, mơ màng nhìn vợ:

– Thế nào? U nó đã sang nhà cụ Nghị Quế hay chưa?

– Đã! Tôi ở bên ấy về đây!

– Cụ ấy bằng lòng đấy chứ?

– Bằng lòng! Nhưng người ta bắt viết văn tự và bắt đèo thêm...

Chị không nỡ nói hết câu, ngập ngừng, chị cởi dải lưng, lấy mảnh giấy tây trao tay cho chồng:

– Tôi đã nhờ ông giáo bên ấy viết hộ văn tự rồi đây. Thày em coi xem thế nào.

Anh Dậu tuy đón lấy bức văn tự, nhưng vì cánh tay bị dây thừng ghì lại chặt quá, anh không thể đưa nó lên gần mắt mà coi. Chị Dậu lại phải cầm lấy và chìa lên tận ngang mặt cho chồng lẩm nhẩm đánh vần.

Lý trưởng ngước mắt ngó thấy, cơn lôi đình nổi lên tức thì:

– Giấy má gì đấy? Con mẹ đĩ Dậu! Đơn kiện phải không! Ừ! Được! Có giỏi thì đi kiện ngay ông đi! Ông thử cho mày thêm một trận nữa, để mày đi kiện luôn thể.

Rồi hắn đứng choàng ngay dậy, giơ chân toan bước. Nhưng cái cây thịt nó cứ lảo đảo như người lên đồng, xiêu xiêu, vẹo vẹo, chỉ chực ngã xuống sàn đình. Hắn phải vịn vào cột đình, và lại ngồi phịch xuống chiếu. Cậu lính cơ hùng hổ đứng lên:

– Ông Lý cứ ngồi đấy. Để tôi trị chúng nó! Muốn đi kiện thì được đi kiện, khó gì?

VIII

Vừa nói cậu cơ vừa đùng đùng chạy lại, giơ thẳng cánh tay tát đánh đốp vào mặt anh Dậu một cái. Và mắm môi, mắm lợi, cậu thét:

– Mày đi kiện đi, ông xem! Bây giờ vẫn chưa nộp sưu, còn chực sinh sự với ông à?

Anh Dậu chết điếng người đi. Nước mắt chảy ra như mưa, anh sẽ đập đầu vào bức chấn song và kêu:

– Ối trời đất ơi! Ối cha mẹ ơi! Thân tôi sao mà nhục đến thế này? Nào tôi có định kiện tụng gì ai cho cam!

Chị Dậu ậm ực muốn khóc, nhưng không khóc được. Những người bên cạnh đều rớt nước mắt.

Cậu cơ vẫn nét mặt hầm hầm. Nắm chặt bàn tay, cậu chĩa vào mặt anh chàng khốn nạn:

– Mày muốn vu vạ, bảo ông!

Luống cuống, chị Dậu vội đứng dậy. Một tay giơ bức văn tự, một tay nắm lấy cổ tay cậu cơ, thê thảm, chị nói bằng giọng van lơn:

– Thôi! Em xin ông quyền. Nhà em đau yếu, ông tha cho! Có phải đơn kiện đơn tụng gì đâu? Đây ông coi, cái văn tự của em bán con bé cháu để lấy tiền nộp sưu cho nhà em đấy mà!

Chừng muốn tỏ ra mình là người thạo chữ, cậu cơ đón bức văn tự, trầm tĩnh, xem hết từ đầu đến cuối. Rồi cậu dịu giọng sẽ gắt:

– Nói láo! Cái giấy mượn đôi hoa tai bằng vàng đấy chứ, văn tự đâu mà văn tự?

Chị Dậu lễ phép:

– Thưa ông, thật văn tự đấy ạ! Lúc nãy, ở bên cụ Nghị, ông giáo viết xong, đọc cho em nghe, em cũng ngạc nhiên và đã nói như ông vừa nói. Cụ Nghị bảo rằng: Luật mới không cho cha mẹ được phép bán con, nên phải viết thế, chứ có hoa tai hoa tung gì đâu? Nhà em kiết "xác mồng tơi" ai còn dám rời hoa tai cho mượn?

Những lời êm ái của chị hình như cũng có sức mạnh, làm cho nhà binh dằn lòng đứng lại, nghe cho hết câu. Rồi, cố liếc con mắt

cho có vẻ tình để nhìn vào mặt chị chàng nhà quê, cậu cơ trao trả chị này tờ giấy văn tự và hỏi một cách lả lơi:

– Đức ông chồng vẫn chưa ký tên đây mà! Sao không bảo đức ông chồng ký vào, rồi đi lấy tiền mà nộp sưu cho xong đi, cứ để lôi thôi mãi thế!

Ngay thật, chị chàng nhà quê không biết cái lối mánh khóe vẫn đáp bằng giọng rầu rĩ:

– Em vừa giơ lên cho nhà em coi, các ông tưởng là đơn kiện đã cùng đánh mắng om xòm...

Cậu cơ nhăn răng và cười hềnh hệch:

– Thế ra đức ông chồng phải đòn oan nhỉ! Nhưng thôi, bây giờ đức ông chồng cho tên vào đó cũng chưa muộn gì.

Chị Dậu năn nỉ:

– Cánh tay nhà em bị trói chặt quá, không thể cầm bút ký được. Ông làm phúc cởi trói ra cho nhà em, thì em ơn ông vạn bội.

Cậu cơ vẫn tủm tỉm:

– Tôi muốn làm... ơn cho chị lắm lắm... Nhưng còn quyền ở ông Lý.

Lý trưởng nghe nói tên mình, liền cất giọng nhè nhè:

– Ông Lý cái gì? Việc gì mà nói đến ông Lý đấy?

Cậu cơ tả tơi chạy đến trả lời:

– Nhà chị kia, chị ta muốn xin ông cởi trói cho đức ông chồng, để đức ông chồng chị ta ký vào văn tự.

Lý trưởng lại kéo dài cái giọng khề khà:

– Thế nó không đi kiện nữa à, mà còn muốn xin cởi trói cho chồng? Cậu bảo nó: "Không có phép" nhé! Nộp đủ tiền sưu thì đây cởi cho! Nếu mà tiền sưu chưa đủ, ông trời xuống đây cũng không tháo được cái thừng ở tay thằng Dậu. Đây còn trói. Có giỏi cứ đi kiện. Đây chỉ trói cho mà đi kiện!

Lý cựu bưng bát rượu kề gần lên môi, và gật gật gù gù:

– Mặc! Đây không biết. Ai trói cứ trói, ai cởi cứ cởi, mà ai đi kiện cứ đi kiện! Đây qua cầu rồi, cứ việc đánh chén cho đẫy! Thằng Mới đâu? Ông bảo mày lấy thêm rượu, làm sao từ nãy đến giờ chưa thấy? Đừng láo, ông thì chẻ xác mày ra!

Chánh hội quăng tọt đôi đũa xuống mâm và nói dõng dạc:

– Ông Lý cựu! Việc gì đến ông mà ông "đâm ba chày củ" vào đấy? Uống rượu cứ việc uống, người ta nói gì thì mặc người ta. Câu nào cũng chõ mồm vào, không để cho ai bàn bạc gì nữa!

Lý cựu đặt bát rượu vào mâm và đấm thật mạnh xuống sàn đình.

A! Ông cấm tôi nói à? Quyền ông được thế phải không, ông Chánh hội!

Chánh hội vểnh bộ mặt hách dịch:.

– Ừ đấy! Quyền tôi được thế! Quan sức cho tôi "hiệp dữ lý trưởng" thôi đốc vụ thuế năm nay, người nào gai ngạnh tức là "hãn trở thuế sự" tôi gông cổ lại cho mà xem!

Lý cựu sừng sộ:

– Miệng ông, ông nói; đình làng, ông ngồi! Đố thằng nào làm gì được ông!

Chánh hội hùng hằng đứng lên, rồi lại loạng choạng ngồi xuống, và quát:

– Tuần đâu? Chúng bay trói thằng Lý cựu lại cho ông! Tội đâu ông chịu!

Tuần phu im lặng không thưa. Lý cựu sấn nắn vén hai tay áo lên đến khuỷu tay:

– Cha thằng nào trói được ông!

Chánh hội vớ luôn chai rượu cạnh mâm, toan liệng ra chỗ Lý cựu. Phó hội nhanh tay giằng được và can:

– Thôi ông! Làm gì mà nóng tính thế! Ông Lý cựu ông ấy say rượu đấy mà!

Lý cựu gằn gọc:

– À! Ông Phó hội! Ông bảo tôi say rượu phải không? Ừ thì tôi say! Rượu uống chả say, thì ra rượu đổ vào hang chuột à? Nhưng mà đây tôi không say, ông đừng nói bậy! Thuế làng bổ hai đồng một mẫu, các ông thu của ngoại canh ba đồng năm hào, có ai nói với tôi được câu nào không? Các ông mời tôi ra đây uống vài chén rượu lại còn khà khịa! Tôi không cần, đây tôi uống của mấy đứa phụ canh, không thèm uống nhờ thằng nào.

Lý trưởng động lòng:

– Tiền của phụ canh, nó vẫn giắt ở cạp váy nó ấy. Chúng nó ngồi dưới giọt đình kia kìa. Xuống lần cạp váy chúng nó mà uống. Bữa rượu hôm nay tiền túi của ông bỏ ra, ông muốn mời ai thì mời, ông không phải nói với đứa nào hết. Ông thu "lạm" đấy! Thằng nào làm gì được ông?

Lý cựu hung hăng như người điên:

– À! Thằng Lý đương! Mày bảo ông uống máu mấy con ngoại canh đấy à?

Đánh "soảng" một cái, cái bát ở mâm Lý cựu bay thẳng sang mâm Lý đương và đánh "chát" một cái, cái chậu ở chiếu Lý đương cũng đập luôn vào cây cột bên cạnh Lý cựu. Nước canh, nước mắm bắn ra tứ tung. Hết thảy mọi người đều lố nhố đứng dậy. Rồi hết thảy mọi người lại lảo đảo ngồi xuống. Tuần phu và người nhà lý trưởng, người nhà chánh tổng sấn sổ chen vào, chạy hết mâm bát, chai chén xuống sân đình.

Cai lệ rước chén thuốc phiện và bộ khay đèn sang thẳng gian đình bên kia.

Thủ quỹ cố ôm tráp bạc đứng dậy, nhưng không đứng được, lại phải ngồi thụp xuống.

Chánh tổng sực tan giấc mộng, ngơ ngác hỏi giật hỏi giọng:

– Cái gì thế? Cái gì thế? Nốc cho lắm rồi nói bậy! Người nào gây chuyện với người nào?

Trong đám đông mỗi người một câu:

– Bẩm ông Lý cựu với ông Chánh hội.

– Bẩm, ông Lý cựu với ông Lý đương.

Chánh tổng lên giọng hống hách:

– Tuần đâu? Mày điệu cổ thằng Lý cựu xuống sân đình kia cho ông! Nó định ăn cướp tiền thuế của Lý trưởng à? Rồi ông trình quan cho nó.

Lý cựu vớ miếng mảnh chậu ở cạnh cột đình toan rạch vào trán. Trương tuần vội vàng chạy đến giật được, vứt đi. Hắn xốc nách Lý cựu và vực ra cửa. Rượu thịt, rau, đậu tự trong miệng ông Lý cựu thông thốc tuôn ra thềm đình.

IX

Hương trưởng, tộc biểu, những người vô sự lẻ tẻ đứng dậy cố dìu Lý cựu về nhà. Chỉ còn mấy ông chức dịch đương thứ phải ở lại đấy lo lắng việc thuế.

Chị Dậu chờ cho tan cơn ồn ào, mới dám rón rén bước lại nói với Lý trưởng:

– Thôi con lạy ông! Xin ông hãy tạm tha trói nhà con một lúc, để nhà con ký vào văn tự, con mới có tiền đóng sưu.

Lý trưởng vẫn giận dữ:

– Đừng lằng nhằng! Trói cũng ký được. Không phải tha!

– Bẩm ông, xin ông trông lại! Thật quả nhà con bị trói chặt quá, cánh tay quặt ra đằng sau lưng, không sao ký được! Chứ nếu nhà con ký được thì đâu dám kêu van cho rác tai ông!

– Đưa văn tự đây ta xem!

Chị Dậu sẽ sàng nâng mảnh văn tự trao cho Lý trưởng, rồi im lặng, chị nén lòng ngồi đợi ở cạnh câu lơn.

Mặt trời đã nghiêng sang phía sau đình.

Ánh nắng luồn qua chấn song, thấp thoáng soi chỗ anh Dậu.

Thằng Mới lật đật quét dọn cơm rau rơi vãi và mảnh bát, mảnh chậu ném ở sàn đình.

Vợ nó cặm cụi ngồi dưới sân đình rửa bát, rửa mâm, vét vội những bát thịt thừa canh dở.

Mấy mụ đàn bà ngoại canh lần lượt lên đình nói với thủ quỹ giở sổ tính thuế.

Lý trưởng đánh vần hết bức văn tự, liền thở hơi rượu vào mặt chị Dậu:

– Chỉ cần chồng mày ký vào văn tự thôi à?

– Cụ Nghị bắt phải xin triện của ông nhận thực cho nữa. Nhưng con sợ ông, nên chưa dám nói.

Lý trưởng cười lối khinh bỉ:

– Triện ông có phải củ khoai? Dễ ông đóng không cho mày đấy chắc!

– Xin ông thương con. Nếu không có triện của ông cụ Nghị lại không giao tiền.

Một đồng bạc! Nghe chửa? Thế là ông thương mày đấy, người khác thì phải năm đồng.

– Lạy ông, ông xét lại cho. Con bán cả con lẫn chó mới được có hai đồng bạc.

– Mặc kệ, không biết. Đủ một đồng bạc thì ông sẽ đóng triện cho.

Chị Dậu vừa nói vừa khóc:

– Nếu ông không thương, con không lấy đâu được tiền nộp sưu!

– Chẳng có tiền sưu thì chồng mày ngồi tù!

Thất vọng, chị Dậu rũ rượi ngồi im. Đến lượt anh Dậu nằn nì thay vợ:

– Thưa ông, con có muốn chi thế này! Trời làm vận hạn đau yếu nên con phải chịu. Xin ông thương lại vợ chồng nhà con, một đồng bạc con cũng xin vâng, nhưng con hãy khất ngày mai xong thuế con bắt nhà con cấy trừ hầu ông.

Chánh tổng phì cười:

– Bây giờ lại có lối đóng triện cấy trừ nữa. Thôi cũng được! Ông Lý nhận lời cho nó đi, đừng để chúng nó nói mãi điếc tai!

Lý trưởng làm bộ khó khăn:

– Vâng! Tôi nghe lời cụ Chánh.

Rồi bèn quay lại hỏi chị Dậu:

– Mày định cấy trả nhà tao bao nhiêu?

– Con xin cấy hầu ông một mẫu.

– Đồng bạc một mẫu thế ra một hào một sào kia à? Không được! Phải một mẫu rưỡi.

– Ông dạy thế nào con cũng xin vâng.

Chuyện êm, anh Dậu được tạm thoát ly sợi dây thừng để đề tên vào sau văn tự. Nhưng anh bị trói đã lâu, cánh tay sưng lớn và bại liệt, các đầu ngón tay tê tái, bấm không biết đau, lóng ngóng mãi không viết được một chữ.

X

Thoáng thấy mẹ về đến cổng, thằng Dần mừng nhảy chân sáo:

– U đi đâu từ lúc non trưa đến giờ? Có mua được gạo hay không? Sao u lại về không thế?

Cái Tý ở trong bếp sa sả mắng ra:

– Đã bảo u không có tiền, lại cứ lằng nhằng nói mãi! Mày tưởng người ta dám bán chịu cho nhà mày sao? Thôi! Khoai chín rồi đây, để tôi đổ ra ông xơi, ông đừng làm tội u nữa.

Rồi nó tất tả bồng em ra trước thềm đon đả chào mẹ:

– U đã về ạ! Ông Lý cởi trói cho thày con chưa, hử u? Cái nón của u làm sao bị rách tan tành thế ấy? Tay u làm sao lại phải buộc giẻ thế kia?

Chị Dậu không trả lời. Thơ thẩn, chị đón lấy con bé con và ngồi ghé vào bên mép chõng.

Cái Tý xoa đầu cái Tỉu kể lể bằng giọng hú hí:

– Cô ả này hôm nay quấy lắm, u ạ! U đi khỏi nhà, cô ta cứ ra rả khóc không dứt miệng. Dỗ thế nào cô ta cũng không nín cho. Đặt ngồi xuống phản, cô ta lại níu lấy con và cố đứng lên. Con vừa lẽo đẽo cắp cô ta ở sườn, lại vừa hì hục rửa khoai, tra nồi, xin lửa nhóm bếp. Củi thì ướt chảy ướt chả, lì lụt mãi vẫn không cháy cho. Thế mà con cũng luộc được chín nồi khoai rồi đấy! U bảo con có ngoan không?

Chị Dậu vẫn không nói gì. Buồn rầu, chị kéo "chéo yếm" cài trong dải lưng, vạch đầu vú nổi gân xanh lè, và bóp mạnh "cổ" vú, vắt những sữa chua xuống đất.

Thằng Dần lần thần đứng bên cạnh mẹ hau háu nhìn những tia sữa bằng hai con mắt tiếc rẻ ngậm ngùi.

Cái Tỉu vừa ngậm vú mẹ khóc lần nhần. Sữa trong vú chảy ra không đủ sức nó nuốt. Nhả bên nọ, nguập bên kia, bú bên này sờ bên khác, con bé vần hai đầu vú giống như con mèo vờn cái bong bóng bẹp hơi.

Mấy nét nhăn nhúm hiện lên trên sống mũi và mấy tiếng xuýt xoa se sẽ tự trong đầu lưỡi đưa ra. Chị Dậu chừng cũng rát ruột về sự phàm ăn của con. Tuy vậy, chị vẫn hết sức nín chịu, và vẫn luôn luôn vuốt tay vào vú, có ý dồn cho sữa xuống.

Cạnh chõng, nghi ngút một đám khói bay.

Cái Tý lễ mễ bưng rổ khoai luộc ghếch vào chân cột, và dặn thằng Dần:

– Hãy còn nóng lắm đấy nhé! Em đừng mó vào mà bỏng thì khốn!

Vừa nói, nó vừa tung tăng chạy đến rổ bát, lục lấy hai cái to và một đôi đũa, đem lại. Bới từ trôn rổ bới lên, nó gắp những mẩu khoai to xếp đầy hai bát. Bằng cái dáng bộ vui vẻ, nhẹ nhàng, nó đặt một bát lên chõng:

– Mời u xơi khoai đi ạ!

Rồi nhanh nhảu, nó bưng một bát, bước qua tấm phản cập kênh ngửa cổ để lên bàn thờ, và quay xuống, nó bảo thằng Dần:

– Bát này chị để phần thày đấy nhé! Chốc nữa thày về thày ăn. Đứa nào ăn "vèn" của thày thì chị không cho đi chơi với chị.

Thằng bé không để tiếng nào vào tai, nó cứ ngồi sán bên cạnh rổ khoai và nuốt nước dãi ừng ực. Cái Tý lật đật chạy đi tìm cái quạt nan, để quạt cho khoai chóng nguội.

Rổ khoai vừa đi hết khói, hai đứa xúm lại, lê la ngồi phệt dưới đất, mỗi đứa nhón lấy mỗi củ, không kịp bóc vỏ, chúng nó vừa thổi phù phù vừa cắn ngấu nghiến. Giống như con cọp trong vườn bách thú vớ miếng thịt bò tươi, đứa nào đứa ấy nhai nuốt một cách ngon lành gọn vẹn. Trừ ra khi gặp củ nào hà nhậy đắng quá không thể nuốt được, chúng nó mới chịu nhổ đi, và khi bị củ nào nhiều xơ, dai quá không thể nhai được, chúng nó mới chịu nhả bã.

Những sự hiếu thảo, ngoan ngoãn của hai đứa trẻ ngây thơ vô tình lộ ra từ nãy đến giờ, hình như đều là những lưỡi dao găm cắt từng khúc ruột chị Dậu. Càng nhìn chúng nó, chị càng nước mắt ngắn dài.

Ngạc nhiên, cái Tý thỏ thẻ giục mẹ:

– U ăn khoai đi, để lấy sữa cho em nó bú. Từ sáng đến giờ, u chưa ăn gì, đói quá chịu làm sao được?

Chị Dậu vẫn cứ rầu rĩ nét mặt, những giọt nước mắt rơi xuống càng mau.

Với vẻ mặt băn khoăn, cái Tý lại bưng bát khoai chìa tận mặt mẹ:

– Này u ăn đi! Để mãi! U có ăn thì con mới ăn. U không ăn con cũng không muốn ăn nữa.

Nể con, chị Dậu cầm lấy một củ, rồi chị lại đặt xuống chõng.

Vẻ nghi ngại hiện ra sắc mặt, con bé hóm hỉnh hỏi mẹ một cách thiết tha:

– Sáng ngày người ta đấm u có đau lắm không?

Chị Dậu sẽ gạt nước mắt:

– Không đau con ạ!

– Thế làm sao u cứ khóc mãi mà không ăn khoai? Hay là u thương chúng con đói quá? Không, chúng con không đói nữa đâu. Hai đứa ăn hết ngần kia củ khoai thì no mòng bụng ra rồi còn đói gì nữa! U cứ ăn đi, u cứ ăn hết bát khoai ấy đi! Nếu u không ăn, lấy đâu ra sữa cho em bú?

Chị Dậu vừa nói vừa mếu:

– Thôi u không ăn, để phần cho con. Con chỉ được ăn ở nhà bữa này nữa thôi. U không muốn ăn tranh của con. Con cứ ăn thật no, không phải nhường nhịn cho u.

Cái Tý chưa hiểu hết ý câu nói của mẹ, nó xám mặt lại và hỏi bằng giọng luống cuống:

– Vậy thì bữa sau con ăn ở đâu?

Điểm thêm một "dây" nức nở, chị Dậu ngó con bằng cách xót xa:

– Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài.

– Cái Tý nghe nói giãy nảy, giống như sét đánh bên tai, nó liệng củ khoai vào rổ và òa lên khóc:

– U bán con thật đấy ư? Con van u, con lạy u, con còn bé bỏng, u đừng đem bán con đi, tội nghiệp! U để con ở nhà chơi với em con.

Thằng Dần cũng khóc tru tréo, bỏ luôn rổ khoai đứng dậy, ngoay ngoảy lắc cái mông đít, nó nhắc lại câu đã nói sáng ngày:

– Em không! Nào! Em không cho bán chị Tý! Nào! Nào! Có bán thì bán cái Tỉu này này!

Chị Dậu chỉ thổn thổn, thức thức, không nói thêm được câu gì. Bộ mặt sầu thảm dần dần ngả xuống, đối thẳng với con bé đương bú.

Bên đám lông mày cong rướn, mấy sợi tóc mai lả thả rủ xuống, hình như làn khói thuốc lá phớt phơ bay trước khuôn gương. Và trên cái gò má đỏ bừng, vài ba giọt nước mắt thánh thót đuổi nhau chẳng khác hạt sương buổi mai lánh đọng trong cánh hoa hồng mới nở.

XI

Gió chiều thổi đám lá tre tơi tả.

Nắng tây gay gắt đến nửa thềm.

Thằng Dần cái Tý thôi không ăn khoai, lải nhải vừa than vừa khóc.

Cái Tỉu bú đã lửng dạ, hớn hở ngảnh ra cười đùa. Chị Dậu lại càng rũ rượi. Chống tay lên trán, chị như nghĩ ngợi phân vân. Một lúc sau, chị đứng phắt dậy với cái dáng điệu quả quyết:

– Thôi, phải tội với trời, mẹ chịu! Cảnh nhà đã thế, mẹ đành dứt tình với con!

Tức thì, chị chùi nước mắt và đi làm những việc mà chị cho là đau đớn.

Cái Tỉu lại bậu bên sườn cái Tý.

Con chó cái chui đầu vào sợi xích sắt để cho bà chủ buộc vào cột nhà.

Đàn chó con phải bắt vào rổ thưa, trên có mẹt đậy và có lạt chằng chắc chắn.

Các việc xong hết, chị lại đón lấy cái Tỉu, cho nó bú thêm lúc nữa. Sau khi đã kéo chiếc chiếu thủng rách trên phản trải xuống giữa nhà, chị đặt con nhỏ vào chiếu rồi sai thằng Dần ngồi đó trông em. Chị lục tất cả quần áo của cái Tý và gói chung làm một gói. Rồi một tay nưng rổ chó con lên đầu, một tay cầm sợi xích định dắt luôn con chó cái ra cửa, sụt sịt, chị bảo cái Tý:

– Con hãy đội cái mê nón cho đỡ nắng, và con cắp lấy gói quần áo rồi sang bên cụ Nghị Quế với u.

Chừng như lúc nãy thấy bắt cả chó lớn, chó con, cái Tý vẫn tưởng những con vật ấy sẽ đi thế mạng cho mình, cho nên nó đã vững dạ ngồi im. Bây giờ nghe mẹ giục nó phải đi, nó lại nhếch nhác mếu khóc:

– U nhất định bán con đấy ư? U không cho con ở nhà nữa ư? Khốn nạn thân con thế này! Trời ơi!... Ngày mai con chơi với ai? Con ngủ với ai?

Chị Dậu lã chã hai hàng nước mắt:

– U van con, u lạy con, con có thương thầy thương u, thì con cứ đi ngay bây giờ với u, đừng khóc lóc nữa, đau ruột u lắm. Công u nuôi con sáu, bảy năm trời, tốn kém bao nhiêu tiền của! Bây giờ phải đem con đi bán, u đã chết từng khúc ruột rồi đấy, con ạ.

Nhưng mà tiền sưu không có, thầy con đau ốm là thế vẫn bị người ta đánh trói, sưng cả hai tay lên kia... Nếu không bán con, thì

lấy tiền đâu nộp sưu? Để cho thày con khổ sở đến nước nào nữa? Thôi, u van con, u lạy con, con có thương thày, thương u thì con cứ đi với u!

Cái Tý vẫn khóc rưng rức. Chị Dậu cũng vừa đội rổ chó con vừa khóc nức nở, nhưng vẫn cố kiếm những lời thấm thía xót xa để khuyên con.

Lâu lâu, cái Tý chừng cũng hiểu những nỗi đau lòng của mẹ, nó không khóc nữa. Lau sạch nước mắt, nó chạy đến chỗ cái Tỉu cúi đầu tận mặt con này, nó hôn mỗi má mấy cái, và nó lại mếu:

– Tỉu ở nhà nhé! Tỉu ở nhà với anh Dần nhé! Chị phải đi đây. Chị sang ở với cụ Nghị kia đây. Từ rày trở đi chị không được ẵm Tỉu nữa. Bao giờ Tỉu lớn, Tỉu sang bên ấy tìm chị, Tỉu nhé!

Rồi nó ôm lấy thằng Dần và cũng hôn luôn hai má thằng ấy. Vừa nói, nó vừa giàn giụa nước mắt:

– Dần có thương chị không? Dần có nhớ chị không? U bán chị rồi. Dần ở nhà chơi với Tỉu vậy. Nó khóc thì Dần dỗ nó, không được đánh nó đấy nhé. Bao giờ nó lớn, thì Dần rủ nó sang nhà cụ Nghị với chị. Thôi, Dần ở nhà, chị phải đi với u đây, chị không được về nữa đâu, Dần ạ!

Thằng Dần níu lấy áo chị và khóc rầm rĩ:

– Chị phải ở nhà với em! Em không cho chị sang nhà cụ Nghị. Nếu chị sang nhà cụ Nghị rồi thì em chơi với ai?

Cái Tý khóc hu hu. Nó cứ quấn quýt thằng Dần, không muốn rời ra. Ngảnh lại nhìn mặt chị Dậu, nó nói bằng giọng năn nỉ:

– Con nhớ em quá! Hay là u hãy cho con ở nhà một đêm nay nữa, để con ngủ thêm với em, để con nói chuyện với em. Sáng mai con xin đi sớm.

Chị Dậu càng tỏ ra bộ đau đớn:

– Thôi, u van con, u lạy con, con có thương thày, thương u, thì con đi ngay bây giờ cho u. Nếu con chưa đi, cụ Nghị chưa giao tiền cho, u chưa có tiền nộp sưu thì không khéo thầy con sẽ chết ở đình, chứ không sống được. Thôi, u van con, u lạy con, con có thương thày thương u, thì con đi ngay bây giờ cho u.

Và chị cố kiếm cho được cái giọng ngon ngọt để dỗ thằng Dần:

– Dần buông chị ra, đi con! Dần ngoan lắm nhỉ! U van Dần, u lạy Dần! Dần hãy để cho chị đi với u, đừng giữ chị nữa. Chị nó có đi, u mới có tiền nộp sưu, thày Dần mới được về với Dần chứ! Sáng ngày người ta đánh trói thày Dần như thế, Dần có thương không. Nếu Dần không buông chị ra, chốc nữa ông Lý vào đây, ông ấy trói nốt cả u, trói nốt cả Dần nữa đấy.

Thằng Dần vẫn sợ ông Lý, như đứa trẻ khác sợ ông ngoáo ộp, nghe nói đến tên ông ấy nó đã mất vía đi rồi. Lập tức nó rời vạt áo cái Tý và nó ỏn ẻn dặn mẹ:

– Em chỉ cho chị Tý đi một lúc thôi. Lấy được tiền rồi u lại phải đem chị ấy về đây với em.

Chị Dậu buột miệng:

– Ừ...

Rồi hình như có ý hối vì mình đã nói dối trẻ con, tức thì chị nói chữa:

– Ừ, hễ cụ Nghị bằng lòng để cho chị con về nhà vài hôm, thì u đem nó về với con.

Cái Tý với hai hàng nước mắt ròng ròng, hôn hít các em một lượt nữa, rồi lủi thủi, nó đội mê nón trên đầu và cắp gói áo vào nách.

Chị Dậu vừa dặn thằng Dần ngồi coi cái Tỉu, vừa cởi dây xích lôi con chó cái.

Con vật ấy ở nhà chị Dậu, tuy không làm "tên lính gác nhà" như các bạn nó ở vào những nơi giàu có, nhưng cũng là hạng "tôi tớ" cần dùng. Những lúc con cái chủ nhà đau dạ lạnh lòng!... Công việc "vệ sinh" trong nhà, phận sự nó phải gánh vác tất cả. Sự quan hệ giữa nó với chủ tuy chỉ có thế, song mà trời đã sinh nó làm một loài vật "giàu lòng trung thành" thì, ăn lương của chủ, nó phải hết lòng mến chủ, cũng như nó phải hết lòng vâng theo chủ. Cái bản tính ấy, khiến nó chỉ muốn "làm việc" với chủ suốt đời, không muốn có ngày "hưu trí", mặc dầu chủ vẫn coi nó là vật hèn. Vì vậy, nay thấy chị Dậu xích nó, đối với nó có vẻ khác hẳn mọi ngày, hình như nó cũng biết rằng chủ nó sắp sửa "đổi" nó đi đâu hoặc là đem nó đến chỗ làm tình làm tội gì đó. Khăng khăng ghì lại nhất định nó không chịu đi. Chị Dậu càng kéo, nó càng tỏ ra thái độ van lơn. Nếu có một nhà "động vật tâm lý học" đứng ở cạnh nó lúc ấy, tất nhiên người ta có thể đoán rằng: "Nó đương lạy chủ, xin chủ cho nó ở lại thêm một hạn nữa".

Vô hiệu! Chủ nó cứ dùng cường quyền điệu nó xềnh xệch ra đường.

Tuy vậy, nó vẫn còn mong chủ thương. Cho nên ra khỏi cổng rồi, nó cứ còn lăn, còn giãy, còn ngoe ngoảy đuôi, còn kêu hừng hực khi nghe tiếng mấy con chó con ăng ẳng ở trên đầu chủ.

Mặt trời đã xế.

Bóng người ngả xuống mặt ruộng, dài thườn thượt như bóng cây cau.

Trâu bò không phải cày chiều, nghễu nghện theo đàn trẻ chăn ra các bờ ruộng gặm cỏ.

Với những tiếng thổn thức trong đáy tim và những giọt nước mắt luôn luôn đọng ở gò má, chị Dậu cố sống cố chết, nhũng nhẵng dẫn con và chó lẽo đẽo dưới ánh nắng mùa hè. Con vẫn lướt mướt khóc, chó vẫn ý ẳng kêu, chị vẫn nhất định giả câm giả điếc mong cho chóng đến nhà cụ Nghị.

XII

Nắng quái in ánh vàng trên dãy ngọn tre.

Đàn liếu điếu líu tíu kêu trong cành khế.

Mấy con chiền chiện ríu rít gọi nhau trên tàu cau.

Nghị Quế vểnh râu đứng trong sân gạch, ngắm đôi bồ câu gật gù gụ nhau ở cửa chuồng. Nhác thấy mẹ con chị Dậu nhô vào, hắn hỏi một cách thật đổng:

– Làm gì bây giờ mới dắt nhau đến? Để cho người ta chờ đợi mấy giờ đồng hồ! Dính với chúng bay lúc nào bực mình lúc ấy, không có đứa nào giữ được đúng hẹn bao giờ!

Lễ phép, mẹ con chị Dậu cùng cúi đầu chào:

– Bẩm cụ, vì nhà con bị trói ở đình, con phải nói mãi các ông ấy mới cởi ra cho để ký văn tự... Vả lại, đường cũng hơi xa, con đi khí chậm, xin cụ tha lỗi cho!

– Bà ở nhà khách ấy, đem nhau vào mà nói với bà!

Rồi hắn gọi chõ vào phía trong sân:

– Đứa nào ra coi chó cho chúng nó!

Như anh phường trò đón dịp, thằng bếp dạ một tiếng thật dài, rồi nó cầm gậy đuổi chó, đưa mẹ con chị Dậu và con chó cái lên tòa nhà mà chị đã vào lúc nãy.

Mụ Nghị phủ đầu bằng giọng gắt gỏng:

– Đã bảo lấy cái gì đậy cho mấy con chó con, kẻo nó bị nắng, sao lại chỉ úp cho nó một cái mẹt ranh thế kia?

Thèn lẹn, chị Dậu trả lời bằng câu "lạy cụ". Rồi nhờ thằng bếp buộc cái xích của con chó cái vào cột, chị thong thả hạ rổ chó xuống thềm.

Mụ Nghị liếc nhìn cái Tý, the thé, mụ mắng chị Dậu:

– Thế mà cả vợ lẫn chồng cùng dám xưng xưng nói rằng con đã lên bảy. Lên bảy mà bằng cái nhãi thế à? Bà biết ngay mà! Cái đời nhà chúng bay còn có câu nào nói thật!

– Bẩm cụ, chúng con không dám nói dối, thật quả cháu đã lên bảy tuổi, thằng em nó lên năm, còn con bé nữa lên hai. Con được ba cháu cả thảy.

Nghị Quế ở sân vừa vào, chỉ mặt chị Dậu, hắn tỏ ra người rất oai:

– Im cái mồm. Đừng giở con cà con kê ra đây! Mấy cháu mặc kệ nhà mày! Đẻ lắm thì bán nhiều, chớ làm trò gì? Mở cái rổ ra. Tao xem mấy con chó con!

Mụ Nghị tiếp theo lời chồng:

– Ấy đấy! Ông tính nó nói thế có nghe được không?

Rồi mụ ngoảnh trông chị Dậu:

– Này liệu hồn! Bà thì tống cổ cả đi, không thèm mua bán gì nữa bây giờ, dễ bà bằng đôi bằng lứa với mày hay sao? Chưa nói mày đã cãi liền! Láo quen! Con bé bằng ngần kia, mày dám xoen xoét bảo nó lên bảy, nói cho chó nó nghe à?

Cái Tý đứng nép sau cột, nét mặt thìu thịu, như lo mình mới đánh rơi một tuổi lúc nào. Chị Dậu đờ mặt ngồi thừ với những giọt nước mắt đọng ở trong đám lông mi lóng lánh.

Hai bên thái dương Nghị Quế nổi những sợi gân tím bầm để báo tin một câu giận dữ:

– Nó vẫn không mở mấy con chó con ra à? Có tiếc đem về mà nuôi!

Nước mắt nhỏ xuống thềm gạch thánh thót, chị Dậu cắm cúi cởi mấy nút lạt buộc ở cạp rổ và bỏ cái mẹt ra thềm. Nghị Quế vội vàng ngồi xuống cạnh rổ. Bốn con chó lần lượt bị hắn túm cổ xách lên xem tai, xem mắt, xem lưỡi, xem chân, xem bụng, xem đuôi, xem ngực, có con bị hắn tỉ mỉ bới vạch từng cái lông tơ. Rồi hắn ngắm nghía đến

con chó cái. Một lát sau, vẻ mặt hơi dịu, hắn vào ngồi bắt chân chữ ngũ trong sập và bảo chị Dậu:

– Văn tự đâu? Đưa đây tao xem.

Chị Dậu ró ráy cởi cái văn tự ở đầu dải yếm, khúm núm đặt lên trên sập.

Cầm bức văn tự, nghị Quế chỉ nhìn đi nhìn lại ở chỗ Lý trưởng đóng triện. Lâu lâu, quay ra hắn bảo thằng nhỏ:

– Mày đi lấy mấy bát cơm nguội, lấy nhiều vào, để tao cho đàn chó này ăn thử, xem sao!

Thằng nhỏ "ba chân bốn cẳng" chạy xuống nhà ngang sau một tiếng dạ gọn ghẽ.

Mẹ con chị Dậu ro ró ngồi nép bên cột, người nọ nhìn cái mặt chan hòa nước mắt của người kia.

Bốn con chó lau nhau đi đến ven thềm, mỗi con chiếm mỗi vú của con chó cái.

Nghị Quế vui vẻ bảo vợ:

– Bà thử trông xem, có phải không có con nào bị đuôi chấm sống?

– Tôi cũng đương nhìn. Hình như không cả thì phải.

XIII

Thằng nhỏ ở nhà ngang lên với rá cơm nguội đầy ụ. Nghị Quế bảo mẹ con chị Dậu bắt đàn chó con thả sang đầu thềm bên này. Tất tả, hắn chạy luôn ra bưng lấy rá cơm xúc cho mỗi con một bát. Chị Dậu nói thật, bốn con chó con đều biết ăn cơm cả rồi. Riêng con chó cái, hình như vừa mệt vừa lo, chỉ ăn nhỏ nhẻ vài miếng lại nghỉ.

Bằng cái sắc mặt ôn hòa dễ dãi, Nghị Quế nhìn vào chị Dậu:

– Con chó cái nhà mày mua ở đâu thế?

– Bẩm của mẹ con mua ở Lầu Cai đem về cho con!

– Ừ, có thế chứ! Chắc là giống chó Mông Tự, chứ ở nhà quê làm gì có thứ chó này!

Mụ Nghị đon đả kể công:

– Bởi thấy nhiều người mách rằng nhà nó có con chó cái khôn lắm, cho nên sáng ngày tôi mới cố mua lấy được. Chứ bỗng không ai có động rồ mà chuốc đàn chó vừa mới mở mắt? Thế còn bốn con chó con thế nào?

Nghị Quế lẩm bẩm gật đầu:

– Đẹp cả! Bốn con bốn kiểu: một con "huyền đề", một con "lốt hổ", một con "đen tuyền" và một con "tứ túc mai hoa". Con nào cũng cúp tai, ngắn mặt, đốm lưỡi, mắt xếch lá đề, đẹp lắm!

Vừa nói, hắn vừa tung tăng đi vào trong sập. Vẫn cái kiểu ngồi bắt chân chữ "ngũ", hắn vít lấy cái xe điếu ống, hút một hơi thuốc lào, rồi hắn rung đùi ra bộ đắc ý:

– Biết cái gì vất vả cái ấy! Ông phủ Đặng, ông Nghị Bùi, ông phán Tiên và ông cửu Xung trên tỉnh, các ông ấy đều biết tôi xem chó sành lắm, ông nào cũng khẩn khoản nhờ tôi mua hộ. Tôi định khi nào bốn con chó này khá lớn, thì cho mỗi người một con. Nhưng lại tiếc con chó đen tuyền, muốn để nhà nuôi. Vì giống chó ấy lợi chủ, nuôi nó trong nhà làm ăn thịnh vượng...

Mụ Nghị ngắt lời bằng giọng nói nửa thật nửa đùa:

– Chả có của đâu mà cho. Ai muốn được giống chó tốt, phải có tiền đây cho tôi, không thì tôi để nuôi ráo!

– Nhà đã mười bốn con chó cả thảy, nuôi làm gì nữa! Cơm đâu?

– Tôi nuôi để nó coi nhà. Nuôi chó còn hơn là nuôi đứa ở. Nhà rộng thênh thang thế này, mười mấy con chó, nhiều gì?

Rồi mụ cười giòn khanh khách và trỏ vào mặt chị Dậu:

– Cơm chó nhà tao cũng tốn bằng mấy "cơm người" của nhà mày đấy.

Chị Dậu dường như tủi thân, cúi xuống gạt thầm nước mắt, chị không biết nói thế nào.

Mấy con chó con thôi ăn, kéo nhau trở lại chỗ con chó cái bỏ dở cả mấy đống cơm.

Nghị Quế sai thằng nhỏ hót hết vào rá, đưa cho cái Tý. Ra giọng nhân từ, ông đại biểu của dân bảo đứa con nít khốn nạn:

– Con bé kia! Cầm lấy rá cơm ăn đi, kẻo phí của trời. Ăn bốc cũng được, không phải đũa bát.

Nước mắt chảy ra như mưa, cái Tý ngần ngại nhìn rá cơm nguội, không muốn chìa tay ra đón.

Ông đại biểu cho dân hầm hầm nét mặt:

– Mày không ăn thừa cơm chó phải không?

Bà Nghị nổi cơn tam bành:

– Mẹ mày dạy mày thế đấy chứ, con ranh con? Ở đây với bà mày cứ giữ cái thói khoảnh ấy, thì bà dần từng cái xương. Này, bà bảo cho mày biết: mày ăn cơm chó nhà bà cũng chưa đáng đâu. Con chó nhà bà còn được mấy chục, con người như mày, bà chỉ mua có một đồng đấy thôi. Đừng khoảnh với bà!

Nghị Quế hạch lạc chị Dậu:

– Con mẹ khốn nạn! Mày ngồi giương mắt ra đấy không biết bảo con làm sao. Hay mày sợ con phải ăn cơm chó thì mày xấu hổ?

Dường như thương mẹ bị quở, cái Tý vội vàng đón lấy rá cơm. Rụt rè nó bốc một nắm bỏ vào miệng, uể oải nhai như bò nhai trấu.

Mụ Nghị nghiến răng kèn kẹt và chỉ vào mặt con bé:

– Bà truyền đời báo danh cho mày, từ giờ đến mai, phải ăn hết cái rá cơm ấy, rồi mới được ăn cơm khác!

Chị Dậu chỉ gục đầu vào cột, nức nở khóc thầm. Nghị Quế quát hỏi:

– Thế con mẹ kia có lấy tiền không? Hay còn tiếc con tiếc chó?

Chị Dậu vội chùi nước mắt đứng dậy:

– Bẩm cụ...

Không để cho chị nói hết, Nghị Quế giục vợ:

– Bà trả tiền cho nó về đi, để nó ngồi mãi ở đấy, tôi không chịu được!

Cái chuông trong hòm leng beng kêu một hồi dài, mụ Nghị cầm hai chuỗi trinh quăng tọt ra thềm:

– Đấy! Tiền đấy!

Chị Dậu lom khom cúi nhặt tiền, toan tính cởi ra đếm lại. Mụ Nghị xa xả:

– Không ai thèm làm thiếu đồng nào! Không phải đếm chác gì nữa!

Chị Dậu giắt tiền vào lưng, rồi chị sụt sùi bảo với cái Tý:

– Thôi con ở đây hầu hạ hai cụ, u về nhé!

Cái Tý ôm chầm lấy mẹ và khóc như mưa như gió:

– U đừng về vội! U hãy ngồi đây với con lúc nữa.

Nghị Quế đùng đùng đứng dậy, giơ cái bàn tay hộ pháp tát cho con bé một cái đánh bốp, và hắn hét lên như ông đại tướng trong rạp tuồng:

– Thằng nhỏ lôi cổ nó xuống nhà bếp kia...

Tức thì cái Tý liền phải rời mẹ ra, xềnh xệch theo tay cậu hầu cận của ông dân biểu xuống thềm. Bộ mặt bồ nhếch bồ nhác ngoảnh lại với cái miệng mếu xệch, nó nhìn theo mẹ và nói bằng giọng nức nở:

– Ngày mai u đem thằng Dần sang đây chơi với con nhé, con nhớ em lắm.

Hai cái bầu vú xuống sữa mấy căng, sữa ở trong vú rỉ ra, ướt đẫm cả một lần yếm, làm cho chị Dậu bồn chồn sốt ruột về con bé ở nhà. Bởi vì theo sự kinh nghiệm của đàn bà con mọn, những lúc xa con, tự nhiên sữa chảy như thế, ấy là đứa con vắng mẹ đã đói và đương gào khóc đòi bú. Chị không dám nghĩ đến cái Tý nữa, sấp ngửa, chị cắp cái rổ, cái mẹt và mê nón tất tả ra cổng thôn Đoài.

Mặt trời đã lặn xuống tận mặt đất.

Đàn quạ khoang dập dìu xà xuống các bãi tha ma.

Còi lá dừa của lũ mục đồng rối rít thúc trâu bò về nghỉ.

Tới làng Đông Xá, trời nhá nhem.

Trong đình vắng tanh vắng ngắt.

Đàn dơi bắt muỗi xập xè bay khắp lòng đình.

Ngọn đèn dầu te loe trên hương án cố sức phun những ánh sáng úa vàng, soi cho mấy nén hương đen lù mù cháy ở dưới cửa võng.

Cả mấy gian đình chỉ còn sự tối tăm giúp sức cho sự kinh trợn. Người ta đã đem hết tiếng ầm ầm vào nhà lý trưởng từ lâu.

Chừng cũng đoán biết như vậy, chị Dậu lủi thủi theo chỗ có tiếng tù và (rúc hồi) đi vào.

Dưới ánh lửa sáng quắc của ngọn đèn hai dây, quang cảnh trong nhà lý trưởng lúc này cũng như quang cảnh ngoài đình lúc nãy. Anh Dậu và bọn trai đinh thiếu sưu đều giơ khuỷu tay cho sợi dây thừng buộc vào cột nhà. Đàn ông, đàn bà chờ đợi nộp thuế còn lô nhô suốt một bậc cửa.

Lính cơ, cai lệ vẫn nằm chầu chánh tổng ở bên bàn đèn; thủ quỹ, thư ký, chánh hội, phó hội và các chức dịch ngổn ngang ngồi ở cạnh những cuốn sổ sách bề bộn.

Cái mặt "mồ hôi nước mắt" vừa ló vào thềm, chị Dậu liền được mấy ông chức dịch nhao nhao thét hỏi:

– Đã bán được con rồi chứ! Đem tiền nộp sưu mau lên!

– Thưa đã!

Vừa nói, chị vừa giở chuỗi tiền trinh giắt ở dải lưng và tám hào con, tiền bán khoai mà chị vẫn khư khư buộc đầu dải yếm. Bớt lại một hào, chị sẽ rón rén đặt hai đồng bảy lên trước Lý trưởng:

– Thưa ông, nhà cháu không kịp đi đổi tiền giấy, xin ông làm ơn nhận cho!

Lý trưởng cầm chuỗi tiền trinh đưa cho thủ quỹ đếm lại và bảo chị Dậu:

– Mỗi đồng phải các ba xu, bỏ luôn ra đây, tao nhận cho. Nhưng sao lại có hai đồng bảy hào?

Ngơ ngác, chị Dậu vừa đưa đồng hào để trả tiền các, vừa đáp bằng giọng lớ ngớ:

– Thưa ông cháu tưởng năm nay sưu bổ mỗi suất chỉ có bấy nhiêu.

– Phải rồi, tiền sưu năm nay mỗi suất chỉ có hai đồng bảy hào. Nhưng nhà mày phải nộp hai suất, nghe không? Một suất của chồng mày, một suất nữa của thằng Hợi.

– Thưa ông, chú nó chết từ tháng giêng rồi mà! Nhà con vẫn chưa "khai tử" hay sao?

Lý trưởng phát gắt:

– Khai tử rồi cũng phải đóng sưu. Ai bảo nó không chết ngay từ tháng mười năm ngoái?

Chị càng ngẩn ngơ ra bộ không hiểu, như ý ngờ người ta ăn hiếp nhà mình:

– Thưa ông, người chết đã gần năm tháng, sao lại còn phải đóng sưu?

Lý trưởng quát:

– Mày đi mà hỏi ông Tây, tao không biết.

Thư ký dõng dạc cắt nghĩa:

– Chết cũng không trốn được sưu Nhà nước! Là vì thằng em chồng chị mới chết tháng giêng Annam, mà sổ "thông quy" của làng đã làm từ đầu năm tây tức là tháng một Annam năm ngoái. Sổ ấy có

tên thằng Hợi – lúc ấy nó còn chưa chết – Khi đệ lên tỉnh, tòa sứ cứ theo số đinh trong sổ mà làm bài chỉ đưa sang sở Kho bạc. Rồi đến kỳ thuế, sở Kho bạc lại cứ theo đúng số thuế ghi trong bài chỉ mà thu. Nó chết tháng giêng, chứ dẫu nó chết tháng chạp cũng vậy, bài chỉ làm rồi, người ta không có chữa lại bao giờ, "khai tử" hay chẳng "khai tử" mặc kệ! Bởi thế, bài chỉ làng ta năm nay vẫn không trừ được số sưu thằng Hợi nhà chị. Nó chết, vợ con chưa có, ông Lý phải cứ lấy vào thân nhân, chồng chị không nộp cho nó thì ai nộp?

Chị Dậu dở nói dở khóc:

– Cháu là đàn bà, biết đâu việc quan như thế. Khốn nạn chú nó chết đi, nhà cháu thật như mất cánh tay phải! Còn nó, chúng cháu có đâu đến nỗi khổ sở thế này? Bây giờ, nó đã chẳng may thiệt phận, đành rằng suất sưu của nó, nhà cháu phải đóng, nhưng cháu xin các ông cho khất đến mai. Hôm nay cháu hãy đóng trước một suất, các ông tha cho nhà cháu về, kẻo người yếu đau bị trói cả ngày, không khéo chết mất.

Lý trưởng trừng mắt:

– Chết thì ông chôn. Mày tưởng chồng mày chết mà ông sợ à? Muốn chồng khỏi trói, về đem nốt hai đồng bảy nữa ra đây. Nếu không thì ông còn trói, ông trói cho đến bao giờ đủ sưu thì thôi.

Chị Dậu chừng như uất quá, ngồi sụp xuống chỗ cạnh chồng, chị khóc tru tréo:

– Ối trời ơi! Tôi bán cả con lẫn chó và hai gánh khoai mới được hai đồng bảy bạc. Tưởng rằng đủ tiền nộp sưu cho chồng, thì chồng tôi khỏi bị hành hạ đêm nay? Ai ngờ lại còn suất sưu của người chết nữa! Khốn nạn thân tôi! Trời ơi! Em tôi chết rồi còn phải đóng sưu, hở trời? Tôi biết đâm đầu vào đâu cho được hai đồng bảy bạc bây giờ?

Cai lệ ngồi phắt trở dậy, gân cổ thét ra:

– Chỗ mày kêu khóc ở đây à, con mẹ kia? Muốn sống thì câm cái mồm, không thì ông sẽ cho một trận nữa!

Anh Dậu run run khuyên vợ:

– Thôi! U nó đi về với con, kẻo có hai đứa ở nhà nó khóc hết hơi. Mặc tôi ở đây, bị trói thêm một đêm nữa cũng chẳng chết nào! Đừng nói nữa, người ta đánh đập khổ thân!

Chị Dậu vẫn không dứt được cơn hậm hực.

Thủ quỹ vừa đếm xong hai chuỗi tiền trinh, hắn gọi chị Dậu và bảo:

– Này chị kia, đừng khóc nữa, vào đây mà xem, mỗi đồng thiếu mất bốn xu đây này! Một hào của chị đưa trả tiền các, trừ vào chỗ này hết tám xu rồi, còn thiếu bốn xu nữa nhé.

Chị Dậu lại mếu:

– Khốn nạn! Tôi vẫn chắc mẩm còn thừa một hào, đem về đong gạo cho con ăn. Bây giờ hết cả vẫn chưa đủ! Gớm, cái Bà Nghị, giàu thế mà còn làm điêu!

Rồi chị rũ rượi ngồi khóc.

Anh Dậu thiết tha giục:

– Thôi! U nó nghe tôi! Có thương tôi thì hãy đi về với con! Đừng cứ ngồi đây mà khóc cho tôi càng thêm não ruột!

Các bạn bị trói của anh Dậu ra ý thương hại và hỏi:

– Con bé lớn chị đã bán rồi, hai đứa bé con ở nhà với ai?

Chị Dậu sụt sịt đáp:

– Anh em chúng nó ở nhà với nhau, chứ có ai đâu các bác?

Những người ấy ra ý áy náy:

– Khốn nạn! Thằng bé lên năm phải giữ con bé lên hai! Tội nghiệp quá!

– Cứ như các ông ấy vừa mới nói đó, thì người chết rồi cũng phải đóng sưu. Vậy là nhà chị vẫn thiếu một suất sưu nữa. Nếu không có tiền đem nộp, dẫu chị ở đây đến sáng cũng không thể xin cho anh ấy được khỏi trói đâu. Nói lắm mỏi miệng, ai thương? Thà chị về với các cháu cho khỏi khổ thân con trẻ.

– Phải! Bác ấy nói phải! Hãy cứ đành lòng để mặc anh ấy ngồi đây, chị về nhà nghỉ với con. Chứ chị ở đây chẳng qua chỉ thêm đau lòng, ích gì? Rồi nhịn chẳng được, ngứa mồm nói một vài câu, lại tổ làm cho anh ấy phải đòn.

Bấy nhiêu lời diễn thuyết tuy chứa chan những giọng tử tế, nhưng không giúp cho chị Dậu tí gì vì ý chị cũng nghĩ như người ta nói. Buồn rầu, chị sẽ ghé vào tai chồng:

– Cái Tý để phần thầy em một đĩa khoai đấy. Tôi bưng sang đây cho nhé!

Anh Dậu lắc đầu:

– Miệng tôi đắng lắm, không thể ăn gì bây giờ. U nó cứ về với con. Không phải lo đến sự ăn uống của tôi.

Chào chồng bằng hai hàng nước mắt, chị Dậu lủi thủi trở ra với cái mẹt, cái rổ và cái mê nón.

XIV

Vầng trăng đã vượt khỏi ngọn tre, mặt nước các ao đã lóng lánh như nồi vàng đang chảy. Trong mấy bụi cây rậm rạp, tiếng cuốc kêu khi thưa khi nhặt, khắc khoải hòa với tiếng rền rĩ rên khóc của giun, dế vườn hoang.

Tuy mới chập tối, các nhà đã đóng cửa im ỉm, không đâu còn một chút đèn lửa. Những kẻ cày sâu cuốc bẫm suốt ngày mệt nhọc, khi ấy đều phải "trả nợ mắt" để nuôi lấy sức làm việc cho ngày mai. Trừ xóm lý trưởng, các xóm khác đều im phăng phắc như cánh đồng không, nếu thỉnh thoảng không có tiếng chó sủa bọn người đi thúc sưu và tiếng xay lúa giã gạo ở mấy nhà hàng xay hàng xáo.

Chị Dậu về đến đầu nhà đã nghe tiếng khóc khàn khàn của hai đứa trẻ.

Sấp ngửa, chị chạy vào cổng, quẳng cả rổ, mẹt, mê nón xuống sân, rồi vội vàng, chị vào trong nhà.

Thằng Dần vẫn ngồi cạnh em, hai mắt sưng húp, mặt mũi xám mét như đứa vừa bị ngã ao, hãy còn kinh khiếp chưa hoàn hồn. Nó không thể tỏ chút dấu mừng rỡ, khi thấy mẹ về, tuy sự ấy là sự đáng mừng rỡ của nó. Trái lại, nó càng ra bộ tủi thân và òa lên khóc, như muốn nhắc cho mẹ biết những nỗi lo sợ từ nãy đến giờ. Nhưng hình như trong lúc mẹ nó đi vắng, nó đã kêu gào nhiều quá, cổ rát, hơi hết, nó chỉ có thể đưa ra cái tiếng khô khan như người khóc thầm.

Chị Dậu không kịp hỏi đến thằng bé ấy, hốt hoảng chị vớ lấy con bé con.

Trời ơi! Một sự ghê gớm kinh sợ.

Đôi mắt nó mọng và đỏ như quả nhót. Mồm mép, chân tay, lưng, bụng, cổ áo, tay áo của nó bê bết một lượt cứt với nước đái, đất lầm hòa với nhau. Nó khóc, nhưng không ra tiếng, chỉ có cái miệng hông hốc há ra như miệng cá mè. Sẽ sàng, chị Dậu nhắc nó ra cạnh vại

nước, tắm rửa qua loa cho sạch dơ bẩn. Rồi chị bồng nó lên lòng. Lần này, không còn thì giờ vắt bỏ sữa chua, chị vội vạch yếm lôi đầu vú ấn vào miệng nó. Vừa cho bé này bú, chị vừa lật đật trở vào đón thằng bé kia.

Thằng bé ấy lệch thệch ra đến giọt thềm, nó vẫn khóc nức nở, thân hình lem luốc như cái tượng đá vừa đào ở dưới lỗ lên.

Dắt nó, một lần nữa chị ra vại nước. Một tay bế con bé con, một tay chị vừa giội nước và vừa kỳ cọ cho thằng bé lớn. Rồi hai tay hai đứa, chị ẵm chúng nó vào trong cái phản cập kênh.

Chiếc chiếu ở đây lúc chiều chị đã đem trải xuống đất để đặt cái Tỉu, và đã bị nó đái ỉa đầm đìa. Thằng Dần phải đứng xuống phản, để chị bồng con em nó vào buồng, cuốn lấy chiếc chiếu trong giường và trải ra đó.

Từ sáng đến giờ, chị chỉ long đong chạy đi chạy về, chưa được ăn uống miếng gì. Chừng như cũng đói và mệt. Uể oải, chị ngả lưng xuống chiếu. Hai đứa con gối đầu vào hai cánh tay.

Cái Tỉu đã hơi tinh tỉnh, vừa bú nó vừa mân mê nghịch cái đầu vú của mẹ. Lâu lâu, nó lại thổn thức vài tiếng. Thằng Dần tan cơn nức nở, lại cứ ra kêu đói và kè nhè giục mẹ mua gạo nấu cơm.

Trong óc chị Dậu vẫn còn đĩa khoai cái Tý cất trên bàn thờ. Nhổm dậy, chị định nhắc xuống cho thằng bé này ăn nốt. Nhưng, món lương thực ấy đã bị chuột tha gần hết, chỉ còn ba bốn mẩu con.

Thằng Dần giơ tay xua lấy xua để:

– Con không ăn. Đĩa khoai ấy của thày con đấy. Lúc nãy chị Tý đã bảo đứa nào ăn "vèn" của thày, chị ấy không chơi với. Con chả ăn, chị ấy mắng con!

Thế là nó lại nhớ đến cái Tý. Sửng sốt, nó hỏi:

– Bây giờ chị Tý đâu rồi? Sao u không đem chị ấy về đây với con?

Nước mắt chị Dậu lại theo lời nói ngây ngô của thằng bé ngây thơ ứa ra chứa chan. Đặt mấy củ khoai xuống phản, chị ôm đầu nó vào nách, xoa xoa xuýt xuýt, chị ngọt ngào dỗ dành:

– Chị Tý ở nhà cụ Nghị. U đã bán cho cụ nghị ấy rồi, đem về thế nào được nữa?

Thằng Dần tru tréo:

– Con không! Nào! Lúc chiều con đã bảo u lấy được tiền rồi thì đem chị ấy về đây với con kia mà! Sao u lại để chị ấy ngủ ở bên ấy?

– Nhưng mà cụ ấy không cho nó về, thì u làm thế nào được? Thôi, con ăn mấy củ khoai cho đỡ đói, rồi nằm ngủ đi, mai kia u đưa sang chơi với chị.

– Con không mai kia! Nào! Nào! U phải đem ngay chị ấy về đây bây giờ, để chị ấy ngủ với con!

Chị Dậu sụt sùi sẽ gạt nước mắt:

– Đêm nay con hãy ngủ tạm với u!... Con ngủ với u chóng u yêu, nhỉ!

– Con không ngủ với u nào! Con thèm vào chơi với u nữa. U bán chị Tý đi rồi! Chốc nữa thày về, con mách thày cho!

Rồi nó gào khóc rầm rĩ, nhất định bắt mẹ phải đem cái Tý về ngay. Chị Dậu hết ngọt lại xẵng, hết xẵng lại ngọt, nào dỗ, nào dứ, nào dọa, nào mắng, giở hết cách, nó vẫn không nín. Chị đành mặc cho nó khóc, rồi chị cũng khóc như nó. Thấy chị khóc, nó càng khóc dữ. Lăn đùng ra phản, nó đập hai chân xuống phản đành đạch, và cứ lảm nhảm gọi mãi "chị về với em".

Chán chê, ê ẩm, hình như nó đã mệt lử, tiếng khóc dần dần nhỏ sẽ. Một lát sau, nó chỉ ủn ỉn không khóc. Một lát nữa, thì nó thôi không ủn ỉn. Hai mắt thiu thiu nhắm lại, hơi thở đưa ra phì phò. Nó ngủ.

Cái Tỉu cũng nghỉ mút sữa. Đầu vú ở miệng con bé từ từ buột ra. Rồi đôi mắt lờ đờ, con này cũng sắp sửa ngủ.

Chị Dậu rón rén ngả lưng xuống chiếu, chực lừa cái Tỉu.

Muỗi bay bên tai vo vo và đốt vào chân nhoi nhói. Chị chỉ se sẽ giơ tay phe phẩy không dám cựa mạnh, sợ hai đứa con thức dậy.

Cái Tỉu ngủ im.

Thằng Dần bỗng cười khanh khách và nói léo xéo:

– A a! Chị Tý đã về. Chị vào ăn cơm, cơm xới rồi đấy.

Rồi nó im. Rồi nó thổn thức. Rồi nó lại nói:

– Bây giờ chị phải ở nhà với em, đừng sang cụ Nghị nữa nhé! Em nhớ chị quá!

Thình lình nó ngồi phắt dậy. Ngơ ngác nhìn ra ngoài sân và bỡ ngỡ, nó hỏi chị Dậu:

– Chị Tý đâu rồi? Chị Tý em đi đâu rồi, hử u?

Chớp mắt một cái, hình như nó chợt nghĩ ra cái gì, ngó vào tận mặt chị Dậu, nó khóc hu hu:

– U vẫn chưa đem chị Tý về đây cho con kia u? Con bắt đền đấy! Con bắt đền u đấy! Sao u lại bán chị ấy của con? U đi dậy đi! Đi dậy sang gọi chị Tý về đi! Sao u cứ nằm mãi? Con không cho u nằm nữa!

Chị Dậu ró ráy nhắc cánh tay ra, đặt đầu cái Tỉu xuống phản. Ngồi dậy, chị bế thằng Dần vào lòng. Trong nhà tuy không có đèn, ánh sáng ngoài cửa soi vào, còn đủ sức sáng để chị nhìn thấy bộ mặt rầu rĩ của nó. Nó vẫn khóc, vẫn ủn ỉn bắt mẹ đi gọi cái Tý.

– Con hãy nín đi, cho em nó ngủ, để u ẵm con đi chơi.

Nó không nín lại càng khóc thêm. Xếch nó lên vai, chị Dậu với mấy mẩu khoai trong đĩa, rồi chị bồng nó ra thềm.

Trước thềm sáng như ban ngày.

XV

Vầng trăng thăm thẳm từ trên đỉnh đầu chiếu xuống. Bầu trời trong vắt như một khối thủy tinh. Gió nồm tự các ngọn cây đưa lại hiu hiu. Bóng lá tre in dưới sân rêu luôn luôn lay động như đám bèo nổi trên mặt sóng.

Thằng Dần gục vào mẹ và khóc ti tỉ, chốc chốc lại thúc giục mẹ đi tìm chị nó. Chừng như thương con đói quá, không thể ngủ được, chị Dậu tỉ mỉ bóc sạch cả mấy mẩu khoai và dỗ nó ăn. Nhưng nó khăng khăng một mực để phần cho thày.

Nó lại thiu thiu buồn ngủ.

Bồng nó vào trong nhà, chị Dậu se sẽ tìm cái quạt nan và se sẽ đuổi muỗi cho con bé con. Rồi chị lại ẵm nó ra ngoài sân.

Đi đi lại lại dưới bóng trăng, chị vừa vỗ về thằng bé, vừa rầu rĩ cất cái giọng thê thảm ru cho nó ngủ.

Ánh trăng nhòm vào cặp mắt rưng rưng nước mắt, nhắc cho chị cái đời ngây thơ của chị ngày xưa.

Phải, trong hồi chị còn ngây thơ, còn độ lên sáu, lên bảy, tuy không sung sướng cho lắm nhưng cũng được cha mẹ nuông chiều. Bấy giờ, chị chỉ ăn rồi lại chơi, chưa phải ẵm em, chưa phải quét nhà, đun bếp như cái Tý nhà chị bây giờ. Những đêm trời khô, trăng sáng như

đêm nay, chị vẫn luôn luôn được nô đùa với trẻ con hàng xóm. Chúng nó đã giở ra với chị biết bao là trò mua vui. Nào nhảy nô, nào hú tim, nào đánh rồng rắn...

Những cuộc vui ấy chị vẫn còn nhớ rành rành. Qua tuổi trẻ con đến khi mười bốn, mười lăm, chị vẫn được sẵn cơm ăn, sẵn việc làm, chưa hề phải lam lũ. Không biết tội nợ vì đâu, và từ khi lấy chồng đến giờ, tình cảnh nhà chị cứ mỗi ngày mỗi khổ thêm. Hết năm ấy sang năm khác. Vợ chồng đầu tắt mặt tối, không dám chơi không ngày nào. Thế mà vẫn cứ cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc. Bao nhiêu công trình khó nhọc, bao nhiêu thuốc cam thuốc sài, nuôi từ hòn máu nuôi đi, mới được đứa con bảy tuổi. Bây giờ chỉ vì một suất sưu, đã phải đứt ruột đem nó đi bán, lại đèo thêm hai gánh khoai và năm con chó nữa, cũng vẫn chưa đủ. Chồng vẫn bị đánh bị trói suốt đêm. Không biết trong lúc đau ốm, lại bị hành hạ như thế, anh ấy có thể sống được đến mai hay không. Và ngày mai chạy đâu cho ra hai đồng bảy bạc để chuộc chồng về! Nếu không lo đủ được số tiền ấy, số phận anh ấy sẽ ra sao? Vả lo được đủ tiền chuộc được chồng về đi nữa, cũng đã thiệt mất một đứa con rồi, sau này còn có ngày nào đem được nó về nhà nữa không? Từ chiều đến giờ nó ăn với ai, nó ngủ với ai?

Thế rồi chị trở vào thềm, rũ rượi ngồi tựa cột hiên, nước mắt rơi xuống lã chã.

Bóng trăng chênh chếch, nhòm vào trong thềm. Bụi tre trước nhà, con cú sắp đi kiếm mồi, báo hiệu bằng những tiếng ghê sợ buồn rầu, có thể tưởng như ma quỷ, yêu quái. Mấy con cò ngủ giật mình thức giấc phành phạch vỗ cánh, tự trong bóng tối bay ra. Các nhà láng giềng, gà gáy te te. Trống canh ngoài đình gắt gỏng điểm nhịp ba tiếng.

Cái Tỉu cựa dậy, khóc lu loa.

Chị Dậu se sẽ đứng lên toan vào ru con bé ấy, thằng Dần ở trên vai chị lại cũng thức nốt. Nó mở choàng mắt, và nói luôn cái câu vẫn nói trong mọi đêm:

– Chị Tý đem em đi đái!

Chị Dậu vội bế nó đến cổng, tức thì nó đã nghĩ ra và nói luôn câu khác:

– Con không khiến u! Chị Tý kia! Con không khiến u mang con đi đái. Nào! Nào!

Rồi nó kêu gào "bỏng giọng" và nó giãy giụa ở trên sườn mẹ. Cái Tỉu trong nhà vẫn khóc như beo như gắt. Luống cuống, chị phải đặt vội vàng thằng này xuống đất, để vào đón con bé kia. Quả nhiên, nó đã chờ choạng lăn ra dề phản, chút nữa thì ngã. Sấp ngửa nhắc con bé ấy, chị lại tất tả ra sân để ẵm thằng bé kia. Lại hai nách hai con, chị bế chúng nó vào ngồi trong chõng. Cái Tỉu phải im khóc vì một bầu vú của mẹ lấp kín mồm miệng. Thằng Dần vẫn cứ ra rả:

– U đưa con đi tìm chị Tý! Mau lên!

Chị Dậu dở khóc dở mếu:

– Đêm khuya rồi, gà gáy nửa đêm rồi. Ra đường ngáo nó cắn cho, con ạ!

– Ngáo cắn chết thì thôi! Con không cần. Con cứ đi tìm chị Tý, để chị ấy về ngủ với con! U phải đưa con đi ngay bây giờ!

Chị Dậu ngồi ỳ không biết nói sao. Nó thục vào trong yếm mẹ, lôi tuột đầu vú ở miệng cái Tỉu và nó vừa khóc vừa mắng con này:

– Ông không cho mày bú nữa. Nhả ra! Nhả ra để u đưa ông đi tìm chị Tý.

Cái Tỉu lại khóc ngằn ngặt. Thằng bé lớn vẫn cứ núc nả, thúc thả, nó kéo tóc, nó kéo tai, nó lôi cổ áo của mẹ, bắt mẹ phải đứng dậy đi ngay.

Thì mẹ nó vẫn phải chiều nó. Bởi vì nó yêu chị nó, nó thương chị nó, nó nhớ chị nó, mọi đêm hai chị em vẫn nằm với nhau, và chị nó vẫn nghêu ngao hát cho nó nghe. Bây giờ tự nhiên mất chị, nó phải bồn chồn nóng nảy, muốn được thấy chị ngay lúc bấy giờ, cho nên nó phải làm tình làm tội cái người đã đem chị nó đi bán. Sự quấy nhiễu của nó là vô tội. Đối với mẹ nó, nó vẫn có lý, và vẫn đáng thương.

Vầng trăng lui xuống phía sau lũy tre. Mặt đường khuất dưới bóng lá khoang khuếch chỗ vàng chỗ đen giống như bức tranh thủy mạc. Những nhà cạnh đường hãy còn ngủ im thin thít.

Chị Dậu với cái Tỉu ở sườn này, thằng Dần ở sườn kia, lẽo đẽo đi hết ngõ này sang ngõ khác. Hai đứa nín im, cái Tỉu còn bận nhai bầu vú chảy nhão, thằng Dần thì hy vọng sẽ được thấy chị.

Trời khuya, canh vắng, ba mẹ con thơ thẩn ôm nhau trên đường, chị Dậu thấy mình là người điên rồ. Mấy lần chị toan quay về ngõ nhà, thằng Dần nhất định không nghe, nó bắt chị cứ phải điên rồ như thế.

Bờ rào sột soạt, đàn chó của nhà bên đường sủa vang, mấy con chó khác của các nhà khác lần lượt sủa theo. Những người gần đấy chợt tan giấc ngủ, choàng dậy kêu trộm rầm rĩ. Ngoài đình và ở các điếm, hiệu sừng hiệu ốc nhất tề thổi lên tu tu.

Tiếng chó sủa, tiếng người hét, tiếng hiệu rúc thổi, báo động suốt cả mấy xóm.

XVI

Những tiếng thét đâm, thét đánh đã yên.

Người ta không nỡ bắt trói chị Dậu, tuy gặp chị lò mò trong bóng tối, và biết chị đích là thủ phạm gây ra vụ chó sủa, người la tù và rúc khắp làng.

Là vì xưa nay chị vẫn ngay thẳng thật thà không hề tắt mắt của ai vật gì đáng bằng cái tơ cái tóc. Hơn nữa lúc ấy, chị lại hai tay hai con, một đứa đương khóc, một đứa đương bú, dù kẻ ghét chị chăng nữa cũng không thể buộc chị là người định đi ăn trộm.

Mây vẩn.

Sao thưa dần.

Sương mù bắt đầu pha đục bầu trời.

Mặt trăng tà tà đến gần mặt lũy.

Tiếng gà te te lần lượt tự nhà nọ truyền đến nhà kia.

Dưới lớp mái lụp sụp của túp lều tranh, chị Dậu và vầng trăng tàn thơ thẩn nhìn nhau, dường như đôi bên đều có riêng một tâm sự.

Cái Tỉu no bụng, tỉnh ngủ, hớn hở nằm trong lòng mẹ đùa với cái bóng thằng Dần.

Thằng Dần chết khiếp vì trận quát tháo vừa rồi, nó chỉ thổn thức, không dám khóc, cũng không dám giục mẹ đi tìm cái Tý.

Đến lượt cái Tý làm tội mẹ nó.

Mọi đêm cứ đến gà gáy một tiếng, chị Dậu trở dậy sắp sửa nấu cơm, con bé ấy đã đon đả đón lấy cái Tỉu, nó ru, nó hát, nó nói thỏ thẻ với em những câu ngây thơ. Bây giờ vắng nó, trong nhà tẻ ngắt như có tang. Nào nó có tội tình gì. Chẳng qua vì một suất sưu của bố, khiến cho nó phải lìa bố, lìa mẹ, lìa các em, đem thân đánh đổi lấy

một đồng bạc. Tội nghiệp cái thân con trẻ nhà nghèo, làm tôi một nhà giàu có, hách dịch như nhà Nghị Quế, còn khi nào được một câu ỏ ê của chủ nhà! Khốn nạn thân nó, đêm nay nó ở bên ấy, ngoài một con chó cái và bốn con, không còn ai là bạn quen...!

Nước mắt theo sự nghĩ ngợi chảy ra như mưa, chị Dậu tự thấy trong ngực nóng như lửa đốt.

Văng vẳng nẻo xa có tiếng chó sủa. Rồi như theo một vệt đường những giọng ăng ẳng kế tiếp nhau, ganh thi nhau, dần dần gần lại, dần dần lớn thêm. Nó xô xát dữ dội ở mấy nhà giữa xóm và nó kéo dài vào ngõ láng giềng nhà chị Dậu.

Ngoài cổng có tiếng giật giọng:

– Chị Dậu còn thức hay ngủ?

Giật mình, chị vội quay nhìn ra cổng, và chị run sợ kinh khiếp khi thấy mấy người lố nhố dưới bóng tối của rặng tre.

Không phải họ đến bắt chị về chuyện náo động lúc nãy, người ta đem lại cho chị một cái xác người.

Cái xác ấy rũ rượi gục ở sau lưng một người nhà lý trưởng, hai tay thõng ra đằng trước lủng lẳng như hai quả bầu dài, hai bên có hai anh nữa, cũng người nhà lý trưởng, đỡ ở hai vai, giữ cho nó khỏi bị lả sang bên cạnh.

Hoảng hốt, chị Dậu bồng cả hai con đứng dậy, và hỏi một cách thất kinh:

– Ai làm sao thế, hử các ông?

Hình như mấy người ấy, khi ở giữa đường, đã nhiều lần phải thay đổi nhau đài tải một vật nặng nề, ai nấy đều thở hồng hộc như bò cày nặng. Họ không kịp trả lời chị Dậu. Bệu rệch, họ vực cái xác người ấy sầm sập tiến vào trong nhà và đặt xuống phản. Một người cố nói mấy câu như kẻ đứt hơi:

– Anh ấy phải cảm đấy. Chị xem nhà ai có dầu bạc hà xin một ít mà bôi cho hắn, may ra hắn tỉnh được chăng.

Và họ rảo cẳng bước ra, không ai dám quay cổ lại.

Hết cả hồn vía, chị Dậu đặt luôn hai đứa con nhỏ xuống đất, tất tả chạy đến cạnh chồng.

Anh Dậu nằm còng queo trên phản, chân tay không hề động cựa. Trước ánh sáng bẽ bàng của vầng trăng tàn úa, hai mắt đều nhắm lim dim.

Sờ khắp trán, mặt, tay, chân của chồng, chị Dậu chỉ thấy chỗ nào cũng giá ngăn ngắt, nhưng ở tinh mũi và cuối cằm hãy còn ôn hòa, hai lỗ mũi hãy còn hơi thở man mát. Kề miệng vào tai chồng, chị gọi:

– Thày em! Tỉnh dậy! Thày em! Tỉnh dậy!

Chỉ có hai đứa bé con ỷ eo khóc ở dưới đất. Anh Dậu vẫn nằm ngay như khúc gỗ.

Sấp ngửa, chị chạy ra cổng và réo thật to:

– Ba hồn bảy vía anh Dậu ở đâu thì về với vợ với con!

Lồng từ ngõ trong ngõ ngoài, lại tế từ ngõ ngoài ngõ trong, chị hú hồn chồng mới được sáu lượt, thì lưỡi líu lại, không nói được nữa, chân nọ đá chân kia, chị lại trở về ngồi ở đầu phản. Cuống quít không biết chạy chữa bằng cách nào, chị để tay vào trán chồng, vừa lay vừa gọi: "Thày em tỉnh dậy!"

Anh Dậu vẫn không tỉnh.

Hai đứa bé con dưới đất vẫn khóc tru tréo.

XVII

Trống tan canh.

Gà im gáy.

Trời tang tảng rạng đông.

Chị Dậu tuyệt vọng khi ngó mặt chồng thấy sắc xám nhợt như người chết trôi. Tưởng chừng anh ta không thể sống lại, chị đập tay xuống phản, kêu trời, kêu đất, kêu cha, kêu mẹ. Rồi chị đứng dậy đi ra vại nước, lấy cái chậu sành múc đầy chậu nước, đem vào. Lật khăn vuông ở trên đầu xuống, chị nhúng vào nước: lau trán, lau mặt, lau qua chân tay cho chồng, để chồng được sạch sẽ trước khi "hết cơm gạo về với tổ tiên".

Hàng xóm láng giềng tấp nập đổ đến.

Kẻ đón cái Tỉu, người ẵm thằng Dần, kẻ vào sờ sà anh Dậu, người ghé tận tai anh ta mà gọi. Có kẻ nhút nhát, lảng vảng đứng tít ngoài thềm ghé vào, có kẻ sốt sắng chạy tốc ra mãi ngã ba, hú hồn anh Dậu thêm một hồi nữa.

Trong nhà chật ních người đứng vòng trong vòng ngoài.

Họ hỏi thăm bệnh tình. Họ thương hại anh Dậu. Họ khuyên can chị Dậu đừng khóc. Họ cả quyết anh Dậu không việc gì. Rồi họ rối rít, mỗi người chạy đi làm giúp mỗi việc.

Bà này bắt thằng Dần cố sức "dặn đái" đái vào chậu sành. Ông kia lấy chiếc lược thưa ghè hai hàm răng anh Dậu. Bác nọ múc ít nước đái đổ vào trong miệng anh ấy. Bà kia bưng chậu nước đái xoa mãi vào mặt, vào mũi, vào cổ, vào gáy, vào hai thái dương anh ta. Cô nọ chạy về nhà mình lấy ít bồ kết đốt than để vào cửa mũi người ốm. Chị kia sang nhà bên cạnh xin cái chổi để châm lửa cho cháy đùng đùng ở giữa nhà.

Ồn ào một hồi lâu.

Anh Dậu dần dần thở mạnh, rồi lờ đờ sẽ mở hai mắt. Mọi người hớn hở mừng reo:

– Tỉnh rồi! Anh ấy tỉnh rồi đấy!

Thì ra không phải anh ta phải gió. Chỉ vì bị trói chặt quá, mạch máu nghẽn lại, máu xông lên óc khiến cho anh ta ngất đi. Nhờ có chậu nước lạnh của chị Dậu rửa mặt cho chồng và chậu nước đái của bà con hàng xóm đổ vào miệng, xoa vào đầu, mặt anh ta, máu lại xuôi xuống dần dần, cho nên anh ấy lại tỉnh.

Câu chuyện bắt đầu vui vẻ.

Người ta hỏi đến cái Tý vì từ nãy đến giờ không thấy nó đâu.

Sau khi đã nghe chị Dậu vừa mếu vừa thuật lại đầu đuôi việc chị thiếu sưu phải bán nó và năm con chó cho ông Nghị Quế thôn Đoài, lấy hai đồng bạc, thì ai nấy đều có vẻ ái ngại. Và ai nấy đều khuyên chị Dậu phải yên lòng mà thuốc men cơm cháo cho chồng, không nên lo phiền về cái Tý nữa. Người ta bảo nó lớn thì nó lại về, chẳng có khi nào mất con.

Anh Dậu vẫn li bì mệt nhọc.

Thằng Dần mếu máo kêu đói.

Thấy nói từ sáng hôm qua đến giờ, thằng bé mới ăn có vài mẩu khoai, vợ chồng chị Dậu đều phải nhịn suông, một bà hàng xóm có lòng xởi lởi liền chạy về nhà lấy sang cho vay độ hơn đấu gạo, rồi bảo chị Dậu hãy đi nấu cháo để cả nhà ăn tạm.

Cảm động, chị Dậu cảm ơn bà ấy bằng những giọt nước mắt chứa chan. Rồi chị đón lấy cái Tỉu vừa cho nó bú vừa bắc nồi nấu cháo.

Mặt trời lên cao, ánh nắng lọt lỗ nẻ bức cửa, chiếu vào lòng nhà.

Anh Dậu dần dần tỉnh thêm, có thể tiếp chuyện bà con bằng giọng rền rĩ rề rà.

Các cô con gái lẻ tẻ về trước. Các ông đàn ông và mấy bà đàn bà lục tục về sau.

Trong nhà lại thấy cảnh buồn tẻ của sự thiếu vắng. Chị Dậu bế cái Tỉu ngồi cạnh anh Dậu, vừa bóp nắm chân tay cho chồng vừa dỗ dành thằng Dần, chốc chốc lại phải đứng ra thổi lửa nhóm bếp.

Ngoài đình, trống lại thúc, mõ lại khua, tù và rúc liên thanh bất chỉ.

Sau nhà có tiếng gọi người léo xéo.

Thằng Mới vào giục bác đàn em tuần ở nhà bên ấy ra đình sắp sửa cờ trống đi đón quan.

Anh Dậu vật vã thở dài.

– Trời ơi! Từ giờ đến lúc quan về, chạy đâu cho được hai đồng bảy nữa? Nếu không có, chúng nó làm tình làm tội, không khéo thì mình đến chết!

Nước mắt ứa ra, anh Dậu quay mặt vào bức phên nứa, sụt sùi nức nở, anh khóc thằng Hợi, anh khóc cái Tý, rồi anh khóc số phận của anh.

Chị Dậu đương ở trong bếp, vội vàng chạy lại ngồi kề sau chồng, nỉ non khuyên giải:

– Thôi! Tôi xin thày em. Đừng kêu khóc nữa, khổ tôi lắm. Chú Hợi nó chết rồi, dù có thương xót, nó cũng không thể sống lại. Cái Tý tuy bị đem bán, nhưng nó sang ở bên ấy chắc cũng được cơm áo lành. Sau này trời cho làm ăn khá giả, thì lại sang chuộc nó về, có sao đâu? Còn như mấy đồng tiền sưu, tuy có nóng thật, nhưng lo chưa kịp thì khất. Thịt người tanh, chẳng ai ăn được. Thày em cứ yên tâm nằm nghỉ, không phải lo lắng gì cả. Nếu thày em cứ kêu khóc mãi, lỡ ra cơn bệnh vật lên, lại lả người đi, thì tôi biết làm thế nào?

Anh Dậu chừng cũng thương vợ, liền giơ bàn tay, run rẩy lau khô nước mắt. Và ngoảnh mặt trở ra, anh cố làm bộ tươi tỉnh để tỉ tê hỏi chuyện cái Tỉu.

Nồi cháo đã sủi bọt trắng trào ra cổ nồi, chảy xuống lòng bếp xèo xèo, làm tắt hết lửa trong bếp.

Chị Dậu vội đặt cái Tỉu nằm ở cạnh chồng, rồi chị đến hì hục thổi mấy cục than sắp tàn. Thằng Dần lệch thệch lại theo sau mẹ. Nó nhất định bảo cháo chín rồi, và nằng nặc giục mẹ bắc ra.

Ngoài cổng, lạch cạch mấy tiếng gậy đập cột vách. Người nhà lý trưởng hách dịch hỏi từ đầu ngõ hỏi vào:

– Thế nào! Anh Dậu còn sống hay chết rồi? Im lặng thế này hẳn là chửa chết. Tiền sưu đâu? Đem nộp nốt đi! Quan sắp về kia!

Chị Dậu ngồi dưới bếp ngọt ngào nói ra:

– Bác tính từ lúc gà gáy đến giờ, tôi những rối về chạy chữa cho thày cháu, nào đã lo kịp? Nhờ bác nói với ông Lý hãy cho nhà tôi khất đến chiều mai.

Anh kia mát mẻ:

– Đến chiều mai! Chị nói dễ nghe nhỉ! Thuế của Nhà nước, chị tưởng chuyện chơi đấy sao!

Chị Dậu năn nỉ:

– Tôi cũng biết thuế của Nhà nước không phải chuyện chơi. Nhưng bây giờ chưa có, nên tôi phải khất. Bạn nghèo với nhau, bác nói khéo với ông Lý giúp tôi.

– Tôi không dám bạn với nhà chị. Tôi không biết nói khéo. Tôi không có quyền được nhận lời khất của chị. Lát nữa, để chị khất với ông cai lệ.

Rồi hắn hầm hầm vác gậy đi ra.

Lửa lại nỏ. Chị Dậu ngồi luôn cạnh bếp cầm chiếc đũa cả quấy cho nồi cháo khỏi trào. Ánh nắng gắt gao xuyên lỗ thủng mái bếp soi vào những giọt mồ hôi lóng lánh trên gò má đỏ bừng.

Trời đã thửng buổi.

Thằng Dần lại sạo sục kêu đói. Nó vẫn kè nhè ngồi ở cạnh mẹ, hau háu nhìn vào nồi cháo.

XVIII

Về phía đầu làng, nghe có tiếng còi ô tô toe toe.

Rồi đến tù và tu tu đổ hồi. Rồi đến trống cái thong thả điểm từng tiếng một.

Bà lão láng giềng lật đật, chạy sang, hớt hơ hớt hải nói với chị Dậu:

– Nhà bác chạy đủ sưu chưa?

Chị Dậu vậm vội:

– Thưa cụ, nhà cháu mới nộp một suất, còn một suất nữa ạ.

– Sao lại đóng hai suất?

– Thưa cụ, một suất thày con cháu và một suất của chú Hợi nó.

– Anh Hợi chết rồi, còn phải đóng sưu nữa à?

– Vâng, cháu thấy các ông ấy bảo chú nó chết dở năm tây, nên còn phải đóng suất sưu năm này. Nếu nó chết chẵn năm tây thì mới được trừ.

– Khốn nạn! Người ta chết đã sắp giỗ đầu, anh em còn phải đóng đậy tiền sưu! Sao lại có lệ thế nhỉ? Bây giờ nhà bác chưa có thì làm thế nào? Nghe như quan đã về đấy!

– Phải, cháu cũng đoán chừng Quan Phủ đã về. Nhưng không có tiền thì phải khất vậy. Cụ bảo làm thế nào được?

Bà lão ái ngại trở ra.

Cháo chín, chị Dậu bắc mang ra giữa nhà, ngả mâm bát múc ra la liệt. Rồi chị lấy quạt quạt cho chóng nguội.

Tiếng trống và tiếng tù và đã thủng thẳng đua nhau từ phía đầu làng đến đình.

Tiếng chó sủa vang các xóm.

Bà lão láng giềng lại lật đật chạy sang:

– Bác trai đã khá rồi chứ?

– Cám ơn cụ, nhà cháu đã tỉnh táo như thường. Nhưng xem ý hãy còn lề bề, lệt bệt chừng như vẫn mỏi mệt lắm.

– Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn. Chứ cứ nằm đấy, chốc nữa họ vào thúc sưu, không có, họ lại đánh trói thì khổ. Người ốm rề rề như thế, nếu lại phải một trận đòn, nuôi mấy tháng cho hoàn hồn.

– Vâng, cháu cũng đã nghĩ như cụ. Nhưng để cháo nguội, cháu cho nhà cháu ăn lấy vài húp cái đã. Nhịn suông từ sáng hôm qua đến giờ còn gì.

– Thế thì phải giục anh ấy ăn mau mau đi, kẻo nữa người ta sắp sửa kéo vào rồi đấy!

Rồi bà lão lại lật đật trở về với vẻ mặt băn khoăn.

Cháo đã hơi nguội.

Thằng Dần vục đầu vừa thổi vừa húp xoàn xoạt.

Chị Dậu rón rén bưng một bát lớn đến chỗ chồng nằm:

– Thày em hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột.

Rồi chị đón lấy cái Tỉu và ngồi xuống đó, như có ý chờ xem chồng chị ăn có ngon miệng hay không.

Anh Dậu uốn vai ngáp dài một tiếng. Uể oải, chống tay xuống phản, anh vừa rên vừa ngỏng đầu lên. Run rẩy cất bát cháo, anh mới kề vào đến miệng, cai lệ và người nhà lý trưởng đã sầm sập tiến vào với những roi song, tay thước và dây thừng.

Gõ đầu roi xuống đất, cai lệ thét bằng giọng khàn khàn của người hút nhiều xái cũ:

– Thằng kia! Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? Nộp tiền sưu! Mau!

Hoảng quá, anh Dậu vội để bát cháo xuống phản và lăn đùng ra đó, không nói được câu gì. Người nhà lý trưởng cười một cách mỉa mai:

– Anh ta lại sắp phải gió như đêm qua đấy!

Rồi hắn chỉ luôn vào mặt chị Dậu:

– Chị khất tiền sưu đến chiều mai phải không? Đấy! Chị hãy nói với ông cai, để ông ấy ra đình kêu với quan cho! Chứ ông Lý tôi thì không có quyền dám cho chị khất một giờ nào nữa!

Chị Dậu run run:

– Nhà cháu đã túng, lại phải đóng cả sưu của chú nó nữa, nên mới lôi thôi như thế. Chứ cháu có dám bỏ bễ tiền sưu của Nhà nước đâu! Hai ông làm phúc nói với ông Lý hãy cho cháu khất...

Cai lệ không để cho chị được nói hết câu, trợn ngược hai mắt, hắn quát:

– Mày định nói cho cha mày nghe đấy à? Sưu của Nhà nước, mà dám mở mồm xin khất!

Chị Dậu vẫn cố thiết tha:

– Khốn nạn! Nhà cháu đã không có, dẫu ông chửi mắng cũng đến thế thôi. Xin ông trông lại!

Cai lệ vẫn giọng hầm hè:

– Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à!

Rồi hắn quay ra bảo anh người nhà lý trưởng:

– Không hơi đâu mà nói với nó, trói cổ thằng chồng nó lại, điệu ra đình kia.

Người nhà lý trưởng hình như không dám hành hạ một người ốm nặng, sợ hoặc xảy ra sự gì, hắn cứ lóng ngóng ngơ ngác, muốn nói mà không dám nói. Đùng đùng, cai lệ giật phắt cái thừng trong tay anh này và chạy sầm sập đến chỗ anh Dậu:

Chị Dậu xám mặt, vội vàng đặt con bé xuống đất, chạy đến đỡ lấy tay hắn:

– Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho!

– Tha này! Tha này!

Vừa nói, hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu.

Hình như tức quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại:

– Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ!

Cai lệ tát vào mặt chị một cái đánh bốp, rồi hắn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu.

Chị Dậu nghiến hai hàm răng:

– Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!

Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chỏng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.

Người nhà lý trưởng sấn sổ bước đến giơ gậy chực đánh chị Dậu. Nhanh như cắt, chị Dậu nắm ngay được gậy của hắn. Hai người giằng co nhau, đu đẩy nhau, rồi ai nấy đều buông gậy ra, áp vào vật nhau. Hai đứa trẻ con kêu khóc om xòm. Kết cục, anh chàng "hầu cận ông Lý" yếu hơn chị chàng con mọn, hắn bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm.

Anh Dậu sợ quá muốn dậy can vợ, nhưng mệt lắm ngồi lên lại nằm xuống, vừa run vừa kêu:

– U nó không được thế! Người ta đánh mình không sao, mình đánh người ta thì mình phải tù phải tội.

Chị Dậu vẫn chưa nguôi giận:

– Thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được...

Người nhà lý trưởng hết cơn lặng cá. Lóp ngóp bò dậy hắn chỉ vừa thở vừa chửi chị Dậu, không dám động đến thân thể chị nữa. Chị Dậu lại đón cái Tỉu vào lòng, và cũng xa xả chửi giả.

Anh Dậu không biết làm thế nào mà can đôi bên, chỉ nằm mắng vợ và xin lỗi ông... người nhà lý trưởng.

Một hồi hiệu ốc rúc từ ngoài đình rúc vào. Mấy bác tuần phu gậy tầy mã thò theo chân Lý trưởng, cai lệ kéo đến. Thì ra trong lúc chị Dậu và anh người nhà lý trưởng vật nhau, cai lệ đã chạy thoát ra đình báo với lý trưởng liền đem tuần phu vào bắt vợ chồng chị Dậu. Họ đã giải ra đình hầu quan tất cả tiếng rên của người ốm, tiếng khóc của hai đứa trẻ con, và tội án của người đàn bà táo bạo.

XIX

Đôi lọng xanh nằm tráo đầu đuôi trước cửa đại đạo. Cái trống cái và cái đòn tre trơ trỏng lăn bên tường bao lan. Chín, mười lá cờ rũ rượi, rủ dưới giọt đình. Một đoàn giáo, mác loi nhoi chĩa mũi nhọn trên màn giải vũ.

Quang cảnh ngoài đình hôm nay khác hẳn hôm qua.

Phó lý, trương tuần cũng như tộc biểu, tuần phu, tuy không phải làm việc gì, ai nấy vẫn xơ tóc gáy chạy xuôi chạy ngược. Phó hội, thủ quỹ đối nhau với thư ký, chưởng bạ, mỗi người khoanh tay đứng dựa mỗi cột, dáng điệu len lét như rắn mồng năm. Chánh tổng ngồi ngáp vặt cách bức câu lơn, con ruồi đậu mép không muốn đuổi. Chánh hội luôn tay giở cuốn sổ thuế, hai mắt vẫn lấm lét trông đi đằng nào!

Vợ chồng chị Dậu không can đảm hơn thằng Dần, vừa ló mặt lên thềm đình, đã mất vía về bộ râu của quan phụ mẫu.

Cái râu mới lạ làm sao? Nó đen như vệt hắc ín và cong như cái lưỡi liềm. Nó nhọn như mũi dùi nung và bầu như đầu dao trổ. Nó khum khum quắp lấy hai mép, giống như hai cái cánh dơi. Nó vất vểu

vểnh ra hai mang tai, gần như hai sừng củ ấu. Nó châu đầu dưới ống mũi, như sắp chui vào trong cái mũi dọc dừa. Nó lại giúp cho cái mồm lèm bèm thêm sự dữ dội.

Nếu không biết quan Phủ xuất thân từ chức thông phán, người ta sẽ tưởng ngài được làm quan chỉ vì bộ râu.

Và nếu không rõ là ông quan, người ta lại có thể lầm ngài với ông cai xe hay ông cai thầu khoán.

Dựa tay vào mặt cái bàn phủ tấm thảm đỏ của tế chủ vẫn thường đứng lễ, quan Phủ ngất ngưởng ngồi vào chiếc chiếu cạp đỏ trải trên ghế ngựa quang dầu. Dưới vành khăn xếp nhiễu tây, cái mặt phèn phẹt luôn luôn hầm hầm như sắp rơi xuống sàn đình đánh "huỵch".

Cạnh ngài một tên tuần đinh lực lưỡng vác cái quạt lông đứng đằng xa xa phẩy vào.

Trước ngài, thày thừa và anh nho đều mướt mồ hôi với mấy cuốn biên lai thu thuế của lý trưởng.

– Bẩm ông lớn! "Thừa" lệnh ông lớn, chúng con và tên người nhà lý trưởng vào nhà tên Nguyễn Văn Dậu bắt nó đem tiền nộp sưu, vợ tên ấy muốn tháo cho chồng, nó đánh con, đánh cả tên người nhà lý trưởng, hiện có Lý trưởng cùng bọn tuần phu đều biết. Lạy ông lớn, xin ông lớn...

Cai lệ chưa nói hết câu, Lý trưởng đứng ở đằng sau vội vàng cướp lời:

– Bẩm ông lớn, con mẹ ấy tên là Thị Đào, nó bướng bỉnh thứ nhất làng con. Năm, sáu hôm nay, hôm nào chúng con cũng sai người nhà đến giục tên Nguyễn Văn Dậu đóng sưu, nó xui chồng nó nhất định không đóng. Chúng con bảo nó thuế sắp đăng trường, nếu không đóng sẽ phải trình quan phụ mẫu, nó nói quan phụ mẫu nó cũng không cần. Hôm nay "thừa" bóng ông lớn về đây, anh cai lệ và người nhà con vào đốc, nó đánh lại tất cả. Hiện mắt chúng con và nhiều người nữa trông thấy. Ông lớn là đèn trời, xin ông lớn xét tình chúng con, bắt nó bỏ tù, chúng con và cai lệ được đội ơn ông lớn.

Quan Phủ vểnh cái mặt nặng trịch và đập tay xuống mặt bàn:

– Không đóng sưu! Lại đánh cả lính! Nó định làm giặc à? Bắt cổ nó ra đây!

Một tiếng dạ vang năm gian đình. Vợ chồng chị Dậu và hai đứa bé xềnh xệch lên đình theo đầu thừng trong tay lý trưởng.

– Bẩm ông lớn, chúng con đã giải tên Dậu và Thị Đào ra hầu ông lớn!

Dứt lời Lý trưởng, quan Phủ giương đôi mắt trắng dã nhìn vào mặt anh Dậu:

– Mày định trốn sưu của Nhà nước? Thằng kia!

Anh Dậu run như cầy sấy:

– Bẩm lạy quan lớn, tiền sưu con đã nộp rồi.

Quan Phủ quát hỏi Lý trưởng:

– Nó đã nộp rồi, sao mày bảo nó chưa nộp?

Lý trưởng vội kêu:

– Bẩm quan lớn, tên ấy "man" cửa ông lớn; thực quả tên ấy chưa nộp...

Quan không để cho lý trưởng hết lời, ngài vặn anh Dậu:

– Mày nộp rồi thì biên lai đâu!

– Bẩm lạy quan lớn, con không lấy giấy biên lai, nhưng khi nộp có cụ Chánh tổng, ông thủ quỹ và các chức dịch đều biết...

Quan Phủ nhìn mặt thủ quỹ và Chánh tổng:

– Các thày có trông thấy nó nộp sưu cho Lý trưởng không?

Thủ quỹ ngó trộm Lý trưởng rồi thưa:

– Bẩm ông lớn, đêm qua, Thị Đào có nộp anh Lý chúng con hai đồng bảy hào tiền trinh, anh Lý chúng con giao cho chúng con đếm lại.

Xen vào câu nói của thủ quỹ, thằng Dần kéo vạt áo mẹ và giục:

– U đem con về mau lên. Con chả ở đây nữa! Nào!

Quan Phủ chừng mắt và quát Lý trưởng:

– Sao lại cho nó dắt cả con nít lên đấy? Ông thì đập vào mặt mày bây giờ?

Sắc mặt xám như gà cắt tiết, Lý trưởng vội vàng một tay giằng sấp cái Tỉu trên tay chị Dậu, một tay túm đầu thằng Dần đưa xuống thềm đình, rồi đem tít ra ngoài cổng đình, giao cho đứa lớn ngồi giữ đứa bé.

Hai đứa cùng khóc ngặt nghẽo. Thằng Dần nheo nheo gọi u. Mặc kệ chúng nó ở đấy. Lý trưởng lại qua lên đình.

Quan Phủ đương hỏi thủ quỹ:

– Tiền đếm rồi mày đưa cho ai?

– Bẩm ông lớn, con đưa cho anh Lý chúng con.

Lý trưởng nói đón:

– Số tiền ấy mới là suất sưu của tên Hợi.

Quan Phủ cau mày:

– Tên Hợi là tên nào? Sao thằng Dậu phải nộp sưu cho nó?

– Bẩm ông lớn, tên Hợi là em ruột anh Dậu. Hắn chết từ đầu tháng giêng... Vì tên Dậu là thân nhân của hắn, cho nên chúng con bắt phải nộp thay.

Quan Phủ hỏi gặng:

– Thế làm sao mày lại không đưa biên lai cho nó? Định thu lạm thuế phải không?

Rồi ngoảnh lại nhìn viên thừa phái, quan Phủ nói bằng giọng nghiêm nghị:

– Thày thảo biên bản, nói rằng nay tôi về đây khám thuế bắt được Lý trưởng thu thuế của tên Dậu mà không biên nhận cho nó. Rồi bảo Chánh tổng ký vào. Nghe không?

Sau tiếng dạ của viên thừa phái, Lý trưởng chắp tay đến cạnh quan Phủ và gãi tai:

– Bẩm lạy ông lớn, chúng con là tôi con ông lớn, xin ông lớn thương... Thực quả chúng con tình oan.

Quan Phủ càng ra bộ giận dữ:

– Vụ thuế này mày kiếm của những đứa ngoại canh được mấy trăm đồng. Còn chực thu lạm của thằng cùng đinh! Ông thì cách cổ...!

Lý trưởng lại nằn nì nhắc lại câu vừa mới nói:

– Bẩm lạy quan lớn, chúng con là tôi con ông lớn, xin ông lớn thương... Thực quả chúng con tình oan.

Quan Phủ dịu giọng:

– Mai lên phủ hầu. Nghe không?

Lý trưởng dạ một tiếng dài, rồi khúm núm đi lùi trở ra.

Quan Phủ hỏi đến chị Dậu:

– Mày đánh lính và người nhà lý trưởng để tháo cho chồng mày trốn sưu phải không?

Chị Dậu cất giọng run run:

– Bẩm lạy quan lớn, con không đánh các ông ấy. Vì các ông ấy định đánh chồng con, con sợ chồng con đương ốm mà lại phải đòn thì chết, nên con phải can.

Lý trưởng nói xen:

– Bẩm ông lớn, chính thị ấy có đánh người nhà chúng con và anh cai lệ, mắt con trông thấy.

Quan Phủ gạt đi:

– Im cái mồm! Không ai hỏi mày!

Rồi ngài lại gần chị Dậu:

– Mày can, tức là mày đánh nhau với chúng nó...

A! Con này dám chống cự với lính trong khi làm việc phận sự! Muốn vào tù?

Chị Dậu nín lặng, không biết nói sao. Quan Phủ cất giọng hách dịch:

– Cho ra ngoài kia!

Thày thừa vừa thảo xong tờ biên bản, đệ lên trước mặt Quan Phủ. Nhìn qua biên bản một lượt, quan Phủ bảo Chánh tổng đóng triện và mấy người hương chức ký tên làm chứng. Rồi ngài mới kiểm đến thuế.

Trước mặt Chánh tổng và các hương chức, Lý trưởng đổ tráp bạc cho thày thừa đếm. Tất cả bạc giấy, bạc hào mới được sáu trăm và chục đồng. So với ruộc thuế còn thiếu năm trăm, nhưng so với số tiền đã biên trong sổ lý trưởng, thì dôi ra đến hai chục đồng.

Quan Phủ đập tay xuống bàn và dọa lý trưởng:

– Mày không thu lạm, làm sao tiền thuế lại thừa? Xong vụ thuế này, ông thu bằng triện.

Lý trưởng sợ tái mặt, chỉ núc hai tay như người bắt quyết và nói đi nói lại một câu "xin ông lớn thương".

Quan Phủ đổi giọng ngọt ngào:

– Mai lên phủ hầu! Giải cả con vợ thằng Dậu lên nữa. Nghe không!

Rồi ngài chững chạc đứng dậy, đi xuống giọt đình. Tù và, trống cái và cờ quạt lũ lượt tiễn ngài lên phía đầu làng.

XX

Tan buổi hầu kiện, chị Dậu lật đật chạy xuống cổng đình tìm con. Không thấy đứa nào ở đấy. Chị sợ quá, cuống quýt đi hỏi những người gần quanh. Thì ra trong lúc chúng nó bị ông Lý trưởng điệu xuống bỏ đó, một người đàn bà trong làng đi qua trông thấy thương hại, đã bế cái Tỉu cho bú và dắt thằng Dần đưa đến tận nhà chị rồi.

Không kịp đợi chồng, chị vội bon luôn về nhà với con.

Cái Tỉu bú no, nằm ngủ thin thít. Thằng Dần đương bưng bát cháo vừa thổi vừa húp xoàm xoạp.

Chị Dậu bước vào đến thềm, thằng bé chợt ngẩng đầu lên. Nó khóc òa lên và hỏi:

– Thày em đâu rồi, hở u?

Chị Dậu xua tay:

– Nói sẽ chứ, cho em nó ngủ. Thày con đương về sau ấy.

Rồi chị rón rén bước vào trong nhà.

Bà lão láng giềng vừa sang:

– Thế nào? Bác không bị bắt lên phủ lại được tha về đấy ư?

Vừa nói, bà lão vừa nhanh nhảu tiến lên trên thềm và ngồi vào chiếc chõng nát, rồi tiếp:

– Tôi cũng khen cho bác ngỗ nghịch! Ai lại một người đàn bà con mọn, dám đánh hai người đàn ông? Nếu phải đứa khỏe, chúng nó đánh lại thì làm thế nào?

Cái Tỉu thức giấc và khóc ngằn ngặt. Chị Dậu vừa đón con bé vừa tiếp khách:

– Cháu cũng biết rằng đàn bà hành hung như thế là hư thân, chứ không hay gì. Nhưng mà chúng nó đè nén chúng cháu tệ quá, cháu đã cố nhịn mà không nhịn được. Cụ tính nhà cháu đau ốm như thế, mà cả hai đứa cứ xông vào đánh, thì phỏng còn gì là người! Vì thế cháu phải liều với chúng nó.

Bà lão giở gói trầu thuốc đưa cho chị Dậu một miếng:

– Nói vậy thì nói, chứ cái thói tàn ác của quân lính lệ, ai mà chịu nổi? Tôi là người ngoài, nghe chuyện cũng còn tức thay, huống chi bác! Thế công việc bây giờ ra sao?

Chị Dậu đón lấy miếng trầu và đáp:

– Quan bảo cho về, ngày mai lên hầu.

Bà lão lại hỏi:

– Bác trai đi đâu chưa về? Hay lại bị giải lên phủ rồi chăng?

– Không!...

Chị Dậu đương nói dở câu thì ngoài cổng nghe có tiếng rên hầm hừ. Anh Dậu lẩy bẩy tiến vào trước thềm với bộ mặt đỏ gay như người đun bếp.

Chào qua bà lão láng giềng, rồi anh run rẩy chống tay vào gối để bước lên thềm. Chị Dậu vội vàng bồng con đứng dậy, cầm cánh tay chồng kéo lên.

Bà lão láng giềng ra ý ái ngại:

– Khốn nạn! Bác lại lên cơn sốt rét đấy ư?

Anh Dậu lò dò vào trong phản, ngả mình xuống cạnh thằng Dần, vừa thở vừa nói:

– Vâng! Từ nãy đến giờ, cháu thấy trong mình gây gấy, hình như nó lại sắp sửa lên cơn rồi đấy.

Thằng Dần ăn cháo đã xong. Nó mang đũa bát ra sân bỏ vào nồi nước vo gạo. Chị Dậu đưa cái Tỉu cho bà lão láng giềng.

– Cháu hãy gửi cụ một lát.

Rồi chị bưng mâm cháo đặt lên bàn thờ ông công, và ngồi vào cạnh anh Dậu:

– Thày em có nhức đầu không? Để tôi nắn cho cái nào!

Anh Dậu xua tay và rên khừ khừ:

– Thôi, tôi mệt lắm. Để tôi nằm nghỉ một lát. U nó ra mà ẵm con, để cụ...

Bà lão láng giềng vội đón:

– Được! Hôm nay tôi cũng thong thả. Cứ để tôi ôm cháu cho. Bác gái có đi làm gì, cứ đi!

Chị Dậu sẽ sàng đứng dậy:

– Thế thì cháu hãy quấy cụ lúc nữa.

Vừa nói, chị vừa chạy ra cuốn chiếc chiếu rách, cái Tỉu đái ỉa hôm qua, đem ra ao giặt.

Anh Dậu vừa rên vừa tiếp bà lão:

– Cháu không ngờ những thằng lính lệ nó ác đến thế. Sáng ngày nếu không có nhà cháu cự lại với nó, có lẽ nó sẽ đánh cháu đến chết.

Bà lão nhổ bãi cốt trầu xuống thềm:

– Thôi! Còn phải kể! Bạc thì dân, bất nhân thì lính, tục ngữ nói có sai đâu. Ấy là nhà bác không có gì nữa. Chứ nếu trong nhà còn có con gà con chó, chúng nó cũng đập chết mà ăn với nhau, không tha cho đâu. Bây giờ những đứa ấy còn ở đây hay là đi rồi?

– Hình như nó đã theo quan về phủ thì phải.

– Bác gái đã chạy được nốt số tiền sưu chưa?

– Thưa cụ chưa. Từ sáng hôm qua đến giờ, nó những lật đật về cháu, chạy vào đâu được! Khốn nạn! Cái thân đàn bà như nó, thật là khổ sở đủ đường.

Rồi anh dấp dính nước mắt.

Bà lão thỏ thẻ yên ủi:

– Thấy tình cảnh nhà bác, tôi thật ái ngại. Nhưng thôi, sông có khúc, người có lúc, mình cứ ăn ở hiền lành, rồi cũng có ngày trời mở cửa cho!

Bóng nắng vừa đến giọt nhà. Chị Dậu ở ngoài ao về với chiếc chiếu ướt và một nắm lá.

Sau khi vắt chiếc chiếu lên cõi rào, chị đem nắm lá thả trong chậu nước lạnh rồi đặt vào gậm bàn thờ.

Bà lão hỏi:

– Lá dành, lá duối phải không?

Chị Dậu nhanh nhảu:

– Phải. Cháu thấy người ta mách rằng: những người sốt rét, cứ lấy hai thứ ấy vò ra, phơi sương mà uống, bệnh nặng đến đâu cũng khỏi. Vậy cháu thử làm cho nhà cháu uống xem sao.

Bà lão ra ý vui vẻ:

– Ừ! Tôi thấy nói lá dành lá duối chữa bệnh sốt rét hay lắm. Thế mà tôi cứ quên khuấy, vẫn không nhắc bác.

Rồi nhả miếng bã trầu trong miệng và ném xuống sân bà lão hỏi tiếp:

– Từ sáng đến giờ, các bác đã ăn gì chưa?

Chị Dậu đến cạnh bà lão để đón cái Tỉu và đáp:

– Nào đã ăn vào lúc nào hở cụ? Sáng ngày, nhà cháu vừa bưng bát cháo đến miệng, thì họ kéo vào...

– Thế thì để tôi ẵm cháu cho. Bác đi lấy cháo cho bác trai ăn, kẻo nữa bác ấy đói quá.

Anh Dậu ngắt lời:

– Cháu đắng miệng lắm, không muốn ăn uống gì cả.

Bà lão cố bảo:

– Phải cố ăn đi mới được, bác ạ! Chẳng ăn nhiều thì ăn ít chứ cứ nhịn mãi thì yếu sức đi, bệnh càng nặng thêm. Vả lại ăn cháo cũng không độc đâu mà sợ.

Chị Dậu nói theo:

– Cụ bảo phải đấy! Thày em cố ăn vài miếng cho đỡ xót ruột. Kẻo nữa, đã ốm lại đói thì chịu làm sao?

Rồi chị bưng một bát cháo đến cạnh chồng và nằn nì:

– Nào, thày em gượng dậy ăn đi, cho tôi bằng lòng.

Anh Dậu như nể lời vợ, uể oải ngồi dậy, anh đón bát cháo, nhắm mắt nhắm mũi, cố húp gần hết nửa bát, rồi kêu đắng lắm không nuốt được nữa.

Bà lão lại khuyên chị Dậu:

– Bác gái cũng phải ăn đi, để lấy sữa cho cháu nó bú. Mình đã vậy, còn con. Đàn bà con mọn cần nhất phải ăn cho đủ thì mới có sữa. Nếu không đủ, thì con hay sài.

Anh Dậu cũng rề rà giục vợ:

– Cháo sắp vữa cả rồi đấy. U nó ăn cho hết đi.

Rồi đi chạy cố mấy đồng nữa.

Chị Dậu nhấc mâm cháo xuống phản. Bớt lại một bát, chừng muốn để dành cho thằng Dần, rồi chị vừa húp chập chuội vừa ứa nước mắt ra:

– Ngày nay nhờ cụ cho vay còn có cái ăn, ngày mai thì trông vào đâu?

Bà lão láng giềng ra vẻ cảm động:

– Trời sinh voi, trời sinh cỏ, sợ gì! Bên kia còn nửa nồi gạo nữa, tôi chưa ăn đến. Lát nữa bác đem thúng sang, tôi hãy cho vay. Khi nào bác trai khỏe mạnh trả tôi cũng được.

Ngoài cổng có tiếng hiệu rúc. Đàn chó hàng xóm thi nhau sủa từ phía ngoài sủa vào. Lý trưởng với cây gậy song và hai người tuần hùng hổ xông đến trước nhà. Chỉ gậy vào mặt anh Dậu, hắn quát:

– Sưu đâu, thằng kia? Đem nộp nốt đi!

Bà lão láng giềng nhanh miệng khất hộ:

– Bác ấy vừa ở đình về, làm gì đã có? Ông hãy làm ơn để cho người ta đến mai.

Lý trưởng mắng như tát nước:

– Không việc gì đến bà mà chõ mõm vào đấy. Nó không có, thì tôi dỡ nhà nó đi cho mà xem.

Rồi hắn chỉ gậy vào mặt chị Dậu:

– Chỉ vì vợ chồng nhà mày để quan hành ông... Ông hạn cho mày từ giờ đến tối, nếu không chạy đủ hai đồng bảy nữa, thì mày sẽ biết tay ông!

XXI

Thằng Dần, cái Tỉu hãy còn ngủ say. Chị Dậu bưng bát nước lá dành lá duối cho anh Dậu uống, rồi chị ngả mâm, lấy bát, ra bếp bắc cơm. Hôm nay có gạo của bà láng giềng cho vay, chị định nấu cơm ăn sớm, để chốc nữa còn phải lên phủ hầu quan.

Anh Dậu trong mình hơi tỉnh, nên cùng ngồi ăn với vợ.

Nhưng anh nhỏ nhẻ nhai không buồn nuốt, chỉ ăn vài miếng lại thôi. Chị Dậu cũng mới và hết một bát, thì Lý trưởng vừa sầm sập vào với hai người tuần và một sợi dây thừng.

Hắn xông đến chỗ chị Dậu và nói thật lớn:

– Đứng dậy! Đi lên phủ!

Chị Dậu phát cáu:

– Lên phủ thì lên. Tôi có trốn đâu? Nhưng ông hãy để cho tôi ăn xong bữa cơm cái nào!

Lý trưởng sừng sộ:

– Mày chẳng ăn xong thì mặc kệ mày. Việc quan ông cứ đúng phép ông làm.

Rồi hắn đùng đùng sấn lại, túm tay chị Dậu lôi dậy và thét hai người tuần:

– Trói cổ nó lại, điệu đi cho ông!

Bát cơm trên tay chị Dậu đổ lật xuống mâm đánh xoảng, cơm canh bắn tung khắp nhà.

Cái thừng trong tay người tuần tức thì bị lồng vào hai cánh tay chị Dậu và gò ra đằng sau lưng.

Anh Dậu nhìn vợ bằng những dòng nước mắt thánh thót.

Lý trưởng trừng trợn hạch lạc:

– Còn đời mày nữa! Từ giờ đến trưa nếu không nộp nốt tiền sưu thì ông chẻ xác ra cho. Đừng lấy nê ốm mà lần khần với ông!

Cái Tỉu trong buồng giật mình thức dậy, khóc tru khóc tréo như bị beo ngắt.

Chị Dậu đấu dịu với Lý trưởng:

– Xin ông làm phúc để cho tôi cho cháu nó bú cái đã...

Lý trưởng hùng hổ chĩa bàn tay vào mặt chị Dậu:

– Ông thì vả cho vỡ mồm bây giờ! Mày nói cho cha mày nghe đấy à! Sắp đi hầu quan, còn đòi ở nhà để cho con bú. Dễ ông đứng đây đợi mày đấy chắc?

Thế là hắn túm đầu thừng đẩy sấp đẩy ngửa chị Dậu xuống thềm. Vừa đi hắn vừa xa xả chửi mắng.

Tới đình, hắn sai tuần phu trói chặt chị Dậu vào một cột đình. Thằng Mới lễ mễ bưng mâm lòng lợn đậu phụ đặt vào chiếc chiếu giữa đình. Lý trưởng ngồi xếp bằng tròn bên cạnh bao lan, vừa uống rượu vừa cà riềng cà tỏi:

– Con mẹ đĩ Dậu! Mày đã biết nhục chưa con? Ông còn làm cho bõ ghét mới thôi!

Chị Dậu lúc ấy hình như tức quá, sắc mặt tái xanh, chỉ cúi gầm xuống, không nói gì cả. Lý trưởng lại kè nhè:

– Chỉ vì vợ chồng nhà mày, cho nên hôm qua quan mới hạch ông, mày có biết không? Việc này chưa biết ông sẽ lo liệu thế nào cho xong. Có lẽ hơn trăm đồng bạc kiếm được trong vụ thuế này, ông phải đổ đi... vì mày tất cả.

Rồi hắn đập tay xuống sàn đình:

– Mày làm hại ông đến thế, chứ còn đến thế nào nữa? Con mẹ kia! Ông giết chết mày cũng không oan mà!

Cứ thế, cứ cái giọng ấy, hắn lảm nhảm một mình cho đến khi chai rượu hết già nửa.

Chị Dậu chừng cũng không muốn dây với kẻ say nên hắn nói thế nào mặc dầu, chị cứ giả điếc làm lơ.

Mặt trời lên khỏi ngọn tre độ một con sào.

Mấy đĩa đậu phụ, lòng lợn trong mâm đã sạch ngoen ngoẻn. Bấy giờ Lý trưởng mới chịu bỏ mâm đứng dậy, trong miệng còn nhồm nhoàm nhai dở miếng cơm tưới với nước mắm.

Không kịp chùi miệng, uống nước, hắn gọi một người tuần phu và giục:

– Trưa quá rồi! Giải cổ nó đi, không thì lỡ buổi hầu sáng.

Chị Dậu được thoát ly cái cột đình để theo hắn và người tuần phu lên phủ.

Trời đương nắng gắt, tự nhiên thấy tối sầm lại. Một đám mây đen lù lù tiến từ phía nam lên phía bắc.

Chân trời nhấp nhoáng hiện mấy luồng chớp. Tiếng sấm tiếng sét theo cơn dông đồng thời kéo đến. Nước mưa đổ xuống ầm ầm.

Bởi đương đi trong một cánh đồng không, cả bọn đều không có chỗ mà ẩn. Lý trưởng tuy có cầm ô nhưng cũng bị ướt lướt sướt như chị Dậu và người tuần phu. Vì ô của hắn tức là một món trang sức, chỉ dùng để làm giá ngự chớ có giương được bao giờ.

Với cơn căm tức của hắn, sự rủi ro ấy không khác gì lửa cháy thêm dầu, hắn càng lèm bèm chửi mắng chị Dậu.

Nước mắt theo nước mưa chảy xuống dàn dụa, chị Dậu không biết than thở cùng ai, thỉnh thoảng chị chỉ kêu trời cho hả.

Một lát sau, gió im dần, mưa tạnh dần, trời cũng quang dần, rồi thì ánh nắng lại ở trên đầu dọi xuống như thiêu như đốt.

Tới cổng phủ, các quần áo ướt vừa khô. Nhưng đã tan buổi hầu sáng. Lý trưởng phải dẫn chị Dậu vào trong hàng cơm để đợi buổi hầu chiều.

Cố nhiên trong mùa sưu thuế, hàng cơm phố phủ vẫn phải đông khách hơn các ngày thường. Trên những dãy phản ken liền, trên những chiếc tràng kỷ giát nứa, người nọ chen vai người kia. Họ ăn, họ uống, họ nói chuyện, họ cãi lý sự với nhau. Chỗ này gọi cơm, chỗ kia gọi rượu, chỗ khác lại gọi nước mắm. Thằng nhỏ nhà hàng cuống cẳng chạy không kịp. Mùi tỏi, mùi rượu, mùi mắm tôm với mùi mồ

hôi của những người đã lâu không tắm, làm thành một bầu không khí khó tả, ai không quen ngửi sẽ phải buồn nôn.

Chị Dậu với sợi dây thừng gò ở hai cánh vẫn ngồi ro ró dưới chân cột để nghe những tiếng chửi rủa của Lý trưởng mỗi khi có người hỏi hắn lên phủ làm gì.

Ruột chị lúc ấy như bị đứt ra từng đoạn.

Chồng ta hôm nay có dứt cơn sốt rét hay không? Cái Tỉu từ sáng đến giờ xin bú ai được? Thằng Dần có chịu chơi ngoan hay lại gào khóc quấy bố? Cái Tý ở nhà lão Nghị có được yên thân hay vẫn bị chửi bị đòn? Bấy nhiêu câu hỏi kế tiếp nhau quấy rối ở trong óc nó làm cho chị lúc nào hai mắt cũng đỏ ngầu ngầu.

Thình lình có tiếng nói lớn:

– Bà này nghiệt quá! Còn để chúng tôi vào hàng nữa thôi!

Giật mình, chị vội ngẩng mặt trông lên.

Trước một đống ô vá nũm không tay cầm, bà hàng đương co kéo mấy ông tổng lý, nhất định không cho đi ra. Một ông trong bọn chỉ vào đồ vật ấy và nói:

– Thiếu có hai hào rưỡi bạc, chúng tôi đã gán mười một cái ô, mà bà vẫn không bằng lòng, thật không biết điều chút nào.

Nhà hàng vẫn khăng khăng một mực:

– Các ông bảo mười một cái ô ấy bán cho ai được hai hào rưỡi? Nếu không cho tiền thì các ông phải để cho tôi một cái áo the kha khá lại đây. Chứ tôi giữ ô của các ông để làm "gắp chả" dõi à?

– Nhưng mà chúng tôi còn phải vào hầu bây giờ. Để áo the đây thì khoác cái áo cánh nâu mà vào quan ư?

– Tôi không biết. Nếu không gửi áo thì các ông phải trả tiền tôi.

Cả bọn ngơ ngác nhìn nhau, ông kia gắt ông nọ:

– Tôi đã bảo đừng lấy thêm chai rượu nữa, thì có việc gì phải lôi thôi thế này. Thật là xấu với hàng phủ.

Một ông liền móc dạ cá lôi ra một khối đồng vuông đưa cho nhà hàng và nói:

– Gần năm trăm đồng bạc mới được cục đồng này đây. Tôi hãy gửi bà, chiều mai tôi đem tiền đến chuộc.

Trong phủ, tiếng trống thong thả điểm luôn ba hồi.

Những ông hương lý tấp nập đem bộ mặt đỏ vào hầu. Lý trưởng Đông Xá cởi trói cho chị Dậu, rồi đưa chị vào phủ.

Hắn chỉ cho chị ngồi vào dưới một gốc bàng ở trước cổng đường, để chờ khi quan hỏi đến.

Lần này là lần đầu chị chàng nhà quê được biết cửa công. Trước tai mắt chị, cái gì cũng lạ. Lạ nhất là trong buồng giấy của quan Phủ luôn luôn đưa ra những tiếng "bẩm tỉnh" "cách cổ" và "bỏ tù" và những người đến đó ai cũng vào với một cái đĩa không, rồi lại ra với một cái đĩa không.

Mặt trời đã xế, lý trưởng Đông Xá mới được vác cái đĩa không đến trước bàn quan Phủ. Sau một hồi thét lác của ông "phụ mẫu", anh ta lầm rầm nói vài bốn câu gì đó, rồi hắn chạy ra gốc bàng, dẫn chị Dậu đến trước nhà giấy.

Liếc mắt nhìn qua chị Dậu, quan Phủ dõng dạc:

– Lính đâu! Giam cổ con này xuống trại!

XXII

Phía sau công đường, chợt có tiếng còi toe toe. Tiếp luôn đến tiếng máy chạy sình sịch. Một chiếc ôtô mui kín từ nẻo nhà tư từ từ bò ra đậu ở phía trước công đường và chìa đầu ra ngoài cổng phủ.

Sau bức chấn song của cửa sổ trại lệ, chị Dậu thình lình nhòm ra.

Với quan Phủ đi kèm bên cạnh, một người đàn bà từ thềm gạch hoa bước xuống bằng bộ điệu vùng vằng giận dỗi.

Chiều trời tuy đã gần tối, sức mắt chị Dậu còn đủ nhận rõ hình dạng và nhan sắc người đàn bà ấy.

Cái xác đẫy đà như không chịu nổi sự chật hẹp của tấm áo bom bay màu xanh, đôi vú vẫn thỗn thện lộ ra trước ngực. Trong chiếc khăn tua quấn xòa từ đầu đến cổ, lượt phấn dày bự che không kín hai nét nhăn lớn trên tô cặp môi son.

Đến cạnh ô tô, người đàn bà ấy mở cái "bị da" lấy chiếc gương con soi mặt.

Quan Phủ nhanh nhảu mở một cánh cửa ô tô và giục:

– Thôi mợ lên xe đi đi! Kẻo nữa tối nay thứ bảy, ngài lại đi chơi đâu chăng.

Người đàn bà làm bộ giằn dỗi:

– Thân tôi thật là nhục hơn con chó. Những đứa giăng há chẳng qua nó cũng thế này.

Quan Phủ ngọt ngào:

– Sao mợ lại nói thế nhỉ? Đã hay rằng mợ không ưa sự đó, nhưng cái đời nó như thế, người ta thế mình cũng phải thế. Tôi còn chịu được nữa mợ? Tục ngữ đã nói "giàu vì bạn, sang vì vợ" năm nay mà tôi được thăng tức là công mợ...

Quan Phủ ngừng lại giây lát để nhìn mặt người đàn bà ấy và tiếp:

– Vả lại... đâu vẫn đấy, nào mình có mất một chút gì đâu.

Lúc ấy chị Dậu mới biết người đàn bà ấy tức là bà Phủ. Thấy quan Phủ cười, bà Phủ ra giọng gắt gởi:

– Thôi đừng nói chuyện con khỉ. Đã đau cả ruột lại còn pha trò.

Rồi thì bà rón rén bước lên trên xe. Chĩnh chệm ngồi tựa vào chiếc đệm da, và mở "ví da" lấy chiếc gương con soi lại lần nữa.

Quan Phủ đóng cửa ô tô và sẽ dặn người tài xế:

– Đưa bà vào dinh, rồi mày lại đánh xe ra ngay. Độ một giờ rưỡi thì hãy đem xe vào đón. Một giờ rưỡi! Nghe không?

Tiếng máy lại kêu sình sịch lấp tiếng trả lời của người tài xế. Rồi chiếc ô tô thong thả từ trước công đường chạy ra sau mấy tiếng còi rất lễ phép. Quan Phủ chào vợ một cách sung sướng:

– Thôi, mợ đi cho được việc.

Và ngài đứng đó trông theo cho đến khi bóng xe đã khuất cổng phủ mới vui vẻ trở vào.

Chị Dậu còn đương ngơ ngẩn cố tìm ý nghĩa của những câu chuyện vợ chồng nhà quan mới nói với nhau mà chưa tìm ra, thì người cai lệ vừa ở công đường đi xuống. Hắn lật đật mở rương lấy ra một bộ đủ cả áo the thâm, khăn vuông thâm, khăn vấn *xa tanh*, yếm trắng dải lụa bạch, dây lưng nhiễu xanh, áo cánh lụa trắng và một cái quần lụa thâm cạp màu cánh sen, vừa trao cho chị vừa chỉ vào đôi guốc gỗ cạnh đó và nói:

– Cầm lấy bộ quần áo này và đôi guốc kia ra nhà tắm ở đằng sau trại, cái nhà vuông con có che cót đó, tắm cho sạch đi.

Chị Dậu ngạc nhiên:

– Thưa ông, ông bảo tôi ạ?

Cai lệ cau mày:

– Chẳng bảo mày thì bảo ai. Còn ai được mặc những quần áo này?

Chị Dậu òa khóc:

– Xin ông xét lại cho tôi. Tôi mới bị giam một lúc sao ông đã bắt tôi mặc quần áo tù?

Cai lệ phì cười:

– Quân mới ngu chứ! Quần áo tù được thế này à? Đó là quần áo của... trời cho đấy. Cứ ra tắm đi, rồi mặc vào. Không hỏi lôi thôi.

Chị Dậu vội chùi nước mắt:

– Thôi! Cháu không tắm! Cháu không thay. Ông cho cháu cứ mặc quần áo của cháu...

Cai lệ ra vẻ bực mình:

– Nhưng mà còn bẩn không ai chịu được. Mày tưởng giường phản nhà quan cũng như giường chiếu nhà mày đấy à? Tắm đi và mặc bộ quần áo này một đêm nay thôi. Sáng mai lại mặc những thứ tốt đẹp của mày, không ai cấm!

Chị Dậu vẫn không hiểu, rụt rè như muốn hỏi nữa. Cai lệ liền quát:

– Bảo không nghe thì ông tống cổ xuống nhà vuông bây giờ. Đừng thấy nói ngọt càng làm bộ.

Bằng cái dáng bộ sợ hãi, chị Dậu đón lấy bộ quần áo và xách đôi guốc, rồi đi qua phía sau trại lệ. Trong buồng tắm, nước lạnh, xà phòng, chậu thau, khăn mặt, các thứ đều sẵn sàng cả. Vào đó giây lát, chị lại trở ra và cứ thập thò ở phía đầu trại, cai lệ sáng ý liền hỏi:

– Mày sợ ướt cái váy mốc của mày phải không? Đóng cửa lại... Không ai thèm nhòm!

Chị Dậu ngần ngại đi vào nhà tắm.

Nửa giờ sau, cánh cửa buồng tắm ngỏ ra, chị chàng cũ kỹ nhà quê nghiễm nhiên thành một người óng ả nuột nà rõ ra vẻ cầu Lim, đình Cẩm.

Cai lệ quăng cho chị Dậu cái lược bí và cái gương vuông:

– Chải đầu đi, rồi vấn khăn cho thật tử tế!

Chị Dậu ngơ ngác ngồi một lúc, như muốn nghĩ xem người ta sắp sửa bắt mình làm gì. Cai lệ nóng ruột lại giục lần nữa, bấy giờ chị mới bẽn lẽn cầm lấy gương lược, xổ đầu ra chải.

Một người lính lệ đứng cạnh mỉm cười:

– Sướng nhé! Mấy khi đã được quan giam!

Người khác nói xen:

– Con bé đẹp thật đấy nhỉ! Của này nếu được thắng bộ cánh bốp thì... kém gì đời!

Người nữa nói góp:

– Chả đẹp, chúng mình lại phải xách nước cho nó!... Nhưng còn phải cái bộ mặt ủ rũ luôn luôn, hẳn là chị ta lo lắng gì đó.

Rồi hắn nhìn mặt chị Dậu:

– Sao mày không tươi lên em! Tươi lên để chúng tao nhìn một cái cho bõ cái công gánh nước cho mày...

Cả bọn cùng cười ầm lên. Chị Dậu nín lặng như không nghe biết gì cả. Vì ruột gan chị lúc ấy đương để cả vào chồng con ở nhà.

XXIII

Đồng hồ trên vách đánh luôn bảy tiếng. Hồi trống thu không đã tan. Ngọn đèn đất trong trại bắt đầu châm lửa. Người cai lệ ở trên nhà tư chạy xuống vừa cười vừa bảo với người biện lệ:

– Nay quan *thời* cơm sớm quá, mới có sáu giờ rưỡi ngài đã giục bếp bưng mâm lên rồi... Dùng rượu sâm, mày ạ!

Biện lệ cũng gật gù:

– Thôi, hôm nay chả dùng rượu sâm còn để hôm nào! Sức ấy mà lại tẩm bổ thì phải biết...!

Trên chòi canh tùng tung ba tiếng trống báo. Một ô tô sơn xanh, lù lù tiến vào sân.

Biện lệ nói nhỏ với cai lệ:

– Xe của ông huyện Minh Hảo.

Rồi hắn tất tả chạy lên trước thềm công đường.

Ông huyện Minh Hảo mở tung cửa xe bước xuống, vui vẻ hỏi người biện lệ:

– Quan nhà mày có nhà hay đã *moong* rồi?

Biện lệ lễ phép:

– Bẩm cụ lớn, quan con đương dùng cơm.

Ông huyện bước lên bậc thềm một cách hùng dũng:

– Sao mà quan nhà mày ăn cơm sớm thế? Mới có bảy giờ? Thôi, vào bảo với quan nhà mày cứ ăn cơm cho xong. Tao ngồi đợi đây cũng được!

Rồi ông huyện đi vào phòng giấy.

Biện lệ diễu lên nhà tư. Giây lát, hắn xuống trại lệ với bộ điệu ỡm ờ:

– Ngài cáu! Chúng bay ạ. Hôm nay đứa nào vô phúc mà trái ý ngài...

Cai lệ cười nhạt:

– Thôi, việc đến nơi lại bị khách ám, ai mà không tức! Thế, ngài có ra tiếp khách hay cứ ngồi ăn?

– Ngài tha chửi cho là tốt, lại còn tiếp nữa! Tao vào bẩm quan Minh Hảo sang chơi, ngài đã phát khùng mà rằng: "Kệ hắn! Ông ăn xong đã!". Rồi ngài cứ việc rung đùi đánh chén.

– Chắc là đêm nay thứ bảy, quan kia đến rủ quan này lên tỉnh chứ gì?

– Hôm khác thì đi ngay đấy, nhưng hôm nay, sét đánh ngài cũng ở nhà.

– Chả ở nhà, dễ ngài đi cho mày đấy hẳn! Đêm nay, mày còn hầu nhọc, con ạ. *Tháng việc* này của mày *bở* đấy. Đã hỏi tiền *canh đám* hay chưa?

– Nào ai đã hỏi vào lúc nào được?

Biện lệ liền quay mặt sang phía chị Dậu:

– Con mẹ kia! Đưa năm hào ra nộp tiền *hàng đội!*

Chị Dậu vẫn ngồi trên chiếc chõng tre xó trại, tuy có nghe thấy hắn hỏi, nhưng không trả lời, vì chị không biết là hắn hỏi ai. Biện lệ gặng:

– Mồm mày câm à! Con mẹ Đông Xá?

Chị Dậu ngơ ngẩn:

– Ông hỏi tôi ạ?

– Chứ hỏi con chó nào nữa!

– Thưa ông tiền hàng đội là tiền gì ạ!

Biện lệ nắm chặt tay phải, xăm xăm chạy tế đến gần chị Dậu và gân cái cổ bạc ác:

– À, mày muốn giở lý sự đấy chứ!

Cai lệ huých thêm:

– Biếu cho chị ta mấy quả phật thủ...!

Chị Dậu vội vàng xin lỗi bằng giọng run sợ:

– Thưa hai ông, cháu là đàn bà đâu dám giở lý sự với các ông! Vì mới vào quan lần này là một, cháu không biết tiền hàng đội là tiền gì, cho nên phải hỏi. Các ông tha lỗi cho.

Biện lệ như cũng nguôi giận, hắn lại thẽ thọt:

– Nó là tiền giường, tiền chiếu mày ngồi, tiền cơm mày ăn lúc nãy, chứ là tiền gì? Năm hào! Ấy là ta thương mày nghèo, nên lấy có thế. Đưa ra nộp đi!

– Thưa ông, thật quả cháu không có. Thuế ở nhà cũng chưa nộp đủ nữa là...

Biện lệ sừng sộ:

– Không có thì chốc nữa cho chân vào cùm.

Rồi hắn chỉ tay vào một khúc gỗ dài thườn thượt như cái cối giã gạo kê ở giáp vách gian trại bên kia:

– Cái cùm kia kìa, trông thấy chưa? Không có tiền thì một lát nữa sẽ đút chân vào đấy.

Trên công đường leng keng một hồi kêu. Cai lệ, biện lệ mỗi người dạ một tiếng thật lớn, rồi cùng lật đật chạy lên. Lâu lâu một lúc, thì có tiếng cười, tiếng nói lơi lả từ trong buồng giấy xô ra. Quan chủ tiễn quan khách xuống thềm. Sau khi ông kia đã lên ngồi ô tô, ông này còn nắm tay lại và dặn:

– Thôi! Để thứ bảy sau vậy. Đúng hẹn đấy nhé!

Ánh sáng đèn pha phun ra chói sân công đường. Còi điện báo hiệu khởi hành bằng mấy tiếng hách dịch. Chiếc xe chạy xa cổng phủ rồi biến vào trong bóng tối. Quan Phủ gọi biện lệ nói nhỏ mấy câu rất ngắn, rồi ngài đi lên công đường.

Cái kiểng của trại lệ gióng với trống cái bên trại cơ điểm luôn ba tiếng dịp nhau.

Chị Dậu đương ngồi gục đầu dưới bóng đèn với những cơn đau đớn lo sợ, thì biện lệ rón rén ở ngoài vào, sẽ đến cạnh chị và hỏi:

– Con mẹ này thức hay ngủ? Đi lên quan đòi.

Chị Dậu giật mình vội ngẩng đầu dậy:

– Quan đòi cháu làm gì bây giờ hở ông?

Biện lệ cố làm ra vẻ nghiêm nghị:

– Không phải hỏi! Lên đấy thì biết.

Chị Dậu thấy mình hồi hộp; tiếng nói tự nhiên run run:

– Cháu tưởng việc quan thì làm ban ngày, chứ sao lại làm ban đêm?

Biện lệ ra bộ giận dữ:

– Bây giờ giữa lúc sưu thuế gấp ngặt, nhiều việc cần cấp, ban ngày không hết, nên quan phải làm ban đêm chứ làm sao!

Chị Dậu vẫn chưa hết sợ:

– Cháu lạy ông, van lạy xin ông kêu quan để cho cháu đến sáng mai.

– Không được! Việc quan không phải chuyện chơi! Nếu quan đòi mà không lên hầu, thì được tra chân vào cùm lập tức.

Chị Dậu vẫn ngồi im chẳng nói chẳng rằng, trống ngực mỗi lúc một nện mạnh.

Cai lệ ở đâu chạy vào:

– Nó bướng, không chịu đi chứ? Cùm cổ nó lại!

Tức thì hai ông đầu trâu mặt ngựa sấn lại, dắt tay chị Dậu lôi sang bên kia. Một người nhấc đầu cây cùm, một người bắt chị bắt tréo hai chân xỏ vào hai lỗ ở giữa, rồi họ đập cây gỗ xuống. Chị Dậu nhăn như chuột kẹp. Lúc đầu hình như chị định bấm gan cố chịu, nhưng chỉ giây lát, thì thấy đau như đứt ruột, không thể nào mà chịu được nữa, chị phải mếu khóc, vái lia lịa:

– Cháu lạy hai ông! Hai ông tháo ra cho cháu!

Biện lệ ra bộ đắc sách:

– Mẹ mày! Đã biết cái lối "cùm treo" của chúng ông chưa?

Rồi hắn tháo chốt, nâng cây gỗ trên cho chị rút hai chân ra, và hắn hỏi:

– Thế nào! Bây giờ mày đã chịu đi hay chưa?

Chị Dậu vẫn còn mếu máo:

– Cháu xin vâng lời hai ông, nhưng các ông hãy để cho cháu thuần chân cái đã.

Biện lệ liền đưa cho chị cái khăn mặt ướt, bảo chị lau mặt và lau hai chỗ ống chân bị thương. Rồi hắn bắt chị xỏ chân vào guốc, dẫn chị qua đầu công đường về phía nhà tư. Theo lời hắn, chị vừa bước chân vào khỏi cửa phòng nhà tư, cánh cửa liền đóng sập lại.

XXIV

Trên chiếc tủ đứng, ngọn đèn *măng sông* im lặng tỏa ra ánh sáng xanh lè. Trong bức màn *tuyn* lòa xòa rủ ngoài chiếc giường Hồng Kông, tấm khăn trắng muốt phủ trên chiếc đệm, không có một vết nhăn nhúm. Bức chăn gấm đặt trên một chồng hòm sơn cũng như chiếc khăn xếp và tấm áo sa treo ở cây mắc, hết thẩy in bóng lên khuôn gương vuông nghiêng nghiêng đứng dưới trần nhà. Trong phòng sáng như ban ngày, nhưng vắng ngắt không có ai cả.

Chị Dậu như đã hiểu đó là một chỗ không hay cho chị, loay hoay vặn quả bàng, chị chực ngỏ cửa chạy ra bỗng cánh cửa ngách hé mở. Một người đàn ông với bộ quần áo lụa trắng và đôi giày kinh tự phía sau cửa nhô ra.

Chiếc cánh cửa lại khép chặt lại.

Nhờ cái đặc biệt của hai chòm râu, chị Dậu nhận ra ông Phủ. Trống ngực nện thình thịch, chị vội run run chắp tay và vái một vái:

– Bẩm lạy quan lớn ạ!

Quan Phủ đáp bằng giọng nhẹ nhàng:

– Định đi đâu mà mở cửa? Đứng ra dưới cái gương kia ta hỏi.

Chị Dậu khúm núm sẽ đi đến chỗ quan Phủ đã chỉ.

Quan Phủ ghé ngồi vào giường đối mặt với chị Dậu. Sau khi đã thưởng thức cái dung nhan óng ả của chị gái quê, ngài đứng dậy, đi đến cạnh chị. Cúi xuống, ngài định hôn vào đôi gò má đỏ bừng. Chị Dậu vội nghiêng mình tránh và chạy ra gần cửa. Quan Phủ theo sau, ngài nắm tay chị, lôi lại và ngọt ngào:

– Hãy vào trong giường này đã... Mày đánh lính trong khi làm việc phận sự, tội nặng lắm... Vào đây... rồi tao châm chước đi cho...

Chị Dậu càng run.

– Con lạy quan lớn, chúng con là gái có chồng, quan lớn tha cho...

Quan Phủ vừa co tay chị, vừa trả lời:

– Không được! Có chồng mặc kệ có chồng... Ngày mai cho về với chồng. Ai giữ làm gì?

Chị Dậu nhất định cố giằng tay ra và cứ một mực:

– Con lạy quan lớn! Chúng con là gái có chồng, quan lớn tha cho.

Dường như cơn hăng nổi lên.

... Nhưng mà chị này khỏe hơn vừa giãy giụa vừa buột miệng gắt gỏng:

– Ô! Nhà ông này mới hay chứ! Có buông ra không thì tôi kêu lên giờ!

Quan Phủ không trả lời. Ngài mắm thật chặt hai môi... Chị Dậu hết sức vùng vẫy để nhoài mình ra.

Trận huỳnh huỵch kéo dài đến hơn mười phút. Chị Dậu du được bên địch ngã kềnh xuống đất, rồi chị chạy ra cạnh cửa và đứng tựa lưng vào tường để giữ thế thủ.

Quan Phủ lóp ngóp đứng dậy, mở ví lấy nắm giấy bạc độ hơn chục đồng, chìa vào tận mặt chị Dậu. Ngài thở và nói:

– Có muốn lấy tiền, tao cho.

Chị Dậu giằng nắm bạc vứt tọt xuống đất.

Giương tròn hai mắt, quan Phủ sấn lại giơ tay... Chị này hăng hái đẩy ra.

Ngoài cổng bỗng có trống báo giật giọng. Rồi còi ô tô rít lên. Rồi tiếng ô tô xình xịch đi vào...

Quan Phủ luống cuống vội mở cửa sau đẩy chị Dậu ra và nói hai tiếng vắn cộc:

– Thôi bước!

Trong bóng tối, có người ghé tai chị Dậu nói thầm:

– Muốn sống bám ngay vào vai tao này.

Tiếp đó, một cái lưng người phàn phạt chìa sát vào trước chị Dậu. Hoảng quá, chị liền ôm luôn lấy cổ người ấy. Hắn cõng chị xuống thềm, và lom khom bò quanh trở ra.

Tiếng sình sịch của máy ô tô đã vào đến trước công đường. Tiếp luôn đến tiếng đanh đá nghe rõ ra tiếng đàn bà:

– Cậu còn thức hay ngủ rồi?

Trong cửa nhà tư, quan Phủ vừa đi vừa nói:

-Tôi chưa ngủ, vẫn chờ mợ đây! Sao mợ về sớm thế? Có gặp ngài không?

Trên công đường liền có tiếng the thé:

– Cậu làm gì mà thở hồng hộc lên thế?

Rồi tiếng the thé vào cửa nhà tư:

– Ai mở cửa sau làm gì thế kia?... Tiền bạc ở đâu lại vung ra đấy?... Guốc đứa nào bỏ đó?... Làm sao cái khăn trải đệm lại nhăn nheo thế này?

Xen vào mấy tiếng dậm chân thình thịch, rồi lại đến tiếng tru tréo:

– Cậu giết tôi đi! Cậu làm thế này thì còn trời đất nào? Này! Dao đây, cậu đâm chết ngay tôi đi cho rảnh! Tôi nhục về cậu biết chừng nào!...

Người cõng chị Dậu khi ấy đã bò vào đến nhà tắm. Hắn đặt chị xuống và ghé tai chị sẽ bảo:

– Quần áo của mày để đâu? Lấy mà thay đi!

Rồi hắn trở ra. Phía đầu nhà tư có tiếng nheo nhéo:

– Thằng biện tư đâu? Lên đây! Lên... ngay đây!

Một tiếng dạ kéo dài ở trại lệ. Kế đến tiếng chân chạy thình thịch. Cuối cùng là một câu hỏi đầy giọng tức tối:

– Thằng biện tư đấy chứ?... Cha đẻ mẹ mày! Chém cha con đẻ mẹ mày! Mày dắt con nào vào đây vừa rồi! Nói ngay! Nói... ngay! Không thì bà xé xác mày bây giờ!

Cách quãng giây lát để nhường chỗ cho những tiếng lẩm bẩm và tiếng đánh song đen đét, rồi cái giọng giận dữ lại tiếp tục:

– Không à? Cha đẻ mẹ mày! Chém cha con đẻ mẹ mày! Không à? Bà xuống trại lệ bây giờ thì mày phải chết với bà!...

Mấy tiếng sau cùng như đi kèm với sự lồng phách, nó hét rất dài từ đầu nhà tư xuống gần trại lệ, không khác búa bổ vào tai chị Dậu, làm cho cái dịp trống ngực của chị lại càng mạnh hơn lúc nãy.

Một người đàn ông rón rén đi vào nhà tắm sẽ nói tiếng "đi ra". Rồi hắn nắm vạt áo chị kéo ra sau trại, dắt chị đi đường quanh đến cổng phủ và tống chị ra.

Tiếng gầm gào trong phủ vẫn chưa dứt hẳn.

XXV

Trống trên chòi đã điểm canh tư. Hơi sương đọng giọt nhỏ xuống lá cây lác đác. Bầu trời ngoài cổng phủ chỉ là một đám mịt mù, người ta không thể trông được xa ngoài ba thước.

Theo ánh sáng lấp lánh của các ao các ruộng, chị Dậu lần đường đến nhà hàng cơm ban trưa, định xin trú chân đến sáng.

Cửa còn ngỏ. Trong nhà đèn thắp sáng chưng. Mấy bàn tài bàn tổ tôm đương trói chân mấy ông tổng lý trong cuộc đen đỏ.

Thoáng thấy chị Dậu thập thò ngoài cửa, một người đàn bà õng ẹo trong bộ quần áo nửa quê nửa tỉnh vênh cái mặt ra giọng đứng ở trước thềm hỏi ra:

– Người nào kia? Ngấp nghé dòm nom gì đấy?

Cơn sợ hãi chưa hết, chị Dậu rụt rè bước vào để nói mấy câu run run:

– Lạy bà! Cháu bị giam trong phủ mới được tha ra, tối quá không về nhà được. Bà làm phúc cho cháu ngồi chờ đến sáng.

– Cái đó chị hỏi bà chủ. Tôi cũng là khách...

Bà lão hàng cơm vừa ở trong buồng bước ra:

– Có phải nhà chị lúc trưa bị ông Lý Đông Xá trói ở cột kia không?

– Thưa phải.

– Ngủ trọ phải hai xu một tối. Nếu chị không ăn cơm ăn quà.

– Thưa cụ, trong mình cháu thật quả không có xu nào, cháu không dám xin ngủ, chỉ xin cụ cho ngồi đây một lát...

– Chẳng có xu nào thì ra, chứ chị ở đây để ăn cắp của các ông ấy à?

Mụ khách ra bộ nhân nghĩa:

– Thôi cụ làm phúc cho chị ta ngồi nhờ ít lâu. Tôi trông mặt mũi chị ta cũng hiền lành, không phải là người ăn cắp.

Rồi mụ ngồi vào đầu phản, tỉ tê hỏi chuyện chị Dậu vì sao bị trói bị giam. Và sau khi nghe chị kể qua đầu đuôi cảnh nhà, thì mụ có ý ái ngại:

– Bây giờ bác có muốn đi làm không?

– Thưa bà, làm gì ạ?

– Ở vú. Tôi không phải là người đưa người, nhưng nếu bác muốn đi làm vú sữa thì tôi mách cho một chỗ.

– Thưa bà, thế bà ở đâu?

– Tôi là vợ ông cửu Xung trên dinh quan về đây có chút việc riêng. Bây giờ quan đương cần mấy người vú sữa, nếu bác muốn làm, thì tôi đưa vào.

– Thưa bà, cháu đương con mọn.

Mụ cửu cười cách chế nhạo:

– Bác này mới lẩn thẩn chứ. Chả con mọn thì làm vú sữa bằng gì? Vả lại, làm vú nhà quan, ăn sung mặc sướng, lại được cao công, chả hơn ở nhà đeo cái váy mốc, đánh miếng cơm khoai quanh năm không kiếm được đồng nào à?

– Nhưng còn con bé để cho ai được?

– Mướn người nuôi kèm, rồi lấy tiền công của mình mà trả, cũng còn thừa chán.

Chị Dậu chừng cũng bùi tai, liền hỏi:

– Thế thì bao giờ phải đi!

– Đi ngay sáng mai thì tiện nhất...

– Nếu vậy, cháu không đi được! Vì còn quyền ở thày nó nhà cháu. Thày nó có bằng lòng cho đi, thì cháu mới đi.

– Nhà bác có xa lắm không?

– Cũng không xa lắm. Từ đây về đến làng cháu chỉ có tám *cây lô mếch.*

– Có đường đi xe hay không?

– Xe tay có thể vào đến giữa làng.

– Được rồi! Lát nữa, để tôi cùng về bàn với bác trai giúp bác. Nếu như bác ấy bằng lòng, thì tôi hãy bỏ cho vay mươi đồng mà may quần áo, rồi đến tháng lương trả tôi.

Mấy bàn tài bàn tổ tôm vừa tan, vì có mấy ông hết tiền. Những người thắng trận ầm ĩ gọi nhà hàng dọn rượu. Mụ cửu Xung cũng bảo nhà hàng dọn quà để mình ăn tạm và bảo chị Dậu ngồi tiếp bên cạnh. Nhưng chị nhất định từ chối.

Trời sáng, mụ Cửu sai chị ra thuê cái xe về làng Đông Xá, rồi cho chị lên cùng ngồi với mình. Bằng những thần thế của quan cụ và cảnh sung sướng của tôi tớ người nhà điểm trong câu chuyện dọc đường, mụ Cửu đã làm cho chị Dậu quên sự khủng khiếp ở trong phủ và phục mụ là một người phúc hậu, đủ điều.

Xe tới Đông Xá giữa buổi người ta đem cơm thợ cày. Cả làng đều lấy làm lạ khi thấy chị Dậu được ngồi chung xe với một người đàn bà, mà trong mắt họ đã coi là bậc sang trọng. Họ ngơ ngác nhìn, họ tò mò theo hai người từ lúc xuống xe đến lúc tới nhà anh Dậu, như để xem cái cứu cánh của sự kỳ dị ấy.

Anh Dậu cũng như thằng Dần, hết sức mừng rỡ trong phút thoạt thấy chị Dậu bước chân vào cổng nhà. Nhưng sự đon đả của anh cũng phải hãm ngay lại vì thấy sau chị lại có một bà khách lạ.

Mời mụ Cửu ngồi tạm vào chiếc chõng nát, rồi chị Dậu ôn tồn hỏi chồng về tình hình trong nhà từ sáng hôm qua đến giờ.

Thì ra anh Dậu hôm nay đã cất cơn sốt rét. Những lúc vắng chị, cái Tỉu vẫn được bà lão lăng giềng đem về bên ấy, ôm ẵm chầm vập.

Có tiếng trẻ con úc ích từ cổng tiến vào.

Bà lão láng giềng nghe tin chị Dậu đã về vội đem cái Tỉu sang trả và để hỏi thăm những công việc của chị trên phủ.

Chị Dậu ứa nước mắt nói cho mụ Cửu biết rằng bà ấy là ân nhân số một trong đời mình sau khi chị đã nhanh nhảu ra đón cái Tỉu và cảm ơn bà lão một cách thành thật và cảm động.

Thằng Dần ton ton chạy ra núp vào sau mẹ. Xoa xít thằng bé và ngượng ngạo nhìn mặt anh Dậu, gò má chị tự nhiên thấy đỏ bừng bừng.

Mở đầu bằng câu "lão phủ Tư Ân đểu quá", những chuyện trên phủ của chị được ôn lại với cả nhà, cặn kẽ từ đầu đến cuối.

Anh Dậu hồi hộp nóng ruột khi nghe những phút chị phải kháng cự với con quỷ dâm dục để bảo toàn cho cái trong sạch của thân mình. Và anh tươi cười đắc ý khi nghe một cuộc đắc thắng của vợ.

Mụ Cửu thay lời chị Dậu, kết luận bằng việc mụ ấy gặp chị ở hàng cơm và muốn đưa chị lên dinh quan cụ làm vú sữa. Rồi mụ hỏi gặng anh Dậu:

– Tôi về đây chỉ có việc thế. Bác có bằng lòng thì tôi ở đây chờ bác gái đi cùng, nếu không thì tôi lên tỉnh bây giờ.

Anh Dậu còn lúng túng ra vẻ nghĩ ngợi. Ngoài cổng đã thấy người nhà lý trưởng vào giục tiền sưu.

Mụ Cửu nhân dịp bắt vào câu chuyện của mình:

– Cảnh nhà như thế, mà hai vợ chồng cứ rau ráu ở nhà với nhau để cho chết cả nút à? Tôi tưởng bác cho bác gái đi làm là phải. Nếu bác nghe tôi thì tôi hãy cho mượn trước mấy đồng bạc để bác trang trải các món.

Anh Dậu ngập ngừng chỉ vào cái Tỉu:

– Thưa bà, tôi cũng muốn thế. Nhưng còn ngại con bé con này. Mẹ nó đi vắng, tôi nuôi thế nào được nó.

Bà lão láng giềng đôi lời:

– Tôi nói câu này, nên thì các bác nghe, không nên thì lời tôi lại trả tôi.

– Vâng, cụ cứ nói.

– Thằng cả nhà tôi mới bỏ mất con bé cháu, mấy hôm nay vợ nó buồn lắm, khóc lóc suốt cả ngày. Nó hãy còn sữa, từ sáng hôm qua đến giờ nó vẫn ôm ấp cái Tỉu hộ nhà bác đấy. Xem ý nó cũng mến cháu, tôi muốn xin các bác cho nó nuôi giúp con Tỉu, đến năm nó 12 tuổi thì lại trả bác.

Mụ Cửu bàn vào:

– Thôi thế còn gì bằng nữa! Hai bác nên nghe lời cụ đi là phải.

Anh Dậu cảm động:

– Được thế thì quý hóa lắm. Chúng cháu xin vâng lời cụ.

Mụ Cửu mở túi lấy năm đồng bạc đưa cho anh Dậu và nói:

– Khi nào bác gái lên tỉnh, tôi cho mượn thêm năm đồng nữa để bác ấy sắm sửa quần áo.

Chị Dậu gửi con bà láng giềng, chạy đi mua trứng gà và nước mắm để làm cơm thết mụ Cửu và mời bà lão ở lại tiếp khách giúp mình.

Mặt trời xế bóng, vợ chồng người con bà ấy sang nhà anh Dậu để xin cái Tỉu đem về. Trong lúc bồng con trao sang tay người, chị không khỏi thánh thót hai hàng nước mắt. Và những giọt nước mắt ấy cứ kế tiếp nhau tưới mãi xuống gò má chị, rồi nó trào ra như suối khi chị giã chồng, giã con, giã cái lều tranh ở xó lũy tre mà theo mụ Cửu ra ga đi xe lửa lên tỉnh Trung Sơn để bước vào một cuộc đời mới.

XXVI

Lửa tắt, nồi cơm đương sôi.

Anh bếp ưỡn ẹo chống tay vào sườn và cười hềnh hệch:

– Ăn khoai mà cũng đẹp thế! Ba con rồi, vẫn mơn mởn như gái mười tám. Chỉ tiếc cái *oản bụt* hơi xệ.

Bác tài đủng đỉnh ở ngoài sân vào:

– Khổ cho tôi quá! Tôi còn trai tơ, thế mà trông thấy u em, tôi cứ tưởng là nhà tôi. Này... u em, hay là bước đi bước nữa. Tội đếch gì ở với thằng chân lấm tay bùn? *Lấy chồng tài xế là tiên – Lấy chồng cày cuốc là duyên nợ nần.* U em có nghe người ta hay hát thế không?

Giả điếc như không nghe tiếng, chị Dậu cố phùng đôi má đỏ gay để thổi cho bếp lửa cháy lên. Mồ hôi đổ ra, ướt đầm cả lần áo cánh.

Đã ba hôm nay, chị vẫn phải giữ chức phụ bếp để chờ vào ngôi vú sữa chính ngạch. Mọi ngày, công việc của chị có vài lần rửa bát, nhặt rau, hôm nay vì trời nực quá, các vị gia thần của quan cụ đều sợ gần lửa, người ta mới thêm cho chị cái việc nấu cơm.

Lửa nỏ. Cơm đã cạn.

Mụ cửu Xung trở vào với cái dáng bộ đắc sách:

– Nhà chị Đông Xá, cơm đã chín chửa? Tắm gội và thay áo đi! Được làm rồi đấy! Giấy của quan thầy thuốc vừa mới gửi đến, nói

rằng sữa chị tốt lắm. Cụ lớn bà cho chị năm đồng một tháng. Nếu ngoan ngoãn chịu khó, sau này cụ lại cho thêm.

Vui vẻ, chị Dậu cấp gói quần áo ra hồ. Tắm xong theo lệnh của cụ lớn bà, chị phải đi với vú Đình lên trên nhà hầu cố.

Cố, năm nay gần tám mươi tuổi, cái tuổi mà trời bắt cả hai hàm răng không còn cái nào, để cho bao nhiêu cao lương mỹ vị đều không có hân hạnh được vào cái mồm móm mém của cố. Tuy ngày ngày cố vẫn dùng nước thịt ép, nhưng theo lời dặn của đốc tờ, thì không gì bổ bằng sữa người, phải có sữa người mới đủ tẩm bổ cho sức khỏe của cố. Vì thế quan cụ mới dùng đến chị.

Cũng như vú Đình, chức vụ của chị mỗi ngày chỉ vài lần dùng vú cao su úp vào vú mình hút sữa ra để dâng cho cố. Công việc ấy tuy có rát ruột một lúc, nhưng mà cũng được nhàn thân. Không lúc nào phải dầu dãi ở dưới bóng nắng. Từ đó trở đi, ngày nào cũng như ngày nào, ngoài lúc làm việc bổn phận và lúc hầu hạ các cố, thời giờ của chị chỉ để thương chồng, nhớ con và mong cho hết tháng để lĩnh lương gửi về nhà.

Cơm của quan như nước cành dương, nó đã rửa cho cái nước da đen giòn của chị thành ra màu da trắng nõn. Phụ với nó lại thêm có đôi mắt sắc, cặp môi tươi, khiến cho chị càng trở nên một người đáng để ý.

Quan cụ ra ý thương chị. Những lúc vắng cụ lớn bà, ngài thường gọi chị sai bảo lặt vặt. Có lúc cao hứng, ngài đã hỏi đến chồng chị có muốn ra làm lý trưởng thì ngài cho làm. Nhưng nghĩ cái thân phận con nhà nghèo hèn, không dám mơ tưởng đến sự danh mệnh, nên chị vẫn lễ phép từ chối.

Đêm ấy, vào tiết thu, đến lượt vú Đình phải sang ngủ ở phòng cố. Trong buồng các vú chỉ có mình chị với ngọn đèn hoa kỳ le lói trên hòm khóa chuông, cái hòm quần áo của vú Đình.

Những giọt mưa ngâu rả rích như khêu cơn buồn cho kẻ xa nhà. Cảnh khổ cực của chồng và con tự nhiên kéo đến đầy mắt chị.

Đứng không yên, ngồi không yên. Buồn bã, chị giở gói áo xin được của các cố thải ra, cắt lại và may lại để khi được phép về chơi nhà thì đem về cho các con.

Đêm đã khuya, chị thấy đau lưng, mới ngả mình xuống giường, toan nghỉ một lát, rồi lại trở dậy khâu nữa. Không ngờ mỏi quá, chị thiu thiu chợp mắt, rồi ngủ đi mất.

Trong lúc mơ màng, thình lình chị thấy như có người nào sờ tay vào ngực. Giật mình, chị tỉnh dậy. Ngọn đèn hoa kỳ đã tắt lúc nào, cánh cửa khép kín, trong phòng tối om. Hoảng hốt chị nắm cái bàn tay ấy và giật giọng hỏi:

– Ai đấy?

Mang tai chị thấy hơi rầm rầm như bị những sợi râu ngắn quét vào rồi thấy có tiếng thì thào:

– Taào! Taào đây! Cụ... đây! Nằm im!

– Bẩm cụ chúng con là phận tôi tớ...

– Nói khẽ chứ, *tắt đèn* nhà ngói như nhà tranh. Tao không cần gì cái đó.

Buông tay, chị vội choàng dậy, mở cửa cháy té ra sân.

Trời tối như mực và như cái tiền đồ của chị.

Trích đăng một chương trên báo
Tương lai 1936, nhan đề: *Một ổ chó*
và một đứa con; đăng trọn trên báo
Việt nữ, 1937; Mai Lĩnh xuất bản 1939.
In lại theo *Ngô Tất Tố – tác phẩm*, Phan
Cự Đệ biên soạn, Văn học xuất bản, 1977.

LỀU CHÕNG

"Ngày nay nghe đến hai tiếng "Lều" "Chõng" có lẽ nhiều người sẽ lấy làm lạ vì những vật ấy từ biệt chúng ta mà đi đến chỗ mất tích đã gần ba chục năm nay.

Nhưng mà trước hơn hai chục năm đi ngược trở lên, cho đến hơn một nghìn năm, "Lều" "Chõng" vẫn làm chủ vận mệnh của giang sơn cũ kỹ mà người ta vẫn khoe là "bốn nghìn năm văn hiến".

Những ông ngồi trong miếu đường làm rường làm cột cho nước nhà, những ông ở nơi tuyền thạch, làm khuôn làm mẫu cho đạo đức phong hóa, đều ở trong đám "Lều chõng" mà ra.

Liều chõng với nước Việt Nam – không khác một ông tạo vật, đã chế tạo đủ các hạng người hữu dụng hoặc vô dụng. Chính nó đã làm cho nước Việt Nam trở nên một nước có văn hóa, rồi lại chính nó đã đưa nước Việt Nam đến cõi diệt vong. Vì nó, nước Việt Nam trong một thời kỳ rất dài đã hiện ra nhiều cảnh tượng kỳ quái, có thể khiến cho người ta phải cười phải khóc, phải rùng rợn hồi hộp".

Ngô Tất Tố

Thời vụ số 109, ra ngày 10-3-1939

I

Gần nửa tháng rồi, trong làng Văn Khoa, lúc nào cũng náo nức, rộn rịp như sắp kéo hội.

Đình Trung, điếm sở cũng như quán nước hàng quà, chỉ làm chỗ hội họp của các ông già, bà già và những cây gậy trúc mũi sắt, những gói trầu cau lớn bằng cái đấu.

Chuyện mới, chuyện cũ luôn luôn theo những bãi cốt trầu, những làn khói thuốc đồng thời tuôn ra và nổ như bỏng rang.

Ông này nhắc làng mình thật được hướng đình. Ông kia đoán họ Trần kết ngôi mộ tổ. Bà này bảo cụ đồ phúc đức hiền hậu, chịu khó

lễ các đền chùa. Bà kia khen cô nghè tốt nết, đủ điều, biết phân biệt kẻ trên người dưới.

Cái hoa gạo nở đầu tháng giêng đã được tán là điềm tốt. Con khanh khách kêu trên các đình giữa ngày khai hạ, cũng được tôn làm tin mừng.

Câu chuyện tuy chỉ quanh quẩn có thế, nhưng sự nô nức đã bắt người ta cứ phải chiếu đi chiếu lại, bàn tán hết ngày ấy sang ngày khác, đầu làng cuối làng, thường có những tiếng cười nói rầm rầm.

Hôm nay lại càng tấp nập hơn nữa.

Từ lúc mới sáng rõ, một hồi mõ đã tiếp tiếng vang của ba hồi trống cái khua động góc trời trên đình.

Với chiếc dải lưng lụa đỏ bỏ múi sang cạnh sườn, lý trưởng không khác phó lý, trương tuần, tung tăng vác tay thước chạy nháo từ đình đến điếm.

Giữa một hồi ti u của những tiếng hiệu ốc đi đôi với dịp hiệu sừng, người ở các xóm kéo ra tíu tít.

Chỗ này vài chục đàn ông đi với mai, thuổng, xẻng, cuốc, gậy nạng và câu liêm; chỗ kia mươi người đàn bà và những quang, thúng sảo, sọt lủng lẳng dưới đầu đòn gánh.

Một toán lại một toán.

Một lũ lại một lũ.

Ống quần bẳn trên đầu gối, gấu váy kéo lên đến nửa bụng chân, các toán, các lũ lần lượt tiến vào sân đình.

Một bầu ồn ào chiếm cả khu đình và điếm.

Mặt trời từ trên ngọn tre xuyên sang mái đình tưng bừng đón tiếng chào của đàn chim sẻ. Ánh sáng lóng lánh chiếu trên núm quả dành của đôi đồng trụ cửa đình.

Cái ồn ào mỗi lúc mỗi lớn.

Chĩnh nước chè khô đã bị mấy chục bát đàn vục cạn. Hai thùng cau khô để đó dần dần biến thành đống bã trầu tàn. Hết thảy các toán, các lũ nhất tề đứng dậy. Như một đạo quân ra trận, mấy trăm con người rầm rập kéo lên đầu làng và vui vẻ tiến thẳng đến đoạn đường cùng tận địa giới.

Theo mệnh lệnh của ông lý, ông phó, ông trưởng, dân phu bắt đầu sang sửa từ đầu địa phận trở về.

Các bầu tát nước đều được bồi đắp phẳng phiu.

Những đám cỏ gấu ven đường đều bị giẫy sạch và hắt xuống ruộng.

Người ta cắt hết những cây vẩy ốc bám ở ven thành.

Người ta "giật" hết những cái ánh tre khum khum rủ trên đường cái.

Người ta quét cho hết những đống cẫn rác kinh niên bừa bãi khắp các đầu ngõ ven đường.

Hương lý vẫn thúc giục vồn vã.

Tù và vẫn rúc từng hồi dài từ xóm nọ đến xóm kia.

Nắng dần dần gắt thêm.

Trời dần dần nóng thêm.

Mấy trăm bộ mặt đỏ như đồng tụ mồ hôi đổ ra bóng nhoáng. Nhưng cái oi bức của tiết đầu hạ vẫn không ngăn nổi sự nô nức của đám người làm việc hết lòng.

Gần đến nửa buổi, bao nhiêu khúc đường khấp khểnh, gồ ghề đều trở nên những dải đất óng nuột như tấm lụa mới. Những tiếng cười nói vui như ngày tết, lại đưa các toán, các lũ dân phu lần lượt trở về sân đình.

Một tuần trầu nước vừa tàn, Lý trưởng đứng trên thềm đình dõng dạc nói xuống:

– Trưa lắm rồi! Xin "chạ" [1] đi rửa chân tay và cất đồ đạc. Rồi "chạ" đến luôn nhà quan tân khoa, để còn làm rạp, kê phản, sắp sửa đĩa bát mâm nồi, kẻo nữa không kịp!

Một buổi ồn ào dồn dập trong đám đông, đàn ông, đàn bà, lẻ te ai về nhà nấy.

Trương tuần cắt lũ tuần phu canh cổng làng. Lý trưởng, phó lý và tất cả những hạng đàn anh lật đật kéo vào nhà ông nghè mới.

Ở đây, từ đầu cổng cho đến xó bếp, toàn là những vẻ vui mừng. Các ông, bà, cô, cậu trong quan họ đã họp tấp nập.

Trên chiếc ghế ngựa quang dầu kê ở gian giữa, cố ông bắt chân chữ "ngũ", ngồi bằng bộ điệu rất đắc ý.

Đầu dãy phản ở gian bên cạnh, ông trưởng họ Trần thong thả đưa chiếc quạt thước phẩy mấy chòm râu trắng xóa, bàn định các việc sẽ đến trong ngày mai.

---

1. *Chạ*: tiếng gọi chung những người dân không thuộc hạng chức sắc trong làng.

Ngoài sân, cố bà cũng như cô nghè, tất cả chạy ngược chạy xuôi, vừa sắp sửa các thứ đồ dùng, vừa cắt đặt việc này việc khác.

Sau mấy cái vái cung kính dâng khắp các cố ông, cố bà và các vị già lão, lý trưởng, phó lý và bọn trùm trưởng ghé ngồi vào hàng ghế cuối cùng.

Dân làng kéo đến mỗi lúc mỗi đông.

Từ nhà dưới đến nhà trên, kẻ đứng, người ngồi, lố nhố như một khu chợ.

Theo lời cắt cử của các vị tôn trưởng, những người "làm giúp" tới tấp đi tìm công việc.

Mượn mâm, mượn nồi, mượn bát đĩa và gánh nước đổ đầy các chum, các vại, đó là phận sự đàn bà.

Còn phe đàn ông thì chia ra làm hai ban: một ban chôn tre, dựng rạp, kê phản, kê ghế, sắp đặt các đồ bài trí, một ban nữa vào chuồng bắt lợn, làm gấp lấy mấy chục mâm dấm ghém để kịp làng xóm họ mạc ăn tạm bữa trưa.

Công việc bắt đầu túi bụi.

Tiếng người hò thét, tiếng mâm bát đụng nhau, hòa với tiếng lợn kêu í éc ngoài vườn làm thành cái vọng ầm ầm của một đình đám to lớn.

Hơi lửa trong bếp hợp với hơi người các nơi càng thêm tăng sức nóng của trời hè.

Đúng trưa, cỗ bàn làm xong, hai tòa rạp lớn cũng vừa lợp kín.

Những chiếc chiếu liền dài thườn thượt như lá cót đại lần lượt phủ kín các dãy giường phản từ trong nhà ra ngoài sân.

Hàng mấy chục mâm rau nộm thịt mỡ chất đầy ụ trong những bát đá đĩa đàn, la liệt đặt khắp các nhà các rạp.

– Xin mời bà con hãy đi xơi cơm kẻo đói. Các việc để đó, ăn xong rồi ta hãy làm.

Lời nói của ông trưởng họ Trần không kém tiếng hò của ông đại tướng đứng đầu ba quân, nó có sức mạnh khiến cho mọi người răm rắp đứng dậy.

Đàn ông với đàn ông, đàn bà với đàn bà, bốn một, tám hai, làng xóm họ mạc tự ý rủ nhau, tiện chiếu nào ngồi vào chiếu ấy.

Mâm này gọi rượu, mâm kia gọi cơm, rồi mấy mâm khác vấm

véo giục lấy nước chanh nước mắm. Lối đi chật hẹp trong mấy gian rạp thành chỗ chen nhau của người ra vào.

Giống như lớp tằm ăn rỗi, một loạt năm sáu chục mâm nhất tề nhấc chén cất đũa.

Mặt trời chênh chếch chiếu vào đầu rạp, các mâm chỉ còn bát không, đĩa không.

Bằng một giọng nói chững chạc, ông trưởng họ Trần tỏ ra người rất thạo việc:

– Xin mời bà con ăn trầu, uống nước, rồi thì ai vào việc ấy đi cho. Xem chừng công việc hãy còn nhiều lắm. Ta phải làm gấp mới được!

Bao nhiêu mâm cỗ ăn tàn lần lượt bị đưa xuống khu sân bếp. Để nhường các chiếu trong rạp cho những đĩa trầu cau khô và những đoàn ấm tay đựng nước chè xanh.

Tiệc trầu nước không đầy một khắc. Mọi người ồ ạt đứng lên.

Lúc này công việc càng rộn rịp.

Ở đằng sau nhà những người vật trâu bò reo ầm ĩ.

Ở trong rạp, có một đoàn dao thớt ký cốc băm thịt, băm xương.

Và ở trước sân, mấy chục chiếc chày huỳnh huych nện xuống đáy cối đá đại.

Một đám vàng vàng đỏ đỏ nghễu nghện từ nhà dưới tiến lên nhà trên. Đó là một thứ xôi gấc, xôi dành và xôi lá diễn đóng trong những chiếc "mâm dàng" sơn son.

Góp vào đó, mỗi mâm thêm cái sỏ lợn, hoặc cái "lăm" lợn, một nậm rượu và một đĩa trầu.

Ông trưởng họ Trần súng sính trong chiếc áo tế màu lam cung kính đi theo mấy mâm xôi thịt để thay mặt cố ông lễ yết các nơi đình, chùa, văn chỉ, và các nhà thờ đại tôn, tiểu tôn.

Vọng canh đầu cổng tùng tùng mấy tiếng trống báo.

Tiếp đến một tràng pháo nổ liên thanh.

Hai mâm cau tươi đưa hai ông bạn thân của cố ông đến mừng quan nghè.

Bằng một dáng bộ ung dung, cố ông từ trên ghế ngựa quang dầu khoan thai thò chân xuống đất. Ngài sẽ sàng xỏ chân vào giày và trịnh trọng bước ra đầu thềm. Rồi vái một vái gần sát mặt đất, cố ông cung kính mời mấy quý khách lên thẳng nhà trên.

Trống cái ngoài cổng lại điểm mấy tiếng giật giọng.

Một lũ cai tổng, phó tổng, lý dịch các xã trong tổng, lố nhố theo mấy bao chè sinh hậu và một hòm pháo bàn đào khúm núm tiến vào trong rạp.

Mấy ông quan họ còn đương vồn vã mời khách vào ghế, và mấy ông khách hàng tổng còn đương đưa đẩy nhường nhau ngồi trên, thì ở ngoài cổng lại có mấy tiếng trống cái báo hiệu.

Theo hình thế của đám rồng rắn, một bọn chừng bốn mươi người kéo dài từ cổng vào sân với chiếc khay vuông có để vài bức câu đối nhiễu đỏ.

Giờ này mà đi, trống báo luôn luôn không dứt, khách đến mỗi lúc mỗi nhiều. Bọn này ngồi chưa yên ghế, bọn khác đã rầm rập kéo vào. Mấy ông quan họ chuyên việc tiếp khách, ai nấy nhễ nhoại mồ hôi. Những cậu học trò bé con cuống cẳng chạy không kịp nước để khách dấp giọng.

Trên chiếc án trước thềm, chè, pháo, cau tươi chất đầy như quả non bộ. Liễn con công, câu đối vóc nhiễu, treo khắp vách các tường.

Những cỗ giò, nem, ninh, mọc kế tiếp nhau từ phía cỗ độ lên. Khách khứa lục đục vào tiệc. Bọn nào đến trước ăn trước, bọn nào đến sau ăn sau. Mâm này bưng ra, mâm kia bưng vào. Trong rạp cũng như trong nhà, không lúc nào không có vài mâm ăn uống.

Trời gần tối. Khách đã hơi vãn. Hồi trống thu không của điếm canh vừa tan, những cây bạch lạp, những quả đèn lồng, những đĩa dầu trong các quang tre lần lượt theo nhau bắt lửa. Ngoài sân trong rạp ánh sáng rực rỡ như ban ngày.

Ông trưởng họ Trần cởi tấm áo lam trao cho người nhà cất đi rồi gọi lý trưởng, phó lý đến hỏi:

– Thế nào, những đồ hành ngơi ngày mai, các thày sắp sửa đủ chưa?

Lý trưởng nhanh nhảu:

– Trình cụ, chúng con sắm sửa đâu đấy cả rồi.

Phó lý lễ phép nói thêm:

– Trình cụ, còn thiếu hai cái cán cờ tứ linh, vì bị mọt gẫy chúng con đã tìm đôi sào phơi dùng tạm.

– Những ai đi rước? Cắt cử xong chưa?

– Bẩm đã! Tất cả hơn một trăm suất, toàn là người làng, chúng con không dám cắt đến ông nào trong quan họ.

Ông trưởng họ Trần hơi cau lông mày:

– Cái đó là lẽ tất nhiên. Việc khác, dân làng cũng không được phép cắt người quan họ đi rước, huống chi việc này... Thế các thày có dặn những người vào việc phải ăn mặc cho tử tế không?

– Bẩm có! Chúng con đã bắt dân làng đều mặc áo đỏ và thắt dải lưng màu xanh. Ai không có sẵn thì phải đi mượn.

Ông trưởng họ Trần ra bộ vừa ý:

– Ừ! Phải cho trang trọng một chút mới được... Còn có hàng tổng hàng huyện trông vào. Không nên cẩu thả để cho người ta chê cười làng mình.

Một người tuần phu ở cổng đi vào, chắp tay đến đứng dưới thềm:

– Trình cụ, phường chèo đã đến.

Ông trưởng họ Trần ngẫm nghĩ giây lát:

– Ra bảo chúng nó cứ ngồi ngoài ấy. Lúc nào có người ra gọi sẽ vào.

Rồi, chỉ ra tay thẳng gian rạp chính giữa, ông ấy nhìn mặt lý trưởng, phó lý:

– Bây giờ, công việc đã thư, các thày hãy sai đứa nào thu xếp chỗ này, để cho phường chèo vào hát một lúc.

Lý trưởng, phó lý sung sướng như lính lệ được chuyên sai, họ dạ một tiếng rất gọn và cùng đem lệnh của ông trưởng quan họ xuống nẻo nhà dưới loan báo cho bọn trai làng.

Qua một hồi dọn dẹp, kê cúng, gian rạp chính giữa nghiễm nhiên thành một sân khấu lâm thời.

Trống chầu trên thềm thủng thẳng điểm bốn, năm tiếng.

Chừng hơn mười người phường chèo theo đuôi hòm vuông lố nhố tiến vào.

Trẻ con đua nhau hò reo. Trong rạp ồn ào như đám vỡ chợ.

Sau khi mấy bộ quần áo đã vắt lên sợi dây thừng chăng suốt hai chiếc cột rạp, để ngăn cho nửa gian rạp thành một căn buồng, hộp phấn, hộp son và những mũ bạc, mũ vàng, mũ lông công, mũ cánh chuồn, la liệt bày ra nắp hòm, mặt án.

Trống rung. Mõ điểm nhát gừng. Phèng phèng, chũm chọe đồng thời nổi lên.

Trò bắt đầu diễn.

Trước rạp, sau rạp và hai bên rạp, người đứng chật như nêm cối.

Hết một hồi trống dạo trò, cả đám đều im phăng phắc để nhìn bộ miệng người kép giáo đầu đương mấp máy ở sau một chiếc quạt giấy.

Đánh sạt một cái, cái quạt bị cúp hẳn lại, người kép lấy hết gân mặt, gân cổ, gân môi để ngân cho giọng thật dài:

– *Nhớ thuở xưa tích cũ, có một chàng tên gọi Lưu Bình...*

Mọi người xôn xao bảo nhau:

– À họ làm trò "Tây Dương nghĩa phụ".

Đêm càng khuya, trò càng xô xát, khán giả càng nô nức. Người ta vỗ tay, cười reo khi nghe anh hề cắt nghĩa "đại phong" là lọ tương. Và người ta tỏ vẻ ái ngại thương xót, khi thấy Lưu Bình lắc đầu nhăn mặt trước bát cơm thiu và quả cà mốc của nhà Dương Lễ.

Nửa đêm, trò vừa hết vở. Khán giả ồn ào giải tán sau một trống tan trò. Ông trưởng họ Trần oai vệ ra lệnh cho bọn lý trưởng, phó lý:

– Bây giờ nửa giờ tý rồi, sang giờ sửu thì phải khởi hành... Các thày giục họ bưng mâm để chạ xơi rượu, không thì trễ quá.

II

Lại một lần nữa, ruột gan cô Thúy không kìm được sự hồi hộp. Và cái hồi hộp lần này, có lẽ còn mạnh hơn mấy lần trước nhiều lắm.

Trí nhớ của cô hãy còn in lại rành rành. Cách đây vừa đúng một năm, bấy giờ cô mới có mười chín tuổi. Cái đêm sắp sửa thắng quần thắng áo để đi làm người nội trợ cho cậu khóa Trần Đằng Long, tim cô đã bị một phen rung động.

Song mà lúc ấy cô chỉ tự thấy bẽn lẽn và cứ nghĩ quanh nghĩ quẩn những cảnh tượng đầu tiên và những câu nói thứ nhất của mình trong khi bắt đầu giáp mặt người bạn trăm năm. Thế mà thôi. Rồi đến hồi cuối tháng một năm ngoái khi được tin chồng đỗ cử nhân, bụng cô lại bị nôn nao lần nữa. Nhưng cái địa vị của một cô cử vẫn không thay đổi hoàn cảnh của một cô khóa, cho nên lúc này ở trong lòng cô chỉ có một sự sung sướng êm đềm, nó không bắt cô kích thích nhiều quá.

Lần này khác hẳn. Tuy cái quãng đường từ cô cử lên đến cô nghè, cũng không lạ hơn quãng đường từ cô khóa lên đến cô cử, nhưng cái khó nghĩ cho cô là cuộc vinh qui ngày mai.

Bởi vì từ thuở tấm bé đến giờ, chưa từng thấy người con gái nào được cái vinh hạnh như mình, và chưa được rõ cái quang cảnh ấy ra sao, cho nên óc cô cứ phải loanh quanh suy tính: "Không biết chốc nữa mình sẽ phải ngồi thế nào, phải đứng thế nào, và phải ặn nói thế nào cho đúng điệu bộ một bà tiến sĩ?" Hỏi mãi, cô vẫn không tìm được câu trả lời. Trống canh ngoài điếm chợt điểm ba tiếng như muốn báo để cô biết cái giờ lên đường sắp đến nơi rồi. Khêu rõ ngọn đèn trên quang, cô vội xổ đầu ra chải. Mái tóc mấy lần rẽ đi rẽ lại, mà khi ngó vào trong gương, đường ngôi trên trán vẫn chưa được ngay. Cô đương băn khoăn, muốn sửa thêm cho nó thật chỉnh, ngoài rạp vừa nổi hồi trống tan trò. Cố bà ở ngoài bước vào, giục cô sang phòng bên kia cùng ăn cơm tạm.

Theo lời mẹ chồng, cô vội bỏ gương, bỏ lược đi ra.

Sau khi điểm tâm bằng một đĩa xôi và hai bát chè, cô lại sang phòng bên này. Bổ cau, têm trầu, giở gói thuốc lá quấn vài chục điếu, rồi cô xếp cả vào cái tráp tròn sơn son, và thêm vào đó ít cánh hoa hồng hoa huệ.

Nhà dưới, làng xóm ăn uống đã xong. Ai nấy tấp nập đi lấy cán cờ, cán quạt và tìm đòn võng.

Trống ngực khi ấy lại càng đập mạnh, cô vội mở rương lấy hết mấy bộ quần áo mới ra thay. Quần cũng như áo, các cái đều vừa như in, chỉ tiếc đôi giày vân hài khí chật, làm cho hai bàn chân cô đều thừa một ngón chân út.

Ngoài rạp, chiêng, trống xen nhau thúc hết một hồi thứ nhất, cố ông, cố bà đã cho gọi cô ra đứng chờ sẵn trên thềm. Bốn chiếc võng đào, đòn cong, mui luyện cũng đã chực ở dưới sân. Đợi cho dứt hồi chiêng trống thứ hai, thì ba chiếc võng cũng hạ thấp xuống, cô và cố ông, cố bà mỗi người bước lên một võng. Chiêng trống điểm thêm một hồi và ba tiếng nữa, tức thì bốn đôi đèn lồng dẫn đường cho bốn chiếc võng từ từ tiến ra ngoài cổng. Cái võng bỏ không đi trước rồi đến võng cố ông, rồi đến võng của cố bà, rồi đến võng của cô nghè. Cuối cùng thì bọn trai làng khiêng vác cờ quạt tàn lọng.

Ra khỏi cổng nhà, chiêng trống lại im, lọng vẫn cụp, cờ vẫn cuốn, cả đám lần lần tiến trong bóng cây âm thầm. Nếu không có tiếng nói chuyện rầm rầm và mấy ngọn đèn le lói, có khi nhiều người sẽ ngờ là toán kỳ binh kéo đi đánh úp chỗ nào.

Tới đầu địa phận, xa trông trước mặt, thấy có bóng người lờ nhờ trong đám ánh lửa vàng vàng. Ai nấy đều biết ngay rằng: đó là những người hàng tổng cũng đi dự vào cuộc rước ấy.

Mấy người đàn anh trong bọn dân phu hàng tổng cung kính vái chào hai cố và bà nghè. Hai toán người liền nhập làm một, rồi cùng thẳng đường trẩy đi.

Lần này là lần đầu tiên trai làng Văn Khoa được làm những kẻ đồng hương với quan nghè, cho nên mỗi người đều nhận thấy mình vinh dự hơn hết những người các làng trong tổng. Họ tự coi họ là chủ, còn những người kia thì là những kẻ phục dịch.

Trời gần sáng. Trên đường đi đã rõ bóng người.

Trong bọn dân làng Văn Khoa, một ông vác cờ ngoảnh lại nhìn lũ hàng tổng, rồi mỉm cười và nói với người bên cạnh:

– Thảo nào người ta vẫn bảo: "Chưa đỗ ông nghè đã đe hàng tổng". Coi vậy!... đỗ đến ông nghè cũng có sướng thật. Cả tổng đều phải đi rước!

Đến ông vác lọng nối lời:

– Ấy là bây giờ đã giảm hơn xưa nhiều lắm... Hôm qua, tôi thấy cụ nói rằng: Ngày xưa trong đời nhà Lê nhà liếc gì đó, mỗi khi có một ông nghè mới đỗ, hàng tổng, hàng huyện, đều phải đem cờ đem quạt đến tận kẻ chợ mà đón. Nhưng từ năm Gia Long nguyên niên mà đi, kẻ chợ dời vào Thuận Hóa, người Bắc tới đó xa quá, các quan sợ làm phiền dân, cho nên chỉ bắt rước từ tỉnh nhà trở về mà thôi.

Rồi ông vác tàn nói xen:

– Phải rồi. Tôi cũng nghe nói thuở xưa ông nghè oai lắm. Hễ mà đỗ lên một cái thì là nội những ruộng đất trong tổng, muốn cắm chỗ nào cũng được. Chẳng những cắm đâu dân phải chịu đấy, mà lại còn được hàng huyện làm cổng, hàng tổng làm nhà cho nữa, thế mới sướng chứ!

Và ông cầm cờ vất lại:

– Có thế thật đấy. Tháng trước, khi được tin mừng ở kinh báo về, cô nghè có cho gọi tôi vào dọn nhà cửa, sân vườn. Gần trưa, các

cậu học trò về hết, cố ông bảo tôi lên thềm nhà học quạt nước. Lúc ấy, tôi thấy cô nói với cụ trưởng họ thế này: "Làng K.Q.Đ. ở cạnh đường xứ, chỗ gần sông Đuống, trước kia là đất làng Vân. Về sau có ông họ Đinh, – cố đã nói tên nhưng tôi quên mất – có ông họ Đinh ở K.Q.T. thi đỗ tiến sĩ, mới cắm lấy khu đất ấy làm dinh. Rồi thì những kẻ tôi tớ cũng theo đến đó mà ở. Dần dần thành ra một làng". Xem thế thì biết cái chuyện "hàng huyện làm cổng, hàng tổng làm nhà" mà trong phương ngôn đã nói là chuyện có thật...!

Cả tụi chép miệng ra ý tiếc rẻ:

– Hoài của! Nếu như lệ ấy còn đến ngày nay có lẽ chúng mình cũng được theo quan nghè để lập thêm làng Văn Khoa nữa.

Câu chuyện còn đương tiếp tục, bên đường chợt có dãy quán bán quà. Theo lời cố ông ở trên đưa xuống, hàng tổng đều được dừng lại tạm nghỉ.

Bước chân ra đi từ đầu canh ba đến giờ, bọn phu hàng tổng chừng đã thấy đói. Họ kéo ồ vào khắp các quán, kẻ có tiền ăn quà ăn bánh, kẻ không tiền thì giở cơm nắm ra chấm với muối vừng.

Lúc ấy mặt trời đã lên độ hai con sào, trên đường, ngoài khách đi chợ, loáng thoáng có một vài bọn đi xem.

Bọn phu hàng tổng mỗi người vừa kịp uống một hớp nước, hút một điếu thuốc thì đã được lệnh cử bộ.

Chuyến này là lượt trở đi, chưa cần phải giữ nghi vệ. Người đi vẫn quãng thưa quãng mau, cờ quạt, tàn, lọng vẫn nghiêng ngả, ngả nghiêng, cái chổng đầu lên, cái chúc đầu xuống.

Vào khoảng nửa buổi thì tới cửa tỉnh.

Hàng phố lố nhố kéo nhau ra xem.

Ngày trước những ông nghè mới, sau khi ở kinh, lĩnh cờ biển về thẳng tỉnh nhà để vào lễ quan Tổng đốc, đều phải ra luôn nhà trọ, rồi thì làng tổng đến đó rước về.

Nhưng quan Tổng đốc bây giờ là bậc hiếu học, thấy ông tân khoa Trần Đằng Long trẻ tuổi linh lợi, ngài càng yêu mến, nên mới phá cách mà lưu ông ấy ở lại trong dinh và đã phi trát về huyện, sức các dân xã phải vào trong dinh Đốc bộ mà đón.

Theo lệnh ấy, võng, lọng, cờ quạt, cứ việc nghênh ngang tiến vào cửa thành.

Đến cổng dinh quan Tổng đốc, cố ông, cố bà, và cô nghè xuống võng đi bộ.

Giữa mấy tiếng báo rất hùng dũng của bọn lính canh trên chòi, một người đội tuần lật đật ở trong chạy ra. Cố ông cố bà và cô nghè sửa lại khăn áo cho thật tề chỉnh để theo hắn đi vào trong dinh. Làng tổng xúm lại từng tốp ngồi lê ngồi la ở các bãi cỏ ngoài dinh, kẻ ăn trầu, người hút thuốc vặt. Cờ quạt võng lọng, dựa ở bên tường ngổn ngang.

Nửa giờ sau, giữa lúc dân phu đương vây quanh chĩnh nước chè tươi, và chiếc điếu cày, thình lình mấy ông bô lão đều quay vào phía cửa dinh, ai nấy cong lưng vái một vái cực kỳ trịnh trọng.

Quan nghè đã đi với cố ông ở trong dinh ra. Cả bọn hàng tổng răm rắp đứng lên, ai vào công việc của người nấy.

Bốn chiếc đòn võng ghếch đầu ven tường cũng như số nhiều cờ quạt, tàn, lọng, đều được nhấc ra một cách vội vàng.

Các võng đều chế theo kiểu bát cống, mỗi cái phải tám người khiêng.

Với chiếc nón dấu đội đầu và bộ áo xanh nẹp đỏ, phủ tấm ban kiên màu đỏ, tất cả ba mươi hai người phu võng nhất tề đỡ tay vào các đầu đòn để hạ cho mấy chiếc võng thấp gần mặt đất.

Giống những ông nghè bằng giấy mà hàng năm đến rằm tháng tám, người ta vẫn thấy ở cỗ "trông trăng",[1] quan nghè đi ủng đen, mang xiêm xanh, bận áo thụng lam và đội mũ cánh chuồn lóng lánh những bông hoa bạc. Sau khi vị tân khoa ấy đã bệ vệ bước chân lên võng và ngồi chống tay vào chiếc gối xếp đặt ở đầu võng, cố ông, cố bà lần lượt trèo vào võng mình.

Sau rốt đến cô nghè.

Với hai gò má đỏ bừng như muốn biểu lộ một cái tâm trạng nửa mừng nửa thẹn, cô này nhìn trộm bộ điệu lên võng của chồng và của cha chồng, mẹ chồng. Rồi sè sẽ xếch cao hai ống quần lĩnh và rón rén cất cái gót của chiếc vân hài, cô ghé ngồi vào chỗ mép võng để co hai chân lên võng.

Mấy chục người nhất tề nâng các đòn võng lên vai và đứng im lặng chờ nghe hiệu lệnh.

---

1. Từ đây trở xuống, những đoạn in ngả là bổ sung theo văn bản đăng báo *Thời Vụ* năm 1939. Những đoạn đó bị kiểm duyệt Pháp bỏ khi in thành sách.

Đám rước lúc ấy bắt đầu sắp thành hàng ngũ.

Đầu quân là lá cờ đỏ có thêu bốn chữ "nhất giáp tiến sĩ".

Rồi đến bốn chiếc lọng vàng nghiêng đầu vào nhau che cho mấy chữ "ân tứ vinh qui" đề giữa tấm biển sơn son chung quanh có phủ lớp riềm nhiễu đỏ.

Rồi đến một chiếc trống đánh đu dưới cây đòn gỗ bắc dọc trên vai hai người dân phu.

Kề đó, ông thủ hiệu trống luôn luôn tỏ vẻ oai vệ bằng bộ mũ tế, áo tế, cái dùi trống chênh chếch gục đầu vào ngực và đôi hia đen súng sính dưới hai ống quần màu "dum".

Tiếp đó, bốn cậu bé con đứng ra bốn góc để chiếm lấy một khu đất vuông vắn như hình bàn cờ. Cả bốn, ai cũng như nấy: áo đỏ, dải lưng xanh, xà cạp màu xanh, tay trái chống vào cạnh sườn, tay phải vác lá cờ phất khuôn khổ vừa bằng vuông yếm.

Rồi đến ông cầm trống khẩu.

Rồi đến võng của quan nghè.

Đi kèm ở hai bên võng, hai người vác đôi lọng xanh chóp bạc, hững hờ giương ở cạnh mui võng. Và thêm vào đó, bên này một người vác chiếc quạt lông, bên kia, một ông lễ mễ cắp cái tráp sơn đen và xách một chiếc điếu ống xe trúc.

Sau võng, phấp phới năm lá cờ vuông, đủ cả năm sắc xanh, đỏ, vàng, trắng và tím. Đứng đúng như năm cái chấm ở mặt "ngũ" của con thò lò, năm ông vác cờ đi giầy tầu, mặc áo nhiễu điều, đội mũ đuôi én, và đều khuỳnh tròn hai tay để giữ lấy cây cán cờ cắm trên chiếc cối gỗ đeo ở trước bụng.

Rồi đến ông cầm kiểng đồng.

Rồi đến võng của bà nghè.

Bằng tấm áo lụa màu hồng điều và vòng khăn nhiễu màu cánh chả vấn kiểu vành dây, hai người con gái rón rén theo hầu cạnh võng để vác cây quạt lá vả và bưng cái quả sơn son.

Cũng như võng của quan nghè, võng của bà nghè cũng được hộ vệ bằng đôi lọng xanh, chỉ kém có cái chóp bạc.

Rồi đến võng của cố ông.

Rồi đến võng của cố bà.

Rồi đến mấy ông bô lão khúm núm trong những tấm áo thụng màu lam.

Rồi đến các thứ kèn trống đàn sáo.

Rồi đến một dãy chừng bốn, năm chục lá cờ sắp theo hàng một, cái nọ cách cái kia độ vài ba thước.

Cuối cùng thì là hai người khiêng chiêng.

Ông thủ hiệu chiêng phục sức và điệu bộ không khác ông thủ hiệu trống, cũng áo tế, cũng mũ tế, cũng đôi hia đen, và chiếc dùi dứa luôn luôn múa ở cửa tay áo thụng.

Với chiếc loa đồng vác vai, lý trưởng Văn Khoa và nhiều chức dịch hàng tổng tung tăng chạy từ đầu nọ đến đầu kia, để làm cho hết phận sự những người dẹp đám.

Sau ba hồi trống cái gióng nhau với những tiếng chiêng bu bu, tiếp đến một hồi trống khẩu đi đôi với hồi kiểng đồng, đám rước lục tục theo con đường cũ đi ra, đàn sáo kèn nhị nổi lên inh ỏi.

Ra khỏi cổng thành độ vài chục bước, ông thủ hiệu trống thình lình thúc ba tiếng trống díp nhau, để ra hiệu cho hết mọi người đều phải đứng lại. Rồi thì một tay chống thẳng vào sườn, người "giữ hiệu lệnh của đám rước" đó khoan thai lui xuống năm bước. Và dang hai chân theo hình chữ "bát", ông ấy múa chiếc dùi trống tiến lên năm bước để nện luôn vào mặt trống mấy tiếng tùng tùng.

Dứt hồi tùng tùng thứ nhất, bốn cậu bé con cầm bốn lá cờ phất đồng thời quay mình đánh thót và cùng chầu mặt vào nhau. Sau hồi tùng tùng thứ hai, cả bấy nhiêu cậu nhất tề múa tít lá cờ trong tay để chạy cho hết chiều ngang của mặt đường cái, người ở bên tả xông sang phía hữu, người ở bên hữu xông sang phía tả. Luôn hồi tùng tùng thứ ba, các cậu lại đều quay tròn ngọn cờ và răm rắp lui về chỗ cũ. Đến hồi tùng tùng thứ tư, cờ lại múa, bốn cậu lại cùng bước vào giữa đường. Rồi ai nấy đều cúi đầu xuống để phất lá cờ qua mặt và hứ một tiếng thật dài... Thế rồi, mỗi một trống tùng là một cái phất cờ, và mỗi cái phất cờ lại một tiếng "hứ". Vừa đủ bốn lượt "tùng hứ", ông thủ hiệu trống dõng dạc điểm thưa dùi trống để ra lệnh cho các cậu đó lùi lại chỗ đứng lúc nãy và quay mặt nhìn lên tiền quân.

Chiêng trống lại thủng thẳng đánh từng tiếng một, đám rước lại lần lần tiến lên.

Đi hết con đường trong tỉnh mặt trời vừa lên đến thẳng đỉnh đầu. Cả một khu vực mông mênh của bầu trời đều bị nhuộm thành màu vàng chói. Người đi trên đường luôn luôn ngửi thấy mùi khét. Cờ vuông, cờ chéo, hết thảy rũ rượi như lũ ấp mồ. Dân phu hàng tổng ai nấy sắc mặt đỏ gay, mồ hôi thấm ra ngoài áo.

Chừng đã khó chịu với sự nóng nực, mấy người đi đầu sè sẽ giục nhau bước rảo cho chóng đến nhà. Nhưng ông thủ hiệu trống cố muốn kéo cho công việc của mình thêm dài, chốc chốc lại tiến ngũ bộ, thoái ngũ bộ, dang cánh tay múa dùi, nháy trống, để diễn một trận "tùng hứ", làm cho cả đám đều phải dừng lại.

Trời cứ nắng, chiêng trống cứ tùng tùng, bu bu..., đàn sáo kèn nhị cứ thi nhau xuống chìm lên bổng.

Thiên hạ đi xem đông như nước chảy. Nón sơn chen với nón lá, yếm đỏ lấp ló trong đám áo the. Người ta lội bì bõm dưới ruộng lúa chiêm và người ta leo tót vót lên các cành đa, cành gạo. Thân đường chật hẹp không đủ chỗ chứa. Đằng đầu cũng như đằng cuối, chen chúc những người là người. Cờ quạt võng lọng đều phải ùn lại như một toán quân bị hãm.

Lý trưởng Văn Khoa hùng dũng kề loa vào miệng:

– Bớ hai bên hàng xứ! Dẹp ra để quan lớn tr... ẩy!

Tiếng "trẩy" như bị dính ở miệng loa. Nó đã xoắn lại như vành trôn ốc và kéo dài ra như một sợi thừng. Đít loa "ngoáy" tròn độ năm sáu vòng, vẫn chưa tống cho đi hết dư hưởng của nó. Những người đứng gần đều phải chối tai. Cả một góc trời như bị xé toạc.

Hàng xứ vẫn đâu đóng đấy, hình như không ai nhúc nhích.

Ông lý của làng quan nghè lại phải trợn mắt phùng mang để "bớ hàng xứ" lần nữa.

Cũng vẫn thế. Đường đi cứ bị ngăn cản như thường.

Mấy ông tuần phu liền xắn tay áo chạy suốt hai bên dọc đường, và sẵn roi mây trong tay, họ vụt túi bụi một lượt.

Đám đông tức thì dồn dập như một lớp sóng. Người nọ xô người kia, cố cướp lấy đường mà chạy. Bà già, trẻ con ngã xấp ngã ngửa các bờ ruộng.

Mặt trời chênh chếch về tây. Đường về đã hết chừng hai phần ba. Vòm trời thỉnh thoảng điểm có bóng râm. Ánh nắng dần dần

dịu. Tiếp đó, một trận gió nồm từ dưới đồng chiêm nhẹ nhàng đưa lên. Cả đám đều tỉnh người ra. Những con rồng phượng trong các cờ quạt hết thảy lồng lộng múa nhảy như muốn theo tiếng đàn sáo cùng bay lên tít mây xanh.

– Ô kìa ông nghè.

– Ô kìa bà nghè.

Tiếng reo giật giọng thình lình bật lên giữa hồi chiêng trống vang lừng. Trăm nghìn con mắt đổ dồn vào đám lọng xanh đi trước.

Mấy bức mành mành cánh sáo đã quấn lên sát mui võng lúc nào. Thiên hạ được dịp xem mặt cả nhà quan nghè. Ít kẻ nói đến cố ông, cố bà. Người ta chăm chú nhìn vào nghè nhiều nhất.

Trước sự chỉ trỏ của hàng xứ, cô nghè vẫn ra vẻ e lệ sượng sùng, tuy trong bụng cô đã cảm thấy sự vinh dự cực điểm.

Luôn luôn cô phải nhai trầu phúng phính, vì sợ để cái mồm không dễ hóa ra người vô duyên.Và, luôn luôn cô phải cầm gương lên soi, vì sợ cốt trầu chảy ra ngoài mép. Có lúc muốn tỏ ra bộ chín chắn, cô giả vờ ngắm những cành hồng con bướm trong chiếc quạt tầu. Rồi có lúc muốn làm ra người nhanh nhẩu, cô lại đưa mắt nhìn ngược nhìn xuôi, nhìn từ con cò bay trên lưng trời, nhìn đến con trâu ăn cỏ ở dưới bờ lúa.

Hai gối ngồi xếp tè he đã mỏi, nhiều lúc đã thấy chuột bó, nhưng cô không dám duỗi ra, e rằng duỗi dài hai chân, không phải bộ điệu của người sang trọng.

Cái bụng dưới nhịn đái lâu quá nó đã phát tức anh ách. Mấy lần cô toan bảo phu hạ võng để mình đi đái, nhưng rồi cô đều phải thôi. Bởi vì cô không biết rằng: Bà nghè theo chồng vinh qui có thể xuống võng đi đái được không. Và cô lại còn sợ rằng: trong đám người xem đông nghịt thế này, thì đứng vào đâu? Không lẽ việc ấy cũng bắt hàng tổng dẹp chỗ...

Bóng xế chiều.

Nắng nhạt dần.

Trên đường đã thấy hơi mát. Người đi xem lại càng đông thêm.

Đoàn võng lọng của hai vợ chồng ông nghè vừa qua một quãng ngã tư, thì ở cạnh đường bỗng có tiếng kêu tru tréo:

– Chị làm sao thế? Chị Ngọc! Chị làm sao thế? Chị Ngọc! Ối trời ơi! Ối các ông, các bà ơi! Cứu chị tôi với! Chị tôi làm sao thế này!

Tiếng kêu cấp bách phát ra một cách thình lình, làm cho chiêng trống đàn sáo tự nhiên im bặt, cả người đi rước lẫn người đi xem tự nhiên đứng lại. Một người con gái trạc hai mươi tuổi đương nằm sóng sượt trên bãi cỏ của con đường ngang, đầu tóc rũ rượi, hai mắt nhắm nghiền, bọt mép đùn ra trắng xóa. Và một người nữa, cũng con gái, tuổi chừng mười lăm, mười sáu trở về, đương ôm lấy đầu người này vừa lay vừa kêu. Rồi ở cạnh đó, đôi thúng lồ và đôi tay nải lổng chổng lăn xuống vệ đường.

Những người ở gần cuống quít xúm lại cấp cứu, kẻ rằng nâng cô ấy dậy, người bảo cứ để cô ấy nằm yên. Mấy bà lão già vấm véo giục nhau đái ra bàn tay lấy nước xoa vào mặt và đổ vào miệng cô gái phải cảm.

Cô gái phải cảm vẫn bất tỉnh nhân sự. Tiếng gọi chị và tiếng kêu cứu của người em vẫn mỗi lúc một thêm luống cuống, hình như đầu lưỡi đã bị líu lại.

Lúc ấy cô nghè và cố ông cố bà tuy có dừng võng nhìn ra, nhưng ai nấy đều giữ bộ mặt thản nhiên. Riêng có quan nghè xem ý hơi thấy cảm động, ngài gọi lý trưởng Văn Khoa đến cạnh mà hỏi:

– Có phải cô Ngọc vẫn bán giấy bút và các đồ vặt ở chợ Tổng đấy không?

Lý trưởng lễ phép:

– Bẩm phải.

Quan nghè chỉ tay ra nẻo cây đa cạnh đường và tiếp:

– Thày chạy đến bảo mấy mụ đàn bà làm phúc cùng vực cô ấy vào chỗ có bóng mát kia! Ai lại để cho người ta nằm phơi dưới nắng như vậy? Tội nghiệp!

Trống lại thúc. Chiêng lại khua. Đàn sáo lại đua nhau réo rắt.

Đám rước lần lần tiến về đường làng Văn Khoa, con đường đã được cả làng trau chuốt từ sáng hôm qua và đã nằm chờ quan nghè một đêm và một ngày rưỡi.

III

Đêm qua, trời lại nực hơn mấy đêm trước, Vân Hạc không thể ngồi yên xem sách. Với một chiếc gối và một chiếc chiếu, chàng lủng củng đổi chỗ khắp cả khu vực trong nhà để tìm một nơi mát mẻ. Nhưng trong bầu

nung nấu của trời tháng năm đâu cũng như đâu, ngọn cây, ngọn cối đều đứng chăm chắm, không đâu có một tí gió. Ở thềm ra sân, ở sân ở vườn, rồi ở vườn ra bờ ao, mỗi chỗ, chàng chỉ trải chiếu nằm được giây lát, liền thấy hơi nóng như ở gầm chiếu bốc lên, lại phải cuốn chiếu cắp gối chạy đi nơi khác, y như một người hóa dại.

Mãi đến "gà gáy thứ hai", trời mới hơi dịu, ngoài sân, ngoài vườn, hơi sương tỏa ra mù mù, chàng bèn vào buồng học, ngả lưng trên một chiếc ghế ngựa, thiu thiu nhắm mắt. Mới chợp đi được một lúc, thì một tiếng kẹt cửa đã làm cho chàng tỉnh dậy.

Trời vừa sáng rõ.

Mấy con chim sẻ ríu rít kêu trên giàn hoa.

Cánh cửa mở to, một cậu học trò và chiếc nón son úp ở sau lưng theo chân thằng nhỏ, khép nép bước đến trước án thư, vái một vái, rồi đặt một chiếc phong bì lên án:

– Thưa bác, thầy con sai con trình bác cái thư.

Cậu ấy lui ra, khoanh tay đứng tựa vào cửa.

Sau một cái ngáp thật dài, chàng oằn oài ngồi dậy bằng một bộ điệu mệt nhọc. Rồi chàng cầm lấy phong thư và mở ra đọc:

"Trình trước văn kỷ anh Đào Vân Hạc.

Độ này chắc anh để hết thì giờ vào việc "quyết khoa", cho nên sao nhãng cả tình bè bạn.

Hơn một tháng nay, không được gặp anh, cỗ kiệu đã mốc, bàn cờ đã bị cát bụi phủ đầy. Tôi vẫn khao khát tôn nhan, như lúc nắng cạn khao khát trận mưa rào vậy.

Nay nhân dậy sớm, ra thăm vườn hoa thấy một giò lan bạch ngọc mới nở, sự khao khát ấy lại càng bồn chồn.

Vậy xin anh hãy phí một chút quang âm, tạm dời gót ngọc đến túp lều tranh; ta cùng xem hoa nở, nghe chim hót, để tiêu ngày dài của mùa hè.

Tôi đương quét lối "hoa rụng" đợi anh, mong rằng anh đến ngay cho.

Hoa sen đương nở, kính chúc văn an. Còn nhiều chuyện khác, để lúc gặp nhau sẽ nói.

Sao Tuế ở ngôi Quý Dậu, trước tiết Hạ chí năm ngày". [1]

Đệ Nguyễn Khắc Mẫn

Bái thư

---

1. Thư này nguyên văn bằng chữ Hán. Tiếc rằng dịch ra quốc âm chưa được hết nghĩa, bạn đọc lượng cho (chú thích của tác giả).

Đọc xong, chàng để mảnh thư xuống án mỉm cười và nhìn vào mặt cậu học trò kia:

– Cháu về thưa với thày rằng: bác bảo cho người mua rượu và làm đồ chén ngay đi. Bác sẽ sang sau.

Dạ một tiếng rất lễ phép, cậu học trò ấy lại vái Vân Hạc một vái rồi ra.

Vân Hạc đứng dậy ra sân, chàng vừa múc nước rửa mặt vừa lẩm bẩm nghĩ thầm: "Hôm nay anh chàng tự nhiên cao hứng thế này, chắc có việc gì quan hệ. Ta phải sang ngay kẻo hắn mong đợi".

Rồi chàng lững thững trở vào buồng học sắm sửa khăn áo.

Thằng nhỏ lệch kệch đệ lên án thư bộ khay chén và ấm nước sôi, đặt trên mảnh gỗ có chuôi như cái bê đựng vôi của thợ nề.

Chàng vừa pha nước và lẩm bẩm đoán thử câu chuyện chốc nữa Khắc Mẫn sẽ nói với mình. Nhưng mà không sao đoán được. Là vì từ trước đến giờ, ở giữa hai người không việc gì có thể dùng làm manh mối cho sự suy nghĩ.

Uống tàn ấm nước, chàng liền cắp nón ra cổng.

Ngoài đồng, người làm đã đông. Trên các ruộng nước đục, lổm chổm những mô đất cày, trâu bò đương gò lưng tôm kéo bừa theo hiệu lệnh hùng dũng của tiếng "vật diệt".

Mặt trời lên khỏi ngọn tre, chàng mới đến làng Bình Khê, chỗ dạy học của Nguyễn Khắc Mẫn, cái làng chỉ cách chỗ ở của chàng độ một thôi đường.

Lớp học buổi sáng chưa xong, trong nhà Khắc Mẫn tiếng ê a vẫn còn ầm ĩ.

Chàng vừa bước vào khỏi cổng, Khắc Mẫn lật đật đứng dậy đón chào bằng dáng điệu vồ vập và đon đả.

Những tiếng ê a trong nhà tự nhiên im bặt. Một lũ học trò lố nhố đứng dậy với những khóm hồng mao ngất nghểu trên đầu. Rồi cậu nào cậu ấy chắp tay vái như bổ củi:

– Lạy bác ạ!

– Lạy bác ạ!

Gần hai chục tiếng "Lạy bác" lao xao theo nhau thành một dây dài, khiến cho Vân Hạc lia lịa gật đầu không kịp. Chàng phải xua tay ngăn lại:

– Các cậu cứ ngồi yên mà học.

Cả bọn học trò lần lượt ngồi xuống. Rồi thì những tiếng ê a thi nhau nổi lên.

Khắc Mẫn vui vẻ mời Vân Hạc ngồi vào phản chính giữa, cái phản cao nhất các phản trong nhà. Thày sẽ sàng mở nắp giỏ, rót một chén nước chè nụ đưa đến trước mặt Vân Hạc. Mùi hoa sói theo làn khói nước bay lên ngạt ngào.

Khắc Mẫn vừa cười tủm tỉm vừa hỏi:

– Đêm qua huynh ông đã đi hát nhà trò, thế mà không rủ tiểu đệ đi với?

Với Khắc Mẫn, Vân Hạc tuy kém đến hai chục tuổi, nhưng vẫn được nhận là bạn vong niên, cho nên mỗi lúc nói chuyện, hết sức suồng sã, không cần phải giữ ý tứ. Hai người thường vẫn gọi nhau là anh, có khi đến mày tao nữa. Lần này thấy Khắc Mẫn tự nhiên tôn mình là huynh ông. Vân Hạc không khỏi ngạc nhiên, song chàng cũng cứ làm lơ và vẫn trả lời như lối mọi ngày:

– Ai bảo anh thế?

Khắc Mẫn ra bộ đắc ý:

– Nếu không đi hát, làm sao huynh ông ngủ đến bạch nhật chưa dậy?

Vân Hạc chừng không chịu nổi cái lối kiểu cách của bạn, chàng nói nửa thật nửa bỡn:

– Nếu anh không vứt hai tiếng huynh ông vào lọ mắm thối của anh, thì tôi đứng dậy lập tức, không thèm nói với anh một câu nào nữa.

Khắc Mẫn bèn cười khì khì:

– Thế thì đêm qua anh đi hát với những thằng nào, phải thú tội ngay đi đã!

Vân Hạc uống cạn chén nước rồi đáp:

Chẳng đi hát với thằng nào cả. Vì lúc chập tối nực quá, mãi đến gần sáng mới ngủ, cho nên dậy trưa. Anh bảo đương lúc trời nắng như nung thế này, ai có động dại mà chui đầu vào nhà trò.

Khắc Mẫn vẫn cười giòn giã:

– Té ra anh bị ngờ oan. Thế mà từ nãy đến giờ, tôi cứ oán anh đi chơi không rủ anh em.

Một cậu học trò cắp sách đứng lên với đôi ống mũi thập thò bò xuống gần miệng, song song đo nhau như đôi ngà voi. Khép nép tựa lưng vào tấm cánh cửa, cậu ấy nói bằng tiếng mũi:

– Thưa thày xin đọc!

Khắc Mẫn sẽ giương đôi mắt:

– Hãy đi hỉ mũi đi đã! Có một bài học, đọc đi đọc lại mấy lần không trơn. Ngày mai mà còn thế nữa, thì mày chết đòn!

Hình như sợ rằng bước đi chỗ khác, mấy chữ trong bụng sẽ bị rơi mất, cậu ấy liền giơ tay áo quệt ngang lỗ mũi, cho "ngòi mũi" nguệch sang một bên, rồi cất giọng ề à:

"Hỗn mang chi sơ,
Vị phân thiên địa.
Bàn Cổ thủ xuất.
Thủy phân âm dương..."

Vừa dứt hai tiếng "âm dương", cậu ấy sung sướng như đã trút được gánh nặng trên vai, liền kết một câu gọn tách:

– Thưa thày xin hết.

Rồi cậu ấy nhanh nhảu lui ra, nhường tấm cánh cửa cho một cậu khác tựa hồng mao vào. Sau khi đã chiếu lệ xin phép thầy đồ, cậu này đằng hắng ba tiếng để đưa ở cuống họng ra một "sâu" ngắc ngứ:

"Thiên tử trọng hiền hào,
Văn chương giáo nhĩ tào".

Nhai mãi hai chữ "nhĩ tào" đến bốn, năm lượt, cậu bé đáng thương vẫn không nghĩ ra được câu tiếp theo. Trước cái cau mày dữ dội của thày đồ, cậu đó như đã hết cả hồn vía, sắc mặt tự nhiên tái đi và cứ đứng im, không thể đọc nốt và cũng không dám cựa cậy, chẳng khác một pho tượng gỗ. Vân Hạc có ý thương hại con trẻ, muốn cho cậu ta được thoát ngọn roi thị oai của Khắc Mẫn, chàng vội nhắc:

– Đọc luôn đi chứ! "Vạn ban...!"

Giống như con ếch đớp cái hoa mướp, cậu đó mừng rỡ đớp lấy hai tiếng "vạn ban" và tiếp:

"Vạn ban giai hạ phẩm.
Duy hữu độc thư cao".

Và cũng thêm vào đó bốn tiếng "thưa thày xin hết" cậu bé đáng thương vui vẻ đi đến chỗ ngồi của mình.

Vân Hạc lẩm nhẩm nghĩ thầm: "Không hiểu vì sao người ta lại

cứ bắt tội trẻ con phải học những sách quái gở? Những đứa độ tám, chín tuổi, mới vỡ lòng được vài bốn tháng, còn biết đời "hỗn mang" là cái gì, kẻ "hiền hào" là người thế nào, vậy mà chúng nó cứ phải học cho thuộc lòng, thật là một sự khổ cho con trẻ".

Mối dây tư tưởng của chàng còn đương vẩn vơ, chợt thấy Khắc Mẫn quát lớn:

– Vẫn chưa đứa nào đi mài son à?

Một cậu học trò lễ phép tiến đến bên cạnh án thư, để bưng lấy chiếc nghiên son và đem ra sân. Rồi vục luôn đĩa son vào đám bèo tấm trong cái bể cạn trồng cây si con, cậu đó múc lấy chừng lưng đĩa nước và liền ngồi thụt xuống sân. Ngón chân cái bên phải đè vào miệng đĩa phía trong và ngón tay cái bên trái giữ lấy miệng đĩa phía ngoài, cậu bé ngoan ngoãn mắm môi, cầm hòn son xoay tít trong vòng trôn đĩa.

Bèo tấm bị nghiền nát biến. Nước trong đĩa hóa ra một chất đo đỏ và đặc như keo. Cậu ấy lễ phép bưng vào trong nhà rồi đặt lên mặt án thư.

Cả lũ học trò mở sách chồng làm một chồng giao cho một cậu đệ lên cạnh ống bút trên án.

Khắc Mẫn mở tủ lấy một pho sách trao cho Vân Hạc và nói:

– Bộ sách này quý lắm, tôi mới mượn được của một chú khách. Anh coi đi. Để tôi chấm sách cho chúng nó học. Rồi sau ta sẽ nói chuyện.

Vân Hạc vội đón tập sách và sẽ hé mở để coi những chữ in ở mép các tờ. Tưởng là gì, té ra bộ truyện "Bình sơn lãnh yến".

Chàng đặt cả tập xuống chiếu và nhìn ra bọn học trò:

– Cậu nào có sách tô thì đem vào đây để ta viết cho mà tô.

Khắc Mẫn ngạc nhiên:

– Sao anh không đọc? "Tứ tài tử" đấy mà. Hay lắm anh ạ!

Vân Hạc mỉm cười:

– Tôi đã coi từ năm lên mười tuổi rồi. Nó cũng xoàng xoàng vậy thôi!

Khắc Mẫn ra ý bẽn lẽn:

– Thế thì anh viết giúp tôi mấy cái phóng vậy.

Rồi thày ngoảnh mặt vào bọn học trò trồng trọng:

– Phóng của chúng bay lèm nhèm cả rồi, phải không? Đem giấy đem bút để bác viết cho mỗi đứa một cái.

Mấy cậu thi nhau "vâng ạ". Rồi họ chọn bút, mài mực, tháo sách lấy giấy đưa lên trước mặt Vân Hạc.

Liền đó học trò chia làm hai toán. Một toán vây quanh án thư, nhòm thày chấm sách. Một toán nữa vịn vai nhau đứng ở đầu phản để xem ông khách viết phóng.

Chồng sách trên án chấm xong, phóng của Vân Hạc cũng viết được năm, sáu cái. Khắc Mẫn cầm lấy tập phóng bày ra mặt chiếu, ngắm đi ngắm lại từng tờ, và khen tấm tắc.

– Chữ anh tốt thật, nét sắc như cắt và tươi như hoa.

Rồi thày lại tiếp:

– Văn hay chữ tốt như anh, thế mà thi cứ hỏng mãi, có lẽ chỉ tại cái tội láo quá. Nếu anh chừa được cái láo, tôi chắc là sẽ đỗ ngay.

Vân Hạc chỉ cười ngặt nghẽo không trả lời.

Khắc Mẫn xếp tập phóng lại, phân phát cho lũ học trò và giục:

– Đem sách ra mà học đi!

Tức thì cả đám học trò mỗi người vác một cuốn sách nhốn nháo chạy quanh cùng nhà: cậu này tựa vào cạnh cột, cậu kia ghé lên bậc cửa, một vài cậu nữa quỳ gối xuống đất để ngồi chầu lên tấm phản của thày.

Một sạp ê a theo nhau nổi lên. Trong nhà ồn ào như đám chẵn lẻ.

Những câu "thưa thày chữ gì", luôn luôn thúc vào lỗ tai Khắc Mẫn, khiến thày cứ phải quay bên nọ, ngoảnh bên kia, mỏi miệng trả lời không kịp. Nhiều lúc Vân Hạc lại phải bảo giúp.

Tiếng học dần dần uể oải. Dãy phản bên cạnh xen vào mấy tiếng ấm óe. Một cậu học trò với bộ mặt bò nhếch bò nhác tiến đến trước án thư:

– Thưa thày anh Thận chen con!

Khắc Mẫn chỉ tay và quát:

– Thằng Thận ra đây! Ra ngay đây!

Cậu học trò nữa suýt soát đứng dậy, đến cạnh án thư và núc hai tay vào nhau như thày phù thủy bắt quyết:

– Thưa thày anh ấy beo con.

Sẵn cây roi mây nằm chờ trên án, Khắc Mẫn không kịp phân xử, phạt luôn mỗi cậu mấy roi. Cái roi như cũng thích ra oai với lũ trẻ con, mỗi lần được giáng hạ vào đầu vào cổ hai kẻ bị tội, nó lại kêu một tiếng đánh "vút". Hai cậu bé con so vai, rụt cổ, van như tế sao, vẻ mặt không còn sắc máu.

Khắc Mẫn hầm hè tuyên án:

– Học không học. Chỉ chòng nhau. Sao mà những của khó dạy làm vậy! Thôi cho ra phản. Mỗi đứa ngồi riêng một xó.

Hai cậu ấy mếu máo lui ra. Lại một cậu khác khép nép tiến vào.

– Thưa thày hôm qua anh Ất ra đường chửi nhau để cho chúng nó...

Khắc Mẫn đương cơn thịnh nộ, liền dồn:

– Chúng nó làm gì?

Cậu đó rụt rè ra bộ sợ hãi:

– Chúng nó chửi thày ạ!

Vân Hạc phì cười và hỏi:

– Chúng nó chửi thày thế nào? Phải nói lại cho thày nghe chứ!

Khắc Mẫn cũng cười và ngó sang phía Vân Hạc:

– Anh đừng chơi cái kiểu ấy! Chỉ tổ hư cho trẻ con.

Rồi thày quát cậu học trò:

– Từ rày muốn sống không được mách nhảm! Nếu còn mách nhảm sẽ được đủ một trăm roi.

Trước sự lườm nguýt của chúng bạn, cậu ấy len lét trở ra, rồi bẽn lẽn ngồi vào chỗ cũ.

Khắc Mẫn ra lệnh cho các học trò:

– Đứa nào thuộc bài vào mà kể đi!

Mấy cậu nhỏ tuổi láu táu đem sách đến trước mặt thày, rồi thì các cậu chen nhau, đẩy nhau, tranh nhau kể trước.

Cuộc kể nghĩa bắt đầu. Những tiếng ê a ở hai gian bên cạnh đều phải hạ xuống thành tiếng lầm rầm, để cho mấy cậu bên này cắt nghĩa chữ "chi" là "chưng", chữ "kỳ" là "thửa".

Vân Hạc đứng dậy ra sân đủng đỉnh dạo thăm hoa cảnh.

Bóng nắng vừa đến nửa thềm, cuộc kể nghĩa đã xong. Khắc Mẫn lúi húi đưa ngọn bút son vào tập sách tô, sách phóng và sách câu đối, bài đoạn.

Vân Hạc thình lình trở vào vừa cười vừa hỏi:

– Giò lan bạch ngọc mới nở ở đâu? Hoa rụng anh quét đổ vào chỗ nào? Sao tôi không thấy?

Khắc Mẫn ngơ ngác:

– Mùa này làm gì có lan, lấy đâu ra hoa mà rụng?

– Thế sao trong thư, anh lại dám nói là "thấy lan nở" và "quét hoa rụng"?

– Thì cũng nói thế cho đẹp câu văn, cần gì phải có hoa, có lan mới được? Tôi thấy cổ nhân thường viết như vậy cả.

Vân Hạc khôi hài:

– Nhưng tôi không thích kiểu đó. Nếu anh còn chơi với tôi, thì phải chừa lối văn sáo bã ấy đi.

Hai người cùng phá lên cười.

Buổi học đến đây là hết. Các cậu học trò tấp nập đội nón cắp sách đi ra, sau khi đã chào thày và khách của thày bằng những cái lạy không ngoảnh cổ lại.

Thằng ở nhà chủ lễ mễ bưng mâm rượu đặt vào phản của thày đồ, rồi nó lễ phép đi ra.

Ông chủ với bộ khăn áo chỉnh tề và một nai rượu cầm tay, lật đật từ trên nhà khách đi xuống. Sẽ sàng để nai rượu vào chỗ cạnh mâm, ông ấy gãi tai nói với Vân Hạc:

– Không mấy khi ông sang chơi đây với thày đồ tôi, tôi rất lấy làm hân hạnh. Gọi là có chén rượu nhạt, mời ông xơi tạm.

Vân Hạc cảm ơn và mời ông ta cùng ngồi uống rượu với mình. Nhưng mà ông ấy nhất định từ chối, vì đã ăn cơm từ lúc thợ cày đánh trâu ra đồng.

Rồi ông ấy cáo biệt lên nhà trên. Để mặc thày đồ tiếp ông khách.

Lượng rượu Khắc Mẫn tuy không theo kịp Vân Hạc, song vì ở vào ngôi chủ, lễ phép bắt thày cứ phải nhấc chén lên lại đặt chén xuống, thỉnh thoảng nhấp cho ướt môi. Qua vài lần chén tạc, chén thù, những chuyện thi cử văn chương đã thấy càn cạn. Khắc Mẫn bỗng làm ra bộ nghiêm nghị và hỏi:

– Năm nay anh bao nhiêu tuổi.

Vân Hạc biết thày bắt đầu vào đề, nhưng chàng vẫn trả lời một cách thản nhiên:

– Hăm hai tuổi rồi, anh ạ!

Khắc Mẫn tiếp theo một câu văn hoa:

– Câu thơ lá thắm đã định thả vào ngòi nào hay chưa?

– Tôi chưa dám nghĩ gì đến chuyện đó.

Khắc Mẫn rót cho Vân Hạc một chén rượu đầy, rồi thày vừa cười vừa nói:

– Vậy thì tôi kính mừng anh.

Vân Hạc ngơ ngác:

– Mừng về cái gì? Anh hãy nói cho tôi biết.

Khắc Mẫn cười và tiếp:

– Anh biết cô Ngọc đấy chứ!

– Có phải cái cô vẫn bán giấy bút ở chợ Kim Bảng đó không?

– Phải đó.

– Tôi biết lắm, cô ấy năm nay độ mười tám tuổi, con ông đồ Vân Trình chứ gì?

– Phải rồi! Nhưng anh có chịu cô ấy là bậc tuyệt sắc hay không?

– Vùng khác không biết thế nào. Nội trong vùng này, có lẽ tôi chưa thấy ai đẹp hơn người ấy. Nhưng, anh hỏi tôi như vậy để làm gì?

– Là vì cô ấy sắp sửa làm người gánh gạo cho anh đi học. Tôi muốn biết trước ý anh đối với cô ta như thế nào.

Vân Hạc vội vàng xua tay:

– Anh đừng nói vậy mang tiếng. Hình như trước kia cô ta đã nhận trầu cau của anh nghè Long đấy mà.

Khắc Mẫn rót thêm rượu vào chén Vân Hạc rồi nói:

– Phải. Có! Năm xưa cụ đồ Văn Khoa đã có cậy mối đến hỏi cô ấy cho ông nghè Long. Đó là gượng theo ý muốn của ông ta. Thực ra cụ ông, cụ bà đều không thuận cả. Các cụ cho rằng hồng nhan phần nhiều bạc mệnh, nếu lấy cô ấy về làm nàng dâu, tất nhiên sau này sẽ không hay cho con trai mình. Vì vậy, các cụ cứ dùng dằng mãi không cưới. Nhân được một người thày số đoán rằng cô ấy với ông nghè Long khắc tuổi, không lấy được nhau, các cụ mới

quả quyết thôi không đi sêu cô này, rồi mượn người sang hỏi cô Thúy. Vậy thì bây giờ cô ấy với ông nghè Long có dính dáng gì nữa đâu mà anh phải kiềng?

Vân Hạc nói giọng nghiêm trang:

– Đành rằng thế. Nhưng chúng mình với anh nghè Long là chỗ đồng song, thì dẫu cho cô ta không lấy anh ta đi nữa, chúng ta cũng vẫn phải coi như vợ người bạn, không nên nói chuyện bông đùa mà đem cô ấy ra làm đầu đề, thì khi trông thấy nghè Long, mặt mũi sẽ ra thế nào?

Khắc Mẫn cũng đổi ra vẻ đứng đắn:

– Tôi nói thật đấy. Không phải nói đùa. Anh đừng tưởng rằng nếu anh lấy cô Ngọc sẽ là bất nghĩa với ông nghè Long. Câu chuyện không như thế đâu. Giả sử anh chịu kết duyên với cô ấy, thì ông nghè Long cảm ơn anh lắm.

Vân Hạc chưa kịp nói sao. Khắc Mẫn lại tiếp:

– Anh có nghe chuyện cô Ngọc phải gió trong khi gặp ông nghè Long vinh quy hay không?

Vân Hạc lắc đầu:

– Tôi không nghe biết gì cả.

Khắc Mẫn gật đầu:

– Ừ, tôi cũng đoán rằng anh chưa biết. Nếu anh có biết chuyện đó, chắc anh sẽ thương cô ấy vô cùng.

Vân Hạc điểm một nụ cười:

– Anh định múa cái mép ông mối để kiếm chè của tôi chăng? Khó lắm. Cái giọng mối lái, tôi chán lắm rồi. Chúng ta hãy nói chuyện khác.

Khắc Mẫn nói giọng nghiêm nghị:

– Tôi không thèm chè của anh. Và cũng không phải là kẻ mối lái. Nhưng tôi nói để anh biết rằng: cái mối nhân duyên giữa anh với cô Ngọc đã có một ông tơ hồng sẽ xe cho anh. Dù anh muốn chối cũng không thể được.

Vân Hạc có ý nửa ngờ nửa tin:

– Ông tơ hồng ấy là ông nào thế? Anh thử nói cho tôi nghe.

Khắc Mẫn mỉm cười:

– Anh đã muốn nghe rồi ư? Tôi không nói vội. Nếu anh muốn nghe, đêm nay phải ngủ lại đây với tôi. Bây giờ chúng ta cứ việc đánh chén đi đã. Bữa rượu hôm nay chính là cái tiệc đầu tiên của tôi mừng anh.

Vân Hạc cố gặng lần nữa, Khắc Mẫn chỉ đáp một câu rất vắn:

– Thày! Thày chứ còn ai!

IV

Đến nay vợ chồng ông đồ Vân Trình mới thật khỏi lo.

Tháng trước, khi được tin cô Ngọc đi chợ về đến giữa đường bị cảm, cả hai ông bà đều hết hồn vía. Không kịp khóa tráp, khóa tủ, ông đồ vớ vội lấy lọ thuốc gió giất vào trong mình, bà đồ thì dặn láng giềng hãy coi nhà giùm, rồi cùng hỏa tốc đến cái ngã tư gần chợ Kim Bảng.

Bấy giờ cô Ngọc đã được đem lại bãi cỏ dưới bóng rợp của một cây đa. Sắc mặt vẫn xám mét. Chân tay không động đậy. Nếu trên ngực không còn thoi thóp thở, thì chẳng khác gì người chết rồi. Bà đồ mếu máo kêu khóc, hú hồn vía vang một khu đồng. Ông đồ rẽ ràng trao lọ thuốc gió cho cô Bích, con gái thứ hai của ông, và bảo cô này mở gánh hàng lấy đĩa đựng trầu, xin ít nước tiểu mài với những viên thuốc ấy. Rồi hai ông bà dùng lược ghè miệng cô Ngọc đổ vào và xoa khắp cả mình mẩy cô ấy.

Mặt trời tà tà, cô Ngọc tỉnh dần, nhưng vẫn loạng choạng không đứng dậy được. Chờ khi hết nắng, ông đồ mới thuê hai người gánh hai gánh hàng để bà đồ và cô Bích cùng dìu cô Ngọc về nhà. Đêm ấy và ngày hôm sau, cô Ngọc mấy lần ngất đi, gọi mãi mới tỉnh. Và lúc tỉnh dậy, thỉnh thoảng lại cứ nói mê nói sảng, khi thì xưng là cô thám, khi thì xưng là cô bảng, y như một người ma làm. Thày thuốc đổi bốn năm ông, bói toán cúng cấp, lễ bái chẳng thiếu đâu, bệnh trạng vẫn đâu đóng đấy. Kết cục, ông đồ phải mời cụ bảng Tiên Kiều thăm mạch và bốc thuốc cho, các chứng mới lui dần dần.

Độ này cô ấy đã gần bằng cũ. Tuy mặt mũi hãy còn xanh xao, nhưng tinh thần thì đã sảng khoái như thường.

Từ mấy bữa trước, cô thấy trong mình không còn tật bệnh gì nữa, đã xin đi chợ bán hàng, kẻo nữa nghỉ lâu mất khách. Nhưng

mà ông, bà sợ cô chưa được thật khỏe, xông pha gió máy có thể lại bị phải lại, cho nên nhất định bắt cô cứ phải ở luôn trong nhà, không được đi lại ở dưới ánh nắng. Thậm chí cô muốn ngâm sợi, đánh suốt, dệt nốt cái "cửi" còn dở, ông bà cũng không bằng lòng, vì sợ để cô vầy nước thì độc.

Chiều lòng cha mẹ, cô vẫn hết sức kiêng khem.

Nhưng phải cả ngày quanh quẩn trong mấy gian nhà như tù giam lỏng, thì ai mà không phải buồn?

Nhiều lúc cô muốn nhắm mắt cố ngủ, cho khỏi nghĩ vẩn nghĩ vơ. Song mà ngủ mãi cũng chán con mắt, không thể nào mà chợp đi được. rồi thì những mối tư tưởng luẩn quẩn ở đâu nó lại kéo đến như mớ bòng bong gỡ không ra, dứt ra không được. Nhất là những khi vừa mới thiu thiu, chợt bị con muỗi vo ve bên tai mà phải tỉnh dậy, thì trong mình cô tự thấy một trận bàng hoàng khó tả, nghĩ mãi không biết mình đương nằm ở chỗ nào.

Cô rất thèm người nói chuyện. Nhưng đương mùa chợ búa cày cấy, chị em chúng bạn ai có việc nấy, không được thừa thì giờ để đến trò chuyện với cô. Cho đến cô Bích, người em tin cậy của cô, cũng phải mải miết đi chợ, từ sáng đến tối, không được thư nhàn mấy khi. Thành ra ban ngày cũng như ban đêm, ngủ đi thì thôi, hễ bừng mắt ra, cô lại thấy mình một mình vò võ. Vì thế, cô cứ phải mượn cuốn Kim Vân Kiều làm bạn giải buồn.

Quyển sách ấy như cũng biết õm ờ trêu ngươi. Mỗi khi cô mở nó ra, nếu không đụng phải đoạn Kim Trọng gặp Thúy Kiều, thì lại trúng vào chỗ Thúy Kiều cất lẻn sang nhà Kim Trọng.

Tuy rằng cô vẫn hết sức trấn tĩnh, nhưng mà coi đến những câu:

"Sóng tình hồ đã xiêu xiêu
Xem trong âu yếm, có chiều lả lơi..."

Hay là:

"Tóc tơ căn vặn tấm lòng
Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương"

Thì trong bụng cô tự nhiên bổi hổi, bồi hồi, hình như có vật nong nóng bốc lên ở ngực và cổ. Tức thì cô liệng quyển truyện xuống giường và nằm vắt tay lên trán để đưa tư tưởng đến chỗ mơ màng xa xăm.

Sáng nay lúc cô băng mình trở dậy, bỗng chốc hai mắt nháy rối,

vuốt mãi nó cũng không thuần. Rồi khi cô ăn cơm xong, vào buồng, lại một con nhện thình lình sa thẳng xuống chỗ trước mặt. Cô toan vồ lấy để xem nó là nhện vàng hay nhện trắng, nhưng con vật ấy nhanh quá, cô vớ chưa kịp, nó đã đánh đu sợi tơ của nó và bò lên gần xà nhà mất rồi.

"Điềm gì mà lạ thế này. Lành hay gở?". Câu hỏi quanh quẩn đi lại ở trong óc. Nó bắt cô phải phân vân hồi hộp, đứng ngồi không yên.

Lật đầu giường lấy cuốn Truyện Kiều, cô hé mở ra để xem đằng nào là đầu, đằng nào là cuối. Rồi hai bàn tay chắp lại một cách cung kính, cô đưa cuốn sách lên tận ngang mặt, đặt nghiêng "bụng sách" vào thẳng sống mũi và khấn lầm rầm:

"Lạy vua Từ Hải, lạy vãi Giác Duyên, lạy tiên Thúy Kiều, tên tôi là Hoàng Thị Ngọc, ở làng Vân Trình, thành tâm xin cô một quẻ...".

Vừa dứt tiếng quẻ, cô liền ngừng lại và chỉ mấp máy hai môi, không biết là nói những gì.

Dứt hồi thì thầm, cô bấm một ngón tay cái vào giữa cuốn sách rồi giở ra xem. Ngón tay cái của cô trúng vào chỗ này:

"Bó thân về với triều đình,
Hàng thần lơ láo, phận mình ra đâu?
Áo xiêm đùm bọc lấy nhau,
Vào luồn ra cúi, công hầu mà chi".

Đọc đi đọc lại mấy lần, cô vẫn không hiểu nàng Kiều bảo mình cái gì!

– Hay là mình không thành tâm, cho nên cô Kiều không ứng?

– Thì lại bói lại quẻ nữa xem sao?

Một lần nữa, cuốn sách bị cô đưa lên ngang trán và làm đúng những công việc vừa rồi. rồi cô nhìn theo chỗ ngón tay đã bấm. Nó là cái gì?

"Vội vàng sắm sửa lễ công,
Kiệu hoa cất gió đuốc hồng ruổi sao.
Bày hàng cổ vũ xôn xao,
Song song đưa tới trường đào sánh đôi".

Mặt cô tự nhiên thấy nóng bừng bừng. Ruột gan cô tự nhiên bồn chồn như bị lửa đốt. Không kịp suy nghĩ ý nghĩa của mấy câu đó, cô liền lăn đùng xuống giường và thở hừng hực như người say nắng.

Cảnh tượng của đám vinh qui hôm nọ thình lình lại hiện trước mắt. Kìa lá cờ vàng phấp phới trước gió. Kìa cái biển gỗ sơn son thếp vàng chói lọi dưới ánh mặt trời. Rồi một chàng trẻ tuổi cố nghiêng chiếc mũ hoa vàng cười nụ với người bên đường. Rồi một cô gái không lấy gì làm xinh, đang õng ẹo ngồi trong chiếc võng mành mành cánh sáo. Rồi... vô số là thứ khác nữa.

Giống như con chuồn chuồn trong mắt những người chực giờ, những cảnh tượng ấy cứ dính liền với con mắt cô, xua tay nó không đi, nhắm mắt lại nó càng rõ rệt.

"Số kiếp mình thật không ra gì... Cờ đã đến tay, ai ngờ lại về kẻ khác...". Cô không định nghĩ như thế. Nhưng mấy câu ấy nó cứ vơ vẩn kéo đến và trở đi trở lại mãi mãi trong trí.

Mặt mỗi lúc mỗi nóng thêm, gan ruột mỗi lúc mỗi bồn chồn thêm, rồi thì cô thấy sâm sâm tối mặt như lúc sắp sửa phải cảm độ trước.

– Em đi chợ đây chị ạ! Chị có mua gì hay không?

Tiếng nói thỏ thẻ thình lình như từ cửa kéo vào, làm cô mở bừng mắt ra.

Cô Bích vừa đến cạnh giường với bộ mặt nhí nhảnh và tiếp:

– Chị làm sao mà mặt đỏ bừng lên thế?

Cô ngồi vùng dậy và đáp:

– Không biết làm sao từ lúc ăn cơm đến giờ, tự nhiên chị thấy hầm hập như người sắp phát sốt ấy em ạ! Em hãy ra bể múc cho chị một bát nước mưa.

– Chết nỗi! Chị uống nước mưa có độc cho không?

– Không độc đâu. Chị xót ruột lắm, chị uống một bát nước mưa cho mát. Em cứ múc vào đây cho chị. Giấu đi, đừng để thày mẹ trông thấy.

Ngoan ngoãn, cô Bích trở ra. Một lát, cô ấy rón rén trở vào với một bát nước trong như nước suối. Sẽ sàng đón lấy bát nước của em, cô Ngọc uống òng ọc một hơi. Nước vào đến đâu, ruột gan thấy mát đến đấy.

Cô Bích nhanh nhảu cất gánh đi chợ. Để lại cho chị cả một gian phòng tịch mịch và những luồng tư tưởng vẩn vơ.

Cô toan đứng dậy ra sân để cho dứt những cái nghĩ ngợi quanh quẩn. Nhưng khi cầm gương lên soi, thấy hai má còn đỏ bừng, cô lại vớ lấy quyển Kiều rồi sẽ nghiêng mình xuống giường. Song cô

không coi, cuốn sách vẫn úp trên ngực, hai mắt cô vẫn lờ đờ nhìn lên mái nhà.

"Lấy chồng cho đáng tấm chồng, bõ công trang điểm má hồng răng đen...". Nghĩ vậy rồi cô lại tự gạt đi: "Sao ta lại tơ tưởng mãi những chuyện của người? Ô hay, con đã mọc răng, nói năng gì nữa. Thôi, trăm đường tránh chẳng khỏi số, số có tự nhiên sẽ có, nếu số không có, cầu cũng chả được, hơi đâu mà...". Rồi cô cả quyết ngồi dậy và lại cầm gương lên soi.

Ngoài cổng có tiếng gậy chống lộc cộc, cô vội nhô đầu nhìn ra.

Cụ bảng Tiên Kiều đương đủng đỉnh bước vào trong cổng với chiếc gậy trúc và một cậu bé con xách cái túi gấm theo sau.

Lật đật cô vội ra sân đuổi chó và cúi đầu chào cụ bảng:

– Lạy bác ạ!

Cái nón dứa trên đầu sẽ gật một cái, cụ bảng tơi tả cười hỏi:

– Con Ngọc đấy à! Mày đã bằng cũ chưa cháu? Thầy có ở nhà đấy chứ?

Lễ phép, cô đáp:

– Thưa bác, cháu đã gần được bằng cũ. Thày cháu có ở nhà đấy ạ.

Rồi cô nhanh nhảu đứng ra một bên, để giữ cho con chó xồm khỏi sủa.

Ông đồ Vân Trình vừa ở trong nhà bước ra. Hai ngài vái nhau một cái cực kỳ long trọng, rồi cùng đi vào trong thềm.

Sau khi đã hạ chiếc nón dứa trao cho cậu học trò treo lên trên vách, cụ bảng mở túi lấy vuông khăn mặt lau qua những giọt mồ hôi trên trán, rồi cụ ngồi luôn vào phản, vừa cầm cái quạt phe phẩy, vừa cất cái giọng sang sảng:

– Nóng quá, tôi đi đã sớm, thế mà còn thấy bức bối khó chịu. Nếu chậm lát nữa, có lẽ phải lăn ra đường...!

Ông đồ cũng ghé vào phản và nói một cách vui vẻ:

– Bác nhiều hơn tôi năm tuổi, nhưng xem ý còn mạnh hơn tôi. Chính tôi bây giờ đi sang bên bác, nhiều khi đã thấy mỏi chân, phải nghỉ đến hai ba chỗ. Nếu tôi bằng tuổi bác, có lẽ sẽ không đi được từ đây đến làng Tiên Kiều.

Cụ bảng tươi cười:

– Ừ, tôi vẫn biết bây giờ bác đã ngại đi. Sáng nay, tôi toan cho người mời bác sang chơi nói chuyện. Nhưng sợ bác vẫn biếng đi, nên tôi lại phải cố sang.

Cụ đồ vội hỏi:

– Bác đã có chuyện gì lạ!

Cụ Bảng vẫn cười:

– Lạ thì không lạ. Nhưng nó cũng không phải là một việc thường.

– Việc gì vậy?

– Tôi muốn đưa ông thám, ông bảng đến nhà cho bác.

Cô Ngọc vừa xách siêu nước lên đến đầu thềm. Thoảng nghe câu đó, hai má tự nhiên đỏ bừng. Bẽn lẽn đưa siêu nước cho cậu bé con đi theo cụ bảng, và nhờ cậu ấy nhóm lò đun hộ, cô liền thụt vào trong buồng.

Cụ đồ ngay thật hỏi lại cụ bảng:

– Ông bảng nào? Ông thám nào? Bao giờ thì họ lại đây?

Cụ bảng cười giòn khanh khách:

– Thong thả, chuyện đó hãy gác lại đó, để lúc uống rượu sẽ hay. Bây giờ chúng ta uống nước rồi thưởng một vài ván cờ cái đã.

Lò nước đã nỏ. Cậu tiểu đồng quen lệ mọi ngày, nhắc bàn cờ và túi quân cờ trên vách đặt lên trên án.

Cụ đồ hạ bàn cờ xuống phản, vừa đổ quân cờ ra bày, vừa ngâm:

"Cờ cục tiêu tường hạ,
Tôn tửu lạc dư xuân"

Rồi cụ lại tán:

– Hai câu ấy thế mà hay đấy. Trong lúc nóng nực này chỉ đánh cờ là có thể quên sự oi bức.

Siêu nước đã sôi, cậu nhỏ rón rén tráng qua cái ấm da chu, bỏ chè, chế nước, rót ra chén tống và chuyên vào hai chén con, rồi đệ cả bộ bàn chè lên án.

Hai cụ rung đùi thưởng cái hương êm mát của chè đầu xuân.

Cuộc giải khát đã đi hết tuần thứ ba, các cụ bắt đầu quay vào bàn cờ.

Cô Ngọc vẫn nằm thủ hiểm trong buồng chờ nghe những lời cụ bảng sẽ nói.

Sự im lặng của gian buồng và sự hồi hộp trong quả tim bắt cô suy nghĩ đến câu cụ bảng mới nói vừa rồi: "Cớ sao bác bảng lại nói đột ngột như vậy? Hay là bác ấy đã biết tâm sự của mình rồi chăng! Không có lẽ. Cứ như em Bích kể lại, thì hôm nọ, trong lúc nói mê, nói sảng, mình cũng xưng là cô thám, cô bảng luôn luôn. Nhưng đó, chẳng qua là tiếng nói của kẻ bị mất trí khôn chắc không ai để ý...". Thế rồi, mồ hôi toát ra, cô tự thấy mình xấu hổ như đã làm một điều vô ý trước đám đông người. Ở nhà ngoài, cuộc cờ đến lúc xô xát, tiếng cười giòn giã xen lẫn với tiếng quân cờ chí chát đụng nhau, khiến cô dứt hẳn được sự nghĩ ngợi luẩn quẩn.

Bóng nắng đã ra đến cột giàn hoa, trong buồng nóng như cái hầm, cô toan đứng dậy ra vườn hóng mát, chợt trông đến cái quả trầu, cô mới nhớ ra từ nãy đến giờ, quên chưa têm trầu. Sẽ sàng ngồi dậy, cô đi lấy dao bổ cau rọc trầu, têm mấy chục miếng xếp vào cơi, rồi đưa cậu nhỏ đặt giùm lên chỗ hai cụ.

Bà đồ đi chợ đã về.

Nhanh nhảu cô ra đón thúng để mẹ vào chào cụ bảng, rồi cô xuống bếp sửa soạn đồ rượu.

Theo ý bà đồ, thì cô còn phải kiêng nước, kiêng lửa vài ba ngày nữa cho được thật khỏi. Nay vì trong nhà có khách, trời cũng đã trưa, sợ rằng một mình lủng củng, hoặc giả cơm khách trễ quá, nên bà đành để con gái mó vào những việc lặt vặt.

Cuộc cờ trên nhà đã hết hai ván, đồ chén cũng vừa làm xong. Vì nhà không có đầy tớ, cô phải rón rén lên dọn bàn cờ, rồi để mâm rượu vào đó, và bảo cậu nhỏ sang bên buồng học ăn cơm.

Sau khi cụ bảng đã gửi lời cô xuống chào bà đồ, hai cụ cùng quay vào mâm.

Chén rượu đã rót một lần thứ nhất, bà đồ vui vẻ ở nhà dưới lên để đáp lễ lại lời chào của ông bạn chí thân với chồng.

Cụ bảng chỉ vào chiếc ghế bên cạnh và nói:

– Mời bác hãy ngồi lên đây xơi nước, tôi có câu chuyện muốn nói với cả bác trai bác gái.

Rồi cụ nhìn vào ông đồ:

– Con Ngọc năm nay mười chín tuổi rồi phải không?

Ông đồ ra vẻ ngạc nhiên:

– Cháu nó mới có mười tám.

Cụ bảng lẩm nhẩm bấm đốt ngón tay:

– Được! Mười tám lại còn tốt hơn mười chín.

Uống cạn chén rượu, cụ tiếp:

– Bác đã có biết tư Hạc, học trò tôi chứ?

Ông đồ lắc đầu:

– Tôi chỉ nghe tiếng anh ta, chứ không rõ lắm. Có phải tên hắn là Đào Vân Hạc đó không.

– Phải đó!

– Anh ta người ở đâu nhỉ?

– Hắn ở Quốc Oai. Con trai út cụ cống Đào Nguyên đấy mà. Trong học trò tôi, có hắn linh lợi hơn cả. Vì tình thân với cả hai bên, tôi muốn nói với hai bác gả con cháu Ngọc cho hắn.

Vừa cầm nai rượu tự rót vào chén của mình, cụ bảng vừa thêm:

– Nếu như hai bác muốn cho con cháu được làm cô thám, cô bảng, thì ngoài hắn ra, chắc không có người nào hơn. Tôi nói thế, không phải quá khen học trò của tôi. Kể ra, cái tài thám, bảng, thiên hạ vẫn không thiếu gì, nhưng phần nhiều họ đã cao tuổi, hoặc là họ quen cố chấp câu nệ, không ai được hoạt bát như hắn.

Ông đồ ra vẻ tơi tả:

– Bây giờ bác nói tôi mới nhớ ra. Trong kỳ bình văn ở trường bác hồi đầu năm ngoái, tôi đã xem qua quyển của anh ta. Kể thì anh ta cũng là một tay đại tài, tôi không chê một điều gì. Nhưng việc gả bán cho cháu thì tôi nhường quyền bà nó.

Rồi ông quay sang bên phía bà đồ:

– Thế nào? Ý bà ra sao, thì nói với bác.

Bà đồ rẽ ràng:

– Cụ cống mất rồi, thưa bác?

– Phải, cụ ấy mất từ lúc tư Hạc còn nhỏ.

Bà đồ ra ý ngần ngại:

– Trên cụ cống cũng là một nhà danh vọng ở tỉnh Đoài, với nhà tôi thật là môn đương hộ đối. Tôi chỉ hiềm một điều rằng: chúng tôi hiếm hoi, chỉ được hai đứa cháu gái, muốn gả chồng cho nó ở chỗ gần nhà, để khi mẹ con đi lại cho tiện...

Cụ bảng nói vui như tết:

– Điều đó bác không quản ngại. Từ đây lên đến quê hắn, vừa đi vừa về, chỉ hết độ già nửa ngày, có gì là xa. Nếu bác sợ xa, thì tôi bắt hắn phải đến gửi rể. Việc này tự tôi chủ trương tất cả... Bởi thấy nó là mối lương duyên nên tôi muốn cướp quyền của ông tơ hồng xem sao!

Bà đồ không còn lẽ gì từ chối, liền chuyển câu chuyện sang cho ông đồ.

– Nếu thế thì xin tùy ý thày cháu. Thày cháu bằng lòng, tôi cũng xin vâng lời bác.

Ông đồ khôi hài:

– Khéo lắm. Tôi dưa cho bà, bà lại còn dưa cho tôi.

Rồi ông rót rượu vào chén cụ bảng và tiếp:

– Con tôi cũng như con bác. Tùy bác muốn gả cho ai thì gả. Quyền ông tơ hồng bác còn muốn cướp, huống chi quyền tôi. Có điều tôi muốn bác hãy thong thả, để tôi bảo qua với cháu.

Cụ bảng vẫn cười:

– Cố nhiên cũng phải hỏi ý nó chứ. Nhưng tôi xem chúng nó cũng ngoan ngoãn dễ bảo, tôi nói chắc nó phải nghe. Vậy xin bác hãy cho gọi nó ra đây, để tôi bảo thẳng với nó.

Nãy giờ, cô Ngọc vẫn ngồi im lặng trong buồng, không dám đánh tiếng. Khi nghe cụ bảng nói đến câu đó, cô liền cất lẻn đi xuống nhà dưới. Bà đồ theo xuống tận nơi, và nói một cách ngọt ngào:

– Con lên nhà khách, bác bảng muốn hỏi gì con đấy.

Cô Ngọc đỏ mặt tía tai, và nói một cách nũng nịu:

– Thôi con chả lên.

Bà đồ tủm tỉm cười nụ:

– Bác bảng muốn làm mối mày cho anh khóa Hạc, học trò của bác ấy, có thuận thì lên mà nói với bác.

Cô Ngọc gục đầu xuống gối và sẽ thỏ thẻ:

– Tùy thày, tùy mẹ, con không biết.

Rồi cô e lệ đứng dậy và đi sang nhà hàng xóm.

Bà đồ lại lên nhà khách nói với cụ bảng:

– Thưa bác, cháu nó xấu hổ, không dám lên ạ!

Cụ bảng lại cười:

– Thôi được. Nó xấu hổ tức là nó đã thuận đấy. Vậy thì hai bác nhận lời cho tôi đi thôi.

Bà đồ cáo biệt đi xuống nhà dưới. Hai cụ gật gù đánh chén mãi đến quá trưa mới xong. Cô Ngọc vẫn còn núp bên hàng xóm chưa về. Cậu nhỏ người nhà cụ bảng phải dọn mâm bát và lấy tăm nước.

Mặt trời tà tà, cụ bảng mới từ biệt ra về. Trước khi đứng dậy, cụ còn dặn lại ông đồ:

– Độ mấy bữa nữa, tôi sẽ lại sang nói chuyện với bác.

V

Một hồi gà gáy âm ô, làm cho Vân Hạc giật mình thức giấc.

Ngọn đèn trên quang lù mù sắp tắt, đọi dầu đã gần cạn khô. Không muốn làm phiền thằng nhỏ, chàng tự đứng lên rót dầu vào đèn, và dụi cái tàn đỏ ối ở đầu sợi bấc. Rồi chàng mở cửa ra sân.

Trăng chưa lặn. Ánh vàng chênh chếch nhòm vào giàn hoa. Những bóng cây nhài, cây mộc dương leo lên thềm. Mặt thềm khoang khửa như một bức tranh thủy mạc.

Trời hãy còn sớm. Trống ngoài điếm mới điểm canh tư. Các nhà láng giềng vẫn im phăng phắc.

Chàng toan vào phòng ngủ thêm. Xịch nhớ hôm nay là kỳ bình văn, phải đến trường sớm hơn mọi ngày, ngủ nữa, e rằng quá giấc, dậy trưa, thì đi không kịp. Chàng bèn súc miệng, rửa mặt, rồi một mình đủng đỉnh dạo dưới bóng trăng.

Trong đám ánh trăng trong vắt, thỉnh thoảng điểm một luồng gió hiu hiu, hết thảy bóng cây trước sân đều bị rung động. Chàng bỗng tưởng đến cái cảnh Trương Sinh đợi Thôi Oanh Oanh trong truyện *Tây sương* liền ngâm:

> *"Đãi nguyệt Tây sương hạ.*
> *Nghênh phong hộ bán khai.*
> *Cách tường hoa ảnh động.*
> *Nghi thị ngọc nhân lai".*

Thế rồi hình ảnh cô Ngọc tức thì hiện ra trong óc. Chàng khen ông đồ Vân Trình cũng khéo tìm chữ đặt tên cho con. Với cái nước da

trắng nõn, với cái khuôn mặt trái xoan và cái dáng bộ yểu điệu, nàng thật đáng gọi là ngọc nhân lắm.

Chàng nhớ những hôm qua chợ Kim Bảng, tình cờ nhìn vào hàng nàng, bao giờ nàng cũng tươi như bông hoa, và không bao giờ mà nàng có vẻ ngoa ngắt trai lơ như bọn con gái kẻ chợ. Chàng tự cho rằng: mình lấy được nàng, tức là danh sĩ sánh với giai nhân, chẳng kém gì những cặp vợ chồng trong tiểu thuyết. Nhưng chàng lại băn khoăn rằng: trước kia nàng đã đính hôn với Trần Đằng Long, thì với chàng, nàng đã có nghĩa là vợ chưa cưới của một người bạn. Bây giờ nếu chàng kết duyên với nàng, hoặc giả cũng bị thiên hạ chê cười. Rồi chàng tự an ủi rằng: việc này do ở cụ bảng ép chàng, không phải tự chàng mà ra. Một người đạo mạo nghiêm nghị và yêu chàng, quý chàng như cụ bảng Tiên Kiều, không lẽ lại dạy học trò làm điều trái với danh giáo? Song mà chàng vẫn không hiểu vì sao cụ bảng lại cố ghép nàng với chàng, vì sao hôm nọ, trong khi khuyên chàng lấy nàng, cụ lại bảo rằng: nếu chàng bằng lòng cưới nàng làm vợ, tức là cứu cái đời nàng, tức là làm ơn cho Trần Đằng Long? "Hay là nàng với nghè Long ngày xưa đã có chuyện gì ám muội?". Chàng nghĩ như thế, rồi chàng lại tự hối hận, cho là mình đã vô lễ với nàng. Chàng tin nàng là con nhà gia giáo, không khi nào lại làm những việc bất chính.

Mặt trăng từ từ luồn vào bóng mây, bầu trời dần dần vẩn đục. Chàng bèn lững thững bước vào trong phòng, vừa đi, chàng vừa lẩm bẩm một mình. Có lẽ vợ chồng là duyên số thật. Ừ, xưa kia mình tuy biết nàng, nhưng vẫn không hề nghĩ đến nàng. Thế mà từ bữa nghe đồ Mẫn nói, nhất là từ bữa nghe cụ bảng nói đến giờ, không phút nào mà ta quên nàng. Cái đó mới lạ cho chứ! Không biết trong những lúc này, nàng có nghĩ gì đến ta hay không? Chắc có! Ta nhớ nàng, tất nhiên nàng cũng nhớ ta, nếu như cụ bảng đã ngỏ cho nàng biết cái ý định của cụ.

Trời sáng. Vân Hạc cắp nón vừa ra đến cổng, thì gặp Khắc Mẫn. Hai chàng liền sánh vai cùng tới trường học.

Trong các lò "rèn đúc nhân tài" bấy giờ, trường của cụ bảng Tiên Kiều là lớn hơn hết. Trừ ra mươi cậu đồng sinh là những con cháu trong nhà, học trò cụ bảng chỉ có hai lớp đại tập và trung tập. Trung tập hàng ngày phải đến nghe sách, hàng tuần phải học làm văn. Còn

đại tập thì mỗi tháng tập văn hai kì. Kể cả đại tập và trung tập, học trò trong trường có tới gần ba trăm người.

Vân Hạc và Khắc Mẫn đi đến cửa trường thì các cậu học trò trung tập cũng vừa tấp nập kéo đến.

Sau khi những chiếc nón sơn quai chuỗi lần lượt úp lên các tường, cả mấy trăm người nghiêm trang ngồi sắp hàng ở các dãy ghế.

Cụ bảng còn ở nhà trong chưa ra.

Một cậu học trò bé con chạy đến rỉ tai Vân Hạc:

– Thày bảo anh bình văn xong rồi, phải ở lại đây, để thày còn dặn gì đấy.

Rồi thì học trò đại tập lục tục đến dần.

Rồi thì, năm gian tiền tế, thênh thang như năm gian đình dần dần hiện ra quang cảnh chật hẹp, kẻ ngồi người đứng lố nhố khắp trong nhà ngoài thềm.

Trống cái thong thả điểm một hồi ba tiếng.

Học trò trên các phản ghế hết thảy trở lại hàng lối nghiêm chỉnh.

Hai cậu nhỏ tuổi lễ mễ bưng điếu bưng tráp và mang giỏ ấm, khay chén đặt lên án thư.

Những tiếng thì thầm xôn xao nhất tề im bặt.

Cụ bảng ở nhà trong ra với một bộ khăn áo chỉnh tề. Trên các phản ghế, học trò răm rắp đứng dậy khắp lượt.

Khoan thai cụ ngồi vào ấm ghế sau chiếc án thư và mở nắp tráp lấy gói thuốc lá ra cuộn. Tất cả học trò lại cùng răm rắp ngồi xuống. Một cậu nhỏ tuổi lễ phép đến trước án thư sẽ bưng bộ đồ đánh lửa ra thềm.

Qua một hồi kỳ cạch của hòn đá lửa đập vào thỏi sắt, lửa ở trong đá đã bật ra lớp bùi nhùi trong cái hộp gỗ và bén vào đó, cậu ấy rón rén nhón lấy một ít bùi nhùi có lửa, tiếp vào mồi giấy, phì phò thổi cho thành ngọn, để châm sang sợi ruột gà, rồi đệ vào trước cụ bảng. Đón sợi ruột gà và châm lửa vào mồi thuốc lá đã cuộn, cụ bảng ra hiệu cho các học trò đọc sách.

Một cậu trung tập cung kính đệ một chồng sách in lên án.

Bằng một câu xin phép rất lễ độ và mấy tiếng đằng hắng rất dõng dạc, một cậu tốt giọng nhanh nhẹn mở sách ra đọc.

Tất cả học trò cặm cụi mở sách ra coi.

Theo lệ hàng ngày, mỗi buổi đều đọc đủ ba thứ sách: kinh, truyện và sử.

Hôm nay bắt đầu đọc *Kinh Dịch*, rồi đến sách *Trung dong*, rồi đến cuốn *Tống sử*.

Mỗi khi đọc hết bài cái, bài bàn của một chương nào trong sách, cả trường im lặng như tờ. Mấy trăm con mắt đều chăm chỉ ngó vào cuốn sách của mình. Mấy trăm lỗ tai đều bình tĩnh đợi nghe lời giảng của thày.

Bằng cái giọng sang sảng như tiếng chuông đồng, cụ bảng giảng rất rành mạch từ nghĩa đen đến nghĩa bóng, từ nghĩa gần đến nghĩa xa, cụ chỉ rõ ràng lời bàn nào là phải, lời bàn nào là quấy. Cụ nói như rót vào tai học trò.

Khi giảng đến hào lục tam của quẻ Khôn Kinh dịch, cụ đặt mồi thuốc xuống án và hỏi một cách sửng sốt:

– Các anh nghe chương này có thấy gì không?

Các cậu học trò đều không trả lời, vì không hiểu ý cụ hỏi ra sao.

Cụ liền nhìn vào cuốn sách và cất cao giọng:

"Lục tam, hàm chương khả trinh,
Hoặc tông vương sự, vô thành, hữu chung".

Và cụ lại gặng:

– Các anh tưởng nó có đúng với điệu lục bát trong các ca dao của ta hay không?

Rồi cầm mồi thuốc hút thêm một hơi, cụ vừa rung đùi vừa tiếp:

– Trong kinh, truyện, sử mỗi bộ đều có một câu lục bát. Ở kinh là câu ấy rồi, còn ở truyện thì là câu gì?

Các cậu học trò cố sức lục hết trí nhớ để tìm lấy câu trả lời. Nhưng không ai nói câu nào. Cụ vuốt chòm râu bạc phơ và ngâm:

"Phù thủy, nhất thược chi đa.
Cập kỳ bất trắc ngoan đà giao long..."

Rồi cụ lại hỏi:

– Có phải câu ấy ở sách *Trung dong*, các anh mới đọc hôm qua đó không? Sao mà chóng quên vậy? Nếu như trời cho đỗ đạt, được sang sứ Tầu, các anh sẽ đối đáp làm sao cho khỏi nhục đến quân mệnh!

Các cậu học trò đều cúi gầm mặt, tỏ ra dáng bộ sợ hãi.

Cụ ngừng một lát rồi thêm:

– Còn câu ở sử, chắc hẳn các anh cũng không thể nhớ. Và cụ ngân giọng:

"Đế sĩ Sái Xác hữu công.
Sử chỉ tòng tự Triết tông miếu đình..."

Rồi cụ ngẩng lên nhìn các học trò và nói:

– Các anh thử giở cuốn *Tống Cao Tôn* mà xem, câu đó ở ngay đầu sách đấy mà.

Các cậu học trò im lặng phục thày là bậc nhớ sách. Cụ bảng mở giỏ, rót một chén nước dấp giọng, rồi cụ cắt nghĩa:

– Cũng vì có mấy câu đó cho nên từ xưa đến nay đã có nhiều người cho rằng: lối văn trên sáu dưới tám của ta gốc ở kinh, truyện và sử mà ra. Nhưng, theo ý ta, thì nói như vậy, có lẽ cũng quá khiên cưỡng. Trời đã sinh ra mỗi nước có một thứ tiếng, thì tất nhiên mỗi nước cũng phải có một điệu hát. Nếu bảo điệu hát lục bát ở gốc kinh, truyện và sử, thì sao ở Tầu lại không có cái thể văn ấy? Tuy vậy, các cụ đời trước nói thế, bây giờ mình cũng hãy hay rằng thế, để rồi kê cứu dần dần, không nên vội vàng bài bác.

Hết cuộc chuyện phiếm, một cậu học trò thay lượt cậu trước đọc cuốn *Trung dong*. Rồi một cậu nữa lại tiếp cậu này đọc cuốn *Tống sử*.

Mặt trời đã cao, cuộc nghe sách của học trò trung tập mới hết. Lúc này học trò đại tập đã đến đông đủ. Trong năm gian nhà ngột những hơi người.

Cụ bảng tạm nghỉ để quạt cho ráo mồ hôi.

Học trò lác đác đứng dậy ra sân hóng mát.

Khắc Mẫn dắt Vân Hạc và mấy người nữa đến ngồi dúm dúm ở dưới gốc nhãn, rồi họ thi nhau bắt Vân Hạc phải đọc những bài văn của chàng trong kỳ này cho họ nghe trước.

Một cậu học trò đủng đỉnh đến trước Vân Hạc nhìn chàng bằng con mắt ranh mãnh và tủm tỉm cười.

Vân Hạc đoán là hắn đã hiểu biết việc riêng của mình, liền hỏi:

– Mày cười cái gì, thằng Cung?

Người ấy vẫn cười:

– Mai kia tao sẽ cho mày bài thơ.

Vân Hạc cũng cười:

– Được! Có giỏi, mày cứ làm! Nếu thơ không hay, tao sẽ nọc cổ đánh cho ba chục.

Ngoài cổng có tiếng cười nói giòn giã. Một lũ nón dứa quai lụa bạch lần lượt từ cổng tiến vào trong sân. Các cụ nghè, cử, bạn thân của cụ bảng và là sơ khảo, phúc khảo của các quyển tập đến dự bình văn.

Cụ bảng lật đật đứng dậy đón khách.

Sau mấy cái vái trịnh trọng rước mấy ông khách lên thềm, cụ bảng vui vẻ nói:

– Chết chửa nắng quá! Các bác đi sớm ít nữa, có mát hơn không?

Cụ nghè Quỳnh Lâm chỉ vào cụ cử Liên Trì và đáp:

– Nếu tôi không cố phá đám, thì ông lão này còn ngồi ngất ngưởng với nai rượu thuốc, chứ đã chịu đi cho đâu.

Cụ cử Liên Trì mỉm cười để đưa ra hai câu thơ cổ:

"Bách niên tam vạn lục thiên nhật,
Nhất ẩm tu khuynh tam bách bôi".

Các cụ cùng ngồi lên chiếc phản giữa. Ai nấy phì phạch quạt lấy quạt để. Nhưng vẫn không ai chịu bỏ khăn áo. Cụ bảng phải sai hai cậu bé con cầm đôi quạt lông đứng hai đầu phản phẩy vào.

Hết ba tuần chè tầu, cụ bảng lục lại tập văn của học trò và chọn mấy quyển được bình để riêng một chồng.

Hôm nay là kỳ tứ lục: một bài chiếu và một bài biểu. Tất cả độ hơn mười quyển được đọc. Chỉ có một quyển của Đào Vân Hạc dấu sơ dấu phúc phê "ưu", dấu ngoại phê "bình", và năm quyển nữa ba dấu đều phê "bình", được đọc từ đầu đến cuối. Còn các quyển khác, hoặc "bình, thứ", hoặc "thứ mác" chỉ được đọc lỏi từng đoạn. Những quyển được đọc, mặt quyển đều có đề một chữ "bình". Những đoạn được đọc thì ở cạnh các dòng chữ đều có đánh dấu bằng "chấm mắt ngỗng". Soạn xong tập quyển, cụ bảng cầm trao cho mấy ông bạn:

– Các bác coi lại, nếu có quyển nào không đáng cho đọc, thì xin bỏ đi.

Mỗi cụ đón lấy vài quyển, coi qua một lượt, rồi đáp:

– Được cả, không có quyển nào phải loại.

Cụ nghè Quỳnh Lâm cầm quyển của Đào Vân Hạc chìa hỏi cụ bảng:

– Quyển này chúng tôi đã phê "ưu" cả, sao bác lại đánh xuống "bình"?

Cụ bảng rẽ ràng đáp:

– "Bình" là phải! Các bác cho "ưu" cũng khí quá đáng. Vả lại hắn còn ít tuổi, cần phải mài giũa cái tính hiếu thắng. Nếu như kỳ nào cũng "ưu", e rằng hắn sẽ coi mình là thánh là trạng, không chịu học hành, ấy là có hại cho hắn.

Rồi cụ trông xuống đám học trò ngồi cạnh:

– Trưa lắm rồi, ai lên đem quyển xuống đọc đi chứ!

Khắc Mẫn lễ phép đứng lên và tiến đến trước án thư. Cụ nghè Quỳnh Lâm đưa cho thày cuốn văn của Đào Vân Hạc và dặn:

– Đọc quyển này trước!

Khắc Mẫn lĩnh quyển văn đi xuống chỗ cũ. Mài mực, tẩm một ngòi bút thật đẫm. Một tay cầm bút, một tay cầm quyển, thày bắt đầu đọc bài chiếu trước. Tất cả học trò đều giở một tập giấy bản đặt lên đầu gối. Tai nghe văn, tay thì viết lia viết lịa. Văn đọc đến đâu, họ phải cố viết cho kịp đến đấy. Chữ thảo một lối lòi tói như sợi xích chó.

Với một giọng văn vừa kêu vừa trong, Khắc Mẫn đọc rất dại dễ, gãy gọn, từ đoạn nọ đến đoạn kia, mạch lạc cực kỳ phân minh. Nhất là những lúc lên giọng, xuống giọng, tiếng thày càng réo rắt dịp dàng, khiến cho câu văn càng nổi.

Cái nhà chứa gần ba trăm con người lúc ấy có vẻ nghiêm tĩnh của một tòa cổ miếu. Ngoài tiếng bình văn của Khắc Mẫn và tiếng khen hay của các khảo quan, cơ hồ không còn có gì khác nữa.

Hết bài chiếu đọc đến bài biểu. Mở đầu hai câu "phục dĩ", cụ cử Liên Trì và cụ nghè Quỳnh Lâm rối rít giục điểm, giục khuyên. Khắc Mẫn miệng đọc, tay chấm, mắt thì nhìn vào quyển văn, cuống quít như người phường trò vừa hát vừa phải đánh trống gõ mõ.

Đọc xong quyển của Vân Hạc. Cụ bảng lại bảo tạm nghỉ, để các học trò uống nước và hút thuốc lào. Những người viết chậm, tranh nhau mượn quyển Vân Hạc để họ chép lại những đoạn lúc nãy phải bỏ cách quãng vì viết không kịp. Như quên cả sự oi bức, người ta xúm nhau đến hơn chục người ngó vào quyển văn.

Cụ nghè Quỳnh Lâm sai người lấy chiếc ghế đẩu bắc ở bên cạnh, gọi Vân Hạc cho ngồi ở đó, tự mình rót một chén nước trao cho Vân Hạc, và cụ tấm tắc khen ngợi:

– Văn cậu khá lắm. Đỗ đến nơi rồi. Cậu phải cố đi, khoa hương này hãy lấy cho bác cái thủ khoa, rồi hội sau thì lấy cho bác cái đình nguyên nữa. Tiền trình của cậu có cơ viễn đại, bác lấy làm mừng!

Vân Hạc chỉ lễ phép đón lấy chén nước, không dám trả lời, vì chàng không biết trả lời thế nào.

Cụ nghè quay mặt sang phía cụ bảng và thêm:

– May được người con nối nghiệp, bác cống Đào Nguyên tuy mất cũng như còn sống.

Cụ bảng ngần ngừ lắc đầu:

– Tôi chưa dám chắc như vậy. Là vì văn chương của hắn tuy có lỗi lạc, nhưng vẫn không khỏi có chỗ cầu kỳ sinh tài, lại thường vượt ra ngoài qui củ. Nếu gặp quan trường thì hắn có thể đỗ cao. Nhưng nếu không gặp, tất nhiên sẽ bị hỏng tuột. Bao giờ hắn chừa được cái tật ấy, thì mới có thể chắc được!

Rồi cụ gọi các học trò và hỏi:

– Các anh nghe quyển Vân Hạc thế nào? Có thấy cái bệnh gì không?

Hết thảy nín lặng, không có ai đáp. Cụ tiếp:

– Văn chương anh ta tuy cũng khá đấy, nhưng phải cái tật rất lớn là có nhiều đoạn rắc rối bướng bỉnh, không chịu theo đúng khuôn phép. Đó là một điều tối kỵ trong các lối văn cử nghiệp, nhất là thể văn tứ lục.

Cụ cử Liên Trì nói xen:

– Phải! Văn chương cầu thị bất cầu kỳ, nếu quá cầu kỳ tất nhiên không lợi trường ốc. Bởi vì, trong lúc quan trường chấm văn, người ta chấm như ăn cướp, một khắc phải chấm đến mấy chục quyển, còn thì giờ đâu mà nghĩ ngấm nghĩ nghía cho mình? Thói thường hễ mà dấu "sơ" đã chấm thế nào, ấy là dấu "phúc" dấu "giám" lại chấm thế ấy, nếu như mình đặt một câu cầu kỳ, hoặc là ý nghĩa quá ư sâu xa, mà trong lúc vội vàng, ông sơ khảo không kịp hiểu hết, ông ấy sổ cho vài chiếc và phê cho một chữ "liệt", thì rồi những ông phúc khảo, giám khảo cũng lại sổ theo, và cũng phê cho vài chữ "liệt" nữa. Cái quyển đã đến ba "liệt", ông phân khảo khó lòng mà dám phê "bình" phê "ưu". Thế là hỏng oan chứ gì.

Cụ nghè Quỳnh Lâm nối lời:

– Ấy cụ Nguyễn Công Hoàn ngày xưa suốt đời thi hỏng cũng chỉ vì có tật ấy.

Rồi cụ quay ra hỏi các học trò:

– Các thày đã nghe chuyện cha con cụ Nguyễn đánh nhau về một câu tứ lục hay chưa?

Và không đợi học trò trả lời, cụ kể:

– Cụ Nguyễn Công Hoàn là bậc danh sĩ đời Lê, văn hay, học rất uẩn súc, chỉ phải cái tật đặt câu cầu kỳ, thành ra thi mãi không đỗ. Ông Nguyễn Công Lân là con, sức học tuy còn kém cụ rất xa, nhưng mà văn chương hoạt bát, ngoài hai mươi tuổi đã đỗ hương cống, rồi lại đỗ luôn tiến sĩ. Khoa ấy, tôi không nhớ là khoa nào, ông Lân đã làm chủ khảo, cụ Nguyễn vẫn còn cắp quyển đi thi, và cũng lại hỏng như trước...

Nói đến đấy, cụ nghè ngừng lại, để uống hớp nước dấp giọng, rồi tiếp:

– Thế rồi đến khi việc trường đã xong, ông Lân về nhà thăm cha. Đầu tiên, cụ Nguyễn hỏi ngay: "Khoa này có được quyển nào khá không?". Ông con ngay thật thưa rằng: "Có một quyển khá, chỉ vì phải câu tứ lục thất niêm, không thể lấy đỗ". Cụ Nguyễn liền gặng: "Câu tứ lục ấy thế nào? Có nhớ không?" Ông con thưa rằng có nhớ và đọc như vầy:

"Lưu hành chi hóa tự Tây Đông, Nam Bắc vô tư bất phục.

Tạo tựu chi công tự Cảo Mân. Kỳ Phong dĩ mạc bất hưng."

"Rồi thì ông ấy lại tiếc ngậm ngùi mà rằng: Nếu như câu dưới, họ đảo hai chữ "Cảo Mân" ra làm "Mân Cảo", cho đúng niêm luật, thì hai câu ấy hay biết chừng nào". Cụ Nguyễn không đợi cho con hết lời, vác gậy phang luôn chừng vài chục gậy. Và cụ nghiến răng nghiến lợi, chửi mắng tàn nhẫn. Cụ bảo ông con dốt nát như thế mà đi chấm trường, chôn sống biết bao nhiêu người...".

Cụ nghè lại nhìn học trò và hỏi:

– Các thày có biết tại sao cụ Nguyễn phải đánh một ông chủ khảo như vậy?

Học trò còn đương im lặng suy nghĩ, cụ nghè lại tự cắt nghĩa:

– Thì ra hai câu tứ lục ấy chính của cụ Nguyễn, ý cụ đặt như thế này:

"Lưu hành chi hóa tự Tây, Đông Nam Bắc vô tư bất phục,

Tạo tựu chi công tự Cảo, Mân Ký Phong dĩ mạc bất hưng".

Học trò nghe rồi, ai nấy sung sướng như đã nghĩ ra một điều mới lạ. Cụ cử Liên Trì nói thêm:

– Nếu như nghĩ kỹ một chút, chắc ai cũng nhận thấy rằng: trong hai câu đó, câu trên tất phải ngắt đến chữ "Tây", câu dưới tất phải ngắt đến chữ "Cảo". Chứ nếu chấm như kiểu ông Lân, một đằng ngắt đến chữ "Đông", một đằng ngắt đến chữ "Mân" thì không có nghĩa gì cả. Bởi vì nhà Chu khởi ở phương Tây, đóng kẻ chợ ở đất Cảo, người ta chỉ có thể nói: "Cái thói trôi đi nổi tự phương Tây, các phương Đông Nam Bắc đâu đâu cũng phục; cái công đắp dựng gây từ xứ Cảo, các xứ Mân Ký Phong đều cùng dấy theo". Chứ ai lại nói: "Cái thói trôi đi nổi tự phương Tây phương Đông.. cái công đắp dựng gây từ xứ Cảo, xứ Mân?" Nhưng vì bốn chữ Tây Đông Nam Bắc và bốn chữ Cảo Mân Ký Phong đặt liền với nhau, trong lúc vội vàng, câu trên người ta ngắt đến chữ Đông, thì câu dưới người ta cũng lại ngắt đến chữ Mân, như thế, chẳng những thất niêm mà còn vô nghĩa nữa chứ! Ấy đó văn chương cầu kỳ có hại như vậy. Các thày nên biết mà tránh.

Dứt mạch hiểu dụ của cụ cử, mấy cậu nhỏ tuổi ngoan ngoãn tiếp tuần chè tầu thứ hai.

Công việc bình văn lại sốt sắng đi theo thứ tự của nó.

Lần này cụ bảng cho đọc đến quyển của Bùi Đốc Cung, cái người trêu ghẹo Vân Hạc lúc nãy.

Văn của Đốc Cung tuy không xuất sắc bằng của Vân Hạc, nhưng cũng vào bậc học cứng, lời tươi và kêu như chuông, các cụ sơ khảo, phúc khảo luôn luôn khen "được".

Gần trưa, tan cuộc bình văn.

Cụ bảng giở dần tập quyển còn lại trên án, gọi tên từng người học trò, quyển của người nào trao trả người ấy.

Bộ điệu khác nhau của mỗi người trong lúc lĩnh quyển như muốn tỏ cho kẻ ngoài biết sự hơn kém của các học trò. Có ông hớn hở tươi cười với cái "thứ mác" con con. Cũng có ông vội vàng gấp tư quyển văn và bỏ vào túi một cách vội vàng để giấu cho kín cái "liệt" hay cái "thứ cộc" ở mặt quyển.

Chồng quyển trên án phân phát đã hết, học trò lũ lượt cắp nón đi ra. Để lại một mình Vân Hạc vì có lời dặn của cụ bảng phải đợi ở đó.

Mấy cậu nhỏ tuổi rón rén lấy chậu vẩy nước, quét cho sạch cát bụi và những bã điếu, tàn đóm trong năm gian nhà. Nhà trường dần dần trở lại quang cảnh thanh vắng như một nơi toàn thạch. Bao nhiêu ánh nắng đều bị ngăn lại trên đám lá um tùm của mấy cây nhãn và giàn thiên lý trước thềm, trong nhà lúc nào cũng mát rời rợi.

Sau nhà có tiếng lạch cạch.

Một mâm đồ rượu ngất nghểu ngự trên đầu anh bếp từ từ tiến vào phản giữa.

Cụ bảng mời mấy ông bạn uống rượu và cho Vân Hạc bắc ghế ngồi hầu bên cạnh.

Cụ cử Liên Trì quay lại mâm rượu và nói khôi hài:

– *Hữu tửu thực tiễn sinh ngoan, hữu sự đệ tử phục kỳ lão.*

Rồi cụ cầm luôn bầu rượu đưa cho Vân Hạc để chàng rót ra các chén.

Các cụ cất chén khắp lượt. Vân Hạc vẫn rụt rè giữ lễ không dám uống. Cụ nghè Quỳnh Lâm nhất định bắt chàng phải uống, và cũng nói giọng khôi hài:

– *"Đương nhân bất nhượng ư sư"*. Cụ Khổng đã dạy như thế, cái đức "nhân" còn không nhường thầy, huống chi một vài chén rượu lại phải sợ thày hay sao? Cậu cứ uống. Làm đấng tài trai, cần phải ngang tàng mới được, không nên e lệ như bọn con gái.

Cụ cử Liên Trì mỉm cười:

– Ấy họ cũng chỉ làm gái ở trước mặt chúng mình đó thôi. Khi mà ngồi cạnh nhà trò, tôi chắc mép ấy phải hết hàng hũ.

Vân Hạc giả vờ cúi mặt để giấu cái bộ buồn cười của mình. Rồi chàng xin phép các cụ và nhắc chén rượu nhấp một hớp nhỏ.

Cụ bảng bắt đầu đem chuyện nhân duyên của chàng nói cho mấy cụ kia nghe và thêm:

– Sở dĩ tôi phải ra công khuôn xếp việc này, cũng vì áy náy cái cảnh vợ chồng anh đồ Vân Trình và thương con bé cái Ngọc. Các bác có lẽ chưa rõ đầu đuôi. Con bé ấy trước kia đã nhận lấy Trần Đằng Long, về sau không hiểu vì sao bên này lại thôi không cưới. Thế rồi cái hôm nghè Long vinh qui, con Ngọc tình cờ đi qua, nó tiếc cái ngôi bà nghè đến nỗi ngất đi như đứa ngộ gió. Tôi đã chữa bệnh cho nó

phải dùng đến hơn mười thang "khai uất" mới khỏi. Nhưng khỏi là khỏi tạm thời mà thôi, nếu không lấy được người chồng vừa ý thì có ngày nó sẽ phát điên phát rồ. Vợ chồng bác đồ Vân Trình chỉ được hai đứa con gái, nó là lớn, nếu nó mà hỏng một đời, thì cảnh già của ông bà ấy cũng đau đớn lắm. Bởi vậy tôi phải tình nguyện đi làm mối chồng cho nó.

Cụ nghè, cụ cử tấm tắc khen là mối lương duyên và khuyên Vân Hạc nên mau mau lo việc cưới hỏi, không nên để chậm.

Cụ bảng ngắt lời:

– Cái đó đã ở tôi cả, không việc gì đến hắn.

Rồi cụ nhìn sang Vân Hạc.

– Hôm qua thày đã cất công sang chơi ông Vân Trình nói về chuyện này. Ông đồ, bà đồ đều bằng lòng. Công việc thế là xong. Ngày mai anh phải về quê thưa với bác cống và anh cả, anh hai...

Vân Hạc hết sức giữ cho vẻ mặt tự nhiên, chàng chỉ im lặng mà nghe và thỉnh thoảng điểm một tiếng dạ rất khẽ, chứ không nói đi nói lại.

Cụ bảng lại ngó mặt chàng:

– Nhưng phải gửi rể kia đấy. Vì bác đồ gái chê quê nhà anh xa quá, có ý ngần ngừ không thuận, nên thày phải hứa như thế.

Cụ nghè Quỳnh Lâm tạt ngang:

– Thế thì cậu khóa sướng bằng vua Thuấn mất rồi. Nhưng mà cháu có muốn học ông Thuấn, chỉ nên học đến cái chỗ gửi rể ấy thôi, chớ có học hơn. Để cho vợ chồng bác đồ Vân Trình kiếm lấy người rể nữa chớ.

Cả nhà cười ầm, làm cho Vân Hạc xấu hổ đỏ mặt.

Lâu lâu cụ bảng lại quay sang phía Vân Hạc:

– Còn một điều này, thày phải nói trước để cho anh liệu: cái chí con Ngọc nó chỉ thích làm bà thám, bà bảng chứ không phải nó muốn làm cô khóa quèn. Vì thế, khi nó nói mê nói sảng, luôn luôn tự xưng mình là cô thám, cô bảng. Rồi khi vợ chồng lấy nhau, anh phải nghĩ vào chỗ đó, làm sao cho khỏi phụ lòng cháu tôi thì làm.

Cả nhà lại cùng cười vang.

VI

Ở nhà ngoài, mấy bàn tài bàn tổ tôm đã tan. Họ mạc tới tấp giục nhau ai vào việc nấy. Đàn ông bắt nốt con lợn làm thịt. Đàn bà thì đi thắng đường, vo gạo, sắp sửa nấu chè thổi xôi. Ông đồ bà đồ cũng đã trở dậy để sai mấy cậu học trò đun nước quét nhà và nhờ mấy bà cụ già bổ cau têm trầu.

Cô Ngọc vẫn còn núp ở trong buồng chưa ra. Hôm nay, cô chỉ phân vân hồi hộp, chứ không sốt ruột như những hôm trước.

Trước kia, từ bữa ông đồ bà đồ chịu lời cụ bảng Tiên Kiều thuận gả cô cho Đào Vân Hạc, cô đã tự thấy nhân duyên của mình cũng không đến nỗi hẩm hiu. Tuy rằng trước mặt chị em chúng bạn, cô vẫn chê Vân Hạc là cốc láo, là kiết xác mồng tơi, và có khi cao hứng, cô còn thề rằng nhất định đi tu, chứ không lấy chàng, và cũng không lấy người nào, nhưng thực ra, với chàng, cô đã mãn nguyện vô hạn. Là vì trong con mắt cô, không có người nào hơn chàng, cả đến nghè Long cũng còn kém chàng rất xa. Chàng rất đứng đắn nhưng không lù đù. Chàng rất xinh trai, nhưng không có tính bợm bãi. Những lúc cô ngồi bán hàng ở chợ Kim Bảng, thường có hàng lũ học trò đi qua, phần nhiều họ đều ăn nói ỡm ờ, hoặc là con mắt nhìn ngược nhìn xuôi, chấp chới như quạ đậu chuồng lợn, riêng có Vân Hạc lúc nào cũng giữ vẻ mặt tự nhiên dù mà miệng chàng vẫn tươi như hoa, tiếng nói của chàng vẫn có duyên và rất dễ nghe. Đáng để cho cô vừa lòng hơn nữa là cái tài hoa của chàng. Tuy rằng cô chưa khi nào hỏi ai, nhưng danh tiếng chàng đã khét cả tỉnh Hà Nội, nó vẫn luôn luôn bay đến tai cô một cách vô tình.

Cô biết văn chàng không ưu thì bình, không bao giờ phải xuống bình thứ. Cô biết trong ba bốn trăm học trò cụ bảng Tiên Kiều, chàng là một người thứ nhất, không ai đè nổi. Cô biết các ông bạn của cụ bảng Tiên Kiều đều phục chàng có tài thám, bảng, sức học hơn hẳn nghè Long, tuy chàng đã ba khoa thi hương không đỗ. Tóm lại, người chàng, nết chàng, tài học của chàng, bấy nhiêu cái đã làm cho cô bồn chồn sung sướng mỗi khi nghĩ đến ngày mình làm người vợ chàng. Cô tin đời cô sẽ có một lần cũng như cô Thúy, chễm chện ngồi trên chiếc võng mành mành cánh sáo, để hàng tổng hàng xã rước đi rước về. Cô lại tiếc rằng: ông thám, ông bảng vẫn chỉ là hàng tiến sĩ, dù chàng có đỗ thám hoa, bảng nhỡn, cô cũng không hơn cô Thúy bao nhiêu. Nhưng

cũng có lúc tự cô lại thấy chán nản buồn bã. Là vì cô nhớ năm trước có người thày bói đoán rằng số cô trắc trở về đường nhân duyên, quả nhiên sau đó đã xảy ra việc bên nhà nghè Long bỏ cô không cưới. Bây giờ cái việc cô với Vân Hạc mới là lời của cụ bảng nói với ông đồ bà đồ, chưa đâu vào đâu, chắc đâu sau này lại không có kẻ bàn ra nói vào... Song cô cũng chưa đến nỗi thất vọng. Bởi vì cô chắc cụ bảng Tiên Kiều là bậc người lớn, cụ đã nói sao, phải đúng như vậy, không khi nào có chuyện trẻ con như vợ chồng ông đồ Văn Khoa.

Tuy rằng những khi đi chợ tình cờ giáp mặt Vân Hạc, cô thường giả vờ nhìn đi đằng khác, như không để ý đến chàng, nhưng mà trong lúc bước chân ra đi, cô lại mong được gặp chàng để thử ngắm lại dáng bộ chàng bây giờ ra sao. Tuy rằng những lúc ngồi với chị em chúng bạn, bị họ đem Vân Hạc ra làm đầu đề chế cô, giễu cô, cô vẫn xấu hổ đỏ mặt, có lần đã phải phát cáu với họ, nhưng mà chính cô lại muốn được họ chế mình, giễu mình như thế, và nếu không thế, thì câu chuyện của họ sẽ không được cô để vào lỗ tai. Cái phút hồi hộp thứ nhất của cô hồi ấy là bữa cô vừa ở chợ về, bà đồ bảo cho cô biết cụ bảng Tiên Kiều đã xin ấn định ngày đi trầu cau. Bấy giờ tuy cô không có can đảm để hỏi "thầy mẹ đã nhận lời chưa", nhưng cô chỉ mong được nghe bà đồ nói rằng: "Ta đã nhận lời rồi đấy". Thế rồi từ lúc ăn hỏi, xin cưới mà đi, sự bồn chồn ở trong bụng cô lại cứ mỗi ngày mỗi tiến. Với cô lúc ấy, một ngày tức là một năm. Cái thời gian từ cuối tháng sáu đến đầu tháng tám, chỉ có hơn ba chục ngày, nhưng ở cô nó đã dài như ba chục năm. Hàng ngày óc cô luôn luôn phải làm tính trừ, hết một ngày thì cô rút đi một ngày, hết hai ngày thì cô rút đi hai ngày, nhưng cái chuỗi ngày chưa tới vẫn như không nhấn chút nào. Những đêm mưa ngâu rả rích, giọt mưa lách tách rơi xuống đầu thềm, và những buổi chiều gió thu hiu hắt thổi quanh nhà, bóng tà man mác in trên lá cây, đều là những cái thì khắc khó chịu cho cô hơn hết.

Bây giờ những ngày sốt ruột ấy nó đã như nước chảy chậm, dần dần tiêu hết đi rồi. Cái giờ mà cô chờ đợi, đương sắp sửa tới. Chỉ một lúc nữa thì đến giờ ngọ, họ nhà trai sẽ sang đón dâu. Từ trưa hôm qua mà đi, người cô lúc nào cũng thấy rạo rực, nhất là những lúc nghe tiếng bà con làm giúp, thi nhau gọi mình là cô dâu.

Không phải cô thẹn về sự trêu cợt của họ. Hơn một tháng nay, người ta đùa cô, chế cô đã nhiều, cô chịu quen rồi. Lúc này, trước sự

ỡm ờ của mọi người, cô đã thừa đủ can đảm để mà đâm ỳ ra đó. Vậy mà không biết làm sao hai tiếng cô dâu lại có sức mạnh mầu nhiệm, mỗi khi lọt vào tai cô.

Bị kiểm duyệt bỏ hồi Pháp thuộc

Cả đêm hôm qua, cô chỉ ngủ đi nửa giờ. Nhiều lúc cô đã cố nằm nhắm mắt, nhưng vẫn không thể ngủ được. Những tiếng đi lại huỳnh huỵch và những tiếng nói chuyện xôn xao của một đình đám linh đình bắt cô phải để tất cả tâm trí vào cảnh tượng đêm mai. Trong phút này, cái tiếng đêm mai đã phải đổi ra đêm nay, óc cô vẫn cứ bộn rộn về cảnh tượng đó.

"Đúng trưa mới bắt đầu ở đây ra đi, nhanh lắm cũng phải đến nhá nhem tối mới tới Đào Nguyên. Thế thì cuộc lễ tơ hồng sẽ vào ban tối". Cô tính như thế, và cô cho rằng như thế càng hay, vì lễ tơ hồng ban tối, sẽ khỏi trơ trẽn như các đám khác làm lễ ban ngày. Cô lại tiếc từ trước đến giờ mình không để ý đến các đám cưới của người trong họ. Không rõ trong lúc ngồi với chú rể mà ăn mâm cỗ cúng ông tơ hồng, cô dâu có phải uống rượu hay không? Nếu có thì uống mấy chén? Và cô cân nhắc đến tiếng xưng hô của mình phải dùng trong cái phút ấy, không biết khi thoạt giáp mặt Vân Hạc, mình nên gọi "anh chàng ta" là gì, bằng mình hay bằng anh? Rồi cô nghĩ luôn đến những cử chỉ, lễ độ và những câu chuyện sẽ nói trong khi vợ chồng bắt đầu ngồi đối với nhau. Cô không hiểu rằng cái lúc hãy còn ăn uống, mình nên thay bộ áo ngoài, hay cứ mặc nguyên như trước. Thế rồi hai má thấy nóng hôi hổi.

Bị kiểm duyệt bỏ hồi Pháp thuộc

Tiếng kêu giật giọng của con lợn đương bị chọc tiết, chói lói thúc vào lỗ tai, làm cô phải đứt hẳn mạch tư tưởng.

Một người chị họ đi qua cửa buồng, vừa cười vừa nói the thé:

– Gớm chửa! Cô dâu bây giờ vẫn chưa thèm dậy. Ngủ gì mà ngủ kỹ thế.

Bị kiểm duyệt bỏ hồi Pháp thuộc

Cô chưa nói sao, người ấy mở mành nhòm vào buồng và giục:

– Thôi đi. Ngủ độ bấy nhiêu cũng đủ. Dậy đi thôi. Mặt trời đã xỏ vào mắt kia kìa. Dậy xem gạo để đâu đong cho chúng tôi nấu cơm.

Cô liền trả lời bằng giọng cố thây:

– Em còn định ngủ thẳng đến trưa, nhưng chị đã nói thì em xin thôi.

Rồi cô oằn oài ngồi dậy.

Trái với thường lệ mỗi ngày, hôm nay cô không chải đầu, không soi gương, chỉ quấn lại qua loa cái vành khăn vấn, rồi cô bạo dạn mở cửa bước ra.

Mấy người em họ đua nhau chế giễu:

– Thưa chị đã dậy ạ!

– Sao chị không cố ngủ thêm lúc nữa?

Cô mỉm cười và vẫn bây bả:

– Công việc đã có các dì làm hộ. Tôi cần phải ngủ để lấy lưng cho đêm nay chứ! Nhưng mà còn đời các dì nữa đấy. Chỉ sợ sau này các dì lại tệ bằng hai tôi thôi.

Đủng đỉnh ra bể, cô toan múc nước rửa mặt. Không biết bụng cô nghĩ ngợi ra sao, thau nước múc rồi lại bỏ không rửa. Lững thững cô xuống nhà bếp và ngồi thụt vào đám mấy người con gái.

Nhà trên, nhà dưới, công việc dao thớt vẫn được tiến hành một cách tấp nập.

Mặt trời lên khỏi ngọn cây, một loạt độ vài chục mâm vừa xong. Sau khi cái xỏ lợn đã đệ ra đình nộp treo, và mấy mâm thịnh soạn đã bưng đi cúng nhà thờ, họ mạc rộn rã bảo nhau ăn uống. Để một lát nữa còn phải làm cỗ thết họ nhà trai.

Cô cũng ghé vào với các chị em, ăn lếu ăn láo một vài lưng cơm. rồi lại lẩn vào trong đám đàn bà con gái, ngồi dụi, ngồi dọ lúc tựa vào lưng người này, lúc gục vào vai người kia, để giấu cho kín cái vẻ khác thường trên mặt.

Gần trưa, một cậu học trò bé con lúc này bị cắt ra hóng ở nẻo đầu làng, tất cả chạy về báo với ông đồ là họ nhà trai đã đến. Quang cảnh trong nhà mới càng túi bụi.

Người ta thúc mấy cậu này quạt nỏ hỏa lò cho nước chóng sôi. Người ta sai mấy cậu kia lấy chiếc phất trần phẩy qua dãy chiếu cạp điều cho sạch cát bụi. Người ta cắt hai cô con gái bưng hai quả trầu ra tận ngã ba đón họ nhà trai.

Cô Ngọc vẫn cố ngồi lỳ dưới bếp để làm ra bộ bạo dạn.

Một lát sau, ngoài cổng nghe có tiếng ồn ào, tiếp luôn đến tiếng trẻ con cười reo:

– Chú rể đã đến!

Mấy cô con gái lở tở kéo ra nấp sau tường hoa cạnh cổng, để chờ xem mặt chú rể.

Bấy giờ cô mới lật đật chạy vội lên buồng. Lúc ấy mọi người đổ xô cả ra phía cổng, ở chỗ cửa buồng không có người nào, cô bèn khép cánh cửa lại, rồi đứng sau cửa nhòm ra.

Đám con nít xúm xít ở phía sau cổng, tự nhiên giạt ra hai bên, rồi cùng chắp tay vái như bổ củi:

– Lạy cụ ạ!

– Lạy cụ ạ!

Với một bó hương nghi ngút cầm tay, cụ bảng Tiên Kiều súng sính khoác áo thụng lam đi trước, rồi đến cụ Cử Liên Trì. Rồi đến mấy ông cụ già. Rồi đến mấy bà cụ già. Rồi đến một toán con gái. Rồi đến một bọn con trai. rồi đến một lũ bưng tráp xách điếu, với mấy người phu khiêng võng.

Cô Ngọc chăm chăm nhìn không chớp mắt, chủ ý chỉ định coi thử Vân Hạc ăn mặc có lịch sự không. Nhưng chàng đứng lấp vào đoàn nón dứa lố nhố, cô không thể trông được rõ.

Thình lình một tiếng pháo nổ. Cả bọn nhà trai đứng ùn lại khu giữa sân. Rồi đó những tiếng đì đùng tiếp nhau đi một hồi dài. Xác pháo bắn ra tứ tung, khói bốc đen ngòm, mùi thuốc pháo đưa vào trong nhà khét lẹt. Khi ấy mặt cô càng nóng, bụng cô càng thấy nôn nao, cô phải lẻn vào trong giường, ngồi im.

Họ nhà trai lục tục tiến lên nhà trên. Cụ nghè Quỳnh Lâm, cụ cử Mai Đình và các ông bạn của ông đồ ở bên nhà học vừa sang.

Các cụ vái nhau một lượt, rồi cụ Cả Mai Đình nhìn vào cụ bảng Tiên Kiều, cụ cử Liên Trì và nói:

– Té ra hôm nay chúng ta chia làm hai cánh. Các bác ăn về cánh nhà trai, chúng tôi thì ăn về cánh nhà gái.

Cụ cử Liên Trì mỉm cười:

– Phải! Tôi cũng biết các anh ăn về bên chắc.

Cụ cử Mai Đình cũng cười và tiếp:

– Chứ ai có dại mà ăn về bên lép như các ngài.

Cụ bảng Tiên Kiều nói chen:

– Tôi can các anh đừng bẻ tay bụt ngày rằm. Cỗ bàn có thiếu gì giò nem!...

Một trận cười rộ kết liễu cho cuộc bông đùa, quan viên hai họ chen nhau ngồi vào các ghế.

Tuần trà đầu tiên đã đoạn. Cụ bảng nói với quan họ nhà gái cho người đưa rể đi lễ mấy nơi cần lễ.

Một cậu của nhà trai mở tráp lấy chiếc áo tấc trao cho Vân Hạc.

Mấy chục cặp mắt trong đám đồng thời đổ xô vào chàng rể mới.

Vân Hạc tuy đã trơ trẽn, nhưng cũng không khỏi xấu hổ khi phải khoác tấm áo lùng thùng vào mình để đi với bọn phù rể theo người nhà gái dẫn đường đến mấy nhà thờ.

Những cô con gái rõ mặt chú rể thi nhau bàn tán bình phẩm; kẻ chê chú rể xấc lấc, người khen chú rể giỏi trai.

Bà đồ tung tăng chạy lên chạy xuống, dóng dả chị em bè bạn cô Ngọc sắp sửa quần áo để đi đưa dâu.

Một lát sau, chú rể lại về với bọn phù rể.

Bà cống lễ phép đứng dậy nói với cụ bảng xin mời ông đồ bà đồ ngồi lên cho rể làm lễ. Cả hai ông bà nhất định không nhận. Bà cống nhất định trèo kéo. Một bên cố nài, một bên cố chối, câu chuyện giằng co trong một hồi lâu. Kết cục cuộc áp từ phải nhường chỗ cho mấy mâm cỗ và mấy nai rượu.

Sau khi đã thay phiên nhau mời chào quan viên hai họ vào tiệc, ông đồ lánh sang nhà học, bà đồ cũng đi giục giã mấy người làm giúp bưng mâm để những ông, bà cô, cậu phải đi đưa dâu uống rượu; rồi bà vào bảo cô Ngọc cùng ngồi với các chị em ăn cơm luôn thể.

Bóng nắng chấm giọt, nhà trong nhà ngoài ăn uống đều xong.

Cụ bảng sai người đi mời ông đồ bà đồ tới đó để xin đón dâu.

Những người vào việc võng cáng điếu tráp tấp nập sắp sửa đồ đạc. Mấy bà cụ già trong họ cùng giục cô Ngọc đứng lên thay đổi quần áo.

Nhưng cô bây giờ tự nhiên lại thấy bẽn lẽn xấu hổ, nấn ná cô cứ ngồi ỳ với bọn chị em. Mấy bà cụ già nóng ruột, thúc giục đến bốn năm lần, bấy giờ cô mới liều tình đứng dậy ra sân. Sau khi đã múc

chậu nước, lau qua mặt mũi, cô vào trong buồng, mở rương lấy gói quần mới, áo mới, và chiếc quai thao mới, bỏ cả ra giường. Rồi cô lật chiếu đầu giường cầm lấy chiếc gương Tư mã, nhưng lại ra bộ ngượng ngùng nửa muốn soi, nửa không muốn soi. Những người bạn gái xúm lại, kẻ sổ khăn, người chải đầu, người rẽ đường ngôi, rồi người lấy chiếc khăn nhiễu tam giang của cô mới mua; nắn nót vấn vào cho cô. Mặc họ vần mình như vần dưa, cô không nói năng gì cả.

Ngoài sân lạch tạch một tràng pháo nổ. Quan họ nhà trai đã tan một tuần trầu nước cuối cùng. Bà cống Đào Nguyên, cụ bảng Tiên Kiều có lời cáo từ. Rồi thì mọi người rục rịch đứng dậy vái chào ông bà đồ và bước xuống sân. Cụ nghè Quỳnh Lâm, cụ cử Mai Đình và mấy ông già bà già dự cuộc đưa dâu, cùng đi luôn với họ nhà trai ra cổng.

Cô Ngọc vẫn còn lúng túng trong buồng, chưa chịu thay đổi quần áo.

Mấy bà nhiều tuổi trong họ phát cáu:

– Không phải là việc trẻ con mà cứ làm nũng! Thế nào gọi là ngày tháng tốt? Một năm mới được một ngày. Một ngày mới được một giờ. Liệu mà sắm sửa mau lên, sắp hết giờ ngọ rồi đấy. Nếu đi lúc nào cũng được, thì ai còn xem ngày xem giờ làm gì?

Cô Ngọc đỏ bừng hai má và trả lời bằng giọng buồn rầu:

– Các bà mắng cháu oan quá. Nào cháu có làm nũng đâu! Nhưng mà...

Cô không nói nữa và đứng phắt dậy, cởi hết cả lớp quần áo đương mặc, để thay một lượt áo mới váy mới. Rồi cô sẽ nâng chiếc gương Tư mã ngắm lại dung nhan của mình, cái tuổi xuân đương dậy thì, thêm có tơ lụa trang điểm, cố nhiên vẻ yêu kiều phải rực rỡ hơn ngày thường. Cô cố giữ nguyên sắc mặt cho khỏi tươi cười, để giấu kín cái hớn hở của sự đắc ý.

Chị em thi nhau nói giễu:

– Đẹp rồi! Đáng là cô thám, cô bảng lắm rồi. Thôi đi đi chứ. Đêm có khuya, ngày có rạng!

Cô không trả lời. Ngó ra cửa buồng, cô bảo cô Bích lấy hộ chiếc chiếu trải ra giữa thềm. Rồi mời ông đồ bà đồ lên ngồi trên phản, cô rón rén bước vào trong chiếu, thụp xuống lạy cha lạy mẹ mỗi người một lạy. Ông đồ vẫn thản nhiên như thường. Nhưng bà đồ coi bộ rất

là cảm động, nước mắt dấp dính trong hai khóe mắt. Sẽ lau nước mắt, bà gượng làm bộ vui vẻ:

– Thôi, con đi đi! Kẻo nữa hai họ chờ đợi. Mẹ đã nói với cụ bảng, bà cống rồi đấy. Ngày mai cơm nước xong rồi, vợ chồng lại cùng về đây với thày và mẹ.

Cô Ngọc cũng rưng rưng hai hàng nước mắt. Uể oải xỏ chân vào đôi dép cong, rồi cô thơ thẩn đứng dậy, toan quay vào buồng. Mấy cô phù dâu đứng đợi đã lâu, có ý nóng ruột, họ liền lấy chiếc nón thúng quai thao trao tay cho cô và giục:

– Đi đi! Chùng chình mãi! Chị bắt anh ấy chờ đến bao giờ?

Điềm nhiên, cô đặt chiếc nón lên đầu và buồn bã bước chân xuống thềm, rồi đi lẫn vào giữa đám con gái đó. Cái nón chênh chếch chúc về phía trước, hết sức giấu kín đôi má hồng hồng của cô, cái má đương bị nóng hổi về sự rạo rực trong tim phổi.

Ngoài đường quan viên hai họ vẫn thủng thẳng vừa đi vừa đợi.

Ra khỏi cổng làng, dâu, rể và các ông già, bà già lần lượt lên võng. Những cô con gái và những cậu con trai răm rắp đi bộ theo sau.

Nắng tây gay gắt rọi xuống đồng lúa xanh non, như muốn thúc đám cưới đi cho rảo bước.

Ngồi trên võng, nhìn lên những người đi trước, cô sịch nhớ đến câu chuyện mà mình bói được độ nọ:

"Vội vàng sắm sửa lễ công.
Kiệu hoa đón gió, đuốc hồng ruổi sao.
Bài hàng cổ vũ xôn xao.
Song song đưa tới trường đào sánh đôi".

Cô mỉm cười và tự hỏi mình: có lẽ bốn câu ấy ứng vào cái việc hôm nay đây rồi. Rồi cô nghĩ luôn bốn câu nữa mà cô cũng bói được trong hôm ấy và cô tự hỏi: không hiểu bốn câu này là ý làm sao?

VII

Ánh nắng nhạt của trời tháng chín đã phá tan lớp sương mù bắt đầu in xuống mặt đất.

Cánh đồng lúa chín tưng bừng biến thành làn biển sắc vàng.

Hơi sương đọng lại ban đêm còn đầm đìa trên lá cây và lóng lánh trên ngọn cỏ.

Bằng dáng bộ vui vẻ của một người đương được hả dạ, cô Ngọc – bây giờ có thể gọi là cô khóa Hạc – tung tăng đi trên bờ đê với chiếc thùng nhôi cắp ở dưới sườn. Chốc chốc cô lại quay đầu về phía cổng làng để ngó xem chồng ra chửa.

Nhưng mà chàng vẫn chưa ra.

Thủng thẳng bước một, cô dạo tới một gốc cây đa ven đê. Và lật chiếc nón khua sơn nhôi bạc đặt ngửa xuống một đám cỏ, cô để cái thùng lên trên. Rồi vén váy áo cho khỏi lòa xòa, cô ngồi vào một đoạn rễ đa cạnh đó, và giở thùng lấy kim chỉ và miếng mụn nhiễu, cô vừa khâu túi vừa đợi chồng.

Sau cái đêm đuốc hoa phòng động, cô về quê chồng lần này là hai.

Bởi vì từ khi xong lễ lại mặt, Vân Hạc đã cho người sang nhà trọ dọn hết sách vở đồ đạc sang nhà ông đồ Vân Trình, để cùng cô hưởng cuộc đoàn viên, cho nên cô dù đã đi lấy chồng, nhưng vẫn được ở nhà với cha với mẹ.

Vợ chồng ông đồ cũng muốn cho cô trọn đạo làm dâu. Cho nên cách đó ít bữa, ông bà lại bắt Vân Hạc đưa cô về làng Đào Nguyên để thăm bà cống và đi chào các ông chú, bà bác trong họ.

Cô ở nhà chồng chỉ có hai đêm một ngày, thì bà cống Đào Nguyên giục cả vợ lẫn chồng phải sang Vân Trình. Là vì năm đó, hương thi có kỳ ân khoa, bà sợ con trai nấn ná ở nhà, hoặc giả lại sao nhãng về việc đèn sách. Chiều ý mẹ, Vân Hạc lại phải đi ngay.

Năm gian nhà khách của ông đồ Vân Trình lúc ấy đã thành ra giang sơn riêng của vợ chồng cô. Với cái giang sơn ấy, đời cô hơn một tháng nay, có thể nói là đầy những thi vị. Ngày thì đi chợ bán hàng, tối về cô lại dệt cửi. Buồng cửi của cô đối với nhau với buồng học của Vân Hạc. Những lúc đêm khuya nhà vắng, bóng trăng vằng vặc rọi trước thềm, chàng học, cô thì dệt vải, tiếng đọc sách giòn giã xen với những dịp đều đặn của tiếng ác kêu, khiến cô luôn luôn cảm thấy cái sung sướng êm đềm của đời tuổi trẻ vô lo vô lự.

Nhưng mà chí cô không phải có thế, cô còn muốn được hơn nữa.

Bây giờ kỳ thi sắp tới. Chỉ cần cách năm ngày nữa, chàng phải

trẩy trường. Vì vậy ông đồ bà đồ bảo chàng và cô phải về Đào Nguyên để sửa lễ thờ. Vân Hạc tuy vẫn không thích việc đó, nhưng vì chiều lòng ông nhạc, bà nhạc, chàng cũng không muốn từ chối.

Sáng nay cô và chàng ăn cơm sớm hơn mọi ngày. Đáng lẽ hai người cùng đi một lúc, nhưng vì vợ chồng mới cưới cô vẫn chưa hết cái tính xấu hổ, sợ rằng đi đôi với chồng lại bị chị em chê cười. Cho nên cô mới dặn chàng đi sau để mình đi trước ra khỏi cổng làng cô sẽ vừa đi vừa đợi.

Dưới bóng rợp mát của cây đa, mắt cô tuy nhìn vào mũi chỉ đường kim, nhưng bụng cô vẫn để cả vào lời người thày bói mà cô mới bói trong phiên chợ trước:

"Người ta vẫn đồn lão thày bói ấy đoán quẻ hay lắm. Hắn bảo tháng này mình có tin mừng, chắc anh chàng ta thế nào cũng đỗ. Vả lại cụ bảng Tiên Kiều, cụ nghè Quỳnh Lâm và nhiều cụ khác đều nói quyết rằng anh ta phải đỗ kia mà. Nhưng, anh ta đỗ ngay, mình cũng không thích. Vợ chồng lấy nhau mới già một tháng, mà chồng đã đỗ, thiên hạ sẽ bảo mình không có công nuôi chồng đi học ngày nào. Ước gì anh ta hỏng vài khoa nữa, rồi sau hãy đỗ, để mình nuôi hắn cho thiên hạ biết tay". Nhưng rồi cô lại gạt đi mà rằng: "Sao mình lại nghĩ dại dột như thế? Gì thì gì, chứ chồng đỗ sớm vẫn có sướng hơn. Thi hương đã vậy, lại còn thi hội. Nếu khi mình đã con bận con mọn vác đôi vú ộ ệ mà lên ngồi võng vinh qui, có lẽ không thú gì nữa".

Cái túi khâu đã gần xong, vẫn chưa thấy bóng Vân Hạc. Cô toan đứng dậy trở về, thì trong cổng làng một chiếc nón dứa vừa nhô ra dưới bóng nắng.

Nhìn cái dáng điệu nhanh nhảu và nhẹ nhàng của người đội nón, cô nhận đích là chồng mình, tức thì cô lại ngồi xuống để khâu cho xong cái túi.

Bóng nắng lan đến gốc đa.

Trận gió hiu hiu thổi qua đồng lúa.

Những bông lúa chín lướt theo chiều gió cồn cộn như một lớp sóng vàng.

Tiếng hát đưa liềm của mấy cô thợ gặt thi nhau lên bổng xuống chìm, réo rắt trong cánh đồng bát ngát.

Trước cảnh tượng bao la man mác, cô dừng mũi kim, mơ màng nhìn ra đám chân trời xa xa.

– Làm gì mà thơ thần vậy?

Tiếng hỏi thình lình dội vào bên tai, khiến cô giật mình quay lại. Vân Hạc đã sừng sững đứng ở đằng sau với một nụ cười. Chàng tiếp:

– Đợi lâu thế hẳn nóng ruột lắm đấy nhỉ?

Cô cũng mỉm cười và đáp:

– Không nóng ruột: Chỉ tính quay về đấy thôi. Trang điểm những gì mà ở nhà bây giờ mới đi?

Vừa nói, cô vừa thu xếp cái thúng, rồi cô uốn vai, vặn mình uể oải đứng dậy.

Vợ chồng liền sánh vai nhau vừa đi vừa nói chuyện tầm phơ. Con đường tuy xa, nhưng chàng vẫn luôn luôn đi về, cô thì hàng ngày đi chợ đã quen, cho nên ai nấy cũng không mỏi lắm.

Mặt trời gần đến đỉnh đầu, cổng làng Đào Nguyên lù lù hiện ở trước mặt. Cô toan lùi lại để chồng vào trước. Nhưng chàng bảo cô cứ việc cùng đi, không phải e lệ gì cả.

Hai người mới nhô đầu vào cổng nhà, lũ cháu thi nhau cười reo:

– Ấy a, chú tư, thím tư đã về!

Rồi chúng đua nhau lạy chú, lạy thím và chúng xúm xít chung quanh, đứa này nắm tay, đứa kia níu lấy vạt áo của thím. Xoa đầu chúng nó khắp lượt, cô và chàng vui vẻ đi vào trước thềm. Bà cống đương ở trong nhà mừng rỡ bước ra. Cô và chàng cùng cung kính chào. Bà cống tươi cười:

– Ừ các con đã về đấy ư? Đẻ đương có ý mong đợi. Nếu như hôm nay chúng bay không về, thì có lẽ ngày mai đẻ phải cho người đi gọi.

Vân Hạc sửng sốt:

– Thưa đẻ có việc gì ạ?

Bà cống vội đáp:

– Không! Có việc gì đâu. Vợ chồng hãy vào trong nhà mà nghỉ. Đi đường lúc nắng có mệt lắm không?

Cô Ngọc lễ phép:

– Thưa đẻ, cũng không nắng lắm. Vì ở trên đường có gió luôn luôn.

Rồi cô nhẹ nhàng lên thềm và sai một đứa cháu lớn đi xuống nhà dưới lấy cho cái đĩa. Sau khi đã giở thúng lấy mấy chiếc bánh cốm bày lên trên đĩa, bưng đến trước chỗ bà cống, mời bà xơi nước, cô đem gói kẹo phân phát cho lũ trẻ con. Mấy người chị dâu nghe

tiếng vợ chồng chú tư đã về, ai nấy đon đả chạy lên chào hỏi. Trong nhà vui như ngày tết.

Hết một lượt chuyện hàn huyên. Vân Hạc đứng dậy tung tăng vừa đi bách bộ trong nhà vừa hỏi mấy người chị dâu:

– Anh cả đi đâu không thấy? Anh hai, anh tú độ này có về nhà không?

Bà cống đón lời:

– Bác cả sang chơi bên Bắc, mới đi sáng nay. Còn anh hai và anh tú thì hơn tháng nay, không về đến nhà. Hôm qua hai anh có nhắn về rằng: hễ con có về, thì con cứ việc sửa lễ ra thờ. Từ nay đến hôm trẩy trường, các anh ấy cũng không về nữa. Vì vậy, đẻ cứ mong ngóng vợ chồng nhà mày.

– Con cũng đã toan không về. Nhưng vì mẹ con bên kia giục mãi, con cũng nể lòng, nên phải nghe lời. Lễ mãi, khoa nào cũng lễ, hỏng vẫn hoàn hỏng. Quỉ thần có giúp cho mình gì đâu, mà mình cứ phải cúng các ông ấy?

Vừa nói Vân Hạc vừa ngồi xuống ghế, vớ lấy cái điếu, sai cháu châm lửa hút thuốc. Bà cống ra bộ không ưng lời con, vội gắt:

– Cái thằng ăn nói hay chứ! Làm người thì phải kính trọng quỉ thần. Cúng ngài không phải chỉ cốt cần ngài phù hộ. Mày dốt thì mày hỏng, trách gì quỉ thần? Nếu như cúng mà được đỗ, ai còn phải học làm gì?

Cô Ngọc tiếp lời mẹ chồng:

– Ấy ở bên kia anh ấy cũng cứ nói bướng như thế. Mẹ con khuyên mãi mới chịu về đấy.

Vân Hạc mỉm cười:

– Thì cứ cúng, tôi có ngăn cản gì đâu. Nhưng thưa đẻ, phải để đến ngày mai chứ?

Bà cống rẽ ràng trả lời:

– Gà gạo tao đã mua sẵn cả rồi. Nhưng cũng phải chờ đến sáng mai mới sửa. Việc lễ lạc, không nên sửa vào buổi chiều.

– Một đứa cháu gái với bộ mặt nhễ nhại mồ hôi, xách một siêu nước từ dưới nhà bếp lên thềm. Cô Ngọc nhanh nhảu chạy ra đón lấy. rồi cô xúc ấm, tráng chén, pha mấy chén nước, đệ đến trước mặt bà cống. Bà cống cầm chồng bánh cốm đưa cho cô và nói:

– Con đem bóc ra, để các bác uống nước cho vui. Chị tú chạy lại đón lấy chồng bánh và nói:

– Để con bóc cho. Thím nó chưa biết bát đũa để đâu.

Rồi thì chị ấy cầm mấy cái bánh đi xuống nhà dưới. Bà cống vui vẻ bảo chị cả, chị hai cùng sang bên ấy uống nước với mình. Với mấy chị này, bà chỉ là người nàng hầu của bố chồng, nhưng lúc ấy các bà vợ cả, vợ hai cụ cống đều mất. Bà được là chủ của gia đình. Cái nết hiền từ đứng đắn của bà, đã làm cho những người dâu con cụ cống, đều phải kính trọng yêu mến như một người mẹ. Đối với bà, họ giữ rất đúng lễ phép, thường thường không ai ngồi đôi cùng bà bao giờ. Vì vậy, bây giờ bà tuy mời họ, họ vẫn nhất định từ chối:

– Bà mặc chúng con.

Chị tú đã bưng mâm bánh ở nhà dưới lên, rón rén đặt vào bên cạnh bà cống. Một lần nữa, bà lại giục các chị dâu sang đó ăn bánh. Nể lời bà, chị hai liền đến bưng lấy một đĩa, đem sang dãy phản bên này. Bà cống lại gọi lũ cháu vào quanh phản mình, rồi bà xắn bánh, xóc cho mỗi đứa một miếng.

Cái tiệc đơn sơ cử hành trong một bầu không khí đầm ấm, khiến cho cô Ngọc nô nức mừng thầm về nền phúc đức nhà chồng. Và cô không khỏi băn khoăn cho cảnh vắng vẻ của nhà mình.

Xong bữa nước, trời vừa đúng trưa. Chị cả, chị hai, ai đi làm việc của nấy. Cô và chị tú cùng xuống nhà bếp nấu cơm.

Mặt trời tà tà, cô vào xin phép bà cống cho mình và mấy đứa cháu nhỏ đi thăm mấy ông chú bác và vài chị em trong họ. Lân la hết nhà này đến nhà khác, khi cô trở về thì trời vừa tối.

Trong nhà hãy còn đầy những khách khứa, bà con trong họ nghe tin Vân Hạc mới về, người ta rủ nhau đến chơi để hỏi thăm về chuyện thi cử của chàng.

Mặc chồng tiếp khách ở nhà trên, cô xuống nhà dưới, ngồi chuyện vãn với mấy người chị dâu.

Một lát sau, khách khứa về hết. Vân Hạc cũng cùng đi chơi với họ. Bà cống cho gọi cô và mấy người kia lên cả nhà trên. Rồi bà bắt cô thắp đèn, đem truyện Phật Bà Quan Âm kể cho cả nhà cùng nghe. Lâu nay bà vẫn thèm nghe truyện ấy, nhưng mà không có ai kể. Vả lại, bà vẫn nghe nói dâu mình biết chữ, nhưng bà chưa tin, nên muốn thử xem cô có biết chữ thật không.

Thấy cô đọc được trôi chảy, đúng vần, dứt mạch, không bị ngắc ngứ chỗ nào, thì bà rất lấy làm mừng.

Chị hai như cũng ngạc nhiên về sự thông thái của em dâu, ngơ ngẩn nét mặt sẽ hỏi:

– Thím đi học được bao nhiêu năm?

Cô bấm đốt rồi đáp:

– Tám năm tất cả. Em đi học từ năm lên sáu. Vì thày, mẹ em hiếm hoi, lúc đẻ em, thày mẹ em không xâu lỗ tai. Đến năm em lên sáu tuổi, thày mẹ em lại bắt em để hồng mao, mặc quần trắng, giả làm con trai, học chung với lớp học trò trẻ con. Em học lẽo đẽo đến năm đã mười bốn tuổi, phải đi chợ coi hàng cho mẹ em, bấy giờ mới nghỉ.

Chị cả tươi cười hỏi tiếp:

– Thế thím đã học được những sách gì?

Cô thỏ thẻ trả lời:

– Cũng như những học trò con trai, vỡ lòng em học *Tam tự kinh*, rồi đến *Sơ học vấn tân*, rồi đến *Minh đạo gia huấn*, rồi đến *Ấu học ngũ ngôn thi*, rồi đến *Hiếu kinh*, rồi đến *Luận ngữ chính văn*. Năm em mười tuổi, thày em mới cho em học *Kinh Lễ*, nhưng chỉ học thiên Khúc lễ, và thiên Nữ tắc mà thôi. Hết hai thiên ấy, mỗi ngày em chỉ được viết một tờ phóng và học mấy bài thơ trong quyển Đường thi. Vì lúc ấy mà đi, ngày nào em cũng phải đánh ống, đánh suốt, tập nghề dệt vải.

Chị cả ra bộ tần ngần:

– Thuở nhỏ tôi cũng đã học như thím, nhưng chỉ học đến quyển Hiếu kinh thì thôi. Thế mà bây giờ không nhớ một chữ nào cả. Tôi tối dạ quá.

Đêm đã khuya, bà cống thấy mình hơi mệt. Cuộc kể truyện bị tan giữa lúc nhiều người còn thèm. Chị cả, chị hai, chị tú rục rịch ai vào buồng riêng của nấy. Những đứa cháu nhỏ chầu chực từ tối đến giờ tranh nhau đòi được ngủ với thím tư. Vân Hạc vẫn chưa về. Bà cống bảo cô đem cả lũ cháu vào trong phòng mình cùng ngủ.

Vừa lạ nhà, lại vừa băn khoăn không biết chồng mình bê tha ở đâu, cô dằn dọc đến hết canh ba mới chợp mắt được một lúc. Mấy con gà sống phành phạch vỗ cánh thi nhau gáy ở sau nhà, làm cô giật mình thức giấc. Ngoài sân đã thấy có tiếng nồi xanh lạch cạch và

tiếng vo gạo sàn sạt. Những người chị dâu đã dậy làm việc cả rồi. Cố nhiên cô cũng không thể nằm nữa. Sợ động giấc ngủ của mẹ chồng, cô sẽ rón rén xuống đất và sẽ ngỏ cửa ra sân để cùng các chị bắc chõ thổi xôi, đun nước làm thịt gà.

Bây giờ Vân Hạc mới về.

Cô toan hỏi chàng đi đâu suốt đêm. Nhưng sợ mấy người chị dâu cười mình ghen bóng ghen gió, nên cô lại thôi.

Trời rạng đông, tiếng gà giục giã gáy dồn. Bà cống trở dậy và xuống ngồi ở nhà bếp xem sóc công việc.

Sáng rõ. Xôi, gà đều chín. Các thức cơm canh cũng vừa làm xong. Theo lời dặn của bà cống, cơm canh để cúng ở nhà, còn xôi gà thì đem cúng đình và cúng nhà thờ đại tôn. Sau khi hai chõ xôi và hai con gà đã được đóng làm hai mâm, bà bảo cô Ngọc sắp đủ trầu rượu vào đó và đi hái lấy hai bông hoa hồng cắm vào hai cái mỏ gà, rồi cho người nhà bưng đi.

Bởi vắng anh cả, Vân Hạc phải chỉnh đốn khăn áo để thắp đèn hương khấn cụ. Rồi chàng đi theo hai mâm xôi gà ra đình lễ thánh và vào nhà thờ đại tôn lễ tổ.

Bà cống dặn với:

– Con nhớ nói với ông từ, ông trưởng khấn cho anh hai, anh tú nữa đấy.

Vân Hạc tủm tỉm cười nụ:

– Vâng! Con đã nhớ. Nhưng không biết con chỉ lễ đủ phận con hay phải lễ thay cả hai anh ấy?

Bà cống cau mày:

– Đừng nói trẻ con! Việc quỷ thần không phải chuyện đùa.

Vân Hạc im lặng ra cổng. Bà cống cung kính đến trước bàn thờ, rẽ ràng ngồi vào chiếc sập kê liền hương án, sẽ xổ nửa vành khăn vấn, hạ xuống ngang với sống mũi, và chia hai tay nâng vành khăn ấy cho nó khòng khòng ở trước hai mắt, bà vừa lễ vừa khấn ông cống phù hộ các con khoa này thi cử cho may. Một hồi lầm rầm đã đứt mạch bằng ba cái gật đầu trịnh trọng, bà nghiêm trang quay ra bảo các nàng dâu cùng vào lễ thày và đi đánh thức lũ trẻ trở dậy, để cho chúng nó lễ ông.

Ngoài cổng có tiếng chó sủa. Cả nhà đồng thời ngó ra.

Cụ Năm, chú ruột Vân Hạc, lù khù chống gậy bước vào trong cổng với hai quan tiền vắt vai.

Chị hai tất tả chạy ra coi chó và đón ông chú vào thềm.

Bà cống chào hỏi bằng giọng vui vẻ:

– Ông đem tiền đi đâu? Hay định cho cháu đấy chăng?

Cụ Năm lễ phép trả lời:

– Vâng! Cái nghĩa làm chú thì phải thế chứ!

Rồi cụ đặt hai quan tiền xuống chiếc án thư giữa đôi tràng kỷ và tiếp:

– Thưa bác, anh tư đi đâu? Bác đã cúng ông cống chưa đấy?

Bà cống đáp:

– Cháu nó ra đình lễ thờ. Tôi khấn ông cháu rồi ạ!

Cụ Năm lật đật đến trước bàn thờ và nói:

– Xin vái ông anh vậy thôi. Mỏi lắm không lễ được nữa.

Rồi cụ chắp tay cúi đầu, vái luôn năm cái.

Vân Hạc vừa về, chàng mời ông chú sang ngồi ở bên tràng kỷ. Rót một chén nước đệ đến trước mặt cụ Năm, rồi chàng chắp tay đứng hầu bên cạnh. Cụ Năm cầm chén nước lên và hỏi:

– Hôm nào thì anh trẩy trường?

– Thưa chú hai nhăm tháng này!

– Mồng một tháng sau đã phải vào trường, mà đến hai nhăm tháng này mới đi, e rằng chậm quá, anh nên đi sớm thì hơn. Bởi vì tới nơi còn phải đi tìm nhà trọ và phải sắp sửa các đồ cần dùng. Xong rồi cũng phải nghỉ ngơi vài ngày cho tinh thần khoan khoái, thì khi viết văn mới được linh lợi.

– Thưa chú đồ đạc cháu đã sắp sửa ở nhà, còn nhà trọ thì cháu đã có chỗ quen mọi năm, không phải tìm nữa. Hai nhăm tháng này đi cũng vừa.

Cụ Năm chỉ tay vào hai quan tiền:

– Nếu được thế thì hay lắm. Đây chú đỡ cho vài quan, để khi tới trường mà cho... nhà trò.

Bà cống nói xen:

– Chết nỗi! Sao ông lại nuông cháu quá như vậy!

Cụ Năm vừa cười vừa nói:

– Chẳng nuông cũng đến thế thôi! Ai theo chân mà giữ chúng nó!

Rồi cụ quay sang Vân Hạc:

– Nhưng chơi thì chơi, cũng phải để bụng vào việc thi cử mới được, chớ có lu bù thái quá. Bây giờ chú đã già rồi, nghiệp nhà trông vào các anh. Các anh còn đương niên thiếu lực cường, phải cố nối lấy gia thanh, đừng có lẹt đẹt như chú. Hễ khi tới trường, có gặp anh hai, anh tư, cũng bảo chú dặn như vậy.

Vân Hạc vâng lời, rồi xách cả hai quan tiền đem đặt sang phản bên kia.

Ngoài cổng lại có bóng người thập thò, chị cả vội vàng chạy ra đón tiếp. Bà bác, bà thím, bà cô, một lũ nhô nhô tiến vào trong sân. Sau khi đã chào bà cống, cụ Năm và ghé ngồi vào chiếc phản cạnh, mỗi bà mở bọc giở ra một chuỗi tiền đen và bảo Vân Hạc:

– Nghe tin anh sắp trẩy trường, gọi là thế, chúng tôi mỗi người giúp anh một quan để anh thêm tiền đò giang.

Vân Hạc chưa kịp nói sao thì một bọn nữa độ năm sáu người, vừa họ nội vừa họ ngoại, lũ lượt kéo đến.

Cũng như các bà kia, những người này cũng đem tiền đến cho Vân Hạc: người một hai quan, người năm bảy tiền. Vân Hạc cảm ơn khắp lượt rồi chàng vừa cười vừa nói:

– Giả sử mỗi tháng đi thi một lần, thì trong một năm, tôi có thể cưới được một người vợ nữa.

Rồi chàng thu xếp các món tiền đó chồng làm một đống.

Hai anh người nhà bưng cỗ đi cúng lúc nãy đã đội cỗ về, bà cống giục các nàng dâu sắp sửa mâm bát để mời họ mạc uống rượu. Đàn bà con gái hết thảy chối là mới ăn cơm xong, chỉ có đàn ông nhận lời.

Chừng nửa buổi, bữa rượu mới tan. Họ mạc lẻ tẻ ra về với câu ân cần chúc cho Vân Hạc khoa này nhất cử.

Trông thấy chiều trời đã trưa, bà cống liền sai cô Ngọc đem cả số tiền bà con giúp đỡ, lấy mo bó làm hai bó. Rồi bà thúc giục con dâu con trai phải về Vân Trình để ngày mai còn phải lễ thờ ở bên ấy nữa.

VIII

Đêm ấy không có trăng.

Phố phường Hà Nội đã theo cảnh tượng trời đất biến thành một khối đen sì.

Vũ trụ thu lại vùng ánh sáng của mấy cây đình liệu.

Gió bấc ào ào thổi.

Chín mươi ngọn lửa lớn bằng chín mươi cái bịch hết thảy điên cuồng lồng phách như muốn lia những bó đuốc nứa nhảy vọt lên từng không mịt mù.

Quang cảnh trường thi hôm nay rộn ràng hơn mấy hôm trước.

Dưới lớp mái ngói của nhà Thập đạo, mũ áo thấp thoáng hiện trước bóng đèn lồng.

Trong mấy gian chòi canh lơ lửng gác ở lưng trời, trống cái đi đôi với thanh la, chốc chốc lại đưa ra những tiếng oai nghiêm trịnh trọng.

Ngoài dãy phên nứa hùng vĩ như bức tường thành, quây kín lấy khu nền tường, đội lính trú phòng rầm rập theo vó ngựa của quan giám trường để điệu diễu từ mặt nọ đến mặt kia. Tiếng nhong nhong của nhạc ngựa hòa với tiếng dình dình của trống quân, càng giúp cho cuộc tuần phòng thêm vẻ cẩn mật.

Trên nếp cổng tiền, một bức hoành biển nghiêng mình nằm ghếch đầu trên đôi đồng trụ, chiều dài thườn thượt không kém một chiếc thuyền thoi. Sóng biển phủ một bức riềm nhiễu điều, chính giữa kết thành một bông hoa sen to bằng cái mâm, hai đầu thì hai trái găng lớn như cái thúng lủng lẳng đu ở cạnh cột. Lòng biển, bốn chữ "Tân hưng thịnh điển" song song đứng ngang một hàng, nét vàng lóng lánh trong nền sơn son như muốn cười với ánh lửa của trời tối.

Từ mặt tiền qua phía tả đến mặt hậu, cũng như từ mặt hậu qua phía hữu đến mặt tiền, bốn cửa của bốn vi giáp, ất, tả, hữu đều ngỏ thênh thang.

Những cái khung bảng chứa hàng mấy nghìn tên người đều ngoảnh bộ mặt "dán giấy" ra đường, như đương ngóng các thầy sĩ tử.

Mấy chiếc ghế tréo cao chín mười bậc cùng doãi bốn chân và đứng ngất ngưởng ở ngoài các cửa như đương đợi các ông khảo quan.

Trước hai cửa của hai vi tả hữu, cũng như trước hai cửa của hai vi giáp ất, toán lính thể sát đo nhau đứng chực ngoài cửa với những dáng bộ rất nghiêm trang. Tấm áo nẹp xanh thân đỏ gọn gàng nấp dưới chiếc nón dấu sơn quang dầu. Những sợi dây tòng của chiếc tay thước khảm chai, bông bênh rủ xuống miếng ban kiên sặc sỡ.

Khoảng đầu canh ba, tiếng ồn ào bắt đầu nổi ở nẻo xa xa. Rồi nó dần dần gần lại. Rồi nó dần dần rõ thêm. Rồi nó dần dần đưa đến những đám đèn đuốc lập lòe như đám ma chơi. Học trò các nơi tấp nập kéo đến cửa trường.

Gió bấc thổi càng dữ.

Những cây đình liệu cháy càng nỏ.

Trên miếng đất giá lạnh của trời đông, bóng người chật như đám hội.

Có người tóc đã bạc phơ. Cũng có người hồng mao còn ngất nghểu trong vành khăn nhiễu. Có người không giấu sự nghèo túng, thân hình gầy guộc so ro trong mảnh áo đơn. Cũng có người như muốn khoe vẻ phong lưu, quanh mình quấn mấy lần áo bông sù sù, hai hàm răng còn run cầm cập. Có người hai vai nặng trĩu, khuỷu tay còn đủ sức thích bên kia gạt bên nọ, len từ ngoài tít vào trong cùng. Cũng có người cất cổ không lên, lều chiếu đều bị lôi sềnh sệch ở mặt đất. Vênh cái mặt dương dương tự đắc, đó là người mới thi lần đầu. Vẻ lo ngại hiện đầy trên bộ trán nhăn nheo, ấy là kẻ lão đảo trường ốc.

Còn nữa, và còn nhiều nữa. Tả không thể hết.

Đêm càng khuya, học trò kéo ra càng nhiều. Ai vào vi nào, lật đật tìm đến cửa vi ấy. Dưới hàng vạn nón chóp lố nhố đứng ở bốn cửa, hàng vạn con người cùng một lối trang sức như nhau: sườn này, cái chõng tre và bộ gọng lều; sườn kia, thì bó áo tơi và cuộn áo lều, hoặc một đôi chiếc cói; trên ngực, quả bầu be và chiếc ống quyển; dưới bụng thì cái yên mộc hay cái tráp sơn. Bấy nhiêu đồ vật, nặng có, nhẹ có, lớn có, bé có, dài có, ngắn có, hết thảy xúm lại và đu cả lên cái cổ yếu ớt của các ông thư sinh. Hình như trời cũng bắt tội nhà Nho, trước khi bước lên đường công danh, đều phải tập làm việc của bọn phu trạo.

Kẻ chen vào người đẩy ra, kẻ du đi, người ẩn lại, dưới ánh lửa sáng, đám người dồn dập bị xô đẩy cồn cộn như lớp sóng nước triều. Tiếng gọi nhau, tiếng hỏi nhau, tiếng chào nhau, tiếng mắng nhau, tiếng cãi nhau, tiếng rầm rầm nói chuyện với nhau. Các thứ tiếng ấy hợp lại, làm cho bốn khu cửa trường, ầm ầm như bốn cái chợ.

Sang đầu canh tư, các cây đình liệu đều cháy hết già một nửa. Tàn nứa đỏ ối theo ngọn gió bấc tản mác bay khắp vùng trời. Rồi từ từ, nó rơi xuống đám đầu người, xuống quãng đất không. Xuống những nơi ở tít xa xa, nếu nó không bị tắt ở trong bóng tối.

Thình lình trong nhà Thập đạo, kiểng đồng gióng với trống khẩu, dõng dạc đánh luôn ba hồi. Các bóng đèn lồng nhất tề lay động. Các áo thụng lam, các mũ cánh chuồn đồng thời rộn rịp như sân khấu rạp tuồng. Sau khi bốn ông ngự sử đã đem chức trách đàn hặc lên bốn chòi canh, các ông khảo quan tức thì cắt nhau mỗi người đi mỗi ngả. Cũng như mọi khoa, hai ông phân khảo phải coi hai cửa tả hữu, ông phó chủ khảo được theo chiếc biển "phụng chỉ" ra cửa vi ất. Còn cửa vi giáp thuộc quyền ông chánh chủ khảo và lá cờ "khâm sai" của nhà vua ban.

Dứt mấy tiếng yết hậu của trống khẩu và kiểng đồng, hai hàng đèn lồng bắt đầu ở nhà Thập đạo từ từ tiến ra. Rồi đến một đôi lọng vàng cung kính rước lá cờ khâm sai đi trước. Rồi đến ông chánh chủ khảo và bốn chiếc lọng xanh khúm núm theo sau.

Bộ dạng quan chánh chủ khảo mới oai làm sao! Cái bối tử hình con công, cái vành đai đột chỉ vàng, cái gấu áo thêu thủy ba, cái xiêm xanh viền chân chỉ hạt bột, và đôi ủng đen có đôi bướm bạc long lanh, bấy nhiêu thứ đó hợp lại với cây hốt ngà cầm ở trước ngực và chiếc mũ gấm xòe hai cánh ra ngoài hai tai, đủ làm cho ngài giống hệt những quan phường chèo, nếu ngài có bộ râu dài như họ.

Đám rước ra đến cửa vi, người lính cầm cờ khâm sai lễ phép leo lên chiếc ghế tréo và cắm cán cờ vào cái lỗ thủng sau ghế. Quan chánh chủ khảo tạm giữ cây hốt bằng một tay trái để lấy tay phải vịn vào chân chiếc ghế tréo. Rón rén bước qua các bực, và trèo lên ghế, ngài sẽ vén cái vạt sau của tấm phẩm phục, rồi ngồi vào giữa mặt ghế. Cây hốt lại được trở lại phía trước mặt ngài với sự nâng niu của hai bàn tay súng sính trong đôi tay áo rộng như cái cống. Cả sáu chiếc lọng lần lượt nhô lên trên ghế. Những cái xanh che quan chủ khảo. Còn những cái vàng thì che lá cờ khâm sai.

Tiếng ồn ào ở khu cửa trường tự nhiên im bặt. Mấy nghìn con mắt đều đổ dồn vào viên đại thần đứng đầu khảo quan.

Thình lình ở trên lưng trời có tiếng ấm óe:

"Báo oán giả tiên nhập! Báo ân giả thứ nhập! Sĩ tử thứ thứ nhập!".

Hồi loa dữ dội như muốn phá tan cái bầu tịch mịch, làm cho mọi người đều phải ngơ ngác. Dứt tiếng gầm hét, người lính đứng cạnh ghế tréo của ông chủ khảo, theo miệng một người lại phòng cũng đứng chỗ đó với một cuốn sổ trong tay chìa loa gọi tên một người học trò.

Một tiếng dạ bựt lên trong đám đông.

Một chàng thiếu niên, với cái dáng bộ liều chết, cố lách được qua "vòng vây", để đệ các đồ kềnh càng đến khu đất trước ghế tréo của quan chủ khảo.

Toán lính thể sát bắt đầu làm việc.

Họ giở bó áo tơi và cuốn áo lều. Họ nhòm những cái "cái chõng", chân chõng. Họ ghé vào ống đựng quyển và quả bầu be đựng nước. Họ lần dải lưng và vuốt các gấu áo, gấu quần của chàng thiếu niên. Họ cởi tung cả bộ gọng lều. Rồi họ lục soát đến cái tráp sơn của chàng ấy đeo ở trước rốn.

Ngoài một hộp mực, vài cái bút, vài cây sáp, một cái dùi vở, một tập giấy bản và mấy cái bánh dày, mấy cái bánh giò, một nắm cơm, vài miếng chả trâu, vài miếng thịt rang, trong tráp không có vật gì khả nghi.

Chàng thiếu niên được phép lĩnh quyển của người lại phòng, cẩn thận cuốn lại, bỏ vào chiếc ống quyển đeo ở trước ngực, rồi tung tăng đi vào trong trường với các đồ đạc xúc xích bám quanh vai, quanh cổ.

Đến lượt người khác theo tiếng loa gọi tiến vào.

Bọn lính thể sát lại xúm nhau lại làm các công việc như trước.

Người này cũng không có sách thạch bản hay là văn cũ chữ "kiến" chi hết, nhưng mà các đồ lặt vặt thì không đựng bằng tráp mà đựng bằng yên. Trong cái yên, cũng có giấy, mực, dùi, bút, thịt, chả, cơm, bánh như chàng thiếu niên vừa rồi, và còn hơn một bộ đồ hút thuốc phiện.

Bọn lính thể sát bĩu môi:

– Vào thi vẫn còn đèo bòng cái của tội này, thì lúc nào hút, lúc nào làm văn?

Người ấy ngáp một cái dài và trả lời:

– Có hút, văn mới hay! Nếu không hút thì sao ra văn?

Rồi hắn đón lấy quyển của người lại phòng và lểu đểu đi vào trong trường.

Tên lính cầm loa lại gọi đến tên người khác.

Khám trong lều chõng của người này cũng không thấy thứ gì gian lận, nhưng trong cái yên lại có một chiếc dầm đào cỏ. Bọn lính... thể sát ngạc nhiên và hỏi:

– Sao lại đem cái này vào trường?

Người ấy khẽ đáp:

– Thưa cậu tôi mắc bệnh đi kiết !

Bọn lính không hiểu lại hỏi:

– Đi kiết thì dùng cái đó làm gì?

Người ấy ngập ngừng:

– Thưa cậu, để khi làm văn, lỡ ra bị mót đại tiện, thì đào nền lều mà tương nó xuống, rồi lại vùi đi. Chứ làm thế nào? Trong trường, chỗ nào cũng có lều của học trò, "đi" vào đâu được?

Bọn lính thể sát đã hiểu công dụng của cái dầm, họ liền cho phép người ấy vào trường sau khi hắn đã nhận quyển thi bỏ vào ống quyển.

Người lính cầm loa lại bắc loa gọi:

– Đào Vân Hạc! Sơn Tây, Đào Nguyên!

Vân Hạc đứng ở ngoài xa, tuy có nghe thấy tên mình, nhưng không thể nào mà len vào được.

Người lính cầm loa gọi đến ba lần, vẫn không thấy có người thưa, hắn bèn đặt quyển thi của Đào Vân Hạc xuống cạnh chiếc ghế của quan chủ khảo, rồi gọi đến người tiếp theo.

Một người coi bộ rất khỏe, dạ một tiếng lớn, rồi cố xô đẩy những người chung quanh, hùng dũng đeo lều chiếu vào tận cửa trường.

Bọn lính thể sát lại xúm lại lục đồ đạc.

Các vật cần dùng của người này, không khác của mấy người trước. Riêng có thứ đồ đựng nước, không phải là quả bầu be, mà là một cái lọ

sành rộng miệng. Ngạc nhiên, một người trong bọn liền thò cái que khoắng vào trong lọ, tức thì ở dưới trôn lọ, có vật tròn tròn bềnh lên mặt nước. Cái gì thế nhỉ? Người lính đó nghiêng cái miệng lọ và móc lấy vật ấy ra. Té ra một mớ giấy bản viết chữ nhỏ như con kiến, người ta vo lại và trát sáp ong ở ngoài cho khỏi thấm nước.

Của phi pháp liền bị tịch thu. Và cái tội "mang sách vào trường" liền tống ông học trò ấy ra khỏi cuộc thi cử.

Tên người khác được nhắc đến trong miệng loa. Và, sau một tiếng dạ gọn gàng, một người đứng tuổi tiến đến trước mặt bọn lính thể sát với một dáng bộ lo sợ. Thấy người này có vẻ đáng ngờ, bọn lính thể sát càng lục kỹ các thứ đồ đạc. Nhưng không bắt được cái gì gian lận, họ đã toan tính cho đi. Thình lình một người trong bọn trông thấy phía trong một "cái chõng" có một miếng vá, hắn bèn dùng con dao nhọn cậy tung miếng vá ấy ra. Thì ra trong đó có để hai cuốn "Hành văn bảo khíp" – thứ sách thạch bản, chữ in nhỏ bằng hột cám – Cũng như cái ông vừa rồi, người ấy liền bị trói lại để giải ra dinh Tổng đốc với tất cả đồ vật của mình.

Người lại phòng, người lính cầm loa và bọn lính kiểm soát lại cứ tiếp tục ai làm việc nấy như thường.

Chừng nửa canh năm, sương mù tỏa khắp bầu trời, ngọn lửa ở các cây đình liệu đã lui xuống gần mặt đất. Ánh sáng đã hiện ra sắc úa vàng.

Đám người và đám lều chõng ở ngoài đã chuyển hết ba phần tư vào trường, khu đất của trường chỉ còn lơ thơ vài trăm học trò. Tiếng ồn ào dần dần nhỏ bớt.

Mặt trời mọc. Các cây đình liệu cũng vừa cháy hết. Vũ trụ đã khôi phục cảnh tượng xinh đẹp và mông mênh của ban ngày.

Mấy nghìn học trò của vi giáp đã được vào trường gần hết. Bây giờ người ta mới lại gọi đến những người lúc nãy đã gọi một lần mà chưa thấy vào.

Quyển của Vân Hạc bị đặt ở dưới cuối cùng, cho nên tên chàng phải gọi sau rốt.

Sau khi chàng vào khỏi cửa, cánh cửa vi giáp liền bị khóa lại. Quan trường và tất cả các người tùy phái đều theo cửa chính vào nhà Thập đạo.

Lúc ấy tất cả học trò vi giáp đóng lều đã xong. Những chỗ gần nhà Thập đạo đã bị những người vào trước chiếm hết. Chàng toan đem lều ra đóng ở phía ngoài cùng. Nhưng khổ quá, cái khu đất ấy, lúc nãy còn là một cõi biên thùy bỏ hoang, các ông vào trước đem bã văn chương tuôn cả ra đó, mùi thối theo ngọn gió đưa ra ngạt ngào, không thể nào mà chịu cho nổi. Chàng lại lếch thếch vác lều và chõng đi lùng khắp các miếng đất phía trong.

Trong một cái lều ở gần vi hữu bỗng có tiếng gọi:

– Đào Vân Hạc! Anh tìm ai mà lật đật thế!

Nghe rõ tiếng Nguyễn Khắc Mẫn, chàng đáp:

– Tôi đi kiếm một chỗ đóng lều, chứ không tìm ai!

Khắc Mẫn nói lớn:

– Đến đây! Chỗ này còn rộng! Mau lên!

Vân Hạc mừng quá, chàng vội đeo các đồ đạc lại chỗ gần lều Khắc Mẫn. Nhanh nhẩu, Khắc Mẫn đỡ bộ lều chõng trên vai Vân Hạc xuống đất. Cởi hết mấy nuộc dây chằng, thày lấy sáu chiếc gọng lều cắm làm hai hàng, để cho Vân Hạc vít những đầu gọng sâu vào các ống ròng rọc. Rồi một người trải áo lều lợp lên, một người đem đôi áo tơi che kín hai đầu. Bốn phía góc lều đã được Khắc Mẫn đóng bốn cái cọc nho nhỏ và neo bốn chiếc gọng lều vào đó, cho khi có gió, lều khỏi lay chuyển, Vân Hạc liền đem cái chõng kê vào trong lều, rồi chàng sang lều Khắc Mẫn, giở bộ đá lửa, đánh lửa hút thuốc.

Chiếc lều bên cạnh, bỗng thấy có khói bốc nghi ngút. Vân Hạc tưởng là bị cháy, vội chạy ra coi. Nhưng không phải. Người ta đốt vàng. Ông chủ lều ấy sợ có oan hồn theo vào trường thi báo oán, nên phải dùng thứ lễ ấy tiễn họ. Chàng mỉm cười và quay vào lều của mình.

Một hồi trống cái từ trên chòi canh giật giọng đưa xuống. Trong vi tức thì hiện ra cảnh tượng nhốn nháo. Khắc Mẫn nói với sang lều Vân Hạc:

– Có phải trống "ra đầu bài" đó không?

Vân Hạc gật đầu:

– Chớ còn trống gì bây giờ!

Rồi chàng mở tráp lấy bút và hộp mực đem đến cái nhà lợp cót ở gần với nhà Thập đạo.

Hai chiếc lọng xanh và đôi mã tấu sáng quắc vừa rước quan giám trường đề điệu ở nhà Thập đạo đi xuống. Như hai dòng nước chảy sau chiếc thuyền chạy mạnh, đám học trò đương đứng lật đật rẽ sang hai bên để cho mặt đất hở ra một con đường rộng. Bằng dáng bộ hùng dũng, ông đề điệu đi thẳng đến trước cái nhà lợp cót, trao tờ giấy yết đầu bài cho người lại phòng dán lên khung bảng, rồi ngài dõng dạc quay ra và lại lên nhà Thập đạo để đi coi sóc việc trường.

Hàng nghìn học trò trong vi nhất tề xúm lại trước bảng, kẻ đọc người viết.

Khoa này mới đổi phép thi, kỳ đệ nhất thi bằng kinh nghĩa. Hai bài truyện là:

Luận ngữ: Tắc hà dĩ tai?

Mạnh Tử: Vị thiên hạ đắc nhân.

Năm bài Kinh Thi:

Kinh Dịch: Bạt mao dĩ kỳ vựng chính cát.

Kinh Thư: Dụng nhữ tác châu tiếp.

Kinh Thi: Nam sơn hữu đài.

Kinh Lễ: Tuyển hiền dữ năng.

Kinh Xuân thu: Cập Tề nhân minh vu U.

Vân Hạc không chép, chàng chỉ nhẩm qua một lượt rồi trở về lều. Học trò ở trước nhà bảng dần dần tản mác, ai nấy trở lại chỗ ở của mình với cái dáng bộ lo ngại nhiều hơn vui vẻ.

Trên chiếc chòi canh ở góc vi giáp, quan ngự sử giơ chiếc tay áo lùng thùng chỉ xuống dưới vi đưa ra một hồi chọ chẹ không rõ là những tiếng gì. Tức thì người lính áo nẹp kề loa vào miệng và thét:

– Bớ truyền sĩ tử! Ai ở lều nấy, không được nhốn nháo chạy đi chạy lại!

Nhưng mà trong vi vẫn cứ nhốn nháo như thường.

Giây lát, học trò vào hết các lều. Bấy giờ cả trường đều im phăng phắc. Vân Hạc lúi húi chép các đầu bài vào một mảnh giấy. Rồi chàng bó gối ngồi nghĩ không biết nên làm tất cả bảy bài hay chỉ nên làm hai bài. Bởi vì theo phép, kỳ kinh nghĩa tuy những bảy cái đầu đề, nhưng chỉ những người kiêm trị, mới làm tất cả, còn ai chuyên Kinh Thi chỉ phải làm hai bài: một bài truyện và một bài kinh trong bảy bài đó, muốn làm bài nào cũng được. Với học trò,

chuyên kinh là lối phổ thông, còn kiêm trị thì là một sự đặc biệt. Người nào đại tài, viết hai bài vẫn còn thừa sức, thì họ viết cả bảy bài cho oai, người nào viết văn tuy nhanh, nhưng lời văn không được xuất sắc, nếu làm hai bài sợ không đủ phê, thì họ cũng viết bảy bài để trông vào sự rộng rãi của ngòi bút quan trường, là vì những quyển kiêm trị, bao giờ cũng được chấm nới hơn những quyển chuyên kinh một chút. Vân Hạc mọi ngày vẫn chuyên Kinh Thi và một hai khi có làm Kinh Dịch, hôm nay vì thấy mấy bài ở các kinh kia cũng không khó lắm, ý chàng cũng muốn làm cả. Nhưng lại sợ không đủ thời giờ, nên chàng vẫn còn đắn đo. Khắc Mẫn thình lình gọi chàng và hỏi:

– Này anh Hạc! Đầu đề khoa này ra khéo đấy nhỉ? Có phải trong bảy bài đó, trừ bài Xuân thu, sáu bài kia đều có ý nghĩa về việc "dụng nhân" cả không?

Vân Hạc ngồi ở lều mình nói sang:

– Phải rồi! Tôi cũng nhận thấy như thế. Ừ thì đình nào đám ấy, có thế mới hợp với cảnh thi cử.

– Trong hai bài truyện, anh làm bài nào?

– Tôi vẫn chưa định.

– Có tài như anh thì nên làm bài Luận ngữ cho tỏ ra văn đàn anh, chứ tôi thì tôi xin lạy cả nón. Với tôi, bốn chữ "Tắc hà dĩ tai" khó quá đi mất! Viết sao cho được rõ nghĩa chữ "Tắc" chữ "Tai"!

– Nó cũng chưa khó bằng bài Kinh Thi. Tôi tính kinh nghĩa mà đến "Nam sơn hữu đài" thì ác vô hạn.

– Thế thì bài kinh anh làm Kinh Thi hay Kinh Dịch?

– Có lẽ tôi sẽ làm cả.

Khắc Mẫn ra vẻ ngạc nhiên:

– Ái chà! Lại kiêm trị à? Anh định cướp lấy thủ khoa sao đây?

Vân Hạc vừa cười vừa đáp:

– Thủ khoa hay không chưa biết, nhưng kỳ này tôi quyết phải lấy bốn "ưu". Còn anh, anh làm bài nào?

Khắc Mẫn nói giọng chua chát:

– Cố nhiên là bài "Tuyển hiền dữ năng", chứ bài nào nữa. Xưa nay tôi vẫn chịu nước văn đàn em, chỉ làm Kinh Lễ mà thôi, không dám đụng đến Kinh Thi, Kinh Dịch như anh. Nhưng theo ý tôi, xấu đều hơn tốt lỏi. Anh quyết phải lấy bốn "ưu", tôi chỉ cần bốn cái "thứ

muỗi" là được. Vậy mà chưa chắc... chưa chắc thằng bốn "ưu" đỗ hay là thằng bốn "thứ muỗi" sẽ đỗ.

Vân Hạc vội vàng nói lảng đằng khác:

– Thôi đừng nói lắm, viết đi! Kẻo mà đến chiều không xong, trống cái nó thúc vào đít, lại sắp viết liều viết lĩnh.

Ngoài trường, tiếng trống cà rùng mỗi lúc mỗi mau, nhạc ngựa rộn rịp đưa lại. Trên chòi canh cửa vi tả bỗng có tiếng ấm óe, làm cho hai người đều im câu chuyện để lắng tai nghe. Thì ra bên ấy có người học trò vơ vẩn đứng ở ngoài lều, bị quan ngự sử trông thấy, ngài truyền cho lính ra lệnh dọa nạt.

Tan cuộc ồn ào, Vân Hạc bắt đầu làm bài. Cũng như những lúc tập văn ở nhà, chàng không phải giáp, nghĩ đến đâu viết luôn vào quyển đến đấy.

Mặt trời lên khỏi đầu bức phên nứa ở phía đông trường, chàng vừa viết xong hai câu phá thừa của bài truyện, trên chiếc chòi canh của vi giáp, vừa có trống báo hiệu "nhật trung". Chờ cho mực ráo, chàng sẽ cuộn quyển văn lại, bỏ vào ống quyển, rồi bảo Khắc Mẫn:

– Đi ra lấy dấu nhật trung chứ anh?

Khắc Mẫn trả lời bằng giọng luống cuống:

– Anh đi trước! Tôi chưa viết được chữ nào cả.

Chàng nói an ủi:

– Được! Còn sớm chán! Anh cứ thong thả. Đừng vội! Hễ vội thì viết hay lầm.

Rồi chàng thu xếp bút mực vào yên và đeo ống quyển đến nhà Thập đạo.

Cạnh bức rào nứa cao đến khỏi rốn, bọn lính phục dịch tấp nập đi lại. Trên chiếc chiếu đàn cạp xanh, mấy người lại phòng to vo ngồi cạnh hòm ấn và cái hộp son. Học trò chưa có ai tới, chàng là người thứ nhất trong cuộc "lấy dấu nhật trung". Nhờ vậy, chàng không phải mất công chờ đợi. Sau khi quyển văn đã đưa qua bức rào nứa, trao tay cho một người lính để hắn đem vào cho người lại phòng giữ ấn, tức thì người lại phòng ấy đóng cái dấu đỏ vào cuối dòng chữ viết dở ở giữa trang đầu và lại đưa luôn trả chàng.

Với chiếc ống quyển lủng lẳng dưới cổ, chàng về gần đến lều mình, mới gặp một vài người trở ra. Vào lều, chàng lại bình tĩnh viết tiếp từ đoạn khai giảng trở xuống.

Gần trưa, chàng đã viết xong một bài Luận ngữ, một bài Kinh Thi và gần hết bài Kinh Dịch, Khắc Mẫn vẫn còn lúng túng trong lều, không thấy nói năng gì cả. Chàng giục:

– Trưa rồi, anh không ra lấy dấu "nhật trung", chốc nữa đông người lại phải chầu chực mất thì giờ.

– Tôi mới viết được hơn một dòng, cứ đem lấy dấu có được không?

– Không được! Phải viết đủ hai dòng rưỡi, hay kém vài chữ. Chứ viết ít quá lại phòng họ không đóng dấu.

Khắc Mẫn lại hỏi:

– Trong quyển đã có dấu "giáp phùng" đóng ở giữa khe trang trên trang dưới, còn dùng gì đến dấu "nhật trung" mà người ta bắt chúng mình mất công mất việc về nó?

Chàng cười và đáp:

– Anh không hiểu à? Cái dấu "giáp phùng" cốt để giữ cho kẻ gian khỏi tháo những tờ từ trang thứ hai trở xuống, mà thay các tờ khác vào. Còn dấu "nhật trung" là để chứng rằng quyển đó viết ở trong trường, không phải viết sẵn ở ngoài đưa vào. Bởi thế người ta mới bắt chúng mình viết dở thì đem quyển đi để lấy dấu ấy!... Nhưng thôi, anh viết đi, đừng nói chuyện nữa...

Khắc Mẫn lại gục xuống tráp, cẩn thận đếm từng nét và nắn từng chữ. Chừng nửa giờ sau, viết được nốt một dòng nữa, chàng mới cuống quýt bỏ quyển vào ống rồi đi.

Vân Hạc viết xong bài Kinh Dịch và hai vế trung cổ của bài Mạnh Tử, mới thấy Khắc Mẫn tất tả chạy về với bộ mặt đỏ gay. Thày thở và nói vào lều Vân Hạc:

– Khổ quá! Chờ đợi từ bấy đến giờ, mới xin được một tí son. Anh viết đến bài nào rồi?

Vân Hạc đáp:

– Tôi đã viết đến bài thứ ba.

Khắc Mẫn luống cuống:

– Chết chửa! Anh viết được ba bài rồi! Tôi mới viết được có vài dòng.

Vân Hạc ngửa nhìn lên trời và an ủi:

– Bây giờ mới gần trưa thôi! Anh cứ vững dạ, không nên bối rối.

Hai người cùng im. Lâu lâu một lúc, Khắc Mẫn lại gọi Vân Hạc và hỏi:

– Này anh Hạc! Chỗ dấu giáp phùng cũng phải bỏ trống đấy nhỉ!

Vân Hạc vừa viết vừa trả lời:

– Dấu nhật trung mới phải bỏ trống, dấu giáp phùng thì viết đè lên.

Khắc Mẫn vỗ tay xuống chõng một cái đánh đốp:

– Thôi chết! Thế thì bỏ mẹ tôi rồi!

Vân Hạc ngạc nhiên hỏi:

– Làm sao?

– Tôi bỏ trống chỗ dấu giáp phùng không viết. Bây giờ viết đè lên cái dấu ấy rồi xóa những chữ dưới đi, có được không?

– Ồ! Thế ra anh không thuộc trường qui à! Chung quanh dấu giáp phùng cũng như chung quanh dấu nhật trung và các hàng đầu hàng vĩ, không được *đồ* (xóa), *di* (sót), *câu* (móc), *cải* (chữa) một chữ nào. Nếu ai đồ, di, câu, cải vào những chỗ đó, tức là thiệp tịch.

Khắc Mẫn vò đầu vò tai:

– Vậy thì bây giờ tôi làm thế nào? Trời ơi!

Rồi thày lại hỏi:

– Họ cấm đồ di câu cải vào những chỗ đó làm gì cho khổ người ta thế này!

Vân Hạc cắt nghĩa:

– Ấy là người ta giữ gian. Vì sợ có kẻ thông với quan trường, cố ý đồ di câu cải vào những chỗ đó để đánh dấu cho quan trường biết quyển của mình. Nhưng cái đó cũng là nghĩ mẩn. Thực ra, nếu có người nào thông với quan trường, thì họ đánh dấu vào đâu chẳng được, cứ gì phải mấy chỗ đó. Thôi! Anh mau mau đề một quyển khác rồi đi cánh quyển đi vậy!

Khắc Mẫn bây giờ ruột gan rối như canh hẹ. Thày mở tráp lấy tập giấy lệnh, gấp vội gấp vàng độ hơn mười tờ và dọc giấy xe hai sợi lề thật chắc. Sau khi đã cầm nghiêng dỗ xuống mặt tráp cho tập giấy ấy khỏi so le, thày đem tờ phóng đặt lên mặt nó để làm mẫu dùi bốn lỗ lề. Vân Hạc lại nhắc:

– Anh nhớ đóng quyển cho đúng phép nhé! Bề ngang chia làm sáu dòng, chừa một dòng làm gáy. Bề dọc chia làm năm quãng, ba quãng đầu, cuối và giữa cũng phải dài bằng hai quãng xâu lề.

Khắc Mẫn hốt hoảng:

– Chút nữa anh không nói thì tôi chia bề ngang ra làm bảy dòng.

– Không được, phải gập sáu, chừa một dòng làm gáy, còn năm dòng, khi viết lại chia làm sáu. Thế mới đúng phép.

Khắc Mẫn đóng xong, tháo lấy tờ mặt quyển cũ, lồng vào tờ mặt quyển mới làm phóng để đề tên, họ, niên canh, quán chỉ và dòng "cung khai tam đại" cho khỏi lầm. Rồi chàng bỏ vào ống quyển lại đến nhà Thập đạo xin dấu giáp phùng. Bấy giờ, chung quanh bức rào của nhà Thập đạo, học trò kéo đến đã đông, phần nhiều xin dấu nhật trung, nhưng cũng có năm bảy người đem quyển xin "cánh". Khắc Mẫn phải đợi độ hơn nửa giờ, cái quyển của thày đưa vào mới được đưa ra. Lật đật, thày đem về lều, viết cái đầu đề bài truyện và đoạn phá thừa của bài ấy, rồi lại đem quyển đến nhà Thập đạo lần nữa để lấy dấu nhật trung.

Vân Hạc đã viết đến đoạn kết tỵ của bài Kinh Lễ. Theo thứ tự trong quyển của chàng, thì nó là bài thứ năm. Vì sợ Khắc Mẫn rối ruột, chàng phải nói là mới viết đến bài thứ tư.

Mặt trời tà tà, Khắc Mẫn viết gần xong bài Mạnh Tử, vừa hết trang dưới của tờ thứ hai trong quyển. Thế là hai tờ dính đến dấu son, thày viết qua rồi. Từ đấy trở xuống, nếu có lầm lỡ, xóa bỏ, cứ việc xé tờ này đi, thêm tờ khác vào, không phải đi cánh quyển nữa. Kiểm điểm một lượt, thấy trong những trang đã viết, không có chỗ nào phạm trường quy, thày mừng rỡ bảo với Vân Hạc:

– Thoát nạn rồi! Tao đã viết qua hai tờ thứ nhất và thứ nhì rồi, mày ạ!

Vân Hạc vui vẻ:

– Khá lắm. Tôi cũng đỡ lo cho anh. Nhưng anh cũng phải nhanh lên. Sắp tối rồi đấy.

Khắc Mẫn viết nốt câu đóng của bài truyện, rồi vớ lấy chiếc điếu cày đặt mồi thuốc lào vào đó, thày vừa giở hộp đá lửa, đánh lửa hút thuốc, vừa nghĩ bài kinh.

Bấy giờ trong bụng thấy đói như cào, thày hỏi Vân Hạc:

– Anh đã ăn uống gì chưa?

Vân Hạc trả lời:

– Đã! Từ nãy đến giờ, tôi vẫn vừa viết vừa ăn. Nhịn ăn mà viết thì chịu sao được!

Khắc Mẫn nói thêm:

– Tôi vội quá, chưa kịp ăn uống gì cả.

Rồi thày mở tráp lấy những cơm nắm, bánh giò, thịt rang, chả trâu, phùng mồm, trợn mắt vừa nhai vừa nuốt chập chuội. Sau khi đã ngửa cổ dốc quả bầu be vào miệng, và súc òng ọc mấy cái, thày lại cắm đầu giáp mấy câu mở của bài thứ hai.

Mặt trời lui xuống đầu bức phên nứa phía tây. Khắc Mẫn mới giáp đến đoạn trung của bài kinh.

Trên chòi canh thình lình điểm một tiếng trống. Trong trường loáng thoáng có người dỡ lều.

Vân Hạc đương đếm những chỗ xóa, sót, móc, chữa, để viết vào dưới chữ "cộng quyển nội", chợt thấy Khắc Mẫn gọi hỏi:

– Đã trống thu quyển rồi đấy phải không?

– Phải! Trống thu quyển đấy!

– Sao họ thu quyển sớm thế?

– Còn sớm gì nữa, mặt trời sắp sửa lặn rồi.

– Anh xong chưa?

– Tôi xong rồi. Anh cũng đã xong rồi chứ?

– Nào đã xong. Hãy còn nguyên một bài kinh chưa viết được dòng nào hết, tôi mới nghĩ được hai vế trung cổ, còn giáp ra đó. Anh phải nghĩ nốt cho tôi hai vế hậu cổ và mấy câu kết tỵ. Nếu không thì tôi tự tử.

– Nhưng tôi không quen viết Kinh Nghĩa Kinh Lễ, sợ viết không hay lỡ hỏng, rồi anh lại đổ cho tôi.

Khắc Mẫn lại càng bối rối:

– Không hay cũng được! Túc quyển thì thôi.

Vân Hạc ra bộ ái ngại:

– Thế thì được! Anh đưa bản giáp những đoạn của anh đã nghĩ cho tôi coi qua. Để tôi nghĩ tiếp, kẻo nó không liền với nhau.

Khắc Mẫn ngửa mặt trông lên chòi canh, thấy tên lính canh đương ngoảnh mặt sang phía bên kia, thày liền vo tròn bản giáp của mình rồi liệng sang lều Vân Hạc. Nhặt nắm giấy ấy, Vân Hạc giở ra nhìn qua mấy dòng ở dưới, rồi lại vo lại và liệng sang trả Khắc Mẫn.

Trống cái trên chòi mỗi lúc mỗi mau. Nhạc ngựa ở ngoài bờ rào mỗi lúc mỗi thêm rộn rịp, dãy lều phía nhà Thập đạo mỗi lúc mỗi thưa

dần. Bấy nhiêu cảnh tượng đều như lửa đốt vào lưng Khắc Mẫn. Thày cắm đầu nhìn tờ giấy giáp, viết lia, viết lịa không kịp chớp mắt.

Hồi trống thứ nhất đã sắp hết. Học trò trong trường lũ lượt đeo lều đeo chõng đi ra. Vân Hạc nhân lúc nhốn nháo chạy tọt sang lều Khắc Mẫn để đưa cho thày tờ giấy giáp đoạn hậu cổ của bài Kinh Lễ mà chàng nghĩ hộ. Khắc Mẫn không kịp ngó đến tờ giấy ấy và cũng không kịp hỏi bạn đã làm cho mình xong chưa.

Trống cái trên chòi lại càng rộn rã. Trong trường, trời đã nhá nhem, mắt nhìn không thấy nét mực trên giấy, bây giờ thày mới ngẩng lên, lấy bộ đá lửa trao cho Vân Hạc và nói:

– Anh đánh hộ tôi cái lửa!

Rồi cúi xuống chỗ thang chõng, cởi lấy một chiếc ống tre đẽo nhọn mà người ta vẫn gọi là "cọc cắm nến", thày đóng xuống chỗ đầu chõng và cắm cây nến vào đó. Vân Hạc vừa đánh được lửa, chàng tiếp than lửa vào cái mồi giấy rồi thổi cho bùng và châm vào ngọn nến ấy.

Khắc Mẫn viết hết hai vế khai giảng thì vừa hết một hồi trống thứ nhất. Dịp trống lại khoan thai điểm từng tiếng một. Thì giờ khi ấy mới chóng làm sao! Trước mắt Khắc Mẫn hình như nó đã đi như tên bắn, thày vừa viết xong hai vế trung cổ, tiếng trống đã lại dồn mau. Luồng gió thình lình thổi vào trong lều, làm cho ngọn nến tắt phụt. Cuống quýt, thày sờ bộ đồ đánh lửa. Vừa đánh vừa hỏi Vân Hạc:

– Hồi trống này ngắn hơn hồi trống trước, có phải không anh?

Vân Hạc đáp:

– Tại anh bối rối trong bụng, cho nên tưởng là nó ngắn, thực ra hồi nào cũng như hồi nào.

– Anh bảo lấy gì làm ngữ mà họ đánh được đều thế?

– Có ngữ chứ! Anh không biết đó thôi. Cái ngữ của các hồi trống chỉ có mười bảy đồng tiền Gia Long. Khi bắt đầu đánh một tiếng thứ nhất, người lính cầm canh cầm mười bảy đồng tiền Gia Long bày từng đồng một cho thành một hàng. Bày xong hắn lại lần lượt nhắc từng đồng một lên tay, khi nào nhắc hết cả mười bảy đồng, mới đánh đến tiếng thứ hai. Rồi hắn bỏ lại một đồng, còn mười sáu đồng, lại đem bày, xóa như trước. Bày xong xóa xong mười sáu đồng ấy mới đánh đến tiếng thứ ba. Cứ mỗi tiếng trống hắn lại rút đi một đồng

như thế. Rút cho đến khi hết cả mười bảy đồng tiền, thế là hết một hồi trống.

Lửa cháy, Khắc Mẫn châm vào ngọn nến. Bấy giờ chàng viết đến đoạn của Vân Hạc làm hộ.

Trời lại tối đen như mực. Mấy cây đình liệu lại bị đốt cháy đùng đùng. Cảnh tượng đêm qua lại diễn lại một lần nữa.

Chờ cho Khắc Mẫn viết đến dòng "cộng quyển nội", Vân Hạc mới ra dỡ lều, bó buộc các thứ đồ đạc.

Hồi trống thứ ba giục mau, Khắc Mẫn cộng xong những chữ xóa, sót, móc, chữa và viết ra chỗ cuối quyển. Vân Hạc lại sang dỡ lều thu xếp đồ đạc hộ bạn.

Hai người vừa tới nhà Thập đạo, người lại phòng thu quyển đã đương nâng nắp hòm quyển và sắp đậy lại. Tất tả, Vân Hạc, Khắc Mẫn cùng rút quyển văn trong ống và trao cho hắn. Tiếng trống cuối cùng vừa dứt, người lại phòng liền khóa hòm lại. Một ông cụ già lật đật đem quyển đến nơi, thì chỗ ổ khóa vừa bị dán giấy niêm phong. Ông ấy năn nỉ kêu van người lại phòng hãy mở hòm ra để cho quyển văn của mình vào trong. Hắn cũng ra vẻ thương hại ông cụ. Nhưng hắn không dám bóc tờ niêm phong, và nói:

– Thế là số cụ không đỗ, cụ đành lòng vậy. Bây giờ nếu tôi mở hòm mà bỏ quyển của cụ vào, thì tôi sẽ phải ngồi tù mọt gông.

Cái hòm liền bị bọn lính mật sát khiêng vào trong nhà Thập đạo.

Ông cụ kêu khóc nức nở, cố xông lên nhà Thập đạo để lấy cái cớ tuổi già mà xin quan trường gia ân cho mình. Nhưng cũng không được. Quan trường chỉ úy lạo ông cụ mấy câu, rồi sai lính dẫn ra.

Vừa đi ông cụ vừa kêu:

– Khốn nạn! Tôi thi đã vừa mười khoa, bán hết cửa nhà ruộng đất về việc khoa cử. Định thi một khoa này nữa thì thôi. Bây giờ lại bị ngoại hàm, có khổ hay không?

Vân Hạc chỉ mặt Khắc Mẫn và nói:

– Hú vía! Chỉ chậm một bước, thì tao ngoại hàm vì mày!

Khắc Mẫn nhăn răng cười xòa. Rồi theo ánh lửa của cây đình liệu, hai người cùng về nhà trọ.

IX

Ánh nắng đã tuồn qua khe cửa sổ chiếu vào sàn gác. Hạt bụi thi nhau đùa giỡn trong những luồng sáng tím xanh.

Con Nhài sẽ sàng đưa ngọn chổi lúa quét qua mặt gác, rồi nó rón rén nhấc chiếc điếu ngô thổi hết bã thuốc tàn đóm và đem bàn chè chén mẫu ra lau.

Vân Hạc vẫn ôm cô Phượng nằm trong tấm chăn nhiễu đỏ.

Cạnh chàng, một tấm chăn nữa cũng đương phủ kín hai người: Bùi Đốc Cung và cô Cúc.

Gian gác tĩnh mịch như tòa miếu cổ ở giữa cánh đồng không, người ta có thể đếm được những dịp đều đều của bốn hơi thở.

Thế là trong mười ngày chờ đợi xem bảng của kỳ đệ nhất, Vân Hạc cũng như Đốc Cung đã vắng nhà trọ đến sáu đêm liền. Khi bị anh em lôi kéo, khi thì tự chàng lôi kéo anh em, trong sáu đêm đó, đêm nào chàng cũng ở phố Hàng Lờ, cái nơi đã được thiên hạ đặt tên là "rừng son phấn".

Tuy nó chỉ là chuyện "phùng trường tác hí", chàng không chung tình với một người nào, nhưng trước những cuộc rượu nồng, dê béo, chàng vẫn được phần đông chị em để vào mắt xanh. Họ trọng chàng là hạng học trò có tiếng, họ thích chàng ăn nói có duyên, nhất là họ yêu ngón chầu của chàng nhiều tiếng tài tình trác lạc.

Lân la hết nhà này đến nhà khác, cái nợ phong hoa đã làm cho chàng thành người bê tha.

Đào Phượng là người gặp chàng sau cùng, song lại là người mến chàng thứ nhất. Mối duyên hội ngộ giữa chàng với nàng mới bắt đầu trong ba bữa nay, nhưng nàng đã dùng hết cách khôn khéo của nhà nghề để giữ chàng ở luôn nhà mình.

Khăng khít với chàng để làm gì? Nàng đã thừa biết chàng mới cưới vợ, hơn nữa, nàng còn nghe rằng, vợ chàng vừa nhan sắc, vừa nết na, với chàng rất tương đắc, không có khi nào nàng lại dại dột mà hòng mong chàng sẻ chút ân tình cho mình.

Chỉ vì ở bên tai nàng, chàng là một tay danh sĩ, người ta bảo rằng khoa này nhất định là chàng phải đỗ, không thủ khoa thì cũng á nguyên. Vả lại, từ khi chàng đến nhà nàng, mắt nàng đã trông thấy chàng bói kiệu và đánh tổ tôm. Không cuộc tổ tôm nào mà

chàng không ù chì chì, không cuộc bói kiệu nào mà chàng không kiệu độ một, hai ván, có khi chàng còn được cả "tứ mỹ" hoặc "tam từng" nữa. Với những điểm ấy, nàng càng chắc rằng mười phần chàng đỗ cả mười.

Theo sự kinh nghiệm của các cụ nói lại thì nhà cô đào cũng giống như nhà chứa trọ, khoa nào được có ông khách thi đỗ, tức là trong nhà làm ăn phát tài. Và từ khoa sau trở đi, học trò sẽ đua nhau tìm đến nhà mình mà trọ hay hát. Bởi vì người ta cho là cái nhà có lợi cho sự thi cử. Trái lại, nhà nào không có ai đỗ, người ta sẽ bảo cái nhà không hay, khoa sau dù có nhử thính cũng không ai thèm đến cửa.

Cái sự thi đậu của chàng quan hệ với nàng như vậy, cho nên nàng phải cố kiết mà níu lấy chàng.

Trước sự ân cần chiều đãi của nàng, cố nhiên chàng không có thể dứt tình mà đi. Luôn trong ba ngày trước đây, chàng không hề về đến nhà trọ. Hai đêm trước, đêm nào, chàng và Đốc Cung cũng thức cho đến sáng bạch với tiếng đàn, tiếng hát và những cuộc rượu quay thìa. Nhưng đêm vừa rồi, vì đã giáp ngày ra bảng, sợ rằng thức quá, khi vào trường sẽ hại cho sự viết văn, cho nên chàng phải giục Đốc Cung đi ngủ từ lúc nửa đêm. Giấc ngủ báo thù vẫn khác với giấc ngủ thường, từ nửa đêm cho đến bây giờ, hai người đều kéo một mạch không ai cựa cậy.

Con Nhài lau xong ấm chén, nó lại rón rén đi xuống nhà dưới, mặc hai cô chủ ngủ tiếp hai ông quý khách.

Chị hàng xôi cháo lù lù tiến đến trước cửa và quai mồm rao mấy tiếng chua lòm, làm cho Đốc Cung giật mình đánh thót. Chàng liền tung chăn ngồi dậy, dụi mắt trông ra ngoài cửa rồi nói một cách sửng sốt:

– Chết chửa! Bây giờ là bao giờ rồi?

Cô Cúc oằn oài vặn mình mấy cái và đáp:

– Hãy còn sớm chán! Ngủ thêm lúc nữa. Vội gì anh!

Đốc Cung ngáp một tiếng dài, rồi tiếp:

– Mặt trời đã xỏ vào mắt mà còn là sớm! Thế thì không còn bao giờ là trưa!

Tức thì Đốc Cung lật tót bức chăn của Vân Hạc và gọi:

– Dậy đi mày! Trưa lắm rồi!

Vân Hạc mở choàng hai mắt và gắt:

– Mày làm cái gì mà nhắng lên thế? Trưa thì mặc trưa, tao cần gì!

Đốc Cung nói bằng giọng ỡm ờ:

– Đi lên nhà trọ sắp sửa khăn gói mà về với vợ! Chứ làm gì!

– Tao hỏng à?

– Cái bộ học hành như mày chả hỏng thì "vào" với ai!

– Nếu tao mà hỏng kỳ này, thì cả trường không còn thằng nào "vào" nổi.

Rồi đó, Vân Hạc cũng rút cái cánh tay phải đương bị cô Phượng gối đầu và ngồi nhỏm dậy.

Cô Phượng cũng dậy và gọi con Nhài lấy nước rửa mặt.

Tan cuộc trà sớm, Vân Hạc, Đốc Cung sắm sửa khăn áo toan đi, cô Phượng, cô Cúc nhất định níu lại và nói:

– Các anh ở đây ăn cháo cái đã!

Hai người cùng một mực từ chối:

– Thôi để cho chúng tôi đi, kẻo trưa. Hôm nay là ngày ra bảng, bây giờ hãy còn ở đây, cũng là liều lĩnh lắm rồi...!

Hai ả vẫn kèo nèo:

– Trưa với sớm thì làm gì! Đến chiều xem bảng cũng được. Bảng vẫn còn đấy, chứ ai đã cất đi mất. Các anh chẳng đỗ thì ai đỗ, em chắc như vậy. Không cần phải xem bảng nữa.

Rồi mỗi ả nắm lấy một chàng. Họ thi nhau lật khăn, cởi áo hai chàng và kéo vào phản.

Con Nhài vừa xách lên đó một nai rượu lớn. Nó cất hai bức chăn nhiễu vào phòng và ngả chiếc mâm chân quỳ ra phản. Kế đến thằng bếp lễ mễ bưng lên và đặt vào mâm một con gà luộc đựng trong một chiếc đĩa sứ rất lớn. Rồi thì chúng nó sắp sửa vào đó tất cả các thứ bát, đũa, thìa, chén và nhiều những món ăn khác.

– Nào! Mời hai anh vào đi. Mọi ngày chúng em không dám uống rượu nhưng hôm nay nhất định tiếp với các anh một bữa thật say.

Đào Phượng vừa nói vừa co Vân Hạc, Đốc Cung vào cạnh chiếu rượu và giục đào Cúc:

– Chị rót rượu ra. Sao cứ lóng ngóng mãi thế?

Vân Hạc vừa cười vừa nói:

– Ừ, uống thì uống, cần gì!

Rồi chàng ngoảnh nhìn Đốc Cung:

– Nếu như ngày nào các chị cũng có hảo tâm thế này, thì chúng mình chẳng phải thi cử làm chi cho nhọc.

Hai chàng liền ngồi lên phản. Cô Cúc nhanh nhảu, lau tay nhắc đĩa thịt gà ra gỡ. Cô Phượng cầm nai rượu đổ ra cái bát giữa mâm, rồi vớ chiếc thìa múc một thìa đầy, và hỏi cô Cúc:

– Tôi muốn chuốc anh ấy nhà chị một thìa, có được không đấy?

Cô Cúc xua tay:

– Không được. Không được! Chị muốn cướp chồng của tôi hay sao?

Cô Phượng vừa cầm thìa rượu vừa cười:

– Chị đã nói thế, thì tôi cướp cho mà xem. Sướng chưa, phen này lấy luôn hai chồng một lúc!

Rồi nàng đưa thìa rượu lên miệng Đốc Cung:

– Mời chồng xơi rượu!

Đốc Cung gạt thìa rượu ra và nói:

– Đây tôi không làm chồng lẽ, nghe không?

Cô Phượng vẫn cười:

– À, anh còn giữ trinh tiết với chị ấy nhà anh! Thôi thế thì em trở về với chồng cũ vậy.

Rồi nàng đổ thìa rượu ấy vào bát, lại múc thìa khác và chìa tận miệng Vân Hạc:

– Nào anh xơi rượu với em.

Vân Hạc vừa cười vừa nói:

– Ai mặt mũi nào uống rượu với một người vợ đã đi ve trai!

Cô Phượng lại cười:

– Ông Dương Lễ cho vợ đi ở với bạn luôn trong ba năm còn được, huống chi tôi mới ve bạn của anh một câu. Thôi anh nuốt giận làm lành.

Vân Hạc chưa kịp nói gì, dưới thang gác bỗng có tiếng chạy huỳnh huỵch. Con Nhài hốt hoảng đến trước cô Phượng:

– Thưa cô, dưới cửa có hai ông nào đương hỏi ông Hạc.

Vân Hạc vội hỏi:

– Người như thế nào?

– Hai người ấy cùng mặc áo the, nước da trắng trẻo, một ông độ ba tư, ba nhăm, một ông độ hai bảy, hai tám!

Đốc Cung nhìn mặt Vân Hạc:

– Mày thì chết, muốn sống đi trốn cho mau. Để tao ngồi đây chịu tội thay mày.

Vân Hạc vội vàng chạy thụt vào buồng, khép luôn cửa lại.

Cô Phượng bảo Nhài:

– Mày xuống nói với hai ông ấy, ở trên này không có ai là ông Vân Hạc nhé!

Con Nhài vâng rồi đi xuống mới hết thang gác thì đã có tiếng chân người thình thịch đi lên.

Ai thế?

Đào Tiêm Hồng và Đào Đoàn Bằng, anh thứ hai và anh thứ ba của Vân Hạc.

Với bộ mặt giận dữ, hai người xăm xăm bước đến trước chiếu rượu giữa khi Đốc Cung, đào Phượng, đào Cúc cùng bỏ mâm rượu đứng dậy.

Đốc Cung tươi cười vờ hỏi:

– Hôm nay trở trời, trái gió làm sao mà cả hai bác lại cùng đi tìm cái thú yên hoa? Chắc là các bác đều được "vào" cả.

Đoàn Bằng đổi ra dáng bộ vui vẻ và đáp:

– Gớm chửa! Dễ một mình anh biết chơi, còn chúng tôi là gỗ cả đấy.

Đốc Cung cũng cười, nhưng không nói gì. Đào Phượng, đào Cúc đon đả mời hai người vào ghế và cung kính rót hai chén nước bưng lại.

– Xin mời hai ngài xơi nước.

Tiêm Hồng vẫn nhìn Đốc Cung bằng một bộ mặt hầm hầm:

– Thằng Hạc nhà tôi trốn đi đâu rồi?

Đốc Cung giả cách ngơ ngác:

– Anh Hạc đã ra đấy ư? Hôm qua tôi nghe nói anh ấy về quê đến chiều hôm nay mới ra kia mà!

Đoàn Bằng phì cười:

– Thôi anh đừng khéo vờ vẫn. Tôi chắc nó lại núp đâu quanh đây.

Rồi thày chỉ vào mâm rượu và tiếp:

– Đũa bát kia của nó, có phải không? Nếu không, sao ba người ăn lại có bốn đôi đũa và bốn cái bát?

Đốc Cung vẫn nói bằng cách thản nhiên:

– Chúng tôi cũng đương bàn tán với nhau, không hiểu vì sao tự nhiên thằng bếp lại dọn thừa đũa thừa bát. Hoặc giả nó là cái điềm hai bác đến chơi. Vậy xin hai bác vào đây uống với tôi luôn thể.

Đào Phượng, đào Cúc cũng đều làm bộ chèo kéo:

– Chẳng mấy khi hai ngài quá bộ đến đây. Vậy xin hai ngài hãy tạm ngồi lại xơi rượu với ông Cung để cho chúng em được hầu tiếp.

Tiêm Hồng càng cáu:

– Chúng tôi cũng muốn uống lắm. Mép rượu còn có khi nào chê rượu? Huống chi lại được uống với các chị, thì còn hứng thú nào bằng. Nhưng còn e rằng: chúng tôi ngồi đây lúc nữa, thì trong gầm phản, tất nhiên có đứa chết ngạt. Và đứa chết ngạt ấy cố nhiên phải là thằng Hạc.

Đoàn Bằng nói xen:

– Hôm nay lại còn dắt nhau đến đây, tôi cũng chịu cho cái đức bê tha của các anh!...

Tiêm Hồng cướp lời:

– Chúng tôi nhờ anh bảo thằng Hạc rằng: đời còn dài, muốn chơi chẳng thiếu gì lúc. Hôm nay hãy tạm đi ra cửa trường nhìn qua cái bảng xem sao!

Rồi hai người từ biệt đứng dậy và xuống thang gác. Đốc Cung, đào Phượng, đào Cúc theo chân tiễn ra đến cửa.

Đoàn Bằng quay lại nói với hai ả:

– Tôi xin hai chị nể lời chúng tôi, hôm nay hãy tạm tha cho thằng này và thằng Hạc. Có muốn giam hãm chúng nó, các chị cũng nên chờ đến đêm mai.

Hai ả vẫn khăng khăng một mực:

– Ông nói oan chúng em, thật quả, từ xưa đến giờ, nhà em không có ông khách nào tên là Hạc cả.

Đoàn Bằng mỉm cười:

– Nào tôi có ăn vạ đâu? Sao chị cứ phải chối mãi!

Rồi thày theo sau Tiêm Hồng lúi thủi cùng đi về phía Cửa Nam.

Đốc Cung và đào Phượng, đào Cúc chờ cho hai người đi một quãng xa, mới cùng lên gác. Ba người đều cười rũ rượi.

Vân Hạc cũng vừa mở cửa ở trong buồng ra. Chàng bảo đào Phượng:

– Gớm! Cái buồng nhà chị sao lắm muỗi thế! Nếu chậm lúc nữa, có lẽ tôi sẽ bị nó đốt chết. Hai ông ấy đi đến đâu rồi?

Đào Phượng dún dẩy trả lời:

– Đi xa lắm rồi. Mời các anh cứ vào xơi rượu, không ngại gì nữa.

Đào Cúc nói xen:

– Các ông anh kể cũng rộng lượng đấy chứ, lúc mà cái ông nét mặt hầm hầm nói gắt anh Cung, em tưởng hai ngài sẽ phá cửa buồng để bắt anh Hạc.

Đốc Cung nhìn mặt Vân Hạc:

– Ừ, nếu lúc ấy thằng Hồng, thằng Bằng cố cậy cửa buồng mà vào, chúng nó bắt được mày đương nằm ở dưới gầm giường, thì mày xử trí ra sao?

Vân Hạc bật cười:

– Tao tát vào cái miệng mày bây giờ. Đừng nói láo. Chốc nữa lại sắp ra cửa trường mà kháo như thế!... Người ta nằm ở trên giường, chớ ai chui gầm giường bao giờ!

Rồi chàng ghé ngồi vào phản và tiếp:

– Giả sử bấy giờ mà tao bị bắt quả tang, thì cũng đến ỳ ra đó, chứ làm thế nào. Chúng mình kể cũng vô phúc thật đấy. Các ông ấy mắng không oan. Ai lại đến ngày ra bảng vẫn kéo lì ở nhà cô đào!

Đốc Cung như không để ý đến lời Vân Hạc. Chàng mủm mỉm cười và ra bộ nghĩ ngợi.

Đào Phượng múc một thìa rượu, chuốc cho Vân Hạc và nói:

– Cái sự hôm nay là lỗi tại em tất cả. Vậy xin tạ lỗi với anh một thìa.

Vân Hạc đón lấy thìa rượu và nói:

– Chị để tôi uống tự nhiên, không cần phải thế. Chúng tôi rất ghét cái kiểu kề miệng húp thìa rượu ở tay người khác.

Vân Hạc đương đưa thìa rượu lên miệng sắp uống, Đốc Cung bỗng nhìn đào Phượng và cười ngặt nghẹo:

– Tôi nhờ chị hãm cho ông Hạc một câu.

Đào Phượng vui vẻ:

– Vâng! Xin anh nghĩ câu hãm cho em.

Đốc Cung liền đọc:

"Trời cao con Hạc vẫy vùng".

Vân Hạc ra bộ thích ý:

– Được đấy! Thằng khá đấy... Đọc nốt xem sao?

Đốc Cung rung đùi đọc tiếp:

"Ai xui Hạc bỗng vào trong gầm giường?
Nghĩ đến mà thương".

Vân Hạc nuốt vội hớp rượu trong miệng và chỉ vào mặt Đốc Cung:

– Thằng đểu! Những đứa báo oán ở đâu, sao hôm nọ nó không quật chết mày ở trong trường thi!

Đốc Cung cười bảo đào Phượng:

– Nhưng mà thôi, chị đừng hãm nữa! Để tôi chữa lại làm bốn câu mưỡu. Rồi tôi cho nó một bài hát nói.

Vân Hạc cũng cười:

– Muốn gì thì gì! Hễ mà bịa chuyện nói láo, thì mày đừng chết.

Đào Phượng nói thêm:

– Cứ để cho anh ấy làm.

– Nhưng mà nó cứ nói không làm có. Rồi chốc nữa lên cửa trường, gặp ai nó cũng đọc ra cho nghe. Người ta tưởng là chuyện thật.

Đốc Cung vẫn cười:

– Ừ, thì tôi cũng đại xá cho nó. Để nó còn vác mặt về quê thăm vợ. Nếu tôi cho nó một bài hát nói, thì không khéo nó phải tự tử.

Câu chuyện bông đùa kéo dài đến gần hết một bát rượu lớn. Hai chàng bắt đầu ăn cháo.

Tan cuộc rượu, hai chàng lại đội khăn mặc áo để đi xem bảng.

Đào Phượng, đào Cúc cũng đòi đi theo. Nhưng mà Vân Hạc không nghe, chàng nói:

– Nếu tôi đi với hại chị, lỡ gặp anh hai và anh tú tôi, thì tôi trốn đi đường nào?

Hai ả cùng nói cố kiết:

– Các anh cứ cho chúng em đi với. Lên gần cửa trường, chúng em sẽ trụt lại sau, không đi gần với các anh nữa, thì thôi chứ gì.

Đốc Cung cũng ngăn hai ả:

– Thôi các chị cũng nên thương nó, đừng theo nó nữa. Nếu như các chị cố đi với nó, thì rồi mai kia, vợ nó xé xác nó ra.

Rồi hai chàng từ biệt hai ả cùng đi lên phía trường thi.

Lúc ấy bảng đã kéo rồi. Học trò đứng ở dưới bảng đông như đám hội. Đốc Cung bảo với Vân Hạc:

– Hãy đến xem bảng con đã!

– Mày bị phạm húy hay sao mà muốn xem bảng con trước?

– Tao không phạm húy, nhưng hình như trong bài "Nam sơn hữu tài", tao viết chữ thọ thiếu mất một nét.

– Mày viết mười mấy nét?

Đốc Cung vừa đi, vừa lấy ngón tay ngoạch ngang, ngoạch dọc, rồi đáp:

– Tao viết có mười bốn nét.

– Thế thì đúng rồi, còn thiếu gì nữa, chữ "thọ" chỉ có mười bốn nét thôi.

Vừa tới bên ngoài bảng con. Cái bảng treo chừng ngang đầu người, phía trước đương bị đám người che kín. Vân Hạc bảo Đốc Cung:

– Mày thử lách vào, trông xem có tên thằng Nguyễn Khắc Mẫn ở đó hay không. Hôm ấy nó viết vội lắm. Tao sợ nó phạm trường qui, nếu không thì cũng phạm húy, hay là có chữ thừa nét thiếu nét, chứ khó mà được tròn vẹn.

Đốc Cung ưng lời. Rồi để Vân Hạc đứng đợi ở ngoài, chàng cố lách qua đám người vào tận cạnh bảng nhẩm suốt một lượt từ đầu đến cuối.

Tất cả trong bảng, có độ hai chục tên người.

Người thì viết không đủ quyển, người thì viết phải chữ "hồng" mà không "kính khuyết nhất bút", có người đồ, di, câu, cải quá số mười chữ, mỗi người mỗi tội khác nhau. Nhưng không có tên Khắc Mẫn.

Đốc Cung lại cố lách ra và tìm đến chỗ Vân Hạc:

– Không biết nó có được vào hay không, chứ ở bảng con thì không thấy có tên nó.

Hai chàng liền cùng tiến lại trước bảng vi giáp. Vừa thoạt nhìn lên trên bảng, đã thấy tên Đào Tiêm Hồng, Vân Hạc mừng reo:

– Anh hai tao được "vào" rồi.

Đọc nốt cho đến cuối bảng, hai chàng đều không thấy tên mình, họ bèn dắt nhau sang cửa vi ất. Ở đây, chỉ thấy tên Nguyễn Khắc Mẫn và Đào Đoàn Bằng, không có tên hai chàng. Đốc Cung chỉ bảo Vân Hạc:

– Thằng Mẫn và anh Tú mày được "vào" rồi kia kìa, không có lẽ tao với mày bay kinh nghĩa cả.

Rồi thẳng đường, hai chàng lại đến coi bảng vi hữu. Đến đây mới thấy có tên Đốc Cung, nhưng vẫn không thấy có tên Vân Hạc, Đốc Cung lại trêu Vân Hạc:

– Chắc là mày hỏng.

Vân Hạc vẫn vững dạ:

– Mày và thằng Mẫn còn "vào" khi nào tao lại bị hỏng.

(Bị kiểm duyệt bỏ)

Vừa nói, hai chàng vừa lật đật trở lại đến cửa vi tả: trông gần hết bảng, vẫn không thấy tên Vân Hạc ở đâu, lúc ấy chàng mới hơi núng, liền bảo Đốc Cung:

– Có lẽ quan trường không mắt mày ạ.

Đốc Cung chỉ tay vào phía cuối bảng:

– Có họa mày mù, chẳng tên mày thì tên thằng đểu kia à.

Vân Hạc nhìn theo chỗ tay Đốc Cung đã chỉ, quả nhiên thấy có chữ Đào Vân Hạc đứng trên hai dòng chữ con "Sơn Tây Đào Nguyên" chàng điềm nhiên nói:

– Ừ, có thế chứ! Nếu tao mà hỏng thì còn trời đất nào nữa.

Vân Hạc, Đốc Cung vui vẻ quay ra cùng vơ vẩn trong các đám đông để tìm những người quen biết. Nhưng mà không gặp người nào, hai chàng bèn lững thững đi về nhà trọ. Vân Hạc vừa đi vừa phàn nàn:

– Tao về bây giờ chắc ông anh sẽ mắng tàn nhục.

Đốc Cung an ủi:

– Không sợ. Tao xem hai thằng anh mày cũng còn biết điều. Chúng nó có giận mày đi nữa, cũng chỉ nhiếc móc qua loa, chứ không làm tàn nhẫn như người khác đâu. Vả lại, còn phải nể mặt tao chứ. Nếu như chúng nó tàn nhẫn với mày, thì có khác gì tàn nhẫn với tao?

Vân Hạc lẩm bẩm:

– Không biết đứa nào thóc mách mà các ông ấy lại biết chúng mình nằm ở nhà ấy? Tao đồ rằng chỉ có thằng Mẫn. Bởi vì cái thằng đểu ấy xưa nay vẫn có cái tính tâng công như thế.

– Có lẽ. Tao cũng ngờ nó. Để rồi hỏi xem, nếu quả phải nó, thì chúng mình cũng nên trừng trị cho nó chừa cái thói ấy.

Đốc Cung đương sắp nói tiếp, thình lình một bọn độ năm, sáu người nghênh ngang tiến đến trước mặt. Khi đã gần giáp Vân Hạc, Đốc Cung, họ vẫn dắt tay nhau, như định ngăn cản đường đi. Một người trong bọn trừng mắt và thét:

– Các anh có mắt hay không? Làm sao thấy người ta đi thế này vẫn cố sầm sập đâm vào?

Hơi rượu theo với tiếng thét bay ra sặc sụa, làm cho Vân Hạc, Đốc Cung biết ngay đó là những vị anh hùng không có tên ở trên bảng, chỉ chực gây sự với bất kỳ người nào. Hai chàng lễ phép xin lỗi, rồi lánh ra hai vệ đường để cho bọn đó đi lên.

Đi một quãng dài, vừa gặp Khắc Mẫn lủi thủi bên đường với bộ mặt thìu thịu. Vân Hạc liền hỏi:

– Thằng này đi đâu?

Khắc Mẫn không trả lời và cũng không thèm trông lên, Đốc Cung không hiểu là vì cớ gì, chàng hỏi tiếp:

– Cái thằng làm sao mà lại mặt sưng mày xỉa lên thế? Không về sắp sửa đồ đạc để mai vào trường, lại còn dẫn xác đi đâu?

Khắc Mẫn dừng lại với bộ điệu hầm hầm tức giận:

– Đi đâu mày hỏi làm gì? Ông bảo đừng xỏ. Vừa mới được vào một kỳ đã chực lên mặt với ông, phải không?

Hai chàng càng không biết ý tứ Khắc Mẫn ra sao, Vân Hạc nói bằng giọng ngạc nhiên:

– Mày điên đấy à, thằng Mẫn? Cớ sao tự nhiên vô cớ lại chực cà riềng cà tỏi với chúng tao?

Khắc Mẫn đổi giọng mát mẻ:

– Thôi tôi cũng cảm ơn anh. Anh có lòng tốt đã giúp cho tôi một đoạn "hậu cổ" quý hóa. Nhưng mà tôi chưa phạm húy, chưa bị tù tội anh ạ.

Rồi thày lại vùng vằng đi không quay cổ lại.

Vân Hạc phì cười và giục Đốc Cung:

– Thôi đi! Mặc kệ nó. Hễ nó tự tử thì chúng mình chôn, cần gì.

Đi vào chục bước ngoảnh lại trông thấy Khắc Mẫn đã đi hơi xa. Vân Hạc hỏi Đốc Cung:

– Mày có biết làm sao không?

– Nó tưởng nó hỏng, nên nó oán mày phản nó chứ gì?

– Ừ! Tao cũng đoán thế, nhưng hãy cứ im không bảo vội... Để nó khổ cực từ giờ đến chiều, cho bõ cái tội tâng công đi đã.

Đốc Cung đồng một ý ấy:

– Tao cũng định thế.

Hai chàng cùng quay đầu lại, vừa thấy Khắc Mẫn đi rẽ ra lối bờ sông. Đốc Cung hoảng hốt:

– Có lẽ nó tự tử thật mày ạ!

Vân Hạc quả quyết:

– Thằng ấy khi nào lại dám tự tử. Nó không phải đứa có gan như thế. Hãy cứ thây nó.

– Nhưng sợ nó yên chí bị hỏng và phát phẫn mà đi lang thang đâu mất, chúng mình không biết đường nào mà tìm.

– Ừ phải! Nếu không báo cho nó biết, lỡ nó kéo đi, không kịp vào trường ngày mai, thì ra chúng mình ác quá.

Hai chàng liền lật đật trở lại, đuổi theo Khắc Mẫn và gọi:

– Mày không hỏng đâu! Mẫn ạ! Đừng đi tự tử mà mất mạng oan!

Khắc Mẫn cũng quay mặt lại và nói bằng giọng căm tức:

– Ông có tự tử cái con...! Đừng trêu tiết ông mà không ra gì bây giờ. Hai thằng xỏ lá!

Hai chàng cùng cười sằng sặc:

– Thằng chó! Cáu gì chúng ông! Hãy lại cửa trường mà xem. Chẳng tên thằng Nguyễn Khắc Mẫn thì tên con chó ở bảng đấy à!

Khắc Mẫn càng bước rảo cẳng và nói thật lớn:

– Ừ! Tên con chó đấy! Hai con chó chứ không phải một. Con chó lớn ở làng Đào Nguyên và con chó con ở làng Trúc Lâm!

Hai chàng đều thấy bực mình, nhưng cố đuổi cho kịp Khắc Mẫn, rồi nói bằng giọng nghiêm trang:

– Sao anh lại tưởng anh hỏng?

Khắc Mẫn vẫn cắm đầu đi không đáp, Vân Hạc, Đốc Cung hỏi với:

– Thế thì mắt anh đã coi bảng chưa, hay là mới nghe thấy người ta nói?

Bấy giờ Khắc Mẫn mới dừng chân lại.

– Tao coi đã ba lần rồi!

– Anh coi những bảng vi nào?

– Tất cả bốn vi.

– Vậy mà không thấy tên anh?

Khắc Mẫn không nói vùng vằng toan đi. Hai chàng cũng cười:

– Thế thì anh mù mất rồi! Ba chữ Nguyễn Khắc Mẫn lớn bằng cái mẹt ở bảng vi ất mà không trông thấy có khổ không?

Khắc Mẫn có ý nghi ngờ:

– Các anh nói thật hay nói xỏ tao?

– Nói thật chứ ai nói đùa làm gì? Anh hãy trở lại mà coi.

Khắc Mẫn vẫn nhất định không tin.

– Trở lại để chúng bay phỉ hổ ông thêm một mẻ nữa, phải không? Đừng xỏ! Đây ông ngần này tuổi đầu, khi nào phải lừa hai thằng ranh con!

Vân Hạc không thể nhịn cười và không biết nói thế nào cho Khắc Mẫn tin. Đốc Cung cố giữ nét mặt đứng đắn và ôn tồn:

– Không! Chúng tôi không thèm lừa anh làm gì. Bảng có tên anh thật đấy. Trở lại mà xem, rồi cùng trở về nhà trọ sắp sửa đồ đạc...

Khắc Mẫn không để cho nói hết câu, liền gặng:

– Nếu như không có tên tao, chúng bay làm sao?

Vân Hạc vội thề:

– Không có tên anh, chúng tôi sẽ xin cắp tráp cho anh suốt đời.

Khắc Mẫn ngần ngừ nói gượng:

– Ừ, ông bay kinh nghĩa mà được hai thằng này bưng tráp đi hầu, thì cũng đáng đời.

Rồi thày bèn theo Vân Hạc, Đốc Cung lại nẻo trường thi. Bấy giờ học trò đâu về đấy cả, cửa trường chỉ còn lơ thơ ít người. Hai chàng dắt Khắc Mẫn đến cửa vi ất, chỉ tay lên bảng và hỏi:

– Tên mày hay tên con chó ở kia hở Mẫn?

Khắc Mẫn sung sướng như người chết rồi lại được sống lại, thày ứa nước mắt vừa cười vừa nói:

– Ồ lạ! Thế mà làm sao lúc nãy tôi trông đến ba, bốn lượt đều không thấy cả? Hay có đứa nào che mắt?

Lúc ấy Vân Hạc mới cáu:

– Chó nó che mắt mày à? Chẳng qua vì mày đã quá hoạn đắc hoạn thất, cho nên hoa cả hai mắt không thấy gì nữa. Quân đê tiện! Làm bạn với mày nhục cả chúng tao!

Đốc Cung mắng thêm:

– Thảo nào ngày xưa có đứa cướp vàng giữa chợ mà không trông thấy người nào. Thằng này nếu được thấy vàng, có lẽ nó cũng tối mắt như thế. Thôi hết kỳ này thì tống nó đi trọ nhà khác! Không để cho nó ở chung, bẩn cả chúng mình.

Khắc Mẫn nhăn răng cười khì:

– Bây giờ các anh nói sao tao cũng phải chịu, chứ tao cãi sao cho kịp hai cái miệng ấy?

Ba người liền cùng quay về.

Mặt trời vừa đến đỉnh đầu. Khí trời đã không lạnh lắm. Trong phố, hàng quà đã rao ấm ơ.

Vân Hạc, Đốc Cung vẫn chưa tan cơn tức cười Khắc Mẫn, hai chàng lại trêu:

– Bây giờ chúng tao mới hỏi tội cho thằng Mẫn!

Khắc Mẫn bẽn lẽn:

– Ừ, tao còn tội gì nữa, thì nói nốt đi!

– Sao mày lại dám hót với anh Hồng anh Bằng rằng chúng tao hát ở nhà con Phượng để các anh ấy đi bắt chúng tao?

– Ai bảo chúng bay như thế?

– Chúng tao biết, chứ phải ai bảo. Không mày hót thì còn thằng nào vào đấy?

– Thế thì làm sao đến ngày ra bảng chúng bay vẫn còn bê tha?

– Bê tha mặc kệ chúng tao, việc gì đến mày? Lần này tha cho; lần sau, còn mách lẻo nữa, chúng ông rút lưỡi.

Ba người về đến nhà trọ, Vân Hạc, Đốc Cung vừa nhô vào cửa, Đoàn Bằng liền nói bằng giọng thẽ thọt:

– Thưa hai ngài đã về!

Vân Hạc nín thít không dám nói gì. Đốc Cung pha trò:

– Chả dám! Bẩm ngài! Ngài làm gì mà nghiêm khắc vậy!

Tiêm Hồng cau mày:

– Ngài dạy quá lời. Chúng tôi đâu dám nghiêm khắc với các ngài? Nhưng không biết ngày mai các ngài có định thi nữa, hay là hoãn đến khoa sau?

Đốc Cung kết thúc câu chuyện bằng một cuộc cười xòa, Vân Hạc giả vờ lảng xuống nhà dưới, rồi chàng sẽ bảo thằng nhỏ nhà trọ sắp sửa đồ đạc và dặn chủ trọ mua các thức ăn, làm sẵn, để ngày mai cho cả bọn vào trường.

X

Con gà của nhà hàng xóm bắt đầu gáy tiếng thứ nhất, ông chủ nhà trọ đã lên nhà trên đánh thức những ông khách trọ.

Anh em Vân Hạc và Đốc Cung, Khắc Mẫn hoảng hốt tung chăn ngồi dậy. Trước ánh lửa đùng đùng của ngọn đóm nỏ trong tay ông chủ, mọi người ay ó dụi mắt trông ra ngoài sân. Trời vẫn còn tối mù mù. Mấy tàu lá chuối sau nhà đương phì phạch đánh nhau với ngọn gió bấc. Hơi rét thấu đến tận xương.

Lần lượt châm lửa vào mấy đọi đèn trên những chiếc quang treo lủng lẳng ở dưới sà nhà, ông chủ vui vẻ đi xuống nhà dưới.

Thằng nhỏ nhanh nhảu đệ lên dãy phản của các ông khách hai cái hỏa lò than đỏ rừng rực. Rồi một thằng khác đem tiếp vào đó tất cả một bộ khay chén và một ấm siêu nước sôi.

Vân Hạc dích ra giữa phản vừa pha nước, vừa khoác cái chăn sù sù.

Ngoài sân vẫn gió to, thỉnh thoảng lại có giọt mưa lách tách rỏ xuống tàu chuối.

Gà gáy giục, cuộc trà vừa tan. Một nai rượu và một mâm đồ ăn lù lù tiến lên thay chỗ cho bộ ấm chén. Ông chủ vui cười nói với bọn khách:

– Thưa các ngài, hôm nay là ngày vào kỳ đệ nhị, các ngài tuy không dặn làm, nhưng tôi thành tâm sửa thêm nai rượu, xin mời các ngài xơi tạm để giúp thêm cho khiếu văn.

Tiêm Hồng lễ phép cám ơn và bảo ông ấy vào ngồi uống rượu. Nhưng mà ông ta từ chối không dám, rồi xuống nhà dưới.

Vân Hạc, Đốc Cung quay vào rót rượu, so đũa. Tuy rằng ai nấy vẫn chưa hết cơn dở ngủ, uể oải không muốn ăn uống, nhưng cuộc rượu vẫn cứ hành trong một cảnh tượng vui vẻ. Riêng có Khắc Mẫn chỉ nhấp vài hớp, rồi gọi thằng nhỏ lấy cơm. Thày kéo một mạch hết bốn, năm bát, rồi đứng phắt dậy, rửa miệng, uống nước và đi sắp sửa đồ đạc của mình.

Gió vẫn thổi dữ. Mưa càng nặng hột hơn trước. Trời càng tối đen như mực. Khắc Mẫn rối rít giục bọn Vân Hạc uống rượu phiên phiến để đi ra trường. Nhưng bọn này vẫn cứ kề cà chén thù, chén tạc.

Nóng ruột, Khắc Mẫn liền bảo thằng nhỏ châm đuốc cho mình. rồi thày giở một chiếc áo tơi khoác vào lưng và lấy lều, chiếu, yên, lọ, đeo hết lên cổ. Với dáng bộ lật đật, thày nhìn lại bọn Vân Hạc:

– Các anh ra sau nhé! Tôi phải đi trước, vì tôi phải vào trước các anh.

Đốc Cung mỉm cười:

– Sao mày tự làm khổ cái thân mày như vậy? Bây giờ quan trường còn ngủ, chứ dễ người ta đã ra cửa trường để đón mày vào đó chắc? Ra từ bây giờ để đứng cửa trường mà run đấy à!

Khắc Mẫn không trả lời. Tất tả bước luôn xuống thềm. Cả bọn trong này đều cười sằng sặc. Giây lát thấy thày bước lên, mỗi người hỏi mỗi câu:

– Không đi nữa à?

– Quên cái gì đấy?

Khắc Mẫn không để ý đến những câu hỏi ấy, thày lừ lừ nhìn mặt Tiêm Hồng:

– Tôi sẽ đóng ở gần nhà Thập đạo. Lát nữa bác vào, thế nào cũng đến đấy nhé.

Tiêm Hồng gật đầu, Khắc Mẫn lại lật đật xuống thềm, rồi đi. Đốc Cung vừa cười vừa nói:

– Cái ngu nó làm cho người ta phải khổ như thế.

Vân Hạc đón lời:

– Vì nó nhiệt tâm về công danh, ngồi đây sốt ruột không chịu được, cho nên phải đi. Chứ nó cũng không quá ngu đến nỗi không biết bây giờ quan trường chưa ra, ra đó cũng đến đứng đó.

Gió lạnh.

Mưa đã nhẹ hột.

Ngoài sân trời sáng mờ mờ.

Nai rượu cũng đã gần cạn. Mọi người bắt đầu ăn cơm.

Cuộc rượu tan, ngoài phố có tiếng người đi rầm rập.

Tiêm Hồng gọi thằng nhỏ đem hết lều, chiếu, yên, tráp lên đó, để ai nấy kiểm điểm một lượt xem có quên thiếu thức gì hay không.

Đoàn Bằng ngó ra ngoài sân rồi nói:

– Mưa to thế này, chắc là trong trường lội lắm. Bây giờ giữ sao cho hai cái chân khỏi lấm?

Đốc Cung phụ họa:

– Ừ, nếu chân lấm mà ngồi lên chõng, có khi nó sẽ giây ra quyển văn...

Vân Hạc nói;

– Thôi thì mỗi người đành phí một đôi bít tất. Bây giờ cứ đi bít tất mà lội bùn. Vào trường, đóng lều xong, sẽ tháo vất đi.

Tiêm Hồng khen:

– Cái đó thông đấy. Cũng chỉ còn có cách ấy có thể làm cho chân sạch.

Rồi cả bốn người cùng đội nón, khoác áo tơi, hai chân xỏ bít tất, sàm sạp bước xuống sân đất với những đồ đạc đeo xúc xích ở vai và cổ.

Vân Hạc ra bộ cáu kỉnh:

– Cái nước nhà mình nghĩ cũng buồn cười. Bao nhiêu ông to, ông lớn, làm giường, làm cột cho nước nhà đều ở thi mà ra, thế mà làm

sao người ta lại không chịu làm vài chục gian nhà, để cho chúng mình ngồi thi?

Đoàn Bằng cắt nghĩa:

– Không phải các cụ ngày xưa đều không nghĩ đến điều đó. Nhưng, trong trường thi hương, không thể cất nhà cho học trò ngồi thi. Là vì học trò đông quá, cất đến mấy chục gian nhà cũng không đủ chứa. Vả lại, thi ở giữa trời, các quan ngự sử còn có thể đứng trên chòi mà nhìn xuống dưới để rình những kẻ gian lậu, chứ nếu thi ở trong nhà, thì các ông ấy ngồi đâu mà canh?

Đốc Cung ngắt lời:

– Thì quan ngự sử cứ vào trong vi mà coi chẳng được hay sao? Sao lại cứ phải đứng ở trên chòi mới được?

Tiêm Hồng đáp:

– Không được! Các ông ngự sử cũng đều là người biết chữ. Nếu vào trong vi, lỡ các ông ấy gà cho học trò thì sao? Bởi vì cần phải phòng bị chỗ đó, cho nên, người ta mới cắt các ông đề điệu phải đem đầu bài xuống dán ở trong các vi. Ông đề điệu là người dốt đặc, một chữ không biết, không thể gà cho ai được.

Đốc Cung đương toan nói thêm, đằng sau bỗng nghe có tiếng kêu "trời", làm cho ai nấy đều phải giật mình quay lại.

Một ông cụ già đầu bạc râu bạc đương nằm chỏng gọng trên đường, cuộn áo lều gác chéo giữa cổ, chiếc chõng tre và cái tráp sơn đè sấp đè ngửa trên bụng.

Thì ra, vì đường trơn quá, ông cụ tuổi già sức yếu, bị toại, không thể gượng nổi, phải ngã bổ kềnh ra đó.

Cả bọn vội vàng chạy lại, kẻ nhắc lều chõng, người nâng ông cụ trở dậy. Ông cụ chỉ run cầm cập, mặt mũi xám ngắt, không thể nói được một câu nào. Vân Hạc vừa dắt ông cụ vừa lẩm bẩm:

– Khốn nạn! Bấy nhiêu tuổi đầu, còn thi với cử làm gì cho khổ thế này?

Đốc Cung có ý ái ngại ông cụ, chàng nói:

– Trời đương mưa rét, ông cụ già nua như vậy, nếu vào trường chưa chắc đã viết được văn. Hay là chúng mình hãy đưa ông cụ vào một nhà nào gần đây, để cho ông cụ nằm nghỉ.

Ông cụ khi ấy đã hơi hoàn hồn, nghe nói, vội vàng xua tay và cất cái giọng run run:

– Các thày... hãy cứ làm ơn dắt lão đến cửa trường... Lão thi đã sáu khoa rồi, khoa này mới được vào kỳ đệ nhị, sống chết lão cũng vào trường cái đã!

Vân Hạc cố gàn:

– Nhưng mà chúng tôi sợ cụ không thể chống nổi với sức mưa rét...!

Ông cụ vẫn vừa run vừa nói:

– Nhất là chết ở trong trường lão cũng cam lòng.

Tiêm Hồng lại hỏi:

– Cụ vào vi nào?

Ông cụ đáp bằng tiếng tai:

– Lão vào vi tả.

Vân Hạc nhanh nhảu tiếp lời:

– Vậy thì cụ đi với tôi! Tôi cũng vào vi tả đây!

Bốn người bèn cùng chia nhau mỗi người mỗi việc: kẻ xách yên, người đeo lều chõng, kẻ cầm cánh tay phải, người nắm cánh tay trái, cùng dìu ông cụ đi đến cửa trường.

Trong trường vừa nổi một hồi trống cái báo tin quan trường sắp ra.

Trên khu đất trước cửa vi giáp, học trò đã đến tấp nập.

Kỳ này bị hỏng rất nhiều, số người chỉ độ bằng một phần ba kỳ trước.

Mọi người trao trả ông cụ các thứ đồ đạc, rồi cùng chia ngả đi tới các vi. Vân Hạc dắt được ông cụ đến cửa vi tả, người lính cầm loa ở cạnh ghế tréo đã bắt đầu gọi tên học trò.

Chiều trời tự nhiên lại thấy tối sầm. Gió bấc lại nổi ào ào. Mây đen tự nẻo chân trời đùn đùn tiến lên giữa trời, và lan ra khắp bầu trời. Đánh nhoàng một cái, mọi người đều phải lóa cả hai mắt. Vòm trời đen kịt như bị nứt ra nhiều vết, những luồng chớp nhoáng chói lọi đồng thời bật ra và thi nhau vằn vèo chạy đi chạy lại như đàn rắn vàng. Tiếng sét đoành đoành nổi lên như phá góc trời tây bắc; nó dồn nhau, nó đuổi nhau, nó ù ù đưa nhau sang mãi góc trời đông nam, làm cho tầng không chuyển động như sắp sụp đổ.

Hột mưa lớn bằng quả ổi lác đác sa xuống mặt đất, xuống nón học trò, và lộp bộp rơi xuống đôi lọng xanh của ông phân khảo đương chễm chện ngồi trên ghế tréo với áo thụng xanh, mũ cánh chuồn và cây hốt ngà voi.

Công việc lúc này có vẻ cấp bách.

Người lính cầm loa luôn luôn thét không dứt miệng. Mỗi tên một người học trò chỉ được gọi đến hai lần. Nếu ở dưới không có tiếng thưa, tức thì người ta gọi luôn tên khác. Bọn lính thể sát làm việc cũng rất lạo thảo. Với các đồ đạc của học trò, họ chỉ nhòm nghé qua loa, thấy không có vẻ khả nghi thì thôi.

Trời cũng dọa chứ chưa làm thật. Sau khi học trò, quan trường, lính tráng vào hết trong trường, gió vẫn ào ào, sấm vẫn ù ù, chớp vẫn nhấp nhoáng, nhưng cơn mưa vẫn không lớn thêm. Người ta đoán rằng trời mưa để làm hoa rét, chứ cái tiết mùa đông, tháng giá, ít khi thấy có mưa to. Mà thật vậy, chỉ có cái rét là đáng ghê sợ. Được có mưa gió giúp sức, cái khí hậu tai ác đó mỗi lúc mỗi tai ác thêm, nó làm cho nhiều người học trò chân tay run lẩy bẩy, mặt mũi không còn sắc máu, hai môi xám nhợt như kẻ ngã ao. Nhất là mấy ông hàn sĩ áo đơn quần mỏng lại càng bị nó hành hạ cực khổ, lắm người cóng đờ cả mười ngón tay, không thể cầm được bộ gọng lều.

Vân Hạc cũng không khỏe mạnh hơn ai, chàng cũng lập cập hai hàm răng làm một, tuy trong mình đã quấn mấy lần áo bông áo kép. Lóng ngóng bằng đến nấu chín nồi cơm, chàng vẫn chưa lợp được kín cái lều. Bởi vì ngọn gió quái ác thúc vào đùng đùng, cái áo lều buộc được bên nọ, thì bên kia lại bật ra rồi, có khi nó còn nhổ cả gọng lều lên nữa. May quá, hôm nay chàng vẫn đem theo bốn chiếc cọc nhỏ và một chiếc dùi đục, chàng dùng dùi đục đóng chặt bốn cái cọc ấy cho đầu nó xuống sát mặt đất rồi mới buộc chằng vào bốn góc lều. Nhờ vậy, cái lều mới khỏi lung lay.

Hai bên đầu lều đã được che kín bằng hai chiếc áo tơi, chàng đem cái chõng đặt vào trong lều, rồi toan tháo bít tất bỏ đi. – Nhưng lát nữa còn phải đi lấy đầu bài, nếu bỏ bít tất thì chân lại lấm, lấy gì mà lau. – Nghĩ thế, chàng lại cứ để cả đôi bít tất ngồi thõng hai chân xuống đất và giở đá lửa đánh lửa hút thuốc. Đôi tất lúc ấy đất nhão bết vào đã thành một đôi ủng đất, nó làm cho chàng hai chân nặng trĩu, hơi rét tê dại da thịt.

Cái chòi gần nhà Thập đạo thong thả điểm một hồi trống cái. Quan trường phân phát những mảnh giấy viết đầu bài cho hai ông chánh phó đề điệu và các lại phòng đem dán ở bảng các vi. Theo như thí pháp mới định, kỳ đệ nhị có một bài thơ và một bài phú.

Thơ là: "Bang gia chi quang" thể thất ngôn, vần thập tứ diêm.

Phú là: "Sĩ nguyện lập sư triều" thể luật phú, vần "nhân chính khả duyệt thiên hạ chi sĩ", tất cả tám chữ, theo lối thuận áp.

Vân Hạc coi qua đầu bài rồi trở về lều. Chàng tháo bít tất quăng xuống xó lều và giở ống quyển lấy quyển nắn nót viết năm chữ lớn "Bang gia chi quang thi" và tám chữ con "dụng thất ngôn luật, thập tứ diêm vận", chàng lại bỏ quyển vào ống, bó gối ngồi nghĩ thế cục của tám câu thơ.

Gió lại thổi dữ. Sấm sét lại nổi ầm ầm. Nước mưa ở đâu đổ xuống sùn sụt. Cái lều của chàng tuy đã có cọc buộc ghì xuống đất, nó vẫn vẹo vọ rung rinh mỗi khi gặp một cơn gió giật. Chốc chốc chàng lại cứ phải nắm lấy gọng lều và ấn xuống đất cho lều khỏi bung.

Càng về gần trưa, mưa càng dữ dội. Các rãnh trong vi đều thành luồng nước trắng xóa. Bong bóng nổi trên mặt nước lềnh bềnh. Một lát sau, nước dềnh lên khỏi mặt rãnh, nó tràn vào lều và lênh láng chảy qua gầm chõng.

Vân Hạc đương ngồi trên chõng, gục đầu vào chiếc yên gỗ, hý hoáy viết mấy câu thơ, chợt thấy cái chõng tự nhiên thấp xuống dần dần, rồi nó lún xuống đến sát mặt đất, bùn nước theo khe nan chõng phòi cả lên trên mặt chõng.

Cái gì mà lạ thế nhỉ?

Thì ra khu đất trường thi, mấy tháng trước đây, chỉ là những ruộng lúa mùa. Kỳ thi sắp tới, lúa cũng vừa chín. Sau khi lúa cắt hết rồi, người ta đem trâu cày lên và đập qua loa cho vỡ những tảng đất lớn. Rồi họ đánh thành từng luống như luống khoai sọ để cho học trò cắm lều lên trên. Kỳ trước được trời nắng ráo, xéo vào luống đất lổn nhổn, tuy có đau chân, nhưng còn sạch sẽ một chút. Bây giờ gặp hôm mưa to, luống đất bị nước ngấm vào, nó đã thành ra luống bùn, không đủ sức để đỡ cái chõng và một người ngồi. Vì vậy cái chõng mới phải thụt xuống, thụt cho đến khi bốn chân ngập hết như bốn cái cọc mới thôi.

Vân Hạc cũng như hết thảy mọi người, tuy ngồi trên chõng vẫn không khác gì ngồi dưới đáy ao, đít áo, đũng quần, nước bùn thấm

vào bê bết. Gió bấc như có thù riêng, luôn luôn quạt cho giọt mưa hắt vào các khe lều. Vì sợ nước bắn vào, quyển thi sẽ bị tỳ ố, chàng phải quay lưng ra phía ngọn gió, để lấy lưng làm cái bình phong chắn cho hạt nước tàn ác khỏi bay vào đến quyển văn. Nhưng cái lưng chàng không phải là vật kỵ gió, kỵ mưa, nước mới theo gió hắt vào, nó đã thấm qua mấy lần áo bông, áo kép lọt tới da thịt. Cái nước lúc ấy mới độc làm sao, nó vào đến đâu, chàng thấy ở đấy cứ buốt thon thót như bị tên độc bắn phải; miệng thít tha, tay run lẩy bẩy, chàng không thể nào cầm bút mà viết, tuy chàng đã nghĩ được xong bài thơ, một vần "lụng" một vần "nhập đề" và một vần "thực" của bài phú. Cái làm cho chàng phải lo hơn nữa là việc lấy dấu "nhật trung". Quyển của chàng đã viết được ba dòng rưỡi ở trang đầu, nghĩa là đến chỗ đóng dấu nhật trung rồi đấy, nhưng mà dấu ấy chưa có, thì còn cứ phải để đó, không được viết tiếp xuống dưới. Lúc tạnh ráo, công việc ấy cũng phải chờ, phải đợi, phải chầu chực mất nhiều thì giờ, huống chi bây giờ, mưa gió ầm ầm, đi bằng cách nào cho đến được nhà Thập đạo mà không bị ướt?

– Thà bỏ mẹ nó mà ra cho rảnh. Thi với cử thế này thật là nhục hơn con chó. Dù có đỗ đến ông gì, làm đến ông gì, cũng không bõ công.

Chàng vớ luôn lấy quyển văn, đã toan xé toạc làm đôi. Thình lình lại nhớ ra rằng: dù không thi nữa, cũng phải đem nộp quyển trắng thì mới ra được. Nếu không có quyển, bọn lính canh cửa tưởng mình vào làm gà, chúng sẽ bắt bớ lôi thôi. Rồi chàng lại nghĩ: nếu nộp cái quyển có vài dòng chữ tất nhiên sẽ bị liệt vào hạng "duệ bạch", rồi nó đem tên tuổi mình yết ra bảng con thì mình sẽ bị mang tiếng viết không nổi quyển...

Liều tình với trời, chàng lại cắn răng ngồi mà nghĩ nốt mấy vần phú nữa.

Gió đã yếu dần, mưa cũng nhỏ dần. Thẳng trên đỉnh đầu, mặt trời đã nhỏn nhoẻn ngó xuống nhân gian bằng bộ mặt tẻ bẽ như bị xấu hổ.

Vân Hạc vội vàng cầm chiếc ống quyển đi thẳng đến nhà Thập đạo.

Trong vi bắt đầu nhốn nháo. Kẻ ở phía tả chạy sang, người ở phía hữu chạy lại, quang cảnh không khác một đám trốn loạn. Hết thảy mấy trăm con người, ai cũng như ai, mặt tái mét, môi thâm xì, quần áo lấm bê lấm bết, như người đào dưới đất lên.

Trên các luống bùn ũng ĩnh, và các rãnh nước lênh bênh, gọng lều, áo lều, áo tơi, chiếu cói, giấy bút, lổng chổng ngổn ngang, không khác khu chợ sau một cơn giông bão.

Té ra trong lúc mưa gió dữ dội, đã nhiều cái lều không thể đứng vững, bị gió cuốn đi, và cũng lắm ông học trò rét quá, không thể ngồi mà viết văn, đành nộp quyển trắng để tháo lấy thân.

Trong nhà Thập đạo, người đông như một buồng trò.

Ngoài bọn quan trường, lại phòng và lính canh gác lại thêm những ông cụ già vì lều trốc, lều giột, xin vào làm văn tại đó.

Vân Hạc mới chìa ống quyển qua bức rào nứa, một người lính tức thì chạy ra đón lấy và đưa vào nhà Thập đạo cho người lại phòng. Mưa rét cũng có cái lợi, nó lợi cho cái ống quyển không phải nằm chờ phút nào, người lại phòng nhanh nhảu mở ống lấy quyển đóng dấu, rồi lại chuyển cho người lính đưa ra trả chàng.

Thế là xong cái nạn lấy dấu nhật trung.

Bây giờ trong trường, có rất nhiều nước, nước ở các vũng, các rãnh dềnh lên, lênh láng khắp chung quanh lều. Bì bõm trao chân vào cái vũng nước cạnh lều, chàng sẽ kiễng chân bước vào mặt chõng. Cái chõng tuy bị dìm dưới bùn, nhưng quần áo chàng lau mãi từ sáng đến giờ, nó cũng không lấm lắm nữa. Chĩnh chệm ngồi xếp bằng tròn trên chõng, chàng mở tráp lấy cuộn giấy bản để chùi mặt tráp cho khỏi ẩm ướt. Trong bụng đã thấy hơi đói, chàng bèn giở các quà bánh, ăn chập ăn chuộc vài miếng, rồi mới cắm đầu vào viết. Lúc đầu tay hãy còn cóng, nét chữ hãy còn hơi run nhưng chàng viết độ vài dòng, thì tay lại thuần, chữ lại hoạt bát như trước.

Mải miết viết luôn một mạch, chừng nửa buổi chiều thì đến vần "chi". Trời lại tự nhiên sầm tối, rồi lại mưa gió sấm sét ầm ầm. Bây giờ lại càng rét hơn sáng ngày. Quần áo tuy đã khô ráo, mà chàng luôn luôn thấy như nước đổ vào lưng, da thịt cứ buốt thon thót. Bấm gan viết nốt vần "sĩ", chàng đọc lại quyển từ đầu đến cuối để đếm những chữ xóa, sót, móc, chữa và biên vào dưới chữ "cộng quyển nội". Thoát nạn.

Thôi, còn tiếc gì của nữa, chàng bỏ tất cả lều chõng đồ đạc, chỉ cởi lấy đôi áo tơi, để khoác vào mình cho khỏi mưa ướt, rồi chàng đội nón và cầm ống quyển đi ra.

Tuy chưa có trống thu quyển, nhưng cái cửa sang nhà Thập đạo đã ngỏ, chàng đến trước nhà Thập đạo và đưa quyển văn ra nộp, vừa gặp lúc ông chủ khảo vơ vẩn ở đó. Ngài tự đón lấy quyển văn của chàng và mở ra coi mấy câu ở trang đầu. Rồi ngài lẩm nhẩm gật đầu và khen:

– Giỏi lắm! Mưa rét như vậy mà còn viết được những câu thế này, đáng sợ thật! Có lẽ thủ khoa sẽ về người này...

Thì ra trong trường lúc ấy, trừ ra những người rét không viết được, phải trả quyển trắng đi ra, chàng tức là người nộp quyển thứ nhất. Vì vậy mới được quan trường ngó đến. Trước sự khen ngợi của ông chủ khảo, chàng cứ im lặng qua cửa chính trước nhà Thập đạo rồi ra.

Ngoài trường lại càng rét dữ. Đường đi vừa lội vừa trơn như mỡ, chàng dò mãi không được một bước. Hạt mưa chua chủa như những mũi tên, luôn luôn theo gió bắn vào mặt chàng. Chàng đương đập hai hàm răng để chống lại với mưa và gió, thình lình thấy có tiếng hỏi:

– Thưa ông đã ra.

Nhưng chàng không thưa vì không biết người ta hỏi ai. Tiếng hỏi lại cố tranh với tiếng gió:

– Ông Hạc! Lều chõng của ông đâu cả?

Chàng vội nuốt những giọt nước tràn chụa trên mặt để mở mắt nhìn xem người nào. Nhưng cái mặt người ấy đượng bị tùm hụp dưới chiếc nón sơn khiến chàng nhìn mãi mới biết đó là thằng bếp nhà trọ. Chàng hỏi:

– Anh đến đây làm gì?

Thằng bếp chạy đến nắm cánh tay chàng dắt đi và đáp:

– Ông chủ con sai con ra đón lều chõng cho các ông. Sao ông lại không đem đồ đạc gì về thế này?

– Ai có phải tội mà đèo bòng những của tội ấy? Tao bỏ hết trong trường rồi.

– Thế thì ông để con dắt ông vậy.

Vân Hạc nói không ra hơi:

– Thôi anh ở đây đợi các ông kia. Nếu các ông ấy đem lều chõng ra, thì anh đeo giúp cho họ, tôi đi về một mình cũng được, không phải dắt.

– Bây giờ vẫn chưa có trống thu quyển, những ông kia có lẽ còn lâu mới ra. Vậy để con đưa ông về, rồi lại ra đây đón các ông ấy cũng vừa.

Lúc này cơn rét như đã ngấm vào trong tim phổi, chàng chỉ lẩy bẩy chực ngã, tưởng như nếu đi một mình, không khéo thì không về được đến nhà. Vì vậy, chàng không từ chối cái hảo tâm của anh bếp.

Bì bõm lội trên con đường lênh láng bùn vữa, chàng đã mấy lần trượt chân chực lăn xuống đất, tuy đã được có thằng bếp khỏe mạnh làm cột cho mình nương tựa.

Tới nhà trọ, trời đã gần tối. Ông chủ trọ sốt sắng đợi ở trước cửa. Thấy chàng, ông ta đon đả chào hỏi:

– Ối chà! Rét quá, ông nhỉ! Tôi không thấy khoa nào đương thi lại bị mưa gió dữ dội thế này. Xin mời ông vào trong nhà sưởi ấm cái đã, rồi sẽ thay đổi quần áo.

Vân Hạc chỉ nói được một tiếng vâng. Rồi chàng run rẩy bước lên trên thềm.

Giữa gian nhà giữa, đống củi đương nỏ đùng đùng, mấy chiếc ghế nhỏ la liệt bày khắp chung quanh. Chàng không kịp rửa hai chân lấm, chỉ lật được chiếc nón sơn và đôi áo tơi quăng ra giữa nhà, rồi sà luôn vào chiếc ghế gần nhất ở cửa.

Độ một giờ sau, Đốc Cung, Tiêm Hồng, Đoàn Bằng lần lượt tiến về. Ai cũng như nấy, quần áo lấm như trâu vùi, mặt mũi không còn sắc máu. Trời đã tối mịt, mới thấy Nguyễn Khắc Mẫn với tất cả đồ đạc lỉnh kỉnh của thày.

XI

Đã hai ngày nay, cô Ngọc chỉ những lật đật chạy ra chạy vào, không hề bước chân lên chiếc khung cửi.

Rổ suốt cô đánh từ chiều hôm kia bây giờ đã ôi, lượt sợi ở ngoài đã biến ra màu vàng vàng và khô cứng như một lần vỏ, ruồi muỗi đậu vào đen kịt.

Súc sợi ngâm trong vại nước cũng chín đều rồi, đáng lẽ thì phải đạp cơm từ sáng hôm qua, nhưng cô vẫn không lúc nào giở đến nó được.

Mà nào có bận gì đâu? Thì giờ của cô chỉ dùng vào việc pha nước, têm trầu, phục dịch khách khứa hết cả.

Là vì từ hôm được tin Vân Hạc đã thi xong kỳ đệ nhị trở về thăm nhà, bà con nội ngoại lục tục đến chơi hỏi han, bọn này ra thì bọn kia vào, rình rịch suốt ngày không lúc nào dứt.

Ai cũng giật mình sợ, khi nghe Vân Hạc thuật lại những cảnh mưa rét lầm lội trong trường. Nhất là lúc thấy chàng nói rằng có ông cụ già chết rét trong lều, thì không người nào mà không ái ngại thương xót.

Nhưng cái thương một ông người dưng ở đẩu đâu đâu, vẫn không lấn được cái mừng cho một người rể họ mình.

Tuy rằng trong đám chú, bác, cô, dì, cũng không mấy người biết chữ, không rõ giá trị văn chương ra sao, nhưng nghe cụ đồ Vân Trình dè dặt khen ngợi sau khi đã xem bản giáp bài thơ bài phú của chàng đem về, thì ai cũng tin là chàng sẽ đỗ. Người ta thi nhau đem những điều mộng tốt lành kể ra. Ông này khoe mình mơ thấy nhà cháy, ông kia bảo tôi mơ thấy đi vật trâu, bà khác bảo mình mơ thấy đi xem rước, đám rước có cả võng lọng. Rồi thì những người bông phèng lại bắt đầu gọi cô Ngọc là cô Cử.

Trước sự cầu chúc của họ mạc làng xóm, cô vẫn tỏ bộ ngượng ngùng và vẫn hết lời từ chối:

– Các ông, các bà có lòng mong cho như thế, tôi xin cám ơn. Nhưng đến bao giờ được thế, bấy giờ sẽ hay, bây giờ tôi xin các ông, các bà đừng nói trước vội.

Mỗi khi nghe tiếng bà cử của người ta gán gẩm cho mình, cô vẫn nhũn nhặn trả lời như vậy. Tuy vậy, ở trong trái tim cô vẫn không khỏi luôn luôn hồi hộp.

– Ừ, thì mình làm bà cử, cũng đáng chứ sao? Người ta muốn làm bà cử thì khó, chứ mình muốn làm bà cử, tưởng cũng không khó cho lắm. Có điều muốn được hơn kia, chứ được cái tiếng bà cử, thì vẫn còn thua chị ấy...

Cả đêm vừa rồi, trong lúc nằm bên cạnh chồng, óc cô quanh quẩn đi lại có mấy câu đó.

Sáng nay, vì gần đến ngày ra bảng kỳ đệ tam, Vân Hạc sắp phải trẩy trường, nên cô cũng phải dậy sớm để sắm sửa đồ đạc cho chàng.

Ấm nước đun sôi, Vân Hạc cũng vừa tan giấc. Ông đồ, bà đồ còn ở nhà trên chưa xuống. Cô Bích và mấy đứa người nhà đều ở dưới bếp nấu

cơm. Trong nhà ngang, ngoài vợ chồng cô, không có ai nữa. Trao cho chàng chén nước súc miệng, cô mỉm cười và hỏi bằng giọng âu yếm:

– Thế nào? Đi bây giờ hay là đến chiều?

Chàng đón chén nước với dáng bộ lơi lả:

– Bây giờ cũng được, đến chiều cũng được, mình bảo nên đi lúc nào thì tôi xin đi lúc ấy.

Cái ấm chuyên chổng mông trên miệng chén tống vừa nhả hết những nước sôi ở trong, cô Ngọc sẻ ra hai chén và nhắc một chén đưa chồng:

– Thế thì ngoan lắm! Tôi khen cho mình biết điều! Vậy tôi bảo mình ở nhà đến mai sẽ đi có được không?

Chàng đưa chén nước lên dưới cặp môi tươi cười:

– Cứ kể thì thôi không đi nữa cũng được. Tôi đi chẳng qua là đi hộ mình. Vì mình háo hức muốn làm bà cử, cho nên tôi phải chiều lòng. Chứ tôi? Nghĩ đến cái trận mưa rét hôm nọ, thì tôi chẳng thiết gì thi cử cả.

Cô Ngọc nuốt vội hớp nước trong miệng, để cầm chén tống rót tiếp vào chén Vân Hạc:

– Thế mà mình không bị bắt. Cũng may đấy nhỉ?

Vân Hạc ngơ ngẩn không hiểu:

– Bị bắt về việc gì?

Cô Ngọc rót nốt nước trong chén tống vào chén của mình và cười ngặt nghẹo:

– Thi gian chứ gì? Mình đi thi hộ tôi mà lại...! Có phải là thi gian không?

Vân Hạc cũng cười sằng sặc:

– Thật đấy. Tôi không nói đùa! Sở dĩ tôi thi khoa này, chỉ cốt để cho mình làm bà cử...

Cô Ngọc không đợi cho chồng nói hết:

– Bà cử mà thôi à?

Vân Hạc vội vàng nói tiếp:

– À quên bà thám, bà thám hoa. Nhưng muốn bà gì thì bà, cần phải có tiền đây đã. Hôm nay mình sắp cho tôi được bao nhiêu quan?

– Mình định bán non hai tiếng "bà cử" đấy chứ? Ừ thì tôi cũng mua non cho mình. Nhưng phải tính hạ một chút.

– Hạ nhất cũng phải đủ năm chục quan. Bây giờ hãy đưa hai chục, còn ba chục nữa thì để đến ngày phúc hạch.

Cô Ngọc chế nước sôi vào ấm chuyên và cười mủm mỉm:

– Nói thách vừa vừa chứ nào! Nói thế thì còn ai dám mặc cả.

– Thế thì mình muốn bao nhiêu?

– Năm tiền!

– Chết chửa! Cái giá bà cứ rẻ thế kia ư? Nếu thế thì để tôi bán cho người khác vậy.

– Ừ, mình muốn bán cho ai thì bán... Bán cho các cô ở phố Hàng Lờ! Hôm nọ, còn cái tội bằng cái đình đấy.

Nhà trên có tiếng ho khạc khúng khắng. Ông đồ, bà đồ đã dậy. Cô Ngọc cáo từ chồng bằng một cái nguýt thân yêu, rồi xuống nhà dưới sắp sửa cơm nước với cô Bích.

Trên ngọn cây bưởi trước sân, ánh mặt trời lấp loáng nhuộm trên lớp lá úa vàng. Mấy con chích chòe đua nhau đón chào sự ấm áp bằng những tiếng hót réo rắt.

Ông đồ đủng đỉnh đi xuống nhà khách với tất cả cảm tình vui vẻ:

– Rét quá thế này, hay để gần trưa hãy đi, anh ạ!

Rồi ông khoan thai ngồi vào phản ngựa Vân Hạc đương ngồi và tiếp:

– Ngày mai mới ra bảng kia mà! Tội gì đi từ bây giờ cho vất vả.

Vân Hạc vội vàng đứng dậy, chuyên một chén nước đệ đến trước mặt ông nhạc:

– Vâng! Bây giờ đi khí rét. Nhưng không đi lại sợ hai anh con mong. Vì con đã hẹn với các anh con sáng nay ra sớm.

Ông đồ nhổ hớp nước trong miệng vào ống phóng:

– Được! Chậm một lúc nữa cũng không sao. Các bác ấy chắc cũng biết rằng trời giá ngăn ngắt thế này, ai mà đi sớm cho được?

Bà đồ cũng vừa bước vào trong nhà với một giọng nói đon đả:

– Nhân tiện hôm nay tôi có sửa lễ ra thờ, anh hãy ở nhà lát nữa. Đợi cho đồ lễ làm xong, đem ra đình cúng, anh ra lễ thánh cái đã.

Thì ra từ khi Vân Hạc đi thi, ông nhạc bà nhạc vẫn luôn luôn cầu khấn quỷ thần ủng hộ cho chàng, ngoài cái lễ thứ nhất cử hành trước khi Vân Hạc lên đường, mỗi lần gần ngày vào trường, ông bà đều có sửa xôi và gà ra đình cúng đức "thượng đẳng".

Trước sự ân cần chu chí của cha mẹ vợ, cố nhiên chàng phải xin vâng.

Thằng nhỏ lại xách lên đó ấm nước sôi khác. Chàng tự đi ra súc ấm pha chè, chuyên lượt nước mới. Rồi chàng lễ phép ngồi vào chiếc ghế bên cạnh khi đã để khay nước trước mặt bố vợ.

Ông đồ một tay chống xuống mặt phản, một tay cầm chén lấy nước kéo qua miệng khay đánh sạt một cái để gạt những nước dính ở chôn chén cho khỏi rỏ xuống quần áo! Và nhìn Vân Hạc, ông cất cái giọng đề độ:

– Việc quỷ thần thật là không biết thế nào. Cứ lấy lý ra mà nói, thì ai chẳng bảo thi cử cốt ở học lực, hễ mà học khá, dẫu không cung kính cũng đỗ, nếu mà học không biết gì thì dẫu thành tâm lễ bái đến đâu mặc lòng, quỷ thần cũng không thể làm cho mình đỗ. Thế mà chính tôi đã thấy có người nhờ về quỷ thần mà đỗ có lạ không chứ?

Ngừng lại để uống cho cạn chén trà, ông đồ quay mặt sang phía bà đồ:

– Bà còn nhớ ông cử Mỹ đấy nhỉ!

Bà đồ nhanh nhảu trả lời:

– Có! Ông ấy là em ruột ông nghè Trịnh, người bên Bắc, đã làm huấn đạo ở huyện gì đó, phải không?

Ông đồ sẽ rung cái chân đương xếp chữ "ngũ" trên phản:

– Phải! Ấy chính ông ấy khi đỗ cử nhân, đã được có thần làm văn cho đấy.

Rồi ông lại hỏi Vân Hạc:

– Anh có biết chuyện ấy không?

Vân Hạc cầm chén tống nước, rót vào hai cái chén con trong khay và đáp:

– Thưa thày không!

Ông đồ rẽ ràng giở ống thuốc lá để cuộn một điếu và kể:

– Tôi nghe người ta nói rằng: cái năm thi đậu cử nhân, ông ta học còn kém lắm, đã bị hỏng hạch kia mà. Thế mà tình cờ gặp anh thày bói, ông ta xem chơi một quẻ, anh thày bói đó đoán rằng khoa ấy thế nào ông ta cũng đỗ. Ông ta cho là hắn chỉ nói láo, chứ đã hỏng hạch không được đi thi, thì đỗ vào đâu được nữa? Nhưng anh

thày bói quả quyết lời hắn không sai, nếu khoa ấy ông ta không đỗ, thì cứ đến mà vọt cái tráp của hắn...

Môi thuốc cuốn xong, ông đồ gọi thằng nhỏ châm đóm, rồi lại tiếp tục:

– Thấy hắn nói chắc như vậy, ông ta hơi tin, khi về nhà mới bảo với ông nghè Trịnh lên tỉnh xin quan đốc học cho mình đi thi. Ông nghè Trịnh phì cười mà gạt đi rằng: "Mày học dốt quá, hạch còn không đỗ nữa là thi? Tao xin cho mày thi được, nhưng chỉ sợ mày viết bất túc quyển, hoặc là phạm húy, phạm lỗi, thì tội cả đến tao nữa".

Ông Mỹ hết sức nằn nì và đem lời ông thày bói kể với ông nghè. Nhưng ông này cũng vẫn không nghe. Cuối cùng ông Mỹ phải dọa anh rằng nếu mà không được đi thi khoa ấy nhất định phải nhảy xuống sông tự tử. Ông nghè Trịnh sợ em bực chí đâm ra liều lĩnh, nên cũng đành lòng đi nói với quan đốc học tỉnh nhà cho ông ta vào số thí sinh.

Thằng nhỏ đã cầm đóm lửa trao cho ông đồ, vừa châm mồi thuốc, ông đồ vừa nói một cách chậm rãi:

– Đến khi ông Mỹ trẩy trường thì ông nghè Trịnh ở nhà cứ lo canh cánh. Lo là phải. Em ruột ông nghè mà đi thi bị tội, còn gì là danh giá ông nghè? Lúc vào trường, ông này trông thấy đầu đề đã phát luống cuống, không biết làm ra thế nào. Thình lình có một ông già đầu tóc bạc phơ chống gậy chui vào trong lều, và ông ấy bảo đưa giấy để mình giáp bài cho. Thế rồi, ông cụ cứ viết thao thao bất tuyệt, một lúc xong cả mấy bài, mà văn cực hay, ông Mỹ chỉ việc trông vào bản giáp mà chép.

Ông đồ im đi một lát, để hút một hơi thuốc lá. Bà đồ và Vân Hạc yên lặng lắng tai chờ nghe. Thở hết khói thuốc trong miệng, ông đồ cao hứng nói tiếp:

– Kỳ đệ nhị, ông Mỹ được vào, và lại thấy ông già ấy. Rồi kỳ đệ tam cũng vậy. Đến kỳ phúc hạch, ông Mỹ mới hỏi tên họ ông già là gì, để khi thi xong, thì xin ta ơn. Bấy giờ ông già mới nói tên tuổi của mình cho ông này biết. Đến khi xướng danh, ông Mỹ được đậu cử nhân khá cao. Những bài thi của ông Mỹ, khoa ấy, năm trước có một ông bạn đã đọc với tôi. Hay thật. Nhưng tôi quên cả, chỉ nhớ có hai

câu thơ. Bài thơ khoa ấy đề là "Lũ phong niên". Câu trạng của ông già làm cho ông Mỹ thế này:

"Thụy ứng Chu hoa tam bạch hậu,
Tường trưng Thương quả thập hoàng sơ".

Ông đồ hút hơi thuốc nữa, rồi gặng Vân Hạc:

– Anh có chịu hai câu thơ ấy là hay hay không? "Chu hoa" đối với "Thương quả", "tam bạch" đối với "thập hoàng" chữ nào chữ ấy chọi nhau chan chát, mà đều là việc ở đời nhà Chu, rất sát ngay vào đầu đề nữa. Tôi tưởng thơ cử nghiệp mà đến như thế thì thật là tuyệt bút. Thấy nói khi chấm đến hai câu thơ ấy, quan trường có phê hai chữ "thần cú".

Bà đồ ra bộ ngơ ngác:

– Thế sau có biết ông cụ già người ở đâu không?

Điếu thuốc đã tàn, ông đồ dụi cái đầu lửa vào sườn nghiên mực cho tắt than đỏ, rồi dán lên cột!

– Ấy! Sau khi thi đỗ, ông cử Mỹ có theo lời dặn của ông già ấy, tìm đến quê quán ông ta tạ ơn. Té ra vị ân nhân đó chính là cụ tổ tam đại của một vọng tộc trong tỉnh Hà Nội...

Bà đồ vội ngoảnh sang nhìn Vân Hạc:

– Đấy!Anh chả cứ bảo cái việc báo ân báo oán ở trường thi là chuyện hoang đường...!

Vân Hạc chỉ cười mủm mỉm, ông đồ kết luận:

– Nhưng mà về sau cái ông cử ấy đâm ra sằng bậy vô lại, không còn chút nào nho phong.

Có lần ông ta chim vợ một anh đội tuần bên Bắc bị hắn bắt quả tang.

Nói đến đây ông đồ lại hỏi Vân Hạc:

– Anh có biết hắn làm thế nào không?

Và ông lại tự trả lời:

– Hắn lột trần cả đôi trai gái, trói chung vào một cái chõng, sai lính tuần khiêng đi riễu khắp các phố. Trước chõng thì hắn bắt người lính khác cầm một cái biển bằng mo bôi vôi. Trong biển có đề bảy chữ:

"Dương vô vỹ hề khuyển vô kiên"

Rồi ông cắt nghĩa:

– Đó là hắn muốn triết tự cái tên ông Mỹ. Chữ dương *là* dê *mà không có đuôi và chữ* khuyển *là* chó *mà không có cái chấm ở vai hợp lại chẳng thành ra chữ* mỹ *à? Chuyện đó nếu ở một nhà không có thần thế thì đến mất cả cử nhân mà còn phải tù phải tội nữa chứ! Nhưng may ông Mỹ là em ông nghè, nhờ có anh xin ông Tổng đốc sở tại làm ngơ đi cho, cho nên chỉ bị nhục với hàng phố một bữa chứ không việc gì.*

Ấm trà đã tàn. Bà đồ đứng dậy xuống bếp để bảo chị em cô Ngọc sắp sửa đồ lễ. Một lát sau, xôi gà đều chín. Vân Hạc rửa mặt chải đầu, sắm sửa khăn áo, để theo mâm lễ ra đình.

Bóng nắng ra đến nửa thềm, cả nhà mới xong được bữa cơm sáng, cô Bích vội vàng quẩy gánh đi chợ vì sợ chợ trưa. Bà đồ mở chiếc hòm cáng lấy năm quan tiền đưa cho cô Ngọc và tươi cười:

– Đây là tiền của thày mẹ giúp cho anh tư. Còn vốn riêng của chị để đâu, phải bỏ mười lăm quan nữa ra đây, cho đủ hai chục... Muốn làm bà nọ, bà kia, cũng phải tốn tiền mới được.

Rồi bà bưng đĩa xôi và mấy miếng thịt gà sang cho lũ trẻ hàng xóm.

Bấy giờ các cậu học trò mới lục tục đến, ông đồ phải lên nhà trên nghe cho họ đọc.

Cô Ngọc bưng năm quan tiền đặt vào phản giữa, và ngó chồng một cách ỡm ờ:

– Nào ông định tiêu bao nhiêu nữa đây? Độ năm tiền nữa có đủ không?

Vân Hạc nín không trả lời, vì thấy ở ngoài sân, thằng nhỏ đương đưa một người lạ đi vào nhà ngang.

Tới thềm, người ấy đứng lại để lấy phong thư trong túi, trao cho thằng nhỏ, nhờ nó đưa vào trong nhà.

Vân Hạc đón phong thư nhìn qua dòng chữ đề ngoài, chàng cười tủm tỉm:

– À thư của anh nghè Long! Không biết hắn nói gì đây?

Cô Ngọc vội vàng tiến đến bên cạnh án thư, chờ coi Vân Hạc xé cái phong bì, moi lấy một bức hoa tiên ở trong. Hoa tiên viết toàn chữ Nho, đại ý như vầy:

"Anh tư Đào Nguyên, trước án tạm ghé mắt xanh.

Đệ về quê nhà đã gần nửa tháng. Vì quá bận rộn về chuyện thù tiếp khách khứa, cho nên nay mới viết thư báo tin với huynh ông.

Tính lại những ngày đệ với huynh ông xa cách, thấm thoắt đã đầy một năm. Trong mấy tháng tập việc ở viện Cát Sĩ, cái xuân sắc của đế thành tuy có rườm rà, tươi thắm, nó vẫn không thể khiến đệ quên được cảnh vui của nơi cửa tuyết, song huỳnh, những đêm gió mát trăng trong, đứng trên sông Hương ngó về phương Bắc, ngắm đám mây bạc lơ lửng trên núi Tản Viên, đệ thường tưởng như sắc mặt, tiếng cười của huynh ông vẫn phảng phất ở đâu bên cạnh...

Vân Hạc ngừng lại để nói với vợ:

– Đứng trên sông Hương mà trông thấy đám mây bạc trên núi Tản Viên, mắt của quan nghè thật là tinh hơn mắt ông Thiên Lý Nhỡn trong truyện Phong thần.

Cô Ngọc sẽ cất cái giọng ngây thơ:

– Ấy thế, nhưng mà người ta cũng đỗ ông nghè.

Vân Hạc không trả lời, chàng lại cúi xuống đọc tiếp:

"Giữa lúc nhớ mong khao khát huynh ông, thình lình được tin huynh ông kết duyên cầm sắt với Lê tiểu thư ở làng Vân Trình, đệ thật mừng rỡ khôn xiết.

Chuyện này, ở địa vị đệ, đáng lẽ không được nhắc đến, nhưng với huynh ông, đệ là một kẻ rất thân, đã được huynh ông coi như ruột thịt, há nên vì sự tỵ hiềm mà không bày tỏ nỗi lòng?

Cái việc của đệ với Lê tiểu thư, đầu đuôi thế nào, huynh ông chắc đã biết rõ, không cần thuật lại.

Thú thật với huynh ông, hồi tháng năm vừa rồi, khi đệ mong ơn vinh qui, giữa đường thấy Lê tiểu thư bị cảm, đệ thật bồi hồi khôn xiết.

Vân Hạc ngẩng lên nhìn vợ:

– Duốc chưa? Sao mà trên đời lại có người duốc như thế!

Cô Ngọc cười gượng:

– Thôi đi! Anh đừng ghen bóng, ghen gió! Hãy đọc nốt đi, xem hắn nói ra sao đã nào!

Vân Hạc lại ngó vào bức hoa tiên:

"Từ đó, đệ đã thề với trời đất quỷ thần, quyết phải làm mối cho tiểu thư một người bạn trăm năm xứng đáng. Trong con mắt đệ, cái

người nên được tiểu thư nâng khăn sửa lược chỉ có huynh ông mà thôi. Vì vậy, đệ phải đem cái tâm sự đó kính thưa với thày chúng ta và nhờ thày thu xếp giúp cho.

Vân Hạc lại cười sằng sặc:

– Anh ta muốn kể công với mình đây chắc. Nhưng mình không ơn. Chẳng qua anh ta muốn tìm chồng cho vợ, chứ tử tế gì với mình...

Cô Ngọc nguýt chồng một cái thật dài, tưởng như cả mấy gian nhà đều sắp bị đổ. Vân Hạc vờ không trông lên, chàng cứ thản nhiên xem xuống đoạn dưới:

"May sao thày cũng xét tấm chân thành của đệ, nên đã tự nhận lấy quyền làm ông Nguyệt hạ lão nhân. Chỉ tiếc sau đó vài ngày đệ liền phụng chỉ vào kinh tập sự, không được tới trước nhà lan, dự cuộc vịnh thơ "đào yêu", nghe tiếng êm ái của đàn cầm, đàn sắt. Đó là một việc đệ vẫn lấy làm ân hận.

Nhưng mà, vợ thảo gặp chồng hiền, họ Mạnh đã đẹp duyên nâng chén; trai tài sánh gái sắc, chàng Tiêu đã phỉ chí cưỡi rồng; sự kỳ ngộ ấy thật đáng ghi vào diễm sử, tục nguyện của đệ đối với huynh ông và Lê tiểu thư thế là thỏa kiếp lắm rồi.

Lẽ ra, ngày nay đệ phải tự mình đến trước lầu Tần, nâng chén quỳnh tương mừng anh chị bốn chữ "bách niên giai lão", nhưng mà đệ hiện được lệnh bổ đi tri phủ Thuận Thành, hành kỳ đã gấp, không tiện tự sang bái yết, vả chăng, hoa hòe đã nở, huynh ông chắc đương để tâm trí vào trận đua văn, đệ cũng không dám vì chuyện riêng tây, làm bận sức bay nhảy của bằng mây côn biển. Vậy xin bái chúc huynh ông gió xuân đắc ý, thẳng đường mây bẻ quế cung trăng, để cho cái tài tế thế kinh bang có thể đem ra giúp dân giúp nước. Sau khi việc trường đã đoạn, xin mời huynh ông tạm rời gót ngọc tới tệ ly, cho đệ được hầu tiếp quang trần, thì đệ khôn xiết hân hạnh.

Vài hàng sơ lược, cố để giãi tấm lòng son. Dù có chỗ nào sơ xuất, mong rằng huynh ông lượng thứ.

Đương mùa mai nở, kính chúc văn an.

Năm... tháng... ngày...

Đệ Trần Đăng Long bái".

Vân Hạc đặt bức hoa tiên xuống án:

– À ra anh ta đã được bổ đi tri phủ... Thằng cha may thế...!

Cô Ngọc ra bộ tần ngần:

– Thế là chị Thúy đã làm bà phủ rồi đấy. Sướng nhỉ?

Rồi cô rẽ ràng đi lên nhà trên. Vân Hạc lấy bút và giấy viết luôn bức thư trả lời Đằng Long, rồi chàng cho gọi cái người đưa thư lúc nãy, giao hắn cầm về. Ông đồ đã tan buổi học của lũ học trò tí nhau, lững thững ở nhà trên đi xuống và hỏi:

– Chị tư đâu? Đồ đạc tiền nong của anh ấy chị đã sắp sửa đủ chưa?

Với một tiếng dạ vui vẻ, cô Ngọc nhanh nhảu bước xuống nhà ngang:

– Thưa thày, con sắp sửa đủ cả rồi ạ!

Vừa nói, cô vừa lễ mễ vác mấy quan tiền đặt vào trong phản và sai thằng nhỏ đem số tiền ấy nhập với những quan tiền của bà đồ đưa cho lúc nãy, lấy mo bó làm hai bó. Bà đồ ở sân vừa vào:

– Thế chị đưa tiền anh tư bao nhiêu?

Cô Ngọc tươi cười:

– Thưa mẹ năm quan. Và năm quan của mẹ cho nữa là mười.

Bà đồ cũng cười:

– Ít nhất chị cũng phải có mười quan. Với năm quan của tôi là mười lăm quan, chứ chị nảy ra được năm quan thôi thì anh ấy tiêu sao cho đủ?

Cô Ngọc vẫn cười lơi lả:

– Bao nhiêu, con cũng không tiếc, nhưng con chỉ sợ anh ấy có nhiều tiền lại càng hay đi cô đào.

Rồi cô vào buồng mở hòm lấy hai quan nữa giao cho thằng nhỏ và tủm tỉm cười nụ, cô nhìn chồng:

– Thôi mười hai quan là đủ lắm rồi. Hễ mà được vào phúc hạch thì lấy mấy trăm cũng có.

Vân Hạc chỉ cười không đáp.

Tiền nong đồ đạc thu xếp đã xong. Ông đồ bà đồ bảo thằng nhỏ đóng gánh đưa chàng lên Hà Nội.

XIII

Lúc gần sáng, ngoài sân đương im ả, tự nhiên nổi gió ào ào, rồi mấy hạt mưa lác đác sa xuống. Cả nhà trọ đều lo thom thỏm tưởng rằng lại như kỳ trước, ông trời độc ác lại chờ đến lúc vào trường mà trút xuống, làm tội cái thân học trò.

Nhưng mà không. Gặp tiết tiểu hàn, trời phải chiếu lệ làm phép thế thôi. Cả nhà ăn uống vừa xong, thì mưa vừa tạnh, gió vừa im, bầu trời dần dần sáng sủa, mặt trời dần dần nhô lên đầu tường phía đông.

Ông chủ nhà trọ lần này càng thêm chu tất. Trong mỗi cái yên cũng như trong mỗi cái tráp, ngoài những đồ dùng đồ ăn một ngày, ông ấy đã nhớ cả trầu cau tươi và thuốc lá cuốn sẵn. Hơn nữa, ông ta còn mướn đâu được bốn anh con trai khỏe mạnh nhanh nhẩu, đưa xuống nhà ngang nhất định xin với các ông khách trọ để chúng mang đỡ lều chõng.

Cố nhiên cái hảo tâm ấy không thể bị ai từ chối.

Một lũ dài tấp nập kéo nhau ra cổng, sau khi đã dặn ông chủ làm sẵn đồ rượu để tối về nhà cùng uống cho vui.

Vân Hạc bước rảo đằng sau Đốc Cung với một giọng băn khoăn:

– Thằng Mẫn cũng được vào nốt, có phải vui không! Vắng nó, cũng thấy như thiếu cái gì ấy vậy.

Đốc Cung vẫn răm rắp cất gót, không quay trở lại:

– Ừ cái lúc mà nó hoạn đắc, hoạn thất, thì ai cũng phải bực mình. Nhưng nghĩ bốn thằng được vào, một mình nó hỏng thì cũng tội nghiệp. Trưa hôm qua, khi nó mếu máo chào chúng mình và vác bộ áo lều xuống thềm, tao vừa ái ngại vừa buồn cười, nhưng phải cố nhịn không dám cười.

– Lúc ấy đứa nào vô phúc mà cười một tiếng, không khéo thì nó cà ra đánh nhau. Thấy nó hỏng thi cũng thương hại thật đấy. Nhưng, bây giờ mới hỏng, cũng là may cho nó lắm rồi. Nó thi cả thảy bốn khoa thì ba khoa bị bay kinh nghĩa, khoa này mới được vào phú. Với sức học của nó, như thế cũng là đủ lắm. Nếu nó được vào kỳ này, không khổ mày thì lại khổ tao hay là khổ các anh tao. Nó vào cùng

vi với thằng nào thì khổ thằng ấy... Kỳ đệ nhất tao đã phải làm cho nó hai vế hậu cổ bài Kinh Lễ, kỳ đệ nhị, anh hai tao lại phải cúng nó một vần phú đấy...

Vân Hạc vừa nói vừa cố đi tới bên cạnh Đốc Cung, ngẩng lên thấy Tiêm Hồng, Đoàn Bằng đã cách một quãng khá xa, chàng tiếp:

– Thằng cha kia còn dốt hơn nó nhiều lắm, phải không mày?

Một luồng gió bấc ù ù từ phía trước mặt thổi đến, hai người đều phải rùng mình, Đốc Cung khoác lấy cánh tay Vân Hạc và đi sát vào bên cạnh chàng cho đỡ rét, rồi hỏi:

– Thằng nào?

– Thằng ấy!...

– À, Trần Đức Chinh phải không? Nếu được như thằng Mẫn thì nó cần gì chúng mình. Sức học của nó chưa chắc đã được bằng lớp trung tập. Tao không hiểu nó định đi thi làm gì! Chắc nó chỉ cốt cắp quyển vào trường để gỡ cái tiếng "con nhà gia thế" chứ gì! Con nhà gia thế ba mươi mấy tuổi đầu, không thi không cử, thì cũng nhục cho cha mẹ lắm chứ!

– Nhưng tao lo quá, văn sách là kỳ nặng nhất, một mình viết đến hai quyển thì viết làm sao!

– Không sợ! Tao đã bảo rõ nó rồi! Tao bảo kỳ này nếu cậu vào nữa thì rất nguy hiểm. Là vì đến kỳ phúc hạch, lính tráng canh phòng riết lắm, không ai có thể làm gà cho ai. Vả lại, những người được vào phúc hạch, mười phần chắc đỗ chín phần, người ta phải để tâm lực lo vào quyển của người ta, không ai chịu đi làm mướn. Nó cũng nghe ra và cho lời tao là phải! Vậy thì đến khi vào trường, mày chỉ cốt viết cái quyển của mày cho kỹ, còn quyển của nó thì giáp qua loa cho nó chép lại, miễn là khỏi có tội lỗi thì thôi, chứ không cần hay. Nếu làm hay, lỡ ra mà nó được vào phúc hạch tức là mày giết nó đấy.

– Thế thì được! Đi thi chỉ cốt lấy hỏng, thì có khó gì! Nhưng sao mày không làm cho nó hỏng từ kỳ phú, có phải sướng cho nó không?

Đốc Cung mỉm cười:

– Nào tao có định làm cho nó vào? Mày tính cái lúc mưa rét như thế, quyển của tao, tao cũng viết bậy, viết bạ, huống chi là quyển làm mướn! *Thật quả cái quyển của nó tao chỉ viết quấy viết quá, chẳng ra*

nghĩa lý gì cả. Khi ở trường ra, tao tưởng nếu cả trường chỉ hỏng một người cũng phải đến nó. Và giá bị hỏng ngay kỳ trước, nó cũng đã mãn nguyện lắm, vì đã là ông nhất trường rồi! Thế mà ai ngờ nó lại vào được, mới khổ cho người ta chứ! Người ta xem bảng thấy tên thì mừng, chứ nó xem bảng thấy tên thì mặt tái mét, trống ngực đánh thòm thòm...

Đằng sau có tiếng chân người thình thịch, Đốc Cung vội quay trở lại, thấy có một lũ độ bốn, năm người, chàng liền ngừng lại, chờ cho bọn đó đi vượt lên đằng trước mình, rồi thêm:

– Thật đấy! Tao không nói dối. Lúc nhìn trên bảng thấy có chữ Trần Đức Chinh, nó cuống cả lên, vì không được vào cùng vi với tao, thế rồi nó lật đật chạy đi kiếm tao, nhờ tao thuê người làm bài. Như thế có nhục hay không?

Vân Hạc phì cười:

– Thế kỳ trước mày lấy của nó bao nhiêu?

– Ba chục quan! Còn kỳ đệ nhất nó mượn cái thằng ở bên Bắc Ninh, nghe đâu cũng phải bấy nhiêu.

– Thế sao kỳ này nó lại chịu trả đến bốn chục quan!

– Ồ! Bốn chục quan, chứ tám chục quan nó cũng phải mượn! Viết không nổi quyển, nó không mượn thì làm thế nào? Cáo thổ tả mà ra à? Tao định bóp nó cho mày lấy sáu chục quan, nhưng nghĩ thương hại, cho nên nói có bấy nhiêu.

Vân Hạc chỉ tay ra đằng trước mặt:

– Nhưng mày chưa nói với hai ông kia chứ?

Đốc Cung lắc đầu:

– Mày tưởng tao dại lắm sao! Ai có dại gì mà đem chuyện ấy nói với thằng cha ấy!

– Ừ nếu nói hai ông ấy thì nguy cho tao! Vì các ông ấy không ưa chuyện đó. Giả sử khoa này tao đỗ, thì còn không sao, vạn nhất khoa này tao hỏng, ấy là các ông ấy sẽ thi nhau mà nhiếc mắng suốt đời.

Câu chuyện còn đương nói dở, ở phía trước mặt đã nghe có tiếng ồn ào.

Đến cửa trường rồi.

Quan trường vẫn chưa ra. Ngoài trường, các cửa còn đóng im ỉm. Hôm nay vắng teo, số người lại chỉ bằng một phần ba kỳ trước. Nếu so

với kỳ đệ nhất, có lẽ không được bằng một phần mười. Những ông đầu bạc và những cậu còn để hồng mao, bây giờ không thấy có mấy, phần đông đều là những người trong ngoài bốn mươi. Trời tuy giá rét, nhưng trên nét mặt mỗi người đều như vẽ ra một cái tâm trạng vui sướng. Phải! Đã vào đến kỳ đệ tam, mười phần chắc đỗ bảy rồi, không cử nhân cũng tú tài. Dù có hỏng nữa cũng là một ông nhị trường, đủ cho thiên hạ phục mình học cứng. Đứng trước cái cảnh trạng ấy, dẫu người chín chắn đến đâu cũng không giấu được vẻ tự hào.

Người ta tự hào bằng những câu sáo rất cũ:

– Kỳ trước tao viết bất thành văn lý, thế mà cũng vào, có chết hay không?

– Tao không học hành gì cả, sách vở quên như hũ nút. Lát nữa, không khép đến nộp quyển trắng mà ra.

Giữa tiếng ầm ầm của đám đông, trong trường giật giọng điểm một hồi trống cái. Cửa trường ngỏ toang. Hai ông chánh phó chủ khảo dõng dạc từ nhà Thập đạo đi ra với cờ, biển, lọng.

Kỳ này còn ít học trò, hai vi tả, hữu, không phải dùng đến, chỉ thi ở hai vi giáp, ất. Vân Hạc vào vi ất, Tiêm Hồng, Đoàn Bằng, và Đốc Cung đều vào vi giáp. Vì tên mình mãi cuối bảng, phải vào sau, hai chàng dắt nhau đủng đỉnh đi rong. Thình lình nghe đằng sau có tiếng người hỏi:

– Bùi tiên sinh!

Đốc Cung, Vân Hạc cùng quay lại.

Trần Đức Chinh vừa suỵt tới nơi với bộ mặt hớt hơ hớt hải và một người lính áo nẹp đeo lều chõng đi theo.

– Tôi tưởng tiên sinh ở cửa vi giáp, quanh quẩn tìm mãi bên ấy.

– Chúng tôi cũng đương tìm cậu!

Sau khi đã nói tên Đức Chinh với Vân Hạc và nói tên Vân Hạc với Đức Chinh. Đốc Cung ra bộ trịnh trọng:

– Hai ông cứ việc nói chuyện tự nhiên. Tôi sang bên kia.

Rồi chàng lật đật quay lại cửa vi giáp. Vân Hạc đứng lại bên cạnh Đức Chinh:

– Tên cậu ở trên tên tôi phải không?

Đức Chinh chưa hết trống ngực, chàng vừa thở vừa trả lời bằng giọng lễ phép:

– Thưa vâng! Tên tôi ở trên tên ngài độ bốn chục người.

– Hôm nay chắc rằng người ta canh phòng nghiêm ngặt hơn những hôm trước. Vậy cậu vào trước, thì nhớ đóng lều ở chỗ cách nhà Thập đạo thật xa. Nhưng cũng nên đóng vào nơi đông người, đừng đóng lẻ loi ra gần bờ rào. Rồi khi tôi vào, tôi sẽ tìm đến chỗ cậu.

Hồi trống khẩu ở nhà Thập đạo đi ra đã điểm mau nhịp rồi nó dứt mạch bằng ba tiếng dõng dạc cuối cùng.

Lọng vàng, lọng xanh trịnh trọng rước ông phó chủ khảo và chiếc biển phụng chỉ lên mặt ghế tréo.

Chồng quyển cạnh quan phó chủ khảo đã chuyển lên tay người lại phòng. Người lính cầm loa và bọn lính thể sát tới tấp ai làm việc nấy...

Bởi vì số người đã thưa, học trò không phải len lỏi chen chọi như các kỳ trước.

Cái loa của người lính áo nẹp đương ậm ọe ở trên ghế tréo, phía sau đám đông bỗng có tiếng trống khẩu đổ hồi.

Những người đứng trong ngơ ngác hỏi nhau và nhất tề quay mặt ra ngoài. Đám người lần lần rẽ sang hai bên như hai đàn vịt. Dưới bốn chiếc lọng xanh chóp bạc, lù lù tiến vào một ông cụ già co ro trong tấm áo gấm tam thể. Với chòm râu điểm bạc phất phơ bay ngoài cái quai lụa bạch của chiếc nón lông, người ta có thể đoán ông ấy vào khoảng hơn sáu mươi tuổi. Và với lũ áo đỏ nẹp xanh lếch thếch xách điếu bưng tráp, cắp mã tấu, tay thước đi theo đằng sau, người ta lại có thể biết ông đó là một vị đại thần.

Đủng đỉnh cất đôi ống quần nhiễu trắng lượt thượt trên hai chiếc giày kinh, vị đại thần khoan thai đi vào chỗ trước cửa trường.

Chiếc đẳng gỗ gụ và chiếc ghế bành gỗ trắc lên nước đã kê sẵn ở phía tay trái. Sau khi cùng quan phó chủ khảo chắp tay cúi đầu một cách cung kính, vị đại thần ấy chễm chệ ngồi vào ghế bành. Những người đi theo nghiêm trang đứng hầu ở phía sau lưng. Khu trời trên ghế khí chật, nó không đủ chỗ cho bốn chiếc lọng cùng giương. Hai chiếc được che vào thẳng đầu viên đại thần. Còn hai chiếc nữa, thì phải che nghiêng hai bên.

(Bị kiểm duyệt bỏ hồi Pháp thuộc).

Như đã quen lệ, người lính xách điếu, thông điếu, đặt lên mặt đẳng, đặt vào nõ điếu một mồi thuốc lào, giữa khi bạn hắn mở cái lồng ấp, thổi hòn than hồng châm lửa vào một sợi dây ruột gà.

Viên đại thần rung đùi vít chiếc xe trúc dài vút như chiếc cần câu, ngài nhịp nhàng đặt luôn mấy cái cho ngọn lửa ở trên nõ điếu nhô lên thụt xuống, như một ngọn đèn gặp gió, rồi mới hút một hơi dài.

Khói thuốc trong mũi, trong miệng từ từ theo ngọn gió bấc tan vào trong đám không trung giá lạnh, viên đại thần hùng dũng chỉ tay lên chiếc ghế tréo của ông phó chủ khảo và đưa ra một dây những tiếng líu tíu. Tức thì, hai chiếc lọng vàng ở trên cái biển phụng chỉ liền được nâng lên chót vót giữa trời.

Mấy người học trò nhà quê thì thầm hỏi nhau:

– Ông gì mà oai thế nhỉ?

Đó là ông Tổng đốc của tỉnh Hà Nội.

Tuy không dự vào công việc trong trường, nhưng những công việc ngoài trường, đều do quyền ngài coi sóc, từ một gánh nước ăn của các quan trường trở lên. Hai kỳ trước vì lúc gặp rét, khi bị mưa, ngài không thể tới. Hôm nay được trời khô ráo, nên ngài đến qua cửa trường để coi học trò vào trường.

Và ngài đã bắt được quả tang cái đôi lọng vàng che cho chiếc biển phụng chỉ làm việc một cách trái phép. Bởi vì chiếc biển phụng chỉ nguyên là đồ của nhà vua ban cho, nó còn ở trên ông phó chủ khảo, và ông phó chủ khảo chỉ là một người vâng theo mệnh lệnh của nó. Hai chiếc lọng vàng riêng che cho nó, đáng lẽ phải cao hơn đôi lọng xanh che cho ông này mới là hợp phép. Nhưng hai tên lính ngu si đã để hai cái lọng ấy thấp hơn mấy chiếc lọng xanh của ông phó chủ khảo độ hơn một thước. Đấy là một tội có thể bảo là đại bất kính. Vì thế, ngài phải chiểu theo oai quyền của ông chúa tể một tỉnh mà ra lệnh cho hai người lính kia nâng cao đôi lọng đó lên.................

....

Quan Tổng đốc chững chạc đứng dậy từ biệt ông phó chủ khảo để theo bốn chiếc lọng xanh rẽ đám học trò đi ra.

Tiếng loa vẫn ấm óe thét ở bên cạnh ghế tréo.

Hết chừng gần hai trăm người thì đến tên Trần Đức Chinh.

Với một tiếng dạ mạnh bạo, chàng và người đeo lều chõng cho chàng xăm xăm tiến đến khu đất của trường.

Cái áo nỉ đỏ nẹp xanh của thằng phòng đó như đã báo cho ông phó chủ khảo biết người chủ hắn là một con nhà quyền quý. Là vì chỉ có những nhà quyền quý mới có được thứ áo ấy, chỉ có con nhà quyền quý khi đi thi mới phải có người đeo lều chõng hầu. Hai sự dị thường đã bắt ông phó chủ khảo đòi lại quyển thi của Trần Đức Chinh ở tay người lại phòng để coi qua mấy dòng cung khai tam đại, cho biết chàng là con cái ông nào. Sau khi bọn lính thể sát đã khám xét qua loa đồ đạc, ông phó chủ khảo liền trả quyển thi của chàng cho người lại phòng để hắn trao lại cho chàng. Rồi ngài ra lệnh cho bọn lính thể sát bó buộc lều chõng như cũ và đeo giúp chàng vào khỏi cửa trường.

Người lính cầm loa lại tiếp tục gọi các người khác.

Công việc vào trường kỳ này chóng hơn các kỳ trước nhiều lắm. Tên Đào Vân Hạc tuy ở cuối bảng, nhưng khi mặt trời lên khỏi ngọn tre thì chàng cũng đã được vào.

Đức Chinh đóng lều đã xong, anh ta vơ vẩn ở gần cửa trường có ý chờ đón cái người làm thuê cho mình.

Theo chân hắn, Vân Hạc đi vào giữa vi, chàng rất khen hắn khéo tìm được chỗ đóng lều đúng như lời chàng đã dặn lúc nãy, cái chỗ không vắng không đông và lại xa chiếc chòi của quan ngự sử.

(Bị kiểm duyệt bỏ hồi Pháp thuộc).

Đức Chinh tung tăng cởi bó áo lều của Vân Hạc và hăm hở giúp đỡ Vân Hạc tất cả những việc cắm gọng lều, lợp mái lều, kê chõng vào trong lòng lều.

Trống ra đầu bài vừa thúc. Hai người liền cùng sắm sửa giấy bút, hộp mực đi ra nhà bảng.

Chà chà! Coi thấy cái bảng mà sợ! Từ trên đến dưới, từ đầu đến cuối, lỳ tịt những chữ là chữ. Bởi vì kỳ này là văn sách mục, người ta chỉ cốt tìm nhiều câu hỏi ngoắt ngoéo trong các kinh, truyện, tử sử, để coi sức nhớ sách và khiếu làm văn của các học trò mà thôi. Đọc qua một lượt từ chữ "vấn" đến câu "thi vị trần chi, dĩ quan quyết uẩn", Vân Hạc sẽ bảo Đức Chinh:

– Thôi! Cậu cứ cầm hộp mực cho tôi để tôi chép cho!

Đức Chinh ngơ ngẩn:

– Vậy thế tôi không phải chép hay sao?

Vân Hạc ôn tồn:

– Thì một người chép, rồi về lều chúng ta cùng coi, không cần hai người cùng chép cho mất công!

Đức Chinh nghe ra, hắn liền vui lòng đứng làm cái giá nâng chiếc hộp mực để cho Vân Hạc quệt bút lấy mực.

Mắt nhìn lên bảng, tay phải cầm bút, tay trái cầm một tập giấy kề vào sau vai Đức Chinh, Vân Hạc viết lia viết lịa một hồi, vừa được một tờ toàn là chữ thảo lòi tói. Chàng đưa tờ ấy cho Đức Chinh cầm, để mình lại viết tờ khác. Đức Chinh ngó qua liền nói một cách hoảng hốt:

– Chết chửa ông viết tháu quá thế này, tôi không thể nhận ra chữ gì. Tờ sau trở đi, xin ông viết rõ ràng hơn một chút.

Vân Hạc có ý bực mình, nhưng vẫn ngọt ngào:

– Được! Cậu không lo! Chữ gì không biết, lát nữa, tôi sẽ đọc cho!

Rồi chàng lại tiếp tục ngoáy luôn một mạch. Gần đến ba tờ giấy lệnh gấp mười hai dòng mới hết cái đầu đề. Sau khi đã nhẩm lại lượt nữa xem có chỗ nào thiếu sót hay không, Vân Hạc liền cùng Đức Chinh về lều. Bấy giờ học trò trong vi, phần nhiều mới giáp được một nửa, có người mới chép được một phần ba đầu bài.

Vừa đi, Vân Hạc vừa băn khoăn trong bụng:

– Khổ quá! Cái thằng cha này lại không thuộc mặt chữ thảo. Một quyển văn sách mà cứ phải viết ngang bằng sổ ngay cho nó tất cả, thì tốn bao nhiêu thì giờ. Thật là mình đã vô cớ đeo đá vào lưng.

Tới lều, chàng giở mấy tờ đầu bài coi lại để nhận những cái mẹo vặt bí hiểm của quan trường đã hỏi ở trong các câu. Cái bài văn sách mới nặng làm sao! Tất cả văn cổ, văn kim có tới ba mươi câu hỏi đối nhau, ấy là không kể cái cương và những câu hỏi lửng ở cuối các đoạn. Nhưng may quá, bấy nhiêu câu hỏi, chàng không bị quên câu nào. Tức thì chàng lấy giấy viết luôn một đoạn mở đầu độ non một trang đưa cho Đức Chinh và dặn:

– Cậu viết hết ba dòng rưỡi, thì chừa lại đó để đi lấy dấu nhật trung.

Đức Chinh ngơ ngác:

– Ông đưa cho tôi cái giấy đầu bài để tôi chép vào quyển chứ!

Vân Hạc mỉm cười:

– Thế cậu chưa làm văn sách bao giờ hay sao? Trường qui đã định, riêng kỳ văn sách thì được miễn tả đề mục, nghĩa là đầu quyển cứ việc viết bài, chứ không phải chép đầu bài...

Đức Chinh ra bộ sành sỏi:

– Có chứ! Tôi làm văn sách đã nhiều. Nhưng tưởng chỉ có văn tập thì mới miễn tả đề mục. Té ra văn thi cũng được thế ư?

Rồi hắn hý hoáy giở quyển ra viết. Bấy giờ Vân Hạc mới nghĩ đến bài của mình. Một lát, Đức Chinh trịnh trọng đưa quyển của hắn sang lều Vân Hạc:

– Nhờ ông, coi giùm xem có chữ nào thừa nét, thiếu nét hay không?

Thoạt nhìn ba chữ "đối sĩ văn" ở đầu dòng thứ nhất, Vân Hạc cau mày liệng quyển sang trả Đức Chinh:

– Quên mất! Tôi không dặn cậu, chữ "sĩ" cậu viết đã hỏng mất rồi!

Đức Chinh giật mình đánh thót:

– Sao thế hử ông? Tôi tưởng chữ "sĩ" cái ngang dưới ngắn hơn cái ngang trên là phải.

Vân Hạc bật cười:

– Phải rồi! Nếu cái ngang dưới không ngắn hơn cái ngang trên, thì nó sẽ là chữ "thổ", đâu phải là chữ "sĩ" nữa! Có điều chữ "sĩ" ở đây, chỉ được viết nhỏ bằng nửa chữ khác và phải viết lệch về phía hữu dòng. Bởi vì chữ "sĩ" ở đây, cũng như chữ "thần" trong quyển thi đình, nó là tiếng mình tự xưng mình, có nghĩa là "tôi". Sở dĩ trong quyển thi đình, học trò phải xưng bằng "thần" là tại quyển đó viết cho vua xem. Còn quyển thi hương, thì chỉ để các quan trường coi, ít khi phải đệ ngự lãm, cho nên học trò phải xưng là "sĩ". Dù xưng là "sĩ" hay xưng là "thần" cũng vậy, những chữ ấy đều phải viết bé như chữ *xong cước*. Nếu viết lớn ra, tức là phạm trường quy đó!

Đức Chinh ngớ ngẩn:

– Vậy thì bao nhiêu chữ "sĩ" trong quyển này đều phải viết nhỏ cả chứ?

Vân Hạc nghĩ thầm: "Thật là cái tội!... Có lẽ nó là tiền oan nghiệp chướng, hiện vào để báo oán mình đây chăng". Rồi chàng rẽ rành cắt nghĩa:

– Không! Các chữ "sĩ" khác không chỉ vào mình, thì đều viết lớn như thường, chỉ chữ "sĩ" nào mình tự xưng mình mới phải viết nhỏ. Nội quyển văn sách, có ba chữ "sĩ" dùng về nghĩa ấy. Một là chữ "sĩ" trong cấu *"đối sĩ văn"* ở ngay đầu bài. Hai là chữ "sĩ" trong câu *"sĩ giả hạnh phùng thịnh thế, tòng sự văn trường, quảng kiến như tư, vị tri thị phủ, nguyện chấp sự kỳ trạch dĩ văn"* ở đoạn cuối bài. Ba là chữ "sĩ" trong câu *"sĩ cẩn đối"* ở chót bài. Mấy chữ "sĩ" ấy đều có nghĩa là "tôi" cả. Câu nhứ nhất là *"Thưa tôi nghe"*, câu thứ hai là *"tôi nay may gặp đời thịnh, theo việc trường văn, thấy đẹp như vậy, không biết có phải hay không, xin các quan lựa chọn mà tâu lên cho"*, câu thứ ba là *"tôi cẩn thận thưa"*. Vì thế, những chữ "sĩ" đó mới phải viết bé.

Đức Chinh luống cuống:

– Bây giờ tôi trót viết lớn mất rồi, thì làm thế nào?

– Thì phải đi cánh quyển vậy, chứ còn có cách gì nữa!

Đức Chinh lật đật lấy giấy đóng quyển đề tên và viết mấy dòng cung khai tam đại, rồi hắn sẽ dặn Vân Hạc:

– Nhờ ông trông lều hộ tôi, để tôi đến nhà Thập đạo!

Vân Hạc có ý hơi cáu:

– Được! Cậu cứ đi. Ai dỡ mất lều mà sợ!

Rồi chàng hì hục quay vào nghĩ bài của mình. Lần này cẩn thận hơn mấy lần trước, nghĩ đến đâu, chàng giáp ra giấy đến đấy, chứ không viết luôn vào quyển. Khi chàng đã giáp được hơn hai tờ, nghĩa là giải hết một câu đề cương và trả lời xong mấy câu hỏi về Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, đã cặm cụi viết xong mấy dòng đầu quyển, Đức Chinh cũng chưa về.

Trống nhật trung vừa nổi ở nhà Thập đạo, mặt trời đã lên khá cao, chàng không kịp đợi Đức Chinh, phải bỏ lều đó mà đi lấy dấu.

Ngoài rào của nhà Thập đạo, học trò loáng thoáng có một vài người. Đức Chinh với bộ mặt tái xanh vẫn rau ráu đứng đợi đó, vì người lại phòng chưa trao trả quyển. Vân Hạc vừa trao quyển qua rào cho một người lính áo nẹp, thì cậu công tử ấy lật đật đến bên cạnh chàng, nhờ chàng giục bọn lính kia lấy quyển cho mình. Vân Hạc mỉm cười chế giễu:

– Cậu còn không giục được họ, nữa tôi...! Thôi không phải giục. Giục cũng không được! Cậu cứ chịu khó đứng đấy, lát nữa, tự nhiên họ khắc đưa ra.

Bên rào vì giáp chợt có tiếng gọi thật lớn:

– Thằng Hạc đã ra đấy à?

Vân Hạc thoáng nghe tên mình, vội ngẩng đầu lên. Bùi Đốc Cung đương đứng chống tay vào bức rào bên kia với một dáng điệu tươi như con rói và tiếp:

– Mày đi lấy dấu nhật trung hay đi cánh quyển?

Vân Hạc trả lời một cách tự đắc:

– Từ ngày đi thi đến giờ, mày thấy tao phải cánh quyển lần nào?

Đốc Cung lại hỏi:

– Đầu bài kỳ này khá nặng đấy nhỉ! Mày nhớ cả hay có bị quên câu nào?

Vân Hạc chưa kịp trả lời, trên chòi bỗng có một hồi trọ trẹ. Hai chàng biết là quan ngự ra oai, ai nấy đều phải ngậm miệng nín thít.

Người lính áo nẹp ở nhà Thập đạo chạy ra cạnh rào với một quyển thi trong tay:

– Ai là Trần Đức Chinh?

– Đức Chinh luống cuống trả lời:

– Thưa tôi!

– Sao ông cánh quyển sớm thế? Từ giờ đến tối, phỏng chừng phải "cánh" độ mấy quyển nữa hử ông?

Vừa nói, người ấy vừa chìa cái quyển lên đầu bức rào và nhìn Đức Chinh bằng hai con mắt châm chọc. Đức Chinh làm thinh không đáp, chàng đón lấy quyển bỏ ống và vui vẻ nói với Vân Hạc:

– Ông hãy đứng đợi ở đây, tôi xin về trước.

Vân Hạc lễ phép cúi đầu:

– Vâng! Cậu cứ về trước mà viết, để đi lấy dấu nhật trung. Nhưng cậu nên viết cẩn thận một chút, kẻo lại sai lầm, phải đi cánh quyển lần nữa thời mất thì giờ lắm đấy!

Với một tiếng dạ sẽ sàng và rất cung kính, Đức Chinh cung cúc lui ra.

Học trò kéo đến lấy dấu nhật trung mỗi phút mỗi đông, Vân Hạc chờ một lúc nữa mới nhận được quyển của người lại phòng đưa ra.

Chàng về đến lều, Đức Chinh vẫn đương ngong ngóng ngồi đợi. Thấy chàng, cậu ta liền cất cái giọng giật giọng:

– Chữ "thiết" có bao nhiêu nét, ông nhỉ?

Vân Hạc bước vội vào lều và ngồi quay mặt trở ra, nhìn thẳng sang lều Đức Chinh:

– Cậu hỏi chữ "thiết" là gì?

– Thưa ông, chữ "thiết" là "trộm". Tôi mới viết đến câu "thiết vị", vì trong bản giáp, ông viết đá thảo, tôi không nhận ra mấy nét, nên còn chờ để hỏi ông...

– Hai mươi hai nét tất cả. Nếu viết hai mươi mốt nét thì hỏng.

Đức Chinh ra bộ mừng rỡ:

– May quá, chút nữa thì tôi viết chữ "thiết" đơn.

Vân Hạc xua tay lia lịa:

– Ấy chết! Không được viết đơn, chữ gì cũng vậy. Nếu viết đơn sẽ bị đánh là bạch tự.

Rồi hai người cùng quay trở vào, ai nấy cúi xuống mặt quyển, cắm đầu mà viết. Đức Chinh vừa viết vừa nhẩm bản giáp và đếm từng nét, miệng hắn luôn luôn lầm rầm như bọn thầy bói nhẩm quẻ. Lâu lâu hắn viết được nửa dòng thứ tư, lại sẽ tuôn quyển sang lều Vân Hạc để chàng coi hộ. Lần này, trong mấy dòng không bị sai lầm chỗ nào. Vân Hạc sẽ sàng liệng quyển trả hắn, để hắn đi lấy dấu nhật trung và bảo hắn liệng tờ giấy giáp sang lều mình, để mình giáp thêm cho một đoạn nữa.

Bây giờ học trò đã thưa, cho nên công việc xin dấu nhật trung đã nhẹ, không phải chờ đợi lâu quá như mấy kỳ trước. Vân Hạc giáp cho Đức Chinh vừa được hai trang và viết quyển mình được một trang đầu và nửa trang dưới, đã thấy Đức Chinh trở về với vẻ mặt sung sướng.

– Gần trưa rồi đấy, cậu phải viết mau tay một chút kẻo bài còn nhiều, đến chiều lại phải vội vàng.

Vừa nói Vân Hạc vừa vò tờ giấy giáp tròn như quả ổi và ném sang lều Đức Chinh.

Nhặt lấy "quả ổi giấy" ấy, Đức Chinh vuốt cho thẳng ra và lẩm bẩm đọc hết từ đầu đến cuối. Rồi hắn làm bộ hay chữ và hỏi Vân Hạc:

– Ô! Thế, hai câu hỏi về Hán Văn Đế và Đường Thái Tôn, ông chê đấy ư?

Vân Hạc biết là hắn hỏi lấy mẽ, kỳ thực chẳng hiểu gì cả, nhưng chàng cũng cắt nghĩa thật thà:

– Phải! Phép làm văn sách, cần phải cãi lại đầu bài, đầu bài hỏi ra giọng chê, thì mình phải khen, đầu bài hỏi ra giọng khen, thì mình phải chê. Ấy là nói về tiểu tiết. Còn về đại thể, thì với cổ nhân bao giờ cũng khen, mà với hậu nhân, bao giờ cũng chê. Vì vậy, các cụ đã có câu rằng:

"Đường, Ngu, Tam đại thì khen,
Hán, Đường trở xuống thì lèn cho đau"

Hán Văn Đế và Đường Thái Tôn đều là hậu nhân, tất nhiên phải lèn cho đau. Nếu không tức là trái mẹo.

Đức Chinh im lặng gục đầu xuống yên, vừa viết vừa dò từng chữ trong bản giấy giáp.

Gần trưa, hắn viết gần được ba tờ, Vân Hạc lại quăng sang cho một cục giấy nữa. Cũng như lần trước, hắn giở tờ giấy đọc đi đọc lại mấy lần xem có chữ gì nghi ngờ hay không, rồi lại cặm cụi nắn nót từng nét, y như những cậu học trò mới tập viết tô. Một lúc sau, hắn bỗng lên giọng tự phụ:

– Tôi tưởng trong ruột chữ "đăng" phải là chữ "đậu". Làm sao ở trên chữ "khẩu", ông viết thiếu cái ngang con? Hay là ông lầm?

Vân Hạc đương để tâm trí vào một đoạn văn ngoắt ngoéo thình lình bị câu hỏi ấy đập vào bên tai, làm dây tư tưởng tự nhiên ngừng lại, chàng hơi bực mình:

– Cậu không coi bảng chữ húy người ta yết ở cửa trường từ kỳ đệ nhất hay sao?

Đức Chinh ngay thật trả lời:

– Có! Tôi có coi! Nhưng tôi không thấy nói đến chữ "đăng"!

– Thế thì có họa lúc ấy mắt cậu quáng nắng. Trong dòng "kính khuyết nhất bút" ở ngay đầu bảng, chẳng có chữ "đăng" là gì? Nguyên dạng chữ "đăng" vẫn là chữ "đậu" ở trong, vì nó thuộc hạng húy nhẹ của nhà vua, nên phải kính khuyết nhất bút. Nghĩa là cung kính mà bỏ sót đi một nét. Nếu viết đủ cả cái ngang, tức là phạm húy. Cậu nghe không?

Đức Chinh ra bộ lo sợ:

– Chết chửa? Thế tôi trót viết cả cái ngang con mất rồi, thì làm thế nào, xóa đi có được hay không?

– Không được! Những chữ húy đều là chữ tên nhà vua. Trọng húy chính là tên vua, khinh húy thì là tên những bà vua, mẹ vua, hay là tiên tổ lâu đời của vua. Theo phép, bao nhiêu chữ húy đều bị cấm đọc, cấm viết, phải coi như chữ bỏ đi. Bởi thế, dù mình viết rồi lại xóa, cũng là có tội. Vì rằng chính mình đã viết chữ ấy kia mà!

Đức Chinh lại cố hỏi thêm câu nữa:

– Hay là xóa cho mù tịt đi vậy?

Vân Hạc phát gắt:

– Càng không được nữa. Bởi vì trường quy đã bắt những chữ dập xóa, chỉ chấm ba cái vào mặt, để cho người ta có thể nhận rõ nguyên hình của nó. Nếu xóa cho mù tịt đi, tức là "đồ bất thành tự" đấy.

Đức Chinh lại ngồi phắt dậy:

– Thế thì tôi làm thế nào bây giờ! Nếu lại cánh quyển lần nữa, thì viết bao giờ cho xong, không khéo sẽ bị ngoại hạn!

Vân Hạc ra bộ thương hại:

– Vậy thì chữ "đăng" ấy ở tờ thứ mấy?

– Thưa ông ở tờ thứ ba.

Vân Hạc không thể nín cười:

– Thế thì sợ gì? Xé mẹ cái tờ giấy ấy mà viết tờ khác.

Đức Chinh hí hửng như mơ mới tỉnh:

– Ừ nhỉ! Cái tờ thứ ba không dính đến dấu giáp phùng, xé đi là rảnh. Thế mà trong lúc bối rối, tôi không nghĩ ra, sao mà ruột gan u mê đến vậy?

Rồi hắn khom lưng làm việc như thường. Lâu lâu hắn ngẩng đầu lên và nói chõ sang lều Vân Hạc:

– Câu này sao ông lại viết chữ "dụng"?

Vân Hạc có ý ngạc nhiên:

– Câu nào hử cậu?

Đức Chinh ra bộ khiêm tốn:

– Cái câu *"Dục Nghiêu Thuấn kỳ quân dân, Y Duẩn thánh chi dụng giả"* ấy mà. Tôi nhớ ở sách Mạnh Tử, thày Mạnh bảo ông Y Doãn là "thánh chi nhậm", không phải là "thánh chi dụng".

Vân Hạc tức quá không thể nhịn được, chàng cáu:

– Té ra trong lúc đi học cậu không thèm biết chữ húy, rồi khi tới trường, cậu lại không buồn ngó đến cái bảng chữ húy. Thế mà cậu cũng cắp quyển, đi thi, tôi khen cho cậu là gan.

Ngừng lại một lát, Vân Hạc vừa giở đá lửa đánh lửa hút thuốc vừa tiếp:

– Bởi vì chữ "nhậm" là chữ trọng húy, cho nên kiêng không được dùng, phải lấy chữ "dụng"thay vào. Không phải là tôi quên sách mà viết bậy cho cậu.

Đức Chinh có ý hơi thẹn, liền nói gỡ thẹn:

– Quái lạ! Tôi có coi ở bảng chữ húy, nhưng tôi chỉ thấy chữ miên, chữ hồng, chữ ưng, chữ huê, chữ hạo... tất cả chừng bốn, năm chục chữ, không thấy chữ nhậm ở đâu!

Vân Hạc đương tức, nghe câu ấy chàng lại bật cười, suýt nữa bị sặc hơi thuốc, liền nói bằng giọng chế nhạo:

– Phải! Trong bảng, không có chữ "nhậm" thật đấy. Chẳng những một mình chữ "nhậm", tất cả những chữ trọng húy như chữ "chủng", chữ ""ánh", chữ "đởm", chữ "thì"... đều không có cả...

Đức Chinh không hiểu là câu giễu cợt vội vàng ngắt lời:

– Vậy thì sao ông biết chữ "nhậm" là chữ trọng húy?

Vân Hạc thở hết khói thuốc và tiếp:

– Thế cậu coi ở trong bảng, có thấy dưới dòng "trọng húy dĩ hạ" có câu "nhất tự tả tòng nhân, hữu tòng nhâm" không?

– Có! Tôi có thấy! Và còn có nhiều chữ "nhất tự" khác, như là "nhất tự tả tòng nhật, hữu tòng ương", "nhất tự tả tòng hòa, hữu tòng trọng" nữa.

– Ồ! Thế, bên tả chữ "nhân" bên hữu chữ "nhâm" hợp lại chẳng là chữ "nhậm" thì gì! Vừa rồi tôi đã nói rằng: những chữ phạm húy đều bị cấm không được viết, cấm không được đọc. Đó là lệnh của triều đình, ai cũng phải theo; từ quan chí dân, trừ ra những người làm giặc. Và không phải chỉ cấm ở trong quyển thi mà thôi, bất kỳ chỗ nào, từ cuốn sổ mãi hiện đến các sách vở đều phải kiêng hết.

Cái bảng treo ở cửa trường hôm nọ tuy là bảng yết chữ húy, nhưng nếu viết hẳn các chữ húy ra thì ra quan trường đã phạm húy rồi. Bởi thế, những chữ khinh húy, người ta mới viết thiếu đi một nét, và những chữ trọng húy thì họ tách ra từng mảnh. Coi đến chỗ

đó, mình phải hiểu ngầm trong bụng. Thí dụ thấy viết bên tả chữ "nhật", bên hữu chữ "ương", thì biết nó là chữ "ánh", thấy viết bên tả chữ "hòa" bên hữu chữ "trọng", thì biết nó là chữ "chủng". Một sự dễ dàng như thế, mà sao cậu cũng không hiểu? Thôi! Từ giờ đến tối, cậu cứ coi vào bản giáp, hễ thấy tôi viết thế nào, thì chép cho đúng thế ấy. Đừng hỏi nữa, làm mất thì giờ của tôi. Trưa rồi, bài còn nhiều lắm, tôi viết không kịp thì nguy cả đấy.

Đức Chinh bấy giờ mới biết xấu hổ, hắn bèn vâng dạ vài câu cho qua, rồi lại quay đầu vào viết.

Mặt trời đã xế. Cơn gió bấc lúc nãy đã tạnh, bây giờ lại nổi ào ào. Khí trời mỗi lúc mỗi thêm giá ngắt. Đức Chinh chép hết mấy tờ giấy giáp. Vân Hạc vẫn chưa viết tiếp cho hắn. Đã hai, ba lần, hắn toan thúc giục, vì sợ Vân Hạc gắt gưởi, nên lại rụt rè không dám. Chờ một hồi nữa, không thấy Vân Hạc đả động gì đến, hắn bèn đánh bạo gọi hỏi:

– Ông Đào! Thưa ông, những tờ giấy trước, tôi đã viết xong rồi ạ!

Vân Hạc đương mải tìm mấy chữ xúc về Trương Tử Phòng để đối với câu trả lời về Gia Cát Lượng mà chàng đã nghĩ được rồi, nghe tiếng Đức Chinh đòi bài, chàng liền gạt đi:

– Cậu hãy thong thả lát nữa! Để tôi còn nghĩ.

Đức Chinh khẽ vâng một tiếng, rồi hắn liền lấy thịt kho, ruốc bông để ăn kèm với bánh giò, cơm nắm.

Nhai chập nhai chuội một hồi, trong bụng đã thấy lưng lửng, Đức Chinh dốc ngược quả bầu nước chè vào miệng, nốc một thôi dài, và giở gói thuốc lá cuộn sẵn, lấy ra một điếu, rồi hắn hì hục đánh lửa vừa châm vừa hút phì phèo.

Điếu thuốc đã cháy hết già một nửa, bài của Vân Hạc vẫn chưa đưa sang. Ruột gan hắn bấy giờ hình như đã nóng hôi hổi. Rình mãi được lúc người lính trên chòi canh ngoảnh mặt sang phía bên kia, hắn liền chạy tọt sang lều Vân Hạc.

Một cái giật mình đánh thót làm cho Vân Hạc ngồi phắt trở dậy:

– Chết nỗi! Ai bảo cậu sang đây làm gì? Lính nó trông thấy thì chết bỏ mẹ cả đôi bây giờ!

Đức Chinh dó dáy sờ vành dây lưng lấy hai nén bạc đặt lên mặt yên của Vân Hạc và núc hai tay làm một.

– Thưa ông, hôm qua tôi đã đưa trước ông Cung hai nén còn hai nén nữa nay xin nộp nốt. Vậy ông viết nốt bài cho.

Thì ra hắn tưởng vì hắn chậm tiền, cho nên Vân Hạc phải hãm bài lại. Thấy cái bộ điệu khúm núm của hắn, Vân Hạc lại càng thương hại và càng nực cười. Bản giấy giáp dở đã được gần một tờ rưỡi, chàng viết nốt hơn một dòng nữa cho xong, rồi trao cho hắn và hỏi:

– Cậu có thuộc phép đài ở đoạn văn kim hay không?

– Thưa ông, tôi có nghe qua, nhưng không nhớ kỹ, xin ông chỉ bảo thêm cho!

Vân Hạc liền giở tờ giấy luồn phòng kẻ ô ở trong quyển mình, chàng chỉ tay vào mấy dãy ô đầu quyển và dùng cái giọng thày đồ giảng cho học trò:

– Cậu trông vào đây! Trong ba hàng ở đầu dòng này, hàng trên cùng tột gọi là hàng du cách, dưới hàng du cách gọi là hàng thứ nhất, dưới hàng thứ nhất gọi là hàng thứ hai, dưới hàng thứ hai thì tức là hàng thứ ba. Trong đoạn văn kim, gặp chữ thiên địa, giao miếu, thì viết lên hàng du cách, gặp chữ hoàng đế, hoàng thượng hay là thánh thượng, long nhan... nghĩa là những chữ chỉ vào bản thân nhà vua, thì phải viết lên hàng thứ nhất. Nếu gặp những chữ chỉ về đức tính hay công việc của nhà vua thì phải viết vào hàng thứ hai. Còn những chữ thuộc về văn bài thì viết từ hàng thứ ba trở xuống. Cậu nhớ lấy nhé.

Đức Chinh ra bộ ngơ ngác:

– Tôi chưa nghe ra, thế nào là chữ thuộc về đức tính và công việc của nhà vua, ông nói lại cho!

Vân Hạc kéo tờ giấy giáp trong tay Đức Chinh và trải xuống chõng, rồi chỉ tay vào một dòng ở đoạn văn kim:

– Cậu hãy cắt nghĩa cho tôi đoạn này!

Đức Chinh nhìn qua một lượt rồi rụt rè:

– Tôi không hiểu lắm. Ông giảng giùm cho.

Vân Hạc liền đọc:

– "Phụng kim ngã hoàng thượng, thông minh tác tắc, khải dễ vi cương, dĩ Kiền kiện chi tư, phủ Thái hanh chi vận...".

Và chàng cắt nghĩa:

– Mấy câu đó, cũng như những câu có chữ "sĩ" phải viết nhỏ mà tôi đã nói với cậu sáng ngày, đều là câu sáo trong văn sách kim, bất kỳ bài nào cũng có. Nghĩa đen của nó thế này này: *"Vâng nay, đức hoàng thượng ta sáng suốt làm phép, vui dễ làm giường, lấy tư chất cường kiện của quẻ Kiền, vỗ cái vận hanh thông của quẻ Thái..."* có phải thế không? Thế thì những chữ thông minh là sáng suốt, khải dễ là vui dễ, Kiền kiện là quẻ Kiền mạnh, đều nói về đức tính của đức hoàng thượng, mà chữ dĩ là *lấy*, chữ phủ là *vỗ* thì nói về công việc của ngài, chứ gì? Vậy những chữ này đều phải đài lên hàng thứ hai, còn hai chữ hoàng thượng thì phải đài lên hàng thứ nhất. Các đoạn dưới này, cậu cứ theo đó mà suy ra. Không đáng đài mà đài, đáng đài mà đài không hợp cách, chỉ bị đánh hỏng mà thôi, nếu đáng đài mà không đài, thì còn phải tội nữa đấy!

Đức Chinh gấp tờ giấy giáp bỏ túi rồi trịnh trọng mó tay vào hai nén bạc ở mặt chõng và ngẩng lên nhìn Vân Hạc:

– Thưa ông, gọi là thêm một chầu chay, xin ông nhận cho.

Vân Hạc mỉm cười cám ơn, và giục Đức Chinh phải về lều mà viết cho mau, kẻo nữa chậm quá.

Sau khi Đức Chinh ra khỏi, Vân Hạc cầm hai nén bạc giắt vào dải lưng và bụng bảo dạ: "Trông mặt ra phết công tử, ai ngờ nó lại dốt đến thế! Ấy vậy mà chưa biết chừng. Nếu nó tốt phúc mà không được vào phúc hạch, có khi sẽ đỗ tú tài cũng nên. Việc đời thật không thể nào mà đoán trước được...".

Rồi chàng lại giở quyển mình ra viết.

Bây giờ công việc đã nhẹ. Bao nhiêu câu hỏi về thánh hiền, vua chúa nước Tầu, chàng đã trả lời xong xuôi cả rồi. Lúc này chỉ còn phải viết mấy câu *văn kim* nữa thôi. Cái lệ văn sách, *văn kim* tuy là thứ văn hỏi về công việc hiện thời của nước mình, nhưng thực ra nó chỉ là đoạn văn sáo. Cái sáo ấy chàng đã phải tập từ khi còn để hồng mao, bụng chàng đã thuộc như cháo chan cả rồi. Bây giờ chỉ phải theo giọng câu hỏi mà sửa đổi đi vài chữ, không phải khó nhọc chi hết. Coi lại đầu đề và soát bài văn của mình, chàng thấy từ đầu đến cuối, đoạn nào cũng rất đanh thép, nhất là không bị quên sách chỗ nào. Đắc ý, chàng ung dung giở chiếc điếu cày đánh lửa hút thuốc, rồi mới viết nốt.

Mặt trời đã lui xuống dưới bức rào. Trên chòi canh, trống thu quyển đã thúc rộn rịp. Vân Hạc vừa kiểm những chữ xóa, sót, móc, chữa, vừa gọi với sang lều Đức Chinh:

– Thế nào? Cậu viết đã gần xong chưa?

Đức Chinh vui vẻ trả lời:

– Tôi chỉ còn độ ba dòng nữa. Ông cũng sắp xong rồi chứ?

– Phải! Tôi còn viết nốt mấy chữ đồ, di, câu, cải nữa là xong.

– Vậy thì ông hãy đợi tôi một lát rồi ta cùng ra.

Hai người lại cùng im lặng.

Trống thu quyển mỗi lúc mỗi mau. Tiếng voi ngựa đi tuần ở ngoài bờ rào lại càng rộn rịp hơn trước. Trời đã nhá nhem sắp tối. Đám học trò phía nhà Thập đạo loáng thoáng có người dỡ lều.

Vân Hạc đương thu xếp giấy bút hộp mực bỏ vào trong yên. Chợt thấy Đức Chinh vỗ tay vào trán một cái đánh bạch:

– Thôi chết bỏ bố tôi rồi!

Vân Hạc giật mình liền hỏi:

– Cái gì thế cậu?

Thì ra vì trong lúc ruột gan bối rối, cái đoạn *"sĩ giã hạnh phùng thịnh thế, tòng sự văn trường, quản kiến như tư, vị trí thị phủ"*, hắn đã viết thừa bốn chữ *"tòng sự văn trường"* và thiếu bốn chữ *"quản kiến như tư"*. Sau khi đã nói qua sự lầm lỡ ấy cho Vân Hạc nghe, Đức Chinh lại hỏi:

– Xóa bốn chữ nọ viết bốn chữ kia vào cạnh có được không?

Vân Hạc ngọt ngào trả lời:

– Thôi đành bỏ tờ ấy đi, viết tờ khác vậy, chứ xóa và chữa nhiều quá như thế sẽ bị mắc tội "thiệp tích" kia đấy. Bởi vì người ta ngờ mình cố làm như vậy, để đánh dấu cái quyển của mình, chứ có ai cho là mình lầm lỡ.

Rồi chàng chạy tọt sang lều Đức Chinh:

– Đâu cậu viết lầm ở chỗ nào, đưa đây tôi xem.

Vừa nói, Vân Hạc vừa nghển đầu ngó vào quyển của Đức Chinh. May quá, cái tờ bị hỏng ở ngay trang trên đầu, trang đến đó, Đức Chinh mới viết có chừng hơn bốn dòng chữ mà thôi. Chàng giục hắn xé tờ ấy, rồi chàng cầm luôn lấy mảnh giấy giáp và sẽ an ủi:

– Để tôi đọc cho cậu viết! Đừng vội! Trống thu quyển mới hết một hồi. Còn sớm chán. Nếu tối thì ta thắp nến! Hãy còn hai hồi trống nữa kia mà! Sợ gì?

Đức Chinh khi ấy mới khỏi hồi hộp trống ngực. Hắn liền cẩn thận theo miệng Vân Hạc mà viết.

Ngoài vi trời tối dần dần. rồi tối hẳn. Vân Hạc bảo Đức Chinh hãy lấy đá lửa đánh lửa châm nến. Và chàng vừa cầm cây nến soi cho Đức Chinh vừa theo bản giáp đọc cho hắn viết. Chừng cũng sợ hắn rối ruột lại viết lầm nữa, nên chàng cứ phải chăm chỉ nhìn vào quyển hắn, chờ hắn viết xong chữ này chàng mới đọc tiếp chữ kia. Mỗi khi đọc đến chữ gì có nhiều đồng âm, thì chàng lại nói luôn cả nghĩa của chữ ấy, cho hắn khỏi lẫn.

Hồi trống thứ hai dồn dập thúc mau, Đức Chinh viết đến chữ “dĩ” trong câu “nguyện trấp sự kỳ trạch dĩ văn” và toan đưa bút viết nữa, Vân Hạc vội vàng nắm lấy tay hắn và nói bằng giọng hoảng hốt:

– Ấy chết! Chữ "văn" này phải đài lên đệ nhị cách kia đấy!

Đức Chinh sửng sốt:

– Ồ lạ thế! Sao chữ "văn" trong câu "đối sỹ văn" ở đầu quyển lại không phải đài? Nó cũng là "nghe" chứ gì.

Vân Hạc thẽ thọt:

– Phải! Hai chữ "văn" cùng là nghe cả... Nhưng chữ "văn" trên nghĩa là mình nghe, nên không phải đài. Còn chữ "văn" này thì là vua nghe, nếu không đài, ấy là bất kính! Người ta đập vào đầu ấy.

Đức Chinh lè lưỡi:

– Sao mà rắc rối quá vậy!

Sau khi đã nắn nót viết một chữ "văn" bông bêng lên hàng chữ thứ hai, hắn lật các tờ trong quyển, đếm hết những chữ xóa, sót, móc, chữa, để viết vào dưới chữ "cộng quyển nội".

Hết tội!

Đức Chinh hì hục dỡ lều buộc chõng và đeo lên vai, Vân Hạc thì bỏ cả chõng lẫn lều, chàng chỉ đèo ra có một cái yên và một cái ống đựng quyển.

Ra nhà Thập đạo, nộp quyển xong rồi, Vân Hạc vừa đi vừa hú vía! Vì đã vô cớ mà rước lấy nợ vào mình.

XIII

Đêm qua, với Vân Hạc, Đốc Cung lại là một cuộc phục thù của hai con mắt.

Bởi vì sau bữa cặm cụi từ sáng đến tối mịt, ngắm vuốt từ cái nét móc trở đi, để viết cho rồi một bài văn sách chừng bảy, tám tờ, hai chàng chỉ cho đôi mắt yên nghỉ một đêm, đến trưa hôm sau, khi mà Đoàn Bằng, Tiêm Hồng bước ra khỏi cửa để cùng về quê báo tin cho dì ghẻ và ông anh cả biết sự may mắn của mình trong kỳ đệ tam, thì Vân Hạc liền bị Đốc Cung nhắc tới số bốn nén bạc của Trần Đức Chinh và bắt phải lên Hàng Lờ lập tức.

Ở lầu hồng không khác gì ở nhà trọ, danh giá của người học trò đã vào tam trường, lại tôn gấp mấy cái khi mới vào nhất trường. Vả lại, đối với hai chàng, đào Phượng, đào Cúc vẫn là hoa xưa, ong cũ, cái cuộc gặp gỡ sau hai mươi ngày cách biệt, tự nhiên phải đằm thắm hơn lúc bắt đầu biết nhau.

Trong lúc bước chân ra đi, Vân Hạc đã hẹn Đốc Cung chỉ nghe một vài khổ trống rồi về. Không ngờ trước vẻ yêu kiều nũng nịu của đôi hoa khôi; hai chàng đều không đủ bóng vía để chống lại với sức cám dỗ. Thế rồi cuộc truy hoan kéo dài đến bảy đêm ngày.

Ngông nhất là đêm hai ba tháng mười.

Vào khoảng chập tối một lúc, trời tuy lạnh nhưng rất sáng sủa, vầng trăng hạ huyền từ từ ở phía chân trời tiến lên và nhòm thẳng vào khe cửa sổ phía đông. Nhân một câu cao hứng nói đùa của Vân Hạc, Đốc Cung liền bắt đào Phượng và đào Cúc cùng mấy ả nữa và một anh kép mang cả đàn, trống, sênh, phách lên phía bờ sông. Thêm vào đó lại có mấy người học trò cụ bảng Tiên Kiều bị kéo đi nữa. Cả bọn đến thẳng bến đò. Sau khi thuê được hai chiếc thuyền lớn, mặc cả phải chở suốt đêm, Vân Hạc, Đốc Cung liền bảo chân sào vào phố mua rượu và các đồ nhắm đem cả xuống thuyền. Rồi sai nhổ neo cho thuyền xuôi mãi xuống phía Đồn Thủy. Sông cạn, sóng êm, đôi thuyền kèm nhau lờ đờ trôi dưới ánh trăng. Ngồi trên mạn thuyền ngó xuống đáy nước, có thể tưởng như mình đương lơ lửng trong một biển vàng. Đàn bắt đầu dạo, phách bắt đầu điểm, tiếng hát bắt đầu thánh thót. Cuộc rượu dần dần đi từ chỗ êm đềm đến chỗ

nồng nàn. Giữa những tiếng cười nói huyên thiên, Đốc Cung tự nhiên gật gù và ngâm:

"Mộc lan chi tiếp, sa đường châu,
Ngọc tiêu, kim quản tọa lưỡng đầu,
Mỹ tửu tôn trung trí thiên hộc,
Tái kỹ tùy ba nhiệm khứ lưu...".

Rồi chàng rung đùi:

– Cái cuộc đêm nay của chúng mình, thật đúng với bốn câu đó. Thế mới biết Lý Bạch là tay chơi sành.

Và chàng nhìn vào Vân Hạc:

– Mày vẫn tự phụ giỏi nôm, hãy thử dịch mấy câu ấy ra điệu lục bát xem sao.

Vân Hạc ngẫm nghĩ một lát rồi đọc:

"Trèo đường đưa chiếc thuyền nan,
Quản vàng, tiêu ngọc thổi ran đôi đầu.
Rượu ngon để sẵn nghìn bầu,
Chở đào, theo sóng, mặc dầu ngược xuôi...".

Cả bọn đều tấm tắc khen hay, riêng có Đốc Cung chê rằng chữ "đào" không "ổn". Nhưng không tìm được chữ gì khác thay vào, chàng muốn đổi hai câu đó như vầy:

"Đào mấy ả, rượu nghìn bầu,
Chở theo con sóng mặc dầu ngược xuôi...".

Mọi người cân đi, nhắc lại hồi lâu, ai nấy đều bảo câu của Đốc Cung tuy không đúng nghĩa, nhưng còn thoát hơn của Vân Hạc. Rồi họ bàn nhau dùng bốn câu ấy làm bốn câu mưỡu và bắt Vân Hạc, Đốc Cung làm tiếp một bài hát nói tức cảnh đêm ấy, Vân Hạc mở đầu:

"Thủy thiên nhất sắc,
Giữa vừng không vằng vặc mảnh trăng treo,
Đôi thuyền con đủng đỉnh đua chèo,
Đội mặt sóng, tiếng đàn theo tiếng phách.

Đốc Cung tiếp theo:

"Giục hiệu Tô công ca Xích Bích,
Cánh liên Bạch phó oán Tầm Dương.
Thú yêu hoa âu cũng nợ văn chương,
Dưới bóng nguyệt, chén vàng chi để cạn?

Đến lượt Vân Hạc:

"Con đắc ý hãy chơi cho chán,
Kiếp trần ai, ba vạn có là bao!
Nghìn xưa hiền thánh đâu nào?

Hai chàng đọc cho đào Phượng, đào Cúc cùng nhẩm và bảo hai ả cắt lượt mà hát. Đêm càng khuya, cuộc rượu càng lơi lả. Tiếng hát khi chìm, khi bổng, theo với dịp khoan nhặt của phách và đàn, càng giúp thêm cho hứng rượu.

Trên phố lúc ấy không còn hơi một tiếng động. Mặt sông cực kỳ tịch mịch. Mấy đoàn thuyền bè, giống như những đàn vịt ngủ, hết thảy im lặng rúc đầu vào bờ. Vân Hạc tình cờ ngồi trong mui thuyền ngó ra, chàng tưởng như khắp cả vũ trụ, chỉ có bọn mình và vầng trăng khuya còn thức.

Một lát sau, đào Phượng đọc hết bài phú *Xích Bích*, tiếp đến bài hát *Tỳ bà*, Đốc Cung ra bộ thích ý và khen:

– Ngồi trên mặt nước mà hát hai bài hát ấy mới là hợp cảnh. Không hiểu từ xưa đến giờ, đã ai thưởng thức cái thú ấy chưa?

Vân Hạc đón lời:

– Không phải bây giờ chúng mình hưởng cái thú ấy là lần đầu tiên. Ngày xưa các cụ đã hưởng chán rồi. Là vì thủa xưa, cô đào không có nhà riêng, các cụ muốn nghe hát mà không tiện đem về nhà mình, cho nên phần nhiều phải hát dưới thuyền. Bởi vì ngồi ở thuyền dưới bóng trăng, thấy nó hợp với cảnh tượng trong *Tỳ bà hành* của Bạch Cư Dị và *Xích Bích phú* của Tô Đông Pha, cho nên các cụ mới diễn cả hai bài ấy ra điệu hát ta, để bắt ả đào ngâm đọc. Về sau những phường tục tử, đua đòi các cụ, thi nhau đem những bài ấy mà hát ở nhà cô đào, ấy là vì họ không hiểu cái hay của nó. Các anh thử nghĩ mà xem, ngồi trên mặt phản mà nghe những câu:

"Say cũng luống, ngại khi chia rẽ,
Nước mông mênh dầm vẻ trăng trong.

Hay là:

"Thuyền mấy lá, đông tây lặng ngắt,
Một bóng trăng trong vắt lòng sông,

thì phỏng còn có nghĩa lý gì nữa?

Trời gần sáng. Trăng càng lên cao, ánh trăng tỏa xuống lòng sông sáng như ban ngày. Hứng rượu mỗi lúc mỗi thêm hăng hái.

Người nọ dốc mãi rượu vào chén người kia. Dần dần, cả đám đều say dí dị, ai nấy gục đầu xuống cạnh chiếu rượu mà ngáy.

Sáng mai Vân Hạc dậy trước, trông thấy mấy người ngổn ngang nằm quanh một đám chén bát lổng chổng, mới biết đêm qua uống rượu nhiều quá. Ngó ra ngoài sông, cảnh tượng đều lạ hết thảy. Ngơ ngác nhìn mãi đám khói sương mù mịt, chàng mới nhận ra cái chỗ thuyền đậu là ở dưới bãi Bát Tràng.

Các chân sào và các ả đào, hãy còn ngủ lăn, ngủ lóc, chàng phải đánh thức lái thuyền, giục hắn gọi mấy người kia chèo thuyền lên bến.

Tới nơi, mặt trời đã lên cao, Vân Hạc toan về nhà trọ. Nhưng vì đào Phượng, đào Cúc có ý chèo kéo, lại thêm có bọn Đốc Cung hết sức bầu vào, chàng lại xuống thẳng Hàng Lờ. Thế rồi, cái hào hứng của tuổi thiếu niên lưu chàng và bọn Đốc Cung ở đó. Để lấy đêm làm ngày, lấy ngày làm đêm. Nếu không sợ Đoàn Bằng, Tiêm Hồng ở quê sắp ra có lẽ hôm qua, chàng và Đốc Cung cũng chưa về nhà trọ.

May quá hai chàng vừa tới nhà trọ một lát, thì hai người kia vừa ra.

Trong lúc nói chuyện, Đoàn Bằng, Tiêm Hồng ngó cái bộ mặt hốc hác, nhất là ngó đôi con mắt đứt kẽ của hai chàng, cũng biết hai chàng thức đêm nhiều lắm nhưng hai người vẫn đều giả vờ làm thinh.

Bấy giờ Đốc Cung cũng như Vân Hạc ai nấy đều thấy trong mình mệt nhừ, hai mắt buồn ngủ díp lại, song mà người thì nể bạn hơn tuổi, người thì sợ anh, cả hai đều phải cố gượng làm tỉnh táo, nhanh nhảu, chờ đến tối, mới dám đi nằm. Và cả hai đều kéo một giấc từ chập tối cho đến bây giờ.

Trời sáng rõ.

Đoàn Bằng, Tiêm Hồng đã uống tàn một ấm chè tầu, hai chàng vẫn co quắp ôm nhau trong tấm chăn bông, và thi nhau đưa ra những tiếng thở sè sẽ.

Tiêm Hồng ngứa mắt đã toan kéo tuột bức chăn gọi hai chàng dậy. Đoàn Bằng xua tay ngăn lại:

– Hãy để họ ngủ lúc nữa! Chắc là những ngày vắng mình, chúng nó thức đêm nhiều lắm. Nếu họ không được ngủ bù để khôi phục cho tinh thần bằng cũ, thì ngày mai vào trường sẽ có hại cho sự làm văn.

Rồi hai người lại giục thằng nhỏ thay chè, pha ấm nước khác, cùng uống cho tiêu thì giờ.

Ánh nắng loe trên nóc nhà láng giềng, Vân Hạc thình lình thức giấc. Vì bị ánh sáng lùa vào chói mắt, chàng biết trời đã trưa lắm, vội vàng lật chăn đánh thức Đốc Cung.

Đoàn Bằng, Tiêm Hồng tuy vẫn tỏ ra bộ điệu vui vẻ, nhưng Vân Hạc không khỏi có ý ngượng thẹn. Chàng len lén đứng dậy ra thềm và gọi thằng nhỏ lấy nước rửa mặt, Đốc Cung nói chữa bằng một câu khôi hài:

– Té ra hãy còn sớm nhỉ! Tôi tưởng đã trưa lắm rồi!

Đoàn Bằng cười nhạt:

– Phải! Còn sớm lắm! Mặt trời mới gần đến đỉnh đầu thôi mà! Hai ông hãy đi ngủ thêm giấc nữa, dậy làm gì vội!

Đốc Cung cũng cười và ngâm:

Xử thế nhược đại mộng,
Hồ vi lao kỳ sinh?

Rồi chàng thong thả, xỏ chân vào giày, để đón lấy chậu nước nóng của thằng nhỏ đã bưng đến thềm.

Hôm nay là ngày ra bảng kỳ đệ tam, nhà trọ làm cơm sớm hơn mọi ngày, có ý để các ông khách thừa thãi thì giờ đi chơi chúng bạn.

Cố nhiên ở trong mâm cơm, cảm tình của ông chủ nhà càng nồng nàn hơn những ngày ra bảng hai kỳ đệ nhất, đệ nhị. Ông ta đã cố mua chuộc lòng khách bằng những món ăn rất cầu kỳ.

Rượu rót rồi, Đoàn Bằng khai mào câu chuyện trước khi cất chén:

– Chúng mình còn được chè chén lu bù, chứ mấy ông quan chấm trường, nhất là những ông sơ khảo, phúc khảo bây giờ đương khổ vô hạn.

Đốc Cung nâng chén và hỏi:

– Sao vậy?

Đoàn Bằng nhấp một hớp rượu rồi đáp:

– Kham khổ quá, chứ có sao đâu! Theo lệ, cứ mỗi khoa thi, riêng trường Hà Nội, được có một ông chủ khảo, một ông phó chủ khảo, hai ông giám khảo, hai ông phân khảo, mười ông phúc khảo, và hai mươi ông sơ khảo. Lương các ông ấy không được tính tháng, phải tính trọn một kỳ thi. Bắt đầu từ lúc tiến trường đến khi thi xong các công việc, ông chủ khảo được năm chục quan, và mười phương gạo trắng; ông phó chủ khảo được bốn nhăm quan, số gạo cũng được như ông chủ

khảo, những ông giám khảo đều ba nhăm quan và tám phương gạo, các ông phúc khảo mỗi ông được hai nhăm quan và năm phương gạo, những ông sơ khảo thì bần tiện nhất, chỉ được mỗi ông bốn phương gạo và hai chục quan...

Đốc Cung ngắt lời:

– Ừ thì nhà nho ăn tiêu tằn tiện, trong hơn một tháng một mình dùng hai chục quan cũng đủ lắm rồi.

Đoàn Bằng lắc đầu:

– Tiếng được hai chục quan tiền thật đó, nhưng khi ở trường có được tiêu một đồng nào. Là vì trong lúc làm trường, người ta đã tính đủ số quan trường, dựng cho mỗi ông một gian nhà lá, trong nhà có bếp, có chuồng xí, có vại chứa nước, có nồi nấu cơm, đủ các đồ lề của một gia đình, bốn bên đều có phên nứa che kín, gian nọ không được thông với gian kia. Sau khi tiến trường, người ta tống hết các ông sơ khảo, phúc khảo, giám khảo cho mỗi ông vào một gian, rồi khóa trái cánh cửa ra ngoài, giao chìa khóa cho ông đề điệu, bao giờ thi xong, ông đề điệu mới mở cửa cho các ông này cùng ra. Như thế dù có tiền cũng không mua bán gì được.

Đốc Cung lại hỏi:

– Vậy thì những thức ăn uống hàng ngày lấy ở đâu ra?

Tiêm Hồng vội đón:

– Hình như do ông Tổng đốc sở tại cung đốn, phải không?

Đoàn Bằng gật đầu:

– Phải! Bao nhiêu đồ ăn thức dùng của các quan trường, do ông Tổng đốc sở tại trích tiền công khố chi cấp tất cả. Sự cung đốn của mấy ông trên thế nào, tôi không được rõ, chứ đến những ông sơ khảo, phúc khảo, thì ôi thôi, cực kỳ bần tiện. Mỗi ông một ngày chỉ được hai lạng thịt lợn, hay là hai con tôm he, có thịt đừng tôm, có tôm đừng thịt; ba ngày mới được một lọ nước mắm và ít muối trắng. Anh tính mỗi ngày hai bữa, một thày, một trò, ăn uống chỉ có bấy nhiêu, thì kham khổ biết chừng nào. Thày tôi ngày xưa tuy là hương cống tại quán, nhưng cũng có bị cử làm phúc khảo một lần. Khi đi, người rất béo tốt. Lúc về mặt mũi xanh xao, chẳng khác gì người ngã nước. Thì trong hơn một tháng trời nhịn đói, nhịn khát, gỗ cũng phải gầy, nữa người!

Đốc Cung nhành mồm tắc lưỡi.

Đoàn Bằng đương ngậm hớp rượu trong miệng, vội cong bàn tay giơ lên, tỏ ý ngăn cản lời của Đốc Cung, rồi thêm:

– Thế cũng chưa thấm!

(Bị kiểm duyệt bỏ hồi Pháp thuộc).

Đoàn Bằng quay lại vớ chiếc điếu đàn, đặt thuốc, châm lửa, hút một hơi thuốc, câu chuyện nói dở tiếp theo khói thuốc đưa ra:

– Bởi vì nhà của mấy ông sơ khảo, phúc khảo trừ khi hé ra một lúc cho phu đổ nước vào vại, còn thì phải khóa kín suốt ngày, suốt đêm. Cho nên trong bức phên nứa chắn ở quanh nhà, người ta đã có để sẵn một cái lỗ thủng nho nhỏ. Mỗi một buổi sáng, người lại phòng của quan đề điệu phân phát đồ ăn cho các quan trường thì tuôn qua mấy lỗ thủng ấy, rồi gọi thằng bếp ra đó mà đón.

Tiêm Hồng nói xen:

– Kẻ nào hà lạm đến những món ấy thì tù mọt gông. Tôi nhớ thầy tôi có nói lại rằng cái năm thày tôi đi làm phúc khảo, có người lại phòng chia tôm cho các quan trường, vì lúc cuối cùng còn thừa một con, hắn không biết là phần ông nào, đem về ăn mất. Thế mà đến khi việc đó phát giác, anh ta bị phạt đủ ba chục trượng. Cực chưa!

Đến lượt Đoàn Bằng:

– Tội nghiệp hơn nữa, là cái tình cảnh của mấy ông ấy trong khoảng từ kỳ đệ tam đến kỳ phúc hạch. Những kỳ đệ nhất, đệ nhị, tuy rằng ăn uống kham khổ, nhưng còn không đến nỗi buồn. Là vì trong hai kỳ ấy, học trò còn đông, các ông sơ khảo, phúc khảo còn phải chấm nhiều, cả ngày không lúc nào rỗi. Đến kỳ đệ tam và kỳ phúc hạch, học trò vắng lắm, phần việc của mấy ông chỉ làm độ một, hai giờ là xong. Thế mà cứ phải nằm đó chờ đợi cho đến kỳ sau... Có ông buồn quá, không biết làm cách nào cho qua thì giờ, đành phải đánh đáo với thằng đầy tớ.

Vân Hạc đương bưng chén rượu vội đặt xuống mâm:

– Nếu tôi mà bị đi làm quan trường, thì quyết phải bắt... vợ tôi ăn mặc giả làm đầy tớ để cùng vào trường.

Đoàn Bằng nối lời:

– Ấy cái năm thày đi phúc khảo, đã có một ông cũng làm như thế đó. Ông ấy thuê người cô đào ăn bận quần áo đàn ông, và bắt

xách điếu cắp tráp theo vào. Vậy mà việc cũng bại lộ. Không biết ông ta sau bị tội gì. Có lẽ người ta buộc cho cái tội khi quân cũng nên.

(Bị kiểm duyệt bỏ hồi Pháp thuộc).

Ông chủ nhà trọ vừa đi qua đó:

– Thưa các quan, sao lại có người khai mạo tam đại? Tôi tưởng cha ông nhà mình dù hèn cũng là cha ông nhà mình, ai lại đê tiện đến nỗi nhận vơ cha ông người khác?

Đoàn Bằng vội mời ông đó ngồi xuống chiếc phản cạnh đấy uống nước:

– Cái việc khai mạo tam đại, cũng là việc bất đắc dĩ. Theo luật, những người trước có làm quan với nhà Tây Sơn cũng như những người phạm tội ăn cướp làm giặc, bản thân của họ tuy bị hành hình, hay đã già chết, nhưng vẫn chưa thật hết tội. Anh em ruột và con cháu ba đời nhà họ đều bị cấm không được thi. Vì thế, những người học giỏi muốn thi, chẳng may lại có cha ông thân thuộc vướng vào khoản ấy, người ta mới phải khai mạo tam đại để nộp quyển đi thi. Bây giờ đã ít, chứ mấy năm xưa nhiều người mắc tội ấy lắm...

Vân Hạc góp thêm:

– Thuở tôi còn nhỏ, nghe nói có một vụ án khai mạo tam đại hay lắm. Tôi không nhớ cái ông đáng thương ấy tên họ là gì, chỉ biết ông ta người ở xứ Bắc. Bởi có ông nội ngày xưa làm quan trong triều Tây Sơn, nên cũng bị liệt vào sổ "tam đại bất đắc ứng thí". Nhưng ở đời này, một người có tài có học, có chí giúp dân, giúp nước, nếu không đi vào con đường khoa cử thì còn đường nào mà đi? Vì vậy ông ta mới phải mượn tên ông chú làm tên ông nội đề vào quyển thi để cố đi thi. Giả sử đi thi mà hỏng thì chẳng sao cả. Chết vì ông ta mới thi một khoa đỗ luôn hương cống, những kẻ tiểu nhân trong làng sợ rằng ông ta làm nên, sẽ ở trên mình, chúng bèn đệ đơn lên tỉnh tố giác việc ông ấy mạo khai tam đại. Các quan ở Bắc lúc ấy tuy vẫn trọng ông ta là bậc túc học, nhưng mà việc đã hiển nhiên, không dám bịt đi...

Tới đây Vân Hạc ngừng lại một lát, để dấp giọng bằng một hớp rượu. Rồi chàng rẽ ràng nói tiếp:

– Sau khi đã bắt lý dịch khai báo, quan Tổng đốc Bắc bèn đệ cả tập hồ sơ vào kinh, lại có kèm theo tờ sớ tâu xin triều đình lấy lượng biển trời làm tội nhè nhẹ cho một tên dân dại dột. Về sau thấy có chữ phê vào tập hồ sơ như vầy:

"Mạo tổ, bất hiếu giã, khi quân, bất trung giã, bất trung, bất hiếu chi nhân, lưu tương yên dụng?..."

Vân Hạc đương toan nói thêm, thằng nhỏ hớt hơ hớt hải ở ngoài cổng vào, chạy thẳng lên thềm:

– Thưa các ông, con thấy cửa trường đã treo bảng rồi đấy ạ!

Đoàn Bằng rẽ ràng:

– Mày có thấy tên chúng tao hay không?

Thằng nhỏ vừa thở vừa đáp:

– Thưa các ông, con không biết chữ.

Ông chủ nhà trọ ra bộ vui bẻ:

– Mời các ngài hãy cứ yên tâm xơi rượu, để tôi ra coi xem sao. Chắc bốn ngài đều được vào cả. Tôi dám cam đoan như vậy.

Rồi thì ông ta cung cúc đi thẳng ra cổng.

Bốn người vẫn cứ khoan thai uống rượu, nói chuyện, chờ đợi tin tức.

Chừng nửa giờ sau, ông ấy tất tả chạy về với những tiếng thở hồng hộc.

– Thế nào, chúng tôi có ai được vào hay không?

Vân Hạc vừa cầm chén rượu vừa hỏi một cách sốt sắng.

Ông chủ nhà trọ tươi cười:

– Có ạ! Tôi đoán phỏng thế mà không sai mấy nỗi. Ba ông hơn tuổi vào cả, chỉ có ông Cung...

Vân Hạc ra bộ sửng sốt:

– Ông Cung làm sao? Có tên ở bảng con chứ?

Ông chủ nhà trọ ra ý ngập ngừng không nói, Vân Hạc cố gặng lần nữa, ông ta mới chịu nửa úp nửa mở:

– Vâng, tôi thấy ở trong bảng con có viết chữ Bùi Đốc Cung. Nhưng không biết có phải ông Cung nhà ta hay ông Cung nào. Vì tôi vội quá, không kịp coi đến dòng tên làng tên tỉnh.

Vân Hạc cho là không phải tên của Đốc Cung nhưng chàng vẫn cố trêu cợt:

– Chẳng thằng Cung này còn thằng Cung nào? Suốt mấy kỳ trước, tôi thấy trên bảng có các vi, chỉ có một Bùi Đốc Cung mà thôi.

Rồi chàng nhìn mặt Đốc Cung:

– Biết thân chưa con? Đời nào đỗ đến những thằng ngông nghênh, bướng bỉnh? Được vào mấy kỳ đã là may rồi! Chuyến này tao xem. Mày thì cụt đầu!

Đốc Cung cũng đáp bằng giọng bông đùa:

– Mày hãy thử sờ lên gáy xem nào. Tao tưởng mày còn ngông nghênh bằng hai tao kia. Nếu như tao bị cụt đầu, thì cái đầu mày quyết là không còn.

Đoàn Bằng cau đôi lông mày tỏ ý không thích.

Tiêm Hồng nói:

– Những tiếng mày tao để dành cho bọn vũ phu lỗ lăng họ dùng. Chúng mình là kẻ đọc sách, biết lễ, ăn nói phải cho trang nhã một chút. Gọi nhau bằng anh cũng đã suồng sã lắm rồi.

Vân Hạc, Đốc Cung đều nín lặng, rồi nói lảng ra chuyện khác. Đoàn Bằng chừng cũng băn khoăn về lời ông chủ mới nói vừa rồi, thày bảo Đốc Cung đọc lại cả bài văn sách của chàng kỳ trước, xem có chỗ nào sơ suất hay không? Đốc Cung liền đặt chén rượu đứng dậy, mở tráp lấy bản giáp bài đó, trao cho Đoàn Bằng.

Bốn người vừa uống rượu vừa chuyền tay nhau xem đi xem lại những tờ giấy giáp. Ai nấy đều tấm tắc khen hay và đều không thấy chỗ nào đáng ngờ. Cả bọn tin rằng ông chủ nhà trọ trông sai, chứ chẳng khi nào Đốc Cung lại bị nêu ra bảng con. Riêng có Đốc Cung vẻ mặt vẫn không được vui, vì chàng vẫn còn hồ nghi trong bụng. Tiêm Hồng an ủi:

– Bác đừng lo. Văn bác quyết phải bốn "ưu". Vả lại, cả quyển không có chữ nào đáng tội, việc gì phải ra bảng con mà sợ?

Đốc Cung gượng đáp:

– Chẳng qua đến hỏng là cùng, tôi có sợ gì.

Cuộc rượu kề cà chừng nửa giờ nữa, ai nấy đều thấy trong mình hơi say. Đoàn Bằng thôi trước, Tiêm Hồng, Vân Hạc, Đốc Cung lần lượt thôi sau. Tiệc rượu tan, mặt trời vừa lên đến khỏi nóc nhà láng giềng. Ông chủ nhà trọ hớn hở bưng đĩa mứt bí ở nhà dưới lên và đặt vào cạnh khay nước, rồi đon đả vừa cười vừa nói:

– Xin rước các quan xơi nước, chắc là bốn ngài đỗ cả. Nhà cháu thật là có phúc. Xưa nay những nhà chứa trọ chưa ai được may như thế bao giờ

Đoàn Bằng đáp lại bằng cách khiêm tốn:

– Ông đừng nói thế, không tiện, hãy còn kỳ phúc hạch nữa kia mà.

Ông chủ nhà trọ nói thêm:

– Đã đành rằng thế. Nhưng tôi thiết tưởng các ngài đã vào phúc hạch tức là mười phần chắc đỗ cả mười, còn ngại gì nữa.

Đoàn Bằng lắc đầu:

– Những khoa trước kia có thể như thế. Bởi vì ngày xưa đến kỳ phúc hạch, học trò chỉ phải viết một bài thơ để so tự dạng, xem rằng quyển các kỳ trước của mình có thật tay mình làm ra hay không. Bấy giờ số người dự kỳ phúc hạch, quan trường chỉ lấy gần ngang với số giải ngạch mà thôi. Ví như giải ngạch của trường Hà Nội được lấy hai nhăm cử nhân, thì kỳ phúc hạch, người ta chỉ lấy linh dư chừng vài ba người, nghĩa là tất cả độ ba chục người trở lại. Thêm ra năm người như vậy, là để dự phòng những lúc nhà vua thiên thủ. Chắc ông đã biết, giải ngạch tuy có hai nhăm cử nhân, nhưng cũng có khoa, nhà vua lại cho lấy thêm hai ba người nữa. Như vậy, nếu kỳ phúc hạch chỉ lấy đúng số giải ngạch thì khi được lệnh thiên thủ cử nhân, lấy ai sung vào số đó? Vì thế, ngày trước đã vào phúc hạch, ai cũng chắc đỗ, không cử nhân thì tú tài. Các cụ nói rằng: có ông được vào phúc hạch sướng quá, đến nỗi trông đến đầu đề bài thơ của quan chủ khảo ra cho, không thể nghĩ được chữ nào, quan trường lại phải gà cho mà viết. Vậy mà cũng đỗ, chỉ có người nào phạm húy, mới bị đánh hỏng mà thôi.

Ông chủ nhà trọ lại hỏi:

– Bây giờ cũng thế chứ gì?

Đoàn Bằng hút tàn mồi thuốc, rồi đáp:

– Không! Từ khoa trước đây, phép thi đổi lại, phúc hạch cũng là một kỳ, học trò cũng phải làm bài như các kỳ trước. Theo phép mới này, thì trong ba kỳ, ai có "bình ngoại" đều được dự kỳ phúc hạch, bất kỳ giải ngạch bao nhiêu. Thí dụ giải ngạch của trường Hà Nội năm nay chỉ có hai bốn cử nhân, nhưng đến kỳ đệ tam, học trò có năm trăm người đều có "bình ngoại", thì bấy nhiêu người được vào phúc hạch tất cả.

Ông chủ nhà trọ ra bộ ngơ ngẩn không hiểu:

– Thưa, thế nào gọi là "bình ngoại?"

Tiêm Hồng cắt nghĩa:

– Bình ngoại tức là chữ "bình" của quan chánh chủ khảo, hay quan phó chủ khảo, hoặc là các ông phân khảo. Theo phép nhà Nguyễn, các quan chấm trường vẫn chia ra làm hai bộ: Các ông sơ khảo, phúc khảo và giám khảo gọi là nội trường, các ông phân khảo và chánh, phó chủ khảo thì là ngoại trường – Chữ "nội" và chữ "ngoại" đó chỉ là nói theo chỗ ở của các ông ấy. Bởi vì, trong khi đóng ở trong trường, các ông sơ khảo, phúc khảo, giám khảo đều ở lớp trong, mấy ông phân khảo và chánh, phó chủ khảo thì ở lớp ngoài. Có thế thôi. – Tất cả quyển của học trò, đều phải đủ bốn dấu chấm. Bắt đầu do ông sơ khảo chấm trước, thứ hai đến ông phúc khảo, thứ ba đến ông giám khảo. Thế là hết lượt nội trường, bấy giờ mới giao ra trả ngoại trường. Lúc này lại chia ra làm hai hạng: quyển nào mà trong ba dấu của nội trường, được có một dấu trở ra, phê cho chữ "ưu", hoặc chữ "bình", hay chữ "thứ mác", "thứ cộc", thì được đến tay các ông chánh, phó chủ khảo chấm lại; còn những quyển nào nội trường phê đủ ba "liệt", thì phải để ông phân khảo chấm lần cuối cùng. Trong một khoa thi, lấy ai, bỏ ai, đều là quyền của các quan ngoại trường. Bởi vậy, người ta mới trọng dấu chấm của mấy ông này hơn những dấu chấm của các ông nội trường. Và cũng vì thế người ta mới đặt lệ rằng: người nào đã lọt ba kỳ đệ nhất, đệ nhị và đệ tam, ít nhất phải có một kỳ được có dấu của ngoại trường phê cho chữ "bình" trở lên thì mới được vào phúc hạch. Nếu trong các kỳ, không được ngoại trường phê "bình" bao giờ, thì dù các dấu nội trường đều phê "ưu" cả, cũng không được dự đến kỳ thứ tư.

Vân Hạc xen vào:

– Mới năm trước đây, bên Bắc có một ông tú, chỉ vì thiếu cái "bình ngoại" mà đến phải chết, thế có khổ cho người ta không?

Ngừng lại một lát, để nhìn ông chủ nhà trọ, rồi chàng tiếp:

– Ông đó là bậc danh sĩ, vừa thông minh, vừa tài hoa, ngoài hai mươi tuổi, đã đỗ tú tài. Bởi tại ông ta học ở Hà Nội, cho nên học trò Hà Nội nhiều người biết mặt và ai cũng phục là tài thám bảng. Khoa ấy, ông ta vào thi, suốt cả ba kỳ đều có làm giúp cho một người bạn cùng tỉnh, vì người bạn đó sức học hãy còn kém lắm. Nhưng đến kỳ phúc hạch người bạn được vào, ông ta bị hỏng. Rồi khi ra bảng, người bạn lại đỗ cử nhân đội bảng, ông ta cũng đỗ tú tài lần nữa, và đỗ thứ bảy, nghĩa là đè được nhiều người đã vào phúc hạch mà phải đánh

xuống. Việc trường xong rồi, có người lại phòng lấy được tất cả các quyển trong ba kỳ của ông ta đem về cho ông ấy coi. Thì ra kỳ nào quyển của ông ta cũng đủ ba dấu nội trường phê "bình", song đến ngoại trường, thì đều phê "thứ" tất cả. Bởi thế, ông ta mới không được vào phúc hạch. Nhưng mà đến lúc xếp đặt thứ tự của các người đỗ, người ta lại lấy những quyển được có nhiều dấu "ưu", "bình", là hơn. Người khác phần nhiều chỉ được một hai dấu "bình", ông ta cộng cả ba kỳ được chín dấu "bình" cả thảy. Vì vậy, ông ta tuy là đỗ lại tú tài, nhưng vẫn được đỗ rất cao. Sau khi được thấy các quyển của mình, ông ta uất quá, sinh ra cảm khái, chơi bời suốt đêm, suốt ngày, hết chè rượu lại đến tổ tôm. Khoa đó thi vào tháng bảy, xong thi ước chừng vào giữa tháng tám, ông ta lu bù cho đến gần tết, người cứ mỗi ngày mỗi rạc dần dần. Sang đến tháng giêng thì thổ ra huyết rồi chết. Anh em nghe tin, ai cũng thương tiếc.

Đoàn Bằng cũng ngó ông chủ nhà trọ rồi kết:

– Đó, ông coi đó, được vào phúc hạch đã chắc gì đâu?

Câu chuyện vừa dứt, ánh nắng vừa ra nửa thềm.

Lớp gạch mặt thềm, hiện ra một dải thẳng như chỉ đặt và vàng như tấm lụa mộc.

Trời đã gần trưa, cả bọn Vân Hạc sắm sửa khăn áo để lên cửa trường xem bảng. Ông chủ nhà trọ tung tăng đi mua đồ rượu bữa chiều.

XIV

Mặt trời vừa ở ngọn cây nhòm xuống, như muốn cười với nhân gian. Trên đường thỉnh thoảng đã có từng lũ học trò, lẻ tẻ kéo về. Lúc ấy, bọn Vân Hạc mới tới trước cửa trường thi.

Vì không ai ngờ Đốc Cung có thể bị "ra bảng con" cho nên cả bọn xăm xăm tới dưới bảng lớn.

Kỳ này chỉ có một bảng "yết tên" treo ở cạnh cửa vi giáp. Tuy đã là kỳ cuối cùng, nhưng số học trò "được vào" cũng còn đến hơn trăm người. Thoạt coi đầu bảng, thấy tên Đoàn Bằng, ai nấy đều vỗ tay reo. Cách vài dòng nữa, đến tên Vân Hạc. rồi gần cuối bảng, thì tên Tiêm Hồng. Riêng tên Đốc Cung, tìm đi tìm lại mấy lần không thấy. Bấy giờ Đốc Cung mới càng chột dạ. Cả bọn đều tỏ ra vẻ ái ngại. Đốc Cung nói bằng giọng liều:

– Có lẽ họ cho mình ra bảng con thật chắc!

Đoàn Bằng nhất định không tin:

– Chẳng có lý nào như thế?

Vân Hạc cố trêu Đốc Cung:

– Lý nào cái đó? Hễ viết vô ý một tí, thì được nêu tên bảng con, chứ có khó gì?

Rồi đó, chẳng ai bảo ai, cả bọn đều đi đến cạnh bảng con.

Cái bảng mới xấu làm sao! Nó là một mảnh cót cũ, quét vôi nhơm nhếch như một tấm mái nhà mồ, bề ngang chừng hơn ba gang, bề dọc độ gần ba thước. Người ta treo nó trong cái nhà bảng lụp xụp, mặt bảng chỉ độ ngang với mặt người.

Nhác trông trên bảng, Vân Hạc liền kêu giật giọng:

– Thôi chết! Có tên anh Cung thật rồi.

Mọi người ngơ ngác nhìn theo. Trong bảng có chừng mười mấy tên người. Người thì phạm húy, người thì "khiếm đài", người thì viết không đủ quyển... mỗi người mỗi tội khác nhau. Tên của Đốc Cung liệt ở giữa bảng, dưới có bốn chữ "cổ văn khiếm ty" viết nhỏ theo lối chú cước, đối với bốn chữ "Hà Nội Trúc Lâm".

Tất cả bốn người sắc mặt đều thấy tái mét. Vân Hạc sẽ hỏi Đốc Cung:

– Chắc là trong quyển của anh có chỗ dùng phải những chữ trùng với tên lăng, tên điện của nhà vua mà anh không biết.

Đoàn Bằng trả lời:

– Không có! Sáng nay tôi đã xem đi xem lại bản giáp của bác ấy rồi. Chẳng có chỗ nào khiếm ty.

Vân Hạc vẫn ngó Đốc Cung:

– Nhưng mà bản giáp của anh có đúng như trong quyển thi hay không?

Đốc Cung đáp bằng giọng cả quyết:

– Đúng lắm. Đúng từ những chỗ "đồ di câu cải" trở đi. Có điều trong quyển viết chữ chân phương, bản giáp thì hơi đá thảo một chút.

Tiêm Hồng nói xen:

– Nếu vậy, thì bác phải làm ngay giấy khiếu oan, đưa vào trong trường, để xin quan trường xét lại.

Đốc Cung ra vẻ tự phụ:

– Khiếu làm cái gì? Hỏng khoa này lại thi khoa sau, chẳng tội gì mà cày cục!

Đoàn Bằng gạt đi:

– Bác nói tuy vẫn có lý, nhưng học trò đi thi mà phải nêu ra bảng con, cũng là một sự mang tiếng, có khi còn để lụy cho các quan huấn giáo hạt mình nữa chứ! Bởi vậy, tôi tưởng bác nên khiếu oan, để rửa cái tai tiếng kia.

Vân Hạc phụ họa:

– Khiếu oan là phải. Nhưng cũng hãy nên coi lại bản giáp lần nữa cho thật cẩn thận xem rằng có đích là mình bị oan hay không.

Tiêm Hồng khen phải. Lập tức cả bọn kéo về nhà trọ.

Bấy giờ ở các đường phố, học trò đã đương nhao nháo kháo nhau về chuyện Đốc Cung phải ra bảng con. Mỗi khi gặp người quen biết hỏi thăm, Đốc Cung tưởng mỗi nhời nói của họ là một mũi giáo đâm vào ruột mình. Nhưng chàng cũng chỉ đáp lại bằng một nụ cười, vì không biết rằng trả lời thế nào cho phải.

Tới nhà, Đoàn Bằng giục luôn Đốc Cung lấy ngay bản giáp của chàng đưa cho mình coi. Cả bọn xúm lại trên mảnh giấy, giở suốt từ đầu đến cuối, chẳng thấy "khiếm tỵ" chỗ nào. Sau cùng đến lượt Vân Hạc. Coi một lần trước cũng không thấy gì, nhưng còn hồ nghi, chàng lại coi thêm lần nữa. Khi giở đến tờ thứ tư, Vân Hạc chỉ tay vào một dòng chữ và nói bằng giọng kinh ngạc:

– Còn oan gì nữa, chẳng "khiếm tỵ" thì cái gì đây!

Mọi người đều nhìn theo chỗ Vân Hạc đã chỉ, thì thấy có mấy chữ rằng:

"Tam bách niên xã tắc chi trường, ninh phi lại ư thử tai".

Lúc ấy ai nấy thất sắc, Đốc Cung vỗ tay xuống phản và nói hai tiếng vắn cộc:

– Con chó!

Rồi chàng lại thuần vẻ mặt và cười:

– Bốn người tìm mãi từ sáng đến giờ mới thấy, thế mà trong lúc chấm văn nhanh như ăn cướp, quan trường cũng bới ra được, thật là thánh quá. Hỏng thì hỏng, tôi cũng bái phục cái tài xoi mói của các ngài ấy.

Tiêm Hồng ngắt lời:

– Không phải là các quan trường có ý bới móc. Bởi tại mệnh lệnh nhà vua giao cho như vậy, nếu không làm hết chức vụ, tất nhiên tội sẽ đến thân. Ngày xưa, biết bao nhiêu ông khảo quan, chỉ vì chấm văn sơ xuất mà bị phạt bổng, giáng cấp, có ông còn bị cách chức nữa kia!

Đoàn Bằng an ủi Đốc Cung:

– Thôi, bác cũng đừng phàn nàn. Chúng ta còn đương niên thiếu lực cường, tiền trình còn dài, chẳng đỗ khoa này thì đỗ khoa khác. Miễn là bác đừng ngã lòng.

Đốc Cung vẫn ngông:

– Tôi chẳng ngã lòng chút nào. Lương Hiệu nhà Tống tám mươi hai tuổi còn thi và còn đỗ được trạng nguyên, nay tôi mới hai mốt tuổi, chưa đỗ cũng chưa là muộn. Chỉ hiềm bản triều không lấy trạng nguyên mà thôi.

Vân Hạc cố ý trêu ghẹo:

– Tôi cũng chắc anh phải đỗ, nếu mà trời cho học lực của anh được bằng người ta.

Đốc Cung cũng trả miếng bằng giọng bông đùa:

– Vậy còn anh nữa? Không biết năm nay học lực của anh đã bằng người ta hay chưa?

Vân Hạc chưa kịp trả lời, ông chủ nhà trọ vừa ở nhà dưới đi lên và nói lễ phép:

– Vì bận sai bảo chúng nó làm mấy món ăn, cho nên từ nãy đến giờ tôi chưa kịp hỏi chuyện các ngài. Thế nào? Bốn ngài được "vào" cả chứ?

Đốc Cung chỉ vào anh em Vân Hạc và đáp:

– Cả ba ông này đều "vào", chỉ có một mình tôi hỏng. Đúng như lời ông nói lúc sáng ngày, tôi bị nêu ra bảng con thật!

Ông chủ nhà trọ đương định tìm câu an ủi Đốc Cung, nhưng chưa tìm được, ngoài cổng bỗng có tiếng người là lạ:

– Bùi tiên sinh vẫn còn ở đây đấy chứ?

Đốc Cung lầm bầm với Vân Hạc:

– Thằng nào mà hỏi đểu vậy. Chắc nó tưởng mình bị hỏng, đã xách khăn gói cút rồi.

Rồi chàng nói chõ ra cổng:

– Tiên sinh còn đây. Ai muốn hỏi gì thì vào trong này.

Ông chủ nhà trọ lật đật chạy ra đón khách.

Có phải ai đâu? Cậu Trần Đức Chinh hôm nọ.

Giữa lúc Đoàn Bằng, Tiêm Hồng cùng ngẩng lên nhìn, Đức Chinh đã ở ngoài sân tiến vào với một dáng điệu bạo dạn, khác hẳn cái bộ rụt rè khúm núm trong lúc hắn đi thuê người làm văn.

Cả bọn cùng đứng dậy chào.

Sau khi Đốc Cung đã lần lượt nói tên người nọ với người kia, Đoàn Bằng mời Đức Chinh cùng ngồi vào chỗ mọi người đương ngồi. Vân Hạc sẽ hỏi Đức Chinh:

– Cậu có được "vào" hay không?

Đức Chinh đáp bằng vẻ mặt sung sướng:

– Không, tôi bị hỏng.

Rồi hắn nhìn sang Đốc Cung:

– Chết chửa? Sao ở bảng con, tôi lại thấy có tên ông?

Đốc Cung cười nhạt:

– Viết văn không cẩn thận, thì phải nêu ra bảng con, chứ có lạ gì sự đó?

Đức Chinh nói tiếp:

– Vậy ông phạm phải lỗi gì? Không phải là phạm húy chứ?

– Không! Có phạm húy đâu? Tôi phạm vào tội "khiếm ty". Vì ở đoạn văn nói về đời Đường của tôi, lỡ viết phải câu *"tam bách niên xã tắc chi trường, ninh phi lại ư thử tai"*.

Ông chủ nhà trọ đứng ở bên cạnh, có ý lấy làm kinh ngạc, liền hỏi:

– Thưa ông câu ấy là nghĩa thế nào?

Đốc Cung đáp:

– Nghĩa là "xã tắc nhà Đường lâu dài đến ba trăm năm, há chẳng phải nhờ ở điều đó hay sao?"

Ông chủ nhà trọ càng lấy làm lạ:

– Như thế thì có can gì mà đến phải nêu bảng con?

Đức Chinh hùa theo:

– Chắc là ông bị cái lỗi gì khác, chứ như câu ấy thì có việc gì?

Đốc Cung chỉ cười không trả lời. Đoàn Bằng rẽ ràng cắt nghĩa:

– Phải đấy, ông Cung phải nêu bảng con là tại câu đó. Bởi vì theo phép bản triều, học trò đi thi chẳng những phải kiêng khinh húy, trọng húy của nhà vua, mà đến những chữ tên các cung điện, lăng tẩm trong kinh bây giờ, cũng đều không được dùng đến. Ví như lăng ông Gia Long tên là Thiên thụ, thì khi làm văn không được viết chữ Thiên thụ. Hay như ở trong hoàng cung có điện Cần chánh, thì chữ Cần chánh cũng không được dùng làm văn... Nhưng chỉ kiêng ở văn cổ mà thôi.

Đức Chinh cố làm ra bộ thạo việc trường ốc:

– Tôi cũng biết thế, nhưng trong hai câu của Bùi tiên sinh có chữ nào phạm lệ đó đâu?

Đoàn Bằng nói tiếp:

– Có chứ! Chữ "trường" và chữ "ninh".

Ông chủ nhà trọ vội hỏi:

– Thưa ngài, thế hai chữ ấy cũng phạm húy ư?

Đoàn Bằng lắc đầu:

– Không, *trường ninh* là tên cái cung nào đó. Hình như là cung của Hoàng thái hậu vẫn ở thì phải.

Đức Chinh ra vẻ ngơ ngác:

– Quái lạ, trong hai câu của Bùi tiên sinh, làm gì có chữ *trường ninh.*

Vân Hạc phì cười và nói:

– Vậy thì cậu thử đọc lại xem nào!

Đức Chinh lẩm nhẩm lần nữa:

– *Tam bách niên xã tắc chi trường, ninh phi lại ư thử tai?*

Rồi hắn vỗ đùi đánh đét:

– À! Phải rồi! Có thật! Chữ *trường* ở cuối câu trên, chữ ninh ở đầu câu dưới.

Và hắn lại hỏi:

– Tôi tưởng về những chữ tên lăng tẩm cung điện nhà vua, chỉ có khi nào hai chữ cùng ở một câu mới là phạm cấm. Mỗi chữ mỗi nơi như thế cũng phải kiêng ư?

Tiêm Hồng nói góp:

– Bởi vì hai chữ tuy ở hai câu, nhưng nó đứng liền với nhau thì cũng như ở một câu, cho nên cũng là có tội.

Ông chủ nhà trọ nhành mồm lè lưỡi và tỏ ra vẻ kinh sợ.

– Trời ơi, rắc rối quá chừng. Cứ như chúng tôi, thì tránh cho hết hàng trăm chữ húy cũng đã khó thay, huống chi lại còn những cái oái oăm ấy nữa. Vậy mà các ngài đều tránh được cả, tôi xin phục là ông thánh.

Đoàn Bằng lại tiếp:

– Có phải chỉ thế thôi đâu! Lại còn cái nạn "khiếm trang" mới đáng sợ chứ!

Đức Chinh cũng như ông chủ nhà trọ, chỉ ngồi ngẩn mặt, hình như có ý chờ nghe. Đoàn Bằng nhìn vào ông chủ nhà trọ và hỏi:

– Chắc ông chưa rõ *khiếm trang* là gì?

Rồi thày liền giảng:

– *Khiếm trang* nghĩa là thiếu sự kính trọng. Theo đúng lệ đó, thì hết thảy những chữ có nghĩa không hay, như *bạo* là *tợn*, *hôn* là *tối*, *cách* là *đấm*, *sát* là *giết* v.v... không được đặt trên các chữ có nghĩa là vua, như là chữ *hoàng*, chữ *đế*, chữ *quân*, chữ *vương*, chữ *chủ*... Bởi vì nếu để chữ *cách* liền với chữ *quân* thì nó sẽ có nghĩa là *đấm vua*, mà để chữ *bạo* liền với chữ *chủ* thì nó phải có nghĩa là *ông vua tàn bạo*. Dù mà mình không chỉ vào vua nào, hay là mình đã chỉ đích vào những hạng vua vô đạo của Tầu ngày xưa, như bọn vua Kiệt, vua Trụ chẳng hạn, cũng là *khiếm trang* tất cả.

Đến lượt ông chủ nhà trọ:

– Khiếm trang sẽ bị tội gì?

Vân Hạc nhìn vào Đốc Cung rồi cười và nói:

– Nhẹ hơn "khiếm ty" một chút, nghĩa là chỉ bị đánh hỏng, không có hân hạnh được ra bảng con như Bùi tiên sinh nhà tôi.

Tiêm Hồng không bằng lòng sự bông đùa của Vân Hạc, vội vàng nói cho lấp đi:

– Năm xưa, một ông tú tài ở tỉnh Đông, bạn thân của anh cả tôi, cũng suýt bị tội về cái nạn đó.

Ngừng lại một lát để nhìn Đức Chinh và ông chủ nhà trọ, Tiêm Hồng lại tiếp:

– Khoa ấy – tôi không rõ là khoa nào – ông ấy đã vào đến kỳ thứ ba. Trong bài văn sách của ông ta có câu như vầy: "*Xuân sinh thu sái, đế đạo dữ thiên đạo nhi tịnh hành*". Thế mà cũng bị quan

trường cho là khiếm trang. Rồi quan ngoại trường ngự sử lại hạch thêm rằng: Tú tài đi thi mà còn phạm vào kỵ húy, thì nên phạt cho thật nặng. May nhờ được quan chủ khảo có lượng khoan đại, ngài phải hết sức bênh vực, ông ta mới được khỏi tội. Nhưng mà cũng phải đánh hỏng.

Ông chủ nhà trọ ra bộ ngơ ngẩn:

– Vậy thì, thưa ngài, nghĩa đen câu ấy ra sao?

Tiêm Hồng đáp:

– Có gì đâu? Nghĩa nó chỉ là "Mùa xuân sinh ra, mùa thu thu lại, việc của đời "đế" cũng đi đôi với việc của ông trời". Có thế thôi.

Đức Chinh vẫn chưa hiểu và hỏi:

– Song mà trong bấy nhiêu chữ, người ta ghép những chữ nào có tội khiếm trang?

Chữ "sái" và chữ "đế". Chữ *sái* chính nghĩa là *thu*, đáng lẽ cũng không xấu xa, gở độc gì cả. Chỉ vì bản thể của nó nguyên ở chữ "sát" là "giết" mà chuyển âm ra. *Sái* với *sát* đọc tuy khác nhau, nhưng mặt chữ cũng vẫn là một, cho nên đặt chữ sái liền với chữ đế tuy rằng mỗi chữ ở mỗi câu, người ta cũng có thể nhập lại làm một và đọc nó ra "sát đế". "Sát đế" nghĩa là giết vua, như thế tức là khiếm trang, chứ gì.

Ông chủ nhà trọ đứng dậy, chắp tay vái lia, vái lịa:

– Thôi! Tôi xin lạy cả nón. Phúc tổ nhà tôi, làm sao lúc học dốt quá, đành phải bỏ học đi cày. Nếu như tôi sáng dạ một chút, mà cố theo đuổi để được cấp quyển vào trường với các ngài, thì chắc suốt đời bị tội!

Và ông ấy thêm:

– Nghe chuyện các ngài, làm cho tôi càng thêm sợ. Vậy xin phép các ngài, tôi đi giục nó làm cơm kẻo muộn.

Rồi thì ông ta quay mặt đi ra. Đốc Cung hình như đã thấy nóng ruột về cuộc chuyện phiếm, chàng ngoảnh sang phía Đức Chinh và hỏi:

– Cậu đến chơi hay có việc gì cần hỏi chúng tôi?

Đức Chinh mỉm cười như đương có chuyện đắc ý:

– Tôi muốn mời ngài đêm nay đi chơi giải buồn. Bởi vì chúng mình cùng là phường "hỏng" với nhau.

Đốc Cung cũng cười:

– Đa tạ cậu có hảo tâm. Nhưng tôi bây giờ ruột gan đương bồn chồn, còn thiết gì đến chơi bời? Vậy xin lỗi cậu để cho khi khác. Chúng ta còn nhiều lúc gặp nhau. Vội gì?

Đức Chinh vẫn kèo nèo:

– Cố nhiên thi hỏng ai cũng phải tức, huống chi chúng mình đã lẽo đẽo vào đến tam trường. Tôi cũng cay đắng trong ruột, có lẽ còn hơn ngài nữa. Vì vậy, tôi muốn mời ngài đi chơi cho khuây.

Đốc Cung nhất định từ chối:

– Thôi cậu miễn cho! Từ sáng đến giờ tôi thấy trong mình hơi mệt. Nếu lại thức đêm, tất nhiên sẽ thành ốm nặng...

Đức Chinh nói thêm vài câu tào lao, rồi hắn đứng dậy từ biệt.

Thằng nhỏ vừa bưng rượu đặt vào giữa phản, sau khi nó đã trịnh trọng xin phép mấy ông khách trọ.

Cũng như sáng ngày, ông chủ nhà trọ, lại đến gãi tai mời chào, rồi tự lảng đi nơi khác.

Cả bọn bấy giờ mới thay khăn áo, rồi cùng ngồi vào mâm.

Trong lúc chén thù chén tạc. Đốc Cung tuy cũng có vẻ cảm khái, nhưng vì Vân Hạc thỉnh thoảng lại chêm một câu bông đùa rất có ý vị, cho nên quang cảnh vẫn vui vẻ như tết.

Mặt trời đã xế, bóng nắng leo lên nửa tường của tòa nhà trước sân, bấy giờ cuộc rượu mới tan.

Mấy tuần trầu nước đã tàn, Đốc Cung cất tập giấy giáp bài vào tráp, rồi chàng ra mắc nhắc lấy khăn áo bỏ xuống chiếu.

Đoàn Bằng vội hỏi:

– Bác ở đây chứ? Đi đâu bây giờ?

Đốc Cung đáp:

– Vâng tôi ở đây. Có lẽ tôi sẽ ở mãi đến ngày xướng danh. Bởi vì tôi tuy bị hỏng, nhưng mà các bác "vào" cả, thì cũng còn vui, tôi phải ở lại để mừng các bác. Có điều ngày mai các bác được đi vào trường, tôi ở nhà một mình, chắc là không thể chịu nổi. Vì vậy...

Đến đây, chàng bỗng ngừng lại để đưa ra một nụ cười:

– Vì vậy, tôi muốn xin phép các bác, đêm nay xuống thăm Hàng Lờ cho đỡ buồn...

Rồi chàng vội cúi mặt xuống, như muốn giấu kín những giọt nước mắt đương thập thò ở đầu con mắt.

Vân Hạc lại trêu:

– Mày khóc đó Cung?

Đoàn Bằng vội ngăn:

– Sao chú lại cứ bông đùa mãi thế!

Và với vẻ mặt rất cảm động, thày quay lại nhìn Đốc Cung.

– Hôm nay thì tôi không dám can bác. Nhưng đến chiều mai, bác lại về đây, để cho chúng tôi đi với!

Vân Hạc lại hỏi Đốc Cung:

– Thế sao lúc Trần Đức Chinh đến mời, anh không đi luôn với hắn?

Đốc Cung lại cười:

– Đi chơi với thằng tục tử ấy có gì là thú? Vả lại, nghe lời hắn nói, tôi đã sinh ghét. Hỏng thi cũng có năm, bảy thứ người, hắn bì với tôi được à? Thế mà bấy giờ hắn dám nói rằng: "Chúng mình cũng là "phường hỏng" với nhau". Như vậy, anh bảo có tức hay không?

Vân Hạc cũng cười:

– Kể ra cũng đáng tức thật! Nhưng mà anh hơn gì hắn? Anh tam trường, hắn cũng tam trường. Và chưa biết chừng, có khi mai kia hắn sẽ đỗ được tú tài cũng nên.

Tiêm Hồng lắc đầu:

– Khó lòng lắm. Tuy rằng người hỏng tam trường cũng có thể đỗ được tú tài. Nhưng khoa này cả trường Hà Nội chỉ lấy hai bốn cử nhân, theo lệ "nhất cử tam tú", thì được bảy hai ông tú tài nữa. Thế là kể cả tú tài, cử nhân, cả trường mới có chín mươi sáu người. Nếu nhà vua có gia ân mà lấy thêm nữa, chẳng qua cũng đến trăm người là cùng. Vậy mà sáng ngày coi ở trên bảng, số vào phúc hạch đã được hơn một trăm rồi. Thế thì khi nào tú tài còn đến phần hắn?

Đốc Cung họa theo:

– Phải! Nếu hắn mà đỗ, thì cũng đáng buồn cho cuộc thi cử.

Vừa nói, Đốc Cung vừa thủng thẳng rửa mặt chải đầu, coi bộ như một người đương có việc gấp. Sau khi đội khăn mặc áo chỉnh tề, chàng lại mỉm cười với bọn Đoàn Bằng, Tiêm Hồng:

– Xin chúc các ngài ngày mai viết cho linh lợi! Tôi đi, chiều mai hoặc sáng ngày kia thì lại về đây.

Anh em Vân Hạc ai cũng có vẻ ái ngại, nhưng không ai dám nói thêm câu gì, vì sợ khêu mối đau lòng cho bạn.

Trời đã chiều cả. Ngoài phố lác đác có tiếng hàng quà đi rao.

Ông chủ nhà trọ tất tả vào giục các ông khách trọ giao hết lều chõng cho mình sắp sửa. Là vì kỳ này học trò đã vắng. Những ai được vào, đều phải đem lều chõng nộp sẵn từ chiều hôm trước, để lính thể sát đóng cho, ngày mai chỉ việc vào đó mà ngồi, không phải lôi thôi gì nữa. Ông chủ nhà trọ đã quen lệ đó nên mới dóng dả như vậy.

Tức thì Vân Hạc kiểm điểm các thứ đồ đạc của hai anh và mượn lều chõng của Đốc Cung, vì lều chõng của chàng kỳ trước bỏ không đem về, đưa nhờ ông chủ nhà trọ bó buộc đâu đấy. Rồi chàng lấy ba mảnh giấy viết tên ba người dán vào mỗi bộ áo lều một mảnh, và giao cả cho thằng nhỏ đưa lên cửa trường. Ở đấy đã có một người lại phòng thu nhận.

Trong thành bắt đầu nổi trống thu không. Tiếng chuông ở các chùa xa văng vẳng đưa lại.

Trời nhá nhem tối. Đoàn Bằng, Tiêm Hồng cùng giục Vân Hạc soát lại ống quyển, hộp mực, giấy bút và các đồ vặt để ngày mai vào trường.

XV

Nửa đêm hôm qua hãy còn gió bấc mưa phùn, hơi lạnh thấu xương, nằm trong chăn tưởng như nằm trên vũng nước. Nhưng từ gà gáy thứ nhất trở đi, thình lình quay ra gió nồm. Khí lạnh bị tống bớt về các rừng núi nẻo Tây Bắc, Hà Nội dần dần hồi lại trong cảnh ấm áp.

Sau khi vừng đông đỏ như vừng lửa đã thiêu tan hết bức màn nặng nề u ám của sương mù, bầu trời mỗi lúc một thêm sáng sủa. Tuy là tiết đầu tháng một, vẻ kiều my không khác quang cảnh một buổi mai của tháng đầu xuân.

Anh em Vân Hạc xong tiệc điểm tâm, ánh nắng đã lóng lánh nhuộm các ngọn cây vàng úa. Bấy giờ ai nấy mới sắm sửa quần áo và các đồ đạc để vào trường. Lần này cái vai đã được nhẹ nợ, vì nó không phải đeo chõng và lều. Nhưng trách nhiệm cái cổ vẫn chưa bớt

đi chút nào, ống quyển, bầu nước và tráp hoặc yên vẫn còn thi nhau bíu chặt lấy cổ mà lủng lẳng đánh đu xuống ngực và bụng.

Kỳ này chỉ thi trong một vi giáp. Tuy số học trò được vào có hơn một trăm, nhưng ngoài cửa vi cũng thấy bóng người đông nghịt. Bởi vì, ngoài các thí sinh, còn có phụ huynh tôn tộc của các ông "ngấp nghé tân khoa" cũng kéo tới đó để dự hưởng cái vinh dự trong cuộc đắc thắng của người nhà mình.

Tan một hồi trống khẩu dõng dạc điểm trong nhà Thập đạo, cửa trường mở rộng, tàn lọng cờ quạt linh đình rước lá cờ khâm sai và ông chủ khảo từ trong trường ra chiếc ghế tréo ngoài cửa. Cái loa và các lính tráng lại chiếu lệ làm việc phận sự.

Bây giờ học trò không phải chen chọi vất vả như các kỳ trước. Người nào đã được cái loa nhắc đến tên mình, người ấy có thể ung dung tiến đến cửa trường, không bị ngăn cản chi hết. Nhưng mà bọn lính thể sát lại phải làm thêm một việc. Sau khi khám xong đồ đạc của người nào, họ còn phải dẫn người ấy đi đến dãy lều mà họ đã cắm từ tối hôm trước, rồi bảo người ta vào lều mà ngồi.

Cuộc gọi tên lần này rất ngắn, mới độ nửa giờ đã xong. Công việc sắp đặt trong vi cũng có trật tự hơn trước. Cả vi chia làm chừng hơn mười dãy, các dãy song song từ nhà Thập đạo ra đến bức phên ngoài cùng. Dãy nọ cách dãy kia độ năm sáu thước. Ở giữa hai dãy giáp nhau, đều có cái khe rất rộng để làm đường đi. Mỗi dãy chỉ có đúng mươi cái lều, cái nọ cách cái kia cũng độ năm thước trở lại. Vì muốn giữ cho người ở lều này khỏi nhòm thấy người ở lều kia, các lều đều cắm theo hình chữ "công", một cái nằm ngang, lại đến một cái nằm dọc.

Lều của Vân Hạc ở số 31, nằm ngay đầu dòng thứ tư, giáp với bức rào của nhà Thập đạo. Trong lúc người lính thể sát dẫn chàng tới đó và chỉ cho biết một mảnh giấy trắng có đề ba chữ tên chàng dán ở cửa lều. Vân Hạc có ý nhìn ở các dãy, xem rằng lều của Đoàn Bằng đóng ở chỗ nào – vì Đoàn Bằng đã vào trước chàng một lát. Nhưng mà không thấy bóng anh ở đâu, chàng bèn chui vào trong lều, lục các đồ đạc lặt vặt bỏ ra mặt chõng, rồi giở bộ đồ đánh lửa, hì hục đập đá vào sắt lấy lửa hút thuốc. Thình lình nhớ đến Đốc Cung, bụng chàng càng thấy bồi hồi khó tả. Vì theo ý chàng, Đốc Cung cũng là bậc văn chương xuất sắc có thể đỗ to. Chẳng ngờ vì hai chữ vô ý mà đến phải ra bảng "con", thật là đáng tiếc.

"Thì ra văn hay chữ tốt, cũng chưa chắc đỗ. Có lẽ cái việc đỗ hỏng, còn quan hệ ở sự may rủi nữa chăng". Chàng đương vơ vẩn nghĩ quanh, trên chòi của quan ngự sử ngoại trường, bỗng nổi một hồi trống cái rất hùng dũng. Biết là sắp có đầu bài, chàng quen như lệ mọi kỳ, đã toan sắp sửa giấy mực đi đến nhà bảng, thì ở trên chòi lại có tiếng loa ậm ọe:

"Bớ toàn sỹ tử! Ai nấy ở yên trong lều, chờ lĩnh đầu bài!"

Tiếng "bài" vừa dứt, quan đề điệu vừa ở trên nhà Thập đạo đi xuống với chừng hơn mười người lính, mỗi người trong tay có một tập giấy. Bọn lính chia ngả đi thẳng đến các dãy lều, quăng cho mỗi lều một mảnh giấy chữ.

Đó là giấy sao đầu bài. Bởi vì kỳ này học trò đã thưa, đầu bài ra rồi, lại phòng liền phải xúm lại sao thành nhiều bản, rồi quan chủ khảo giao quan đề điệu đem đi phát cho mỗi người một bản, chứ không dán ở nhà bảng như các kỳ trước.

Lều của Vân Hạc ở ngay đầu dãy, nên chàng nhận được giấy sao trước các lều khác.

Ở trong mảnh giấy, tất cả chỉ có ba bài, một bài kinh nghĩa, một bài phú và một bài văn sách. Trong ba bài đó, trừ bài kinh nghĩa phải viết đủ thể, còn hai bài sau, đều nhẹ hơn các kỳ trước. Bài phú chỉ có ba "vận", còn bài văn sách cũng độ năm sáu câu hỏi mà thôi.

Đây là thể lệ của phép thi mới. Theo như mấy khoa gần đây, thì kỳ phúc hạch của trường thi hương, cũng có ý nghĩa sát hạch lại các kỳ trước. Vì vậy nó phải đủ các món văn của mấy kỳ kia để cho khảo quan có thể tựa vào các loại văn đó mà xét khiếu văn và sức học của từng người. Với các người khác, thì những đầu đề kỳ này, nói riêng từng bài, tuy có nhẹ thật, song hợp cả lại, thì lại rất nặng, vì nó gồm đủ văn thể của ba kỳ. Nhưng với Vân Hạc thì chẳng có gì là nặng. Là bởi trong khi tập văn ở nhà, chàng vẫn nổi tiếng là người "học đều" bất kỳ thơ phú, kinh nghĩa, văn sách, hay món gì khác, món nào chàng cũng hơn người, anh em đồng học ít khi theo kịp.

Bởi vậy, trong khi ngó vào mấy cái đầu bài, thái độ của chàng tỏ ra cực kỳ ung dung.

Khi đã viết xong mấy dòng ở trang đầu quyển để đi lấy dấu nhật trung, chàng bắt đầu nghĩ nốt các vế của bài kinh nghĩa, rồi đến bài

phú, rồi đến bài văn sách. Vì sợ có chỗ lầm lỡ như của Đốc Cung, mà trong lúc vô tình, tự mình không biết, cho nên mỗi khi nghĩ xong bài nào, chàng lại cẩn thận giáp hết bài ấy ra một mảnh giấy, và còn soát đi, soát lại từng câu từng chữ, có khi đến từng nét nữa. Khi nào không thấy có chỗ đáng ngờ và không còn chữ nào đáng chữa, bấy giờ chàng mới viết vào trong quyển.

Viết xong hai bài kinh nghĩa và phú, mới chừng quá trưa, chàng tiếc thì giờ còn nhiều, muốn hãy để bài văn sách lại đó, nung đúc cho thật kỹ càng. Nhưng khi coi lại mấy lần, chàng thấy lời văn đã rất đanh thép, không còn cách nào làm hơn, lúc ấy mới chịu cặm cụi viết nốt.

Kiểm lại trong quyển, không có chỗ nào xóa, sót, móc, chữa, theo đúng trường quy, thế là không phải viết "cộng quyển nội" ở cuối quyển nữa, bởi vì không có xóa, sót, móc, chữa thì "cộng" cái gì?

Lúc ấy không còn việc gì phải làm, chàng lại giở đá đánh lửa, rung đùi ngồi hút thuốc vặt.

Một lát sau, trên chòi có trống thu quyển, chàng mới bỏ quyển vào ống, thu xếp đồ đạc vào tráp. Đáng lẽ chàng lại bỏ cả lều chõng lần nữa, nhưng vì bộ lều chõng này là của Đốc Cung, không phải của mình, nên chàng lại cố hì hụi dỡ lên, bó lại, và đeo lên vai, rồi sang bên nhà Thập đạo nộp quyển. Bấy giờ mặt trời còn cao, hết thảy học trò còn đương làm văn chưa xong.

Ra khỏi cửa trường, vừa gặp thằng nhỏ nhà trọ đến đón, chàng trút hết thảy đồ vật trên vai trên cổ cho nó về trước, rồi mình đủng đỉnh đi sau. Thình lình ở phía trước mặt nghe có tiếng người ầm ầm.

Một bọn chừng hơn mười người hung hăng tiến lên đằng trước, hàng xứ xúm lại đi theo rất đông.

Càng đi gần lại, những tiếng ầm ầm càng rõ. Trước luồng gió nhẹ, hơi rượu sặc sụa theo đám người đó tiếp tục bay lên. Nhìn đến mấy ông đi trước, ông nào, ông nấy, sắc mặt đỏ như màu mặt trời, dáng đi lảo đảo như kẻ đương lên đồng trượng. Họ nghiêng bên nọ, họ ngả bên kia, có người vừa đi vừa nôn thốc nôn tháo khắp cả đường cái. Rồi họ nhao nhao chỉ tay lên phía cửa trường:

– Văn ông như thế mà bị đánh hỏng, thật là một lũ không mắt.

– Đã dốt không chấm nổi văn, thì về mà ở với vợ! Sao lại dám đi chấm trường?

Thì ra đó là những ông hỏng kỳ đệ tam. Không biết đổ lỗi cho ai, họ phải đổ cho quan trường.

Cứ một giọng hùng hổ vô lý như vậy, họ vịn vai nhau, nắm tay nhau, chắn ngang cả một đoạn đường, vừa đi vừa thét. Nhưng đi vài bước họ lại lăn xuống dọc đường, thi nhau vừa khóc vừa gào:

– Ối trời đất ơi! Nó đỗ mà tôi bị hỏng, thì tôi còn mặt mũi nào trở về làng nữa!

– Ối cha mẹ ơi! Nào tôi có làm điều gì thất đức, sao tôi cứ phải hỏng mãi thế này!

– Khốn nạn thân tôi, lẽo đẽo thi bảo nhiêu khoa, bây giờ mới vào tam trường một khoa, không ngờ lại hỏng. Thôi công đèn sách cũng là đổ cả xuống sông!

Gào chán, khóc chán, họ lại đành đạch giãy ở mặt đường giống như những người ngộ gió. Trẻ con hàng xứ vỗ tay cười reo. Tiếng cười chua chát làm cho họ đều đứng phắt trở lại, đuổi sấn đám người chung quanh và quát:

– Chúng bay cười gì?

– Có phải cười chúng ông dốt thì bảo!

Tan cuộc ra oai với lũ trẻ, họ liền nhặt lấy mỗi người một hòn gạch vỡ, hung hăng kéo lên nẻo cửa trường.

Vân Hạc biết là họ sắp sinh sự bậy bạ, chàng bèn cố len qua đám hàng xứ để đi ngược xuống. Vừa lủi thủi cất bước, chàng vừa nghĩ thầm: "Không ngờ trong đám văn nho lại có những người liều lĩnh đến thế, không biết họ là học trò tỉnh nào!"

Trên đường đã hết bóng nắng, chàng vừa lững thững đến phố Hàng Đào, trước mặt lại có một đám người nữa cũng đương chiếm cả một khu đường đi. Chắc đây cũng vẫn những vị anh hùng hỏng thi, chàng toan rẽ đi đường khác, trong đám chợt có tiếng người nói lớn:

– Việc này là cái nhục chung của sỹ lâm Hà Nội. Nếu không làm cho ra chuyện, thiên hạ sẽ coi sỹ khí Hà Nội là cái trò gì?

Rồi lại có tiếng tiếp theo:

– Chẳng riêng gì một Hà Nội. Anh em các xứ cũng vậy. Ai đã đọc sách thánh hiền cũng phải biết có nghĩa khí, lẽ nào thấy việc như vậy mà đứng im!

Và lại có người phụ họa:

– Phải đó! Nó chửi một người, tức là nó chửi tất cả sỹ lâm. Nó đánh một người tức là nó đánh tất cả sỹ lâm. Chúng ta đều là người trọng thanh khí, cần phải bênh vực lấy nhau. Tôi xin anh em cứ đến mà đánh cho chết cả nhà nó đi, bao nhiêu tội, tôi xin chịu cả.

Rồi đó người ta kéo ùa lên nẻo Hàng Ngang, tiếng hô sỹ lâm mỗi lúc mỗi thêm dữ dội.

"Cái gì mà to chuyện vậy?" Vân Hạc đã toan đi theo, để xem họ làm trò gì. Sau chàng lại nghĩ: nếu là một việc nghĩa khí, thì mình cũng phải dự cuộc, không thể bó tay làm kẻ bàng quan. Nhưng nếu nó chỉ là chuyện tức giận vô lý của một bọn ngông cuồng, thì mình vào hùa làm chi cho dại. Âu là ta hãy hỏi xem đầu đuôi ra sao cái đã! Rồi chàng quanh sang lối khác trở về nhà trọ. Ông chủ, thằng nhỏ đều đi vắng cả. Trong nhà chỉ có mấy đứa bé con nhỏ lúi húi chơi ở trước sân và bộ lều chõng của chàng bỏ ở trên thềm.

Chàng vào trong nhà cởi khăn, cởi áo rồi tự bưng chậu ra bể múc nước rửa mặt.

Một lát sau, thằng nhỏ lễ mễ quẩy hai bó lều khệnh khạng đi vào trong sân, nét mặt hớn hở nhìn vào Vân Hạc như có chuyện gì muốn nói. Nhưng nó còn chưa kịp nói, ngoài cổng đã có tiếng giày lẹp kẹp, Đoàn Bằng, Tiêm Hồng cùng về với một dáng bộ nghiêm trang, như mới bị có việc gì trái ý.

Vân Hạc vội bỏ chậu nước và đứng lên chào. Cả hai người đều đổi ra bộ vui vẻ:

– Chú đã về rồi đấy à?

– Chú ở trường ra từ bao giờ?

Vân Hạc lễ phép:

– Em cũng vừa về đến nhà!

Ba người liền cùng bước lên nhà trên, Đoàn Bằng, Tiêm Hồng vừa thay khăn áo vừa hỏi:

– Chú có gặp bọn say rượu ở ngoài cổng trường đấy chứ?

– Có ạ, em gặp họ ở giữa đường.

– Ai ngờ sỹ lâm, lại có những hạng người vô hạnh như vậy? Ở nhà không chịu học hành, đến lúc thi hỏng lại định gây sự với quan trường... Danh giáo nào dong những hạng người ấy?

Vân Hạc cũng hỏi:

– Lại còn một bọn ở Hàng Ngang nữa. Hai anh có gặp họ không?

Tiêm Hồng đáp:

– Không! Chúng tôi không thấy họ đâu! Nhưng mà thiếu gì! Trong kỳ đệ tam, số hỏng có đến hơn hai trăm người. Những ông ấy bây giờ còn đương phát điên phát cuồng. Hễ họ tụ bạ ở đâu, thì sẽ nói bậy ở đấy.

Vân Hạc tỏ vẻ nghi ngờ:

– Có lẽ bọn ở Hàng Ngang không phải vì chuyện thi hỏng. Em nghe thấy họ luôn luôn nhắc đến sỹ khí, hình như có người bị ai làm nhục.

Đoàn Bằng có ý ngạc nhiên:

– Lạ nhỉ! Không rõ là việc gì thế?

Ông chủ nhà trọ ở đâu vừa về. Với một dáng điệu tất tả, ông ấy vào thẳng trong nhà vừa thở phì phò vừa nói:

– Các quan về sớm quá nhỉ! Đáng lẽ chiều nay tôi cũng lên đón các ngài, sau vì có người rủ đi xem việc lôi thôi ở phố Hàng Giấy, nên lại không lên, các ngài miễn cho!

Rồi ông ấy thêm:

– Đáo để! Các ông học trò hăng quá. Không khéo nhà bá hộ K. sẽ bị tan tành.

Vân Hạc nghe nói, đồ là việc đó cũng có liên can đến bọn học trò Hàng Đào, chàng liền hỏi tất:

– Câu chuyện đầu đuôi ra sao, ông hãy kể cho chúng tôi nghe.

Ông chủ nhà trọ quay ra phía sân để gọi thằng nhỏ châm lửa thắp đèn và giục người nhà làm cơm mau mau. Rồi ngồi vào chiếc phản cạnh, ông ta ra giọng đắc ý:

– Có gì đâu? Chỉ tại một câu nói chua.

Số là nhà bá hộ K., các ngài chắc cũng đã biết, vốn là một nhà đại phú. Bởi khi buôn bán cũng có đồng chịu đồng trả, hoặc có giật bọc vay mượn của ông ta, cho nên ở phố Hàng Giấy cũng nhiều người nể. Ông ấy có người con gái, hình như tên là cô Kim, năm nay độ hai mươi tuổi, người cũng khá đẹp, còn đương kén chồng, cả ngày vẫn ngồi ngoài cửa bán hàng. Con cái nhà giàu ở đất kẻ chợ, phần nhiều quen thói khỏng khảnh, huống chi cô này đẻ ra đã sẵn có tính chua ngoa, thì còn coi ai ra gì? Thôi thì kẻ ăn người ở trong nhà, cho đến những khách ra vào mua bán, hễ ai mà nói thất ý nửa nhời, ấy là cô

ta ngoăn ngoắt nguyền rủa, có khi chửi trùm chửi lợp người ta nữa chứ! Vì vậy cả phố ai cũng phải sợ. Tình cờ đến trưa hôm nay...

Tới đó ông ta ngừng lại để sai người nhà pha nước. Vân Hạc cũng như nóng nghe, liền gặng:

– Đến trưa hôm nay làm sao?

Ông chủ nhà trọ hút tàn điếu thuốc rồi đáp:

– Đến trưa hôm nay, có ông học trò vào hàng hỏi mua giấy bút– Có nhiều người nói lại là ông đó hãy còn trẻ tuổi, chưa rõ quê quán ở đâu, cũng là số người hỏng kỳ đệ tam và còn ở đây chờ bảng tú tài– Trong khi mặc cả, ông này có nói bông đùa sao đó. Cái đó kể ra cũng là sự thường. Bởi vì "hoa thơm ai chẳng muốn vin", có phải thế không, thưa các ngài?

Anh em Vân Hạc chỉ cười không đáp, ông ta lại tiếp:

– Nhưng mà cô Kim là hạng chỏng lỏn có tiếng, đâu lại nghĩ nhũn như vậy! Khi thấy ông kia có ý trêu cợt, cô này liền nổi tam bành, rủa luôn một thôi một thốc. Ông kia trước còn cố nhịn, sau thấy cô Kim làm già, ông ta phát cáu cũng phải mắng lại một cách rất phũ. Thế rồi hai bên thành ra xô xát. Người nhà cô này nhao nhao chạy ra níu lấy ông đó, xé tan mất cái khăn lượt và cái áo the. Ông này vừa thẹn vừa tức, nhưng vì chỉ có một mình, không thể sao được. Lập tức ông ta chạy luôn về nhà trọ, thuật lại đầu đuôi với bạn cùng trọ và xin anh em rửa mặt cho mình. Trong nhà trọ tất cả mấy bọn, cũng có đến hơn mười người, nghe ông này nói ai nấy đều tỏ ra vẻ bất bình. Cả bọn liền kéo nhau đến trước cửa nhà bá hộ K. bắt đền khăn áo cho bạn. Giả sử ông bá hộ K. xin lỗi một câu, có lẽ người ta cũng thôi. Song nào có thế! Ông ấy lại giở lý sự và nói những câu cực kỳ vô lễ. Thế mới ngu chứ!

Thằng nhỏ vừa bưng siêu nước đến cạnh, ông chủ nhà trọ đứng dậy lấy bộ khay chén đặt sang giữa ghế. Vân Hạc đón lấy ấm chén, vừa chuyên nước vừa để ý nghe. Tiêm Hồng hỏi:

– Ông bá hộ K. nói những thế nào?

– Trước hết ông ta vu vạ cho ông học trò kia đã vào cửa hàng ăn cắp. Rồi thì ông ta lên giọng kẻ cả, bảo học trò thi hỏng toàn là những quân mất dạy. Sau hết, ông ta còn hỏi "chúng bay học trò thằng nào" và nói "ông thách thằng thày chúng mày đến đây cũng không làm gì ông tốt..."

Tiêm Hồng tỏ ý tức giận:

– Như thế thì càn rỡ thật. Đánh cho chết đi cũng đáng!

Vân Hạc bưng chén nước đưa ông chủ trọ và nói:

– Ông hãy xơi nước cái đã!

Ông chủ nhà trọ đón lấy chén nước đặt xuống đầu ghế:

– Các ông học trò lúc ấy tức lắm, đã toan xông vào đánh cho ông bá hộ K. một trận. Nhưng mà ông ta chạy thụt vào trong nhà và gọi một lũ gia nhân vác gậy đổ ra. Những đứa gia nhân sức khỏe như voi, chúng đẩy bọn này ra mãi ngoài đường, có ông ngã sấp ngã ngửa, lóp ngóp mãi mới đứng lên được.

Chén nước đầu phản đã nguội, ông chủ nhà trọ uống qua một hớp dấp giọng, rồi lại kể nốt:

– Thế rồi ông bá hộ K. sai lũ gia nhân đứng canh trước cửa và dặn hễ thấy đứa nào đến gần, cứ việc đánh cho mất mạng.

Những ông học trò lúc này càng hăng, nhưng vì ít người không thể đối địch, các ông ấy bèn cắt một nửa ở đó để canh ông K. còn một nửa nữa, thì chạy tuốt về các phố nói cho bè bạn biết rõ tình đầu. Chỉ nửa giờ sau, học trò các nơi kéo đến tấp nập. Người nào người ấy, sắc mặt hầm hầm như ông Long thần. Ông bá hộ K. biết là thế nguy, liền sai người nhà đóng chặt cửa lại. Cả nhà trốn hết lên gác. Ngoài này học trò mỗi lúc mỗi đông, đứng chặt cả hai dãy phố. Lúc ấy tôi tưởng người ta sẽ cùng chửi bới nhà kia tàn tệ, cho hả cơn giận trong lòng. Té ra không, các ông ấy chỉ gọi ông bá hộ K. mở cửa để anh em hỏi câu chuyện lúc nãy đầu đuôi thế nào. Nhưng mà ông bá hộ K. nhất định không thưa. Tức quá mấy ông trong bọn giục nhau đi mượn rìu búa phá cửa mà vào. Giữa khi đó thấy có một đội lính tuần chừng hơn mười người, sầm sập tiến lại. Té ra trong lúc đóng cửa, ông bá hộ K. đã sai người nhà vượt qua tường hậu chạy vào trong thành cáo cấp. Có lẽ đối với một đám học trò, lại toàn là hạng tam trường, các quan cũng có lòng nể. Bởi vậy, quan tổng đốc chỉ phái một bọn lính tuần ra đó đề phòng những sự hành hung, chứ không đàn áp. Nhưng khi bị lính ngăn cản, khí tức của các học trò lại càng như lửa thêm dầu, người ta bàn nhau phải kéo đổ nhà ông bá hộ K. để rửa cái nhục cho sỹ lâm, rồi sẽ cùng đến cửa quan chịu tội. Nhời bàn ấy đã được nhiều người khen phải. Và rồi học trò tới đó mỗi lúc mỗi đông, khi tôi về đến đầu Hàng

Đường, còn thấy một bọn độ vài chục người đổ lên nẻo phố Hàng Gạo, chắc cũng đi dự cuộc đó...

Tiêm Hồng ra bộ hả dạ:

– Đáng kiếp! Những đứa trọc phú phần nhiều vẫn hay láo hỗn vô lý. Có thế, chúng nó mới chừa.

Vân Hạc ra vẻ khẳng khái:

– Nếu quả như vậy, thì việc này có thể là một nghĩa cử. Em muốn chạy lên xem sao. "Kiến nghĩa bất vi vô dũng giã"...

Đoàn Bằng vội vàng gạt đi:

– Chú nghĩ như vậy là lầm. Khi nào "danh chính ngôn thuận" mới gọi được là nghĩa cử. Đằng này, cứ theo như lời ông chủ nói đó, thì kỳ thủy nó chỉ là chuyện ve gái. Ở đời ve gái mà đến bị rủa, bị xé là sự đương nhiên, không nên bênh vực làm chi. Bởi vì thân gái quý ở hai chữ đoan trinh, nếu bị trêu ghẹo, người ta có quyền kháng cự, không ai được trách chỗ đó. Thế mà trong lúc cái ông ve gái bị nhục về nhà cầu cứu, những người cùng trọ không lấy lẽ phải mà khuyên anh em, lại còn kéo nhau đến nhà người ta để hòng gây chuyện. Đó là tự các ông ấy đã bất chính rồi.

Vân Hạc nói xen:

– Đã đành như thế, nhưng mà lão bá hộ K. cũng hỗn láo quá!

– Phải rồi. Lão đó cũng hỗn láo quá thật đấy! Song vì những ông học trò có chỗ vô lý, thì hắn mới hỗn láo chứ. Sao không trách mình lại cứ trách người là cái nghĩa gì? Vả chăng, lão đó nói càn mấy câu, anh em trừng trị như thế, cũng đã xứng đáng lắm rồi. Không nên làm cho to việc ra nữa. Các chú thử nghĩ mà xem, bênh một người bạn chim gái mà đến hàng trăm học trò kéo đi phá nhà người ta, có thể gọi là "danh chính ngôn thuận" được không? Làm vậy thiên hạ hậu thế sẽ bảo chúng mình là hạng người gì?

Rồi thầy kết luận:

– Thôi! Chú có đi mà can anh em, thì hãy nên đi, nếu đi để vào đảng với các ông ấy thì tôi không bằng lòng chút nào!

Ông chủ nhà trọ tán thêm:

– Phải đấy! Các quan mới ở trường về, chắc còn mỏi mệt, không nên đi vội. Xin mời các ngài ở nhà xơi cơm, để tôi lại lên Hàng Giấy coi thử công việc thế nào, rồi tôi nói để các ngài nghe, nên đi hay không, lúc đó sẽ quyết định.

Mọi người đều cho là phải. Ông ta lại lật đật ra đi, sau khi đã xuống nhà dưới dặn bảo người nhà sắp sửa cơm nước.

Chừng nửa canh một, anh em Vân Hạc ăn cơm đã xong ai nấy nóng lòng chờ đợi.

Trăng non đã lặn, ngoài sân trời tối mù mù, bấy giờ ông ta mới đốt đuốc về. Nhanh nhảu đến chỗ bọn này đương ngồi, ông ấy vừa cười vừa nói:

– Đại phúc cho nhà ông bá hộ K. Chuyện đã dẹp yên. Các ông học trò đã đâu về đấy cả rồi.

Đoàn Bằng bảo ông ấy ngồi hẳn vào ghế rồi hỏi:

– Yên là thế nào? Anh em học trò bị giải tán hay có người nào đứng ra thu xếp?

– Có chứ! Quan đốc học phải đến khuôn xếp. Ngài thật khéo quá, cương có, nhu có, vì thế, các ông học trò mới phải vâng nhời.

Vừa nói, ông ấy vừa ghé vào trước Đoàn Bằng và tiếp:

– Tôi xin nói lại từ đầu để các ngài nghe. Lúc tôi lên đến Hàng Giấy đã thấy mấy cây đuốc lớn đương cháy đùng đùng, trong phố sáng như ban ngày. Hỏi đuốc lấy ở đâu ra, người ta nói rằng: Đó là các ông học trò góp tiền mua nứa bó lại thành bó. Bấy giờ các ông học trò vẫn còn bàn tán hăng hái như trước, có điều ai nấy vẫn hai tay không. Tôi đương cố nghe xem các ông ấy bàn ra thế nào, thì ở đầu phố, có một người lính cầm chiếc đèn lồng soi cho hai người lính khác khiêng một cái võng rẽ đám học trò đi đến trước cửa nhà bá hộ K. Trên võng bước xuống một ông cụ già đầu bạc trắng. Bóng lửa lấp loáng, nhìn mãi mới biết là quan đốc học. Điều này là lúc sau này người ta mới kể với tôi – thì ra trong lúc các ông học trò hò nhau kéo đổ nhà bá hộ K., một người lính tuần ở đó liền chạy về thành báo tin với quan tổng đốc. Lập tức quan tổng đốc cho người mời quan đốc học vào dinh bàn cách khu xử. Không biết hai ngài bàn định thế nào, mà quan tổng đốc phái quan đốc học thân hành đến đó. Các ông học trò lúc ấy mới đáng kính phục làm sao! Ai nấy đều đương cơn thịnh nộ, thế mà thấy quan đốc học, cả đám đều chắp tay vái chào, rồi cùng nín im phăng phắc như đám ba quân chờ nghe hiệu lệnh của ông đại tướng...

Tiêm Hồng nói xen:

– Cái đó là lẽ tất nhiên. Bởi vì quan đốc học là người đứng đầu việc học trong một tỉnh, học trò tuy không học ngài, nhưng cũng phải coi như thầy. Vả chăng, cụ đốc Hà Nội lại là một bậc danh vọng, ai mà không phải kính trọng?

Vân Hạc hỏi gặng:

– Thế rồi cụ đốc làm gì?

– Ngài bảo các ông học trò đứng xếp hàng ở hai dãy phố để ngài giảng giải. Trước hết, ngài khen các ông đó đều có khí khái, biết bênh thể diện của sỹ lâm. Rồi ngài hỏi ai là người đã bị con bá hộ K. lăng mạ và xé khăn áo. Một ông học trò liền chạy ra nhận. Ngài bảo ông đó đứng ra một bên, và ngài hỏi đến những người đã đến nhà bá hộ K. bắt đền quần áo cho bạn và bị ông ta nói hỗn. Chừng hơn mười người ra trước mặt ngài thưa là chúng con. Ngài lại bảo những ông này đứng sang một bên. Bấy giờ ngài mới chỉ vào cái ông học trò bị xé khăn áo và cất giọng nghiêm nghị mà rằng:

"Anh đã nói trêu con gái bá hộ K. phải không?"

Ông này chối không, nhưng ngài không tin và nói:

"Ta biết cả rồi, anh không thể cãi. Công nhiên vào nhà lương gia ve vãn con gái người ta, như anh tức là tội nhân của danh giáo"

Luôn đó, ngài quay sang phía những ông đã bị ông bá hộ K. nói hỗn và quở như vầy:

"Thấy bạn làm xằng, đáng lẽ can đi mới phải. Các anh không can, lại còn kéo bè kéo đảng, định lấy danh nghĩa nho lâm bênh vực một kẻ ve gái, chẳng những gây thêm nết xấu cho bạn, mà còn làm cho danh giáo phải điếm nhục nữa, nghe không?"

Tất cả mấy ông học trò đều nín thin thít. Khi ấy ngài mới sai lính đập cửa gọi hai cha con bá hộ K. ra đứng ở trước mặt ngài. Hai người hình như vẫn chưa hết cơn sợ hãi, vẻ mặt không còn sắc máu và đều chắp tay, cúi đầu, không dám trông lên. Trước hết quan đốc học mắng người con gái thế này:

" Mày là phận gái, gặp kẻ trêu ghẹo, cố nhiên cũng nên mắng lại, nhưng phải mắng cho có lẽ. Ai cho mày chửi rủa người ta, rồi lại sai lũ đầy tớ xé cả khăn áo người ta? Mày có biết "lăng mạ người khác", phải tội như thế nào không?"

Rồi ngài mắng ông bá hộ K. như vầy:

"Mày thách thằng thày các anh học trò cũng không làm gì được mày phải không? Tao là một người ở bậc thầy họ, vậy tao muốn hỏi mày thách những gì?"

Ông bá hộ K. chắp tay lạy lấy lạy để coi rất buồn cười. Quan đốc học lại chỉ vào mặt ông bá hộ K. và nói giận dữ như vầy:

"Thế là mày đã không biết răn con, lại còn bênh con mà vô lễ với tất cả người trong nho lâm. Người ta muốn phá nhà mày, không phải là quá!"

Ông bá hộ K. cúi gục tận đất, kêu xin tha tội.

Đến đây, ông chủ nhà trọ tạm nghỉ để hút một hơi thuốc lào. Đoàn Bằng chờ cho khói thuốc ra hết, lại hỏi:

– Thế rồi sao nữa?

Ông chủ nhà trọ giương hai con mắt lờ đờ của kẻ say thuốc và đáp:

– Thế rồi quan đốc học bắt ông bá hộ K. phải xin lỗi cả đám học trò, người con gái phải xin lỗi cái ông bị xé, hai cha con phải đền ông này một cái khăn lượt, một cái áo the. Và ngài còn bắt ông bá hộ K. và ông học trò bị xé, ngày mai phải xuống Văn Miếu lễ tạ và chịu mỗi người một chục roi đòn. Những ông học trò đi bắt đền áo cho bạn cũng phải lễ tạ Văn Miếu. Trước khi ra về, ngài đã sai người lễ sinh đi hầu phải hỏi tên họ của các học trò bị phạt, biên vào mảnh giấy, để họ khỏi trốn. Và ngài còn nói giờ ngọ ngày mai, ngài sẽ xuống nhà Văn Miếu thi hành các lệnh phạt kia, các ông học trò nếu có thì giờ, cũng nên tới đó chứng kiến cuộc trừng phạt đó.

Ông chủ nhà trọ kết luận:

– Tôi tức cười nhất là lúc cha con ông bá hộ K. cúi lạy các ông học trò và nói mấy câu xin lỗi. Cái bộ điệu của họ lúc ấy thật là khúm núm khốn nạn, chẳng bù với lúc quạc mồm nói càn.

Anh em Vân Hạc đều khen:

– Cụ đốc khu xử như vậy, thật là hợp tình hợp lý, anh em học trò kính phục là phải. Ngày mai chúng mình nếu có thong thả, cũng nên xuống nhà Văn Miếu mà xem cho hay.

XVI

Mọi khoa xong kỳ phúc hạch, lâu lắm cũng độ nửa tháng thì đã đến kỳ xướng danh. Khoa này sao mà chậm quá? Cái hạn nửa tháng qua rồi, người ta vẫn chưa được biết cuộc xướng danh sẽ là ngày nào.

Bạc đã đánh rồi, ai không mong cho chóng mở bát? Anh em Vân Hạc cũng như những người đã vào đến kỳ thứ tư, hết thảy nóng lòng sốt ruột, qua ngày nay lại ngóng ngày mai.

Ngay từ sau kỳ phúc hạch, Đoàn Bằng đã sai người về làng Đào Nguyên và làng Vân Trình đưa cho anh cả và ông đồ Vân Trình coi những bản sao các bài kỳ ấy của ba anh em. Họ nội họ ngoại cũng như những người ruột thịt trong nhà, ai nấy nô nức mừng rỡ. Cách một hôm sau, Đào Hải Âu và hai em họ là Đào Tường Loan, Đào Cương Phượng liền thân hành đến tận nhà trọ. Đáng lẽ cô Ngọc và hai chị dâu thứ hai thứ ba cũng cùng tới đó để hưởng những sự vinh dự sắp tới của các ông chồng. Nhưng ở nhà còn có nhiều việc cần phải lo liệu, nếu như anh em Vân Hạc cùng đỗ cử nhân. Vì thế cô chỉ gửi ông anh cả đem thêm cho chồng một số tiền nữa, để chàng chi tiêu trong những ngày chờ đợi xem bảng. Hai người chị dâu cũng vậy.

Trong nhà Vân Hạc, Hải Âu tuy là ông anh thứ nhất, nhưng mà đối với các em không quá khắc khổ như Đoàn Bằng.

Thày năm nay đã năm chục tuổi, nhưng vẫn tráng kiện như con trai, râu tóc chưa bạc cái nào. Từ thuở chưa hai mươi tuổi, thày đã nổi tiếng là tay văn chương có tài. Về sau học lực càng ngày càng tiến, những vị khoa giáp ở xứ Đoài và xứ Bắc đều phục là tay đại nho. Nhưng tính thày cũng như ông cống ngày xưa, chỉ thích khoáng dật, không chịu nổi những sự bó buộc... Cho nên, từ lúc trẻ tuổi, thày đã quyết không thi cử gì cả. Quanh năm chí tối, ngoài việc đọc sách, thì giờ của thày chỉ để vun xới hoa cỏ trong vườn. Lúc nào cao hứng, thì thày cho tìm mấy ông bạn thân đến nhà thưởng hoa, uống rượu, hoặc đi tiêu dao các nơi sơn thủy, hay là vào các ca lâu, tửu quán mua vui. Trong bọn thiếu niên, Vân Hạc, Đốc Cung đều là người rất hợp ý thày. Bởi vậy, khi mới bước vào nhà trọ, thày hỏi ngay đến Đốc Cung. Thấy nói Đốc Cung phải "ra bảng con", thày điềm nhiên bảo với các em:

– Sự đắc táng của cuộc đời, chẳng qua như một giấc mộng, đỗ hay hỏng kể ra cũng chẳng quan hệ cho lắm. Có điều tài học anh ta nên đỗ là phải. Thế mà bị nêu bảng con, thì cũng khí oan. Nhưng may không phải tội gì, cũng còn khá đấy.

Rồi thày liền sai Vân Hạc đi kiếm Đốc Cung về đó cho vui.

Từ bữa bị hỏng, Đốc Cung chỉ lên nhà trọ một lần để hỏi văn kỳ phúc hạch của bọn Vân Hạc ra sao. Rồi luôn bữa đó chàng lại bị mấy người bạn "cùng hỏng" kéo xuống Hàng Lờ, la cà hết nhà ấy sang nhà khác, cái nồng nàn của những cuộc thâu đêm đàn hát đã làm cho chàng quên mình là người hỏng thi.

Đoán chắc Đốc Cung chỉ nằm ở nhà đào Cúc, Vân Hạc liền đến nhà ấy trước tiên. Nhưng mà Đốc Cung không có ở đấy. Đào Phượng hết sức chèo kéo, mời chàng ở lại đến mai, chàng phải nói thật là không thể ở và xin khất đến hôm khác.

Hỏi thăm ba, bốn nhà nữa, Vân Hạc mới biết chỗ ở của Đốc Cung. Lúc ấy Đốc Cung đương cùng một lũ ả đào lăn lóc trong bàn tổ tôm. Tiếng ăn, tiếng phỗng tíu tít xen với tiếng cười nói tình tứ. Thấy Vân Hạc vào một cách đột ngột, Đốc Cung cho là chàng này đã trốn Đoàn Bằng, Tiêm Hồng, xuống đó cho qua cơn nghiện, liền chào bằng giọng bông đùa:

– Hôm nay trời đi vắng nhà hạc đã xổ lồng phải không? Vào đây cầm hộ vài ván. Tao đương bị chúng ăn hiếp, suốt hội không ù ván nào!

Vân Hạc cũng đùa:

– Thấy mặt là thấy nói láo! Bao giờ cho mày thành ra người lớn?

Cả bọn ả đào, tuy chưa ai quen Vân Hạc, nhưng cũng biết là bạn Đốc Cung nên đều tỏ ý vồ vập, thi nhau nhường bài cho chàng.

Vân Hạc hết thảy từ chối và nói cho Đốc Cung biết Hải Âu sai mình đi tìm.

Xưa nay đối với Hải Âu, Đốc Cung vẫn quý mến và rất kính trọng. Hồi này Hải Âu luôn luôn đi chơi, nên đã gần một năm nay, chàng chưa được gặp. Bây giờ nghe nói ông bạn vong niên và cực tương đắc đó mới ở quê ra, tự nhiên chàng thấy sự mải miết trong đám yên hoa đã thành ra cuộc vô vị. Tức thì Đốc Cung trao bài cho Vân Hạc đánh, để mình đứng dậy rửa mặt, chải đầu, sắp sửa khăn áo. Còn vài ván nữa hết hội. Trước sự co kéo lả lơi của một đám phấn son nhí nhảnh, hai chàng cùng dứt áo ra về.

Bấy giờ trời đã sẩm tối, trong nhà bắt đầu thắp đèn. Dưới ánh sáng đỏ nhợt của ngọn lửa mùa đông, một mâm thịnh soạn và một nai rượu lớn của ông chủ nhà trọ đã chiếu lệ hàng ngày đặt ở giữa phản, cả nhà đương sốt sắng đợi người đi vắng.

Đốc Cung vừa nhô vào cửa, Hải Âu liền cười và nói:

– Thế nào? Bác bị "khiếm ty" đấy ư? Ấy cũng vì thế mà từ thuở nhỏ tôi không dám nghĩ đến chuyện thi cử...

Đốc Cung chỉ trả lời bằng một nụ cười khiêm tốn. Rồi đó, cả nhà quây vào quanh mâm. Hết cuộc hàn huyên của Hải Âu, Đốc Cung, Tiêm Hồng nhắc lại câu chuyện còn dở:

– Hôm nọ, sau khi xem bảng, bốn người chúng em coi đi coi lại bản giáp của bác Cung đến hai chục lượt, vẫn không tìm được "khiếm ty" chỗ nào. Bởi vì hai chữ "trường", "ninh" lại ở hai câu, trong lúc vô tình, khó mà nhận thấy. Em chắc không may cho bác Cung, cho nên mới bị quan trường nhìn ra, chứ những quyển khác có khi cũng còn nhiều chỗ phạm tội như thế mà không ai biết.

– Cái đó tuy cũng có thể, nhưng mà ít khi xảy ra. Là vì mỗi quyển những bốn ông chấm, nếu ông chấm trước không thấy, thì ông chấm sau cũng thấy. Vả lại, theo phép nhà Nguyễn, trách nhiệm của các quan trường rất ngặt. Thí dụ gặp một quyển văn có tội như là "khiếm trang", "phạm húy", "phạm trường quy", "đồ di câu cải bất phù" chẳng hạn, mà ông sơ khảo không biết, đến ông phúc khảo bới ra, thì ông sơ khảo tức thì phải đuổi ra liền; nếu cả mấy ông sơ khảo, phúc khảo không xét thấy thì ba ông kia cũng bị "phù xuất" tất cả; nếu ông chủ khảo cũng không xét thấy, nhưng mà quyển đó cũng bị đánh hỏng thì thôi không sao, giả sử quyển ấy được đỗ, khi đệ về triều, hoàng thượng hay các quan triều xét ra, thì từ ông chánh chủ khảo trở xuống đều có tội cả. Bởi vậy, trong khi chấm văn, các quan đều phải hết sức tìm bới những chữ phạm tội.

Cương Phượng nói xen:

– Thảo nào em thấy thày em nói rằng: Cái khoa bác cống làm phúc khảo, cũng có mấy ông sơ khảo bị "phù xuất". Hẳn các ông ấy cũng phạm lỗi đó?

Hải Âu đáp vội đặt chén rượu xuống mâm:

– Không phải! Mấy ông sơ khảo khoa ấy mà bị "phù xuất" là tại phê văn không đúng. Theo lệ, những ông quan trường chấm văn tuy

vẫn được mỗi người mỗi ý, nhưng các dấu phê cũng phải na ná với nhau, không được chênh nhau xa quá. Thí dụ như ông sơ khảo phê "liệt", rồi ông phân khảo phê "thứ" hoặc phê "bình" thì không làm sao, nếu ông phân khảo phê "ưu" ấy là những ông chấm trước đã phê "liệt" đều phải "phù xuất". Hay là các ông sơ khảo phê "ưu" rồi ông chủ khảo phê "bình" hoặc phê "thứ" thì không việc gì, nếu ông chủ khảo phê "liệt" thì ông chấm trước phê "ưu" cũng bị đuổi ra khỏi trường. Bởi vì "ưu" với "liệt" cách nhau rất xa, khi nào cùng một quyển văn mà lại có thể người này phê "liệt" người kia phê "ưu"? Mấy ông sơ khảo bị "phù xuất" trong khoa thày tôi đi chấm trường, nghe đâu chỉ vì mấy quyển các ngài phê "liệt", đến ông phân khảo lại đều phê "ưu", có thế thôi.

Tường Loan lại hỏi:

– Giả sử có quyển dở quá, mấy ông chấm trước phê "liệt" là đúng, mà ông phân khảo lại đi phê "ưu", hay là những quyển văn thật hay, những ông chấm trước phê "ưu" là phải, mà ông chủ khảo lại đề phê "liệt", thì làm thế nào? Các ông chấm trước cũng bị "phù xuất" ư?

Hải Âu nâng chén và đáp:

– Đã có các quan ngoại trường ngự sử can thiệp. Trách nhiệm của mấy ông này chỉ cốt coi sóc công việc ngoại trường. Nếu thấy mấy ông chủ khảo, phân khảo có ý thiên tư, thì các ông đó có quyền bắt bẻ và phải lập tức làm sớ đàn hặc đưa về triều đình...

Cương Phượng nói góp:

– Thế ra thể lệ đối với khảo quan cũng nghiêm ngặt lắm. Vậy mà làm sao vẫn có những việc học trò thông với quan trường?

Hải Âu vẫn nâng chén rượu:

– Cái đó có lẽ là chuyện đời Lê. Cứ như các cụ kể lại, thì việc thi cử về hồi Lê mạt nhũng lắm. Nhất là mấy khoa cuối đời Cảnh Hưng. Có khoa người ta ăn tiền, lấy đến sáu trăm sinh đồ. Về sau vì có nhiều tiếng nói ra nói vào, chúa Trịnh phải bắt những người đã đỗ ra bãi bờ sông hạch lại. Sáu trăm ông bị loại hơn bốn trăm ông. Cũng vì công việc trường ốc của nhà Lê hãy còn nhiều chỗ sơ xuất, cho nên mới có tệ đó. Chứ đến đời Nguyễn thì sự đề phòng đã cực chu đáo, không thể nào mà gian lậu được.

Cả nhà đều lắng tai chờ nghe. Hải Âu uống một hớp rượu rồi tiếp:

– Từ đời Minh Mệnh mà đi, nước ta có bảy trường thi. Là: trường Gia định, trường Bình Định, trường Thừa Thiên, trường Nghệ An, trường Thanh Hóa, trường Nam Định và trường Hà Nội. Việc thi cử của bảy trường đó đều do Lễ bộ trông coi. Nhưng việc lựa chọn hai ông chánh phó chủ khảo và các ông nội trường ngự sử, ngoại trường ngự sử, nội trường đề điệu, ngoại trường đề điệu, thì do ý kiến triều đình. Bấy nhiêu ông đó, mỗi ông mỗi việc, các ông chủ khảo coi việc văn chương, các ông đề điệu giữ việc canh phòng trong trường, các ông ngự sử thì phải giám thị quan trường, và học trò. Bao giờ cũng vậy, đến cách kỳ thi độ chừng mươi ngày trở lại, trong triều mới kén khảo quan. Sau khi cắt cử đâu đấy, ông chánh chủ khảo được ban lá cờ khâm sai, ông phó chủ khảo được ban cái biểu phụng chỉ. Lập tức hai đội thị vệ rước luôn cờ, biển và dẫn ông nào về nhà ông ấy. Mấy ông ngự sử cũng phải theo chân ra liền. Thế rồi các lính thị vệ ở luôn ngoài cổng canh giữ, không cho ai ra, ai vào. Mỗi ông ngự sử cũng phải kèm luôn bên cạnh một ông chủ khảo, ông này đi đâu, ông kia đi đấy. Lúc ấy hai ông chủ khảo chỉ còn có việc sắm sửa hòm xiểng quần áo rồi lên đường không được dặn vợ dặn con nửa câu. Từ đấy cho mãi đến khi xong hết việc trường, các ông ngự sử không rời các ông chủ khảo bước nào. Các ông phân khảo cũng bị canh phòng như thế, chỉ kém cờ biển mà thôi. Như thế thì còn dặn nhau vào lúc nào mà bảo học trò có thể thông với quan trường?

Cương Phượng cầm nai rót rượu vào chén của Hải Âu:

– Giả sử ông ngự sử vào hùa với ông chủ khảo thì sao?

– Không có đời nào như thế! Là vì những ông ngự sử đều là những người cương trực, không kiêng nể ai. Chỉ những người cương trực không kiêng nể ai, mới được cử làm chức ngự sử. Cho nên các quan ngự sử tuy không có quyền, nhưng triều đình vẫn phải kính trọng.

Tường Loan vẫn chưa tin:

– Nhưng mà người ta cũng còn có thể thông với mấy ông sơ khảo, phúc khảo, giám khảo được chứ? Các ông này đều lấy những ông huấn đạo, giáo thụ sung vào kia mà!

– Cũng không thể được. Các ông sơ khảo, phúc khảo, giám khảo tuy cũng là chân huấn đạo, giáo thụ do các quan tỉnh cử ra, nhưng cách đề cử cũng rất tinh tế. Ví như hai trường đường ngoài, người chấm trường Hà phải là huấn giáo của những tỉnh thuộc về trường Nam, người chấm trường Nam lại là huấn giáo của các tỉnh thuộc về

trường Hà. Ông nào bị cử đi làm quan trường mà còn có em hay học trò dự thi ở trường sẽ có mình chấm thi phải làm giấy hồi tị. Như vậy, các ông sơ khảo, phúc khảo với các học trò còn ai biết ai là ai mà hòng thông nhau? Vả chăng, dù có thông nhau được nữa cũng là vô ích. Bởi vì cái quyền lấy đỗ ở trường thi hương phải do tay ông chủ khảo, vậy mà sau khi tiến trường, các ông sơ khảo, phúc khảo, đều phải ở riêng ngăn trong, có rào che kín, có quan nội trường ngự sử giám thị, có ông nội trường đề điệu và lính mật sát canh phòng. Trừ ngày ra bảng giải ngạch, mấy ông đó không bao giờ được giáp mặt các ông chủ khảo, nghĩa là không thể nói lót được cho người nào, thế thì thông nhau để làm gì? Huống chi những việc tư túi, chỉ quan hệ ở lúc chấm văn. Nhưng các quyển học trò đều phải rọc "phách", việc chấm cứ chấm, quan trường không thể biết được quyển nào là của người nào, còn dùng cách nào mà tư túi được?

Cương Phượng ra bộ mải nghe lại gợi:

– Không biết trong các quan trường ông nào coi việc rọc phách?

– Ông nội trường đề điệu. Việc ấy sở dĩ giao cho quan võ là vì trong lúc rọc phách các quyển đều có đủ cả tên tuổi quê quán của học trò, nếu để lọt vào tay một ông quan văn, sợ rằng ông ấy sẽ vì tình riêng mà sửa chữa văn bài trong quyển. Dùng ông quan võ trông coi, không phải nghi ngờ gì nữa.

Tường Loan lại hỏi:

– Nhưng mỗi kỳ thi có hàng vạn quyển, mỗi quyển là một cái phách, xếp đặt thế nào cho khỏi lẫn lộn?

Hải Âu lại cất chén rượu:

– Người ta làm việc rất có trật tự.

Thày uống hớp rượu rồi tiếp:

– Thí dụ như trường Hà Nội khoa này có một vạn hai học trò ứng thi, thì số quyển thi phải bốn vạn tám. Bởi vì ai cũng nộp sẵn bốn quyển cho đủ để viết bốn kỳ. Những quyển đó đều do chính tay học trò tự đề tên mình và nộp lên quan đốc học bản tỉnh. Sắp đến ngày thi, các quan đốc học các tỉnh phải đệ cả đến cửa trường, giao cho quan trường. Ông ngoại trường đề điệu nhận đủ quyển của các tỉnh, đóng dấu "Hà Nội thí trường" vào những trang đầu các quyển, rồi mới chuyển vào nội trường cho ông đề điệu trong ấy. Công việc của ông này mới là lôi thôi! Trước hết phải mở các quyển đóng vào

khe giữa trang hai và trang ba một miếng dấu nữa – dấu này có chữ "Văn hành công khí", người ta vẫn gọi là dấu "giáp phùng". – Rồi chọn mỗi tên học trò một quyển, tổng cộng một vạn và hai nghìn quyển, để vào một đống, trộn cho lung tung và chia ra làm bốn phần.

Ông chủ nhà trọ vừa qua trước sân, Hải Âu ngừng lại để chào ông ta, Cương Phượng tiện dịp lại xen một câu:

– Sao lại phải chia làm bốn? Trộn lên như thế để làm gì?

– Bởi vì trường có bốn vi, quyển của vi nào để riêng vi ấy, cho nên phải chia làm bốn. Còn việc trộn cho đống lung tung là cốt để khi chia phần, những quyển cùng tỉnh khỏi ở cùng phần với nhau.

Tưởng Loan nhắc:

– Chia xong rồi thì làm thế nào?

– Bấy giờ ông ấy mới sai lại phòng lần lượt ghi tên quyển vào sổ, bốn phần phải tám cuốn sổ, mỗi phần hai cuốn, biên đúng như nhau. rồi bắt bọn lính mật sát đem các phần quyển đóng thành bốn hòm, đưa ra ngoại trường, để đến ngày thi phát cho học trò. Những bản sổ quyển đã ghi cũng phải đưa luôn ra đó bốn cuốn, để ngoài này làm bảng "yết danh" tức là cái bảng biên tên học trò treo ở ngoài cửa các vi. Còn bốn cuốn nữa phải giữ lại đó, để kỳ sau tra xem ai hỏng ai vào.

"Trong ngày thi, khi đã có trống thu quyển, ông ngoại trường đề điệu phải ra tại nhà Thập đạo, trông cho lại phòng thu nhận, quyển nào đúng hạn đều xếp vào hòm, khóa lại và dán niêm phong cẩn thận, quyển nào ngoại hạn thì đóng cái dấu "ngoại hàm" lên đầu và để ngoài, rồi lại giao cả cho ông đề điệu nội trường.

Ông này nhận những quyển đó, để riêng các quyển ngoại hàm một nơi, còn bao nhiêu quyển nội hàm thì đưa lại phòng đánh dấu rọc phách. Lúc này công việc gấp lắm, bao nhiêu lại phòng đều phải xúm lại mà làm. Mỗi quyển phải khuyên một cái ở giữa trang đầu và viết hai bên dòng chữ số như nhau: thí dụ bên này là "giáp nhất hiệu", bên kia cũng "giáp nhất hiệu", bên này là "khảm lục hiệu", bên kia cũng "khảm lục hiệu". Rồi gập một vệt ở giữa cái khuyên, rọc lấy một mảnh có đề tên họ quê quán học trò, mảnh giấy ấy gọi là cái phách, rọc xong, có bao nhiêu phách, ông đề điệu phải cất vào hòm còn quyển thì giao các ông sơ khảo chấm trước, đến ông phúc khảo, đến ông giám khảo. Hết lượt nội trường, mới đưa ra ngoài ngoại

trường. Các quan ngoại trường chấm xong, lại giao và trả nội trường. Bấy giờ lại phòng lại phải xúm lại, giở hòm phách khắp vào các quyển. Hễ thấy bên phách bên quyển, hai dòng chữ số đúng nhau, hai nửa cái khuyên đúng nhau, tức là phách đúng với quyển. Phách của quyển nào hãy tạm cài vào quyển ấy, để kiểm dấu phê ở trong. Những quyển đã bị ngoại trường phê "liệt" bất kỳ nội trường phê gì, hoặc "ưu" hoặc "bình" mặc lòng, đều là quyển hỏng, số phận cũng như các quyển ngoại hạn, phải để riêng ra một nơi. Còn những quyển nào được ngoại trường phê "thứ" hoặc "bình" hoặc "ưu", dẫu cho nội trường phê "liệt" cũng vẫn được "vào" phải tháo lấy những mảnh phách vừa cài vào đó, bỏ lại một đống trộn cho đều, rồi lại chia làm bốn phần và cũng biên tên từng phần vào sổ như lần trước".

Chừng đã thấy thèm thuốc lào, Hải Âu kéo lấy chiếc điếu bên cạnh, đặt thuốc và hút một mồi rồi tiếp:

– Trong lúc bọn lại phòng này biên các sổ phách, thì bọn lại phòng khác mở hòm quyển trắng lục lấy một vạn và hai nghìn quyển, tức là mỗi người học trò một quyển. Rồi mới kiểm số quyển hỏng, xem có những tên người nào, thì bỏ quyển của người ấy ở đống quyển trắng này đi. Còn những quyển trắng còn lại, thì đem so vào với bốn phần phách mới chia, phần nào có những người nào, quyển trắng của những người ấy lại phải để vào phần ấy. Thế là hết việc, các phách và các quyển trắng lại phải đóng làm bốn hòm, đưa ra ngoại trường, phách thì để lại làm bảng "yết danh", quyển thì để lại phát cho học trò trong kỳ thứ hai. Đến kỳ thứ ba cũng phải làm việc như thế. Có điều sau này học trò thưa dần, số quyển ít dần, công việc cũng nhẹ hơn nhiều.

Tường Loan kết luận:

– Thế ra trong một khoa thi, công việc của quan nội trường đề điệu vất vả lắm nhỉ?

Hải Âu đáp:

– Cũng chưa vất vả bằng các ông sơ khảo, phúc khảo.

Đốc Cung khôi hài:

– Bác chưa nói đến những quyển khiếm tỵ như quyển của tôi kỳ này.

Hải Âu cũng cười:

– À, còn sót nhỉ! Những quyển khiếm tỵ cũng như những quyển phạm húy, khiếm đài, bất túc, khiếm trang, bạch tự, thiệp tích, tỵ

ố, phạm trường quy v.v... phần nhiều không được chấm hết. Các ông sơ khảo hay phúc khảo chấm đến những chỗ có tội như vậy, phải nêu vào mảnh giấy trắng nhỏ bằng giấy cuộn thuốc lá và cài lên chỗ đầu quyển, rồi thôi không chấm nốt nữa. Mấy ông chấm sau, thấy chữ nêu đó, xét ra quả có tội thật, thì chỉ ký tên vào trang đầu quyển, chứ không chấm một nhát nào. Những quyển ấy, sau khi trở về nội trường, lại phòng hợp phách xong rồi, cũng phải làm sổ đưa ra ngoại trường để các quan ngoài dò xét xem những ai đáng bảng con. Trong các tội mà tôi vừa nói, chỉ có bốn tội: phạm húy, khiếm đài, bất túc và khiếm ty phải yết bảng con, còn các tội kia chỉ bị đánh hỏng mà thôi.

Đêm đã khuya, ngoài phố chừng đã hết người đi lại, bốn bề im lặng như tờ: Hứng rượu của Hải Âu còn bồng bột. Câu chuyện thi cử kéo dài cuộc chén chú chén anh đến gần canh ba.

Từ đó, Hải Âu, Cương Phượng và Tường Loan ở luôn trong nhà trọ đợi ngày xướng danh. Và ở hai làng Đào Nguyên, Vân Trình thỉnh thoảng cũng vẫn có người tới đó hỏi thăm tin tức. Rồi các bè bạn của anh em Vân Hạc luôn luôn rủ nhau đến tìm Vân Hạc để nói chuyện phiếm. Trong nhà suốt ngày khách khứa dập dìu. Ông chủ nhà trọ hình như cũng có lòng mừng, tuy phải phục dịch vất vả, nhưng vẫn tỏ vẻ sốt sắng và vui vẻ.

XVII

Hôm ấy trời đã bớt lạnh, mặt trời hình như mọc sớm hơn các hôm khác. Đốc Cung và anh em Vân Hạc vừa mới lần lượt trở dậy, ánh nắng vàng nhạt đã lấp lánh in vào những chiếc lá bàng úa đỏ ở trước sân.

Quen lệ, thằng nhỏ nhà trọ nhanh nhảu đệ lên chỗ ngồi của khách một siêu nước sôi và bộ bàn chè chén mẫu.

Vân Hạc đương lúi húi đổ chén chè ra chiếc nắp bao và rẽ ràng trút vào chiếc ấm quần ẩm, ngoài sân bỗng có tiếng hỏi:

– Tôi tưởng các ngài còn ngủ, té ra đã dậy cả rồi. Hôm nay sao chư tiên sinh dậy sớm quá vậy?

Cả nhà đều ngẩng lên trông.

Trần Đức Chinh nghênh ngang lên thềm với một nụ cười tủm tỉm.

Đốc Cung nhận rõ anh ta đương có việc gì đắc ý, sau khi chào nhau khắp lượt, chàng hỏi:

– Cậu có tin đỗ tú tài đấy chứ?

Đức Chinh theo lời mời của Vân Hạc, ngồi vào trong ghế, rồi làm ra vẻ khiêm tốn:

– Ông nói ếm nhau chi thế? Tú tài đâu đến phần tôi? Nếu tôi mà đỗ, thiên hạ còn ai hỏng nữa!

Đốc Cung cười kiểu chế nhạo:

– Cái đó không biết chừng... Học tài thi phận, cậu ạ. Nhưng nếu không có tin đỗ thì sao người cậu hôm nay lại thấy tươi hơn mọi hôm?

Đức Chinh vẫn đáp bằng giọng thật thà:

– Vì tôi mừng cho ông Hạc.

Đốc Cung vội hỏi:

– Cậu biết anh Hạc đỗ à?

– Vâng, có lẽ ông Hạc sẽ đỗ thủ khoa.

Vân Hạc buột miệng:

– Nếu quả như vậy, thì các quan trường năm nay đã biết chấm văn...

Rồi chợt nhớ ra trước mặt còn có Đoàn Bằng, Tiêm Hồng, chàng liền lảng sang ngách khác:

– Nhưng, cậu nghe được tin đó ở đâu?

– Hôm qua thày tôi có vào thăm quan Tổng đốc, trong lúc nói về việc trường, ngài có cho biết như vậy. Vì tôi khoe ông Hạc là bạn với tôi, cho nên thày tôi giục phải đến đây sớm để báo tin mừng.

Hải Âu cũng hỏi:

– Vậy ngài có biết bao giờ thì xướng danh không?

– Cứ như thày tôi nói lại, thì chắc cũng còn lâu lắm. Bởi vì còn phải đợi "chỉ" trong kinh.

Đoàn Bằng ra ý nóng ruột:

– Thưa ngài, thế cụ lớn nhà dạy như thế nào?

– Thày tôi nói rằng: sáng hôm qua, vừa có mật tín ở trong trường báo ra, báo quan Tổng đốc biết rằng: việc trường đã xong

hết cả, giải ngạch cử nhân, tú tài cũng lấy xong rồi. Chỉ còn hai ông giải nguyên, á nguyên thì chưa quyết định. Là vì trong số hơn một trăm quyển được vào phúc hạch, thì quyển của ông Hạc là tốt hơn cả, rồi đến quyển của ông Nguyễn Chu Văn. Ông Hạc được hai "ưu" ngoại, hai "ưu" nội và mười hai "bình". Ông Văn được một "ưu" ngoại, một "ưu" nội và mười bốn "bình". Như thế thủ khoa đáng lẽ phải về ông Hạc, vì đã hơn hẳn ông Văn hai "ưu" kia mà! Nhưng mà ông Hạc mới hăm hai tuổi lại là chân trắng, mà ông Văn thì đã bốn mươi nhăm tuổi, lại đã hai khoa tú tài. Nếu lấy sự cao niên túc học làm trọng, thì ông Văn cũng nên được đỗ thủ khoa. Quan chủ khảo và quan ngự sử đã tranh luận mãi về chỗ đó. Ý quan chủ khảo muốn để ông Văn ở trên, vì ngài trọng người tôn niên. Nhưng quan ngự sử nhất định không nghe. Ông này cho rằng: việc thi cử là thi bằng văn, không thi bằng tuổi, hễ mà văn hay thì phải đỗ trên, bất luận tuổi nhiều hay ít. Kết cục, hai ngài không ai chịu ai, ai cũng nhận cái lý của mình là phải. Bởi thế các ngài mới phải làm sớ tâu về triều đình và gửi tất cả các quyển trong bốn kỳ của hai ông ấy vào đó, để tùy trong triều định đoạt.

Đức Chinh kết luận:

– Từ đây vào kinh, vừa đi vừa về, ít ra cũng phải ngoài hai chục ngày. Vả lại, sớ vào đến nơi, hoàng thượng xem rồi, lại còn giao cho triều thần bàn bạc nữa chứ. Như vậy, có lẽ phải mươi ngày nữa mới có "chỉ" ra...

Hải Âu ngắt lời:

– Không! Từ đây vào Kinh, cả đi lẫn về chỉ hết độ hơn mười ngày là cùng. Bởi vì trong năm Gia Long thứ ba, trình hạn của phu chạy trạm đã định rõ: từ Bắc thành đến Kinh đô, việc gấp, phải chạy năm ngày cho tới. Người nào chạy được đúng hạn thì thưởng ba quan, quá hạn độ một hai ngày, thôi không thưởng nữa, nếu quá đến ba, bốn ngày, thì phải phạt ba chục roi đòn. Việc thi bây giờ cũng là việc gấp, bao nhiêu quan trường, bao nhiêu học trò đều đương ngong ngóng chờ đợi kia mà! Lẽ nào phu trạm lại dám để chậm?

Cương Phượng tỏ ý kinh ngạc:

– Trời ơi, đường đất từ đây vào Kinh, kể có nghìn dặm, thế mà chỉ đi năm ngày!... Họ chạy nhanh bằng Luật Linh chạy theo mặt trời. Nhưng chạy như thế, lỡ ra phu trạm mệt quá, chết ở ngang đường thì làm thế nào?

Hải Âu đáp:

– Họ chết ở cung đường nào, thì nhà trạm ở cung đường ấy phải cắt người khác nhận lấy giấy má của họ mà chạy luôn đi. Trong luật đã có nói rõ như vầy.

Rồi thày trở lại câu chuyện thi cử.

– Tôi chắc nay mai, chỉ của triều đình sẽ ra đến đây và vài ngày nữa thì sẽ có cuộc xướng danh.

Đức Chinh vừa cười vừa nhìn Vân Hạc:

– Thôi thì bao giờ xướng danh mặc lòng, ông cũng không phải nóng ruột, mười phần đỗ cả mười rồi. Chẳng thủ khoa thì á nguyên, quyết không xuống đến thứ ba.

Vân Hạc cũng cười:

– Có đỗ thủ khoa thì tôi đỗ chơi cho hay, chứ đỗ á nguyên còn thú gì nữa?

Đốc Cung nói đùa:

– Thật là được thể dễ nói khoác... Tôi chỉ cầu Trời khấn Phật cho anh hỏng khoa này nữa, để xem anh sẽ nói với chị ấy ra sao.

Cả nhà cười ầm.

Tường Loan chỉ vào Đoàn Bằng, Tiêm Hồng và hỏi Đức Chinh:

– Thưa ngài, còn hai ông này ra sao, ngài có biết tin gì không?

Đức Chinh lắc đầu:

– Tôi không được rõ, vì không thấy thày tôi nói chuyện. Nhưng chắc các ngài đỗ cả.

Mỗi người nói phiếm thêm mấy câu nữa, ấm chè vừa tàn.

Đức Chinh cáo từ ra về.

Bây giờ ánh nắng đã xuyên qua lỗ cửa sổ, chênh chếch chiếu xuống nền nhà. Hạt bụi xanh đỏ rối rít giờn nhau trong những luồng sáng thẳng vuông như chiếc tay thước. Trong nhà đầy vẻ ấm áp của tiết tiểu xuân. Hải Âu cao hứng bảo với Đốc Cung:

– Hôm nay chúng mình phải đi ngoạn cảnh cái chứ! Bó gối ngồi nhà để ngong ngóng đợi ngày xướng danh hộ các ông ấy là cái nghĩa gì?

Đốc Cung chưa kịp trả lời, Hải Âu lại tiếp:

– Đã mười năm nay tôi không đặt gót đến đất Hà Nội. Không biết bây giờ cuộc dâu bể của các cảnh vật xứ này đã đi đến chỗ nào rồi...

Đốc Cung vừa cười vừa đáp:

– Thú thật với bác, tôi ở nhà luôn mấy hôm nay đã thấy tù cẳng lắm rồi. Bác tính còn gì khổ bằng cái thằng thi hỏng lại phải ở lại để đợi anh em xem bảng?

Hải Âu cũng cười và hỏi:

– Nhưng mà bác định đi chơi đâu giờ?

Tường Loan cướp lời:

– Tôi thấy các cụ vẫn nói phong cảnh Hồ Tây đẹp lắm mà tôi chưa được đến nơi. Hay là các ông lên chơi trên ấy cho tôi đi với!

Đoàn Bằng tán vào:

– Phải đấy, hôm nay trời ấm, có lẽ lên chơi Hồ Tây cũng thú.

Rồi đó ai nấy đội khăn mặc áo, kéo thẳng lên nẻo Cửa Bắc và rẽ sang đường Cổ Ngựa. Lúc ấy cây cối đã đương đổi lộc, quanh hồ như vẽ một cảnh tiêu sơ. Trên lớp cỏ héo ven đường, những chiếc lá đa vàng úa tơi bời rơi rụng. Trong khu giữa hồ, một đám sen tàn, xờ xạc lướt theo gợn sóng. Ngoài nẻo xa xa, mấy bông lau sậy trắng xóa, thi nhau đùa trước ngọn gió hiu hiu... Ngắm các cảnh vật trước mắt, Hải Âu tự thấy vô hạn bồi hồi. Sau khi thăm quán Trấn Vũ, cả bọn đủng đỉnh sang chùa Trấn Quốc. Bấy giờ mặt trời đã cao, bầu trời rất sáng sủa, bóng mây thăm thẳm lồng xuống đáy nước, làm cho cảnh hồ càng thêm sáng mông mênh. Hải Âu thơ thẩn đi lại trước nhà chùa hồi lâu, thình lình thày chạy đến chỗ Đốc Cung, Vân Hạc, vừa cười vừa nói:

– Tôi định làm một bài hoài cổ, nhưng mới nghĩ được bốn câu thì hết mất tứ, bác Cung và các chú tiếp hộ.

Đốc Cung liền hỏi:

– Bốn câu của bác ra sao?

Hải Âu đọc:

Cáo trắng trâu vàng chuyện có không?
Đêm trăng bao độ rước thuyền rồng?
Nào khu yếm xống hàng quan thị?
Đâu chỗ ca chèo bóng gái cung?...

Đốc Cung tỏ vẻ bông đùa:

– Hay thì hay thật. Nhưng câu thứ ba chua lắm.

Tường Loan ngơ ngẩn:

– Thế là Trấn Quốc tự hoài cổ, hay là Tây Hồ hoài cổ?

Hải Âu đáp:

– Tây Hồ hoài cổ đấy chứ! Nếu Trấn Quốc tự hoài cổ thì sao cho đất?

Tường Loan càng ngạc nhiên:

– Vâng thì mấy chữ "yếm xống", "ca chèo" là ý thế nào?

Hải Âu cắt nghĩa:

– Đó là tôi muốn nói về chuyện chúa Trịnh. Trong lúc họ Trịnh còn thịnh, Hồ Tây vẫn là một nơi thắng thưởng, giống như vườn Phù Dung của Đường Minh hoàng, chùa Trấn Quốc này, đã bị lập làm hành cung, mỗi tháng nhà chúa ra chơi chừng vài ba lần. Cung nữ trong phủ, ngày thường đã phải may sẵn hàng nghìn đèn lồng toàn bằng gấm vóc là lượt, thêu thùa rất khéo, khi nào nhà chúa sắp ra, lính tráng phải lĩnh những đèn lồng ấy đem treo khắp các ngọn cây, rồi các quan thị từ hạng tam phẩm trở lên, đều phải dọn quán bán hàng ở khắp bờ hồ, trong quán có đủ các thức phấn, sáp, quà, bánh, đồ ta, đồ tàu... rồi chính những vị "ông cả không râu" đó lại phải mang yếm, mặc xống, chít khăn mỏ quạ, giả làm con gái bán hàng và ngồi chầu chực trong quán một đêm. Nhà chúa ở phủ ra hồ, thường thường vào cuối canh hai. Ngài ngự một chiếc thuyền rồng rất lớn có nhiều thuyền của các quan thị tụng đi theo. Trong thuyền có đem rất nhiều cung nữ và đồ chè chén. Thuyền ra giữa hồ, nhà chúa bắt đầu uống rượu, cung nữ kẻ đàn người hát, tiếng hát tiếng đàn phải rất lả lơi. Người nào cần dùng món gì, cứ việc cho thuyền ghé vào gần bờ, rồi lên mua ở các quán của bọn quan thị. Trong lúc mua bán, hai bên tha hồ cười đùa chớt nhả, hát vè hát ví, y như trai gái nhà quê chim nhau. Có thế nhà chúa mới thích. Hai câu thứ ba thứ tư, chỉ về chuyện đó.

– Vậy còn mấy chữ "cáo trắng" "trâu vàng"?

– Đấy là tôi theo điển tích của sách *Trích quái* và sách *Địa cảo*. *Trích quái* chép rằng: ở đời thượng cổ, Hồ Tây còn là một trái núi nhỏ. Trên núi có con cáo trắng chín đuôi thường hay hóa ra yêu quái làm hại dân cư. Ông thần Long đỗ đem việc ấy tâu với Thượng đế, Thượng đế cả giận, liền sai Long vương giết con yêu đó. Long vương vâng lệnh, đem các thủy tộc ngược dòng sông Nhị tiến lên nã bắt,

trái núi đó tức thì sụt xuống thành ra cái hồ. Còn sách *Địa cảo* thì nói: trong núi Lạn Kha có con trâu vàng. Khi nghe tiếng chuông ở quán Trấn Vũ, con trâu ấy tưởng là tiếng mẹ, vội vàng lồng ra, rồi ẩn vào trong hồ này. Ấy những chuyện hoang đường như thế, mà từ xưa đến nay, ai ai cũng tin thì có lạ không?

Rồi Hải Âu quay hỏi bọn Đốc Cung:

– Bác và các chú đã nghĩ được câu gì chưa?

Đốc Cung đáp:

– Tôi mới nghĩ được hai câu như vầy:

Xờ xạc đầu vời, sen rạc lá,
Phất phơ cuối bãi, sậy phơi bông.

Hải Âu khen được và bảo Vân Hạc:

– Chú thử tiếp nối xem sao.

Vân Hạc ngẫm nghĩ giây lát rồi nói:

– Thế thì thế này:

Lâu đài Lê, Trịnh tìm đâu tá?
Bảng lảng rêu xanh bóng ác hồng.

Cả bọn đều cho là hay. Hải Âu muốn lên Nhật Chiêu, thuê một chiếc thuyền chở ra giữa hồ chơi. Nhưng khi hỏi thăm bọn sư trong chùa, thì họ nói rằng: nếu muốn dùng thuyền, phải hẹn từ hôm trước hay từ sáng sớm. Bây giờ mới thuê, không chắc đã được, vì rằng những nhà có thuyền đều đi làm ăn vắng nhà. Hải Âu thấy trời đã xế chiều, tưởng chừng nếu thuê được thuyền đi nữa, cuộc du thưởng cũng không còn được bao lâu thày đành phải thôi. Cả bọn dạo quanh bờ hồ một lúc nữa, rồi cùng lẽo đẽo trở về.

Tới khỏi Cửa Bắc, thình lình có tiếng người gọi Vân Hạc, mọi người cùng quay mặt. Trần Đức Chinh vừa ở ngõ ngang đi ra. Chàng thở và hỏi:

– Các ngài có ai quen cụ Hoàng Doãn Đạt hay không?

Hải Âu hỏi lại:

– Có phải cụ Hoàng Doãn Đạt giáo thụ phủ Kinh Môn, mới rồi được cử đi làm phúc khảo đó không?

Đức Chinh đáp:

– Phải! Chính cụ ấy.

Hải Âu nói:

– Chúng tôi quen cả. Bởi vì cụ ấy nguyên là học trò thày tôi ngày xưa, đối với nhà tôi rất thân. Ngài hỏi vậy có việc gì chăng?

– Thấy nói cụ ở trong trường bị bệnh nặng lắm, mới được cáng ra lúc trưa, bây giờ còn trọ trong nhà người quen ở phố Cửa Nam. Chắc cụ biết rõ công việc trong trường, các ngài thử xuống hỏi xem *chỉ* của triều đình đã ra đây chưa!

Đến đây, Đức Chinh ngừng lại và nhìn Vân Hạc.

– Chỉ vì việc đó, tôi phải lật đật tìm ngài từ trưa đến giờ. Gặp ngài ở đây may quá. Bây giờ tôi về có việc. Đến tối xin lại thăm các ngài.

Vân Hạc tỏ ý cám ơn.

Đức Chinh chào khắp bọn này và rẽ sang nẻo Hàng Than.

Hải Âu thấy tin cụ giáo Kinh Môn bị đau, tự nhiên trong ruột bồn cồn như bị lửa đốt. Là vì cụ với anh em Hải Âu tuy chỉ là chỗ thế huynh thế đệ, song hai nhà ăn ở với nhau không khác gì người ruột thịt. Xưa nay Hải Âu và các em vẫn kính mến cụ vô cùng. Hơn nữa thày với cụ lại cùng chung một tính tình, hầu hết những cuộc đăng sơn lâm thủy, hễ có cụ thì phải có thày, nhiều khi thày vẫn nằm ở nhà cụ hàng hai ba tháng. Bây giờ nếu cụ đau thật, ít nhất thày phải biết ngay bệnh cụ thế nào thì mới yên dạ. Bởi vậy, sau khi Đức Chinh đi khỏi, Hải Âu liền bảo Đoàn Bằng, Tiêm Hồng cùng đi với mình xuống phía Cửa Nam để bọn Vân Hạc hãy về nhà trọ, sợ rằng ở đấy có khách nào chăng.

Thì ra sự ức đoán của Hải Âu không sai chút nào. Ở nhà quả có một người em họ làng Đào Nguyên mới ra. Người ấy bảo cho Vân Hạc biết rằng: hôm nay cụ Năm đã định ra chơi. Nhưng vì chưa rõ ngày nào xướng danh, sợ phải chờ đợi lâu quá, nên cụ lại không ra vội và cho hắn ra trước hỏi xem bao giờ xướng danh, về nói với cụ, để cụ ra mừng và thăm phong cảnh Hà Nội luôn thể. Thấy lòng ân cần của ông chú già, Vân Hạc vô hạn cảm động, nước mắt tự nhiên ứa ra đầy hai khóe mắt.

Bóng nắng ra hết sân gạch. Sương mù bắt đầu pha đục bầu trời. Gió bấc hiu hiu quạt mấy tàu cau ánh nắng. Những con chim sẻ sợ lạnh sập sè bay vào nấp trong mái nhà.

Nhà trọ sắp dọn cơm chiều, Đoàn Bằng, Tiêm Hồng vừa lủi thủi về với một dáng bộ rời rợi.

Đốc Cung vội hỏi:

– Bác cả còn đi chơi đâu chưa về?

– Anh tôi ở chơi dưới ấy với bác giáo.

Vừa nói, hai người vừa thơ thẩn bước vào trong nhà. Vân Hạc lễ phép:

– Bệnh tình bác giáo ra sao? Có nặng lắm không, thưa anh?

Đoàn Bằng cất giọng buồn rầu:

– Có việc gì đâu! Bác ấy cũng ho xoàng. Chỉ vì ở lâu trong trường buồn quá. Nhân thể việc trường đã xong, ngài mới mượn cớ cáo bệnh để xin ra trước vài ngày.

Đốc Cung vui vẻ:

– Cụ giáo có nói chuyện gì về việc thi cử của các bác không?

– Có! Bác ấy bảo chú Hạc nó hỏng tuột. Chú tú nó đỗ lại, tôi thì may được đội bảng tú tài.

Vân Hạc nghe nói sắc mặt xám mét. Đốc Cung cũng đổi vẻ mặt.

– Thế ra Trần Đức Chinh bịa chuyện nói nhảm à?

Đoàn Bằng đương dở bỏ khăn, cởi áo, Tiêm Hồng đỡ lời:

– Không! Anh ta nói đúng. Bác giáo cũng bảo trong trường đã chắc chú Hạc sẽ đỗ thủ khoa. Sáng nay có chỉ ở kinh ban ra, mới biết là hỏng.

– Vậy thì quyển của anh Hạc có tội gì chăng?

– Không! Bác giáo cũng nói như Trần Đức Chinh, quyển của chú nó tốt lắm, bốn "ưu" mười hai "bình" thật.

– Thế thì làm sao anh ấy lại bị hỏng tuột? Cụ giáo có biết chỉ của triều đình nói thế nào không?

– Có! Thấy bác ấy nói: trong chỉ phê rằng: Đào Vân Hạc quả là tay đại tài, sự học hơn hẳn Nguyễn Chu Văn, đáng được đỗ đầu khoa này. Chỉ hiềm tên ấy hãy còn trẻ tuổi, văn chương không khỏi có chỗ ngông nghênh. Nếu lấy đỗ cao, sợ sẽ nuôi thêm cho y cái bệnh kiêu ngạo, thì khó trở nên một người đại dụng. Triều đình trọng sự tác thành nhân tài, không muốn cho kẻ có tài đến nỗi uổng phí. Vậy khoa này hãy cho tên ấy hỏng tuột, để mài rũa bớt những khách khí thiếu niên của y. Rồi đến khoa sau thì sẽ cho đậu giải nguyên...

Vân Hạc tỏ vẻ phẫn uất:

– Tác thành như thế thì chết bỏ mẹ người ta!

Đốc Cung ra ý ái ngại:

– Vậy thì chuyện anh Hạc cũng giống với chuyện cụ Nguyễn Công Trứ.

Rồi Đốc Cung tiếp:

– Tôi thấy ông nội tôi ngày xưa có nói lại rằng: cụ Nguyễn Công Trứ từ lúc trẻ tuổi đã nổi tiếng là bậc văn chương đại tài, bè bạn ai cũng phải phục. Chỉ vì hồi ấy mới qua một cơn đỉnh cách, thời cục chưa biết thế nào, mà cụ lại là một tay cố Lê công tử, chưa hẳn tuyệt tình với nhà Lê, cho nên bao nhiêu khoa thi đầu đời Gia Long, cụ đều không dự. Mãi đến cuối đời Gia Long, hay là đầu đời Minh Mệnh gì đó, vì các anh em cố bầu, cụ mới ra thi...

Đốc Cung uống một hớp nước dấp giọng:

– Bấy giờ ở tỉnh Nghệ An, bè cánh của bọn cố Lê công tử cũng lớn và cũng nhiều người đi thi. Khi thấy khảo quan tiến trường, các ông ấy họp làm một nhóm đón đường xin cho Nguyễn Công Trứ được đỗ thủ khoa ấy. Nghe đâu quan chánh chủ khảo có đáp lại rằng: các ngài phụng mệnh triều đình ra đó, cốt vì nhà nước mà kén nhân tài. Nếu như tài Nguyễn Công Trứ đáng đỗ thủ khoa, tự nhiên các ngài cho đỗ thủ khoa...

Thế rồi, ba kỳ thi xong, – phải, lúc ấy chỉ thi ba kỳ – ba kỳ thi xong, quả nhiên văn của cụ Trứ hay lắm, quan trường cũng muốn lấy đỗ thủ khoa. Nhưng vì có chuyện học trò kêu xin, các ngài sợ rằng phong thanh về đến triều đình, mình sẽ bị ngờ là không công minh, liền phải làm sớ và đệ các quyển của cụ này về kinh, để tùy trong ấy quyết định. Không rõ bấy giờ triều đình bàn bạc ra sao, rồi thấy có chỉ đưa ra, nói rằng cho Nguyễn Công Trứ sẽ đỗ thủ khoa sau, khoa ấy phải đánh hỏng tuột.

Đốc Cung lại nhìn Vân Hạc:

– Không ngờ việc cụ thượng Trứ, nay lại xảy ra cho anh. Nhưng cũng không sao, triều đình đã hứa, không bao giờ sai. Cụ Trứ về sau lại đỗ thủ khoa, thì anh khoa sau cũng đỗ thủ khoa. Sang năm đã lại có khoa thi rồi, chậm đỗ một năm cũng không muộn lắm.

Vân Hạc tỏ vẻ cáu kỉnh:

– Thế họa khoa sau tôi ốm không đi thi được, triều đình có cho đỗ không?

Ông chủ nhà trọ vừa ở nhà dưới tiến lên, Đoàn Bằng nói bằng giọng cười gượng:

– Cơm đã xong chưa? Ông cho bưng lên đi thôi! Hôm nay ông phải uống rượu với chúng tôi một bữa thật say, không được từ chối. Bởi vì ngày mai chúng tôi sẽ cùng từ giã ông tất cả.

Ông chủ nhà trọ ra bộ ngơ ngác, không hiểu bọn này nói thật hay nói đùa. Sau khi Đoàn Bằng đem chuyện đến chơi quan giáo Kinh Môn kể lại cho nghe, ông ấy vội can:

– Các ngài không nên nóng nảy. Bởi vì tôi vẫn nghe nói việc trường bao giờ cũng giữ rất kín, khó lòng có ai biết trước. Chắc đâu cụ giáo nói vậy là đúng?

Đoàn Bằng cắt nghĩa:

– Tôi chắc đúng lắm. Cụ giáo Kinh Môn có quen quan chánh chủ khảo – hai ngài đã từng gặp nhau trong một khoa hội năm xưa – vì với nhà tôi là chỗ chí thân, nên khi lên chào quan chánh chủ khảo để ra ngoài trường, cụ có hỏi ngài về chuyện đỗ hỏng của chúng tôi. Bây giờ việc trường đã xong, không cần phải giữ bí mật như trước, cho nên quan chánh chủ khảo đưa cả cuốn giải ngạch và đạo chỉ của triều đình cho cụ ấy coi. Như vậy còn sai sao được?

– Dầu vậy đi nữa, cũng còn hai ngài đậu được tú tài kia mà! Tôi tưởng các ngài hãy nên ở lại xem bảng cái đã! Việc gì mà phải hấp tấp!

Đoàn Bằng lại càng buồn bã:

– Tú tài đỗ lại và tú tài đội bảng thì cũng như hỏng, còn sung sướng gì mà đợi xem bảng hử ông?

Thằng nhỏ vừa bưng mâm rượu đặt vào chỗ phản mọi ngày. Cả nhà cùng ngồi xúm lại. Cuộc rượu bắt đầu bằng những tiếng cười gượng, nói gượng.

Rượu đến nửa chừng, Tiêm Hồng vừa bưng chén rượu vừa khóc rưng rức! Đoàn Bằng vội ngăn:

– "Có học, có thi, thì có đỗ", chẳng đỗ khoa này thì đỗ khoa khác, việc gì mà phải tủi thân?

Vừa dứt hai tiếng "tủi thân", miệng thày tự nhiên mếu xệch, nước mắt ròng ròng rỏ xuống mặt chiếu.

Vân Hạc thấy hai anh khóc, chàng bỗng nghĩ đến sự kỳ vọng của những người thân thích ruột rà và bụng bảo dạ: "Lúc mình bước chân

ra đi, nào mẹ, nào vợ, nào cha mẹ vợ, nào chú bác họ hàng, người này giúp năm quan, người kia giúp ba quan, ai cũng mong cho mình đỗ! Cả đến cụ Năm, đã đương nằm kề miệng lỗ, nghe tin cháu vào phúc hạch cũng còn sai người đến đây hỏi xem ngày nào xướng danh để ra chơi mừng. Bây giờ mình hỏng, làm cho biết bao nhiêu người thất vọng! Hiện nay mẹ mình, chú mình và ông nhạc bà nhạc đều đã vất vưởng như đèn trước gió, không biết các cụ có còn sống đến ngày mình đỗ hay không?" Thế rồi chàng cứ nức nức nở nở, trong họng như bị nghẹn ngào, chén rượu bưng lên lại phải đặt xuống, không tài nào mà nhấp đi được.

Đốc Cung từ khi bị hỏng vẫn cố nén dạ cười nói cho qua, bây giờ thấy Vân Hạc khóc, lửa phiền của chàng như sắp dập tắt lại bị khêu lên, chàng cũng thổn thức nói không ra tiếng.

Tường Loan, Cương Phượng và người em họ mới ra, tuy không bị đau về sự thi cử, nhưng thấy các anh buồn bã, họ cũng cảm động không thể cầm được nước mắt.

Ông chủ nhà trọ trước còn khuyên nhủ mọi người. Khi thấy mình càng khuyên, người ta lại càng khóc, ông ấy nghĩ ngợi ra sao không rõ, tự nhiên cũng khóc ru rú.

Quang cảnh tiệc rượu lúc ấy giống như quang cảnh đám ma của kẻ bạo tử, toàn những người khóc, người mếu. Sáu, bảy chén rượu la liệt bày ở quanh mâm, lâu lắm không ai buồn nhấc.

Đốc Cung đương gục đầu trên gối, bỗng ngửng phắt đứng dậy và nói:

– Thi đỗ cũng thế, chẳng đỗ cũng thế, việc đếch gì mà phải cảm khái cho khổ thân. "Sống là Nghiêu, Thuấn, chết thì xương khô, sống là Kiệt Trụ, chết thì xương khô". Dù có đỗ nữa, chẳng qua chỉ đeo cái tiếng ông cử độ vài chục năm, rồi cũng hóa ra xương khô, chứ làm cóc gì!

Rồi chàng bưng chén và giục:

– Uống đi các anh!

Mọi người lại cùng sốt sắng nâng chén lên miệng. Nhưng mà vị rượu lúc ấy hình như chỉ rặt những mùi cay đắng, uống thì uống vậy, chẳng ai thấy có thú hứng gì. Cả nhà khề khà đến gần nửa đêm. Đoàn Bằng, Tiêm Hồng say dí, say dì, lúc đứng dậy, mấy lần chếnh choáng rình ngã. Bữa tiệc dần dần giải tán một cách âm thầm im lặng.

Sau khi nằm vào trong chăn, Vân Hạc tự thấy ruột gan nóng như lửa chất; khi thì mong rằng quan giáo Kinh Môn nói sai, khi thì mong rằng quan trường sẽ cùng làm sớ kêu oan cho mình, khi thì mong rằng triều đình sẽ đem việc mình xét lại, rồi chữa ngay đạo chỉ dụ đã bắt mình hỏng. Đến khi thấy những điều đó là huyễn tưởng, thì chàng lại muốn ngày mai sẽ là sang năm, nghĩa là cái năm sắp có kỳ thi, để chàng lại vật nhau với số mệnh một lần nữa. Mọi đêm trường thi và chàng còn có quan hệ, mỗi lần nghe tiếng trống ở trường đưa ra, chàng còn phấn khởi trong lòng. Giờ với trường thi, chàng đã là người cục ngoại, những tiếng trống ấy đều như có vẻ trêu cợt mỉa mai, mỗi dịp tùng tùng, ấy là mỗi cơn chàng phải đứt từng khúc ruột. Cạnh chàng, Đốc Cung, Đoàn Bằng, Tiêm Hồng cũng đều vật vã không ngủ, thỉnh thoảng lại góp một tiếng thở dài, như giúp thêm sự đau đớn của chàng.

Đêm càng khuya, trời càng lạnh, ngọn đèn trên quang mỗi lúc mỗi lù mù, chàng càng trằn trọc không thể chợp mắt. Nghĩ đến quang cảnh khi cắp khăn gói về làng, chàng không biết mặt mũi mình ra thế nào.

XVIII

Từ cuối năm ngoái đến đầu năm nay, cô Ngọc chỉ những nẫu nà trong ruột. Nhất là cái hôm cô ở chợ về, nhác thấy Vân Hạc lù lù ngồi trong nhà học với một dáng bộ thìu thịu, con ruồi đậu mép không buồn đuổi. Bấy giờ vào cuối tháng một, trời còn đương rét căm căm, thế mà cái khí phẫn uất ở đâu nhập vào, khiến cô mồ hôi đổ ra, ướt đẫm cả mấy lần áo.

"Thế là những sự mong mỏi của mình hơn một năm nay đổ cả xuống sông xuống biển". Cô tự bảo cô như vậy.

Sau khi đã cố nén dạ để chào chồng một cách vồn vã, cô uể oải đi cất quang gánh vào buồng và lủi thủi xuống bếp đặt ấm siêu nước. Vừa nhóm bếp cô vừa nghĩ quanh nghĩ quẩn: "Quái lạ anh chàng văn hay chữ tốt, ai cũng phải khen, làm sao đi thi lại cứ hỏng mãi? Hay là khi ở Hà Nội, anh ta bê tha với bọn nhà trò, không tưởng gì đến văn bài, cho nên mới khổ như thế".

Bếp củi đã nỏ, cô lại đi lên buồng học với bộ tim gan vô cùng căm hờn. Lúc ấy bà đồ cô Bích cùng đi vắng, ông đồ thì ở nhà trên,

trong nhà khách chỉ có cô với chàng. Muốn chọc tức chàng một hồi cho hả cơn giận, cô liền gượng cười và hỏi:

– Thế đến hôm nào trường mới xướng danh?

Vân Hạc ngồi trước mặt vợ, vừa xấu hổ, vừa buồn rầu, lại vừa thương hại. Chàng tưởng nàng chưa biết mình hỏng, liền đáp bằng giọng thật thà:

– Có lẽ xướng danh ngày hôm qua rồi!

Cô vẫn cười:

– Sao mình không ở mà nghe xướng danh lại về sớm thế! Nhường cho thiên hạ tất cả rồi ư?

Bấy giờ Vân Hạc mới biết là nàng mỉa mai, chàng chỉ chống tay lên má, nín lặng không nói chi hết.

Cô Ngọc cố trêu:

– Thế khoa này có ai đỗ không?

Vân Hạc như không buồn cất giọng:

– Anh tú đỗ lại, anh hai cũng đỗ tú tài.

Thấy chàng hiểu lầm câu hỏi, cô mới nhớ rằng vì mình giận chồng, thành ra vô ý, không kịp hỏi thăm đến hai anh chồng, liền xoay sang giọng đứng đắn:

– Khốn khổ. Một nhà đến ba người vào phúc hạch mà không ai đỗ cử nhân, đáng tức biết chừng nào! Nhưng thôi, các anh ấy đỗ được một tí tú tài như thế, cũng đỡ hổ lều, hổ chõng. Bây giờ gần tối mất rồi, sáng mai tôi phải về mừng các anh ấy chứ?

Vân Hạc vẫn chẳng nói chẳng rằng. Cô liền đứng dậy súc ấm lau chén, xuống bếp xách siêu nước lên, rẽ ràng chuyên nước đưa mời chàng uống. Cơn giận vẫn còn chưa hả, cô lại nói nốt câu chuyện đương dở:

– Mình ở Hà Nội hay ở bên Đào Nguyên sang?

– Tôi ở bên Đào Nguyên sang.

– Mình về Đào Nguyên từ hôm nào?

– Tôi về Đào Nguyên hôm qua. Vì thấy bác giáo Kinh Môn ở trong trường ra, nói là tôi bị hỏng tuột, nên sáng hôm sau tôi và các anh về ngay, chẳng thiết ở lại xem bảng.

– Xem bảng làm quái gì nữa! Tôi chắc khoa này cũng chẳng ai đỗ.

Vân Hạc phát cáu:

– Sao mình nói lạ như vậy? Cả khoa không có ai đỗ, thì người ta đặt ra thi cử làm gì?

Cô vẫn điềm nhiên:

– Vẫn còn có người đỗ ư? Thế sao mọi ngày mình thường nói rằng: nếu mình không đỗ, thiên hạ chẳng thằng nào đỗ?

Vân Hạc phì cười không nói sao.

Cô cầm chén tống sẻ nước vào chén của chàng:

– Tôi cũng chắc là mình đỗ, có điều tôi vẫn chưa biết mình định cố đeo lều chõng đến mấy chục năm nữa. Hay là mình muốn bắt chước cụ Lương Hiệu. Ừ khi tôi học sách *Tam tự kinh* thấy nói cụ Lương Hiệu tám mươi hai tuổi mới đỗ kia mà. Mình mới hai mươi hai, hãy còn trẻ chán, đỗ làm gì vội!

Vân Hạc nghe mỗi câu nói của vợ, tưởng như mỗi mũi dao găm đâm vào tim phổi, mặt chàng đã đỏ bừng bừng. Cô càng trêu thêm:

– Này mình ạ! Tôi nghe xưa có nàng gì đó, khi chồng thi hỏng, có đưa cho chồng một bài tứ tuyệt hay lắm, tôi đã dịch ra tiếng Nôm, thử đọc để mình nghe nhé!

Rồi không đợi chàng trả lời, cô tiếp:

– Bài ấy như vầy:

Văn quân trích trích hữu kỳ tài,
Hà sự niên niên bị phóng hồi?
Như kim thiếp diện tu lang diện,
Quân dục lai thời, đãi dạ lai,

Vân Hạc gượng hỏi:

– Mình dịch ra sao?

Cô đáp:

– Tôi dịch là:

"Nghe anh chữ nghĩa cũng bề bề.
Sao cứ năm năm bị đuổi về?
Rầy nghĩ mặt chàng, ghê mặt thiếp,
Muốn vào, anh hãy đợi canh khuya".

Rồi cô nói thêm:

– Hai chữ "bề bề" tôi lấy ở câu phong dao "Văn chương chữ nghĩa bề bề" đấy mà. "Trích trích hữu kỳ tài" dịch ra "chữ nghĩa bề bề" cũng được chứ gì. Phải không mình?

Vân Hạc tuy biết là nàng chế mình, nhưng cũng thích rằng nàng có tài dịch thơ, liền đáp:

– Vâng, thưa bà được... Song tôi không bị ai ám. Mình phải biết thế.

Chàng ngừng một lát rồi thêm:

– Nhưng cũng chưa bằng những câu của ông nào đó dịch bài "Lạc đề" của Tầu.

Và chàng hỏi:

– Mình đã học đến hay chưa? Bài ấy thế này:

Lạc đề viễn quy lai,
Thê tử sắc bất hỷ,
Hoàng khuyển độc hữu tình,
Đương môn ngọa dao vĩ.

Rồi chàng tiếp:

– Không biết người nào đã dịch ra rằng:

Thi hỏng về đến nơi,
Vợ con mặt không vui,
Chó vàng riêng có tình,
Giữa cửa nằm vẫy đuôi.

Cô Ngọc thấy chàng mắng mình bằng cách xa xôi, sợ chồng đâm khùng, liền tươi cười pha trò:

– Thế ra đối với các ông thi hỏng, vợ con không có tình bằng con chó nhỉ?

Bà đồ, cô Bích vừa về đến sân, làm cho câu chuyện bị đứt. Cô Ngọc vội vàng đi ra nơi khác, nhường chỗ cho mẹ nói chuyện với chồng. Nhưng mà bấy giờ bụng cô vẫn bồi hồi không nguôi, mỗi lúc trông thấy Vân Hạc, hình như cơn uất lại nghẽn lên cổ, tuy đối với chàng, cô vẫn nồng nàn kính yêu và ở trước chàng, cô vẫn giữ được vẻ mặt vui vẻ.

Mãi đến ba, bốn hôm sau, khi nghe lỏm những câu Vân Hạc nói với ông đồ hoặc các bạn hữu về cái duyên cớ làm cho chàng hỏng, cô mới băn khoăn hối hận và tự thấy mình đã oán trách chồng một cách vô lý.

Từ đó, cô không trách gì Vân Hạc, nhưng lại trách cái số phận của mình: "Anh chàng thi cử vất vả thế này, có lẽ cũng là tại mình. Bởi vì số mình không được làm bà, cho nên anh ta mới bị hỏng mãi.

Có đời nhà ai quyển thi "quán trường", quan trường đã định lấy đỗ thủ khoa, rút cục chỉ vì cái tội trẻ tuổi mà đến hỏng tuột? Nếu không vạ lây vì cái số phận của mình, anh ta có đâu lại bị tai hại như thế?" Bởi cô nghĩ thế, nên cô lại rất ái ngại cho chàng. Và cô thương chồng bao nhiêu, cô càng đau xót cho cái số kiếp của cô bấy nhiêu. Những lúc đi chợ, nhiều khi cô đã cất lẻn đến hỏi những cô thày bói, hay là những ông thày số. Nhưng mỗi người nói mỗi khác, kẻ đoán cô lấy chồng làm nên, người bảo cô chỉ có số thanh nhàn, chứ không có số phú quý. Chẳng biết tin ai là phải, cô rất ghê sợ cho cái tương lai của mình. Nhiều lúc vô sự, nhớ đến cái ngày bị bệnh, mê man, lảm nhảm xưng là bà thám, bà bảng, tự nhiên cô thấy hổ thẹn vô cùng, chỉ muốn giấu cái mặt đi, không muốn trông thấy ai nữa. Vì cô không biết sau này đời mình có được vậy không?

Bây giờ thì không thế nữa. Những sự phiền uất của cô cũng giống như bát nước nóng, mỗi ngày nó mỗi nguội dần. Bây giờ cô đã quên hẳn cái việc hỏng thi của chồng, và chỉ tính ngày tính tháng, mong cho chóng đến tháng mười, để chồng lại đeo lều chõng vào trường. Là vì tháng mười năm nay lại có thi hương, khoa này mới là chính khoa, còn năm ngoái là ân khoa.

Vì cô sốt sắng với đường công danh của chồng như vậy, cho nên nhiều lần Vân Hạc tỏ ý chán sự thi cử, thì cô lại cố kiếm lời ngọt ngào khuyên can một cách thấm thía, khiến cho lòng chàng cũng thêm phấn khởi và lại chịu khó để tâm về việc sách đèn.

Đêm nào cũng vậy, cô đều cố thức rất khuya, hoặc dệt vải, hoặc đánh ống, đánh suốt, hay là khâu vá quần áo, bao giờ Vân Hạc nghỉ học, bấy giờ cô mới đi nằm. Nhưng dù thức khuya mặc lòng, những lúc Vân Hạc còn đương đọc sách, xem sách, cô không bước chân vào trong buồng học, sợ làm ngăn trở việc học của chàng.

Sáng nay, gà mới cất tiếng gáy thứ nhất, cả nhà còn đương yên giấc, cô đã lật đật trở dậy. Vì phải quét dọn nhà cửa và phải sắp sửa mâm bát làm cơm để đến trưa nay thết đãi các ông trong hội Kính lạc.

Hồi ấy trong nước đã yên, việc học đã dần dần trở lại cảnh thịnh vượng của đời Lê, hầu khắp các tỉnh trung châu, học trò đều có lập ra những hội văn học, người ta gọi là văn phả, Kính lạc. Văn phả của vùng Vân Trình cũng như các văn phả của hạt khác, chủ ý chỉ để làm nơi luyện tập văn chương của các học trò gần đấy. Văn phả ấy dựng

lên đã mười năm nay, người ta mời cụ nghè Quỳnh Lâm và cụ cử Mai Đình làm trưởng. Thường lệ cứ đến năm nào có khoa thi, thì một tháng hai kỳ, người trong văn phả họp lại một chỗ để cùng làm văn nhật khắc. Đầu bài do hai cụ trưởng ra cho, văn làm xong rồi, cũng lại đưa nhờ hai cụ chấm giúp. Các cụ làm trưởng văn phả, chỉ để khuyến lệ học trò, không có lợi lộc gì cả. Người trong văn phả, ngoài việc mừng phúng các bạn đồng phả, quanh năm không phải đóng góp đồng nào. Chỗ hội họp của văn phả cũng không nhất định, nay ở làng này, mai ở làng khác, hoặc do một người trong hội mời về, hoặc do tổng lý hiếu học mời đến. Làng nào có người mời, văn phả sẽ làm văn ở làng ấy. Theo lệ, những người sở tại chỉ phải cung đốn trầu nước, điếu đóm mà thôi. Nhưng nếu ai có hảo tâm, thết đãi chè rượu, văn phả cũng không từ chối.

Kỳ này đến lượt Vân Hạc đón về Vân Trình. Mọi lần văn phả vẫn làm văn ở các đình chùa, vì số anh em trong phả có đến ngoài bốn chục người, nhà tư không đủ chỗ chứa. Lần này vì ông đồ Vân Trình muốn thết đãi các bạn của rể một tiệc để mua vui cho cảnh già, cho nên mới bảo Vân Hạc hẹn các anh em về nhà mình.

Từ mấy hôm trước, ông đồ đã dặn cô Ngọc sắp sẵn các đồ làm rượu và bảo mấy người con em trong làng phải đến phục dịch.

Lúc ấy cô Ngọc rửa mặt chải đầu vừa xong, bọn người phục dịch cũng vừa kéo đến. Bấy giờ cả nhà đã đều trở dậy. Theo lời dặn của ông đồ, cô nhờ bọn đó, mỗi người giúp đỡ mỗi việc: kẻ thì kê lại giường ghế trên nhà thờ, người thì quét sạch nền nhà tiền tế và trải chiếu liền, chiếu lỉa la liệt xuống đó.

Cái việc lặt vặt đã yên, cô bảo họ vào chuồng bắt lợn làm thịt.

Mặt trời lên khỏi mặt đất chừng hai con sào. Đốc Cung và độ hơn mười người nữa lẻ thẻ kéo tới. Thấy cô lật đật chạy ra chạy vào, Đốc Cung cười hỏi:

– Chị giết lợn để thết chúng tôi đấy chắc?

Cô lễ phép đáp:

– Phải ạ! Thày em muốn mời các bác hôm nay ở đây xơi rượu.

Đốc Cung vẫn cười.

– Cái đó tôi biết rồi. Nhưng chị làm rượu bằng cả con lợn, thì cũng hoang quá.

Cô vui vẻ nói:

– Thưa bác, có gì mà hoang? Thày em còn muốn mời thêm mấy ông trong họ và trong làng nữa. "Khách ba chúa nhà bảy", nếu không giết lợn thì cũng không thể đủ.

Rồi đó, Đốc Cung và những người kia cùng theo Vân Hạc lên nhà thờ sau khi đã chào ông đồ ở nhà khách.

Chừng nửa giờ nữa, anh em văn phả cùng đến đủ mặt. Cũng như bọn Bùi Đốc Cung, ai nấy kéo lên nhà thờ và ngồi ngổn ngang ở khắp các chỗ. Bút mực lổng chổng bày ở trên chiếu. Nón sơn nón dứa ngổn ngang úp lên mặt tường. Giữa những tiếng nói huyên thiên, Nguyễn Khắc Mẫn xăm xăm tiến vào với mảnh giấy đầu bài mới lĩnh ở nhà cụ nghè Quỳnh Lâm.

Kỳ này tập theo thể lệ của kỳ đệ tam trong chương trình thi hội, cụ nghè ra cho ba bài: một bài chiếu, một bài biểu và một bài luận. Bài thứ nhất là "Nghĩ Đường Thái Tôn quảng học xá tăng sinh viên chiếu". Bài thứ hai là "Nghĩ Tống Giao mong tứ cập đệ tạ ân biểu". Còn bài thứ ba thì là: "Hán văn cung kiệm luận".

Sau khi coi các đầu bài, Đốc Cung bảo với Vân Hạc:

– May được hai bài "tứ lục" đều ít cổ húy.

Khắc Mẫn chưa làm tứ lục bao giờ, cho nên chưa hiểu lề lối, liền hỏi:

– Cổ húy là thế nào?

Vân Hạc đáp:

– Tức là tên húy của đời cổ. Thí dụ như bài chiếu này, mình làm ra lời vua Thái Tôn nhà Đường, thì kiêng chữ "uyên", chữ "dân", vì "dân" là tên "Thái Tôn", mà "uyên" thì là tên bố "Thái Tôn". Còn bài biểu phải làm ra lời Tống Giao, thì không được dùng chữ "nghĩa" chữ "dận". Vì Tống Giao là người đời Tống, mà chữ "dận", chữ "nghĩa" thì là tên Tống Thái Tổ và Tống Thái Tôn, không lẽ ông Trạng nhà Tống lại không kiêng tên ông vua nhà Tống hay sao? Đấy là tôi mới nói qua, thực ra còn phải kiêng nhiều chữ nữa, ví như tên mẹ, tên bà các ông vua kia chẳng hạn.

Khắc Mẫn lắc đầu:

– Trời đất ơi! Kiêng một chữ húy đời nay chẳng đủ chết ư? Lại còn kiêng cả chữ húy đời xưa! Vậy làm thế nào mà biết những của tội ấy?

Đốc Cung đáp:

– Vào trường mà quên thì đành chịu phép, nhưng đây là làm văn ở nhà, quên đâu cứ việc giở sách tra đấy, lo gì!

Câu chuyện vừa hết, một lũ chừng bảy tám cậu học trò tí nhau vừa ở phía nhà khách lau tau kéo lên. Cậu này xách ấm nước, cậu kia bưng chiếc chiếu đàn, vài ba cậu khác lễ mễ ôm những chồng bát hoa cúc. Sau một hồi "lạy các bác ạ" nhao nhao tự ngoài đầu thềm đưa vào, các cậu lần lượt đặt hết đồ đạc vào các ghế chiếu.

Cuộc hành văn bắt đầu.

Ba gian nhà thờ và ba gian tiền tế đã thành một khu trường thi, nếu có thêm một ít lều chõng.

Quang cảnh lúc ấy mới là kỳ dị. Nhà dưới cũng như nhà trên, các ông học trò xúm lại từng tốp, chỗ năm người, chỗ ba người, có chỗ đến sáu bảy người. Ông này rung đùi ngâm nga, ông kia viết lia viết lịa. Có ông khom khom cúi gù lưng tôm. Có ông úp ngực sàm sạp xuống chiếu. Bên cạnh mấy ông nằm ngang, kế đến vài ông nằm dọc. Sau lưng những ông chổng đầu trở ra, lại có các ông quay đít trở vào. Họ bàn nhau, họ bẻ nhau, họ hút thuốc vặt, họ hỏi nhau về những chỗ sách bị quên. Trong nhà lúc thì im lặng như tờ, lúc lại ầm ầm như chợ vỡ.

Mặt trời từ từ lên khỏi ngọn bưởi, ánh nắng lui xuống nửa bức mành mành. Tự nhiên thấy mất Khắc Mẫn, Vân Hạc tưởng thày trốn lên nhà học làm văn cho tĩnh, cho nên cũng không để ý. Nhưng khi chàng về nhà học thì cũng không thấy, hỏi khắp mọi người chẳng ai biết thày đâu cả. Gần trưa, Vân Hạc đã viết xong một bài chiếu và nửa bài biểu, Khắc Mẫn vẫn chưa về. Cả nhà đều lấy làm lạ. Người ta cho là Khắc Mẫn không quen nghề văn tứ lục, nên thày bỏ không viết nữa. Thình lình có cậu học trò bé con ngơ ngác chạy vào nói nhỏ với Vân Hạc:

– Thưa cậu, ông Mẫn làm sao không biết, cháu thấy ông ấy vào trong chuồng tiêu từ sáng đến giờ chưa ra.

Vân Hạc cười phì:

– Không lẽ nó định chiếm cái nhà xí của mình?

Rồi chàng lật đật chạy ra sau vườn và gọi thật lớn:

– Mẫn ơi, mày ngủ trong ấy đấy à?

Khắc Mẫn huỳnh huych từ trong chuồng tiêu chui ra và khì khì cười không trả lời.

Thì ra thày đương cố nghĩ một câu tứ lục mà nghĩ không ra, tâm thần mải miết đi theo tư tưởng, khiến thày không ngửi thấy mùi hôi nồng và quên rằng mình đương ngồi trong nhà xí. Nếu như Vân Hạc không gọi, chưa biết thày sẽ ở đó đến bao giờ.

Trở lên nhà thờ, Vân Hạc vừa cười vừa nói với đông cả đám:

– Té ra ông ấy nghĩ văn ở chuồng tiêu. Thật không kém gì Âu Dương Tu.

Rồi chàng tiếp:

– Ở sách *Quy điền lục*, ông Âu Dương Tu có nói: bình sinh ông ấy làm văn, phần nhiều ở ba chỗ "trên": trên gối, trên chuồng xí và trên lưng ngựa. Vì những chỗ đó đều rất có thể nảy ra tứ văn. Có lẽ ông Mẫn nhà mình cũng định đi tìm tứ văn như cụ Âu Dương đây hẳn?

Khắc Mẫn vừa vào. Cả đám đều phá lên cười. Đốc Cung nói chêm:

– Thằng nào vô phúc hôm nay ngửi văn ông Nguyễn Khắc Mẫn!

Trời đã đúng trưa, quyển của học trò đóng dấu nhật trung gần hết. Người nhà ông đồ nghễu nghện bưng lên những mâm xôi chè đầy lù. Sau khi xin phép các ông học trò, bọn đó lần lượt đặt hết các mâm vào khắp các dãy giường chiếu.

Ông đồ với bộ khăn áo chỉnh tề, cung kính đi khắp các chiếu để mời anh em điểm tâm. Rồi ông cũng ngồi luôn đó uống nước với họ.

Tiệc nước cử hành trong khoảng nửa khắc, cuộc hành văn lại tiếp tục một cách sốt sắng. Nhiều người đã xong bài chiếu, có người xong cả bài biểu, tiếng ngâm vang mấy gian nhà, như muốn làm xô các lớp mái ngói.

Vân Hạc mọi ngày làm văn rất nhanh, hôm nay vì phải luôn luôn chạy đi chạy lại, cho nên cũng mất thì giờ. Mặt trời tà tà, chàng mới viết được đủ quyển, lại phải trở về nhà khách xem sóc cỗ bàn.

Ngôi chùa đầu làng văng vẳng điểm tiếng chuông chiều. Ngoài nẻo điếm tuần, dịp trống thu không, mỗi lúc mỗi rút ngắn lại.

Bấy giờ hơn ba phần tư học trò đã viết xong quyển. Mấy ông chưa xong cũng phải viết quấy viết quá cho xong.

Trong mấy bộ dạ dày đựng chữ, hình như mấy bát xôi chè đã cùng theo chữ mà hóa ra văn, lắm ông đã thấy đói cuồng đói cuống. Những ông sỗ sàng càng thúc Vân Hạc có cho uống rượu thì bảo bưng mâm mau mau.

Các quyển đã được thu vào một đống, trường văn liền biến ra một đám khao. Dưới tiền tế cũng như ở trên nhà thờ, những dãy mâm giàng thẳng tắp chạy suốt từ ngoài cửa vào trong vách.

Một lần nữa, ông đồ chỉnh tề khăn áo ân cần mời bọn hậu sinh.

Mấy ông bạn già trong họ ngoài làng của ông cũng bị mời cả lên đó.

Dưới ánh sáng rực rỡ của hai dãy quang đèn, tiệc rượu răm rắp khai cuộc trong một cảnh tượng lễ độ và thân mật sau khi mấy người hơn tuổi đã thay mặt anh em đi chào cô Ngọc và bà đồ. Mặt trăng lên đến đỉnh đầu, cuộc rượu mới tan.

Bấy giờ đã cuối tháng hai, tiết trời bắt đầu ấm áp. Hết thảy mấy chục học trò đều ngủ lại đó. Mờ sáng hôm sau, mọi người lẻ thẻ ra về, trừ mấy ông bạn thân của Vân Hạc.

Trước sự sốt sắng của nhà vợ, Vân Hạc vô hạn cảm động. Chàng tự thấy rằng nếu mình không đỗ, thật là một kẻ đại tội với gia đình. Vì vậy chàng càng cố gắng, mỗi tháng ngoài những kỳ tập ở trường cụ bảng Tiên Kiều, chàng không bỏ một kỳ văn nào của anh em văn phả. Từ đấy đến ngày sắp đi thi, ròng rã trong bảy tám tháng, trừ những lúc ăn lúc ngủ, tay chàng cơ hồ không rời quyển sách lúc nào.

Thấy chồng mải miết về việc đèn sách, cô Ngọc sung sướng rất mực.

XIX

Lần này cái việc đi thi đối với Vân Hạc đã thành một việc rất thường, không hơn gì việc vợ chàng đi chợ. Vì đã hỏng đến ba khoa liền, chàng không dám coi là việc long trọng. Tuy rằng trước ngày khởi hành, họ nội họ ngoại cũng vẫn tiễn tặng cầu chúc như xưa, nhưng mà người ta ân cần với chàng bao nhiêu, chàng càng tự thẹn bấy nhiêu.

Cái đáng cho chàng áy náy hơn hết là sự săn sóc chu đáo của cô Ngọc.

Trong bộ hành trang của chàng, nào tiền bạc, nào áo quần, nào đồ dùng lặt vặt, nào lọ thuốc gió để phòng giữ mình trong khi trái tiết trở trời, cái hôm chàng sắp trẩy trường, cô đã sắp sửa cho nữa. Chính tự tay cô bí mật buộc lều chõng, kiểm soát bút mực giấy má của chàng khi chàng bước chân ra đi. Sự chu trí ấy nó đã khiến chàng cảm động bồi hồi, và tự nghĩ thầm: "Tội nghiệp, đàn bà cũng

thích công danh đến vậy! Khoa này nếu mình hỏng nữa, thì phụ lòng vợ biết chừng nào". Vì vậy, chàng phải từ chối tất cả những món tiền tặng của họ xa họ gần. Với các thức của vợ dự bị, chàng đã lủi thủi lên đường một cách không trống không kèn. Bấy giờ Đoàn Bằng đã chán trường ốc, Tiêm Hồng thì đương bị bệnh, cả hai đều cáo không thi. *Trong nhà trọ chỉ có chàng và Đốc Cung, Khắc Mẫn, ông chủ nhà* trọ tuy vẫn hết sức quý trọng, nhưng quang cảnh vẫn không vui bằng năm xưa.

Ở trọ thấm thoắt đã gần hai tháng, chàng không về quê lần nào.

Mọi khoa, mỗi kỳ thi xong, chàng đều vững chắc trong lòng, khoa này mỗi lần ở trong trường ra, chàng lại băn khoăn lo ngại, không biết kỳ sau có được vào không!

May sao trong ba kỳ thi trước ba người đều được vào cả. Đến kỳ thứ tư, Khắc Mẫn bị hỏng, chàng và Đốc Cung hết sức ngậm ngùi. Vì có Đốc Cung với chàng cố tình chèo kéo, khuyên hãy ở lại xem bảng tú tài, cho nên Khắc Mẫn cũng không về vội.

Nhiều lần Đốc Cung, Khắc Mẫn dắt nhau đi chơi bê tha họ cũng rủ chàng, nhưng chàng nhất định không đi. Những lúc đó một mình nằm buồn, nhẩm lại văn bài các kỳ, và thấy kỳ nào của mình cũng rất xuất sắc, chàng cũng tự nhủ: "Không lẽ văn chương thế này mà còn hỏng nữa". Nhưng cái tự phụ chỉ là chuyện trong chốc lát, còn sự lo hỏng thì vẫn quanh quẩn theo chàng suốt ngày suốt đêm. Không phải chàng quá mê man về đường công danh. Nhiều khi chàng đã tự hỏi: "Đỗ để làm gì". Ngoài cái ý định làm cho sướng lòng người vợ thân yêu, chàng không nhận thấy sự thi đỗ đối với đời ấy còn có ý nghĩa gì khác. Thế mà không hiểu vì sao chàng chỉ nơm nớp sợ rằng không đỗ.

Tuy chàng luôn luôn lo ngại, nhưng ở quanh chàng anh em họ mạc đều rất vui mừng. Từ khi được tin chàng vào phúc hạch, Hải Âu, Đoàn Bằng, Tường Loan, Cương Phượng, tức thì rủ nhau ra chơi. Rồi thì bà con của Đốc Cung, Khắc Mẫn cũng đều lục tục kéo đến để mừng người nhà của họ. Nhà trọ lúc nào cũng đầy những người.

Sau khi coi những bản giáp các kỳ của chàng, mọi người đều phải tấm tắc khen ngợi, Hải Âu, Đoàn Bằng cho là hai kỳ thơ phú, văn sách phê ưu được cả. Rồi cả nhà đều nhắc đến đạo chỉ dụ khoa trước, ai cũng quyết là chàng đỗ thủ khoa.

Nhưng, sự dự đoán ấy vẫn không thể làm cho chàng vui lòng tuy là nó rất có lý.

Bởi vì chàng tự biết chàng hơn ai hết. Trước kia chàng vẫn tin ở tài học. Có học, có tài, tự nhiên phải đỗ, mọi năm chàng vẫn nghĩ thế. Song từ trận hỏng khoa trước, chàng thấy cái học cái tài không đủ bảo đảm cho việc khoa trường, thì chàng lại tin ở số mệnh. Và chàng cho rằng hỏng hay đỗ chẳng qua là sự may rủi. Nếu như học giỏi văn hay mà đỗ thì năm ngoái mình đã đỗ rồi. Chỉ của triều đình năm ngoái tuy có hứa cho mình đỗ thủ khoa thật đấy, nhưng năm ngoái một ông chủ khảo, năm nay một ông chủ khảo, biết rằng người ta có nhớ nhời cũ mà nhắc lại cho không?

Ấy cũng vì thế mà ai rằng đỗ mặc ai, chàng vẫn gờm gờm trong bụng.

Tóm lại, lúc ấy chàng cũng giống như con chim đã hai ba lần phải cung, bây giờ lại thấy cây cong, tự nhiên là phải chột dạ, cho nên những khi cả nhà chè chén cười đùa, chàng cũng cố làm ra bộ vui vẻ, nhưng hễ chợt nghĩ đến nạn khoa cử, nét mặt lại hiện ra vẻ bần thần.

Nhất là từ đêm đến giờ, tim chàng thấy hồi hộp hơn nữa.

Bởi vì ngày nay là ngày xướng danh, cái ngày quyết định sự thắng bại của chàng.

Từ lúc trống canh mới điểm bốn tiếng, chàng đã trằn trọc không thể nằm yên, hình như Đốc Cung cùng một tâm trạng như chàng cho nên cũng thấy luôn luôn cựa cậy.

Con gà hàng xóm mới cất tiếng gáy. Ông chủ nhà trọ đã khua thằng nhỏ phải dậy đốt đèn đun nước. Ánh sáng chói vàng của ngọn lửa đóm lùa vào trong nhà làm cho cả nhà đều phải thức giấc và đều ngồi dậy.

Ngoài sân còn tối như bưng. Gió bấc vật các tầu cau phành phạch. Hơi lạnh của những giọt sương mới dong theo các khe cửa thun thút lùa vào trong nhà. Mọi người đều thít tha kêu rét. Vân Hạc, Đốc Cung dường như cảm thấy sự rét nhiều hơn. Cả hai đều run cầm cập, tuy ở sau lưng vẫn quàng bức chăn sù sù.

Với bộ mặt tươi như con rói, ông chủ nhà trọ tay xách siêu nước, tay bưng khay chén, đặt vào giữa phản và bảo người em Đốc Cung:

– Cậu pha nước giùm, để tôi chạy lên cửa trường xem sao.

Và không đợi ai trả lời, ông ấy nhanh nhẩu quay ra, và nhanh nhẩu xuống thềm đi thẳng.

Trời rạng đông. Hồi trống tan canh lần lượt dồn nhau ở các đầu phố. Mấy chị hàng quà õng ẹo rao bằng những tiếng chua lòm. Bấy giờ Vân Hạc, Đốc Cung ruột gan càng nóng hôi hổi, thì giờ của hai chàng lúc ấy mỗi phút một thấy quan hệ.

Dưới ánh đèn le lói, trong nhà như vẽ ra một cảnh tượng hỗn tạp. Hải Âu, Đoàn Bằng thản nhiên như thường, Khắc Mẫn buồn như chấu cắn, Vân Hạc, Đốc Cung luôn luôn có vẻ băn khoăn. Các ông họ Nguyễn, các ông họ Bùi cũng như Cương Phượng, Tường Loan, ai nấy cười cười nói nói vui như tết.

Tuần chè thứ nhất đã cạn khắp lượt, Hải Âu rẽ ràng bảo Vân Hạc, Đốc Cung:

– Bác và chú đừng lo, tôi chắc thế nào cũng đỗ.

Rồi thày tiếp:

– Tôi tính trên đời không gì sướng bằng lúc bắt đầu biết mình thi đỗ. Vì sự thi đỗ đối với học trò giống như một cuộc đổi lốt, nó đã làm cho người ta trút hết những hoàn cảnh cũ, đi đến hoàn cảnh mới.

Đốc Cung cười:

– Thế sao bác không đi thi?

Hải Âu cũng khôi hài:

– Tôi phải nhường cho bác chứ sao!

Trời mờ sáng, ngoài phố xôn xao tiếng người. Ông chủ nhà trọ tất tả chạy về.

– Thưa các quan, cửa trường đã mở rồi ạ! Lính tráng đã khiêng hai chiếc ghế tréo ra đấy rồi ạ. Hai ông quản tượng đã dắt hai ông voi già đợi ở ngoài trường rồi ạ!

Rồi quay thẳng xuống phía nhà dưới, ông ấy quát tháo người nhà:

– Chúng bay làm cơm mau lên, để hai quan tân khoa xơi rượu, rồi các ngài còn phải đi lĩnh mũ áo!

Đốc Cung phì cười:

– Có lẽ ông này sẽ lấy hai thằng đỗ cả đây chắc? Sao mà quyết đoán như vậy?

Ông chủ nhà trọ nghe thoảng vào tai liền đáp:

– Vâng cháu quyết lắm. Cháu quyết ba quan năm nay đỗ cả, hai quan cử nhân, một quan tú tài. Bởi vì hồi đầu tháng mười, cháu đã ba lần mơ thấy nhà cháu bị cháy, hai lần cháy to, lửa bốc rực trời, và một lần cháy nhỏ. Đấy là điềm hai quan cử và một quan tú chứ gì?...!

Cố nhiên Vân Hạc vẫn không tin gì cái mộng của ông chủ nhà. Nhưng giọng nói sôi nổi của ông ấy cũng làm cho chàng cảm xúc rất mạnh, mất cả cơn lo. Và cũng không mừng. Chính chàng cũng không thể tả được tâm trạng của chàng lúc ấy ra sao, chỉ thấy trống ngực mỗi lúc một mạnh, tưởng như ngồi cạnh mấy thước cũng nghe rõ những tiếng thình thịch.

Tường Loan, Cương Phượng, người nhà Đốc Cung, người nhà Khắc Mẫn đều rối rít sắm sửa quần áo để lên cửa trường.

Trời sáng rõ, ngoài đường hàng xứ lũ lượt đi xem xướng danh. Vân Hạc, Đốc Cung đều không dám lộ mặt ra khỏi cửa, tuy rằng trong lòng cực kỳ náo nức, chỉ muốn xem ngoài ấy thế nào.

Tiêm Hồng rẽ ràng hỏi Đốc Cung, Vân Hạc:

– Bác và chú chắc đều chưa có áo tấc?

Đốc Cung khiêm tốn:

– Chắc gì chúng tôi đỗ được, mà bác hỏi đến cái đó?

Hải Âu xen:

– Kể ra cũng nên dự bị thì phải. Nếu không, lúc cần đến thì tìm đâu ra?

Ông chủ nhà trọ ở đâu chạy vào:

– Thưa các quan, nhà cháu có chiếc áo tấc mới may tháng tám vừa rồi. Nếu các quan dùng, cháu xin đưa ra và xin mượn thêm của cụ Bát bên kia chiếc nữa.

Khắc Mẫn hỏi:

– Tôi tưởng các anh ấy đỗ sẽ có mũ áo vua ban?

Tiêm Hồng đáp:

– Nhưng trước khi lãnh của nhà vua, nghĩa là sau khi người lính xướng danh gọi đến tên mình, mình đã phải mặc áo tấc kia mà! Vả lại, nhà vua ban mũ và áo cho các cống sĩ, là để các ông ấy mặc trong khi thi đình, không phải để dùng trong lúc xướng danh. Nếu mình không sẵn áo nhà thì làm thế nào?

Ông chủ nhà trọ đã toan đi xuống, lại quay mặt lại:

– Thưa các quan, cháu đã mua dấm con lợn rồi ạ! Khoa này quyết là các quan phải khao nhà trọ!

Rồi, ông ấy cười giòn khanh khách.

Vân Hạc vội ngăn:

– Ấy chết! Chắc về cái gì mà ông mua non mua già như thế? Nếu mà tủi thân con lợn là tại ông đấy.

Trời loe nắng, mấy con chào mào trên ngọn cau thi nhau đưa những tiếng hót đắc ý, như muốn chào ánh sáng tươi đẹp của trời mai.

Ngoài cổng có tiếng người chạy huỳnh huỵch. Tường Loan nhảy chân sáo từ ngoài tiến vào và thở hồng hộc:

– Anh Hạc đỗ...! Anh Hạc đỗ thủ khoa!

Nói hết một câu, Tường Loan như bị đứt hơi, anh ta ngồi phịch xuống phản để thở một hồi dài nữa. Vân Hạc lúc ấy trong mình không thấy cảm tưởng gì khác, nhưng trống ngực thì càng thúc già. Chàng muốn hỏi Tường Loan tại sao biết là mình đỗ, mà vẫn không hỏi được.

Đốc Cung bấy giờ mới thấy nóng lòng nóng ruột. Ngực chàng như muốn thi với ngực Vân Hạc, nó phát những dịp thình thịch dữ dội như trống hộ thủy.

Ngoài cửa lại có tiếng chân huỳnh huỵch chạy vào, Cương Phượng múa cả hai tay và nói bằng giọng hổn hển:

– Thủ khoa về anh Hạc rồi!

Tiêm Hồng đầy nét vui vẻ trên mặt:

– Ừ, có thế chứ! Khi nào triều đình lại quên lời hứa.

Rồi thày hỏi bọn Cương Phượng, Tường Loan:

– Nhưng đích là tai các chú nghe tiếng, hay mới thấy người ta kháo nhau?

Tường Loan đã bớt thở, liền thưa:

– Đích là tai em nghe tiếng! Bấy giờ em lên đến nơi, cửa trường đã đông nghìn nghịt, thiên hạ hàng xứ đứng chật vòng trong vòng ngoài. Thấy người ta reo quan chánh chủ khảo và quan đề điệu đã ra, em cố len vào trong lớp trong cùng, quả nhiên thấy có hai ông cầm hốt, đi hia, đội mũ cánh chuồn, mặc áo thủy ba đương xúng xính trèo

lên hai chiếc ghế tréo. Đấy hẳn là quan đề điệu và quan chủ khảo. Em đứng một lát, thì thấy một người ăn mặc giống như thầy thông.

Cương Phượng xen:

– Đấy là người lại phòng! Cái người cầm quyển sổ ấy chứ gì. Lúc ấy tôi cũng ở đấy.

Tường Loan vội đón.

– Phải! Cái người cầm quyển ấy. Ông ta nhìn vào quyển sổ, rồi nói nhỏ với người lính mặc áo nẹp đỏ sau đó, người lính ấy liền trông ra ngoài và gân cổ xướng một câu thật lớn như vầy:

"Cử nhân đệ nhất danh, Đào Vân Hạc! Niên canh nhị thập tam tuế, quán tại Sơn Tây tỉnh, Đào Nguyên xã".

Em nghe thấy tên anh Hạc, sướng quá đi mất, đương sắp lách ra, thì ở ngoài lại có người lính cũng áo nẹp đỏ, cầm loa ngửa mặt lên trời và lại gọi thêm lần nữa. Lúc em ra được bên ngoài, thì thấy hai người quản tượng cưỡi hai con voi đi ra hai ngả. Người ta bảo họ đi tìm ông thủ khoa, không biết có phải hay không?

Ông chủ nhà trọ lính quýnh chạy vào và góp một câu:

– Bẩm phải đấy ạ! Các ông quản tượng đi xướng danh ở các phố đấy ạ! Bẩm các quan, cháu nói có sai đâu? Các ngài đỗ cả ạ!

Rồi ông ta lập tức chạy xuống nhà dưới, rối rít giục người nhà bưng mâm để quan thủ khoa xơi rượu.

Vân Hạc lúc ấy không khác một người trong mộng, ruột gan tưởng như trăm hoa đua nở, đời chàng chưa có lúc nào thấy sự kích thích lạ lùng như lúc này. Chàng muốn cố giữ nét mặt bình tĩnh cho khỏi lộ vẻ mừng rỡ, nhưng mà không sao giữ được, những sự đắc ý như cứ thi nhau hiện trên đôi mắt đôi môi và nó bắt chàng đi đi lại lại khắp mấy gian nhà mà không tự biết.

Thằng nhỏ đã bưng mâm lên. Ông chủ nhà trọ cúi đầu chắp tay tỏ vẻ cung kính:

– Bẩm xin rước quan thủ khoa và các quan xơi tạm chén rượu.

Khắc Mẫn nhìn Hải Âu và nói:

– Tôi tưởng hãy để anh Hạc đi lĩnh mũ áo rồi về uống rượu cũng vừa. Hôm nay anh ấy phải tiếp chúng mình một bữa thật lâu, chứ nếu ăn chập, ăn chuội thì còn thú gì?

Ông chủ nhà trọ tỏ ra một người quen việc:

– Bẩm cuộc xướng danh còn mãi đến chiều mới xong kia ạ! Nếu quan thủ khoa không xơi cơm tạm, e rằng đói quá.

Hải Âu nối lời:

– Phải, ở trường thì cứ gọi được người này, mới lại xướng tên người khác. Thế mà các quan tân khoa nghe tên mình đã chịu ra ngay cho đâu? Các ngài còn trùng trình chán. Gọi hết hai nhăm ông cử, có lẽ phải đến chiều thật.

Hải Âu liền giục Vân Hạc, Đốc Cung và tất cả nhà cùng đi uống rượu, ai nấy vừa ngồi yên chỗ, bỗng thấy có tiếng ầm ầm. Rồi có tiếng trẻ con hò reo:

– Ồ kìa ông voi!

– À voi đi gọi các ông cử nhân mới đỗ.

Tường Loan, Cương Phượng và nhiều người khác vội bỏ mâm rượu đùng đùng chạy ra.

Một con voi già lụ khụ như dáng bà cụ đương ở đầu phố khệnh khạng đi lại với người quản tượng bệ vệ ngồi trên chiếc bành. Nghênh ngang giơ cái loa đồng lên trời, người quản tượng lấy hết hơi sức mà xướng:

"Cử nhân đệ nhất Đào Vân Hạc! Niên canh thập nhị tam tuế, quán tại Sơn Tây tỉnh, Đào Nguyên xã!".

Nhờ con voi già lệch thệch kéo đi, hồi loa ấm óe chạy từ đầu phố mãi đến cuối phố mới hết. Người quản tượng tạm nghỉ giây lát, rồi lại chiếu lại một hồi loa khác.

Chờ cho con vật theo lũ trẻ con hàng xứ rẽ sang phố khác, Tường Loan, Cương Phượng và các người kia mới cùng trở vào. Mâm cơm vẫn còn chờ đợi, Vân Hạc nhìn Đốc Cung và nói một cách đắc ý:

– Bây giờ tao quyết là không hỏng nữa.

Đốc Cung ra bộ lo ngại:

– Còn tao không biết thế nào.

Rồi đó, ai ngồi vào chỗ của nấy. Vân Hạc cũng như Đốc Cung, chẳng thiết gì sự ăn uống. Bữa cơm chỉ trong chốc lát thì xong.

Ông chủ nhà trọ đệ lên hai chiếc áo tấc xếp trong khăn gói:

– Thưa các quan, tôi đã sắp sẵn đôi áo, để quan thủ khoa và quan cử mới dùng tạm.

Đốc Cung xua tay:

– Cái nào của quan thủ khoa thì để lại đây, còn cái nào ông mượn cho tôi thì xin cất đi, chưa chắc tôi có dùng đến hay không.

Ông chủ nhà trọ tươi cười:

– Bẩm có ạ. Cháu chắc thế nào lát nữa ngài cũng phải dùng.

Hải Âu pha trò:

– Thôi thì cứ đem đi cả, hễ bác Cung không mặc thì tôi mặc!

Rồi Hải Âu bảo ông chủ nhà trọ cho thằng nhỏ cắp chiếc khăn gói theo hầu. Mọi người lũ lượt kéo đi, ở nhà chỉ còn Đốc Cung với bộ ruột gan nóng như lò lửa.

Trẻ con hàng phố sao mà tinh quá? Vân Hạc vừa nhô ra cửa, chúng đã vỗ tay bảo nhau:

– A, ông thủ khoa đây rồi!

– Ồ, ông thủ khoa trẻ nhỉ!

– Không biết ông thủ khoa đã có vợ chưa?

Hàng trăm con mắt chòng chọc trông vào, kẻ khen ông thủ khoa đẹp, người bảo ông thủ khoa tươi.

Giữa sự chỉ trỏ nhìn ngắm của hàng xứ, Vân Hạc theo bọn Hải Âu đủng đỉnh lên phố Trường Thi. Khi sắp tới nơi, ở nẻo xa xa có tiếng thỏ thẻ đưa lại:

– Ai muốn xem mặt ông thủ khoa mới thì ra! Ông ấy đã đến kia kìa!

Theo sau mấy tiếng õng ẽo, đào Phượng, đào Cúc thướt tha dẫn lại với một bộ điệu õng ẹo.

Tới gần Vân Hạc, hai ả chắp tay vái dài và cười bằng nụ cười nhà nghề:

– Bẩm quan thủ khoa đã lên ạ! Một năm trời nay mất quan thủ khoa, chúng em tưởng...

Vân Hạc sẽ hỏi:

– Tưởng chết mất rồi, phải không?

Hai ả cùng đáp:

– Đâu dám thế? Chúng em tưởng rằng ngài bán cái xới Hà Nội.

Vân Hạc vội vàng lảng ra:

– Thôi hãy hãm các chuyện lại, để dành đến hôm tôi khao nhà trọ. Bây giờ lỗ tai người ta còn nghe xướng danh.

Và chàng đưa mắt cho cả hai ả, như muốn tỏ rằng có các ông anh cùng đi, không tiện nói chuyện.

Đào Phượng cố ý hỏi thêm câu nữa:

– Thế còn anh Cung đâu mất?

Vân Hạc sẽ đáp:

– Anh ấy sắp lên bây giờ.

Đào Cúc vỗ tay:

– Thế thì sung sướng quá nhỉ! Chúng ta đi đón anh Cung!

Hai ả tiến xuống nẻo dưới, Vân Hạc và bọn Hải Âu thì đi lại phía cửa trường.

Người ở đâu đến mà nhiều như vậy? Trên một khu đất ở ngoài cửa tiền, đầu người lố nhố như một đám nấm sau trận mưa xuân, kẻ lách ra, người cố chen vào, không biết họ xem cái gì.

Vân Hạc đứng chờ một hồi khá lâu, chàng đã bồn chồn nóng ruột, bỗng có tiếng loa ậm ọe đưa ra cũng đúng như tiếng lúc nãy:

"Cử nhân đệ nhất danh Đào Vân Hạc! Niên canh nhị thập tam tuế, quán tại Sơn Tây tỉnh, Đào Nguyên xã!".

Tiếng "xã" vừa dứt, Vân Hạc liền bảo thằng nhỏ nhà trọ:

– Mày to tiếng, dạ đi hộ tao!

Thằng nhỏ quay mặt trở vào, ưỡn ngực dạ một tiếng thật lớn.

Như đoàn tên của toán lính cung nỏ chĩa vào quân địch, trong đám đông có bao nhiêu mắt đều đổ xô về phía Vân Hạc. Người ta ồn ào hỏi nhau:

– Không biết ông nào là ông thủ khoa?

Thằng nhỏ nhà trọ liền mở khăn gói lấy chiếc áo tấc cho Vân Hạc.

Với một dáng bộ hùng dũng như ông mãnh tướng phá vòng vây, người lính áo nẹp theo chỗ tiếng dạ múa roi dẹp đánh hàng xứ, để cho khu đất cửa trường có một lối đi. Theo người lính ấy, Vân Hạc lính xính đi vào với Cương Phượng.

Trên chiếc ghế tréo kê ở phía hữu, ông chánh chủ khảo với chiếc mũ cánh chuồn đương ôm cây hốt ở ngực, đối nhau với ông chánh đề điệu và chiếc mũ võ ngồi ở mặt ghế phía tả.

Sau khi vái chào quan chánh chủ khảo, Vân Hạc quay sang vái chào quan chánh đề điệu.

Bằng một giọng trọ trẹ khó nghe, ông chánh chủ khảo nói những câu gì không rõ, rồi ông chánh đề điệu chỉ đám mũ áo để trên một chiếc án thư cạnh đó, bảo người lính hầu chọn cho Vân Hạc mỗi thứ một chiếc. Vân Hạc đón áo và mũ đưa cho Cương Phượng, một lần nữa chàng cúi chào hai vị quan trường tỏ ý cám ơn. Hai tên lính đưa chàng đi thẳng vào nhà Thập đạo.

Bấy giờ trong nhà Thập đạo, các ông sơ khảo, phúc khảo, các ông đề điệu đã họp đông đủ.

Hôm nay quang cảnh khác hẳn mọi ngày. Trước nhà Thập đạo, một tòa rạp cót chạy dọc, tênh hênh dựng ở giữa trời. Hai bên cạnh rạp, hai bức chấn song tre tươi hững hờ ngăn khu lòng rạp với phía ngoài rạp. Dưới rạp, hai dãy chiếu hoa cạp đỏ sàm sạp trải trên mặt đất.

Theo lời chỉ dẫn của người lính đưa đường, Vân Hạc ngồi vào chiếc chiếu đầu hàng bên lẻ. Cương Phượng cắp gói mũ áo trang nghiêm đứng ở đằng sau. Vân Hạc còn đương phân vân không biết đã nên đội mũ và mặc áo mới hay chưa, một ông sơ khảo vừa xuống bảo cho chàng biết những mũ áo đó ngày mai làm lễ tạ ân mới phải dùng đến.

Rồi các khảo quan lần tới đó hỏi chuyện. Các ngài nhắc lại văn bài các kỳ và khen Vân Hạc là bậc tài hoa.

Ngoài trường lúc ấy đã xướng đến tên ông cử thứ hai.

Chừng một giờ sau, thì ông á nguyên đi với người lính áo nẹp vào rạp và ngồi góc chiếu ở đầu hàng chẵn.

Với ông đó, Vân Hạc tuy chưa quen bao giờ, nhưng ngay lúc đó, cái nghĩa đồng khoa, đã làm cho hai người coi nhau rất thân và rất tương đắc.

Từ đó trở đi, cứ chừng một giờ, trong rạp lại thêm một ông cử nữa.

Mặt trời ở mái Thập đạo nhòm xuống, ánh nắng xuyên qua lỗ cót, khoang khủa in vào mặt chiếu, ngoài cửa văng vẳng có tiếng "Đốc Cung", Vân Hạc vội để ý nghe, tiếng loa vừa ậm ọe gọi:

"Cử nhân đệ bát danh Bùi Đốc Cung! Niên canh nhị thập nhị tuế, quán tại Hà Nội tỉnh, Trúc Lâm xã".

Vân Hạc mừng quá, chàng liền đem hết gia thế, tính tình, tài học của Đốc Cung kể với các bạn đồng niên.

Một hồi khá lâu, mới thấy Đốc Cung ve vẩy đôi tay khấu của chiếc áo tấc lụng thụng đi vào với người cháu họ cấp bộ mũ áo của chàng vừa lĩnh. Người chàng khi ấy đã thành một thiên trào phúng rất có ý vị, khiến cho Vân Hạc không thể nín cười.

Các ông vào trước lần lượt khai tên khai họ với ông vào sau. Giữa cuộc gặp gỡ của cửa Khổng sân Trình, câu chuyện thanh khí mỗi lúc mỗi nồng nàn đằm thắm.

Mặt trời tà tà, hai nhăm ông cử đến đã đủ mặt.

Trong đó có đến bảy ông đều là học trò cụ bảng Tiên Kiều.

Sau khi bảng cử nhân và bảng tú tài đã yết ở ngoài cửa trường, hai ông chủ khảo đề điệu lại về trong nhà Thập đạo. Lúc ấy quan Tổng đốc Hà Nội mới vào trong trường chúc mừng các ông tân khoa, và hẹn giờ mão ngày mai đến đây ăn yến.

Rồi đó các ông tân khoa đồng thời đứng dậy và cùng giải tán theo mệnh lệnh của quan chủ khảo.

Ra khỏi cửa trường, Vân Hạc, Đốc Cung liền cởi áo tấc trao cho thằng nhỏ nhà trọ. Hai chàng định cố chen vào xem bảng tú tài, vừa thấy Tường Loan đi tìm và nói cho biết Khắc Mẫn được đỗ tú tài đội bảng.

Đốc Cung vui cười:

– Cứ như sức học anh ta thì đỗ đội bảng tú tài cũng phải. Nhưng giá được trên một người thì danh giá hơn.

Vân Hạc cũng cười:

– Đến anh Bằng tao năm ngoái cũng chỉ đỗ trên hai người, huống chi thằng Mẫn. Thôi thì đội bảng cũng được, miễn là được làm ông tú cũng sướng cho nó lắm rồi.

– Đến vài bước nữa thì gặp Hải Âu, Đoàn Bằng. Không hiểu ai đã báo tin cho biết, Khắc Mẫn lúc ấy cũng đã tới đó. Cả bọn nghênh ngang trở về với sự hoan hỉ của một toán quân thắng trận.

Tường Loan vừa đi, vừa kể:

– Lúc nãy có một ông cử lạ quá. Người lính xướng danh vừa bắc loa gọi, ông ta liền nắm hai tay đấm mãi vào chiếc nón sơn úp ngực, rồi nhảy như con choi choi và reo một thôi "sỏ lợn về ai". Lúc đầu ai cũng tưởng là người điên. Về sau có người nhắc rằng: "Sao không dạ đi", ông ta mới dạ một tiếng rất lớn, bấy giờ hàng xứ mới biết đấy là ông cử.

Hải Âu bật cười:

– Chắc là ông đó đã hỏng nhiều khoa, cho nên bây giờ được đỗ mới sướng như thế.

Mặt trời sắp lặn, cả bọn mới về đến nhà.

Quang cảnh nhà trọ đêm ấy cố nhiên phải cực náo nhiệt, sự vui vẻ có phần còn hơn đám hội. Ông chủ nhà trọ và nhiều người khác đều phải thức đến sáng bạch.

Hôm sau, vào khoảng nửa buổi, Vân Hạc, Đốc Cung sắm sửa khăn áo chỉnh tề rồi mỗi chàng đem một người xách gói mũ áo đến trường thi.

Bấy giờ quan trường đều đã tề tựu ở nhà Thí viện. Cụ bảng Tiên Kiều, cụ nghè Quỳnh Lâm, cụ cử Mai Đình và nhiều văn thân các tỉnh cùng bị mời đến.

Sau khi hai chàng vái chào khắp lượt, cụ cử Mai Đình liền nói cho các quan biết khoa này học trò cụ bảng Tiên Kiều chiếm một góc bảng cử nhân. Cử tọa đều hết sức ca tụng, phục cụ là bậc sư biểu của sỹ lâm.

Một lát sau, các ông cử mới lục tục đến dần. Theo lệnh quan chánh chủ khảo, hết thảy mọi người đều lên nhà Thí viện làm lễ.

Chính giữa Thí viện vừa mới thiết lập một chiếc hương án. Tàn vàng, tán tía phấp phới giương trên những ngọn bạch lạp sáng rực. Cảnh tượng khi ấy mới đẹp làm sao! Hàng mấy chục mũ cánh chuồn nghênh ngang, hàng mấy chục áo dài trào khoang khủa, rồi hàng mấy chục áo tấc màu lam tha thướt như lưới đánh cá.

Khói trầm nghi ngút bốc trên hương án, chiêng trống đua nhau đưa ra những tiếng tùng bu.

Cuộc hành lễ bắt đầu.

Đấy mới là lễ bái vọng. Quan chánh chủ khảo xúng xính vào trước. Qua năm lần hơng bái, ngài đi lùi ra và đứng sang phía bên hữu.

Đến quan phó chủ khảo. Cũng đủ hơng bái năm lần, rồi ngài cũng lùi xuống đứng sang phía bên tả.

Rồi đến các ông ngự sử, đề điệu, phân khảo, giám khảo, phúc khảo, sơ khảo, ai lớn vào trước, ai nhỏ vào sau, mỗi ông cũng phải hơng năm lần và bái năm lần.

Hết bộ quan trường, đến lượt quan Tổng đốc sở tại và văn thân các tỉnh.

Cũng như hai ông chánh phó chủ khảo, các ông sau này lễ xong cũng phải đứng ra hai bên. Ông nào ông ấy, hai tay chắp ngực, nét mặt nghiêm trang...

Bấy giờ mới đến các ông cử mới.

Đây là lễ tạ ơn nhà vua lấy đỗ. Cố nhiên mỗi người cũng phải năm lễ.

Hết hai trăm rưởi cái lên gối, xuống gối, các ông tân khoa cũng đứng dàn ra hai dãy.

Bây giờ đến lễ tạ ân mũ áo. Hai nhăm các ông tân khoa phải sì sụp một trăm hai mươi nhăm cái.

Lần này đến lễ tạ ơn cho yến. Mỗi vị tân khoa lại phải phủ phục thêm năm lượt nữa.

Xong cuộc tạ ân nhà vua, đến cuộc tạ ân phòng sư.

Những ông tân khoa đều tạ quan trường hai lễ.

Lúc này mới thật là hỗn độn, ông thì lễ sang phía tả, ông thì lễ sang phía hữu, có ông lễ vung tàn tán, chẳng biết mình lễ ai.

Tan các cuộc lễ, các quan và các ông cử đều ra ngoài rạp dự yến.

Tiệc này là yến lộc minh, do quan Tổng đốc sở tại lĩnh tiền trong kho giao cho đội tuần sửa soạn.

Theo lệ, các cỗ chia làm ba hạng: hạng nhất mỗi cỗ ba quan, hạng nhì kém đi năm tiền, hạng ba thì chẵn hai quan một cỗ.

Bấy giờ ở ngoài rạp cỗ bàn đã bày la liệt. Các quan khách và các cống sĩ, rồi các lại phòng, ai nấy cứ theo ngôi thứ mà ngồi.

Hai ông chánh phó chủ khảo ngồi riêng một bàn. Ông chánh đề điệu ngồi với các ông giám khảo. Quan Tổng đốc sở tại ngồi với các khách văn thân. Đấy là những cỗ hạng nhất, số người không nhất định.

Mấy ông phân khảo, ngự sử, và phó đề điệu ngồi với các ông phúc khảo, sơ khảo. Đây là cỗ hạng nhì, mỗi bàn bốn người.

Các ông cử mới và các lại phòng đều ngồi vào cỗ hạng ba. Cử nhân mỗi bàn cũng bốn người, lại phòng thì phải sáu người một bàn.

Các bàn ngồi vào vừa yên chỗ, ngoài cửa nghe có tiếng dép lẹp kẹp. Một lũ đào kép lố nhố tiến vào trước rạp với các sênh phách, đàn trống.

Thì ra hôm ấy là ngày đại yến, bao nhiêu danh ca trong tỉnh đều bị gọi đến hầu tiệc. Đào Phượng, đào Cúc cũng có ở đó.

Sau khi vái chào các quan, hai đào một kép xin phép ngồi xuống chiếc chiếu trải ngoài cửa rạp, còn các ả khác thì đến các mâm rót rượu.

Theo lời đề cử của quan tổng đốc sở tại, ông thủ khoa mới phải đánh chầu. Người kép liền đệ trống và roi chầu đến chỗ Vân Hạc.

Trống điểm, đàn dạo, phách giục chát chát, tiếng hát bắt đầu ngân dài, các bàn lần lượt lên chén.

Lúc ấy người ta mới kịp ngó tới các món trong mâm. Đại để gần giống những món trong các đám khao, đám cưới, cũng giò chả, cũng ninh nấu, cũng yến xào, vây cá, bào ngư, long tu..., chỉ hơn bốn bát trên mặt có cài những mảnh trang kim trổ hoa vẽ thuốc, sặc sỡ như tờ trang kim ở hòm pháo.

Đó là mấy món tứ linh: món "long" nấu bằng cá chép, giấy trang kim trổ hình vây rồng, vẩy rồng; món "phượng" nấu bằng con gà, giấy trang kim trổ hình cánh phượng, đuôi phượng; món "quy" nấu bằng con vịt, giấy trang kim trổ hình mai rùa, đuôi rùa; món "ly" thì là một chiếc chân lợn, giấy trang kim làm ra đầu, đuôi và bờm kỳ lân.

Đàn càng réo rắt, phách càng giòn giã, tiếng hát càng lên cao giọng, cuộc rượu mỗi lúc một thêm vẻ nồng nàn.

Vân Hạc đánh hết hai khổ, chàng liền nhường trống cho ông á nguyên.

Theo lệnh quan chánh chủ khảo, một tên lính hầu đệ bút mực và bút hoa tiên đến chỗ Vân Hạc để chàng làm thơ niên nghị.

Việc này chàng đã dự bị từ đêm hôm qua, bây giờ chỉ phải soát lại một lượt xem có chữ nào đáng chữa hay không, rồi chàng viết luôn một bài ngũ ngôn Đường luật đưa sang trình quan chủ khảo.

Với những chữ nét sắc như cắt và tươi như hoa viết trên một bức hoa tiên bóng bẩy, bài thơ như càng thêm vẻ xuất sắc, ông chánh chủ khảo coi rồi mỉm cười khen được và gọi một người lễ sinh ngâm cho cử tọa cùng nghe.

Bằng một giọng kêu như tiếng chuông, người lễ sinh đọc:

"Thịnh thế văn phong uất,
Thu vi sỹ lộ hoành,
Long môn tân điểm ngạch,
Hòe thị cựu tri danh.
Hồng bạch hoa tranh diếm,
Bình cao lộc cộng minh
Như hà tương miễn lệ?
Vạn lý khán bằng trình!"

Trên tiệc, ai nấy đều phục là giọng thủ khoa. Rồi bức hoa tiên lại trở về chỗ các ông cử mới. Mỗi ông liền sao một bản để làm kỷ niệm.

Cuộc rượu thêm vài tuần nữa, cả đám đều có vẻ say, tiếng cười nói không lúc nào ngớt. Bấy giờ bao nhiêu ả đào đổ xô đến cả chỗ mấy ông cử trẻ. Chung quanh Vân Hạc, Đốc Cung, ngoài đào Phượng và đào Cúc ra, lại có bốn năm ả khác xoắn lại như nhựa. Mấy cụ cử già đành chịu ngồi trơ với nhau.

Cuộc yến kéo dài đến cuối giờ ngọ mới tan. Các món tứ linh đâu vẫn nguyên đó, không ai động đũa. Mỗi ông cử mới nhận lấy một món và vài ba thứ bánh trái, giao cho đầy tớ gói lại làm phần, để đem về biếu người nhà, gọi là chút ơn vua lộc nước.

Trước khi mọi người ra về, quan Tổng đốc sở tại tặng cho mỗi ông cử mới một chiếc lọng xanh chóp bạc, sai lính đưa về tận nhà trọ cho các ông ấy.

Vân Hạc, Đốc Cung ra khỏi cửa dinh, đào Phượng, đào Cúc tranh nhau che lọng đi hầu. Hai ả đã đưa hai chàng đến quá nửa đường, rồi mới trở lại.

Lại một đêm nữa, nhà trọ phải làm đám hội.

Rồi Vân Hạc, Đốc Cung, Khắc Mẫn và cả ba toán họ hàng đồng thời đưa việc vui mừng về quê sau khi đã an ủi ông chủ nhà trọ bằng một tiệc khao rất long trọng.

XX

Vầng trăng như chiếc mâm ngọc thăm thẳm tụ ngọn kỳ đài chiếu xuống nhân gian, bầu trời đế đô không pha một mảy bụi gợn.

Với mười mấy chiếc mái tráng lệ lơ lửng bay giữa từng không, bảy gian ngọ môn kiêu ngạo vươn những tréo đao cong vắt như muốn khoe vẻ nguy nga với chị Hằng.

Trong bầu ánh sáng trong vắt, những con rồng phượng xanh đỏ sặc sỡ nằm trên các nếp cửa đồ sộ đều nghiêm trang chầu ông "mặt trời nặn vôi".

Hoàng thành đương say đắm trong giấc ngủ đêm hè, ngoài tiếng trống nặng nề và tiếng kiểng sỗ xã của các thành lâu thỉnh thoảng mới có vài tiếng hô của bọn lính tuần thành thứ khẩu hiệu.

Đêm mới chừng nửa canh tư.

Vân Hạc đã đi sớm quá. Các bạn cống sĩ chưa có ai tới. Ở tòa ngọ môn, ngoài bọn lính tráng canh cửa, hình như không có người nào.

"Còn nửa khắc nữa mới được vào. Âu là ta hãy dạo chơi đâu đó để coi cái cảnh đêm trăng của đế thành". Nghĩ vậy, chàng liền đến nói với bọn lính canh cho mình qua cửa. Biết chàng là một cống sĩ, bọn đó không dám ngăn cản. Chàng bèn lững thững đi vào bên cửa trong ngọ.

Trước đôi cột đồng bóng lộn cao ngất trên lưng chừng trời làn nước hèm hẹp nằm chắn ngang đầu đường đi.

Đây là ao Thái Dịch, một khu liên đường của hoàng thành. Trên ao có một nhịp cầu khum khum úp lấy mặt nước chạy từ bờ ngoài vào bờ trong.

Một luồng gió nhẹ từ phía trước mặt hiu hiu đưa lại, mùi sen dưới ao bát ngát đưa lên, như muốn giúp cho sự nồng nàn của du hứng.

Vân Hạc đủng đỉnh tiến vào đầu cầu và dừng chân ở quãng giữa cầu. Với tầm mắt bâng khuâng vô định, chàng thơ thẩn nhìn những bóng lâu đài san sát cõng nhau dưới một vòm trời trắng ngần.

Bấy giờ đã vào hạ tuần tháng tư. Dưới ao, một vài bông sen sắp nở. Trong đám lá sen tối um luôn luôn có tiếng cá đớp tí tốp.

Ở tít ngoài xa, trồi đại cổ thụ lù lù hiện trên bờ ao. Những đoạn cành chánh kềnh càng khúc khuỷu, quần quại trong bóng lá xanh lơ thơ, giống như một đoàn rồng rắn giỡn nhau trên đất cạn.

Trước cảnh tịch mịch của đêm khuya, chàng bỗng cảm thấy bồi hồi lai láng. Rồi mơ màng vơ vẩn, chàng nhớ những chuyện đã qua, chàng lo cho việc chốc nữa và chàng rùng rợn cho cuộc phong trần trong mấy chục ngày trước đây.

Có lẽ hai mươi bốn tuổi đời chàng, chưa có hồi nào khó nhọc đến thân như hồi ấy.

Nói cho đúng ra, thì trước hồi đó, chàng cũng được mấy chục ngày sung sướng. Vì rằng trong cuộc tao chiến với một vạn hai sĩ tử trường Hà năm ngoái chàng đã làm được vui lòng người vợ thân yêu.

Lúc ấy cô Ngọc như đã trẻ thêm mấy tuổi. Nhất là cái hôm được thấy dân làng Đào Nguyên cờ trống đi rước Vân Hạc từ cửa phủ về cổng nhà, bụng cô chẳng khác gì những lá cờ phấp phới tung trước ngọn gió. Rồi lúc nghe tiếng người ta gọi chồng là ông thủ khoa hay cậu thủ khoa, gan ruột cô lại càng nở như bỏng rang. Sau đó, trong những tiệc khao hai làng Đào Nguyên, Vân Trình, nào bò, nào lợn, nào rượu gạo, tất cả hết đến gần năm trăm quan, dấn vốn của cô đã bị hụt đi già nửa. Chẳng những cô không nửa lời kêu tốn, trái lại còn cho rằng mình có tốt phúc mới được tốn kém như thế. Vì thế, người cô lúc nào cũng tươi như bông hoa hồng mới nở, trước đẹp tám phần, bây giờ đẹp lên mười phần.

Rồi thì bà cống, cụ Năm. Cảnh già được thấy con cháu nối được gia nghiệp, các cụ vui mừng vô hạn.

Ý nghĩa của sự thi đỗ trong óc Vân Hạc, bao giờ cũng chỉ có thế. Bây giờ chàng đã bắt đầu đi tới, cho nên chàng cũng lấy làm đắc ý. Từ tháng chạp đến nửa tháng giêng, ngoài việc xem lại ít sách, chàng chỉ bận về việc mua vui với bạn bè xa gần. Đời chàng lúc ấy có thể gọi là một đời thần tiên.

Cái bước phong trần của chàng mới khởi đầu từ ngày chàng và Đốc Cung lên đường đi thi hội.

Thi hội năm nay mở vào hạ tuần tháng ba. Tính đường từ Bắc vào Kinh, sức thân học trò phải đi đến gần hai tháng mới tới. Vì vậy, từ giữa tháng giêng Đốc Cung đã đến giục Vân Hạc đi cho kịp ngày. Sợ chồng đi bộ vất vả, cô Ngọc đã khuyên chàng nên đi đường thủy. Nhưng theo ý chàng, đi đường thủy tốn tiền, và cũng sóng gió nguy hiểm. Đốc Cung cũng nghĩ như thế, cho nên hai chàng mới cùng nhất định đi đường bộ.

Trước khi khởi hành, cô Ngọc thuê cho mỗi chàng một người đầy tớ khỏe mạnh, lực lưỡng, để đeo hành lý đi hầu. Tính suốt các tiền ăn đường, ở trọ, mỗi người hà tiện cũng phải hết gần trăm quan, cô liền đổi cho mỗi chàng lấy sáu nén bạc, bó vào hai gói mo

cau, để mang đi đường cho tiện. rồi nào dùi nhói, nào dùi đục, nào dao rựa, nào mã tải khâu quai, không biết hỏi ai mà bao nhiêu khí cụ luồn rừng, cô đã sắp sửa đủ cả.

Cái ngày thầy trò nhà chàng quảy gánh lên đường là ngày hai mươi tháng giêng.

Từ Sơn Tây đến Thanh Hóa, mỗi ngày chỉ đi một cung, tối đâu ngủ đấy, tuy đã nhiều khi xuống dốc lên đèo, nhưng cũng chưa thấy vất vả cho lắm.

Thanh Hóa trở vào, đường đã dần dần khó khăn. rồi từ Hà Tĩnh mà đi, càng ngày càng thêm những cảnh khủng khiếp.

Suốt ngày luồn trong cây cối um tùm, con mắt ít khi được thấy bầu trời. Rồi những hòn núi thẳng như bức tường lù lù hiện ở trước mặt. Rồi những ngọn suối nước chảy như rắn oằn oài chắn ngăn lối đi. Có khi phải ngửa ngực trèo lên đỉnh núi. Có khi đường đi vằn vèo theo những bờ suối khuất khúc, đứng trên đường trông xuống lòng suối, thăm thẳm hàng mười mấy trượng, tưởng như trượt chân một cái, xương thịt sẽ vụn như cám.

Khổ nhất là đoạn đường ở quãng núi Trồng.

Cạnh một quả núi cao liền với trời, con kiến trèo lên cũng khó, lối đi phải vắt lên trên một đám đá mọc lởm chởm. Cái đá mới ác làm sao, hòn nào hòn ấy đầu nó nhọn như mũi gươm, đặt chân lên trên, có thể thủng cả da thịt. Cho được tránh sự đau đớn của đôi bàn chân, mỗi bước người ta cứ phải nhằm vào những vết nhẵn nhụi của người đi trước, rồi nhún hai chân mà nhảy cho tới.

Cái dép đã rách, đôi gối đã chồn, mà vẫn không thể tạm nghỉ. Bởi vì không có chỗ nào mà đứng. Bấy giờ Vân Hạc cũng như Đốc Cung, ai nấy đều nhớ đến cảnh tượng Sạn Đạo mà hai chàng đã thấy ở trong sách Tầu, và đều nghĩ thầm: "Vị tất Sạn Đạo đã hiểm hơn con đường này. Nhưng từ thượng cổ, người Tầu đã biết bắc ván đi qua, làm sao ngày nay nước mình vẫn chưa bắt chước kiểu đó?"

Đi thoát quãng đường ác nghiệt, hai chàng đều thấy mệt nhoài. Nhưng vì sợ lỡ cung đường, không có chỗ trọ, cho nên chỉ dám ngồi lại bên đường một lúc, để giở xôi gói, cơm nắm ra ăn, rồi lại đi.

Một hôm đương đi, thấy ở bên đường, có mấy con dao đặt trên tảng đá. Đốc Cung tưởng là của bọn tiều phu nào đó, nên không để ý, Vân Hạc nhìn đến mấy dòng chữ nguệch ngoạc viết ở hòn đá liền

đấy, mới biết những con dao đó, người ta dự bị cho các hành khách chặt những cành cây vì gió bão gãy xuống ngang đường, sau khi dùng rồi, dao ở chỗ nào, lại phải để lại chỗ ấy. Đi một quãng nữa, quả nhiên giữa đường có bụi nứa đổ, lấp cả thân đường, không thể nào mà trèo qua được.

Trong gánh hành lý sẵn có đôi dao, hai chàng liền bảo hai người đày tớ phát hết đống gai góc đó. Họ phá, chàng và Đốc Cung thì kéo, thầy trò dọn mất một hồi khá lâu, bấy giờ mới có lối đi.

Lại một hôm khác, Vân Hạc vừa bị nhược sức về leo trèo, vừa bị dãi dầu trong sương gió, chàng thấy trong mình hầm hập phát sốt uể oải đi không buồn bước, Đốc Cung và hai người quẩy gánh cứ phải luôn luôn chờ đợi. Tưởng chừng trời đã chiều rồi, theo lỗ thủng trong đám lá cây mù mịt ngó sang dãy núi bên kia, mặt trời đã nằm giữa sát đầu núi, mà vẫn chưa đến chỗ trọ, hai chàng đều luống cuống lo sợ.

"Đêm nay đành phải ngủ ở ngọn cây". Vân Hạc bàn với Đốc Cung như vậy.

Nhưng các cây cối gần đó, cây nào cũng cao von vót và thẳng tuồn tuột, dưới gốc không có một mẩu cành nhánh, thì làm thế nào mà leo lên được?

May khi lại gần thấy có mấy cây từ gốc đến chỗ xẻ trạc, có đóng một hàng đanh tre bằng ngón chân cái. Trước kia đã có người nào ngủ trên cây ấy, người ta đóng những đanh ấy để làm bậc trèo cho dễ.

Một cây thấp nhất đã long mất vài ba cái đanh. Hai người đầy tớ liền phải dẫn tre đẽo cái đanh khác. Và họ giở gánh lấy dùi nhói và dùi đục ra, người nọ kề vai làm thang cho người kia đứng lên, để nhói mấy lỗ ở thân cây và đóng đanh vào. Rồi họ đem các mã tải dùng dây tam cố buộc vào những cành đâm ngang, giống như người ta mắc võng. Đó là chỗ ngủ của người đi rừng. Có thế mới khỏi lo về nạn rắn rết beo cọp.

Tay ôm thân cây, chân đạp vào các đanh tre, leo hết một đoạn gốc cây và đánh đu vào đoạn cành ngang để ngồi xuống tấm mã tải, Vân Hạc, cũng như Đốc Cung, ai nấy rùng mình sởn gáy, bụng bảo dạ, nếu nó đứt dây một cái, thì thật tan xác.

Hai chàng đã ngồi yên chỗ, hai người đầy tớ lại đi chặt lấy mấy tầu lá gồi, buộc lên trên chiếc mã tải, để che cho người nằm khỏi bị mưa sương, rồi họ mới trèo lên chỗ của họ.

Trời tối như cửa địa ngục. Nào cú kêu, khỉ ho, nào dế giun rên khóc, thỉnh thoảng lại thêm những tiếng cọp gầm theo với ngọn gió tanh tanh thối thối ở nẻo xa xa đưa lại. Biết bao nhiêu sự ghê sợ rùng rợn kéo đến chung quanh hai chàng! Cơn sốt ở đâu nổi lên, Vân Hạc vừa nằm vừa rên hừ hừ, chàng tự hỏi chàng: "Không biết có sống mà về được không?" Rồi chàng gọi với Đốc Cung và nói:

– Nghĩ đến những lúc thế này, thì dẫu đi thi đỗ đến ngọc hoàng thượng đế cũng không bõ công, đừng nói là đỗ tiến sĩ!

Nằm thì nằm, vẫn không ai dám chợp mắt, vì sợ ngủ quên, giở mình, sẽ bị ngã lăn xuống đất.

Hôm sau, chờ cho trời thật sáng rõ mới dám bò xuống. Bấy giờ Vân Hạc đã tan cơn sốt, trong mình chỉ còn tải bải mệt nhọc. Bốn thầy trò lại kéo nhau đi. Ra đến cửa rừng trời lại sắp tối, trông lên những đám đồi núi lù lù ở giữa trời, có thể tưởng như những con yêu quái khổng lồ đương sắp đe dọa nhân gian.

Sau đó, đường đi phần nhiều men ở lợi bể. Trên thì núi đứng thăm thẳm, dưới thì sóng vỗ oàm oạp, thân đường vừa quanh quất, vừa nhỏ hẹp lại vừa gập ghềnh lượn lên lượn xuống, như leo cầu vồng. Bốn người lò dò từng bước, chỉ sợ trượt chân xuống bể thì sẽ làm mồi cho cá.

Đi mấy ngày nữa tới một khúc sông mênh mông đứng ở bờ nọ không thể trông thấy bờ kia. Hỏi ra mới biết đó là phá Tam Giang, một cái cửa sông liền với mặt bể. Trong sông sóng đánh dữ dội không kém sóng bể. Người ta nói rằng: ngày xưa còn rộng hơn nhiều, bây giờ nhờ có cát bồi nên đã hẹp bớt. Đi đò hết gần một ngày mới sang tới bờ bên kia, bốn người đều thấy lảo đảo say sóng thốc tháo nôn mửa, nghỉ mất một đêm mới lại sức.

Lận đận gần hai mươi ngày nữa mới vào đến Huế, tính ra tất cả vừa hết một tháng mười ngày.

Sau khi vào thành tìm được chỗ trọ, hai chàng nghỉ ngơi vài ngày, rồi cùng đóng quyển đem vào nộp ở bộ Lễ.

Khác với thi hương, quyển của cống sĩ thi hội phải để đệ lên ngự lãm, khảo quan chỉ được chấm vào bản sao, vì vậy, cống sĩ phải nộp mỗi kỳ hai quyển, bốn kỳ tám quyển, đều bằng giấy lệnh, có kẻ ô son, mỗi trang tám dòng, mỗi dòng hai mươi hai chữ. Sáu quyển của ba kỳ thứ nhất thứ hai và thứ ba, mỗi quyển chỉ đóng mười tờ. Hai quyển của kỳ thứ tư thì đóng đủ ba chục tờ.

Thi hội năm nay bắt đầu từ ngày 18 tháng ba, trường thi lập ở phường Phú Thứ. Quanh trường đều có tường gạch bao bọc. Trong trường, ngoài nhà Thí viện và những nhà ở của quan chủ khảo, quan tri trông cử và các quan nội liêm, ngoại liêm, lại có mười tòa nhà ngói để cho cống sĩ làm văn. Mấy tòa nhà đều ở trước nhà Thí viện, mỗi tòa ba gian, mỗi gian ngăn làm ba phòng. Phòng nọ cách phòng kia chừng hơn một thước. Trong phòng có sẵn cái yên để cống sĩ viết. Mỗi người cống sĩ chỉ phải mang thêm bút mực và một chiếc chiếu.

Trước ngày thi, bộ Lễ phải sắm một số thẻ tre đề tên từng người cống sĩ, đem cắm ở các cửa phòng.

Đến khi cống sĩ vào trường liền có bọn lính hướng dẫn đưa đi, thẻ tên ai ở phòng nào, họ sẽ đưa đến phòng ấy. Trong lúc cống sĩ làm văn, mỗi phòng đều có một người võ sĩ cắp gươm đứng canh ngoài cửa, ngoài trường thì có các quan đề điệu đốc thúc voi ngựa quân lính đi diễu suốt ngày suốt đêm.

Cũng như thi hương, kỳ thứ nhất của thi hội cũng có bảy bài kinh nghĩa. Đáng lẽ mỗi người chỉ làm ba bài cũng đủ quyển, nhưng Vân Hạc xưa nay vẫn có thừa sức kiêm trị, nên chàng làm cả bảy bài, còn Đốc Cung thì cũng làm được năm bài.

Sau khi ở trong trường ra hai chàng đều có đưa các bản giáp cho các bạn coi. Cứ như người ta bình phẩm, thì quyển của Vân Hạc ít nhất cũng được năm phân, quyển của Đốc Cung may ra thì được ba phân. Bởi vì cân lạng của văn thi hội phải tính bằng phân chứ không tính bằng ưu, bình, thứ, liệt. Mỗi quyển cực điểm có thể phê đến mười phân, nhưng nếu chỉ được một phân cũng là hợp lệ. Quyển nào không đủ một phân mới là bất cập. Cộng cả bốn kỳ làm một, người nào được từ mười phân trở ra mà không kỳ nào bất cập, tức là trúng cách, sẽ được dự cuộc thi đình. Người nào được từ bốn phân trở lên cho đến chín phân, và cũng không có kỳ nào bất cập, thì sẽ được đỗ phó bảng, chứ không được vào điện thi. Còn những người nào không đủ bốn phân, hoặc có một kỳ bất cập, thì đều bị đánh hỏng tuột.

Thấy bước đầu tiên, văn chương đã được linh lợi, hai chàng đều có lòng mừng.

Không ngờ đến kỳ thứ hai, giữa ngày thi, Đốc Cung bị bệnh đi tả, không thể vào trường, phải làm giấy cáo. Vân Hạc đành đi một mình.

Sau đó mấy hôm, Đốc Cung lại được bằng cũ, đáng lẽ chàng cũng ở đó để đợi Vân Hạc thi xong. Nhưng không hiểu vì sao, ruột gan càng ngày càng thấy bồn cồn không sao chịu được, Đốc Cung liền phải cùng người đầy tớ về trước. Bấy giờ Vân Hạc như bị mất một món gì ở trong thân thể, bụng chàng rất là buồn bực khó chịu.

Qua kỳ thứ ba và kỳ thứ tư, văn chàng cũng đều lưu loát, các bạn trong kinh, ai cũng chắc là chàng trúng cách. Quả nhiên hôm qua, khi bảng thi hội treo ở cửa lầu Phu Văn, tên chàng đứng ngay đầu bảng. Vậy là chàng lại thêm được cái hội nguyên. Lúc ấy các ông cống sĩ ai cũng sợ phục, người ta cho rằng không khéo chàng sẽ đỗ cả đình nguyên. Và chàng cũng vẫn tự tin như thế. Cái mừng rỡ ở lòng chàng bấy giờ bút mực không thể tả xiết. Chàng chắc vợ chàng thế nào cũng làm bà thám, bà bảng như nhời nàng đã cầu ước năm xưa.

Bởi vì ngày nay phải vào điện thi, cho nên đêm qua chàng ngủ sớm hơn mọi đêm. Đến lúc thức giấc, tưởng là muộn quá, chàng vội đội mũ mặc áo lật đật ra đi, không ngờ đến nơi, hãy còn sớm mất nửa giờ.

Lúc ấy chàng thơ thẩn trên ao Thái Dịch chừng một hồi lâu, chợt có một tiếng đánh đùng như tiếng súng nổ ở ngoài kỳ đài đưa vào, làm cho chuyển cả trời đất, chàng biết đó là ống lệnh báo hiệu đã đến canh năm, tức thì sửa lại mũ áo đi luôn vào cửa túc môn ngoài điện Cần chính.

Trời sáng rõ, viên quan bộ Lễ ở trong đi ra truyền các cống sĩ vào điện. Chiếu theo thứ tự trên bảng thi hội, ai ở số lẻ thì vào cửa tả, ai ở số chẵn thì vào cửa hữu. Chàng ở số một, viên quan bộ Lễ bảo chàng qua cửa tả rồi vào bên trong. Sau khi viên tuần kiểm đã khám qua loa trong mình chàng, một viên quan khác liền đưa chàng vào bên hữu vũ. Ở đó đã có yên chiếu do bộ Lễ đưa đến từ chiều hôm trước và cũng có thẻ đề tên cống sĩ. Vân Hạc được ngồi vào phòng thứ nhất là chỗ có thẻ tên chàng.

Bấy giờ quan giám thí đại thần và các quan đọc quyển, truyền lô, duyệt quyển, kinh dẫn, di phong, thu trưởng, ấn quyển, điển bảng v.v... đều đã mặc áo đại trào chực sẵn ở đó.

Ở điện Cần chính cũng đã bày sẵn hai chiếc hương án thếp vàng, một chiếc trên thềm, một chiếc dưới thềm.

Cống sĩ vào hết, viên thượng bảo liền bưng hòm đựng đầu bài thí sách của nhà vua ra, đặt lên chiếc hương án trên thềm. Quan giám

thí, quan đọc quyển và tất cả các quan coi việc đình thí đều phủ phục trước điện, lễ đủ năm lễ. Rồi quan thư tả lĩnh tờ đầu bài chiếu số cống sĩ sao đủ mỗi người một bản.

Chừng độ giây lát, các bản sao xong, quan thư tả để các bản ấy vào chiếc hương án dưới thềm sau khi đặt bản chính lên chiếc hương án trên thềm.

Quan kinh dẫn liền bảo Vân Hạc và các cống sĩ đều ra quỳ ở trước sân. Rồi quan thư tả lĩnh những tờ sao đầu bài ở chiếc hương án dưới thềm phát cho mỗi người một bản. Theo lệnh quan kinh dẫn, Vân Hạc và các cống sĩ đều phải đứng dậy đem bản sao đó để vào yên thi của mình, rồi lại ra sân lễ tạ năm lễ.

Bây giờ đến giờ làm văn, cống sĩ ai về chỗ nấy. Các quan văn võ đều phải ra hết ngoài viện Đãi lậu. Trong điện, tả vũ cũng như hữu vũ, mỗi bên có một tên lính đóng cửa đứng canh; sân điện có viên tuần la và viên tuần sát đi lại tuần phòng, ở ngoài hai cửa túc môn thì có hai trăm biện binh của quan thị nội thống chế phái đến canh giữ.

Trong các phòng triều hết thảy im lặng như tờ, người ta có thể nghe rõ tiếng vo ve của từng con muỗi.

Vân Hạc mới giở đến tập đầu bài đã thấy hoảng hồn. Làm sao mà nó dài thế? Mười tờ giấy đặc, lỳ lịt những chữ là chữ. Coi qua một lượt, thì thấy nửa trên hỏi về ý nghĩa của các kinh truyện tử sử của Tầu, nửa dưới hỏi về công việc hiện thời của nước nhà, tất cả đến gần một trăm câu hỏi. Chàng liền gấp lại, và chỉ hở mấy dòng ô đầu, cho lúc trông đến khỏi nóng ruột.

Viết xong ba chữ "đối thần văn" và mấy câu chúc tụng nhà vua mà người ta gọi là đoạn "tụng thánh", chàng mới nhìn vào dòng chữ để hở ở tờ đầu bài, rồi theo thứ tự từ trên xuống dưới, lần lượt giả nhời từng câu hỏi một.

Cũng may, văn sách thi đình, chỉ cần ý kiến, không cần văn chương mẹo luật như văn sách thi hương thi hội, và quyển văn lại được viết thảo, không cần phải viết chân phương, cho nên vừa nghĩ vừa viết cũng không lâu lắm. Chừng đến nửa buổi, chàng đã trả lời được hai phần ba đầu bài. Thình lình thấy cửa phòng hé mở, rồi một viên quan, chàng không biết là quan gì, chạy vào truyền chàng ra quỳ ở trước sân điện.

Thì ra nhà vua ban nước và bánh cho các cống sĩ điểm tâm. Những món đặc ân hiện đã đặt trên hương án kê ở dưới thềm, sau khi một viên quan khác lĩnh các món đó giao các cống sĩ chuyển cho người lính tuần sát đem vào trong phòng, ai nấy đều phải tạ ân năm lễ, rồi mới trở vào ăn bánh uống nước.

Vân Hạc viết lia, viết lịa từ bấy giờ cho đến gần trưa, quyển văn đã hết già nửa, cửa phòng lại thấy ngỏ rộng, rồi một người lính tuần kiểm đệ vào một mâm đồ ăn và một phạn cơm.

Đây là cơm trưa của các cống sĩ, do dinh Quảng Đức sửa soạn, đưa vào ngoài cửa túc môn, rồi lính tuần kiểm mang đến cho các cống sĩ, không phải là đồ vua ban, cho nên không phải làm lễ tạ ân.

Thì giờ lúc ấy quý hơn vàng ngọc, chàng chỉ để vào nó độ ba, bốn phút gì đó, rồi lại cắm cổ mà viết.

Quá trưa một lúc, bài làm đã xong chừng ba phần tư, nhà vua lại ban đồ nước cho một lần nữa.

Cũng như lần trước, chàng và các cống sĩ lại phải ra sân quỳ nhận, rồi lại tạ ân năm lễ.

Trời nhá nhem tối, chàng viết vừa xong, các cống sĩ cũng đều xong cả, ai nấy đem quyển ra nộp cho quan tuần la. Bấy giờ biện binh ngoài cửa túc môn lại ngỏ cánh cửa cho các cống sĩ đi ra. Rồi quan giám thị đại thần và tất cả các viên quan khác đều phải trở lại trong điện. Ông thu quyển nhận quyển của ông tuần la giao lại, ông ấn quyển đóng dấu "Luân tài thịnh điển" vào các cuối quyển, ông di phong xếp quyển vào rương và dán niêm phong, rồi giao cho ông thủ trưởng canh giữ. Các ông ấy đều phải ngủ ở triều phòng để ngày mai chầu chực nhà vua chấm văn.

Vân Hạc và các cống sĩ ra khỏi cửa điện thì trời tối mịt. Luôn thể chàng mời tất cả mấy người cùng về nhà trọ mình ăn cơm. Trong lúc uống rượu, người nọ đọc văn cho người kia nghe, hết thảy mọi người đều phục văn chàng có nhiều ý kiến lỗi lạc hơn cả. Người ta lại càng tin rằng đình nguyên sẽ phải về chàng.

Luôn hai hôm sau, chàng và mấy ông bạn mới lần lượt dắt nhau đi chơi các danh thắng gần đấy để chờ nghe tin truyền lô. Bụng chàng vẫn chắc mẩm rằng: nếu không đỗ được bảng nhỡn, thám hoa, cũng phải đỗ đến nhị giáp tiến sĩ.

Chiều hôm thứ ba, chàng đương cùng bọn cống sĩ trò chuyện vui đùa, bỗng thấy có hai tên lính vác hèo và gông xồng xộc vào trong nhà. Sau khi hỏi qua tên chàng, họ liền đưa chàng một mảnh giấy chữ dấu sơn đỏ chóe. Té ra có lệnh của viện đô sát sai đi nã chàng không biết là vì việc gì.

Cái gông ở tay người lính liền ghép luôn vào cổ chàng, rồi họ điệu chàng về giam ở ngục Hộ hành. Các bạn cống sĩ ai cũng thương hại và kinh sợ.

XXI

Một lần nữa, cụ bảng Tiên Kiều lại đứng làm ông tơ hồng xe duyên cho con gái út ông đồ Vân Trình.

Chẳng bao lâu nữa, cô gái ngoan ngoãn và ngây thơ đó sẽ thành ra bà nội tướng của ông cử Cung.

Nhưng lần này không phải do ở cụ bảng chủ trương như mối nhân duyên cô Ngọc. Đây là tự ý cụ Mền Trúc Lâm.

Từ khi Đốc Cung mới có tin đỗ cử nhân, ở Hà Nội và Sơn Tây cũng có nhiều người gọi gả con gái cho chàng. Trong số đó, có người hiện đương làm quan, có người nổi tiếng cự phú, không ai là nhà tầm thường. Nhưng theo ý kiến cụ Mền, thì việc kén chọn nàng dâu chỉ cốt ở người và nết, rồi ở phúc đức của cha mẹ, chứ sự phú quý thì không cần lắm. Vì là bạn thân của ông đồ Vân Trình, trước kia cụ vẫn thường thường đến chơi, đã có biết mặt cô Bích, cho nên cụ mới từ chối các đám, rồi cậy cụ bảng làm mối cô này cho Đốc Cung.

Với Đốc Cung, ông đồ, bà đồ đều không lạ gì. Nếu chàng hỏi cô Bích từ khi chưa đỗ, ông bà cũng vui lòng gả, huống chi bây giờ chàng lại mới đỗ cử nhân. Cố nhiên ông bà không hề từ chối nửa nhời.

Hôm nay là ngày ăn hỏi, ông đồ nghĩ mình hiếm hoi lại đã tuổi già, ít khi có dịp được gặp anh em cố giao, cho nên khi mới nhận nhời nhà trai, ông có cho mời mấy ông bạn già gần đó đến chơi với mình.

Từ lúc nửa buổi, cụ nghè Quỳnh Lâm, cụ cử Liên Trì, cụ cử Mai Đình, thày nào tớ ấy, đã cùng đến cả. Họ nội, họ ngoại cũng đương lục tục kéo vào. Trong nhà rất là tấp nập.

Chỉ có cô Ngọc sắc mặt vẫn buồn rời rợi, nhiều lúc nước mắt chạy quanh, có khi lén vào trong buồng, lăn đùng trên giường bưng mặt khóc thầm.

Là vì trước đây bảy ngày, người đầy tớ của cô thuê đi theo hầu Vân Hạc vào Kinh, vừa về báo cho cô biết tin chàng bị bắt vào ngục.

Thật là sét đánh bên tai cũng không sợ bằng. Lúc ấy mặt mũi cô không còn sắc máu, chân tay cô run cầm cập, trống ngực cô đánh thình thình, luống cuống cô vội hỏi hắn vì cớ gì mà chàng bị bắt.

Nhưng ai mà biết? Chính chàng cũng còn chưa biết, huống gì đầy tớ của chàng.

Ông đồ bà đồ cuống quýt lo sợ, lập tức cho người sang làng Đào Nguyên nói với bà cống và anh em Hải Âu.

Bên ấy được tin, cả nhà đều kinh khủng. Bà cống kêu khóc như mưa như gió.

Ngay sáng hôm sau, Tiêm Hồng liền phải thuê người cùng đi với mình vào Kinh để xem tình đầu ra sao.

Thày trò Tiêm Hồng đi được một lát, cô Ngọc cũng tới Đào Nguyên, mọi người trông thấy đều phải giật mình. Vì không biết rằng cô bắt đầu đi bao giờ, mà bấy giờ đã sang đến đó. Thì ra đêm ấy, cô những nóng lòng nóng ruột chỉ muốn biết ngay tin tức của chồng, cho nên mới đầu canh tư cô đã cắp nón ra đi, cốt về nhà chồng để xin phép mẹ và anh cho mình vào Huế thăm chồng. Nhưng bà cống và Hải Âu, Đoàn Bằng đều không bằng lòng cho đi. Sợ rằng thân gái dặm trường, có thể xảy ra nhiều sự nguy hiểm. Vả chăng đã có Tiêm Hồng đi rồi, công việc thế nào sẽ có tin về không cần phải thêm người đi nữa.

Cô cũng biết thế là phải. Nhưng nghĩ đến chồng bị giam, không biết tội lệ ra sao, thì gan ruột cô tự nhiên thấy như lửa chất, cô cứ khóc rũ, khóc rợi, khóc không dứt tiếng. Hải Âu, Đoàn Bằng tuy đã hết sức khuyên giải, nhưng cũng không ngăn được nỗi thương tâm của em dâu. Quá trưa, cơn khóc của cô đã không còn tiếng, thì có người nhà ở bên Vân Trình sang hỏi cô có đấy không. Là vì lúc cô đi không kịp nói với ông đồ, bà đồ, ông bà không biết rằng con đi đâu, nên phải cho người sang tìm. Hải Âu, Đoàn Bằng tức thì giục cô phải về Vân Trình, kẻo ông bà lo ngại.

Từ đấy, suốt ngày suốt đêm không mấy khi cô ráo nước mắt... chỉ muốn mọc ngay đôi cánh để bay vào kinh xem chồng thế nào.

Trước cái tai nạn... của rể và sự thê thảm của con, cố nhiên ông đồ bà đồ cũng đều đau xót vô hạn. Bởi vì ông bà bây giờ đã đều mình già sức yếu, chỉ có vợ chồng Vân Hạc làm vui cho cảnh nắng quái chiều hôm. Nếu chàng bị tội, tất nhiên gia đình sẽ phải tan nát, mà rồi công việc trăm năm của mình cũng khó có người khả dĩ trông cậy. Cho nên từ hôm được tin Vân Hạc bị bắt, ông đồ cũng như bà đồ, lúc nào cũng ủ rầu rầu, có bữa bỏ cả ăn uống.

Đáng lẽ lễ hỏi cô Bích, ông bà cũng không bầy biện linh đình làm gì. Trong nhà đương có vết thương, ai còn bụng dạ nào mà nghĩ đến chuyện vui mừng? Nhưng vì trót mời khách khứa từ trước, hoãn lại, sợ có ngáng trở cho việc tốt lành của đôi trẻ sau này. Vì thế, ông bà cũng phải miễn cưỡng giữ đúng hẹn cũ. Nhưng việc cỗ bàn, thì chỉ sửa soạn một cách lạo thảo, không có hoa hòe gì hết.

Các cụ bè bạn của ông đồ, lúc trước đều chưa biết tin Vân Hạc bị nạn, khi thấy ông đồ nói chuyện, ai cũng có vẻ ái ngại. Nhất là cụ bảng Tiên Kiều lại càng lo thay cho học trò mình. Vì cụ biết chàng chưa hết cái tính tự phụ của tuổi trẻ, nếu như trong bài đình đối mà có chỗ nào nói ngông, làm cho phật ý triều đình, thì không khéo sẽ bị tội nặng.

Rồi cụ lần lượt phỏng đoán cái cớ Vân Hạc bị bắt. Cụ này bảo chàng phạm húy, cụ kia bảo chàng làm văn trái ý nhà vua, có cụ lại đổ là chàng đã đi vào chỗ cấm địa. Rút lại, chẳng ai dám chắc lời của cụ nào là đúng.

Gần trưa, ngoài sân lù lù tiến vào một dãy mâm thạu phủ khăn đỏ đi theo một lũ quả tròn sơn son. Cụ Mền Trúc Lâm và họ nhà trai đã dẫn lễ vật sang cho nhà gái. Ông cử Bùi Đốc Cung cũng phải có mặt trong đám.

Bấy giờ cỗ bàn vừa xong.

Sau khi nhà trai đã ngồi yên chỗ, ông đồ liền khăn áo lên nhà thờ cúng, để cho chàng rể làm lễ.

Với nhà này, Đốc Cung tuy không là người xa lạ, nhưng khi đóng vai chú rể, chàng cũng không khỏi có vẻ bẽn lẽn ngượng nghịu.

Thoáng thấy Đốc Cung, cô Ngọc nhớ ngay đến chồng, máu uất lại hừng hực như sắp bốc lên. Vì sợ lỡ có sự gì, sẽ thành gàn quải công việc vui mừng của em, cô phải uống mãi nước lã cho ngực đỡ nóng.

Nghe tin Vân Hạc bị bắt, Đốc Cung rụng rời chân tay, sắc mặt tự nhiên xám lại, như người vừa qua một trận khủng khiếp.

Cả nhà xúm lại hỏi chàng về chuyện Vân Hạc ở kinh. Nhưng chàng cũng không biết gì lắm. Bởi vì xong kỳ đệ nhị, chàng đã lên đường về Bắc rồi, còn biết chuyện trò trong ấy ra sao.

Tàn ba tuần chè, khách khứa họ mạc bắt đầu uống rượu.

Câu chuyện Vân Hạc thành một đầu đề của cả bữa tiệc. Hầu hết các mâm, mâm nào cũng nói đến chàng, làm cho ông đồ càng thêm phần lo phiền, tuy ngồi tiếp khách nhưng ngoài tiếng mời chào, ông không nói một câu nào khác.

Cụ bảng Tiên Kiều, cụ nghè Quỳnh Lâm và cụ cử Liên Trì tuy đã thi nhau pha trò, để cho quang cảnh vui thêm, song mà trên tiệc vẫn có một vẻ bẽ bàng.

Rượu đến nửa chừng, ngoài cổng nghe có tiếng người léo xéo:

– À cậu thủ khoa đã về!

Tiếp luôn đến tiếng bà đồ:

– Ấy kia! Anh thủ về thật kia kìa! Lại cả các bác cũng sang chơi nữa. Quý hóa chửa kìa!

Cả nhà đổ xô ra sân. Cô Ngọc đương nằm lăn lóc trong buồng, không kịp nghĩ đến lễ phép, cô vội nhảy phắt xuống đất, ôm bộ đầu tóc rũ rợi ra thềm. Quả nhiên Vân Hạc và Hải Âu, Đoàn Bằng, Tiêm Hồng đã vào đến sân. Theo sau lại có mấy người nghênh ngang ôm võng và các đòn cáng đưa lên đầu cổng.

Đố ai tả được tâm trạng cô Ngọc lúc ấy. Nếu không có đông khách họ hàng ở trước mặt, có khi cô sẽ ngờ là mình nằm chiêm bao thấy chồng.

Sau khi vái chào cụ bảng, ông đồ và các cụ nghè cụ cử, anh em Vân Hạc ngồi vào chiếc ghế bỏ không ở gian cạnh. Khách khứa họ mạc ai về chỗ nấy. Tiệc rượu phải hoãn một lúc, để cho các cụ hỏi chuyện Vân Hạc.

Thì ra chàng về vừa khỏi Nam Định thì gặp Tiêm Hồng. Anh em cùng đến Đào Nguyên từ tối hôm qua. Bên ấy cũng biết hôm nay ăn hỏi cô Bích, cho nên sáng nay Hải Âu phải sang thuê mấy chiếc cáng để Vân Hạc sang ngay bên này cho ông đồ, bà đồ yên lòng, và bảo

Đoàn Bằng, Tiêm Hồng đi chơi với mình để mừng nhà trai, nhà gái luôn thể.

Ông đồ bấy giờ rất là vui vẻ. Sốt sắng, ông giục bưng mâm để anh em Vân Hạc uống rượu. Ngôi thứ trong tiệc lại phải đổi lại. Hải Âu vào tiếp các cụ, Đốc Cung, Vân Hạc ngồi với Đoàn Bằng, Tiêm Hồng.

Cụ bảng vừa nâng chén rượu vừa nhìn Vân Hạc:

– Thế anh được tha từ bao giờ?

Vân Hạc lễ phép:

– Bẩm thày, con chỉ bị giam hai ngày, đến ngày thứ ba thì được tha ra.

Đến lượt cụ nghè Quỳnh Lâm:

– Vậy thì cậu đỗ hay hỏng?

Vân Hạc tươi cười:

– Bẩm cụ, con hỏng tuột, và bị cách cả thủ khoa.

Ông đồ tỏ vẻ ngạc nhiên:

– Anh bị tội gì?

Vân Hạc vẫn tươi như hoa:

– Thưa thày, vì đoạn trả lời câu hỏi "tri ngôn dưỡng khi" con... đã dùng lầm bốn chữ... chẳng may câu đó bị quan Đối độc trích ra, ngài liền tâu với hoàng thượng, xin giao đình nghị. Bởi vậy con mới bị bắt.

Ông đồ phàn nàn:

– Đã vào thi đình mà không biết những cái đó.

Cụ bảng nói tất:

– Vậy anh có được thi hương nữa không?

Vân Hạc thưa:

– Bẩm thầy có ạ.

Ngoài cổng bỗng có tiếng hỏi rất tơi tả:

– Anh thủ khoa đã về đây chưa?

Theo sau tiếng nói, Nguyễn Khắc Mẫn với chiếc nón dứa quai lụa bạch lù khù tiến vào trong cổng.

Vân Hạc vội vàng chạy ra đón mời.

Sau khi Khắc Mẫn vái chào tất cả các cụ, ông đồ liền bảo người nhà lấy thêm đũa bát mời thày ngồi với bọn Vân Hạc, Đốc Cung.

Vừa nâng chén rượu, Khắc Mẫn vừa trông:

– Sáng hôm qua, tôi được tin anh bị bắt ở Huế, đã định sáng nay thì sang Đào Nguyên hỏi thăm. May sao đến chiều hôm qua lại thấy nói là anh đã về, tôi đoán thế nào anh cũng có mặt ở đây. Thế mà đúng thật. Vậy anh vào đình ra sao? Có phải thật anh bị bắt hay là người ta đồn nhảm?

– Tôi có bị bắt thật đấy!

Vân Hạc vừa nói vừa rót thêm rượu vào chén Đoàn Bằng, rồi một lần nữa chàng đem đầu đuôi chuyện mình ở Kinh kể với Khắc Mẫn. Khắc Mẫn ra giọng vui mừng:

– Chẳng qua cũng tại số anh chưa được hết nợ trường ốc, cho nên mới gàn quải ra thế. Nhưng cứ như tài học của anh, thì thi lúc nào có thể đỗ ngay lúc ấy. Miễn là anh còn được đi thi. Chẳng làm gì mà phải chán nản.

Vân Hạc chỉ cười không đáp. Khắc Mẫn tiếp:

– Khốn nạn! Thân anh nghè Long bây giờ mới đáng thương chứ!

Vân Hạc, Đốc Cung đều tỏ ra vẻ kinh ngạc:

– Anh ta làm sao?

Khắc Mẫn vừa đáp:

– Vừa mới có chỉ phải đi tiền quân hiệu lực.

Cụ nghè Quỳnh Lâm thoáng nghe câu đó liền hỏi:

– Ông tú Nguyễn nói ai phải đi tiền quân hiệu lực?

Khắc Mẫn khiêm tốn:

– Bẩm cụ, anh nghè Văn Khoa chúng tôi.

Ông đồ vội đặt chén rượu xuống mâm:

– Tôi mới nghe nói ông ấy đã đi tri phủ Thuận Thành kia mà!

Khắc Mẫn thưa:

– Bẩm vâng. Năm ngoái anh ấy được bổ tri phủ Thuận Thành,

hồi đầu tháng tư đổi ra tri phủ Hải Ninh, bấy giờ đương có giặc khách quấy nhiễu ở vùng duyên hải, triều đình có phái đại binh ra tiễu, anh ấy cũng phải cầm quân đi đánh một mặt. Chẳng ngờ gặp phải toán giặc rất kiệt hiệt, giao chiến một trận, bao nhiêu lính tráng bị chết gần hết. Anh ấy chỉ còn một thày một trò trốn về. Việc đó tâu vào trong triều, triều đình chiếu luật "ngộ thất quân cơ" đã định trị tội đúng như quân pháp. Sau nhờ hoàng thượng có lòng nhân từ mới giảm xuống tội "tiền quân hiệu lực".

Cụ cử Liên Trì cũng hỏi:

– Có thật thế không?

Khắc Mẫn đáp:

– Bẩm thật thế ạ! Tôi vừa chơi ở Văn Khoa sang đây. Cứ như cụ cố nói lại, thì trước đây mười ngày, anh nghè Long đã phải giải vào Quảng Nam để xung đội tiên phong đánh mọi Thạch Bích.

Vân Hạc phàn nàn:

– Nghè Long cũng là một bậc thông minh có tài, nếu được từng trải việc đời, chắc sẽ thành ra một người đại dụng có thể giúp dân giúp nước được nhiều việc. Nhưng mà bây giờ vừa mới thi đỗ, còn là một anh thiếu niên thư sinh, gần nửa đời người chỉ được nghiền ngẫm kinh nghĩa thơ phú, chưa nghe tiếng súng lần nào. Thế mà nhất đán phải đi cầm quân đánh giặc.

Cả đám nghe tin, ai cũng ái ngại cho Trần Đằng Long.

Mặt trời tà tà, việc vừa tan. Ông đồ vì mừng Vân Hạc được về, muốn lưu tất cả khách khứa ở lại đến mai. Nhưng mà các cụ sợ rằng Vân Hạc đi xa mới về, chắc trong mình còn mệt nhọc, nếu lại thức thêm đêm nữa, không khéo có khi bị bệnh, cho nên ai nấy đều khất đến ngày cho cưới cô Bích sẽ lại đến chơi.

Rồi đó các cụ và họ nhà trai lũ lượt ra về, Hải Âu, Đoàn Bằng, Tiêm Hồng, Khắc Mẫn cũng bị cụ bảng Tiên kiều bắt phải sang chơi bên ấy. Quang cảnh trong nhà lúc ấy lại bình tĩnh như mọi khi.

Người nhà dọn dẹp vừa xong, thì trời vừa tối.

Ông đồ, bà đồ vì mấy đêm trước thức luôn, cho nên, đêm ấy, sau khi hỏi han Vân Hạc ít câu, cả hai đều đi ngủ trước. Ở nhà học chỉ có cô Ngọc với chàng.

Dưới ánh sáng rực rỡ của ngọn đèn đầy dầu, cô trông mặt chồng tuy vẫn tươi trẻ như xưa, nhưng vì mấy tháng ăn gió nằm sương, da thịt cũng có xanh xao gầy sút hơn lúc ở nhà, bụng cô rất băn khoăn thương hại. Khi nghe chàng kể lại những nỗi nguy hiểm ở dọc đường, thì cô thương xót không biết chừng nào, có lúc hai hàng nước mắt chảy ra chan chứa. Rồi cô vỗ vào vai chàng và nói bằng giọng âu yếm:

– Chỉ vì tôi muốn được làm bà thám, bà bảng, xuýt nữa làm cho chồng tôi chết oan! Mình có giận tôi hay không?

Vân Hạc mỉm cười:

– Giận lắm chứ. Làm khổ người ta như thế, ai mà không giận?

Cô cũng đáp lại bằng nụ cười bông đùa:

– Thôi từ giờ trở đi, tôi không bắt mình thi cử nữa, xin mình nuốt giận làm lành.

Rồi cô lảng sang chuyện khác:

– Lúc nãy tôi nghe như bác tú Mẫn nói ông nghè Long phải đi "tiền quân hiệu lực" phải không?

Vân Hạc đáp:

– Phải! Tội nghiệp! Tôi thương anh ấy quá chừng.

Cô phàn nàn:

– Chết chửa, ông ấy lưng sức học trò, mà phải đi vào những chỗ mọi rợ, ma thiêng nước độc, thì chịu sao nổi?

Thình lình nghĩ đến câu Kiều của mình bói được ngày trước, cô liền đọc cho chồng nghe. Vân Hạc lại cười và hỏi:

– Mình có nhớ cái bài "Nhàn ngâm" của cụ Nguyễn Công Trứ không?

Cô ngơ ngẩn:

– Bài ấy thế nào? Tôi chưa được nghe bao giờ.

Vân Hạc gật gù đáp:

– Bài ấy như vầy:

"Ngồi rồi mà trách ông xanh,
Cơn vui muốn khóc, buồn tênh lại cười".

Cô cướp nhời:

– Thế thì tôi biết. Còn bốn câu nữa thế này.

Và cô thỏ thẻ đọc tiếp:

"Kiếp sau xin chớ làm người
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.
Giữa trời vách đá cheo leo,
Ai mà chịu rét thì trèo với thông".

Bấy giờ đêm đã canh ba, bốn bề không còn tiếng động. Vầng trăng vằng vặc nhòm vào cửa sổ, như cũng thèm sự tương đắc của cặp vợ chồng chung một tâm hồn.

Đăng báo *Thời vụ*, 1939; Mai Lĩnh xuất bản, Hà Nội, 1941. In lại theo *Ngô Tất Tố – Tác phẩm,* Văn học xuất bản, Hà Nội, 1977.

TRẦN TIÊU

(1900-1954)

Người xã Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Kiến An (nay là Hải Phòng). Sau khi tốt nghiệp Cao đẳng tiểu học, ông đi dạy học tư, và viết văn từ 1936. Sáng tác của Trần Tiêu chủ yếu đăng trên các báo *Ngày nay* của Tự lực văn đoàn và do nhà xuất bản *Đời nay* của nhóm này xuất bản. Ông chuyên viết về nông thôn, khai thác từ làng Cổ Am quê ông. Ông được người đọc chú ý từ tiểu thuyết *Con trâu*. Các tác phẩm của ông tuy nghiêng về phía phong tục, – có nhiều trang miêu tả phong tục sinh hoạt dân quê miền Bắc thật đặc sắc – nhưng cũng làm người đọc thấy được một phần cuộc sống vất vả cơ cực và tính tình chất phác của người nông thôn ở "sau lũy tre".

Khi cách mạng Tháng Tám thành công, trong khi Khái Hưng, anh ruột ông, tham gia những hoạt động chính trị phản động, thì ngược lại, Trần Tiêu đi theo Cách mạng, làm ủy viên Hội đồng nhân dân xã Cổ Am và tham gia kháng chiến một thời gian. Vì ốm, ông về Hải Phòng, và mất ở đây năm 1954.

TÁC PHẨM CỦA TRẦN TIÊU TRƯỚC CÁCH MẠNG:

– *Sau lũy tre* (truyện vừa), đăng báo *Ngày nay*, Đời nay xuất bản, Hà Nội, 1943.

– *Con trâu* (tiểu thuyết), đăng báo *Ngày nay*, 1939, Đời nay xuất bản, Hà Nội, 1940.

– *Chồng con* (tiểu thuyết). *Đời nay* xuất bản, Hà Nội, 1941.

– *Truyện quê* (tập truyện ngắn). *Lượm lúa vàng* xuất bản, Hà Nội, 1942.

SAU LŨY TRE

(Truyện vừa)

I

.....[1]

Mươi lăm năm sau.

Một buổi trưa. Chính ở đình về nét mặt rầu rĩ. Anh nằm vật xuống phản và thở dài mấy tiếng não ruột. Vợ đương dệt cửi, ngừng lại hỏi:

– Sao thế mình?

– Cực lắm bu mày ạ.

– Làm sao mà cực?

– Trời ơi! Cực lắm, bu mày có biết thằng Khương không? Thằng lý Khương ấy mà.

– Có, tôi biết, thế làm sao?

– Nó đã làm cho tôi bị nhục nhã giữa đình. Thời còn mồ ma ông Chánh Yên, ông ta có bàn với thôn lấy những món tiền cheo cưới, đám xã, khao vọng ra đong thóc để cho vay lấy lãi. Ông ta viện lẽ rằng: nếu cứ để những món tiền ấy nằm bẹp trong xó tủ thì bao giờ cho sinh sôi nẩy nở. Mọi người nghe đều ưng thuận. Thóc vừa đong chưa kịp đổ vựa, thì các ông bên trên đã nhao nhao đến vay. Ông năm chục phương, ông ba chục... Chẳng ông nào là không vay. Cả đến những ông thừa tiền cũng vậy. Rồi chẳng thấy ông nào trả. Biết thế mình cũng cứ vay bừa đi hóa xong.

Vợ vân vê cái thoi, cười tủm tỉm, nói:

– Từ nãy tôi chẳng nghe thấy mình nói đến sự nhục nhã.

– Ấy thế này: hôm qua họp việc giáp để trù tính lấy tiền sơn lại mấy chiếc hương án, hai chiếc cửa võng và các đồ thất sự. Tất cả hết tới ba trăm. Các ông bên trên bàn nhau bán vài chục ngôi xã. Thế mà tiền các ông tiêu đi thì chẳng thấy ông nào đả động tới. Hàng xã ai cũng biết cả, mà chẳng ai nói nửa lời.

---

1. Lược bỏ đoạn đầu (NBS)

Vợ hỏi:

– Ý chừng mình nói rồi...

– Không tôi có nói đâu.

– Thế sao mình lại bị nhục?

– Thì bu mày hãy nghe hết câu chuyện đã nào! Thế rồi, lúc ở đình ra. bọn xã xúm vào thì thầm, xúi giục tôi ngày mai đại tuyết cứ đứng lên nói rõ cho họ biết. Bọn xã dọa tôi: nếu không, tất thế nào các ông ấy cũng bắt ép tôi phải đóng năm chục vì tôi có hai con trai, lại trong nhà làm ăn khấm khá. Tôi chỉ ầm ừ cho xong xuôi. Mình xưa nay có muốn dính với họ đâu.

– Thế thì việc gì đến nỗi mình phải nhục nhã!

Chính không để ý đến câu nói của vợ, nói tiếp luôn:

– Thế rồi, trưa hôm nay, trong lúc ngồi ăn cỗ, mấy ông xã ép tôi uống nhiều rượu quá. Tôi say. Họ nháy tôi. Tôi đương lúc hăng tiết, đứng dậy nói hết cả sự thể mà tôi đã kể trên. Thằng lý Khương ngồi bên đông đình đứng dậy chỉ vào mặt tôi và nói một cách hỗn xược: – "Anh Chính kia, anh là thứ gì ở chỗ này mà anh dám mở mồm hỏi vặn các quan vơn. Anh láo vừa vừa chứ".

Vợ không tủm tỉm cười nữa, nói:

– Ý chừng hắn cũng nợ thôn.

– Thời hắn ta nợ nhiều nhất.

– Thảo nào, thế rồi sao nữa, mình?

– Tôi cáu tiết mắng lại nó. Tôi còn nhớ tôi nói một câu này: "Tao chẳng là thứ gì cả, nhưng tao không nợ thôn, tao không vay bữa". Thằng lý Khương phân bua giữa các quan vơn rằng tôi chửi nó, tôi xưng mày tao với nó. Lập tức ông phó hội – ông này cũng nợ thôn, nhưng ít thôi – đứng lên, mọi người đứng dậy một loạt. Ông chỉ vào tôi và nói một cách dõng dạc: "Xã Chính say rượu nói bậy, không nể mặt các quan vơn. Vậy tôi xin các quan vơn bắt lỗi, nếu chiều nay không đem trầu cau ra đình tạ lỗi, thì ta nên truất ngôi, trừ ngoại".

– Vậy chiều nay mình có đem trầu cau ra đình tạ lỗi không? Vợ nói, có vẻ bực tức.

– Không mà được! Thế mới cực, thế mới nhục nhã. Rồi thằng lý Khương nó ngồi chễm chệ với quan vơn để nhìn mình đứng chắp tay tạ lỗi. Trời đất ơi; có ai nhục nhã như tôi bây giờ không?

Chính kêu lên tức tối, chảy nước mắt.

Vợ thương hại chồng, nước mắt cũng chảy quanh, cất tiếng run run hỏi:

– Bây giờ thì biết làm thế nào, hở mình?

– Làm thế nào? Bây giờ có cách cũng ra làm lý thôn như nó thì mới có thể mở mày mở mặt ra được.

– Làm lý thôn thì hết bao nhiêu cơ, mình?

– Hết độ vài ba trăm thôi. Trước kia phải mất hàng nghìn cơ đấy, bu mày ạ.

– Được, mình cứ xin ra làm lý thôn.

Lúc bấy giờ giá chồng nói năm, sáu trăm, một nghìn Diếc cũng ưng vì nỗi bực tức cho chồng đã làm Diếc không nghĩ ngợi gì.

II

Từ chiều hôm trước, mõ đã rao khắp các xóm mời quan viên ra từ tế hạ điền và họp việc làng.

Sáng sớm hôm sau, trước cửa Văn miếu, mười lá cờ chuột gặm bay lạch bạch. Các màu xanh đỏ vàng tím đã phai nhạt và màu trắng lâu ngày đã thành màu cháo lòng. Trong sân từ, trẻ con từng lũ nó đua hò hét. Nhiều đứa ngước mắt nhìn lên tràng pháo chuột treo trên ngọn sào, nấc nỏm đợi chốc nữa đốt tranh nhau vồ. Ngoài đường cái, các ông lý, khán, xã đi lại tấp nập, chiếc quạt "đánh chó" cái trong cổ áo hoặc giắt ra sau lưng. Những chân bàn cuốc xỏ vào những đôi guốc quai lốp "ô tô" gõ lên đường gạch côm cốp. Có nhiều ông giương chiếc ô ta tuy giời còn râm.

Theo tục lệ làng, ông nào chức càng to càng đến trễ. Vì thế một lúc lâu mới thấy ông phó hội vào, theo sau mấy ông chánh cựu. Ông nào trông cũng ra dáng bệ vệ lắm. Ông phó hội đi đôi tất vải nâu và đôi giày đã cũ, nhưng gót còn lành nguyên. Ông, một tay cầm ô ngay ngắn, một tay vung vẩy dịp dàng với bước chân dẫn rượu. Thỉnh thoảng ông ngoái cổ lại nói chuyện với các ông cựu. Và mỗi khi ông gặp các ông khán, ông xã đi trên, ông gọi với lại, cốt để cho họ đứng ra một bên, khép nép gãi đầu gãi tai thưa bẩm. Có thế, danh giá ông mới rõ rệt. Phải mất bao nhiêu công của mới tranh được chức phó hội

(chức chánh phó hội ở cái làng văn vật này chỉ để nhường cho các vị có chức tước hẳn hoi). Phải, mất bao nhiêu công của để giữ được cái tên gọi suông thôi ru?

Nhưng ông vừa đến ngã ba thì gặp ông huyện từ cõi Huỳnh đi lại. Ông huyện về hưu đã chín, mười năm nay. Và năm ngoái ông đã ăn mừng thượng thọ. Ông vừa đi chững chạc vừa vuốt bộ râu bạc phơ. Một tên người nhà theo sau cầm ô che như che lọng. Rồi đến ông hậu. các ông cử. Ông phó hội và các ông cựu cụp ô cắp nách, cúi xuống vái một vái thật dài.

– Bẩm lạy cụ lớn ạ.

– Không dám, chào các thầy. Thôn các thầy đã "săng" được người ra rồi đấy chứ?

– Dạ

Ông phó hội và các ông cựu đều đứng nép ra một bên, gãi đầu gãi tai giống hệt như các ông khán ban nãy.

– Thôn nói – ông huyện nói – còn tranh nhau rối rít, chưa ra làm sao cả.

– Bẩm thôn cụ lớn thì bao giờ cũng sẵn người sẵn việc – Ông phó hội vừa gãi tai vừa nói.

– Ấy, vì nhiều người nên thu xếp chưa xong. Rầy thật.

– Bẩm, thôn nhà cụ lớn rồi thì thế nào cũng xong. Ông phó hội nói câu ấy tưởng ta đắc sách lắm.

Các ông lý, khán, xã các đương thư ngồi ở trong giải võ từ sáu giờ và đợi mãi đến chín giờ các cụ mới đến đủ.

Ông huyện vào. Mọi người đứng lên răm rắp. Tiếng ồn ào im bặt. "Cứ ngồi, cứ ngồi", ông vừa xoe bàn tay đập đập xuống chỗ không và ngồi xếp bằng trên cái sập gạch ở giữa cao nhất, trên phủ chiếc chiếu hoa cạp điều. Bên cạnh ông, một cái tráp sơn then. Trước mặt ông, một cái điếu xe dài gần một thước, một đĩa trầu con phượng, một bộ chén chè tàu cổ. Mọi người vẫn chắp tay đứng, đợi ông ra lệnh thứ hai mới dám ngồi.

Sau khi những cái điếu, những tích nước bên đông đình, bên tây đình chuyển tay nọ sang tay kia, sau khi thằng mõ để những đĩa trầu vào giữa từng chiếu một. Ông huyện cất giọng đàn anh hỏi:

– Năm nay những ai làm lễ tế thần nông để hạ điền?

Ông chánh hội, tức ông hàn Bảy, tức ông tú Cầu ngồi ở sập dưới, liền với sập ông huyện, nói:

– Bẩm cụ lớn, các cụ bên trên năm nay, cụ nào cũng có bụi. Vì thế, chúng tôi đã chọn được ba thầy lý trong binh lương. Ba thày này đều thanh cái cả.

– Được, vậy ông bảo họ sửa soạn mũ áo để ra làm lễ, không có muộn lắm rồi.

– "Lý Thạch, lý Nhữn, lý Túy!" Ông chánh hội vừa gọi vừa nhìn khắp lượt hàng lý dịch.

Ba ông lý cất tiếng dạ, rồi súng sính trong chiếc áo thụng xanh, đầu đội mũ tế đi đến trước mặt ông huyện đợi lệnh.

– Năm nay ba thầy may mắn lắm nhỉ – ông huyện nói – Thôi, ba thầy ra bàn làm lễ mau mau, còn họp việc làng.

Ba ông lý vái rạp, rồi lững thững đi ra ngoài miếu.

Ông lý Thạch đương đại bái, ông lý Nhãn đọc chúc, ông lý Tùy thông xướng.

Miếu thờ Thần Nông chỉ rộng bằng một gian nhà, ba bề tường vây kín mít, mặt trước có cửa tò vò. Từ bệ thờ, trừ chiếc án thư trên để thủ lợn và mâm xôi, chỉ còn đủ chỗ rải cái chiếu để ba ông làm lễ.

Lễ xong, các ông bỏ mũ áo, bỏ giầy (khi trước các cụ để cả mũ áo, chỉ bỏ có đôi hia). Ông đọc chúc cầm cây nêu, một cành tre tươi trưn treo chiếc mũ giấy con, đi trước. Ông đại bái đi giữa. Ông xướng tế, vai gánh hai bó mạ đi sau cùng. Trẻ con người lớn, đàn bà, con gái đứng đợi cả chung quanh thửa ruộng.

Ông đọc chúc vừa cắm được cây nêu, ông xướng tế vừa hạ được gánh mạ, ông đại bái vừa cắm được cây lúa xuống bùn, thì lũ trẻ đã chạy xuống, té lấy té để nước vào mặt vào mũi, vào khắp mình mẩy các ông. Có nhiều đứa tinh nghịch ném cả bùn, làm các ông ướt như chuột lột, lấm như ma lem. Có ông vừa chạy vừa kêu "thôi, thôi!", thì lũ trẻ càng té già. Và họ cười và họ kêu la rầm rĩ.

Bà lý Nhãn, người còn trẻ, phàn nàn với người đứng cạnh:

– Sao mà nhà tôi nhu nhược, ngu đần đến thế! Mình làm việc thôn trước, người ta làm khóa sau. Nhẽ ra mình đại bái mới phải *chứ! Rồi thì còn là rầy rà với tôi.*

Bà kia an ủi:

– Thôi, bà ạ, đừng rầy rà ông ấy mà tội nghiệp. Cả làng ai chả biết ông nhà bà ăn trên. Vả lại, ông lý Thạch đã già. Tôi chắc ông nhà bà nể mà nhường đấy thôi.

Bà lý Nhãn hậm hực:

– Nhường, tùy từng cái nhường chứ lị, người ta cưỡi đầu cưỡi cổ mà cũng chịu thì nhục nhã lắm.

– Thôi, bà lý ạ, nghĩ làm quái gì cho bận mình ra, mặc thây họ!

Ba ông lý thay quần áo xong, cùng vào trong giải võ. Mọi người nói ồn ào. Đợi cho đâu đấy ngồi yên, ông huyện cất tiếng sang sảng:

– Cụ lớn án tiên chỉ làng ta đi vắng. Tôi ra đây đứng thay mặt. Anh em đã họp đông đủ, vậy bây giờ ta bầu đi thôi.

Ông phó hội đứng lên, gãi tai nói:

– Bẩm, trên có cụ lớn, rồi đến các cụ, các thầy cùng các quan vơn đông đủ, tôi xin thưa.

Ông hắng dặng mấy cái để lấy giọng:

– Thôn chúng tôi đã gọi được hai tên ra làm giúp làng, còn chức quản xã xin để chúng tôi liệu sau. Nếu cụ lớn, các cụ và cả làng bằng lòng, chúng tôi xin cho hai tên ấy ra trình diện.

Ông huyện:

– Được, vậy thầy cho gọi hai tên ấy ra đây.

Các cụ:

– Được, được

Ông phó hội nhìn ra sân, gọi to:

– Xã Chính, xã Thổn!

Tiếng dạ ở bên kia giải võ đưa sang. Ông phó hội quay sang các cụ và nói:

– Bẩm, họ đương sắp sửa đồ lễ.

Nói xong, ông ngồi xuống, ra vẻ hài lòng lắm.

Một lát, hai thằng bé con đội mâm cau khô, trên để vài ba quan tiền chinh. Hai anh xã theo sau. Hai thằng bé đặt mâm trước mặt các cụ rồi lảng ra chỗ khác, để mặc hai anh xã đứng ngượng nghịu. Xã Thổn ngớ ngẩn, hai tay giấu trong vạt cả, mắt nhìn chòng chọc xuống mâm của mình.

Ông Hậu, ý chừng trông chướng mắt, nói:

Này anh xã, sao anh cứ thọc tay vào cái túi như người giấu "bom" thế kia? Khoanh tay lại chứ...

Xã Thổn trước khi khoanh tay, hình như còn bận giắt vật gì trong cạp quần. Mọi người nhìn anh và cười tủm tỉm.

Ông tú Bá ngồi cạnh mâm lấy mắt điểm lại số tiền. Bỗng ông kêu lên:

– Này, anh xã Thổn. Sao mâm của anh lại chỉ có sáu đồng thôi? Tám đồng kia chứ, Anh trông mâm xã Chính cũng tám đồng đấy nhé!

Xã Thổn gãi tai, nói lẩm bẩm trong mồm:

– Bẩm nạy cụ nớn, bẩm nạy các cụ thương cho, quả thật nhà túng nắm.

Ông Hậu nói:

– Túng!... Túng thì ra làm gì? Thôi bất nhược anh cứ bỏ nốt hai đồng ra. Vả lại anh làm còn hết nhiều, chứ chỗ này chỉ là cái lễ mọn dâng lên để làng chứng kiến, có phải không các cụ?

– Phải! Các cụ cùng nói.

Nghe chừng không thể bớt được, xã Thổn thò tay vào cạp quần lấy ra quan tiền, đặt vào cạnh ba quan kia, nét mặt rầu rầu.

Mọi người trông thấy cùng cười và thì thầm với nhau.

Ông huyện nghiêm nghị nói:

– Các anh ra làm việc vào khóa này là may lắm đấy. Mỗi anh chỉ phải bỏ ra có ba trăm trong ba năm, tức là mỗi năm có một trăm để bù vào việc thuế má. Chứ từ xưa đến nay làm được cái lý thôn, phải hàng nghìn là ít, có phải không các cụ, các thầy?

– Bẩm cụ lớn vâng ạ.

Ông cử Cảnh tiếp lời:

– Các anh cũng biết, mọi khóa vất vả tốn kém thế nào. Bao nhiêu thuế má này khác phải là cáng đáng hết cả. Năm nào cũng phải bù ít ra vài ba trăm. Tôi nói thật, anh nào có của không ra khóa này là dại.

Ông hàn Kỳ thấy lâu bèn gọi:

– Các đương thứ đâu? Ra mà nhận lấy tiền, và lấy cau. Các anh phải chia cho cẩn thận, đừng có tư túi vào đấy nhé. Liệu! Các cụ mà biết thì đừng có trách.

Một anh trong bọn đương thứ nói lẩm bẩm:

– Cụ cứ nói, chúng con khi nào dám thế.

Nói vậy, nhưng mà rồi các ông ấy cũng xà xẻo được mỗi người dăm hào bỏ túi.

Tính toán đã xong, họ đặt trên mỗi đĩa một cọc xu với bốn miếng cau khô. Ông huyện được bốn hào, các cụ cử, tú, mỗi cụ hai hào. Từ hàng lý dịch trở xuống đến thư ký, thủ quỹ, quản xã, mỗi người hào rưỡi, còn hạng khán, xã mỗi người bảy xu. Các ông bỏ tiền và cau vào túi, nét mặt hớn hở.

Tiếp luôn đó, những mâm cỗ toàn thịt lợn bưng lên với những chai rượu bố. Các ông quay ra chén.

Mấy mâm giữa, chỗ các cụ ngồi trông có vẻ trịnh trọng hơn: đĩa bát đơm đầy đặn, rượu toàn thứ "Ông lão" hay "Văn điển". Các cụ bàn về việc sửa sang Văn miếu cho đẹp đẽ.

Ông cử Cảnh nói:

– Văn miếu là cỗi rễ của khoa mục. Vậy Văn miếu mà để tồi tĩnh thì còn ra thể thống gì nữa.

– Phải, ông kép nói. Văn miếu còn thì tôn ti trật tự còn. Văn miếu mất thì loạn, loạn to. Các cụ trông, bọn trẻ tuổi bây giờ có ra làm sao! Tây chẳng ra tây, tàu chẳng ra tàu. Chẳng còn coi ai ra gì nữa. Thật là phong tục, luân lý bại hoại.

Ông Lãnh cãi lại:

– Các cụ cứ nói thế, bây giờ văn minh lắm chứ! Ngày xưa, mình biết ô tô, xe hỏa, đèn điện là thế quái nào!...

Ông cử Hạ say, cãi bướng:

– Cứ ô tô xe hỏa chỉ tổ đi lại thêm tốn, chứ được tích sự gì?

Ông huyện tính thích hòa bình, bèn nói sang chuyện khác:

– Thôi, ta hãy bàn đến việc thuế má năm nay. Hình như cả bốn thôn còn thiếu sáu trăm nữa, phải không ông chánh hội?

– Vâng, ông chánh hội nói, hôm nay lý trưởng lên khất quan, chẳng biết có được không?

Ông cử Hạ cãi lại, vẫn giọng bướng bỉnh:

– Chẳng được thì cũng phải được. Chưa có thì cụ bảo giết ai ra tiền!

Ông huyện không muốn nói với ông cử Hạ, bèn hỏi ông chánh hội:

– Thế số tiền hai nghìn rưởi, làng nộp huyện từ hôm nào? Có biên lai đấy chứ?

– Bẩm không, tôi hỏi ra, xã nào cũng vậy, quan không cho biên lai. Thế có việc gì không, bẩm cụ lớn?

Ông huyện rung đùi, vuốt râu nói:

– Cũng chẳng việc gì. Giá có biên lai thì vẫn hơn.

Ông cử Hạ vẫn giọng bướng bỉnh:

– Bắt quan phải cho biên lai chứ ly! Nói dại, thế ngộ quan phải gió chết lăn đùng ra thì làng hỏi ai? Lấy gì làm bằng?

Ông chánh hội ghé vào tai ông cử Hạ nói thầm:

– Này, liệu mồm nói chứ, cụ ạ, kẻ tai vách mạch rừng, thằng quản Chừng nó ngồi bên đông đình kia kìa, mật thám của quan huyện đấy.

Ông cử Hạ chẳng nhụt tí nào, thét to:

– Mật thám thì mặc mật thám. Tôi sợ cóc gì mật thám. Tôi không ăn trộm, ăn cướp, không sóc đĩa, rượu lậu, thì ai làm cóc gì tôi hết! Quan... quan thời cũng còn luật pháp chứ ly.

Ông chánh hội nói khẽ:

– Thôi, tôi xin cụ, cụ cũng nên nể cụ huyện ta một tí.

Ông cử Hạ cũng hạ giọng:

– Thì tôi làm gì cụ ấy mà bảo nể với chẳng nể.

Ông huyện nghe rõ bèn nói lảng sang chuyện khác.

Lần này đông đình và tây đình ăn nói giữ kẽ vì có ông huyện và các cụ bên trên.

Ăn uống xong, một anh thư ký cầm cái khay trên để một hộp mực, một quản bút và hai lá đơn, mỗi lá có bốn năm tờ giấy trắng tiếp sau đóng lại thành quyển sách. Anh thư ký lom khom đặt cái khay trước mặt ông huyện, mồm lẩm bẩm:

– Bẩm cụ lớn và các cụ ký cho.

Ông chánh hội cầm lấy đọc thật to cho cả làng nghe, tuy cả làng nhất là hàng lý dịch đều thuộc lòng như văn sách. Đoạn, ông huyện nằm bò trên sập, viết nắn nót từng chữ một: *Lão mạo, cử nhân khoa...*

tri huyện trí sĩ hưởng thụ Long bội tinh ký. rồi thứ tự, ông nọ ký xong đến ông kia. Ký dài dòng nhất có ông lãnh. Cứ theo phẩm hàm thì ông ngồi ngang với ông án kia đấy, nhưng mà "văn thời nhất phẩm đã sang, võ thời tứ phẩm còn mang gươm hầu", nên ông chịu nhũn ăn dưới ông huyện ấy. Ông cố nắn nót mà chữ nào cũng vẫn to như con gà mái: *Kỳ lão, chánh lãnh binh, tứ phẩm triều đình, hưởng thụ Chiến thứ bội tinh, Danh dự bội tinh, Long bội tinh, Chữ thập bội tinh...*

Ông cử Hạ cúi xuống nhìn và nói:

– *Chữ thập bội tinh* là cái quỷ gì?

Ông lãnh cãi lại:

Thế, thế cụ gọi... *"quan đờ ghe"* là gì?

Ông cử Hạ vừa cười vừa nói:

– Tôi chẳng hiểu ghe gung là gì cả, nhưng mà cụ ký dài quá, cứ chọn một cái mề đay nào đẹp nhất đề vào cũng đủ, làm gì mà phải tương vào lắm thế?

Các cụ cử, tú cười ha hả lấy làm đắc chí lắm. Các cụ vẫn ghét cụ lãnh, cho là bọn lính tập bao giờ cũng thô lỗ.

Cái khay đựng hai lá đơn truyền đi khắp mọi chỗ, từ ông huyện trở xuống đến cuối hàng lý dịch, chỉ trừ hàng khán, xã là không được ký. Không bao lâu mấy tờ giấy trắng đều đen ngòm những chức tước.

III

Trong khi ấy, nhà vợ chồng xã Chính, bây giờ là lý Chính, đương dọn dẹp, sửa soạn để sáng hôm sau làm rượu mời thôn. Mời thôn thôi, vì từ lý trưởng trở lên mới được phép mời làng. Thế cũng may. Với cái vốn cỏn con thì mời làm sao đủ!

Trong gian buồng nhỏ hẹp, các bà lý, khán ngồi quây quần chung quanh têm trầu trên hai cái phản kê ghép liền nhau. Cái thúng đã đầy trầu cau, chiếc khay đã đỏ ngòm những vỏ quạch, mà các bà vẫn cứ têm, vẫn cứ bổ. Hết chuyện nhà ra chuyện ngoài, các bà kể lể huyên thuyên.

Bà lý Nhãn cũng có đấy. Bà nhắc lại câu chuyện ban nãy, trong lòng vẫn còn hậm hực.

Ngoài sân, mấy tên dũng hì hục đào mấy lỗ chôn cột để làm rạp.

Chị xã Chính đi ra đi vào trông nom sai bảo mọi việc. Chị sung sướng lộ ra nét mặt. Phải, không sung sướng thế nào được! Chồng chị từ nay đã trở nên ông nọ ông kia, đã mở mày mở mặt với làng với xóm. Không sung sướng thế nào được! Xong ba năm làm việc, chồng chị đã thành ông lý cựu, sẽ được ngồi bên đông đình cùng với hàng lý dịch. Xong ba năm, chồng chị sẽ ăn nói, không còn ai hạch sách, không còn ai bẻ hoạnh. Chị sung sướng quá, quên hẳn số tiền chị sẽ phải bỏ ra trong ba năm chồng làm việc.

Ngoài ngõ, chốc chốc lại có vài bà đến chúc mừng bà lý mới. Những câu chúc mừng ấy, chị xã trả lời bằng nét mặt bẽn lẽn như cô dâu mới về nhà chồng.

Chính ở Văn miếu lẻn về từ lúc nãy, đương ngồi bàn soạn với ông lý cựu Quỳnh, một người anh con nhà bác. Ra vẻ thạo đời, ông cựu chỉ bảo từng li từng tí. Chính ngồi nghe, mắt đăm đăm nhìn vào mồm ông cựu, thỉnh thoảng hỏi lại những câu mà anh cho là quan hệ.

Ông cựu vân vê bộ râu mép, nói như người diễn thuyết:

– Sáng mai, lúc quan vơn hàng thôn đến, chú phải ra đến tận cổng, vái từng ông một, chú nhớ cả đến ông xã mình cũng phải vái tuy mình hơn người ta. Tuần giầu nước chú phải đứng mời từng bàn. Cần nhất là lúc ăn uống, chú phải mời mọc, săn sóc đến chỗ các cụ luôn. Bây giờ thì chú phải mua hay mượn vài ba cỗ tổ tôm để đêm nay các quan vơn đánh chơi. Đừng mượn những cỗ cũ quá. Dạo nọ, anh quản Hợi chỉ vì mấy cỗ tổ tôm mà người ta nói cho đáo để... Trong túi chú lúc nào cũng phải có dăm sáu đồng đề phòng ông nào hỏi đến thì bỏ ra. Chú đừng sợ mất đâu. Thế nào rồi họ cũng giả. Mà họ không giả cũng chớ đòi. Lệ ăn mừng phải thế. Chú phải "sắng" lấy hai bộ khay đèn. Được cái số ấy xóm ta cũng sẵn. Chú mua lấy hai hộp chính cống. Hộp mười chứ đừng lấy hộp năm, kẻo người ta bảo mình sẻn.

Đương bàn bạc thì có bốn, năm ông cựu đến. Ông cựu Quỳnh đứng dậy:

– Chú chờ nhé, còn việc cỗ bàn này khác, thì để tôi bàn với thím ấy, chứ chú thì biết gì, có nói cũng như không. Thôi, chú ra tiếp khách.

Quỳnh đi xuống nhà dưới, còn Chính ngồi khép nép tiếp những ông cựu. Các ông ăn trầu, uống nước, nói chuyện qua loa mấy câu rồi đi cả đến đằng xã Thổn, vì chiều nay xã Thổn làm rượu.

Chị xã Chính đương ngồi soạn lại hai sọt bát đĩa vừa mượn được ở nhà ông phó hội. Ông cựu Quỳnh hai tay chóng cạnh sườn đứng ở đầu nhà ngang gọi với:

– Này thím xã, à quên thím lý, tôi nhỡ mồm, thím hãy để đấy, ra đây tôi dặn việc này, cần lắm.

Bà lý Quỳnh ngồi gần đấy nói:

– Thím để tôi soạn hộ.

Chị xã đứng dậy, phủi những bụi rơm dính vào chiếc váy đậu, đi lại chỗ ông cựu:

– Bác bảo gì cơ?

– Này, nhà đã mua lợn chưa?

– Lợn nhà có được không bác?

– Thím này rõ lẩn thẩn. Lợn cho tốt thì thôi chứ. Đâu? Thím đưa tôi xem.

Mái chuồng lợn thấp quá, hai người phải cúi xuống.

– Lợn nhỏ thế này ư? – Ông cựu kêu – Tôi không hỏi mà chả chết à. Đến hai con như thế vị tất đã đủ.

– Thế à? – Chị xã nói có vẻ kinh ngạc – À, này bác ạ, con lợn đằng cụ lý Phúc có được không?

– Úi chà, con lợn ấy thì còn phải nói gì nữa.

Ông lý vừa đi vừa nói tiếp:

– Thím cho người đến hỏi ngay chiều nay đi. Cụ lý với nhà thím thì thế nào cũng xong, và có lẽ mua được giá rẻ cơ đấy. Con lợn ấy thì độ mười lăm, mười sáu đồng, ngày xưa cũng bằng ấy cũng phải mua tới ba mươi hai đồng đấy. Thím nên dặn anh em thằng mõ đến từ bốn giờ sáng để làm lợn. Việc cỗ bàn thì phải nhờ đến bác xã Mui. Bác ta thạo lắm. Làm cỗ bàn đã hơn mười năm nay.

Tờ mờ sáng hôm sau, sao còn lác đác trên nền trời xám ngắt, sương sa còn bao phủ trên ngọn cây, trên nóc nhà, người ta đã nghe thấy tiếng lợn kêu eng éc. Bà con hàng xóm láng giềng đến làm giúp tấp nập. Tiếng ồn ào làm cho mấy con chim bồ câu và đàn sẻ ngủ dưới tầu cau, dưới mái hiên thức dậy, sợ, bay tán loạn. Kế tiếp tiếng giã giò, tiếng băm thịt trên thớt, tiếng gào thét gọi nhau như thể sáng mùng một Tết trong các nhà giàu vậy.

Mặt trời lên khỏi ngọn tre thì cỗ bàn vừa sắp xong. Trên cái chạn dài suốt gian nọ sang gian kia, mâm thau, mâm gỗ bày la liệt. Ngoài những đĩa thịt lớn, đĩa lòng... còn thấy con cua luộc đỏ tươi và đĩa xôi vàng ửng. Ông cựu, hai tay chống cạnh sườn, đi dọc chạn xem xét từng mâm một. Ông vừa đi vừa tủm tỉm cười:

– Nói đùa chứ, cỗ mà có con cua với khúc cá rán trông nổi hẳn lên.

Một người bẻ lại:

– Nói thật chứ lại nói đùa.

Mọi người cười ồ, tuy câu bông lơn ấy nói không biết bao nhiêu lần trong các đám xá. Thỉnh thoảng ông ngừng bước, thét to lên:

– Này! Bác xã Mùi! Mâm này sao lại thiếu đĩa giò lụa... mà mâm này lại thừa đĩa "củng quẳng". Tôi không soát lại mà chả chết à!

Bỗng lũ trẻ chơi ngoài đường chạy vào, vừa chạy vừa kêu:

–Quan vơn đã đến! Quan vơn đã đến!

Ông cựu Quỳnh giật mình, ngửng lên hỏi:

– Chú, chú... chú lý đâu?

Trông ra đã thấy chú lý đứng đợi ở cổng, khăn áo chỉnh tề, ông cựu gật gù, mồm lẩm bẩm:

– Khá đấy!

Thoạt tiên anh Dũng đội cái mâm trên để một buồng cau, hai chai rượu, một bánh pháo. Rồi đến ông phó hội, một tay cầm ô thật ngay ngắn, một tay vung vẩy dịp dàng với bước chân dẫn rượu, cứ trông dáng điệu ấy tận đàng xa cũng nhận được ngay. Đi sau, các ông lý cựu, các ông khán xã với chiếc quạt "đánh chết chó" cầm ở tay.

Theo lời ông bác dặn. Chính kính cẩn chắp tay vái từng ông một, chẳng sót một ông nào. Chiếc mâm vừa đặt trên án thư, ông phó hội đã gọi người đem pháo ra đốt. Ông thích nghe tiếng pháo, thích ngửi mùi pháo lắm. Ông thường nói: "uống rượu mà ngửi mùi pháo thì uống mãi được, ăn thịt cũng mất ngán". Tràng pháo nổ chưa hết lũ trẻ đã xúm lại vồ, xô đẩy nhau ngã dúi ngã dụi, khóc mếu chửi rủa om xòm. Trong làng vẫn thế, sự hỗn tạp với sự trật tự cùng đi liền với nhau. Chính đứng thuỗn người không biết vì bẽn lẽn hay vì không biết nói năng. Ông cựu Quỳnh phải chạy ra đỡ lời:

– Bẩm các quan vơn hàng thôn, tôi xin thay mặt chú nó đa tạ quan vơn đã có bụng thương đến chiếu cố mừng cho!

Hôm nay vắng mặt ông huyện, vắng các cụ đạo mạo, nên các ông lý khán nói chuyện thả cửa. Trước hết, các ông nói về lợn. Ông thì khen con lợn ngoài Văn miếu béo, ông chê giò xấu. Rồi từ con lợn ấy, các ông nói đến con lợn ngày "đại tuyết", con lợn năm ngoái năm xưa, con lợn nhà ông lý này, con lợn nhà ông xã nọ... Thật là một cuộc đấu xảo lợn.

Sau những câu chuyện thiết "thực" các ông bàn đến chuyện binh thức: ông phó hội muốn bỏ lệ trầu cau trong các đám ma chay, ông cho rằng việc tang tóc là việc buồn, mà ăn trầu đỏ loét thì khiếm nhã. Một ông bẻ lại cho rằng: miếng trầu là đầu câu chuyện, không có nó thì nhạt nhẽo lắm. Một ông xin giảm lệ chồng đám: lệ nhất năm chục hạ xuống ba, lệ nhì ba hạ xuống hai, lệ ba một chục hạ xuống sáu đồng. Ông khác bẻ lại, cho rằng giảm như thế có hại cho quỹ trong thôn. Rút cục, kết quả vẫn như cũ, mà rồi ra cứ vẫn như thế mãi mãi.

Cỗ bàn bưng lên. Các ông nốc rượu vào, câu chuyện lại càng hăng hái. Tiếng ồn ào như chợ phiên không còn nghe ra câu gì nữa. Thế cũng xong.

Ăn uống no say, các ông khán xã ngất ngưởng ra về, chỉ còn các ông cựu ở lại với ông phó hội. Họ bèn chia ra hai phái: phái tổ tôm và phái thuốc phiện. Mỗi phái chiếm một dãy phản đối diện nhau.

Một ông pha trò:

– Thế này thì cũng chẳng khác gì đông đình.

Mọi người cười ha hả, cười vì say chứ không phải cười vì câu pha trò nhạt nhẽo.

Hai chiếc khay đèn bày song song, khói thuốc thơm phức bay tỏa khắp ba gian nhà.

Tuy rằng hai phái, mà phái nọ kiêm lẫn phái kia. Ông trong phái tổ tôm thỉnh thoảng chạy sang phái thuốc phiện làm vài khói, ông trong phái thuốc phiện thỉnh thoảng chạy sang phái tổ tôm ngồi chầu rìa hoặc cầm bài hộ.

Rượu làm cho người ta điên rồ, tàn bạo, thì thuốc phiện, trái lại, làm cho người ta trở nên thâm trầm, hoà nhã. Vì thế ban nãy các cụ nói nhiều, thì bây giờ các cụ nói ít, và nói toàn những câu triết lý, mà triết lý của các cụ chẳng qua khỏi "dĩ nhân vi quý".

Ông lý Nhãn không biết đã hút đến điếu thứ mấy mươi rồi, ông

nằm, một tay vắt lên trán, ống quần cháo lòng vén tận bẹn, vừa gãi sột soạt vừa ngâm nga:

– *Nhân sinh quý thích chí, phú quý hà vi.*

Rồi ông ngồi nhổm dậy hỏi những ông kia:

– Tôi đố các ông biết nghĩa là gì đấy?

Một ông nằm đối diện vừa tiêm vừa nhắc lại, kéo dài từng câu một:

– *Nhân... sinh... quế... thích... chơi... phú... quế... hà như...* (Ông kiêng tên Quí, còn tên Chi là tên thánh).

Ông lý Nhãn bẻ lại:

– *Hà vi* chứ!

Ông kia nhắc lại:

– *Ừ ừ, hà vi, nhân sinh quế thích chơi, phú quế hà vi.*

Ông phó hội bên phái tổ tôm, gấp bài đặt xuống chiếu, với lấy điếu rồi vừa thông vừa bẻ lại ông lý Nhãn:

– *Nhân sinh thiên địa gian, quý thích chí nhi dĩ hĩ, phú quí hà vi...* Thế mà cũng nói chữ?

Nhiều ông học kém hay vô học, thấy ông phó hội bẻ thì khen lấy khen để làm cho ông phổng mũi. Ông lý Nhãn chịu, nhưng chịu một cách không mất thể diện:

– Thưa cụ, một đằng thì người ta quí hồ thích chí, giàu sang mà làm gì, với một đằng thì người ta trong khoảng giời đất quý hồ thích chí thì thôi, giàu sang mà làm gì, nghĩa nó cũng vậy.

– Nhưng mà nói phải có sách, mách phải có chứng, ông phó hội vừa nói vừa nhìn mọi người, tự cho là lý của ông cứng lắm.

– Vâng thì xin chịu cụ, rồi ông lý Nhãn lại nằm xuống, ngâm nga một thôi dài bài phú thuốc phiện: *"Nhân sinh thiên địa gian, quí thích chí nhi dĩ hĩ. Cầm khả dĩ di tinh, Kỳ khả dĩ đấu trí, tửu khả dĩ đãi sầu, thi khả dĩ hứng sự... Nhiên nhi nghệ đại hữu nhất. Hạt nhược nha phiến chi thanh hương. Cận văn yên hà phong vị, hô nhi tắc thanh khi đạm nhiên, hấp nhi tất dĩ hương mãn thất. Nhiên nhi khởi duy hương hồ tai? Khả dĩ tán phong hàn, khả dĩ ôn phế thận, Tắc thân nan phố, khí hư Bành tổ chi yên hà. Cao ngọa bắc song tiếu ngạo hi hoàng chi tuế nguyệt. Thùy vị sát nhân vô kiếm thị bất tri*

nha phiến chi thanh hương." [1]

Giọng ông ngâm đều đều và khàn khàn, nhịp nhàng với tiếng se sè của thuốc phiện.

Một ông trong phái tổ tôm đương mất ù, phát cáu:

– Gớm, ông cựu sao mà lắm chữ thế, khéo không lại thành cuồng chữ mất thôi. Lại học lỏm được của ai chứ gì?

Ông lý Nhãn không hề để ý đến câu nói tức, ngâm hết bài nha phiến, ông hát đến những bài hát ả đào, mồm hát, tay gõ dịp xuống chiếu làm phách. Các ông đã say lơ mơ mà vẫn còn miệt mài đánh đến sái củ tỉ, làm cho mùi thơm trở thành mùi khét.

Mãi xế chiều, các ông mới đứng dậy, trở ra về. Ông nào cũng tươi cười vui vẻ.

Một khi khách khứa cùng với những tiếng ồn ào náo nhiệt ra khỏi nhà Chính, sự yên lặng trở lại, không phải sự yên lặng của ngày thường, mà sự yên lặng lạnh lẽo, buồn tẻ thảm đạm như sau một cuộc tàn phá.

Vợ chồng ngồi trên ngưỡng cửa cùng lộ vẻ lo lắng. Vợ cười gượng và nói:

– Này, mình ạ, bữa rượu thế mà hết gần năm chục đấy!

– Có làm gì đến chừng ấy.

– Này nhé, mình tính xem, mười sáu đồng con lợn này, với chục bạc vừa giầu vừa chè, thế là hai mươi sáu đồng, với năm đồng bạc rượu là đi ba mươi... mốt đồng, tám đồng ký nộp đơn là đi... ba mươi chín đồng, với hai đồng thuốc phiện, ba đồng tổ tôm bỏ ra cho họ vay, mới tính thế đã hơn bốn chục rồi, lại còn tôm, cá vặt vãnh nữa, không tới năm chục ư?

Có tiếng ông lý cựu Quỳnh ở ngoài cổng: "Thầy bu có nhà không

---

1. Có nghĩa là: *Người ta trong khoảng trời đất quý hồ thích chí thì thôi. Đàn để di dưỡng tinh thần, cờ để đấu trí, rượu để giải sầu, thơ để hưng nghiệp... Thế nhưng nghệ thuật lớn chỉ có một. Ấy là hương vị thanh khiết của thuốc phiện. Gần có thể thấy hương vị mây khói, phả ra thấy thanh khí đậm đà, hút vào thì hương thơm đầy phòng (chỗ này có lẽ tác giả lầm; lẽ ra phải là: hút vào cảm thấy thanh khí đậm đà, phả ra thì hương thơm đầy phòng –* NBS*). Nhưng há rằng chỉ có hương thơm suông mà thôi? (Thuốc phiện) còn có thể làm tan khí lạnh, làm ấm phế thận. Thân hình không bị hao tổn, khí sắc mang hơi hướng Bành tổ. Nằm khểnh ở cửa sổ phía Bắc mà tiêu dao ngày tháng hiếm hoi. Còn như ai bảo (nha phiến) là thứ giết người không gươm thì chẳng hiểu gì hương thơm thanh khiết của nó vậy.*

cháu?". Hai vợ chồng quay ra đã thấy ông cựu đi đến sân, vừa cười vừa nói:

– Cỗ bàn tươm tất đấy chứ!

Hai vợ chồng đứng dậy, mời ông ngồi xơi nước.

– Sao trưa nay, – chồng nói – bác về ngay, không ở lại chơi với các cụ cựu.

– Tôi bận "sắng" đồ lễ làm tuần ngày mai, gạo nếp độ này kém, chú thím a. Chỉ những oản chuối cũng mất ngót bốn đồng... À, này, chú thím đã mua chè cau để đi trình các cụ chưa?

Vợ buồn rầu:

– Thưa bác chưa, lại còn trình nữa kia à, bác?

– Sao lại không? – Ông vừa nói lớn vừa mở tráp lấy thuốc hút– Chú thím phải mua mười lăm bao chè trình các cụ bên trên với tám mươi gói cau khô, tất cả hết độ mươi mười lăm đồng.

– Sao mất nhiều thế bác? – Vợ nói có vẻ chán nản.

– Thì chú thím tính, những hơn bảy chục ông cựu, không kể các cụ cử cụ tú. Ngày xưa, thời tôi làm việc, cứ những cau khô cũng đã mất hai mươi đồng kia đấy.

Ông ngồi yên lặng một lát. Uống hết bát nước chè, ông nói tiếp:

– Thế nhưng mà có tôi đi với chú ấy thì mang ra chỉ mất độ bốn năm bao với vài chục gói thôi. Đối với tôi, họ nể... Các cụ cử, tú cũng vậy.

Vợ Chính sung sướng lộ ra mặt, nói tha thiết như người ốm nặng vớ được thầy lang hay:

– Thôi, trăm sự nhờ bác cả. Nếu không có bác dìu dắt thì thầy nó cũng chả dám ra làm việc, thật thế.

– Không dám.

Ông nói một cách khiêm tốn. Ngồi chơi một lát, ông đứng dậy:

– Thôi, chào chú thím, tôi phải về bảo bu nó ngâm gạo cho kịp sáng mai đóng oản.

Ông ra gần đến cổng, bỗng ngoái cổ lại nói:

– À này, chú thím còn số trăm bạc chồng cho làng thì khi nào làng hỏi đến mới phải nộp. Cũng nay mai đấy thôi. Chú thím cũng nên "sắng" trước thì hơn. Nhỡ để chậm quá mang tiếng.

– Vâng, hai vợ chồng cùng trả lời và cùng thở dài một lúc.

IV

Chính không còn là một chàng nông phu chất phác suốt ngày cặm cụi với con trâu dưới ánh nắng chang chang. Chính không còn những lúc đứng trước cảnh vật tưng bừng của buổi sáng hay man mác của ban chiều, tâm hồn phơi phới cất giọng hát nghêu ngao. Chính không còn những giấc ngủ trưa dưới gốc cây đa cổ thụ sau buổi làm vất vả. Chính đã thành một ông lý đi lang thang hết nhà này nhà nọ, với chiếc khăn chụp mới, chiếc áo the thâm, chiếc quần cát bá, đôi guốc sơn đỏ.

Công việc của ông lý cũng giản dị. Những ngày đại tiết, tiểu tiết, những đám xá, những ngày kỵ ở nhà các huynh thứ, ông tay cầm cái roi tre để đánh chó, đến từng nhà mời ông cựu; trước ông lý còn ngượng nghịu chưa quen, vài tháng sau ông làm việc ấy như cái máy. Những ngày có quan về, ông đứng trông nom lũ bạch đinh sửa sang đường sá, ông đi mượn bàn ghế bày biện chỗ quan ngồi. Ông đứng khoanh tay hầu hạ thay cho anh lính lệ. Ông làm mọi việc như một anh đầy tớ không công, nhưng ông lý lấy làm hãnh diện với những hạng không đủ tiền để ra làm những công việc như ông.

Luôn luôn ông phải đóng góp với bạn đồng sự để tết quan, mừng đám và nhiều khi chỉ để ăn uống phè phỡn với nhau. Cố nhiên là vợ ông phải xoay sở để dâng cho ông những món tiền ấy.

Từ đầu tháng giêng cho đến cuối tháng ba, ngày nào ông cũng bận, bận về các cụ. Hơi một tí, các cụ đều gọi đến đương thứ:

– Lý đương thứ đâu! Anh đến cõi dưới mời cụ tổng với cụ kép ra đánh tổ tôm nhé!

– Lý đương thứ đâu! Anh sắm hộ hai mâm rượu! Tiền, rồi các cụ sẽ tính sau...

Những công việc ấy, ông lý vui lòng tuân theo. Ông nghĩ bụng, trước làm nàng dâu, sau lên mẹ chồng. Các ông lý khóa trước cũng chịu một số phận như ông. Hết ba năm, ông cũng ngồi ngất ngưởng, ung dung sai, hạch sách chẳng khác gì các cụ. Mỗi năm hai kỳ thuế, ông chạy ngược chạy xuôi, bơ phờ như cờ lông công. Công việc quan can hệ nhất của ông là công việc tuần phòng. Chiều chiều, cứ đến sâm sẩm tối, ông lý ra điếm đánh một hồi trống, gọi dũng. Một tay cầm tay thước mun, một tay cầm chiếc đèn bấm, ông nện gót giầy "sang đá" xuống

đường gạch như một ông đội. Theo sau, năm sáu tên dũng vác dáo mác, thỉnh thoảng thổi một hồi tù và nghe thật oai phong lẫm liệt. Gặp cái xe tay hay lũ thợ đi gặt xa về, ông quát dõng dạc:

– Ai?

Nếu, nói dại đổ xuống sông, ông gặp bọn cướp, thì ông sẽ ù té chạy trước tiên về nhà đóng cổng chặt. Nhưng được cái làng không bao giờ có cướp nên ông vẫn can đảm như thường..

Vợ con ở nhà nhịn đói nhịn khát, làm lụng đầu tắt mặt tối, mà vẫn không đủ cung phụng ông. Rồi, nay bán một sào để ông tiêu việc thôn, mai bán một sào để ông tiêu việc quan. Nhưng, việc quan, việc thôn thì ít, mà việc ông tiêu cho cái dạ dày của ông, cho hàng rượu, hàng thuốc phiện, cho quân bài lá bạc thì nhiều.

Trước kia còn là anh nông phu, anh xã Chính, thì tính anh rất siêng năng cần mẫn, và ngoài việc làm, anh chỉ biết săn sóc chiều chuộng vợ con. Ngày nay, sống trong địa vị ông lý, anh chỉ nghĩ đến anh, nghĩ đến ngôi thứ của anh thì anh đứng trước bọn cán xã. Anh khinh miệt hẳn đám nông phu mà anh cho là hạng không đáng kể đến. Anh quên hẳn rằng anh trước kia ở trong bọn họ mà ra. Hoàn cảnh đã nung đúc anh theo khuôn khổ khác.

V

Hết ba năm làm việc, vốn liếng, ruộng nương cũng hết theo, chỉ còn trơ mấy gian nhà tre với lũ trẻ con nheo nhóc. Nhưng mà ông đã là ông cựu ngồi đông đình cùng hàng với các ông cựu khác. Nhưng mà ông đã được hạch sách bọn đương thứ. Nhưng mà ông đã được phần biếu: đĩa xôi, miếng thịt trong làng.

Thỉnh thoảng về nhà thấy vợ dơm dớm nước mắt, ôn lại thời sung túc, ông lấy những nhời cổ sơ để an ủi:

– Thôi, bu mày ạ, ai ai đều có số, số mình khá thì hết rồi lại có, lo gì.

Mà ông cũng tin như thế, tuy rằng từ ngày ông ra làm việc, số ông nó cứ lụn bại dần cho đến ngày số ông không còn lụn bại hơn được nữa.

Ngày nay các số 76, 77, 78, 79
(từ12-9-1937 đến 2-10-1937).
Đời nay xuất bản, Hà Nội, 1943.

CON TRÂU

(Tiểu thuyết)

Tiểu thuyết *Con trâu* đăng trên tuần báo *Ngày nay* năm 1939. Nhà xuất bản Đời nay in thành sách năm 1940.

Bác Chính – người nông dân làng Cầm – chỉ có một mơ ước: tậu được một con trâu cái. Bác hy vọng nhờ nó mà gia đình sẽ mát mặt hơn. Vì vậy bác và vợ con ăn tiêu rất tần tiện và tần tảo làm lụng ngày đêm. Gặp vụ mùa bội thu, gia đình bác rất vui. Thế nhưng, sau khi trang trải được gần hết công nợ và mua được chức "xã" để tránh cái nhục của thân phận bạch đinh, nhà bác cũng chẳng còn bao nhiêu thóc. Liên tiếp mấy vụ lại bị thiên tai hạn hán, mùa màng thất bát nặng nề. Công việc làm ăn của gia đình bác gặp nhiều khó khăn; dệt vải thì vải rẻ sợi cao, nuôi gà thì gà toi, nuôi lợn thì cám đắt... Bác xã Chính lâm vào cảnh túng quẫn. Mấy sào ruộng nhà phải bán đi trả nợ, bác phải thuê ruộng người về làm. Tuy vậy, ước mơ có được con trâu cái vẫn không nguôi ám ảnh tâm trí bác. Vì làm ăn vất vả quá, bác bị cảm thương hàn và chết trong cảnh nghèo nàn, không thực hiện được cái mộng ấy và cũng không kịp gả chồng cho Mít – cô con gái đầu lòng.

PHẦN THỨ NHẤT

MỤC ĐỒNG

– Nghé ơ ơ...ơ ơ nghé...nghé!

Thằng Tửu ngồi trên mình trâu gọi nghé. Con trâu mẹ kêu mấy tiếng "nghé ọ!", và chân vẫn thản nhiên, đều đều bước một trên con đường đất gồ ghề.

Xa xa, cánh đồng cỏ nhấp nhô những mả. Một con nghé đứng sững, cất đầu ngơ ngác nhìn, đen xẫm in lên nền trời đỏ.

Bỗng nó nhảy quẫng mấy cái rồi vừa chạy vừa nhảy như một đứa

trẻ nghịch ngợm, nó đến theo sau mẹ nó, thỉnh thoảng lại kêu mấy tiếng "nghé ọ" còn non nớt.

Ánh đỏ dịu dần, đã đổi sang màu tím và tím nhạt... Một ngôi sao lấp lánh trên màn trời lam tối. Vài con chim bay. Chuông chùa thong thả buông rơi từng giọt buồn vào trong khoảng yên lặng, một thứ yên lặng thiêng liêng của cảnh hoàng hôn nơi thôn dã.

Bọn mục đồng về sớm đã rẽ vào con đường làng lát gạch. Ngồi uể oải trên mình trâu, chúng nó bàn soạn công việc tế đức Vua ngày mai, đức Vua của chúng nó, đức Vua "Cuốn chiếu".

Tục truyền Vua "Cuốn chiếu" là một ông lão nghèo khổ. Mùa đông, tháng giá, ông thường khoác manh chiếu làm áo tơi, đi co ro trên bờ đầm, bờ sông câu cá.

Một hôm, rét quá, chịu không nổi, ông nằm chết co quắp ở cạnh cái quán ngói thuộc về làng Tiên. Rồi ông linh thiêng báo mộng cho dân làng ấy biết rằng ông đã được Ngọc Hoàng ban cho tước Vương và bắt dân lập đền thờ, nếu không thờ sẽ động. Họ không biết danh hiệu ông là gì, chỉ thấy ông chết cuộn tròn trong chiếc chiếu rách nên đặt tên ông là Vua " Cuốn chiếu".

Đền ông làm ngay trên đê, quay mặt ra sông Hóa. Trẻ mục đồng thường qua lại đấy chăn trâu dưới bãi. Chúng thấy đền Vua "Cuốn chiếu" linh thiêng, bèn họp nhau đóng tiền tế mỗi năm một lần vào ngày mười hai tháng tám để Vua phù hộ cho trâu, cho người khỏe mạnh. Từ đấy có cái lệ đóng góp của bọn mục đồng.

Thằng Tý cất tiếng hỏi:

– Này, năm nay đứa nào làm trùm, chúng mày?

Thằng Tín vừa giựt dây thừng xỏ qua mũi trâu để trâu khỏi đứng lại ăn cỏ ở vệ đường, vừa nói:

– Lại thằng Đục chứ còn ai!

Thằng Mùi nằm sấp trên mình trâu, bỗng ngồi nhổm dậy:

– Này, chúng bay! Sao chúng mình không bầu lần lượt mỗi năm một thằng?

Tý cãi:

– Mày nói dở lắm. Thằng Đục nó chăn trâu đã mười năm nay, trước hết cả bọn mình thì cố nhiên nó lên làm trùm. Lệ bao giờ chả thế!

Thằng Còn đi đầu, ngồi xoay ngược lại nói:

– Chúng mày lôi thôi lắm. Trùm với chẳng trùm thì được thêm cái "đếch" gì... Với lại, trừ nó ra thì thằng cóc nào biết làm đại bái– Nó vừa nói vừa cười chế nhạo cả bọn.

Thằng Chất, đứa trẻ nghịch ngợm nhất, đứng trên mình trâu nhìn trước nhìn sau, có ý tìm thằng Tửu. Vì Tửu hát hay có tiếng trong làng. Giọng nó trong như giọng con gái. Thường thường, về chiều yên lặng, nó cất tiếng hát. Cả bọn đều lắng tai nghe. Có nhiều đứa khẽ hát theo để học.

Nghe thấy thằng Còn nói thế, thằng Chất ngồi xuống nắm tay đấm mạnh lên mình trâu làm con vật sợ, rảo bước.

– Mẹ kiếp! Thử để ông làm trùm xem ông có học được làm đại bái không? Khó chó gì. Cứ việc lên chiếu trên, xuống chiếu dưới, rồi lễ, rồi quy, theo lời thông xướng...

Thằng Còn cười:

– Mày nói như đấm vào họng người ta ấy. Nếu cứ dễ như mày tưởng thì quan vơn nhiều ông đã chẳng bị những cái thẻ vào trong tay áo [1].

Thằng Mùi:

– Thôi chúng mày hãy xếp việc ấy lại. Bây giờ ta hãy bàn đến chuyện tiền nong đã...

Thằng Tý ngắt lời:

– Thế hôm qua họp ở đền nhà Vua, mày không có đấy à?

– Không. Hôm qua tao bận xay lúa vì chị tao phải theo bà tao đi đong thóc ở trên Hu.

– Chúng tao đã bàn đi bàn lại rồi. Năm nay cứ nhà nào một trâu thì đóng ba hào, nhà hai trâu thì đóng năm hào. Từ con thứ ba trở đi, mỗi con đóng thêm một hào, chứ không như mọi năm nhà ông cán Thận ba trâu mà cũng chỉ đóng có ba hào như mọi người.

Thằng Mùi vỗ tay nói:

– Thế thì cỗ năm nay hẳn to, chúng mày nhỉ? À, năm nay nhà nào "đăng cai" hở chúng mày? Bọn chúng nó ở cõi Hùng, ở khu trong đã biết chưa?

---

1. Thẻ bắt lỗi

– Hôm qua chúng nó cũng đến họp cả ở nhà Vua. Năm nay đến lượt ông Lý Quỳnh đăng cai. Nhà ông ấy rộng, lại có sân gạch. Xem ý ông ta bằng lòng lắm. Ông ta muốn dành ra hai mâm để mời bảy ông bạn đến đánh chén.

– Cứ kể ra thì lệ nhà "đăng cai" chỉ được một mâm với nửa chai rượu... À này, chúng mày, còn biếu xén các nhà có trâu ra làm sao? Cũng như mọi năm chứ?

– Ừ, cũng như mọi năm, mỗi người một phẩm oản, một quả chuối. Còn miếng thịt thì liệu xem con lợn to nhỏ thế nào đã. Nếu to thì ta cắt dầy thêm một tý.

– Lợn năm nay thì hẳn là to, vì thêm ra bao nhiêu tiền.!

– Mày đã chắc à? Tao thấy nói lợn năm nay đắt lắm cơ. Rồi tối nay hỏi thằng trùm sẽ biết. Chắc nó đã nhờ ông Lý Quỳnh mua hộ rồi.

Qua nhà xã Nháu bán hàng nước, một con trâu, con trâu của thằng Tín đứng lại bậy ra đấy. Vợ xã Nháu ở trong nhà bước ra chửi rủa om xòm.

Cả bọn vừa cười vừa nói:

– Rồi chúng tôi hót, làm gì mà nhặng lên thế!

Chúng nói thế nhưng rồi chẳng đứa nào hót. Vì thế mà mỗi khi đàn trâu đi qua, ít ra cũng có một vài bãi phân trâu trên con đường lát gạch của làng.

Thằng Chất không quên thằng Tửu, hỏi:

– Quái! Thằng Tửu đâu ấy, chúng mày nhỉ?

Không thấy bọn kia trả lời, nó nói tiếp:

– Đã lâu nay, ít khi nó về cùng với chúng mình. Thằng cha đọc chúc thì hay lạ! Cụ Lý Hiểu đọc đã vị tất bằng nó, chúng mày nhỉ?

Hai, ba đứa cùng đáp:

– Giọng nó như thế thì ai bì được!

Thằng Chất vẫn băn khoăn về cái chức đại bái. Không phải vì nó thích danh giá nhưng vì nó có tính tò mò, nghịch ngợm:

– Hay chúng mày cứ bầu tao làm đại bái, có lỗi tao chịu.

Thằng Còn cười, nói:

– Mày thì để khi nào có đánh nhau với bọn mục đồng bên Hạc

Ngang như độ nọ, chúng tao sẽ bầu lên làm tướng. Và khi nào phải bơi qua sông, lẻn vào chùa Bến nẩy trộm mít...

Tiếng cười ồ. Thằng Chất cũng cười theo và nói thêm:

– Cái đó đã hẳn! Nhưng ông lại còn muốn làm đại bái nữa cơ.

Cả bọn nhao nhao:

– Cái đó thì xin ông tướng hãy xếp lại.

Thằng Mịch, bé và hiền lành nhất trong bọn từ nãy vẫn ngồi yên trên mình trâu, tỉ mỉ xếp cái long đình bằng những cuống rạ tươi, nói xen:

– Anh Chất ạ, anh chớ nghịch thế, lỡ gặp phải đức Ông thiêng như đức Ông chùa Bến thì chết.

Thằng Tý cười nói:

– Mầy cho ông tướng mục đồng là bé à? Sử Đồng Tử giáng sinh đấy!

Thằng Chất đứng sừng sững trên mình trâu, hai tay chống cạnh sườn, phồng má, trợn mắt ra oai.

Thằng Tín chỉ thằng Chất, nói:

– Mịch! Mày trông ông tướng kia kìa. Oai không?

Thằng Mịch giọng thực thà:

– Oai gì chẳng biết. Tôi chỉ biết bu tôi kể chuyện: ngày xưa có một thằng bé chăn trâu ăn trộm bưởi ở vườn chùa Bến, bị đức Ông ngài trói vào gốc cau suốt một ngày trời. Bố mẹ phải đem trầu cau, vàng hương đến khấn xin ngài, mãi ngài mới tha cho. Anh Chất thử đến đấy mà lấy trộm xem?

Thằng Tý cười, nói ghẹo:

– Đã thế, chúng mình bắt thằng Mịch vào chùa Bến ăn trộm bưởi.

Cả bọn vỗ tay reo:

– A a... phải đấy! Phải đấy!

Thằng Mịch tưởng thật ngồi khóc.

Đàn trâu không để ý đến những tiếng cười reo của đàn trẻ. Con nào con nấy thủng thỉnh bước một. Đôi mắt to và lờ đờ như nghĩ ngợi gì. Hai tai phe phẩy chậm chạp, đuôi đập sườn bên này sang sườn bên kia đuổi muỗi.

*

* *

Thằng Tửu đã rẽ vào cõi Hùng từ ban nãy để được gặp cái Mít đi bán dầu hỏa và kim chỉ ở cõi Ba về.

Thoạt nhìn thấy từ đằng xa cái bóng đen đi lại, nó đã cất giọng hát câu "đường trường". Vì nó biết Mít thích nghe câu ấy lắm.

Mít năm nay mười sáu mà trông cao lớn bằng đứa mười tám đôi mươi. Mặt khấu khỉnh. Miệng lúc nào cũng cười, không phải để khoe hàm răng đen láy với đôi má lúm đồng tiền, nó cười luôn chỉ vì tính nó hay cười.

Nghe thấy tiếng Tửu hát, Mít đặt gánh xuống vệ đường khẽ khép lại tà áo, vuốt lại dải lưng xanh, sửa lại vành khăn cho ngay ngắn rồi tủm tỉm cười, đứng đợi.

Con trâu và con nghé theo sau dừng lại, ăn cỏ.

– Anh Tửu đấy à?

– Chị Mít đấy, phải không?

– Ừ, tôi đây. Sao anh lại đi đường này? Có xa thêm ra không?– Mít vừa nói vừa cười ranh mãnh.

Tửu đỏ mặt nói gượng:

– Tôi thích đi đường này vì nó vắng dễ đi.

Mít vẫn nụ cười ranh mãnh:

– À ra thế cơ đấy! Tôi lại cứ tưởng... À này, đến rằm tháng tám anh lại đi hát đúm ở làng Tiên đấy chứ?

– Có, Mít có đi không?

– Tôi đi để chúng nó ghẹo như năm ngoái ấy à? Tôi chả dám đi.

– Cứ đi, Mít ạ, lần này tôi kéo thằng Chất, chúng nó không dám ghẹo nữa.

– Nếu thế thì tôi... chả đi.

Nói xong, Mít đặt gánh lên vai vừa đi vừa cười khúc khích. Nhưng được vài bước, Mít quay lại nói to:

– Đùa đấy! Thế nào rồi tôi cũng đi với anh. Tửu trả lời bằng một câu hát. Tiếng hát lanh lảnh rót vào tai Mít, Mít lẩm bẩm: "Mình mà có cái giọng như giọng Tửu..." Mít bỗng tự ngượng, cười một mình.

Mít về đến cổng đã thấy ba đứa trẻ, đứa nào cũng chỉ mặc một manh áo cộc nâu, không có quần, chạy lại reo: "Quà đâu chị Mít?"

Mít mở cái bồ con lấy ba củ khoai lim đưa cho mỗi đứa một củ. Nó đã khéo chọn ba củ bằng nhau để các em khỏi tranh giành. Được quà, chúng sung sướng thi nhau chạy khắp sân. Mấy con dơi bay ngoắt ngoéo để bắt muỗi như cũng nô đùa với lũ trẻ.

Bác Chính gái ngồi ở thềm với chồng, đứng dậy, hai tay phủi đũng váy rồi đi lại chỗ con:

– Buôn bán lời lãi gì mà hoang thế? Hôm nào cũng quà, hết tiền lấy gì mà ăn?

Mít cười, nói:

– Có gì mà bu bảo hoang? Một chinh ba củ, chúng nó ăn thì lại đỡ tốn cơm chứ sao!

Ngừng một lát, Mít nói tiếp:

– Bu ạ, hôm nay đắt hàng, con bán được hai chai dầu với sáu xu chỉ. Vị chi là ba hào tám... Này, bu ạ, dầu tây chú Sửu bảo kỳ này sắp đắt, bu mua lấy một thùng để bán dần.

Bác gái hớn hở:

– Ừ, bây giờ mới có hai đồng. Để rồi tao bán mấy tấm vải bù vào là đủ.

Bác quay lại phía chồng nói tiếp:

– Thầy nó ạ, con bé thế mà đảm đáo để! Mới từ trưa đến giờ, nó đã bán được những ba hào tám. Thầy nó không bằng nó đấy. Cả ngày hôm nay làm được mỗi một cái hào.

Chính ngồi thừ trên thềm, nói gắt:

– Thế còn vốn, bu mày không tính à?... Còn bu mày thì đảm... Cả ngày không dệt xong tấm vải.

Anh chàng hình như đương tức bực điều gì. Khác hẳn mọi chiều, chiều nay anh về không đùa với thằng cu con. Vợ tức cũng định gắt lại, nhưng thấy chồng buồn, bèn đến ghé tai nói thầm: "Người ta khen cho con bé nó thích chứ ai trách gì mình!"

Trăng mồng mười đã lên cao tuy trời vừa mới xẩm tối. Cái sân đất nện trước cửa nhà, sạch sẽ và sáng sủa như một cái chiếu đậu rộng. Bác Chính không dám trồng cây, sợ rợp sân, mất cả chỗ phơi thóc.

Muốn hà tiện ít dầu, bác gái bưng cơm ra sân. Vợ chồng, con cái tất cả sáu người ngồi quây quần chung quanh chiếc mâm tróc sơn, trên có một đĩa rau muống luộc, một đĩa vừng rang với một chén nước

mắm cáy. Không phải vì túng bấn quá: vợ chồng bác còn có thể ăn sang hơn nữa. Nhưng hai bác muốn dành dụm để tậu một con trâu cái. Con trâu cái, đối với vợ chồng nhà bác, có lợi nhiều lắm. Với nó, bác trai có thể kiếm ít ra ngày ba hào. Đến khi nó đẻ, hai bác lại còn có nghé bán, hai bác tính chỉ độ vài năm là sẽ kéo lại được vốn. Còn chăn dắt đã có thằng cu Chốc năm nay lên mười tuổi.

Nồi cơm hẩm vừa bắc ra đã hết dóc. Ba thằng bé tuy đã điểm tâm mỗi đứa một củ khoai lớn mà vẫn ăn khỏe như thường. Hai bác phải nhịn mỗi người một bát để các con được no. Không nói ra mà hai vợ chồng cùng một ý, và nhìn nhau tủm tỉm cười.

Ăn xong, vợ chồng ngồi xỉa răng trên thềm. Mỗi người một bát nước chè nóng để bên. Trước mặt chồng, một cái điếu sành, một cái đèn chai ngọn li ti.

Mít thu dọn bát đĩa vào trong rổ. Rồi một tay xách mâm, một tay cắp rổ đi ra ao làng.

Hai đứa trẻ hàng xóm vừa sang họp với lũ con bác Chính chơi "dung dăng dung dẻ". Chúng nắm tay nhau đi đi, lại lại khắp dọc sân, vừa đi vừa hát. Mỗi lần hát đến câu cuối cùng "cho gà bới bếp, cúc cu cu", chúng nó lại ngồi xổm xuống đều phăng phắc. rồi lại đi, lại hát. Hết trò này chúng đổi sang chơi "ba ba, thuồng luồng" và chạy reo ầm ỹ. Bác gái quát luôn mồm: "Chạy vừa vừa chứ! Rồi lại kêu đói! Cu con, khéo ngã dập mồm, dập mũi ra đấy!" Bác trai nhìn thằng cu Chốc nghĩ thầm: "Bao giờ mình có trâu, nó sẽ thành mục đồng". Nghĩ vậy, bác sung sướng lộ ra nét mặt.

GẶT

Lúa chiêm năm nay được mùa.

Chung quanh làng, cánh đồng vàng hoe. Xa xa, ẩn dưới cây đa cỗi, một quán ngói cũ nhô lên khỏi mặt lúa. Xa nữa, các lũy tre làng lân cận liên tiếp nhau thành một dải xanh rì.

Trời lam biếc. Những đám mây trắng đuổi nhau không ngừng. Mỗi khi một đám mây bay ngang qua mặt trời, một khoảng bóng rợp lướt trên đồng lúa như một chiếc màng mỏng.

Khác hẳn mọi ngày, làng Cầm bỗng trở nên ồn ào tấp nập như một ngày hội. Trên các đường gạch, trong các ngõ hẻm, kẻ đi người

lại, cười nói vui vẻ. Phần nhiều là những đàn bà con gái đội thúng, cắp rổ sắm sửa thức ăn cho thợ gặt.

Bác Chính gái, bu cái Mít, hôm ấy mua được lưng rổ cá mòi, vài bó rau muống với một chai nước mắm. Trông bác hớn hở như ngày bác đi sắm tết. Vì năm nay, ngoài bảy sào của bác và hai sào ruộng quan, chồng bác còn thuê thêm được của bà Chánh Bá hai mẫu nữa.

Nhưng nếu bác nhớ rằng mỗi năm bác phải nộp bà Chánh hai mươi bốn phương thóc, nếu bác biết rằng chồng bác chỉ là một anh làm công không cho bà Chánh và chẳng may mà phải một năm mất mùa hay mùa màng kém xấu thì chồng bác sẽ không khỏi là một đứa nô lệ của bà Chánh; nếu bác nghĩ thế thì còn đâu vẻ hớn hở trên nét mặt mộc mạc, thì bác đã chẳng kể lể những công đức quý hóa của bà Chánh với hết thảy mọi người quen thuộc. Biết đâu rồi bác lại chẳng giống bác khán Na bị vùi dập dưới cái nợ vạn đại của bà Hàn Năm mà bác ta vẫn yên trí là ân nhân của mình.

Khắp làng, từ giàu cho chí nghèo, nhà nào cũng bận rộn dọn dẹp chỗ chứa thóc. Họ chăm chú vào công việc ấy như thể mấy anh đương thứ chăm chú vào việc đón rước quan.

Nhà bác Chính hẹp quá. Bác phải thu gọn bàn thờ, ống hương, ống hoa, đèn nến, bát nhang vào một nơi để nhường chỗ cho vựa thóc, và phủ mấy chiếc chiếu cũ rách lên trên để che cho khỏi bụi. Xưa nay, đối với ông bà, ông vải, bác vẫn một lòng kính cẩn, không bao giờ dám sao lãng, không bao giờ dám để một thức gì uế tạp lên trên bàn thờ.

Cái Mít hôm nay cũng phải bỏ cả buổi hàng, ở nhà xay thóc, giã gạo để nấu cơm cho thợ gặt ăn. Chú nó, một anh canh điền vạm vỡ, ngồi chẻ lạt ở ngoài thềm. Còn thằng Chốc thì nhập bọn với lũ trẻ khác đi ra đồng mót lúa. Nó khôn khéo đem cả ấm nước, điếu cầy và "bùi nhùi" đi đổi đồng. Lỡ gặp phải nhà chủ nào kiệt quá nó sẽ bị đuổi lên bờ và không được dự vào bữa cơm thợ. Nhưng điều đó ít khi xảy ra. Và mỗi năm, hết mùa gặt, nhà bác Chính thế nào cũng kiếm được vài ba thúng thóc mót.

Trâu đã có rơm ăn thừa thãi nên bọn mục đồng không phải đi chăn nữa. Chúng họp nhau thành phường đi gặt thuê. Bè đảng chúng mạnh lắm vì ở chỗ nào chúng cũng giữ số đông. Nhờ có chúng, các chủ ruộng không thể bắt chẹt hạ công xuống quá được. Mấy năm nay nhiều thợ gặt đã nhập phường với chúng. Trong ấy có cả bác Chính.

Vì thế, năm nay bác cấy ba mẫu mà chẳng phải mượn một ai. Đã có phường của bác. Nếu mười lăm người trong phường đến gặt giúp bác thì rồi bác lại phải gặt giúp lại mười lăm người ấy. Hết mười lăm người, bác sẽ theo họ đi gặt các nơi, không còn sợ bỡ ngỡ và chắc là được công cao vì đi đến đâu cũng sẵn có cánh mục đồng ủng hộ, thợ gặt ngoài không dám xen vào phá giá.

Kể ra thì ít ai như bác Chính, một người đã cấy ngót ba mẫu ruộng mà còn chịu đi gặt thuê, không sợ mất thể diện. Bác nhịn nhục được đến thế cũng chỉ vì con trâu cái, con trâu cái mà hằng ngày bác mơ tưởng như các vị công chức mơ tưởng một nếp nhà Hà Nội. Bác gái chịu khó cho chồng đi làm thuê làm mướn cũng chỉ vì một lẽ ấy. Hữu chí cánh thành. Chả biết rồi cái mong ước tậu một con trâu cái có thành không?

Hiện giờ chỉ biết: mấy năm trước vì kinh tế khủng hoảng, thóc hơn công rẻ, vợ chồng cấy chẳng đủ tiền nộp thuế, công chẳng đủ mấy miệng ăn, phải vay mượn mỗi chỗ một ít, đến nay vẫn chưa trả sạch nợ.

Tuy vậy mà bác Chính vẫn vui vẻ, vẫn ra công làm việc, vẫn mong ước, vẫn chắc chắn sẽ có một con trâu cái. rồi con trâu cái sẽ giúp bác kiếm ra tiền. rồi mỗi năm bác sẽ tậu thêm được một vài sào. rồi bác sẽ giàu có. rồi bác cũng sẽ ra làm hương làm lý như hương Kha, trước kia chỉ là một tên mục đồng nghèo khó hơn bác. Nghĩ vậy, bác sung sướng quá thốt ra những tiếng hát nghêu ngao vang nhà.

Bác gái đi chợ về đặt rổ xuống thềm, ngửng lên bảo chồng:

– Điên hay sao mà hát hổng ầm lên thế?

– Thích chí thì hát chơi chứ điên với cuồng gì!

Thầy nó trông, có bốn hào mà lưng rổ cá mòi, rẻ quá.

Vợ vừa nói vừa cúi xuống nhặt những bó rau muống và chè tươi sang cái vỉ, để lộ ra những con cá con, mình trắng sáng như bạc. Không thấy chồng trả lời, vợ nói tiếp:

– Thầy nó ạ, hôm nay tôi gặp cô ả Liên, con bà Hàn. Gớm! sao họ kiệt thế được! Nhà cấy hàng hai ba mươi mẫu mà chỉ mua toàn cá khô. Ý chừng để người làm ăn cho đỡ tốn.

– Sao bu mày không mua cá khô?

Chồng hỏi thế là vì đương băn khoăn về ý định làm giàu.

– Đắt hơn một tí nhưng được ăn ngon lành. Với lại, người ta đến làm giúp, mình cũng nên xử cho tử tế. Người ta có ăn hàng năm hàng đời nhà mình đâu mà sợ tốn!

– Cứ nghĩ như bu mày thì còn bao giờ dành dụm được. Tích tiểu thành đại, cứ một tí một tí mà rồi chả thành nhiều à!

Không muốn đôi co với chồng, bác gái quay xuống bếp, gọi:

Mít a! Hãy để đấy. Mày đem mấy bó rau ra ao rửa cho tao đã.

Mít đang ngồi xổm sàng gạo trong bếp, đứng dậy, chạy lại chỗ mẹ, cúi xuống rổ cá:

– Ồ! Cá rói.

– Mòi chứ rói à, mất! Bốn hào đấy.

– Rẻ đấy bu ạ, hôm nọ bà tổng mua năm hào mà cũng chỉ bằng ngần này thôi.

Rồi Mít cắp rổ rau, chè ra ao làng. Còn bác Chính gái ra ngồi ở sân làm cá trên cái thớt cáu đen những mùn.

Vài ba con gà con kiếm ăn quanh quẩn đấy. Mỗi lần bác vứt miếng ruột cá xuống đất, chúng nó sấn lại tranh nhau mổ. Một con vớ được, chạy. Những con khác đuổi theo làm con kia cuống quít. Bỗng một con chó mực ở đâu chạy đến, sán lăn vào rổ cá. Bác Chính gái lấy sống dao nện mạnh vào lưng con vật, mồm lẩm bẩm chửi rủa. Nó đau quá, vừa chạy vừa kêu ăng ẳng. Bác Chính trai đã dọn dẹp quét tước xong, đến ngồi chẻ lạt với em. Hai người vừa làm việc vừa chuyện trò, thỉnh thoảng đắc chí cười ha hả.

Tờ mờ sáng hôm sau, Mít và mẹ đã thức dậy, xuống bếp thổi cơm nấu nước cho người làm.

Mít rải ít rơm làm chiếu trước ba đầu rau, một tay khẽ đẩy những sợi rơm, một tay cầm chiếc que giẽ, chốc chốc lại gạt tro tàn sang hai bên. Lửa bốc lên ngùn ngụt, chiếu sáng cả một gian bếp. Khí nóng làm cho hai má Mít đỏ bừng. Một lát, nghe có tiếng thằng Chắt gọi ở ngoài ngõ, Mít vội đứng dậy, nói:

– Bu trông hộ con ấm nước.

Mít đã thổi được hai nồi cơm, hiện còn ủ dưới tro nóng. Nồi cá thì đã kho từ chiều hôm qua. Chỉ còn luộc rau, rang vừng nữa là xong. Mít đưa que giẽ cho mẹ, rồi vừa đi ra cổng, vừa lấy mấy ngón tay chải lại mớ tóc ở hai bên đường ngôi và đưa vạt áo lên lau mồ hôi đọng trên trán.

Hai cánh cổng tre mở. Một bọn thợ gặt hầu toàn những mục đồng ước chừng hai mươi người đi vào. Mỗi người cầm một cái đòn càn, hai đầu nhọn với một cái hái buộc vào một đầu. Sợi dây lạt thắt ngang lưng ra ngoài chiếc áo cộc nâu. Quần nâu sắn lên tận đầu gối. Bên cạnh sườn, người nào cũng đeo một cái ống tre dài độ hơn một gang, trong đựng vôi để phòng đỉa.

Cái sân con nhà bác Chính bỗng chật ních những người và ồn ào như một xưởng thợ.

Thằng Chất vốn hay bông đùa và nghịch ngợm. Nó biết Tửu thầm yêu Mít và hình như Mít cũng không ghét Tửu nên mỗi khi có hai đứa là nó chòng ghẹo.

– Mặt chị Mít sao mà đỏ ửng lên thế kia? Ý chừng trông thấy anh Tửu, chị xấu hổ, phải không?

– Đích thị rồi!

Một vài đứa trong bọn mục đồng nói đùa theo và cười ầm ỹ.

Mít cãi:

– Bao giờ nào! Người ta ở trong bếp ra lị.

– Thì lúc nào chị trông thấy anh ấy chị chẳng đỏ mặt!

Hai vợ chồng bác Chính vừa bưng cơm ra sân. Bác Chính gái sợ mất thì giờ, liền giục:

– Thôi thôi, mời các anh ăn quàng đi rồi ra đồng kẻo muộn. Mít! Con vào bếp bắc nốt nồi cơm nữa ra.

Mọi người ngồi xếp hàng hai bên mâm, suốt dọc sân. Cơm đỏ xới ra bát, hơi thơm bốc lên nghi ngút. Họ nhai, trông rất ngon lành. Mỗi bát chỉ và độ ba, bốn miếng là hết. Trong khoảnh khắc, đĩa nào đĩa ấy sạch sẽ như chùi. Ăn xong, họ dùng luôn bát ăn để uống nước, chẳng rửa ráy gì cả.

Sau khi nhai bỏm bẻm một miếng trầu và bỏ thêm vài miếng vào túi, các anh thủng thỉnh vác đồ lề ra ruộng.

Đến nơi, mặt trời vẫn chưa mọc. Phương đông một dải mây hồng nhạt. Những chùa, quán, những lũy tre làng, những cây đa mập mờ trong làn sương.

Yên lặng bọn thợ gặt bước ùa xuống ruộng lầy. Những bông lúa chín bắt đầu bị cắt dưới lưỡi hái, tiếng kêu sột soạt; vài ba con cò bợ thấy động, nặng nề cất cánh, duỗi chân, rướn cổ, vừa kêu vừa bay, lẩn vào trong sương...

Dải mây hồng dần dần lan rộng và mỗi lúc một đổi màu, từ màu hồng đến màu đỏ, màu da cam. rồi, bỗng vụt hiện, sau những đám mây tím viền vàng chói, những tia sáng rực rỡ tỏa ra thành hình rẻ quạt.

Làn sương tan dần. Cảnh vật trở nên trong sáng như sau một trận mưa, rực rỡ những màu tươi thắm, vang động những tiếng chim muông cùng những tiếng cười reo của bọn thợ. Tửu tự nhiên thấy khoan khoái, cất cao giọng hát.

– Phải đấy, hát cho thật hay rồi tớ gả Mít cho.

– Anh Chắt! Mã anh gả được tôi?

Mít đã mang nước ra đồng từ ban nãy mà không ai biết, nó ngồi trên bãi cỏ nói xuống. Tửu im hát, quay lên nhìn Mít, tay vẫn gặt đều. Bác Chính đang sung sướng vì những cây lúa đầy bông chín vàng, đâm ra dễ dãi nói đùa theo:

– Chắc nó không gả được thì hẳn thầy gả được. Vậy con bằng lòng chứ?

Mít đỏ mặt, nũng nịu:

– Thầy cứ nói!

Bọn thợ thích chí cười vang, rồi mỗi người nói đùa một câu.

Mít xấu hổ, cúi gầm mặt nhưng vẫn ngồi nghe họ chế nhạo, tay tỉ tê rứt những ngọn cỏ xanh.

– Thôi đừng đùa quá. Chắt, chị ấy sắp khóc kia kìa.

Mít ngửng lên cười gượng:

– Rõ khéo, việc gì tôi khóc?

Thằng Chốc tất tả ở đâu chạy đến, kêu:

– Chị Mít! Về, bu đương réo lên gọi chị đấy.

– Thế bu không vừa bảo chị mang nước ra à?

– Tôi biết đâu đấy.

Thằng Chốc nói, giọng gắt gỏng. Hai mắt nó còn đỏ hoe và ướt những nước mắt. Nó vừa đánh ngã thằng cu con giập mồm và bị mẹ vụt mấy roi vào mông. Nó ngồi phịch xuống cỏ, hai tay khoanh lấy hai đầu gối, mặt thừ ra, trông buồn thỉu.

Mít đoán biết em vừa bị đòn, đứng ngay dậy, rảo bước về nhà. Nhưng qua chợ nó cũng dừng lại mua mấy củ khoai cho thằng cu con, vì nó biết chẳng gì dễ dỗ trẻ bằng quà.

Gần đến cổng, nó đã nghe thấy tiếng gọi réo. Nó vội chạy về, ẵm lấy thằng bé trong tay mẹ, mặc dầu mẹ nó đương hầm hầm nổi giận.

Được chị ấn củ khoai vào tay, thằng bé nín bặt. Thế là mẹ nó hết giận.

Ở ngoài đồng, thằng Chốc cũng hết buồn. Nó đi ven bờ ruộng ngắt những cuống rạ tươi, kết thành hình con rết.

*

* *

Một hồi chuông nhà thờ Hạ Am. Mười hai giờ. Giờ mang cơm cho thợ làm. Mít bới tro, bắc ra nồi mười lăm cơm hẩm đặt vào một bên quang, còn một bên quang nó đặt một cái thúng trong đựng đĩa, bát, đũa và một nồi cá kho, một bát vừng rang mặn, lại úp lên trên bốn cái sàng làm mâm. Rồi tất tả nó gánh ra đồng. Nó hớn hở lại sắp được nói chuyện với bọn thợ gặt, nhất là sắp được gần Tửu. Chính nó cũng không hiểu tại sao nó yêu thằng Tửu hơn thằng Chất, thằng Mộc, thằng Mùi. Kể đẹp thì thằng Chất, thằng Mùi đẹp hơn nhiều. Tửu không những không đẹp mà lại còn rỗ hoa nữa.

Mít gánh đến đồng thì đã thấy bọn thợ ngồi bệt trên cỏ, đợi. Anh nào trông cũng có vẻ mệt. Dưới bóng rợp của chiếc nón mê, mặt họ đỏ xẫm như say rượu. Chiếc áo cánh nâu đẫm mồ hôi, dính sát vào lưng; quần ngắn còn xắn lên tận bẹn để phô những cặp đùi rắn, đỏ tía vì hằng ngày phơi nắng.

Ăn uống xong, nghỉ ngơi chuyện vãn một lúc, bọn thợ lại bắt đầu gặt. Sợ tối, họ mải miết cho chóng xong công việc, dù trời nóng quá. Ngoài những tiếng sột soạt của lúa bị cắt, không còn một tiếng gì khác. Chung quanh, bát ngát những lúa chín vàng chói dưới ánh nắng gay gắt tháng năm. Thằng Chất, thằng Tửu, thằng Mùi thôi gặt, để đi ôm những lượm lúa đặt ngang trên các mô rạ, đem vào bờ, xếp lại bảy lượm thành một bó. Rồi, một đầu gối tì mạnh xuống, nó hết sức rít sợi dây lạt cho thật chặt. Xong bó này, nó bó bó khác. Tuy mồ hôi rỏ từng giọt trên trán xuống, chúng nó vẫn vui vẻ làm việc.

Mít xếp dọn đũa bát vào thúng ngồi rốn lại một lúc mới về để sửa soạn bữa cơm tối.

CÔNG NỢ

Bĩ cực thái lai, bác Chính xem chừng đã đến vận đỏ.

Mọi năm cấy có dăm bảy sào. Năm nay cấy ngót ba mẫu thì vừa gặp năm phong đăng hòa cốc.

Cái sân đất tí hon không đủ chứa thóc, bác phải khẩn khoản nói mãi với ông từ mới mượn được sân đình để phơi phóng. Suốt mấy ngày, vợ chồng con cái làm lụng đầu tắt mặt tối, sáng đội thóc đi, tối đội thóc về.

Dưới ánh nắng chang chang, hai bu con cái Mít mặt đỏ tía tai, ôm những bó rơm ra đường gạch phơi cùng với họ hàng làng xóm.Mỗi người cầm một cái "nạng" [1] gẩy những sợi rơm tung lên cho chóng nỏ.

Tuy đã giao cho thằng Chốc vừa trông em vừa trông thóc, bác Chính vẫn thấp thỏm chạy đi chạy lại luôn. Thỉnh thoảng bác lại đến bừa thóc theo bề ngang, bề dọc sân đình. Bác vừa đi vừa cúi nhìn những hạt thóc rẽ ra hai bên bàn chân, óng ánh như những hột vàng. Ròng rã năm sáu tháng trời, bao nhiêu vốn liếng, nào tiền lãi hàng của cái Mít, nào tiền lãi vải của mình, nào tiền công mướn của chồng, đều đổ cả vào gốc lúa. Đến nay mới thấy kết quả thì mỗi hột thóc của bác là một hột vàng cũng đáng.

Một người đàn bà đi chợ, rướn cổ qua ngọn tường đình, gọi to:

– Bác Chính đấy phải không?

Bác Chính ngửng lên tủm tỉm cười:

– Vâng, bà lý đi chợ "sắng" [2] đồ nhắm cho ông lý hẳn thôi?

– Của đâu mà "sắng" mãi cho ông ấy nhắm để ông ấy say rồi ông ấy "chưởi" tam bành tổ họ nhà tôi lên ấy à.

Nói vậy mà chẳng ngày nào bà lý Chỉ không mua đồ nhắm cho ông lý. Hoặc khúc cá dưa, hoặc khúc cá thủ, cá vược về làm gỏi, hoặc mớ cá khoai, mớ tôm rảo về nấu canh. Không có thì ít ra cũng miếng thịt ba rọi. Bà rất đỗi chiều chồng lại vớ phải ông chồng quá tệ. Động say vào là thượng cẳng chân hạ cẳng tay đánh chưởi vợ. Mà dễ

1. Dụng cụ gẩy rơm cỏ, là một thanh tre hơi cong, một đầu vót nhọn và chẻ ra làm đôi như hai chiếc ngà voi.

2. "Sắng": sắm.

thường không mấy ngày là ông lý không say khướt cò bợ. Làng xóm, nhất bọn đàn ông, vẫn khen bà là người vợ hiền, nên bà cũng được mát mặt đôi chút. Hôm nay bà đi chợ hơi muộn song bà cũng đứng rốn lại nói nịnh bác Chính một câu:

– Năm nay bác Chính tiền dư thóc mục, tha hồ mà làm giàu. Giúp bà con với nhé!

Bác Chính nói nhũn:

– Thưa bà, của người ta cả đấy ạ.

Mà thật thế. Của người cả, của bác chẳng còn mấy hột, sau khi trang trải công nợ.

Thóc phơi xong, chưa kịp đổ vựa, bác sẽ phải trả ngay cái nợ của bà khán Thỗn. Vì tháng mười năm ngoái bác có vay của bà ta hai thúng thóc, lãi thành ba, hẹn đến hăm bảy, hăm tám, tháng chạp là cùng, mà mãi ba mươi tết bác vẫn chưa đào đâu ra được tiền.

Người ta vui mừng về tết bao nhiêu thì bác lo lắng khổ sở bấy nhiêu. Bác nhớ chiều ba mươi chợt nghe ngoài cổng có tiếng the thé của bà khán, hai vợ chồng bác giật nẩy mình, cùng nhau chạy trốn sang nhà hàng xóm, vì đã biết bà kia có tiếng nặc nô.

Bác còn như văng vẳng nghe thấy những lời nguyền rủa dữ dội mà bà khán kéo dài mãi đến tối.

Đêm hôm ấy gần giao thừa, vợ chồng mới dám lóp ngóp về. Thấy mất cái bát hương, mà bà khán đã bắt nợ bỏ vào thúng mang đi, bác trai ứa hai hàng nước mắt, sụt sùi khấn trước bàn thờ, xin ông bà ông vải đại xá, chỉ vì nghèo túng mà đến nỗi để phạm đến danh dự gia tiên. Khấn xong bác xuống bếp chọn lấy một cái bát xích yêu lành lặn đem lên thay vào. Thế mà từ mồng một trở đi, hai vợ chồng cũng giữ được nét mặt tươi tỉnh, cười nói chúc mừng bà con như không hề có việc gì xảy ra. Song, mỗi lần bác trai quỳ khấn trước bàn thờ, trông bác có vẻ buồn vô hạn. Mấy hôm tết, hai vợ chồng không dám đi đâu, chỉ sợ gặp bà khán. Bà ấy mà "chưởi" thì rông cả năm.

Nhưng cũng may, ở đời có người ác thì lại có người thiện.

Người thiện ấy là bà khán Bột ở liền xóm với bác. Bà góa từ năm mười tám tuổi, được mỗi mụn con gái gả cho lý Cúc, con ông Chánh cựu. Nhà lý Cúc ba đời hào dịch, thực là tiếng tăm lừng lẫy trong thôn ổ. Chỉ hiềm một nỗi lý Cúc chơi bời quá quắt. Cô đầu, rượu chè, thuốc sái, cờ bạc, đủ thứ. Bao nhiêu ruộng ông cha để lại,

một tay lý Cúc nướng sạch, nướng lây đến cả của mẹ vợ. Nhưng chẳng hề chi. Trong làng cốt có danh vọng là đủ, sau này nhờ trời, con cái ông nối được nghiệp bố thì bốn đời hào dịch rồi đấy. Tiền của nào bằng!

Bà khán không giàu lắm, nhưng mỗi năm cũng có dăm bảy nghìn thuốc lào, một cây thóc cao. Nếu không bị người trong họ xúc siểm vào hội Phật giáo, bầu hậu, bầu trùm, cúng vào đền này chùa nọ thì bà đã có thể giàu nhất nhì trong làng. Hiện giờ, họ đương khuyên bà bỏ tiền ra chạy lấy bốn chữ "tiết hạnh khả phong". Song bà còn lưỡng lự.

Bà thương hại nhà bác Chính lắm. Tuy không cùng họ mà cùng xóm, bác thường đi lại nhờ vả. Ngày rằm, mồng một, bà hay gọi lũ trẻ sang ăn xôi chè. Lúc về, bà lại cho mỗi đứa một phẩm oản hay quả chuối. Có khi chúng ở lì cả ngày bên ấy.

Những món lặt vặt như thỉnh thoảng một rá gạo hay vài hào thì không kể làm gì, bà sẵn lòng cho không. Nhưng còn nhiều bận bác sang nhờ hàng đồng trở lên tính ra có đến ngót chục. Số tiền ấy, bà Khán đã cho vay không lời lãi, chẳng lẽ có thóc hẳn hoi mà không đem trả thì còn mặt mũi nào!

Ngoài hai món nợ bà khán Thỗn và bà khán Bột, bác còn thiếu chỗ một thùng, chỗ hai thùng, chỗ một đồng, chỗ dăm bảy hào...

Nhưng giá chỉ có thế thì, trừ cả mười hai phương thóc nộp về vụ chiêm cho bà Chánh Bá đi rồi, cũng còn đủ ăn cho đến vụ mùa. Khốn nỗi nào chỉ có thế. Lại còn tiền sưu thuế sắp sửa phải đóng, tiền mua phân bón ruộng vụ mùa, tiền quần áo cho mình, cho vợ con. Quần áo người nào cũng đã nát quá, không sao vá được nữa. Không lẽ rách rồi cởi trần!

Cách đó mấy hôm, bác Chính gái nhìn đống thóc vơi đi, thở dài nói với chồng:

– Còn ít lắm nhỉ! Hay là thầy nó thử sang khất lại bà Chánh sáu phương.

– Ừ phải đấy. Nhưng mà khó lắm, mình ạ.

– Thì hãy cứ cố nài xem. Không có, bốn phương cũng được.

– "Ừ, thế tôi đi nhá". Chồng vừa nói vừa vào buồng mặc cái áo lương đã bạc vai, sờn khuỷu và chụp cái khăn gián nhấm lên đầu rồi cắp cái ô tã đi thẳng ra cổng.

Chồng đi được một lát, vợ đã thấp thỏm chốc chốc lại ra ngõ ngóng đợi...

– "Không xong rồi, phải không?" Vợ nhác thấy chồng về đã hỏi thế, vì trông thấy mặt chồng buồn thỉu.

Chồng nhếch một bên mép cười như mếu và nói:

– Chỉ tại cái Ngẩn nhà bá Rụt. Ra ngõ gặp gái, súi thật!

– Tại mình không khéo nói chứ gì.

– Nào người ta đã nói được câu quái gì mà bảo khéo với chẳng khéo. Vừa trông thấy mặt mình họ đã mắng như tát nước... Mà sao họ biết mình đã trả những người kia rồi? Lạ thật!

Chồng đi lủi thủi vào trong nhà. Vợ theo liền hai tay chắp sau lưng, vẻ mặt tư lự. Bỗng bác đứng thẳng người lên nói bằng một giọng quả quyết:

– Được rồi. Để tôi đi.

Bác Chính gái vừa nghĩ ra: Cậu Thanh, con một bà Chánh Bá thích đệ nhất chim bồ câu tây. Cậu đã đi chợ Hạ Am nhiều lần, lùng mãi mà không thấy. Cậu lại khẩn khoản nói với ông quản Sâm để cho một đôi, đắt mấy cũng mua, nhưng ông này ương ngạnh, cậu càng vật nài ông càng nhất định không bán. Bây giờ bác chỉ việc đến nhà ông, nói rõ đầu đuôi ông nghe, tất ông sẽ thương tình, để lại cho.

Nghĩ vậy, bác vội đi ngay. Chồng ngạc nhiên hỏi:

– Mình đi thật đấy à?

– Ừ, tôi đi đây. Hễ Mít nó về, mình bảo nó luộc rau ăn trước đi. Tôi ăn sau.

Bác gái đi rồi, bác trai thất vọng thơ thẩn đến nằm xoài trên chiếc chõng kê ở thềm, hai cánh tay khuỳnh dưới gáy làm gối. Bác thở dài yên lặng nhìn lên mái hiên một lúc rồi lẩm bẩm nói một mình:

– Ừ, mà mình rõ lẩn thẩn. Năm ngoái, năm kia, năm kìa, năm kĩa, nợ đìa như chúa chổm thì sao? Năm nay trả được sạch nợ lại còn thừa ít đỉnh! Còn mong thế nào nữa? Việc gì mà phải khất với khứa lôi thôi. Hừ! Mình rõ lẩn thẩn.

Bác chồm dậy, vội chạy ra cổng định gọi giựt vợ lại. Nhưng bác gái đã đi xa quá rồi. Bác đứng vơ vẩn nhìn ra đường, nghĩ thầm: "Nó có đi cũng vô ích. Mà không được cũng chẳng cần". Thế là bác hết băn khoăn, hết buồn.

*
* *

Bác Chính gái vào đến sân, thấy ông quản đương đứng ngắm nghía con họa mi nhảy nhót trong chiếc lồng son. Ông vừa đi thăm một người ốm về, vì ông làm quản xã kiêm thầy lang. Ông vốn thâm nho, đã đỗ khóa sinh, thi trường Nam mấy khóa đều bị trượt: số ông thế, biết làm thế nào? Ông xoay ngang ra học thuốc, mua những pho Lãn Ông, Hải Thượng và Phùng Thị về nghiên cứu. Chẳng cử, tú thì ông làm ông lang vậy. Ngoài việc thăm bệnh cho thuốc, sở thích độc nhất của ông là chơi chim. Nhà ông nuôi đủ thứ chim: nào họa mi, thanh ca, bách thanh, khướu mun, khướu bạc má, sáo, yểng. Ông chuyên dạy sáo nói. Có con ông bán tới mười lăm đồng. Ấy là ông khoe thế. Thực ra thì ông chưa bán cho ai được con nào. Ông có tính ương ngạnh với những kẻ giàu sang và hay thương kẻ nghèo khó.

Nghe thấy tiếng chào, ông ngoảnh ra sân:

– Kìa! chị Chính, có việc gì cần mà trông bộ vội vàng thế? Anh ấy cảm phỏng?

– Bẩm nhà cháu có tí việc, chỉ có cụ mới giúp được. Bác vừa nói vừa ngồi xuống thềm, hai tay khoanh trên đầu gối.

– Cụ với kiếc gì. Ô hay! Sao lại ngồi đây, vào trong này chứ?

– Bẩm nhà cháu không dám ạ.

Rồi bác kể lể...

Ông quản chưa nghe hết câu chuyện đã hiểu. Liền gọi con bắt lấy đôi chim mới ra ràng bỏ vào chiếc lồng đan bằng nứa, đưa cho bác Chính.

Bác đỡ lấy đứng dậy:

– Nói khí không phải, bẩm cụ dạy cho bao nhiêu tiền để nhà cháu xin nộp cụ.

– Đã bảo đừng gọi tôi bằng cụ mà lị. Giá nó thì vô kể. Nhưng mà tôi biếu không chị đấy.

– Ôi chao! Thế thì quí hóa quá. Cụ thương cháu quá. Thôi thế bây giờ xin lạy cụ ạ.

– Ấy đấy lại cụ. Thì cứ gọi tôi là ông có được không?

– Ấy chết, cháu đâu dám thế. Lạy cụ ạ.

Bác Chính chào lại lượt nữa rồi khúm núm xách lồng ra cửa.

Ông quản chau mày nói lẩm bẩm một mình:

– "Sao mà lắm người ngớ ngẩn thực thà, cổ lỗ đến thế? Chả trách được!" rồi ông đi ngắm các lồng treo dưới mái hiên, không bận gì đến việc người nữa.

*

* *

Bác Chính gái hớn hở xách lồng chim đến nhà bà Chánh Bá. Tới cổng, bác ngó xem cậu Thanh có nhà không thì vừa may gặp cậu đương cho chim ăn thóc ở sân. Bác cất tiếng gọi. Cậu chạy ra.

– "Lạy cậu ạ, cháu có đôi chim tây đem đến tết cụ". Bác vừa nói vừa giơ cái lồng ra trước mặt Thanh.

– Ồ! Đôi chim tây trắng đẹp nhỉ. Chị mua ở đâu đấy? Tôi đi lùng mãi mà không được.

Cậu sung sướng cầm lấy lồng đi trước, mắt nhìn chòng chọc vào đôi chim.

Mấy con chó xồ ra sủa.

Bác Chính hoảng hốt, bíu chặt lấy tay Thanh:

– Cậu coi chó cho cháu với. Khôn... khôn!... Kìa cậu, nó mà cắn cháu thì thật khổ cháu.

Bác vừa nói vừa kéo cậu giật lùi.

– Cộc chạy! Mực! Liệu hồn! Xuống bếp! (Cậu miệng quát, chân đá). Được! Đã có tôi, chị cứ đi.

Mấy con chó trước khi lủi xuống bếp, còn gừ gầm, nhe bộ răng trắng nhọn, giương đôi mắt dữ tợn nhìn bác Chính.

Bà Chánh đương ngồi têm trầu trên phản đứng dậy đi ra thềm.

– Cái gì thế, con? Kìa, con mẹ Chính! Lại đến khất bà phỏng? Không được đâu!

Thanh sợ mẹ không nhận lễ, bèn khẩn khoản:

– Thôi mẹ ạ, mẹ cho chị ấy khất. Đôi chim tây của chị ấy đẹp quá. Con đi lùng khắp nơi mà không mua được đấy, mẹ ạ.

Thanh đăm đăm nhìn đôi chim bằng con mắt đầy thèm muốn. Bà Chánh vốn chiều con thấy thế cũng dịu giọng:

– Mụ định thế nào? Liệu mà trả tôi chứ. Trong khi Thanh nhấc lồng lên ngắm, lại đặt lồng xuống, mồm nấc nỏm khen, thì bác Chính đứng gãi đầu gãi tai:

– Bẩm cụ, nhà cháu đã đến xin khất lại cụ một nửa đến vụ mùa xin trả, không dám để lâu.

– Hắn có nói gì với tôi đâu? Không được, khất thì không được.

– Lạy cụ thương cho. Chúng cháu vì công nợ mấy năm dồn lại, phải trang trải nên mới dám đem đầu đến khất cụ.

– Sao mụ không khất họ mà trả tôi trước đi, có được không. Phải sòng phẳng, mùa nào dứt mùa ấy thì rồi mới hòng về sau được chứ. Chưa chi mụ đã lừa bửa như thế thì hỏng. Tôi lại đến phải lấy ruộng về thôi.

– Bẩm lạy cụ, thật quả họ đòi rát quá, mà chúng cháu nợ họ cũng đã lâu lắm rồi... Vả lại cụ giàu có, thiếu gì. Cụ cho khất cũng như cụ cứu giúp chúng cháu. Sau này nhờ trời, chúng cháu khá lên cũng là nhờ hồng phúc cụ.

Bà Chánh đứng lưỡng lự. Thanh vật nài mẹ: "Thôi, mẹ cứ cho chị ấy khất, nhà mình thiếu gì!"

– Phải, cứ nghe cậu thì rồi đổ thóc giống ra mà ăn. Bà quay sang bảo bác Chính gái:

– Thôi thế này: tôi cho vợ chồng nhà mụ khất lại bốn phương lãi chục sáu. Người ta thì chục tám hay nhất bội nhị kia đấy.

– Lạy cụ, cụ thiếu gì. Thôi thì xin cụ chục ba. Chúng cháu làm ăn nó cũng chật vật lắm cơ. Chị vừa nói vừa bẻ mấy ngón tay kêu răng rắc.

– Thôi thế cứ nhất định bốn phương thành sáu. Tôi cho thế là nhẹ lắm rồi. Người ta thì không khi nào được như mụ.

Bác Chính gái chẳng biết tính ra sao nhưng cũng cố nài xin bớt. Bà Chánh phát gắt. Bác Chính sợ, xin vâng và hẹn sáng mai gánh đến nộp tám phương. Trước khi trở về, bác gãi tai nói:

– Bẩm, chúng cháu gọi là có đôi chim vi thiềng cụ.

– Cứ bầy vẽ ra làm gì. Thôi mụ đã cho, tôi cám ơn.

Bác Chính gái đi rồi, Thanh chạy vội đi lấy thóc cho chim ăn.

Bà Chánh thấy con hớn hở vì đôi chim, cũng không tiếc cái số lãi mình hạ nhẹ xuống nữa. Nhưng bà nói mấy câu để tỏ cho con biết rằng vì yêu con mà bà chịu thiệt mất ít lãi.

*

* *

Bác Chính gái về nhà, chưa bước qua ngưỡng cửa đã khoe cái chước khôn khéo của mình. Chồng sửng sốt hỏi:

– Chết chửa! Thế đôi chim mình đã mặc cả với ông ấy chưa? Chim tây hiếm và đắt lắm đấy, chả như chim thường đâu. Tôi nghe người ta nói có tới đồng rưỡi hai đồng một đôi kia đấy.

– Ông ấy cho không.

Chồng ngạc nhiên:

– Cho không? Khéo ỡm ờ lắm!

– Thật đấy mà. Tôi nói dối mình làm gì?

– Thế họ cho khất bao nhiêu?

– Bốn phương lãi thành sáu, Trước họ đòi chục sáu, tôi vật nài mãi mới được ngần nấy. Thế thì thành chục mấy nhỉ, mình nhỉ?

– Thế thì thành chục... (Chồng nhẩm tính) chục tư, à à chục năm...

– Những thế cơ à mình, tôi cứ yên trí là chục hai. Họ gớm thật!

Bác gái buồn rầu nhắc đi nhắc lại mãi câu: họ gớm thật.

Bác trai đã sẵn có ý tưởng ban nãy nên cứ thản nhiên như thường. Bác có băn khoăn thì cũng chỉ băn khoăn về con trâu cái bác sẽ tậu sau vụ này.

TẾT! TẾT!

Từ đầu làng đến cuối làng, chỗ nào cũng nhao lên về tết, tuy mới vào khoảng hai mươi, hăm mốt tháng chạp. Các bà đi chợ về, bà chánh, bà lý, bà khán, bà xã, bà nào cũng đội cái thúng trong để một "ông mũ" lấp lánh những mặt gương và trang kim, vài trăm vàng, một bó hương đen và một nải chuối còn xanh ngắt.

Bác xã Chính gái hôm ấy cũng đi chợ mua vàng mũ về cúng thổ

công. Bác lên chức xã [1] là vì chồng bác vừa mới bầu xã [2] được hơn tháng nay, sau vụ mới rồi.

Sao bác trai chịu bỏ ra hăm lăm đồng bầu xã mà lại không để tiền tậu ngay con trâu cái, con trâu cái mà bác hằng mơ tưởng, bấy lâu? Đó cũng là sự vạn bất đắc dĩ. Bác năm nay hơn bốn mươi tuổi đầu mà động có rước là bác đã phải ra cầm tán hay khiêng kiệu với bọn mục đồng; động có quan về là bác đã phải thân ra dọn đường, rẫy cỏ dưới con mắt hỗn xược của một anh quản xã chỉ lớn bằng chạc con bác. Động có việc gì nặng nhọc là đến tay bác. Trăm nghìn sự thiệt thòi đổ dồn cả xuống đầu bác, và đầu những kẻ bạch đinh như bác.

Lại còn một lẽ nữa: bác đi đến đâu cũng bị người ta chế giễu, khinh bỉ. Họ cho bác là keo kiệt, coi đồng tiền hơn phẩm giá. Bác động mở mồm là họ đã chặn họng: "Còn danh giá gì cái thằng bạch đinh mà cũng ăn với nói!". Cái khổ tâm của bác là thế, nên bác bắt buộc phải nhắm mắt, vuốt bụng mà chạy cho xong cái xã nhưng. Thực ra, bác có thiết gì nắm xôi, miếng thịt trong làng!

Đã lên ông xã thì ai chẳng muốn trang hoàng cửa nhà cho ra vẻ nhà ông xã, trừ khi không tiền. Bởi thế phiên chợ Hạ Am vừa rồi bác đã sắm được bốn bức tranh tố nữ và tám bức tranh con gái Tàu về treo hai bên bức vách. Phiên chợ giáp tết, bác lại mua được một quả phật thủ, hai quả bòng với một chục cam sành về bày ngũ quả và đôi cành hoa giấy về cắm ống sơn. Bác phí phạm được thế cũng là nhờ mùa mới rồi.

Bác gái phí phạm chẳng kém gì bác trai. Bác sắm nào hài, nào mũ, nào vàng hàng muôn để đi lễ các đền, chùa. Bác mua hẳn một thúng hành về nén, mua cá về kho, mua thịt, gạo nếp về gói bánh.

Bác còn sắm cho Mít một cái váy lụa, cạp xanh, một chiếc dây lưng thiên lý, một chiếc áo tứ thân vải màu nâu non và một chiếc yếm trúc bâu trắng nõn. Thằng Chốc, thằng cu Nhớn, thằng cu Con, mỗi đứa được một chiếc áo chùng nâu xẫm và một chiếc quần vải thô. Còn về phần bác, bác chỉ may mỗi một cái váy bằng vải ruộm vỏ xó, ngả bùn dầy cộp như mo nang. Người ta có kêu thì bác trả lời gọn lỏn: "Ôi chao! làm lụng vất vả suốt năm, là lượt lắm cũng phí đi thôi!"

---

1. Chức vị trong làng xã, thường do nộp tiền mua.
2. *Bầu xã* (tiếng địa phương): mua chức *xã*.

Cái Mít có vốn riêng, nên ngoài các thức mẹ sắm cho, nó còn sắm thêm một chiếc khăn sa tanh, một cái gương con bỏ túi và một hộp sáp "Cô Ba". Nó giấu kín, đợi sáng mồng một mới đem ra trang điểm để tránh khỏi những câu mắng mỏ của mẹ.

Khác mọi năm, chỉ một con sào, trên buộc cành xương rồng, dưới treo "ông mũ ngô", năm nay bác trai dựng ngay trước nhà một cây lồng đèn cao ngất, có những túm lông mã gà trên ngọn, có cờ vải tây điều bay phấp phới, có bầu rượu bện bằng rơm, có con rồng uốn khúc làm bằng mấy cành vạn tuế, có con cá nằm ngang để xỏ dây treo đèn.

Dựng xong, bác đứng giữa sân, tay vắt sau lưng, ngửng mặt lên ngắm:

– Trông có được không, mình?

Vợ đương cắt rễ hành với cái Mít ở thềm, ngoảnh ra nhìn:

– Thầy nó làm khéo đấy. Con rồng đẹp hơn con rồng bên cụ cán.

Vừa gặp ông cán ở bên cạnh sang chơi. Vợ nhìn thấy trước cất tiếng chào. Bác Chính trai vui vẻ chạy ra đón.

– Bác đứng ngắm cây nêu đấy à? Năm nay cây nêu nhà bác cao thế kia thì hẳn có thịt mỡ, bánh chưng xanh. Ông cán vừa nói vừa ngước mắt nhìn cây nêu.

– Không dám ạ. Thưa cụ, nhân tiện cháu mua cây bương về làm máng, cháu đem dựng trong mấy ngày tết. Thật không định mà được một công đôi việc. Hì!

Bác nói dối thế. Kỳ thực, hai vợ chồng đã bàn nhau từ mấy hôm trước mua cây bương về dựng lồng đèn rồi xong tết sẽ bổ ra làm máng cho khỏi phí.

– Rước cụ vào trong nhà xơi nước. Chúng cháu vừa nấu được ấm nước chè ngon đáo để. Mít, con đứng dậy xuống bếp bắc ấm nước lên đây nhé.

Hai người cùng vào. Ông cán đi trước, bác xã theo sau.

Ông đưa mắt nhìn khắp nhà, khen:

– Ồ! Lắm tranh đẹp nhỉ! Lại hoa hiếc nữa. Mua đâu thế?

– Dạ, bẩm cụ, cháu mua hôm phiên chợ Hạ Am vừa rồi. Có hào rưỡi một đôi.

– "Rẻ đấy!" Nói đoạn, ông đi lại ngồi xếp bằng trên chiếc phản kê ở trước bàn thờ để tết đến những người họ hàng quen thuộc đến lễ

ông vải. Bác xã ngồi ghé vào một bên mép phản tiếp khách.

Bác gái vào buồng, têm trầu bày lên đĩa bưng ra.

– Rước cụ xơi trầu ạ.

– Được, mặc tôi, bác cứ để đấy, đi làm nốt mớ hành rồi chốc nữa hai bác với cháu Mít sang gói giúp chúng tôi ít bánh nhé?

– Vâng, chúng cháu cũng định chốc nữa sang làm giúp cụ đấy. Nhà cháu có mươi mười lăm chiếc định đem sang luộc nhờ cụ, có được không ạ?

– Sao lại chẳng được! Ừ, mà tết nhất cũng nên bày cho vui. Có nêu cao, phải có pháo nổ, bánh chưng xanh chứ lị.

Ông cán vừa nói vừa rung đùi ra vẻ đắc chí.

– "Dạ". Bác gái cười tủm tỉm, trong lòng bác hoan hỉ lắm.

Bác ra ngoài hiên làm nốt mớ hành với cái Mít, để hai người đàn ông bàn bạc về tết.

Bác xã hỏi:

– Bẩm cụ xem lịch năm nay có tốt không ạ?

– Tôi cũng chưa xem nhưng thấy họ nói năm nay những mười ba con rồng lấy nước. Chắc là lụt to.

– Chết! Chết! Thế thì xấu lắm cụ nhỉ!

– Đâu lại còn ôn dịch và lắm bệnh nguy hiểm nữa.

– Chết! Chết! Thế thì xấu lắm cụ nhỉ!

– Ấy, còn tùy xem chân giò đầu năm thánh dạy thế nào đã chứ. Có khi thiên hạ loạn mà làng ta yên cũng nên.

– Vâng, bẩm cụ dạy chí phải. Thôi thì nhờ trời, nhờ phật, nhờ thánh tổ, làng ta yên là phúc, có phải không cụ nhỉ?

Ông cán Bích đã làm ba bát nước chè nóng. Ông cầm miếng trầu không, tháo ra xem vôi mặn hay nhạt rồi cuốn lại kèm với miếng cau tươi bỏ vào nhai giòn rau ráu. Ông đã sáu mươi ba tuổi, nhưng còn mạnh khỏe, chưa rụng cái răng nào.

Bác Chính nghĩ một lát rồi bỗng hỏi:

– À này, thưa cụ, mồng một năm nay xuất hành vào giờ nào thì tốt ạ?

– Tôi cũng chưa xem, nhưng thấy người ta bảo: nên xuất hành vào giờ dần; đi về chính nam thì gặp tài thần, về đông nam thì gặp hỉ thần, về đông bắc thì gặp quí thần.

– Chết chửa, cổng nhà cháu lại quay ra tây bắc. Biết làm thế nào hở cụ.

Bác nói và trông bác có vẻ bối rối.

– Rầy thật đấy nhỉ?

– Vâng, rầy thật! Làm thế nào hở cụ?

Bác vừa nói vừa ngơ ngác nhìn ông cán, mong ông nghĩ ra được kế gì hay hay.

Ông cán với cái điếu hút. Ông há hốc mồm cho khói đặc cuồn cuộn tuôn ra. Nửa chừng, ông ngậm mồm nuốt rồi thở mạnh ra đằng mũi...

– À, tôi nghĩ ra rồi.

– Ồ, thế thì hay quá! Quí hóa quá!

– Thế này, ngõ sau nhà bác chả là hướng nam à. Vậy thì sáng sớm ngày ra là giờ dần, bác đi ngõ sau sang xông nhà cho tôi, rồi chúng ta cùng đi ra ngõ nhà tôi quay về đông nam. Cứ thế chúng ta tiến thẳng đến miếu Hai lễ thánh. Đấy có cả đa lẫn xương rồng. Tha hồ mà nẩy lộc,

– Vâng, nhưng cháu xông nhà liệu có được không?

– Sao lại chẳng được. Bác dễ dãi, con cái nhiều, làm ăn may mắn, còn đâu bằng!

Ông cán đứng dậy, nói tiếp:

– Vậy, cứ thế nhé?

– Vâng, mời cụ xơi trầu

– Đã, tôi đã ăn rồi.

– Cụ xơi miếng nữa.

Ông cán nể lời cầm lấy. Ra đến cổng, ông nhắc lại việc gói bánh. Cả hai vợ chồng bác Chính đi tiễn sau, cùng nói:

– Vâng ạ, thế nào chúng cháu cũng phải sang làm giúp cụ.

Vợ nói thêm:

– Thế cụ cho cháu luộc nhờ mươi chiếc nhé?

– Được!

Hai vợ chồng trở vào. Vợ vừa ngồi xuống cắt vài củ hành, chồng vừa đem được ấm nước xuống bếp, ông cán đã lại sang:

– Này bác, tôi, tôi hỏi cái này tí.

Bác Chính trai hấp tấp chạy ra ngõ:

– Việc gì thế, cụ?

– Bác có chung không?

– Chung gì cơ, cụ?

– Chung bò. Bác có chung thì để tôi bảo quản Sang tậu con to một tí.

Vợ nghe thấy, và sợ chồng nhận lời, chạy vội ra nói:

– Bẩm cụ, nhà cháu làm gì sẵn tiền mà dám chung.

– Một đồng cũng được. Bỏ ra một đồng mà được tái bò, xào xáo trong mấy hôm tết lại chả hay lắm ru?

– Vẫn biết thế, nhưng nhà cháu quả thật không có tiền. Cụ tính không công nợ là may cho chúng cháu lắm rồi.

Chồng thấy vợ viện lẽ để từ chối, cũng nói thêm:

– Thưa cụ, nhà cháu cũng đã chung lợn với bà Rụt, bà Nhiêu rồi ạ.

– Cái đó thì đã hẳn. Tôi muốn hai bác có lợn lại có bò cho thể tất nữa cơ chứ. Thôi thế chào hai bác.

Ông cán đi khỏi rồi, hai vợ chồng thì thầm:

– Ông lão sung sướng thật!

Chẳng biết ông lão có sung sướng không, nhưng ông có hai ông con cùng ra làm lý thôn đã mãn khóa. Hiện nay cũng có cửa hàng bán thuốc lào trên Phùng và cùng khá cả.

Thời còn trai trẻ ông đã từng đi lại trên ấy buôn bán. Bao nhiêu khách hàng của hai con đều là khách hàng của ông khi trước.

Từ ngày lo xong công việc lão sáu mươi, ông ở hẳn nhà để mặc hai con bôn tẩu.

Ông nghiện rượu. Ông uống không mấy, mỗi ngày độ nửa chai bố thôi. Nhưng cơm không có rượu, ông không sao nuốt đi được. Ông thường nói vậy nhưng cũng chưa bữa nào ông thiếu rượu để ông có thể chứng thực được lời nói của ông.

Không như ông Lý Chỉ, động say vào là đánh vợ, ông say chỉ hay nói chuyện địa lý và làm thơ.

Môn địa lý, ông cho là rất dễ, không học cũng biết. Còn thơ thì ông mới sính làm trong hai năm nay, từ ngày ông đâm ra lẩn thẩn.

Một lần ông ngồi nhắm rượu thịt chó với ông khóa Ngoạn. Lúc ngà ngà say, ông cao hứng rung đùi đọc một câu thơ mà ông cho là có hậu lắm:

Còn nước, còn non, vẫn còn còn,
Có cây, có lá, sẵn sàng sàng.

Đọc xong, ông hỏi ông khóa nghe có được không? Ông khóa tủm tỉm cười khen cho ông lão sướng. Song lời khen của ông khóa không khỏi ngụ vẻ nhạo báng:

– Thơ cụ thì thế nào mà chả hay. Dẫu có thất luật thất niêm cũng chẳng hề gì. Nhàn nhã như cụ thỉnh thoảng cũng nên thơ thẩn cho nó đỡ buồn. Chả hơn những cụ khác, động say vào là đi tìm thú xóc đĩa, có phải không cụ?

Những câu thơ hay ho như trên ông tuôn ra rông rỗng mỗi khi tửu nhập. rồi ông bắt thằng cháu chép vào những tờ giấy dán la liệt trên tường hoa.

Thế mà ông vẫn tự cho ông là học dốt. Ông kể chuyện ngày xưa ông học cụ cử. Đến sách Hán, ông chịu, không sao nhai được nữa, phải bỏ về đi buôn vậy. Ông nói chẳng ngày nào là ngày ông không phải đòn về không thuộc. Có lần thầy đánh rồi, ông còn xin thêm mấy roi nữa để trừ vào ngày hôm sau, vì ông biết trước: hôm sau ông lại không thuộc. Thì ra thơ không cần phải thông minh, chữ nghĩa khá mới làm nổi. Chỉ cần có khiếu như ông là đủ.

*

* *

Đêm ba mươi có khác. Trời, đất một màu đen xẫm đến nỗi hai người đi sát cạnh mà không nhìn thấy nhau.

Trên các đường làng, trong các ngõ xóm, những ngọn đèn đỏ nhấp nháy như ma trơi. Ấy là đèn chai của những chủ và khách nợ đi lại đòi, khất.

Trong yên lặng, thỉnh thoảng vang lên những tiếng nguyền rủa, những tiếng cãi cọ lẫn những tiếng chó sủa. Từng hồi tù và inh ỏi tiếp sau những tiếng trống cầm canh. Thực là khác thường, một đêm can hệ nhất trong tháng củ mật, một đêm khốn khổ cho những nhà có nợ, một đêm lo sợ cho những nhà có máu mặt. Quân gian thường

nhân dịp các cụ ra đình đánh chén, lẻn vào nhà trộm cướp. Lắm người khánh kiệt vì thế. Có khi cả nồi bánh chưng cũng bị chúng cuỗm mất.

Đêm khuya, các tiếng thưa dần rồi im bặt... Một hồi trống tế giao thừa vừa rung lên, vang động cả khu xóm. Bác xã Chính vội vã ra đình lễ thánh rồi ăn cỗ. Bác không phải ra đình từ trước, vì làm lễ chưa đến thứ bác. Đã có các cụ ở trên.

Bác sung sướng, hớn hở như mở cờ trong lòng. Không bạch đinh, không công nợ, không lo lắng sự gì khác, bác chỉ việc để bụng vào bữa chén. Bác chén mãi đến tang tảng sáng mới về.

Cả nhà cũng đã dậy. Thằng Chốc, thằng cu Nhớn, thằng cu Con hí hửng trong bộ quần áo mới, đi đứng nghiêm chỉnh như các cụ lý sắp ra đình họp việc giáp.

Cái Mít trang điểm rõ ra phết một cô gái quê đỏm dáng: chiếc khăn sa tanh vấn ngay ngắn trên mớ tóc bóng mượt và thơm hắc những mùi sáp "Cô Ba". Hai vạt áo tứ thân buộc lỏng ra ngoài chiếc dây lưng thiên lý, chiếc yếm trúc bâu trắng nõn căng trên bộ ngực nở nang. Chiếc váy lụa đen mềm bay về phía sau, in hẳn cặp đùi mập mạp mỗi khi Mít chạy lên chạy xuống dọn cỗ.

Bác xã hơi men chếnh choáng, bông đùa luôn miệng, quên cả kiêng. Bác nói lắm câu dớ dẩn làm vợ phát ghét. Muốn chồng đi khỏi trong lúc say, bác gái nhắc tới việc xông nhà ông cán và việc xuất hành đầu năm.

– Mình sang đi thôi kẻo muộn rồi.

– Ở nhỉ, bà nó không nhắc thì ông nó quên đấy, bộ tịch đâu? Sao lại ăn mặc như nái xề thế kia? Trông con nó làm đỏm đẹp như cô tiên non bồng thế kia cơ mà. Họ hàng sắp sửa được chén rồi!

Mít xấu hổ đỏ mặt, chạy xuống bếp.

Vợ gắt:

– Năm mới, khéo ỡm ờ lắm! Hễ cứ say vào là thế.

– Mẹ mày bảo tao say à? Tao say...

– Thôi xin ông sang xông nhà cho người ta đi.

Vợ vừa nói vừa ẩy lưng chồng ra cửa. Chồng ngất ngưởng qua cổng cái. Vợ đứng trên thềm réo to:

– Ô hay! Cụ cán bảo đi cổng sau kia mà!

– Ờ nhỉ, tớ quên, xuất hành về đông nam lại chực đi về tây bắc. Say thì sao nhớ được rành rọt thế?

Vợ lẩm bẩm:

– Động say vào là chẳng biết trời đất gì cả.

Bên kia cụ cán cũng vừa ở đình về và cũng say chẳng kém bác xã. Cụ đương ngồi rung đùi ngâm thơ. Thấy xã Chính sang, cụ vồn vã:

– Ấy kìa, bác xã sang xông nhà cho lão đấy, phỏng?

– Vâng ạ, cháu sang xông nhà cho cụ đây ạ. Cháu mà xông nhà thì hẳn cụ làm ăn may mắn, con cái, cháu chắt đầy đàn.

– Thế thì tốt lắm. Năm mới lão cũng chúc bác làm ăn phát tài bằng năm bằng mười năm ngoái. Lý ơi! Đem pháo ra đốt đi mày!

Tràng pháo nổ ran, khói xanh bay vào trong nhà, quyện với khói hương. Cụ cán đọc hàng tràng thơ. Bác xã say, quên cả phép tắc, ngồi rung đùi khen phứa.

Cụ cán cao hứng:

– Đem mâm cỗ cúng thổ công ra đây tao, mày! Để tao ăn mừng năm mới. Xã còn uống rượu được chứ?

– Dạ, được ạ. Cháu thì bao nhiêu cũng vừa.

– Gớm nhỉ, thế thì ngồi đây tiếp lão.

Cụ cán bà ra can:

– Thôi, ông vừa uống rượu ngoài đình về. Mà bác xã cũng đã say mềm rồi đấy nhé.

Bác xã cãi lại:

– Thưa cụ, chả có, cháu chả bao giờ say.

Cụ cán ông nói gắt:

– Thì uống rồi lại uống nữa, không được à? Mấy khi, năm mới, bà cụ cứ hay lôi thôi.

Cả nhà, từ bà cụ cho đến con cái, cháu, chắt đều sợ ông cụ. Thế là mâm cỗ bưng lên, chai rượu "Văn Điển" để cạnh. Hai người ngồi chén tì tì. Ông cán cứ việc ngâm, bác xã cứ việc khen cho đến khi hai người cùng say khướt. Ông cán nói lảm nhảm một lúc rồi gục ngay xuống ngủ. Bác xã thất thểu trở về quên cả xuất hành xuất hiếc. Bác làm một mạch cho đến xế chiều mới dậy. Bác gái tủm tỉm cười nói mỉa:

– Thế nào, thầy nó xuất hành những đâu?

Bác trai hơi ngượng nói chữa:

– Xuất hành thế cũng đủ rồi. Còn hơn cụ cán chẳng xuất hành được tí nào.

Bỗng bác hốt hoảng: "Chết chửa, mình chưa đi lễ đâu cả!"

– Thế thì còn ngồi đây làm gì? Người ta đến lễ nhà mình đông rồi đấy.

Bác xã ra bể múc nước rửa mặt quàng qué rồi vội vã ra cổng.

Ngoài đường kẻ đi người lại nhộn nhịp. Người nào cũng quần chùng áo dài mới mẻ, sạch sẽ. Họ chào nhau, chúc nhau. Chốc chốc lại một tràng pháo nổ mừng xuân.

Bác xã cắm đầu đi. Gặp ai, bác cũng chỉ chúc qua loa mấy câu, rồi bác rảo bước tiếp luôn: "Xin phép ông, tôi chưa đi lễ đâu cả". May cho bác, đến nhà nào, họ cũng đi vắng, chỉ có bà chủ ra tiếp. Bác vội vàng lễ bốn lễ, có khi ba cũng nên, đoạn, bác vừa cầm lấy miếng trầu trong cái đĩa của bà chủ bưng ra mời, vừa nói: "Xin lỗi bà, tôi còn phải lễ nhiều nơi lắm ".

Bác lại tất tả sang nhà khác. Mãi tối mịt bác mới về. Tính ra, bác còn phải đi lễ dăm sáu chục nhà nữa. Đành để hôm mồng hai vậy. Chỉ để được đến hôm mồng hai thôi, vì mồng ba đã là ngày cúng cơm, hóa vàng. Cũng như hôm ba mươi, ngày ấy dành riêng cho những họ đương gần gũi.

CỖ MỪNG THÔN

Từ xưa đến giờ, hôm mồng hai tết vẫn là hôm dành riêng cho ông thủ chỉ thôn làm cỗ mừng thôn.

Hôm ấy, ba gian đình, cửa mở rộng.

Ông hội Thanh Cát, được bầu lên làm đại bái. Ông ngồi xếp bằng trên chiếc sập bên đông đình. Tiếp đến các ông chánh phó lý cựu. Các ông cán, ông xã ngồi bên tây đình.

Tuy đã có lệnh mười hai giờ trưa bắt đầu họp, ông đại cũng cho mõ rao khắp các xóm trong thôn để các ông xã không còn trách móc rằng thôn có họp mà mình không biết. Từ ông khán trở lên mới có đương thứ đến mời tận nhà.

Hình như "quan vơn" hàng xã nhưng, họ giữ kẽ không dám hấp tấp đến ngay, sợ các ông bên đông đình cho là háu ăn. Mỗi khi có việc họp để đi đám giỗ hoặc đám mừng, họ hết sức kéo dài thời giờ.

Hôm nay cũng vậy, đã gần một giờ rồi mà xem chừng các ông xã còn lẻ tẻ lắm. Ông đại muốn cho đông đủ để làm tăng giá trị mình. Nhưng trong hàng lý dịch có nhiều ông nóng ruột, hết ngồi xuống lại đứng lên, đi ra đi vào, mắt luôn nhìn ra đường. Nóng ruột nhất có ông lý Cúc. Ông thở dài lẩm bẩm:

– Cánh xã nhưng đến khó chịu! Mõ rao thế mà họ chẳng buồn đến cho. Bằng giờ chưa đến thì thịt thà thiu thối còn gì.

Ông đại bái cự lại:

– Ông ăn nói hay nhỉ. Thế nào cũng còn thể thôn nữa chứ!

Chẳng biết thể thôn ra làm sao? Nhưng ông hay dùng tiếng ấy lắm. Lý Cúc chẳng vừa. Tuy rằng ông đại bái trong thôn, quyền hành to tát chẳng kém gì một ông nguyên soái ở nơi biên thùy mà ông cũng gân cổ cãi lại:

– Xin phép các "quan vơn", ông đại tôi có nói đến thể thôn. Nhưng thể thôn là chúng tôi chứ còn ai. Không có cánh lý dịch chúng tôi thì lấy đâu làm thể thôn.

Mọi người xúm lại can: "Thôi, cụ cựu, cụ cũng nên nể lời cụ đại chúng ta một tý". Họ còn muốn nói: "Ông làm thế thì còn có thể thống gì nữa". Nhưng họ lại sợ cái tính đầu bò đầu bướu của lý Cúc.

Ông đại bái tức quá, nói gắt:

– Ông muốn đi trước thì cứ việc đi, ai ngăn cấm.

Lý Cúc cũng tức, đứng phắt dậy đi thẳng ra sân, không thèm chào ai lấy nửa lời. Ông vừa đi vừa nói một mình: "Chẳng ăn thì đừng. Không có cỗ thì dễ chết cả đấy!"

Giữa đường, ông gặp xã Chính. Bác xã chắp tay vái chào và tươi tỉnh hỏi: "Cụ đi đâu mà vội vàng thế?"

– "Tôi đi đâu mặc bố tôi". Lý Cúc nói gắt, chân vẫn bước rảo, hai tay thọc trong túi áo.

Rồi ông trịnh trọng, thong thả đặt từng bước một. Đi trước ông, thằng mõ đội cái mâm đồng trên để một buồng cau, một bánh pháo và hai chai rượu "Văn Điển". Nó không đi chậm quen nên thỉnh thoảng phải dừng lại đợi các cụ.

Chính tuy đã nhiều tuổi nhưng vì vừa mới bầu xã nhưng được hơn một tháng, nên đi sau cùng lẫn với đám xã tý nhau. Bọn này giữ lễ không dám nói to, chỉ thì thầm ghé tai nhau bàn tán.

Đi trên họ là những ông lý, khán non, chuyện trò cười nói đã có vẻ dõng dạc. Họ bàn bạc toàn những chuyện ăn chơi. Một anh nói:

– Canh bạc hôm qua, ông lý Cúc ta thua là vì về sau bạc nhảy. Ai lại đương ngửa tư nó chuyền sang sấp một, đương...

Anh khác ngắt lời:

– Phải đấy, nếu cứ rền như trước thì ông ta còn được. Ông ta phải cái tội hay khát nước, canh nào mà bạc hay chuyền thì có bao nhiêu cũng hết.

Rồi họ kể đến các canh bạc ở tổng nọ, ở làng kia...

Đi trên nữa là bọn lý chánh cựu, các ông hương, ông khán già có con ra làm việc đã mãn khóa. Đi liền sau ông đại là những ông lý chánh cựu hoặc đã vào lão rồi, hoặc đã trình hạng, hoặc vào bậc dòng dõi hào dịch như lý Cúc chẳng hạn.

Những câu chuyện của bọn này có phần quan hệ, trịnh trọng hơn. Họ tiếc thời xưa, phàn nàn buổi dở dang này. Họ nói: thời họ còn làm việc, làng có nhiều mỹ tục. Thí dụ như đời bố mà không bầu xã, bầu nhiêu thì con dẫu có thiên ức vạn tải cũng chẳng cất đầu lên được. "Thời nay thì, úi chao! Động có của là lý nọ khán kia rối xòe, chẳng cần đếm xỉa đến dòng dõi ông cha. Con thằng bạch đinh mà có tiền, cũng có thể nhảy lên làm ông lý. Như - đến đây các cụ hạ giọng, nói rất khẽ - lão cán Cẩn với con hắn. Rồi chẳng khỏi đến cháu đến chắt nhà hắn. Thế mà khi xưa ông cha chẳng bầu bán gì cả, suốt đời chỉ đi gồng, đi gánh, chẳng hơn gì thằng mõ!".

Thực ra thì các cụ ghen tị mà nói thế thôi, chứ thời này cũng không khác thời xưa mấy. Cán Cẩn và con hắn ngóc đầu lên được cũng vì các cụ, vì các cụ muốn có tiền bỏ túi lại muốn có cỗ, có phần. Vả lại tuy hắn, con hắn có ngôi thứ hẳn hoi, các cụ vẫn rẻ rúng, vẫn xúm nhau lại mà bắt nạt.

Những câu chuyện đương nồng nàn từ trên chí dưới bỗng im bặt và mặt ông nào ông nấy bỗng hiện vẻ nghiêm trang và bước đi của ông đại bỗng trở lại chậm chạp, trịnh trọng, dõng dạc như lúc mới ở đình bước ra. Vì các ông trong thể thôn đã tới cổng nhà ông Thủ chỉ[1],

1. *Thủ chỉ*: tức tiên chỉ, người đứng đầu ngôi thứ trong làng.

vì ở đấy có ông lý Vũ, anh họ ông Thủ chỉ, đứng đón tiếp - Năm nay cũng như mọi năm, ông Thủ chỉ bận việc quan vắng, nên ông anh họ ra thay mặt.

Ông lý Vũ chắp tay cúi đầu vái lia lịa như chầy máy. Ông đại sẽ gật đầu nhưng mắt vẫn nhìn thẳng. Mọi ngày ông thường đánh tổ tôm với ông lý, thường vay giật nhau từng đồng, thường chè chén, nói chuyện gàn bát sách với nhau. Nhưng, hôm nay ông là ông đại bái, là người đứng đầu hàng thôn, cho nên vì thể thôn ông phải như thế.

Trong khoảnh khắc, cái nhà thờ năm gian hai chái đã chật ních những người.

Thằng mõ đặt mâm lễ trên nhang án rồi cúi đầu lui ra. Ông đại vào lễ trước. Ông lễ rất thong thả. Một anh đương thứ cầm bánh pháo ra sân đốt. Tiếng pháo nổ ran, khói pháo xanh nhợt bay tỏa ra như sương mù. Mấy anh xã tí nhau đứng ngoài sân, lộ vẻ sung sướng. Giá ở nhà thì các anh đã chạy ra tìm những chiếc pháo ngòi sót lại bỏ túi thỉnh thoảng đốt chơi.

Rồi theo thứ tự trên dưới, hai ông một vào lễ, tuy chiếc chiếu hoa trải trước bàn thờ có thể chứa đủ bốn ông. Cứ thế mãi, hết hai ông này ra đến hai ông khác vào..., thời giờ xem chừng đã thấy kéo dài.

Một ông bên trên nóng ruột nói: "Xin phép quan đại để hàng xã nhưng vào "lỡi" [1] bốn một cho... tiện". Ông định nói cho chóng theo như ý nghĩ thầm của ông, nhưng đến cuối câu, ông tìm ngay ra được chữ tiện để khỏi bại lộ chân tướng.

Ông đại hiểu ý và cũng muốn vậy nên thuận ngay.

Hàng xã nhưng được thể chen nhau mà vào lễ hàng bốn, hàng năm, có khi hàng sáu. Các quan viên lúc này dễ tính không bắt bẻ. Ông đại quay lại bàn thờ để khỏi chướng mắt và nhất là để khỏi phạm đến thể thôn.

Ông lý Vũ từ nãy vẫn khúm núm đứng đáp lễ bên nhang án; ông chạy ra, một tay vịn vào chiếc ghế bành mây, một tay gãi tai, nói: "Xin rước cụ đại an tọa". Ông đại xua tay, đáp: "Không dám, chỗ này là chỗ cụ tiên chỉ. Người đi vắng cũng như người có nhà. Thế nào chúng tôi cũng còn phải trọng thể thôn chứ!"

Ông đi lại ngồi xếp bằng trên chiếc sập bên đông, kê tận trong

---

1. *"Lỡi"*: lễ

cùng. Rồi một tay xòe ra, ông mời ba ông cao nhất ngồi với ông và, tay vẫn xòe đưa ra dẫy sập kê liền đấy, ông mời các ông khác. Sau cùng, ông rướn cổ nhìn sang bên kia nói to, giọng đàn anh: "Các quan vơn [1] kỳ hào đã ngồi đâu vào đấy rồi, bây giờ thì các ông các xã chia nhau mà ngồi cho có trật tự, nghe chưa?"

Bốn, năm tiếng dạ ran, rồi lộn xộn, ông nọ đùn ông kia ngồi trên, ông kia đùn ông nọ ngồi trên, dằng dai một hồi lâu. Xã Chính biết phận, ngồi hàng dưới cùng với lũ xã tí nhau. Mấy ông bên trên thấy thế thương hại đến kéo lên ngồi với hàng xã lớn tuổi. Xã Chính sợ mất "thể thôn", từ chối. Mãi sau ông đại cho phép mới dám nhích lên mâm trên. Bác cẩn thận thế cũng phải, nếu không chốc nữa rượu vào lời ra, các ông "hoạnh" thì biết đường nào mà nói.

Bên đông, bên tây đã ngồi đâu vào đấy rồi, ấm chén sắp sửa bưng ra để các ông làm một tiệc nước thì ông đại bỗng đứng dậy. Mọi người đứng dậy theo ngơ ngác nhìn nhau, không hiểu.

Ông đại nói: "Chết chửa! Tôi quên bẵng đi mất. Anh em chúng mình chưa chào cụ cố". Rồi ông gọi: "Ông lý cựu đâu? Ông đưa quan vơn hàng thôn lên chào cố đã".

Bên kia, hàng cán, xã nhao nhao, hỗn độn như đám bạc bị bắt.

Ông lý Vũ chạy ra đứng trước mặt ông đại gãi tai nói:

– Thưa cụ đại và các cụ, cụ cố chúng tôi mệt, nằm dưới nhà. Cụ cố chúng tôi xin có lời cảm ơn các cụ và xin các cụ miễn cho.

Ông đại xua tay, lắc đầu:

– Chúng tôi thế này cũng là không phải lắm. Vậy ông cứ để chúng tôi xuống chào và mừng tuổi cố.

Ông lý van lơn:

– Xin các cụ miễn cho. Cụ cố chúng tôi mệt không ra tiếp các cụ được.

Ông đại bẻ lại:

– Ông chớ nói thế. Chúng tôi đâu dám để cố ra tiếp. Chúng tôi chỉ xin xuống chào và chúc mừng cố.

Vừa nói, ông vừa đi xuống nhà. Các ông trong "thể thôn" theo sau. Ông lý Vũ chạy vội xuống bẩm trước. Cụ cố đương nằm nghỉ

---

1. *"Quan vơn":* Quan viên, người có chút địa vị trong làng, được miễn phu phen tạm dịch; phân biệt với bạch đinh (dân đen).

trong màn vừa thở dài, tốc chăn ngồi dậy thì ông đại đã đứng cửa nói vào:

– Lạy cố ạ, quan vơn thôn có lời chào cố và chúc cố bách niên trường thọ.

– Không dám ạ. Cụ chực thò đầu bước xuống thì ông đại đã nhanh mồm, nói:

– Cố mệt, xin cố cứ nằm nghỉ.

– Phải, tôi trong mình cũng không được khỏe. Vậy xin các ông tha lỗi cho nhé.

– Không dám ạ. Rồi ông đại quay ra nói với hàng thôn:

– Bây giờ xin các quan vơn lại lên nhà và xin ông nào ông ấy cứ ngồi yên chỗ cũ cho có trật tự.

Một vài ông khó chịu thì thầm với nhau: "Ông đại ta đến nhiễu sự". Một vài ông khác khen to tiếng để ông đại nghe thấy: "Ông đại người cẩn thận chu đáo thật".

Lần này, các ông nhớ chỗ, ngồi đâu vào đấy ngay. Ông đại rung đùi đắc chí, nói tự phụ: "Các cụ xem tôi mà không nhớ ra thì còn gì là thể thôn!"

Chỗ này trả lời, chỗ kia trả lời, ồn ào như buổi phiên chợ.

Người nhà ông thủ chỉ sợ ôi cơm, ôi thịt, bảo bỏ tiệc nước mà bưng ngay cỗ lên. Một người đi từng mâm bắt đầu từ mâm ông đại, cầm chai rượu mở nút và rót các chén.

Ông lý Vũ cùng mấy ông trong họ lần lượt đến bên từng mâm, nhắc đi nhắc lại câu: "Gọi là có chén rượu nhạt, xin mời các cụ chiếu cố".

Các cụ nhấm nháp khề khà. Cỗ bưng lên từ lúc hai giờ, mãi đến năm giờ mới ăn uống xong.

Ông đại và hàng thôn xuống cáo từ cụ cố. Một tràng pháo của ông thủ chỉ đốt tiễn.

Ông đại lại trịnh trọng bước một đi đầu. Ông lý Vũ lại ra đứng cạnh cổng vái lia vái lịa như chày máy.

Ra đến đường, hàng thôn giải tán. Người nào về nhà người ấy. Ông đại đã làm đầy đủ chức vụ.

Bây giờ ông cứ việc lu bù cho đến mồng mười tháng hai là ngày đông đám.

Xã Chính vốn thích rượu mà không dám uống nhiều, sợ say nói nhảm, sẽ bị quan vơn bắt lỗi, có khi bị truất ngôi trừ ngoại cũng chưa biết chừng. Nghĩ làm cái thân anh xã cũng rầy thật!

Hàng thôn giải tán rồi, bác cắm đầu cắm cổ đi rẽ về phía khu trong. Bác còn phải đến lễ mươi mười lăm nhà nữa. May mà sáng sớm ngày ra, bác đã lễ được vài chục nhà rồi.

Không có thì làm sao cho kịp với cái thời giờ ít ỏi? Không được đủ thì thật là hối hận trong cả một năm.

HỘI QUAN LÃO

Mồng sáu tháng giêng, ngày hội "quan lão", là một ngày vui vẻ, sầm uất, náo nhiệt nhất làng Cầm.

Ngày ấy, văn chỉ [1] thờ đức Khổng bỗng thành một nơi tụ họp cả bốn thôn: Thượng, Trung, Tiền, Hạ, chỗ hẹn hò của đủ hạng người: già, trẻ, trai, gái, trên từ hàng lý, phó, dưới tới hàng cán, xã cho chí bạch đinh. Trong các ngõ xóm, trên các đường hẻm, đường cái, từng lũ nối đuôi nhau đi cả về một phía như các dòng sông chảy ra biển. Trong văn chỉ, ngoài sân văn chỉ, chung quanh văn chỉ, người đi lại đông như kiến.

Họ xem gì? Họ chưa thấy gì để xem, ngoài mươi lá cờ xanh đỏ, vàng tím phất phới trên đầu họ.

Nhưng nét mặt người nào cũng lộ vẻ náo nức. Họ náo nức vì quanh năm làm ăn vất vả, họ chỉ chờ mong ngày hội, bất cứ hội gì để giải trí. Nếu chỉ xem có thế thôi rồi về, họ cũng không oán thán.

Không bao giờ Mít sung sướng bằng hôm nay. Mít dậy thực sớm, xuống bếp vội làm vài lưng cơm với mấy con tôm rang mặn, vội đun ấm nước trà tươi để chốc nữa thầy dậy uống, rồi tất tả lên nhà trang điểm. Mít thắng xong bộ cánh, vuốt đi vuốt lại dải lưng thiên lý, ngắm trước ngắm sau chiếc váy lụa mềm, rồi móc ở túi áo cộc trắng lộ trong chiếc áo tứ thân màu nâu non, một cái gương nhỏ. Mít cầm gương lọt trong lòng bàn tay giơ ra soi, cúi đầu xuống, ngửng đầu lên, quay đầu sang bên này, bên kia ngắm từ cái cổ cái tai cho chí các nét

1. Miếu (đền) thờ Khổng Tử ở các làng.

tỉ mỉ trên mặt. Mít thấy mình đẹp và khẽ nhếch một nụ cười sung sướng. Rồi Mít tự ngượng, và tự hỏi không biết cái Cúc, cái Khuy, cái Cài, cái Hĩm, chúng nó có làm đỏm, làm dáng như mình không.

Từ thuở bé, Mít vẫn thấy người ta chế giễu người làm đỏm, nên Mít cho cái tính của mình là một tính xấu. Xấu thì xấu, Mít cũng không sao chừa được. Không dám làm đỏm trước mặt mọi người thì Mít làm đỏm ngầm kín vậy, Mít không thể rời được cái gương với cái hộp sáp. Mít khổ sở khi thấy đầu không bóng mượt, vành khăn không tròn trĩnh hay yếm không trắng bong. Dù bố mẹ có mắng vì cái tội làm đỏm, Mít cũng không sao để đầu bù tóc rối, quần áo xuề xòa như mẹ được.

Mấy hôm tết, Mít làm đỏm để thỏa riêng lòng sở thích, vì Mít chỉ luẩn quẩn hết nhà trên đến nhà dưới. Một đôi khi, có sang bên hàng xóm hay đến các nhà trong họ, Mít cũng chỉ để đỏ mặt lên một chút mà nghe những lời khen quá đáng của ông chú bà bác và những lời giễu cợt của mấy người anh em họ.

Hôm nay là một dịp tốt để Mít so sánh sắc đẹp với chị em. Nhất là để gặp Tửu, Tửu mà ít lâu nay Mít không thấy bóng đâu cả, khiến Mít nhớ quá. Có lần Mít đã định đến chơi với Gái để được giáp mặt Tửu, nhưng nửa chừng Mít sinh ngượng rẽ vào xóm Lũy đến chơi nhà chú.

"Chị Mít ơi, chị Mít có nhà không đấy, hay đã lẻn đi trước chị em rồi", đó là tiếng Cúc cùng đi với Cài, Khuy, Mậm đến rủ Mít.

Mít vội bỏ cái gương vào túi, chạy ra sân đón.

Khuy chế giễu:

– Úi chào làm đỏm nhỉ!

Mít cười nói:

– Các chị thì nữa không.

Mậm cãi:

– Tôi thì có gì đẹp mà chị vơ đũa cả nắm.

Mít cầm lấy bộ xà tích Mậm đeo lủng lẳng bên đùi, và nói:

– Thế thì cái gì ở dây lưng lụa ngà của chị đây?

Mậm khẽ ẩy Mít và cười trừ.

Cài muốn giục đi ngay, nói:

– Thôi thôi, tôi xin các chị đừng chế lẫn nhau. Chị nào cũng làm đỏm cả... tôi cũng vậy.

Nói rồi, Cài khoác vai Mít và Mậm lôi đi.

Thấy chị nào cũng bỏm bẻm miếng trầu, Mít gỡ tay Cài, chạy vào trong nhà, vừa chạy vừa nói:

– Để tôi lấy miếng trầu, không có nhạt mồm lắm.

Mít không nhạt mồm. Mít đoán chắc môi mình không được cắn chỉ vì thiếu miếng trầu. Lúc nãy Mít soi gương, quên không để ý đến cặp môi. Mít lẻn vào buồng mẹ lấy trộm miếng trầu bỏ miệng rồi lấy thêm vài miếng nữa bỏ túi. Các chị kia thừa hiểu, tủm tỉm cười một cách ý nhị.

Gần đến văn chỉ, Mít ngại ngùng nói:

– Đông lắm chúng mình ạ. Vị tất cánh mình đã chen được.

Cúc, giọng quả quyết, cãi lại:

– Trông xa thì thế, chứ cũng không đông lắm như chị tưởng đâu. rồi chị xem.

Tới gần mới biết lời Cúc là đúng. Người qua lại tuy đông thật, nhưng cũng còn có lối đi, không đến nỗi phải chen vai, thích cánh.

Chị em Mít sợ lạc, dắt nhau đi như rồng rắn, vừa đi vừa cười đùa, nghịch ngợm.

Một bà lão trông thấy, nói nửa cợt nửa trách:

– Các cô đi kén chồng hay sao mà làm đỏm làm dáng thế?

Mít nhanh nhảu đáp lại:

– Vâng, chúng cháu đi kén chồng đây.

Các chị bỡ ngỡ. Một chị hỏi:

– Ta đi đâu bây giờ?

Mít dẫn đầu nói:

– Cứ chỗ nào đông thì vào.

Nhưng mỗi lần qua được một bọn người là một lần chị em thất vọng. Chỗ thì thấy dăm bảy ông kỳ mục ngồi chuyện vãn chung quanh mâm cau, mâm cam, để "mừng quan lão" của con cháu các ông "vào lão" năm nay. Chỗ thì thấy mấy anh đương thứ bày những cỗ mũ lên trên án thư sơn son thiếp vàng kê thành bực. Chỗ thì thấy hai đứa trẻ cãi nhau, đấm đá, vật lộn nhau và một lũ vừa trẻ con vừa người lớn đứng vòng trong vòng ngoài hò reo rầm rĩ.

Mít băn khoăn, vì từ nãy vẫn có ý tìm Tửu mà chẳng thấy đâu.

Bỗng đằng xa có tiếng trống rước, trống cái, trống khẩu. Tù và rúc từng hồi, và thỉnh thoảng một tràng tiếng loa kéo dài giục: "Cờ tiền, trống hậu rải ra cho đều". Những tiếng ấy làm náo động cả đám đông. Bao nhiêu người chạy ùa ra đường cái, mạnh như thác chảy. Tiếng reo tiếng chửi, tiếng khóc loạn xạ.

Chị em Mít biết lúc này là lúc nguy hiểm, bèn nắm chặt lấy tay nhau, đứng nép vào tường hoa, đợi cho ngớt người mới dám dắt díu nhau đi. Đến nơi các chị đã thấy hai bên vệ đường người đứng chen chúc nhau thành hai dẫy tường dầy. Mít cao nhất bọn, rướn mãi cổ lên nhìn mà cũng chỉ thấy lố nhố những đầu. Mậm hăm hở lấy tay, lấy vai lách mãi... Một người đàn bà quay lại mắng: "Con gái con ghiếc gì mà táo tợn thế, không sợ người ta..." Tiếng loa vang lên làm lấp mất đoạn cuối. Cài nhanh trí, kéo Mậm ra và bảo chị em:

– Chúng mình mau mau đến chực sẵn dưới gốc cây xoan tàu.

– Phải đấy!

Rồi mấy chị không lưỡng lự cùng theo Cài đi. Vì dưới gốc cây ấy, người ta đã xây cạp vòng tròn, cao hơn sân một thước ta. Đứng đấy, các chị có thể nhìn thẳng vào giải võ là chỗ mà năm nào dân làng cũng bày biện để đón tiếp ông thủ chỉ làng. Các chị lại còn nhìn được khắp sân, từ cổng trở vào, tuy hơi xa một chút.

Một lát sau, chị em sung sướng nhìn thấy hiện ra lá cờ đầu bằng vóc đỏ cạp các thứ vóc xanh, vàng, tím và mép viền trắng. Trên nền vóc đỏ thêu bốn chữ kim tuyến: *"Lão thần trí sĩ"*. Tiếp đến mười lá cờ nỉ của làng hầu hết đã cũ. Trên nền nhiều lá những lỗ gián nhấm lấp lánh như sao, mỗi khi cờ phất phới bay trước gió.

Những người cầm cờ mặc toàn áo nậu đỏ và quấn xà cạp đỏ. Mắt họ nhìn bà con đi xem, lộ vẻ hãnh diện, nhất là anh cầm cờ đầu. Rồi đến bốn anh phường trống cà rùng đứng đôi một đối diện nhau. Chúng đều mặc áo lụa đỏ, thắt lưng lụa xanh ra ngoài. Mỗi anh đeo một cái trống ngay giữa bụng và ưỡn người, khuỳnh tay ra đánh. Tiếp đến tám anh phường bát âm, một anh cầm trống khẩu, tám anh cầm bát bửu, hai anh cầm kiếm. Họ mặc một loạt áo lương đen, thắt lưng điều.

Mít bỗng nóng mặt. Mít vừa nhận thấy Tửu trong bọn cầm bát bửu. Tửu cũng đã trông thấy bọn Mít và đỏ mặt, đăm đăm nhìn về phía gốc cây xoan tủm tỉm cười.

Mấy anh tuần phu mặc áo cộc trắng ngoài thắt dây lưng da, chân quấn xà cạp tím. Mỗi anh cầm cây tay thước sơn then vừa gạt những đám đông vừa hô to cho công chúng biết: "Dãn ra! Dãn ra! Võng cụ lớn đến!" Bao nhiêu mắt đổ dồn vào đấy. Mít quên cả Tửu và chị em, trố mắt nhìn ra phía cổng. Một ông quan, râu bạc phơ, mặc triều phục, đội mũ cánh chuồn, cầm hốt ngà, ngồi xếp bằng tròn trên chiếc võng điều. Hai anh nông phu lực lưỡng mặc áo nậu đỏ đặt trên vai chiếc đòn đầu rồng đuôi tôm sơn son thiếp vàng, giữa cong lên như cánh cung. Hai bên, bốn chiếc lọng xanh chúc đầu vào nhau để che, tuy trời râm mát. Theo sau, mấy ông đội mũ tế, mặc áo thụng xanh có bối tử. Chừng đó đều là những ông cử, ông tú, ông hàn. Kế đến một lũ "tiểu mũ" đội hòm mũ áo và đi đoạn hậu một tràng dài người.

Cờ, lọng cắm ngổn ngang ngoài sân. Còn bát bửu thì cắm vào giá trong văn chỉ.

Ông thủ chỉ [1], một ông tuần [2] đã về hưu, ở võng bước xuống đi vào cái sập gạch trải chiếu cạp điều xây giữa giải võ, cao hơn hai sập dài ở hai bên. Những câu "lạy cụ lớn" trong những tiếng ồn ào hò reo của lũ trẻ.

Ông tuần ngồi đĩnh đạc, rõ ra một vị đường quan; các ông cử, tú, hàn ngồi thành hàng dẫy trên cái sập ngoài cũng xây ở gian giữa nhưng thấp hơn. Còn các ông chánh phó hội, các ông chánh phó lý cựu, các ông hương, cán, xã theo thứ tự ngồi ở hai chiếc sập hai bên.

Được dự vào đấy thật là một sự hãnh diện với làng với xóm. Xã Chính và bọn xã tí nhau không được có cái hãnh diện ấy. Bọn kia vì còn ít tuổi quá, còn xã Chính thì vừa mới bầu.

Bọn chị em Mít tuy đứng ra ngoài vòng người, nhưng nhìn vào rõ mồn một.

Mít thì thầm vào tai Cúc:

– Này chị, trông cụ tuần như ông tượng ấy nhỉ.

Cúc cãi lại:

– Không rồi! Như đức ông chứ lị!

Khuy cũng nói chêm vào:

– Ừ ừ, như ông vua.

---

1. *Thủ chỉ:* tức *tiên chỉ,* người ở vị trí cao nhất về ngôi thứ trong làng.
2. *Tuần:* tuần phủ, quan chức Nam triều đứng đầu tỉnh nhỏ.

– Trong rạp chèo.

Nghe rõ tiếng đàn ông nói tiếp, Khuy quay lại, Mít cũng quay lại, rồi lần lượt, Cúc, Cài, Mậm, chị nào chị ấy đỏ mặt đứng im. Vì mấy anh đứng sau là mấy chàng trẻ tuổi, mặt láu lỉnh, hoặc vận Tây, hoặc vận Nam, khăn lượt, áo xa tanh, trông rõ ra những người ở tỉnh về. Không bao lâu các chị đã quên bẵng mấy chàng trẻ tuổi đứng sau để mê mải ngắm nghía cái kiều vàng và mấy bông hoa vàng dát mặt đá lóng lánh như kim cương trên chiếc mũ cánh chuồn, những con rồng, con phượng thêu rực rỡ trên nền xa tanh huyền chiếc áo đại trào.

Bỗng Mậm đỏ bừng mặt, nắm tay Mít kéo đi chỗ khác, các chị kia không hiểu sao cũng bước theo.

Cài bực mình hỏi:

– Các chị hay nhỉ! Chọn được chỗ tốt lại bỏ đi... thế đi đâu bây giờ?

Mậm mặt chưa hết đỏ, nói gắt:

– Khốn nhưng họ nghịch gớm đi được! Mít hiểu rồi nhưng còn muốn trêu chơi, vừa cười ranh mãnh vừa hỏi:

– Họ nào?

Mậm:

– Họ ở sau chúng mình chứ họ nào nữa.

Mít vẫn một nụ cười ranh mãnh:

– Nhưng họ nghịch thế nào mới được chứ?

Mậm mặt càng đỏ hơn, nói nũng nịu:

– Lại còn thế nào nữa. Chị Mít rõ khéo ỡm ờ!

– Sao họ nghịch khỉ thế nhỉ?

Mít nhìn lại. Bọn trai cũng đã bỏ chỗ cũ để đi nơi khác. Mít tự nhiên thấy tiêng tiếc. Mít thoáng nhớ nét mặt một chàng trạc tuổi Mít và thấy chàng nhu mì đáng yêu quá. Giá Mít được... Mít cảm thấy địa vị thấp hèn của mình không thể sánh với địa vị cao quý của chàng ta và thở mạnh để xua đuổi cái mơ tưởng vô lý ấy đi. Nhưng nếu Mít biết rằng chàng kia lúc nãy đã tha thiết nhìn Mít trong lúc Mít mải ngắm ông tuần...

Cài tiếc rẻ, kéo chị em trở lại xem. May sao nơi bực gạch chưa bị ai chiếm mất.

Ông tuần đã bỏ mũ, đội thay vào chiếc khăn lượt xếp và cởi áo

trào để phô chiếc áo gấm thất thể. Mấy ông bên dưới cũng bỏ mũ mặc thường phục.

"Dãn ra các người. Có các cụ lớn đến!". Một anh tuần phu vừa thét vừa cầm tay thước giơ lên dọa. Đám người đứng ngáng lối, xô đẩy nhau dãn ra hai bên.

Ba ông, đầu tóc bạc phơ, bệ vệ bước vào. Hai ông đi trước là hai ông huyện, thụng thịnh trong chiếc áo vóc huyền như các cụ đồ nho khi xưa. Ông đi sau tuy đã ngoài bảy mươi mà bước đi vẫn chắc chắn, mạnh mẽ, mực thước như bước đi của nhà binh. Trên bộ ngực nở nang của ông, một dẫy huy chương treo rủ xuống suốt từ bên tả sang bên hữu, cái cuống xanh, cái cuống đỏ, cái cuống vàng, cái cuống tím, đủ mọi sắc. Ba ông tiến lên thềm giải võ, cúi chào ông tuần. Các ông cử, ông tú, ông hàn và các kỳ hào đứng cả dậy chắp tay vái.

Ông tuần bỏ một chân xuống thành sập và giơ tay xòe ra mời. Thấy Vệ úy tướng quân có vẻ ngạo nghễ với bộ ngực đầy những huy chương, ông chỉ lên chiếu trên và nói:

– Ấy kìa, bác Vệ, mời bác ngồi lên đây với tôi.

Các cụ thâm nho vẫn hay có tính nói chọc, nói kháy, mỗi khi các cụ vớ được dịp tốt.

Kể họ, ông Vệ úy còn là anh ông tuần. Vậy ông dùng tiếng bác là phải không ai dám bẻ. Nhưng ông lại cố ý bỏ tiếng "úy", gọi một tiếng "vệ" cộc lốc để cho nó ra vẻ chú lính tập.

Ông Vệ úy chậm xét, không hiểu là một câu nói mát, chắp tay, đáp lại bằng một giọng kính cẩn:

– Dạ, bẩm cụ lớn, chúng tôi đâu dám thế.

Rồi ông ngồi cùng hàng với hai ông huyện. Các ông cử, tú chịu nhường chỗ, nhưng đều quay ra nói chuyện với nhau và chỉ để ý trả lời những câu của ông tuần với hai ông huyện. Họ vẫn khinh thường "quan vơn lính tập", dù người lính ấy đã trở nên ông, nên cụ.

Bọn chị em Mít đứng ngắm suông mãi đâm chán, bèn rủ nhau đi nhởn khắp nơi. Thấy chỗ nào đông cũng len vào nhìn một tí rồi lại đi chỗ khác. Chị em đi vơ vẩn, đến chợ lúc nào không biết. Một giọng hát quen làm cho lòng ham mê cờ bạc của Khuy bỗng nổi dậy. Khuy vội kéo chị em lại chỗ có tiếng hát.

Một thằng bài tây, quấn khăn đầu rìu, ngồi xổm, hai đầu gối nhô lên khỏi cằm. Bằng ngón tay trỏ với ngón tay cái, nó cầm hai đầu ba

cây bài tam cúc chập lại, một cây đỏ, hai cây đen, ngửa ra cho mọi người xem, rồi vừa hát vừa vất sấp xuống chiếu. Song, nó lấy ngón tay dí vào một quân, mồm liến thoắng: "Nó đây! Nó đây!" Ngồi cạnh, một thằng cò mồi, tay cầm một gang tiền chinh. Nó đánh đâu được đấy.

Khuy ngồi xuống với lũ trẻ xúm xít chung quanh.

Chị em giục Khuy đứng dậy. Nhưng thua mấy ván liền, Khuy đã nóng mặt, Cài phát cáu, nói gắt:

"Đã thế, mặc thây hắn, cánh mình chẳng hoài hơi". Rồi quàng vai Mít và Cúc rẽ vào quán đá, đi lại chỗ đám đông quây quần ở góc quán bên kia. Mậm cũng bỏ đi nốt để mặc Khuy với quân bịp.

Bác xã Rậu say bí tỉ, ngồi xếp bằng xóc cái. Chiếc khăn lượt quấn cổ, tóc bù lên như người mới ngủ dậy. Mùi người lẫn mùi rượu xông lên nồng nặc. Những tiếng "bán chẵn, bán lẻ", những tiếng hò reo mỗi khi bát mở, những tiếng cãi cọ om xòm.

Mít nhìn khắp vòng người để tìm Tửu và thấy Tửu đang ngồi kề vai, kề đùi với Chắt và Mùi.

Đứng một lát không thấy ai ngửng đầu lên, Mít gọi: "Anh Chắt! Anh Chắt!". Mít không dám gọi Tửu, sợ ngượng.

Tửu nghe rõ tiếng Mít nhìn lên. Mít trang điểm đẹp hơn mọi ngày. Tửu ngồi ngây người ra, cặp mắt sáng ngời như muốn thu cả linh hồn Mít vào trong. Rồi đập vào vai Chắt:

– Này Chắt, Mít, Cài, Cúc đứng cả kia.

Chắt ngửng đầu lên, nói: "Các chị đấy à", rồi lại cúi xuống chăm chú vào bàn xóc đĩa. Mùi đang cay gỡ, chẳng nghe thấy gì cả.

Cúc có tình ý với Chắt và không muốn Chắt ngồi lì mãi đấy, giục:

– Thôi, Chắt ạ, đừng đánh nữa, ra đây chúng tớ hỏi cái này.

Cài, Mậm cũng muốn họp bạn với bọn trai, liền vào hùa với Cúc đi lại lôi kéo Chắt.

Nghe chừng thấy bác xã Rậu gần thua sạch, Chắt không cưỡng, đứng dậy ngay. Tửu ngồi xem, đứng lên theo. Tín ngồi bên kia cũng bỏ đi nốt. Rồi dần dần tản mát để mặc xã Rậu ngồi trơ với lũ trẻ ranh.

Biết bao lần như thế. Động say vào là xã Rậu đi tìm thú xóc đĩa. Và chẳng lần nào là lần bác mang về được một đồng xu nhỏ.

Thế mà bác có sẵn tiền sẵn của gì cho cam. Điền vô nhất thốn [1]. Một túp lều tranh, một đàn con dại. Vợ làm hàng xáo, cả ngày đầu tắt mặt tối.

Lúc tỉnh, chồng còn đỡ đần, xay lúa, giã gạo. Nhưng đến lúc say thì liệu có cái mâm cái nồi cất đi cho kín. Nếu không, ông chồng sẽ đem đi cầm lấy tiền nướng hết. Cả đến dăm hào, một đồng buộc dải yếm, bác cũng lần cho kỳ được. Không được thì bác đập phá tan hoang.

Một lần, vào dạo gần tết, bác đi kinh lý các ông chú, bà bác được bốn năm đồng và chiếc áo tây dạ tím. Bác định đem tiền về đưa cho vợ làm vốn. Bất đồ về qua tổng Đoài, gặp mấy người quen rủ vào đánh đụng thịt chó. Bác say giở luôn xóc đĩa ra đánh, bị chúng vét sạch. Còn chiếc áo tây, bác giữ dai dẳng được một tháng rồi cũng mất gió.

Bác gái, một hôm, nghĩ xót xa, tủi nhục cho duyên kiếp mình, ngồi khóc hu hu trên ngưỡng cửa.

Một vài bà đi chợ qua, đặt thúng xuống, ngồi cạnh dỗ. Bác gái kể lể. Mấy bà kia lắng tai nghe rồi an ủi: "Thôi bác ạ, chẳng qua cũng là số kiếp mình nó thế". Bác gái lấy vạt áo lau nước mắt: "Vâng, tôi cũng biết thế, nhưng mà khốn nạn, cái thân tôi cực nhục lắm cơ." Rồi bác lại y ỷ khóc.

Đã thế, mà bác vẫn thương chồng. Thường lúc thấy chàng ủ rũ lại mua rượu và khoanh giò hay khúc cá về cho chồng nhắm để chồng say rồi chồng làm khổ.

Bọn Mít và bọn Tửu đi đến hàng nước quay mặt vào quán đá.

Cúc, mỗi lần có đông chị em cùng đi với, trở nên quá bạo, vỗ vai Chất:

– Anh được phỏng?

Chất ngạc nhiên, hỏi:

– Sao chị biết?

Cúc cười, liếc nhìn Chất:

– Tôi trông thấy mặt anh hớn hở.

Chất đắc trí cười:

– Thế thì thánh thật! Nhưng mà được có vài hào thôi.

---

1. *Điền vô nhất thốn:* đất không một tấc.

Mậm hay cả thẹn nhất trong bọn, thấy họ vui đùa lả lơi, cũng đánh bạo:

– Này anh Chất, anh phải thết bọn chúng tôi trầu nước chứ.

Chất hăng hái:

– Được! Cô nào muốn ăn bún riêu, anh em chúng tôi cũng thết.

Mít hớn hở:

– Ái chà, hoang nhỉ!

Và nhìn Tửu cười, Tửu sung sướng quá, reo lên:

– Thích nhỉ. Thế thì mời quan vơn hai họ ngồi cả xuống đây.

Chị nọ chen chị kia, cười khúc khích.

Tín thua nên không được vui lắm. Thấy Chất nhảy múa như đứa trẻ, nó phì cười, quên cả tiếc rồi nói nửa bỡn nửa thật:

– Tao đói lắm mà thua hết cả tiền rồi. Mày có thết tao bún riêu không hay chỉ thết chị em lũ thị mẹt kia thôi?

Chất không giận ai bao giờ, nói:

– Mày cứ việc chén cho vỡ bố cái bụng ra thì thôi.

Mậm mỗi lúc một dạn dần, bắt bẻ:

– Anh Chất! Anh Chất! Bụng nó làm gì có bố.

Chất cười:

– Thế thì mẹ, vỡ mẹ cái bụng ra.

Mít cười ngặt nghẹo:

– Thưa ông tướng (Chất vẫn tự xưng là ông tướng mục đồng) nó cũng chẳng có mẹ.

Chất lại cười:

– Thế thì vỡ bụng ra thôi vậy, các chị bẻ nữa đi.

Mọi người thích chí thi nhau cười.

Bà lão mừng được dịp đắt hàng, cũng cười góp. Bà xưa nay vốn khó tính, trai gái đùa nhau ở hàng bà, thường bị bà cự.

Tửu nhanh nhảu lật ngửa năm, sáu cái bát úp trên mặt chõng:

– Cụ rót đầy cho chúng tôi. Hôm nay nước chè có ngon không, cụ?

– Hôm nay thì tất thị phải ngon rồi.

Bà vừa nói vừa cầm gáo dừa, miệng bịt lỗ cáo nhỏ để cho bã chè

khỏi lẫn vào nước. Bà mở nắp gỗ, vục gáo vào chiếc nồi chân để trong cái thúng có rơm ủ, rồi rót ra các bát.

Uống xong, Tín nói trước:

– Thế thì cụ bán cho tôi bát bún riêu. Tiền đã có ông tướng này trả (vừa nói vừa trỏ vào Chất).

– Tôi một bát với.

– Tôi nữa.

– Tôi nữa.

Tiếng gọi nhao nhao.

Chất, giọng quả quyết:

– Được, bà cụ cứ múc phứa ra. Của là của trời cả.

Chất quay ra hỏi tiếp:

– Có phải không chúng mày?

Mít bẻ:

– Anh Chất! Trước mặt chị em, anh xưng mày tao, bất nhã lắm.

Chất chắp tay vái dài và phép tắc nói:

– Vậy tôi xin các chị và xin chị Mít đừng đỏ mặt mỗi lúc gặp anh Tửu ạ.

Mọi người cùng cười. Mít xấu hổ, nói nũng nịu:

– Rõ khéo nhà anh này, việc gì tôi đỏ mặt.

Tửu tự nhiên cũng đỏ mặt nốt.

Một hồi trống tế trong văn chỉ rung ầm lên. Tửu có dịp nói lảng:

– Sắp tế rồi, các anh ạ.

Mọi người đứng dậy. Chất móc túi lấy tiền trả:

– Bao nhiêu, bà hàng?

Bà lão nhìn những bát để ngổn ngang, tính:

– Năm bát bún một hào, mười hai bát nước sáu xu, tám miếng trầu... Thôi, lão tính rẻ cho các người là hai hào.

Chất bỏ hai hào vào đĩa trầu và tươi cười nói:

– Hãy còn được hai hào nữa kia chúng... mình ạ.

Tín cười nói:

– Thế thì để chốc đói lại làm tiệc nữa.

– Mày thì chỉ bàn chuyện ăn là nhậy.

Tín cười:

– Chuyện, *dĩ thực vi tiên*, bao giờ chả vậy.

Bọn chị em đã đi lên trước, lại chỗ bài tây tìm Khuy. Đến nơi, chị em chẳng thấy quân bài tây và Khuy đâu cả. Tửu và Tín đứng đợi Chắt trả tiền xong, cũng rảo bước để kịp bọn kia.

*

* *

Xã Chính thức dậy, thấy Mít và mấy đứa trẻ đi xem hội cả rồi. Bác không gắt, cầm điếu sành xuống bếp và lấy cái bát úp trong rổ phơi ngoài sân vào rót nước chè nóng uống. Bác uống luôn ba bát, hút luôn ba điếu thuốc. Bác say lử, ngồi gật gù trước mặt ba ông đầu rau. Một lát đã thấy tỉnh, bác lên dặn vợ coi nhà và mặc áo, cắp ô đi thẳng đến nhà ông Hoạch, người chú họ bác.

Ông Hoạch được lên thủ chỉ lão từ hôm nay. Từ thượng cổ, họ bác mới có ông thủ chỉ lão này là một. Thật là vinh hạnh cho cả họ. Ngoài ra, họ lại còn hai ông vào lão sáu mươi. Hai ông này là chức dịch lại giàu, tất làm to.

Bác vừa đi vừa nghĩ, thấm thoát đã đến nhà ông Hoạch. Bác tưởng bác đến sớm nhất. Thế mà trông vào đã thấy gần chật sân.

Ông Hoạch nghèo, nghèo quá. Cả nhà lẫn đất hợp lại không bằng nửa cái sân gạch nhà giàu.

Nhà trên ba gian bằng tre, lợp cỏ. Gian giữa bị bàn thờ chiếm mất già nửa. Chỉ còn đủ một cái phản con cho ông thủ chỉ lão ngồi. Hai gian cạnh hẹp quá. Mỗi gian chỉ đủ kê ba chiếc phản ghép liền nhau.

Cái sân bằng đất nện, chiều dài độ mười bước và chiều ngang độ ba bước.

Nhà dưới là một túp lều, thấp lè tè, ra vào phải cúi đầu. Một người tầm thước có thể đứng chạm nóc.

Nhà cửa như thế chứa sao đủ cả họ ước tới bảy, tám chục người?

Ấy thế mà tùng tiệm vẫn đủ. Trong nhà hơn ba mươi người ngồi chen chúc nhau. Ngoài sân những hạng thấp hèn như xã Chính và kém xã Chính. Nhà dưới, các bà lý, bà khán ngồi la liệt cả xuống chiếu trải liền trên đất, chỉ để chừa mấy cái đầu rau. Thậm chí cả đến ngoài cổng, ngoài ngõ, ngoài đường cũng là chỗ tụ họp của quan vơn họ.

Ngay góc nhà dưới, một vại nước chè tươi để sẵn. Ai muốn uống, vào mà uống, trừ mấy ông bên trên. Hàng chục cái bát vục xuống. Có người uống còn thừa lại tiếc rẻ đổ vào. Họ cho như thế là thường nên không một ai trách móc.

Trên chiếc phản con, ngay trước bàn, một mình ông Hoạch ngồi bó gối. Ông ngồi thế đã quen từ thuở nhỏ. Người ta có nhắc, ông ngồi xếp bằng được một chốc rồi đâu lại vào đấy. Một vài người biết tướng, bảo vì thế mà suốt đời ông vất vả.

Ông năm nay tám mươi sáu mà vẫn ăn khỏe, uống khỏe, đi khỏe chẳng kém gì hạng lực điền.

Thời ông năm, sáu mươi tuổi thì không nói làm gì. Thời ấy, có lần ông đã đi bộ tới hàng trăm cây số. Nhưng hiện giờ, ba mươi cây, ông chỉ làm hai "thôi". Mặt ông lúc nào cũng hồng hào, thân thể ông, nếu trần truồng, trông chẳng khác một pho tượng đồng mắt cua. Nhưng về phần thông minh, ông còn kém đứa trẻ lên mười. Ông suốt đời vô tư lự. Và câu chuyện của ông, ngoài việc ăn uống, chẳng có gì khác. Cặp mắt ông tinh tường vì sức khỏe, nhưng ngớ ngẩn, dại nghếch như cặp mắt một anh mọi trên rừng sâu núi thẳm.

Ông ích kỷ một cách rất thực thà. Một hôm, ở nhà ông thủ chỉ lão ra, ông gặp một người trong họ. Người ấy chưa kịp hỏi, ông đã vội nói: "Này bác ạ, ông lão sắp chết đến nơi rồi. Năm nay đánh chết tôi cũng được thủ chỉ lão." Và mặt ông lộ hẳn vẻ sung sướng, vì cái thủ lợn mừng quan lão, ông nắm chắc trong tay.

Nhưng nếu không may ông kia vẫn sống, ông cũng chẳng buồn, chẳng tức, vì ông không hay nghĩ ngợi, chỉ biết sống được ăn nhiều, uống nhiều, là thích.

Lẽ ra ông được làm thủ chỉ lão trước ông kia mới phải. Ông sinh trước ba tháng, lại vào làng trước một năm. Ông không được, chỉ vì ông nghèo quá, không có tiền bầu xã nhưng.

Hôm việc làng, cữ trong năm, suýt nữa họ truất ông đi để đem ông khác lên. May nhờ có ông lý Cúc giở lý sự ra cãi. Ông cãi rất cứng. Ông đứng dậy nói: "Thưa trên có các quan, các cụ rồi đến các ông tổng lý, chúng tôi xin thưa: chức thủ chỉ làng, thủ chỉ thôn vẫn dành riêng cho những cụ nào cao chức nhất trong làng, trong thôn. Sự ấy đã dĩ nhiên. Còn chức thủ chỉ lão, tôi thiết tưởng là một của quý để tặng cho các cụ nào cao tuổi nhất, mặc dầu cụ ấy không bầu

bán gì cả. Người ta thường nói: "Kính lão đắc thọ". Vậy các quan, các cụ kính lão, tất phải đặt người cao tuổi nhất lên chứ. Vả lại, cứ kể chức mà cho lên trên thì, xin phép các quan, các cụ có lẽ sau này ông sáu mươi sẽ lên thủ chỉ lão. (Chỗ này, ông nói khích ông hàn sắp vào lão sáu mươi). Thưa các quan, các cụ, tôi nói đây không phải vì tôi là người trong họ mà thiên vị. Dẫu sao đi nữa cũng phải có lý mới được"

Ông diễn thuyết một tràng dài, nói rất to, chẳng kiêng nể ai cả. Chả thế mà bao nhiêu người vẫn cho ông là người ăn nói có gang thép và sợ ông một vành.

Làng, nói mấy cụ trong làng thì phải hơn, nghe chừng đuối lý, ưng thuận, nhưng cũng bắt ông Hoạch bỏ ra sáu đồng bầu trùm.

Ông lý Cúc vừa ngồi xuống đã chực đứng lên cãi nữa. Ông lý Hạt, anh ruột ông, vội nắm áo kéo xuống và đứng lên nói: "Thưa các quan, thưa các cụ đã dạy thế, chúng tôi xin vâng. Nếu ông Hoạch không có tiền bầu, họ chúng tôi sẽ gom góp nhau, mỗi người một ít."

Lúc trở về, ông lý Cúc hậm hực, trách anh:

– Bác nhu nhược quá, việc gì phải chịu thế. Nếu tự nhiên họ mình đem ông Hoạch ra bầu thì nó đi một lẽ... Thật, không có bác, tôi nhất định không chịu.

Vì ông lý Cúc có công với họ như thế nên xã Chính vừa mới đến đã để ý tìm ông. Xã Chính băn khoăn, nói một mình:

"Bây giờ mà cụ cựu chưa đến, để mặc cụ chỉ lão thì cụ biết xoay sở ra sao? Hỏng bét!"

Một người nghe rõ, hỏi:

– Cụ cựu nào thế hử bác?

– Cụ cựu họ ta, chứ còn cụ cựu nào. Bằng giờ cụ chưa đến, để mặc cụ chỉ lão thì cụ biết xoay sở ra sao? Hỏng bét.

Từ hôm việc làng, bác phục ông lý Cúc lắm, phục quá đến nỗi không bao giờ dám đọc rõ tên ông. Và bác tưởng cứ nói đến cụ cựu thì ai cũng hiểu là ông lý Cúc. Bác có biết đâu rằng trong họ nhà bác có hàng vài chục cụ cựu.

Xem chừng ông chỉ lão cùng một ý nghĩ như bác. Ông tự thủa nhỏ vốn là bạch đinh, bỗng dưng nhảy tót lên địa vị cao quý. Ông lo lắng sợ hãi, không biết thế nào cho phải phép. Ông luôn luôn ra phía cổng ngóng đợi ông lý Cúc, mong ông đến để có chỗ dựa.

Mặt trời lên cao, lý Cúc mới lần đến. Cặp mắt ông đỏ hoe, mặt ông tái nhợt vì luôn bốn, năm đêm thức khuya đánh bạc.

Xã Chính mừng rỡ, chạy ra đón:

– Lạy cụ ạ, cả họ mong cụ đấy.

– Không dám, bác Chính đấy à.

Kể họ, bác Chính vào ngành trên, nhưng kể chức thì bác còn xa lắm mới với tới ông cựu.

Lý Cúc rẽ đám đông, đi thẳng vào chỗ ông Hoạch. Mọi người đứng dậy chào. Ông ngồi xuống cái phản bên cạnh, quay mặt vào ông Hoạch, hỏi:

– Ngoài văn chỉ, đương thứ đã đem cỗ yến của làng vào biếu cụ chưa?

Ông Hoạch ngơ ngác:

– Cỗ yến nào cơ, ông cựu?

Ông lý Cúc ngạc nhiên:

– Ô hay! Thế họ quên à? Quên thế nào được. Cỗ đầu tay may xưa của người ta... Chúng nó bậy thật! Hừ! việc này phải hỏi cho ra lẽ...

Mọi người châu vào nói:

– Vâng, phải hỏi cho ra lẽ, không có thì sái cụ đấy ạ.

Ông lý quay ra sân, gọi to:

– Bác Chính đâu? Bác ra gọi mấy anh đương thứ đến đây cho tôi. Bậy thật! Thế thì bậy thật!

Xã Chính được cụ cựu của mình để ý đến dạ một tiếng to, rồi hấp tấp chạy đi gọi.

Một lát, bốn anh đương thứ đến.

Ông lý chống nạnh hỏi:

– Cỗ yến lão của cụ chỉ lão đâu?

Bốn anh cùng gãi tai, nói khẽ:

– Bẩm cụ, chúng con trót quên mất.

Ông lý gắt:

– Quên, việc quan hệ, to tát như thế mà các anh còn quên được thì việc gì các anh mới nhớ? Các anh có biết: các anh đã làm sái cụ chỉ lão của họ chúng tôi không? Việc này thế nào họ chúng tôi cũng phải đem ra làng để các cụ phân xử. Rồi các anh sẽ liệu cho cái ngôi thứ của các anh.

Bốn anh đương thứ tái mặt. Một anh ghé gần nói nhỏ:

– Bẩm cụ tha lỗi cho chúng con, rồi chúng con xin hậu tạ.

Nghe thấy tiếng "hậu tạ", ông lý bớt hẳn giận nói:

– Lần này tôi tha cho. Lần sau mà còn thế tôi quyết phải trị.

Bốn anh đương thứ cúi rạp xuống chào, rồi lủi thủi đi ra.

Lý Cúc lại quay sang phía ông Hoạch nói chuyện; ông dặn ông Hoạch cặn kẽ:

– Chốc nữa, làng có đến rước, cụ cứ ngồi ung dung, đừng hấp tấp đứng dậy vội, để tôi soát xem có thiếu thức gì không đã. Nếu thiếu mà mình không biết đường bẻ là họ khinh cả họ chúng mình đấy, cụ đừng tưởng.

Một hồi tù và văng vẳng tận đằng xa. Bao nhiêu người yên lặng nghe. Xã Chính cảm động sung sướng như thể làng sắp đến rước mình vậy.

Lý Cúc vội giục:

– Kìa, mũ ni với áo vóc đỏ của họ hàng mừng cụ đâu? Không mặc lúc này thì còn mặc lúc nào. Ngồi xếp bằng lại chứ. Sao cụ cứ ngồi thu hình bó gối thế kia?

Ông Hoạch vừa cảm động vừa sợ hãi vẩn vơ. Tứ chi ông run lẩy bẩy. Cặp mắt lơ láo nhìn hết người này người nọ như muốn cầu cứu.

Lý Cúc thấy thế bật cười, nói:

– Cụ cứ ngồi thản nhiên, chẳng việc gì mà sợ, đã có chúng tôi đi kèm.

Ông Hoạch hết sợ, cười một cách ngây ngô, đần độn.

Một lát, năm lá cờ đi vào. Một cái trống cái hai người khiêng, rồi đến phường bát âm, sau cùng, một cái võng tím không đẹp được bằng cái võng điều đón ông thủ chỉ làng và một chiếc lọng xanh đã cũ. Trước khi ngồi lên võng ông Hoạch đưa mắt nhìn lý Cúc để dò ý.

Võng vừa ra khỏi ngõ đã thấy bao nhiêu người đứng chen chúc hai bên vệ đường để xem. Mọi ngày không ai để ý đến ông, coi ông như một người rất tầm thường trong bọn khố rách. Hôm nay họ nhìn chòng chọc vào ông như nhìn một người lạ ở đâu đến.

Người thì khen:

– Ông có cái tai to và dầy như tai Phật. Chả trách ông sống lâu được đến thế.

Người thì khen:

– Tướng ông là tướng ngũ đoản, chỉ phải cái trán hẹp và cặp môi mỏng quá.

Nhiều ông già thấy ông Hoạch sung sướng mà thèm và thầm ước ao có ngày được hiển vinh như ông.

Mấy anh tuần đi dẹp đường trông không được hống hách như khi rước ông thủ chỉ làng. Đó cũng vì địa vị của hai ông khác nhau.

Đến nhà hội đồng là chỗ các cụ lão tụ họp để tế thiên địa, ông Hoạch bước xuống võng, đi vào. Ông quên cả gậy trúc, một chiếc gậy mà ông lão bảy mươi họ Nguyễn đã khẩn khoản mua lại tới năm đồng. Không phải vì cái gậy ấy đẹp, nhưng chỉ vì nó là cái gậy của ông Hoạch, ông lão tám sáu. Ông cốt mua về để lấy khước, nhưng cả họ nhà ông Hoạch nhất định không cho ông bán.

Ông lý Hạt cầm gậy chạy vội lên:

– Gậy cụ.

Ông Hoạch nhớ lời lý Cúc dặn, chống gậy lom khom cho ra vẻ một ông tiên chỉ lão.

Các ông lão, từ ông tám mươi trở xuống đứng dậy một loạt chào. Ông Hoạch ngồi riêng hẳn ra một cái sập mà năm ngoái năm kia, ông thủ chỉ trước đã từng ngồi.

Ông im lặng nín thin thít, không động đậy như... một ông tiên sư trong lão làng.

Ở văn chỉ, cụ tuần và các cụ cử, tú là chân khoa mục (chỉ có chân khoa mục mới được dự) bắt đầu tế đức Khổng Tử. Hôm nay, các cụ bày ra tế ngoại tán, nghĩa là tế ngoài sân để cho làng nước xem thỏa thích, nhất là được xem cụ tuần mặc đại trào đứng chủ tế dưới bốn chiếc lọng xanh do bốn anh mặc áo nậu đỏ cầm che.

Mỗi khi chước tửu, phường trống nghỉ, phường bát âm nổi lên. Bốn chị ả đào nhà quê ở hai bên giải võ, đi lại múa nhạc sau lưng cụ tuần. Mặt chị nào chị ấy thuỡn ra như cán tàn. Hai cánh tay giơ ra ngang phè, bàn tay xòe đủ năm ngón như tay ếch. Thân cứng đờ xoay đi xoay lại một chỗ như chiếc trục.

Ấy thế mà, thiếu các chị, buổi tế sẽ mất vẻ long trọng. Và phần nhiều người đi xem đều chú mục vào các chị hơn các cụ. Họ nhìn các cụ mãi cũng đâm chán, nếu không có bọn "nhà tơ" đến làm vui mắt họ.

Xong ba tuần rượu, các cụ lễ tạ. Một tràng pháo dài một thước tây treo từ cành xoan tàu rủ xuống nổ ran. Trẻ con xúm xít tranh nhau vồ. Chúng nó xô đẩy nhau để cướp một vài chiếc pháo ngòi về đốt ở đình của chúng. Các cụ có đình của các cụ thì chúng cũng có đình của chúng. Đình của các cụ xây gạch, lợp ngói, có những hàng cột to vừa người ôm. Đình của chúng bằng dăm bảy viên gạch chồng lên nhau. Chúng cũng có tượng, có mâm bồng, bát hương, đồ thất sự, tàn quạt, cờ lọng, đủ cả. Các cụ rước chúng cũng rước. Không có trống, có bát âm, có pháo thì chúng dùng mồm thay vào vậy. Sau này chúng lớn lên sẽ nhường đình cho con để nhập bọn với các cụ.

Tràng pháo nổ vừa dứt tiếng thì nhà hội đồng bên này nổi trống. Các cụ lão tế thiên địa một cách giản dị. Cụ tiên chỉ lễ trước, rồi theo tuổi cao thấp đến lượt các cụ lão khác.

Lễ xong, các cụ lại đến ngồi chỗ cũ. Hàng chục mâm cam, mâm cau bày suốt dọc từ sập cụ tiên chỉ trở xuống, trông như hàng hoa quả bán ở chợ. Những con cháu các ông vào lão năm nay chen nhau ra lễ các cụ để cầu được trường thọ như các cụ.

Chiều, hội tan, các cụ lão bỏ cau, cam vào khăn gói mang về.

ĐÌNH ĐÁM

Từ hôm ông hội làm xong chức vụ một ông đại bái trong bữa tiệc mừng ở nhà ông tiên chỉ thôn, từ hôm ấy, không ngày nào ông không chè chén, không đêm nào ông không tổ tôm với các cụ cựu.

Hãy nói bảy ông lão sáu mươi trong thôn Tiền của ông thôi. Theo đúng lệ, mỗi ông phải "sắng" một tiệc rượu mời làng, một tiệc rượu mời thôn, một tiệc mời tư văn, một tiệc mời tư vũ, một tiệc mời khu xóm, một tiệc mời họ. Sáu tiệc ấy, chóng ra mỗi ông cũng phải làm trong ba hôm. Và muốn được tươm tất, mỗi ông phải tốn ít ra mười lăm mười sáu con lợn, ngót hai trăm thúng gạo, vừa nếp vừa tẻ, hơn hai trăm chai rượu, một cót chè tươi, hàng mớ cau, hàng thúng trầu không. Ông nào muốn sang lại còn thêm vài chục bao thuốc lá, vài chục gói chè tàu.

Thế mà ông đại nhà tôi thì làng cũng có ông, thôn cũng có ông, tư văn, tư vũ đều có ông, duy chỉ có yến lão [1] là không, vì ông chưa đến bực lão.

---

1. *Yến lão:* cỗ bàn dành cho bậc lão trong làng.

Đừng tưởng cứ có tiền làm cỗ là có người vác mồm đến chén đâu. Ông nào có tính kiêu căng, ngày thường hay khinh bỉ, bắt nạt đám xã nhưng thì lúc này sẽ biết tay họ. Chả thế mà ông lý Cầu khu trong, giàu có tiếng, muốn làm to mà không sao làm được. Chỉ vì bọn xã nhưng bảo nhau không đến, làm cho hôm đầu cỗ bàn của ông ôi thối.

Tuy vậy, lệ làng rất rộng. Ông nào nghèo túng ra xin làng mời chay, nghĩa là trầu nước suông cũng được. Làng không bắt bẻ. Nhưng ai đã có của hay có thể nhờ anh em, bà con giúp đỡ thì không khi nào họ chịu cái nhục ấy.

Thấm thoát nay đã mồng bốn tháng hai. Ông hội lại ra nhận chức đại bái. Ông lại bắt đầu đo đắn từng bước đi, thận trọng từng lời nói, hống hách, bắt bẻ từng li từng tí để bảo vệ cho thể thôn.

Hôm ấy ông đến "túc trực" ở đình. Trước khi ra đi, ông dặn vợ dặn con trông nom nhà cửa như một người sắp đi xa hàng tháng.

Ông cẩn thận thế cũng phải. Vì một khi tới đình, ông phải luôn ngày đêm ở đấy cho đến ngày mồng mười là ngày đóng đám, rồi lại bận công bận việc tiếp khách tiếp khứa cho đến ngày mười tám là ngày giã đám.

Vừa chân ước chân ráo, ông đã lo sửa sang chỗ ngồi cho ra phết chỗ ngồi của một ông đại: một chiếc án thư phủ màp quần bằng nỉ đỏ thêu long, ly, quy, phượng kê đằng sau và ngay sát cạnh sập ông ngồi. Giữa án thư, một cái đồng hồ quả lắc, hai bên, một cái độc bình và một cái giá gương. Cạnh ông ngồi, một cái tráp sơn then, mặt tráp khảm cành hồng con bướm, chung quanh thành khảm tứ quý.

Trước mặt ông, một cái điếu ống, xe dài uốn cong và một cái khay khảm trong để bộ đồ trà.

Dòng dã ngót nửa tháng trời, ông không bước chân ra khỏi cửa. Cơm nước đã có người bưng ra, quần áo thay đã có người mang đến. Hầu hạ sai vặt đã có thằng mõ chạy đi chạy lại. Đủ biết làm được đại bái cũng khó lắm thay!

Nhưng ông đại cũng không đến nỗi quạnh hiu lủi thủi một mình một bóng. Ngày đêm đã có các ông cựu đến hầu chuyện, hầu tổ tôm, hầu rượu để mua vui cho ông đại. Song hôm nào cũng hai bữa chén thì ông đại lấy tiền đâu mà thết mãi được.

Ông bèn nghĩ ra một kế: mỗi khi tổ tôm, cứ đến hội cuối cùng, đánh được độ dăm ván, là ông ra lệnh nghỉ để lấy tiền góp còn thừa đưa cho thằng mõ "sắng" đồ nhắm. Như thế vừa tiện cho ông khỏi phải phiền đến người nhà đem cơm vừa tiện cho các ông cựu khỏi mang tiếng đến quấy quả.

Mỗi lần cơm no rượu say, các ông nói chuyện huyên thiên, kể hết chuyện làng đến chuyện thôn, hết chuyện người đến chuyện nhà. Chỉ khổ các bà cựu làm lụng vất vả để lấy tiền cung phụng các ông.

Hôm nào thiếu chân tổ tôm, các ông ngồi rỗi đem giấy bút ra kê những tên làm lễ và ngồi hát. Có nhiều tên các ông không sao viết được, phải viết chệch đi. Thí dụ như tên Mèng, các ông viết ra Mền, tên Bửng các ông viết là Bỉnh rồi nhí nháy hai nét chấm ở bên. Một ông bàn viết những tên ấy ra quốc ngữ cho tiện. Ông đại và mấy ông nữa nhao nhao lên cự: "Không được! Không được! Chữ Nho ra chữ Nho, quốc ngữ ra quốc ngữ, không bát nháo thế được". Viết xong, các ông đem dán lên tường để công chúng biết.

Thỉnh thoảng lại một anh xã cầm cái đĩa trên để một chẽ cau đè lên lá trầu, gãi tai nói: "Bẩm cụ đại, thầy con chẳng may yếu đau, con là trưởng, phải ở nhà phụng dưỡng. Vậy xin cụ cho phép em con đi thay".

Hoặc:

– Bẩm cụ đại, bây giờ con mới nhớ ra rằng: con có trở ông cậu. Vậy xin cụ đại cho phép con cáo.

Cho hay không là quyền ở ông đại. Nhưng ông cũng hỏi qua ý kiến các ông cựu, biết trước rằng họ sẽ trả lời: "Cái đó còn tùy lượng quan đại"

*
* *

... Rồi đến ngày mồng chín, một ngày tấp nập nhất trong đình thôn Tiền; lúc này ông đại mới thật là ông đại. Ông đi đi lại lại suốt dọc đình, sai bảo, truyền lệnh, thét oang oang: "Đương thứ đâu? các anh bậy thật! Ngày hôm nay là ngày gì, các anh đã biết. Thế mà anh nào anh ấy cứ ỳ thần xác ra thôi... Khán Da! Anh đi mời ông từ đến ngay có việc cần, nghe chưa? Đi chóng vánh lên một tí. Còn anh quản

Ất thì đến nhà ông cựu Hạt xin lấy hai cây chuối, cây chuối gì mà có hoa đỏ ở ngọn ấy mà. Anh cứ nói xin cho cụ đại cắm lọ thờ thánh thì dẫu tiếc đến đâu ông ấy cũng phải cho, nghe chưa?

"... Thằng mõ đâu? À, mày đấy à. Mày chạy đến đằng cụ cán Bích, nghe chưa? Mượn cụ cái để treo y môn, nghe chưa? Mày cứ nói mượn cho cụ đại là được rồi, nghe chưa?"

Một ông râu tóc đã hoa râm đeo mục kỉnh trắng, trông đạo mạo như một cụ đồ nho, từ cách vuốt râu cho chí dáng điệu đứng ngắm và nhẩm đọc các câu đối, đại tự. Kể chữ nghĩa, ông cũng chẳng kém gì cụ đồ nho. Nếu có khác thì chỉ khác ở chỗ ông không hề dạy trẻ con và ông xuất thân làm lý trưởng. Ông bước lên thềm đình vừa vuốt râu vừa hỏi:

– Cụ đại gọi tôi có việc gì đấy?

Ông đại đương đứng ngắm bức cửa võng, quay ra:

– Ấy kìa, cụ cựu từ, tôi vừa cho khán Da đi mời cụ. Cụ có gặp hắn không? Hay hắn đã đâm xả vào đám xóc đĩa nào rồi.

Ông từ vội trả lời:

– Tôi vừa ra đến quán thì gặp hắn. Tôi có nhờ hắn tí việc. Hắn về đây bây giờ.

Ông đại làm ra vẻ nhọc mệt:

– Cụ tính, suốt từ sáng, không lúc nào rời tay, rời mồm. Độ hai, ba hôm như thế này thì phát ốm... À này cụ, cụ mở rương bảo họ đem cỗ kiệu bát cống ra bày đi thôi. Cụ đem cả cờ quạt, tàn tán, "này khác các cái" để cho họ lồng vào cán đem cắm cả ra sân cho trọng thể. Cả áo nậu áo niếc nữa, cụ ạ. Vì chiều nay còn "nghiềm áo" để mai rước.

Quản Ất vừa trở về, cầm cây chuối đứng sau ông đại đợi lệnh. Ông đại quay lại:

– Sao lại chỉ có một cây thôi, hử?

Quản Ất tay vẫn cầm nhăm nhăm cây chuối:

– Bẩm cụ đại, cụ cựu chỉ còn có mỗi một cây thôi.

– Thế anh có theo ông ấy ra vườn không?

– Bẩm có ạ. Con cũng chỉ thấy có một cây thôi.

Ông đại hai tay vắt ra sau lưng, đăm đăm nhìn cây chuối, thở dài:

– Bực nhỉ, làm thế nào cho cân đối bây giờ... À, hay là anh đẵn cho tôi một cây chuối ngự con và chặt cho tôi lấy một bắp chuối để tôi cắm vào ngọn cho nó cân đối với cây kia.

Ông từ đương soạn cờ quạt, nói chêm vào:

– Thôi cụ ạ, cây có cây không cũng được, can gì phải cắm thêm bắp chuối vào cho nó phiền.

Ông đại không bằng lòng:

– Không được, phải cho cân đối chứ.

Rồi ông nghĩ sang việc khác, gọi xã Chính ở giải võ lên, truyền:

– Anh chọn lấy tám tên cầm bát bửu và năm tên cầm cờ để chốc nữa đi "hậu nghinh" thôn Thượng nghe chưa? Hôm nay thôn ấy rước.

Xã Chính nhanh nhẩu, gãi tai thưa:

– Bẩm cụ đại, con nghe thấy nói thôn Thượng các cụ sợ đường trơn nên chỉ rước từ miếu đến đình thôi.

Ông đại cười nói:

– Anh này sao mà lẩn thẩn thế! Quyền ở thánh chứ quyền đâu ở các ông ấy. Thánh ngài muốn đi đâu, lúc rước mới biết được.

Xã Chính cười một cách ngây ngô:

– À vâng, con lại cứ tưởng muốn rước đi đâu là tùy ở các cụ. Con rõ lẩn thẩn quá.

Ông đại không để ý đến câu trả lời của xã Chính, quay ra nói với ông từ:

– Cụ từ ạ, nghĩ việc thần thánh cũng lạ, như năm ngoái, cụ còn nhớ không? Đức thánh thôn ta ngài vừa ở miếu ra, liền bay thẳng đến thôn Hạ, rồi lại bay thẳng đến thôn Thượng. Thế mà qua thôn Trung, ngài không vào. Thì ra dương làm sao thì âm làm vậy. Đức thánh thôn ta với đức thánh thôn Hạ, thôn Thượng chả là thượng đẳng thần à, nên các ngài mới thân với nhau. Còn đức thánh thôn Trung vốn là đức thánh bà, lại mới được có trung đẳng thần thôi. Thảo nào mà ngài không vào.

Ông từ tủm tỉm cười:

– Đức thánh bà thôn Trung, mỗi khi qua đình ta hay miếu ta, vẫn tạt vào ngồi hàng giờ đấy nhé.

*
*   *

Xã Chính vừa cài cúc áo lương vừa nói:

– Mình có tiền đưa tôi hai đồng.

Vợ sửng sốt:

– Hai đồng để làm gì?

– Ngồi hát.

– Ngồi hát? Mình biết hát hỏng thế nào mà ngồi hát.

Xã Chính phì cười:

– Mình dở lắm. Ngồi hát là ngồi xếp bằng nghe "nhà tơ" hát, rồi vừa nhấm rượu vừa nghe hát.

– Thì mình ngồi hát làm gì. Nhà đã chả có...

– Ai chả biết thế. Nhưng cụ đại bảo thì phải nể. Chán vạn người bị bắt ép, cứ gì mình.

Xã Chính uể oải đi lại phản ngồi rót nước uống. Vợ ngồi ngưỡng cửa quay mặt vào, lặng yên một lúc rồi nói:

– Mình ạ, từ tết đến giờ nhà ta tiêu hết hơn chục bạc rồi đấy!

Đến lượt xã Chính sửng sốt:

– Có làm gì đến ngần ấy!

Vợ đứng phắt dậy:

– Làm gì đến à? Này nhé, ba hôm tết tiêu hết ba đồng này, may quần áo cho mình, cho các con hết bốn đồng là đi bảy đồng này. Lại còn một đồng tết bà Chánh Bá, hai đồng mình đi mừng các cụ lão, thế là một chục rồi nhé. Bây giờ lại hai đồng nữa, chả là hơn một chục rồi ư. Tiêu thế thì còn mong sao không công không nợ... Núi cũng hết nữa là nhà mình.

Nói rồi vợ ngồi xuống phản, thừ mặt, đăm đăm nhìn ra cửa.

Xã Chính không trả lời, kéo điếu, thông, hút. Thấy nét mặt vợ rầu rầu, bác thương hại, an ủi:

– Này bu nó ạ, chẳng việc gì mà lo. Đình đám xong, chúng ta lại hết sức làm lụng. Bu nó dệt vải, cái Mít bán hàng. Còn tôi thì bạ việc gì làm việc ấy, nhất là làm thuê làm mướn, họ cười thì kệ họ cười. À chào! Xã nhép chứ ông lý, ông khán gì mà sợ họ cười... rồi thế nào

tôi cũng dành dụm tậu cho được con trâu cái mới nghe. Nhất là nhịn bữa sáng, ăn bữa tối...

Vợ đương ủ rột, bỗng tươi tỉnh hẳn lên:

– Mình nghĩ phải đấy, sợ quái gì họ cười. Khi trước chúng mình vẫn làm thuê làm mướn đấy nhé.

Một hồi trống giục ở ngoài đình. Chồng đứng dậy bảo vợ:

– Thế bây giờ bu nó đưa cho tôi hai đồng. Hết đình đám là chẳng còn phải phí đi đâu đồng nào nữa.

Vợ vừa cởi nút dải yếm lấy tiền, vừa nói:

– Đây tôi mới có đồng rưỡi tiền bán hai tấm vải hôm qua đấy. Còn năm "cái" hào để tôi bảo cái Mít nó cho dựt tạm rồi mai kia tôi trả nó... Mít ơi!

Mít đương đun nước dưới bếp, vội lấy que giẽ dập tắt lửa rồi vừa đi lên vừa thưa:

– Bu gọi gì cơ?

– Con cho thầy con mượn năm hào rồi mai kia bu lấy tiền bán vải bu trả.

– Thầy lấy tiền làm gì cơ, bu?

– Thầy con đóng tiền ngồi hát.

Mít cười:

– Thầy con biết hát gì mà...

Xã Chính thích chí, củng khẽ vào đầu Mít và nói:

– Lại con này nữa. Ngồi hát là ngồi ăn cỗ, nghe "nhà tơ" hát.

Mít giãy nẩy, nói nũng nịu:

– Hát "nhà tơ" ấy à? Con chả muốn cho thầy con hát "nhà tơ" đâu! Rồi lại mê như ông lý Cúc, ông lý Khoa, có bao nhiêu tiền cũng hết vì chúng nó. Thế thì con chả cho thầy con mượn tiền đâu.

– Láo nào! Tao biết đánh trống ra làm sao mà mày bảo tao mê. Mày tính tiền của đâu mà mê các cô ấy mới được chứ!

Mít bĩu môi.

– Cô... cô lô cô lốc.

Một hồi trống giục nữa, xã Chính sốt ruột cũng giục Mít:

– Con đưa mau cho thầy không có muộn quá, cụ đại người quở.

Mít vừa móc túi vừa quay sang phía mẹ nói:

– Thế mai kia bu lấy tiền vải trả con nhé! Con cứ bu đấy. (Mít tự cười mình). Quanh đi quẩn lại được bao nhiêu lãi rồi cũng đến đưa cả cho bu.

Bác xã gái âu yếm nhìn con:

– Vốn của cô khi cô về nhà chồng đấy. Bu chả tiêu đi đâu.

Mít sung sướng đỏ mặt. Nó sung sướng phần vì câu nói của mẹ, phần vì thấy mẹ tươi tỉnh, khác hẳn mọi ngày.

Xã Chính vội vã ra đình. Mít xuống bếp đun nốt ấm nước. Còn bu Mít thì đi lại khung cửi, khêu cao ngọn bấc rồi ngồi xuống cặm cụi dệt cho đến già nửa đêm mới đi ngủ.

Bắt đầu từ hôm mồng tám tháng giêng, tốt ngày, bác gái đã vùi đầu vào khung cửi. Bác nghỉ lâu chưa quen, nên chóng mỏi, chốc chốc lại phải đặt thoi xuống thở.

Có lần bác quên cả dệt, ngồi thừ ra nghĩ. Ít bữa nay tiêu tốn quá, bác đâm lo cho gia đình bác.

Chết thật! Chồng bác cứ nay chè mai chén, hư thân mất nết đi thì hai bu con bác đủ sức đâu mà nuôi nổi cả nhà. Nhiều khi bác muốn thổ lộ cho chồng hay, nhưng lại sợ vì lời nói của mình mà chồng buồn, chồng khổ.

Mít thường thấy bu nó thơ thẩn, buồn rầu. Nó săn sóc hỏi: "Bu làm sao thế? Có mệt thì nghỉ, bu ạ, tội gì mà làm lụng vất vả quá, sinh ốm người. Mà sao độ này bu cứ hay thở dài luôn thế?"

Mỗi lần Mít hỏi thế thì bu lại trả lời:

– Không, bu có sao đâu. Tính bu vẫn thế, hay thở dài vặt.

Mít không dám hỏi nữa. Nhưng trong lòng băn khoăn. Nó hết sức buôn bán lấy tiền lãi để bu nó vui. Chiều nào, đi hàng về, nó cũng luẩn quẩn bên bu, vồn vã, nhí nhảnh, nói những câu dớ dẩn để bu nó buồn cười mà khuây đi. Những lúc ấy nó quên bẵng thằng Tửu.

Còn thằng Chốc, cũng như thằng cu lớn, cu con, chưa biết gì hết. Cả ngày nó dắt em đi nhởn nhơ ngoài đường đùa nghịch với lũ trẻ hàng xóm, hay chạy đi vồ pháo mỗi khi nghe có tiếng pháo nổ.

*

* *

Xã Chính đi, một tay luôn luôn nắm chặt lấy hai đồng bạc hào trong túi. Mất thì lấy gì đóng góp? Bác nghĩ đến việc bác làm sau ngày giã đám, nghĩ đến con trâu cái mà bác nhất quyết ăn nhịn để dành tậu cho bằng được.

Gần tới đình, bác gặp hai người ở trong hàng nước chui ra.

– Có phải bác xã Chính đấy không?

Bác đứng dừng lại.

– Ấy kìa! Bác Bửng, bác Bật. Ý chừng hai bác vào làm bát bún riêu hẳn thôi.

– Ừ, chúng tôi vừa làm mỗi người một bát lót dạ. Bác tính mãi khuya mới được ăn cỗ, sức đâu mà chịu nổi, còn bác có làm một bát thì làm. Chúng tôi đợi.

– Tôi vừa mới ăn cơm.

Xã Chính vừa ăn xong thực. Nhưng dẫu chưa cơm, bác cũng chẳng đào đâu ra tiền. Trong túi bác chỉ còn vừa vặn hai đồng đóng góp.

Ba người thủng thỉnh bước một. Xã Bửng trỏ tay vào đình, nói:

– Hai bác trông, đình ta tối đến thắp nến sáng như sao sa, chẳng đình nào đẹp bằng.

Xã Bật nghe lỏm được mấy câu địa lý, nói:

– Hướng đình ta đẹp lắm đấy nhé, mặt đình trông thẳng ra sông Hóa. Khúc sông chỗ ấy lại khuỳnh ra như hình bán nguyệt. Bên hữu một cái bút, bên tả một cái nghiên. Chả trách thôn ta lắm khoa mục, lắm quan to.

Xã Chính cũng nói chêm vào cho có chuyện:

– Tôi thấy họ nói: nhà cụ lang Trung làm trước đình ta cho nên mới xây lưng vào.

Xã Bật:

– Phải đấy, nếu không thì ai cho làm. Tôi cho vì thế mà chất cụ thành điên. Sao họ dại thế nhỉ. Cứ như tôi thì tôi xoay quách hướng nhà. Làm ngay hướng đông cũng tốt chán.

Xã Chính chưa bao giờ tiêu đến món tiền lớn và trong trí đương nghĩ cách dành dụm, vội cãi:

– Bác Bật nói dễ nhỉ! Tiền đâu mà thuê khiêng được cái nhà to bằng cái đình thế kia ra chỗ khác?

Bác vừa nói vừa quay lại nhìn cái nhà của cụ lang Trung.

Xã Bật cãi lại:

– Tốn thì tốn chứ. Không có thì đi vay đi mượn. Việc là việc đời đời, kiếp kiếp, chứ có phải việc thường đâu.

Câu chuyện đến đây thì vừa tới sân đình. Ba người bước lên thềm. Xã Bửng đứng nấp ngoài cửa nhìn xem sự thể ra sao đã. Đoạn, ba anh bước qua ngưỡng cửa đi vào chắp tay vái chào ông đại.

Ông đại khẽ gật đầu và truyền:

– Các anh sang cả bên tây đình ngồi vào cho thành cỗ. Anh nọ cứ chờ anh kia thì bao giờ cho xong.

Ba anh dạ rồi khúm núm đi qua chỗ thờ phụng sang ngồi với cánh xã nhưng của mình.

Xã Chính ngồi chiếu cuối cùng. Xã Bửng, xã Bật ngồi chiếu thứ ba vì hai anh bầu trước.

Trên chiếu nhất có hai anh oắt con với hai ông già. Vì hai anh bầu xã từ năm lên ba lên bốn.

Ông đại tối hôm nay mặc áo gấm trần, ngồi riêng mình một cỗ. Trước mặt ông, một cái trống chầu, chiếc roi chầu bằng gỗ quít rừng trắng như ngà, đặt nằm ngang trên mặt trống. Chốc chốc ông lại gọi đương thứ đến truyền những việc nhỏ nhặt không đâu, cốt để cho cả đình để ý đến ông và nhớ rằng ông là đại bái.

Kế đến hai ông giám khảo ngồi chiếu nhì. Mỗi ông mặc một cái áo "sa tanh" còn nguyên nếp. Hình như các ông chỉ đem nó ra diện trong mấy ngày tết, mấy ngày đình đám rồi lại gấp cất đi.

Cũng như ông đại, mỗi ông giám khảo có một cái tráp để cạnh cho nổi. Công việc của hai ông là tối đến đi soát các lễ vật, các mâm cỗ xem có thiếu thốn thức gì không.

Ông ngồi về phía ông đại được thêm chức giữ sổ sách biên chép những vàng, hương, nến và tiền của những người trong làng đến cúng. Những người ấy đến ngày "an tạ" đều được phần biếu.

Từ chiếu thứ ba trở xuống ngồi bốn ông một cỗ.

Hai bên, đông và tây đình, họp lại gọi là nội đình. Ngoài ra, còn một dãy sập kê ở bên trái đông đình, dành riêng cho những ông không dự vào việc làm lễ tức là những quan viên ngoại đình. Những ông này có tiểu cơ cũng đi dự được.

Ông đại khuỷu tay phải tỳ trên mặt tráp, ngồi chống nạnh. Chốc chốc lại một ông cựu đến ra mắt ông rồi đi lại ngồi vào chỗ của mình.

Một lúc lâu, ông tổng Cảnh, một quan viên ngoại đình lên tiếng: "Bây giờ xem chừng quan vơn có đông đủ. Vậy xin rước quan đại lên trống để các người ấy lên hát cung phụng thánh".

Ông nói to, rõ ra giọng kẻ cả.

Phía này: "rước quan đại lên trống". Chỗ kia: "rước quan đại lên trống".

Ông đại thích chí, tủm tỉm cười, cầm lấy roi chầu, rồi: "Xin phép các cụ", ông giơ lên đánh ba tiếng thong thả và tiếp liền hai tiếng mau. Cách vài phút, ông đánh thêm hai tiếng mau hơn hai tiếng trước.

Ba cô đầu, một cô xách túi phách, một anh kép xách đàn ở giải võ đi lên:

– Lạy các quan ạ.

Rồi ngồi cả xuống chiếc chiếu trải trước nhang án. Ba tiếng trống trả lời câu chào. Tiếng đàn, tiếng phách dạo chậm rãi... Ông đại đánh hai tiếng mau để giục. Anh kép gẩy rênh rênh rênh ba tiếng ăn với ba tiếng phách của cô đầu và ba tiếng trống của ông đại.

Một ông ý chừng thạo trống khen.

– Xinh... Xinh...

Ông đại sung sướng, tủm tỉm cười, nói nhũn:

– Chầu tôi sao bằng các cụ được.

Anh kép gẩy xong khổ sòng đàn, cô đầu cất tiếng hát bài thiết nhạc [1] rồi ngâm vịnh [2], rồi bắc phản [3], rồi sau cùng đến mưỡu nói [4].

Ông đại cầm chầu một cách đĩnh đạc, lúc chậm, lúc nhanh, lúc một tiếng, lúc hai tiếng, ba tiếng, có lúc ông gật gù chát hai tiếng

---

1. Những điệu thông dụng trong hát ca trù: *thiết nhạc* (hoặc *phét nhạc*) là khúc hát đầu tiên, chú trọng giai điệu chưa chú trọng về lời; *ngâm vịnh* (hay còn gọi là *ngâm vọng*) là một khúc ca trù cổ, điệu tha thiết, bâng khuâng nhưng khoan thai, gồm 10 câu lục bát; *Bắc phản* (còn gọi là hát mở) có 6 câu lục bát, bắt đầu thấp sau lên cao dần; *Mưỡu nói*: nếu bắt đầu không hát *Bắc phản* thì hát *Mưỡu*, còn hát *mưỡu* để kết thúc bài hát nói; *mưỡu* cũng làm theo thể lục bát, số câu tùy theo từng thể mưỡu khác nhau.

2. như trên.

3. như trên.

4. như trên.

liền để thưởng, tưởng chừng như ông thạo lắm. Nhưng để ý nghe mới biết ông đánh liều đánh lĩnh, sai bét, chẳng đúng một khổ nào.

Nghe xong, ông đưa roi chầu và trống cho một ông giám khảo:

– Người đầu này hát kém lắm phách lúc sớm lúc muộn, chả ra làm sao cả.

Ông chê họ hát kém chỉ vì phách họ đánh không đúng với trống của ông. Rồi đến cô đầu khác hát cũng sẽ kém như cô đầu này. Rút cục cô nào cũng kém cả duy có trống của ông là xinh.

Nghỉ một lát chuyện phiếm, ông đại quay sang phía ông tổng, nói:

– Bây giờ xin rước các quan vơn ngoại đình lên trống.

Bên ngoại đình, ông nọ đùn ông kia. Sau cùng ông lý Hạt, một tay sính hát, cầm lấy roi chầu. Trước khi đánh, ông xin phép quan đại, xin phép các cụ đông đình và ngoại đình. Ông không thèm đếm xỉa đến các ông xã bên tây đình.

Ông vừa nện được vài tiếng, tức thì trống bên đông bên tây nổi lên như ếch kêu làm át cả tiếng đàn lẫn tiếng hát.

Ông Hạt thở dài, đưa roi cho ông bên cạnh, lẩm bẩm: "Ông nghe đi. Tôi thì tôi chịu, chẳng biết đằng nào mà đánh". Và ông nghĩ thầm: Khi nào giã đám, ông sẽ gọi về nhà hát. Ông sẽ mời những ông nào biết trống và thích trống như ông.

Xã Chính từ nãy vẫn ngồi xếp bằng, ngẩn người ra nghe. Bác chẳng hiểu tí gì về hát ả đào. Lúc nào cũng như lúc nào, bác chỉ nghe tiếng đàn tiếng hát đều đều một giọng buồn thiu buồn chảy. Và những tiếng trống chầu, tiếng phách làm chói cả tai. Ngồi lâu, bác đâm ra ngáp và hay hút thuốc vặt. Bác thay đổi kiểu ngồi luôn, sợ tê chân mỏi gối. Trong trí, bác chỉ mong sao cho quan vơn nghỉ hát để chén rồi về cho sớm sủa. Bác càng mong càng thấy thời giờ dài đằng đẵng.

Bác liền nhìn những người ngồi cạnh, thấy họ cũng có vẻ băn khoăn trằn trọc như bác. Bác ghé vào tai họ thì thầm:

– Các bác ngồi có sốt ruột không?

– Có, cũng hơi sốt ruột.

– Thế thì tội gì cánh mình ngồi đây. Ra sân chuyện vãn, đợi bao giờ các cụ nghỉ hát, xoay ra chén, hãy vào.

Mấy anh đương buồn rũ buồn rượi vì mâm cỗ để trước mặt mà không được chén lại bị inh tai nhức óc vì ba cái trống thi nhau kêu, nên nghe xã Chính bàn, liền thuận ngay. Bốn anh đứng dậy, lẻn ra sân.

Vừng trăng bạc chiếu xuống mát lạnh, làm cho các anh khoan khoái nhẹ nhàng như trút được gánh nặng.

Bốn anh ngồi chiếu trên thấy chiếu dưới bỏ không cũng bắt chước lủi dần. Rồi đến những anh chiếu trên nữa. Không bao lâu một dãy sập bên tây đình chỉ còn trơ hàng cỗ với một vài anh thích học trống.

Hôm đầu xã Chính chưa quen còn phải lảng vảng ngoài hiên để dò xem lúc nào các cụ nghỉ. Bác biết tỏng được rằng trước khi chén, một hồi trống tế rung lên, các cô đầu và kép đứng cả dậy, xuống giải võ để chỗ cho ông đại vào lễ tạ. Rồi ông tổng Cảnh nói to như người rúc loa: "Rước quan đại và quan vơn nội ngoại nâng chén".

Từ hôm thứ hai trở đi, bác ra đình chào quan đại để người biết rằng mình có đấy. Đoạn ngồi một chốc, đợi mọi người để ý cả vào tiếng hát tiếng đàn, bác lẻn về nhà nằm khểnh chuyện gẫu với mẹ đĩ. Bao giờ nghe thấy tiếng trống nổi lên, bác mới trở lại cũng còn vừa chán.

*

*   *

– Chị Mít ơi! Chị Mít! Nghe rõ tiếng Cúc gọi réo ngoài cổng, Mít đứng trong nhà quay ra nói to:

– Ừ! Các chị chịu khó đợi một tí. Tôi đi bây giờ đây!

Mít đã biết trước các chị rủ đi đâu rồi, vì ban chiều chị em hẹn nhau tối nay đi xem chèo ở ngoài xã Đoài với bọn Tửu. Mít và cơm vội vàng rồi buông đũa buông bát chạy xuống bếp uống bát nước chè. Không kịp xỉa răng. Mít cầm đèn hoa kỳ, lẻn vào buồng trang điểm.

Chỉ vài phút sau, Mít đã đến khung cửi, xin phép mẹ:

– Bu cho con đi xem chèo với các chị ấy nhé? Gớm! Chả lúc nào là bu chịu rời cái khung cửi.

Bác xã gái lặng thinh để môi vào lỗ thoi hút lấy đầu sợi chỉ, rồi vừa thong thả đưa thoi và dập mạnh khổ xuống mấy cái liền cho mịn mặt vải, bác vừa nói:

– Không thế thì lấy gì mà ăn, mà tiêu.

Ngoài cổng Cúc, Mậm, Cài thúc giục.

Mít nhắc lại:

– Bu cho con đi xem chèo với các chị ấy nhé.

Bác gái đặt thoi xuống, quay lại nhìn Mít, mỉm cười:

– Sao mà làm đỏm thế? Tối làm đỏm cho ma nó xem à? Chả bù cho tao ngày xưa, bằng tuổi mày mà còn ngồi lê ngồi la, đánh lú, đánh chắt và tấm truồng với chị em.

Mít cười nói:

– Thời xưa khác, thời nay khác, bu ạ.

Cúc lại giục ở ngoài cổng:

– Lâu lắm rồi, có đi không thì chúng tôi đi đây.

Mít nóng ruột sẽ đập bàn chân xuống đất mấy cái như chực chạy:

– Con đi nhé, bu nhé?

– Ừ, đi thì đi. Nhưng về sớm sớm một tí. Tôi không thức mà đợi cô được đâu.

– Vâng.

Rồi Mít chạy vội ra cổng:

– Làm gì mà giục rối lên thế?

Cúc, hai cánh tay quàng lấy vai hai chị đứng cạnh cười, nói:

– Chúng tôi không giục để chị kéo dài mãi à. Bọn họ chắc đợi cánh mình từ lâu rồi.

Trăng rằm đã lên khỏi ngọn tre. Ánh sáng vàng trong, mượt như nhung, bao phủ lấy cảnh vật làm mất các nét thô và tăng vẻ đẹp lên bội phần. Những dãy nhà tranh trông xa, sạch sẽ, mịn màng như trong phim ảnh.

Ra đến đường cái, bốn chị em vui vẻ quàng tay nhau đi hàng chữ nhất.

Mậm, nhìn chị em, ngạc nhiên hỏi:

– Các chị đánh phấn?

Mít cãi:

– Các chị thế nào chứ tôi thì không.

Cúc:

– Tôi cũng vậy. Ai biết đánh phấn đánh sáp ra làm sao. Mà quái! trông chị nào cũng như đánh phấn ấy.

Mít tìm ra được cỗi rễ:

– À thôi, phải rồi, các chị ạ, tại ánh trăng đấy mà.

Mậm xòe bàn tay, sẽ vuốt ngực Mít, vui vẻ nói:

– Này các chị, trông yếm chị Mít mà xem, có phải trắng mịn như xoa một lượt phấn lên không?

Cúc tinh nghịch, sờ lên hai vú Mít, cười nói:

– Đôi vú của chị tôi nở quá.

Mít đập tay Cúc xuống, gắt:

– Ỡm ờ lắm! Đùa gì lại đùa thế, người ta có cười cho không?

Cúc lả lơi:

– Ai cười? Ma nó cười ấy à?

Đường chỗ ấy vắng. Mấy chị em không cần giữ ý tứ, đùa bỡn tự do, nghịch ngợm như trẻ con. Những tiếng cười khúc khích, những tiếng thì thầm trong yên lặng.

Thỉnh thoảng các chị bị Cúc nghịch nhả, quát ầm lên rồi lại cười ngặt nghẹo như điên rồ.

Mậm tính nhút nhát, hay xấu hổ, càng bị Cúc chòng ghẹo luôn.

Bỗng Mít nghĩ đến Tửu, hỏi Cúc:

– Này chị Cúc, bọn họ đợi cánh ta ở đâu nhỉ?

Cúc ghé vào tận mặt Mít, nói chọc:

– Đâu thì chị hỏi làm gì? Anh Tửu hôm nay kêu bận không đi, chị ạ.

– Anh ấy đi hay không thì việc gì đến tôi, rõ khéo cô này.

Tuy nói vậy mà trong lòng Mít phấp phỏng không yên. Vì Mít đi xem chèo, phần chính là cốt gặp Tửu.

Cài ít nói, ít đùa, chỉ tay ra đằng xa:

– Các chị trông, hình như bọn họ đứng đợi cả trước trường học kia kìa.

Mít tìm bóng Tửu, Cúc tìm bóng Chắt, Cài, Mậm chưa có tình với ai, ung dung đi và nghĩ đến tấn chèo sắp được xem.

– Các anh đấy phải không? Cúc gọi.

Có tiếng ở đằng xa trả lời lại:

– Các chị đấy à? Sao mà chậm thế. Đằng này định đợi lúc nữa, không thấy đằng ấy lại là đằng này đi thẳng.

Cúc đoán chắc là tiếng Chắt, gọi to:

– Anh Chắt đấy phải không, tử tế nhỉ?

Hai bên dồn lại rồi nhập bọn cùng đi. Ngôn ngữ và cử chỉ của các chị xem chừng đã thấy khác lúc nãy, kém vẻ sống sượng, nhưng tình tứ, yêu kiều hơn.

Trăng càng lên cao càng sáng trong. Hai bên đường, cánh đồng lúa xanh non bát ngát. Ngọn lúa mềm nhấp nhô như sóng bạc. Xa xa phong cảnh huyền ảo như trong giấc mộng. Mít, đa cảm ngây người ra nhìn, tuy chân vẫn đều bước.

Cúc vỗ mạnh vào vai Mít, nói:

– Nhớ ai mà ngẩn người ra thế?

Mít giật mình nói gắt:

– Gớm! Làm người ta giật bắn người lên.

Chắt trêu ghẹo:

– Anh Tửu thử hỏi chị ấy xem chị ấy nhớ ai thì biết.

Tửu nghiêm nét mặt, thụi mạnh vào lưng Chắt. Chắt ưỡn người ra đằng trước, kêu:

– Ái đau! Đùa gì lại đùa nhả thế!

Bên trai bên gái vừa đi vừa trò chuyện, cợt giễu lẫn nhau thấm thoát đã tới gần làng Đoài. Người đi xem đã thấy lẻ tẻ. Tiếng trống chèo ròn rã. Thỉnh thoảng xen vào vài ba tiếng trống cái cầm chầu. Dần dần rõ cả tiếng hát, tiếng trống cơm, tiếng mõ nhịp.

Chắt, hai tay vỗ bụng, hát nghêu ngao:

– *Binh binh bập bình. Trống cơm ai khéo vỗ nên vông. Một đàn con chim nhạn...*

Tín ngắt câu, nói chế:

– Tiếng thằng Chắt nó hát như tiếng vịt đực.

– Phải, mày thì hát hay! Có hát cho trâu nghe.

Mùi tẩn mẩn hỏi:

– Sao người ta lại gọi là trống cơm, chúng mày nhỉ?

Chất giảng nghĩa:

– Mày dốt lắm. Thế mày không nhìn hai viên cơm bằng hai quả táo ở giữa hai mặt trống à?

– Họ dán vào mặt trống để làm gì, hở mày?

– Để nghe nó ra tiếng trống cơm.

Tửu không nhịn được cười, bắt bẻ Chất:

– Lại mày nữa. Mày nói thế có ma nó hiểu. Người ta bịt cho mất tiếng ngân đi, ông tướng đã nghe ra chưa?

Chất cãi lại:

– Bớt ngân đi để nghe nó ra tiếng trống cơm.

Người đi xem mỗi lúc một đông. Đến làng Đoài thì đông quá, khó mà chen được. Mấy chị em nắm chặt lấy tay nhau, sợ lạc. Hơi người xông lên ngạt cả mũi. Tiếng ồn ào như phiên chợ. Hàng nước, hàng quà ngổn ngang. Tửu theo hộ vệ chị em. Còn Chất, Mùi, Tín đi lẫn vào vòng người đứng xem chèo, tìm chỗ.

Một lát, Chất chạy ra, gọi thét lên:

– Vào cả đây!

Mỗi anh nắm tay một chị, hết sức chen, mặc kệ những tiếng chửi rủa. Cúc chạy lại giơ tay cho Chất nắm. Tửu không biết vô tình hay hữu ý nắm lấy tay Mít. Mít rung chuyển cả người, tim đập mạnh, mặt nóng bừng. Tửu cũng vậy.

– Đủ cả đấy chứ? (Chất vừa nói vừa ngửng đầu lên nhìn) Mậm đâu... A kia rồi... Đủ cả rồi.

Trước mặt các chị còn một hàng người nữa đứng án ngữ. Cài lùn rướn mãi cổ lên.

May sao có mấy anh tuần đi dẹp đám đông, cầm roi sẽ đập vào vai họ và thét:

– Ngồi cả xuống để bên ngoài người ta xem với chứ!

Chị em sung sướng, nói to cho mấy anh tuần nghe thấy:

– Cám ơn các bác nhé. Có thế chúng tôi mới xem được.

Mấy anh tuần nhìn chị em, cười tình và thấy chị em để ý, lại càng săn sóc đến chỗ chị em luôn.

Tửu đứng sau Mít. Nhờ dịp đông, nó đứng áp mãi người vào lưng Mít và cảm thấy da thịt mềm của Mít cọ sát vào ngực nó. Hơi nóng trong người Mít truyền sang. Nó hồi hộp.

Lúc ấy vừa gặp vai Thị Mầu, ở trong buồng trò ra. Thị Mầu, đầu chít khăn mỏ quạ, hai thái dương dán hai miếng giấy đen, tròn bằng đồng tiền, đi ưỡn ẹo, mắt lim dim liếc Thị Kính mặc cải sư ông.

Thị Mầu cười cợt, lả lơi, dùng hết lời ngon ngọt, dâm đãng để gợi tình Thị Kính. Nhưng Thị Kính vẫn thản nhiên, ngồi tĩnh tọa.

Tửu say sưa muốn ôm ghì lấy Mít và muốn thổ lộ hết tình yêu nồng nàn mà nó cố nén trong tâm hằng bao lâu nay.

Cúc nhí nhảnh quay lại định hỏi chuyện với Chất. Nhưng Chất đã chuồn đâu mất. Cúc bực mình, chẳng để ý gì đến chèo, nhìn khắp chung quanh tìm Chất. Nó thấy Chất ngồi chồm chổm cạnh người cầm chầu, nhe răng ra cười và nhìn Cúc như muốn nói:

– Các chị xem tôi có giỏi không?

Cúc nguẩy đi, bĩu môi nhìn ra đằng khác. Chất vô tình không để ý.

Một lát đã thấy Chất trong buồng trò thò đầu ra nhăn nhở như thằng hề. Mít nhìn thấy trước đập tay vào Tửu, nói sẽ:

– Anh trông Chất nó có nghịch không?

Tửu tủm tỉm cười:

– Chả thế ai gọi là ông tướng!

Mậm, Cài tâm trí để cả vào chèo, hỏi Tửu:

– Ông tướng đâu, anh?

Tửu chỉ vào chiếc màn đỏ:

– Kia chứ đâu!

Mậm, Cài che miệng cười rồi lại để tai, để mắt vào Thị Mầu, Thị Kính.

... Bỗng hai bức màn đỏ vén lên. Một pho tượng Phật Bà mặt phấn môi son, trông đẹp lộng lẫy, ngồi xếp bằng trên một chiếc hòm vuông đặt chồng lên hai chiếc khác.

Bao nhiêu mắt đổ dồn cả vào đấy. Những tiếng thì thầm:

– Đẹp nhỉ!

Hàng người bên kia lộn nhộn. Họ chen nhau, xô đẩy nhau để xem cho được đức Phật Bà...

Rắc, một gióng bương gẫy. Rạp xiêu về một bên. Tiếng hò hét, chửi rủa át cả tiếng trống lẫn tiếng hát.

Mít, Cài, Mậm, Cúc sợ, giục bọn trai về. Mấy anh tuần giơ roi đi chung quanh dọa nạt, nhưng muộn quá rồi. Sóng người mỗi lúc một mạnh. Mấy cái liếp che buồng trò đã ọp ẹp, sắp đổ. Thấy nguy đến nơi, ông cầm chầu các dồn mấy tiếng. Trống, thanh la im bặt. Một vài anh đóng trò đứng thưỡn ra nhìn. Phật Bà cũng sợ, bước xuống, lẻn vào buồng, biến mất. Thế là tan.

Vòng người đen kịt tỏa ra, khắp nơi như đàn kiến mất mồi. Tiếng mẹ gọi con, con gọi mẹ, tiếng cười, tiếng khóc, tiếng hò reo inh ỏi. Hàng nước hàng quà được mẻ đắt, vì có nhiều người ngồi rốn lại đợi, trong lòng hy vọng còn hát nữa.

Bọn Mít và bọn Tửu đã ra khỏi đám đông, Cài, Mậm ngẩn ngơ tiếc. Cúc, trái lại, vui vẻ được Chất đi kề bên. Tửu thầm hát những câu đường trường. Mít vừa đi vừa lắng tai nghe...

Qua cây đa chợ Cầm đến ngã ba đường Dừng, Cúc và Chất ở cùng xóm, đi rẽ sang con đường con.

Trăng đã xế về tây. Sương lạnh xuống nhiều. Cúc đi sát lại và sẽ đập vào vai Chất, nói:

– Hay đôi ta trở lại xem đi.

Chất vẩn vơ nhìn ngọn tre tắm trong ánh trăng, lơ đễnh trả lời:

– Đi không có cánh họ buồn chết!

Cúc vẻ mặt rầu rầu, nhìn Chất:

– Anh không muốn đi với tôi à?

Chất vẫn dửng dưng, hỏi lại:

– Sao tôi lại không muốn đi với chị?

– Vì tôi rủ anh, anh không đi.

– Tôi đã bảo không có cánh họ cùng đi thì không vui mà lại.

– Cứ phải có họ mới vui được à?

– Chứ không ư! Với lại bây giờ cũng khuya rồi, chắc họ cũng nghỉ không hát nữa đâu.

Hai người yên lặng đi. Cúc hồi hộp. Cặp môi mấp máy, chỉ muốn ngỏ hết tình yêu ra lời nói; Chất chẳng nghĩ gì cả, vơ vẩn nhìn đâu đâu.

Tới khóm tre đầu xóm, bóng rợp phủ xuống hai người. Cúc ngập ngừng:

– Này, anh Chất!

– Cái gì?

– Không.

Yên lặng, Văng vẳng đằng xa tiếng chó sủa trăng.

– Anh Chất...

– Cái gì?

– Chắc Mít yêu Tửu lắm nhỉ?

– Mà Tửu cũng yêu Mít.

Cúc sung sướng tìm được mối:

– Thế còn anh Chất, anh có yêu ai không?

Cúc âu yếm liếc Chất. Chất vẫn nhìn thẳng, trả lời.

– Tôi ấy à... tôi yêu hết thảy mọi người.

Chất đã đến nhà, đi rẽ vào phía cổng. Cúc gọi với lại:

– Anh Chất! Anh Chất! Anh không đưa tôi về ư?

Chất quay lại hỏi:

– Chị không dám về một mình?

– Không (Cúc nhoẻn miệng cười). Tôi sợ ma lắm.

Chất trở lại, vừa đi vừa nói:

– Bằng ngần ấy mà còn sợ ma.

Cúc đứng khoanh tay vào ngực, nhìn Chất chòng chọc và nói hơi có vẻ nũng nịu:

– Người thì không sợ chứ ma thì ai chả sợ... Này anh Chất ạ...

– Cái gì?

– Sao độ này anh ghét tôi thế?

– Chị này rõ lẩn thẩn. Khi nào tôi lại ghét chị. Tôi không ghét ai cả.

– Thế sao anh cứ... anh cứ... làm sao ấy?

– Làm sao?

Cúc ưỡn ẹo:

– Nào ai biết được!

Hai người lại yên lặng đi. Nhà Cúc đã gần tới. Cúc vờ sợ hãi ôm chầm lấy Chất. Bộ ngực nở nang của Cúc áp mãi vào người Chất. Chất giật mình, hốt hoảng hỏi:

– Cái gì thế?

Cúc buông Chắt ra, thở hổn hển, ngực phập phồng, giọng run run nói:

– Không biết cái gì nó nhùn nhũn như con rắn ấy, anh Chắt ạ.

Chắt thản nhiên:

– Thế thì có lẽ con rắn đấy. Đêm hôm đi phải nên cẩn thận, lỡ dẫm phải hổ mang hay cạp nong thì khốn.

Cúc thở dài bước đi uể oải. Mặt Cúc buồn thiu như thất vọng.

Về đến cổng, Cúc lửa tình bồng bột, đánh liều định nắm chặt lấy tay Chắt, hạ mình xuống, van nài Chắt lấy một chút tình yêu. Nhưng chưa kịp thì Chắt đã vội chào và trở gót đi thẳng.

Cúc đứng dựa lưng vào cánh cổng nhìn Chắt đi mỗi lúc một xa. "Anh Chắt! Anh Chắt!" Cúc đã hết nghị lực, không gọi ra tiếng. Cúc tủi thân tủi phận, nước mắt chạy quanh.

Cúc yêu Chắt. Đã bao lần một mình với Chắt trong quãng vắng, Cúc gợi chuyện tình ra nói, nhưng Chắt vẫn thờ ơ, không một chút cảm động. Cúc nghĩ đến Mít, đến Tửu, đến tình yêu khăng khít của đôi uyên ương: "Chỉ Mít là sung sướng thôi". Câu nói ở tận đáy tim Cúc thốt ra.

PHẦN THỨ HAI

ĐẠI HẠN

Từ rằm tháng hai sang đầu tháng ba, lại suốt tháng ba sang tháng tư, không một giọt mưa.

Cây cối xơ xác như sau một trận giông tố. Chỉ trừ một vài thứ cây chịu khô, chịu nắng như cây si, cây đa, cây tre là giữ được màu xanh tươi.

Bao nhiêu ruộng đồng cao đều nẻ toác. Những cây lúa cằn cỗi đâm tua tủa lên trời những lá cứng, vàng úa, ngọn cháy xém.

Không còn kiếm đâu ra nước mà tát.

Các ao chuôm cạn khô để phơi đáy bùn phần nhiều phủ cỏ và những cây cúc dại, hoa vàng chóe.

Chỉ mười hôm không mưa nữa là đi đời cả một cánh đồng hàng nghìn mẫu.

Nếu được cái lạch con ăn thông với cái đầm ở đồng cửa (ruộng triều) thì cũng chưa đến nỗi hoàn toàn thất vọng. Khốn nỗi các cụ không dám cho đào, sợ đứt *long mạch,* động đến làng, đến mồ mả nhà các cụ.

Ngày năm ngoái, hôm làng họp về việc cấp điền, ông Rao bàn đến vấn đề đào ngòi xây cống liên tiếp đồng nọ sang đồng kia để phòng đại hạn đã bị các cụ nhiếc móc thậm tệ. Các cụ cho ông là một người thiển cận, chỉ biết việc sờ sờ trước mắt, không nhìn xa đến tương lai, đến dòng dõi con cháu. Rồi các cụ kết luận:

– Thầy không am hiểu lý số có khác. Người ta không sợ nguy khi nào người ta không biết cái nguy. Thầy vào hạng người ấy đấy, thầy giáo ạ. Chúng tôi nói thầy đừng giận.

Một ông có tính hay cà khịa, xoay lại kiểu, ngồi chống nạnh, ngửng mặt lên sàn giải võ, nói:

– A sà, cánh Tây học họ biết cái quái gì mà bàn. Họ học Tây chỉ biết bắt chước Tây, đào ngòi đào giếng, bạ đâu đào đấy. Có biết đâu rằng: Tây người ta sang bên mình, người ta cần gì đến long mạch. Động là động nhà mình chứ động gì đến nhà người ta.

Nói rồi ông vuốt râu, vảnh tai đợi câu trả lời của ông Rao. Ông Rao chỉ cười mát, đứng dậy chào các cụ xin cáo. Ông vừa bước chân xuống thềm đã nghe mấy cụ bảo nhau:

– Anh chàng nghe chừng đuối lý.

Từ đấy, những khi việc làng, không thấy ông Rao ra nữa.

Lúc này, nếu ông trở lại bàn đến việc trước, các cụ cũng chẳng nghe nào. Các cụ sẽ cho đại hạn là việc nhất thời. Còn long mạch một khi đã dứt, thì ôi thôi! Khác nào người đã chết, không sao sống lại được nữa.

*

* *

Xã Chính có hai sào trong đồng cao cũng đến mất gió theo với số phận cánh ruộng khác thôi.

Bác có năm sào và hai mẫu ruộng thuê ở đồng cửa đang ngoắc ngoải tuy chưa đến nỗi tuyệt vọng. Được thế cũng là nhờ cái đầm ăn thông với sông Hóa bởi cái cống gạch xây ngầm qua đê. Nhưng nước đầm đã gần cạn, chỉ còn độ một thước ta nữa là đến đáy, mà cửa sông thì không thể mở ra cho nước sông Hóa chảy vào được vì dạo này sông ấy có nước mặn.

Vì thế họ quý nước như quý vàng, ngày đêm lo lắng về nước, có khi tranh giành cãi cọ về nước.

Không mấy sáng là không có người đứng bờ ruộng nguyền rủa, chửi bới những quân khốn nạn đêm đã chọc bờ tháo trộm nước sang ruộng mình. Rồi sau những chuyện xích mích nẩy ra những cuộc xô xát bằng tay chân. Có khi các cụ phải họp việc làng để phân xử cho khỏi phiền đến quan nha.

Sớm, trưa, chiều, tối, lúc nào cũng nhan nhản những người tát nước.

Tuy cái nguy đã đến chân mà họ vẫn vui vẻ, vừa làm việc, vừa chơi đùa hát hỏng. Họ thản nhiên như đàn nhặng buổi tinh sương bay bổng tít tận trời xanh để đợi vào bụng nhạn.

Không bao giờ vợ chồng xã Chính vất vả bằng dạo này.

Lờ mờ sáng, vừng đông chưa rạng, một vài ngôi sao còn lấp lánh, hai bác đã phải dậy, ăn quàng qué một nắm cơm với muối cho đỡ đói, rồi chồng vác cuốc đi trước để khơi nong [1], vì nước mỗi ngày một cạn, vợ xách gầu theo sau. Hai người yên lặng cùng rảo bước. Đến đầm đã thấy một vài bọn ở đấy rồi. Tiếng gầu vục xuống nong, tiếng nước đổ ỳ õm.

Xã Chính xuống đầm xẻ rãnh cho nước chảy vào nong. Vợ ngồi thừ nhìn những cây lúa cằn cỗi, lẩm bẩm nói một mình: "Ngữ này vị tất đã được bông mà gặt... Khốn nạn rồi lấy thóc đâu mà nộp người ta... lại còn sáu phương..." [2] Bác thở dài, bác lo.

Chồng khơi xong, chống cuốc bước lên bờ:

– Kìa bu nó buộc dây vào gầu, còn ngồi thừ ra đấy à?

– "Ờ nhỉ". Vợ buộc xong, hai tay chống gối đứng dậy một cách

1. *Nong:* vũng nước ngoài ruộng.

2. *Phương:* dụng cụ đong thóc gạo, đỗ... dung tích khoảng ba lít.

nặng nề, nhảy sang bờ rãnh bên kia rồi ném cuộn dây thừng cho chồng. Mỗi người, mỗi tay cầm một bên dây, bắt đầu tát...

Vừng đông đỏ ối. Bầu trời xanh biếc, không một vẩn mây, báo trước một ngày nắng gay gắt.

Xã Chính ngửng lên, thở dài, bằng giọng chán nản:

– Cơ trời thế này thì còn nắng to. Ít nước đầm sao cho đủ cả một cánh đồng mông mênh bát ngát như thế kia? Đến nguy mất, bu nó ạ.

Thấy chồng lo lắng, buồn rầu, vợ thương hại, tìm lời an ủi:

– Thầy nó chẳng việc gì mà lo. Rồi các cụ đảo võ [1] đảo viếc chứ... Như năm nào, thầy nó còn nhớ không, trời cũng nắng mãi. Thế mà sau khi đảo võ, ông ấy giáng ngay cho một trận, lúa đương xấu bông bỗng tốt sống ngay lên.

– Ừ, cũng còn mong thế. Nhưng biết bao giờ các cụ mới nghĩ tới cho.

– Ấy còn đợi tỉnh sức về đã chứ. Năm nào đảo võ chả vậy.

Cái rãnh bị bùn lắng xuống gần lấp hết. Nước chảy vào chậm quá. Hai vợ chồng lại nghỉ tát. Chồng vác cuốc xuống khơi lại. Nước gặp lũng ùa vào. Vợ được nghỉ ngơi nên tát đã thấy nhanh nhẹn hơn trước.

Xã Chính nối lại câu chuyện đảo võ:

– Sao lại cứ phải đợi tỉnh sức, bu nó nhỉ?

– Tôi thấy cụ Cán bảo: còn phải đợi chiếu chỉ vua ra, chả biết có phải không?

Xã Chính vừa tát vừa ngẫm nghĩ. Bỗng, bác làm như vừa mới phát minh được một ý kiến gì hay lắm:

– Mà mình ạ, không khéo rồi lụt cũng nên.

Vợ phì cười:

– Thầy nó rõ lẩn thẩn. Người ta mong mưa chả được mình lại sợ lụt.

– Ấy thế mà không biết chừng. Mười ba con rồng nó phun cho một chập thì có ngày tháo ra không kịp.

Vợ cho là chồng nói bông, chỉ cười mà không trả lời, có biết đâu lúc này chồng đương nghĩ đến mười ba con rồng của cụ cán Bích.

Vợ chợt nhìn xuống cái gầu tuột cạp, vội kêu:

---

1. *Đảo võ* (đão vũ): cầu mưa; cúng bái cầu trời mưa.

– Chết chửa! Mải nói chuyện, cạp gầu tuột gần hết mà không biết. Chậm tí nữa thì đi đời... Mình có mang lạt đi không đấy?

– Có.

Chồng kéo gầu lên rồi lấy một vài sợi trong bó lạt gài sau lưng ra buộc. Vợ đứng nhìn sang bờ bên kia thấy họ tát luôn tay, quay lại phàn nàn với chồng.

– Nhà mình cũng "sắng" lấy chiếc gầu nữa. Chứ quanh đi quẩn lại mỗi một chiếc thì chỉ những chữa hết ngày.

– Chỉ tại nhà mình không nghĩ tới. Năm sáu xu một chiếc chứ có nhiều nhặn gì.

Lần này, hai vợ chồng yên lặng, cắm đầu cắm cổ tát, sợ vừa làm vừa chuyện, công việc chậm trễ. Mồ hôi mồ kê nhễ nhại. Mặc, cứ tát, tát cho đến khi không thể tát được nữa mới chịu nghỉ. Thế mà từ sáng đến trưa, nước vẫn chưa bén gốc lúa. Thì ra đất ruộng khát nước đã lâu lắm, nay càng uống khỏe.

*

* *

Ngót tháng nay, không ngày nào Mít được rảnh. Sáng sớm tinh sương sau khi bố mẹ ra đồng, nó đã phải gánh đôi nồi "chân" ra giếng chùa gánh nước.

Lâu nay không mưa, các ao chuôm gần cạn sạch và nổi váng như nước xáo bò hay đỏ ửng như riêu cua không sao dùng được nữa, tuy phần nhiều người trong làng có tính rất dễ, ăn uống bẩn đã quen. May còn cái giếng chùa có nước mạch để cho cả thôn dùng. Vì thế nên bất cứ lúc nào trên bờ giếng cũng đông những người đến gánh nước. Họ tranh nhau, cãi nhau ầm ỹ như ở các máy nước trong thành thị.

Mít không lấy sự vất vả, nặng nhọc làm khổ. Trái lại, Mít sung sướng được gặp Tửu luôn. Mỗi lần đặt đòn gánh lên vai, nét mặt Mít tươi tỉnh như người sắp đi xem hội và mỗi khi đến gần giếng, tâm hồn Mít hồi hộp.

Mít nghĩ sẵn những câu tình tứ và kín đáo để thổ lộ tình yêu ra lời nói và nhất là để Tửu hồi hộp, sung sướng như mình. Đến khi gặp nhau, anh chị chỉ mỉm cười hay nói những câu bâng quơ. Ấy là từ ngày cùng đi xem hội, xem chèo, anh chị đã bớt bẽn lẽn nhiều lắm.

Nhưng sáng nào cũng gặp nhau ở bờ giếng, dần dần Mít và Tửu thành bạo dạn, cười nói tự nhiên.

Sáng nay người đến gánh nước đông quá, hai người cũng không muốn chen chúc bèn rủ nhau ra ngồi chơi trên bãi cỏ. Mải vui câu chuyện, anh chị quên cả gánh nước, đến lúc trông ra thì họ đã về cả rồi.

Mít nói như tự trách mình:

– Chết chửa, thế này thì cả ngày được mấy gánh!

Tửu nét mặt hớn hở, nói bằng một giọng thân mật:

– Được, mình để anh gánh đền.

Từ ngày yêu nhau đến giờ, Tửu mới dám mạnh bạo dùng tiếng mình. Tuy vậy mà tiếng mình của Tửu vẫn có vẻ rụt rè ngượng nghịu.

Còn Mít đã lâu vẫn muốn dùng những lời âu yếm, nay được Tửu gợi ra trước, Mít rất cảm động. Đôi gò má Mít hây hây đỏ. Mít trả lời bằng một giọng cũng thân mật như để thưởng lại người yêu:

– Em đâu dám lấy đền của anh.

Thế là từ đấy, hai anh chị đã tiến lên được một bước trong đường tình. Tiếng mình, tiếng em đã thấy dùng luôn trong câu chuyện. Nhờ có hai tiếng thiêng liêng ấy mà sự thân mật của hai người mỗi ngày một thêm rõ rệt. Những ý tưởng, những tính tình từ trong đáy tim đã thấy hiện ra lời nói.

Lúc này, nếu Cúc có đấy, tất Cúc phải thốt ra một câu nghe mà thương hại: "Chỉ chị Mít là sướng thôi".

Phải, chỉ có Mít là sướng thôi. Vì Mít đã được thỏa lòng ước nguyện. Không như Cúc, từ cái đêm đi xem chèo về, cái đêm mà Cúc thấy Chất thờ ơ tình yêu.

Tuy Cúc vẫn giữ được tính nhí nhảnh, nghịch ngợm mọi ngày, nhưng nụ cười, khóe mắt như nhuộm vẻ sầu muộn.

Thấy bố mẹ làm lụng vất vả suốt ngày, Mít thương hại. Chiều đi bán hàng về, ăn cơm uống nước xong, Mít rủ Chốc đi tát nước, Chốc cầm cuốc đi trước, Mít xách gầu theo sau.

Chốc mới mười một tuổi đầu mà trông người đã rắn rỏi, cứng cáp như một anh canh điền bé nhỏ. Độ bốn, năm tuổi nữa, nó có thể giúp bố làm công việc đồng áng. Hiện giờ, nó còn mải chơi, nhưng cần ra nó giã gạo, xay lúa, gồng gánh được rồi.

Hôm nay Mít rủ nó ưng ngay. Không phải vì lòng thương bố mẹ, cũng không phải vì lo lắng đến sự túng đói. Nó đã biết nghĩ đâu đến thế. Chỉ vì nó nhởn nhơ, đùa nghịch cả ngày đã chán nên nó muốn tìm trò chơi khác. Việc tát nước cũng là trò chơi của nó.

Vừa ra đến đầm, nó đã lon ton nhảy xuống lấy cuốc xẻ rãnh, gạt bùn sang hai bên rồi ngồi xuống nghịch đắp hai con đê ở hai bên rãnh. Nó thích chí nhìn dòng nước đục ngầu chảy ùa vào nong và ngắt lá vứt vào chỗ xoáy nước để nhìn lá quay tít như chong chóng. Tay chân nó lấm lem lấm lễ.

Mít đứng trên bờ giục mãi, sau phát gắt, dọa về mách bu, nó mới chịu rửa tay lên tát nước với chị.

Nó tát còn vụng về. Thân hình cứng nhẵng hai tay quờ quạng. Thỉnh thoảng nó quên không thả chùng dây miệng gầu, làm cho cái gầu hớt trên mặt nước, tung bổng lên cao. Những giọt nước nặng hột rơi xuống, bắn cả vào mặt mũi, đầu tóc và quần áo hai người. Mít buồn cười quên cả gắt. Mít vừa tát vừa chỉ bảo như người đứng lái: hạ chùng dây miệng xuống tí nữa! Kéo thẳng dây trôn lên!... Nào! Nào! nhấc bổng tay trôn lên mà đổ!... Ưỡn người ra chứ! Sao lại cứng đờ người ra thế thì tát với tiếc gì. Mỗi lần gầu hớt qua mặt nước. Mít quát lên: "Hừ đã bảo mà! Hạ chùng dây xuống".

Chốc làm theo lời chị, dần dần tát đã thấy đều tay.

Tửu chợt ở đâu đến:

– Chị em đảm đang nhỉ.

Mít quay lại nhoẻn miệng cười:

– Anh Tửu ạ, thằng Chốc nó không biết tát. Từ chiều đến giờ, quanh quẩn chả được mấy tí nước. Anh trông em bảo mãi mới được thế đấy. Chứ lúc nãy anh nhìn thì không thể nhịn cười được.

Tửu sắn quần lên vừa đi lại gần Mít vừa nói:

– Chốc để anh tát hộ vài thôi nhé?

Chốc tát đã thấy chán. Được Tửu giúp, nó mừng quýnh, bỏ thõng hai tay đứng đợi.

Một luồng gió nồm thổi. Chiếc váy lụa và đôi dải yếm của Mít bay cả về một chiều. Tửu đã đến sau Mít.

Chốc vừa đưa đôi dây gầu cho Tửu, đã nhảy tót qua rãnh chạy một mạch đến cái quán gần đấy. Vì lúc tát, nó đã để ý nhìn bọn trẻ đương chơi khăng. Nó thèm quá, thèm như đứa trẻ thèm quà.

Mít và Tửu tát cùng thạo. Chiếc gầu lên xuống vừa nhanh vừa đều. Nước ở miệng gầu đổ xuống như thác bạc. Nước ruộng sầu lên như bọt rượu bia. Vừa tát vừa nói chuyện, nên câu chuyện của anh chị không có vẻ ngượng nghịu chút nào.

Tửu nói khơi đầu:

– Chiều qua em vào nhà ông xã Bổng làm gì thế?

– Em đòi bà ta tiền vải.

Im một lát, tay vẫn tát đều, Mít nói tiếp:

– Bu em định đòi hết tiền vải chịu để trả chú Sùi. Bu em không dệt nữa vì dạo này kém đói, vải bán chậm lắm, mà không được lãi mấy. Chỉ được hai xu hay già hai xu một tấm. Có khi lỗ cũng phải bán để lấy tiền trả hiệu.

Nong đầy bùn, không đủ nước cho miệng gầu chìm hẳn xuống. Hai người nghỉ tát, Tửu vác cuốc xuống khơi nong, khơi rãnh. Mít đứng trên bờ, hai tay cầm hai dây gầu đưa đi đưa lại cho khỏi trơ trẽn, nói nốt câu chuyện nhà:

– Anh Tửu ạ, bu em xoay ra làm hàng sáo, tuy vất vả khó nhọc nhưng kiếm lời nhiều hơn dệt. Thành ra độ này em lại bận thêm việc nữa.

Tửu, hai bàn tay tì vào đầu cán cuốc, ngửng lên hỏi:

– Việc gì thế, em? Em đã làm bao nhiêu việc rồi, nào gánh nước, đi chợ, làm cơm, giặt giũ, bán hàng. Bây giờ lại thêm việc nữa thì chịu sao nổi.

Tửu vừa nói vừa ngắm thân hình Mít in lên da trời đỏ ối của ban chiều.

– Em bận thêm việc xay lúa, giã gạo, sàng sẩy. Em không làm thì thầy bu em lại phải làm. Mà thầy bu thì đã khó nhọc vất vả suốt ngày rồi.

Tửu đã khơi xong, lấy vạt áo cánh lau mồ hôi trên trán rồi bước lên bờ. Hai người lại bắt đầu tát.

Mít vui miệng nói luôn:

– Em nghĩ mà thương thầy em. Khốn nạn, "ông lão" [1] chỉ mong ước tậu một con trâu cái mà mãi vẫn chưa tậu được. Anh trông, lúa má thế này thì còn hòng gì năm nay.

1. Người làng Cầm thường gọi bố mẹ là ông lão, bà lão, mặc dầu bố mẹ còn trẻ.

Mít đứng lấp bóng nên Tửu không nhận thấy vẻ buồn trên nét mặt. Nhưng Tửu cũng đoán được lòng trắc ẩn của Mít. Nó băn khoăn tìm lời an ủi:

– Chẳng năm nay thì năm khác, lo gì. Có tính siêng năng, cần kiệm như ông lão thì anh chắc thế nào cũng tậu được.

– Em cũng mong thế. Nhưng còn nhờ trời, nhờ số phận, mình biết trước sao được.

Tửu nghĩ đến tương lai, nói rõ mộng tưởng của mình cho Mít nghe:

– Em ạ, bao giờ anh ra ở riêng, anh cũng cố dành dụm tậu lấy con trâu cái. Anh không cần tậu ruộng, trừ phi giầu có. Em tính, có ruộng mà như lúc này thì chỉ rước thêm cái khổ, cái lo vào người.

Chiếc gầu lên xuống vẫn đều đặn, nhịp nhàng. Bốn cánh tay mềm dẻo hoạt động như bộ máy, không cần trí phải bận đến.

Tửu mê man trong giấc mộng vàng, nói tiếp luôn bằng một giọng lưu loát. Hình như nó đã nhắc đi nhắc lại bao nhiêu lần trong trí nghĩ nên bây giờ nó không cần phải nghĩ nữa:

– Em ạ, với một con trâu cái, chúng mình không bao giờ sợ đói. (Tửu dùng hai tiếng "chúng mình" cốt để Mít hiểu ngầm có cả Mít vào đấy). Anh với nó có thể kiếm mỗi ngày năm hào. Hôm nào anh mệt chẳng hạn, anh có thể cho thuê nó được ba hào. Mỗi mùa anh có thể kiếm được mươi mười lăm đồng là ít. Không kể những con nghé nó đẻ ra sau này. Rồi thừa vốn anh sẽ mua lợn nái về nuôi. Em không biết chứ nuôi lợn nái phát tài lắm cơ.

Mít lắng tai nghe chuyện mộng của Tửu. Nó sung sướng cười luôn miệng và cặp mắt ướt vì cảm động, đăm đăm nhìn Tửu như muốn bao trùm cả lấy người Tửu.

Mặt trời lặn đã lâu, chỉ còn sót lại ít bụi hồng mà đêm tối sắp sửa đến quét sạch. Cây đa đằng xa in hình đen xẫm lên nền trời đen nhạt. Đôi cò trắng song song bay về tổ, cánh đập trên không khí kêu vun vút. Chuông chùa Bính vang đưa lại để làm tăng thêm sự yên lặng trong khoảng đồng không mông quạnh.

Một cảm giác mãnh liệt tự nhiên bồng bột trong lòng Mít như thầm giục Mít chạy lại ôm lấy Tửu. Mít xấu hổ, tự nghĩ sao mình lại có cái cảm giác lạ lùng ấy, cái cảm giác mà Mít cho là chỉ những đứa đĩ thõa mới có. Mít cuống quít như một kẻ có tội bị bắt quả tang. May mà trời nhá nhem tối, Tửu không nhận rõ.

Muốn đưa ý nghĩ đi đường khác, Mít vội giục:

– Tối rồi, anh ạ, ta về đi thôi.

Ai nấy đã về từ lúc nãy, chỉ còn trơ trọi hai người trong yên lặng chan chứa tình yêu.

Mít hồi hộp quá ríu cả bước, mấy đầu ngón tay bấu mạnh những sợi dây thừng cuộn trong đáy gầu. Tửu nói luôn miệng để cố dẹp yên lửa tình nó chỉ chực bùng cháy trong lòng.

Không thể đừng, Tửu sẽ đặt bàn tay lên vai Mít. Mít rùng mình như gặp lạnh, chân tay bủn rủn, sắp sửa ngã vào người Tửu. Mít sẽ kêu, giọng run run: "Đừng anh... buông ra... anh..."

Tửu để rơi tay xuống. Tửu cũng sợ. Hai người cùng một ý tưởng, cùng nhích xa nhau để khỏi bị dục tình cám dỗ và cùng yên lặng đi.

Đến cổng nhà Mít, Tửu đưa cuốc cho Mít và hẹn chiều mai lại đi tát nước và đêm nào rảnh việc Tửu sẽ lại xay lúa giã gạo hộ Mít.

– Thế thì còn nói gì nữa. Em chỉ muốn có nhiều việc để được anh giúp luôn.

Mít đã thu phục được can đảm nói một cách bạo dạn như người vừa tỉnh cơn mê.

Hai người từ giã nhau, mỗi người mang theo một tương lai rực rỡ, đầy hạnh phúc.

Tửu, tâm hồn phiêu phiêu, cất bổng giọng hát những câu sở thích của Mít. Mít đứng tựa cổng lắng tai nghe và nhếch một nụ cười khoái lạc.

*

* *

– Cốc cốc cốc cốc... cốc! Cốc! Cốc.

Chiềng làng thôn...

Một hồi và ba tiếng mõ. Tiếp liền sau, một câu dài dằng dặc rao lên trong một buổi chiều oi ả.

Xã Chính nhắm mắt lại, lắng mãi tai mà chỉ nghe được ba tiếng đầu, còn về sau tiếng rao vừa nhanh vừa đều một giọng khàn khàn khiến bác không sao hiểu được. Bác thu hết tâm trí để cố nghe lại lần nữa. Nhưng tiếng mõ và tiếng rao mỗi lúc một xa. Bác vội gọi Chốc.

– Thằng Chốc nó đi chơi từ trưa đến giờ chẳng thấy mặt nó đâu cả.

– Thầy gọi gì cơ?

Xã Chính chỉ tay ra cổng:

– Con chạy ra hỏi xem mõ rao về việc gì. Mau lên không họ đi xa mất.

– Vâng.

Mít hết sức chạy, hai ống chân đập vào váy kêu phất phất. Những dải yếm bay tỏa ra như đuôi diều. Một tay ôm lấy đỉnh đầu cho khăn khỏi xổ.

Một lát, nó chạy về vừa nói vừa thở:

– Thầy ạ, mõ rao sớm mai họp việc làng để bàn về việc cầu đảo.

– Ừ, có thế chứ!

Bác hớn hở sung sướng như người được bạc. Trước đây chưa đầy mười lăm phút bác còn đương ủ Rột. Ngồi trên ngưỡng cửa, hai khuỷu tay chống trên đầu gối và hai bàn tay ôm lấy hai má, bác ngửng nhìn trời, một cách chán nản. Thế mà chỉ một câu nói của Mít đã đổi hẳn tâm hồn bác.

Hôm sau, vừa sáng bảnh mắt, bác đã chỗi dậy rửa mặt, súc miệng, hút một điếu thuốc rồi vội vàng đi, chưa kịp cài cúc áo ngoài.

Ra đến "từ" [1] vẫn chưa thấy một ai. Cả thằng mõ cũng chưa thấy đến trải chiếu và sắp trầu nước. Bác ngồi chán lại đứng dậy, đi đi lại lại đếm từng cái cột, cái rui cho đỡ sốt ruột. Rồi bác đi chung quanh giải võ, tẩn mẩn ngắm những nét gạch đỏ của những đứa trẻ vẽ nguệch ngoạc trên tường trắng hoặc lẩm nhẩm đánh vần những chữ chúng viết bậy ra đấy. Bác tủm tỉm cười mỗi khi bác đọc những câu ngộ nghĩnh hay tục tằn. Bác làm đã nhiều việc mà ngoảnh ra vẫn chỉ thấy trơ trọi một mình bác với hàng sập gạch bỏ không.

Sau cùng, bác sốt ruột quá, không chịu nổi phải bò về. Bác ăn lót dạ một lưng bát cơm nguội trộn vừng rang, uống một bát nước chè nóng, ngồi chưa được một chốc đã bồn chồn đứng dậy trở đi. Thế mà bác còn phải đợi hàng giờ mới thấy các cụ lẻ tẻ đến. Việc can hệ đến vận mệnh các cụ mà còn thế, huống chi những việc mà các cụ coi thường như việc đào ngòi, đào giếng chẳng hạn.

---

1. *Từ:* miếu thờ, nhà thờ.

Lo về cây lúa gần hết tháng tư rồi mà chưa giỗ vè, các cụ không kịp xơi trầu uống nước, vội bàn ngay việc đảo võ.

Ông hàn Năm, ý chừng sẵn ruộng nhất, giục Lý trưởng đương thứ đưa tờ sức ra cho thư ký đọc.

Anh thư ký, một anh học trò đỗ sơ học yếu lược từ năm kia, cầm tờ sức đọc trơn chu như khi anh đọc bài tập đọc ở trường:

Tuy Viễn ngày... tháng... năm...

Thừa lệnh quan Tổng đốc, quan Huyện Tuy Viễn sức cho kỳ hào xã Cầm Ô biết rằng: vì mấy tháng nay trời làm hạn hán, đồng ruộng nứt nẻ, lúa má cằn cỗi. Vậy sức cho các thân hào, kỳ mục phải kíp họp bốn thôn lại mà rước các thần linh đến đình xã Đoài để chiều ngày 25 hay rạng ngày 26 quan Huyện thân về đứng chủ lễ cầu đảo [1]*. Hôm ấy truyền cho các chức dịch phải có mặt cả đấy để hành lễ, nhược bằng không tuân theo sẽ bị khiển trách.*

Nay sức.

Thư ký đọc xong, ông cử Hạ nói:

– Việc là việc cần, vậy xin các quan vơn, ông nào về thôn ông ấy để sắp sửa trưa hôm nay rước thánh ra đình Đoài cho sớm sủa.

Một ông có tính cẩn thận ngắt lời:

– Ấy, thưa cụ, còn phải xem ngày, xem giờ tốt xấu thế nào đã chứ!

Ông cán Bích cất tiếng:

– Thưa các cụ, ngày hôm nay rất tốt ạ. Chính là ngày lễ bái và giờ ngọ xuất hành cũng tốt ạ.

Một ông ngồi cạnh nói leo:

– Sao cụ biết?

– Thì ngày nào tôi chả xem lịch. Mà có kiêng có lành, các cụ ạ. Từ khi tôi theo lịch xem ý làm việc gì trôi việc ấy.

Ông Lý Hiểu nói:

– Cụ cán đã xem lịch cẩn thận thì ta cứ thế mà làm. Vậy xin các cụ giải tọa [2].

Thế là nhờ cây lúa thúc giục, việc làng đã bàn xong một cách rất nhanh chóng và trôi chảy.

---

1. *Cầu đảo:* cúng bái cầu trời mưa.
2. *Giải tọa* (ít dùng): tương tự "giải tán".

Sáng hôm ấy, thôn nào cũng bận rộn, náo nhiệt như ngày vào đám.

Về phần thôn Tiền, ông Hội lại ra nhận chức đại bái để đi hậu nghinh. Sao mà ông có duyên với chức đại bái thế!

Ngoài bốn vị thần hoàng trong bốn thôn, các cụ còn muốn triệu đức ông chùa Bính.

Theo ý các cụ, đảo võ mà không có đức ông chùa Bính thì kết quả không được mỹ mãn. Vì đức ông ngài khét tiếng cả vùng Đoài.

Các cụ truyền lại rằng: ngày xửa ngày xưa, đức ông ngài dữ lắm. Vô phúc người nào đi qua mà quên không bỏ nón, xuống ngựa hay xuống cáng thì người ấy tất bị ốm thập tử nhất sinh. Nếu không đem trầu cau đến tạ tội, chết oan là thường.

Các cụ sợ di hại đến làng, nhất là sợ cho bọn mục đồng chăn trâu cắt cỏ ở đấy nên đã xoay hướng ngài lại. Từ đấy, đức ông ngài đã bớt dữ, nhưng vẫn còn thiêng lắm. Còn cụ nào to gan đã dám xoay hướng ngài lại thì không thấy các cụ nói.

Vậy việc rước đức ông là một việc tối cần và không phải là một việc dễ. Lỡ ra thì khốn!

Các cụ chọn lọc mãi mới tìm được ông lý Hiểu là người vừa tuổi tác vừa sùng bái. Vâng, sùng bái lắm. Đã lâu, ông không hề đụng đến củ hành, củ tỏi, hay một thức gì mà đứng trước thánh có thể phạm tội được. Không kể bao giờ ông cũng có vài củ gừng hay ít hạt tiêu trong túi áo. Sùng bái như thế mà ông còn ngần ngại, đợi các cụ giục hai, ba phen mới dám nhận lời. Đủ biết đức ông ngài thiêng đến bực nào!

Thoạt ở nhà ra đi, ông đã tâm tâm niệm niệm. Vừa tới cổng chùa, ông đã kính cẩn, sợ hãi như một anh dân ngu đến cửa quan.

Trước khi xin âm dương, ông tế một tuần rượu. Những người giúp việc ông hành lễ đều là những người thanh khiết cả, hai ba hôm chưa hề đụng đến miếng thịt cầy.

Cứ nhìn dáng điệu ông lom khom, đi đứng khép nép trong lúc tế, đức ông ngài cũng phải rủ lòng thương rồi. Tế xong, ông cúi rạp, hai tay giơ ra cầm lấy cái đĩa đựng hai đồng trinh Khải Định để trên nhang án. Ông quì và kính cẩn nâng cái đĩa lên ngang trán rồi ông lẩm nhẩm khấn một thôi dài. Đoạn, ông hạ thấp đĩa xuống trước ngực, cầm hai đồng trinh, gieo.

Mấy cụ đứng hai bên, vươn mãi cổ ra nhìn, rồi cụ nọ thì thầm vào tai cụ kia:

– Sấp hai, ngài bất ưng.

Không đầy năm phút, tin dữ đã lan khắp sân chùa.

Xã Chính tay cầm trống khẩu áp vào ngực thở dài (xã Chính được giữ chức đánh trống khẩu đi lùi sát trước kiệu).

Ông Hiểu đặt đĩa lên nhang án, sụp lễ bốn lễ, rồi cũng một cử chỉ như trước, ông lại khấn, lại gieo. Các cụ lại vươn mãi cổ ra nhìn và thì thầm:

– Ngửa bạch, ngài cười.

Tin truyền đi. Ngoài sân nhao nhao lên:

– Ngửa bạch, ngài cười.

Một anh xã nói với những người đi rước:

– Cứ xin mãi, ngài thương hại rồi thế nào cũng ưng.

Anh ta nói không khôi hài giễu cợt chút nào. Thật thế, vì anh ta nói bằng một giọng kính cẩn lắm và trông dáng điệu anh ta cũng đủ biết.

Được cái ông Hiểu cũng chịu khó lễ... chịu khó khấn. Bốn, năm bận, hết ngửa bạch lại sấp hai, sau cùng sấp một. Ngài ưng.

"Sấp một, ngài ưng!" Tiếng hò reo khắp sân như tiếng ca khải hoàn của một đội quân đi chinh phục về.

Xã Chính mừng, nhảy cẫng một cái như thằng rồ. Gặp ai, bác cũng nhắc lại: "Sấp một! Ngài ưng!" Tuy họ biết chẳng kém gì bác.

Được lệnh các cụ, bác giơ trống ra trước mặt đánh ba hồi chín tiếng. Tức thì, cờ quạt, tàn lọng giải ra đỏ rực cả lối đi từ cổng chùa đến tận đường cái. Ông Hiểu vẫn mũ áo chỉnh tề, hai tay kính cẩn nâng hòm sắc của ngài đặt lên kiệu bát cống.

Xã Chính đánh một hồi ba tiếng. Dứt tiếng thứ ba, tám anh ghé vai, nhấc bổng kiệu lên rất đều đặn, ngay ngắn vì các anh khiêng kiệu nhiều lần nên đã thạo lắm. Trống cà rùng, trống cái, trống con, bát âm nổi dịp. Rồi tiếng loa giục, tiếng tù và inh ỏi.

Nhưng kiệu ngài đến cổng liền đứng lại nhất định không chịu nhúc nhích. Ông lý Hiểu tạm lĩnh chức đại bái và các cụ xúm lại khấn khứa mãi, ngài nể lời mới chịu đi cho. Đi được mươi bước, ngài bắt đầu bay, bay mãi. Các cụ sắn tay áo thụng lên tận khuỷu, chạy theo kiệu như đàn vịt, hai dải mũ bay tỏa ra đằng sau như đôi cương ngựa. Xã Chính quên cả đi lùi, chạy bán sống bán chết, đứt cả guốc mà không dám trở lại nhặt.

Ngài bay thẳng vào đình thôn Hạ, đứng lại hồi lâu ở sân đình cho các kỳ hào "văn vũ" đến lễ khấu đầu, rồi ngài lại bay vào đình thôn Thượng, thôn Tiền. Khác các thánh, ngài bay cả vào thôn Trung. Rồi ngài xoay, ngài lùi, ngài phi. Mỗi lần ngài làm dữ quá, các cụ lại phải xúm lại cầu khẩn.

Thương hại cho xã Chính, mồ hôi mồ kê nhễ nhại mà vẫn phải vừa chạy vừa đánh ba tiếng trống một. Bác không hề nghĩ đến cái giá trị to tát nhất trong bọn người đi rước. Bác không quản khó nhọc, tâm niệm, thành kính để ngài chứng quả mà phù hộ cho cả làng.

Theo tôn ti trật tự, đức ông là bực thượng đẳng thần đi đầu tiên. Đi sau cùng là kiệu đức thánh thôn Trung, vì ngài là đức thánh bà, lại mới được phong trung đẳng. Kiệu ngài lúc nào cũng đi bước một. Ngài không bay, không xoay, không lùi, nhưng ai dám bảo ngài không thiêng. Ngài cũng thiêng lắm chứ. Chỉ vì ngài thương hại tám cô chân kiệu của ngài, tám cô gái quê nhu mì, ăn vận lối tân thời: quần trắng áo hồng, khăn vành giây màu lam thẫm. Ngài thương hại cả đến những các cô theo hầu ngài: bốn cô đội hòm khăn chầu áo ngự, hai cô cầm lẵng hoa, một cô đội hòm lồng kính trong đựng những đôi hài xinh xinh thêu chỉ vàng chỉ bạc.

Cả làng náo nức, bỏ cả tát nước để đi xem. Các bà lý, bà khán, các bà vãi, bà đồng đứng hai bên vệ đường chắp tay xuýt xoa khấn vái hoặc theo sau kiệu đức bà tụng niệm nam mô như các đồng trinh bên giáo cầu kinh.

Đám rước đi dài hàng cây số. Đứng xa, trên một nơi cao nhìn xuống, trông như thể một con tràng xà thêu bằng các chỉ sặc sỡ trên nền nhung xanh. Những chiếc lọng nhô lên như hàng nấm. Thỉnh thoảng một tràng pháo nổ ran, làm lấp cả tiếng trống rước. Khói pháo bay tỏa ra như mây mờ.

Chiều hôm ấy, xã Chính đi thơ thẩn ngoài đồng. Bác ngắm hết ruộng mình sang ruộng người, thản nhiên nhìn những cây lúa cằn cỗi, khô khốc như cỏ lau. Bông nào bông ấy gầy nhẳng đâm thẳng lên trời.

Đầm gần cạn sạch, chỉ còn sót lại ít nước chảy ngoằn ngoèo trong lòng đáy. Hai bên bờ lẻ tẻ một vài người. Họ tiếc rẻ còn nước còn tát.

Một người ngồi nấp trong thửa ruộng gần đấy.

– Ai như bác Bửng ấy nhỉ?

– "Phải, tôi đây. Bác đi thăm lúa đấy à?... Hỏng bác ạ, trời cứ thế này thì vị tất mỗi sào đã được tới một thùng thóc." Xã Bửng vừa đi vừa nói, hai tay buộc lại cạp quần.

– "Có, rồi ông ấy mưa chứ!" Nói rồi, xã Chính hai tay vắt sau lưng, đứng tư lự chăm chú nhìn phương xa, đến nỗi xã Bửng lững thững đi khỏi lúc nào bác cũng không rõ.

Chớp nguồn chốc chốc lại lóe sáng trong những đám mây đen nhợt sau dẫy núi mờ mờ. Bác không biết tên là dẫy núi gì và không bao giờ bác tò mò hỏi biết, vì nó không có liên lạc đến đời bác.

Cảnh tượng ấy không mấy chiều là không bày ra trước mắt, nhưng lần này bác để hết tâm trí vào. Bác tưởng tượng những đám mây kia đùn mãi lên rồi phủ khắp trời. Chớp nguồn sẽ đổi thành những gạch lửa chói lọi và tiếp luôn những tiếng sấm vang làm rung động cả mặt đất. Thế rồi một trận mưa nhân từ sẽ đổ xuống khắp đồng, rồi những bông lúa lép kẹp được no nê, sẽ nở bung ra nặng trĩu những hạt thóc vàng chóe.

Bác lẩm bẩm nói một mình:

– "Đã cầu đảo tất phải mưa". Và thủng thỉnh bước một về nhà.

Trên cỏ, những con châu chấu thấy động vù bay, đôi càng đập vào cánh lách tách. Bác nghịch lấy bàn chân lia mạnh, hàng đàn châu chấu bay tản ra khắp nơi. Có nhiều con bám cả vào quần áo bác.

– "Giá mấy con gà của mình được những của này thì tha hồ béo." Nghĩ vậy mà bác vẫn cứ thủng thỉnh đi.

Gần đến cổng thì trời sẩm tối. Tiếng xay lúa ù ù bên tai như tiếng sấm nguồn.

Bác đi thẳng xuống bếp. Vợ ngừng xay, ngửng đầu lên hỏi:

– Mình đã về.

– Ừ, bu nó không đi xem rước à?

– Ai đong thóc, xay lúa, giã gạo cho.

Mít ngồi sàng gạo gần đấy, cười nói:

– Thầy chạy mất cả guốc phỏng?

Xã Chính cười theo:

– Sao mày biết?

– Thì con đứng xem gần ngay đấy. Con thấy thầy chạy toát cả mồ hôi, xổ cả áo, con thương hại quá.

– Láo nào!

Bác gái tủm tỉm cười. Bác giựt mạnh "dằng" cối để cho thóc đổ xuống rồi cầm đầu xay.

Mít định nói nữa, nhưng tiếng xay lúa ù ù át cả mọi thứ tiếng. Thấy mẹ làm việc luôn tay, Mít cũng chăm chú sàng gạo.

Xã Chính đứng một lát, thấy mỏi mệt, bèn đi lên nhà nằm nghỉ... Bác thiu thiu ngủ. Bác mang máng nghe như có tiếng sấm tận đằng xa... Ư, rõ ràng có tiếng sấm. Và chớp sáng thấm qua mi mắt bác. Rồi những hạt mưa nặng rơi trên tầu chuối ở sau nhà đồm độp. Mưa. Mưa to. Mưa rào. Bác cảm thấy luồng gió lạnh lọt qua khe cửa đến bao bọc lấy bác.

Bác ra ngồi ngưỡng cửa nhìn những giọt mưa trắng như bạc, trong như pha lê, dội xuống trước mặt.

– Mưa. Có thế chứ, các ngài thiêng thật!

Cái cống thông ra đường nhỏ quá, không đủ sức cho nước chảy. Cái sân đất tí hon của bác đã tràn ngập lên tận thềm. Bác tiếc không có bể chứa. Lúa má dịp này tha hồ mà thừa thãi. Thật là một trận mưa thừa thãi. Thật là một trận mưa tiền mưa bạc...

... Tiếng gà gáy sáng như tiếng kèn thúc giục bên tai. Bác choàng dậy, nhảy xuống đất ra mở cửa.

Ánh sáng trắng bạc buổi bình minh cùng với tiết trời mát lạnh ùa vào trong buồng tối. Một con chích chòe đứng ưỡn ngực, cong đuôi trên chiếc đấu nóc nhà họ Nguyễn hót một hồi dài. Tiếng hót trầm bổng, véo von như một khúc nhạc trong yên lặng. Đàn sẻ vừa thức giấc; trước khi tản mát đi tìm mồi còn đương ríu rít dưới tầu cau, dưới mái hiên. Cảnh vật đua nhau cùng với một ngày êm đẹp, chỉ một mình bác là tưng hửng.

*

*   *

Mùa gặt vụ chiêm này có một vẻ đặc sắc hơn các vụ khác, đặc sắc về nỗi buồn tẻ.

Người ta không còn thấy đâu những bọn thợ gặt vác đòn càn, vác hái như một toán nhuệ binh đi tiên phong rảo bước đến các quán để đợi người thuê đón. Không còn thấy đâu những gánh lúa nặng trĩu,

những bông đập vào nhau rào rào như mưa. Không còn thấy đâu những cô gái quê tươi tắn, nhí nhảnh đi mót lúa hay quang gánh mang cơm nước cho thợ làm. Không còn thấy đâu những tiếng đập lúa trên những cối đá thủng. Không còn thấy đâu những buổi bừa rơm huyên náo trên sân gạch. Ôi! Thời thịnh vượng nay còn đâu!

Trên các đường làng, toàn những người cắp thúng, cầm liềm uể oải ra đồng. Họ có vẻ lo âu, không trò chuyện, không cười đùa vui vẻ. Họ không tiếc công tiếc của để rồi mua lấy một cái kết quả khốn nạn như kia thì bảo họ vui vẻ sao được.

Cánh đồng mới lại càng thê thảm. Những cây lúa gần chết khô giơ những bông khẳng khiu. Hạt lúa thưa thất không đủ sức nặng để rủ xuống mặt đất. Đứng trên cao nhìn như một bức thảm vàng lâu ngày đã mất tuyết phai màu.

Lác đác chỗ một vài người, chỗ dăm bảy kẻ. Họ yên lặng cầm liềm cắt từng bông hay vài bông một bỏ vào trong thúng đội về.

Thỉnh thoảng một giọng cất bổng lên không trung rồi... im bặt, vì không một người xướng họa.

Họa hoằn mới thấy một bọn thợ gặt. Đó là những chủ điền giàu có thuê họ gặt về lấy rơm rạ làm đồ thổi. Còn những người nghèo, những người bậc trung không lấy tiền đâu mà thuê, họ chỉ cắt độc bông để vò cho dễ. Khi nào rỗi việc họ sẽ cùng con cháu đi cắt rạ về phơi.

Nhà xã Chính cấy ngót ba mẫu mà góp lại không được tới ba mươi phương thóc.

Mọi năm được mùa, một sào xấu nhất còn được mười lăm, đôi mươi phương.

Hai vợ chồng lo lắng phờ cả người.

Vợ đứng nhìn đống thóc tí hon nhớ lại đống thóc tướng cữ tháng mười năm ngoái, thở dài nói:

– Từng này thóc thì sao đủ nộp và trả cái nợ bà Chánh Bá, lại còn những món nợ lặt vặt, lại còn ăn, còn tiêu... Ôi! Chao ôi! Rõ cơ cực! Cái thân này còn vất vưởng cho đến bao giờ mới thoát nợ.

Nói rồi, bác lại thở dài. Cặp mắt đẫm lệ, hai gò má sưng lên vì cố nhịn khóc.

Xã Chính ngồi vắt tréo chân trên ngưỡng cửa nhìn ra sân, nói:

– Bu nó ạ, chẳng việc gì mà lo cho thêm phiền. Bao nhiêu nợ nần cứ trả hết. Rồi sẽ xoay. Trời sinh voi, trời sinh cỏ.

Vợ quay ra đằng sau sỉ mũi, co một chân lên, hai đầu ngón tay quệt vào gót:

– Khốn nạn, mình bảo xoay thì xoay cách nào bây giờ.

– Khó gì. Tôi với mình đi làm hàng sáo. Sáng đi đong thóc. Về đã có tôi xay lúa, mình giã gạo, còn con Mít sàng sẩy. Gặp thời kém đói thì phải thế, chẳng ai cười.

– Vẫn biết thế, nhưng mình bảo đong đâu bây giờ?... Mình không nhớ hôm kia tôi đi khắp làng mà không sao đong được lấy hai thúng thóc đấy nhé. Các nhà giàu họ thấy trời làm mất mùa, thóc cao gạo kém, họ găm, có chịu bán cho đâu.

Xã Chính ngồi yên lặng nghe. Mấy đầu ngón tay gõ dịp trên ngưỡng. Ngay ngõ vào, một rặng cau bác trồng độ tháng giêng héo quắt đi vì nắng quá.

Vợ thở dài nói tiếp:

– Chỉ khổ hạng nghèo đói như mình thôi. Có tiền mà vị tất đã có thóc.

– "Tức nhỉ!" Chồng chau mày, nghiến răng, hai bàn tay nắm chặt như sắp đánh ai, cặp mắt long lên sòng sọc. Nhưng chỉ thoáng như cái chớp, bao nhiêu nghị lực lại tan ra tro tàn. Bác ủ rũ, hai tay buông thõng như những tàu cau của bác.

Vợ đứng suy nghĩ. Không những chẳng tìm ra được kế gì hay mà bác gái còn sực nhớ đến vụ sưu thuế năm nay nữa.

– Chết chửa, thầy nó ạ, lại còn vụ sưu thuế sắp tới. Mình mà không nộp được đủ đồng thì khổ với ông lý, với các ông tộc biểu.

Không để ý đến nét mặt thảm đạm của chồng, vợ tiếp luôn:

– Thầy nó còn nhớ vụ thuế năm ngoái không? Bác Chửng ấy mà, bác ta thiếu có năm hào mà bị tuần đến khiêng cả nồi, niêu, chum, vại ra đường. Gặp lúc bác ta say rượu cà khịa với cả tuần, bị họ lôi ra đình. Vợ bác chạy ngược, chạy xuôi mới vay đủ đem ra nộp các cụ. Bác lại còn phải đèo thêm trầu cau ra xin lỗi, chồng mới được tha về, khỏi bị trói vào cột đình... Mình mà không nộp được đủ rồi cũng đến như bác Chửng.

– Vậy bu nó bảo làm thế nào bây giờ?

Vợ nhìn chồng, thấy hai giọt lệ đọng trên gò má. Bác nhận thấy chồng bác sút đi nhiều: mắt sâu hoắm, má hóp lại, sắc mặt mất cả vẻ

hồng hào khi trước. Lòng trắc ẩn bỗng nẩy nở trong tâm hồn bác và đem đến cho bác cái can đảm của một người đàn bà thương chồng. Bác thở mạnh để xua đuổi ý nghĩ hắc ám. Cặp mắt bác sáng lên. Bác tủm tỉm cười, một nụ cười gần như tươi tỉnh:

– Thế mà cũng chẳng lo. Trời có để cho đói đâu... Bây giờ thì cánh mình hãy khất lại bà Chánh cái nợ trước, xin nộp mười hai phương về vụ này thôi. Còn những nợ lặt vặt, người một thùng, kẻ vài đồng thì ta hãy khất lại họ ít bữa nữa. Được cái họ cũng biết mình thực thà, sòng phẳng. Họ tuy khá nhưng cũng có lúc bấn nên biết thương kẻ nghèo. Còn cụ cán Bích với bà cụ cán Bột thì chẳng lo, lúc nào có trả cũng được.

Bác vừa nói vừa âu yếm nhìn chồng... Bác sung sướng thấy chồng bớt lo.

– Ừ, mình nghĩ cũng phải nhưng mà rầy lắm mình ạ. Có cái nghề hàng sáo, thì đã khó khăn như thế đấy. Không lẽ cứ ăn rồi lại ngồi cho qua ngày đoạn tháng.

Vợ cười:

– Thiếu gì nghề chỉ sợ làm không xuể thôi... Mình đan rổ đan rá khéo lắm đấy nhé. Vậy ngoài việc đồng áng, mình hãy kham lấy nghề ấy. Còn tôi chẳng có vốn dệt cho mình thì đi dệt thuê. Cứ tay tôi dệt đều cũng có thể làm được hai tấm một ngày. Năm xu một tấm, mỗi ngày cũng được một hào. Cái Mít thì nó có nhiều việc lắm rồi. Còn thằng Chốc... rồi chúng ta cũng phải tìm việc cho nó không thể để cho nó cứ lêu lổng mãi thế được. Ui chào! Tôi còn một việc này hay lắm, dễ kiếm ăn lắm (chị tủm tỉm cười) để rồi chốc nữa tôi sẽ bàn. Bây giờ thì ta hãy ăn no đã.

Rồi bác quay xuống bếp, gọi:

– Mít a! Con hãy để ấm nước bu đun hộ. Con chạy đi gọi lũ ranh con về ăn cơm đã.

– "Vâng". Mít đứng dậy lấy vạt áo lau mồ hôi. Mặt nó đỏ ửng như người say nắng. Nó vừa rảo bước vừa gắt thằng Chốc: "Xéo đâu thì cũng phải nhớ đến bữa mà về ăn chứ! Gớm! Mà bu cũng nuông nó lắm cơ. Ai lại bằng ấy tuổi đầu mà chẳng biết gì cả. Con sợ nó lớn lên rồi cũng đến hư thân mất nết như thằng cu Chú con ông cán Thỗn mất thôi."

Bác gái ngồi đun nước ngửng lên chực nói thì Mít đã ra khỏi cổng. Bác lẩm bẩm một mình:

– Con bé thế mà khá. Lo hết việc này đến việc nọ.

Xã Chính đứng dậy vào phản ngồi hút thuốc. Hút xong, bác cầm xe gõ vào bát điếu, vơ vẩn nhìn đâu đâu.

Một lát, thằng Chốc ở cổng vào. Một tay nó dắt thằng cu Nhớn, một tay xoa đầu phụng phịu nói trong nước mắt: "Tôi coi em chứ tôi có đi chơi đâu mà chị đánh tôi. Ừ ừ, cậy lớn bắt nạt..."

– "À mày còn lẩm bẩm cái gì hở!" Mít ẵm thằng cu Con đi sau, bước rướn lên định cho thằng Chốc mấy cái cộp nữa.

Bác gái vội chạy lại can:

– Thôi đừng đánh nó nữa. Để rồi bu sẽ kiếm việc cho nó làm. Con đi sắp sửa cơm nước kẻo muộn rồi.

Mít đưa thằng cu Con cho mẹ, vào bếp bưng ra sân cái mâm gỗ tróc sơn, trên để trơ trọi một bát vừng rang. Nó lại vào bắc nồi cơm vùi ở trong tro ra. Nó nghiêng đầu phùng má thổi tro bám trên mặt vung rồi hớt ít cơm ở miệng nồi vứt xuống đất cho con chó mực. Đoạn, nó để nồi cơm vào cái rế bưng ra đặt cạnh mâm. Thế là bữa cơm đã soạn xong.

Từ ngày kém đói, bữa cơm thường của nhà xã Chính chỉ có thế. Có hôm lại chỉ trơ trọi một đĩa muối. Hôm nào thêm được đĩa rau luộc, bát nước mắm là bữa cơm đã sang lắm rồi.

Ăn xong, hai vợ chồng ngồi trên thềm xỉa răng uống nước. Mít cắp rổ bát ra ngồi rửa cạnh vại nước. Nó không ra ao làng vì ao độ này cạn sạch.

Chồng nhìn lũ trẻ chạy nghịch chung quanh đống thóc, nhắc lại chuyện làm ăn, hỏi vợ:

– Mình bảo việc gì hay hở mình?

Vợ uống xong, đặt bát nước xuống thềm, nói:

– À, tôi tính đến đằng bà cụ cán Bột nói xin cụ cho nuôi lợn rẽ. Việc này mà xong thì chẳng còn lo gì thiếu phân bón ruộng nữa, mình ạ.

Chồng định nói, nhưng vợ tiếp luôn:

– Mà việc ấy thế nào cũng xong, vì cụ đã hứa cho nuôi hai con từ mấy tháng trước. Có lợn rồi, mình mới tán đến việc đong thóc của cụ để lấy cám nuôi lợn. Muốn cho lợn của cụ chóng lớn chóng béo, tất cụ phải bán thóc cho mình. Vả lại mình đong trả tiền ngay, cụ chả còn sợ mất cả chài lẫn lưới, có phải không mình?

Chồng tươi tỉnh nói nịnh vợ:

– Sao bu nó tính việc giỏi thế. Cứ những tôi thì cũng đến ăn rồi lại ngồi đợi cơ túng đói.

Được chồng khen, vợ hả dạ, nói luôn:

– Việc này mà thành thì cô Mít ta lại thêm được việc đi xin nước gạo nữa. Việc lấy dong ngoài đầm thì giao cho thằng Chốc.

– Ừ, phải đấy, tôi không muốn để thằng Chốc nó lêu lổng. Thằng cu Nhớn đã lớn, coi em được rồi.

Đêm hôm ấy xã Chính ngủ yên. Con trâu cái lại bắt đầu lảng vảng trong trí nghĩ.

Sáng hôm sau, hai bu con Mít dậy sớm. Mít vào buồng bưng thúng gạo ra thềm. Bác gái ngồi xổm, đong bằng đấu gỗ, lưng lom khom, hai đầu gối tỳ xuống đất. Mít ngồi trước mặt, hai tay cầm cái mẹt dựa vào cạp thúng. Mỗi lần mẹt đầy gạo, Mít đổ sang cái thúng để cạnh.

Đong xong, bác gái gõ đấu vào miệng thúng ngồi ngẩn ra tính: "Đồng sáu mà được đi hai mươi mốt đấu... Hãy cứ tính gọn hai mươi đấu cho dễ... Hai mươi đấu đồng sáu thì mười đấu đi... tám hào. Một đấu tám xu. Còn đi một đấu lẻ, hãy trừ đi mỗi đấu một trinh... thế ra đấu lẻ những một hào kia à... Thôi, con cứ bán tám xu một đấu là được rồi, hoặc giả cùng quá bảy xu rưỡi cũng phải bán".

Mít hoảng hốt:

– Bán thế thì lỗ chết!

Bác gái nhìn thẳng vào mặt Mít, nói ra vẻ thạo lắm.

– Thưa cô, còn mẻ cám cô không tính à. Mẻ cám ấy ít ra cũng được hào rưỡi, hai hào.

Mít vừa cười vừa gật luôn mấy cái:

– Ờ nhỉ, con không nghĩ đến mẻ cám.

– Thôi thế con ra chợ bán cho sớm sủa. Bu cũng đi khất vài món nợ đây.

Nói rồi bác vào trong nhà lấy nón đi ra cổng.

Mít vừa san gạo ra hai thúng, vừa nói:

– Bao giờ cho nhà mình sạch hết nợ?

Mít xuống bếp lấy đôi quang và đòn gánh để dựa vào vách. Nó lồng quang vào thúng dỗ xuống thềm cho gạo thu gọn lại rồi gánh ra chợ

*
* *

Bác xã gái đã đi đến nhà bà Chánh Bá. Bác đứng cổng dòm vào thấy thúng mủng bày la liệt ở ngoài sân. Cạnh đống thóc, một cái phương với một cái gạt gác lên thành phương. Sáu, bảy anh nhà quê đứng nài xin, tay chắp ngực hoặc đưa lên gãi tai. Bà Chánh, tay chống cạnh sườn quát tháo. Nét mặt bà hầm hầm, lộ ra vẻ giận dữ. Bác đứng xa chỉ nghe phấp phỏng, câu được câu chăng, còn những câu của bọn kia khẽ quá, bác không nghe rõ: "... Không trả đủ thì rầy với bà... Chuyện! Thế khi được mùa thì ai đến lấy thêm của các người... không được, kệ kệ, mặc kệ các người... Thiếu một lẻ cũng không xong... Mặc! Mặc!" Bà Chánh vừa nói vừa xua tay lia lịa.

Biết là không phải lúc, bác trở gót ra về. Nhân tiện, bác lại nhà ông cán Rật, ông hương Rạng khất các ông ấy đến vụ sau. Qua nhà bà cán Bột bác tạt vào nhắc lại chuyện nuôi lợn rẽ. Bác hớn hở ở nhà bà đi ra. Các việc đều xong xuôi một cách hoàn hảo. Bác không cần xem lịch cũng biết hôm nay tốt ngày.

Về đến nhà đã gần trưa.

Thằng Chốc ngồi coi em ở thềm. Nó lấy đất dẻo nặn những mâm bồng, đèn, nến. Nó bỏ một viên đất vào trong vạt áo cộc nâu, cuộn lại, cầm hai đầu vặn để làm quả dưa đặt lên mâm hồng. Thằng cu Nhớn đang nhổ bọt vào đất để cho dẻo thêm. Hai bàn tay nó lấm lem. Còn thằng cu Con chưa biết chơi đình thì thằng Chốc đã làm cho nó mấy con trâu để nó khỏi phá đám. Mấy con trâu là mấy hòn đất hình củ khoai, chân, đuôi và sừng bằng những que diêm và những mẩu lạt. Chúng nó mải chơi, bu về lúc nào không biết.

– Chị Mít đã bán gạo về chưa, chúng mày?

– Chưa ạ.

Chốc trả lời mẹ rồi ghé vào tai thằng cu Nhớn nói nhỏ: "Giấu đi không có phải đòn bây giờ!" Thực thì nó sợ bị đòn, vì mỗi lần thằng cu Nhớn, cu Con nghịch bẩn, bu nó chỉ nhè nó mà đánh.

– Thầy đâu?

– Thầy sang bên cụ cán ạ.

Bác xã gái vào trong nhà nhìn vơ vẩn.

Một bức tranh cá treo trên vách. Không phải bức tranh Tàu vẽ bằng nét bút ủy mị. Đây là bức tranh của thằng Chốc, bức tranh to bằng bàn tay mua nửa xu ở chợ Cầm dạo tết.

Bác sực nhớ đến quà biếu bà Chánh Bá mà lúc sáng mải đi quên bẵng đi mất. Bác vội cắp cái rổ tất tưởi ra chợ.

Bác lần đến hàng gạo tìm Mít. Mít đương ngồi cầm cái vỉ gấp đôi lại quạt. Đôi má hồng hồng làm cho cặp mắt tươi thêm. Những sợi tóc mai ép xuống, ướt như người vừa mới gội đầu.

– Thấy mẹ đến, Mít lộ vẻ sung sướng:

– Bu ạ, chỉ còn độ hai đấu nữa. Con bán tám xu một đấu đấy.

Một người hàng gạo ngồi cạnh đấy nói xen:

– Sao mà gạo cô ấy giã kỹ trắng thế! Vừa được cám, vừa dễ bán... Mình cũng biết vậy, nhưng có một mình sức đâu mà giã mãi được.

Các thứ tiếng ào ào như rừng thông reo trong một ngày lộng gió. Bác xã không nghe rõ và cũng không để ý đến người ngồi cạnh. Bác cúi xuống sát mặt Mít, nói to:

– Con đưa bu dăm hào.

– Để làm gì, hở bu?

– Bu mua con cá biếu bà Chánh.

Mít lấy một chuỗi tiền chinh ở thắt lưng ra đưa cho mẹ. Bác xã đi lại dẫy hàng cá trong quán đá. Hôm nay sẵn cá nên bác mua được giá rẻ. Bác đếm tiền đưa cho nhà hàng rồi bỏ con cá chép vào rổ. Bác vừa đi vừa lẩm bẩm: "Mọi khi con cá này phải năm hào". Con cá còn tươi nguyên, thỉnh thoảng há sẽ mồm ra hớp không khí.

Bác rảo bước mạnh bạo đến nhà bà Chánh, chắc chắn hôm nay tốt ngày, làm việc gì cũng trôi chảy, nên lòng bác chứa chan hy vọng.

Đến cổng, bác sợ chó, đứng ngấp nghé nhìn vào.

Cái sân gạch rộng phủ đầy thóc vàng chói dưới ánh nắng. Đàn sẻ nhảy nhót thỏa thích, chọn những hạt béo mập mới thèm ăn. Vài con chim bồ câu thong thả bước một. Chúng nó đã no nê, bây giờ đương đi tìm kiếm những hạt sành hạt sỏi.

Bác Xã nhìn cái sân thóc mà thèm: "Nhà mình cứ được nửa sân thóc này thôi cũng đủ thừa thãi cả năm". Thế mà bác không ghen tị không tủi nhục, không khổ sở đâu. Bác cho mọi việc đều do ở số kiếp.

Số kiếp bác nó vất vả thì bác chịu vất vả. Bác cố ăn ở thực thà, một lòng thờ trời, thờ phật, thờ thánh để hòng kiếp sau vậy.

Bác đương nghĩ vơ nghĩ vẩn thì chợt một người đàn bà ăn mặc xuề xòa như bác đi ra sân bừa thóc. Đàn sẻ thấy động, bay vù lên nóc nhà ngói. Mấy con chim bồ câu bạo dạn chỉ bay là là chỗ này sang chỗ khác.

Bác cất tiếng gọi:

– Này thím Kẹo! Thím Kẹo!

Bác không có họ có hàng gì với Kẹo. Bác thấy họ gọi Kẹo bằng thím, thì bác cũng cứ thế mà gọi.

Thím Kẹo quay ra nhìn rồi vừa đi ra cổng vừa nói:

– Bác xã Chính đấy à. Đến có việc gì mà lại đem cả rổ gì nữa thế kia?

Bác cười tủm tỉm:

– Tôi đến tết cụ. Thím coi chó hộ tôi với nhé.

Bác trợn mắt, chúm mồm, nói tiếp:

– Con cá chép còn tươi nguyên, béo lắm! Ngữ này chỉ làm gỏi là tốt nhất.

Thím Kẹo thò ngón tay trỏ vào mang con cá:

– Gỏi với ghém gì. Bà tôi thì lại đến bỏ vào nồi kho ăn làm vài bữa.

Thím Kẹo không có ý gì nói xấu bà Chánh, thím vốn thực thà, trung hậu, ở hầu bà Chánh, đã chín mười năm trời, kham khổ, vất vả thế nào cũng chịu được, chịu một cách nhũn nhặn vui vẻ.

Hai người đi trên thóc, xào xạo như đi trên sỏi vụn. Bốn, năm con chó ở trong bếp chạy ra sủa ran.

Bà Chánh ngồi trên ghế ngựa nghe cậu Thanh đọc nhật trình. Bà góa chồng, được mỗi một mụn con trai nên bà quí lắm, không lúc nào rời con. Cậu đã đỗ sơ học yếu lược mà bà không chịu cho ra tỉnh học sợ mẹ con xa nhau, bà nhớ, bà buồn.

Nghe tiếng chó sủa, bà đứng dậy ra thềm:

– Ứ ừ, mụ xã Chính đấy phỏng? Sao bây giờ mới vác mặt đến hử? Liệu hồn! Không trả đủ thì bà cho người đến có bao nhiêu thóc xúc hết, nghe chưa?

Bác gái đặt rổ cá lên thềm và ngồi xụp xuống:

– Bẩm cụ, nhà cháu có con cá tươi đem đến biếu cụ.

– Tôi chẳng lấy cá. Chị biết điều thì cứ mang thóc đến nộp đủ tôi.

Thanh đương nằm khểnh trên ghế ngựa, ngồi dậy chạy vội ra. Từ ngày bác Chính gái mang đôi chim tây đến biếu cụ, tức là biếu cậu, cậu đem lòng mến bác.

Chưa biết đầu đuôi ra sao, cậu đã khẩn khoản khất hộ bác:

– Thôi mẹ ạ, bác ấy có xin khất, mẹ cũng nên cho bác ấy khất. Nhà ta thiếu gì. Bốn năm cây thóc to tướng ở sau nhà lại đầy một sân thóc kia nhé. Vừa ăn vừa tiêu hàng đời vị tất đã hết bằng ấy thóc.

Giá người khác nói ra câu ấy thì chết với bà Chánh, nhưng cậu Thanh nói thì chẳng việc gì cả. Bà chỉ lườm cậu thôi.

– Nói thế chứ tao thương hại vợ chồng nhà hắn lắm.

Lần này chẳng phải bà nể cậu con trai, cũng chẳng phải bà thương gì vợ chồng nhà hắn. Bà thấy vợ chồng nhà hắn nhu mì, thực thà, hiền lành, nhút nhát và nhất là có ruộng nương hẳn hoi thì bà cho khất, tức cũng như bà cho vay mà không phải bỏ của nhà.

Bà vốn làm giàu về nghề cho vay, cầm cố. Nay được con nợ chắc chắn như thế thì còn đâu bằng nữa!

Bà quay ra nói với bác xã:

– Nói thế chứ ai nỡ làm khổ vợ chồng nhà mụ.

Bác Xã cảm động, nhìn bà Chánh và thấy bà phúc hậu quá. Cặp mắt hiền từ, lúc nào cũng như muốn bao dung. Nhất là cậu Thanh, sao mà cậu đáng yêu thế!

Bà Chánh nhìn xuống rổ cá:

– Hừ! Nhà đã chả có, lại còn bày vẽ biếu với xén.

Bác Xã ngồi, hai bàn tay xoa vào nhau:

– Lạy cụ, con cá còn tươi lắm ạ.

Bà Chánh ngồi xuống ngắm. Con cá hãy còn ngáp. Vây và đuôi nổi những tia hồng.

Bà Chánh lẩm bẩm:

– Ừ, con cá còn tươi thật.

Rồi bà quay ra sân, gọi:

– Thím Kẹo!

Thím Kẹo đương bừa thóc, đi lại. Bà Chánh sẽ đập mấy ngón tay vào vành rổ:

– Thím đem xuống bếp cắt ra từng miếng mà kho cho nhừ, nghe chưa? Gỏi ghém gì cho nó lôi thôi. Tôi cũng không thích đâu.

Thím Kẹo liếc nhìn bác xã, tủm tỉm cười như để tỏ rõ lời nói của mình ban nãy là đúng. Thím thò ngón tay trỏ móc vào mang con cá xách xuống bếp.

– Vào trong này ăn trầu, xã.

Bà Chánh vừa nói vừa đứng dậy đi vào. Bác xã dạ rồi đi theo sau.

Thanh thấy hây hẩy gió, đã chạy xuống nhà ngang, đem diều ra thả. Cậu thích chơi diều cũng như ông quản thích chơi chim. Cậu có ba cái tất cả và đủ các thứ sáo. Cái diều lớn nhất dài mười thước (thước ta). Hôm nào gió to mới thả được. Và lúc thả, cậu phải mượn người lớn. Cậu chỉ đứng cổng nhìn ra hoặc lẩn quẩn bên họ. Còn hai cái diều năm thước và ba thước, cậu cầm dây lấy được.

Hôm nay gió bé, cậu thả cái ba thước. Bộ sáo năm do tay bác Ánh khoét, kêu vang như tiếng chuông và đổ hồi vào ba ra bảy rất nhịp nhàng khiến những tay sành phải ngây người lắng nghe. Bác Ánh đã nổi tiếng là tay khoét sáo giỏi nhất ở vùng Đoài.

Nghe sáo cất tiếng, bà Chánh thở dài bảo xã Chính đương ngồi sụp dưới đất, bên ghế ngựa:

– Thằng bé lại đi thả diều.

Rồi lấy cau trong cái lọ chè thủy tinh bày ra đĩa, mở âu đồng một dúm trầu têm để lẫn vào với cau.

– Này xã ăn trầu.

Bà vừa nói vừa cầm một miếng trầu đưa cho xã Chính.

– Dạ.

Bác xã, hai bàn tay ngửa ra khum khum, hứng lấy.

– Này xã!

– Dạ.

– Tôi thấy vợ chồng nhà mụ hiền lành tôi cũng thương hại. Người làng người nước cả chứ có xa lạ gì.

– Dạ.

– Vậy tôi cho vợ chồng nhà mụ khất cả vụ này lẫn cái nợ trước.

– Dạ. Cụ thương cho thế thì còn gì bằng. Thật là phúc cho nhà chúng cháu quá.

Bác bối rối, muốn tìm một câu gì để tạ ơn mà không sao tìm được.

Bà Chánh chọn miếng trầu ngon nhất bỏ vào mồm nhai bỏm bẻm. Bà há mồm, lấy ngón tay trỏ và ngón tay cái miết vào hai bên mép rồi nói tiếp:

– Nhưng mà mụ phải về bảo chồng mụ đến làm giấy đợ mấy sào ruộng của chồng mụ.

– Dạ, bẩm cụ đã thương thì khi nào chúng cháu dám sai, nhưng mà...

– Vẫn biết thế. Tôi cũng chẳng thiết gì mấy sào ruộng nhép, nhưng mà...

– Dạ, bẩm cụ thiếu gì, cụ...

– Nhưng mà việc gì cũng phải có đầu có đuôi. Với lại tôi biết bụng vợ chồng nhà chị thế nào. Rồi thấy tôi dễ lại đâm ỳ ra đấy thì...

– Có! Thưa cụ, chúng cháu bao giờ cũng trước sau như một.

– Thôi thế cứ về bảo chồng đến làm giấy rồi tôi cho khất cả. Sung sướng nhé!

Bà nhổ quết trầu vào ống phóng, cầm miếng bã ngắm rồi lại bỏ vào mồm nhai.

Bác xã gái đứng dậy chắp tay nói:

– Bẩm, còn cái lãi thì cụ tính cho chúng cháu thế nào ạ?

– Thì lại cứ như trước.

Bác Xã vừa bẻ mấy ngón tay kêu răng rắc, vừa nói:

– Bẩm cụ tính thế thì thiệt nhà cháu quá. Bẩm thế ra hai mùa thành quá một đi đôi...

Trước kia bác lầm. Thấy người ta vay chục sáu chục bảy, bác đã tưởng người ta vay nặng lãi hơn mình. Mãi sau bác mới biết họ vay trong hai vụ.

– Chuyện! Mụ thử vay trong hai vụ xem tôi có tính như thế không?

Bác xã sung sướng vừa cười vừa nói:

– Vâng, thế chúng cháu cũng vay hai vụ thì cụ tính cho chúng cháu chục ba chứ?

Bà Chánh bĩu môi:

– Chục ba, chị nói dễ nghe nhỉ. Chị thử đi khắp làng này xem có vay được chục ba không... Chả nói gì chục ba, ngay chục tư, chục năm cũng vị tất... Thôi, thế cứ chục năm. Sung sướng nhé. Cả thiên hạ này cũng chẳng có ai dễ như tôi.

– Lạy cụ, xin cụ chục tư vậy.

Bà Chánh gắt:

– Hừ! Được voi đòi tiên. Mụ này chẳng biết điều tí nào cả. Đã thế không cho khất nữa, muốn sống đem thóc nộp đủ bà đi.

Bác xã run lẩy bẩy, vội nói:

– Chúng cháu nài được thì vẫn cứ nài. Còn cho hay không là tùy cụ. Dẫu thế nào đi nữa, cụ cũng đã thương chúng cháu lắm rồi. Thôi, lạy cụ ạ. Để cháu về bảo nhà cháu đến làm giấy.

Bác vái chào rồi vội lui ra, chỉ sợ bà Chánh đổi ý không cho khất nữa.

ĐỢI CHỜ

Một chiều mùa đông. Trời thấp và trắng đục lờ mờ như khói ám đè nặng trĩu lên những mái tranh bạc màu.

Bác xã Chính nằm phủ phục trên ổ rơm, thỉnh thoảng ngóc đầu nhìn xuống cái bếp tro lạnh. Những ông "đầu rau" nhọ nhem ngồi ba một, châu vào nhau, củ rủ như cũng cảm thấy giá lạnh của chiều đông. Nhìn chán, bác lại úp mặt xuống hai bàn tay đặt ngửa, ngủ gà ngủ vịt. Một lúc lâu, xem chừng thấy ê chân, bác ngồi xổm dậy, hai cánh tay khoanh lấy hai đầu gối, mắt rầu rĩ nhìn ra sân.

Vợ bác đi lên Hu đong thóc từ sớm. Làng Hu cách làng Cầm hằng năm, sáu cây số, bác gái chịu khó lặn lội xa xôi là vì nghe người ta đồn: trên ấy thóc hơn được mỗi đồng ngót một đấu.

Cái Mít đi bán hàng chưa về và độ này hàng con bé bán cũng ế lắm. Thằng Chốc đã đi ở chăn trâu cắt cỏ cho nhà bà cán Bột từ năm ngoái. Còn thằng cu Nhớn, cu Con thì trừ bữa ăn, chẳng thấy bóng chúng đâu cả. Chúng về làm gì? Buồn chết đi được. Và có lẽ, lúc này chúng đương ngồi sưởi ở bếp nhà cụ Cán Bích để đợi chốc nữa ăn rình mỗi đứa một lưng cơm hẩm. Rõ tội nghiệp! Chúng chẳng mấy

khi được no. Từ năm trời làm đại hạn rồi kế tiếp, nào úng thủy, nào bão, nào sâu cắn lúa, vợ chồng làm chẳng đủ, thường vẫn phải nhịn bữa sáng ăn bữa tối.

Một luồng gió bấc thổi mạnh vào trong nhà. Bác run cầm cập. Thế mà bác cũng chẳng buồn đứng dậy khép cửa. Hay là bác muốn để vậy cho dễ trông nom? Không phải. Nhà bác còn có gì nữa mà trông với nom. Hay là bác không muốn ngồi ấm một chỗ trong khi vợ con bác đương phơi thân trước gió để kiếm lấy chút lời?...

Một đàn vạc bay từ phương bắc tới. Tiếng kêu inh ỏi làm náo động một lát trước khi chìm đắm vào trong yên lặng.

Bác sực nhớ tới giờ về và bước đường của vợ.

Mít dẫu có về muộn cũng chẳng ngại, vì nó bán hàng ngay trong làng. Nhưng mà vợ bác phải đi một thôi dài trên đê, rồi lại phải rẽ xuống con đường hẹp, ngoằn ngoèo trên đồng không mông quạnh. Bác hồi tưởng lại năm nào cũng về mùa đông và cũng sâm sẩm tối như bây giờ, chị Tẹo đi chợ xa về, giữa đồng bỗng gặp một thằng lực lưỡng nấp trong bụi dứa, nhảy xổ ra bóc lột hãm hiếp. Tẹo già và xấu hơn vợ bác. Thế mà quân khốn nạn còn chẳng từ nữa là.

Nghĩ vậy, bác đâm lo, bác nóng ruột, bồn chồn không sao ngồi yên được. Bác cất tiếng gọi thật to: "Bớ cu Nhớn!" Không thấy thưa, bác định chạy sang ông cán tìm thì ngay lúc ấy Mít ở cổng gánh đôi bồ về.

– Hàng ế quá, thầy ạ.

Nó vừa nói vừa nhìn khắp nhà như muốn tìm cái gì.

– Bu con chưa về cơ, thầy?

Bác Chính đứng dậy. Mấy tiếng rắc của gân cốt rãn, vì bác ngồi lâu rồn cẳng. Bác vươn vai, ưỡn ngực, vừa nói vừa ngáp:

– Thầy cũng đương nóng lòng sốt ruột về bu con đây. Con coi nhà để thầy đi đón bu nhé.

Rồi, không để ý đến lưng đấu gạo đựng trong nắp bồ đặt ngược, bác rảo bước ra cổng, hai tay thọc vào cạp quần, vai nhô lên, cổ thụt xuống để chống lại với cái rét buốt thịt.

Mít nhìn theo, ái ngại cho thầy nó vừa ốm khỏi được vài ba hôm. Nó chạy ra sân gọi với:

– Thầy ơi! Thầy! Hay để con đi cho.

Bác Chính không quay lại, vừa đi vừa nói buông thõng:

– "Con không đi được." Bác không muốn ngỏ ý lo ngại, sợ con gái hốt hoảng.

Đường cái vắng tanh. Trời mỗi lúc một tối. Từng con gió bấc thổi. Những gốc tre cọ vào nhau cọt kẹt. Chốc chốc lại một tiếng vạc kêu bất thình lình như thét, như dọa nạt. Bác rùng mình, nghĩ đến những nỗi ghê sợ. Bác rảo bước gần như chạy và càu nhàu trong mồm: "Hừ! người đâu lại có người liều lĩnh, dại dột đến thế. Không còn biết nguy hiểm là gì nữa!" Cứ giọng nói ấy với dáng điệu ấy thì chị vợ chẳng phải đòn cũng phải mắng tàn tệ.

Nhưng, đi khỏi đầu làng độ vài chục bước, bác gặp lũ lượt bảy, tám người đàn bà gồng gánh chuyện trò vui vẻ.

Trông thấy bác mỗi người chào hỏi một câu thành ồn ào. Bác không biết trả lời ai, đứng thưỡn ra, mỉm cười một cách trơ trẽn.

Vợ bác hơi ngạc nhiên, vừa đi vừa nói ra ý không bằng lòng:

– Ô hay, tôi đã bảo thầy nó hãy kiêng vài ba hôm nữa cơ mà. Lỡ phải lại thì sao? Mà thơ thẩn đi đâu đấy?

Bác Chính muốn trả lời: "Tôi đi đón mình đây". Nhưng thấy đông và toàn đàn bà, bác đâm ngượng lại thôi.

Mọi người chế nhạo bằng những giọng bông đùa, làm cho bác càng ngượng. Cũng vì ngượng mà bác không dám ghé vai gánh đỡ vợ, tuy bác đã trông thấy hai thúng thóc nặng làm chĩu hai đầu đòn gánh và díu hẳn một bên vai vợ xuống.

Bác thấy vợ vất vả mà thương. Bác càng thương vợ bao nhiêu, bác càng giận thân bác bấy nhiêu. Bác cho là vì bác, vì lấy phải bác mà vợ bác bị đày đọa, điêu đứng đủ trăm chiều. Bác có biết đâu rằng cũng chỉ vì thấy đời bác vất vả nặng nhọc quá mà vợ con bác phải nai lưng ra làm lụng để gánh nhẹ bớt đi cho bác, cho đời bác được sung sướng đôi chút. Bác quên hẳn bác mà chỉ nghĩ đến vợ con thôi.

– Hình như mình còn mệt thì phải. Tôi trông mình thơ thẩn làm sao ấy.

– Không, tôi chả làm sao cả. Hay bu nó để tôi gánh đỡ hộ. Bu nó chạy ù về giục Mít nó thổi cơm đi.

Bác cố nín mà không sao đừng nói được câu ấy.

Một người đàn bà đi cạnh bác, nói cợt:

– Các bà xem, người ta sung sướng thế đấy. Chả bù cho bọn mình. Đi, chồng chả hỏi, về chồng cũng chả hỏi. Động một tí thì gắt thì "chửi" om xòm cả nhà.

Người ấy là bác xã Mục, một người đàn bà suốt đời bị chồng hành hạ và suốt đời làm lụng tần tảo để nuôi chồng.

Một người khác nói nửa bỡn nửa thật:

– Phải, họa chăng có riêng một nhà bà. Chứ bọn chúng tôi thì sung sướng lắm cơ. Chồng chiều như chiều vong, có phải không các bà nhỉ?

Ai nấy trả lời: "phải!" rồi cười vang quãng vắng.

Bác xã Mục tức, nói gắt:

– Phải, sung sướng! Có sung sướng cái phải gió.

Bác Chính gái thấy chồng săn sóc đến mình, cảm động, nhưng ngoài mặt làm như thản nhiên:

– Thôi được, để mặc tôi. Đi từ Hu về còn được nữa là từ đây về nhà có vài chục bước. Với lại chúng tôi cũng đã nghỉ ngơi chán ở quán Hạ Am rồi. Đằng ấy mau về giục con bé nó thổi cơm quàng lên thì có. À mà liệu nhà đã có gạo ăn bữa này chưa?

Bác Chính chạy vội về để tránh khỏi phải trả lời rằng chưa.

Vợ bác cũng sực nhớ đến nhà không còn hột gạo. Hơn tháng nay, thường vẫn phải đong bữa một.

Từ ngày chồng ốm, mình và con gái phải ngầm nhịn bữa sáng để mua thức ăn cho chồng... Chiều hôm nay, vị tất cái Mít đã có đủ tiền đong gạo, mà có đong được, vị tất đã đủ cho hai vợ chồng với lũ con. Khốn nạn, con bé dạo này xanh đi, gầy đi vì nhịn đói.

Nghĩ đến đấy bác thở dài và từ đấy bác hết vui, chẳng buồn nói, chẳng buồn thưa và cũng chẳng hiểu các bạn nói những gì nữa.

Chồng về đến nhà được một lát thì vợ cũng về.

Cái Mít đã thổi xong nồi cơm, đang vùi vào đống tro nóng. Thằng cu Nhớn, thằng cu Con về từ lúc nãy, ngồi kề bên chị, nheo nhéo kêu đói, và nằng nặc đòi ăn trước.

MỘT BỮA CƠM ĐẦY ĐỦ

Chiếc mâm gỗ tróc sơn đặt ngay cửa bếp. Bốn con cá khô của bà cán Bột gửi thằng Chốc mang lại cho, đặt xếp hàng trên cái đĩa trơ trọi ở giữa mâm.

May mà có bốn con cá, chứ không thì cả nhà lại ăn cơm với muối như mọi hôm.

Cái Mít bới nồi cơm bắc ra. Từ nãy nó vẫn làm việc trong tối; nhưng nó tinh mắt và khéo chân, khéo tay, để chỗ nào nhớ chỗ ấy, không vấp váp.

Nó đặt ấm nước vối lên bếp rồi nghiêng đầu, phùng má thổi lửa. Lửa bốc cháy sáng, Mít ngồi ngay lại, tủm tỉm cười nói: "Đèn thắp rồi, mời thầy bu lại xơi cơm."

Đã hơn tháng nay, bắt đầu từ mùa rét, tối nào cả nhà nó cũng vẫn ăn cơm dưới ánh ngọn lửa bếp. Nhiều nhà như thế, cứ gì nhà nó. Mà ăn như thế, hà tiện được ít dầu, lại được sưởi ấm. Chỉ hơi bận cho cái Mít vừa ăn vừa phải trông nom ấm nước, cầm que rẽ gạt tàn luôn.

Thằng cu Nhớn, cu Con xấu thói, vừa ngồi xuống mâm đã tranh nhau con cá. Thằng này thò đũa chực gắp con cá to nhất. Thằng kia lấy đũa chặn lại. Hai thằng sắp đánh nhau thì mẹ nó vội quát:

– Hỗn nào! Thầy ngồi đấy mà chúng mày không sợ à? Cá mặn lắm. Ăn nhiều vào rồi mà khát nước bỏ mẹ!... Hượm! Để tao gỡ cho!

Nói đoạn, bác gái cầm đũa xắn đôi con cá gắp vào bát mỗi đứa một nửa:

– Này, lũ ranh ạ, ăn dè chứ! Từ đầu bữa đến cuối bữa đấy. Hết thì ăn nhạt.

Thằng cu Nhớn sợ mẹ, không nói gì. Còn thằng cu Con dằn vặt, phụng phịu sắp sửa dỗi.

Thầy nó thấy thế, gắp một khúc đuôi con cá khác bỏ vào bát nó và khẽ nói:

– Đấy, cho mày thêm, sướng nhá!

Thằng cu Nhớn ghen tị với em, nói làu nhàu trong miệng:

– Nó được thêm, tôi lại không được. Thế nữa!

Chị nó ghé sát vào tận tai nó, thì thầm:

– Còn để phần thầy với chứ. Thầy vừa ốm khỏi đấy nhé. Bằng ấy tuổi đầu mà chẳng biết gì.

Đã bao lâu chỉ toàn ăn cơm với muối, nay được bữa cá lạ miệng, bữa cơm trông ngon lành lắm. Thằng cu Nhớn cắn dè dặt miếng cá. Nó nhai với cơm kỹ lưỡng quá. Hình như cả tai, mắt, mũi nó cũng thấy ngon. Trước khi và, nó giấu miếng cá xuống đáy bát để ủ lấy chất nóng cho miếng cá ngon thêm. Nó làm như cả đời chưa được nếm vị cá khô bao giờ.

Cái Mít từ nãy vẫn ăn nhạt. Sau thầy nó gắt lên nó mới chịu gỡ lấy một cái đầu.

Bác gái thương chồng ra mặt. Bác chọn khúc cá ngon, nhiều nạc, gắp bỏ vào bát chồng như chủ tiếp khách. Đến lượt sau, chồng biết ý, gạt bát ra và nói:

– Bu nó ăn đi chứ! Tôi chỉ thích ăn đầu cá!

Nói rồi, bác gỡ lấy khúc đầu bỏ lên bát.

Ba người, vợ, chồng, con gái vừa ăn vừa để ý đến nồi cơm. Mỗi người, trong thâm tâm, cùng muốn nhịn để nhường người khác. Nhưng lần này không ai phải đói.

Ăn xong, bác gái lên nhà cầm đèn "hoa kỳ" xuống thấp. Bác vặn thật nhỏ lấy đủ sáng thôi. Cái Mít bắc ấm nước xuống, rót vào ba cái bát sành, rồi xếp đũa bát vào rổ, đem ra cạnh chum nước, rửa.

Trời rét cắt ruột. Hai bàn tay nó tê buốt.

Thằng cu Nhớn, thằng cu Con chẳng rửa mặt uống nước gì cả, nằm quay ra ngủ trên đống rơm ở góc bếp. Chúng co quắp lấy nhau như hai con sâu trong tổ. Hai vợ chồng ngồi yên lặng.

Bỗng chồng thở dài, nói:

– Bu nó ạ, để bu nó lặn lội vất vả, tôi không đành tâm...

Không muốn để chồng lo buồn, vợ vội ngắt lời:

– Ôi chao! Mình cứ hay nghĩ vẩn nghĩ vơ. Chán vạn người còn vất vả bằng mấy... Có khó mới có miếng ăn, không dưng ai dễ mang phần đến cho.

– Đã đành rằng thế, nhưng tôi muốn mình cũng được thảnh thơi như bác xã Bửng, có ít vốn để làm cái vải cái sồi... Hay là nghe cụ cán, bán quách ruộng đi...

– Thôi đi chóng. Nghe cụ ấy rồi bán cả nhà lẫn đất đi một thể. Mà nhà mình thì đã đến nỗi nào. Nợ bà Chánh chẳng trả được một lúc thì trả dần chứ sao!

– Vẫn biết thế, nhưng mà...

– Thôi thôi, chẳng nhưng mà gì cả. Mình vừa ốm khỏi, hãy cứ đi mà nghỉ cho lại sức. Bế hai thằng ranh con lên một thể. Tôi cũng đi xay vài cối thóc để lấy gạo mai bán chợ đây.

Bác chống gối đứng dậy cầm đèn "hoa kỳ" đặt trên cái đế đèn dệt vải mà từ ngày thôi dệt vì hết vốn, bác đem xuống dùng ở dưới bếp.

Trong lúc vợ chồng to nhỏ, bác thường làm ra vẻ bình tĩnh. Kỳ thực, bác cũng lo lắm. Có phần lo hơn chồng.

Nhà bác mỗi ngày một sút kém, tuy bác, chồng bác, con gái bác đã hết sức làm lụng, tần tảo, không phí phạm một cái tơ, cái tóc.

Mà không hiểu sao, trong năm nay, bác động mó vào việc gì là hỏng việc ấy. Dệt vải thì vải rẻ, sợi cao. Nuôi gà thì gà toi. Nuôi lợn thì cám đắt. Mấy tháng nay, bác xoay ra làm hàng sáo. Lúc đầu còn có lãi. Đến bây giờ gạo tự nhiên cứ mỗi ngày một hơn mãi lên, mà thóc đong trong các nhà giàu (nhà giàu mới có thóc bán) thì cứ phải chịu cái giá cũ. Nói rát cổ bỏng họng, họ mới bớt cho mỗi đấu một chinh. Khéo lắm, họa may mới được lãi ít cám.

Một lần, bác nghe mong manh thấy người ta đồn ở trong Tiên có ông thầy bói hay lắm. Nhiều người theo lời ông ta, đã trở nên khấm khá. Bác nghĩ lẩn thẩn, cũng thử đi xem sao.

Sau mấy lời nói dựa và một vài câu bác cho là đúng, ông thầy xoay sang hậu vận, nịnh nọt, gãi vào chỗ ngứa cho bác sướng. Rồi kết cục, ông ta bảo phải cất lại ngôi mộ ông thân sinh ra chồng bác và động mộ ông tam đại, phải lễ ông thổ thần cai quản khu đất ấy. Lễ vật phải: một con ngựa hồng, một chiếc mũ hồng và một chân giò lợn.

Việc lễ không hết mấy thì bác đã làm xong rồi. Duy còn việc sang cát cho ông thân sinh thì nhiêu khê lắm. Ít ra phải một con lợn mời hàng giáp. Năm, sáu đồng con lợn với lặt vặt, trầu cau, gạo nước, rượu, thuốc phiện cũng phải bốn, năm đồng nữa. Ấy là còn hà tiện đấy.

Hai ba lần bác đã định đem lời thầy bói ra kể với chồng. Nghĩ đi nghĩ lại thế nào, bác lại thôi. Sau cùng bác đâm ra ngờ vực, tự nhủ thầm: "Bói ra ma quét nhà ra rác. Tội gì mất tiền mua cái không

đâu." Tuy vậy, bác cũng băn khoăn cho đến khi nào làm xong công việc ấy mới hết.

Cái Mít rửa bát đĩa xong, chạy vào ngồi xổm ngay cửa bếp, xòe hai bàn tay hơ trên đống tro nóng sưởi cho đỡ buốt. Hơ xong nó cầm chổi quét gọn rác bẩn vào đống tro và đè viên gạch lên trên, rấm lửa, kẻo sáng mai lại phải quấn giẻ đi xin lửa bên ông Cán.

Bu nó lo thì nó cũng lo. Có khác mỗi người lo một đường. Mít lo vì "hàng họ" của nó bị mòn dần. Cách đây không bao lâu, cái ngăn chia làm nhiều ô lồng kính của nó còn có đủ các thức. Nào kim chỉ, nào đanh ghim, đanh dép, sáp cô Ba, dầu Hoàng tường... đủ các thức để quyến rũ khách qua lại. Nay ô thì trống rỗng, ô thì gần hết trông thấy cả đáy. Thùng dầu hỏa đã nhường chỗ cho năm, bảy đôi guốc sơn với chiếc thúng nhỏ đựng quai.

Bán được ít nào phải bù vào tiền lãi gạo của mẹ để ăn tiêu rồi, còn đâu. Mấy tháng rét, ông lão nhà nó ốm quặt quẹo chỉ ngồi nhà đan rổ rá, bu gà. Những thức ấy bán chả được mấy.

Một hôm, thằng Tửu đã đưa tận tay nó năm đồng, nói cho mượn để cất hàng. Nó cảm động, đã định cầm, song nghĩ thế nào, nó lại thôi. Thằng Tửu khẩn khoản nói mãi, nó cũng không chịu nhận. Rồi thấy Tửu bẽn lẽn, bỏ tiền vào túi một cách ngượng ngập, nó hối hận, nó nói chữa thẹn cho Tửu:

– Của anh cũng như của em, anh hãy giữ lấy. Khi nào em cần, tự khắc em hỏi mượn.

Thấy Tửu đổi nét mặt bẽn lẽn ra nét mặt hoan hỉ, nó sung sướng và nghĩ đến, hiện giờ nó vẫn còn sung sướng. Nó biết thằng Tửu đã băn khoăn muốn cho nó vay từ lâu.

Đáng lẽ nó về nhà chồng từ năm ngoái. Nhà nó với nhà Tửu, hai bên cùng thỏa thuận. Nhà Tửu đã đem trầu cau ăn hỏi và xin cưới. Thầy bu nó cũng bằng lòng rồi. Nhưng nó còn muốn ở nhà hầu hạ thầy bu. Ý nó thì bao giờ thầy bu nó khấm khá như xưa, nó mới đi lấy chồng.

Bác trai đã lên nhà nằm với hai đứa bé từ nãy.

Trong bếp yên lặng và lạnh lẽo. Ánh sáng tù mù của chiếc đèn con càng làm lạnh lẽo thêm. Ngoài sân, tối đen như mực. Thỉnh thoảng một cơn gió bấc lùa vào trong nhà, rú lên như tiếng mèo gào.

Ý chừng hai mẹ con cũng thấy nỗi phiền muộn bao phủ tâm hồn, nên cùng nhắc đến công việc buổi tối.

– Bu đi nghỉ, để đấy con xay cho.

– Thôi được, để bu xay. Bao giờ bu mỏi tay con hãy xay hộ bu. Con đi lấy phên che cửa bếp cho bớt gió. Hôm nay lộng gió quá, con nhỉ?

– Có thế mới khỏi mưa dầm, bu ạ.

Nghĩ đến mưa dầm, hai mẹ con lại rùng mình. Mưa dầm, đường làng sẽ lầy lội, người qua lại vắng tanh thì hàng họ bán cho ai? Thóc đong sẽ khó khăn hơn. Chợ búa tẻ ngắt. Gạo, cám tất ít người đong.

Bác xã gái giật mạnh "dàng" cối để đổ thóc xuống, rồi bắt đầu xay ồ ạt.

Tiếng ù ù trong yên lặng làm bớt lạnh lẽo của đêm đông.

Mít thấy người nhẹ nhàng, dễ chịu hơn. Không lúc nào nó thịch hoạt động bằng lúc này, hoạt động để xua đuổi nỗi buồn nản.

Nó cầm chổi để lùa quét các khe ngách trong khi đợi có gạo sàng. Tay nó đưa đến đâu, sạch sẽ, gọn gàng đến đấy.

Quét xong, nó cầm cái nia dựng ở bức vách và giơ tay với lấy đôi sàng gác lên ránh bếp.

Hai cánh tay nó dẻo dang, mấy ngón tay mềm mại cầm mím lấy mép sàng, nó đưa đi đưa lại thoăn thoắt như lúc nó gieo thoi dệt vải.

Bác xã Chính nằm trên nhà cũng băn khoăn chưa ngủ. Bác ôn lại những lời của ông cán Bích và lấy lẽ hơn thiệt bàn lại một mình: "Ừ, mà cụ ấy nói cũng phải. Nếu mình tiếc đất tiếc rẻ không dám bán, nợ một ngày một sinh sôi nẩy nở rồi có phen ruộng mất đằng ruộng, mà nợ vẫn hoàn nợ. Chẳng gì, hãy cứ nói đến vụ này. Nợ mà không trả được thì ba sào cầm cho bà ấy liệu có khỏi bị đoạn mại không? Chi bằng cứ nghe cụ ấy, bán phăng ngay từ bây giờ. Trả sạch nợ, còn bao nhiêu đưa cho mẹ nó cất vải, cất sồi bên chợ Sóc, đội sang chợ Hộ bán. Làng ta nhiều người giàu có về nghề ấy, như bà lý Khóa, bà hương Vọng chẳng hạn. Rồi đưa cho con Mít mươi đồng cất thêm hàng. Bấy giờ không có ruộng thì ta thuê ruộng hay cấy lĩnh canh. Biết đâu nhờ trời, nhờ phật, nhờ thánh tổ, nhờ phúc ấm, được mùa ba, bốn năm liền xem. Chả biết chừng, tậu được cả ruộng lẫn trâu cũng nên.

Ý nghĩ đi đến đâu, bác nhìn thấy hiện thực đến đấy: vợ bác tươi tỉnh đội một thúng đầy vải sồi cùng đi với bạn buôn trên dải đê về lối bến Hộ. Cái Mít hớn hở với các thức tạp hóa bày la liệt ở trước

mặt. Thằng Chốc ngồi thong dong trên mình con trâu cái béo mập. Theo sau, mọt con nghé tơ nhảy nhót. Và bác thủng thỉnh bước một trên đồng lúa chín vàng.

Nếu không có tiếng xay lúa ù ù ru bác ngủ thì không biết bác còn đưa giấc mộng vàng của bác đi đến đâu?

TỪ VIỆC NHÀ ĐẾN VIỆC LÀNG

– Đấy lão đã bảo mà! Quanh quẩn rồi cũng đến phải theo chính sách của lão mới xong. Thế bà ta trừ nợ đi rồi, còn trả lại bác bao nhiêu!

Ông cán Bích nói có vẻ tự đắc lắm.

Bác xã Chính gãi tai, tủm tỉm cười:

– Dạ, còn được có bảy chục thôi ạ. Bẩm cụ, cháu bán, cháu cũng tiếc lắm...

Ông cán ngắt lời:

– Tiếc thì ai mà chả tiếc. Nhưng việc gì cũng vậy, phải biết suy hơn, tính thiệt. Để mà thiệt thì bán quách đi còn hơn... Ấy! Ngồi xuống chứ. Có ở chốn đình trung đâu mà phải khép nép, giữ lễ.

– "Dạ, xin phép cụ", bác vừa nói vừa ngồi xuống mép phản, bác gãi tai nói tiếp:

– Dạ, bẩm cụ, chúng cháu...

Bác chưa nói hết câu, ông cán lại ngắt:

– Nhưng mà sao lại có bảy chục thôi? Tôi tưởng nhiều hơn chứ?

– Dạ... Vâng, cứ tính hai mươi lăm đồng một sào, thì bà Chánh còn phải trả lại nhà cháu tám mươi đồng nữa mới phải, nhưng mà...

– Hơn nữa chứ lỵ! Bảy sào, hử? Bảy sào vị chi đi một trăm... bảy mươi... lăm đồng. Thế là bác nợ bà ta cả vốn lẫn lãi là bảy mươi hai phương...

– Lạy cụ ạ, bác Chính gái ở dưới bếp lên, chắp tay vái chào rồi ngồi thụp xuống đất, bên cạnh chồng nghe chuyện.

Ông cán chào lại: "Không dám", rồi nhắc câu trước:

– Bác nợ bà ta bảy mươi hai phương?

Bác gái cướp lời bác trai:

– Bẩm cụ, vâng ạ. Bảy mươi hai phương. Lúc đầu chúng cháu nợ bà ta có hai mươi bốn phương. Trong có ba năm mất mùa liền mà nó đẻ ra ngần ấy đấy, cụ ạ. Rõ điêu đứng khốn khổ.

Nói xong bác thở dài.

Bác trai nói xen:

– Bẩm cụ, giá biết thế chúng cháu bán ngay cái năm bị úng thủy đi hóa xong. Bán độ ấy được giá cao mà nợ không mấy hột.

Bác gái quay lên phía chồng, nói:

– Chuyện! Biết sự trời mười đời chẳng khó.

Bác quay sang phía ông cán:

– Có phải không, cụ nhỉ?

Trong lúc hai vợ chồng đương tranh nhau nói, ông cán thừa thì giờ, thông điếu hút thuốc. Ông vừa thở khói vừa trả lời bác gái:

– "Phải, bác gái nói phải. Ai biết trước được sự trời." rồi ông trở lại bài tính của ông:

– Bảy mươi hai phương mà mỗi phương đồng hai, thành ra... Hãy cứ tính bảy mươi phương đã. Bảy mươi phương mà mỗi phương đồng hai...

Ông vừa nghĩ vừa gõ xe điếu vào thành bát canh cách.

Bác xã gái tính nhẩm quen; thấy ông cán nghĩ lâu, bác tính đỡ:

– Bẩm cụ, thế là đi tám mươi tư đồng, với lại hai phương lẻ nữa hai đồng tư, cộng tất cả là tám mươi sáu đồng... tư hào.

Bác trai dốt tính, ngồi thừ ra nghe.

Ông cán thò tay vào nách gãi sồn sột, rồi thản nhiên lấy móng tay cái búng ghét trong các móng khác. Đoạn, ông lại tính:

– Thế mà bảy sào của các bác những một trăm bảy mươi lăm đồng, trừ tám mươi sáu đồng, hai bác cũng còn được... hơn tám mươi đồng nữa kia mà.

Bác gái chữa lại:

– Bẩm cụ còn tám mươi chín đồng.

– Ừ, tám mươi chín đồng. Thế sao hai bác lại nhận có bảy chục, chả hóa ra thiệt lắm ru.

Bác gái thấy mình nói nhiều quá, ngồi lặng yên để nhường chồng trả lời:

– Bẩm cụ không nhận cũng không xong. Chả thế mà bu cháu vừa ngỏ ý muốn bán cho người khác, bà ấy nổi khùng lên, dọa đi kiện. Bà ấy bảo: ba sào ruộng đã cầm cho bà ấy rồi, bà ấy chỉ kiện về tội lật lọng cũng đủ tù...

Vợ ngồi nghe, cáu tiết, ngắt lời chồng:

– Thưa cụ, nhà cháu nhút nhát quá. Bà ta nói thế mà đã vội cuống lên, xin nhận ngay bảy chục. Cứ những như cháu thì chả tám mươi chín đồng, cũng phải tám chục mới xong. Kiện! Đã dễ mỗi lúc mà kiện được nhau!

Chồng thấy vợ chê mình nhút nhát cũng tức, cãi lại:

– Sao người ta lại không kiện được? Mà kiện thì chẳng gì đi lại trên quan cũng hãy tốn kém vào đấy đã. Họ giàu, những tiền ấy họ kể vào đâu. Còn nhà mình, một cái bát chẳng có, lấy đâu ra mới được chứ? Nói... nói thì cũng phải nghĩ nữa chứ, cứ nói phứa phựa như mình thì ai chả nói được!

Vợ ngồi thừ ra một lúc, rồi:

– Phải, mình thì biết nghĩ... biết nghĩ như mình thì cả đời chỉ chịu phần thiệt.

– Chả đi đâu mà thiệt... Tuy mình không được thêm chục bạc, nhưng mình đã không phải chịu tiền đóng triện, tiền chước bạ, tiền duyệt... lại còn được cấy lĩnh canh ruộng của bà ta. Kể bà ta còn tử tế chứ.

Vợ vẫn ngồi thừ, hạ thấp giọng, nói sẽ:

– Tử tế... Mình thì ai cũng là tử tế... giá họ có cướp không ruộng đất cũng còn là tử tế!

Chồng gắt:

– Mình nói dở như đấm vào tai người ta ấy. Ai lại cướp không của nhau bao giờ!

Từ nãy, mải cãi nhau bác quên bẵng ông khách, bác vội quay ra nói với ông cán:

– Thưa cụ, bu cháu dở dở ương ương thế đấy. Động tí gì thì là cãi chầy cãi cối.

Ông cán chừng thấy hai vợ chồng sắp mất vẻ hòa thuận bèn giảng giải:

– Thôi, việc đã qua nhắc đến làm gì nữa. Kể thì bác trai nói cũng phải, bác gái nói cũng phải. Hai bên cùng phải cả.

Ông cán tuy ở ngay sát nách mà ông cũng không khỏi lầm. Cặp vợ chồng ấy không bao giờ giận nhau.

Nếu ông cứ để cho hai bên cãi vã, rồi rút cục thế nào cũng có bên nhịn. Chẳng vợ thì chồng. Và sự hòa thuận vẫn lành lặn như cũ.

Câu chuyện bán ruộng vừa kết liễu thì có hai người đương thứ, khán Đê và quản Giáp, đến mời.

Mỗi anh cầm một cái roi bằng tre tươi tuốt lá để đánh chó và để cho oai nữa.

Hai anh tiến gần đến ông cán Bích vái chào.

Khán Đê nhanh miệng, gãi tai nói (ở thôn quê, gãi tai là một tục lệ bất di dịch của kẻ dưới nói với bề trên):

– Bẩm cụ, việc làng hôm nay có cụ lớn tuần, mời cụ ra sơm sớm tý.

Nói rồi anh chắp tay đứng đợi lệnh.

Quản Giáp chẳng lẽ đứng không, tưởng cũng nên nói thêm một câu:

– Bẩm cụ, chúng con đã đến đằng nhà. Cụ... cụ bà bảo cụ ở bên bác xã. Chúng... chúng con vội sang đây trình cụ.

Bác gái thấy có đương thứ đến, đứng dậy đi vào buồng têm trầu. Bác trai cũng đứng dậy. Vì chức bác còn kém hai anh kia tuy họ mới là đương thứ.

Cứ kể chức họ hơn cả chức ông cán: khán xã, quản xã rồi mới đến cán xã. Nhưng ông cán đây lại khác, tuy chức ông nhỏ mọn, song ông đã được hai ông con cùng là lý cựu. Bởi thế, trong thôn ổ, người ta vẫn trọng vọng ông, tôn ông vào bực đàn anh, ngồi ngang hàng với ông hội, ông chánh và các bực chức dịch có tuổi.

Thấy hai anh đến mời, ông đã biết làng họp về việc gì rồi, nhưng ông cũng hỏi lấy lệ:

– Việc gì thế, hai anh?

Quản Giáp sợ khán Đê tranh lời nói trước:

– "Bẩm bẩm..." nhưng anh vốn chậm chạp lại lắp, ấp úng mãi không nói được một câu, để khán Đê lại phỗng tay trên:

– Bẩm cụ, chúng con nghe đâu các cụ bàn về việc sửa lại văn chỉ và xây giếng giếc gì.

Quản Giáp cố nói tiếp một câu cho đỡ tức:

– Bẩm... bẩm làng họp về việc sửa sang văn... văn chỉ.

Khán Đê bưng mồm cười. Chẳng biết hắn không nhịn được hay là cười để trêu tức quản Giáp.

Ông cán không cười, đĩnh đạc nói:

– Được, cho các anh về.

Hai anh chào, sắp lui ra thì bác Chính gái ở trong buồng đem trầu ra mời. Hai anh cầm trầu và muốn đáp lại lòng tử tế của bác gái, quay ra mời bác trai:

– Chốc nữa, mời ông ra việc làng (Lệ họ không phải mời từ ông cán trở xuống. Những ông ấy đã có mõ rao).

Bác xã Chính cũng biết thế, nên nói lại:

– Tôi đâu dám để các ông mời... Vâng, rồi tôi đi theo hầu cụ cán tôi nhân thể.

Trước khi ra về, hai anh đương thứ chào ông cán lần nữa.

Hai anh vừa bước chân xuống thềm, con chó Mực ở đâu xồ ra. Hai anh lấy roi vụt lấy vụt để. Ừ có thế chứ! Chả nhẽ cái roi nãy giờ để không? Bác gái chạy ra đuổi chó.

Bác trai vào buồng, lục trong thúng, lấy chiếc quần trúc bâu mới, chiếc quần mà bác chỉ dám mặc vào những ngày đình đám hội hè hay những ngày tết. Bác mặc chiếc áo lương ra ngoài áo cộc nâu và đội cái khăn chụp bác sắm từ dạo đình đám nào, nhưng bây giờ hãy còn mơi mới. Bác không dám sỏ chân vào đôi guốc sợ lộp cộp trước mặt cụ tuần coi bất tiện.

Ông cán nhìn xuống thấy quần mình cháo lòng quá, cũng trở về thay quần mới.

"Phải, mấy khi có cụ lớn tuần chủ tọa", cụ nghĩ thế.

*

* *

Việc làng hôm nay đông đúc và có vẻ đặc sắc hơn mọi lần, đặc sắc vì có cụ lớn tuần, một ông tiên chỉ mà phẩm tước đã làm nên danh nên giá cho xã Cầm Ô.

Năm lá cờ chuột gậm, mọi lần vắng mặt, bay phất phới trước cửa văn chỉ, có lẽ cũng là biểu hiệu cho phẩm tước ấy. Phải, một vị đại thần đứng đầu, hiếm có lắm chứ! Thử nhìn khắp các làng chung

quanh xem đã làng nào có một quan nhỏ, như ông phủ, ông huyện chẳng hạn. Họa chăng có một ông hàn hay một ông cử, ông tú, cũng là danh giá lắm rồi.

Nghĩ ông trời cũng chơi khăm. Làng Cầm nhan nhản những văn vật, cử tú hàng sốc, hàn hiếc, hàng xiên, sao trời chẳng đem rải rác đi các làng cho đều, để nơi thì thiếu, nơi thì thừa, thừa thãi danh giá.

Chắc xã Chính, xã Bửng, xã Bật nghĩ thế, và các ông cựu cũng nghĩ thế nên người nào người ấy đều đổi lốt ăn mặc lịch sự như trong những ngày hội. Trời rét buốt ruột mà nhiều ông vẫn phong phanh chiếc áo the thâm. Họ biết rét cả đấy. Họ có phải là người ở Nam Cực hay Bắc Cực đâu mà bảo không biết rét. Nhưng khốn lắm, chẳng lẽ khoác cái áo bông rách tả tơi ra trước mặt cụ lớn tuần thì coi sao tiện?

Không kể những ông già nua tuổi tác, mặc luộm thuộm thế nào xong thôi và các ông nhà giàu thôn quê mặc những chiếc "ba đờ suy" khố tải sắm từ đời tám hoánh nào. Họ cho có "ba - đờ - suy" là sang rồi, dù chiếc áo ấy trông không được đẹp mắt. Ngoài ra, họ còn vài chục vuông nhiễu vàng như nghệ, hoặc chiếc "phu - la" đủ các màu sặc sỡ quấn ở cổ hay bịt lên đầu.

Lại những đôi guốc sơn. Không biết ở đâu đẻ ra lắm thế! Từ ông lý, bà lý trở xuống ông xã, bà xã, ông nhiêu, bà nhiêu cho chí bọn cùng đinh đều kéo lê đôi guốc.

Trước kia chưa đầy mươi năm, ông lý, ông xã thường lẹp kẹp đôi dép quai ngang hay những khi mưa lội, xỏ chân vào đôi guốc tre cong tớn, quai mây và cao lênh khênh. Người nào đi không quen ngã bổ chửng.

Thời những đôi guốc mới còn hiếm, các ông chức sắc, các ông con nhà thế phiệt thường vác nó ra đình ra đám. Đến nay nó thông dụng quá, bình dân quá, nên các ông đã bỏ nó, để trở lại với đôi giày Chí long, Gia Định. Các ông chỉ đi guốc ở trong nhà hay bất đắc dĩ đi ra đường những hôm trời mưa.

Hai chiếc sập gạch dài ở hai bên giải võ văn chỉ đã chật ních. Sập bên đông toàn lý dịch, sập bên tây cán, xã đông quá đến nỗi xã Chính và những bọn xã nhép phải đứng cả hai bên đầu hồi.

Hai chiếc sập giữa, chiếc cao chiếc thấp, để không, chưa có ai ngồi. Chắc các ông cử, ông tú, ông hàn, ông hiếc còn đến cả đằng cụ tuần để đợi đi sau cụ thành một chuỗi dài cho trọng thể.

Các đương thứ chạy lăng xăng, gọi nhau rối rít. Giá có ai giữ họ lại mà hỏi họ đi đâu thì họ không biết trả lời ra sao. Họ chạy đi chạy lại như có việc. Thực ra, họ chẳng có việc gì cả.

Xã Chính và xã Bật đứng không cũng buồn, đem câu chuyện lẩn thẩn ra thì thầm.

Xã Chính nói:

– Này bác, không biết cụ lớn tuần người đi ra đây bằng "tô vin" [1] hay bằng võng điều?

Xã Bật, ra mặt thạo:

– Bác nói dở lắm. Từ nhà cụ đến đây xa xôi gì mà phải đi "tô vin". Cụ lớn người cũng chả đi võng điều. Việc làng chứ có phải hội quan lão đâu.

– Thế thì có lẽ cụ lớn người đi xe tay. Một anh đương thứ chạy xồng xộc vào, hớt hơ hớt hải nói:

– Bẩm các cụ, cụ lớn đến.

Mọi người nhớn nhác nhìn ra sân... rồi đứng dậy một loạt. Những tiếng "lạy cụ lớn" ồn ào.

Cụ tuần xòe tay ra hiệu bảo cứ ngồi.

Nhưng họ vẫn đứng, đợi bao giờ các ông cử, tú, ông hàn ngồi cả xuống rồi mới dám ngồi.

Mấy anh đương thứ cắt việc nhau. Một anh khoanh tay đứng hầu sau cụ tuần. Một anh chạy lên chạy xuống, sai bảo thằng mõ. Một anh bưng khay nước, khay trầu. Họ chỉ soắn suýt chung quanh cụ tuần và các ông bên trên. Còn các ông cán xã đã có thằng mõ.

Xong tiệc nước, tiệc trầu, sau khi những cái điếu truyền hết tay này sang tay nọ, cụ tuần cất giọng khàn khàn, thong thả nói:

– Hôm nay đông đủ mặt làng, tôi muốn bàn đến việc sửa sang văn miếu.

– "Dạ". Mọi người cùng thưa một lúc.

Cụ tuần giơ tay với cái điếu ống đồi mồi. Anh đương thứ đứng hầu đằng sau bước vội lại lom khom thông điếu, bỏ thuốc rồi bật diêm đợi.

Cụ tuần uốn cong xe trúc xuống, mím môi hút.

---

1. Tô vin: ô tô.

Tiếng lách tách trước còn rời rạc, sau nhanh dần, đổ hồi réo rắt.

Ông cán, ông xã ngồi ngây ra, chăm chú nhìn cụ tuần và cái điếu. Họ để ý đến từng lời nói, từng cử chỉ của cụ, hình như mỗi lời nói, mỗi cử chỉ ấy là quan trọng.

Cụ tuần hút xong, uống một hụm nước chè nóng nhấp giọng rồi nói tiếp:

– Việc sửa sang tôi đem ra bàn đây không phải là việc sửa chữa những tòa nhà đồ sộ và kiên cố kia. Vả lại những tòa nhà ấy là di tích công cuộc to tát của cụ lớn thượng cố khi xưa, ta đâu dám phạm tới... Nhưng các ông, các thầy thử nhìn cái sân ngay trước mặt ta. Cỏ mọc, rêu phong. Ngày nắng nôi đã vậy, đến những ngày mưa thì thực là lầy lội, không còn chỗ bước. Giá phỏng những ngày ấy nhằm vào ngày đại tuyết thì đi lại có vất vả, khổ sở không. Vậy bây giờ tôi muốn cho lát gạch sân và xây tường bao bọc chung quanh văn miếu, thay vào những bụi tre trống trải cho nó vừa kín đáo vừa ngoạn mục. Văn miếu là chỗ quan chiêm, có ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục của làng, tôi tưởng nên làm. Các ông, các thầy nghĩ sao?

Trong khi cụ tuần diễn thuyết, các quan viên đông, tây ngồi xếp bằng, hai tay chấp lấy nhau, mình thườn ra như bụt mọc... trông như những thầy khóa ngồi nghe cụ tuần giảng kinh nghĩa.

Chợt thấy cụ tuần hỏi ý kiến, các ông nhìn nhau không biết trả lời thế nào cho phải phép.

Các ông cử, tú đều hoan nghênh, cho việc sửa sang văn miếu là cần kíp. Các ông vốn là chân khoa mục, là môn đồ cụ Khổng. Các ông muốn văn chỉ ngày một thêm rực rỡ, uy nghiêm để cho thanh danh của các ông khỏi bị hao mòn trong cái thời buổi mới mẻ này.

Cụ tuần ngồi xếp bằng, vuốt lại bộ râu bạc, rồi hai khuỷu tay chống xuống hai đầu gối, hai bàn tay chắp lấy nhau, quay sang bên đông, bên tây hỏi:

– Các ông đã vậy, còn các thầy nghĩ sao? Có nên không?

Một vài ông trong hàng lý dịch đứng dậy, gãi tai, nói:

– Bẩm cụ lớn với các cụ dạy thế nào, chúng con cũng xin theo.

Nói xong, các ông lại ngồi xuống, vẻ mặt kiêu hãnh như đã làm một việc hệ trọng.

Cụ tuần yên trí rằng lời mình nói ra không còn ai dám phản đối. Nhưng cụ cũng hỏi đi hỏi lại cho mọi người bằng lòng, thỏa thuận:

– Còn thầy nào có ý kiến gì hay, cứ đứng lên mà biện bạch, không việc gì phải e lệ. Thế nào gọi là việc làng. Phải có người nọ người kia bàn ra bàn vào cho vui chứ.

Yên lặng một lát, lý Cúc đứng dậy. Bao nhiêu con mắt ngạc nhiên đổ dồn vả vào ông. Xã Chính sẽ bấm xã Bật đứng cạnh thì thầm: "Cụ cựu! Cụ cựu ta! Ừ, có thế chứ!"

Bác hối hận, nhìn ngang nhìn ngửa, sợ họ nghe thấy.

Lý Cúc đứng thẳng người. Tuy ông không bỏ được cái lệ gãi tai, nhưng ông không rụt rè, sợ hãi như mọi người. Ông nói dõng dạc:

– Bẩm, trên có cụ lớn cao xa rồi đến các cụ và các quan viên làng. Cụ lớn và các cụ có rộng phép thì chúng tôi mới dám thưa.

– Được, thầy cứ nói.

Cụ tuần cũng hơi ngạc nhiên, tuy cụ đã biết tiếng lý Cúc là một tay ăn nói.

Lý Cúc hắng dặng mấy tiếng để lấy giọng:

– Bẩm cụ lớn, trong ba việc: việc sửa sang văn chỉ, việc xây giếng, việc tu bổ chợ mà các cụ đã từng bàn đến một vài lần, chúng tôi thiết tưởng việc xây giếng và việc tu bổ chợ là quan hệ và cần kíp hơn. Vì những lẽ này: bốn thôn hiện nay không có một cái giếng nào gọi là có thể dùng đươc. Thế mà làng thì xa sông, xa ngòi, chỉ toàn thị những ao tù nước hãm, không hợp vệ sinh. Còn chợ Cầm ta, cụ lớn đi qua cụ lớn đã biết, trơ trọi độc mỗi một cái quán nhỏ. Ngoài ra, toàn thị những túp lều chống bằng những hàng cột tre mảnh khảnh, chỉ thổi cũng đổ, không cần phải gió bão lớn.

Các ông cử, tú chau mày, có vẻ khó chịu.

Ông cử Hạ định ngắt lời, cụ tuần vội xua tay:

– Được, ông cứ để thầy lý nói nốt. Thầy ấy có nhiều ý kiến hay đấy.

Lý Cúc tự nhủ: "Đã nói thì nói cho hết, kẻo lại mang tiếng với ông giáo Rao rằng mình chỉ bẻm mép, không dám đem ý kiến của ông ra ngỏ cho làng hay ". Nghĩ vậy, ông lại quay mặt ra đằng sau, hắng dặng mấy tiếng cho tốt giọng rồi nói tiếp:

– Bẩm cụ lớn, cụ lớn đã cho phép, vậy chúng tôi xin trình bày ý kiến của chúng tôi, còn nên hay không là tùy ở cụ lớn và các quan viên làng... Ý chúng tôi muốn trước hết hãy tu bổ chợ, làm thêm vài cái quán ngói để những khi mưa lội, hàng họ có chỗ trú ẩn. Rồi bao

nhiêu hiệu khách, xin cụ lớn cho họ ra cả đấy buôn bán, làm nhà cho họ thuê. Tiền thuê nhà, tiền thuế chợ, làng sẽ thu lấy, sau này đem ra làm việc khác...

Lý Cúc đang hoạt giọng còn muốn nói nữa, nhưng ông lý Hạt vội níu vạt áo kéo xuống.

Cụ tuần không để cho cái yên lặng khó chịu nó bao trùm cả ba gian giải võ, vội nói ngay:

– Lý, lý...

Một ông đỡ lời:

– Bẩm lý Cúc ạ.

– Ừ ờ lý... lý Cúc nói phải lắm, hay lắm... Nhưng mà việc ấy to tát quá, lý ạ. Ít ra phải vài nghìn mới thành... Nhưng mà rồi ta cũng làm, rồi ta làm cả việc xây giếng nữa. Làng ta phong phú, việc to thế nào mà chả xong. Bây giờ thì ta... ta hãy làm việc nhỏ đã, việc sửa sang văn miếu đã, có phải không lý? Có phải không các ông, các thầy?

Cụ khéo lắm, cụ hỏi ý kiến lý Cúc trước hết mọi người để lý Cúc hài lòng mà không nghĩ gì đến phản đối nữa, tuy lời phản đối của một mình lý Cúc không đủ ngăn cản công việc của cụ.

Lý Cúc sung sướng đâm ra nể nang, trả lời:

– Bẩm cụ lớn dạy phải lắm.

Các ông cử, tú trở lại tươi tỉnh và khâm phục cụ tuần khéo dàn xếp.

Hàng lý dịch đua nhau nói nịnh:

– Bẩm cụ lớn dạy chí phải. Cả làng đều thỏa thuận.

Ông lý Hiểu bàn thêm:

– "Bẩm cụ lớn bây giờ đến việc tiền nong, cụ lớn định thế nào để chúng tôi xin... ạ..." Đến đây, ông lúng túng chưa biết tìm tiếng gì nói cho hết câu thì may sao cụ tuần nói luôn:

– Còn tiền nong tính toán về việc tu sửa thì đã có ông hội Nghị là tay thạo... ông hội đâu?

Ông hội Nghị (không phải ông hội thôn Tiền, người loắt choắt như con chuột) đứng dậy thưa:

– Bẩm cụ lớn, chúng tôi đã tính với thợ ngõa rồi. Tất cả hết linh bảy trăm. Bẩm, nó tốn về những bức tường xây chung quanh. Bẩm, nhìn thế mà lúc đo có tới vài ba trăm thước đấy ạ. Bẩm nhân tiện, cụ

lớn cho xây lại cả bức tường giải võ bên kia nữa. – Ông vừa nói vừa chỉ. – Bẩm, nứt toát sắp đổ cả.

Ông hàn Lành quay lên nói:

– Bẩm cụ lớn, linh bảy trăm, cho là bảy trăm rưởi. Số tiền ấy xin bổ cho bốn thôn: thôn Trung to hơn cả thì phải chịu hai trăm rưởi. Thôn Thượng và thôn Tiền, mỗi thôn hai trăm. Còn thôn Hạ bé nhất, chịu một trăm...

Ông tú Cầm nói thêm:

– Bẩm cụ lớn mỗi thôn chỉ bán vài ngôi xã nhưng hay một ngôi hương chánh là thừa thãi chán.

– "Phải, tôi cũng nghĩ vậy... Bây giờ cả làng đã thỏa thuận, ta giải tọa đi thôi. Tôi có tuổi, ngồi lâu mỏi lắm". Cụ tuần vừa nói vừa đứng dậy.

Mọi người cùng đứng dậy một loạt. Đợi cho cụ tuần và các ông cử, tú, các ông hàn đi rồi, họ lại ngồi xuống, nói ba hoa một lúc rồi mới giải tán để sáng sớm hôm sau ra đình họp việc thôn.

VIỆC HỌ

Vợ xã Chính ngồi trên phản đương têm trầu, ngừng lại hỏi chồng:

– Mình khăn áo đi đâu bây giờ?

– Đi họp việc họ.

– Hôm kia đã việc làng, hôm qua việc thôn, hôm nay lại việc họ. Họp gì mà họp lắm thế?

Bác Chính tủm tỉm cười, thò tay vào cái rổ con lấy miếng trầu bỏ mồm vừa nhai vừa nói:

– "Cũng về việc Văn chỉ." Bác đi ra thềm nhổ quết trầu rồi trở vào nói tiếp:

– Bu nó ạ, không khéo họ lại buộc vào mình, bắt ép bầu xã nhưng cho thằng Chốc. Hôm qua ở đình, mấy ông bên trên đã nhắc đến số tiền bán ruộng... Không, cứ kể các ông ấy nói cũng phải. Trước sau đằng nào cũng một lần. Nhưng mà mình có ít vốn, tiêu hết đi rồi xoay vào đâu? Vì thế, nên tôi còn lưỡng lự, chưa dám quyết.

– Thế hôm nay việc họ, mình định nhận hay là không?

Vợ vừa nói vừa đăm đăm nhìn chồng.

– Khó nghĩ quá... Để rồi tôi hỏi lại cụ cán với cụ cựu ta xem hai cụ nghĩ sao?

Bác bước qua ngưỡng cửa sắp xuống sân. Vợ chạy vội ra gọi lại:

– À này, mình, hãy vào đây tôi hỏi cái này đã.

Bác trở vào, ngồi vắt chân lên phản, mồm nhai trầu bỏm bẻm. Trông bác hôm nay có vẻ phấn chấn.

Thấy chồng vui vẻ, vợ không rụt rè nói thẳng vào câu chuyện:

– Chẳng nói giấu gì mình, cữ nọ tôi đi xem bói (vợ tủm tỉm cười), ông thầy bói ở Tiên ấy mà, chắc mình cũng biết.

Chồng gật gù:

– Có, tôi đã biết, thấy họ đồn: ông ta hay lắm.

– Hay thật, mình ạ, ông ta nói nhiều câu tiền vận đúng lắm.

Chồng tò mò hỏi:

– Thế ông ta nói những gì mà mình bảo rằng đúng?

– Này nhé, ông ta bảo tôi với mình hay xung khắc. Có sinh con gái đầu lòng thì mới nuôi được. Bốn con trai.

Chồng sửng sốt:

– Ba chứ đâu bốn...

Vợ thích chí cười, nói:

– Chính tôi cũng chực cãi thì ông ta nói luôn rằng: hiện nay mới có ba, nhưng năm sau sẽ sinh quí tử. Thế rồi ba năm nay, nhất là cái năm nay hao tài tốn của. Chả đúng là gì. Còn nhiều câu lâu ngày tôi quên mất.

Bác Chính thấy mình sắp có quí tử, sung sướng, âu yếm nhìn vợ, và muốn biết rõ đời mình, bèn hỏi:

– Thế còn hậu vận ông ta bảo sao?

– Ông ta bảo hậu vận cũng khá. Được thằng cả với thằng thứ tư nó giúp đỡ. Nhưng hiện giờ thì động mộ ông tam đại, phải lễ.

– Thế bu nó đã lễ chưa?

– Có, tôi lễ rồi. Với lại phải sang cát cho ông thân sinh ra mình.

Chồng dương đôi mắt ngạc nhiên hỏi:

– Ông cụ xã đẻ ra tôi ấy?

– Ừ, ông cụ nhà ta ấy. Ông ta bảo vì ngôi mộ ấy mà nhà ta làm ăn không được mát, phải cất đi nơi khác thì mới khấm khá được.

Bác Chính đưa miếng bã trầu ra rìa môi, lấy hai ngón tay cầm vứt ra thềm, rồi nhìn vợ trách:

– Thế mà bu nó chả bảo tôi ngay độ ấy. Thảo nào mà nhà mình lâu nay cứ lủng củng...

Vợ phát vào đùi chồng, ngắt lời:

– Ấy thế mình mới khỉ.

Chồng trợn mắt:

– Bu nó bảo tôi khỉ à?

Vợ lườm, toét mồm ra cười:

– Rõ nỡm! Người ta bảo người ta chứ ai bảo gì thầy nó... Thế nhưng mà dạo ấy tôi có nói với mình cũng vô ích. Bói đâu ra tiền.

Chồng gật gù, tủm tỉm cười, nói:

– Ừ nhỉ... Ừ ừ có, bán ruộng đi chứ lị.

– Bấy giờ ai đã nghĩ đâu đến bán ruộng.

Cái Mít ở dưới bếp chạy lên hỏi:

– Thầy bu ơi, con đi vo gạo, thổi cơm thôi nhé? Muộn rồi còn gì.

Chồng chợt nhớ đến nhà xã Bửng có kỵ, đứng dậy dặn vợ.

– À, bu nó ạ, tôi không ăn cơm nhà đâu nhé. Tôi phải đến đám giỗ nhà bác xã Bửng.

– Thế à, thầy nó có đi thì rủ vài người nữa cho đỡ tốn.

Chồng tủm tỉm cười, lấy thêm miếng trầu ăn rồi bỏ khăn ra, ngắm lại chữ nhân cho đúng giữa, vừa ngắm vừa nói:

– Có, thế nào chả phải rủ lấy ba anh nữa. Bốn anh hai chai rượu. Mỗi anh mất có một hào mà được chén bữa cỗ no nê. Kể cũng lãi đấy chứ, chỉ thiệt anh không biết uống, nhưng ở đời anh nào là anh không uống?

Chồng nói xong, chụp khăn lên đầu, lấy một ngón tay soát lại chữ nhân rồi đi ra sân.

Vợ đứng trên thềm nói với:

– Thế còn việc sang cát, thầy nó nghĩ sao?

Chồng ngừng bước, quay lại trả lời:

– Có chứ. Để rồi tôi nói với cụ cựu, nhờ cụ thưa với họ xin chọn người khác. Cụ cựu nói hộ thì thế nào cũng xong.

Chồng đã ra đến cổng, vợ còn gọi lại:

– Thầy nó ơi, hãy về lấy áo bông khoác cho đỡ rét.

Chồng không quay lại, vừa đi vừa nói:

– Thôi, cái áo đã rách mướp ra rồi, mặc để các cụ chửi cho ấy à.

Vợ ái ngại cho chồng, nói lẩm bẩm một mình:

– Trời rét thế này mà phong phanh mỗi cái áo có khổ không? Nhưng biết làm thế nào. Thay một lần ngoài cũng phải ba, bốn đồng. Có một món tiền thì còn phải dùng vào trăm thứ việc.

Cái Mít ở trong buồng ra, nói:

– Bu ơi, thầy không ăn cơm nhà. Vậy con thổi bớt đi một bơ nhé, bu nhé?

– Ừ, con cứ bớt đi một bơ cũng được. Thế nào chốc nữa thầy chả mang phần về một nắm xôi cho hai thằng nhãi ranh.

*

* *

Bác xã Chính đã ra đường, thọc hai tay vào bụng, co người ra đằng trước, mồm xuýt xoa:

– Re... ét, re... ét. Sao mà hôm nay rét thế?

Thỉnh thoảng bác chạy dồn lên mấy bước. Hình như cái rét nó đun bác đi chứ không phải bác định chạy.

Bác đương nghĩ phân vân và đương có ý tìm ông lý Cúc thì vừa gặp ông ở phía quán đi ra. Bác mừng rỡ, chạy vội lên, vừa chạy vừa kêu: "Cụ cựu ơi, cụ cựu! Cụ đứng lại, tôi thưa cụ việc này tý đã."

Lý Cúc dừng lại, đợi. Có lẽ ông vừa ở đằng ông lý Khoa ra. Trời rét này, thế nào ngài chẳng tạt vào đấy làm vài khói cho ấm bụng, tuy rằng ngài đã hút trước khi đi.

Lý Cúc khoác chiếc áo "ba - đờ - suy" khố tải ra ngoài chiếc áo lương kép. Cũng như phần nhiều ông khác, ông không mặc xỏ tay để giữ gìn cho được bền. Không hiểu sao ông cờ bạc như sấm, tiêu tiền như rác, bán năm, bảy mẫu ruộng một lúc không tiếc, mà đến cái "ba - đờ - suy" tã ấy thì ông giữ như giữ mả tổ.

Trông thấy xã Chính co ro, rét run cầm cập, ông ái ngại nói:

– Áo bông mọi ngày đâu? Rét thế này tội gì không đem ra mà mặc.

Xã Chính đã đến cạnh ông lý:

– Có! Ai dám đem cái của tã ấy ra, các cụ chửi chết!

Lý Cúc cười:

– Bác này kỹ càng quá. Trong họ cả chứ có phải chốn đình trung đâu mà sợ các cụ trách... Bác định hỏi tôi việc gì vậy?

– Thưa cụ, tôi có việc này muốn nói với cụ. Chỉ có cụ mới giúp được. Độ nọ bu cháu đi xem bói, thầy bói bảo phải cất ngôi mộ ông thân sinh ra cháu.

Lý Cúc nghe thấy tiếng cháu hơi ngượng, nói gắt:

– Cháu với chiếc gì! Kể họ tôi còn là em. Bác cứ xưng tôi có tiện không.

Xã Chính cười gượng:

– Vâng, vâng. Bây giờ tôi muốn nhờ... nhờ cụ thưa với họ chọn người khác... Việc sang cát thì thế nào tôi cũng phải làm rồi. Thế mà làm cả hai việc thì cụ tính của đâu?

– Tưởng gì chứ việc ấy thì tôi có thể nói được. Bác cứ chắc ở tôi... Thôi, ta đi nhanh lên kẻo muộn quá, họ có lẽ đến đông cả rồi.

– Vâng, thôi thì trăm sự nhờ cụ.

Hai người cùng rảo bước. Lý Cúc đi trước, xã Chính đi sau tuy con đường làng rộng rãi có thể xếp hàng ba được.

Xã Chính mừng, lẩm bẩm luôn miệng:

– Quý hóa quá, may sao lại gặp cụ. Quý hóa quá!

Nhà họ đã chậtních những quan viên họ: ông Hoạch đội chiếc mũ ni màu hồng và chiếc áo nhiễu đỏ, ngồi bó gối với ba ông già đầu bạc phơ, thu hình trong chiếc áo bông đụp hàng trăm mảnh.

Thoạt nhìn thấy lý Cúc và xã Chính họ nhao nhao lên cự:

– Gớm! Họ đợi các ông ê cả gối!

Lý Cúc cười, chống chế:

– Trong họ cũng phải có ông đến sớm đến muộn. Không có ông đến muộn, lấy đâu làm ông đến sớm?

Nhiều ông cười ha hả để lấy lòng lý Cúc. Một ông nói:

– Ông cựu họ ta thế nào cũng chống chế được. Chả thế mà hôm nọ việc làng, ngài dám đương đầu với cả cụ tuần.

Ông khác nói thêm:

– Trong họ cũng phải có người thế nọ, người thế kia. Cứ nhút nhát cả như bọn cánh mình thì hỏng bét!

Ông Hoạch, đàn anh nhất trong họ, gọi:

– Xã Chính.

Xã Chính chạy lại trước mặt ông, chắp tay thưa:

– Dạ bẩm cụ gọi gì cháu?

Lý Cúc đã ngồi vào hàng con cháu, quay lên nói bông:

– Ấy kìa cụ chỉ lão! Cụ lại ngồi bó gối rồi. Nhắc cụ mãi, cụ vẫn cứ thế.

Cả họ cười ầm ỹ. Ông Hoạch tủm tỉm, đổi kiểu ngồi xếp bằng lại. Một ông nữa định bắt chước ông Cúc pha trò. Ông ngồi cạnh đập vào đùi ông kia ra hiệu bảo im để ông Hoạch nói.

Ông Hoạch hỏi xã Chính:

– Quan viên họ định đem thằng Chốc ra bầu. Anh bằng lòng chứ?

– "Dạ", xã Chính đưa mắt nhìn lý Cúc.

Lý Cúc vội đỡ lời:

– Bẩm cụ với quan vơn họ, bác xã tôi sắp phải sang cát cho ông cụ thân sinh... Cữ nọ bác gái có đi xem bói, ông thầy bói bảo nếu không sang thì trong nhà làm ăn lụn bại. Vậy quan vơn họ cũng nên "thể tình" mà bầu người khác.

Vả lại trong họ thiếu gì người đáng bầu như, như...

Ông nghĩ mãi chẳng tìm được ai. Túng thế, ông chỉ vào khán Bửng. Rồi nửa thật nửa bỡn ông cười nói:

– Thì quan vơn họ hãy cứ bầu cho con bác khán Bửng này.

Mọi người cười ồ và kêu:

– Ông cựu mê rồi, bác ta đã làm gì có con trai.

Lý Cúc cãi lại:

– Mê thế nào? Vợ bác ta hiện bây giờ đang có chửa. Chúng ta bầu ngay cho thằng bé ấy không được à? Thế gọi là bầu "non", các ông đã nghe ra chưa?

Khán Bửng xấu hổ đỏ mặt, ngồi yên.

Ông lý Hạt bẻ lại:

– Thế ngộ bác ta lại đẻ con gái như năm ngoái thì chú tính sao? Nói đoạn ông đắc chí cười ha hả.

Lý Cúc cãi cối:

– Thế thì lại để dành năm sau nữa. Chẳng đi đâu mà thiệt.

Đợi cho mọi người cười chán, ông Hoạch giơ tay ra hiệu im, rồi thủng thỉnh tiếng một như một cụ đồ già, ông nói:

– Các người không biết, cho là trò đùa, chứ ông cựu nói phải lắm. Này, lý Mẫn thôn Trung chứ ai? Cũng bầu "non" đấy, bầu ngay khi hắn còn ở trong bụng mẹ. Thế cũng là một cách cầu tự, các người đã hiểu chưa?

Ai nấy lại đua nhau cười làm cho buổi họp họ ồn ào như phiên chợ.

Lý Cúc đắc chí, rung đùi, quay sang khỏi khán Bửng:

– Thế nào, bác khán? Ta bầu "non" chứ?

Khán Bửng chưa hết đỏ mặt, ngồi gãi tai, nói:

– Bẩm, nhà cháu không sẵn tiền. Xin quan vơn họ chọn người khác.

Một ông đứng dậy nói:

– Từ nãy, các ông quên bẵng chú Trạch. Con trai chú ấy năm nay mười lăm mà chưa bầu.

Lý Cúc rướn người ngửng đầu nhìn sang sập bên kia gọi to:

– Này, chú Trạch!

– "Dạ!" Trạch đứng dậy chắp tay đợi lệnh.

– Không dám, chú dạ trời. Chú nhờ trời làm ăn khấm khá, vậy chú cũng nên bầu cho thằng cháu. Tôi bảo thật đấy, lúc này đương sẵn đồng tiền, chả bầu cho nó thì bầu lúc nào?

Ông lý Hạt nói chêm:

– Chú lý chú ấy nói phải đấy, chú Trạch ạ, bầu sớm được năm nào lợi năm ấy.

Mọi người cùng nói hùn vào. Không phải họ nể gì lời anh em ông Lý Cúc, nhưng vừa nghe tiếng sang cát, họ đã mộng thấy cỗ bàn, rượu chè, thuốc phiện bày la liệt trước mặt.

Còn về phần chú Trạch, trong bụng cũng muốn bầu cho con, nhưng không lẽ họ chưa nhắc đến mà mình đã tự nói ra.

SANG CÁT

Không ngại rét, từ mờ mờ sáng, Mít đã tung chiếu đứng dậy.

Khác hẳn mọi sáng, nó lấy lược thưa, gỡ tóc và chải đi chải lại cho mượt. Rồi vào buồng lấy khăn "sa tanh" ra vấn trong tối. Nó nắn đi nắn lại vành khăn cho tròn trĩnh và thắt dây lưng thiên lý ra ngoài hai vạt áo nâu non buộc lỏng. Nó kéo cạp váy xanh xuống cho phẳng phiu. Đoạn nó đến đầu giường mẹ lấy miếng trầu ăn cho ấm và đỏ môi. Vì hôm nay có thằng Tửu, thằng Chắt và cái Cúc đến làm giúp.

Nghĩ đến Cúc, nó tủm tỉm cười, nhủ thầm: "Chắc cu cậu biết tỏng thế nào cũng có thằng Chắt, chứ tử tế gì đấy." Nó hối hận ngay, tự trách mình sao lại có tâm địa ấy làm mất cả lòng tốt của bạn. Để sửa lỗi mình, nó nói ra tiếng: "Mình thì sao? Cúc tử tế lắm đấy chứ."

Nó mặc chiếc áo bông cộc ra ngoài cho đỡ rét rồi đi mở cửa.

Tiếng kẹt cánh cửa làm mẹ nó thức giấc:

– Mít đã dậy đấy, con?

– Vâng, rét lắm bu ạ. Bu cứ ngủ đi, chốc nữa hãy dậy, các việc để con làm cả cho.

– Ừ, thế thì con làm hộ bu nhé. Có ba rá gạo bu để ở mặt chum, cạnh đôi bồ của con ấy.

Và bác nghĩ thầm: "Con bé chịu khó quá. Có nó, mình nhẹ đi bao nhiêu công việc."

– Được, con biết rồi. Bu cứ nằm nghỉ, để mặc con. Vừa nói nó vừa đi vào trong buồng, tay phải cắp hai rá gạo chồng lên nhau, tay trái cắp một rá nữa, đi mạnh bạo ra sân.

Trời còn mờ tối. Làn sương dầy bao phủ cảnh vật. Và rét quá. Mỗi cơn gió thổi hắt vào mặt làm nó khó thở. Nó cố giữ mà hai hàm răng vẫn đập vào nhau côm cốp. Nó đặt một rá gạo lên miệng vại và hai rá xuống đất rồi đứng rụt rè nhìn chum nước, hai tay buông thõng, mấy ngón tay co quắp.

"Ái chà! Trời này đã rét gì mà rét!" rồi mạnh bạo nó cầm lấy cán gáo thục xuống nước. Mấy tiếng ục ục ở lòng chum âm lên. Mít cúi xuống, một tay xoa mơn mơn trên mớ gạo, một tay từ từ đổ nước. Nó rùng mình, kêu run se sẽ: "Chà buốt!"

Nhưng từ gáo thứ hai trở đi, nó không coi mùi mằn gì nữa. Nó đã quen với nước rồi, cứ xoa, cứ sát tràn.

Trong yên lặng, tiếng vo gạo xoàn xoạt, tiếng nước rỏ xuống vại tong tong, tiếng hai bàn tay đập vào rá đôm đốp, làm cho mấy con chó bên hàng xóm sủa ran.

Mít tủm tỉm cười, nói tự phụ:

– Chúng mày lại ngồi xó bếp sủa ra chứ rét này đố dám...!

Vo xong, Mít đặt ba rá gạo chồng lên miệng vại. Nhân tiện, nó múc nước rửa mặt rồi vừa vẩy tay vừa lật đật vào trong nhà lấy mấy chiếc nồi ra sân rửa.

Dẫu rét đến đâu, Mít cũng không bao giờ chịu làm cẩu thả. Nó lấy nắm rơm dấp nước cọ kỹ khắp trong nồi, trướt lại một lượt rồi mới đổ nước đem vào đặt lên bếp. Nó cầm nắm rạ đặt vào chỗ rấm trấu, ghé mồm thổi một lúc, khói đặc bốc lên cay cả mắt. Một khoảng tròn bằng đồng bạc hồng lên, đỏ rực... Ngọn lửa xuất hiện, bén vào rạ, bùng lên, cháy ngùn ngụt. Mít lấy những nắm rạ khác tiếp lửa để chuyền sang hai bếp bên cạnh.

Mít sung sướng nói lẩm bẩm:

– Ấm quá! Hoài của, thầy bu với hai thằng cu không dậy mà sưởi.

Bu nó cũng vừa dậy, đi rảo xuống bếp, hai tay thọc vào nách, lưng khom khom:

– Con đã vo gạo rồi à? Rét quá, mày nhỉ!

– Tại bu mới dậy đấy. Không rét lắm đâu, bu ạ. Bu vào đây mà sưởi. Ấm quá! Con vừa tiếc không có ai.

Bác gái chạy lại ngồi bên Mít, xòe hai bàn tay ra hơ trên lửa:

– Ừ, ấm nhỉ!

Bỗng có người gọi ngoài cổng, Mít đứng dậy và thốt ra tiếng:

– Tửu!

Bác gái tủm tỉm cười nói ghẹo:

– Sao mà thính tai thế? Lúc nào cô cũng nghĩ đến chồng cô có khác.

– Bu cứ nói!

Cánh cổng vừa mở, Mít đã thấy hai người, Tửu và Chất đội chiếc thuyền thúng đi vào. Tửu đi trước, Chất đi sau, chiếc thuyền đặt úp xuống như mai con rùa khổng lồ.

Trông thấy Mít, Tửu sung sướng tủm tỉm cười. Mít cũng sung sướng, nói đùa:

– Chào hai anh xã non.

Chất đi theo sau nói leo:

– Không dám, chào chị xã Tửu.

Tửu và Mít đỏ mặt. Mít mắng yêu Chất:

– Anh Chất liệu hồn! Tôi không đùa đâu.

Chất cười to, đầu lắc lư:

– Ai đùa với chị mà bảo đùa. Anh ấy vừa được lên chức xã nhưng, thì chị không là chị xã thì là...

Tửu ngắt lời:

– Này ông tướng, ông câm cái mồm lại, không thì tôi tát cho ông mấy cái bây giờ.

Chất thách:

– Đố đấy! Hai tay vác thuyền còn tay nào nữa mà tát?

Cả ba cùng cười.

Mít đi trước, nét mặt tươi tỉnh. Nó đoán thế nào Tửu cũng ngắm nghía sau lưng nó, nên bước chân nó đi không được tự nhiên.

Bác gái ngồi trong bếp nhìn ra, khen:

– Ồ, hai anh đảm đang nhỉ. Không quên cơ à?

– Thưa bác, Chất nói, có mỗi một việc mà còn quên thì ai cho ăn cỗ!

Mít quay lại thấy Tửu nhìn chòng chọc vào mình, đỏ mặt, nói để đỡ thẹn:

– Còn khối việc! Hiện giờ các anh để lợn cho ai làm?

– À, cái đó thì cố nhiên là việc của chúng tôi.

Nói đoạn, Chất quay vào bếp hỏi:

– Bác ơi, con bò này bác bảo chúng tôi để đâu đây?

Bác gái ở trong bếp nói ra:

– Để ở sau nhà, cạnh gốc ổi ấy. Ừ, giá được con bò bằng ngần ấy thì cỗ bàn hẳn tươm lắm nhỉ! Rồi mỗi anh hộ bác vài gánh nước đổ vào đấy nhé! Mau lên rồi còn làm lợn.

– Vâng... vâng! Chất kéo dài giọng như một thằng hề trong rạp chèo.

Mít trở vào bếp đun giúp mẹ, trong lòng rạo rực, chỉ muốn luẩn quẩn chỗ Tửu và Chất.

Một lát sau, Cúc đến. Cũng như Mít, Cúc ăn mặc khác hẳn mọi ngày: chiếc yếm trắng nõn căng ra trên bộ ngực nở nang, chiếc váy lụa thâm mềm mỏng bay về phía sau, lằn rõ cặp đùi mập mạp, chiếc khăn vuông chít mỏ quạ che khuất nửa trán làm cho khuôn mặt bớt dài và nổi hẳn nước da trắng sẵn của Cúc, chiếc áo cộc bông, lần ngoài bằng "sa tanh", không cài khuy, để lộ những nút buộc của mấy chiếc dây lưng lụa màu.

Cúc làm đỏm như thế cũng chỉ vì Chất. Nó nghĩ bụng: chẳng quyến rũ được bằng lời ăn tiếng nói, bằng cặp mắt đưa tình, bằng dáng điệu lẳng lơ thì nó quyến rũ Chất bằng cách đỏm dáng vậy.

Cúc đi thẳng vào trong bếp.

– Kìa chị Cúc! Chất với Tửu cũng vừa đến. Mít định tâm nói để thử xem Cúc có cảm động không. Nó sung sướng thấy Cúc hớn hở như người vừa nhận được tin mừng.

Cúc chạy lại ngồi len vào giữa. Nó vẫn không chừa được tính nhí nhảnh và nghịch ngợm, luồn tay lạnh vào gáy Mít làm mít kêu rống lên. Bác gái giật mình, hỏi: "Cái gì thế?"

Thấy hai cô đùa nhau cười khúc khích, bác lẩm bẩm:

– Ranh mãnh! Của quái!

Cúc giơ tay lên hơ trên lửa và hỏi:

– Công việc của cháu đâu, bác?

Mít không để mẹ trả lời, vội nói:

– Công việc của chị đã xếp đặt cả rồi. Chị cứ việc theo tôi. Nói rồi Mít đứng dậy.

– Hượm! Cho đằng này sưởi tí đã, làm gì mà vội thế?

– Việc của chị cần kíp lắm, không vội không được. Thôi, chốc nữa sưởi chán. Mít vừa nói vừa cầm tay Cúc kéo dậy.

Hai chị em cùng đi lên nhà trên. Cúc lẩm bẩm:

– Xem việc gì mà cần kíp thế nào?

Bác trai đã dậy, đội khăn mặc áo, sắp sang mời ông cán Bích và nhờ ông cái ao để mổ lợn. Thấy Cúc vào, bác tươi cười nói:

– Rét thế này mà chị Cúc cũng chịu khó đến làm giúp bà con. Quý hóa quá!

Thằng cu Nhớn, thằng cu Con vẫn còn ôm lấy nhau ngủ tít.

Cúc theo Mít vào buồng. Một lát, hai chị em khiêng ra sau nhà cái nồi ba mươi của ông cán cho mượn hôm qua, và đặt lên ba chồng gạch.

Mít vừa thở vừa nói:

– Việc của chị đấy. Chị bằng lòng chứ? Nói xong, Mít nhìn Cúc tủm tỉm cười.

– Chả bằng lòng mà được! Cúc đáp.

Cố nhiên Cúc bằng lòng. Vì nồi nước làm lợn bao giờ cũng kê liền với chỗ giết lợn. Cúc tha hồ mà trò chuyện, cợt nhả với Chắt. Mít cũng biết vậy. Nhưng nó muốn nhường Cúc để đền lại cái ý nghĩ không tốt của nó ban sớm. Chính nó cũng tiếc không được giữ cái công việc đáng yêu ấy.

Cúc chống hai tay vào cạnh sườn, nhìn Mít hỏi:

– Thế nào? Làm gì bây giờ hay cứ đứng thườn ra thế này mà nhìn ông ba mươi?

Mít cười:

– Có chứ. Bây giờ cánh mình hãy đi rút rạ để sẵn kia, đợi tí nữa họ gánh nước về đổ vào nồi, rồi mời chị cứ việc ngồi và... Họ đã về kia!

Hai chị em cùng nhìn ra.

Chắt gánh đôi nồi "chân" đi trước. Người nó vạm vỡ, tầm thước, tay chân nổi lằn những bắp thịt. Thật là một kiểu mẫu hoàn toàn về phái khỏe.

Tửu đi sau. So với Chắt, người nó bé hẳn đi tuy nó hơn Chắt hai tuổi.

Thấy Cúc đứng ngây như mất hồn. Mít nói đùa:

– Kìa, đứng thườn ra đấy à? Rút rạ đi chứ!

Cúc chữa thẹn, nói chống chế:

– Có lúc làm, cũng có lúc nghỉ. Làm luôn tay, ai sức đâu!

Chắt và Tửu sắp đổ nước vào thuyền [1]. Mít vội cản lại:

---

1. Ở làng Cầm người ta thường dùng thuyền thúng đựng nước mổ lợn.

– Ấy chết! Đừng. Các anh hãy đổ vào nồi ba mươi kia để chị Cúc đun, nếu không chốc nữa lấy nước đâu mà làm lông, mà luộc lợn.

Tửu vừa đổ nước vào nồi vừa nói:

– Chị Cúc hôm nay đẹp quá, Chắt ạ.

Nó muốn Chắt để ý đến Cúc vì nó biết Cúc say mê Chắt đã lâu.

Chắt ngửng lên nhìn Cúc, nói ghẹo:

– Chị ấy ăn mặc chững nhỉ! Cho tôi mượn cái dây lưng lụa hoa hiên kia để đi ăn cỗ nhé?

Cúc không hài lòng. Nó muốn Chắt khen nó đẹp, nó tươi, nó có duyên hay một ý gì thuộc về sắc đẹp của nó. Song nó cũng nhoẻn miệng cười và trả lời bằng một giọng thiết tha, tình tứ để quyến rũ Chắt:

– Anh Chắt ạ, chỉ sợ anh không dám mượn thôi. Chứ em còn muốn cho anh mượn cả áo ngoài lẫn áo trong của em nữa.

Câu nói ấy có thể gợi lòng thèm muốn của bao kẻ khác. Nhưng đối với Chắt thì đó chỉ là lời nói cợt thông thường. Vì thế, nó không mảy may cảm động và chỉ trả lời một câu không đâu: "Áo chị tôi mặc thế nào được!" làm cho Cúc buồn tủi, rơm rớm nước mắt.

Tuy vậy, Cúc vẫn không tuyệt vọng. Nó vừa rút rạ, vừa nghĩ thầm: "Người chứ có phải sắt đá đâu! Rồi cũng có ngày..." Nhưng nó tưởng ngay đến cái Mậm, con bé nhà bà cán Thỗn, tuy không đẹp bằng nó, nhưng cũng không đến nỗi xấu. Nó nghe mong manh thấy họ nói bố mẹ thằng Chắt sắp hỏi Mậm cho con. Cúc không chắc có thật, nhưng sự ngờ vực ấy cũng đủ làm cho nó nao nao trong lòng.

Tửu và Chắt lại trở ra ao làng gánh nước. Hai chị em yên lặng làm việc và cùng nghĩ đến người yêu. Bỗng Mít hỏi Cúc:

– Chị Cúc ơi, sao độ này chị hay buồn thế?

Cúc cười đau đớn:

– Độ này trong người em nó làm sao ấy, chị ạ, lúc vui, lúc buồn, thất thường không khéo rồi em đến điên mất.

Rồi giọng càng đau đớn thêm:

– Ối chao! Cứ điên như con gái bà cả ở xóm trong lại hóa hay.

Mít nhìn Cúc thương hại:

– Chị chớ nên nói gở. Cái tuổi chúng mình nó thế đấy, chị ạ. Tôi cũng vậy, lúc vui, lúc buồn một ngày không biết bao nhiêu lần. Mà tôi hỏi các chị khác đều thế cả.

Cúc biết rằng Mít nói không thật và những lời ấy chỉ là lời an ủi. Nhưng vì lòng tự ái, nó không muốn cho bạn biết nó đã yêu Chất và không được Chất yêu lại.

Giọng thản nhiên, nó nhắc lại ý tưởng của Mít:

– Nếu vậy thì có lẽ tại tuổi chúng mình thật.

Rồi không ai nói với ai một lời, hai chị em lại yên lặng làm việc.

Chất và Tứu gánh nước về, bông đùa luôn miệng. Hai chị em trở lại vui vẻ. Mít cố nhiên là thật lòng. Còn Cúc trông có dáng vui gượng, từ khóe mắt, miệng cười cho chí lời ăn tiếng nói.

Chiếc thuyền thúng đã gần đầy. Chất và Tứu đi đến chuồng bắt lợn. Chúng nó thạo chẳng kém gì những người lái. Trong phút chốc con lợn đã bị cái thòng lọng mắc vào chân, ngã lăn ra. Những tiếng kêu hét từng hồi làm chói tai.

Hai thằng bé chỗi dậy, chạy mải ra sau nhà.

Chúng mừng quá, quên cả rét. Chưa chi hai đứa đã tranh nhau bong bóng.

Con lợn đã bị trói bốn vó, nằm thở hì hịch trên tấm cánh cửa. Sát cạnh nó, một cái xanh đồng với một con dao nhọn để gác lên miệng xanh trông ghê gớm như một thanh mã tấu. Đôi mắt dại nghếch của nó không lộ chút sợ hãi, trái hẳn với mắt con chó, con bò hay con trâu nằm đợi chết. Nên trông không thương hại lắm.

Hai đứa trẻ sán lăn vào, bíu lấy áo thằng Tứu nằng nặc xin bong bóng. Chúng lải nhải làm thằng Chất phát cáu dọa sẽ vứt xuống ao. Thằng Tứu thấy hai đứa sắp khóc, thương hại nói ngọt:

– Được, cứ đi chơi, chốc nữa anh lấy phần cho.

Hai đứa mừng, vỗ tay reo rồi chạy vào bếp sưởi bên cạnh mẹ.

Mít đã ra sân úp từng chồng bát địa trên nong, phơi cho ráo để lát nữa dọn cỗ. Nó chạy đi chạy lại, làm hết việc này việc khác, rõ ra một con bé đảm đang và lanh lẹn.

Cúc ngồi bệt trên rạ đun nước, hai chân duỗi nửa, tay cầm que rẽ. Nó thừ ra, đăm đăm nhìn ngọn lửa, nghĩ ngợi. Nó mải nghĩ, lắm lúc rạ cháy bén ra ngoài mà vẫn không biết.

Tửu và Chắc đứng bên cạnh con lợn. Đứa nọ đùn đứa kia chọc tiết. Con vật vẫn thản nhiên nằm thở hì hịch.

Tửu nói khích:

– Đã gọi là ông tướng đánh đông dẹp bắc mà có con lợn không giết nổi, thì chả hóa ra hèn lắm, chị Cúc nhỉ?

Tửu tốt bụng. Bao giờ trước mặt hai người nó cũng nhắc đến Cúc, kéo Cúc vào câu chuyện, ý muốn cho hai bên thân nhau rồi lấy nhau như nó với Mít.

Cúc quay ra nhìn Chắt, nói:

– Anh Chắt tôi không dám chọc tiết con lợn kia thì chỉ đáng ông tướng phường chèo.

Tửu thích chí cười, nói kháy thêm:

– Phải đấy, chị Cúc ạ. Nếu Chắt chịu "thua" thì từ nay chúng mình cứ gọi hắn là ông tướng phường chèo. Kìa, ông tướng nghĩ sao?

Chắt vốn là đứa nghịch ngợm, thích đánh nhau, nhưng chưa bao giờ dám giết một con vật nhỏ. Thường nó vẫn bị mẹ mắng luôn vì tội không dám giết gà.

Bị khích thích dữ quá, Chắt sắp sửa liều, đâm cho con lợn một nhát rồi muốn ra sao thì ra. May có thằng Quán, mõ làng, ở đâu chạy đến: "Các bác để tôi hộ." Nó cầm lấy con dao nhọn ở trong tay thằng Chắt, kề mũi dao vào cổ con lợn, day đi day lại mấy cái. Con vật đã bị buộc mõm kêu hí hí trong cuống họng, bốn chân cố giẫy giụa trong nút lạt.

Mũi dao đi qua lần da mỏng rồi cắm ngập đến nửa lưỡi. Máu đỏ tươi ộc ộc chảy xuống cái xanh đồng như tháo cống.

Thằng Quán vốn là tay đồ tể, hằng ngày giết lợn bán chợ đã quen, nên công việc nó làm trông dễ dàng lắm. Mỗi khi máu chảy chậm nó thọc mũi dao vào sâu thêm, ấn lưỡi về một bên cho rộng vết thương. Máu lại chảy đều.

Lúc này, nếu phải con chó, con trâu, hay con bò, nó sẽ đưa đẩy đôi mắt chậm chạp nhìn những người chung quanh như từ biệt một lần cuối cùng trước khi tắt thở. Nhưng con lợn thì không. Mắt nó đờ dần rồi nhắm chặt.

Thằng Quán vừa làm việc vừa sai bảo. Nó quên bẵng rằng nó chỉ là thằng mõ: Rõ thực giang sơn nào anh hùng ấy! Nó ngẩng lên bảo Tửu:

– Bác Tửu, bác vào trong bếp cầm bát muối và bát nước lã ra đây. Mau! Không tiết đông lại mất.

Rồi quay sang phía Chất và Cúc:

– Nước sôi chưa, cô Cúc?... Vâng, thế bác Chất, bác cầm gáo dội lên con lợn hộ tý. Mau mau không muộn lắm rồi. Các cụ truyền đúng ngọ phải xong cỗ.

Công việc của Chất dễ dàng và nhàn nhã quá. Nó chỉ việc đứng dội nước sôi lên mình con lợn.

Thằng Quán đứng dạng hai chân, cúi xuống cầm ngang dao cạo sồn sột, cạo đến đâu, trắng đến đấy.

Cúc ngồi thờ thẫn nghĩ đến Mậm. Muốn khỏi băn khoăn về nỗi ngờ vực, nó ngửng nhìn Chất hỏi:

– Này anh Chất, có phải anh sắp lấy con Mậm không?

Giọng nó run run vì sợ.

Chất, tay vẫn múc nước trong nồi, nhìn xuống hỏi lại:

– Ai bảo chị rằng tôi sắp lấy Mậm?

Tửu đã đem muối và nước lã đổ vào xanh. Nó nhúng tay xuống tiết canh quấy mạnh cho tiết nổi ngầu bọt. Chợt nghe thấy tên Mậm, nó lắng tai, để ý, muốn biết câu chuyện của hai người đi tới đâu.

Cúc, trong lòng phấp phỏng, mong rằng lời đồn ấy chỉ là lời đồn hão. Nó ngập ngừng đáp lại câu hỏi của Chất:

– Tôi thấy họ đồn rằng thầy bu anh sắp hỏi cái Mậm cho anh, có thực hay là họ bịa phải không, anh?

Nói rồi, Cúc đắm đuối nhìn Chất như van lơn.

Chất không nghĩ ngợi, nói ngay:

– Thế thì có lẽ thật đấy.

Cúc hỏi dồn:

– Thế anh bằng lòng lấy Mậm à? Anh yêu nó à?

Chất vẫn thản nhiên vừa cầm gáo dội trên mình lợn, vừa đáp:

– Chẳng yêu cũng chẳng ghét. Còn việc dựng vợ gả chồng bố mẹ đặt đâu con ngồi đấy.

Cúc chán nản, ngồi đờ người ra. Ánh lửa chiếu vào đôi mắt ướtlệ.

Tửu nhìn Cúc thương hại, nghĩ thầm:

"Khốn nạn! Con bé yêu ai chẳng yêu lại yêu ngay phải ông tướng!"

Chất không để ý đến nỗi đau khổ của Cúc, nó thản nhiên nói tiếp, cho như một câu nói đùa:

– Bao giờ tôi cưới vợ, mời chị đến làm giúp nhé? Thế nào cũng có con lợn to béo gấp mấy con lợn này.

Nói đoạn nó nhìn con lợn cười xòa.

Cúc không trả lời. Hai giọt nước mắt chảy xuống đọng trên gò má. Thấy Tửu nhìn mình ra vẻ ái ngại, Cúc vội lấy dải yếm lau nhanh và nhếch mép cười nói chữa:

– Khói quá, anh Tửu ạ, khói chảy cả nước mắt, nước mũi.

Thằng Quán, vừa cạo lông xong, đứng dậy. Chất và Tửu, mỗi đứa cầm hai chân con lợn trắng nõn, khiêng sang bờ ao ông cán Bích. Còn thằng Quán, một tay cắp tấm cánh cửa, một tay cầm dao đi theo sau.

Tửu vừa đi vừa trách Chất:

– Mày ác lắm, Chất ạ.

Chất không hiểu, hỏi lại:

– Tao làm sao mà mày bảo tao ác?

– Mày làm cho con Cúc nó khổ sở chứ sao! Nó khóc đấy, mày có biết không?

Chất càng không hiểu, ngạc nhiên hỏi:

– Nó khóc?... Tao làm gì nó mà nó khóc? Mày chỉ khéo bịa.

Tửu thấy Chất vô tình quá. Nó phát ghét và càng thương hại Cúc.

– Tao như con Cúc thì tao chả phải vạ mà yêu mày, yêu cái thằng trơ như khúc gỗ.

Chất không tức, nói:

– Nó chẳng yêu thì nó cứ việc ghét, ai bắt nó... Nhưng mà tao làm gì mà nó khóc mới được chứ?

Tửu không ngờ Chất lại vô tình đến thế. Nó thở dài nói:

– Mày nói mày yêu con Mậm ngay trước mặt nó, rồi mày lại mời nó đến làm giúp. Như thế thì mày bảo nó không khóc sao được?

– Tao yêu gì con Mậm. Tao chẳng yêu mà cũng chẳng ghét đứa nào, kể cả con Hĩm xấu như quỷ mà lại hay làm bộ, trông thấy ai thì giơ mãi cái mặt lưỡi cầy lên.

Nói rồi, Chất bắt chước con Hĩm, vênh mặt.

Tửu không để ý đến dáng điệu của Chất. Yên lặng một lát, nó ngửng lên nhìn thẳng vào mặt Chất, hỏi:

– Thế mày có yêu Cúc không? Tao tưởng con bé đáng cho mày yêu thì phải.

Chất ngẫm nghĩ rồi nói:

– Giá nó bớt nhí nhảnh, nói vừa chứ... như con Mít của mày ấy – nó nhìn Tửu, cười – thì tao cũng có thể yêu được.

Hai đứa đã đi tới bờ ao, đặt con lợn trên tấm cánh cửa rồi đứng nhìn thằng Quán mổ lợn.

Tửu yên lặng nghĩ đến tính nết và dáng điệu của Mít, còn Chất tò mò nhìn những cỗ lòng bùng nhùng và những cơ thể trong con lợn.

*

* *

Ông lý Khóa ngồi lau đi lau lại cái địa bàn, vừa lau vừa ngâm những câu thơ cổ. Thỉnh thoảng ông lại nhìn ra sân xem đã có ai đến mời chưa...

Đợi mãi sốt ruột, ông gọi con cháu ở dưới bếp lên coi nhà, rồi gói kỹ địa bàn vào trong cái khăn vải tây đỏ ông cắp nách ra đi, mồm lẩm bẩm:

– Có lẽ nhà hắn bận việc, mình nên dễ dãi một tý, thiệt gì.

Ông là một thầy địa lý. Tên tục ông là Biểu, ông lý Biểu. Ông vốn nhà nho, đỗ khóa sinh và đã bốn khóa đi thi trường Nam đều trượt ngay từ kỳ đệ nhất.

Ông còn trượt mãi, nếu ông còn chịu khó vác lều chiếu từ biệt mẹ đĩ để đi thi. Ông làm gì có gan ấy, nên đã nhờ mẹ đĩ bỏ tiền ra mua cho cái lý thôn, tức cũng như lý trưởng, chỉ khác không có dính dáng gì đến quan, đến nhà nước cả, tuy rằng sau khi mua xong chức ấy, ông cũng có biện quan vài cân chè lá bằng tiền.

Nay ông đã già nua tuổi tác. Người ta trọng vọng ông không dám đem tên tục ông ra gọi, bèn lấy chức tước gọi thay. Vì thế nên ông mới thành ra ông lý Khóa.

Không biết ông lý Khóa học địa lý từ năm nào. Có lẽ từ cái năm ông vĩnh biệt lều chiếu...

Người ta bảo ông thông thái lắm, kinh sử thuộc lầu lầu. Cái đó đã hẳn, không thì sao lại học được môn địa lý. Tất có ông bẻ lại: "Thế ông cán Bích thì sao. Ông ta chả vẫn thường khoe với bà con rằng tự nhiên ông ta biết, chẳng cần phải học". Cái đó lại là việc khác, hoặc giả trời cho ông làm thầy địa lý, như lời ông thường nói chăng!

Cứ tin ở lời ông lý Khóa thì ông ngao du sơn thủy đã nhiều nơi. Và nơi nào đặt chân tới, ông cũng đã làm được vài ngôi mộ kết phát, tiếng tăm lừng lẫy. Lừng lẫy nơi ấy thôi, chứ nơi nhà là nơi quê cha đất tổ thì chưa thấy lừng lẫy gì cả. Có lẽ trời chưa giáng phúc cho nhân vật xã Cầm, phúc chủ, lộc thầy, câu phương ngôn đúng lắm vậy.

Kể thì cũng không lấy gì làm đúng lắm. Vì lộc, thầy vẫn xơi, mỗi khi thầy làm xong một ngôi đất. Còn phúc chủ? Hãy đợi đấy! Chả đời này thì đời khác, không đi đâu mà vội.

Một lần, cách đây không lâu, ông khoe với ông lý Cúc rằng năm Mão ông vào Thanh Hóa thăm người bà con. Nhân lúc nhàn rỗi, ông một mình đi vào cái vùng gì gì mà ông quên mất tên.

Cái vùng ấy đẹp quá, ông ngắm mãi không chán. Địa thế gồm thành một nàng tiên, một nàng tiên khỏa thân.

Sao lại một nàng tiên mà không một người đàn bà tầm thường? Cái đó xuất ở con mắt ông và ở trí tưởng tượng của ông, không hề gì. Còn khỏa thân thì không ai cãi vào đâu được nếu họ đã nghe ông tả cảnh rành mạch: Xa xa một quả núi con tức là cái đầu. Hai bên, hai cái đồi tròn trĩnh, mũm mĩm cỏ phủ mượt như nhung nếu không phải mỹ nhũ, nói nôm na là hai cái vú, thì quyết không thể là cái gì khác được. Rồi, gần lại một mô đất nhô lên, tức là cái rốn. Hai "vú" rồi phải đến "rốn", thằng bé con cũng biết, ông bảo thế. Thế rồi đến chỗ trũng, hơi trũng thôi. Tả đến đấy, ông tủm tỉm cười.

Thấy lạ mắt, ông rảo bước đi ngược lên. Đến cái rốn, ông dừng bước. Một ngôi mộ của ai để ở đấy đã lâu vì cỏ mọc dầy.

Lúc trở về, giữa đường mỏi chân, ông tạt vào hàng nước nghỉ ngơi. Ngẫu nhiên ông buột miệng phàn nàn cho thầy địa lý nào đã tìm được đến đấy mà lại còn để sai, làm cho cái nhà có ngôi mộ ấy sút dần và hiếm con.

Người hàng nước mà ông còn nhớ, là một mụ đàn bà độ ngoài ba mươi tuổi, người khô như hạc, đứng ngay dậy van lạy ông và nói với ông một cách chí thiết.

Theo lời mụ thì trước kia mụ giàu có. Rồi không hiểu sao cứ mỗi năm một sút dần. Và hiếm quá. Vợ chồng lấy nhau sáu, bảy năm trời mà chỉ được vài mụn con gái. Cầu tự hết đền này phủ nọ cũng không sao nẩy được một mống con trai.

Ông thương tình, làm lại cho hai vợ chồng nhà mụ ngôi đất ấy. Thấm thoát có ba năm trời mà mụ ta đẻ luôn ba thằng con trai đều thông minh tuấn tú. Chắc thế nào sau chúng nó cũng làm nên. Hiện giờ nhà mụ đã trở nên giàu có như xưa. Mỗi lần ông đến vùng ấy, họ đón tiếp ông hậu hĩ quá. Và lúc trở về, thế nào ông cũng được họ tặng vài ba chục bạc ăn đường.

Lý Cúc, vốn là tay bông phèng và hỗn xược, nói nhả:

– Ý chừng cụ để dịch xuống, vào giữa chỗ "bí hiểm" chứ gì?

Ông lý Khóa đắc chí cười ha hả và trả lời một cách thực thà:

– Sao ông biết? Giỏi thực đấy nhỉ! Ông này giá học địa lý thì cũng có thể thành danh sư được.

Lý Cúc nửa thật nửa bỡn:

– Cháu cũng đoán già thôi đấy, cụ ạ. "Rốn" mà hỏng thì tất thị phải đến chỗ "bí hiểm" chứ còn chệch đi đâu. Vả lại chỗ ấy là chỗ sinh con đẻ cái. Giá phỏng cháu đến vùng ấy, cháu cũng để chỗ ấy.

– Phải lắm, nhưng ông có biết tại sao để ở rốn mà nhà nó lại sa sút đến thế không?

Lý Cúc cười ranh mãnh:

– Cái đó thì nhà cháu chịu, phải để cụ địa lý ngài chỉ giáo.

Ông lý Khóa tự đắc, vuốt mấy sợi râu mép và mấy sợi râu cằm:

– Thế thì được lắm, lão giảng cho... Ông lý ạ, ai chả biết cái rốn là đầu khúc ruột, tiền của ở đấy mà ra chứ còn ở đâu. Nhưng mà cũng tùy cái rốn. Có cái lồi, có cái...

Lý Cúc chợt hiểu vội ngắt lời:

– Thưa cụ, nhà cháu biết rồi. Lồi rốn tốn cơm. Thế mà cái rốn ấy lồi, có phải không cụ?

– Ý thế, ông này tinh quái thật!

Ông lý Khóa chỉ dám tả những địa thế ở đâu đâu. Còn ở ngay đất nhà thì cạy mồm ông cũng không chịu nói. Ai dại gì mà nói, nói để các người biết tỏng rồi cứ việc tìm đến đấy mà để ấy à. Cũng như các ông lang, ai dại gì mà kê đơn thuốc cho bệnh nhân.

Nhưng đến lúc say túy lúy thì, trái lại, bạ ai ông cũng vớ, bất cứ đàn ông, đàn bà. Ông chỉ trỏ huyên thuyên, chỗ này con long, chỗ kia con hổ, chỗ này nậm rượu, chỗ kia túi thơ. Rồi cái bút, cái nghiên, lại có cả khay đèn, cái cuốc, cái nơm, con voi, con ngựa, con tôm, con cá, đủ các hình.

*

*   *

Ông vừa đi vừa nghĩ đến ông cán Bích và ông lý Cúc, hai người bạn chí thiết của ông, chí thiết chỉ vì họ sẵn lòng khen ngợi mỗi khi ông đem tài năng, công đức ra khoe.

Song chợt nghĩ đến xã An, ông chau mày nguyền rủa thầm. Xã An, một người đồng nghiệp, một người khả ố, đáng ghét hơn cả trong những người ông ghét.

Kể lão ta cũng đáng ghét thật. Chữ nghĩa không đầy một dúm, lão đã dám có gan xưng là thầy địa lý. Ông lẩm bẩm: địa lý địa liền gì hắn. Thế mà hắn vẫn đắt khách hơn ông, tuy sức học chẳng ra gì. Đắt khách chỉ vì hắn dễ dãi, dễ dãi quá. Bất cứ giá nào, từ một đồng trở xuống dăm ba hào, thậm chí chẳng xu nào cũng được, miễn là làm xong ngôi đất người ta thết một bữa chén.

Để như vậy thì để làm gì cho thêm nhục?

Ông mải nghĩ, đến cổng nhà xã Chính lúc nào không biết. Thằng Chốc vội chạy vào báo. Xã Chính tất tả ra đón: "Lạy cụ ạ, cụ tha lỗi, cháu không dám đến mời cụ sớm quá, sợ cụ rét." Bác vừa nói vừa gãi tai đi theo sau.

Ông lý Khóa đĩnh đạc và trịnh trọng như một ông tiên chỉ đến chủ tọa việc làng. Ông đi thẳng vào trong nhà, không thèm để ý đến hai nong thịt bày ở cửa bếp và bọn người quây quần chung quanh băm thái. Những người ngồi ở dẫy phản hai bên rạp đứng dậy chào. Ông chỉ khẽ gật và nhếch mép cười như thầm bảo họ rằng nhờ có ông, họ mới được hân hạnh đến chén ngày hôm nay.

Vừa bước qua ngưỡng cửa, ông đổi nét mặt, lộ hẳn vẻ sung sướng:

– Ái chà! Tĩnh tiếc nữa kia? Khéo biết tính lão đấy. Nhưng mà lão không biết tiêm đâu. Giá có ông lý Cúc ở đây thì hay nhỉ!

Xã Chính vội chạy lên:

– Bẩm cụ cựu cháu cũng sắp đến. Cháu đã cho người đi mời rồi. Cụ trông bộ khay đèn có được không ạ? Cháu thân hành đến tận nhà ông lý Khoa mượn đấy.

– "Tươm lắm rồi!" Ông vắt tay ra sau lưng, đứng ngắm bộ khay đèn đặt ngay giữa sập trải chiếc chiếu cạp điều mượn bên ông cán Bích. Ngọn đèn dầu lạc thẳng tắp, hình thon như búp ngọc lan chiếu qua chiếc chụp pha lê trong vắt.

Chung quanh đèn, trên chiếc khay gụ bóng lộn, bày ngổn ngang những tiêm, móc, nạo gác trên lưng con sấu bằng sứ, đôi voi phục bằng đá trắng chầu nhau, chiếc ống nhổ sứ trong đựng cái kéo và con dao díp. Rồi lọ đựng rượu, hộp đựng sái, chén đánh sái cáu đen những thuốc phiện. Tất cả những thứ ấy đều nhỏ xíu như những đồ chơi của trẻ con.

Ông lý Khóa nhắc chiếc dọc tẩu đặt bên cạnh khay đèn, ngắm nghía.

– Chưa có thuốc à, bác xã?

– Dạ, bẩm thuốc đây. Cháu không dám bày ra vội, sợ kẻ ra người vào.

Bác vừa nói vừa móc trong túi ra đặt lên khay một hộp mười và một chiếc cóng sừng.

Mặt ông lý Khóa sáng lên, mồm ông lẩm bẩm:

– Hậu nhỉ!

Bác xã Chính được khách khen, tủm tỉm cười, dạ một tiếng khoan khoái.

Chợt tiếng ông cán Bích ở thềm, ông lý Khóa quay ra, niềm nở:

– Ấy kìa cụ cán! Tôi đương mong cụ. Tôi tưởng cụ đến muộn mà lại hóa ra đến sớm nhất. Ông không để ý đến những người ngoài rạp, ông cho họ là những người thừa.

– Thưa cụ, tôi sang đây từ sớm, chưa thấy cụ đến, tôi lại về mở lịch ra xem giờ.

Ông lý Khóa vỗ vào ngực ra vẻ tự đắc:

– Xin cụ cứ hỏi cái lịch này, vừa chóng lại vừa chắc chắn.

– Bẩm, thế có phải giờ thìn và giờ mùi tốt không ạ?

– Vâng, vâng. Giờ thìn tốt lắm. Giờ mùi cũng tốt. Nhưng việc bốc mộ thì giờ thìn tốt hơn, – ông giơ tay ra phía sập – rước cụ, ta vừa nằm cạnh khay đèn vừa trò chuyện cho vui. Cụ biết tiêm đấy chứ?

– Thưa cụ mấy năm về trước thì cũng gọi là tiềm tiệm...

– Tiềm tiệm cũng được, đợi ông lý Cúc...

– Là nói mấy năm về trước, chứ bây giờ mắt kém cỏi, nhà cháu tiêm thế nào được.

Ông lý Khóa thất vọng, thở dài.

Xã Chính băn khoăn, chạy ra chạy vào tìm người tiêm.

Một lát, có tiếng thét bô bô ở ngoài cổng. Bác xã mừng quýnh quay vào chỗ hai ông khách nói như reo:

– Bẩm, bẩm... cụ cựu cháu đã đến. Rồi bác tất tả chạy ra cổng đón.

Lý Cúc kéo lê đôi giầy rách mép và khoác chiếc "ba - đờ - xuy" khố tải. Hình như suốt mùa rét, ông không phút nào chịu rời nó. Cả những lúc nằm tiêm thuốc, ông cũng kéo nó xuống đắp chân. Và lúc say, ông kéo nó lên trùm kín đầu, nằm thiêm thiếp ngủ.

Ông đi đến rạp, mọi người đứng dậy chào.

Ông không chào lại, nhe răng cười, bình phẩm một câu cộc lốc:

– Đông nhỉ!

Ông rảo bước lên thềm, đứng ngoài ngưỡng cửa nói vào, giọng giễu cợt:

– Ha ha! Anh hùng tương ngộ, hai cụ địa gặp nhau.

Ông lý Khóa hớn hở mừng như người được của. Ông ngồi nhổm dậy, cười nói:

– Phải, tương ngộ ở chỗ hai người cùng biết hút mà cùng không biết tiêm, nên nằm khoèo đợi ông đấy.

Lý Cúc vừa đi vào vừa nói tự phụ:

– Việc gì chứ việc tiêm thì cả thiên hạ không ai địch nổi tôi.

Ông cán Bích ngồi nhích ra mép sập để nhường chỗ cho ông lý Cúc.

– Ấy, rước cụ cứ nằm. Tôi tiêm đứng, tiêm ngồi được cả.

– Vẫn biết thế. Nhưng nằm tiêm thì vẫn hơn.

– Vậy xin lỗi hai cụ.

Ông bước lên sập, mở chụp đèn lấy kéo sửa lại ngọn bấc:

– Khay đèn này của ông lý Khoa đây mà. Cái diện tẩu của ông ta kêu và tốt sái lắm, hai cụ ạ. Mà sao ông ta chịu cho mượn? Ông ta vốn khó tính, giữ khay đèn như giữ sơn kia mà.

Ông cầm hộp thuốc gõ lên mặt khay mấy cái, nói: "Không cẩn thận thế này, có khi thuốc vọt ra hết". Rồi lấy mũi dao, chọc một lỗ ở mép hộp để bóp từng giọt một vào chiếc cóng sừng: "Thuốc này đặc, tốt đây. Không như hộp thuốc ở đằng anh hương mới hôm qua, vừa vơi vừa lỏng". Ông nằm gối lên cái tráp sơn then và đắp chiếc "ba-đờ-suy" lên chân. Đoạn ông bắt đầu tiêm.

Hai ông lão thi nhau nịnh ông lý:

– Cụ cán trông, kém gì Triệu Tử múa sang.

– Thôi, ông cựu tiêm thì còn phải kể.

– Ông cựu hút thuốc mà da thịt vẫn hồng hào, ra đường không ai bảo là người nghiện.

Lý Cúc được các cụ phỉnh, phổng mũi, khịt luôn mấy cái:

– Vâng có thế, cháu đi thiên hạ không ai bảo là cháu nghiện, cũng vì cháu không bao giờ hút đến sái ba, sái tư như họ.

Ông nói mà tay ông không lúc nào ngừng.

Ông tiêm khéo thực. Hãy nhìn những ngón tay ông cầm tiêm lăn điếu thuốc lên mặt tẩu, mềm như bún, dẻo như kẹo. Có lúc ông phiết thuốc nhem nhuốc trên mặt tẩu. Người không biết, tưởng ông làm hỏng điếu thuốc. Nhưng chỉ một vài nhát tiêm, ông lấy nó ra như bỡn. Mặt tẩu nhẵn bóng như lau một lượt dầu. Ông tra điếu thuốc vào nhĩ một cách cũng đặc biệt. Ông kéo nó dài như kẹo mạch nha, ông xoắn nó lại như trôn ốc. Ông vừa làm vừa giảng nghĩa: "Có thế điếu thuốc mới chín đều, mới chặt, hút mới kêu... Hai cụ trông, rõ ràng trôn quít."

Ông đưa dọc tẩu vào giữa hai ông, mời:

– Rước hai cụ, cụ lý... cụ cán.

Ông cán giơ tay sẽ ẩy chiếc dọc tẩu sang phía ông lý Khóa:

– Xin rước cụ cứ xơi trước. Cụ còn phải ra đồng. Trời rét này, phải hút để lấy sức.

– Vâng, thế xin phép cụ... ông lý.

Ông đặt cặp môi mỏng quẹt vào đầu xe, kéo một hơi dài. Trước khi thở ra, ông với lấy ấm tích tu một ngụm nước chè nóng:

– Phì!... Ngậy hơn lạc rang.

Ông cán ngồi ngoài, bình phẩm thêm:

– Chạy quá. Thật là réo rắt, không vấp chỗ nào. Năm nay hẳn cụ phát tài.

– Cái đó là nhờ ở tài khéo léo của ông cựu.

– Dạ, không dám, cụ dạy quá. Cháu tiêm khéo đến đâu mà người làm ăn xúi quẩy hút cũng có thể giất.

Ông lý Khóa kéo bốn điếu liền. Nhường hai ông kia, mỗi ông một điếu. Rồi đến lượt sái nhất bao, ông lại kéo luôn sáu điếu nữa.

Ông say tơ mơ. Da thịt ông như rời khỏi mặt chiếu, người ông nhẹ hẳn đi như lơ lửng trên không. Tâm hồn ông khoan khoái, trí tuệ ông sáng suốt như pha lê. Trí nhớ ông dồi dào như lúc ông còn trẻ. Ông thì thầm ngâm những bài phú, bài thơ cổ.

Yên lặng. Khói thuốc đặc bay là là, thơm phức cả ba gian. Tiếng sè sè, tiếng thuốc nướng trên miệng chụp càng làm tăng thêm vẻ yên lặng bình tĩnh. Mọi người đều im thin thít như sợ tiếng động làm tan sức mạnh của nha phiến trong các huyết mạch.

Ngoài rạp người ta vẫn bàn bạc, cãi nhau về địa lý, về mồ mả. Những mẩu chuyện lọt vào trong nhà nhắc nhỏm ông lý Khóa đến công việc của ông. Ông bỏ dở bài phú ông đương ngâm, ngửa mặt trông xà nhà và nói bằng một giọng khinh miệt:

– Họ thì biết cóc gì mà cũng bàn với bạc! Những cánh ấy nói chuyện với lão xã Ân thì vừa hợp... Cá mè một lứa.

Ông lý Cúc chợt nhớ tới câu chuyện bông đùa của ông với ông cán Bích. Ông ngừng tiêm chống khuỷu tay xuống chiếu, ngửng đầu nhìn ông cán, nói nửa thật nửa cợt:

– Này cụ cán, cụ đã tìm cho tôi được ngôi nào chưa, cụ?

– Thấy ông không nhắc đến nữa, tưởng rằng ông nói chơi. Còn cái cổ ngựa với cái vó trước thì họ để cả mất rồi.

– Vó sau hay là móng ngựa vậy.

– Để chỗ ấy thì rồi cơ vận nhà ông thụt lùi.

Ông lý Cúc cười, nói sang chuyện khác:

– Tôi thấy người ta đồn ông thần "Nhất đạc" nhập vào cụ, phải không?

– Họ chỉ nói bậy. Ông thần nào nhập vào tôi! Nhưng mà có một đêm, tôi nằm ngủ thấy ông thần "Nhất đạc" hiện lên, báo mộng cho tôi biết rằng tôi có đại phúc, được ông truyền cho các phép về môn địa lý.

Ông quay sang ông lý Khóa nói tiếp:

– Mà lạ quá cụ ạ, từ hôm ấy trở đi, tôi tự nhiên nhìn con long ra con long, con phụng ra con phụng, hình nào rõ rệt hình ấy, không hề nhầm lẫn.

Ông lý Khóa không trả lời, nằm yên một lúc rồi, giọng khàn khàn nhuộm vẻ mỉa mai, ông nói như người diễn thuyết cho công chúng:

– Đời nay nhiều người biết được dúm chữ quèn đã vội vác địa bàn đi làm đất làm cát rối xòe. Họ không chịu hiểu rằng nghề địa lý cũng khó và nguy hiểm như nghề làm thuốc, có phần còn khó và nguy hơn nhiều nữa. Một thầy lang băm chỉ có thể làm chết được những bệnh nhân mà tính mệnh đã sa vào tay họ. Nhưng thầy địa gà mờ có thể làm hại được cả nhà, cả họ người ta. Rồi... Rồi tôi kể cho các ông nghe câu chuyện mới xảy ra trong khoảng vài ba năm nay để chứng thực cho lời nói của tôi.

Ông lý Cúc đương sốt ruột vì ông lý Khóa hút đã nhiều. Tay ông tiêm đã thấy chán, mà ông thì chưa hút được mấy điếu. Ông làm ra mặt niềm nở và nói bằng một giọng chí thiết:

– Vâng, vâng, thế thì còn nói gì nữa. Cụ cứ kể cho chúng tôi nghe... cụ kể đi.

– Hượm! Hãy cho lão vài điếu nhấp giọng đã.

Lý Cúc vâng một tiếng bất đắc dĩ và nghĩ thầm: "Hút lấy chết hay sao mà cố hút mãi?" Liếc nhìn thấy ông cán Bích cũng có vẻ khó chịu, ông tủm tỉm cười.

Ông lý Khóa làm luôn ba điếu nữa rồi nằm ngửa, một tay vắt lên trán, ông bắt đầu kể:

– Cụ án Nguyễn, người làng Vĩnh Long, – ông xoay lại, nằm nghiêng về phía bàn đèn, – chắc ông cựu cũng biết.

Lý Cúc chẳng biết gì, nhưng trả lời phứa:

– Có, tôi có biết... biết tiếng thôi.

– Cụ ấy về hưu đã bảy tám năm nay. Giàu sang, danh giá, thì tôi mới thấy là một. Nhà cửa rung rinh, cái nọ liên tiếp cái kia như động, chẳng kém gì nhà cụ quận – tuy ông chưa hề bước tới nhà cụ quận – ông cả làm quan, ông hai buôn bán sầm uất, ông ba ở nhà hầu hạ cụ ông cụ bà và một mình trông nom hàng trăm mẫu ruộng. Những ruộng ấy còn đất gấp rưỡi ruộng làng Cầm ta này. Sáu, bảy trăm một mẫu.

Lý Cúc nói chêm một câu bình phẩm để tỏ ra người ham nghe chuyện:

– Sáu, bảy trăm một mẫu! Vậy trăm mẫu không biết đến bao nhiêu của. Giàu thật! Rồi ông thản nhiên hút.

– Vâng. Sáu bảy trăm một mẫu. Giá cánh mình được ngần ấy ruộng thì vừa ăn, vừa tiêu, vừa hút mấy đời cũng chẳng chuyển.

Ông lý Khóa ngồi dậy hút thuốc lào. Đoạn ông lại nằm xuống kể tiếp:

– Rồi năm kia, trong khoảng tháng ba, cụ Án bỗng tự nhiên đau mắt, mỗi ngày một nặng. Rồi ông cả, ông hai, ông ba, cả nhà cùng đau mắt. Nếu cùng ở một nhà thì còn có thể bảo rằng lây. Đằng này, mỗi ông một nơi xa nhau hàng dặm. Xem bói, thì ông thầy bảo động mộ tam đại... Làng cụ, độ ấy có ông thầy Tàu mới ở Tàu sang, không

biết tiếng Annam. Đi đâu cũng kèm theo một người Tàu nữa làm thông ngôn...

Ông cán Bích ý chừng thấy ông lý Cúc quên hẳn mình, sốt ruột nói:

– Ông lý để lão điếu ấy nhé!

– Vâng, cháu cũng định mời cụ xơi.

Ông lý Khóa ngừng kể, đăm đăm nhìn ngọn đèn.

Lý Cúc vội giục:

– Thế rồi ra sao, cụ? Ông thầy Tàu ấy hẳn là một danh sư, phải không cụ?

Ông nói trái hẳn ý ông dự đoán, cốt để khơi chuyện thêm.

Ông lý Khóa kể tiếp:

– Cứ theo tiếng đồn thì hắn ta là danh sư. Vì thế cụ Án mới cho đi mời về nhà, thết đãi cơm rượu, thuốc phiện. Cụ hết sức chiều chuộng. Thầy muốn gì cũng được... Trong ngót tháng trời, chiều nào thầy cũng cùng người thông ngôn đi lang thang trên các đồng làng. Lúc trở về, cụ Án hỏi, thầy sì sồ mấy tiếng để người thông ngôn dịch lại rằng chưa tìm thấy chỗ nào đích đáng.

Ông còn muốn kéo dài câu chuyện, song thấy lý Cúc và ông cán Bích chuyền tay nhau hút, ông vội tóm tắt, cốt cho chóng xong:

– Thế rồi lão thầy Tàu cho bốc mộ tam đại nhà cụ Án đi nơi khác. Chưa đầy một năm, cụ Án thụ bệnh, quy tiên. Vài tháng sau cụ bà nối gót cụ ông lên chầu trời. Năm sau lại đến lượt ông cả. Ông hai tự nhiên bỏ hiệu đi đâu mất. Còn ông ba đâm ra chơi bời. Bao nhiêu ruộng nương bán sạch. Đến nay túng quá đến nỗi ông phải nậy cả gạch sân đem đi bán.

Rồi sợ lý Cúc bắt bẻ lôi thôi, ông kết luận luôn:

– Xem thế đủ biết một thầy địa lý gà mờ có thể gây nên tai vạ to tát đến thế đấy.

Nhưng dẫu sao cũng muộn quá rồi. Lý Cúc đã hút hết lượt sái nhì. Ông tháo tẩu, lấy móc nạo kèn kẹt. Thôi, kéo lại lượt sái ba này vậy.

Xã Chính sửa soạn đã xong, đợi lâu, nóng ruột, đi lại nhắc khéo:

– Thưa cụ, cất mộ vào giờ nào, cháu quên mất.

Ông cán Bích nhanh nhảu, đỡ lời:

– Giờ Thìn.

– Bẩm, giờ Thìn là mấy giờ ạ?

– Vào khoảng từ tám giờ đến mười giờ.

– Bẩm, vậy thì từ sáng đến giờ có lẽ muộn lắm rồi.

Lý Cúc gặp được dịp tốt, bèn ra vẻ sốt sắng giục ông lý Khóa:

– Chết chửa! Mải nghe chuyện cụ, quên lú đi mất. Thế nhờ cụ đi ngay cho vợ chồng nhà hắn, sớm sủa còn hơn muộn, cụ ạ. Nhỡ quá giờ thì rầy rà lắm đấy.

Ông quay ra nói với xã Chính:

– Thế các thức bác đã sắm sửa đủ cả rồi đấy chứ?

Xã Chính tươi tỉnh, gãi tai:

– Bẩm, đủ cả rồi, chỉ còn đợi cụ lý nữa thôi.

Ông lý Khóa bất đắc dĩ phải đứng dậy. Ông với tay về phía lý Cúc.

– Ông cựu cho lão mượn chiếc... đờ suy nhé?

Lý Cúc ngần ngừ. Ông cán Bích nói giúp:

– Phải đấy, ông cựu cho cụ mượn chiếc "đờ suy" kẻo ngoài đồng rét lắm.

Lý Cúc không thể chối từ, khẽ thở dài nói:

– Vâng... nhưng bác xã phải cho tôi mượn chiếc áo bông mới được.

– Bẩm, áo bông nhà cháu "tã" lắm, đem ra sợ không tiện. Nói rồi, bác tủm tỉm cười.

– Tã cũng được. Đắp chân ấy mà! Tôi quen, không đắp chân không chịu được.

Ông lý Khóa vừa đi khỏi, ông cán Bích không đợi mời, nằm ngay vào chỗ ông ta.

Lý Cúc lẩm bẩm:

– Chẳng biết môn địa lý của cụ thế nào, chứ môn hút thì khá lắm.

*

*   *

Ông lý Khóa đi đầu, hai tay thọc trong túi "ba-đờ-suy". Theo sau, xã Chính cầm bó hương xạ và cắp nách cái địa bàn bọc trong vuông vải tây điều. Thằng Chốc xách ấm nước chè nóng và mấy cái bát

sành như khi nó đi đổi đồng [1]. Thằng cu Lớn cầm điếu cầy với bùi nhùi. Bác xã gái cắp cái rổ đựng trầu cau têm sẵn. Thằng cu Con níu váy mẹ vừa đi, vừa chạy. Sau cùng, thằng Tín đội cái quách sơn đỏ trong đựng chiếc tiểu sành, thằng Mùi vác cuốc, mai, thuổng và một cuộn dây thừng.

Cả nhà xã Chính mặc toàn đồ trắng. Tín và Mùi là người trong họ được mỗi đứa một cái khăn trắng dẹp đét độ hai tao. Nếu không thấy có những bộ áo trắng làm biểu hiệu cho việc tang, mặc ra ngoài những bộ áo thâm, áo nâu, thì người ta có thể lầm đó là một bọn thợ.

Lũ trẻ đương nô đùa trong sân đình, tò mò chạy ra xem. Chúng đi nối đuôi một quãng ngắn. Không thấy gì lạ, chúng đâm chán chạy về sân đình nô đùa như trước.

Chốc, chốc lại một vài bà đi chợ về, đứng lánh ra một bên đường, chào hỏi: "Cụ ạ!... Hai bác sang nhà mới cho ông đấy hử? Lát nữa chúng tôi đến làm giúp, nhé?".

Bác gái nhanh nhảu đáp lại: "Vâng, trưa nay mời các bà đến ăn cỗ mừng nhà mới cho ông tôi". Bác nói thế là vì bác đã hiểu ngầm nghĩa hai chữ "làm giúp".

Tới đồng, gió lộng quá, bạt cả hơi. Người nào người nấy mặt tái mét, môi thâm lại. Họ thu hình, chụm vào nhau đi cho đỡ rét. Riêng một mình ông lý Khóa vẫn thản nhiên, bước mạnh bạo. Đó là nhờ sức nóng của chất thuốc phiện chuyền đi khắp mạch máu, khắp thớ thịt.

Xã Chính nói to với vợ, cốt để ông lý nghe rõ: "Bu nó trông, ông lão ngoài bảy mươi tuổi đầu mà còn tráng kiện hơn bọn mình. Quý hóa thật!"

Vợ hiểu ý chồng cũng trả lời to tiếng:

– Cụ nhân từ đi làm phúc cho khắp bàn dân thiên hạ thì trời, phật lại để phúc cho cụ. Rồi chức thủ chỉ lão thế nào mà chả đến tay cụ.

Ông lý Khóa nghe rõ, sung sướng lộ ra nét mặt, tuy ông không quay lại, không trả lời hai bác...

Gần tới mộ, xã Chính rảo bước lên trước dẫn lối... Bác đứng xoay lại, chỉ tay xuống: "Bẩm cụ đây rồi."

---

1. *Đi đổi đồng*: mùa gặt, có nhiều người (thường là trẻ em, bà già) đem nước chè tươi, điếu đóm ra đồng mời những thợ gặt uống nước, hút thuốc, để được họ cho lại lượm lúa; việc đó gọi là *đổi đồng*.

Bấy giờ vào độ gần trưa, mà trông như vừa mới sáng. Vì không có nắng. Khắp trời, một màu trắng lờ như sữa. Đồng lúa xanh non bát ngát, từng chỗ nổi lên những khóm tre dầy và xanh om. Những tha ma cỏ xanh biếc, đủ các hình, chồi ra, hoắm vào như những bán đảo, những mũi bể, những vịnh nhỏ.

Cả bọn đứng lố nhố, xa trông như một đàn cò.

Tín, Mùi và xã Chính hì hục đào. Mùi cỏ thơm, mùi đất ẩm và mùi lúa non, thoang thoảng, nhẹ nhàng mộc mạc.

Bác xã gái ngồi xổm trước rổ trầu cau. Mỗi cơn gió bấc thổi mạnh, bác xo vai, rụt cổ, xuýt xoa: "Re... ét! Ngồi yên một chỗ càng thấy rét khỏe". Thằng Chốc chạy đi chạy lại đem trầu nước, điếu đóm cho những người làm, để khỏi mất thì giờ, chậm trễ công việc của họ. Ông lý Khóa vẫn hai tay thọc trong túi, đứng tư lự ngắm bốn phương...

Bỗng ông giơ tay vời xã Chính, gọi to: "Này, bác xã! Lại tôi bảo."

Xã Chính đưa cuốc cho thằng Chốc, chạy vội lại.

Ông lý Khóa vươn tay ra vừa nói vừa chỉ vòng theo con đường đất ngoằn ngoèo: "Bác để ý trông, Văn chỉ thờ đức Khổng ta làm ngay trên đầu rồng, cái ao làng với cái giếng đằng trước Văn chỉ là hai mắt rồng. Chỗ phình ra, ngay chỗ gốc cây đa, là hòn ngọc. Nhờ hòn ngọc ấy mà làng ta lắm khoa bảng, lắm quan to đấy nhé. Bác cứ theo tay tôi chỉ. Mộ cụ Lang Trung xây ngay trên mình con rồng. Cụ tinh thực. Dòng dõi cụ là dòng dõi nhà địa lý có khác".

Xã Chính không kịp nghĩ trước, cãi lại:

– Thưa cụ, thế sao con cái, cháu chắt cụ Lang chẳng làm nên trò trống gì... chỉ đến lý thôn là hết.

– Cái đó là tại số.

Thấy câu mình trả lời vô lý quá, ông liền chữa lại: "Người ta thường nói: sống nhà, già mồ. Tại con cháu cụ không xoay hướng nhà cứ để xây lưng vào đình thì hèn nào... Bây giờ bác nhìn đến dải đất này ở ngay vào chỗ đuôi con rồng nó quẫy. Bác tính, nó mà đã quẫy thì cái gì gần đấy chả phải đổ nát. Vậy ngôi mộ ông cụ nhà bác để đây không tài nào yên được. Không những thế... bác lại đây..."

Ông cầm tay xã Chính kéo sang phía khác, và nói tiếp: "Bác trông con kim, cạnh chùa Tiên xiên thẳng lại. Bác xem, cái gì cũng là phản

cả. Còn nhiều lẽ khác, có nói bác cũng không sao hiểu được vì bác không biết địa lý... Ngôi đất này, chắc do tay xã Ân làm đây chứ gì."

Bọn Mùi đào đã đến ván. Thằng Mùi quay ra hỏi. Xã Chính chạy lại. Ông lý Khóa truyền: "Cứ mở lên!"

Mùi và Tín, đứa cầm thuổng, đứa cầm mai, bẩy mạnh nắp ván... Một mùi hăng hăng, tanh như mùi bùn xông lên. Thằng Tín sợ, lùi lại vài bước. Thằng Mùi đi bốc mộ thuê đã quen, không rụt rè, sợ hãi, nó cúi xuống mò xương chìm dưới thứ nước xam xám và sền sệt như nước bùn. Xã Chính đốt mươi nén hương xạ, đem ra cắm bên mộ, trước đầu gió, rồi đứng trên bờ mộ đợi.

Thằng Mùi cầm chiếc đầu lâu giơ lên. Xã Chính chìa hai tay đỡ lấy một cách kính cẩn. Thằng Chốc sợ ù té chạy. Xã Chính gắt con: "Đồ bất hiếu, bất mục. Hoa cái ông mày chứ hoa cái ai". Bác ngồi xuống rửa kỹ càng trong chiếc chậu sành, và trước khi đặt vào trong tiểu, bác rưới ít nước ngũ vị đựng trong chiếc chậu khác. Bác vừa lẩm nhẩm khấn: "Lạy cụ, cụ có khôn thiêng, xin cụ phò hộ cho cả nhà được thịnh vượng, làm ăn được may mắn, buôn bán được nhất bản vạn lợi..." Và bác tưởng như lời bác cầu khẩn đã được ông cụ chứng giám.

Chiếc đầu lâu nhe bộ răng nham nhở đen như cười chế nhạo. Mỗi lần bác rửa một đoạn xương, bác lại khấn như trước.

Ông lý Khóa đứng bên kia hố, hỏi sang:

– Thế nào, có khá không?

– Bẩm, cái xương nào cũng hơi xam xám như màu tro ấy.

– Thế thì xấu lắm nhỉ! Cũng may, chỉ độ một năm nữa thì sẽ mục nát như nước chè loãng.

Thấy xã Chính lộ vẻ buồn, ông thương hại, nói tiếp, vừa để an ủi bác vừa để phô tài năng của mình:

– Không ngại, bác ạ. Rồi được chỗ đất tốt, hài cốt lại màu dần. Mà ngôi mộ tôi sắp để cho ông cụ nhà bác mười phần chắc chắn là tốt cả mười.

Xã Chính hớn hở, trong lòng đầy hy vọng:

– Thôi thì trăm sự nhờ cụ cả. Sau này chúng cháu mở mày mở mặt ra được cũng là nhờ lòng nhân đức của cụ.

– Không dám. Giọng nhún nhường của ông lý không đủ che kín vẻ kiêu ngạo lộ trên nét mặt và trong dáng điệu ông.

Thằng Mùi mò đi mò lại mấy lần khắp lòng ván rồi đứng thẳng người, hai tay rủ xuống. Những ngón tay đen xạm xòe ra và cứng như càng cua.

Xã Chính giục:

– Mò nữa đi chứ!

– Tôi đã mò đi mò lại bốn, năm lần. Thật hết không còn một đốt xương nhỏ.

– Thì mất gì. Chú cứ chịu khó mò kỹ đi, nhỡ còn sót thì khốn.

Thằng Mùi nể lời, cúi xuống mò lại lần nữa: "Hết, thật hết."

Xã Chính vẫn chưa tin. Bác cầm cán thuổng thúc bật những mảnh ván cho nước ở trong chảy ra, rồi cúi sát xuống, chăm chú nhìn như lúc bác tìm đồng hào hay cái kim rơi.

Thằng Mùi tủm tỉm cười, nói lẩm bẩm:

– Gớm! Ông lão cẩn thận quá. Tôi đã bảo không còn là không còn.

Xã Chính nghe rõ, trả lời lại:

– Cẩn tắc vô ưu, chú ạ. Thế bây giờ chú với chú Tín mang những ván thôi lên bờ rồi lấp hố lại cho tôi.

Bác xã gái nhút nhát từ nãy vẫn ngồi yên một chỗ không dám bén mảng đến. Cũng như bác trai, bác lẩm bẩm khấn luôn miệng.

Gió về trưa đã bớt lộng. Và khí nóng mặt trời ẩn trong mây đã làm ấm áp đôi chút. Phong cảnh đồng áng phơi dưới nắng, thoát hết hơi ẩm, trông như bức tranh sơn đã khô màu.

Ông lý Khóa đứng lâu dồn cẳng nên có vẻ mặt nhăn nhăn. Ông sắp sửa giục thì xã Chính cùng với Tín, Mùi ở dưới ruộng nước đi lên, và lau tay ướt vào vạt áo, nói:

– Thưa cụ, việc chúng cháu xong cả rồi. Bây giờ cụ truyền cho thế nào?

– Xong rồi à? Vậy thì theo lão đây. Lão xin đưa ông cụ đến chỗ đắc địa.

Xã Chính nghe hai tiếng "đắc địa" lấy làm thỏa lòng. Bác vui vẻ đứng cắt việc cho từng người. Thằng Tín từ nãy được nghỉ ngơi thì bây giờ phải cáng đáng việc đội quách.

Tín biết rằng không thể từ chối đành ngồi xuống đội, nét mặt khó đăm đăm. Xã Chính bê quách đặt lên đầu Tín, gượng cười nói: "Nhẹ đấy, không nặng đâu, mình ạ."

Tín, hai tay đỡ lấy hai đầu quách nặng nề đứng dậy:

– Phải, nhẹ, nhẹ è cổ, sụm cả xương sống.

Bác xã gái đi sau, cự:

– Chớ nói bậy, tội chết. Này! Các cụ thiêng lắm đấy, chẳng bỡn đâu.

– Thì ai dám nói các cụ không thiêng. Nhưng mà nặng thì "vưỡn" nặng.

– Này, càng kêu nặng, người càng làm cho nặng thêm.

Bác quay lại nói với chồng:

– Ngày xưa, thím Em, mình nhỉ, chắc ngày ấy chú Tín chú Mùi còn bé chưa biết. Thím ta đội thúng hài cốt ông cụ nhà thím ta từ làng Vọng Cách về nhà. Thế mà từ đấy về đến làng xa hàng ba bốn thôi đường. Thím ta kể lại rằng thím ta thấy lúc nặng chĩu như thúng đá, lúc nhẹ bỗng như thúng bông. Biết là ông bà ông vải thiêng, thím ta vừa đi vừa khấn: "Con cắn rơm cắn rác con lạy cụ, cụ sống khôn thác thiêng, cụ thương đến nỗi vất vả nặng nhọc của con cháu mà làm nhẹ đi cho con cháu rước cụ về được đến nơi đến chốn". Thím ta khấn thế mà rồi cái thúng thím ta đội trên đầu bỗng nhẹ hẳn đi. Thím ta bảo y như thể có người dìu dắt, về đến nhà chẳng biết mỏi chân mỏi gối là gì nữa. Chú nghe đấy, chú Tín ạ. Đừng có báng bổ vào rồi mà tội đến thân.

– Nào tôi có dám báng bổ! Nhưng mà hiện giờ tôi càng thấy nặng thì bác bảo sao?

Thằng Mùi vác mai, cuốc, thuổng đi bên cạnh thằng Tín, nói gắt:

– Nặng gì mà nặng? Mày chỉ khéo vẽ!

Thằng Tín cũng tức, gắt lại:

– *Phải, mày đi đầu không thì hèn nào! Tao mà đi đầu không như* mày thì bốn cái quách tao còn kêu nhẹ... Ông cứ nói thánh mãi... Ông thử đội lên đầu ông xem...

Thằng Tín vốn hóm vặt. Nó biết thằng Mùi có tính hay tức khí nên nói kháy để thằng kia bị mắc lừa.

– Ái chà! Đưa đây tao. Trông mày đội nhọc nhằn mà ngứa cả mắt.

Thằng Mùi trúng kế, đưa đồ làm cho xã Chính, rồi ghé đầu đỡ lấy quách.

Tín thích chí, xoa đầu cười nói:

– Thưa ông, ông đã thấy nặng chưa?

– Thưa ông tôi chẳng thấy nặng gì cả. Có ông lười thì ông mới giở chứng ra thế thôi.

Bác Chính gái sung sướng kêu lên:

– Chú Mùi! Chú không thấy nặng phỏng? Thôi, thế thì tuổi chú hợp với tuổi ông cụ nhà tôi rồi. Lạy cụ, hồn cụ đã về.

Rồi bác chắp tay vừa đi vừa vái sau quách. Mùi, muốn được lòng hai vợ chồng xã Chính, trả lời:

– Vâng, bây giờ tôi lại thấy nhẹ hơn trước.

Bác xã gái có vẻ tự phụ, quay nói với Tín:

– Chú đã thấy chưa?

Tín cười:

– Quái nhỉ, tôi thì tôi cứ thấy nặng mãi lên. Dễ thường tuổi tôi không hợp nên cụ không về chăng?

– Hẳn chứ! Bây giờ chú mới biết là cụ thiêng nhé.

Chồng đi cạnh vợ, nói xen:

– Thằng Tín với thằng Chất là hai thằng quỉ sứ nhà trời đấy, mình ạ. Hắn có tin đâu mà mình nói với hắn. Ngày còn nhỏ hai đứa vẫn ăn trộm bụt ốc nhỏ giất cạp quần mang ra bày đình. Liệu hồn, vớ phải nơi thiêng thì bỏ đời.

– Ngày xưa chứ bây giờ thì ai dám.

Họ vừa nói chuyện vừa theo ông lý Khóa đi tạt qua đường cái, rẽ xuống bờ ruộng, rồi đến một bãi cỏ giáp giới làng Tiên. Ông dừng bước, nét mặt tư lự. Xã Chính hỏi:

– Bẩm cụ đây?

– Ừ, đây rồi.

Bỗng ông giật mình, cặp mắt lơ láo:

– Thôi chết rồi! Tôi bỏ quên địa bàn...

Thằng Tín cười rũ rượi, rồi vừa nói vừa chỉ:

– Bẩm... bẩm, nó sờ sờ ngay nách cụ kia nhé!

Mọi người quay nhìn và cùng cười ồ lên. Ông lý hơi có vẻ ngượng, tủm tỉm nói sẽ:

– Tôi mải nghĩ, quên lú đi mất.

Thằng Tín:

– Chắc cụ mải nghĩ đến ngôi đất...

– Phải, – ông lý cất cao giọng – này, lắm lúc mải suy nghĩ về địa lý, lão đâm ra lơ đễnh quá. Có khi kính đeo ngay trên mắt mà cứ đi tìm kính, hay bút giắt mang tai mà cứ đi tìm mãi mới chết chứ!

Vợ chồng xã Chính không lơ đễnh như thế bao giờ, nên cho là một sự lạ hiếm có.

Ông lý ngồi xổm mở khăn vuông lấy địa bàn đặt lên cỏ. Ông lẩm bẩm trong miệng sẽ quá, không ai nghe rõ. Có lúc ông vừa nhẩm vừa bấm đốt tay, hoặc đứng thẳng lên, hai tay chống cạnh sườn, nghiêm nghị nhìn tứ phía. Đoạn, ông lại ngồi xuống, xoay đi xoay lại mấy lượt cái địa bàn. Mọi người, cả .thằng cu Nhớn, thằng cu Con, đứng chung quanh chăm chú vào công việc to tát của ông...

Ông lý đã đặt xong địa bàn, ông đóng xuống đất chiếc cọc tre vót nhọn, buộc vào đấy và liền sát cỏ một sợi dây gai. rồi ông cầm đầu dây căng thẳng ngang mặt địa bàn. Ông đưa đầu dây cho xã Chính và bảo: "Hễ lão bảo nhích về bên nào thì nhích về bên ấy nhé."

Xã Chính vâng một tiếng rồi cầm đầu dây, ngồi xổm xuống, tay run run vì cảm động, chỉ sợ làm hỏng công việc.

Ông lý đi lại chỗ địa bàn, ngồi cúi gầm nhìn sợi dây và luôn luôn truyền lệnh: "Nhích về đằng đông. Đằng đông kia mà! Bác này hay nhỉ".

"Chẳng biết đằng đông là đằng nào... Lại quá rồi. Nhích trở về đằng tây, một tí tị thôi... Ấy, lại quá rồi."

Ông khó chịu, nhìn lên thấy tay xã Chính đương run. Ông nói tiếp:

– Run bần bật thế kia thì làm trò gì được... Tín! Vào hộ bác mày tí.

Xã Chính bẽn lẽn đứng dậy, đưa dây cho Tín và nói chữa: "Người ta bảo tại ngày xưa cháu hay ăn chân gà hóa run tay."

Thằng Tín ngồi xuống làm theo lời chỉ bảo của ông lý nhích có hai, ba lần được ngay.

Ông lý bảo nó dí chặt đầu dây xuống cỏ để giữ yên một chỗ. Đoạn, ông sai thằng Mùi đóng chiếc cọc thứ hai vào đấy và buộc dây vào chân cọc như bên kia. Ông soát lại địa bàn một lượt nữa rồi ra lệnh cho hai đứa đào, lấy hai chiếc cọc làm đích giữa hai đầu hố, công việc quan hệ của ông đến đây là xong. Mặc cho chúng đào, ông gọi xã

Chính ra một nơi nói chuyện, cố nhiên là chuyện địa lý. Theo lời ông thì kiểu đất này hình con cá sắp hóa long. Ông để ngay nơi bụng. Sau này vợ chồng xã Chính sẽ được con cái đầy đàn và làm ăn sẽ mỗi ngày một nẩy nở. Ông nói ông không dám để ở phía đầu hay phía đuôi. Vì hai chỗ đất ấy đều tiền nghịch hậu phát [1] tuy rằng phát to gấp trăm nghìn nơi bụng: "Những chỗ đất ấy phải để cho nhà nào thật đại phúc; chứ nhà bác thì tuần nghịch không kịp tuần phát [2]. Nhưng mà nhờ ngôi mộ này rồi thế nào cũng khá và sẽ có quý tử."

Từ nãy bác xã gái chỉ đứng nhai trầu nhìn họ làm việc. Chợt nghe hai tiếng "quý tử", bác hớn hở chạy lại phía chồng: "Mình ạ, đúng như lời thầy bói." Và vì lời ông lý Khóa bác càng chắc chắn tin lời thầy bói cũng như vì lời thầy bói bác chắc chắn tin lời ông Lý Khóa. Bác tưởng quý tử của bác đã ra đời tuy hiện giờ bác chưa thai nghén.

Thằng Mùi ngửng lên hỏi:

– Bẩm thế này đã được chưa?

Ông lý Khóa đi lại, cầm thuổng thọc xuống rìa hố. Ông đánh dấu vào cán thuổng, rồi gang tay, đo: "Các anh đào cho lão một lưỡi mai nữa thôi." Đoạn, ông lại đứng nói chuyện với xã Chính: "Bác đừng tưởng hố nông, sâu không có can hệ mật thiết gì đến mạch đâu. Sâu một tí thì quá mạch, mà nông một tí thì chưa tới."

Xã Chính nghe mà khâm phục, coi ông lý Khóa như một vị thánh. Bác mang máng nhớ đến sự tích ông Tả Ao mà bác đã được nghe lỏm ở đâu đó.

Tín và Mùi đào xong. Ông lý truyền đặt quách xuống. Cả hai vợ chồng xã Chính đều cảm động hồi hộp. Hồi hộp vì sung sướng, trái hẳn với ngày hai bác đưa ông lão ra đồng và lúc nhìn chiếc áo quan mộc mạc quàng trong hai đoạn thừng thô kệch từ từ lọt xuống cái hố sâu hoắm và nhơm nhớp những bùn. Hồi ấy hai bác cũng cảm động, cũng hồi hộp, nhưng cảm động và hồi hộp một cách đau đớn, thảm thiết và ghê sợ lạnh toát cả người.

Miệng hố lấp đi rồi, trông chẳng khác một ngôi mộ mới. Hai bác mừng rỡ, vui sướng như đương đứng trước cảnh giầu sang mới phát của ông cha nơi chín suối.

---

1. Những ngôn ngữ của thầy địa lý trong môn để mả.

2. Như trên.

Xã Chính tưởng nhìn thấy những đoạn xương sáng dần. Và những bối tơ hồng đương nẩy nở để rồi sau này kết cả bộ xương rời rạc thành một vật kỳ dị. Và suốt dọc đường từ mộ về nhà, bác yên lặng đi mắt mơ mộng một cảnh giàu sang. Cảnh ấy, theo ý thiển cận của bác, là một con trâu cái béo mập cùng một con nghé đương tơ thảnh thơi trên đường cỏ, là những ruộng lúa xanh non hay vàng hoe bông thóc, là một nếp nhà tranh sạch sẽ, kín đáo với rặng cau tươi tốt đằng trước, khu vườn đầy chè đằng sau, với ba, bốn con lợn lành mạnh tranh nhau thọc mõm trong chiếc ang sành đầy cám...

Bác nghĩ liên miên, chẳng để ý đến những tiếng ồn ào nói chuyện ở chung quanh, quên hẳn công việc cỗ bàn bác sắp phải săn sóc.

KHÓA CẤP ĐIỀN

Theo tục làng, cứ ba năm lại có một khóa cấp điền. Bao nhiêu ruộng quan phân phát cho nhân đinh đều thu về để phân phát lại. Mỗi xuất hai sào, lần lượt, bắt từ trên trở xuống đến hàng xã nhép. Vì thế mà bao nhiêu nạc, các ông trên vạc hết còn xương xẩu vứt đi. Cũng vì thế mà xã Chính thường thờ ơ lãnh đạm trong khi các ông kia vồ vập như mèo thấy mỡ. Ấy là chưa kể các ông còn hý hửng được dự vào bữa chén của ông tiên chỉ mời làng, nghĩa là mời từ hương lý trở lên đến chức sắc.

Nhưng khóa này khác hẳn mọi khóa, ngót tháng trời, không mấy bác xã không nhắc nhỏm tới. Bác chờ đợi, mong ngóng như khi còn bé bác mong ngóng tết ngay từ hôm hai mươi tháng chạp. Đến nỗi vợ bác phát gắt: "Nó đến thì rồi tự khắc nó đến, việc gì mà mình cứ bồn chồn nhắc nhỏm luôn, mất cả công cả việc".

Bác không cãi, chỉ mỉm cười yên lặng. Nhưng lòng bác không sao lặng được.

Bác mong ngóng không phải vô cớ: vợ chồng bác quẫn bách quá, đã phải bán sạch ruộng cho bà Chánh Bá. Bà ta vốn là một người làm ăn chắc chắn, cẩn thận, hay trông giỏ bỏ thóc. Thấy bác ngoài mấy thước đất ở không còn gì bảo lĩnh, bà ta không ngần ngại, đã thu về hai mẫu trước kia vẫn cho bác thuê, chỉ để lại cho bác lĩnh canh bảy sào ruộng cũ của bác. Bà thường nói một mình: "Thế cũng là tử tế lắm rồi. Chứ ai dại gì nắm dao đằng lưỡi".

Xã Chính không lo phiền. Bác tin chắc ở lời thầy bói, ở ngôi mộ, ở lời ông lý Khóa mà bác cho là một vị thánh sống.

Vả lại xong công việc sang cát, còn bao nhiêu vốn liếng, bác đưa cả cho vợ con bôn tẩu. Nhờ cái thúng vải sồi của vợ, nhờ hai bồ hàng của con, nhà bác đủ ăn, lại để ra được ít lời. Sự may mắn ấy làm lòng mê tín của bác quên được nỗi lo phiền.

Nhưng bác chưa mãn nguyện. Bác thấy xã Bửng, xã Bật, người nào cũng cấy hàng bốn năm mẫu. Những ruộng ấy toàn là ruộng quan họ thuê được của các ông trên. Bác bắt chước, cũng đi khắp làng, chọn những ông nào mà bác cho là túng bấn nhưng đứng đắn, thực thà. Bác biết rằng phải thuê ngay từ hai năm, một năm hay ít ra bảy tám tháng trước ngày cấp điền. Không có thì họ thuê tranh mất. Còn giá ruộng cao, hạ là tùy từng thứ bậc. Có nhiều phần ruộng rẻ thối ra mà bác không dám màng tới. Vì nó là của những tay hóc búa, thường đã gán cho bốn năm người rồi cũng nên. Thế mà tiền thuê ruộng thì phải trả trước hoặc cả, hoặc nửa, hoặc một phần ba, phần tư, tùy theo sự khẩn cấp của nhà có ruộng.

Bác tính ra bác thuê được của ông hàn Năm hai sào thuộc vào số thượng đẳng điền. Ông ta đòi tám đồng. Bác vật nài mãi, bớt được năm hào và đã trả trước bốn đồng. Bác lại thuê được của hai cha con ông Chánh Hẵng bốn sào thuộc vào trung đẳng điền, nhưng cũng tốt chẳng kém gì hạng thượng đẳng. Bác trả trước một nửa là năm đồng, còn bác sẽ giao lại sau khi bắt ruộng. Bác đắc chí cho là bốn phần ruộng ấy bác thuê được rẻ quá. Ngoài ra, bác còn thuê được của ông lý Cốc, ông hương Canh, ông khán Kiệu sáu sào đều thuộc hạng trung đẳng. Bác trả trước người một đồng, người đồng rưỡi, người hai đồng, tính ra bác thuê tất cả được mẫu hai và ba chục bạc thuê bác đã trả được mười hai đồng rưỡi.

Nhưng hôm nay chính là ngày cấp điền thì bao nhiêu mong mỏi, chờ đợi đã đổi ra lo lắng vẩn vơ. Bác lo và bác đâm ra ngờ vực, ngờ vực cả những người mà bác chắc chắn là tử tế thật thà xưa nay. Không sao được, bác đành vin vào số mệnh: "Á sà! Số mình khá thì vạn sự đều nên".

– Này bác Chính! Đi đâu mà hấp tấp, vội vàng đầu cúi gầm xuống thế kia?

Xã Chính giật mình, ngửng lên, thấy xã Bửng, xã Bật ngồi ở trong quán nước.

Bác rẽ vào ngồi cạnh xã Bửng và nhếch mép cười một cách nhạt nhẽo. Bác lật ngửa cái bát sành úp trên chõng tre: "Bà hàng cho tôi bát nước". Rồi quay sang hỏi xã Bửng: "Thế nào, khóa năm nay cũng như mọi khóa chứ?"

Xã Bật gác một chân lên đùi, trả lời:

– Rắc rối lắm!

Xã Chính sửng sốt:

– Sao? Sao lại rắc rối?

Xã Bật đắc chí rung đùi cười:

– Rắc rối là rắc rối, chứ còn sao nữa! Rắc rối ngay từ chóp bu trở xuống.

Xã Chính dương to đôi mắt như đợi cái nguy hiểm sắp tới.

Xã Bửng phì cười, rồi giảng giải:

– Bác nói như thế thì bác ấy hiểu thế nào được. Để tôi kể cho mà nghe. Thế này này: vừa rồi hai quan tại chức có gửi thiếp về trình làng. Một quan mới thăng Thị độc học sĩ đối hàm chánh ngũ [1]

Xã Chính hỏi:

– Sao bác biết là chánh ngũ?

– Thì các cụ bảo thế, chứ mình biết quái gì. Còn một quan thăng Hàn lâm Thị độc đối hàm tòng ngũ [2].

Xã Chính ngắt lời:

– Các quan người thăng hay không thăng thì người vẫn ăn liền dưới cụ lớn tuần chứ sao?

Xã Bửng cười:

– Nếu thế thì đã chả rắc rối! Đằng này còn vướng cụ lãnh, người lại tòng tứ [3] mới chết chứ.

– Thì cụ ăn trên hai quan... cho khỏi rắc rối.

Xã Bửng trợn mắt, cãi:

– Ăn trên thế quái nào được! Một đằng văn, một đằng võ. Thế mà võ bao giờ cũng kém văn những hai trật.

---

1. *Chánh ngũ* (chánh ngũ phẩm), *tòng ngũ* (tòng ngũ phẩm) là hai hạng trên dưới của phẩm trật thứ năm (ngũ phẩm) trong hệ thống tước vị phong kiến gồm chín bậc.

2. Như Trên.

3. *Tòng tứ*: tòng tứ phẩm.

– Rầy nhỉ! (xã Chính bấm đốt tay) chánh ngũ rồi đến...

Xã Bật tính giúp:

– Rồi đến tòng tứ, rồi đến chánh tứ.

Xã Chính mừng rỡ, cười nói:

– Thế thì quan... quan phủ người ăn trên cụ lãnh đứt đi rồi còn rắc rối gì nữa.

Xã Bửng:

– Đã đành rằng thế, nhưng còn quan huyện người tòng ngũ, bước lên hai trật nữa thì cũng tòng tứ như cụ lãnh.

Xã Chính vốn tính nhu nhược và thích hòa bình:

– Thế thì cụ lãnh người cứ nhường quan huyện ngay đi có hơn không? Một đằng tại chức hàm mỗi năm một thăng. Một đằng hàm cứ thế cho đến suốt đời.

Xã Bật ngửa mặt vừa nhổ râu cằm vừa cãi:

– Nếu cụ nghĩ như bác thì đã chả rắc rối. Đằng này cụ lại cho là khóa trước cụ vẫn ăn trên, ăn trên cả quan phủ nữa. Vậy bây giờ có nhường thì cụ chỉ nhường một quan phủ thôi.

Xã Chính vẫn giọng hòa giải:

– Thế thì quan huyện nhường cho cụ lãnh để người hả dạ... mà tôi thiết tưởng cụ lãnh người tuổi tác, quan huyện cũng nên nhường là phải. Rồi khóa sau...

Xã Bửng ngắt lời:

– Ai chả muốn thế, nhưng mà ông cựu nhà bác có nghe đâu. Ông cựu hình như có thâm thù gì với cụ lãnh hay sao ấy. Ông vin lấy câu ví: *văn thời ngũ phẩm đã sang, võ thời tứ phẩm còn mang gươm hầu.* Ông vịn vào đấy mà nhất định bắt cụ lãnh phải nhường. Chứ quan huyện người cao xa, biết đấy là đâu, còn cái trình hàm là theo lệ làng đó thôi.

Xã Chính hỏi:

– Thế việc đã ra đến làng chưa?

– Hôm nay đây. Rồi phải đến quan xử mới xong, vì ông lý Cúc muốn để quan phân xử.

– Phiền nhỉ! ... Nhưng mà dẫu thế nào cũng chẳng thiệt hại gì đến cánh mình.

– Sao lại không thiệt hại? Thiệt hại lắm chứ! Nếu việc ấy cứ kéo dài mãi. Đến lượt chúng mình bắt ruộng thì liệu còn đủ thời giờ mà cấy được không?

Xã Chính muốn bàn sang chuyện khác:

– Thế ngoài việc rắc rối ấy còn việc gì ngăn trở nữa không?

Xã Chính hỏi và trong lòng nơm nớp sợ.

Xã Bửng ngậm hụm nước chè, hút thuốc xong quay nhổ toẹt ra ngoài đường rồi thủng thỉnh nói:

– Còn khối việc... Việc lấy trộm đất ruộng quan này. (Xã Chính giật nẩy mình, mặt tái mét. Vì bác cũng có lấy trộm vài chục viên đất về đắp các gốc cau. Bác không dám hé răng, sợ vỡ lở). Việc phân chia ruộng cho bọn xã mới bầu cữ nọ để lấy tiền sửa sang văn chỉ này. Việc ấy mới lại càng rối bét... Bác tính, ruộng quan bao giờ cũng chỉ có ngần ấy mà bọn xã cứ càng ngày càng đẻ mãi ra thì lấy ruộng cóc đâu mà phân phát cho đều... Nghe đâu các cụ bàn định tống họ ra ngoài bãi. Nhưng khó lắm, vị tất họ đã chịu, nhất họ lại có bọn tây học về xúi ngầm. Các cụ cho bọn ấy toàn là tay cộng sản và rồi thế nào các cụ cũng kêu quan bỏ tù. Phải đấy! Cứ bỏ tù tuốt cả cho đỡ rắc rối.

Xã Chính không sao bỏ được câu chuyện trộm đất bèn hỏi:

– Thế còn việc đào trộm đất, các cụ bàn ra sao?

– Việc ấy nghe đâu các cụ định bắt lỗi đương thứ, nhưng mà đương thứ khi nào họ chịu. Rồi họ sẽ lôi những người lấy trộm đất ra trình làng. (Xã Chính run cầm cập). Vả lại, các cụ có ra lệnh cấm và bắt họ trông nom đâu?... Thế mà việc cũng khó phân xử đấy nhé. Mắc cái những người phạm vào lỗi ấy phần nhiều là những người tai mắt cả.

Xã Chính nghe câu ấy sung sướng như người vừa thoát nạn. Bác đã nhìn thấy chỗ dựa. Sau này, dù có thế nào, đã có các ông ấy ra đương đầu.

Nhưng bác vừa đổi buồn ra vui, thì câu nói vô tình của xã Bật lại làm cho bác đổi vui ra buồn:

– Có! Họ dại gì lại đem những ông ấy ra trình làng. Rồi các bác xem, họ sẽ lôi những anh thấp hèn, "nép" vế như hạng cánh mình. Làm thế, họ sẽ vừa được lòng các ông ấy, vừa tránh được lỗi của họ.

Ngoài đường, kẻ đi người lại mỗi lúc một đông.

Xã Chính ngồi không yên. Bác lo và bác tưởng như ai cũng để ý vào bác. Câu chuyện còn dở dang, bác đã vội đứng dậy ra về.

Xã Bửng cầm tay Chính giữ lại, nói:

– Đi đâu mà vội, việc bắt ruộng còn xơi mới đến bọn mình, không biết chừng, có khi hàng tháng... À này, tôi nghe thấy họ đồn đằng ấy cũng thuê ruộng quan cấy phải không? Bao nhiêu cả thảy?

Xã Chính bất đắc dĩ lại phải ngồi xuống, trả lời.

– Hơn mẫu. Đằng ấy cũng thuê bốn năm mẫu như mọi khóa chứ?

– Không. Khóa này hai chúng tôi cũng chỉ thuê mỗi đứa có hơn một mẫu như đằng ấy thôi. Vẫn biết thuê được nhiều thì lợi đấy, nhưng mà nguy hiểm lắm. Sợ lại như lão xã Khán độ nào. Hắn thuê những năm mẫu mà rút cục chỉ bắt được bốn, còn một mẫu bị họ tranh cướp mất cả. Cánh mình "nép" vế, hễ bị họ tranh là cứ việc mất đứt, không còn kêu vào đâu được... Thế đằng ấy thuê của những ai?

– Của ông hàn Năm...

– Thôi, ông ấy thì chắc chắn lắm, nhưng mà đắt. Tám đồng phải không?

– Bảy đồng rưỡi. Trước ông ta cũng đòi tám đồng, đằng này vật nài mãi ông ta mới bớt cho năm hào.

– May cho đằng ấy gặp lúc ông ta dễ tính. Đằng này cũng đã đi bốn năm lần khẩn khoản mãi mà ông ta nhất định không chịu bớt... Thế còn những ai nữa?

– Bố con ông Chánh Hẵng, ông...

Xã Bửng ngắt lời:

– Ông bố thì chắc, chứ ông con thì nguy hiểm lắm. Hắn cờ bạc, nợ đìa, có khi đã cho thuê ba bốn chỗ rồi cũng nên. Sao mà đằng ấy táo bạo thế? Ai lại không biết rằng hắn ta liều lĩnh, bạt mạng.

Xã Chính chưa hết lo việc trộm đất, bây giờ, lại lo thêm việc ruộng. Song bác cũng cãi gượng:

– Có thế nào thì đã có ông bố chịu.

– Phải, rồi đằng ấy cứ ra mà bắt ông bố chịu.

Còn những ai nữa?

Xã Chính giọng rầu rầu:

– Ông lý Cốc, ông hương Canh, ông khán Kiệu.

Xã Bật từ nãy vẫn ngồi nghe, cất tiếng:

– Ai chứ khán Kiệu thì mất gió. Hắn vào Thanh từ hôm kia rồi, còn đâu. Bác này mới học đòi có khác, bạ ai cũng chộp lấy.

Xã Chính ngồi ngây ra, mặt tái xanh:

– Bây giờ làm thế nào hở hai bác?

Xã Bửng không để ý đến nỗi khổ của Chính nói luôn:

– Mất gió chứ còn làm thế nào. Thế đằng ấy đã trả trước bao nhiêu rồi?

– Bác bảo trả ai?

– Trả khán Kiệu.

– Hai đồng.

– Hai đồng thì mất đứt hai đồng. Cũng may đấy, nếu trả cả thì mất hết.

Xã Chính không dám ra "từ" nữa, đi thẳng về nhà, vừa đi vừa phàn nàn:

– Rõ dại quá, tự nhiên mua cái lo vào mình.

*

* *

May cho xã Chính, cả ngày hôm ấy các ông bên trên chén vào rồi mải cãi nhau về ngôi thứ, về ruộng nương, về bọn xã mới, quên bẵng việc trộm đất.

Tuy vậy, bác vẫn không dám bén mảng ra "từ" sợ quan viên trông thấy mặt mà nhớ đến chăng.

Suốt ngày hôm trước, suốt ngày hôm sau, bác thơ thẩn trong xó nhà, hết nằm thở dài lại ngồi dậy hút thuốc vặt.

Chiều, vợ đi chợ Sóc về, thấy chồng không vui bèn hỏi:

– Mình làm sao thế? Người ta đến đông chật cả "từ" kia mà! Sao mình không ra bắt ruộng?

– Họ ra xem đấy, chứ đã có trống bắt ruộng đâu. Mà có bắt thì đâu đã đến lượt mình.

Bác không dám nói đến việc thuê ruộng, nói ra sợ vợ buồn, bác cũng không dám đả động đến việc trộm ruộng đất, sợ vợ lo.

Bác ngóng suốt hai ngày liền, chỉ nghe thấy một tiếng trống mà bác đoán là tiếng trống bắt ruộng của cụ tiên chỉ.

Theo lệ làng, cứ mỗi khóa, làng lại cắt một người xướng danh và ngôi thứ của từng nhân đinh. Và mỗi khi một nhân đinh bắt xong hai phần ruộng của mình hay phần ruộng của người cho mình thuê thì người kia điểm một tiếng trống. Chiếc dùi đã nện xuống mặt trống rồi, bất cứ ông nào quyền thế đến đâu cũng không thể bắt lại hay ra tranh cướp được.

Vì thế mà lắm khóa xảy ra nhiều việc tức cười: ông cầm trống đọc xong tên và chức người có ruộng, vừa dơ dùi chực nện thì ba bốn người chạy sấn lại giữ lấy tay. Rồi người này cãi: "tôi thuê trước", người kia cãi: "tôi thuê trước". Có khi việc kéo dài hàng bốn năm hôm, nếu ba bốn người cãi nhau cùng là tay sừng sỏ. Việc ấy hiếm lắm, vì thế nào rồi cũng có một đàn anh, như lý Cúc chẳng hạn, tranh được. Cố nhiên là anh có ruộng cho thuê chằng ấy biệt tăm, mất tích. Không nghe thấy tiếng trống kế tiếp, bác xã đoán chắc làng còn đợi tin tức ông lý Cúc ở huyện về.

Sáng hôm sau, bác nóng ruột quá, không thể ngồi ỳ ở nhà mãi được, liền đánh bạo ra từ lẩn lút vào đám đông.

Thì ra bác đoán lầm. Lý Cúc, vì nhiều đàn anh trong họ đến tận nhà can ngăn, đã thuận nhường cho ông lãnh ăn trên, và lúc này đương ngồi cạnh cái trống để chốc nữa xướng danh. Trước mặt ông, một chiếc án thư trên để hai quyển sổ: sổ đinh và sổ điền.

Chức ấy không phải nhỏ. Làng thấy ông "nhún nhường" thì thưởng cho ông đấy thôi. Chứ thực ra không phải ông to tát hơn, đứng đầu hàng lý dịch.

Xã Chính vui mừng như mở cờ. Ông cựu của bác mà ngồi cầm trống thì bác vững tâm. Có lẽ ông sẽ che chở nếu có người ra tranh cướp.

Tò mò muốn biết tại sao chưa bắt ruộng, bác hỏi nhỏ người đứng cạnh. Người ấy trả lời: "Vì bọn xã mới nhất định không chịu nhận bãi, lấy cớ rằng: họ cũng đóng góp sưu thuế như mọi người nên họ không chịu thiệt. Hai phần ruộng bãi chỉ để trồng cói được thôi. Các cụ đã giàn xếp, hứa sẽ kê họ vào với bọn vô sản để được đóng một đồng và đánh nhẹ thuế ruộng bãi. Nghe đâu họ đã thỏa thuận, chỉ còn đợi cụ huyện thay mặt cụ tiên chỉ ra nữa là bắt đầu nổi trống phát ruộng.

Bỗng hai anh đương thứ chạy lại báo trước. Mọi người giãn ra. Một ông đầu bạc phơ: cụ huyện đến. Một lát, lý Cúc cất tiếng đọc; bác Chính nghe vang như tiếng chuông:

" Thị độc học, Tri phủ, Hoàng quý chức." Một người trong họ thông thạo về ruộng nương, chạy lại chọn sổ điền. Lý Cúc hô tiếp: *"Nhạc phi nhất đạc" – Nhạc phi* là tên thửa đất ở cạnh đầm. Ruộng ở đấy tốt có tiếng, không bao giờ lụt hay cạn. Đoạn ông khuyên lên đầu đánh dấu rồi nện một tiếng trống thật mạnh.

Hết ông phủ, đến ông lãnh, ông huyện tại chức, các ông huyện trí sĩ, ông đốc, ông tham, cứ thế mãi đến ông hàn Năm thì vừa xâm xẩm tối.

Đọc đến tên ấy, xã Chính giật mình, dạ một tiếng thật to. Bác đẩy hết người này người nọ, len lóc từ đám đông ra. Bác luống cuống, quên mất cả khu đất mà bác định chọn từ trước.

Lý Cúc tủm tỉm cười, cầm dùi trống chỉ vào sổ điền, nói sẽ: "Đường Vọng."

Phải, đường Vọng, thế mà bác quên lú đi mất.

Bác sung sướng, hớn hở về nhà. Vợ săn đón hỏi:

– Thế nào, mình bắt được bao nhiêu rồi?

– Mới bắt được hai phần ruộng của cụ hàn Năm. Tôi bắt ở đường Vọng. May quá mình ạ, chỉ còn vừa bốn sào. Chậm tí nữa mình phải chọn chỗ khác.

– Ồ, thích nhỉ! Mít ạ! thầy bắt được ruộng đường Vọng.

Mít đi hàng về, đương ngồi đun bếp, chạy vội lên, quên cả dập tắt lửa:

– Thầy bắt được gì cơ, bu?

– Thầy bắt được ruộng đường Vọng.

Mít tủm tỉm cười, vừa nói vừa trở xuống bếp:

– Con tưởng thầy bắt được bạc.

HẾT NỢ

Việc cấp điền đáng lẽ độ bốn năm hôm mà kéo dài tới nửa tháng.

Chỉ vì những đám tranh giành nhau về ngôi thứ, cãi cọ nhau về ruộng nương làm ngăn trở.

Xã Chính mất hai sào của khán Kiệu, mất đứt, không còn cãi vào đâu, dẫu rằng bác đã có ông cựu nhà bác che chở. Người thuê tranh bác là xã Vịnh. Hắn khôn ngoan, đem theo tờ chứng nhận của tên Kiệu ra trình làng. Còn hai sào của lý Hảo, con ông Chánh Hẵng, thì bị ngay vào tay ông ấm Chuyên, một người tai mắt và có quyền thế trong làng. Bác ngắc cổ không còn kêu được một tiếng. Ông ấm đã được ruộng còn nói đãi bôi: "Nếu biết anh đã thuê của hắn rồi thì tôi thuệ làm thêm vào. Tôi thiết gì hai sào ruộng nhép. Hắn van lạy, khẩn khoản mãi tôi mới thuê giúp cho hắn. Tám đồng đấy. Tôi trả cả trước rồi. Anh muốn cấy thì tôi nhường lại cho".

Xã Chính gãi tai đáp lại:

– "Bẩm, cụ đã thuê thì con đâu dám." Và bác nghĩ bụng: "Tám đồng thì bố ai dám động đến?..."

– Thế anh đã trả trước hắn bao nhiêu rồi?

– Bẩm... bẩm hai đồng rưỡi ạ.

Bác mừng thầm tưởng ông ấm thương hại mà bồi cho một nửa.

– Thế thì hắn tệ thật. Để rồi tôi bảo hắn hoàn lại cho.

– Vâng lạy cụ, trăm sự nhờ cụ, cụ thương đến nhà chúng cháu túng bấn.

Nhưng nếu bác nhìn rõ bụng ông ấm, nếu bác biết chung quy chỉ là lời hứa hão thì bác sẽ chán ngắt.

Thế là tất cả một mẫu hai, bác còn mang về được tám sào. Bác tự an ủi, cho như mình thuê đất một tí vậy. Vả bác vẫn tự tin một cách chắc chắn rằng nhờ có ngôi mộ kết phát, nhà bác sẽ ngày một thịnh vượng. Rồi, không bao lâu bác sẽ có tiền dư thóc để. Bác sẽ dựng cơ nghiệp, tậu vườn, tậu ruộng, tậu trâu...

Bác vừa đi vừa nghĩ. Chợt bác thấy một con trâu của cán Thận nằm ung dung như nhai trầu ở trước cửa nhà hắn.

Con trâu ấy là một con trâu cái. Đã bao lâu bác hằng mơ ước một con trâu cái. Bác chăm chú nhìn từ cái mũi đen ướt cho chí những cái khoáy ở đầu, cái ngấn trắng ở cổ.

Con trâu nằm gập hai chân trước. Một chân sau hơi duỗi để lộ bộ vú hồng, phơn phớt lông tơ trắng. Nó không buồn để ý đến bác, tư lự như một nhà triết học, cặp mắt lờ đờ nhìn đâu đâu, hàm dưới ướt rãi với hàng răng liền sát, thô kệch, đưa đẩy một cách uể oải, hai tai phe phẩy và cái đuôi thong thả đập lên sườn đuổi muỗi. Bác mê man tự nhủ:

– Rồi ta cũng tậu một con như con này.

Từ hôm ấy, không mấy chiều là bác không dừng chân đứng ngắm con trâu của cán Thận, sau những buổi làm lụng vất vả. Bác mê nó như mê gái. Chiều nào không được gặp nó, bác nhớ, ngơ ngẩn như người thiếu thốn sự gì. Một con trâu cái! Ngoài vợ con ra, nó sẽ là người bạn thân của bác, bao giờ cũng sẽ theo lệnh bác, cùng bác phơi mình dưới mưa dầm, nắng gắt để làm giàu cho bác, để vợ con bác được mát mày mát mặt.

Hiện giờ nó là cái đích để bác theo tuổi. Suốt vụ chiêm, bác không bỏ một buổi nào. Sáng sớm tinh sương, bác đã vác cầy vác cuốc ra đồng làm việc với con trâu mà bác thuê được của bà cán Bột. Nói thuê thì không đúng. Bà cán Bột thấy bác hết cả, không còn tí gì, đem lòng thương hại. Một hôm bà gọi bác sang nói chuyện: "Này bác Chính ạ. Tôi thấy vợ chồng bác với lũ con mà ái ngại. Khốn nạn! ruộng nương bán sạch rồi... Tôi cũng chẳng có gì giúp bác. Có đồng nào, thằng con rể nó vơ vét cả... Bây giờ thì thế này: tôi có mười mẫu cho thuê đi tám còn hai. Tôi muốn cấy để lấy thóc ăn. Bác cầy bừa cho tôi hai mẫu ấy rồi tôi cho mượn con trâu hết vụ chiêm."

Xã Chính cảm động ứa nước mắt. Bác không biết tìm câu gì để cảm tạ lòng tử tế của bà cán, chỉ láy đi láy lại: "Cụ thương chúng cháu quá."

Mít thương cha đã nắm sẵn nắm cơm từ tối hôm trước để cạnh đĩa vừng rang.

Vợ thấy chồng lao lực quá, thường khuyên can:

– Này mình, mình xốc vác vừa vừa chứ, lỡ ốm thì khổ.

Bác tủm tỉm cười trả lời vắn tắt:

– Mình chỉ nói dại!

Bác xốc vác quá thật. Suốt từ sáng sớm cho đến tối mịt, không lúc nào người ta thấy bác rời con trâu với cái cầy.

Trưa, trời nắng chang chang, cánh đồng như hun như đốt, mặt nước ruộng loang loáng bắt những tia lửa chói lên mắt. Hơi nước hôi hổi xông lên, bao bọc lấy người. Mồ hôi từ trán chảy ròng ròng hai bên má, rỏ từng giọt xuống như giọt tranh. Khắp mình mẩy đỏ tía và bóng như pho tượng đồng tắm ánh sáng. Con trâu thở phì phì, bước những bước nặng nhọc, cặp sừng đập hết bên nọ sang bên kia. Bùn đầy mình phơi dưới lửa hè, bong ra từng mảng. Cả người lẫn vật mệt nhoài. Mặc những bọn thợ khác nằm sóng soài dưới gốc đa, dưới khóm tre nghỉ mát, bác và con trâu cứ cắm đầu cắm cổ, mải miết làm.

Có lần chiều về mệt lử, thở hơi tai, mờ cả mắt, nhạt cả miệng, bỏ cả ăn, bác nằm vật xuống phản ngủ thiếp đi cho đến sáng. Vợ và con gái chỉ còn cách thở dài, vì đã nhiều phen tìm lời can ngăn mà bác nhất định không nghe. Bác đã quả quyết cho tới đích; con trâu của cán Thận còn nằm sờ sờ đây kia để nhắc nhỏm dìu dắt bác.

Một hôm đương trưa, trời oi ả khác thường. Không một mảy gió, cây cối im phăng phắc. Cánh đồng vắng tanh. Cả đến chim chóc đều yên lặng ẩn núp dưới vòm cây.

Bỗng tối sầm lại. Từ phương đông mây đen kịt, nặng trĩu, đủ các hình kỳ quái, đem lên rất mau và che khuất mặt trời.

Một luồng gió lạnh thổi. Rồi nổi theo những luồng gió khác. Xã Chính ngừng cầy, lấy khăn nâu buộc trên đầu lau mặt và khắp mình mẩy. Bác khoan khoái thở ra hai tiếng: "Phúc đức!" Con trâu được nghỉ ngơi, cũng thở phì một tiếng dài như để đáp lại tiếng thở của chủ nó.

Gió mỗi lúc một mạnh. Những ngọn tre ngả nghiêng, và lá khô bay tán loạn.

Phút chốc mây đen kéo đầy trời. Chớp sáng loáng. Sấm sét vang động.

Khắp vùng quê thức dậy sau một giấc ngủ nặng nề. Xã Chính đứng sững lưỡng lự. Ngót tháng nay, bác đã đổi làm công nhật ra làm khoán. Vì bác thấy bác làm gấp đôi người ta. Bác có ý kiến ấy là nhờ mấy buổi làm cho bà cán Bột: Mọi người đều bảo cho bác biết rằng bác làm vừa mau vừa cẩn thận kỹ càng. Vì thế, bác ngỏ ý xin làm khoán và các chủ điền thấy bác chịu khó xốc vác đều bằng lòng ngay.

Lúc này bác toan nghỉ nhưng lại tiếc, tiếc một quãng thời giờ bỏ

không, thiệt cho bác mất năm sáu xu. Nghĩ vậy, bác quả quyết. Sau một cái chậc lưỡi, bác dõng dạc hô: "Vatt! Đi! Đi...! Đi nào!"

Con trâu ngạc nhiên trong giây phút rồi theo mệnh lệnh, ngoan ngoãn bước những bước nặng nề trong bùn lầy. Người và vật lại cặm cụi làm việc, làm việc trong mưa.

Một giờ sau, mây tan dần, mưa mỗi lúc một thưa hạt rồi tạnh hẳn. Mặt trời lại rực rỡ, rực rỡ có phần hơn trước. Khi nóng hơi nước bốc lên làm mờ những lũy tre đằng xa.

Một vài con chim hót rời rạc, người ra đồng lẻ tẻ...

Bác xã thấy choáng váng. Ngực như bị sức nặng đè ép làm cho khó thở. Bác cố gượng, tự nhủ:

– Chà! Tại mưa xuống, nắng lên người có mệt qua loa rồi lại khỏi, can gì!

Bác vẫn không chịu rời con trâu với cái cầy. Nhưng chân bác lội trong bùn mỗi lúc một chồn thêm. Tay bác rời rã, cầm cán cầy không chắc. Hơi nước bùn nồng nặc xông lên mặt mũi bác.

Bác nhớ lại lời khuyên của vợ:

– Mình xốc vác vừa vừa chứ, lỡ ốm..

– Ừ, mà lỡ ốm... – bác tủm tỉm cười – ốm thế quái nào được. Đừng có mệt thì phải nghỉ... nhưng mà ta hãy cầy hết luống này đã rồi nghỉ một thể.

Bác vừa cầy được một luống, bỗng chân tay bác bủn rủn, mắt bác hoa lên, tối sầm lại. Bác ngã xuống bờ ruộng ngất đi.

*

* *

Bác xã gái nước mắt dàn dụa, vừa nói vừa khẽ lay vai chồng:

– Này mình! Mình ơi! Mình mê đấy à? Ô hay! Trâu nào? Mà tôi vẫn buôn vải buôn sồi đấy nhé.

Bác quay ra nói với ông cán Bích ngồi bên cạnh, hai tay nâng vạt áo úp lên mặt lau nước mắt:

– Cụ ơi, khổ quá cụ ạ. Nhà cháu cứ mê man ba bốn hôm liền thế này thì có việc gì không, cụ?

– Chả việc gì. Ai lúc sốt quá cũng mê như thế. Rồi hết cơn sốt, bác ấy lại tỉnh như thường. Chả việc gì. Bác cứ yên tâm, đừng khóc lóc thế này, người ta kiêng đấy.

Tuy lời nói của ông có vẻ vững chãi, nhưng cặp mắt ông rầu rầu nhìn xã Chính đủ tỏ rằng ông cũng lo ngại.

Từ hôm nằm vật ra bờ cỏ và được Chắt và Tửu khiêng về, bác xã Chính không mấy lúc tỉnh. Bệnh tình mỗi ngày một trầm trọng. Hai ông lang, mỗi ông cắt mấy thang thuốc không thấy chuyển, sợ phải bỏ. Hôm qua ông lang Tại, có tiếng là danh sư, bao đời làm thuốc, sau khi cầm mạch, cũng phải nói lưỡng lự:

– Bác ấy bị thương hàn nặng lắm. Việc tôi chữa thì tôi cứ chữa, còn nhờ ở số mệnh. Nếu có phải là tại số thì thuốc hay đến đâu cũng chịu, sức cụ Biển Thước cũng phải bó tay nữa là tôi.

Bác Chính gái níu lấy vạt áo ông lang Tại, năn nỉ:

– Lạy cụ, cụ thương cháu, cụ cố chữa cho nhà cháu, nhà cháu mà mệnh hệ nào thì cháu cũng chết mất.

Trông nét mặt bác thảm thiết quá mọi người đến thăm cũng rơm rớm nước mắt.

Mít ba bốn hôm bỏ cả "hàng hóa" ngồi ủ rũ ở xó nhà. Nó không để ý đến kẻ ra người vào, cả đến thằng Tửu mấy hôm vẫn quanh quẩn bên cạnh thầy nó. Nó thương xót thầy nó quá. Mỗi lần nó nghĩ đến bệnh trạng, nghĩ đến cái chết ác nghiệt sẽ cướp thầy nó đi, nó thổn thức, khóc nức lên làm thằng Tửu băn khoăn khổ sở.

Hôm nay bác xã Chính đã uống hết hai thang của ông lang Tại mà bệnh không giảm, lại còn tăng lên mãi. Một vài người đến thăm, lúc ra khỏi buồng, lắc đầu thở dài và nghĩ thầm:

– Hỏng mất! Mắt đã dại, tay đã bắt chuồn chuồn. Thánh cũng chẳng cứu được.

Bác Chính thiếp đi mấy ngày; mấy lần vợ con tưởng bác chết, òa lên khóc. Bác tỉnh lại, nhưng tinh thần càng bạc nhược thêm.

Về chiều, bác chỉ còn thoi thóp thở. Cả nhà đều tuyệt vọng. Luồng tử khí như từ thân thể bệnh nhân lan khắp chung quanh, thấm vào các tâm hồn, làm lạnh lẽo cả ba gian nhà yên lặng.

Bỗng đôi mắt xã Chính sáng lên thu hết tinh thần còn lại, cặp môi mấp máy như muốn nói, bàn tay gần đờ dại khẽ nắm lấy tay vợ.

Bác gái hiểu ý, ghé tai xuống tận mặt chồng, cố gắng nghe. Một lát bác ngửng đầu lên, nước mắt đầm đìa. Mít đứng cạnh vừa sụt sịt vừa nói:

– Bu ơi, thầy dặn dò gì thế, bu?

Bác gái thở dài, nói có vẻ mệt nhọc:

– Con ạ, thầy bảo thầy đi... rồi bu chỉ nghe thấy tên con với tên Tửu. Bu đoán là thầy muốn hai đứa lấy nhau trước khi thầy nhắm mắt... Bu còn nghe thấy thầy nhắc đi nhắc lại mãi "con trâu cái, con trâu cái", bu chẳng hiểu thầy con định nói gì.

Đăng dần trên báo *Ngày nay*, 1939.
Nhà xuất bản Đời nay, Hà Nội, 1940.

CHỒNG CON
(Tiểu thuyết)

PHẦN THỨ NHẤT

CHƯƠNG I

Cứ kể xã Bổng cũng vào bậc khá trong xóm.

Hắn có một cái nhà "trên" hướng nam, một cái nhà "ngang" hướng đông, sát đầu nhà ngang một chuồng lợn; bên kia đối diện với nhà ngang, một cái bếp và một cái chuồng trâu nối liền nhau. Tất cả những nhà ấy vây bọc lấy ba phía cái sân đất nện vuông vắn, nhẵn nhụi như chiếc chiếu rộng. Còn một phía trước mặt là bức tường đất gồ ghề, trên cắm xương rồng mặt nguyệt. Cổng ra vào mở ngay ở đầu chuồng lợn. Ở khoảng đầu nhà trên và nhà bếp là một mẩu đất vuông để đống rạ.

Vì hết chỗ, và vì tiện lợi nữa, bốn năm cái nồi "chân" và một cái vại mẻ đựng nước tiểu đặt thành dẫy dài từ cổng đến tận cái tường hoa thấp xây chung quanh dải đất ăn lấn vào sân. Phần nhiều nhà chật hẹp đều thế cả, nên kể ra, người vào đã quen với mùi nước tiểu và mùi phân lợn. Vả lại những thứ ấy rất cần cho lúa má nên ai cũng quý và không ai kêu ca. Chả thế mà có người quá hà tiện, lúc đi đường cố nhịn để về giải vào vại nhà.

Chính giữa quay mặt vào nhà trên, một "cây hương" xây gạch, cao như cái cột vuông, chia làm hai tầng. Tầng trên, hình cái đấu có hậu bành, hàng chục bát hương nhỏ bày la liệt chung quanh một bát hương lớn: chậu hương đỏ cắm tua tủa, đã gần bạc hết màu vì dầu mưa dãi nắng. Những bát hương nhỏ là những vị hợp với số thờ của mẹ và vợ chồng Bổng. Tầng dưới có cái miếu con, trong xây bệ thờ đặt chiếc bát hương xứ, trước bức tranh hổ vẽ màu sặc sỡ. Một cái mành mành hoa che cửa, giữa đôi câu đối viết ngay vào tường vôi.

Trước mặt cây hương, một cái bể con chỉ đựng nổi chừng mươi thùng nước, chia rẻo đất và tường hoa ra hai phần đều nhau.

Trong rẻo đất, một hàng sáu cây cau cao vút và hai cây chanh cỗi ở hai đầu bể.

Cây cối và cây hương. Bổng không biết có tự đời nào, nhưng thời còn ẵm nách, hắn đã trông thấy rồi. Cây hương khi ấy, đối với hắn, cao quá đến nỗi hắn phải trèo lên thành bể; nghển mãi cổ mới nhìn thấy bát hương.

Biết bao kỷ niệm: Từ đời nào không biết cho đến đời hắn, rồi đến đời con, đời cháu, đời chắt hắn, tháng giêng mỗi năm lại có một ngày lễ dâng sao thường gọi là lễ năm mới.

Ngày ấy cây hương biến thành một cái đàn, một nơi tụ họp của bà con hàng xóm. Mặt bể ghép cánh cửa thành một cái bệ trên để rượu, gà, xôi, oản, chuối và những cỗ mũ lóng lánh những mặt gương, những trang kim, lòe loẹt những đầu rồng, đầu phượng xanh, tím, đỏ, vàng. Một vị hòa thượng, vẻ mặt từ bi, trong chiếc áo cà sa, màu nâu thẫm, cùng các vãi đến niệm phật cầu nguyện cho nhà hắn làm ăn thịnh vượng quanh năm. Rồi những ngày rằm, mồng một, những ngày ốm đau hay hoạn nạn, những ngày làm ăn thua lỗ đều nhắc hắn cầu khấn đến cây hương.

Nhà trên của Bổng là một nếp nhà ba gian hai chái, bằng gỗ lợp cói. Cái nhà ấy đến hắn là năm đời, nhưng so với những nhà mới dựng cũng không khác mấy. Có phần thấp hơn, nhiều cột và chạm trổ sơ sài hơn. Nếu không có màu mốc bạc và những vết tròn trắng như phân chim thì ít ai biết được nhà hắn đã có lâu đời.

Lịch sử nhà hắn, hắn thuộc rành rọt. Ai hỏi, hắn sẽ trả lời trôi chảy: "Thưa, cái nhà này làm từ đời cụ tuần (tuần tổng), cụ ngũ đại nhà tôi. Cụ giàu lắm; sân trước, sân sau, vườn, ao rộng rãi gấp ba gấp bốn bây giờ. Nhà này xưa kia lợp ngói cho mãi đến đời cụ tổng Cống là tam đại nhà tôi. Cụ này chơi bời hào phóng lừng lẫy một thời. Cụ chẳng để tâm gì đến việc cửa việc nhà. Vì thế, nhà dột nát, cụ cũng chẳng buồn chữa. Đến đời cụ lý đẻ ra thầy tôi thì vườn, ao, và sân sau đã vào tay hàng xóm. Thầy tôi kể lại rằng cụ lý tôi hà tiện lắm, không dám bỏ tiền ra lợp lại. Bao nhiêu ngói lành, cụ tôi cho lợp ra đằng mái trước, còn mái sau, cụ tôi lợp rạ. Thế mà lúc cụ lý tôi mất, cụ cũng chẳng để lại cho thầy tôi được mấy tí; ngoài con trâu với vài mẫu ruộng".

Đồ đạc, từ bàn thờ cho chí giường phản, đều cổ như cái nhà của hắn. Trong ấy có một cái hòm gian kê ngay trước mặt bàn thờ là đặc sắc hơn cả. Hắn coi như một gia bảo, ít người có: Hòm có tám chân và chắc chắn như tám cái cột, những khung, những ván dầy dặn, ngoài mặt có những đồng trinh cổ to gần bằng đồng bạc đóng liền sít nhau như những tờ giấy tiền bán ở các hàng mã nhà quê. Cứ trông hình thù nó thì hai chục người vị tất đã khiêng nổi. Trong hòm đựng những gì, vợ chồng hắn giấu kín. Nhưng cả xóm, cả làng, ai cũng biết hắn có độ chục bát mẫu cổ của cụ Cống để lại, ba cái nấm bạch đinh, một cái khay tre chạm khắc và một bộ đồ chè. Những thứ ấy đều cổ cả. Hắn chỉ đem ra bày trong những ngày tết hay ngày kỵ. Cả đời, hắn chẳng dám sắm thêm thứ gì khác, nhưng hắn cũng chưa hề cầm cố, bán chác để đến nỗi mang tiếng mang tai.

Kê ở hai gian bên đối nhau một cái giường và một chiếc khung cửi (đồ hồi môn của vợ). Giường quang dầu, có lan can, đã trải qua một thời gian dài, đã từng biết bao nhiêu sự buồn, vui, tủi, nhục của bao cuộc đời bằng phẳng, tối tăm, không thay đổi. Cái giường quý ấy truyền từ đời ông cẫm bà cẫm, ông kỹ bà kỹ cho đến đời vợ chồng hắn mới gẫy có một chân. Hắn đã thay vào một thanh gỗ mộc. Nhiều người chê và bảo sao không quang dầu cho đẹp. Hắn cười, hứa sẽ làm theo chiều ý khách, nhưng hắn vẫn để nguyên như cũ. Hắn nghĩ bụng: "Cái giường chứ cái gì mà phải vẽ ra quang dầu quang diếc cho thêm phiền".

Hắn chỉ chăm nom, săn sóc riêng một cái bàn thờ. Ở đó mà khiếm khuyết thứ gì thì hắn băn khoăn, nghĩ ngợi cho tới khi bồi bổ xong mới yên tâm. Chả thế mà bộ thất sự lâu ngày róc sơn, hắn thân hành cùng phó Vân lên tận tỉnh mua vàng son về tô lại. Việc trang hoàng bàn thờ là cái thú vào bậc nhất của hắn. Hắn sung sướng hay khổ sở cũng vì ở đó một vài phần.

Còn một vật nữa, hắn ham mê săn sóc đến luôn là cái diều, mười lăm thước – thước ta – phất cậy gác trên xà nhà ngang suốt dọc gian giữa, một bộ sáo năm; một chiếc sáo cồng và một cuộn dây tre quấn vào cái võng mây như chiếc vành bánh ô tô.

Bắt đầu từ tháng tư cho đến tháng bảy, không mấy chiều có gió mà người ta không thấy hắn với một vài người anh em họ đem diều ra thả trên dọc đường cái quan. Thả xong mấy anh em dong về buộc gốc cây ngay đầu ngõ. Hắn ngồi ngây ra hằng giờ ở thềm nhà trên

ngắm diều và nghe sáo, trong khi mẹ hắn cúi gập người làm đôi quét sân và vợ hắn hì hục thổi cơm nấu nước, băm bèo, quấy cám cho lợn. Không ai trách được hắn. Hắn đã làm việc vất vả, nặng nhọc ở ngoài đồng từ tang tảng sáng cho đến xế chiều. Con trâu của hắn, đi làm về lúc nào cũng sạch sẽ bóng mượt. Lưỡi cày, răng bừa lau chùi không bao giờ để rỉ.

Vả lại, hắn lấy vợ đã bảy tám năm giời mà chưa có con. Vậy mà hắn không rượu chè, không cờ bạc, không mượn cớ lấy vợ lẽ thì hắn ham mê chơi diều là phải lắm. Vợ hắn cũng hiểu thế nên rất mực chiều chồng tuy không bao giờ để lộ ra nét mặt, sợ chồng biết mà kiêu hãnh chăng.

Mẹ hắn có ý bực bội về nỗi ngoài năm mươi tuổi đầu vẫn chưa có cháu nội. Hai cô con gái mới về nhà chồng được ba bốn năm mà cô nào cô ấy đã con bồng, con bế. Cháu ngoại tuy cũng là cháu, nhưng không thể so sánh với cháu nội được. Lắm lúc nỗi bực tức của bà trội lên mạnh quá bật ra những tiếng thở dài và một câu phẫn uất: "Ối chao ôi! Người ta đẻ đông đẻ tây mà mày thì cứ ỳ ra thôi!". Thấy nàng dâu buồn tủi, rơm rớm nước mắt, bà hối hận nói chữa: "Tao thì tao trông mày chẳng bệnh tật gì cả. Hay là tại thằng chồng mày? Hay là tại số chúng mày muộn màng? Ừ chắc có lẽ số chúng mày muộn màng. Cụ tổng Cống ngày xưa cũng mãi đến năm bốn mươi tuổi mới sinh cụ Lý". Bà tìm hết lời an ủi. Không những bà không ghét nàng dâu mà lại còn nể nữa. Ông khán Tịu, chồng bà, mất đi để lại ba đứa con dại, bà phải xốc vác, lo lắng đủ mọi việc. Nhưng từ ngày bà có nàng dâu, bà không phải nghĩ ngợi, không phải mó tay vào việc gì ngoài những việc nhẹ nhàng như đánh ống, đánh suốt, quét nhà hay cho gà ăn. Nàng dâu bà đảm đang quá. Thôi thì dệt vải, may vá, đi chợ đi búa, làm cơm, làm nước, buôn ngược bán xuôi, tần tảo, làm lợi cho nhà bà khá nhiều mà không bao giờ phàn nàn về nỗi vất vả. Mười chín tuổi đầu mà biết đủ mọi việc như thế thì thật là hiếm có, một nàng dâu hiếm có.

Những lời an ủi bà không làm cho nàng dâu hết buồn, hết tủi. Nàng quên sao được những câu thốt tự tâm bà và những lời cợt riễu của ông chú bà bác, của những hàng xóm láng giềng. Chỉ một câu: "người hơ hớ thế kia mà chẳng đẻ đái gì cả" cũng đủ khiến nàng nghĩ ngợi, cho như một câu nguyền rủa.

Mỗi lần về thăm bố mẹ đẻ, mẹ nàng lại xoa bụng nàng và nói:

"Cố bằng chị bằng em chứ. Sao mà con gái tôi lười biếng thế?". Nàng đỏ mặt, trả lời bằng một giọng chua chát: "Lúc đẻ thì tự khắc đẻ chứ cố cũng chẳng được".

Thật thế, nàng đã tìm hết cách. Nàng đã sang tận bên Họ, tìm đến ông lang chuyên chữa về đường tử tức. Nàng đã nhờ ông khóa Vịnh vừa là họ ngoại, vừa là thầy cúng, lần mò vào tận Hương Tích kêu cầu, xin dấu. Chẳng hội đền nào là nàng không ngầm gửi tiền ông ta đi lễ hộ. Nàng mua cả thuốc Mường, thuốc Mán. Nàng đã xin sư cụ chùa Tiên nổi tiếng về môn phù thủy một đạo bùa cầu tự buộc vào cổ yếm mà nàng có ý luồn trong áo để mọi người khỏi biết, sợ họ cười. Nàng đã xem bói và thầy bói đã bảo cho nàng biết rằng số nàng muộn màng, đến năm hăm tám thì có con giai và sẽ con đàn cháu đống. Nàng vẫn bán tín bán nghi. Nàng nghĩ thầm: Lắm người khô như hạc còn đẻ huống chi nàng, thân hình tròn trĩnh. Nàng lại nghe thấy người ta nói: người đàn bà nào vú nở và lưng hơi gù thì lắm con. Lời ấy đúng như tướng mạo nàng.

Bảo vì nàng không ưa trẻ nên hiếm hoi thì thật vô lý. Từ ngày nàng còn bé, còn là cái đĩ, nàng đã thích có em. Nàng thường lấy cái gối mây của bố làm con, lấy áo cộc làm tã. Nàng bồng bế, hôn hít, ôm ấp vào lòng. Nàng ru con ngủ trên võng hay đặt con nằm trên phản. Nàng cũng bắt chước mẹ, giả đi chợ đông bán và trong trí lúc nào cũng nghĩ đến đứa con nằm nhà. Khôn lớn lên, nàng thích bế những đứa trẻ thực, những đứa trẻ bụ sữa, mũm mĩm như bột nặn. Nàng ôm chặt lấy hôn hít, thích ngửi mùi sữa thơm ở đứa trẻ. Lắm lúc nàng nghịch để đầu ngón tay út hay để môi vào mồm xinh xinh của đứa trẻ. Đứa trẻ ôm chầm lấy bú lấy để.

Bảo nàng vô tình thì lại càng vô lý. Trái lại nàng lúc nào cũng xuân tình nồng nàn. Nàng sớm dậy thì. Từ năm nàng mười lăm mười sáu, đứng trước trai tơ nàng đã thấy nóng bừng cả mặt, vì thế mà nàng có vẻ thẹn thùng e lệ. Cử chỉ vụng về, lời ăn tiếng nói không được tự nhiên cũng vì thế. Vài năm nay tình nhục dục của nàng càng thêm bồng bột.

Nàng đĩ người nhưng không đĩ nết. Nhờ có nết mà nàng không đến nỗi ngoại tình và còn giữ được trinh khi về nhà chồng.

Còn chồng nàng?... Nàng thấy chồng nàng có tính lãnh đạm, thờ ơ, ít khi nồng nàn như nàng. Hay là tại thế mà nàng hiếm hoi? Không, không phải thế. Chồng nàng vốn khỏe mạnh, và phần nhiều

đàn ông có tính lãnh đạm, cứ gì một chồng nàng. Nàng cố tìm lẽ chống chế để khỏi sinh ra thù ghét chồng.

Nàng thường nghĩ liên miên như thế, song lần nào nàng cũng kết thúc bằng một giọng quả quyết: Thế nào mình cũng phải đẻ.

CHƯƠNG II

Một buổi trưa hè chói lọi và nồng nực.

Sáu ngọn cau với những tàu lá mềm rủ, lóng lánh như thép, in lên da trời xanh thẳm. Không một vẩn mây. Những mái tranh khô đét, với những tia khói bốc ở dưới lên như sắp bật lửa.

Mẹ, mình trần, mặc mỗi cái yếm nâu, đầu xõa tóc, ngồi phệt xuống thềm nhà trên, tay cầm quạt mo phe phẩy từng hồi. Ánh sáng chói trên mặt sân phản chiếu làm cặp mắt bà nhíu lại.

Nàng dâu ngồi trên ngưỡng cửa cúi xuống đầu mẹ rẽ tóc bắt chấy. Cả hai mẹ con, không một lời nói. Hình như khí nóng của trưa hè đã ru ngủ tâm hồn họ và làm cho họ lười nghĩ. Chốc một lại vẳng đưa những tiếng gà gáy xa xăm, và luôn luôn những tiếng ru trẻ và tiếng võng đưa kẽo kẹt bên hàng xóm.

Đàn sẻ ríu rít dưới mái tranh. Một vài con bay xuống sân. Cả đàn ùa theo, tiếng cánh vù vù, rồi nhảy nhót, mổ những hạt bụi. Con vện ở bếp thủng thỉnh đi lên. Đàn sẻ hoảng hốt bay tán loạn...

Mẹ chồng ngồi, mắt lim dim, ngủ gà ngủ gật. Nhưng mỗi bận nàng dâu tuốt sợi tóc, bà biết hiệu, tỉnh dậy, ngửa bàn tay ra đợi...

Bỗng tự nhiên, bà bật ra câu nói:

– Mày ạ. Tao không dáo vải được đâu. Mấy hôm nay, tao thấy cái chân nó lại rức.

Bà nói và đầu vẫn không động đậy, mắt vẫn lim dim nhìn ra sân.

Nàng dâu trả lời một cách thản nhiên:

– Vậy bu để con dáo cũng được.

– Ừ ừ, không được. Mày còn bận nhiều việc. Để tao thuê thím Tâm thím ấy dáo. Có năm xu một buổi với một bữa cơm thôi mà.

– Vâng, cũng được.

Hai mẹ con lại im lặng.

Bên hàng xóm, cái Gái hát ru con:

Cái ngủ mày ngủ a... cho lâu

Mẹ mày đi cấy a... ruộng sâu chưa về...

Giọng nó trong, kéo dài, nhỏ dần như mỏi mệt, buồn ngủ, làm cho bà mẹ bên này cũng muốn ngủ lây.

Dưới tầu cau, dưới bóng cây, những con sẻ ríu rít se sẽ như thì thầm.

Một con gà sống ở chuồng lợn nhảy ra, đi dõng dạc đến đống bẩn ngay cửa bếp. Nó lấy chân vãi bẩn tung tóe ra chung quanh, rồi vừa mổ vừa cúc cúc một hồi. Ba con gà mái ở chuồng lợn cùng nhảy ra, chạy vội lại, tranh nhau mổ.

Nàng dâu giật mình ngửng lên nhìn rồi lại cúi xuống bắt chấy.

Anh đi, em chửa a... có chồng.

Anh về, em đã con dắt, con díu a... con bồng con mang.

Mấy câu hát ấy đưa sang như rót vào tai hai người làm cho họ lại nhớ đến nỗi quạnh hiu buồn tẻ.

Mẹ thở dài, nói:

– Mày ạ, mày gửi thế không ăn thua đâu.

– Bu bảo gửi gì cơ?

– Gửi lễ chứ gửi gì... Ý tao... tao muốn mày phải thân chinh đi đến nơi đến chốn mà cầu tự thì mới hiệu nghiệm. Hoặc chùa Hương hay đền Sòng, đền Kiếp hay là đền... đền gì ở gần Nam Định ấy nhỉ?

– Phủ Giầy.

– Ừ phải, đền Phủ Giầy. Tao thấy họ nói linh thiêng lắm.

– Đền ấy hội ngay từ tháng ba rồi. Có đi thì lại phải chờ đến tháng ba năm sau.

– Hay là tháng tám này, mày đi trẩy hội đền Kiếp với bọn ông khóa Vịnh.

– Con nghe nói đền ấy chỉ để cho những người có ma hay hữu sinh vô dưỡng.

– Thế con ông hội Lĩnh? Cũng con cầu tự đền Kiếp đấy chứ đâu... Mà biết đâu, mày cũng có ma thì sao?

Nàng dâu gượng cười:

– Bu chỉ nói dại.

– Dại gì! Lắm người đi cầu tự mà rồi té ra có ma, như con gái bác trương Bách đấy nhé. Được, tháng tám này mày cứ đi đền Kiếp rồi tháng ba năm sau lại đi Phủ Giầy.

– Vâng.

Nàng không muốn kéo dài câu chuyện ấy, vì mỗi lần nhắc đến là mỗi lần nàng đau khổ, tự cho mình như một người thừa. Nàng không muốn ai biết rằng nàng đương băn khoăn, khao khát về đường con cái, nàng đã hết sức giấu giếm, tưởng chỉ một mình nàng với những người mà nàng đã thổ lộ can tràng để nhờ cậy họ giúp là biết thôi. Lạ thật! Thế mà sao mẹ chồng nàng biết được. Bà đã biết một việc, tất những việc khác bà cũng biết. Nghĩ vậy nàng đâm ra bực tức với mình, với mẹ chồng, với hết thảy mọi người mọi vật chung quanh.

Con vện không để ý đến nỗi bực tức của nàng. Nó nằm, một chân sau co lên gãi tai, đập vào thành cửa thình thịch.

Nàng khó chịu cau mày, quay ra, quát: "Vện! Xuống!" Con vện nằm yên, vểnh tai nghe lấy làm ngạc nhiên. Nó còn ngờ, vì mọi khi nàng vẫn là một bà chủ hiền lành nhân hậu.

Thấy con vện không nhúc nhích nàng cáu tiết, quát to thêm: "Vện! Xuống! Xuống ngay!".

Không còn ngờ gì nữa. Bà chủ nó, hôm nay làm sao ấy. Biết rằng không nghe thì sẽ khó đến thân, nó đứng dậy, duỗi bốn chân, uốn mình, vươn vai ngáp. Đoạn nó uể oải bước xuống sân và đi xuống bếp với con vàng. Những móng nó đặt trên đất rắn kêu tanh tách se sẽ và hàng vú chảy xệ đưa bên nọ sang bên kia. Sáu con nó đẻ lứa vừa rồi, bà chủ già nó đã đem cho và bán cả. Ngót tháng giời, nó buồn, nó nhớ lũ con, nhưng nay nỗi buồn nỗi nhớ đã khuây hết. Bấy giờ nó lại sẵn sàng đẻ lứa khác.

Nhà trên trở lại yên lặng như tờ... Ngồi đã chồn chân và thấy nàng dâu không được vui, mẹ chồng cất tiếng: "Thôi, để lúc khác", rồi đứng dậy ưỡn mình, vươn vai ngáp.

– Trưa nay oi quá, mày nhỉ. Tao đi ngủ tí, mệt nhoài cả người... Mày đánh nốt mấy ống hộ tao nhé. Đánh cho kịp để mai còn mắc vải mà dệt chứ. Dạo này nghe chừng vải tấm lại cao rồi đấy.

– Vâng, mỗi tấm cao được năm xu. Nhưng rồi chẳng bao lâu họ lại bán cao vải sợi lên. Nghề đời vẫn thế. Họ chẳng chịu cho mình được chút lời.

– Ấy thế mới lại càng phải làm "vổ vất" lên. Thôi, tao đi nghỉ. Mày đánh xong rồi làm việc gì hãy làm.

– Vâng, – nàng vừa đi vào trong nhà lấy mấy vòng sợi dáo rồi, mắc vào cái quang, còn mẹ chồng nàng thì đến ngả lưng trên chiếc giường quang dầu có lan can của vợ chồng nàng.

Một lát sau, tiếng vỏ ống, tiếng guồng quay sè sè, vang động cả buổi trưa.

Tuy hai tay nàng làm việc nhanh nhẹn như máy mà tâm trí nàng vẫn bám lấy nỗi bực dọc. Lúc này nàng muốn có công việc gì phải dùng đến trí nghĩ, nhưng giả có công việc ấy cho nàng thì nàng sẽ làm hỏng hết, vì nàng không thể tự chủ được, không thể đem trí nghĩ vào việc gì ngoài việc con cái.

Tiếng ống đập vào trục, tiếng guồng máy quay hình như cũng gao gắt, bực bội làm cho tâm trí nàng càng thêm bực bội. Nàng chỉ muốn đứng phắt dậy đi sang hàng xóm nói chuyện cho khuây khỏa. Nhưng, biết làm thế nào? Nàng phải đánh cho xong năm cái ống còn lại. Nàng còn phải giã hết cối gạo bỏ dở ban sáng. Nàng còn phải thổi cơm, nấu nước, băm bèo, quấy cám cho hai con lợn. Cái gì cũng do tay nàng và nàng phải làm trong lúc bực tức.

Mọi lần, nỗi bực tức ấy chỉ thoáng qua óc nàng, nhưng lần này... lần này có lẽ vì mẹ chồng nàng đã biết việc thầm kín của nàng, vì nàng đã đoán chắc họ hàng, làng xóm đều biết như mẹ chồng nàng. Nàng đánh xong năm ống chỉ và một rổ suốt để tối nay dệt nốt tấm vải cuối cùng của lứa trước. Lúc quay ra thì đã xế chiều. Sáu cây cau, cây hương dẫy nhà ngang đã ngả bóng cả về đằng đông. Gió nồm bắt đầu hây hây thổi. Những tàu cau cọ vào nhau sột soạt. Bên kia tường, vài chiếc diều con trắng sáng, nhẹ nhàng như cánh bướm, nghiêng ngả chao đi chao lại trên nền trời xanh biếc.

Nàng đứng dậy, giật mạnh cánh tay mấy cái và bẻ những ngón tay cho đỡ mỏi. Nàng yên lặng một lúc, lắng tai nghe những câu quát tháo của bà mẹ bên hàng xóm. Những câu chửi rủa con cái đưa sang rõ mồn một: "Sao chúng mày không chết quách đi. Rõ cái tội cái nợ. Lũ quỷ lũ quái, sống chỉ tổ ăn hại đái nát... Đẻ! Đẻ cho nhiều vào để mang công mắc nợ. Thật đấy cứ hiếm hoi như chị xã bên ấy còn sung sướng hơn gái sề này".

Nàng tủm tỉm cười, đi thẳng xuống bếp lấy rổ và cái sào trên ngọn cài chiếc rế cũ ra ao vớt bèo; cái ao mà nàng đã thuê mỗi năm ba đồng của bà khán ở đằng sau. Cái ao ấy, nghe nói, ngày xưa là của cụ tổng Cống bán lại cho ông cụ sinh ra bố chồng bà khán.

Trên cầu ao bên kia, bà khán đang tắm cho thằng cu cháu, một đứa trẻ mũm mĩm như hạt mít. Con dâu cả bà đẻ đến đứa này là sáu, không kể hai đứa chết về sài và chết về cam sũng.

Nàng thở dài, lẩm bẩm nói một mình:

– Sao người ta thì dễ thế mà mình thì cầu hết đền này phủ nọ cũng chẳng đẻ!

Bên kia ao, bà khán nói sang:

– Này chị xã! Đã thấy gì chưa hay vẫn ỳ ra đấy?

Nàng vờ không nghe tiếng, cúi gò xuống vớt bèo.

Thằng cu cháu vừa khóc vừa dằng tay bà nó, hai chân đạp xuống cầu ao bành bạch. Bà khán đe dọa:

– Im ngay! Khóc thì bà vứt xuống ao cho con "nam" nó ăn thịt bây giờ.

Thằng bé sợ, im bặt và chịu để bà nó kỳ cọ khắp mình. Bà khán lẩm bẩm trong mồm:

–`Sao bố mẹ nó lười thế! Để thằng bé bẩn như ma như mãnh. Không có mình thì ghét ngập lên tận mũi.

Bà quay sang cười, nói tiếp:

– Này chị xã ạ. Chị cao số lắm đấy. Cứ lấy vợ lẽ cho anh ấy rồi tự khắc đẻ ngay.

Bà thực thà nói thế nhưng nàng lại cho bà có ý khác. Nàng vội vã vớt cho chóng đầy rổ bèo.

Bên kia bà khán nói tiếp luôn, giọng vui vẻ:

– Này, có thì để tôi làm mối cho anh ấy một người hiền lành và ham việc. Thật đấy, chị ạ.

Nàng cười gượng:

– Vâng, bà làm mối cho. – Rồi cắp rổ quay lưng đi thẳng, tai còn vẳng nghe thấy bà khán phàn nàn một mình: "Con bé mập mạp thế mà chẳng đẻ đái gì cả!".

Nàng chép miệng nói thầm:

– Dào! Bà chánh hội mười năm mới đẻ thì đã sao?

Nhưng nàng cũng đã ngoài tám năm rồi mà vẫn chẳng thấy gì.

Nàng đến cổng thì một người đàn ông bằng chạc tuổi nàng cũng vừa đến. Hai con chó ở trong bếp sồ ra sủa. Thấy người quen chúng nó ve vẩy đuôi quấn quýt chung quanh nàng và người đàn ông.

Mẹ chồng nàng ở trong nhà bước ra hỏi:

– Ai thế mày?

– Anh Mịch đấy ạ.

Người đàn ông hớt hơ hớt hải, quên cả chào, vừa nói vừa thở:

– Cháu sang xin bà ít lông ở, ở... mông con chó vàng.

– Làm gì mà dùng đến của quỷ quái ấy?

– Bẩm cháu hòa vào thang thuốc cho thằng bé... Ông lang bảo thế thì biết thế chứ mình biết thuốc men ra sao mà...

Nàng đứng cạnh, không thể nhịn cười, ngắt lời:

– Ông lang nào mà lại dùng những thứ oái oăm thế, hở anh?

– Ông lang nào ở bên Hạc ấy. Thấy nói ông ta giỏi về môn cam sài... Sáu bảy ông lang rồi đấy, chị ạ... Tốn quá! Thằng bé cam đã hơn năm nay. Bu nó và tôi cũng chẳng để ý, tưởng nó nhớn lên rồi tự khắc khỏi như mấy đứa trước. Ai ngờ bây giờ nó cam nặng quá, lở cả mồm cả miệng, chẳng ăn uống gì được nữa. Thằng bé không khéo đến chết mất, chị ạ.

Nàng thấy hắn nói nhiều quá, sốt ruột bỏ xuống bếp băm bèo. Hắn cũng theo xuống ngồi cạnh, nói cho hết câu chuyện:

– Chị xã ạ, cứ kể hiếm hoi như chị cũng khổ mà lắm con như tôi cũng là cái tội cái nợ. Đời thuở nhà ai, làm đã chẳng đủ ăn mà bu nó cứ năm một thì có chết người ta không! Bây giờ lại bụng to sắp đẻ rồi đấy.

– Cứu bệnh như cứu hỏa mà anh chùng chình thế à?

Ý nàng muốn giục hắn về ngay, vì nàng đã biết hắn hay nói dai.

– Thế chị lấy hộ tôi.

– Chịu thôi anh đến mà lấy. Nó nằm kia kìa. Anh quen nó không cắn đâu. – Rồi chẳng biết nghĩ thế nào, nàng đứng dậy đi lại vặt dúm lông trắng ở mông con chó vàng. Con chó quay cổ chực cắn. Thấy chủ nó sợ chạy trốn mất.

Nàng tủm tỉm cười, đưa nắm lông cho Mịch. Hắn còn nói nữa nhưng nàng vội ngắt lời:

– Anh đem về kẻo chị ấy nóng ruột.

Hắn đi ra đến cổng còn ngoái cổ lại nói cho đỡ thèm:

– Chị ạ, nó có chết là tại số nó chứ chúng tôi cũng đã mời hết ông lang ở vùng này rồi.

Nàng lại ngồi xuống, vừa băm bèo, vừa nghĩ đến gia đình của Mịch, một gia đình hai vợ chồng một mẹ già và một đàn con nheo nhóc như đàn lợn, đứa lớn nhất không đầy mười hai tuổi. Nàng nghĩ đến thằng bé út mà thương. Khốn nạn! Mới tháng trước nó còn theo lũ trẻ sang ăn giỗ nhà nàng: Thằng bé đầy đặn tuy mặt mũi nhem nhuốc và quần áo xốc xếch bẩn thỉu. Nàng đã để ý đến cái mũi đỏ hỏn, cái cằm dưới mụn mạy nhầy nhãi. Nàng đã nhắc mẹ nó mua thuốc cam cho nó uống, nhưng mẹ nó không lấy làm quan hệ và nói dãn ra: "À dào! Nhớn lên rồi nó khỏi, việc gì phải vẽ thuốc men thêm tốn tiền". Nay cứ nghe lời hắn vừa kể thì có lẽ sâu cam đã ăn vào trong mồm, trong lợi rồi. Thằng bé có chết là chết tại nuôi nấng cẩu thả chứ số với siếc gì. Chả bù cho nàng, mong có đứa con để nuôi nấng mà chẳng được.

Suốt cả ngày, nàng nghĩ quanh nghĩ quẩn về số phận hiếm hoi, động khuây khỏa được chốc lát thì lại có một việc hay một câu chuyện gì nhắc nàng nghĩ tới.

Mặt trời đỏ rực đã khuyết sau rặng tre. Cây cối nhuộm một màu úa. Một vài con chích chòe cất giọng hót lanh lảnh và chim chóc ríu rít dưới khóm cây, dưới mái tranh tìm chỗ trú. Xa xa vẳng tiếng hát mục đồng dong trâu về xóm. Trên không, những tiếng sáo diều âm u, buồn nản...

Chiều rồi mà nàng còn phải làm bao nhiêu công việc. Nàng vội vã đi chất bếp thổi cơm, nấu cám. Rơm rạ hết, nàng phải rút bó cói mà chồng nàng mới mua ban sớm, lúc đi làm. Nàng ngả mái đầu xuống mà thổi. Khói um lên mà chẳng thấy lửa bốc. Hai bó cói vừa ẩm vừa tươi. Nàng quên không đem rãi nắng.

Đương lúc bực mình, nàng nói gắt một mình:

– Người đâu có người vụng thế. Vụng khốn vụng nặn! Rồi về tôi bảo.

Cùng lúc ấy chồng nàng ở cổng đi vào, cánh tay khoàng lấy cán cuốc vác trên vai, một tay cầm một gốc dành dành cỗi.

Cày bừa đã xong, không phải dùng đến trâu, hắn vác cuốc đi phá những luống thuốc hái cữ tháng năm mới rồi để ngả cấy nếp. Hôm nay còn có năm sáu luống nên hắn làm xong sớm. Trở về, qua xóm lũy, hắn gặp bố con ông chú đương hì hục đánh giậu tre để trồng nhích ra ngoài, vì chú hắn vừa mới tậu thêm được vài thước đất ở đằng trước.

Sẵn có cuốc, hắn rẽ vào làm giúp. Hắn cuốc được ba, bốn khóm. Đến khóm thứ năm hắn vớ được gốc dành dành. Thích chí, hắn bỏ mặc hai bố con nhà chú, đi về. Hắn vừa đi vừa ngắm nghía gốc dành dành. Lúc thì hắn nhìn nó ra con rồng, lúc hắn nhìn ra con long mã, con phượng, rồi sau chẳng nhìn ra gì cả, nhưng hắn thấy đẹp lắm. Hắn sung sướng như người vừa bắt được của. Vì hắn có cái bể đá của cụ tổng Cống để lại. Trước kia ông cụ vẫn thả sen, một thứ sen mà hắn quên mất tên. Hắn đã định kiếm thứ sen ấy về nhưng sau nghe chừng khó kiếm, hắn lại đổi ý, định chắp cái núi con thật xinh như cái núi của cụ cử Hạ. Hắn sẽ đi chợ Hội Am mua vài ông tiên, hoặc ngồi đánh cờ, hoặc ngồi gảy đàn thập lục, hoặc cầm bầu rượu, lom khom chống gậy, và một cái chùa, một anh tiều phu gánh củi, một cái cầu có con trâu với thằng bé chỉ đường ngồi trên. Hắn xếp đặt trong trí chỗ nào vào chỗ ấy như thể đã có rồi. Ngày đi tháng lại, ý định vẫn chưa thành rồi tự nhiên không nghĩ đến, hắn vơ ngay được gốc dành dành rất đẹp này để thế vào.

Hắn định khoe vợ và hỏi xem vợ nhìn nó ra hình cái gì. Hắn đi thẳng vào bếp, chưa kịp ngỏ ý định thì vợ hắn đã gắt ngay phủ đầu:

– Gớm! Sao mình vụng về quá thế? Rơm rạ thiếu gì chả mua, vớ ngay hai bó cói còn tươi nguyên. Nhìn đây này. Có khổ người ta không?

Hắn đứng thuỗn người ra nhìn khói tỏa mù mịt cả mấy gian bếp rồi phát cáu, nói bướng:

– Tôi chỉ vụng về thế thôi. Mình khéo thì sao không đi mà mua lấy?

– Nếu biết mình vụng về thì đã chả đến nỗi chảy cả nước mắt nước mũi thế này... Cữ nọ có đống rạ thì nằng nặc đòi bán cho bằng được, tưởng để làm gì, chẳng hóa ra chỉ để mua sáo, mua tre làm diều. Mà đã cái diều to tướng rồi còn chưa hả hay sao?

– Người thế mà ngoa! Người ta tiêu cả một đống rạ à?

– Không cả thì cũng quá nửa... Thế mà rạ dạo ấy rẻ thối ra,

bốn năm xu một gánh. Bây giờ hào mốt, hào hai rồi đấy! Đã thấy tai hại chưa!

Hắn đuối lý, phát khùng:

– "Thôi thôi, thèm vào nói nữa". Rồi lảng ra sân đi đến cái bể đá bỏ quên ở xó bể, cạnh tường hoa. Hắn ngồi xổm cặm cụi đặt gốc dành dành theo hết chiều này đến chiều nọ mà chẳng chiều nào nó đứng vững. Hắn lấy những mảnh ngói kê rồi đổ nước vào, lau các thành bể. Đoạn, hắn khệ nệ bê đặt trên chiếc hòm gian. Hắn vắt tay ra sau lưng, nghiêng đầu, ngắm. Thấy chướng, hắn lại khệ nệ bê ra chỗ cũ. Hắn chống tay cạnh sườn đứng nhìn xuống hồi lâu, rồi nhếch mép cười, nói:

– Trông ngoài thì to mà để vào bể trông lọt thỏm ấy nhỉ! Thôi được để khi nào có núi ta sẽ thay.

Trên từng mây biếc, hết chiếc diều nọ đến chiếc diều kia hiện lên. Những tiếng sáo trầm bổng thi nhau đổ hồi, vang cả buổi chiều ban nãy còn tịch mịch.

Chợt nhớ đến cái diều sáu thước vừa phất cậy xong để thả lúc gió bé và bộ sáo ba mới mua của bác Oánh, hắn chạy vội vào nhà ngang đem ra thả trên dọc đường cái quan.

Một lát sau, hắn dong dây về buộc vào gốc cây. Hắn ngồi ngây ra hàng giờ ở thềm nhà trên ngắm diều và nghe sáo, tâm trí không còn vướng víu đến việc khác nữa.

CHƯƠNG III

Mười sáu tháng tám chị xã Bổng đã định đi cầu tự đền Kiếp với bọn ông khóa Vịnh. Nàng đã sắm được cái thúng con xinh xắn để đựng đồ lễ và nhuộm lại chiếc dây lưng thiên lý. Nàng đã sẵn sàng đủ cả, chỉ đợi ngày đi.

Nhưng ngày ấy càng gần, nàng càng thấy ngần ngại. Ý định nàng nhụt dần, rồi rút cục, nàng thoái thác bận, không đi nữa.

Đến khi chị em, bà con đi lễ về, kể chuyện lại. Nàng tiếc ngẩn tiếc ngơ, hối hận và tự an ủi: "Thôi được. Để đến hăm mốt tháng này ta trẩy hội đồng Bằng".

Năm hôm sau, chị em đến rủ, nàng lại thoái thác, lấy cớ rằng hội đồng Bằng không phải hội để đi cầu tự, tuy mấy năm trước nàng vẫn gửi tiền ông khóa đi lễ ở đấy. Rồi nàng lại tiếc, lại hối hận như lần trước và tự hứa: nhất định tháng giêng sang năm đi trẩy hội chùa Hương.

Ngày tháng qua, hội chùa Hương đã đến. Bà con đi trẩy tấp nập. Bọn ông khóa còn đợi nàng. Nhưng nàng vẫn chùng chình, nấn ná hết ngày ấy sang ngày khác.

Tháng rộng ngày dài đi đâu mà vội! Hội chùa mãi hết tháng hai mới vãn kia mà.

Rồi sau cùng, người ta không chờ nàng nữa, để nàng ở lại nhà mà tự trách:

"Chỉ có cắp thúng ra đi, cũng không sao đi được. Hay tại mình định trước mà ngài làm ngăn trở, không cho đi?".

Mẹ nàng không bằng lòng, mắng nàng không thiết gì đến việc sinh đẻ. Nàng chỉ cười, không trả lời. Vì mẹ chồng đã mắng oan nàng. Nàng thiết lắm chứ. Mẹ chồng mong có cháu một phần thì nàng mong có con mười phần. Ấy cũng chỉ vì nàng mong ước quá mà đâm ra rụt rè để lỡ cơ hội. Nàng tưởng như ai cũng để ý đến việc nàng và cười thầm nên nàng tỏ ra vẻ sốt sắng.

Mùng hai tháng ba, hội Phủ Giầy, nàng lại định thoái thác. Nhưng lần này mẹ chồng, mẹ đẻ và chú bác, cô dì giục giã, hết nói ngọt đến nói sẵng, nàng mới chịu cắp thúng ra đi, lòng không hết ngần ngại.

Nàng đi thẳng đến đằng ông khóa Vịnh. Các bà đi chợ thấy nàng ăn mặc như ngày tết, liền hỏi: "Chị xã đi trẩy hội đấy à? Mang lộc thánh về cho chúng tôi với nhé!".

Nàng sượng sùng bẽn lẽn, trả lời nhu nhú trong mồm.

Đến cổng nhà ông khóa đã thấy vài chị em đứng đợi. Một chị kêu lên:

– Có thế chứ! Tưởng lại thoái thác lần nữa. Chúng tôi vừa đánh cuộc với nhau đấy. Đố biết ai được cuộc?... Ối chà! Thắt lưng mới nhuộm lại bao giờ mà như mới ấy nhỉ? Trông chị đẹp đẽ gọn gàng hơn tôi nhiều.

– Các chị cứ nói! Các chị son sẻ trông đẹp chứ tôi...

Một chị khác ngắt lời:

– Phải, son sẻ! Đẻ lắm nó thành ra sồ sề thì có.

Tuy nói thế mà trong lòng chị ta vẫn sung sướng, sung sướng vì đẻ nhiều. Chị ta đẻ từ mười sáu. Năm nay mới hăm bốn mà đã năm con rồi: bốn gái, một trai. Ý chừng chị ta đi cầu lấy một trai nữa. Vì nhiều gái mà mới có mỗi một trai cũng vẫn mang tiếng là hiếm hoi.

Chị em dắt díu nhau vào trong nhà, mỗi chị cắp một cái thúng con mới đẹp.

Các bà có tuổi ngồi cả trên phản kê ở gian cạnh. Bà cụ Huyện cũng nhập bọn, ngồi ở phản bên kia. Cô cháu gái đứng cạnh bà vào chạc mười lăm, mười sáu, ăn vận lối tỉnh: khăn nhung, áo "sa tanh", quần lĩnh "Sàigòn". Trong áo sa tanh lấp ló chiếc áo hàng "bom bay" màu hoa đào và chiếc ô cán sơn giả đồi mồi cầm nhăm nhăm trong tay. Trông cô có vẻ bẽn lẽn vì thấy mình khác hẳn bọn nhà quê tuy cô cũng quanh năm tháng ngày ở thôn quê.

Ông khóa Vịnh nằm bò trên chiếc phản ở gian giữa, ngay trước bàn thờ, đương cặm cụi viết cho xong mấy đạo sớ. Bên cạnh ông, một cái tráp sơn then ngỏ nắp, trong để bề bộn những lá sớ chưa kịp xếp gọn lại.

Thấy thêm chị xã, một bà làm ra vẻ ngạc nhiên:

– Ôi chào! Chị xã đấy à! Trốn tránh mãi, bây giờ mới thấy mặt. Này muốn có con mà không chịu đến cửa thánh thì đừng có hòng!

Các bà cười ồ làm nàng thẹn đỏ mặt. Một bà giục:

– Xong chưa, cụ khóa? Mau lên chứ, không có trưa mất rồi!

– Xong rồi đấy ạ. Gớm! Các cụ giục xồn xồn như giục đò thì còn ai biết đằng nào mà rờ.

Ông ngồi dậy, xếp các sớ vào đáy tráp, ngẩng lên thấy chị Bổng, ông nói trách:

– Sao không thoái thác ở nhà lần nữa! Mà chồng đâu? Người ta đã bảo: cầu tự thì phải có đôi kia mà!

– Thưa cụ, – nàng vừa nói vừa cười gượng, – nhà cháu còn phải ở nhà trông nhà vì nhà cháu vắng lắm, cụ ạ. Bu cháu thì già lão lẩm cẩm.

Nàng nói thế chứ nàng cũng không muốn rủ chồng cùng đi, hòng khi việc cầu tự của nàng không có kết quả, nàng còn níu lấy cớ ấy mà đi cầu tự với chồng lần nữa.

Một bà giục:

– Ta xuất hành thôi chứ!

Ông khóa đứng dậy gọi:

– Ký Phát đâu?

– "Dạ"! Một anh xanh xao, ẻo lả như đàn bà ở nhà dưới lên để nhận việc cắp tráp theo hầu ông khóa.

Một bà hỏi:

– Ô hay! Ký Phát cũng đi à.

Ông khóa vội trả lời:

– Vâng, hắn có số thờ. Mình cao số nặng làm hắn ốm lủng củng vòng đã ba bốn tháng giời nay. Hắn bóng cô đấy, các bà ạ?

Bà cụ Huyện từ nãy vẫn ngồi yên với cô cháu gái, bắt đầu nói:

– Thảo nào mà trông anh ấy như con gái.

Mọi người cùng cười. Ký Phát bẽn lẽn, cắp tráp đứng dựa cột.

Ông khóa cất tiếng gọi:

– Cu ơi! Đi ra cổng đứng đợi sẵn đấy nhé! Có đàn bà con gái thì bảo họ đi ngay nhé!

Một anh cao lênh khênh chạy qua sân ra cổng. Bà cụ Huyện trách:

– Chú ấy nhớn rồi mà ông cứ gọi chú ấy thế. Sao không đặt tên cho chú ấy.

Ông khóa cười, đáp:

– Chính tên nó là Phùng kia đấy. Nhưng thời còn mồ ma mẹ nó, mẹ nó cứ gọi là thằng cu, thành ra tôi cũng gọi quen mồm không sao đổi được.

Các bà, các cô đến từ sớm mà chùng chình mãi khi mặt trời lên khỏi ngọn tre mới khởi hành. Bà Huyện đi đầu, rồi đến thầy trò ông khóa, các bà già, các bà có tuổi, sau cùng đến bọn trẻ phất phới những dây lưng màu lòe loẹt. Cô cháu gái bà cụ Huyện cũng đi trong bọn ấy. Cô, ngày thường mặc áo nâu, yếm trắng, vẫn vào hạng đẹp có tiếng trong làng, nay đổi lốt, ăn vận tỉnh trông cứng nhắc.

Cả bọn đi thành một dẫy dài như đám cưới. Những tiếng "Nam vô a di đà phật!" chào nhau làm náo động sự yên lặng ngày thường của thôn quê.

Một lát, ra khỏi làng, cả bọn rẽ xuống ruộng đi tắt đến đường đê cho gần.

Sáng hôm ấy, trời ấm và tạnh ráo. Chung quanh, đồng lúa bát ngát. Mùa lúa non phảng phất thơm như mùi cốm mới. Những con cò trắng muốt bay là là trên mặt lúa xanh.

Xa xa, dòng nước bạc. Rải rác vài cây đa cổ thụ trùm lên những miếu con, vài mô cỏ biếc với những con trâu, những trẻ mục đồng như để thay đổi cho phong cảnh đỡ bằng phẳng.

Chị xã trong lòng khoan khoái, và sự ngần ngại ban nãy đã đổi ra sự vui sướng bồng bột.

Cái quán nước ở trên đê trông mỗi lúc một gần và dần dần thấy lố nhố những xe tay đứng đón khách. Rồi những tiếng mặc cả, những tiếng cười đùa của những bọn trẻ khỏe mạnh.

Nàng đứng trên đê nhìn lại xem nhà nàng còn trông rõ không. Nàng chỉ thấy một dải xanh om, lũy tre làng, một dẫy tường trắng vây bọc lấy mấy cái mái ngói cổ của Văn Miếu. Một cây đa nhô lên khỏi những ngọn tre, cành lá rườm rà, đánh dấu nơi quán chợ. Nhà nàng ở gần đấy...

– Kìa! Chị xã không lên xe, còn đứng thưỡn ra mãi. Hay lại nhớ chồng đấy?

Đó là câu nói của một chị ngồi đợi trên xe. Người phu xe còn ghé vào quán làm bát nước chè nóng.

Nàng vội cắp thúng bước lên ngồi cạnh. Anh xe nhấc đôi càng, thân xe trở nên bằng bặn, chứ không dốc như trước khiến người ngồi trên nệm phải víu chặt lấy thành xe cho khỏi tuột xuống.

Hai chị em thấy êm êm, dễ chịu.

– Mau lên! Gớm ghiếc! Các xe đã đi cả rồi kia kìa!

Nhất là chị xã, từ thuở bé mới đi xe lần này là lần đầu. Nàng khoan khoái nhìn khắp chung quanh. Phong cảnh vẫn quen quen thân mật như phong cảnh quê hương. Vẫn ruộng lúa xanh rì, bát ngát, vẫn những lũy tre làng, những miếu con ẩn dưới những cây đa cỗi, vẫn dòng nước bạc chảy ngoằn ngoèo, vẫn một mùi thơm như mùi cốm non.

Nhưng ngồi lâu thấy tê chân, mỏi lưng, mỏi gối, nàng phải đổi chiều luôn và chỉ muốn xuống xe đi bộ hay muốn chóng đến nơi để được ngồi hàng nước nghỉ ngơi.

Chốc chốc nàng lại hỏi: "Đến chưa chị?'

Một lần nàng hỏi, không thấy bạn trả lời. Quay lại, đã thấy bạn gục đầu vào mình. Nàng chép miệng lắc đầu, tủm tỉm cười, nói sẽ:

– Thế mà ngủ được!

Đến cầu Mục, các xe đỗ cả bên vệ đường. Xe nàng còn lẽo đẽo... Nàng vỗ vai bạn, đánh thức:

– Dậy! Dậy! Đến rồi!

Chị kia giật mình mở choàng mắt đỏ ngầu.

– Đến rồi à? Chóng nhỉ!

– Ngồi ê cả người còn kêu chóng.

Nàng vừa bước xuống xe, chưa hết mỏi thì một chiếc "cam nhông" ở phía Hải Phòng đã đến đỗ ngay trước mặt. Mọi người xô đẩy, tranh nhau lên trước làm nàng cuống quýt đến nỗi ai giật mất thúng cũng không biết nữa. Nàng hốt hoảng kêu:

– Thúng của tôi, ai lấy rồi? Thúng của tôi...

Ông khóa Vịnh, một người đi nhiều lần đã quen, đứng sau nàng, vừa giục vừa gắt:

– Thì cứ bước lên! Thúng mủng người ta để cả trên mui kia rồi.

Lên xe ngồi đâu vào đấy, ông vẫn còn gắt:

– Gớm ghiếc! Ai cũng ngẩn ngơ như chị cả thì người ta khổ. Ở Hà Nội mà thế thì mất cả người nữa, chứ mất thế thôi à?

Hành khách trên xe nhìn chòng chọc vào nàng, nhiều người cười tủm tỉm. Nàng xấu hổ cúi gầm mặt xuống.

Từ đấy, nàng thấy khó chịu, phần vì nỗi ngớ ngẩn của mình, phần vì xe chật quá, phải ngồi ép vào nhau khiến nàng không sao cựa cậy, nhúc nhích được, phần vì mùi "ét xăng" mà nàng không quen, đánh thốc mãi vào mũi nàng, hăng sè sè, làm cho mắt nàng cay và môi nàng se lại.

Mấy hôm trước, một vài bà đã bàn đi thuyền từ bến Tiên vào Nam, vừa đỡ tiền, vừa rộng rãi, tuy chậm mất vài hôm. Bà cụ Huyện không nghe, cho đi như thế có nhiều sự trở ngại và đêm hôm nguy hiểm, nhất là nguy hiểm cho cô cháu gái, cho đôi hoa tai, cho chuỗi hột vàng của cô. Nhiều người đồng ý. Và nếu Bổng có mặt ở đấy, nàng cũng về phe bà cụ Huyện. Là vì nàng vẫn mong ước được đi

"ôtô", tưởng cũng sung sướng, mát mẻ, dễ chịu như ông phủ, ông đoan ngồi trên xe của họ. Nay nàng đã biết mùi và nàng sẽ không bao giờ dám mong ước nữa...

Xe còn cách Thái Bình độ một cây số, bỗng đứng lại. Người soát vé kéo bốn năm hành khách thải xuống đi bộ, mặc dầu những người ấy kháng cự, kêu la rầm rĩ. Người "ét" ở trên mui vứt những tay nải, những hành lý của họ xuống đường trong khi xe từ từ chạy.

Chị xã sợ hãi và mừng thầm không phải nhập bọn khốn khổ ấy.

Xe đến tỉnh. Nàng trố mắt nhìn những tòa nhà mà nàng cho là đồ sộ, vì từ thuở nhỏ, nàng chỉ nhìn thấy toàn những nếp nhà ngói thấp lè tè như nhà tranh của chồng nàng. Nàng không dám kêu: "Ồ! Lạ nhỉ!" sợ người ta lại cho nàng ngớ ngẩn, và nhìn nàng một cách tò mò như lần trước. Nhưng trong trí nàng, nàng cũng đã nhiều lần thầm kêu như thế mỗi khi nàng gặp một sự lạ.

Đến bến Tân Đệ, bao nhiêu hành khách đều phải xuống. Nàng nhớ đến cái thúng xinh xinh của nàng, dướn cổ mãi, cố nhìn xem có trên mui không. Nhưng mui cao quá, nàng không nhìn thấy. Nóng ruột, nàng hỏi chúng bạn:

– Thúng mủng các chị đâu?

– Cả trên mui chứ đâu! Ngớ ngẩn lắm.

Nàng không thích hai tiếng "ngớ ngẩn" thốt ở miệng các bạn, nhưng mà nàng bắt đầu yên tâm từ đấy.

Rồi xe đến Nam Định, chen lấn với các xe khác đỗ nhan nhản, chật cả một khoảng đất rộng. Vì là ngày hội nên khách thập phương tới tụ ở đấy đông nghịt. Những phu khuân đồ, phu xe xúm lại giằng co, tranh khách. Những tiếng roi mây của đội sếp vụt đôm đốp lên những nón sơn. Nàng bối rối, sợ hãi, bíu chặt lấy cánh tay bạn, quên cả nón lẫn thúng, cái thúng mà nàng vẫn nghĩ đến suốt dọc đường. May sao, một bà lão trong bọn đã nhờ cầm hộ. Nàng lúc ấy khác nào một đứa trẻ rút rát không bao giờ dám rời khỏi mẹ. Tâm trí nàng rối loạn, mắt nàng hoa lên đến nỗi từ bến "ôtô" ra ga, từ ga lên xe hỏa, nàng không còn nhớ đã làm những việc gì và trông thấy những gì. Nàng quên cả nàng định đi đâu nữa. Mãi lúc ngồi yên một lúc trên xe, nàng mới định thần. Bất giác nàng hỏi ông khóa ngồi cạnh: "Có phải Hà Nội đây không cụ?"

– Nam Định chứ Hà Nội hà ngoại nào ở đây? Ngớ ngẩn như mán rừng!".

Ông nói to quá khiến bao nhiêu con mắt tò mò đưa cả về nàng.

Một bà hành khách nói:

– Ý chừng chị này chưa ra tỉnh bao giờ.

Nàng xấu hổ, quay ra ngoài nhìn để giấu sắc mặt đỏ ửng vì nàng thấy mặt nàng đương nóng bừng. Nhưng không bao lâu xe chạy, nàng trở lại vui vẻ, hồn nhiên ngắm những cảnh lạ bày trước mắt. Nàng sung sướng nhất khi cùng chị em bắt đầu đi từ ga Gôi vào đền. Chỗ ấy tuy đông nhưng không gặp phải những xe cộ, không có những lũ quỷ sứ tranh cướp hành lý, không có những phố sá ngang dọc như mắc cửi. Chỉ có một con đường đi quen quen như đường làng và những khách thập phương đi lễ phần đông cũng na ná như nàng, từ nét mặt hiền hậu, cử chỉ hồn nhiên cho chí quần áo sơ sài mộc mạc. Nàng sung sướng nhẹ nhàng như vừa thoát khỏi một trận bão lớn hay vừa qua một nơi rừng rậm, đầy mãnh thú.

Nàng ung dung ngắm những đồi núi xanh mơn mởn vây bọc chung quanh, một cảnh lạ mắt, khác hẳn quê hương nàng ở vùng bể bằng phẳng như đời nàng và buồn tẻ như tâm hồn nàng trong lúc bình tĩnh.

Nàng ung dung ngắm những ông đồng, bà đồng, với những bộ khăn áo xanh đỏ lòe loẹt mà nàng ví với bộ xiêm cào cào. Những người ấy đi xa trông như một đám rước.

Thỉnh thoảng nàng lại gặp những người đàn ông xiên lình. Có người xiên hai đôi má đôi lình to bằng thanh đao mà nàng thường trông thấy ở các đình, miếu, và nặng quá, phải hai người nâng đỡ hai bên. Trông mắt họ dữ tợn như mắt ông ác ở chùa khiến nàng sợ tái xanh mặt, đi nép mãi vào vai bạn. Ở các điện trong làng, nàng cũng có được trông thấy "quan lớn" xiên lình để thị oai, nhưng chỉ những chiếc lình nhỏ bằng cái dùi quay suốt.

Nhưng rồi sau gặp họ đi lại luôn, nàng trông cũng quen. Nàng trở nên bạo dạn và nếu còn con gái, nàng dám nhí nhảnh, chòng ghẹo cả bọn đồng trẻ. Nàng cắp thúng cùng với chị em theo sau ông khóa đi lễ đền, thản nhiên như người đi xem hội. Nàng đang vui quên cả việc cầu tự.

Nhưng khi vào đền đức thánh Mẫu thì tín ngưỡng của nàng chú trọng cả vào đấy. Nàng đứng cạnh ông khóa, cúi rạp người xuống, chắp tay cầu khấn. Nàng cầu khấn tha thiết, nồng nàn đến nỗi chị em khấn xong cả rồi, vẫn còn thấy nàng xuýt xoa mãi.

CHƯƠNG IV

Từ ngày nàng đi cầu tự ở Phủ Giầy đến tháng ba này vừa đúng hai năm mà vẫn chưa thai nghén. Mẹ chồng nàng gắt gỏng luôn tuy không bao giờ chửi mắng hay trách móc. Nàng cũng biết, chỉ vì mẹ chồng nàng tức tối về nỗi chưa có cháu nội và nếu không vì thương nàng chịu khó vất vả quanh năm thì mẹ chồng nàng đã ép nàng lấy vợ lẽ cho chồng rồi. Nàng biết thế nên lại càng nể mẹ chồng và tủi cho số phận hiếm hoi của mình. Kể ra tuổi nàng đã lấy gì làm nhiều, nàng mới hai mươi bẩy. Có người mãi ba mươi mới lấy chồng thì sao?

Chồng nàng, trái ngược hẳn, chẳng bao giờ để tâm đến đường con cái. Hắn còn đương thì trai trẻ, đương độ ham chơi vui thú.

Từ tết, không mấy khi hắn về nhà. Cả ngày hết đánh chắn đằng xã, chừng lại đánh tổ tôm góp hai hào ở nhà khán Đệ. Phần vì đánh thấp sợ thua to, phần vì chức nhỏ, hắn không dám ngồi kề đùi kề vai với các ông lý, khán cựu. Lắm khi mê chơi, mãi già nửa đêm hay sáng rồi hắn mới mò về, vợ có gắt thì hắn chỉ cười trừ hay gắt ngay phủ đầu nếu hắn thua.

Hai sào thuốc giồng cữ tháng giêng, hắn chẳng nhìn nhận, để mặc nàng trông nom. Vì thế nàng phải nuôi đứa con gái nhà cả Mịch để nó thay nàng thổi cơm, nấu nước, băm bèo quấy cám cho lợn. Còn nàng suốt ngày ở ngoài vườn, cặm cụi bắt sâu bẻ ngánh và rửa "nhòn". Hai sào vườn, nàng phải bỏ hơn ba chục bạc "bởi" chứ có ít tiền đâu mà bảo bỏ liều bỏ bễ được. Hơi trễ biếng là gianh mọc đầy, sâu ăn hết lá hay muội phủ đen kịt. Lúc ấy thì vốn liếng sẽ đi đời!

Tuy vậy mà không bao giờ nàng dám oán trách chồng. Nàng coi chồng như một đứa trẻ để nâng niu, để săn sóc, để chiều chuộng. Vả lại, trong làng có mấy anh chồng là không rong chơi thỏa thích trong mấy tháng xuân, có mấy anh chồng là đi bắt sâu, bẻ ngánh, trừ khi những anh ấy thuộc vào hạng đụt, không biết quân bài lá bạc là gì, không biết đỏ mặt tía tai vì chai rượu với chiếc đùi thịt chó.

Nhưng, rồi cũng như mọi năm; cứ đến cuối tháng ba là hết mùa ăn chơi, hết mùa cờ bạc, chồng nàng lại trở nên ngoan ngoãn, làm việc chăm chỉ. Sáng dắt trâu vác cày ra đồng, chiều về thả diều rồi ngồi khểnh trên thềm nghe sáo.

Vì hai sào thuốc, nàng vất vả cả ngày, không còn có những buổi trưa nhàn rỗi để ngồi bắt chấy cho mẹ chồng, không còn thì giờ để sang hàng xóm chuyện gẫu. Bao nhiêu tâm trí, bao nhiêu nghị lực, nàng để cả vào hai sào thuốc.

Chiếc khung cửi suốt ngày bỏ không, trừ khi mẹ chồng kỳ cạch một vài lúc. Bà vừa dệt chậm lại vừa có tuổi, ngồi hơi lâu là thấy mỏi.

Nhưng tối đến, cơm nước xong chưa kịp xỉa răng, nàng đã vùi đầu vào khung cửi dệt cho đến gần sáng. Vì thế mà chẳng buổi chợ nào là nàng không có vải bán. Cũng vì thế mà chị em thường thì thầm với nhau: "Nhà chị ta khôn ngoan quá nên hiếm hoi đấy mà!".

Nàng mải việc quá. Về cuối tháng năm, ngày nào nàng cũng phải đi nhặt lá "thuốc lá" về nhờ cả Mịch làm thành cuốn và đem bàn thái sang thái hộ. (Cả Mịch vốn là thợ thái thuốc). Mỗi lần, nàng không quên đãi hắn một cút rượu với hai tấm đậu phụ rán và một bữa cơm.

Trong khi Mịch kề cà nói chuyện với mẹ chồng thì nàng đi sang hàng xóm rọc thuốc giúp để khi thuốc nàng hái về họ lại sang làm giúp mình.

Chồng nàng khi ấy cũng bận, không còn thì giờ đâu mà thả diều. Nhưng công việc của hắn lại là cái thú đối với hắn.

Chiều đi làm về, dắt trâu vào chuồng, dựa cày vào xó bếp, ném vài nắm rơm cho trâu ăn rồi vội đi ngay đến nhà có thuốc rọc, ngồi lẫn vào bọn con gái. Dưới ánh trăng trong (vì mùa thuốc thường vào đêm có trăng) câu chuyện nở như gạo vàng. Hắn thích nghe những câu hát ví, những lời giễu cợt của chị em – thường hắn vẫn là đầu đề câu chuyện vui của họ – để trả lời lại rằng:

– Muốn lắm chứ! Nhưng mà ai chịu làm lẽ mình mà lấy, hay là chị lấy tôi nhé?

Có chị xấu hổ, cầm cái que rọc vụt mạnh vào vai hắn, nói ỡng ẹo:

– Anh phải gió!

Cũng có chị bạo quá, vênh mặt nhoẻn cười, nói phứa:

– Ừ, nhưng mà liệu chị ấy có ghen không đã?

Những lúc ấy nếu có vợ hắn ngồi đấy thì chị em lại đùa lối khác. Họ nể nang, kính trọng đức hạnh của nàng, không nỡ để nàng tủi nhục.

Mùa thuốc chưa qua, mùa gặt đã đến. Mọi khi chỉ một vụ gặt cũng đủ không kịp thở, huống năm nay thóc lúa, thuốc men đổ dồn cả

vào một tháng. Nàng bận tới tấp, việc nọ chưa xong đã phải bắt tay vào việc kia, suốt ngày đi lại dưới ánh nắng chang chang. Mặt mũi, chân tay cháy xém, trông nàng xấu hẳn đi. Ấy là việc bếp nước còn có con bé giúp, việc nặng nhọc đã có chồng, có anh em họ đương bá tay vào nếu không, có lẽ nàng đến héo quắt đi về nỗi vất vả.

Nhưng hết những tháng bận lại tiếp theo những tháng nhàn. Nàng lại quay về bếp nước, quay về khung cửi bỏ bẵng trong lâu nay. Nàng lại có những buổi trưa hè ngồi bắt chấy cho mẹ chồng ở thềm nhà trên, để nghe những tiếng hát ru em của cái Gái bên hàng xóm và những tiếng gà gáy báo trưa gần xa. Và bao nhiêu nỗi phiền muộn lại đến xâm lấn tâm hồn nàng.

Ngày tháng buồn tẻ, âm thầm trôi như dòng nước lờ đờ chảy trong quãng đồng quạnh hiu...

Rồi một hôm, một buổi sáng vào khoảng tháng một, nàng bắt đầu nôn khan. Nửa tháng sau, nàng thấy thích của chua và ăn cơm thấy ngan ngán.

– Hay là mình ốm nghén?

Nàng nhớ lại những đêm ân ái và tủm tỉm cười, nhắc lại:

– Có lẽ mình ốm nghén thực.

Đoán thế thôi, chứ nàng cũng chưa dám khoe ai hay tỉ tê với mẹ chồng. Nhỡ không phải thì thẹn chết!

Nàng đã thấy nhiều người cũng thích của chua, cũng ngán cơm, hay quằn quại đau bụng mà rồi sau thành ra tích huyết.

Nàng có thể tích huyết, cũng chưa biết chừng. Nghĩ vậy, nàng hơi buồn và chăm chú vào công việc để quên nỗi ngờ vực ấy đi.

Tháng thứ hai, nàng nắn bụng thấy răn rắn. Nàng mừng quá, cố nén mới nhịn được khỏi đi khoe với mẹ chồng.

Nhưng, rồi cái ngờ vực ở đâu nó lại đến lẩn khuất bên lòng và luôn luôn nhắc trong thâm tâm nàng: "Biết đâu đấy! Tích huyết thật thì sao?" làm cho nàng lúc nào cũng nửa mừng nửa lo.

Tết đến bận tiếp kẻ ra người vào, bận trông nom cỗ bàn, bận đi lễ đi bái, nàng quên hẳn nàng đi. Nỗi ngờ vực cũng vì thế mà không lảng vảng đến nữa.

Tháng thứ ba, bụng nàng to dần. Nàng vừa lấy tay xoa bụng vừa nghĩ:

"Đích thị có mang rồi. Mình khỏe mạnh béo tốt thế này, có mang là phải lắm chứ!".

Sự ngờ vực cãi lại liền:

"Chưa biết chừng. Tích huyết cũng nên! Người ta có thể tích huyết trong vài ba tháng mà bụng cũng to dần".

Nàng thở dài, luôn luôn khó chịu với cái ngờ. Thì sao nàng không thổ lộ cho mẹ chồng hay, mẹ chồng nàng đã đẻ nhiều, đã kinh nghiệm, đã từng trải, thực hư thế nào tất mẹ chồng nàng phải biết. Thì chính vì thế mà nàng rụt rè, e ngại, mà nàng không dám quả quyết.

Hết ngày này sang ngày khác, nàng chỉ muốn mẹ chồng nàng để ý đến sự thay đổi trong người nàng, gọi nàng đến mà xem xét kỹ lưỡng cái bụng của nàng. Nhưng bực thay! Mẹ chồng nàng vì mãi chẳng thấy nàng dâu đẻ nên cũng chán mà cố nghĩ sang việc khác.

Sau nàng nghĩ được một kế. Ít lâu nay nàng chưa về thăm bố mẹ đẻ. Nàng xin phép về nhà.

Trước mặt mẹ, nàng ưỡn mãi bụng ra cốt để mẹ chú ý. Nàng mừng thầm khi thấy mẹ đã trúng kế. Mẹ nàng xoa bụng nàng rồi tươi tỉnh hẳn nét mặt, nói bằng một giọng nồng nàn vui sướng của người mẹ yêu con:

– Úi chào! Phúc đức quá! Quí hóa quá! Con có nghén rồi, con ạ.

Nàng vờ ngạc nghiên:

– Có nghén thật à, bu?

– Đích thị con có nghén rồi. Bu đoán không khi nào sai được.

Nàng sung sướng quá, ứa nước mắt, hỏi lại, giọng run run vì cảm động:

– Thật à, bu? Con chỉ lo (nàng ngần ngại, sợ sự ngờ vực của nàng thành sự thực, sợ mẹ nàng chưa để ý đến bệnh tích huyết), con chỉ lo con mắc bệnh tích huyết.

Không để nàng chờ đợi, mẹ nàng nói ngay:

– Không! Không! Không phải tích huyết. Chính con có nghén đấy. Bu sờ bu biết. Đích thị con có nghén. Người tích huyết da dẻ xanh xao, chứ không được thế. Với lại, bu sờ bu biết. Người tích huyết bụng nó cũng to, nhưng to khác cơ.

Bà nhắc đi nhắc lại: "Quí hóa quá! Con tôi có nghén!" mỗi khi có người bà con đến thăm. Bà hớn hở, sung sướng như thể chính bà đã

có nghén. Còn nàng, suốt cả buổi sáng ở nhà mẹ đẻ để giới thiệu cái bụng nghén với mọi người và để nghe họ đố nhau:

– Bà bảo chị ấy chửa được mấy tháng nào?

– Bụng ấy thì có chửa độ hai, hơn hai tháng chứ mấy.

– Bụng ấy ít ra phải bốn tháng.

– Bốn tháng! Bà này nói như người chưa đẻ bao giờ ấy. Bà đã đẻ năm con rồi đấy nhé.

– Bà ấy nói phải đấy. Bốn tháng thì đã trông thấy bụng rồi cơ.

– Thì gì bằng cứ hỏi ngay chị ấy tắt kinh được mấy tháng tự khắc biết, việc gì các bà phải cãi vã lôi thôi.

– Này chị xã! Tôi hỏi thật chị. Chị tắt kinh được mấy tháng?

Nàng tủm tỉm cười:

– Cháu cũng quên không biết được mấy tháng. Hình như tháng chạp hay tháng giêng ấy.

Bà khách thất vọng, thở dài:

– Rõ nỡm! Tắt kinh tháng nào cũng chẳng biết nữa.

Xế trưa, nàng hớn hở ra về, lòng chứa chan hy vọng.

Từ thuở về nhà chồng, không hôm nào nàng thấy sung sướng bằng hôm nay. Còn gì sung sướng bằng đương lúc băn khoăn, bực dọc về nỗi ngờ vực, đương lúc mong mỏi khao khát có con thì... thì nay một tin đích thực về thai nghén đã đến đánh tan sự ngờ vực và làm cho nàng toại được lòng mong mỏi. Nàng phấn khởi, bước những bước bạo dạn, mạnh mẽ như một tên lính giở về báo tin thắng trận cho xứ sở. Phải, nàng cũng sắp đem đến cho mẹ chồng nàng, cho cả họ nhà chồng nàng một tin mừng quan trọng. Từ nay nàng không còn phải nghe thấy những câu phẫn uất của mẹ chồng, những lời giễu cợt của họ hàng làng xóm. Từ nay, những ngày sống của nàng sẽ đẹp đẽ, quý báu như chuỗi hạt ngọc.

Nghĩ vậy, nàng thấy không lúc nào nàng yêu chồng tha thiết hơn.

Nàng vui lòng mua thêm đường đất rẽ vào xóm lũy, qua cánh đồng lúa, để giáp mặt chồng. Hãy còn tận đằng xa, nàng đã gọi to:

– Mình ơi! Mình vẫn còn làm cơ à? Sao mà chăm quá thế!

Chồng nàng đương giở cầy, ngửng lên nhìn thấy và lấy làm ngạc nhiên, phần vì câu hỏi của nàng (lúc ấy mới xế trưa) phần vì mọi hôm không bao giờ thấy nàng lảng vảng qua đấy.

– Mình đi đâu về?... Mà ra đây làm gì?

Nàng nhoẻn miệng cười:

– Ra đây để nhìn mình.

Nàng định dừng lại báo tin mừng rồi hình như ngượng lại đi thẳng để chồng một mình với sự ngạc nhiên. Đi được một quãng, không biết nghĩ thế nào nàng định giở lại, rồi tự nhiên nóng ruột, nàng tất tưởi rảo bước về cho chóng...

Vừa thấy nàng đến cổng, mẹ chồng nàng đương kỳ cạch chữa khung cửi, đứng dậy:

– Này, mày ạ, khung cửi lệch lạc làm sao ấy. Tao chữa mãi không được.

Nàng tươi tỉnh, cắp thúng từ cổng vào, vừa đi vừa cười nói:

– Bu để đấy con chữa – nhìn xuống khung cửi, nàng phàn nàn nhưng nét mặt vẫn tươi – Bu dệt làm sao mà mặt vải xùi lên thế này?

– Thôi chết! Tao lại nối "mặt ba" rồi.

– Sao bu không nối "ca go" cho khỏi nhầm.

– Ấy thế mới sinh chuyện!

Nàng ngồi xuống khung cửi, vặn chặt chốt cho căng mặt vải, nâng ca go, lấy bối tóc chải cho sạch bựa. Hai tay cầm "khổ" nâng lên đập xuống mấy cái, hai chân dàn đi dận lại bàn đạp như anh tài xế soát lại máy trước khi cho ôtô chạy.

– Tại bu để chùng go quá đấy mà – Nàng quay xuống nhìn dưới chân – Với lại... À, thảo nào! Hòn ngói con vẫn kê ở bên chân phải. Bu làm thế nào mà để nó bật ra được.

– Nào ai biết! Tao có đụng chạm gì đến nó đâu!

Nàng đứng dậy kê lại chân khung cửi, rồi lại ngồi vào bắt đầu dệt, trước còn thong thả nhát một, sau nhanh dần, đều đều như cái máy tốt.

– Thế thì mày tài thật!

Nàng sung sướng mỉm cười.

Nhưng việc ấy chưa phải là việc can hệ. Nàng không sao để chùng chình câu chuyện mà nàng đã định nói từ trước. Nàng bèn ngưng tay dệt, tỉ tê:

– Bu ạ, hơn hai tháng nay con chỉ nôn khan và thích của chua... Bụng lại thấy răn rắn. Hay là... dễ muốn có nghén, bu ạ.

Nói đến đây nàng đỏ mặt và nóng bừng cả người.

– Ồ! Thật à? Con đứng lên cho mẹ xem nào!

Mặt bà bỗng tươi sáng, cặp mắt bà bỗng long lanh vì nguồn sung sướng quá mạnh, khi bà đã xoa nắn bụng con dâu: "Lạy giời, lạy phật, lạy thánh vạn bái. Con tôi có mang rồi".

Bà mừng quá không nói hơn được câu gì nữa. Bà đứng ngay dậy, bỏ nàng đấy, tất tả đi ra cổng như người chợt nhớ đến một việc cần mà mình chưa làm.

Nàng ngồi bên khung cửi nhìn ra cười, nói khẽ:

– Bà lão đã đi khắp xóm khoe con dâu bà có nghén. Hì! Chả ai nóng nẩy như bà lão nhà mình.

Rồi nàng lại mải miết dệt. Chiếc thoi đi lại thoăn thoắt. Tiếng "cút thạch cun thành" liên tiếp nhau, vang động như đem hết nỗi vui sướng của nàng đi rao khắp mọi nơi.

CHƯƠNG V

Chóng thật! Vừa mới ngày nào bây giờ đã gần đến tháng đẻ. Cái bụng nàng to sẵn, thắt lưng chặt quá vì sợ xổ, phềnh ra bằng cái thúng đại. Lắm lúc trông nó to một cách ngạo nghễ quá, nàng bật cười một mình. Mấy tháng trước mà to thế thì nàng xấu hổ có lẽ không dám thò ra đến ngoài. Nay nàng đã quen với nó lắm rồi. Nàng không tưởng đến nó nữa mà chỉ tưởng đến đứa con nằm trong. Nàng vẫn phân vân không chắc, tuy mẹ chồng, mẹ đẻ nàng đã đoán biết trước thế nào nàng cũng đẻ con trai, lấy cớ rằng bụng nàng to về bên trái và cái thai hay cựa quậy về bên trái. Còn mọi bà trong họ thì mỗi bà một thuyết, chẳng ai giống ai.

Mới rồi nàng đương đi chợ, bỗng nghe thấy bà tổng gọi đằng sau. Nàng quay lại. Bà tổng mừng, bảo nàng đẻ con trai vì thấy nàng quay về bên trái. Nàng cho là hú họa. Nàng nhớ lúc ấy nàng cắp rổ về bên tay trái. Nếu cái rổ ở bên tay phải, nàng sẽ thuận chiều mà quay về phía ấy ngay.

Nhưng trai hay gái rồi chẳng bao lâu nàng sẽ biết. Mấy hôm thấy râm rẩm đau bụng, nàng không dám đi chợ, sợ đẻ rơi giữa đường. Đợi mãi sáng nay chẳng thấy gì nàng mới cắp rổ ra đi. Lúc trở về đến

cổng, bỗng cơn đau bụng nổi lên dữ dội. Nàng bỏ rơi rổ đồ ăn xuống đất. Hai tay bíu chặt lấy thành cửa, mặt nhăn nhó và tái mét.

Mẹ chồng nàng chạy vội ra, gọi con ở cầm rổ vào bếp rồi vừa xốc nách nàng vừa nói:

– Con đi vào để bu đỡ cho, nhỡ đẻ ở đây thì rầy rà.

Nàng vẫn bíu chặt lấy cánh cửa. Một lát bụng đã đỡ đau, nàng vịn vai mẹ chồng, cố lê vào nhà ngang. Nàng đã kê sẵn giường phản và quây liếp chung quanh thành cái buồng kín. Nàng kiêng không dám để ở nhà trên vì có bàn thờ ông vải.

Vừa đến phản, cơn đau lại tăng bội, nàng nằm vật xuống, bíu chặt lấy mép phản, nghiến chặt răng để khỏi kêu.

Mẹ nàng chạy tất tả sang hàng xóm, đứng cổng gọi:

– Chị Vót ơi! Chị Vót!.

Vót là tên tục vợ xã Khoan, nhà ở ngay sát vách với nhà Bổng. Chị ta là một người đàn bà đanh đá, chua ngoa. Cả xóm không mấy ai dám đôi co. Hơi có chuyện xích mích với ai chị ta lải nhải hằng giờ nếu người kia cả nhịn. Nếu không thì phải biết! Bốn năm ngày liền chưa chán mõm. Tuy vậy mà cả xóm không ai nỡ ghét. Chị ta có tật ấy thì lại có nhiều nết khác. Chị ta không giận ai lâu, và sẵn lòng bỏ việc nhà để giúp việc người một cách tận tụy, miễn là người ta chịu khó phỉnh chị một vài câu.

Người chồng tính khác hẳn như nước với lửa. Vợ nóng nảy thì chồng hiền lành nhu mì. Vợ lơ đễnh, làm đâu vứt đấy, bỏ vương, bỏ vãi thì chồng ngăn nắp, cẩn thận, quét tước dọn dẹp luôn. Vợ bỏ liều con cái, đánh mắng chửi rủa luôn mồm thì chồng chăm nom săn sóc từ ăn uống cho chí tắm giặt. Còn bao nhiêu tính khác nhau như thế nhưng trong nhà không bao giờ lục đục vì anh chồng suốt đời chịu nhịn nhục, mặc cho vợ quát tháo.

Nghe thấy tiếng bà lão bên hàng xóm, chị ta vội ẵm con chạy ra. Một lũ con chạy theo sau như đàn gà.

– Cụ gọi gì cháu?

Đứa bé ẵm trong lòng vẫn ngậm đầu vú, một tay luồn vào yếm mẹ.

– Việc này phải nhờ đến chị mới xong – Bà đã biết tính, bao giờ cũng phỉnh trước rồi mới nói vào việc – Chị ạ, cái xã nó giở dạ.

– Ý chừng cụ muốn nhờ cháu đi gọi bà Vị.

– Phải, việc này chỉ có chị mới giúp được.

Chị ta mừng như người vừa vớ được việc gì thú để làm, chạy vào bếp đưa con cho chồng: "Thầy nó bế hộ, tôi đi đằng này có chút việc". Đứa trẻ rời vú mẹ òa lên khóc, tay bíu chặt lấy yếm.

– Hộ ai hẵng để đấy có được không. Việc còn ngập ra đây nhé!

– Việc việc cái gì! Chẳng làm lúc này thì làm lúc khác. Mượn bế hộ tí mà đã vội duỗi ra. Bế lấy nó!

Chồng không dám hé răng, giơ hai tay đỡ lấy con. Thằng bé rời khỏi tay mẹ càng khóc to. Chồng luống cuống, hát liều: "A, a... Mẹ nó chỉ săn sóc việc người thôi a... a...".

Vợ đã ra tới gần cổng còn quay lại, nói bướng:

– Thế thì đã làm sao?

Chồng sợ hãi hát tiếp luôn:

– A, a... Thế thì chả làm sao cả, a, a...

Vợ tủm tỉm cười đi thẳng. Nhưng nếu không may cho chị xã Bổng thì chị ta sẽ gặp toàn những người nỏ mồm như chị ta. Chị ta sẽ đứng lại chuyện trò từng lúc một. Lúc ấy dài hay ngắn sẽ tùy theo tính nết từng người mà chị ta bắt gặp...

Người mẹ chồng đợi lâu quá, nóng ruột, đi ra đi vào, hai bàn tay chắp lại khấn khứa: "Lạy bốn phương giời, mười phương phật, chư phật mười phương, phù hộ cho nhà nó được mẹ tròn con lành". Cặp mắt bà luôn luôn nhìn ra cổng chê chán mới thấy bà Vị với Vót theo sau. Bà nói trách:

– Gớm! Mong cụ suốt từ sáng đến giờ! Sao mà chậm thế?

– Mãi gần trưa tôi mới thấy chị ta đến mời.

Vót vội cãi:

– Thì nhà cụ ở mãi tận cuối làng, xa hàng thôi đường... Với lại chị xã chị ấy đã xổ đâu mà rộn.

Lúc ấy đã xế trưa, chị xã vẫn còn quằn quại rên rỉ trên giường.

Bà Vị không sốt ruột, ngồi ung dung trên phản đợi, thỉnh thoảng phấn khởi con dâu bằng những câu nói ngọt ngào, thân mật mà vì nhắc đi nhắc lại luôn, bà đã hầu như thuộc lòng.

Bà vốn dòng Gia tô, thường ở gần các bà sơ, nên bà học được những điều phổ thông về nghề đỡ đẻ. Giá lúc này vớ phải tay bà Tỵ ở

xóm trong thì người ta đã hành hạ người đẻ đủ thứ, nào vuốt bụng, nào đấm lưng, nào dứt tóc, nào bắt rận, giục đẻ như giục tà.

Cũng như người mẹ chồng khấn trời khấn phật, bà Vị luôn luôn cầu nguyện Chúa và Đức Bà.

Còn Vót đứng thuỗn ra, hết nhìn hai bà lại nhìn chị Bổng nhăn nhó, quằn quại trên giường đẻ. Bỗng Vót sực nhớ, chạy vội ra rút cọc chuồng lợn, rồi vừa trở vào vừa nói:

– Cách này không xong, cháu còn cách nữa rất công hiệu.

– Ừ, phải đấy. Tôi rối ruột cũng quên lú đi mất – Người mẹ chồng nói thêm – Này chị ạ, bây giờ tôi mới lại nhớ ra. Chị xuống bếp, lật ông bồ rau, khoét lấy một ít đất...

Bà Vị không bằng lòng, ngắt lời:

– Úi chào! Các người cứ vẽ. Lúc chị ấy đẻ thì tự khắc đẻ. Tôi đỡ mãi mà không am tường hay sao? Cái thai cũng chẳng khác gì cái quả...

Vót cũng không bằng lòng, cãi lại:

– Cụ cứ nói chứ... Thì ngay bác Mịch ở xóm này chứ đâu. Có lần nào mà không phải dùng đến ngoại khoa.

Chị Bổng mê man, không biết gì. Mỗi lần cơn đau trội lên quá, lại bíu chặt lấy thành giường, nghiến chặt hai hàm răng để chống lại với cái đau.

Bà Vị vẫn thản nhiên ngồi đợi. Mẹ chồng nóng ruột hỏi:

– Liệu có việc gì không, bà?

– Việc quái gì. Có người giở dạ đến hai ngày mới đẻ cũng chả làm sao nữa là.

– Nhưng tôi sợ lâu quá, cháu nó kiệt sức.

– Cụ đừng lo. Tôi đã có thuốc.

Ngoảnh đi ngoảnh lại, Vót đã biến đâu mất. Nửa giờ sau thấy xã Bổng và Vót ở cổng vào.

– Cởi thắt lưng ra, mau!

Người chồng còn ngơ ngác, chưa kịp hỏi thì Vót giục luôn:

– Bảo cởi thì cứ ra nào! Vứt qua nóc nhà kia!

Bổng chợt hiểu, cười:

– Thế mà chị chẳng nói rõ. Nói thế thì bố ai hiểu được.

Hắn vội vàng ném dây lưng qua mái nhà ngang. Trong lúc vội, không kịp nghĩ, hắn quên không quấn vào một viên gạch nhỏ. Chiếc dây lưng nhẹ quá, xõa xuống nửa chừng mái. Vót gắt. Hắn cuống lên, đứng thuỗn ra nhìn trong lúc Vót đi tìm sào khều xuống.

Trong nhà bỗng có tiếng oe oe trẻ khóc. Mẹ chồng cảm động, thấp thỏm đứng ngoài, không dám hỏi.

Bà Vị ở trong buồng nói ra:

– Con gái, cụ ạ.

Bà kia đã nghe rõ, nhưng còn mong nghe nhầm. Hỏi lại:

– Con gái, hở cụ?

– Vâng, con gái. Sinh gái đầu lòng càng dễ nuôi, cụ ạ.

Mẹ chồng thất vọng thở dài.

CHƯƠNG VI

Vừa tỉnh dậy nàng đã hỏi đến đứa con.

Vót ngồi ở phản cho đứa bé bú, đứng lên, định đưa con cho nàng. Bà Vị ngăn lại. Bà đã biết lòng mong mỏi của nàng và không muốn nàng thất vọng trong lúc đang cần dưỡng sức.

Gian ngoài và nhà trên chật ních những họ hàng khu xóm. Đứa ở gái đem hết ba ấm nước chè rồi mà vẫn chưa đủ.

Thấy nàng sinh con gái, bà nào cũng tỏ vẻ thất vọng và khởi đầu bằng câu nói: "Sinh gái đầu lòng đỡ đần mọi việc" để an ủi mẹ chồng nàng.

Vót ẵm đứa bé còn đỏ hỏn trong cái tã làm bằng cái váy cũ, đi khoe hết bà nọ bà kia, hớn hở sung sướng như thể chị ta là mẹ nó vậy: "Cụ trông cái trán nó giống ai? Cái mũi nó giống cái mũi bà ngoại nó như đúc... Này, cụ trông, đôi mắt nó với cái cằm nó có như in mẹ nó không?".

Một bà hỏi đùa: "Thế còn cái gì giống bố nó?"

Một bà khác đáp lại liền: "Cái mồm chum chúm, mồm thằng bố nó chứ mồm ai".

Rồi mỗi bà bình phẩm một câu, ồn ào cả mấy gian nhà ngang.

Nhà trên các ông bác, ông chú được thể đến ăn giầu uống nước, nói hươu nói vượn mãi sâm sẩm tối mới về.

Vót ở lỳ không tưởng gì đến chồng con. Bốn năm lần cái Gái sang giục. Lần cuối cùng chị ta chạy ra mắng át: "Làm gì mà rối lên thế? Nó có đòi bú thì bế nó sang bác cả Mịch cho nó bú rình không được à". Cái Gái sợ mẹ đánh, khóc khóc mếu mếu chạy về.

Đêm đã khuya. Bên kia vách, tiếng trẻ khóc từng hồi, tiếng đàn ông ồm ồm ru, giọng hát rầu rĩ.

Người mẹ chồng thương hại, giục Vót hai ba lần, Vót mới chịu đưa con bé cho bà: "Cháu gửi cụ, tí nữa cháu lại sang. Chị ấy mới ở cữ đã làm gì có sữa".

Một lát bên này đã nghe thấy tiếng chị ta gắt chồng: "Rõ cái tội, cái nợ! Hễ mình rời đi một tý là ầm cửa ầm nhà. Rồi người nọ giục, người kia giục rối lên".

Tiếng chồng nói lại: "Ai mà mình bảo người nọ với người kia? Có cái Gái nó thấy thằng bé khóc lắm thì nó sang gọi mình về cho nó bú...".

Tiếng chị ta quát to: "Thì người ta đã bảo cho nó sang bú rình bác cả Mịch kia mà!".

Đứa bé đã bú no, nằm ngủ say trong lòng mẹ. Vót đưa con cho chồng và dọa: "Hễ làm nó thức dậy thì tôi bảo!".

Anh chồng ngoan ngoãn, giơ hai tay, rón rén đỡ lấy đứa bé áp vào lòng ru se sẽ trên võng. Vót lại đi sang săn sóc việc người. Hai hôm liền mà chồng không hề một câu, chịu ở nhà bế ẵm chăm nom thằng bé như người vú.

Thấy chị ta như thế, người mẹ chồng không nỡ để thiệt, thường đem gạo sang cho, cho giấu chứ nếu để chị ta biết thì thế nào chị ta cũng cự chồng và bắt mang sang trả lại.

Xã Bổng từ hôm vợ đẻ, không dám bén mảng vào trong buồng. Hắn sợ bẩn, sợ hôi hám chăng? Không, hắn sợ đứa bé. Ở đời, hắn sợ nhất chuột con đỏ hỏn rồi đến những đứa mới đẻ.

Một lần Vót đã nghịch, bắt mấy con chuột chưa mở mắt ở trong vựa thóc đem vứt ngay vào giữa cổng ra vào. Hắn đi làm về, trông thấy vội hét lên, chạy mất.

Lần này chị ta muốn trêu hắn. Gặp dịp hắn có việc không đừng được, phải xuống nhà ngang, chị ta ẵm đứa bé áp mãi vào người hắn và cười nói: "Này, bố nó, tám chín năm giời mới có con. Bố nó bế thì cho đỡ thèm".

Hắn gượng cười, nhưng mặt tái mét, lùi, lùi mãi rồi chuồn mất, khiến chị ta cười rũ rượi.

Vợ đã biết tính chồng, nên không oán giận. Còn mẹ chồng thì thốt ra một câu đầy giọng căm hờn vì thất vọng: "Phải, thử con giai xem anh ấy có vơ ngay lấy không?".

Vót thực thà, đáp lại: "Thưa cụ, con giai, con gái hay con gì đi nữa, anh ấy cũng sợ như sợ chuột".

Nằm cữ chưa đầy tuần lễ, chị xã đã đi lại tắm gội và làm việc như thường.

Hôm qua mẹ đẻ nàng đến thăm và cho con nàng một cái mũ bằng ba thứ nhiễu xanh, đỏ, tím can liền nhau thành ba từng và một cái áo lụa mộc vàng như nghệ.

Nàng cầm cái mũ ở trong buồng đi ra, úp vào đầu đứa bé rồi ẵm lấy nó, cúi xuống nói nựng: "Úi nào ơi, con tôi có phải là con chuột đâu mà bố nó sợ". Nàng ngửng lên bảo Vót: "Chị Vót ạ, em nhờ chị việc này nhé. Chị đến đằng cụ Hội xin hộ em ít lá bạch đồng nam về nấu nước tắm cho cháu. Có tiện thì chị xin bà cụ Hội cho em ít riềng ấm giã rồi để em hòa với nước tiểu nhi uống cho tiêu".

Vót được có người khẩn khoản, lộ hẳn vẻ mừng:

– Cái gì chứ riềng ấm thì nhà tôi có nguyên một lọ đầy. – Chị ta tiếp luôn – Cũng ở bố nó chứ tôi thì phải vạ mà trữ sẵn như thế.

Vót ra đi rồi, chị xã ẵm con vào giường, vạch vú cho con bú. Hai bầu sữa của nàng lúc nào cũng đầy. Lắm khi đầy ứ, cặp vú căng rắn như hai quả bóng, nàng phải sang hàng xóm cho trẻ bú rình. Có khi thừa thãi quá, nàng phải vắt bớt vào cái chén, đem đổ xuống ao. Nàng không dám đổ xuống đất, sợ cạn sữa. Vì thế mà đứa bé vừa đặt mồm bú, sữa đã tràn ra hai bên mép.

Vài phút sau, đứa bé lim dim ngủ, mồm vẫn ngậm lấy đầu vú, cặp môi nhỏ xíu thỉnh thoảng mấp máy và chân tay khẽ cựa cạy. Nàng sợ nó giật mình, ôm chặt vào lòng, rồi khi nó đã ngủ say, nàng hết sức gượng nhẹ, đặt mình xuống giường, mồm se sẽ ru.

Lúc này đứa bé không còn là đứa gái rẻ rúng nữa. Nó là hòn ngọc của nàng, là nguồn sống của nàng, là một cái gì thân mật, quý báu ở trong người nàng. Giá nàng được luôn luôn ôm ấp lấy nó. Nhưng không thể được. Nàng còn phải trông nom săn sóc mọi việc. Nhất là chiếc khung cửi. Nàng động rời nó lúc nào là thiệt cho nhà nàng lúc ấy. Nó là một tay giúp việc rất trung thành rất đắc lực. Vắng nó, cuộc sống của cả gia đình nàng sẽ một ngày một khó khăn. Vắng nó, công nợ sẽ một ngày một đẻ dần, rồi một ngày kia làng nước sẽ có dịp bàn tán với nhau rằng nhà nàng bắt đầu sa sút. Chiếc khung cửi quan hệ như thế mà nàng cũng không luôn tay với nó được. Tâm trí nàng để cả vào đứa bé như ngày còn nhỏ nàng để ý đến đứa bé của nàng làm bằng cái gối mây. Chốc chốc nàng lại bỏ việc, vào buồng ngắm nghía con, hoặc cho con bú, hoặc thay tã thay lót cho con. Nàng không muốn nhường ai công việc ấy, cả mẹ chồng nàng.

Đứa con nhớn như thổi, và bụ sữa, mũm mĩm như hòn bột, thơm như mùi gạo nếp. Hàng xóm họ đương ai đến cũng tranh lấy bế để hôn hít.

Mẹ chồng nàng thấy thế cũng khuây khỏa dần và vui sống đợi đứa cháu sau.

Chồng nàng không sợ như trước nữa. Mỗi khi đi làm hay đi đâu về, hắn vồ lấy đứa trẻ ở lòng mẹ, hôn hít, thổi mạnh vào rốn cho nó cười sằng sặc, rồi bế đi khắp nhà trên nhà dưới hay nằm võng vừa đưa bổng vừa hát nghêu ngao. Hắn bế vụng quá, nàng phải sửa lại sống áo cho con khỏi xốc xếch và trách chồng bế như bế con hàng xóm. Có khi nàng giữ lấy mép võng sẽ đưa và cúi xuống, đợt giọng ra nói chuyện với con. Cứ bắt đầu mỗi câu, nàng lại uốn lưỡi đập xuống kêu như tiếng mõ, tiếng "âu" kéo dài nối liền sau.

Đứa trẻ nằm ngửa dềnh trên bụng bố, hai chân co lên, hai tay cà cuộng nắm lấy ngón chân. Cái mồm nhỏ xíu chúm chím cười.

CHƯƠNG VII

Nàng ngừng dệt, quay lại, mặt hầm hầm:

– Này tôi bảo thật. Đừng có đem tiền của tôi đi mà đánh bạc, kẻo rồi chẳng ra gì với tôi đâu.

Hắn chẳng thèm nói năng, cứ việc thọc hai tay vào túi áo trong, cắm đầu đi thẳng.

Mẹ chồng nàng ngồi trên giường, trong bóng tối, bế đứa cháu gái mới đẻ được bốn năm tháng. Đứa gái đầu lòng đã lên ba, nằm ngủ co ro trong chiếc chăn nâu ở bên cạnh. Nghe thấy nàng gắt chồng, bà ngửng lên quát mắng theo:

– Thằng phải gió chết băm chết vằm kia! Mày có giả ngay nó không? Khốn nạn thân mày! Làm đã chẳng chịu làm. Vợ đầu tắt mặt tối kiếm ra được đồng vốn đồng liếng nào thì mày lại đem đi nướng sạch.

Trong lúc mẹ hắn quát tháo thì hắn đã đi ra khỏi cổng và đã lẩn vào trong xó tối.

Nàng thở dài, nước mắt chạy quanh:

– Thôi, bu nói làm gì với cái con người ấy. Người ta có nghĩ gì đến mẹ, đến vợ con.

Nàng nói thực. Từ khi hắn ham mê sóc đĩa, hắn chỉ nghĩ đến các sòng chứa bạc. Động trong túi có tiền là mất hút không còn thấy bóng vía hắn đâu nữa. Nhất từ ngày nàng đẻ đứa gái thứ hai, hắn làm ra mặt chán đời để lấy cớ chơi cho thỏa thích. Có ai trách hắn lêu lổng, hắn làm ra vẻ buồn, thở dài, nói: "Bác tính, con giai chẳng có, để tiền làm gì mà chẳng chơi".

Có người biết rõ tâm tính, nói thẳng ngay vào mặt hắn: "Phải, có con giai nữa bác không chơi, không chết mê chết mệt với bốn đồng tiền cái".

Mấy hôm nay, không còn đồng trinh dính túi, hắn đã định theo đòi lý Cúc, cầm hai sào vườn lấy tiền gỡ gạc, thì may sao, ban trưa vợ vừa bán ba vại thuốc lào được bốn mươi lăm đồng.

Hắn giật được mười lăm đồng bỏ túi. Nàng níu chặt lấy áo. Hai vợ chồng giằng co. Hắn ẩy mạnh. Nàng ngã ngay trước mặt bọn lái thuốc. Hắn bỏ chạy. Nàng ngồi phệt xuống đất, mặt tái hẳn đi vì xấu hổ và căm tức. Nàng vừa thở hổn hển vừa vấn lại tóc rồi đứng dậy phủi áo xống và ngồi trên ngưỡng cửa quay vào phân bua: "Các ông tính chồng con thế đấy! Rõ điêu đứng chưa!". Nàng ngừng ngay được không đến nỗi để thổ lộ nỗi khổ của mình và nói thậm tệ chồng trước mặt người lạ tuy những người ấy cũng là "người làng người nước cả".

Bọn lái ra rồi, nàng lẳng lặng đi lại ngồi vào khung cửi dệt mải miết để quên nỗi căm tức chồng vì thực tâm nàng không bao giờ muốn thù ghét chồng.

– Được, để nó về rồi tao bắt nó giả. Thằng tệ bạc thế thì thôi. – Mẹ chồng nói để an ủi con dâu chứ bà cũng thừa biết là mất đứt.

Chiều, hắn giở về tưởng thế nào vợ cũng rầy la om sòm, đòi cho bằng được. Hắn định, nếu vợ làm quá, hắn sẽ giả, chỉ giữ lại năm đồng để tối nay đi mừng đám khao nhà lý mới và đánh dè dặt một vài đồng họa may phất chăng.

Về đến nhà thấy vợ chẳng nói nửa lời, có ý dỗi, hắn lặng yên, tủm tỉm cười một mình và nghĩ bụng: "dỗi càng hay". Duy có mẹ hắn chửi mắng hắn thậm tệ. Hắn không tức, không sợ, mặt trân trân như mặt phỗng đá.

Lúc hắn đội khăn mặc áo ra đi thì vừa mới chập tối. Đêm ấy là đêm mười sáu tháng hai trăng lên muộn và trời hơi lạnh lạnh. Ngõ xóm vắng tanh. Ngoài những con chó đứng cổng sủa ra, không còn tiếng gì khác. Hắn cắm đầu, vừa đi vừa nghĩ.

Từ ngày biết chơi bời, hắn chỉ đánh chắn hay tổ tôm còm được thua độ một đồng trở xuống. Những hôm tết, hắn đi lễ, có thấy bọn nghèo hèn ngồi họp sóc đĩa cò con với lũ trẻ hay lũ mục đồng trong quán, hắn dừng lại, đứng ngoài vứt liền ba bốn xu vào mặt chẵn hay lẻ. Cũng có khi, may tay hắn cúi xuống mở bát. Cả hai mặt dồn lại không đầy dăm hào chỉ, có thua cũng chả mấy. Hắn đánh một vài tiếng rồi đi. Hắn vẫn sợ sóc đĩa là thứ chơi quốc cấm, nhỡ bị quan hay ông chánh tổng bắt được thì rầy.

Những ngày mùng sáu, hội quan lão năm xưa, hắn có tám hào trong túi. Đã sẵn tiền lại gặp ngày được phép đánh thả cửa, hắn rẽ vào quán đa, liều một canh để nếm mùi đổ bác lớn. Hắn cố lách vào chiếm được một chỗ ngồi. Bắt đầu hắn đã phải đặt ngay một hào vì họ chỉ ăn từ hào trở lên. Hắn thua liền bốn tiếng bạc. Mặt hắn nóng bừng. Hắn tiếc quá. Biết thế để bốn hào đánh chắn, thua hết cũng còn lâu chứ có đâu không đầy một chốc. Hắn ngồi mân mê bốn hào còn lại túi, cặp mắt thao láo nhìn một cách thèm thuồng những tờ giấy bạc và một đống hào trong lòng nhà cái. Sau cùng hắn nhắm mắt, cố ghìm lòng ham muốn, đứng dậy, định về thì bỗng tiếng reo, "ngửa tư" giữ hắn ngồi lại. Hắn đã nghiệm nhiều lần, bao giờ tiếng trước ngửa tư hay sấp bốn thì tiếng sau cũng sấp hai, chắc chắn là sấp hai. Ấy là theo cuộc thí nghiệm của hắn, chứ không nhiều khi sấp một, sấp ba là thường. Hắn mạnh bạo, quả quyết, cái quả quyết

hiếm có của hắn ném cả bốn hào vào mặt chẵn. Ném rồi hắn mới thấy hắn bạo tay quá, định kéo về một nửa thì nhà cái đã cân liền.

– "Sấp hai". Hắn vỗ tay reo to hơn hết mọi người bên phía chẵn.

– Tiếng này lại sấp hai đây. Bạc hôm nay nhiều lúc rồn, cứ đánh gấp chão vào.

Hắn biết người nói ngồi cạnh hắn là tay cờ bạc lõi, đương hăng và trong lòng phấn khởi, hắn nghe theo nhưng không dám táo gan đánh cả. Hắn vơ sáu cái chẵn liền, và lúc đứng dậy còn được tám đồng bạc giấy với cái vốn tám hào bỏ túi. Chóng thật! Không đầy hai tiếng đồng hồ. Ấy là hắn còn non gan không dám đặt hàng đồng hay đặt gấp chão.

Từ đấy, sẵn có cái vốn to, hắn quen mui đi vào các sòng, không thèm đếm xỉa đến những bàn chắn, bàn tổ tôm nhỏ xíu của những bạn hằng ngày. Dần dần hắn đâm ra say mê quên cả sợ phép quan, không còn nhìn nhỏ đến nhà đến cửa.

Mà cũng lạ! Lúc mới tập thì sao đỏ thế. Đánh đâu được đấy. Có lần người ta đồn hắn được hằng trăm. Đến lúc hắn đã thạo nghề, đã biết tính nước bạc nào "tám phi" nào " tứ đối", "ngũ thành phần", đã biết mua bán, biết "vào vị", biết "keng bằng, keng lệch", đã dám bạo tay mở tiếng bạc hằng chục thì lại là lúc hắn thua xiểng liểng. Bao nhiêu tiền được thua hết, thua lấn cả vào tiền nhà. Rồi nay hắn bán vài thúng thóc để gỡ gạc, mai hắn nói dối quanh đi mừng đám này, đi phúng đám nọ để nặc tiền vợ. Nhưng chưa bao giờ hắn lấy của vợ quá số năm đồng.

Hôm nay, không hiểu sao, hắn dám lấy tới ngần ấy. Thật là một sự phi thường.

Đến đầu xóm, hắn dừng bước, nửa muốn đi thẳng, nửa muốn trở về giả bớt vợ. Hắn còn đương băn khoăn, hối hận ngập ngừng thì một con bạc ở đâu đến, khoác vai hắn kéo đi:

– Đêm nay nhiều con bạc sộp lắm đấy. Tớ có dăm đồng. Không biết chừng, may ra phất hằng trăm cũng nên. Đằng ấy có đem đi khá thì cho tớ dựt tạm một ít.

– Tớ cũng chỉ có ngần ấy thôi. Và hắn nghĩ thầm: "Nó có dăm đồng mà còn hy vọng hằng trăm huống chi mình".

Hắn hớn hở dấn bước, trong lòng hết băn khoăn, hối hận.

Trăng đã lên khỏi lũy tre, mập mờ đằng xa. Vành trăng tuy tròn, nhưng ánh trăng đục như ánh đèn chiếu qua lần giấy bóng. Sương xuống nhiều và lạnh.

Tuy vậy tâm trí hắn vẫn nhẹ nhàng, khoan khoái, hắn đương nghĩ đến những tiếng bạc sắp mở, những tập giấy nằm cuộn tròn trong lòng bàn tay, những hào đầy túi. Chuyến này hắn sẽ không dại như mọi chuyến, biết chắc được mười mươi mới thò tay mở. Hắn sẽ không dại, đánh đến tan cuộc mới chịu đứng dậy. Hắn sẽ găm như ông hội Quỳnh hay ít ra cũng dành lại vốn dăm đồng bạc trước.

Dưới ánh trăng mờ, những vườn thuốc cao ráo, sạch sẽ, những cây thuốc non, lá xanh phơn phớt, gióng thành hàng lối như những vườn cải.

Hắn vừa đi vừa bàn, nghĩ, không để ý đến hai vườn thuốc của hắn ngay sát vệ đường. Bạn nói gì hắn cũng chẳng hiểu nữa.

Hai người đi lẩn vào khóm tre um tùm ở cõi Hùng nổi tiếng là lắm ma, qua đình thôn Trung, rồi rẽ vào xóm "chánh Quất" – phần nhiều xóm không có tên. Người ta thường lấy tên một vị đàn anh nhất trong xóm để gọi cho dễ nhớ, hoặc tên một nhà giàu nhất như xóm "lý Trí", xóm "cán Thận" hoặc tên người mà ai ai cũng biết như xóm bà "đồng Ấn".

Hai người rẽ vào xóm "chánh Quất", qua bốn năm nhà, vòng quanh cái ao vuông nhà chánh Quất đến gốc sung nằm ngang thành cái cầu rồi đến cái cổng gạch nhà lý mới trên có đắp cái đồng hồ quả lắc và con số 1923. Họ cứ việc đi thẳng vào, biết trước rằng mấy con chó đã cũi, qua sân gạch, không lên nhà trên, đi thẳng xuống nhà ngang là chỗ chứa bạc.

Sáu bảy chiếc chiếu trắng giải liên tiếp nhau, ngang dọc khắp gian giữa. Hai chiếc đèn phạn treo từ xà nhà đến gần sát đầu người ngồi bằng những dây chão.

Ông chánh hội ngồi xếp bằng sóc cái, các con bạc ngồi bầy chung quanh chiếu thành hình bầu dục. Hằng chục người tò mò, hoặc không tiền, nhất là không tiền, đứng sau cúi xuống nhìn cho đỡ thèm và bàn tán, mách nước như những tay chầu rìa tổ tôm.

– Tưởng thế nào chứ thế này thì lấy gì làm to. – Hai anh em thầm với nhau.

Một người đứng cạnh nghe rõ quay lại nói:

– Các ông muốn ăn to thì lát nữa. Những khách sộp các nơi còn chén cả ở nhà trên. Ông trưởng bạ, ông quản Chu, và các tay sộp làng ta cũng ở cả trên ấy. Lát nữa chỉ sợ các ông không đủ tiền mở một tiếng.

Bổng hơi tức, định bắt bẻ cái anh hỗn xược ấy, nhưng sợ mất thời giờ phiếm vô ích, hắn lờ đi, chăm chú nghe tiếng bạc đương rền trong cái bát úp trên cái đĩa nằm trong lòng hai bàn tay thạo nghề của ông chánh hội.

– Bán lẻ!... Lẻ bán! – Nhà cái xướng một cách đường hoàng dõng dạc.

Hắn nhìn mặt lẻ, nhẩm tính vào khoảng ba đồng.

– Bán lẻ! Ông chánh hội nhắc lại và nói tiếp:

– Không ai đất thì tớ cân đây này. – Vừa nói ông vừa xoay tròn bát, dọa mở. Bổng vội giơ tay ra cản:

– Hượm! Hượm! Cụ!... Cho cháu mở "châm lửa" một cái lấy may.

Ông chánh hội ngửng lên:

– Xã đấy à?

– Vâng, cụ xướng lại cho cháu mở.

– Bán lẻ! Lẻ bán! – Ông chánh hội vừa xướng vừa giơ tay ra đỡ.

– Đất – Hắn ngồi xuống, miệng nói tay cầm trôn bát hắt mạnh vào nhà cái.

Phía chẵn reo mừng: "Sấp hai!". Còn phía lẻ tức tối, phàn nàn: "Lại sấp hai!".

Một người nói gắt: "Sấp hai đâu lại sấp hai đến sáng chắc. Mình cứ khát nước mãi thế này thì nguy kịch".

Ông chánh hội vừa giam tiền vừa phàn nàn theo:

– Ông khát nước thì nữa tôi không. Tôi thua bốn tiếng bạc liền, mất ngót hai chục rồi đấy.

– Một dịp bạc chuyền, cụ đã vơ bao nhiêu!

Người đương nói ấy là khán Duy, một nhà trước kia giàu sụ bây giờ khánh kiệt về sóc đĩa.

Xã Bổng mở "châm lửa" được tiếng bạc ấy rồi lại được luôn tiếng sau. Đến tiếng thứ ba, Bổng lại định đánh chẵn thì một anh ngồi cạnh ném hai đồng bạc giấy ra giữa chiếu: "Keng bằng đây!".

Bạc rền luôn chín tiếng rồi. Đương linh tay, hắn liền cộp bốn đồng lên hai đồng kia, rồi cầm cả sáu đồng ném vào mặt chắn. Đánh thế có phần lợi cho hắn, vì nếu sấp hai, hắn còn được sáu đồng bạc đền và nếu may ra ngửa tư hay sấp bốn, hắn sẽ được mười hai đồng, một gấp ba...

– Sấp bốn – Tiếng reo vang cả mấy gian. Bao nhiêu mắt ngạc nhiên hay thèm thuồng đổ dồn cả vào Bổng. Hắn sướng run lên, mặt nóng bừng. Đỏ thật! Cả canh bạc không có một tiếng lạ lùng như thế, hắn bạo dạn đặt luôn mấy tiếng. Tiếng được tiếng thua, đổ đồng hắn còn được vài ba chục.

Bỗng ngoài sân sáng rực. Lý mới cầm cái đèn cao ngọn đi trước dẫn lối. Một lũ hằng chục người theo sau. Nhiều người say, nói bô bô.

Ông chánh hội nghỉ sóc, đứng dậy cười nói: "Ông nào đánh nhỏ thì xin nhường chỗ cho khách ngồi". Một vài con bạc tép nhép đứng dậy. Bọn khách vào ngồi thành hai dẫy dài. Một tên người nhà đưa cho ông chánh hội một cỗ bài xanh và một cái hòm con trên nắp đục một cái khe nhỏ như cái hòm tiền hàng xén, để đựng hồ lỳ. Hai người đàn bà hàng sáo, ngồi ăn giầu uống nước ở gian cạnh.

Ông lý Cúc mau mồm mau miệng, cất tiếng: "Hôm nay đông đủ quý khách, xin mời cụ chánh Nam ngồi sóc cái, cụ sóc mặn mà, có duyên".

Quản Chu lúc say quên cả trật tự, cãi lại:

– Cụ nói mặn mà có duyên thì nhất "diệng" đàn em không chịu. Ăn nói mặn mà có duyên chứ sóc thì chỉ có thể rền hay rời rạc như cơm nguội thôi, cụ ạ.

Ông lý Cúc thấy hắn say bí tỉ, không thèm chấp. Vả lại ở đây, trong lúc này, chỉ có ai sẵn tiền, đánh to, mở bạo là đáng kể. Mà quản Chu lại là tay mở bát có tiếng, nên ông đã không bắt bẻ lại còn khen hắn nói phải, làm cho hắn sướng phổng mũi.

Chủ khách đã ngồi đâu vào đấy. Ông chánh hội đối diện với ông chánh Nam. Cỗ bài và hộp tiền để trước mặt. Cỗ bài vừa dùng làm bàn tính vừa dùng làm thẻ hồ. Cứ mỗi cây bài là năm xu. Mỗi người bỏ ra một đồng đổi lấy hai mươi quân. Bao giờ hết hai mươi quân lại phải bỏ ra đồng nữa để lấy hai mươi quân khác.

Trước khi vào cuộc, ông dặn cặn kẽ: "Bây giờ đông đủ các cụ, các ông, tôi xin nói đỡ nhà chủ. (Thực thì chính ông là chủ, vì khách các nơi phần nhiều là khách của ông cả. Tiền hồ chia tay, ông sẽ được

phần to nhất). Tiền hồ xin cứ như lệ thường, nghĩa là mỗi đồng năm xu. Đánh khấu đồng giở lên...".

Quản Chu ngắt lời:

– Giở lên bao nhiêu, cụ?

Ông chánh hội cười:

– Giở lên bao nhiêu là tùy ở sức các ngài, một chục, một trăm, một nghìn, càng nhiều càng lời cho... hồ. Ai có dã tâm đem bạc giả lộn sòng, nếu bắt được thì phạt bỏ vào hồ một đồng, mà đồng bạc giả phải xé đi.

Quản Chu lại ngắt:

– Cụ chỉ làm lợi cho hồ. Nhưng nếu đồng bạc giả bỏ ra không ai biết ở tay ai và không ai nhận thì cụ tính sao? Hắn nói rồi ngả người ra đằng sau, cười ha hả.

Một người khác nói:

– Úi chao! Cụ hội người tinh mắt lắm. Đồng giấy nào của ai ném ra mà cụ chẳng biết.

Ông chánh hội nhũn nhặn:

– Cái đó là nhờ cả con mắt của các ngài. Với lại nói thì nói chứ làm gì có người tồi đến thế... Ai đã thò tay ra xoay trôn bát thì bắt buộc phải mở! Nếu không cũng phải phạt một đồng...

Quản Chu nói:

– Vào hồ.

Ông chánh hội cười:

– Cố nhiên... Ai muốn ăn một hai đồng, năm sáu đồng với người đặt, phải cộp ngay, không cộp không ăn. Tiếng "keng" tiền "vào vị" phải để ra giữa bàn.

Quản Chu lại định ngắt. Một người gạt đi:

– Thôi, ông quản, để cụ hội người nói nốt kẻo muộn rồi.

Ông chánh hội tiếp luôn:

– Người nào mở bát mà những người đánh không tin là có tiền giam thì phải cộp trước khi mở. Người nào mãi lúc nhà cái hay người đất thò tay mở mới vứt tiền ra đánh thì không được đền. Thôi thế bây giờ xin mời cụ chánh "khởi" cuộc.

Ông chánh Nam ngồi xếp bằng, gò vai lại sóc một hồi rất ròn, rồi ông để bát trước mặt ông lý Cúc: "Rước cụ cựu mở trước... Sấp

một! Hừ, canh bạc hẳn to". Đoạn ông lại sóc: "Tiếng này phần ông quản... Sấp hai! Bạc đều đấy". Tiếng thứ ba, nhà cái mở lấy: "Sấp hai! Canh bạc này hẳn sẵn sấp hai...". Ông mở luôn tiếng nữa: "Sấp ba! Thôi thế là bạc chuyền đủ mọi mặt, vậy giờ xin mời các ngài đánh đi".

Bắt đầu chưa biết bạc đi về ngã nào nên ai cũng đánh cầm chừng, một hai đồng đến năm đồng là nhiều nhất. Cả trong lẫn ngoài độ đồng không đầy vài chục.

Rồi bạc mỗi lúc một to. Có tiếng, riêng mặt chẵn hay mặt lẻ đã tới năm sáu chục. Mấy gian nhà yên lặng. Bao nhiêu tai mắt, tư lự chú trọng cả vào cái bát và đồng bạc. Lúc này mới thật đúng nghĩa: "Thần đổ bác", vì sự yên lặng lúc ấy nhiễm vẻ thành kính, tôn sùng của mọi người như lúc họ vào trong cung cấm vậy.

Ông chánh hội bày những quân bài thành hàng để tính số bạc la liệt trên hai mặt như lúc ông tính số bằng que diêm. Cứ tới mỗi chục, ông lại gác hai quân lên nhau như hình chữ thập. Đoạn ông hô: "Chẵn: bốn mươi hai đồng. Lẻ: mười bẩy đồng. Chẵn thừa vị chi là – Ông làm tính trừ vẫn bằng những quân bài bày trước mặt – Hai mươi nhăm đồng. – Chẵn thừa hai mươi nhăm đồng! Nhà cái xướng theo".

Ông chánh hội nhìn ông chánh Nam, ngạc nhiên hỏi:

– Ô hay! Cụ không đánh mấy tiếng liền à?

Nhà cái lắc đầu, tủm tỉm cười nhạt nhẽo:

– Đen lắm, cụ ạ. Phải nghỉ một dạo cho nó hồi lại đã.

Ông chánh hội quay sang bên cạnh:

– Xã! Đương đỏ, đánh dấn lên chứ!

– Cụ tha lỗi, bạc nhảy cộc kệch như ngựa chạy ba chân thì đánh làm sao được mà đánh.

Kể bạc lúc ấy chuyển cũng có phần không đều. Nhưng thực thì không phải vì thế mà hắn đánh rụt rè. Hắn trót canh ty với trưởng bạ mở hai tiếng cùng thua cả. Rồi hắn cố gỡ gạc, vào mấy cái "vị" cũng đều mất hút. Rồi càng gỡ càng thua càng thua càng cay, hắn đâm mụ, mất cả trí khôn, quên cả nước bạc, đánh liều đánh lĩnh. Cuốn bạc trong lòng bàn tay tuôn ra mòn dần cho đến khi còn tay trắng. Hắn thò tay vào túi đếm nhẩm và ngạc nhiên chỉ thấy còn vỏn vẹn năm đồng. Chả có nhẽ! Hắn đinh ninh ít ra còn vài chục. Móc sang

túi khác, hắn chỉ thấy lọc cọc cái sáp thuốc với năm sáu đồng "xanh căng". Hắn không còn túi nào nữa để tìm kiếm chút hy vọng.

Ông chánh hội quay sang giục:

– Đánh đi chứ! Bạc lúc này đương rền đấy nhé.

– Bạc thế mà cụ bảo rền!

Quản Chu chưa hết say, ngồi nghiêng ngả, cặp mắt lừ đừ. Tiếng bạc nào nhà cái bán, hắn cũng vươn tay ra vội: Đắt! Đắt!

Cả bàn thấy hắn say dí, cho là hắn mất trí khôn, thi nhau đặt cho hắn chết một mẻ. Nhưng cái say vẫn chịu cái đỏ, hắn mở tiếng nào là được tiếng nấy. Không mấy chốc đống bạc của mọi người vào lòng hắn quá nửa.

Một vài người căm tức, thì thầm với nhau: "Ấy thế mà rồi hết nhẵn củ kiệu lúc nào cho mà xem". Họ nói không phải không có lý. Quản Chu có mấy khi được đâu! Dẫu lúc này có được rồi đến lúc tan cuộc cũng hết. Vì say, hắn nhắm mắt đánh liều.

– Tiếng này sấp hai đây xã ạ. Đánh to vào cho lão ấy chết.

Bổng lắc đầu cười trừ. Tiếng bạc mở. Ông chánh hội quay sang gắt: "Đã bảo đánh thì chẳng đánh. Thế mà cũng học đòi đánh bạc".

Nhưng ông chánh hội có biết đâu rằng hắn chẳng còn đồng cóc nào trong túi và nụ cười nhạt nhẽo của hắn là nụ cười của người tuyệt vọng.

Không còn tiền đánh, hắn ngồi rồi, đoán suông vậy.

Thật mỉa mai! Lúc này lại là lúc hắn đoán trúng hơn hết. Trưởng bạ theo hắn mở mấy tiếng cùng được cả. Hắn đau đớn, nghĩ bụng: "Còn tiền thì làm gì mà chẳng gỡ được".

Một lần, bấy giờ gần về sáng, bạc đã mãn canh, trưởng bạ thò tay sắp mở. Hắn máy miệng nói liều: "Hươm cho tôi ăn với".

Trưởng bạ, tay vẫn nắm trôn bát quay lại hỏi: "Sáu đồng nhé?"

Hắn ừ liều. Tiếng ấy thua. Rõ cay đắng! Hắn vờ soát các túi rồi làm ra vẻ ngạc nhiên: "Quái! Chục bạc mình để ở túi đi đằng nào mất... Ông... ông cho tôi dựt tạm bốn đồng nữa là một chục. Mai kia tôi giả nhân thể".

– Thật đấy nhé. Nếu sai hẹn, tôi đến tận nhà thì đừng trách. – Vừa nói trưởng bạ vừa xỉa bốn đồng cho hắn mượn.

Thua lắm, hắn đâm ra rụt rè, mất cả lòng tự tin, ngồi mân mê mấy tờ giấy bạc, thỉnh thoảng thò ra đồng nào, mất gió đồng ấy.

Chẳng bao lâu, tay trắng lại hoàn tay trắng. Hắn ngồi ngây ra như người mắc bệnh si, cặp mắt lờ đờ, buồn thiu, thong thả đưa từ đồng tiền này sang đồng tiền khác.

Sau cùng hắn tắc lưỡi, đứng dậy ra về, nét mặt thê thảm như anh chàng đại hà tiện vừa bị mất cắp.

CHƯƠNG VIII

Cơm nước dọn dẹp vừa xong thì trời tối mịt.

Hai mẹ con, mẹ chồng và nàng dâu ngồi hai bên phản. Chiếc đèn hoa kỳ để giữa. Trong ánh lờ mờ, chiếc hòm gian kê liền đấy trông to rộng quá. Còn những vật khác đều chìm trong bóng tối. Ba gian nhà rộng thênh thang và tịch mịch, lạnh lẽo. Tiếng thở đều đều của hai đứa trẻ ngủ trong chiếc màn nâu...

Mấy con chuột đuổi nhau rúc rích một lát rồi im bặt như để làm tăng sự yên lặng của ban đêm.

Nàng dâu thở dài rồi cất tiếng:

– Bu ạ, – thấy tiếng mình vang lên quá, nàng hạ giọng nói sẽ như thì thầm – Bu ạ, con nghĩ cụ hội cụ ấy nói thế mà phải. Nhàn cư vì bất thiện. Nhà con chơi bời chỉ vì rỗi quá đấy, bu ạ.

– Chuyện! Vườn ruộng nó bỏ bừa, phải thuê canh điền thì hiếm nào nó chẳng rỗi. Ngày xưa tao có thấy nó rỗi thế đâu. Chẳng qua nhà mình vô phúc, nó mới sinh ra đốn thế.

– Không phải con bênh gì nhà con, nhưng mỗi thời một khác, bu ạ. Thời này đàn ông họ không thiết gì đến việc đồng áng. Họ đua nhau chơi bời để đợi kỳ ra làm việc làng việc thôn... Bu ạ, thời buổi nào kim cương ấy. Con thiết tưởng cứ nghe cụ hội, lo cho nhà con cái lý thôn là xong. Đã ra làm lý thôn thì trên đã có các cụ dưới đã có phép làng, cu cậu chả còn dám bỏ việc mà lêu lổng nữa.

– Tao cũng biết thế nhưng mà... – Bà ngừng lại ngồi thừ ra nghĩ. Dòng dõi chồng bà bốn năm đời chức dịch. Đến đời chồng bà tuy nghèo mà bà cũng cố bóp bụng, dành dụm lo được cái chức khán thủ.

Đợi lâu không thấy mẹ chồng nói, nàng dè dặt:

– Chẳng giấu gì bu, khi còn con gái con cũng có cái vốn nhỏ. Đến

khi về nhà chồng, con có gửi lại thầy mẹ con bên ấy hơn đong kém bán. Nay tính ra được trăm rưỡi bạc.

– Ồ khá nhỉ! Có bao nhiêu vốn mà được tới ngần ấy?

– Thoạt đầu chỉ có ba đồng tám bạc thôi bu ạ. Ba đồng tám bạc mừng tuổi gom góp mãi từ năm con lên sáu cho đến năm con mười hai. Gặp năm lợn rẻ, con mua một con về nuôi chung với mẹ con. Nói là nuôi chung chứ tiền cám là của mẹ con cả.

– Tiền nuôi không mất thì hiếm nào mà vốn của cô chả lên chóng thế!

Nàng tủm tỉm cười:

– Thì mỗi ngày con đã dệt cho mẹ con một tấm vải và sáng nào con cũng đi vớt bèo. Bu ạ, chóng thật! Trong vòng có bốn năm, cứ bán con này lại nuôi con khác mà vốn của con đã lên tới bốn chục. Sau năm ấy, cám đắt quá, mẹ con không cho nuôi lợn nữa, bắt con mua sợi về dệt vải lấy. Rồi con bắt chước mẹ con, cũng hơn đong kém bán. Đến năm con lấy nhà con thì vừa tám chục.

– Giá chồng mày cũng được như mày thì mấy lúc mà giầu! Nghĩ đến nó lúc nào tao lại lộn cả ruột.

Đàn ông ai chả vậy – Nàng nói thế nhưng trong thâm tâm nàng vẫn bảo chồng là một người đàn ông hư. Nghĩ một lát nàng nói tiếp – Hiện giờ, ở đây con cũng dành dụm được ngót hai trăm!

Mẹ chồng ngạc nhiên:

– Hai trăm! Tao tưởng mày có dành dụm chăng nữa cũng chỉ được bảy tám chục là cùng.

Nàng nhếch mép cười, có vẻ tự phụ. Nàng đứng dậy vừa nói vừa đi đến chiếc hòm gian, mở khóa: "Để con lấy cho bu xem".

Lách cách một lúc, nàng xách ra một cái hũ sành, đổ ít đỗ xuống chiếu rồi thò tay vào miệng hũ lôi ra một cuộn giấy bạc gói trong vuông vải ta. Nàng chọn toàn giấy mới. Mẹ chồng nàng nhìn hoa cả mắt.

Không phải nàng muốn khoe hay thấy mẹ chồng ngờ vực mà đem ra phân bua. Nàng đã có ý định của nàng...

Bỗng ngoài sân hai con chó sủa ầm ĩ. Đứa con nít nằm trong màn giật mình khóc òa lên. Mẹ chồng nàng chạy ra sân. Nàng luống cuống, cuốn vội những tập giấy bạc vào trong khăn, nhét xuống đáy hũ, rồi hấp tấp bốc đỗ phủ lên, mặc đứa con khóc trong màn.

Lúc mẹ chồng đe chó xong, giở vào thì nàng đã cất đâu vào đấy, đóng khóa cẩn thận rồi. Đứa con vẫn còn khóc. Nàng đứng dậy, chạy lại giường ẵm nó vào lòng, vạch yếm, nhét đầu vú vào mồm nó: "Thôi thôi, bu đền, bu đền. Úi chao ơi, con tôi nó giận tôi đây mà. Tôi chỉ bận việc đâu đâu chẳng nhìn nhận gì đến nó. A thôi thôi, bu đền, bu đền". Đứa trẻ nhoài ra khóc ba bốn lần rồi hình như hết tủi thân, ngậm lấy đầu vú, thỉnh thoảng còn khóc bằng mũi và nấc lên mấy tiếng.

– Bu đã bảo bu xin rồi mà, bu đền rồi mà. Gớm! Con tôi khó tính quá.

Đứa trẻ im bặt, vừa bú vừa ngủ gà ngủ vịt. Hai mẹ con lại ngồi xuống phản nói tiếp câu chuyện ban nãy. Con dâu bắt đầu:

– Bu ạ, cứ kể hơn ba trăm bạc ấy cũng đủ lo liệu rồi. Đóng cả một lúc ba năm thì mất hai trăm sáu, cỗ bàn này khao hết độ bốn chục... Nhưng mà... con nghĩ, nếu bỏ tiền ra lo thì nhà con lại cho nhà sẵn đồng tiền đồng nong, rồi cầm bán ruộng vườn đi mất. Như mới rồi, chưa đầy nửa tháng nay, ông ấy đã cầm mất hai sào vườn...

Mẹ chồng hoảng hốt:

– Chết chửa! Nó... nó cầm hai sào vườn đi rồi à? Thằng giời đánh thánh vật, chết băm chết vằm thế thì thôi!

Nàng cười:

– Sao bu cứ rủa nhà con thế. Cầm rồi thì lại chuộc chứ sao.

Mẹ chồng căm giận thằng con phá gia, ngồi thẳng lưng lên, hai cánh tay bó lấy đầu gối:

– Phải, chuộc! Chuộc rồi nó lại cầm, cứ thế mãi cho đến khi bán cả nhà cả đất đi mà ăn mày.

Nghe mẹ chồng nói, nàng lấy làm sung sướng. Nàng không cần phải bàn thuyết khó khăn để làm lay chuyển lòng mẹ chồng nữa. Nàng tươi cười đáp lại:

– Ấy chính vì thế mà con định bán hai mẫu ruộng đồng cửa cho bác lý cả. Chỉ để lại một mẫu hương hỏa với hai sào vườn giồng thuốc thôi.

– Bác ấy thiếu gì ruộng. Tao chỉ sợ bác ấy không chịu tậu.

– Bác ấy đã hứa với con ngay từ độ tháng trước kia rồi. Bác ấy lại nóng nảy, muốn lo liệu cho nhà con bằng mấy bu con mình cơ. Cái năm khuyết phó lý ấy mà, bu ạ, bác ấy cứ giục mãi con lo cho nhà con. Thiếu bao nhiêu bác ấy sẽ giúp. Độ ấy nhà con đương chăm chỉ

làm việc và con thì còn bận nghĩ việc khác. – Nàng không muốn nói: nàng nghĩ về đường tử tức.

Mẹ chồng ngồi nghĩ một lát rồi nói:

– Ừ, mày làm thế nào thì làm. Tao thì mình già tuổi yếu. Thằng chồng mày thì chả còn trông cậy được việc gì. Bà muốn đổ hết trách nhiệm vào nàng dâu. Bà đứng dậy vươn vai: "Thôi, khuya lắm rồi. Mày cũng nên đi nghỉ".

– Con dệt nốt ghi vải đây. – Vừa nói nàng vừa giao đứa bé cho mẹ chồng, vặn tỏ ngọn đèn hoa kỳ rồi cầm để trên cái đế gỗ cao chân, cạnh khung cửi.

Đêm càng khuya càng yên lặng, tịch mịch. Hình như cảnh vật ngủ lịm. Cả đến tiếng gió hắt hiu trong không khí cũng ngủ yên.

Nàng ngồi vào khung cửi, sửa chữa qua loa rồi bắt đầu dệt. Nhát đầu nện xuống vang động cả mấy gian nhà. Đứa con lớn tỉnh dậy khóc. Bà nó nằm cạnh ôm lấy nó và dọa: "Chít! Chít! Ngủ đi không có ông chuột ông ấy đến cắn chân đấy!... Ông chuột ơi! Cháu tôi nó ngủ rồi. Thằng bé bên hàng xóm nó khóc đấy, ông ạ".

Đứa trẻ phần thì sợ ông chuột, phần thì nghe tiếng dệt đã quen tai, nằm yên ngủ.

Mọi hôm nàng dệt từ sớm, ngay sau bữa cơm tối. Đêm nay có câu chuyện dai kia là vì ban sáng đã xảy ra một việc: Ban sáng, khi nàng giở xong tấm vải, vừa đem vắt ra sào phơi thì ngoài cổng có tiếng chó sủa. Nàng quay ra, trông thấy ông chánh hội đi vào. Theo sau có ông lý thôn, người trong họ nhà nàng. Rồi đến hai ông khán cựu và năm sáu anh đương thứ.

Nàng chạy vội xuống bếp đun nước để mẹ chồng ra đón mời khách vào nhà trên.

Lúc nàng bắc ấm nước lên thì ông hội đương nói chuyện với mẹ chồng nàng về việc bầu bán khóa cấp điền này. Thấy nàng, ông quay ra nói: "Này chị xã! Cứ để anh ấy chơi bời lêu lổng thì vườn ruộng cũng đến cầm bán hết mà thôi. Chi bằng, chị nghe tôi, lo cho anh ấy cái lý thôn hay cái quản xã lại hóa được cái tiếng làm nên danh nên giá cho chồng – Ông chỉ vào bọn đương thứ – Như lũ nhép kia, sắp sửa cữ đình đám này ra ngồi bên "đông đình" cùng với các cụ cựu rồi đấy. Rõ sung sướng chưa!

Mấy anh đương thứ sắp mãn khóa, nhếch nụ cười khoái lạc, nhiễm vẻ tự kiêu.

Rồi mỗi người đế thêm một lời. Ai nấy đều tán tụng cái ngôi thứ trong làng nước, trong thôn ổ, bụng không khỏi mơ tưởng đến bữa cỗ "rấp bút" nay mai.

Nàng nghe xuôi tai và xin các cụ hãy thư thư cho để nàng còn hỏi ý chồng.

Ông lý thôn đã thông tỏ ngõ ngàng, bèn nói trúng vào tâm lý nàng:

– Hỏi thì hỏi chứ hết thảy mọi việc, cả đến cái lý thôn cũng là ở trong tay chị ấy cả.

Bây giờ ngồi bên khung cửi, nhớ lại câu nói nửa đùa nửa thực ấy, nàng vẫn còn buồn cười. Phải, ngoài tay nàng ra, chồng nàng chẳng làm nên trò trống gì. Nàng không muốn nghĩ thêm vì càng nghĩ nàng càng thấy chồng nàng vô vị và sợ lại đâm ra khinh bỉ chồng. Nàng bèn dệt nhanh thoăn thoắt để cho tâm trí nàng chú trọng cả vào công việc.

Mẹ chồng nàng tỉnh giấc vẫn thấy nàng dệt, liền hỏi:

– Chửa đi ngủ cơ à, con?

– Con dệt nốt dăm chỉ này nữa thôi ạ.

Nàng vừa rời khung cửi thì gà gáy. Nàng vươn vai, ngáp: "Quanh quẩn đã gần sáng rồi, chóng thật!".

Nàng đi đến giường mẹ chồng nằm, ẵm đứa bé sang giường mình, vừa đi vừa nũng nịu hôn vào hai má nó: "Con tôi thế mà gớm lắm chứ chẳng vừa đâu". Nàng ôm đứa bé, sẽ ngả lưng xuống giường, chiếc giường có lan can quang dầu mà mọi khi nàng vẫn nằm bên chồng. Chiếc giường ấy đã được nghe thấy những tiếng thở dài, những cơn thổn thức, đã được biết những lúc nàng khóc ngấm, khóc ngầm trong những đêm giá lạnh.

Nay nàng đã được hai con. Tuổi nàng đã đứng. Tình đằm thắm của nàng đã nguội dần. Nàng chỉ còn chút buồn man mác, chút buồn của một người vợ có nhiều sự lo âu nằm trơ trọi một mình.

CHƯƠNG IX

Sáng hôm sau, nàng dậy sớm để dệt bù vào đêm vừa qua. Hôm nào vì bận việc hay vì tiếp chuyện ai mà nàng dệt chậm mất một vài vuông, nàng vẫn thấy tiêng tiếc.

Nàng dệt cho đến khi ánh vàng xuyên vào tận trong nhà ngang mới đứng dậy đi làm công việc khác. Nàng gọi con ở lên, dặn nó đi tìm chồng về: "Mày đến đằng bác Chung. Nếu không có đấy thì đến đằng ông khán Để. Không có thì hỏi ông ấy xem bác mày ở đâu nhé!". Con ở đi được vài bước, nàng gọi giựt lại, nói thầm: "Nếu bác mày không chịu về thì mày bảo bác mày cứ về, bà không mắng đâu mà đứng đợi về cùng với bác mày nhé... Này, này, tao bảo đã: hễ bác mày có hỏi chuyện nhà thì mày cứ nói không biết nhé!".

Đắn đo xong, nàng xuống bếp rửa bát đĩa thay cho con ở. Rồi nàng nấu cám băm bèo cho lợn.

Con ở tinh quái. Nó đã hỏi dò từ trước nên biết đích hơn nàng. Nó đi thẳng đến đằng xã Vị, chủ lý mới, một nhà quanh năm chứa tổ tôm, sóc đĩa. Nó sồng sộc vào trong nhà, thấy chủ nó ngồi bơ phờ chầu rìa tổ tôm bên cạnh khán Để.

Từ ngày thua canh bạc ở đằng lý mới, hắn đã cầm hai sào vườn lấy năm chục để giả trưởng bạ và trang trải những nợ vặt. Còn thừa vài chục hắn đem đi đánh gõ mấy tối liền ở làng Đoài vì làng ấy vừa xin được phép mở hội khánh thành đình mới.

Cờ bạc lúc đen thì hết cả nói thánh. Hắn tính sai bét, đặt đâu thua đấy. Giờ về, hắn còn giữ được vài đồng trong túi để nằm khàn nhà xã Vị đánh tổ tôm còm. Nhưng mấy đồng bạc khổ ấy rồi sau cũng mất hết. Hắn đang ngồi chầu rìa để đòi chén "gạch" anh em vậy.

Vì thế, con ở đến gọi về hắn nghe ngay, trong bụng còn mừng thầm vớ được dịp tốt. Hắn đội khăn, khoác áo, theo con ở ra sân.

Xã Vị đương nói lảm nhảm trong bếp, chạy ra giữ lấy lệ, chứ hắn còn "cóc khô" gì nữa mà hòng. Hắn thoái thác nhà có việc cần. Ra đến đường hắn hỏi gạn con ở:

– Này mày, bà có chửi rủa tao lắm không, mày?

Con ở đi sau, tủm tỉm cười:

– Mấy hôm đầu, cụ con chửi đinh nhà, nào những thằng giời đánh thánh vật, thằng chết băm chết vằm, thằng phải gió, chết đồng lăn, đồng...

Hắn cũng tủm tỉm cười, quay lại:

– Mày chửi tao đấy à?

Con bé sợ, vội cãi:

– Không, con đâu dám chửi bác. Là cụ con chửi thế chứ.

– Thế còn bác gái... có nói gì tao không?

– Bác con cứ lì lì suốt ngày. Con trông bác con buồn thiu buồn chảy. Con bé đã quên lời chủ dặn, kể vanh vách cả sự thể trong nhà. Nó còn bịa đặt thêm để ông chủ nó hối hận.

Hắn bước những bước mạnh bạo, trong lòng hơi vui vui, nhưng khi về đến cổng, hắn đâm ngượng, bẽn lẽn như gái về nhà chồng. Nhất lúc giáp mặt vợ, hắn không còn biết nói năng ra sao, cứ đành cắm mặt xuống nhìn mấy đầu ngón chân như người chờ chịu tội.

Mẹ hắn không chửi mắng như hắn tưởng, nhưng nói mỉa: "Ông đã vác mặt về đấy à? Úi chào! Trông rõ thiểu não chưa. Còn vài mẫu ruộng nữa sao không bán nốt đi mà cúng ông thần đổ bác".

Vợ hắn biết hắn đã hối hận, thương hại, tuy trong lòng chưa hết giận. Nàng ngồi thản nhiên dệt để anh chồng đứng sau lưng mãi rồi nàng mới ngừng tay nói buông thõng: "Năm nay mãn khóa khuyết lý thôn. Có định làm thì đến nói với cụ hội để người ta còn liệu". Nói rồi không đợi chồng trả lời, nàng lại bắt tay dệt.

Mẹ hắn ngồi bế cháu trên phản nói thêm: "Có thì đi đến cụ hội ngay bây giờ, nếu không thôn sẽ chọn người khác rồi lại trơ mắt ếch ra đấy". Bà có ý sợ con chùng chình lỡ việc, và nếu hắn tỏ ra vẻ không cần, chắc bà sẽ bắt ép. Bà cho cái việc may mắn này là một hạnh phúc lớn. Bà còn mong hậu vận con bà mỗi ngày một hơn, bắt đầu từ lý thôn rồi lý trưởng, rồi chánh tổng, lừng lẫy một thời. Bà thường nói ra miệng:

"Con hơn cha là nhà có phúc". Ngày đêm bà ước ao con bà hơn cả các cụ khi xưa nên bà càng uất ức thấy con mình chỉ ham chơi bời lêu lổng.

Theo lời mẹ, hắn đi vội đến đằng ông hội. Lúc giở về, hắn đã hết ngượng, nói năng, cử chỉ tự nhiên. Hắn đi lại chỗ mẹ, ẵm lấy đứa bé

hôn hít. Con bé lớn bíu lấy vạt áo bố vòi quà. Con ở đi lên thấy thế giở xuống bếp, lẩm bẩm: "Thế là ông bà lại làm lành nhau rồi. Ừ, có thế nhà mới vui vẻ chứ không thì buồn chết".

Cách năm hôm, sau buổi tiệc làng, nhà hắn bỗng trở nên tấp nập. Kẻ ra người vào không lúc nào ngớt. Tiếng giã giò, tiếng băm chả, tiếng những người làm giúp ồn ào như phiên chợ. Cái sân đã biến thành cái rạp trên lợp bằng những sảo thuốc. Hai bên che liếp. Trước mặt treo mành mành. Những bàn ghế mượn các nơi bày thành ba dãy. Trên mỗi cái bàn để sẵn một tích nước, nhiều cái sứt vòi, mẻ nắp, bốn cái chén cáu vàng, một cái điếu, một chiếc đèn hoa kỳ và một đĩa giầu. Khách ngồi rải rác nói ba hoa, cười vô tư lự.

Người chồng chạy đi chạy lại, hớn hở trong bộ quần áo mới. Thỉnh thoảng một con bạc quen hỏi: "Thế nào, ông lý mới? Chén xong, ta ra cái xó kia sát phạt nhau một mẻ chứ?".

– Chết! Chớ! Nhà tôi làm địa lên cho.

Rồi hắn vội lảng đi chỗ khác tiếp khách.

Tuy vậy, sau bữa chén say khướt, các ông cũng rở rói đánh chác một lúc và hắn cũng lảng vảng đến làm một vài tiếng cho bõ thèm.

Vợ ngồi têm giầu với mẹ chồng và các bà, các cô trong họ. Mỗi khi họ gọi đùa "bà lý", nàng lại đỏ mặt, xấu hổ, nhưng trong lòng nàng hớn hở, sung sướng. Trước kia nàng muốn lo cho chồng cái lý thôn cốt để chồng bận việc thôn mà thôi chơi bời lêu lổng. Nay nàng cảm thấy cái chức nhỏ ấy nó còn đem lại cho nàng thêm ít hạnh phúc. Từ nay chồng nàng đã lên chức ông lý và nàng đã lên chức bà lý, không còn là anh xã chị xã tầm thường rẻ rúng như hôm qua nữa. Kể cũng sung sướng thật!

Hôm sau, nhà ông lý bà lý trở lại yên lặng như thường. Bà lý trở lại công việc hằng ngày, hoặc quanh quẩn ngoài vườn thuốc bắt sâu, bẻ ngạch, rửa nhờn, hoặc dệt cửi, làm cơm làm nước; hoặc đi chợ mua bán, chẳng khác ngày còn là chị xã chút nào.

Ông lý thì xem chừng đổi cả tâm tính lẫn hình thức.

Đêm đêm cầm tay thước, cái tay thước mun khảm xà cừ bốn mặt của ông lý Khang vừa mãn khóa để lại cùng với chiếc tù và bằng con ốc, ông lý đi một cách dõng dạc đến cái điếm ở đầu chợ, đánh một hồi trống gọi tuần.

Ngày ngày ông lý ra đình hầu việc các cụ. Hầu việc các cụ kể cũng chẳng khó. Hôm nào việc làng, việc giáp, ông lý cầm roi đi mời các ông, các cụ cựu. (Cầm roi đe chó chứ ai dám cầm roi đe các cụ). Bọn đương thứ khóa trước đã được lên chức "ông cựu" cũng được ông lý mới đến mời.

Những tuyết rằm mồng một hay những ngày giỗ hậu, ông lý phải "sắng" xôi, gà, rước ra miếu ra đình để các cụ tế tuần rồi ngả ra mời các cụ chén; cuối năm các cụ cũng lấy tiền thôn giả cho chút đỉnh.

Bận nhất là những ngày đại tuyết như tuyết tháng năm, tháng bảy, tuyết trùng cửu, trùng thập. Ông lý phải thân hành đi mua lợn. Rẻ thì được các cụ khen: "Nhà lý khéo mua đấy". Đắt thì bị các cụ mắng mất mặt: "Tiền thôn không phải tiền của anh có khác, cứ nhắm mắt mua liều!". Các cụ mắng chán rồi các cụ nhất định chỉ trả một giá rất rẻ, còn thiếu bao nhiêu, mặc ông lý xoay sở.

Việc dầu đèn, hương nến, việc quét dọn, lau chùi bày biện đều là ở việc của ông lý. Các cụ chỉ việc ngồi trỏ tay năm ngón và bắt bẻ mỗi khi có chếch lệch.

Nhưng, cho hay trời chẳng phụ ai, có những ngày vất vả khó nhọc, có những ngày nhục nhã, khổ sở thì cũng có những ngày sung sướng để bù vào. Những ngày sung sướng ấy là những ngày đình đám hội hè. Ông lý cùng các ông lý, ông quản đồng khóa đi lại chào mời vui như tết.

Các đầu kép phải kiêng nể một vành. Vì đi gọi, chọn lọc đầu kép là ở các ông. Cơm nước sang trọng hay tồi tĩnh cũng quyền ở các ông. Các cụ chẳng biết đấy là đâu. Vả các cụ có muốn cũng chẳng được, cái chức đạo mạo của các cụ đã ngăn cấm, đã bắt buộc các cụ phải nhường lại quyền ấy cho đương thứ.

Vì thế mà làm đương thứ có tình nhân cô đầu. Ông lý tôi tuy sành sỏi nghề đổ bác; nhưng đối với cô đầu xem chừng còn ngượng nghịu vụng về lắm. Vụng về không phải là không mê, cố nhiên. Liệu hồn cho ông lý! Cặp mắt lóng la lóng lánh, liếc đi liếc lại, đưa tình kia, cái miệng cười nhí nhảnh để lộ đôi hàm răng đen nhánh hạt huyền với cặp môi cắn chỉ kia có ngày sẽ làm ông lý chết mệt.

Mà hầu như ông lý tôi đã gần chết mệt với đầu Ngoạt rồi thì phải. Vì cớ rằng: mỗi lần đầu Ngoạt gọi ông bằng một giọng lả lơi, lả lơi cả từng con mắt cho chí miệng cười: "Anh lý ơi! Anh lý! Anh cho

em xin miếng giầu. Em nhạt mồm lắm, anh lý ạ". Hay: "Anh lý ơi, anh đấm hộ em cái lưng tí nào. Chết chửa. Chưa già mà đã như già rồi. Em có già không, anh lý?" Hay: "Anh lý cho em năm xu ăn phở. Em đói quá anh lý ạ, đói cào cấu cả ruột gan". Những lúc ấy ông lý tôi như ngây như dại và ngoan ngoãn bảo sao nghe vậy.

Ông mê, nên sau việc đình đám vừa rồi, các bạn đương thứ rủ vào hội hát, mỗi xuất đóng bốn đồng, ông vui lòng vào ngay.

Hội, cả thảy mười xuất, một ông cựu đánh chầu lỗi lạc đứng chủ, ông phải góp tiền để dạy các đàn em. Hội chọn một vài nhà làm chi điếm, những nhà mà ông chủ bắt nạt vợ hay được vợ quá nể. Mỗi tối, hội chi một đồng hát, một đồng chén. Ở nhà quê, một đồng một tối hát đã là phong thể lắm rồi. Hỏi kinh tế có ông chỉ ba hào cũng nên. Còn một đồng chén thì khí chặt chẽ, eo hẹp một chút. Nhưng mà các quan viên cần uống chứ cần gì nhắm. Nhắm mỗi món độ vài ba đĩa, hoặc đĩa giò đĩa chả, hoặc đĩa đậu phụ luộc, đĩa cá rán là đủ lắm rồi, miễn là nhiều, thật nhiều rượu để các quan viên say bí tỉ. Có say các ngài mới dám giở ngón kề cà gàn nhà ra với cô đầu, còn lúc tỉnh thì nặn mãi mới được một vài câu ngớ ngẩn hay ngu ngốc.

Ông lý tôi được cái việc gì đã mê thì rất chăm, rất chịu khó. Ông chịu khó biên chép những bài hát vào mảnh giấy, khuyên những chỗ nào có trống, gạch những chỗ nào cắc. Ông học thuộc lòng những khổ xếp, khổ xuyên, ông học cả gối hạc.

Một lần, ở ngay nhà, uống rượu say, ông cao hứng, quên cả bà lý ngồi đấy, lấy chiếc gối mây làm trống, lấy chiếc đũa làm dùi. Ông ngồi xếp bành tròn bệ vệ như một ông đại, vừa ngửng mặt lên xà nhà hát: "Hường hường tuyết tuyết" vừa nện trên mặt gối hay gõ vào đầu chiếc gối gỗ.

Bà lý khó chịu gắt:

– Muốn hát thì ra đình ra miếu mà hát chứ nhà tôi không chứa cô đầu.

– Thích chí thì hát chơi chứ cô đầu cô đít nào ở đây. Mình rõ hay chưa, có thế mà cũng gắt.

Bà lý giận, đi lại khung cửi dệt để át tiếng hát, tiếng chầu của ông lý.

Thấy mình quá bạo sợ bà lý làm rầy rà sau này, ông lý lấy cái gối ra đầu giường nằm gối lên ngủ.

Hơi rượu nhạt dần, ông lý bắt đầu tỉnh và hối hận nghĩ thầm: "Không khéo vì thế mà việc thầm kín của mình bị vỡ lở mất". Có lẽ rồi vợ ông đâm ngờ, không tin là tối nào ông cũng chăm chỉ vác tay thước đi tuần. Ông có biết đâu: bà lý nhà ông cũng đã biết "tỏng tòng tong" rằng: ông vào hội hát mà không mấy tối là ông không đi hát với các quan viên hội. Bà lý biết, nhưng thực bà không ghen, bà cũng phải biết ông cầm cái roi chầu cho khỏi ngượng nghịu để những khi đình đám, hội hè, đám xá, khao vọng, khỏi mang tiếng với anh em là người không biết ăn chơi. Bà có biết đâu rằng chồng đã mê mệt đầu Ngoạt, đã mất cho nó mỗi bận vài đồng, tính đổ dồn có tới vài chục bạc.

Số tiền ấy, ông đã làm văn tự vay lãi mười phân của cán Thận, một tay giàu sụ trong xóm.

CHƯƠNG X

– Thầy nó lại đi đâu thế hử?

– Đi tuần chứ đi đâu, hỏi mới rõ lẩn thẩn. Tối nào người ta chẳng phải đi tuần – Ông lý vừa nói vừa khoác chiếc "ba-đờ-suy" lên vai, chiếc áo mà năm ngoái, lúc mới ra làm việc, ông đã nhờ ông lý Thế buôn thuốc lào ở Phùng mua hộ.

Mồm ngậm thuốc lá tay cầm đèn "pin", ông lý đi thủng thỉnh ra cửa.

Bà lý đương ngồi nói chuyện việc cửa việc nhà với Vót, đứng dậy chực nắm áo kéo lại rồi không biết nghĩ thế nào lại thôi, chỉ dậm dọa:

– Này tôi bảo trước... Liệu hồn! Tôi mà cáu tiết lên thì mất cả tử tế.

Vót cũng nói len:

– Anh lý ạ, tôi khuyên anh, đừng làm thế mà rồi người ta cười cho đấy. Bà cụ ốm đương nằm rên trong buồng kia nhé.

Ông lý vờ ngạc nhiên:

– Ơ hay! Tôi làm gì, ăn trộm ăn cắp gì mà người ta cười – Vừa dứt lời ông đi biến vào trong tối để mặc vợ ngồi trơ với bạn.

Ra đến đường, ông bấm đèn "pin" sáng rực cả một khu. Bỗng có người ở đằng xa kêu lên: "Ông lý đấy phỏng? Gớm! Chiếu ngay vào giữa mặt người ta quáng lòa, chẳng còn biết đằng nào mà rờ nữa".

Ông lý chiếu đèn ra chỗ khác và đi tiến lên.

– Ừ, đích mà, ông lý! Đi đâu đấy? Hay lại mò đến cái sở ấy chứ gì – Người bắt gặp ấy là ông quản Giáp, đồng khóa nhưng còn kém chức lý thôn một bậc. Ông đi ra điếm để cùng với bọn dũng đi tuần. Ông tiếp luôn – Ông lý ạ, các cụ đương kêu ông đấy, trách độ rầy ông chẳng nhìn nhỏ gì đến việc tuần phòng.

– Tuần phòng đã có các ông. Công việc của chúng tôi là đi soát các điếm thì bây giờ tôi đi soát điếm đây, còn thế nào nữa.

Hai người đã cách xa nhau... Quản Giáp lẩm bẩm: "Cu cậu lại chết mệt về con đầu Ngoạt đấy thôi. Có ngày thì hết nghiệp vì nó như lão phó lý với con Trác ngày nào".

Ông lý cũng lẩm bẩm: "Ai cũng như lão quản Giáp cả thì cô đầu đến chết đói nhăn răng. Cả đời chỉ biết cặm cụi làm việc, bo bo giữ của thì chán chết".

Rồi ông vừa đi vừa nghĩ đến đầu Ngoạt, một ả đào tuy không đẹp nhưng có duyên, hát hay, vui chuyện. Ông rút ở túi áo "ba-đờ-suy" ra một chiếc mùi soa lụa ông giật được của nó trong lúc đùa bỡn. Ông để lên mũi ngửi. Một mùi nước hoa rẻ tiền xông lên, thơm hắc. Ông chẳng hiểu là thứ nước hoa gì và ông lấy làm quý lắm.

Ông nhớ lại cữ đình đám năm ngoái, ông khờ khạo, ngớ ngẩn, quê mùa quá đến nỗi không biết câu gì để nói chuyện với nó nữa, tuy rằng ông đã say mê nó, đã mơ tưởng, thờ thẫn về nó hàng tháng, khi nó rời khỏi làng đi hát nơi khác. Thì trước kia có bao giờ ông giáp mặt hay ngồi cạnh một cô đầu! Có bao giờ họ để ý cợt nhả đến ông! Cho hay cái chức vị nó cũng cho ta nếm được chút ít hương vị mùi đời.

Bây giờ thì ông có thể gọi là thạo được. Này nhé: Ông biết đủ mọi lối hát, nào ngâm vọng, nào bắc phản, nào thiết nhạc, nào gửi thư, dịp ba cung bắc, tỳ bà, sa mạc... đủ, chẳng thiếu lối hát nào ông không biết. Ông lại biết nói chuyện, biết lả lơi, chòng ghẹo, biết cấu cấu, béo béo, biết nói xỏ nói xiên, biết câu tình tứ, biết cả một vài tiếng lóng nữa. Một ông lý mới ra đời như ông kể cũng thạo một cách hiếm có lắm đấy chứ.

Ông nghĩ liên miên riêng về con Ngoạt của ông. Còn con Sinh, con Tửu, con Luận đều bị người yêu của ông làm mờ đi cả. Vả lại, chúng nó mỗi đứa đã có một ông đương thứ hay một ông lý cựu đa tình để bắt tình nhân rồi. Ông không cần phải bàn đến chúng nó nữa.

Trí ông nghĩ, chân ông bước tràn, qua đình thôn Trung, qua ba bốn hiệu khách, qua xóm Cõi Ba, qua đình thôn Thượng, rẽ vào nhà bà Khoai, – một bà trùm cô đầu quê – từ lúc nào không biết.

– Anh lý! "Luồng gió may mắn" nào đưa anh đến đây? Em mong anh mỏi cả mắt. Chỉ một chút nữa thì nổ con ngươi. Em lạnh quá, anh cho em mượn cái áo tơi xù của anh tí nào. – Đầu Ngoạt vừa nói vừa lột áo "ba-đờ-suy" của ông lý, khoác vào người: "Trông em có giống bà đầm không, anh?"

Có lẽ ông lý cũng chưa nhìn thấy "bà đầm" bao giờ nhưng ông nói tràn:

– Giống lắm. Các cô ấy có nhà hay đi hát cả rồi?

– Chị Luận, chị Tửu hát ở đằng cụ hội. Chị Sinh thì ông lý Hữu cuỗm đi cao lâu mất rồi (cao lâu là một túp lều tranh bán phở của bếp Ấp mở ra trong mấy tháng xuân). Chỉ còn em ở nhà đợi anh đây... Với hai bác kép đói thuốc nằm mèo ở ổ rơm kia kìa. Anh có đồng nào mua thuốc cho họ hút chẳng tội nghiệp – Nói rồi nó móc cái túi "ba-đờ-suy". Đến túi trong nó rút cái ví, mở ra soát các ngăn: "Ba đồng, bốn đồng, năm đồng. Á chà! Hôm nay anh lý em "rích" nhỉ. Cho em vay một đồng nhé. Nói thế chứ em đâu dám tự tiện nhỡ anh từ chối thì thẹn chết".

– Được, cô có cần thì cứ lấy mà tiêu – Và ông mừng thầm, cám ơn con bé. Giá nó lấy ngay vài ba đồng, ông cũng không biết tính cách nào mà từ chối được. Ông vội cầm lấy ví, đưa một đồng cho nó rồi nói lảng sang chuyện khác, sợ nó đổi ý nài thêm chăng.

Ông đi lại ngồi xuống chiếc phản mục kê ở giữa nhà. Bên cạnh, ngay sát chiếc phản, một ổ rơm giải suốt một gian, từ trong đến ngoài, nghĩa là rộng độ bằng hai cái phản, vì cả ba gian nhà bà Khoai không được rộng bằng một cái buồng khác. Phía bên kia cách cái phản bằng một cái liếp, có cái giường tre long mộng, trên phủ chiếc màn nâu hằng năm không giặt. Đấy là chỗ các cô đầu chen chúc nhau ngủ và đấy cũng là chỗ khách nằm tình tự suông với chị em.

Thấy ông lý bước vào, hai anh kép nghiện oặt đương nằm ngáp vặt với chiếc khay đèn không dầu, không thuốc, ngồi nhỏm dậy chào. Một anh nói, giọng dè dè: "Bẩm cụ, anh em chị em đến đông quá, tiền hát chả đủ ăn ngày hai bữa, còn tiền đâu mua thuốc. Túng quá, xin cụ dăm hào".

Ông lý móc ví đưa ra một đồng dặn mua cho ông chai rượu, hai bìa chả hay một gói giò lụa, còn bao nhiêu mua thuốc cả.

– Bác mua về cho tôi thưởng vài phát với nhé.

Đầu Ngoạt liếc mắt lườm rồi làm như một người vợ cấm đoán chồng:

– Em không muốn cho anh hút đâu. Hút nay một vài điếu, mai một vài điếu rồi quen hư thành nghiện đấy.

Ông lý sướng nở ruột, nở gan, quay lại tươi cười hỏi:

– Em không muốn chồng em nghiện à? – Ông cho câu nói của ông tình tứ mặn mà lắm.

Đầu Ngoạt ngước mắt nhìn ông lý một cách vừa âu yếm vừa lả lơi và cười nói:

– Hẳn chứ ly... À này, anh lý, em mới học được vài lối hát chèo. Em hát anh nghe nhé?

Ngoạt đằng hắng mấy cái dồn giọng rồi cất tiếng hát lanh lảnh.

Ông lý ngồi đờ ra nghe. Ngoạt liếc nhìn tủm tỉm cười, đổi giọng ai oán sang giọng lả lơi, đầu ngả dựa vào vai ông lý. Thấy ông run run, nó nghĩ thầm: "Anh chàng say mất hồn mất vía rồi".

Một lát anh kép đem rượu và đồ nhắm về. Còn thuốc phiện, anh ta mua vào trong cái cóng sừng đậy chặt bỏ túi. Một vài ông lý cựu có tiếng là chơi keo, nghe rõ tiếng hát, tạt vào tự tiện che tàn.

Ông lý chau mày nhưng bất đắc dĩ cũng phải đứng dậy chào mời niềm nở. Mấy ông khách quý nhận lời ngay, ngồi xuống nhắm rượu gạnh và chốc nữa nghe hát boóng. Các ông không mấy khi chịu bỏ tiền chi hát nhưng lại vào tay sành ăn, sành nói, sành hát nhất làng. Các ông lả lơi, ôm ấp phứa, mặc dầu Ngoạt nói bóng nói gió, nói xỏ nói xiên, mặc dầu Ngoạt vùng vằng giẫy nẩy và nói lắm câu quá thậm tệ. Ăn uống no say rồi, một ông gạ: "Chị Ngoạt hát đi cho chúng tôi nghe nhờ tí. Chị ấy là đệ nhất danh ca ở vùng này đấy, các bác ạ. Chú, chú kép! Vứt cho tôi cái trống".

Anh kép nằm, điềm nhiên tiêm thuốc và nói liền:

– Thưa, trống vỡ tan rồi.

Đầu Ngoạt tiếp luôn:

– Với lại tôi cũng khàn giọng và mệt lắm không hát được. – Ngoạt vừa nói vừa liếc mắt cười tình với ông lý.

– Thì ban nãy chị vừa kể bồng mạc, sa mạc đấy nhé.

– Lúc nãy tôi hát được, bây giờ tôi lại không hát được thì các ông bảo sao?

Một ông xem chừng thấy cách cử chỉ khiếm nhã và lời nói dấm dẳn của đầu Ngoạt, hơi ngượng, bèn kéo chúng bạn ra về: "Chị ấy chẳng muốn hát cho cánh mình nghe thì thôi, cần đếch gì. Ta đến đằng cụ hội đi".

Các ông vừa ra khỏi cửa, đầu Ngoạt liền đến ngồi cạnh, quàng vai ông lý, nói õng ẹo: "Gớm! Sao mà em ghét họ thế!".

– Các ông ấy suốt đời chỉ độc chơi bửa thế thôi. Cả làng, những tay chơi, có mấy người ưa.

– Thế thì nan du la... ắm... khó chơi lá... ắm... – Tiếng "lắm" Ngoạt kéo đợt ra, cả người Ngoạt ngả mãi vào lòng ông lý. Thế thì làm gì mà ông chẳng chết mê chết mệt!

Trong khi ba hồn bảy vía ông lý bị thu cả vào trong khóe mắt, trong miệng cười của đầu Ngoạt thì ở nhà bà lý uất lên vì ghen, uất đến ứa cả nước mắt. Bà thở ngắn thở dài, đi ra đi vào, nhắc đi nhắc lại: "Con người thế mà tệ bạc!"

Lửa ghen đã cháy bùng trong tim gan bà. Vót lại vô tình đổ dầu thêm: "Chị lành quá, cứ để anh ấy lấn át mãi. Phải tay tôi xem, tôi thì lôi nó ra đường xé tan thây nó ra chứ lị".

Vót về rồi, bà vẫn còn hậm hực, tức tối, không sao ngồi yên được. Bà đã cố dệt vải để quên đi, nhưng cái ghen nó đã đánh át cả công việc, làm cho bà dệt vấp váp đứt luôn. Sau cùng máu ghen đưa lên mạnh quá, làm bà nghẹn ngào khó thở. Bà không chịu được, đứng dậy gọi con ở lên coi nhà. Bà xách chiếc đèn chai, nhất định đến tận nhà bà Khoai đánh xé cho nó một mẻ rừ tử rồi muốn ra sao thì ra.

Chợt trông thấy cái tay thước mun khảm dựa ở vách, bà không nghĩ ngợi, cầm ngay lấy, hầm hổ bước chồm ra cổng như một con sư tử cái dữ tợn. Con ở ngồi ngây trên phản. Nó trông thấy chủ nó ghê gớm quá mà nó run lên cầm cập.

Đêm đã khuya. Sương xuống nhiều. Gió thổi lạnh thấu qua làn áo. Khí uất trong người bà nguội dần. Bốn bề yên lặng. Một vài con chim ríu rít rất sẽ trong bụi tre. Thỉnh thoảng tiếng chó từ xa vẳng

tới và luôn luôn tiếng lúa cọ vào nhau sột soạt. Chung quanh mờ mờ, mịt mịt, với những tiếng thì thầm của đêm như ôm ấp, lấy cơn ghen của bà mà ru ngủ, như gợi lòng trắc ẩn của bà vốn sẵn có tự xưa.

Bà bước chậm lại, nhìn xuống cái tay thước rồi bất giác mỉm cười, nói sẽ một mình: "Rõ chán! Mình vác tay thước đi, định đánh vỡ đầu người ta chắc. Tội vạ ai chịu?".

Bà nghĩ đến thân bà tuy chưa già nhưng cũng đã gần bốn mươi. Đứng tuổi rồi, bà không còn xuân tình đâu nữa để được chồng bà săn sóc tới. Bà tưởng đến lũ ả đầu, phác họa hình dung chúng nó ra trước mắt. Bà thấy sắc đẹp bà, nếu bà còn sắc đẹp, chẳng thấm vào đâu với sắc đẹp chúng nó. Bà buồn nản, lui gót giở về và tự mai mỉa mình bằng một giọng chua chát thấm đến tâm can: "Già mà còn ghen chẳng sợ người ta cười. Rõ dơ đời!". Bà nghĩ đến hành vi của bà lý Nhàn năm xưa. Bà ấy cũng đứng tuổi như bà, cũng ghen như bà, cũng giờ này đi đánh ghen như bà rồi rút cục bị ông chồng hành hạ ngay trước mặt bọn cô đầu. Bà ấy lại còn bị tai tiếng khắp làng về tội bêu xấu chồng, làm nhục chồng trước mặt công chúng. Kết quả rõ thiểu não! Rõ điêu đứng!

Bà vừa đi vừa lẩm bẩm: "Cái gương tầy liếp sờ sờ ra đấy chứ còn đâu xa".

Bà về đến nhà thì trời đã gần sáng. Bà nằm vật xuống giường, thổn thức, nghẹn ngào trong chăn. Cơn ghen của bà ở đâu lại nổi lên đùng đùng. Người bà tuy không còn trẻ nữa nhưng tâm hồn bà vẫn còn trẻ măng.

CHƯƠNG XI

Không biết ai nói đến tai cụ Huyện mà buổi việc làng hôm kia, cụ gọi bọn đương thứ ra quát mắng:

– Các anh gớm thật! Chẳng còn biết nể nang gì các cụ. Ý chừng các anh thấy các cụ lập hội, các anh cũng rở rói lập hội phỏng? Nhưng phải hiểu, hội của các cụ nó có cái nghĩa thuần túy, nào hội văn khoa, nào hội tư văn, hội tư vũ, nào hội đồng khoa, đồng danh, chứ đồng hát của các anh còn có nghĩa lý gì? Hội họp nhau vào mà chơi bời phóng đãng hử? Mà phung phí đồng tiền mồ hôi nước mắt của bố của mẹ hử? Mà bán cửa bán nhà, bán vườn bán ruộng đi hử? –

Cụ cười mãi – Hừ! Hội với hè! Thế mà cũng học đòi... Còn cái anh lý Bổng đâu?... Liệu hồn! Anh say mê con đầu Ngoạt, (mọi người nhìn ông lý, tủm tỉm cười) bỏ cả việc làng, việc thôn, bỏ cả việc tuần phòng. Liệu hồn! Từ giờ giở đi mà chứng nào cứ giữ tật ấy, tôi sẽ nói với làng truất ngôi trừ ngoại anh đi, nghe chưa?

Ông lý xấu hổ cúi gầm mặt xuống, dạ sẽ một tiếng rồi lui xuống đằng sau dẫy đương thứ.

Cụ Huyện quay ra bàn với làng: "Này các quan viên làng (một tràng dạ đều răm rắp). Tôi thiết nghĩ, bây giờ đã cuối tháng ba, đình đám, hội hè qua đã lâu rồi mà ta cứ để lũ cô đầu chúng ở lỳ mãi nhà con mẹ Khoai rồi thì giai làng đến hư cả mất. Chi bằng cứ cấm cửa từ nay trở đi chúng nó không được lai vãng đến làng này nữa là xong, có phải không các quan viên làng?"

Lại một tràng dạ nữa đáp lại, đều răm rắp... Xong buổi việc làng ấy, ông lý lủi thủi về trong lòng buồn rầu và uất ức. Lạ thật! Không biết kẻ nào lại dã tâm đến thế. Nó làm cho ông mất cả thể diện với chúng bạn, với làng nước. Nó còn làm cho ông... Ông nghĩ đến đầu Ngoạt, đến cặp mắt đa tình, đến cái miệng cười có duyên, đến những câu chuyện đằm thắm, ngọt ngào của nó. Nghĩ đến chốc nữa nó sẽ cuốn gói cùng con Sinh, con Luận, con Tửu từ biệt bà Khoai mà ông coi thân như mẹ đẻ, ông muốn đến ứa hai hàng lệ. Rồi ông ngờ hết người này người nọ, cho họ ghen ông, ghen ngấm ghen ngầm mà không sao được nên mới tìm kế ton hót với cụ Huyện. Ông có biết đâu rằng chính bà lý nhà ông đã ngầm đem chè lá đến van lạy cụ Huyện để "người" cứu lấy chồng bà ra thoát khỏi lưới tình.

Về nhà, ông lý bỏ cả ăn cả uống, hết nằm vật ra giường thở dài thở vắn, lại đứng dậy đi ra đi vào, ngẩn ngơ như người mất hồn.

Bà lý không nói với chồng nửa lời. Bà ngồi điềm nhiên, chốc chốc lại tủm tỉm cười bâng quơ. Không, bà không cười bâng quơ, vì tim bà lúc ấy đương bị rạn vỡ, bị tê buốt bởi những mũi tên độc của chồng bà. Bà vẫn còn ghen. Tuy cơn ghen không sôi nổi, không bồng bột như hôm mới rồi, nhưng nó âm thầm, nung nấu trong tâm can bà như than hồng phủ dưới tro tàn làm cho bà càng đau đớn thấm thía hơn trước. Bà muốn khóc mà không khóc lên được, bà muốn kêu gào mà không kêu gào lên được. Cái mưu kế khôn ngoan của bà càng làm cho bà thêm tủi nhục.

*

* *

Bà vừa căm giận chồng tệ bạc vừa thương hại mẹ chồng. Mẹ chồng bà ốm đau, nằm rên trong xó buồng, chỉ còn có mình bà chạy ra chạy vào nâng đỡ thuốc thang. Họa hoằn mới được Vót sang giúp đỡ bà đôi chút, vì thế nên bà vẫn cảm cái lòng quí hóa của Vót. Ngờ đâu một người đàn bà chua ngoa đanh đá mà lại tử tế đến thế.

Nay mẹ chồng bà đã khỏi, song người còn yếu ớt lắm lại sinh ra chứng đau xương đau mình, đi ra đi vào phải chống gậy. Bà cụ trông gầy sọm và già hơn trước nhiều. Tóc đã bạc gần hết. Má hóp, da mặt dăn deo. Bà cụ mới ngoài sáu mươi mà trông hom hem bằng bà lão bảy tám mươi vậy.

Cụ vẫn tưởng ăn uống, tẩm bổ rồi da thịt sẽ lại dần, rồi chứng đau xương đau mình tự nhiên khỏi hẳn, rồi cái gậy của cụ sẽ bỏ xó, không phải dùng đến nữa. Nào ngờ người cụ cứ thế mãi, như cái cây đã cằn cỗi, dầu chăm nom vun xới hết sức cũng vô ích. Cụ biết mình sắp đến cõi nên mỗi khi ngồi với các bà già, cụ thường nói ra miệng: "Các cụ ạ, tôi chả còn sống được mấy nữa".

Thế nào cũng có bà vội cãi lại:

– Ấy chết! Cụ chớ nói gở. Rồi da thịt nó lại dần chứ, như bà cụ...

– Không, tôi biết mình tôi lắm. May ra thì được qua cái năm nay. tôi cũng chả tiếc... Kể thì cũng dâu, cũng rể, cũng cháu chắt cả rồi. Duy còn chút cháu nội. Nói đến đấy, trông bà cụ có dáng ngậm ngùi.

– Chả nên buồn cụ ạ. Nhờ giời, nhờ phật, nhờ thánh tổ, tất thế nào rồi cụ cũng có. Tôi trông bà lý còn đẻ chán.

Vâng, thì cũng còn nhờ giời... nhờ phật... nhờ thánh tổ. – Và cặp mắt mờ lòa của cụ đăm đăm nhìn xa.

Bà lý xem ra cũng chu đáo. Thấy mẹ chồng gần đến cõi, bà đi đặt cỗ hậu sự bằng vàng tâm dầy dặn ván sơn son, hai đầu thiếp bạc, mất cả thẩy hơn ba chục, đem về kê ngay gầm bàn thờ. Bà cụ mừng quá, đi đâu cũng khoe nàng dâu hiếu thảo.

Mà chẳng cứ gì một mình bà cụ, cả xóm, cả họ ai cũng tấm tắc khen bà lý và nhân tiện chê ông lý một thể. Họ cho ông lý đã tu từ kiếp trước nên kiếp này mới vớ được bà lý đảm đang hiếu thảo như

thế. Những như ông thì cứ là tan cửa nát nhà, manh áo cũng chẳng giữ được mà mặc.

Một hôm bà cụ đi chùa về, lom khom một tay chống gậy trúc, một tay cầm phẩm oản với quả chuối.

Cái cháu nhớn chạy ra cổng, reo mừng: “A a, bà đã về". Rồi cầm lấy oản chuối chạy nhảy khắp sân. Bà cụ đứng nheo đôi mắt nhìn và nghĩ thầm: "Giá nó là thằng cu cháu".

Cụ đi tới thềm nhà trên, sắp bước lên. Bà lý đương dệt vải, chạy vội ra, cầm tay: "Cụ để con đỡ".

Từ ngày bỏ chức chị xã lên chức bà lý, bà thường gọi mẹ chồng là "cụ" và mẹ chồng, từ ngày ấy, cũng đổi cái xã nhà tôi ra "nhà lý" hay "bà lý nhà tôi".

Cụ vừa giơ tay cho bà lý nắm lấy vừa nói:

– Này nhà lý ạ, hôm nay tao ra chùa An thấy các bà đến quy đông lắm. Cả vợ chồng cụ Hương, vợ chồng cụ Hội cũng quy. Thế mà tao chẳng biết gì cả.

Cụ bước lên thềm nói tiếp:

– Nhà lý ạ, cứ lời các bà ấy kể thì quy cũng không tốn kém mấy. Mất có năm hào nộp sư cụ để đèn nhang, một hào giấy sớ, ba hào vuông lụa để sư cụ người viết tên tuổi lẫn tên hèm nhà Phật người đặt cho và thư phù vào đây. Người gọi nó là cái gì này... ừ ừ, hải hội, phải, hải hội để lúc chết đặt trong quan tài. Với lại tiền bỏ ra lập đàn quy hết độ ba bốn hào hay năm sáu hào tùy theo số người quy gom góp. Tất cả độ một đồng thôi, nhà lý ạ.

Cụ nói một thôi dài. Nói xong cụ thở hổn hển. Bà lý hiểu ý mẹ chồng, liền hỏi:

– Cụ có muốn quy thì con quy cho cụ.

Bà cụ tủm tỉm cười, mặt tươi tỉnh:

– Có, tao cũng quy một tý kẻo rồi lúc chết lại hối hận sao không quy.

Bà lý thấy mẹ chồng lộ vẻ sung sướng, cũng hả dạ hỏi tiếp:

– Cụ có vào hội Phật giáo, con đóng cho cụ nhân thể.

– Úi chào! Được thế thì còn quý hóa gì bằng... Nhưng mà tao nghe thấy nói đắt lắm, những hai ba chục, năm sáu chục một vị kia, lý ạ. Tiền đâu!

Bà lý cười, đáp:

– Đấy là những chức sáng lập, vĩnh viễn, trụ trì, chứ thiện tín hội viên như cụ Rêu, cụ Mộc chẳng hạn thì đóng có ba đồng thôi.

– Ồ! Thế thì tao cũng vào hội Phật giáo nữa để lúc chết được các bà vãi đội cầu tụng niệm nam vô và chết được thất thất lai tuần...

Muốn được thất thất lai tuần thì phải đóng thêm chục bạc nữa kia, cụ ạ. Nhưng rồi con cũng đóng cả cho cụ.

– Ồ! Thế thì còn gì bằng! Thật là nhất con. Chả bù cho thằng chồng con nó chẳng nhìn nhỏ gì đến mẹ cả.

Bà cụ sung sướng chảy cả nước mắt. Từ đấy cụ nóng lòng nóng ruột mong cho đến ngày rằm để được cùng bọn các bà tân quy đến chùa học vỡ lòng.

Sư cụ hôm ấy, y phục khác hẳn ngày thường, một chiếc cà sa bằng vóc vàng chói khoác ra ngoài chiếc áo lụa nâu thẫm, chiếc mũ thất phật bằng nỉ đỏ thêu toàn chỉ kim tuyến xòe ra như bảy cánh sen.

Sư cụ ngồi xếp bằng, miệng tụng kinh, tay gõ cũng đều đều. Một chấm câu, cụ rời củng, cầm cái dùi con gõ vào cái "đẩu" đặt ngửa. Sư bác vào đạo tràng ngồi hai bên sư cụ để giúp đỡ cụ trong lúc đọc kinh kệ. Một lúc lâu, sư cụ tụng xong, đứng dậy chắp hai bàn tay vào nhau lễ Phật. Trước mỗi lễ cụ đọc một tên ông Phật.

Các bà vãi ngồi xếp tè he la liệt cả mấy hàng chiếu sau và đọc theo. Có lắm tên dài và khó đọc quá, mẹ chồng bà lý không sao nhắc lại được. Thoạt đầu bà còn đọc liều lĩnh, sau sợ tội, bà không dám đọc theo như mọi bà mà chỉ đọc "nam vô a di đà phật" thế vào.

Sau một tuần lễ khá dài, cụ quản, một ông cụ đầu râu bạc phơ, quần áo lụa nâu non, ra lễ rồi nằm phủ phục xuống như con bò thui. Sư cụ cầm tấm vải ta rỡ ra, chằng xuống dọc lưng cụ quản đến bàn thờ Phật. Một mâm sớ màu đỏ để trên lưng. Sư cụ cầm vài nén hương với cành lá đi chung quanh múa may thư phù. Sư cụ múa mềm dẻo quá khiến mọi người đứng xem phải tấm tắc khen thầm. Các bà vãi lễ nghi nga nghi ngóp, khấn khứa rì rầm. Mẹ chồng bà lý được dịp, khấn cho trong nhà làm ăn thịnh vượng và cho con dâu bà sinh cháu giai để bà được trông thấy trước khi nhắm mắt.

Đàn quy họp từ chập tối, mãi già nửa đêm mới tan. Bà cụ giở về, chân tay mỏi rừ, nhưng lòng rất hoan hỉ.

Còn ông lý dạo này xem ra chăm việc tuần phòng và ở nhà luôn. Ông hối hận chăng? Dù sao ông cũng đã mang tiếng với họ hàng khu xóm là người đàn ông hư thân mất nết đi rồi. Và bà lý nhà ông cũng khó lòng tin ông được, tuy bà đã sẵn lòng tha thứ hết mọi lỗi.

Gia đình nhà ông trở lại êm ấm như xưa, nhưng trong cái êm ấm không khỏi có nhiễm chút vẻ lãnh đạm, buồn tẻ. Bà lý ít nói cười hơn và không bao giờ vồ vập, hỏi han chồng như trước. Họa chăng có những lúc bà ngồi cùng với hai đứa trẻ xinh xắn. Chúng nó đùa, làm lắm trò nghộ nghĩnh, buồn cười, khiến bà cũng vui lây đôi chút.

Bà cụ từ ngày quy thường năng đi lễ đi bái. Đêm nào có đàn chay hay lễ vào hè ra hè, lễ dâng sao chẳng hạn, bà cụ ở lại chùa mãi gần sáng mới về. Trong trí bà không mấy lúc là không nghĩ đến Phật, đến những ông bụt ốc vàng chói lọi ngồi phệ bụng trên tòa sen, đến bà Thị Kính ẵm con, đến ông "Châu Xương" gầy nhòm, đến ông "Di Lặc", đến những Nam Tào, Bắc Đẩu ngồi chầu hai bên đức Ngọc Hoàng, rồi đến đức Thích Ca nhỏ xíu, một tay chỉ thiên, một tay chỉ địa. Mỗi lần nghĩ tới, cụ không quên cầu nguyện cho con cụ sớm sinh cháu giai để cụ được thấy trước khi về cõi Phật.

Nhưng không bao lâu, gân cốt cụ mềm yếu quá, chân cụ không mang vững thân, tay cụ không chống vững gậy, cụ vừa bước lập cập vừa thở hổn hển. Thỉnh thoảng lại phải dừng chân nghỉ để lấy sức.

Sư cụ thấy bà cụ yếu quá đã cho phép cụ tu tại gia, chỉ đến chùa vào những ngày đại hội như ngày Giảng đàn, ngày Phật họa, ngày Tam phát, ngày nhượng kinh giải nạn. Sư cụ lại tặng một bức tranh Phật và sai các sư bác, sư chú, các vãi rước đến tận nhà. Bà cụ cảm động, liền bảo con dâu mang thúng gạo nếp với tiền dầu nhang ra cúng chùa.

Thế là từ hôm ấy, cái khung cửi của con dâu đã phải đem kê xuống nhà ngang, nhường chỗ cho bàn thờ Phật.

Từ đấy, sáng chiều nào bà cụ cũng ngồi tụng kinh gõ mõ. Bà cụ vừa niệm vừa lấy ngón tay cái lần tràng hạt, cái tràng hạt mà bà lý đã gửi mua tận Thanh Hóa toàn bằng sừng đen như hạt huyền. Cứ chín hạt lại có một hạt to hơn bằng long não giả. Hạt cuối cùng to gần bằng đầu ngón tay cái, có tua đỏ để trang điểm cho đẹp. Bà cụ quý lắm. Mỗi khi tụng xong, cụ gói ghém cẩn thận vào chiếc khăn vuông nhiễu đỏ, để một cách kính cẩn lên bàn thờ, cạnh bức tranh Phật.

Họa hoằn người ta mới thấy cụ ra ngoài và mỗi lần trông cụ hom hem, yếu đuối thêm. Họ thương hại thì thầm với nhau: "Bà cụ muốn sắp về cõi Phật đến nơi rồi".

Bà cụ sắp về cõi Phật đến nơi thật. Vì cứ ba bốn tháng cụ lại ốm một trận thập tử nhất sinh, làm cho ông lý, bà lý hốt hoảng. Ông lý bỏ cả việc tuần phòng, bà lý bỏ cả việc khung cửi. Nhưng, lần nào cũng vậy, hễ gượng dậy được là cụ đã cố lần ra phản ngồi tụng kinh, niệm Phật. Nhất là từ ngày cụ biết tin con dâu cụ có mang. Cụ cho được thế là nhờ ở tấm lòng sùng bái của cụ thấu đến Phật, Trời.

Một hôm, vào lúc cụ đương ốm nguy kịch ở nhà trên thì ở nhà ngang bà lý cũng đương giở dạ đẻ. Bao nhiêu họ hàng khu xóm đến thăm đều xúm xít cả nhà trên! Ở nhà dưới chỉ có bà đỡ Vị với Vót.

Mỗi khi có người ở nhà trên đi ra, Vót gọi với lại hỏi:

– Này bác, bà cụ liệu có qua khỏi được không?

Người kia lắc đầu, thất vọng:

– Khó lòng lắm, các thầy bỏ qua.

Người ấy đi rồi, Vót đứng trong bực cửa nhìn lên thỉnh thoảng lại thở dài thương hại bà cụ.

Bỗng có tiếng bà Vị ở trong buồng đẻ ra nói:

– Chị Vót còn đấy chứ?... Giêsuma, lạy Chúa tôi. Bà lý sinh con giai, chị ạ.

Vót mừng cuống quít, chạy vào giục rối lên:

– Cụ tắm nhanh để cháu ẵm lên khoe bà cụ; chắc bà cụ trông thấy cháu giai là khỏi hết bệnh, chẳng thuốc nào bằng... Thôi cụ ạ, tắm qua loa thôi mà, rồi chốc nữa sẽ tắm kỹ. Nhanh lên cụ!

Bà Vị thản nhiên, – cái thản nhiên của các bà đỡ sành nghề – đáp lại:

– Vội đến đâu thì vội, việc đỡ đẻ bao giờ cũng phải cẩn thận. – Bà vừa nói vừa chăm chú vào công việc. Thằng bé khóc oe oe từng hồi, còn bà lý đã ngủ thiếp trên giường đẻ. Vót đứng đợi sốt cả ruột, giục luôn:

– Thôi cụ, kỹ lắm rồi. Cháu thấy vạn người đẻ rơi, chỉ lau qua loa cũng chẳng sao.

Bà Vị phát gắt:

– Gớm cái nhà chị này mới nóng nảy làm sao chứ. Được rồi đây, đem tã ra mà ẵm lấy nó.

Bà Vị lau chùi thằng bé, lấy tã quấn cẩn thận như cái tổ sâu rồi đưa cho Vót. Vót ôm đứa trẻ vào lòng, chạy tất tả lên nhà, rẽ đám đông, đi thẳng vào trong buồng: "Cụ ơi! Cụ! Cụ có cháu giai đây rồi!

Một vài người thân thích theo Vót vào. Bà cụ nghe thấy tiếng "cháu giai" ngồi nhổm ngay dậy, cặp mắt gần tỉnh táo như mắt người thường. Cụ nói rất sẽ nhưng rõ ràng: "Cháu tôi đâu? Bế vào đây cho xem nào!". Vót tháo hết lót, nâng thằng bé trần truồng ngay trước mắt bà cụ. Cụ nhìn chòng chọc vào đứa bé mồm lẩm bẩm: "Nam vô a di đà phật".

Mắt cụ bỗng sáng lên rồi phút chốc cụ nằm vật xuống, lịm hẳn đi. Cụ đã thở hơi cuối cùng.

PHẦN THỨ HAI

CHƯƠNG I

– Hĩm a!

Hĩm khi xưa vẫn gọi là cái đĩ nhớn, nay đã thành một cô gái mười sáu tuổi với cái khuôn hình nở nang, yểu điệu, nõn nà, một vẻ đẹp có thể làm say đắm nhiều cậu trai tơ trong làng.

Lúc bà lý gọi ở nhà trên thì Hĩm đương bận làm dáng ở nhà ngang.

Hĩm thích làm dáng. Sáng nào cũng vậy, vừa trỗi dậy, nó đã lẻn xuống chải đầu cho mượt, rẽ ngôi cho thẳng, vuốt dải yếm lụa bạch và dây lưng thiên lý cho phẳng phiu rồi mới đi làm các công việc.

– Hĩm a!

Hĩm đương mải ngắm vuốt, không nghe thấy tiếng mẹ gọi.

Sồi, cái đĩ con khi xưa, ở trong bếp đi ra. Nó đi chậm chạp, lạch bạch như con vịt.

Kém chị hai tuổi, nó trông mập mạp, tròn trĩnh như mẹ nó thời còn trẻ, hơi lùn hơn.

Khác hẳn chị, nó không biết hay không thiết làm dáng. Khăn đội không mấy khi được gọn gàng, ngay ngắn, tóc lúc nào cũng rối

bù. Bà lý thường ví nó với cái tờ bô cáp. Người lùn sẵn, váy lại sấn lên gần đầu gối, trông người càng lùn thêm.

Ấy thế mà họ hàng, khu xóm đều cho cô em đẹp hơn cô chị. Họ cho khuôn mặt cô em phì mị (vì má cô phinh phính như má lợn), trông có vẻ phúc hậu. Họ khen cả dáng đi thong thả, đoán sau này tất cô sẽ được nhàn hạ. Nhưng bà lý lại khác, không ưa cái dáng đi quá thong thả ấy.

Vừa thấy Sồi, bà đã gắt:

– Sồi! Tao gọi nó, mày nghe thấy cũng phải thưa lên chứ! Con gái con giếc gì mà lỳ lỳ, cả ngày chẳng nói được một câu... Bảo chị mày mở cửa buồng lấy bốn bơ gạo thổi cho người làm. Hôm nay có hai người tát nước với hai người nhổ mạ. Gớm! Rảo bước lên một tí, cô. Chậm chạp như sên, ai mà chịu được.

Sồi điềm nhiên, thong thả bước một vào nhà ngang. Thấy chị đương soi gương ngắm vuốt, không gắt, không nói dài dòng, bảo chị lên mẹ gọi, rồi cầm cái thớt và con dao, lừ lừ trở xuống bếp băm bèo. Nó làm suốt ngày, nhưng mỗi việc nó làm, người ta có đủ thì giờ làm được vài việc. Vì thế nó vẫn bị mẹ mắng nhiều hơn chị.

Hĩm bỏ cái gương con vào túi áo cộc trắng mặc trong áo vải đồng lầm, chạy lên nhà:

– Bu gọi gì con cơ?

Trông thấy con gái trang điểm gọn gàng, bà lý bằng lòng. Thời còn trẻ, bà cũng thích trang điểm, tuy không dám mặc quần cạp đỏ cánh sen để lộ ở hai bên nách áo, không dám mặc áo cổ thìa hồ lơ trắng bóng. Bà chỉ dám mặc đến cái váy chổi thâm, cái áo cộc nâu non là cùng. Nhưng bà không khen con gái ra miệng, sợ nó được thể sinh hư. Bà mắng qua loa lấy lệ:

– Lúc nào cũng thấy mày điểm trang. Giá mày san sẻ cho em mày một tí thì phải. Tao chẳng thấy mày rời cái dây lưng xanh lúc nào (Hĩm tủm tỉm cười). Con Sồi nó có bảo gì mày không?

– Không. Nó chỉ bảo con lên bu gọi.

– Biết mà! Lần nào chả vậy. Tạo không thấy ai ít mồm ít miệng quá như nó. Thế mà họ ưa được. Mày mở cửa buồng lấy bốn bơ gạo thổi cho thợ làm.

– Bốn người bốn bơ thì làm sao đủ hở, bu? Nếu có chú Trạch thì riêng mình chú ấy đã hai bơ rồi.

Bà lý tủm tỉm cười:

– Chú ấy ăn khỏe thì lại làm khỏe, đi đâu mà thiệt. Nhưng mà hôm nay không có chú ấy. Chỉ có bác Sẹo, thằng Ngỗng với hai người đàn bà tát nước thôi.

– Thế thì bốn bơ cũng thiếu, bu ạ.

– Thiếu đã có cơm nguội tối hôm qua.

– Sôi nó trộn vào cám cho lợn ăn cả rồi còn đâu.

Bà lý hơi có giọng gắt:

– Mày tính nó ít nhời thế đấy. Thế mà nó cũng chẳng buồn nói cho tao biết. Vậy mày lấy thêm bơ nữa là năm bơ. Năm nay theo đuổi cấy chiêm cánh ruộng đằng sau tốn quá. Giời cứ không mưa mãi thế này thì những công tát nước cũng đủ nhược.

Hĩm vừa đáp vừa đi lại mở khóa buồng thóc:

– Ông ấy nắng mãi rồi cũng phải mưa chứ. Ra giêng con chắc mưa nhiều. – Hĩm mở cửa bước vào trong buồng tối. Bà lý nói theo:

– Mưa lắm thuốc men lại hỏng. Đằng nào cũng tội.

Hĩm ở trong buồng nói ra:

– Thế thì biết thế nào cho vừa lòng bu được.

Hĩm đặt rá gạo xuống thềm, khóa cửa lại, rồi cắp rá đi ra bể vo gạo.

Ông lý vừa dậy, chưa kịp súc miệng đã vớ lấy cái điếu hút một hơi dài. Ông say lử, ngồi gục đầu xuống thở, cặp mắt lim dim như đứa trẻ ngủ gà ngủ vịt. Một lát, bớt say, ông lẩm bẩm nói một mình: "Ăn đi đẫy chùng", thế mà họ dám đánh xuống "khuôn" thì lạ thực. Thuốc này chẳng "đầu thuận" thì ít ra cũng "giữa thuận" hay "cuối thuận" là cùng. Dẫu cái điếu của mình ăn có đổi thuốc đi nữa. Bà lý nhà mình, động ai nói cũng tin mình nói thì cấm tin bao giờ. Bụt nhà không thiêng có khác.

Bụt nhà thiêng hay không cũng tại ông.

Từ ngày mãn khóa, theo gót các cụ bước lên chiếu trên, ông đã nghiễm nhiên thành một ông cựu có vai vế, có quyền ăn nói hống hách trong thộn. Suốt tháng, suốt năm ngoài những việc ra đình mỗi khi có tuần tiết, ngoài những việc đi đám xá chè chén, ông chỉ việc ngồi nhà

nếm thuốc; hoặc có bọn thuốc nào hỏi giá, ông mang chiếu về rồi đi mua giúp bà. Bà vẫn tin dùng ông, coi ông như quân sư của bà.

Nhưng, một lần ông thông đồng với nhà có thuốc đánh hàng "khuôn" lên "thuận", ăn lấn của bà được mỗi trăm thuốc đồng bạc. Đến khi vỡ lở thì ông đã nướng sạch trong đám bạc rồi. Từ đấy bà không tin ông nữa, có mượn ông nếm rồi bà cũng tìm một vài người thân tín soát lại những món thuốc ông vừa mới nếm chiều xong.

Nói lảm nhảm hồi lâu, ông đứng dậy xách chiếc thau đồng con ra bể. Chiếc thau nhỏ xíu như chiếc thau "quán tẩy" ở đình, chỉ một gáo nước là đầy ngập. Ông ngồi xuống rửa mặt. Ông rửa đi rửa lại, bao giờ cho nước trong thau đục ngầu như nước đất, không nhìn thấy đáy nữa mới thôi.

Bà lý đã ra ruộng trồng nhổ mạ. Cái Sồi băm bèo quấy cám cho lợn xong cũng đi ra đồng tát nước thay một người đàn bà để họ cấy cho đỡ tốn thêm buổi làm. Cái Hĩm cắp rổ bát đĩa ở ao về xếp lên chạn, giặt dịa phơi phóng xong, liền ngồi vào khung cửi dệt.

Từ ngày nó biết dệt, bà lý thỉnh thoảng mới đỡ đần nó một vài lúc, tuy bà dệt vừa nhanh vừa mịn mặt vải. Bà muốn con bà dệt thạo hơn bà để kén chồng cho dễ vì các bà kén vợ cho con chỉ chăm chú vào cái khung cửi.

Thằng cu nhớn đã sang hàng xóm chơi đinh với lũ trẻ bên ấy. Chính tên nó là Quy, vì nó sinh vào năm bà nó quy, hoặc vì bà nó quy nên mới có nó. Năm nay nó lên mười, người gầy xác như que tre, trán gồ, mắt ti hí, mồm rộng và cặp môi mỏng quèn. Nó hiền lành, rút rát, ra đường sợ trẻ bắt nạt, nhưng về nhà lại bắt nạt em. Nó có tính hay nói dối, hay thù vặt, hay ghen ghét, keo kiệt, bủn xỉn, nhưng lại có tính ham mê cờ bạc. Dành dụm được bao nhiêu, nó thường đem cúng vào đám lù hết. Rồi nó tiếc, đứng thừ một xó, mặt xì xị hằng giờ.

Thằng cu con đã ra sân đình nô đùa với lũ quỷ sứ. Tên nó là Chút, cái tên ngộ nghĩnh do một bà trong họ đặt, có ý chúc cho bà lý đẻ thêm thằng Chít nữa.

Thằng Chút ít khi đùa nghịch với anh. Nó ghét anh nó cũng có, nhưng thực ra nó không thích ngồi co ro một chỗ, cặm cụi xếp gạch làm đình, nhào đất nặn tượng. Nó thích chạy nhảy, làm ngựa, chơi ba ba, thuồng luồng, đánh nhau vỡ đầu sứt tai. Không mấy lúc nó

chịu yên chân yên tay. Vì thế, tuy kém anh hai tuổi mà trông người nó vạm vỡ khỏe mạnh hơn nhiều. Có người thấy nó táo tợn, đã bảo mẹ nó sau này nên cho nó ra lính, tất sẽ chóng lên cai lên đội, như ông đội Thắng trong làng.

Bà lý xem chừng mến nó hơn thằng anh, tuy bà thường bị rầy rà mất công mất việc vì nó. Chẳng mấy chiều là không có bà mang con đến tận cổng réo: "Bà lý ơi! Bà ra xem con bà nó ném (hoặc nó đánh, nó vật) thằng bé nhà tôi đổ cả máu mồm, máu miệng ra đây này!". Bà lý phải ra xin lỗi và cầm roi quất lấy lòng vào mông con mấy cái. Trước kia, thằng bé gan lỳ, đau thì đau, chỉ đỏ mặt tức giận chứ nhất định không khóc. Sau nó thấy anh nó, mỗi lần cái roi động sẽ vào người là tru tréo ầm nhà làm cho mẹ nó không dám đánh nữa, nên nó cũng bắt chước, nhưng chỉ chốc lát nó lại tươi cười, nghịch ngợm như thường.

Ông lý rửa mặt xong, cầm thau tưới vào hai chậu đinh lăng trên cái đấu ở hai đầu bể. Đoạn, ông đem thau vào đặt trên phản để lát nữa bà lý về têm giầu bỏ vào đấy thay cho cái âu. Ông đứng thu tay vào bọc, ngắm nghía đôi lộc bình bày hai bên cỗ ỷ, ngay sát vách. Đôi lộc bình Thanh Trì, miệng loe như miệng ống nhổ, thân phình ra như cái chĩnh, vẽ cây chuối với con voi xanh lè trên thứ men trắng bệch, rõ như đồ mã rằm tháng bảy. Ông mua ở chợ Nam cữ trong tết, có hai đồng rưỡi một đôi. Ông cho là rẻ lắm. Cứ cái xác to của nó cũng đáng hai đồng rưỡi rồi, không kể công trình và tài khéo léo của người nặn ra nó:

– Đẹp tốt phô ra xấu xa đậy lại. Mình phải để nó ra ngoài sáng cho mọi người biết chứ.

Ông bèn lấy mảnh vải cũ lau chùi sạch bụi rồi bê cẩn thận, đặt cạnh đôi đèn gỗ sơn son thếp vàng. Ông liên tưởng đến những đồ sứ, từ cái ống hoa nhỏ, cái điếu bịt bạc, cái nậm cho chí những bát kiểu con phượng bày la liệt trong chiếc tủ chè bằng gỗ khảm trai của quản Chu. Ông không dám ngỏ ý muốn với mẹ đĩ, sợ mẹ đĩ lại giở cái liều lĩnh của ông ra mai mỉa: "Ối chào! Ông mà cũng định sắm với siếc kia. Bao nhiêu của đổ cả vào cái bát thì sao không bớt lấy một ít mà sắm có được không". Thôi đành để khi nào phất canh bạc to, ông sẽ bỏ tiền ra sắm lấy vậy.

Ngắm nghía đôi lộc bình chán rồi, nghĩ chẳng còn việc gì làm, ông đi ra đằng sau nhà cúi đầu xuống mái chuồng, thăm hai con lợn

đương rúc mõm trong cái áng sành hết cám. Một con ngửng đầu, động đậy cái mõm hồng hồng, nõn như gan bàn chân đứa trẻ mới được vài ba tháng. Đôi mắt híp nhìn ông như muốn nói: "Cám hết rồi, trộn thêm vào cho chúng tôi ăn thêm chứ!". Ông lý đáp lại bằng câu mắng nhiếc: "Ăn đến xấu thói. Bao nhiêu cám ăn hết nhẵn cả, chỉ còn để độc bèo. Ông cho chốc nữa đói rồi cũng phải sục hết". Ông khen bà lý: "Con mẹ thế mà mua khéo đấy! Mới độ nào còn ton hỏn mà bây giờ trông đã khá lắm nhỉ. Tháng hai này bán cho thôn làm lễ an tạ được rồi đấy". Giá lúc ấy có bà lý thì phải biết. Bà thì rủa cho hàng thôi và đốt vía ông như cữ nào có người khách đến quở, lúc khách ra bà bực tức, đốt vía vang, đốt những đứa quở quang, độc mồm độc miệng...

Ông đi ra sân, nhìn vẩn, nhìn vơ, nhìn mấy buồng cau chót vót trên ngọn, nhìn những bát hương lạnh ngắt trên cây hương. Rồi ông lần vào bếp, thấy trơ trọi lỏng chỏng có mỗi một ấm nước trên ba đầu rau. Ông ngồi xổm, dốc vòi xuống rót. Chẳng còn một giọt nào. Ông gắt: "Thế thì thôi. Rót nhẵn, chẳng để phần mình tí nào". Ông đứng dậy, hai tay vắt sau lưng, đi sang hàng xóm. Mấy con chó đã quen hơi, ve vẩy đuôi, quấn quít chung quanh mừng. Ông không để ý, đi thẳng vào trong nhà.

Xã Khoan ngồi xếp bằng trên phản, tay cầm xe điếu gõ vào điếu. Trí lơ đễnh nghĩ đâu đâu. Thằng cu cháu lên hai, ngồi trong lòng, ngả đầu ra, một tay chống, một tay đập xuống phản – chiếc vòng bạc có nhạc với quả bí đụng vào nhau sang sảng.

Thấy ông lý vào, xã Khoan ngồi thản nhiên mời (vì hai người đã thân nhau như anh em).

"Ông lý! Tôi có ấm chè nóng ngon lắm. Ông ngồi lại xơi nước. Chòm ạ! Bắc ấm nước lên cho thầy!".

Chòm là thằng thứ ba. Hai thằng nhớn, thằng Hương, thằng Quán, đã đi trông nom đồng áng thay bố. Tên nó là thằng Chòm vì ngày còn bé, tóc nó cứng quá, đâm tua tủa lên như cái chổi sể. Nó mới lên mười, còn ở nhà coi cháu cho anh cả và giúp việc lặt vặt cho bố mẹ.

Nghe thấy tiếng thầy gọi, nó nói vội lên:

– Có phải đun lại không, thầy?

– Ấy chết chớ! Còn nóng đấy nhé! Đun lại nó đỏ ngòm ra thì hỏng bét.

Thằng bé có ý. Nó lấy mấy cọng rơm lót cho khỏi bỏng tay và thổi bụi bám ngoài vành ấm, rồi bưng lên rót vào hai cái bát mẫu khê cáu vàng.

Ông lý uống vài ngụm, khen lấy lòng:

– Ối chào! Bác mua được cái chè ngon quá nhỉ. Chè này chè đồi chứ không phải chè vườn thơm thơm, chan chát như giồng cạnh khóm sắn ấy.

– Vâng, tôi cũng thấy thế.

– Bác gái đi chợ Ngảy phỏng? Chợ ấy xa, có lẽ chiều tối mới về đến nhà.

– Vâng, nhà tôi đi từ sớm. – Và trông mặt hắn tươi hẳn lên. Hắn tươi là phải, vì mấy người được đảm như vợ hắn để hắn được nhàn nhã ngồi bế cháu.

Vót đỏng đa đỏng đảnh, chua ngoa có tiếng nhưng lại là một người đàn bà đảm đang, chỉ có một cái đội đi chợ, bác đã làm giàu làm có cho chồng, lo được hương chánh cho con cả, được quản xã cho con thứ. Còn thằng thứ ba cũng tập tễnh sắp sửa ông nhiêu ông xã nay mai.

Có nhiều người đã khuyên bà xã lo nốt cho ông xã cái chức lý thôn như ông lý bên hàng xóm. Bà xã bĩu môi nói: "Các bà ạ, không phải tôi tiếc gì tiền mà không chịu lo cho ông ấy đâu. Nhưng các bà phải hiểu ông xã nhà tôi đã hơn năm mươi tuổi, gần lão đến nơi rồi. Không nhẽ bây giờ ông ấy lại cầm roi đi mời từ ông lý cựu chẳng nhớn gì hơn thằng Hương, thằng Quán nhà tôi. Các bà tính tội gì mất tiền mua chuốc lấy cái dại vào mình... Ừ, tôi chỉ là con mẹ xã nhép. Nhưng đố ai dám bắt nạt tôi, dám hạch sách tôi, dám động đến chân lông tôi".

Mọi người cười xòa: "Ai dám động đến chân lông bà!".

Ông lý uống vài bát nước, rồi nói dăm ba câu chuyện phiếm rồi đứng dậy đi lang thang ngoài đường. Ông quen chân bước đến nhà khán Để, làm việc trước ông một khóa. Chức khán thư khi xưa tức là chức lý thôn bây giờ. Các cụ thấy chức khán đối với thiên hạ vẫn bị rẻ rúng, coi thường coi khinh mà công việc vất vả, chẳng kém gì công việc lý trưởng, nên các cụ đã họp việc làng bàn đổi sang tên lý thôn. Từ đấy có người gọi khán Để là lý, có người vẫn quen mồm gọi là khán.

Vợ khán Để vừa đóng oản với hai con xong, đương rửa nồi chõ, đứng dậy chào:

– Ông lại chơi. Nhà tôi vừa mới ra miếu làm tuần.

– Chết chửa! Hôm nay tuần mà tôi quên bẵng đi mất. Thế mà đương thứ chẳng đến mời mình gì cả. Họ tệ thật. Để tôi ra đình tôi bảo.

– Có lẽ họ đến vào lúc ông đi vắng đấy. Nay đến lượt nhà tôi làm tuần nên mới đi từ sớm.

– Thôi thế kính bà nghỉ. Tôi cũng ra miếu đây.

Ông hấp tấp, vội vàng như có công việc gì quan hệ lắm. Đến miếu thì mấy ông hành lễ vừa tế xong. Các ông cựu theo thứ tự lễ hai người một. Sau cùng đến bọn đương thứ. Rồi các ông ngả xôi gà ra chén, còn oản chuối đem phân phát biếu những ông chức dịch, tức cũng là những ông cựu ở đây và những ông nằm nhà, mỗi ông một phẩm oản với một quả chuối.

Lộc thánh tất cả có ba con gà và một mâm xôi nhỏ. Thế mà hai mươi ông ăn cũng đủ, miễn là mỗi mâm có một chai rượu là được rồi, tuy không được túy lúy càn khôn như ngày đại tuyết... Ăn uống xong, các ông tản mát mỗi người một ngả. Năm bảy ông ngồi lại họp tổ tôm. Ông không đánh ngồi chầu rìa, mách nước. Gần hết hội mà chưa ông nào chịu góp. Ông lý và một vài ông có tiền cũng không dám bỏ ra, sợ được thì được "tịch" mà thua thì mất "thiếc". Hết hội, các ông tính toán tiền nong, ông thua nợ ông được, rối xòe. Các ông đã vậy còn thằng mõ chia bài thì sao? Một ông thua nhiều nhất chịu đứng ra nhận vậy, ông khất nợ: "Này, cái số một hào chia bài, tao nhận, mai kia tao giả nhé".

Ba bốn ông đòi đánh hội nữa. Ông lý đứng dậy cáo thoát: "Xin nhường các cụ đánh với nhau, tôi bận phải đi đằng này". Ra đường ông lẩm bẩm: "Các cụ đánh cái lối biên sổ thế thì nhà cháu xin kiếu các cụ thôi". Ông đi lang thang, tạt vào những nhà sẵn khách đánh sòng phẳng, nhưng đang mùa cầy cấy, hiếm khách chơi gò gẫm mãi vẫn không sao đủ chân. Lúc giở về nhà thì vừa nhá nhem tối.

Thế là ông lý đã sống đầy đủ một ngày để rồi ngày mai ông lại sống tương tự như thế.

CHƯƠNG II

Bỗng có tiếng chó sủa. Thằng Quy chạy ra cổng. Bà chánh Bút đứng ngoài gọi: "Này em, coi chó cho bác tí".

Bà lý đương têm giầu ở nhà trên, bước ra chào: "Lạy bà ạ. Rước bà vào chơi trong nhà". Và bà lấy làm lạ, vì từ xưa có bao giờ bà chánh Bút đến chơi nhà bà. Họa hoằn có gặp đi chợ, bà ta cũng chỉ chào hỏi vài câu lấy lệ.

Bà chánh nhìn khắp mấy gian nhà và khéo nịnh:

– Nhà bà rộng rãi mát mẻ quá nhỉ.

Bà lý đáp:

– Chật chội thế mà bà bảo rộng... Không bằng cái bếp nhà bà.

– Không, thật mà! Nhà tôi, nhà ngói, sân gạch, trưa đến nóng quá. Nhất về dạo tháng sáu tháng bảy, nóng như thiêu như đốt... À, vụ chiêm này bà lý cấy có được khá không?

– Thưa bà, nhà cháu làm gì có mà cấy nhiều. Có ba mẫu đồng cửa với một mẫu đồng sau. Năm nay cấy ruộng đồng sau vất vả quá, bà ạ.

– Vâng, năm nay ít mưa, công tát nước hết nhiều quá. Tôi cũng cấy ba mẫu đồng sau. Giá cứ nghe bà hậu bỏ góa lại hóa may.. À này, tôi... tôi định hỏi lại quên. Cô Hĩm năm nay bao nhiêu tuổi nhỉ? Đã có chỗ nào dạm chưa?

Bà lý tủm tỉm cười:

– Thưa bà, cháu năm nay mười bẩy. Nhà nghèo nên chưa có ai hỏi cả. Đến ế mất, bà ạ. Bà có đám nào...

– Ấy, tôi đến cũng định làm mối cháu cho ông chánh Ích, ông chánh nghị giàu nhất nhì huyện ta đấy mà, chắc bà cũng biết.

– Thưa tôi biết tiếng thôi. Nhưng mà tôi nghe thấy nói người ta đã có vợ con rồi. Mà con gái tôi cũng chỉ bằng con người ta thôi. Ai lại gả bán thế.

Bà chánh vội chống chế:

– Người ta hiếm hoi, mới có hai cô con gái thôi, bà ạ. Cầu tự mãi chẳng được mụn giai nào. Bà cả nghe chừng khó đẻ lắm. Mà đi xem

bói số, đâu cũng nói: "Phải lấy vợ lẽ cho chồng". – Bà chánh đương nói thì ông lý ở đâu về. Bà quay ra, đổi sang câu khác – Ông lý đã đến chơi nhà ông ta mấy lần đây. Ông chánh Ích, nghị Ích ấy mà.

Hình như hai người, ông lý và bà chánh đã bàn mảnh với nhau rồi, nên ông lý biết trước công việc của bà ta, nói đế vào:

– Thưa bà, ai chứ ông ấy thì khắp huyện đều biết: người rất nhã nhặn, tử tế.

Bà chánh nói chêm:

– Và giàu có lắm. Ông có biết ông ta có bao nhiêu ruộng không? – Bà quay sang phía bà lý – Ngót trăm mẫu, bà ạ, trăm mẫu với mười lăm mười sáu con trâu cày. Ông lý đã xuống chỗ làm ăn chưa nhỉ? Một dẫy chuồng trâu, chuồng lợn dài như quán chợ. Sáu bảy cây thóc tướng. Nhà mình ăn tiêu một năm vị tất đã hết một cây của người ta... Dễ ông lý đã ngồi tiếp chuyện bà ta rồi đấy nhỉ?

Ông lý còn đương nghĩ xem ngồi chỗ nào cho tiện, bỗng bị hỏi, ông luống cuống:

– Vâng, bà ta, bà ta...

Bà chánh đỡ lời:

– Bà ta hiền từ, phúc hậu quá. Thế mà chỉ tội hiếm hoi. Hai cô gái thì nết na, hiền lành, dễ bảo. Con gái ông bà được vào chỗ ấy thật chúng tôi cũng mừng.

Bà lý không trả lời, vẻ mặt suy nghĩ. Ông lý hớn hở đáp lại liền:

– Nếu con gái tôi được vào nhà ấy còn đâu sung sướng bằng.

Bà chánh quay sang hỏi bà lý.

– Ông lý bằng lòng lắm rồi, còn bà nghĩ sao? Tôi thiết tưởng làm lẽ cũng năm bảy đường làm lẽ. Có chỗ khổ sở thật, nhưng chỗ này thì tôi dám quyết là sung sướng. Người ta vì hiếm hoi nên quý trọng người. Nếu nhờ giời, con gái bà lại đẻ được cậu con giai thì người ta quý như vàng như ngọc. Thật đấy, bà cứ bằng lòng đi.

Bà lý không nỡ chối từ, sợ mếch lòng bà chánh. Nhưng bà cũng không trả lời nhất quyết về mặt nào:

– Thưa bà, xin hãy thong thả. Để tôi còn hỏi ý cháu xem đã.

Bà chánh gạt đi:

– Trẻ nó biết gì mà hỏi nó. Mình là cha là mẹ, mình xem nơi nào con mình có thể nương nhờ được thì cứ việc ưng thuận. Chúng nó thì

cứ nên cho đặt đâu ngồi đấy là phải – Bà tìm hết những bà vợ lẽ được chồng yêu, vợ cả chiều, như bà vợ hai ông chánh Yên, bà vợ ba ông hội Long, bà cụ huyện hai, bà cụ phủ ba, nhưng còn không biết bao nhiêu bà vợ lẽ khốn khổ hơn tôi đòi thì hình như bà quên khuấy đi mất. Mỗi lần bà chánh kể một bà vợ lẽ thì ông lý lại chêm vào vài câu khen ngợi.

Bà lý yên lặng ngồi nghe, thỉnh thoảng nhếch mép cười. Không biết nụ cười của bà có vẻ mỉa mai hai người hay đó là nụ cười tiếp khách.

Bà chánh ra rồi, ông lý đi lại ngồi chỗ bà lý gạn hỏi vợ:

– Bà ta nói thế, bà nó nghĩ thế nào? Tôi thì tôi cứ gả phăng, chắc là con mình được chỗ nương tựa, mà mình...

Bà lý phát cáu, ngắt lời:

– Thôi thôi, việc gả bán ông cứ để kệ tôi, chẳng việc gì đến ông. Ông còn nhớ ông thông đồng với người ta, ăn lận...

Ông lý ngượng, đứng dậy nói lấp:

– Đương việc nọ thì xọ sang việc kia, chẳng đâu vào đâu. Đã thế thì mặc kệ bà, tôi chẳng rỗi hơi bàn bạc. – Nói rồi ông đi thẳng ra cổng, cút mất. Ông đến đằng xã Vị đánh tổ tôm cho qua thời cơ nhàn rỗi. Chiều, ông thủng thỉnh đến nhà bà chánh Bút để xoay kế khác.

Bà chánh chạy vội ra, hỏi:

– Thế nào ông lý. Việc xong chứ?

Ông lý cười nhạt lắc đầu:

– Nhà tôi ương ngạnh, cáu kỉnh, có chịu nghe tôi bao giờ đâu.

Bà chánh thất vọng, đương vui đổi ra nét mặt buồn.

– Thế thì ông chịu mất món bở à? Tôi nói thực với ông, tôi cũng chỉ làm mối giúp người ta thôi. Xong thì người ta cho một cái quà nhỏ độ vài ba đồng, chứ có đâu được những năm chục bạc như ông.

Bà chánh quyệt lắm. Bà nhắc lại số tiền to ấy để đánh vào lòng tham của ông lý. Ông lý đi thẳng vào trong nhà:

– Chẳng xong rồi cũng phải xong. Tôi còn cách này chắc phải được mười mươi.

Bà chánh theo sau. Hai người cùng ngồi trên chiếc sập quang dầu kê ngay trước mặt chiếc buồng ăn chạm trổ, sơn son thiếp vàng. Ông lý nói tiếp:

– Bà chánh ạ, tôi bảo bà nhé! Bà đến đằng cụ lý cả là ông bác tôi ấy mà. Tính ông cụ! Bà chưa biết, chỉ thích danh giá, thích bè đảng mạnh, có quyền thế... Mà nhà tôi kính nể, sợ cụ lắm. Cụ bảo thế nào, hay dở, nhà tôi đố dám trái ý. Vậy bà cứ đến cụ lý cả là xong xuôi, nhưng phải nói khéo, phật ý cụ tôi một tí là hỏng bét. Chỗ ấy mà...

Bà chánh giở lại tươi tỉnh, ngắt lời:

– Việc gì chứ việc nói khéo thì chẳng phải bàn. Tôi chỉ sinh nhai về nghề làm mối, không nói khéo thì ai nghe. Thế ông lý đến với tôi nhé.

– Ấy chớ, tôi mà đến thì lại thêm khó ra. Cụ ghét tôi lắm. Được, để tôi nhờ vài ông chú họ,những người thường được cụ tôi gọi đến bàn việc hương đảng... Thôi thế chào bà. Bà ngồi đợi tí nữa tôi rủ họ đến – Ông vừa nói vừa đứng dậy đi ra cổng.

Bà chánh đứng trên thềm nói với:

– Nhanh lên ông lý ạ. Tôi đợi đấy.

– Vâng.

Sâm sẩm tối, bà chánh cùng hai người chú ông lý đến nhà cụ lý cả. Dưới ánh đèn ba dây, cụ đương đứng nhìn cháu cụ gấp bộ xiêm áo và mũ tế vào trong hòm áo. Vì ban sáng có đại tuyết cụ đứng chủ tế.

– Lạy cụ ạ. – Bà chánh chắp tay vái chào lễ phép lắm.

Cụ lý giương mục kỉnh nhìn. Cụ chưa kịp hỏi thì một ông chú liền nói:

– Bẩm cụ, bà chánh Bút ở xóm ngoài đó ạ.

– À, bà chánh con dâu cụ lý Trần phải không?

Bà chánh cười tít mắt, nói bằng một giọng niềm nở:

– Bẩm vâng, cháu đây ạ. Cụ nhớ quá nhỉ. Bẩm cháu đi trẩy hội về, có ít quà đem đến biếu cụ, gọi là lộc thánh – vừa nói, bà vừa lấy ở thúng ra hai phong bánh khảo và một buồng chuối ngự thơm phưng phức.

Cụ lý tươi tỉnh, giơ tay ra mời:

– Bà chánh ngồi ghế chơi – Nói xong, cụ cũng vén áo ngồi trên chiếc sập gụ, đưa tay vào cái tráp sơn then. Bên cạnh cụ một cái điếu ống•khảm, xe dài con vót. Rõ ra một cụ cựu có vai vế nhất trong thôn, không kể ông tiên chỉ đi làm việc quan vắng. Cụ nói tiếp:

– Thằng cháu cả đâu? Cháu bảo thằng nhỏ đun nước pha chè Chính Thái đấy nhé.

Bà chánh đứng dậy chối từ:

– Bẩm chỗ con cháu, xin cụ chước cho ạ.

– Được. Thì bà chánh hãy thưởng vài chén trà với lão tí nào.

Bà chánh ngồi xuống, tủm tỉm cười:

– Dạ.

Hai ông chú ngồi nghiêm chỉnh. Không ông nào dám ho he, vì cụ lý cả người vốn hách dịch, trọng lễ nghi, trật tự. Các ông đối với cụ chỉ là hạng đàn em, có hỏi đến mới được thưa.

Bà chánh uống nước, nói chuyện làm ăn rồi dần dà đi vào công việc của bà. Bà nói không có vẻ đột ngột tí nào:

– Bẩm cụ, dễ cụ cũng biết ông chánh Ích ở xã Thịnh Cầu đấy nhỉ?

– Có, tôi cũng biết tiếng thôi. Ông ta giàu có lắm thì phải.

– Bẩm, thôi còn phải nói. Từ ngày ông ta lo được cái nghị viên, ông ta lại có quyền thế lắm, cụ ạ. Ông ta đi lại trên cụ thượng luôn và thân với quan huyện lắm, xin gì được nấy... Bẩm cụ, ông ta mấy lần đến chơi nhà cháu, cứ định lại hầu chuyện cụ.

Cụ lý nhún nhường:

– Không dám, lão thì kể vào đâu mà được ông nghị đến chơi nhà. – Trong bụng cụ cũng tin như vậy.

Bà chánh cười nói:

– Bẩm cụ, cụ nghĩ thế chứ ông ta, xin lỗi cụ – Bà vừa cười vừa nói – còn muốn được làm cháu rể cụ đấy.

Cụ lý ngạc nhiên hỏi:

– Bà chánh nói thế nào lão không hiểu.

Bà chánh mỉm cười:

– Bẩm cụ, ông ta muốn hỏi cô Hĩm con ông lý Bổng là cháu cụ ấy.

– Có thật không, hay bà chánh nói đùa đấy?

– Bẩm chả thật mà lại vật nài cháu đến làm mối, cháu chỉ sợ ông lý bà lý không bằng lòng.

Cụ lý vui mừng lộ ra mặt:

– Nếu có phải thật thế thì còn đâu hơn nữa lại chả bằng lòng.

– Bẩm cụ, ông ta tuy đã có vợ rồi nhưng mà hiếm hoi lắm, chưa được cậu con giai nào cả. Bà nghị xem chừng không đẻ nữa vì đã bẵng đi hơn mười năm nay còn gì.

– Hay tại ông ta...

Bà chánh vội ngắt lời:

– Bà không phải. Chính tại bà ta. Ông nghị cháu mới ngoài bốn mươi, trông người hồng hào, khỏe mạnh như con giai vậy.

Cụ lý kéo cái điếu ống vào gần và nói thong thả:

– Ngoài bốn mươi thì còn trẻ chán. Chỗ ấy mà chẳng thuận thì chẳng còn thuận đâu hơn nữa.

Một ông chú chạy vội lại, bật diêm châm điếu. Cụ hút có kiểu cách. Hút xong, cụ nhấp giọng bằng một chén trà. Cụ quay ra, nói tiếp:

– Bà chánh xơi nước, trà Chính Thái có khác, ngon thật.

– Không dám, cụ để mặc cháu – Thấy cụ lý đã bằng lòng, bà nói thật:

– Bẩm cụ, chẳng dám giấu gì cụ, cháu cũng đã nói chuyện với bà lý, nhưng xem chừng bà lý còn lưỡng lự. Giá được cụ bảo dùm cho một tiếng thì thế nào cũng xong. Cháu nghe thấy cả họ cùng kính nể cụ lắm.

Cụ lý được bà chánh tâng bốc, hả dạ, nói bằng một giọng quả quyết:

– Được. Bà chánh cứ nói với ông nghị rằng: đã nhờ đến tôi thì thế nào cũng xong.

Bà chánh sung sướng cười, đáp lại:

– Dạ, nếu cụ giúp hộ được thì ông nghị và chúng cháu không bao giờ dám quên ơn cụ.

– Không dám.

Bà chánh đứng dậy xoa hai bàn tay vào nhau:

– Bây giờ cháu xin lạy cụ. Mai kia cháu lại đến hầu cụ, nếu được thì cháu sẽ nói với ông nghị chọn ngày...

– Được, tôi đã giúp thì thế nào cũng xong.

– Thôi thì trăm sự nhờ cụ cả. Lạy cụ ạ.

– Không dám. Có đứa nào đấy không? Ra coi chó cho bà chánh, mày!... Dễ tối rồi đấy nhỉ. Để lão bảo nó cầm đèn...

Bà chánh đã bước xuống sân, vội quay lại ngăn:

– Bẩm xin cụ chước cho ạ. Giời đầy sao, trông còn rõ đường lối ạ.

– Thôi thế bà chánh lại nhà nhé.

– Dạ, lạy cụ ạ.

– Không dám.

Hai ông chú ngồi lại hầu chuyện cụ một chốc rồi cũng về.

Bà chánh ra đến đường nghĩ bụng: "Ông lão dễ bảo quá. Cứ như ông thì muốn lấy cả cô chị lẫn cô em cũng được". Bà sung sướng, chắc mẩm được vài chục bạc quà biếu của ông nghị.

Sáng hôm sau cụ lý chống gậy trúc đến nhà bà lý. Cụ năm nay đã tám mươi nhưng còn khỏe mạnh, tinh tường lắm, giá không dùng gậy cũng được. Bốn năm ông chú họ đi theo hầu.

Bà lý sợ cuống cuồng, vội chạy vào trong nhà phủi chiếu, xếp dọn rối rít. Thằng Quy, thằng Chút lẻn xuống nhà ngang, chuồn mất. Không biết cụ lý có cái gì mà chúng sợ thế? Ông lý biết sáng nay thế nào cụ cũng đến, đã lẻn đi chơi từ sớm. Ông không dám giáp mặt cụ bao giờ. Cụ sắp đưa gậy vào khe cửa. Một ông chú chạy vội lại đỡ lấy. Cụ ngồi xếp bằng trên phản giữa, một tay đưa lên vuốt bộ râu bạc phơ. Mấy ông chú ngồi xếp hàng ở phản bên im phăng phắc.

Cụ đưa mắt nhìn khắp ba gian nhà rồi hỏi:

– Anh lý đâu?

– Bẩm bác, nhà cháu đi đâu từ sớm.

– Hừ, cái thằng... Giá nó ra người thì trong thôn ổ, quan huyện cao xa không kể, nhất bác rồi đến nó đấy... À này lý!

– Dạ.

– Bác nghe thấy có ông nghị nào ở Thịnh Cầu muốn hỏi con bé nhớn phỏng?

– Dạ, bẩm bác vâng... nhưng mà cháu hỏi nó cứ giẫy nẩy, nhất định không chịu làm lẽ. Bẩm...

Cụ lý ngắt lời, cất cao giọng như có ý gắt:

– Việc dựng vợ gả chồng là quyền ở bố mẹ chứ việc gì phải hỏi đến nó. Thế ngày xưa chị lấy chồng, bố mẹ chị có để quyền chị chọn lựa không?

– Bẩm bác nhưng mà lấy làm lẽ thì...

Cụ lý cướp lời, gắt:

– Thì sao? Làm lẽ! Làm lẽ cũng năm bảy đường làm lẽ. Làm lẽ

ông nọ, ông kia dễ mà mấy người được... Thà rằng ăn nửa quả hồng, còn hơn ăn cả chùm sung chát sì. Hay là chị không muốn gả thì chị bảo?

Bà lý uất ức, ứa nước mắt:

– Bẩm bác, việc gả bán là quyền ở bác, ở nhà cháu, chứ cháu không bằng lòng cũng chẳng được.

Cụ lý thương hại, đổi giọng:

– Quyền cả cháu nữa chứ. Cháu có công đẻ ra nó kia mà. Nhưng này, bác bảo thật. Từ xưa bác có bảo dại các cháu đâu. Bác muốn cho trẻ nó được nương dựa vào nơi quyền quý để cả họ cũng được thơm lây, chứ bác ăn lễ, ăn nghĩa gì... Vậy cháu cứ thuận đi. Thằng chồng cháu, bác bảo là phải nghe. Sau này rồi cháu mới biết là bác nói phải.

Mấy ông chú ngồi như bụt mọc, thỉnh thoảng đế vào một vài câu vuốt đuôi để mong được hài lòng cụ.

Cụ hỏi qua loa công việc làm ăn rồi đứng dậy chống gậy về. Cố nhiên mấy ông chú lại theo sau hầu cụ. Cụ cho việc cụ giúp thế là xong. Chẳng xong cũng chẳng được với cụ.

Bà lý, cả ngày hôm ấy, đâm ra cáu kỉnh, gắt gỏng luôn. Không khí trong nhà trở nên nặng nề, khó chịu. Cái Hĩm sợ mẹ, cắm đầu dệt. Cái Sồi vẫn lì lì làm mọi việc, nét mặt chẳng đổi khác chút nào. Thằng Quy, thằng Chút lẻn ra đường chơi với lũ trẻ.

Tối mịt rồi, bà lý vẫn không thấy mặt chồng. Bà cũng chẳng mong đợi, chẳng buồn hỏi han đến. Lần này thì bà ghét chồng thậm tệ, coi như một thằng lừa đảo, vô lương tâm. Bà lủi thủi sang hàng xóm, họa may Vót, người thân tín của bà, có an ủi bà được chút nào chăng.

Vót đương mải gấp, vuốt những tấm lụa mốc xếp vào đẫy để mai đi chợ Hộ sớm. Chiếc đèn búp măng đặt trên bàn thờ chiếu ánh vàng xuống mặt phản. Xã Khoan, chồng Vót, bế cháu nằm võng, thiu thiu ngủ. Con cái ở cả nhà dưới. Trong nhà yên lặng.

– Chỉ bác là sướng thôi.

Vót ngửng lên thấy bà lý, nét mặt buồn thiu, nói khôi hài:

– Đã bị chồng đánh hay sao mà thiểu não thế kia. Có sao thì cũng cứ vui lên chứ. Hay lại con nào cuỗm mất chồng rồi – Lúc trẻ, lúc già cũng vậy, Vót vẫn có tính bông đùa, cớt nhả như mẹ ranh.

Bà lý càng buồn, ngồi phịch xuống phản, vuốt mặt thở dài.

Vót thấy vậy, nghiêm nét mặt, lại gần nói bằng một giọng thân mật:

– Này, bác lý ạ, tôi bảo thực, tội gì mà buồn mà khổ, chỉ khổ thiệt là mình. Tôi chắc lại chỉ vì bác giai thôi chứ gì. Tôi thì tôi kệ thây họ. Việc mình làm mình cứ làm.

Bà lý lại thở dài, hai bàn tay ôm lấy hai má và hai khuỷu tay chống xuống hai đùi:

– Nếu việc mình làm mình cứ làm được như bác thì tôi đã chả khổ, chả điêu đứng, sống giở chết giở như thế này.

Vót ngồi xuống bên cạnh, hai tay thu vào trong dải yếm, quay sang hỏi:

– Việc gì mà quá quắt lắm thế?

Bà lý buồn rầu thuật hết chuyện lại cho Vót nghe, rồi bà kết luận:

– Bác tính, chính con mình mà mình không có quyền gả bán thì có con làm gì cho thêm nhục.

Vót thấy có cụ lý dúng tay vào, biết rằng chẳng nghe cũng chẳng xong, bèn tìm lời an ủi vậy:

– Tôi tưởng việc gì chứ việc ấy thì bác cũng chẳng nên buồn. Người ta có số cả. Cháu Hĩm làm lẽ người cũng là số cháu. Biết đâu rằng cháu nó lại không sung sướng vì thế. Ông cụ nghĩ cũng phải đấy, bác ạ.

Bà lý dơm dớm nước mắt:

– Thôi thì cũng còn nhờ ở số phận nó, chứ bác tính còn sung sướng gì cái kiếp làm lẽ. Chao ôi! Có ai nhục nhã như tôi không?

CHƯƠNG III

Từ ngày dạm hỏi, mỗi khi người ta chòng ghẹo gọi Hĩm là cô nghị Ích, Hĩm giẫy nẩy, mặt phụng phịu, nói gắt: "Tôi thèm vào làm lẽ người ta"... Có khi giận quá, Hĩm nói sỗ với cả chú, bác, cô, dì trong họ.

Mặc Hĩm giẫy nẩy, mặc Hĩm gắt gỏng, mặc Hĩm không bằng lòng, số phận Hĩm đã định rồi. Như con lợn nuôi, đã định trước ngày bán, mặc con lợn khốn nạn ấy lồng lộn trong chuồng mỗi khi có khách đến thăm.

Đem Hĩm ví với con lợn thì tội nghiệp cho Hĩm quá! Vả lại cũng không đúng với tâm tình Hĩm chút nào. Hĩm ngây thơ, dại dột như con chim, dễ quên nỗi khổ, thản nhiên... Mà biết đâu! Bà nghị cả có thể ốm, chết, để lại cho Hĩm cả một cơ nghiệp đồ sộ. Biết đâu dòng dõi nhà ông nghị, lại không ở Hĩm mà sinh sôi nẩy nở. Ấy là mẹ Hĩm vì quá thương Hĩm mà nghĩ lẩn thẩn như thế cho khuây khỏa nỗi ăn năn...

Thời giờ qua, thấm thoắt đã đến ngày cưới, một ngày vui tươi, thỏa mãn, chứa chan tình yêu, một ngày đầy hạnh phúc, đầy mộng tưởng cho những cô gái gặp nhiều sự may mắn. Nhưng đối với Hĩm, nó chỉ là một ngày đầy nước mắt, một ngày ủ dột, lạnh lẽo như một ngày tang.

Khốn nạn thân Hĩm! Ngoài mẹ Hĩm ra, nào có ai thương đến Hĩm, nào có ai để ý đến nỗi cay đắng, đến những giọt lệ chan chứa trên gò má Hĩm.

Họ còn bận nghĩ đến họ, đến ngày vui mừng để được phô những bộ áo mới đẹp, để được chè chén thỏa thê. Ông lý cũng thuộc vào hạng những người ấy. Ông hớn hở chạy đi chạy lại mời khách. Ông cười ha hả mỗi lần người ta cợt giễu, xưng hô ông bằng cái tên "cụ nhong nhọng".

Ngay hai hôm trước ngày cưới, ông đã cặm cụi lau chùi bàn thờ cùng những đồ thờ bóng nhoáng. Ông lôi những nậm bạch định cổ, chén cổ, khay cổ ra bày, ngắm đi ngắm lại, mặc những cái bĩu môi, lườm nguýt của vợ, mặc những tiếng sụt sùi, những giọng thổn thức của con gái ngồi trong xó buồng, quây quần những chị em đến dỗ dành khuyên nhủ. Ông không có hơi chút hối hận. Trái lại, ông sung sướng tưởng đến anh con rể mà ông cho là một kho tàng để ông bòn rút. Được rồi! Sau này nhỡ có thua thì ông sẽ đến mượn thằng ông con rể dăm bẩy chục. Chả nhẽ ông con rể lại tiếc mà từ chối!

Sáng sớm hôm cưới, nhà ông, nhà trên nhà dưới quét dọn sạch sẽ, bàn ghế, giường phản bày biện tinh tươm. Gian giữa, trước bàn thờ, một cái sập gụ ông mượn được của ông hội, trên giải chiếu mới, cạp điều để dành riêng cho cụ lý cả và để lát nữa ông nghị lễ với cô nghị trẻ của ông.

Họ hàng khu xóm đến ăn giầu, uống nước mừng cho ông lý, bà lý mỗi lúc một đông. Hai đứa trẻ tuy chẳng được hơn gì ngoài những bộ mặc tết, thấy khách đến rìu rập cũng hớn hở chạy nhảy nô đùa với lũ trẻ hàng xóm.

Ai nấy cùng lộ vẻ hoan hỉ, cười nói om xòm. Nhưng nếu ai tò mò để mắt vào buồng cô dâu, sẽ thấy một cảnh thương tâm không sao cầm lòng được. Hĩm đầu bù tóc rối, quần áo lốc thốc, nằm lăn lộn trên giường, gào thét như một con điên: "Con cắn cỏ con lạy thầy bu, thầy bu đừng ép con. Con không bằng lòng lấy người ta đâu...". Hĩm van vỉ như người mắc nạn kêu cầu cứu. Một vài chị em họ ngồi cạnh giường khuyên dỗ mãi chẳng được, phát gắt, nói dọa: "Này chúng tôi bảo thực, treo cưới đã nhận đủ rồi, không nghe người ta xỏ mũi người ta lôi đi chứ chẳng chơi". Thấy vô hiệu họ đứng dậy bỏ ra nhà ngoài để nhường cho hai bà thím.

Bỗng có tin cụ lý cả đến. Mọi người đứng dậy răm rắp. Trong nhà, ngoài sân huyên náo. Mấy ông đàn anh trong họ đương cười nói bô bô, im bặt.

Cụ lý vừa ngồi xuống sập đã hỏi:

– Vẫn cứ giờ thìn rước dâu đấy chứ? Cô dâu đã sắm sửa đủ lễ bộ chưa?

Một ông chú đứng dậy, phép tắc thưa:

– Bẩm cụ vâng, vẫn theo giờ cụ chọn. Bẩm con bé ương ngạch quá, cứ nằm lỳ trên giường, dỗ thế nào cũng không được.

Cụ lý còn cầm gậy trúc trong tay, chống đứng dậy đi lại cửa buồng quát to:

– Con bé đâu! Muốn sống muốn tốt thì ngồi ngay dậy sửa soạn đi. Ối chào! Đã dễ mà một chốc lên chức cô nghị đấy. Mày không biết chứ chán vạn kẻ mong ước mà chẳng được kia kìa. Này, ông bảo, nghe ông thì ông còn thương chứ mà giở cái thói hỗn hào, bất hiếu bất mục ra, ông thì bắt trói bỏ võng khênh đến nhà giai ngay lập tức.

Hai thím nâng dỗ Hĩm dậy, nói thêm: "Đấy, sửa soạn đi cháu. Cụ nóng lên thì các thím cũng chịu".

Khác nào một người bị thôi miên, Hĩm ngồi dậy ngoan ngoãn để hai bà thím trang điểm trước mặt cụ. Hĩm và các em xưa nay vẫn sợ cụ lý như sợ cọp. Hĩm đã được nghe người ta kể: ngày xưa con gái thứ hai cụ chê chồng, bị cụ bắt trói bỏ võng khênh đến nhà giai... Vì thế, chợt nghe thấy tiếng vọng, Hĩm đã sợ hết hồn hết vía đi rồi.

Từ lúc cụ lý đến, nhà trên tự nhiên biến đi đâu mất những tiếng cười đắc chí. Ngoài sân lũ trẻ tản mát dần. Duy còn một ít huyên náo ở nhà dưới vọng lên.

Cụ lý uống xong tiệc nước thì ở cổng đi vào bốn người đội bốn mâm cau trên phủ vuông vải tây đỏ. Theo sau, bốn năm người đàn ông ăn mặc lịch sự lối thôn quê, khăn lượt xếp hạng rẻ tiền, áo sa tanh lụng thụng, quần chúc bâu sột soạt vì chưa giặt lần nào và đôi tất màu sặc sỡ trong đôi giầy vừa mới sắm: Họ nhà giai.

Cụ lý vội ra đứng trên thềm đón tiếp ông cháu rể quyền quý của cụ. Cụ chưa kịp hỏi ai là chú rể thì một người mảnh dẻ đến chỗ cụ gãi tai thưa sẽ:

"Bẩm cụ! Anh nghị con có việc quan cần kíp phải lên tỉnh hầu cụ thượng. Bất đắc dĩ phải cho con là em ruột đến đại diện. Anh con xin cụ cho phép đến hôm nhị hỉ sẽ đến lễ nhà thờ". Hắn nói thác ra thế. Nghị Ích ung dung ngồi nhà để tránh cái lễ mà hắn cho là không xứng đáng với chức tước và quyền thế của hắn. Bà chánh Bút đã dặn dò người em rằng: việc gì cũng cứ nói khéo với lão lý già là xong xuôi hết.

Cụ lý quay vào bảo với vợ chồng ông lý: "Này anh lý chị lý, ông nghị có việc quan cần phải lên tỉnh hầu cụ lớn thượng, cho ông em đi thay. Vậy anh chị ra mà nhận lễ".

Mọi người trong họ đều ngạc nhiên, thì thầm với nhau: "Cưới đâu lại có thứ cưới không rể bao giờ. Họ khinh họ nhà gái mình quá".

Ông lý chạy ra nhận lễ. Ông sung sướng nhìn xuống gói giấy đỏ đề ngoài hai chữ "nhất bách" đặt trên cái đĩa. Ông cho thế là đủ rồi còn ông rể nghị có mặt hay không có mặt cũng chẳng quan hệ.

Bà lý đương ủ dột trong xó nhà. Bà ăn vận như ngày thường. Họ hàng vật nài mãi bà mới chịu mặc thêm chiếc áo the thâm. Thấy nói rể không đến, bà lấy làm nhục cho thanh danh nhà bà. Bà liền đứng dậy theo chồng ra kháng cự:

"Thưa trên có cụ, sau nữa có quan viên họ đông đủ, khi ăn hỏi, rể đã không có mặt, nay rể lại không có đây thì xin hoãn ngày cưới".

Những tiếng thì thầm lan khắp nhà. Cụ lý cất tiếng. Mọi người im bặt.

Theo kế hoạch bà chánh Bút, người em lại gãi tai, thì thầm với cụ lý: "Bẩm cụ trăm sự nhờ cụ. Cụ nói dùm với bà lý cho. Thật là sự vạn bất đắc dĩ, chứ anh con có muốn thế đâu. Cụ đã biết, việc quan thường xảy đến bất thình lình không ai lường trước được. Ngày giờ

cưới xin đã được cụ chọn lựa rất kỹ càng. Bỏ đi thì thật khó cho cả nhà giai lẫn nhà gái. Hay là con xin lễ thay anh con vậy".

Cụ lý quay vào nói to như truyền lệnh:

"Ông Hai – Cụ tự tiện gọi thế – ông Hai đã nói thì họ ta cũng bằng lòng đi vậy. Việc là việc trăm năm của cháu, can hệ đến đời cháu nhiều. Còn đặt ra lễ tổ tiên là theo tục lệ xưa, có càng hay mà không có cũng được. Với lại rồi ông nghị cũng sẽ đến lễ nhà thờ vào hôm nhị hỉ kia mà".

Cụ vốn trọng lễ nghi, hơi chếch lệch, khuyết điểm lơ là không xong với cụ. Nay cụ chịu dàn xếp một cách giản dị như thế chắc là cụ muốn làm công làm cán với ông nghị.

Bà lý nghĩ đến con. Chỉ còn một ngày hôm nay, rồi con bà sẽ vào tay người ta. Mình mà làm khó, chỉ tổ thiệt cho con mình. Vì thế, tuy trong lòng uất ức mà ngoài mặt, bà vẫn phải bằng lòng theo ý cụ lý. Nhưng bà không muốn trách nhiệm trút sạch cả lên đầu bà để sau này người ta có thể nói được. Bà quay ra nói với họ: "Thưa quan viên họ, cụ đã dạy thế thì tùy quan viên họ đấy". Cố nhiên là quan viên họ đều thuận để được lòng cụ lý.

Cụ lý hả dạ, vừa nói vừa giở vào ngồi đĩnh đạc trên sập: "Công việc khó khăn, lão đã thu xếp được ổn thỏa rồi... Bây giờ ông nào, bà nào, cô nào đi thì bảo để người ta liệu. Cũng nên đi đông đông cho đám cưới được trọng thể".

Em nghị Ích chạy vội đến cụ lý gãi tai thì thầm: "Bẩm cụ đường xá xa xôi mà xe tay chỉ thuê được tám chiếc, nhà giai đã dùng bốn chiếc, còn bốn chiếc phần nhà gái. Bẩm cụ, có bao nhiêu xe anh con đã thuê cả từ hôm qua mới được thế đấy".

– Thế à! – Thực thì cụ cũng thừa biết rằng xe ở vùng huyện có ít ra là vài chục chiếc và riêng những xe đỗ quán Nam cũng đủ cho hết họ nhà giai lẫn nhà gái. Cụ liền nói chữa: – Lão tính đi đông cho trọng thể nhưng hiềm vì đường xá xa xôi và xe vùng này hiếm lắm. Ông nghị thuê được có tám cái thôi. Vậy họ ta cũng liệu liệu thu xếp cho đủ chỗ ngồi.

Một xe đã dành riêng cho cô dâu với cô phù dâu. Còn ba cái có thể chứa được sáu người là cùng. Trong họ, người nọ đùn người kia, không ông bà nào muốn đi. Vì cứ cái tình thế hiện thời, họ biết trước

rằng: Có đến cũng vị tất sẽ được ăn uống tiếp rước tử tế. Rút cục ông đàn anh ở lại để nhường sáu anh xã nhép chẳng ra hồn người.

Trong buồng bỗng có tiếng gào khóc và tiếng van lơn: "Cháu cắn cỏ cháu lạy thím. Cháu không bằng lòng lấy người ta đâu. Thầy bu ơi! Thầy bu không thương con với, thầy bu!".

Nhiều người chạy lại đứng vây ngoài cửa buồng. Một vài người dơm dớm nước mắt nhìn cảnh tượng đau đớn. Hai thím cầm hai tay Hĩm co kéo. Hĩm, nước mắt chứa chan cố sức kéo giựt lại, như con bò non biết trước người ta đem đi đâu, cố cưỡng lại chốc lát.

Cụ lý ngồi trên sập, gọi bà lý lại bảo: "Chị vào khuyên nhủ con chị, chứ để nó làm thế thì mang tiếng cả họ. Chẳng gì bố nó cũng là một ông lý cựu và chú bác nó toàn là hạng chức dịch cả".

Bà lý nét mặt thảm đạm, vào trong buồng. Bà vừa lấy vạt áo lau nước mắt con, mắt bà cũng đẫm lệ, vừa tỉ tê nói nhỏ: "Con ơi! Số phận con thế thì bu biết làm thế nào! Con nghe bu, con đi về với ông nghị (bà ngượng không dám dùng tiếng chồng). Nhà người ta hiếm hoi... rồi nhờ giời, con cũng được sung sướng. Bu thấy con khổ, bu cũng đứt từng khúc ruột...".

Được mẹ dỗ dành, Hĩm bớt tủi, ngoan ngoãn theo hai bà thím bước ra thềm, xuống sân, đi lẫn vào đám đông, mặt cúi gầm, một tay cầm vạt áo đưa lên lau nước mắt. Hĩm đành nhẫn nhục chịu đựng hết nỗi khổ. Mẹ Hĩm đứng cổng nhìn con mỗi lúc một xa, cặp mắt ngơ ngác như con bò mẹ vừa bị người ta bắt mất con. Trông bà thiểu não ái ngại chẳng kém gì cái Hĩm.

Bà đứng thừ ra như thế không biết bao nhiêu lâu. Lúc giở vào thì họ hàng, khu xóm đã tản mát gần hết, chỉ còn Vót với vài người thân thích ngồi lại. Trông thấy họ, bà cực thân, ngồi gục mặt xuống khóc nức nở. Các bà xúm lại khuyên: "Bác chả nên buồn làm gì thêm yếu người. Trẻ đứa nào nhớn lên rồi chả đi lấy chồng. Mình giữ được mãi chúng nó ở nhà hay sao?". Duy có Vót là biết nỗi đau khổ của bà.

Suốt ngày hôm ấy, bà chẳng buồn mó tay vào việc gì, ngồi lặng trên ngưỡng cửa nghĩ ngợi. Ông lý vớ được hai chục cheo và dăm chục bạc, tiền của nghị Ích và bà chánh Bút đưa cho, đã tìm đến lăn lộn trong đám bạc. Hai đứa trẻ thấy mẹ không vui cũng lẻn ra đường ra quán nô đùa. Cái Sồi lủi thủi làm dưới bếp. Ba gian nhà lạnh lẽo vắng tanh. Chiếc khung cửi bỏ không càng nhắc bà nhớ

đến đứa con yêu quí. Chốc chốc hình như có sức mạnh gì ở đáy tim đưa lên làm cho bà thổn thức khóc nấc lên và kể lể nỗi khổ một mình như người điên.

Cả đêm bà không ngủ. Bà nằm nghĩ liên miên, nghĩ đến thời bà còn trẻ. Bà chợp mắt. Một cảnh đám cưới diễn ra trước mặt bà như một phim ảnh: Một tràng pháo nổ ran. Nàng dâu, sau bao nhiêu lời giục giã, bẽn lẽn bưng tráp giầu sơn son vẽ vàng mới tinh ra đứng nép sau một bà đứng tuổi. Nàng mặc toàn đồ mới, chiếc khăn nhiễu tam giang mới, chiếc yếm trắng mới, chiếc áo the mới mặc ra ngoài chiếc áo lụa đỏ mới, chiếc dây lưng thiên lý mới và chiếc váy lụa mềm mới. Nàng xấu hổ cúi gầm mặt xuống và đi theo bà kia để bà đỡ lời nàng mời giầu hai họ. Những câu chúc tụng, cợt giễu của họ làm nàng mặt đỏ bừng như quả hồng quân. Mời xong, nàng đặt tráp trên bàn rồi chạy thọt vào buồng đợi chốc nữa các người lại giục giã nàng về nhà chồng.

Nàng chưa biết rõ mặt chú rể. Nàng chỉ nghe thấy người ta nói: chú rể thấp bé hơn nàng, khiến nàng không được thỏa lòng lắm. Nhưng lúc ấy vì xấu hổ, vì bỡ ngỡ, vì sợ hãi, nàng chẳng nghĩ gì cả...

Lại một tràng pháo nổ. Nàng bẽn lẽn bưng tráp giầu trên phủ vuông nhiễu đỏ, bước ra khỏi cửa buồng, đi chen vào giữa bọn người chị em bằng trạc tuổi nàng. Bốn chiếc nón nghệ trắng ngà che nghiêng bốn mặt như không muốn cho những kẻ phàm tục nhìn thấy mặt nàng... Đến nhà giai, họ đưa thẳng nàng vào căn phòng sạch sẽ. Nàng ngồi trơ trọi một mình trên chiếc giường màn mới, trong khi ở ngoài, hai họ ăn cỗ, uống rượu, chuyện trò ầm ĩ. Chốc chốc lại một tràng pháo nổ mừng... Đó là đám cưới bà.

Cảnh tưng bừng tốt đẹp ấy vừa diễn xong thì một cảnh khác tiếp liền, một cảnh ghê gớm và bi thương. Một ông già dữ tợn chống gậy quát vang nhà. Hai người đàn bà cầm hai tay người con gái kéo. Người con gái, nước mắt chan hòa, cố sức kéo lại. Tiếng khóc hòa lẫn tiếng kêu thảm thiết, ông già ác nghiệt quá quát luôn mấy tiếng. Người con gái sợ hết hồn, nhẫn nhục theo sau bọn đàn ông hùng hổ như bọn cướp...

Bà lý giật mình tỉnh dậy uất lên, nức nở khóc. Một lúc lâu, bà lau nước mắt, nước mũi, thở dài mấy cái rồi kêu lên như muốn trút hết nỗi đau khổ ra ngoài: "Ối giời ôi là giời ôi! Nhục nhã khổ sở cho con tôi".

CHƯƠNG IV

Cưới Hĩm đã được hơn năm giời mà bà lý vẫn chẳng biết tin tức gì về con. Bà đã nhờ một người trong họ làm thư ký viết hộ bà lá thư gửi hỏi thăm ông nghị, bà nghị và nhờ ông cho biết cái Hĩm của bà. Nếu bà biết chữ, viết lấy được, bà sẽ kể lể nỗi khổ tâm của bà, bà sẽ ngỏ lời van lơn ông nghị, bà nghị một cách thống thiết để họ rủ lòng thương bà mà thương đến con bà. Bà không dám thổ lộ tâm can sợ người ta chê cười.

Nhiều lần đi chợ, bà con gặp hỏi han đến Hĩm: "Cô nghị lâu nay không thấy về chơi nhà. Cô nghị vẫn được mạnh khỏe đấy chứ? Bao giờ bà lên thăm cô nghị?"

Bà đáp một cách ngượng nghịu: "Cám ơn bà, cháu nó vẫn được mạnh". Và bà nhớ đến Hĩm, thương hại Hĩm, lắm lúc bà dơm dớm nước mắt.

Đã ba bốn lần bà định lên chỗ ông nghị để biết rõ tình cảnh con. Bà đã hỏi thăm đường lối cặn kẽ, nhưng bà còn ngần ngại đường xá xa lạ. Cái thư bà gửi lên thăm ông nghị, bà nghị hơn tháng nay rồi mà vẫn chẳng thấy ông bà giả lời. Bà nóng lòng sốt ruột, nghĩ thầm: "Thế nào mình cũng phải đi mới được. Cứ thế này mãi thì chẳng còn làm được việc gì". Bà nghĩ, rồi bà quả quyết chọn ngày đi cho được mọi sự may mắn.

Ngày hai mươi bốn tháng tư, một ngày nên ra đi, cầu xin, dâng lễ, buôn bán; bao nhiêu việc nên làm trong ngày ấy cùng hợp với ý định bà. Bà dậy thật sớm bảo ban mọi việc, dặn cái Sồi coi nhà. Bà lấy ở đáy quả ra một bộ quần áo mặc tết. Bà không dám ăn mặc luộm thuộm, sợ có ảnh hưởng xấu xa đến con bà. Bà gọi thằng Chút ra đứng đón cổng để được gặp giai, rồi cắp cái rổ trên phủ cái vỉ mới, ra đi. Một bà đi chợ tươi tỉnh hỏi: "Bà lý đi đâu mà thắng bộ đẹp thế?".

Bà lý trả lời niềm nở: "Thưa bà, tôi lên ông nghị thăm cháu".

– Bà lý lên thăm cô nghị đấy à? Đem quà về cho bà con với nhé!

– Vâ...âng!

Mặt trời vừa xuất hiện. Ánh hồng phơn phớt sau làn sương nhẹ như khói tỏa. Trong các khóm cây xanh mát, những tiếng chim đua hót như đón chào.

Đến đầu làng, bà rẽ xuống bờ ruộng đi tắt cho gần. Bà nhớ lại ngày còn trẻ, đi lễ Phủ Giầy với bọn chị em, bà cũng rẽ xuống con đường này. Độ ấy tâm hồn bà còn thảnh thơi, đầy mộng tưởng, dễ vui, dễ cảm xúc với cảnh vật. Bà còn là một cô gái lanh lẹn, cắp cái thúng con xinh xắn vừa thoăn thoắt bước vừa đùa rỡn với lũ chị em tinh nghịch. Bà cảm thấy thời giờ đi chóng quá, tưởng như vừa mới độ nào. Bây giờ bà đã có tuổi, đã trải bao nhiêu lo lắng, khổ nhục, đã dùng bao nhiêu nỗ lực, tâm trí để gây dựng giang san nhà chồng. Cặp mắt bà đã kém sáng, nét mặt bà kém tươi, cử chỉ bà nặng nề, bước đi bà chậm chạp. Phong cảnh đồng áng man mác chung quanh không còn làm rung động tấm lòng khô héo của bà nữa. Bà lủi thủi bước một trên các bờ ruộng. Thỉnh thoảng một con cò bợ kiếm ăn dưới khe lúa thấy động, vụt bay. Bà đưa mắt nhìn theo cho đến khi cái điểm trắng lẩn khuất vào một khóm tre gần đấy. Bà buồn rầu nghĩ đến Hĩm vừa lớn lên đã phải xa nhà xa cửa, đem tấm thân non nớt đến hầu hạ người ta. Bà tưởng tượng những cách hành hạ ác nghiệt của vợ cả, những lúc con bà ẩn vào một xó khóc rưng rức và chắc lúc ấy không khỏi oán giận bà. Thì chính lúc này bà cũng đương oán giận bà vì quá nhu nhược với họ nhà chồng để đến nỗi con bà phải lâm vào cảnh lẽ mọn. Bà thở dài, đổi chiếc rổ sang cánh tay trái: "Mình rõ lẩn thẩn. Biết đâu rằng nó khổ". Bà nhớ lại những lời bà chánh Bút: "Bà nghị hiền lành, ông nghị tử tế, hai cô gái dễ bảo". Nhưng lương tri bà bắt buộc bà không thể tin được những lời ngọt ngào, xảo quyệt ấy. Phải, mụ mối có mấy khi nói thật. Bà cắm đầu, vừa đi vừa nghĩ liên miên, lúc ngửng lên thì quán nước trên vệ đê đã sừng sững trước mặt. Bốn năm anh xe đứng vắt chéo chân, cầm đôi càng chổng ngược lên giời, chào khách: "Bà đi xe tôi kéo".

Bà lý, trước ngày đi, đã hỏi giá xe cẩn thận. Bà bước lên đê đứng mặc cả: "Hăm nhăm xu lên quán Cháy, có đi không?". Bà định giả ba hào, nhưng cũng như mặc cả thức ăn, bà nói bớt đi năm xu để bọn xe thêm lên thì vừa.

Một anh xe bĩu môi, nói giọng khinh bỉ:

– Hăm nhăm xu đây lên quán Cháy! Bà thử giả ngay bốn hào xen chúng tôi có buồn đi không – Tuy vậy, cả bọn cũng lẽo đẽo theo sau, nài giá:

– Hăm nhăm xu đấy, có đi thì đi.

Vẫn anh ban nãy cười nhạt, trả lời hỗn xược:

– Hăm nhăm xu thì xin mời bà đi bộ cho dẻo chân.

Bà lý chưa giả tăng vội, vì bà còn muốn tạt vào chợ mua con cá làm quà ông nghị bà nghị.

Lúc ấy vào khoảng tám giờ. Chợ chưa đông lắm. Bà đi đến một hàng cá, cúi xuống mặc cả con vược. Con cá không được to nhưng mà tươi. Bà ưng ý lắm, thầm nghĩ: "Con cá này, ông nghị bà nghị hẳn bằng lòng". Bà đã mặc cả từ tám hào lên đến đồng hai rồi mà chị hàng cá chưa buồn bán, cứ nằng nặc đòi đồng tư. Bỗng một bà ở đâu đến giả tăng lên năm xu, mua tranh. Bà lý tức mình, giả cao hơn bà kia hai xu nữa. Hai bà sắp sửa thành đôi co thì chị hàng cá bằng lòng bán cho bà lý đồng ba, lấy cớ rằng bà ta mặc cả trước.

Bà ra khỏi chợ, nhấc vỉ lên ngắm lại con cá. Bà lẩm bẩm một mình: "Kể thì đắt năm xu, nhưng mình mà không vội giả tăng lên thì con mẹ nó mua tranh mua cướp mất, còn đâu. Không biết cái con mẹ nào mà đành hanh, quạ mổ thế! Ráng chừng nhà giàu!"

Nếu bà không phải mua làm quà thì không khi nào bà chịu giả đến giá ấy.

Ra đường cái, bọn xe lại châu vào đón chào. Một anh khác ban nãy lải nhải:

– Bà giả thêm chứ hăm nhăm xu rẻ quá, chúng cháu không thể kéo được.

– Thì thêm hai xu nữa là hai hào bảy đấy, không đi thì thôi. – Bà vừa nói vừa cắp rổ vờ đi thẳng.

Anh xe lẽo đẽo theo sau. Cả bọn nối đuôi, lững thững như đi bách bộ. Anh trên đi sát vào bà lý đặt đôi càng xuống, nói bằng một giọng quả quyết: "Thôi thế nhất định giá ba hào, bà không đi thì cháu cũng chịu!"

Bà lý thấy đúng giá mình định, bèn bước lên xe ngồi. Anh xe vừa nhấc đôi càng, sắp kéo thì anh ban nãy nắm cánh tay giữ lại: "Mày có để ngay xuống không? Ông mời người ta từ trước". Một anh lực lưỡng to béo chạy lại can thiệp: "Ai bảo mày không nài thêm? Anh em cùng nghề với nhau mà động một tí là giở ngay cái lối bắt nạt!"

Cả bọn cùng có vẻ bằng lòng, vì xưa nay họ vẫn ghét cái thói du côn, ăn hà ăn hiếp của anh kia. Họ thì thầm với nhau: "Khốn cu cậu còn muốn bắt chẹt người ta kia!".

Anh xe được anh nọ buông tay, gò lưng ra đằng trước, kéo, rồi đều chân chạy, tai còn vẳng nghe thấy tiếng dọa nạt: "Về ông giã cho thành tật!".

Như đáp lại câu ấy, anh xe vừa chạy vừa phàn nàn với bà lý: "Bà xem, nó chỉ bắt nạt người hiền lành như chúng cháu. Hôm nay không có bác Tuất thì ít ra bà cũng phải giả tới bốn hào... Mà rồi nó có đi đâu, nó lại để cho thằng oắt con ngồi đợi trong hàng nước lấy nửa tiền. Thành thử nó ăn không một nửa".

Bà lý trả lời lại. Câu chuyện tâm sự của hai người bắt đầu từ đấy. Anh xe biết bà lý có cô gái cả gả làm lẽ ông nghị Thịnh Cầu, cô gái thứ hai, lỳ lỳ suốt ngày, thằng giai nhớn gầy gò và hay đánh lú, thằng giai nhỏ khỏe mạnh nghịch ngợm như thằng quỷ. Anh ta biết cả ông lý ham mê cờ bạc, thường lấy trộm tiền của bà đi nướng sóc đĩa.

Trái lại, bà lý biết anh xe có bà mẹ già bán hàng nước ở đầu làng Tiên, biết vợ anh ta gánh rau muống đi chợ bán, và đến mùa thuốc lào đi bắt sâu, bẻ ngạch, rửa "nhòn" thuê. Bà biết anh ta có đứa con gái lớn toét mắt và thằng bé lên ba, mắt lúc nào cũng đầy dử...

Xe đi được một thôi dài, hai người lại bắt đầu vào chuyện. Anh xe, mồ hôi mồ kê đầm đìa mà vẫn dòn chuyện như thường. Anh ta nói:

– Chúng cháu làm chỉ đủ ăn thôi, bà ạ. Bà tính không phải đi vay đi mượn là tốt... Nhưng mà từ rằm tháng chạp cho đến tận cuối tháng ba thì phát tài lắm, bà ạ – Anh ta nghỉ một lát để thở và để lau mồ hôi ròng ròng trên trán – Có ngày cháu kiếm được hai đồng... Trừ thuế má, trừ ăn tiêu đi rồi cũng còn được hơn một đồng.

Bà lý ngồi lắc lư trên xe (vì đường gồ ghề tuy có lát đá) trả lời:

– Khá lắm nhỉ. Sao không dành dụm để bà cụ và chị ấy làm cái vốn buôn bán?

– Khốn nhưng ai đánh bạc cho.

Bà lý ngạc nhiên:

– Chị ấy à?

– Cả cháu lẫn nhà cháu. Cháu được lời ra bao nhiêu thì tét vào sóc đĩa với thò lò. Còn nhà cháu có đồng nào thì chỉ sang hàng xóm đánh chắn. Có lần cháu đã nắm tóc nó kéo từ bàn chắn về nhà giã cho một trận dừ tử thế mà, đâu vẫn hoàn đấy.

Bà lý thương hại người vợ thở dài nói:

– Tội nghiệp! Ai lại nỡ đánh đập người ta thế. Sao không lấy lời mà bảo ban người ta có hơn không?

– Cháu bảo ban mãi chẳng được... Chồng đã chẳng ra chồng, vợ lại cũng chẳng ra vợ. – Anh xe nói đã có dáng nhọc mệt. Bà lý thấy vậy, thôi không hỏi chuyện nữa. Bà ngồi tựa lưng vào thân xe cứng nhắc, thiu thiu ngủ... Bỗng một bánh xe vấp phải hòn đá, nhảy lên đập xuống. Bà lý giật mình, mở choàng mắt. Bà nhìn trước mặt hỏi:

– Có phải cầu Mục kia không bác? – Bà mang máng nhớ lại ngày đi Phủ Giầy, bà đứng trước một hàng nước ngay đầu dẫy đón ôtô đi Nam. Câu chuyện ngớ ngẩn của bà khi xưa lại làm bà nhếch mép tủm tỉm cười.

– Vâng, cầu Mục đấy. Từ đây rẽ lên quán Cháy còn độ hai cây nữa thôi.

– Hai cây nữa thôi? - Bà ngồi trầm ngâm nghĩ đến con gái, đến gia đình ông nghị mà bà phác họa trong tưởng tượng. Phong cảnh tốt tươi dưới ánh nắng của bầu trời xanh ngắt, những tiếng chim cu gáy từng hồi trong những khóm tre râm mát, những tiếng mục đồng hát lên mình trâu, cả những tiếng động của chiếc xe lắc lư trên con đường đầy hố cũng không đủ làm cho bà ra khỏi những ý nghĩ ám ảnh ...

Bỗng anh xe ngả người ra đằng sau hãm đà xe lại:

– Quán Cháy đây rồi.

– Đến rồi à?

– Vâng. - Anh xe đặt đôi càng xuống vệ đường ngồi, lấy khăn tay nâu vắt vai lau mồ hôi đầm đìa trên mặt, trên cổ, trên cánh tay. Bà lý móc cái túi vải giắt trong dây lưng, đếm giả tiền. Anh xe vừa cầm nón quạt vừa ngửa tay nài thêm vài xu uống nước. Bà lý đãi thêm một xu rồi hỏi đường vào nhà ông nghị.

– Bà cứ đi thẳng con đường này vào tận giữa làng, thấy cái nhà gác mới làm là nhà quan nghị đấy - Nói xong, anh xe đi vào ngồi trong quán Cháy uống nước, hút thuốc và chốc nữa, đỡ mệt, sẽ làm dăm ba xu bún riêu.

Trời đã gần trưa. Ánh nắng chói lọi và nóng bức. Cánh đồng áng tẻ dần. Người và vật nghỉ mát dưới những gốc đa hay những khóm tre. Một vài bà đi chợ về, mỗi bà đội hai cái thúng đại chồng lên nhau đầu lót vỉ, hai tay vung va vung vẩy, luôn miệng nói chuyện

chồng con. Bà lý dấn bước, đi cạnh một bà, hỏi thăm nhà ông nghị lần nữa cho chắc chắn. Bà kia trả lời tương tự như anh xe và hỏi lại:

– Bà hỏi nhà ông nghị có việc gì? Ý chừng bà đến vay mượn hay khất nợ chăng?

– Không ạ, tôi đến thăm ông nghị bà nghị.- Bà chưa dám hỏi thăm cái Hĩm của bà, sợ thất vọng. Bà không muốn chóng đến nơi vì bà đương phân vân, không biết ông nghị bà nghị sẽ tiếp đãi bà thế nào. Lãnh đạm hay niềm nở? Bà sẽ xử trí ra sao? Nên vồ vập, thân mật như người nhà hay phép tắc giữ gìn như người khách lạ? Con gái bà thì chắc là mừng lắm rồi. Chắc thế nào cũng níu lấy áo bà hỏi thăm ríu rít. Hơn năm giời cô bé xa nhà xa cửa còn gì. Rồi lúc vắng ông bà nghị, cô chẳng khỏi khóc mếu, phàn nàn về nỗi vất vả, nặng nhọc. Cô gái nào mới mang về nhà chồng chả vậy. Cứ tự suy xét về bà khi xưa thì biết. Nhưng bà sẽ khuyên con ăn ở cho phải đạo, hết mực chiều chuộng bà nghị. Bà sẽ cố lấy lòng bà nghị! Cho được thế, bà phải nấc nỏm khen bất cứ cái gì thuộc về bà nghị. Bà phải mắng và chớ khen con ngay trước mặt bà nghị ...

Đến ngã ba, bà lưỡng lự, không biết rẽ lối nào. Bà ngơ ngác nhìn chung quanh ... Chợt thấy một ngôi nhà gác mới làm vững chãi, chắc chắn như cái "lô cốt" nhô lên khỏi những mái ngói, mái gianh như một anh cao lênh khênh đứng giữa những anh lùn. Bà đoán chắc là nhà ông nghị. Không cần hỏi ai, bà cứ việc đi thẳng, lấy ngôi nhà gác làm đích, rẽ vào xóm, qua hai cổng gạch cánh cửa lim. Bà tấm tắc khen thầm: "Kiên cố thật! Ngay nhà cụ Huyện làng mình cũng chẳng được kiên cố như vậy". Bà đi men theo một dẫy tường cao chót vót cắm tua tủa những mảnh chai. Nếu bà đã biết nhà Hỏa Lò ở Hà Nội, tất bà sẽ đem nhà ông nghị của bà ra so sánh với nó. Đến cái cổng đẹp hơn, bà dừng bước. Đôi cánh lim rắn như sắt, đóng kín mít, bà không nhìn vào được. Bà còn đương phân vân không biết có nên gọi hẳn tên cái Hĩm thì một bọn thợ cấy đi lại. Bà hỏi một người trong bọn:

– Này bác, có phải nhà ông nghị đây không?

Người kia đứng lại. Cả bọn thấy người lạ cũng tò mò đứng lại nghe. Người kia trả lời:

– Phải, nhà ông nghị đấy. Ý chừng bà đến vay mượn, phỏng?

– Không! Tôi đến thăm ông nghị bà nghị.

– Gọi cổng nhà ông nghị khó lắm cơ, bà ạ. Bà cứ réo thằng Quýt

lên. – Nói rồi người ấy và cả bọn cùng đi thẳng. Bà lý gọi réo hồi lâu; đàn chó thấy động sồ ra sủa. Thằng Quýt hé cửa ra nhìn, hỏi:

– Ai?

– Tôi đây, cậu ạ.

– Tôi là ai?

– Cậu vào bẩm với ông nghị bà nghị mẹ cái Hĩm có con cá vược tươi lắm đến thăm ông bà. – Bà tủm tỉm cười, cho con cá vược tươi của bà có sức mạnh đưa bà đến ông nghị bà nghị một cách dễ dàng.

Thằng Quýt đóng sập cửa lại rồi biệt tăm không ra nữa. Bà đứng đợi đã thấy chồn chân, mỏi cả hai gối. Chốc chốc bà lại nhắc: "Quái! Dễ hắn không vào bẩm với ông nghị. Muộn lắm rồi còn gì. Bà nhắc vỉ. Con vược tươi đã thấy kém tươi". Sau cùng bà đứng réo tên cái Hĩm mãi cũng chẳng ai thưa. Bà uất lên tận cổ, ứa nước mắt, chửi thầm: "Cha con đẻ ra mẹ nó chứ, nó lại khinh bà à!". Bà buồn thiu giở về. Đến chỗ chị bán dầu hôi, kim, chỉ ngay vệ đường, bà ngồi xuống mua một cái kim và dăm con chỉ để lấy cớ làm thân.

Bà tỉ tê hỏi: "Bác có biết cô Hĩm, vợ lẽ ông nghị không nhỉ?".

– Nàng hầu đấy chứ có phải vợ lẽ đâu. Tội nghiệp nhà chị ta. Con người đon đả, đẹp đẽ thế mà chịu vùi thân vào cái nhà ấy – Chị hàng dầu hạ giọng, thì thầm – Bà không biết chứ con mẹ nghị ấy ăn thịt người không biết tanh đấy. Nó hành hạ chị ta đến khổ. Thật, tôi tớ còn sung sướng hơn – Chị ta không để ý đến cặp mắt đỏ hoe của bà lý, tiếp luôn – Lại hai cô con gái nhà bà ta mới gớm chứ. Thật hai con nặc nô. Chúng nó xúm nhau vào hành hạ. Tôi đã làm thuê ở đấy, tôi biết, có lần nó túm tóc chị ta xuống rồi cứ đũa cả đánh túi bụi cả vào đầu óc. Ai trông thấy cũng phải thương... Mà chúng nó thì xấu như quỷ, so với chị ta thế nào được...

Bà lý ngồi thừ ra như pho tượng, thỉnh thoảng quay ra đằng sau hỉ mũi và lau nước mắt. Chị hàng dầu biết, nhưng cho là một người đàn bà dễ cảm, hay mau nước mắt. Thấy câu chuyện mình kể có người chú ý, chị ta càng dẻo mồm kể tỉ mỉ từng ly từng tí những cách hành hạ của vợ cả lẫn con chồng. Bà lý thương con quá, không sao cầm lòng được, ứa nước mắt kêu lên: "Giời ơi! Tôi không ngờ con bé khổ sở đến thế!". Rồi không để chị kia hỏi lại, bà cắp rổ đứng dậy chào xong, đi một cách vội vàng hấp tấp, vừa đi vừa sụt sịt khóc, chốc chốc lại đưa vạt áo lên lau nước mắt.

Chị hàng dầu nhìn theo thở dài: "Mình quên không hỏi... Không khéo chính mẹ đẻ ra nhà cô ta cũng nên. Trông khuôn mặt giông giống... Tội nghiệp!".

CHƯƠNG V

– Thôi đi cô. Từ ngày cô về nhà chồng chưa đầy năm giời mà cô tiêu của tôi bao nhiêu rồi. Tôi phải cho cô cả từ cái bát mẻ giở đi. Bây giờ tôi chả còn gì để nuôi không vợ chồng cô mãi được.

Sồi vốn ít mồm ít miệng, ngồi thừ ra một lúc lâu rồi thong thả buông từng tiếng một:

– Ai bảo bu gả con vào chỗ nghèo.

Bà lý cũng ngồi thừ ra nghĩ ngợi.

Từ ngày bà bị hai vợ chồng lão nghị đóng cửa không tiếp, bà uất ức giở về, buồn bã mất tháng giời. Bà đâm ra thù ghét cả chồng lẫn họ nhà chồng. Bà nhất quyết phen này còn đứa gái thứ hai, chỉ gả cho nhà thật nghèo. Ông cụ lý đã khuất núi. Cả họ không còn ai đủ quyền thế bắt nạt được bà. Bà có thể tự ý muốn gả con cho ai thì gả. Vì thế, cữ tháng mười năm kia có người đến làm mối cái Sồi cho con giai bà lý Thịnh, bà ưng ngay.

Bà lý Thịnh góa chồng đã lâu. Nhà chồng bà cũng ba bốn đời chức dịch như nhà chồng bà lý, nhưng nghèo, nghèo quá, không một thước vườn, không một thước ruộng, cả đời chỉ ăn vay với thuê ruộng đợ. Mùa đến, bao nhiêu thóc gặt về chỉ đủ giả vốn lời rồi bắt đầu lại ăn vay cho đến mùa sau. Cũng như Vót, vợ xã Khoán, bà lý Thịnh có cái lời đi chợ. Nhưng vì ít vốn nên lãi chẳng được mấy, đủ mua đồ ăn thức mặc cho con cái là khá lắm rồi. Thằng con thứ hai bà nhờ ông chú buôn bán ở phố huyện nuôi cho ăn đi học, đã đỗ được cái bằng sơ học Pháp-Việt. Rồi vì nghèo, không có tiền theo học nữa, chịu vô nghề nằm nhà. Chính là chồng cái Sồi bây giờ.

Chẳng may mùa hè mới rồi, bà lý Thịnh chết vì thời khí. Người con cả, một anh canh điền, với ít chữ Nho trong óc, với cái tính cổ hủ ương gàn, chiếm lấy ngôi nhà thờ. Chiếc nhà ngang lụp xụp, tối tăm phần hai vợ chồng Sồi. Còn nhà bếp, hai gian nhà tre xiêu vẹo, cáu đen mồ hóng và bụi bám, mạng nhện chằng đầy thì hai nhà chung nhau thổi nấu. Vì thế mà sinh ra lắm chuyện rắc rối, cãi cọ om sòm.

Sồi vẫn giữ cái tính lỳ lỳ. Chị dâu cả thì chua ngoa, lắm mồm lắm miệng, ích kỷ, cay nghiệt. Chị ta chỉ muốn đuổi hai vợ chồng Sồi đi để chiếm lấy cả ngôi nhà. Không mấy ngày là không có những lời bóng gió, những câu chửi cạnh vì một cớ nhỏ nhen. Lúc thì chị ta đổ một cách gián tiếp cho Sồi ăn cắp cà nén, lúc thì chị ta kêu mất khúc cá kho, mớ hành, mớ tỏi khô gác rành bếp. Những câu chửi "Cha con bà nó chứ!..." hoặc "Mớ đời nhà nó chứ...", luôn luôn xuất ở cái mồm ngoan ngoạc của chị ta. Rồi chị ta thêm một câu: "Còn có ai vào đây nữa!" để ám chỉ Sồi. Bao nhiêu những lời thô bỉ như thế hắt vào lỗ tai Sồi không biết bao nhiêu lần mà Sồi vẫn lỳ lỳ, chẳng nói chẳng rằng, chẳng buồn cãi vã.

Lắm lúc chồng Sồi tức quá, cãi lại chị dâu. Tức thì hai bên đôi co, tiếng ra tiếng vào, ầm nhà. Có khi to tiếng đến nỗi cả xóm đổ đến xem đông. Ai cũng có ý ghét người dâu cả. Có người lúc giở về, lẩm bẩm: "Chả ai như chị Mẫn (tên chồng Sồi là Mẫn). Con mẹ chua ngoa, độc ác thế mà chị ấy nhịn được. Cứ túm ngay lấy tóc nó mà giã cho nó một trận để cánh mình xúm vào đánh hôi có được không".

Tất thế nào anh cả bênh vợ cũng chạy lại, giở đạo đức Khổng ra mắng át em đi. Không thế cũng rầy. Không thế thì tránh sao khỏi những lời dằn vặt, đay nghiến, những lời khiêu khích, xỉa xói của vợ trong buồng kín...

Bà lý ngồi thừ ra nghĩ ngợi hồi lâu rồi buồn rầu đáp lại lời con gái:

– Nghèo thì nghèo, vợ chồng cô cũng phải tìm công việc mà nuôi nhau chứ. Bám vào tôi mãi được sao!... Rồi tôi già, tôi chết. Lúc ấy cô bám vào đâu? Cô xem, cứ gì mình cô, bao nhiêu người nghèo mà họ cũng kiếm được miếng mà ăn đấy nhé. – Nói rồi bà ôm má thở dài.

Sồi ngồi trên ngưỡng cửa, hai tay vẩn vơ vuốt tóc. Một lúc lâu nó mới há được mồm ra nói:

– Bu giúp chúng con một bận này nữa thôi... Nhưng bận này bu giúp chúng con hai chục.

Bà lý giương to cặp mắt ngạc nhiên, hỏi:

– Giời ơi! Hai chục! Cô định tôi bán cả vườn, cả ruộng đi mà cấp cho cô nữa hay sao? Thôi thôi, tôi xin cô. Cô làm khổ tôi vừa vừa chứ!

Sồi vẫn thản nhiên. Như để đợi cho mẹ bớt khổ, nó ngồi ỳ ra mãi rồi mới cất tiếng:

– Nhà con định đến tháng bảy này cùng con lên tỉnh, mở hàng cơm cho học trò trọ. Nhà con bảo: nhà con sẽ dạy tư thêm thắt vào và chắc thế nào cũng đủ tiêu, không phải quấy quả bu nữa. – Sao hôm nay Sồi lại nói được một thôi dài như vậy. Ý chừng, cô đã nghe chồng cô dặn và nhắc đi nhắc lại nhiều lần.

Bà lý hết ngạc nhiên, hạ giọng:

– Ừ, anh ấy nghĩ như thế cũng phải. Tội gì cứ chịu lủi thủi ở xó nhà mà hứng lấy những lời đay nghiến tục tằn của chị dâu! – Nghĩ đến người dâu cả nhà ấy, bà lại tức giận thốt ra ngoài miệng – Cái con mẹ nói lắm mồm lắm miệng, tai ác làm sao! Thế mà mày chịu nhịn được! Và bà lấy làm lạ, không bao giờ thấy Sồi phàn nàn với mình về việc ấy. Bà trở lại thương Sồi mà quên hẳn cái tính lỳ lỳ, chậm chạp của nó. Bà đổi sang câu chuyện tiền nong ban nãy hỏi:

– Chồng mày tiêu gì mà hết những hai chục cơ?

– Nhà con bảo: phải giả tiền thuê nhà... phải sắm vài cái giường cho học trò nằm... phải bỏ ra dăm sáu đồng đong gạo thổi nấu, mua đồ ăn thức đựng.

– Thức đựng: nồi niêu bát đĩa, này khác, các cái có sẵn cả rồi đấy nhé. Anh chị cứ việc đem cả lên mà dùng. Lại còn định để lại cho cái con mẹ tai ngược ấy nữa hay sao?

– Có chứ... Nhưng cũng phải hai chục nữa mới tùng tiệm đủ... Là nhà con bảo vậy.

Nghĩ ngợi, đo đắn, suy tính chán rồi bà lý mới đứng dậy mở khoá hòm gian, kỳ cạch hồi lâu. Đoạn bà cầm cuốn bạc đưa cho Sồi.

– Đây, tôi cũng liều giúp vợ chồng cô bận này nữa. Chỉ bận này nữa thôi đấy nhé. Tôi bảo thật, cố mà làm mà ăn, hà tặn hà tiện để dành để dụm về sau còn con còn cái. Tiền hết đi rồi lại về nặc tôi nữa thì đừng có hòng. Tôi bảo thật đừng có hòng.

Sồi lẳng lặng nhét cuộn bạc vào hầu bao rồi chậm chạp bước ra cổng. Bà lý bước theo, gọi giựt lại: "Này con, bu có thương thì bu mới bảo. Con cố chịu khó mà làm ăn nhé! Phải tần tảo chắt bóp từng tí thì sau này mới khá, con ạ. Được cái chồng con nó hiền lành bu chắc nó cũng chẳng chơi bời gì. Thôi thì... nghèo yên phận nghèo, con ạ, đừng đói rách thì thôi. Bu dặn đi dặn lại có thế thôi. Con về nhé. Chịu khó làm ăn nuôi nhau. Bu thấy chúng con... vất vả, bu cũng thương". Bà ngập ngừng sau hai tiếng "chúng con" là vì bà chợt nhớ

đến Hĩm, đứa con yêu của bà. Bà thở dài, giở vào ngồi trên phản ôm má, đăm đăm nhìn ra sân...

Một cảnh trưa hè đưa trí nhớ bà giở lại quãng thời xa.

Chồng bà đã có tuổi, đã chán chường với bốn đồng tiền cái, tiếng chơi bời liều lĩnh hầu như biệt tăm, không còn ai nhắc tới. Mỗi bữa hơn cút rượu nhấm với tấm đậu phụ hay khúc cá rán. Nhấm nháp xong, ông ăn vài lưng cơm, ngồi xỉa răng uống nước, hút dăm điếu thuốc lào rồi đi làm một giấc ngủ trưa, hoặc thơ thẩn sang hàng xóm chuyện gẫu với "cụ" xã Khoan hoặc đến "cụ" khán Để làm vài cuộc tổ tôm còm cho qua thời giờ nhàn rỗi, hoặc ra đình ra miếu bàn việc thôn việc làng. Hiện giờ có lẽ ông đương ngồi họp việc giáp ở đình. Thằng Quy đã nhớn, đi chăn trâu với bọn mục đồng. Thằng Chút học trường làng, ăn uống xong cũng đi nô đùa với bạn bè.

Trong nhà vắng vẻ yên lặng. Một dãy sáu cây cau, cao vót với những chùm quả nhỏ, hai cây chanh cỗi cằn, càng cỗi thêm, da mốc xù xì. Cây hương, tường hoa, bể mới quét vôi trắng xóa, cùng ánh nắng chói trên mặt sân, xói vào trong nhà, làm bà lóa cả mắt. Bà nhớ lại ngày bà còn trẻ chưa có con và chồng bà còn là anh xã nhép. Bà ngồi ngưỡng cửa bắt chấy cho mẹ chồng cũng bằng chạc tuổi bà bây giờ. Mẹ chồng bà mất đã hơn mười năm nay, nhưng khuôn mặt hiện ra rõ rệt như hãy còn. Bà nhớ đến con vện nằm cạnh, một chân giơ lên gãi tai, đùi đập vào thành cửa thình thịch. Bà nhớ lại cả nỗi bực tức của bà về đường con cái làm bà tức lây đến con chó. Bà còn như vẳng nghe thấy tiếng bà quát: "Vện xuống! Xuống ngay!". Những tiếng gà gáy, những tiếng võng đưa kẽo kẹt bên hàng xóm giúp trí nhớ bà thêm rõ rệt, sáng suốt. Cái gái lớn đã đi lấy chồng và đã có con. Bây giờ cái gái em lại thay chị, nằm võng ru cháu. Tiếng nó cũng kéo dài, trong trẻo như tiếng chị. Con chó vện đã già trụi cả lông đuôi, nằm đất xó bếp đợi ngày sang kiếp khác. Con nó đã thay nó lên chức mẹ.

Bà lý buồn. Xưa bà cũng chẳng vui gì. Nhưng cùng với tuổi trẻ, lửa lòng bà còn bồng bột từng lúc, tâm hồn bà còn đầy dẫy những ước vọng. Một cảnh đẹp, một ngày hội náo nức, một sự vui thú cỏn con còn có thể làm cho bà quên được những lúc khổ. Nay lửa lòng bà đã tắt, tâm hồn cùng với xác thịt đã cằn cỗi. Ngày xuân tốt tươi đem lại mầm non lá lộc, cho cả đến những cây cằn cỗi, chỉ còn đem lại cho bà một ít tiếc mến ngày quá khứ.

Bà đứng dậy vươn vai ngáp, rồi thở dài đi lại khung cửi dệt. Tiếng khung cửi lên xuống đều đều càng làm cho mấy gian nhà thêm tĩnh mịch. Dệt mãi cũng chán (ngày xưa bà dệt không chán tay bao giờ), bà gọi con ở lên dệt thay và coi nhà nhân thể. Bà thủng thỉnh sang hàng xóm nói chuyện tâm sự với Vót, một người bạn càng ngày càng thân và cần thiết cho bà mỗi khi bà có sự gì buồn bã.

Đàn trẻ xúm lại níu lấy áo bà vồn vã. Bà tủm tỉm cười, móc cái túi vải giắt ở dây lưng, cho mỗi đứa một trinh. Chúng nó reo mừng thi nhau chạy ra quán mua khoai. Vót đương lột những tấm lụa mốc vừa cất ở chợ Sóc về phơi trên những chiếc sào đem vào gấp vuốt để mai đi chợ Hộ sớm. Vót quay lại, vui vẻ đón chào và trách: "Gớm! Bác nuông chúng nó quá. Chúng nó mến bác hơn bà chúng nó là phải. Chả bù với mẹ chúng nó đánh đập chúng nó cả ngày".

Bà lý cười nói: "Chả thế sao người ta lại có câu hát ví: Bà ơi, cháu quý bà thay, quý bà về nỗi bà hay cho quà". Rồi đi lại lột giúp Vót những tấm lụa vàng chóe dưới ánh nắng chiều.

Hai người ngồi trên phản gấp vuốt, vừa chuyện trò. Vót bắt đầu nói:

– Này bác, vợ chồng cái Sồi rủ nhau lên tỉnh mở hàng cơm thật đấy à?

– Phải, nhưng chả biết có làm nên trò trống gì hay lại vác người về không. Con bé lầm lỳ chậm chạp như sên, làm ăn vụng thối vụng nát. Thằng chồng thì chân yếu tay mềm.

– Thì từ thuở bé anh ấy chỉ biết cầm quyển sách... Hình như tôi nghe nói anh ấy định dạy tư nữa, phỏng?... Tôi có thằng cháu nhớn con thằng cả, nếu cháu đỗ, đỗ cái bằng gì này, tôi cũng chẳng biết nữa. Nếu nó đỗ rồi tôi cũng cho nó lên trọ học chỗ anh ấy.

– Được thế thì còn gì hơn, nhưng... Chả biết con bé có biết mua bán làm cơm làm nước...

Vót ngắt lời:

– Rồi nó quen đi chứ. Ai vụng bằng cô Tuất con bà hàn thế mà bây giờ cũng khéo rồi đấy.

Hết tấm nọ đến tấm kia gấp vuốt, đặt chồng lên nhau. Mùi tơ mùi bùn, ngây ngất xông lên. Lũ trẻ đã rủ nhau về. Ngoài sân trở lại huyên náo. Bà lý đổi sang câu chuyện khác, hỏi:

– Tơ độ rầy thế nào, hở bác?

– Cao lắm, bác ạ. Mỗi tấm cao hai ba hào... Cao thì lại bán cao, đi đâu mà thiệt. Mà càng cao càng dễ giã nặng. Nghề buôn vẫn thế đấy, bác ạ. Cao một thì họ phao lên mười. Tôi cũng nhờ thế mà bán được lãi mỗi tấm ngót đồng bạc.

– Phát tài nhỉ!

– Phát tài thế mà cữ nào người ta rủ đi buôn thì chẳng đi, hay là – Vót vừa nói vừa cười – bị cụ ông cấm đoán – Nói thế nhưng Vót cũng thừa biết bà lý độ này gớm lắm rồi, chẳng nhu nhược như trước nữa.

– Chưa muốn buôn thôi chứ ngữ chồng ấy thì cấm đoán được ai. Chào! Nghĩ đến ông ấy lúc nào tôi lại buồn cả ruột.

Vót cười:

– Ông xã nhà tôi thì hơn nữa.

Bà lý cũng cười:

– Thì ông ấy cũng còn được việc ngồi nhà bế cháu ngủ và khéo nấu nước chè, thế chả chán à. Còn hơn ông lão nhà tôi chẳng được việc phải gió gì cả. Động có tiền là đi biệt. Mà đi đâu? Lại sóc đĩa hay tổ tôm chứ còn đi đâu nữa.

Vót bênh ông lý một tý cho có chuyện:

– Không, dạo này khá lắm rồi đấy mà. Tôi có thấy bê tha như trước nữa đâu.

– Ối chào! Chưa đến lúc đấy!... Thử cho ông ấy vài chục xem. Lại không hàng tháng chẳng thấy mặt chớ kể.

Vót cớt nhả:

– Thì ai bảo cứ nuông ông ấy, cho ông ấy nhiều tiền vào. Ý chừng đằng ấy còn muốn...

Bà lý cười, vạt mạnh vào vai Vót:

– Phải gió cái nhà bác này, già mà còn...

*

*   *

Bỗng có tiếng thằng Chút reo từ sân vào:

– Bu ơi bu! Chị Hĩm đã về!

Lũ trẻ đã chạy ra đình thả diều và chơi khăng, nếu không, tất chúng sẽ reo hò theo: "Ha! Ha! Cô Hĩm đã về! Chúng mình sang ăn quà đi!".

Bà lý ngạc nhiên, chưa tin:

– Thật à, con?

– Vâng, thật đấy. Con nói dối bu làm gì. Con đi học về đến cây đa đầu chợ, thấy tiếng chị ấy gọi... Con quay lại, rồi mừng quá chạy ù về bảo bu. – Trông Chút có dáng cảm động vì nó yêu chị nó lắm. Ngày chị nó lìa nhà ra đi, nó khóc sướt mướt và buồn hàng mấy ngày liền.

Bà lý đứng dậy: "Bác sang với cháu một tí", rồi như người hốt hoảng, theo Chút về, không đợi câu trả lời của bạn.

Thằng Chút vừa rảo bước vừa nói:

– Trông chị ấy gầy lắm, bu ạ.

– Chị ấy gầy lắm à?

– Vâng.

Chưa đầy vài phút bà lại nhắc: "Chị ấy gầy lắm à?". Nhưng trong lòng bà khấp khởi mừng như đứa trẻ về nhận áo mới tuy chưa biết xấu đẹp thế nào.

Hai mẹ con vừa đến cổng thì Hĩm cũng vừa rẽ sang con đường hẻm vào nhà. Chút chạy đến níu lấy áo chị mừng cuống quít. Bà lý đứng cổng đợi. Tim bà đập mạnh, cặp môi và cả thân bà cũng rung động. Cảnh vật chung quanh Hĩm như sáng thẩm lên, Hĩm lại gần. Bà nói, giọng run run: "Con đã về". Rồi không biết nói câu gì nữa.

Hĩm trông gầy nhiều lắm. Hai má hóp, đôi mắt to và sáng trong vành mắt thâm quầng. Và tiều tụy. Chiếc khăn "sa tanh" đã đổi ra chiếc khăn nâu bã, áo vá nhiều mảnh, hai khuỷu tay rách để lộ hai miếng tròn trắng bằng đồng bạc ở chiếc áo cánh mặc trong. Chiếc quần thâm, có lẽ vẫn chiếc mẹ may cho ngày cưới, rầu rầu tơi ra từng chỗ và có những lỗ nhỏ như gián nhấm. Tuy vậy, tay cắp cái thúng con trên đậy vỉ, Hĩm vẫn còn giữ được dáng đi mềm mại, yểu điệu như xưa.

– Trông con gầy và xanh lắm.

– Gầy và xanh lắm à, bu?

Rồi ba mẹ con yên lặng vào trong nhà.

Hĩm thơ thẩn hỏi:

– Sồi đâu bu? Vẫn lỳ lỳ và vẫn ghét con như thường chứ?

– Nó đi lấy chồng rồi. Tính nó thế chứ nó ghét gì con. Nó chẳng đổi tí nào, vẫn lỳ lỳ và chậm chạp lạch bạch như con vịt. Nó sắp đi với chồng nó lên tỉnh mở hàng cơm. Chồng nó thằng Mẫn, con bà lý Thịnh ấy mà.

– Vâng con đã biết, chú ấy hiền lành lắm.

Hai mẹ con ngồi trên phản. Thằng Chút ngồi sát cạnh chị. Hình như nó muốn ướp lấy hơi hướm chị.

Ngồi thừ một lúc, bà lý hỏi:

– Thế nào, con độ rầy ra sao? – Câu nói của mẹ như xúc động đến tâm can Hĩm. Hĩm thở dài rồi nước mắt ở đâu tuôn ra. Hĩm gục xuống, ôm mặt khóc nức nở. Ba gian nhà yên lặng. Trong không khí như nhiễm một vẻ buồn kín đáo. Bà lý thương con cũng khóc, tiếng khóc của hai người lây sang thằng Chút. Ngoài sân, chung quanh tối dần và trong nhà càng tối thêm. Trong yên lặng chỉ còn những tiếng xụt xịt, tiếng hỉ mũi.

Mãi sau, bà lý mới nói:

– *Thôi con ạ, người ta có số cả. Rồi qua cảnh* khó con sẽ được sung sướng. Tội gì mà nuôi cái khổ vào thân cho yếu người. Trông con xanh lắm. Rồi bu mời ông lang Tại cắt thuốc bổ cho con. Tẩm bổ vào rồi có da có thịt, lại người ngay đấy mà.

– *Con còn thiết gì cái thân con nữa mà tẩm với bổ. – Hĩm tủi* nhục lại nức nở khóc... Rồi hình như nước mắt cũng đã cạn và nỗi khổ theo nước mắt tuôn ra cũng đã nhẹ bớt. Hĩm bắt đầu kể lể từ khi về nhà ông nghị đến giờ.

Cứ mỗi đoạn bà lý lại thở dài, nói chêm vào: "Con mẹ ác nghiệt thật... Nó độc ác đến thế là cùng... Thôi mẹ nào con ấy mà lại... Giời gần lắm con ạ. Rồi cũng có ngày giời sẽ quả báo cho mà xem... Ừ, chị ấy nói thế mà thật".

Hĩm ngạc nhiên, ngừng kể, hỏi mẹ:

– Chị nào thế bu?

– Chị hàng dầu. Cữ đã lâu bu có lên thăm con, nhưng người ta không cho vào.

– Chết thật! Thế mà con không biết.

– Bu có gọi con mãi mà chẳng thấy con thưa.

Hĩm ngồi thừ ra. Nó ngẩn ngơ tiếc. Giá độ ấy nó biết mẹ nó có đến thì dẫu chết ngay nó cũng bỏ về với mẹ nó. Hĩm kể tiếp:

– Con sinh được đứa con giai...

Hĩm tủm tỉm cười.

– Ồ! Thế à!

– Vâng, con sinh được đứa con giai. Mà vì đứa con giai ấy, con lại càng bị bà ta và hai cô hành hạ thêm. Hình như họ muốn tống con đi để cướp lấy thằng bé. Hĩm không dám thú với mẹ rằng: thằng bé ấy không phải con ông nghị mà là con người nhà ông nghị.

Hĩm đến nhà ông nghị được vài tháng thì bà nghị ghen. Cơn ghen mỗi ngày một mạnh và thanh củi đập vào người Hĩm mỗi ngày một mạnh thêm.

Đêm đến, đêm nào cũng vậy, bà bắc chõng nằm ngang cửa buồng canh chồng. Bà bắt Hĩm nằm dưới bếp. Bà cũng chẳng nghĩ gì đến trong nhà có anh xinh trai và có tình ý với Hĩm. Hay bà biết mà bà để mặc cũng nên.

Cách hai tháng sau Hĩm ốm. (Bị hành hạ như thế thì khỏi ốm sao được!). Cả nhà chẳng ai buồn nhìn nhỏ. Hĩm rên, Hĩm mê man. Mặc! Người nào cứ công việc người ấy làm trôi chảy như thường. Ông nghị sợ vợ, thương thầm mà không dám hé răng. Ông đành để mặc cho thời giờ qua. Duy có anh người nhà xinh trai, cố nhiên là săn sóc ngầm đến Hĩm. Anh ta khéo che đậy, khiến cả nhà không ai ngờ. Ngoài miệng, anh ta làm ra không cần, thường nói với hai cô để hai cô bắn tin lên bà nghị: "Kệ mẹ nó! Cho nó chết để khỏi rắc rối trong nhà". Kỳ thực, anh ta vẫn ăn trộm gạo tám – ăn trộm có khó gì! Anh ta giã gạo, lừa lúc vắng, anh ta bỏ vài nắm vào túi, đợi lúc nào rỗi, lẻn sang hàng xóm nấu cháo cho Hĩm. Anh ta đến kê bệnh Hĩm với ông lang rồi bỏ tiền túi ra cân thuốc. Đêm khuya, đợi cả nhà ngủ say, anh ta cặm cụi ngồi sắc. Tang tảng sáng, Hĩm đã có bát thuốc và bát nước chè nóng trước mặt, Hĩm ngửng lên, âu yếm nhìn và nhếch một nụ cười với câu cám ơn rất nhẹ nhàng. Anh chàng sung sướng, cảm động quá. Trời ơi! Đôi con mắt Hĩm mới tình tứ làm sao! Miệng cười Hĩm mới có duyên làm sao!

Nửa tháng sau, Hĩm khỏi. Anh chị bắt đầu cảm nhau. Mỗi lần Hĩm bị hai cô đánh túi bụi, anh chàng thương đến rỏ lụy nhưng vẫn

cố làm ra mặt thản nhiên, nói: "Phải đấy các cô cứ nện khỏe vào". Anh ta gọi hai cô ra một chỗ nói nhỏ: "Không hiểu sao, tôi trông thấy nó tôi cũng ghét. Nhưng mà, các cô ạ, có đánh thì cứ nhè mông nó mà đánh, chớ đánh vào đầu óc nó mà nhỡ oan gia đấy. Ngày xưa tôi phải đòn nhiều tôi biết, đánh vào mông đau ghê, đau chết người đi được, còn đánh vào đầu vào vai thì chỉ ê lên thôi". Anh ta bịa một chuyện để dọa nạt hai cô: một nhà giàu có lắm ở ngay cạnh nách nhà anh ta, cầm đũa cả đánh vào đầu con ở, phải chỗ phạm, con ở nằm quay ra chết. Nhà ấy chạy chọt sạt hết nghiệp mà tội vẫn hoàn tội.

Câu chuyện bịa của anh ta có kết quả. Vì không những hai cô, cả bà nghị từ đấy cũng cứ nhằm mông Hĩm mà đánh.

Nhà trên, ông nghị vẫn bị canh riết. Lắm lúc ông phát cáu, nói gắt: "Bà làm thế thà cứ cho ngay người ta về có hơn không?"

Bà nghị bĩu môi lườm nguýt, vênh mặt lên nói lại: "Ai bảo đừng!"

Anh người nhà được thể vào phe với bà nghị. Một hôm anh ta ngồi nhặt rau với bà. Cả hai cô cũng đứng đấy. Anh ta tỉ tê tán chuyện: "Bẩm bà, bà làm thế cũng chưa chắc đâu. Có khi bà ngủ quên, ông con lẻn ra được. Con xem ông con mê nhà chị ta lắm". Anh ta cố ý vừa nói vừa nhìn bà nghị. Thấy nét mặt bà ta sầm lại, anh ta tán thêm: "Giá bà để con nằm chắn cửa buồng bếp. Con tỉnh ngủ lắm. Hễ thấy bóng ông con, con cứ kêu trộm ầm lên để bà thức dậy".

Hai cô thích chí, tranh nhau nói: "Phải đấy mẹ ạ, cứ cho hắn canh cửa bếp". Bà nghị bằng lòng: "Ừ cho mày canh. Hay là – bà tủm tỉm cười – anh lại muốn tỉ tê với cô nương đấy?". Anh người nhà đỏ mặt tía tai cười gượng, cãi lại: "Chết! Bà chớ nói thế, nhỡ đến tai ông con thì con chết!".

Từ đấy cái buồng chứa nồi, niêu, xoong, chảo, cái buồng tối tăm hôi hám, cáu đen mồ hóng và mạng nhện, đã thành một căn phòng ấm cúng, đầy tình thương. Chẳng mấy đêm là anh chị không tình tự. Trong khi ấy thì ông nghị trằn trọc ở nhà trên, chốc chốc lại dậy uống nước, hút thuốc vặt để nghe những tiếng đằng hắng của bà nghị nằm dài trên chõng...

Bà lý thấy Hĩm ngồi đờ ra nghĩ, tỉ tê khuyên:

– Này con ạ, thế là giời thương, đem phúc lại cho con rồi đấy. Con nên chịu khó, chịu nhục mà nuôi lấy nó. Sau này giời cho nó ra người, con sẽ được nhờ vả nó nhiều. Phúc đức tại mẫu, con ạ. Thôi thì

người ta có đánh mắng cũng cứ cố mà nhịn. – Hĩm lơ đễnh nghĩ đi đâu. Bà lý tiếp luôn: – Con ạ, hai cô rồi cũng đi lấy chồng. Không nhẽ ở nhà mãi để hành hạ con hay sao? Bà nghị rồi cũng già... tất có ngày nghĩ lại mà thương con...

Hĩm vẫn ngồi ngây, đăm đăm nhìn ra phía cửa. Giời đã sâm sẩm tối. Bỗng ngoài cổng có tiếng lộp cộp, tiếng móng chân trâu nện trên đất rắn. Thằng Quy đã dắt trâu về chuồng. Bà lý đứng dậy: "Chết chửa, muộn rồi. Dễ từ trưa đến giờ con chưa ăn. Để bu xuống bếp giục con ở làm cơm mau lên mới được. Chẳng biết nó đã hâm lại nồi cá chưa? Cũng may con đấy. Sáng nay bu đi chợ mua được con cá chép béo quá". Bà lý nói xong đi vội xuống bếp. Thằng Chút từ nãy vẫn ngồi yên nghe. Nó lấy tay vân vê hết sợi tóc xõa xuống tai chị đến vạt áo, dây lưng. Nó ngắm từng ngón tay nhỏ đẹp của chị nó đặt trên đùi. Hình như nó được ngồi sát cạnh chị nó là đủ, không cần chị phải hỏi han đến.

Hĩm nhô ngực lên, thở dài. Không phải cái thở dài ban nãy, cái thở dài của nỗi khổ thống, mà là cái thở dài khoái lạc, bật ra trong lúc Hĩm nghĩ đến tình yêu nồng nàn, khăng khít của anh người nhà xinh trai. Hĩm trốn về cũng không phải tự ý Hĩm. Đó là mưu kế của anh chàng. Hĩm về rồi chỉ độ nửa tháng nữa là anh xinh trai của Hĩm sẽ tìm cớ bỏ nhà ông nghị để tìm việc trên Cẩm Phả. Mùa gặt này anh chàng sẽ về đón Hĩm. Hĩm chờ đợi.

CHƯƠNG VI

Mùa gặt tháng năm đã đến, đem lại cho thôn quê một cảnh tưng bừng, rộn rịp.

Tờ mờ sáng, trên các đường làng, trong các ngõ xóm, những thợ làm lũ lượt, bọn năm, bọn bẩy, hái buộc bằng những sợi lạt vào đòn sóc, vác trên vai, tay áo vén quá khuỷu, quần xắn lên quá gối, để lộ những bắp thịt rắn chắc và đỏ sẫm, vừa đi vừa trò chuyện. Những tiếng cười trẻ trung, những tiếng nói mạnh mẽ vang trong không khí mát. Trên các nóc nhà bếp, những tia khói lam bay tỏa trong sương, quyện vào các khóm tre, khe lá.

Những cô gái quê sắp sửa quang gánh đem cơm cho thợ làm. Nhiều cô trẻ đẹp và hơi có tính lẳng lơ cũng sắp đem những nụ cười

tình tứ kèm với những câu vớ vẩn để quyến rũ bọn trai tơ. Vì thế mà sau mỗi mùa gặt lại có những chuyện tình duyên trai gái trong làng. Hết thảy các cô đều hớn hở, náo nức trong lòng duy một mình Hĩm là khác hẳn.

Tâm hồn Hĩm rạo rực, xao xuyến vì nóng gặp anh người nhà xinh trai. Từ ngày trở về quê mẹ, Hĩm sống trong chờ đợi. Chẳng sáng nào là Hĩm không thức dậy với hình ảnh người yêu. Tâm tình Hĩm thay đổi không chừng. Có lúc Hĩm đùa bỡn nghịch ngợm như trẻ thơ, có lúc Hĩm yên lặng ngồi trầm ngâm, có lúc Hĩm tai ác, chòng ghẹo trẻ cho đến khóc rồi cười ngặt nghẽo, có lúc Hĩm cau có gắt gỏng với hết thảy mọi người...

Mẹ Hĩm thấy Hĩm có nhiều tính khác thường, một hôm phàn nàn với Vót: "Bác ạ, cái Hĩm bây giờ làm sao ấy. Tôi sợ cứ thế mãi rồi cháu nó thành điên mất".

Vót cười gượng:

– Sao! Cái tuổi mười chín đôi mươi vẫn thế. Chẳng sao cả.

– Ngày xưa bác cũng thế ạ!

Vót cười:

– Cũng gần như thế – Thực thì Vót cũng cùng một ý tưởng như bà lý, sợ lâu ngày Hĩm thành điên, và đem lòng thương hại.

Nhưng rồi bà cũng quen mà chỉ nghĩ đến đời hiện tại của Hĩm. Bà giục Hĩm về với ông nghị, với con. Thoạt đầu Hĩm tỏ ý nhất định bỏ ông nghị, không bao giờ trở lại nữa. Sau thấy mẹ buồn vì mình. Hĩm khất lần, mai rồi lại mai.

Sáng hôm nay, khác hẳn mọi sáng, Hĩm trang điểm cẩn thận, lấy chiếc áo vải đồng lầm với chiếc quần nái mẹ vừa may cho, đem ra mặc rồi xăm xăm ra cổng.

– Đi đâu thế, con? – Bà lý lấy làm lạ thấy con ăn mặc, trang điểm hơn mọi ngày.

Hĩm dừng bước quay lại, tươi cười, nói:

– Con ra xem ruộng nhà lúa đã chín chưa để liệu ngày thuê thợ gặt.

– Ừ, nhưng con có nhớ ruộng nhà không?

Hĩm cười:

– Gớm! Sao lại chẳng nhớ! Mới vắng có ba bốn năm giời mà bu làm như lâu lắm rồi.

Hĩm thoăn thoắt bước mau. Mẹ Hĩm đứng cổng nhìn theo, nhủ thầm: "Trông con bé không đến nỗi vất vả khổ sở thì phải!". Hĩm chau mày mỗi khi gặp người chào Hĩm bằng cô nghị. Đến đầu làng, Hĩm quanh quẩn đi đi lại lại ngóng đợi. Một bà đội thúng đi chợ xa, dừng bước, hỏi: "Cô nghị đi đâu đấy?". Hĩm không bằng lòng trả lời buông thõng: "Tôi đi thăm đồng".

Bà kia chỉ tay, nói: "Ruộng bà lý ở tận đằng kia, sau Văn Chỉ cơ mà. Cô nghị nhầm rồi".

– Thế à! – Bà kia đi, Hĩm cười nhạt nhẽo.

Bỗng một bọn thợ ở xa đi lại, Hĩm chẳng thấy người yêu đâu. Một người quen chào hỏi:

– Cô nghị đi đâu sớm thế? – Hĩm không trả lời, nghĩ thầm: "Sao trong làng mình, họ trọng vọng cái chức nghị hờ hững của mình thế! Họ có biết đâu mình không bằng con ở nhà ông nghị". Và Hĩm nhếch một nụ cười đau đớn và chua xót...

Lại một bọn đằng xa, Hĩm đứng đợi với một ý tưởng thất vọng theo sau. Bọn ấy qua, Hĩm dằn lòng đợi bọn khác... cho đến khi trên đường cái chỉ còn lẻ tẻ một vài người đi chợ. Hĩm buồn rầu rẽ xuống bờ ruộng đi về lối Văn chỉ, thỉnh thoảng ngoái cổ lại xem họa may còn sót bọn nào chăng. Hĩm nhìn qua ruộng nhà một lượt, rồi chán nản trở về.

– Ruộng nhà gặt được chưa, con?

Hĩm cố làm ra vui vẻ, đáp:

– Chưa, bu ạ. Chừng dăm hôm nữa mới chín.

Rồi lảng xuống bếp giúp con ở làm cơm. Ba sáng liền, Hĩm cùng trở về với nỗi thất vọng, với cái vui gượng ngoài mặt. Cả ngày, Hĩm thờ thẫn như người mất hồn, động mó việc gì bỏ dở việc ấy. Mẹ Hĩm chiều con, không trách mắng, nhưng hôm nào cũng giục Hĩm về với ông nghị, để Hĩm lại khất lần: "Xong gặt thế nào con cũng về đằng ấy".

Một buổi chiều, vào lúc sâm sẩm tối, một anh thợ trai trẻ ăn mặc gọn gàng, vác đòn càn với hái đứng cổng gọi: "Có ai trong nhà cho tôi trọ một tối". Hai con chó sồ ra sủa. Hĩm mừng quýnh, chạy vội ra cổng, hai chân díu lại, suýt ngã. Hĩm bật ra một tiếng "anh" rồi tái mặt đi. Hĩm cảm động quá. Anh thợ mặt đỏ bừng, cặp mắt sáng quắc nhìn Hĩm chòng chọc.

Mẹ Hĩm ở trong nhà bước ra, đứng trên thềm hỏi:

– Ai thế, con?

– Bác thợ làm ở trên Hu Trì xin vào trọ một tối đấy bu ạ.

– Bảo bác ta sang trọ bên bà khán ấy. Nhà có cho ai trọ đâu.

Hĩm nhanh trí bịa đặt để lấy cớ giữ người yêu mong ngóng hằng tháng nay:

– Bu cứ cho bác ấy trọ, bu ạ. Con quen đấy mà. Mấy năm trước bác ấy vẫn gặt ở đằng ông nghị. Nhân tiện nhà còn hai thúng gạo chưa giã, để bác ấy giã thay vào công trọ.

– Ừ cũng được... Bác ấy có giã giúp ít nào thì giã chứ công với xá gì!

Anh thợ trẻ hớn hở đi vào, mồm leo lẻo:

– Được ạ. Cháu giã thì khỏe lắm, cả đêm cũng được, không chồn chân bao giờ. – Anh liếc nhìn Hĩm, nhếch mép cười ranh mãnh.

Hĩm đỏ mặt, cười theo, thì thầm: "Phải gió" và lườm anh chàng một cái rất tình. Giời chập choạng tối, bà lý chẳng biết gì hết.

Đêm ấy, Hĩm ngồi lỳ dưới bếp, vừa sàng sẩy vừa chuyện trò với anh trai trẻ giã gạo. Hĩm cười như nắc nẻ, nói như thánh phán, quên cả mẹ với hai em quanh quẩn gần đấy. Trong trí Hĩm không lúc nào nghĩ đến nỗi ngờ vực của họ.

Những lúc vắng, anh trai trẻ vừa giã vừa kể:

– Từ ngày Hĩm trốn đi, anh ngẩn ngơ nhớ, rồi chưa đầy nửa tháng, anh tìm cớ thôi, không làm cho ông nghị nữa – Anh ta nói thêm về cô em, con ông nghị: – Cô em xem chừng cảm mình lắm. Lúc mình ra đi, cô em đứng cửa nhìn theo, thờ thẫn cả người.

Hĩm bĩu môi, chê:

– Xấu như ma, ác như quỷ mà lại hay làm bộ.

Anh trai trẻ kể tiếp:

– Anh đã lên Cẩm Phả tìm đến người em họ làm mỏ. Người ấy đã xin được cho anh chân bắn cốt mìn. Anh đã nhận lời và xin khất đến sau mùa gặt.

– Em thấy nói bắn cốt mìn nguy hiểm lắm cơ mà. Sao anh lại làm công việc ấy?

– Họ nói thế chứ nguy hiểm quái gì. Với lại người ta làm được thì mình cũng làm được. rồi xem có công việc gì lợi hơn mình thay đi chứ sao.

Bà lý xuống bếp. Hai người nói lảng sang chuyện khác.

Bà lý nói:

– Khuya rồi, cô nghị đi nghỉ thôi. Bác giã xong chưa?

– Thưa cụ, cháu giã xong rồi. Cụ còn công việc gì để cháu giúp.

– Thôi thế bác cũng đi nghỉ để mai còn lấy sức đi làm sớm.

Bà thấy hai người thân nhau quá, sinh ngờ, nhưng bà nghĩ ngay: "Có khi nào!"

Hĩm đứng dậy vươn vai: "Chào bác Nghị" rồi quay lại cười với mẹ "Tên bác là Nghị đấy, bu ạ. Từ nay bu chớ gọi con là cô Nghị kẻo là nhầm vợ bác ta mất". Bà lý ngạc nhiên, nhìn người trai trẻ:

– Tên bác là Nghị à?

– Vâng tên cháu là Nghị! – Anh ta không dám nhìn Hĩm, cười, sợ mẹ Hĩm sinh nghi. Vì Hĩm bịa đặt ra thế chứ thực tên anh ta là Thu.

Sáng sớm hôm sau anh trai trẻ vác đòn xóc và hái ra đồng. Hĩm cũng xin phép mẹ đi thăm ruộng. Hai người song song vừa đi vừa nói những câu chuyện bâng quơ và cũng thấy nhẹ nhàng, khoan khoái.

Không khí trong như pha lê, cỏ cây xanh như ngọc thạch. Tiếng chim đua nhau hót thành một khúc đàn muôn điệu để hòa nhịp với tâm hồn phơi phới của cặp uyên ương.

– Anh đã có ai đón chưa?

– Chưa, anh cũng chẳng cần ai đón. Anh muốn cùng em suốt ngày lẩn vào các khe lúa. – Hai người nhìn nhau cười. Những nụ cười đầy ý nghĩa, Hĩm mê man không lưu tâm đến những tiếng chào "cô Nghị" của những người làng quen thuộc. Anh trai trẻ phát cáu, nói gắt: "Sao họ chào em bằng cô nghị mà em cứ để yên".

– Thây kệ họ. Ta rẽ xuống ruộng lúa cho rảnh mắt. – Lúc ấy cặp uyên ương vừa ra khỏi đầu làng. Chung quanh cánh đồng man mác. Những lũy tre xa xa như những cù lao xanh rì nhô lên khỏi mặt bể vàng chóe. Bầu trời lơ biếc với những khối mây trắng nõn như những nạo bông.

Cặp uyên ương tự trên đường làng rẽ xuống rồi biến vào trong bể vàng.

*

* *

– Hôm nay sao con về muộn thế? Trưa rồi còn gì.

– Con tạt vào chợ xem có tôm cá gì không để mua cho thợ làm vì mai ruộng nhà gặt được rồi đấy bu ạ. Con đã dặn bác Nghị với bốn người thợ nữa rồi.

– Ô hay! Thế mà con chẳng mua thứ gì về, mai lấy gì cho họ ăn?... Thôi được, để bu sang bác xã Khoan vay ít cá mòi khô cho họ ăn tạm bữa sáng cũng được. – Bà muốn chóng gặt xong để Hĩm còn trở về nhà ông nghị.

Sâm sẩm tối đã thấy anh trai trẻ vác đòn xóc cùng hái giở về. Hai con chó hình như đã quen hơi, cắn mấy tiếng rồi đi vào nằm mỗi con một xó. Đêm ấy cũng như đêm trước, câu chuyện của anh chị kéo dài cho mãi đến khuya.

Sáng hôm sau, Hĩm dậy thật sớm. Vả lại Hĩm trằn trọc suốt đêm có ngủ được đâu. Có lần Hĩm đã ngồi nhổm dậy, định mở cửa, liều xuống nhà ngang với anh trai trẻ, nhưng sợ mẹ biết lại thôi.

Hĩm chạy lên chạy xuống tươi như hoa, nhanh nhẹn như con vành khuyên, cười nói nhí nhảnh với hết thảy mọi người.

Ông lý, cả ngày hôm trước lẫn cả ngày hôm sau, ở lỳ trong đám khao ông cựu mới, đánh tổ tôm và hút thuốc phiện. Thằng Chút xin phép nghỉ học để đi coi lúa. Thấy chị nó vui vẻ, nó sung sướng lắm, lúc nào cũng quấn quít bên chị. Nó có biết đâu rằng nó đã làm ngăn trở chị nó. Một lần chị nó khó chịu phát gắt, cốp sẽ vào đầu: "Chút! không sắp sửa điếu đóm, bù dùi, cứ luẩn quẩn bên chị, mất cả công cả việc". Chút xoa đầu phụng phịu rồi vâng lời chị, chạy xuống bếp ngồi bên bù dùi. Bọn thợ gặt vừa đến ăn uống xong cùng anh trai trẻ và thằng Quy ra đồng. Hĩm cũng sắp quang gánh mang nước cho thợ làm. Hĩm không thể xa vắng người yêu, dẫu chỉ một chốc lát.

Mấy người thợ được cô nghị săn sóc lấy làm hãnh diện. Họ vẫn một điều cô nghị, hai điều cô nghị, làm cho Hĩm khó chịu nói: "Từ nay các bác đừng gọi tôi là cô nghị, tôi không thích đâu, cứ gọi tôi là chị Hĩm kẻo rồi – Hĩm nhìn anh trai trẻ cười – người ta lại nhầm tôi là vợ anh Nghị đây này". Mọi người nhìn anh trai trẻ. Một người nói: "Có, chúng tôi đâu dám thế!".

Anh trai trẻ cười nói: "Thì chúng ta cứ chiều lòng cô nghị, gọi là chị Hĩm cũng được". Anh ta ngồi ung dung trên bãi cỏ, gọi như hạch sách: "Chị Hĩm ơi! Rót cho tôi bát nước!".

– Dạ, thưa anh, nước đây ạ. – Và Hĩm cầm bát nước chè nóng nâng hai tay, cúi xuống đưa đến tận mồm: "Mời anh xơi nước".

Mọi người cười rất vui vẻ, rồi từ đấy họ cứ chị Hĩm mà gọi, trước còn ngường ngượng vì họ vẫn kính nể cô nghị, coi cô nghị như một bà cao quý lắm. Phải, cả huyện đã có mấy quan nghị. Gần bằng quan huyện cơ mà. Sau thấy Hĩm dễ dãi, nhí nhảnh, có phần lẳng lơ nữa, họ quen dần. Một anh trẻ nhất trong bọn dám bạo dạn ví von, suồng sã với cô nghị. Mọi khi anh trai trẻ hát xong, anh cất tiếng hát theo. Tiếng anh trong trẻo vang cả một khoảng đồng. Xa xa những tiếng hát khác vẳng tới như họa lại. Nhờ thế mà buổi gặt không đến nỗi tẻ.

Chiều. Phương tây đỏ ối như cháy. Một làn sương tỏa ra như bụi làm cho các màu dịu đi, mờ tối dần. Trên đường thợ gặt lũ lượt gánh lúa rảo về làng. Tiếng lúa đập vào nhau, rào rào như mưa.

Bọn thợ của bà lý đã về tới nhà, đương đập lúa trên những cối đá thùng và trên những vại đất úp. Bà lý đã mượn thêm ba cô giúp việc cho chóng xong để mai còn phơi phóng. Ba cô cầm những bó lúa đập rồi, rũ tơi và dàn ra khắp sân. Họ vừa làm vừa chuyện trò, đùa cười như nắc nẻ. Hĩm cũng nhập bọn để cười góp và nhất là để trêu ghẹo, cớt giễu bọn trai.

– Các chị hát lên!

– Cô nghị hát trước để chúng em theo – Và họ sung sướng được cô nghị nhập bọn.

– Ừ nhé! Tôi hát rồi các chị hát sau nhé! Nhưng mà các chị đừng gọi tôi là cô nghị cơ. Tôi không thích. Cô nghị ở đâu chứ ở đây không có cô nghị. Gọi tôi bằng chị Hĩm. Bảo ngoan nhé!

– Vâng, thế chị Hĩm hát đi! – rồi chị em khúc khích cười.

– Nào hát! – Hĩm đằng hắng mấy cái rồi cất cao giọng hát lanh lảnh. Hĩm hát lên bổng xuống trầm, hay quá. Bọn thợ vừa đập vừa lắng tai nghe. Chị em thì thầm: "Cô nghị hát khá nhỉ, chúng mình khó lòng theo kịp". Xong câu hát, Hĩm hát thêm: "Ba đồng... một quả hồng dài... Bên ấy có tài thì cất tiếng lên".

Bên trai yên lặng nhìn nhau cười. Hĩm hát tiếp luôn:

– Cất lên... một tiếng mà chơi... Cất lên tiếng nữa ăn cơi... giầu đầy. – Bên trai vẫn yên lặng. Hĩm nhìn anh trai trẻ giục: "Anh Thu! Anh Thu! Cất tiếng lên rồi chúng em đãi cơi giầu đầy". Bọn trai ngơ ngác nhìn nhau. Anh nào là anh Thu?

Anh trai trẻ nhận tên mình. Anh trẻ nhất trong bọn hỏi: "Sao ban nãy mình bảo tên mình là Nghị?"

– Ấy trước tên tớ là Nghị, rồi sau tớ làm cho ông nghị họ mới đổi tên tớ là Thu. Vậy Thu cũng là tớ mà Nghị cũng là tớ. – Nói xong anh cười ranh mãnh.

– Thế chị Hĩm giục đằng ấy hát thì đằng ấy hát lên.

– Sao lại chả hát, nhưng để tớ lấy giọng đã nào. – Nghĩ một lát rồi anh trai trẻ cất tiếng:

Hôm qua... anh đến nhà chơi...

Thấy "cậu" nằm võng thấy "cô" nằm giường...

Thấy em... nằm đất anh thương

Anh về... mua gạch bát tràng anh xây...

Hĩm cảm động, đứng đờ người ra, đăm đăm nhìn người yêu. Hĩm biết người yêu đã chú ý đổi hai chữ "mẹ cha " ra làm "cậu cô" để nhắc lại những đêm Hĩm ốm nằm dưới bếp và tiếp liền những đêm ân ái cùng nhau. Tim Hĩm đập mạnh, người Hĩm nóng ran, tay chân Hĩm bủn rủn và cặp mắt Hĩm sáng ngời, ướt lên, vì xuân tình bồng bột.

Người trai trẻ hát xong, anh trẻ nhất cất giọng hát liền theo. Anh ta hát trong hơn, dịu dàng hơn, nhưng Hĩm còn bận với tình yêu dạt dào trong lòng.

Chị em trở nên bạo dạn. Một chị chừng có tình ý với anh trẻ nhất, cất giọng hòa lại. Rồi tiếng hát từ chị nọ chuyền sang chị kia như một đàn chim ganh nhau hót.

Vót đi chợ Hộ về thấy tiếng hát bên hàng xóm, vội đi sang. Lũ cháu cũng theo sang với bà. Bà lý chạy ra mời ngồi trên thềm uống nước, ăn giầu, nghe hát. Lũ trẻ thích chí đuổi nhau, lăn lộn trên đống rơm tươi. Vót quát mắng: "Mẹ chúng mày vừa tắm rửa cho chúng mày đấy nhé. Liệu mà rồi lại cái roi vào đít". Nói thế mà Vót vẫn để mặc chúng nó đùa, quay vào nói chuyện làm ăn với bà lý, hoặc lắng tai nghe bọn thợ hát.

Ngày xưa còn trẻ, Vót rất thích hát đúm. Năm nào cũng vậy, cứ đến rằm tháng tám, Vót nhập bọn với chị em đi sang làng Tiên hát giải. Bọn gái được Vót, sung sướng, phấn khởi như mở cờ. Bọn giai thấy Vót, đâm ra nát đảm, nhụt cả nhuệ khí. Vì anh em đã biết tiếng, Vót đứng đầu bọn nào là bọn ấy đất giải. Từ ngày Vót đi lấy

chồng, ít khi thấy Vót đi hát đúm và khi đã có tuổi, có con cái, Vót nghỉ hẳn nhưng vẫn thích nghe hát.

– Sáng mai các bác sang bên tôi gặt hộ vài buổi nhé. Cả ba cô nữa. Rồi tôi treo giải thưởng. Bên nào được, tôi đãi cơi giầu đầy.

Ba cô thích chí cười khúc khích. Một cô bạo dạn nói:

– Xin cụ cho cả cô nghị nhập bọn chúng cháu, không có chúng cháu thua mất.

– Ừ, cả cô nghị nữa càng hay. Bọn giai họ những năm người kia mà.

Hĩm đang cúi xuống rũ rơm, đứng thẳng người lên, cười nói:

– Thưa bác, cô nghị không biết hát, chỉ có cháu Hĩm của bác biết hát thôi, bác ạ.

Vót cũng cười:

– Ừ thì cháu Hĩm... Cháu Hĩm cũng sang hát góp cho vui nhà.

Một cô trong bọn nói để lấy lòng Hĩm:

– Có cô nghị vào thì bọn chúng cháu chả sợ thua.

Hĩm chau mày, gắt sẽ:

– Nghị, nghị nào ở đây. Rõ khéo nhà chị này.

Chị kia cười, cũng nói sẽ:

– Ừ thì chị Hĩm. Cô nghị khó tính quá nhỉ.

Bà lý vui lây, quay ra nói với cả mọi người:

– Các người này! Bà xã nhà tôi hát hay và giỏi lắm đấy. Ngày xưa bà ta đi giựt giải bốn năm lần.

Vót thủng thỉnh đáp lại:

– Có thế thật. Nhưng bây giờ già quên nhiều câu hát rồi. Khó lòng mà địch được các bác ấy.

CHƯƠNG VII

Có tiếng người lạ gọi cổng. Hai con chó sủa ran. Bà lý đương ngồi nói chuyện với Vót trên phản quay ra bảo Chút: "Chút! Ra xem ai ở ngoài?"

Chút chạy ra, một lát theo người lạ vào. Hai người cùng đứng dậy chào. Bà lý trông khách quen quen nhưng chưa nhận ra ai. Vót đăm đăm nhìn người lạ, tự nhủ thầm: "Họ đến tất có việc gì can hệ".

Khách tự giới thiệu: "Tôi là em ông nghị Thịnh Cầu".

Bà lý vui vẻ: "À, thảo nào mà tôi trông ông quen quen. Mời ông ngồi chơi tạm trên phản. Nhà chật chội quá, ông tha lỗi. Chút! Chạy xuống bếp nấu cho bu ấm nước. Cho nhiều chè vào nhé".

Vót sực nhớ đến Hĩm, đến tính nết Hĩm thay đổi hẳn từ ngày có anh thợ trai trẻ đến trọ và đoán chắc thế nào cũng có sự chẳng lành xảy ra cho bà lý.

Bà lý tính hồn nhiên, không hay nghĩ xa, vẫn vui vẻ hỏi chuyện: "Ông đến chơi hay có việc gì đấy. Ông nghị bà nghị và cả nhà vẫn bình an đấy chứ?"

Khách trả lời nhạt nhẽo: "Vâng, bình an như thường. Ông lý đâu, bà?"

Bà lý hớn hở: "Thưa ông, ông lý tôi ra đình họp việc giáp. Có cần lắm thì để tôi cho trẻ nó đi tìm về".

Khách nhếch mép cười, có vẻ mỉa mai:

"Cũng hơi cần. Nhưng mà thôi cũng được. Có bà đây là đủ".

Vót vẫn ngồi yên lặng đăm đăm nhìn khách. Trán Vót có dáng suy nghĩ. Bà lý hình như đã nhìn thấy sự chẳng lành trong cặp mắt và trong giọng nói bí mật của khách. Bà đương vui, bỗng trở lại nghiêm nghị và hơi có vẻ buồn. Ba người ngồi yên. Không ai nói với ai câu nào nữa. Không khí lãnh đạm bao phủ. Bà lý khó chịu, muốn biết ngay công việc của người khách ít nhời, bèn hỏi: "Ông đến có việc gì thế?" Câu ấy, bà lý đã hỏi từ lúc khách mới đến, nhưng hai giọng nói khác nhau xa. Giọng ban nãy nhiễm đầy vẻ hoan hỉ mặn mà. Giọng bây giờ có vẻ lãnh đạm và bực tức.

Khách cũng bỏ cái giọng rụt rè và quả quyết nói một cách sống sượng, hơi có vẻ tàn nhẫn: "Cô con gái bà đã trốn theo anh người nhà bác nghị tôi". Câu nói đột ngột đập mạnh vào óc bà lý như búa bổ. Bà lý tái mặt, đầu choáng váng. Bà phải dựa lưng vào chiếc hòm gian cho khỏi ngã. Hơi đầy lên tận cổ làm cho bà khó thở, suýt ngất đi mấy lần. Dần dần bà như người mất trí khôn; ngồi đờ ra nhìn chòng chọc. Bà vẫn yên trí rằng: Con bà đã trở về nhà ông nghị. Từ ngày Hĩm cùng anh trai trẻ đi rồi, nhà bà trở lại quạnh hiu, tẻ ngắt. Nhưng bà tự an ủi, thấy con mình đã có con giai và đứa con ấy sẽ đem lại cho con bà ít hạnh phúc để đền bù những nỗi cực nhục đau khổ hàng ngày. Bà có ngờ đâu.

Vót thấy bà lý ngồi tiếp chuyện khách. Thấy cái vẻ mặt khinh khỉnh của khách, Vót đã có ác cảm ngay từ lúc đầu và trả lời lại bằng một giọng thản nhiên như để khiêu khích: "Cái đó cũng chẳng lấy gì làm lạ vì tôi nghe thấy cháu nó bị bà nghị nhà ông hành hạ quá quắt lắm".

Khách không bằng lòng, hỏi: "Tôi hỏi khí không phải, bà với bà lý là thế nào?"

Vót ung dung đáp lại: "Tôi với bà lý là chỗ chị em".

– Thế thì bà nghe người ta nói ngoa đấy. Bác nghị tôi chiều chuộng cô ta lắm.

– Tôi chẳng biết ngoa hay không, nhưng cháu về tôi trông thấy cháu tiều tụy quá.

Bà lý đã hồi lại, hỏi sang:

– Bây giờ ông nghị định sao?

Người khách quay sang tiếp bà lý:

– Ông nghị tôi xin bà cho lại cái số tiền cưới, tiền cheo, tiền chè cau và năm mươi đồng ông nghị tôi đưa cho ông lý, tính ra tất cả hai trăm rưởi.

Vót cười khinh bỉ, nói đỡ lời bà lý:

– Ý chừng ông nghị, bà nghị tính cả lãi mười phân vào nữa mới đến ngần ấy... Ừ, cho dẫu ông lý có lấy thêm năm chục nữa cũng chỉ đến trăm sáu, trăm bảy là cùng. Ông cứ tính xem, một trăm bạc cả cheo lẫn cưới. Cau chè cho đắt lắm cũng đến mươi đồng thôi chứ mấy. Có thế thôi, lôi đâu ra nữa cho tới hai trăm rưởi? Chả trách ông nghị bà nghị giàu là phải.

Khách có vẻ sượng, nói thoái thác:

– Tôi không hiểu. Là ông nghị dặn tôi đến đòi ngần ấy thì cũng chỉ biết thế thôi.

Vót nói lại:

– Ngày cưới Hĩm, chính ông đem lễ đến mà ông lại không biết, ông chóng quên quá.

Khách tức giận:

– Ừ thì trăm bảy. Bà lý giả để tôi mang về cho ông nghị. Bà phải biết, ông nghị tôi nể ông bà là chỗ tử tế, chứ người khác thì ông nghị tôi chỉ viết một cái giấy lên quan là con gái bà bị giam ngay.

Bà lý sợ con gái bị giam lại càng thêm khổ cực cho con bà lẫn bà. Bà đứng dậy định lấy tiền giả. Vót ngăn lại, nói:

– Cheo cưới hẳn hoi, lúc giả cũng phải có chữ của ông nghị đã chứ. Được! Ông cứ về. Rồi mai kia chúng tôi đem tiền đến giao tận tay ông nghị.

Khách cãi lại:

– Thế khi xưa ông nghị có giao tận tay ông lý bà lý không?

Vót vẫn cứng:

– Nhưng mà lúc ông mang lễ đến, có đông đủ mọi người. Vậy thế nào cũng phải có chữ ông nghị. Với lại ông nghị còn phải cho chữ cháu tôi đi lấy chồng kia mà.

Khách đuối lý, đứng dậy cáo thoái. Lúc khách ra rồi, bà lý thở dài nói với Vót bằng một giọng đầy chán nản:

– Tôi có ngờ đâu. Thật hết khổ về chồng lại khổ về con. Sao lại không chết quách đi cho rảnh.

Vót giở lý ra để tìm cớ an ủi bạn:

– Thế là may cho con gái bác đấy. Nếu nó còn ở trong cái nhà ấy, bị hành hạ mãi rồi cũng đến chết yểu mà thôi. Tôi cho là con bé thoát nợ và bắt đầu sung sướng rồi đấy. Thế mà nó sung sướng thì mình mới sung sướng chứ!

Bà lý thở dài:

– Bác tính nó bôi gio bôi nhọ vào mặt mình còn sung sướng nỗi gì... Còn cái gì nhục bằng con gái trốn chồng theo giai.

Vót có tính liều lĩnh bạt mạng, cãi lại:

– Thì đã làm sao?... Chồng, chồng già cốc đế thì bỏ cũng chẳng tiếc. – Nói câu ấy, Vót tưởng như mình là cái Hĩm vừa bỏ ông nghị để kết duyên với anh chàng trai trẻ.

Bà lý nhấc hai chân đặt lên phản ngồi, hai cánh tay choàng lấy đầu gối:

– Bác chỉ bênh nó chầm chập. Nó đã vậy thế còn danh giá họ hàng nhà nó thì sao? Ai đứng ra mà chịu lấy những lời dị nghị, những giọng mỉa mai, những cái cười chế giễu của hàng xóm?

Vót khó chịu, cãi lại:

– Bác này câu nệ và cố chấp quá. Cháu nó bỏ một lão già mà đi lấy một anh trai trẻ bằng vai phải lứa thì việc gì đáng dị nghị, đáng

chê cười. Bác chỉ biết giữ danh giá cho bác, còn con nó đau, nó khổ, mặc kệ nó ư? Tôi thì tôi không thể thế được. – Nói xong, Vót cũng đặt hai chân lên phản ngồi, hai cánh tay choàng lấy đầu gối, nhìn thẳng ra phía cửa.

Bà lý thở dài:

– Nếu nó lấy người ta mà có cheo có cưới hẳn hoi thì còn nói gì. Đằng này nó lại...

Vót ngắt lời, nói gắt:

– Bác muốn có cheo có cưới hẳn hoi để khỏi mang tai, mang tiếng với làng với nước thì khó gì, viết giấy gọi chúng nó về mà cheo mà cưới. – Vót liếc nhìn thấy bạn buồn thiu, thương hại:

"Bây giờ thì chúng mình hãy tạm giữ kín. Mai kia tôi với bác đi đến đằng lão nghị giả của cho xong đã".

Sáng hôm sau hai người đi đến ông nghị. Lần này không như lần trước, hai người được ông nghị, bà nghị ra tiếp ngay. Vót nghe Hĩm kể lại, đã biết tính bà nghị hay ưa phỉnh, nịnh khéo, bớt được năm chục bạc của ông nghị đưa ngầm cho ông lý, chỉ còn phải hoàn lại có trăm hai tiền cheo cưới và tiền chè cau.

Lúc hai người vừa trở ra, trong nhà ông nghị đã thấy om sòm. Tiếng bà nghị quát tháo, tiếng ông nghị cãi lại dóng một. Vót đắc chí, cười một mình.

*

* *

Từ ngày bà lý bước chân ra khỏi nhà mẹ đẻ để gánh vác giang san nhà chồng, bà đã trải biết bao nỗi khổ, nào khổ vì mình, nào khổ vì chồng, nào khổ vì con, nào khổ vì những người chung quanh, nhưng chỉ là nỗi khổ, nỗi khổ chung của phần nhiều người cùng một số phận như bà. Nhưng nỗi khổ ấy còn có thể lấy chút hy vọng về tương lai làm phương thuốc bổ cứu được. Lần này, không những bà khổ, bà còn bị nhục nhã ê chề, bà còn bị một vết thương đau đớn mà bà cho là không bao giờ hàn gắn được. Chao ôi! Còn gì nhục nhã nhơ nhuốc cho thanh danh một nhà bằng cái tội con gái trốn chồng theo giai. Thôi thế là từ nay bà há miệng mắc quai, như câm như điếc. Bà chẳng còn gì mà kiêu hãnh với ai. Nghĩ đến lúc nào, bà lại thâm gan tím ruột, nghẹn ngào, uất lên tận cổ. Bà gào thét, xỉa xói vào khoảng không như thể bà gào thét, xỉa xói trước mặt con bà: "Đồ khốn nạn!

Đồ quạ mổ! Đồ voi dày! Mày giết mẹ mày, mày giết cả gia đình nhà mày...". Nhưng mỗi khi cơn uất của bà đã hả thì một ý nghĩ xuất từ bản tâm bà, có thể nói, một ý nghĩ chung của nhân loại tiếp liền sau: Hĩm trẻ, Hĩm đẹp, Hĩm là một cô gái có tình yêu tha thiết như mẹ Hĩm ngày còn xuân, như hết thảy các cô gái mới dậy thì. Ý nghĩ ấy bắt buộc bà nhớ đến câu chân thật của Vót độ nào: "Chồng già cốc đế thì bỏ cũng chẳng tiếc". Bà tủm tỉm cười tự nhận là tấm lòng bà cũng vậy. Hiện thời, nhờ cái tuổi gần như cằn cỗi, bà cho là người ta có thể vì danh giá, chịu yên phận sống chung đụng với một ông lão cho đến chót đời, chứ khi xưa, bằng tuổi Hĩm, vị tất bà theo được, mà vị tất đã nghĩ thế.

Bà đã giáp mặt ông nghị, bà đã thấy ông nghị của con bà già chẳng kém gì chồng bà, bà đã thấy mặt bà nghị quăm quắm như mắt diều hâu, bà đã thấy hai cô gái ông nghị dữ tợn và to béo như lợn ỉ. Hĩm lọt vào nhà ấy khác nào con chuột sa vào cũi mèo. Thế thì Hĩm chịu sao nổi mà chả phải trốn đi... Ừ thì trốn đi, nhưng nào ai bắt Hĩm phải theo giai để đến nỗi nhục nhã, nhuốc nhơ cho thanh danh nhà bà. Nhưng mà... nhưng mà lòng Hĩm của bà chứa chan tình yêu, mà anh người nhà xinh trai lại tử tế với Hĩm quá anh em ruột thịt. Nếu Hĩm thú thực với mẹ Hĩm rằng: Hĩm đã ốm mê man, nằm xó bếp và anh người nhà xinh trai đã chăm nom săn sóc thuốc thang, nếu Hĩm thú thực rằng: tình yêu tha thiết của anh chàng đã cảm phục được trái tim non nớt của Hĩm... Dẫu sao thì sự kiêu hãnh bề ngoài của bà, dẫu sao thì cái danh giá của bà trong cái xã hội chuộng hư danh này cũng đã làm cho bà uất ức mà thành một người tàn nhẫn mất cả nhẽ phải. Vì thế, trước mặt mọi người bà vẫn nguyền rủa, sỉ nhục người con yêu quí của bà. Nhất là, nhìn thấy những nụ cười mỉa mai của họ, bà lại càng uất ức, nguyền rủa, sỉ nhục thậm tệ hơn. Nhưng, lần nào cũng vậy, sau một hồi suy nghĩ, bà trở lại thương xót Hĩm và cầu cho Hĩm được suốt đời sung sướng với anh người nhà xinh trai. Hai ý nghĩ tương phản luôn luôn theo đuổi nhau. Một đằng uất ức vì mất danh giá, một đằng thương xót Hĩm vì số phận hẩm hiu. Sau cùng bà nghĩ chỉ còn một cách, là mua chuộc lại danh giá bằng cách làm giàu. Phải nhất quyết làm giàu. Giàu rồi bà sẽ gắn những miệng loa mép giải bằng cách cho vay bỏ lửng, bà sẽ gây dựng cho con cái bà nên ông nọ bà kia, có vai vế trong làng. Rồi tự khắc tai tiếng con bà sẽ một ngày một mất dần cho đến ngày không còn vết tích nữa.

Vì thế cữ nọ Vót sang rủ bà đi buôn tơ lụa, bà ưng ngay. Chí làm giàu đã đổi hẳn tâm tính bà. Rụt rè, bà trở nên quả quyết, cả nể, bà trở nên cứng cỏi. Chẳng trừ ai, rộng rãi trong sự ăn tiêu, mua bán, bà trở nên khe khắt, chắt bóp từng li từng tí. Bà không cần miệng thế. Bất cứ việc gì, hễ lợi lộc, hễ nẩy ra tiền là bà làm tuốt. Nhiều khi mê man làm giàu, bà đâm ra cay nghiệt với cả chồng con, với cả tôi tớ trong nhà. Đến như Vót đã biết rõ tâm tính bà từ chân tơ, kẽ tóc mà còn phải khó chịu, kêu lên: "Bà lý ơi! Tôi xin bà, việc gì cũng vậy, nên vừa vừa phải phải, bóp nạnh người ta lắm còn hòng đâu để phúc cho con cái về sau".

Bà lý cười chua chát: "À chào! Chẳng gì bằng tiền".

Vót cười nhạt, giọng khinh bỉ: "Phải, ai không biết bà muốn làm giàu. Nhưng giàu mà không có nhân có nghĩa thì cũng bằng thừa. Giàu như thế nhất định đây không phục".

Bà lý sợ Vót đem lòng chán ghét mình, vội phân trần: "Thế thì bác chưa hiểu bụng tôi. Tôi cần phải giàu đã, rồi bác xem, tôi sẽ nhân nhượng tử tế với hết mọi người".

Vót không phục, cãi lại: "Thế thì sao bác không vừa làm giàu vừa nhân nhượng tử tế với hết mọi người có hơn không".

Bà cười chua chát: "Bác tính đã nhân nhượng tử tế thì có mấy khi giàu. Vả lại tôi còn muốn chóng giàu để...". Bà không nói dứt câu, nhưng từ đấy bà vẫn nể Vót, không dám làm việc gì quá đáng mà Vót đã can ngăn.

Trong bốn năm buôn bán tần tảo, ăn nhịn để dành, bà đã nổi tiếng nhất nhì trong xóm.

Tiếng bà lý xóm trong đã lừng lẫy khắp làng và tiếng xấu của con gái yêu bà đã hầu như vùi lấp trong đống tiền của bà, không ai còn nhìn nhận thấy nữa.

Mảnh vườn và cái ao đằng sau, bà đã chuộc về được, bà lại tậu thêm vài sào đất ở gần đấy để sau này bà dựng cơ nghiệp cho thằng Chút, đứa con út mà bà ưa hơn cả các con. Bà đã định lo cho nó chức cán xã. Nó nhất định không bằng lòng, ngỏ ý muốn ra đăng lính để sau này lên cai, lên đội. Nó còn hy vọng lên đến chức vệ úy như ông nó mà nhiều người trong làng thường tâng bốc lên chức cụ lớn. Cứ như số tử vi của nó, người ta cho nó có thể làm đến chức cao quý ấy. Mẹ nó cũng mong cho nó được thế, nhưng lại không muốn xa nó lúc nào.

Anh nó – thằng Quy, một đứa con mà bà vẫn ghét bỏ – đã làm nên chức phó lý, hơn cả chức thầy nó. Bà đã chịu bỏ ra một lúc sáu trăm bạc để được tiếng "con hơn cha nhà có phúc". Bà phiền lòng vì tính nó bủn xỉn, keo kiệt, làm cho chức nó giảm xuống nhiều, không được mấy người trọng vọng. Giá chức ấy vào tay thằng Chút... Bà cố dằn lòng đợi. Ba năm nữa, khuyết lý trưởng, thằng Chút sẽ ra nộp đơn, còn ai dám tranh giành vào đấy. Lúc ấy con bà sẽ thuần thục, tất bà bảo phải nghe. Hiện giờ nó như con ngựa bất kham, khó lòng dìu dắt được.

Nhưng chưa được ba năm thì ngày tuyển lính đã đến. Bà nơm nớp lo sợ. Vắng thằng Chút một lúc lâu, bà đã cho thằng anh đi tìm về. Bà đến ông hội, ông lý, cho mỗi người một ít quà để nói với họ đừng cắt con bà ra lính và nếu con bà cứ nằng nặc xin ra, cũng nhất định đừng cho. Bà chắc con bà không còn cách nào, nên buổi chợ Hộ, bà yên trí đội thúng cùng Vót ra đi.

Chiều về, bà không thấy thằng Chút đâu. Bà hỏi thằng anh thì thằng anh không biết. Bà vội vã đi khắp làng, vào bất cứ nhà nào để hỏi thăm con. Có người thấy nó nhập bọn với bảy tám trai làng đi lên huyện đăng lính. Bà thở dài trở về, trong trí còn hy vọng rằng: nhờ có ông lý, ông hội, con bà sẽ không được vào tới cổng huyện, hay không có tên trong sổ đăng lính. Bà nhắc lại ý nghĩ, nói to cho tâm trí được yên ổn: "À chào! Cu cậu có đi cũng vô ích. Ai cho phép, ai cắt dẫn, ai cử đi mà đi mới được chứ!".

Bà nói ra miệng như vậy, song tâm linh bà vẫn bảo trước: con bà sẽ tìm cách vào được trong huyện và sẽ được đăng lính. Một anh trai lực lưỡng, tráng kiện, ngực và bắp thịt nở như pho tượng lực sĩ, đôi mắt sáng như gương, cặp môi đỏ như son hồng thì làm gì không đắt.

Bà nóng ruột đợi. Mãi sáng hôm sau mới thấy Chút về, mặt tươi tỉnh, cười nói vang nhà.

– Mày đi đâu thế Chút? Tao lo sợ suốt đêm không ngủ.

Chút đứng thẳng người, ưỡn ngực như một anh lính đứng "ga-ra-vu", một tay đập vào ngực, nói:

– Con cao nhớn lực lưỡng thế này mà bu còn coi như một đứa bé bỏng vậy. Con lấy làm xấu hổ quá.

Bà lý không cười, buồn rầu, nhắc lại:

– Mày đi đâu cả ngày hôm qua, mãi nay mới về?

– Con đi lên huyện đăng lính.

– Ai cắt đến mày mà mày đi?

Chút vừa cười vừa nói:

– Con cắt con đi.

Bỗng ngoài cổng có tiếng chó sủa. Chút để mẹ đấy, chạy ra. Ông Lý đi vào.

– Kìa ông Lý! Ông ngồi chơi – Bà lý mời.

– Anh Chút! Anh tệ quá. Anh làm quan mắng tôi mất mặt.

Chút cười:

– Thì ai bảo ông nhất định không cắt cử tôi? Ấy là tôi còn nể ông đấy. Tôi mà nói thực ra thì ông đã bị khiển trách nữa ấy chứ lại.

Mẹ Chút trách ông Lý:

– Thì sao ông không cấm nó, đừng cho nó đi có được không?

– Nào tôi có biết anh ấy nhập bọn đâu. Đến cổng huyện tôi hỏi, anh ấy bảo anh ấy đi xem tuyển lính. Tôi có ngờ đâu anh ấy táo gan quá thế.

Chút táo gan thật. Nó lẻn vào trong đám đông, cởi áo quần rồi chen vào đứng xếp hàng trước mặt ông Giám binh, ông Huyện và một người đội khố xanh.

Ông Giám binh khám cẩn thận từng người, vành mắt, nắn bụng, nghe ngực, xem tỉ mỉ từng cái sẹo. Đến lượt nó, ông vỗ vai khen: "Tốt! Tốt!", rồi quay vào nói chuyện bằng tiếng Pháp với ông Huyện, tỏ ý chưa bao giờ thấy một người được đủ mọi vẻ như nó. Người đội nói chêm vào: "Anh này chẳng xem cũng biết trước là đắc dụng". Chút đắc chí, kiêu ngạo, đứng mã binh, thẳng người ưỡn ngực như khi nó đứng trước mặt mẹ nó ban nãy. Người đội mở sổ, hỏi tên.

– Tên anh là gì?

– Tôi tên là Chút, mười chín tuổi...

– Sao trong sổ không có tên anh? Lý trưởng đâu? – Người đội mở quyển sổ ghi tên ra trước mặt ông Giám binh nói nhỏ. Ông Giám gắt, quát to: "Lý trưởng!". Ông Lý, mặt tái mét, chạy lại, chân tay run cầm cập. Chút thương hại, nói đỡ:

– Bẩm quan lớn, thầy Lý con có cắt con đi. Có lẽ thầy Lý con quên, không biên tên con vào sổ.

Cuộc kiếm binh đến mãi năm giờ chiều mới xong. Bọn ông Lý chín người được bốn.

Bà lý thở dài mắng con:

– Chút ạ, mày thế thì tệ thật. Mày không thương tao tí nào.

– Ô hay! Sao con lại không thương bu?

– Mày thương, sao tao bảo, mày không nghe.

Chút rầu rầu nét mặt:

– Nhưng con thích ra lính. Con mà không được làm lính thì con khổ lắm. Nghĩ một lát, nó nói tiếp: "Vả lại, trong số tử vi của con, bu đã biết, con mà không ra lính thì chẳng làm nên trò trống gì".

– Ai bảo mày chẳng làm nên trò trống gì. Tao định hai năm nữa, ông Lý đây từ dịch, tao sẽ lo cho mày chức lý trưởng.

Chút không bằng lòng, chau mày:

– Con không thích làm ông lý. – Nó định nói: "Con thèm vào làm ông lý toét".

Ông Lý phật lòng, nói kháy:

– Phải, đã dễ đấy. Mất bao nhiêu công của và phải thạo việc quan mới làm được lý trưởng chứ... Vả lại, ở đời, mỗi người một phận.

CHƯƠNG VIII

Gái em hớn hở chạy sang: "Bẩm bác, anh vệ Chút đã về".

Mấy hôm trước, hôm nào cũng có một vài người lính nghỉ phép về làng. Bà lý bắt đầu mong con. Bà nóng ruột đứng ngồi không yên. Bà nhớ con quá. Gái em cũng vậy, tuy không bao giờ dám nói ra miệng. Gái mến Chút ngay từ ngày còn nhỏ. Cũng như tính Chút, Gái thích chạy nhảy, chơi ba ba, thuồng luồng. Mỗi khi Chút phải làm thuồng luồng, Gái định tâm chạy chậm lại để Chút chộp được. Chẳng hiểu Chút có biết ngực Gái hồi hộp thở mạnh mỗi khi Chút ôm được không? Gái thích những thú chơi mạnh mẽ của con giai, nhưng thực thì những trò chơi nào mà Chút thích. Có lần Gái dám nhập vào bọn con giai chơi kéo co nữa. Cố nhiên là Gái về đằng Chút và đứng sát cạnh Chút. Nhiều người thấy thế đến mách Vót, nhưng Vót để mặc chẳng đe dọa gì cả. Khi xưa, còn bé, Vót cũng nghịch ngợm như vậy.

Lúc Gái chạy sang thì bà lý đương phơi những tấm lụa mốc ra ngoài nắng. Bà bỏ đấy, chạy vội ra cổng.

Chút ăn vận hoàn toàn như một người lính Pháp. Mũ "cát" vàng, quần áo "ka ki" mặc ních vào người. Chiếc giày da có khóa đồng bóng sáng như vàng, thắt ngang lưng, làm cho bộ ngực nở sẵn của Chút càng nở thêm. Đôi giầy "săng đá" da dầu, gót đanh, nện xuống đường gạch cồm cộp. Đôi xà cạp nỉ màu lá úa quấn chặt lấy bắp chân, làm tăng vẻ lanh lẹn, cứng cáp của Chút. Cái "túi dết" vải vàng đeo từ vai bên nọ xuống háng bên kia, Chút đi theo kiểu nhà binh, bước những bước dài bằng rưỡi bước thường.

Chút giơ tay lên giời, xòe bàn tay ra, kêu "Ha ba! Bu!". Chút đã có giọng nói ở đâu mang về. Đến trước mặt mẹ, Chút đứng thẳng người ưỡn ngực, khuỳnh tay chào lối nhà binh: "Bông sua bà đầm!". Bà lý ngây người nhìn con, cười. Tâm trí bà rối loạn vì cảm động quá.

Lũ trẻ hàng xóm chạy lại đứng xúm quanh. Một thằng thích chí cười nói: "Bác ấy làm hay nhỉ, chúng mày nhỉ!"...

Một thằng khác ra mặt thạo, vênh lên nói: "Người ta chào lối Tây đấy!"

Chút quay lại cười: "Lối phăng xe đấy!... Kìa! Chị Gái". Chút đã nhìn thấy Gái, Gái đỏ mặt. Hàng răng trên đều đặn và đen nhánh cắn sẽ lấy môi dưới. Gái xấu hổ, nhưng lòng Gái hồi hộp sung sướng.

– Vào trong này, con. – Bà lý muốn một mình ngồi ngắm con cho thỏa thích, bà vừa nói vừa đi vào. Chút bước theo. Nó phải bước chậm lại để khỏi lấn bước mẹ. Lũ trẻ lẽo đẽo theo sau. Gái đứng ngẩn ngơ một lát rồi cũng vào nốt. Vợ chồng Vót, rồi anh Hương, anh Quản, rồi hàng xóm, rồi họ hàng chung quanh đến đông chật nhà. Bà lý đành phải để con bà tiếp khách vậy. Rồi chốc nữa thế nào chả có lúc bà được ở lại riêng một mình với nó.

Họ tranh nhau hỏi chuyện Chút và chuyện của Chút toàn là chuyện lạ tai. Thoạt đầu Chút kể các cách sinh hoạt của lính. Nào những đồ ăn toàn thịt bò, thịt lợn, món nấu, không mấy khi có rau muống, nào quần áo bốn năm bộ, giặt toàn ở thợ là. Đêm đến mỗi người nằm một giường. Ăn uống thật đúng giờ. Đến giờ ngủ mà không ngủ, phải phạt. Sáng nào cũng tập thể thao rồi mới đi làm các việc. Nhiều anh nghe Chút kể mà thòm thèm. Những anh trai trẻ tiếc không ra lính để được ăn thịt bò, thịt lợn thả cửa.

Chút kể đến những giờ nghỉ, đi chơi. Ông quan hai đứng xem xét y phục từng ly từng tí. Đôi giầy, dây lưng không được bóng, ông bắt đánh kem lại. Quần áo không được trắng, được sạch phải phạt. Cúc nó không bao giờ được thiếu một cái. Ông thường chỉ bảo cặn kẽ: Ra đường không được ghẹo gái, hay đuổi nhau hét bô bô. Không được la cà vào các hàng nước. Không được lê la nghe những chuyện nhảm. Có khát chỉ được vào hàng "cà phê" và cấm không được uống rượu.

Một người trong họ ngắt lời: "Chắc là rượu ta đấy chứ. Vì tôi vẫn nghe thấy nói lính Tây say rượu".

Phải, rượu ta, nhưng rượu Tây cũng chỉ được uống một cốc là cùng. Say mà bí béng ngoài phố, quan trên bắt gặp thì "đơ dua đờ boát" là ít. Có khi "toa, cách, sết dua" nếu tội nặng hơn, như ghẹo gái hay hỗn xược với người trên chẳng hạn.

Vót cười sằng sặc, nói với bà lý: "Anh ấy nói tôi chẳng hiểu gì cả. Cái gì là toa, cái gì là cách, là sết".

Một anh ra điều thạo chữ Tây, giảng nghĩa cho mọi người: "Đơ là hai, toa là ba, cách là bốn, sết là bảy, dua là ngày, vị chi là hai ba, bốn, bảy ngày".

Một anh biết anh kia hay chữ lỏng, hỏi xỏ: "Thế boát là gì, bác?". Hỏi xong, anh ta mỉm cười, biết trước là anh kia sẽ câm tịt.

Anh kia đỏ mặt, nói gượng: "Boát là... Boát là gì nhỉ, anh Chút?".

– Boát là... Đơ dua đờboát là hai ngày tù, ngồi ró một mình trong buồng vừa kín vừa hẹp. Có khi chỉ được dùng "ri xếc" hay "banh xếc".– Rồi Chút kể tiếp. Lúc nó kể đến những cuộc bắn bia, tập trận, mọi người thấy hay hay, chăm chú nghe... Chút dùng những tiếng Tây "mannớp, bachui, săngtimen, mitayơ, tăngxê...". Chẳng ai hiểu gì. Có tiếng người ta hỏi: Chút cũng không biết nghĩa nốt. – Hay nhất là cuộc tập trận, có khi bắt được cả bọn hàng hai ba chục anh. Chúng tôi bắn hay trúng. Số bị thương hoặc chết bên quan quân nhiều quá.

Bà lý hoảng hốt, kêu: "Bắn chết à, con?".

Chút cười: "Chết giả đấy chứ!".

Một vài người tò mò, hỏi: "Vậy làm thế nào mà biết được bị thương hay chết?"

– Đã có lệnh từ trước chứ. Thí dụ như ai bị vết đạn trúng giữa mũ hoặc vào mặt, vào cổ, vào ngực thì phải nằm giả chết, còn vào

tay, vào đùi, hay vào những chỗ không phạm thì bị thương, phải nằm đợi người đến vác đi, hoặc đem "băngca" đến mang đi.

– Ô hay! Thế đạn giả cũng có vết à?

– Có thứ. Vào mặt, vào tay sám đen, rát như phải bỏng.

Vài anh trai trẻ thì thầm với nhau:

"Thú nhỉ!"

Chút nghe thấy, bĩu môi: "Phải, thú. Các anh thử xem đây rồi sẽ thấy có thú không?". Nói đoạn, Chút nằm sấp xuống, duỗi thẳng như khúc gỗ, mũi giầy thúc xuống, đi bằng hai khuỷu tay chống trên đất.

Mọi người vội kêu: "Thôi, thôi, bác vệ! Rách áo mất!".

Chút đứng dậy phủi quần áo, nhìn mấy anh kia: "Các anh trông đấy! Đã thú chưa?"

Mấy anh bảo nhau: "Khó nhỉ!"

– Khó thế mà phải bò từng quãng dài bảy tám thước tây. Ai không theo lệnh, ngồi lên đi phải phạt lập tức. – Đoạn, Chút lại kể – Quan Năm ngài khen lính ta giỏi. Nhưng trận ấy quan quân được. Chúng tôi lại giả làm những ông lý, ông khán, các ông kỳ mục, mặc áo thụng xanh ra vái, chào mừng các quan Tây thắng trận. Bao nhiêu dân quê, đàn ông, đàn bà bồng bế con cái, lại gánh nồi niêu bát đĩa, gà chó về làm ăn như thường. Những người ấy toàn là bọn chúng tôi đóng trò cả. Chỉ trừ trẻ con chúng tôi lấy ở ngoài vào. Các bà đầm tưởng thật. Đến lúc họ biết là bọn chúng tôi giả dạng, họ thích chí, cười rũ rượi.

Gái và mấy chị em bạn Gái cũng thích chí ngả nghiêng cười rũ rượi.

Một anh trai trẻ, biết Chút và Gái có tình ý với nhau, nói đùa: "Chị Gái có thích thì lấy quách anh ấy để anh ấy đưa đi xem tập trận".

Gái đỏ bừng mặt, lườm anh kia, nói gắt: "Anh phải gió! Tôi không đùa đâu". Tuy vậy Gái vẫn ngồi chăm chú nghe.

Chút hơi đỏ mặt nhìn Gái cười, rồi kể tiếp:

– Những hôm tập trận có khổ nhọc nhưng mà vui và khi tập xong, anh em được ăn uống thả cửa. Có ngày đi "bachui" hay đi "camping" mỗi khi được cái bánh tây to bằng này – Vừa nói Chút vừa giơ hai tay cách nhau độ ba gang. Chút không khỏi nói khoác một tí – Chúng tôi ăn không hết, thường cho những trẻ con hay ăn mày ở dọc đường.

Một anh nghe thèm, cười chua chát: "Thế mà nhà quê, lắm người ăn một ngày một bữa cũng thiếu".

Chút không để ý, kể tiếp: "Khổ nhất là "tua" gác, nhất là gác đêm. Luật nhà binh nghiêm khắc lắm. Ăn mặc hơi trễ nải một tí, phải phạt, cái súng lau không được kỹ phải phạt, đứng gác lơ đễnh để ý đi đâu phải phạt, mắt ngủ gà ngủ vịt, phải phạt, ai qua lại hay lại gần, không đúng "a la đềphăngsi" và hô "ách chà là chi viu", phải phạt". – Chút vừa nói vừa đứng làm hiệu nên mọi người cũng hơi hiểu. Gái thích chí cười khanh khách, nhại lại: "Ách chà là chi viu" rồi cười nói: nghĩa là gì, anh Chút?

Chút cũng cười, giảng nghĩa: "Là ai đấy! Đứng lại. Người kia phải đứng lại xưng: "Tôi"! Hô ba lần, không đứng lại không lên tiếng bắn liền".

Mọi người nhìn nhau lè lưỡi: "Ghê nhỉ!"

Một người hỏi: "Thế ngộ chúng tôi không hiểu ách, ách... – Gái còn nhớ nhắc hộ: "Ách chà là chi viu". – Ừ, ách chà là chi viu là gì thì chết à?'.

Mọi người cùng cười nhưng trong bụng vẫn sờ sợ.

Chút cũng cười: "Nói thế nhưng chúng tôi còn hỏi sang tiếng ta ba lần nữa mà vẫn không thưa, bất đắc dĩ mới phải bắn chứ".

Mọi người nhìn nhau: "Cũng ghê!"

Chút kể tiếp: "Tôi không phải phạt bao giờ. Hôm nào đến "tua" gác đêm, tôi đã trữ sẵn quả chanh để ăn và rấp lên mi mắt. Ngày hôm trước, trong khi họ rủ nhau đi chơi, tôi ở lại "cadéc" ngủ cho chán mắt. Thành thử lần nào tôi đứng gác cũng tỉnh như sáo... Một đêm trời tối mịt. Bỗng có tia sáng đèn "pin" loé ra mấy lần. Tôi giương mắt chú ý hết, đoán chắc là quan ba đi "rỏm". Tôi dõng dạc hô to: "Ách chà là... cusê". Chẳng hiểu sao, mình lại bật ra hô cusê mới chết chứ. Cái bóng đen nằm rạp xuống. Tôi quên lú tiếng hô đứng dậy. Cái bóng đen cứ chịu nằm rạp. Sau tôi nghĩ ra cách truyền tin đi các bót gác để họ bắn tin về trại. Một lát, năm người lính "bachui" với một người cai chạy đến chỗ cái bóng đen nằm, bật đèn lên soi, thì quả thực tôi không lầm: đích thị quan ba đi "rỏm". Tôi sợ quá, nghĩ bụng: "Cái này không khéo ông ấy bợp tai cho vài cái nên thân và phạt cho "sết dua biđông" thì bỏ sử". Nhưng mà, lạ quá, tôi không ngờ, ông ta chạy lại, nắm chặt lấy tay tôi, giật mấy cái thật mạnh rồi vui vẻ nói: "Dơn săngđa bốcu bồng". Thật hú vía!"

Mọi người thì thầm: "Luật nhà binh của người ta nghiêm thế".

Chút kể mãi không hết chuyện, vì mọi người nghe mãi, không chán tai. Bà lý nhìn ra sân thấy đã gần trưa, liền nói: "Xin các ông các bà hãy cho cháu đi ăn cơm đã. Dễ từ sáng cháu chưa hột cơm vào bụng".

Chút cười: "Vâng, chưa hột cơm nào vào bụng thật, nhưng con đã có bánh tây ăn ở dọc đường".

Mọi người cùng nghĩ đến bữa trưa của mình, đứng dậy, tản mát ra về. Họ vừa đi vừa bình phẩm, bàn tán những câu chuyện của Chút như những khách vừa ở rạp hát hay rạp chiếu bóng ra.

Con ở bưng mâm lên, đặt xuống giữa phản. Mâm cơm có đủ thức, chẳng kém gì mâm cỗ.

Bà lý nói nhún như khi bà ngồi tiếp khách: "Cơm nước chẳng có gì, con bằng lòng vậy... Để chiều nay bu ra quán Cõi ba mua vài "thoi" cá thu về làm gỏi. Chắc lâu nay con chưa ăn gỏi?"

– Vâng, lâu nay con chỉ toàn ăn thịt bò, thịt gà, không mấy khi ăn cá. Có thì cũng chỉ ăn xào, ăn nấu thôi.

Hai mẹ con ngồi đối diện. Mẹ mở vung nồi cơm. Khói thơm ngậy tỏa ra nghi ngút. Con ngồi nhìn khắp mấy gian nhà tịch mịch...

– Chị Hĩm lâu nay có về thăm nhà không bu?

Bà lý man mác buồn, trả lời thong thả:

– Cữ giỗ bà tháng tư, nó có về với đứa con gái trông cũng xinh xinh. Bu giận bu cũng chẳng hỏi han gì đến việc làm ăn của vợ chồng nó. Con tính nó bêu xấu bêu nhục bu như thế thì bu còn thương sao được.

Chút nét mặt suy nghĩ và cũng man mác buồn như mẹ, thong thả buông từng tiếng một như tự trong tâm nẩy ra:

– Kể chị ấy cũng vất vả, khổ sở về đường chồng con, bu nên thương chị ấy kẻo tội nghiệp... Con thương chị ấy quá. – Nói xong, Chút đăm đăm nhìn ra không, cặp mắt mơ mộng như đương nhớ lại quãng thời xưa...

– Ăn đi đã, con. Đồ ăn nguội cả rồi.

Chút vâng lời mẹ, yên lặng gắp đồ ăn lên bát, nhai nhỏ nhẻ. Chút còn mải nghĩ. Bà lý nhắc: "Ăn đi chứ con. Cá này là cá dé, lắm xương nhưng mà thịt nó thơm và bùi lắm. Con ở nó không biết, đem

kho đi mất rồi, chứ đem mà nướng lại chấm muối hạt tiêu thì ngon tuyệt. Hoài của, bu mải nghe chuyện cũng quên lú đi mất". Vừa nói vừa gắp bỏ vào bát con. Bà nói luôn mồm như để phá tan cái vẻ suy nghĩ lộ trên nét mặt Chút.

Chút vừa ăn vừa hỏi chuyện:

– À, thầy con đâu, bu? Từ sáng, con không thấy thầy con đâu cả. Mà anh Quy và chị ấy cũng đâu? Chết chửa! Họ hỏi han rối lên làm con nhãng trí không nhớ đến nữa.

– Thằng Quy lên huyện có việc quan. Ông lý chánh cáo ốm, nó đi thay. Có về thì cũng chiều tối hay sáng mai. Ối chào! Cái thằng ấy cắt tiết gà không nổi thì còn làm nên trò trống gì... Ô hay! Con ăn đi chứ – Bà cầm thìa, húp – Ừ, món cá nấu này, nó tra vừa vặn, mặn mà ngon lành đấy. Con chan mà ăn. – Đoạn bà nói tiếp: – Vợ chồng nó tệ quá. Chỉ được cái bu động thò ra tí gì là chúng nó vơ vét. Bây giờ chúng nó xin ra ở riêng chỉ dễ để xà xẻo bu thôi... Con ăn vã cua đi. Hôm nay ba con cua nước, con nào con nấy chắc lắm, rặt những gạch là gạch. Ăn đi chứ! Đồ ăn còn đầy ra đấy nhé.

– Bu cũng ăn đi chứ! Bu cứ ngồi tiếp con mãi. Con có phải là khách đâu.

Bà lý mải săn sóc con, chẳng nghĩ gì đến ăn. Bát cơm đã gần nguội mà vẫn chưa hết.

– Được, con cứ ăn đi. Bu thấy con về, bu mừng quá, quên cả đói. – Bà quên đói thực. Và mấy miếng lấy lệ rồi bà lại nói: – Con vợ nó đi chợ Hộ mua cá khô về bán. Buôn với bán gì nó. Chỉ ăn quà vặt cũng đủ hết cả vốn... Thầy con thì la cà suốt ngày. Bây giờ có lẽ đương đánh tổ tôm ở đằng ông khán Để hay ông xã Vị gì đó. Bao giờ túi nhẵn cấc rồi mới chịu mò về... Mà có về thì lại tốn thêm của bu vài cút rượu với ít đồ nhắm nữa chứ quí báu nỗi gì... Con thôi rồi à. Sao ăn ít thế?

– Một mình con ăn hết mâm cơm lại còn ít. Có bu ấy. Từ nãy giờ chẳng ăn gì cả.

Bà lý và hết bát cơm còn lại rồi thu đũa xếp bát, gọi con ở lên bưng xuống.

Ăn uống xong, bà lý xuống bếp bảo ban mọi việc. Chút nằm trên võng thiu thiu ngủ. Từ ngày đi lính Chút đã quen, mỗi trưa nằm ngủ độ một giờ.

Chiều, Chút thay bộ nhà binh, mặc "sơmidét" quần cộc, đi thăm vài nhà họ đương. Chút thích mặc "soóc" vì thấy chúng bạn khen mình mặc "soóc" đẹp. Thoạt tiên Chút đến thăm Vót, vợ bác xã Khoan. Hai con chó thấy Chút ăn mặc lạ, sồ ra cắn, Gái vội chạy ra đe. Hai con chó ngửi hơi quen, ve vẩy đuôi mừng.

Ông xã Khoan đi thăm đồng chưa về. Anh Hương, anh Quán đi ăn cỗ cưới nhà chú, Vót đi chợ Hộ vắng. Lũ trẻ mải chơi cả ngoài sân đình. Chỉ còn mình Gái ngồi dệt vải, coi nhà. Chút bước lên thềm nhìn ngơ ngác. Hai người cùng bẽn lẽn. Gái chẳng biết hỏi câu gì và cũng chẳng biết làm gì, ngượng, ngồi vào khung cửi dệt. Tâm trí Gái rối như tơ vò. Gái dệt đứt luôn, phải ngưng lại nối, mặt đầy vẻ ngượng ngập.

Hình như Chút cũng thấy thế, đi lại khung cửi nói: "Chị Gái để tôi dệt thử xem còn nhớ hay quên rồi". Trước kia, Chút hay táy máy dệt luôn nên cũng biết dệt đôi chút, Gái chưa kịp đứng dậy hẳn, thì Chút đã thò chân vào khung cửi. Hai vai cọ vào nhau. Người Gái nóng ran, Gái hồi hộp, thở mạnh. Bộ ngực nở của Gái phập phồng.

Nhờ có tiếng khung cửi thong thả nhát một đưa lên đập xuống, hai người đã thấy bớt ngượng. Tuy vậy, câu chuyện còn rời rạc như cơm nguội. Nhất là vì Gái không dám xưng em và Chút cũng không dám xưng anh, câu chuyện lại càng có vẻ lãnh đạm, nhạt nhẽo. May sao, cũng là ngẫu nhiên, Chút nhắc lại thời còn nhỏ. Rồi những bắt đầu bằng: chị còn nhớ không, anh còn nhớ không, luôn luôn chuyền từ mồm người này sang mồm người nọ. Câu chuyện trở nên đậm đà, thân mật. Chỉ còn thiếu tiếng "anh", tiếng "em" thay vào tiếng tôi nữa là hai anh chị sẽ nghiễm nhiên thành một cặp tình nhân khăng khít. Bao giờ có hai tiếng ấy bật ra đầu lưỡi anh chị? Vì cả hai anh chị xem chừng cùng thấy ngượng với hai tiếng yêu đương ấy đã có sẵn trong hai tấm lòng từ lâu và hai trái tim anh chị đã đập cùng một điệu.

CHƯƠNG IX

Chút được nghỉ năm ngày thì đã mất bốn. Chỉ còn một ngày hôm nay, mai Chút đã phải đi sớm để kịp có mặt ở trại vào hồi tám giờ tối. Bà lý và nhất là Gái thấy ngày đi chóng quá, tưởng như Chút

mới về hôm qua... Bà lý săn sóc, suốt ngày luẩn quẩn bên cạnh con, thành ra Gái không được lúc nào ngồi nói chuyện một mình với Chút như ngày nọ. Gái biếng cả dệt, chốc chốc lại sang góp chuyện để được ngắm nghía Chút cho thỏa thích.

Chiều hôm ấy, bà lý thân ra Cõi ba mua hẳn đồng bạc cá thu về làm gỏi thết con. Bà mời cả hai vợ chồng Vót và anh Hương, anh Quán. Mấy ông chú cũng tự tiện đến nhắm rượu. Ba gian nhà trên đông đúc như một ngày kỵ. Không đủ giường phản ngồi, bà phải giải chiếu xuống thềm đất. Năm mâm đầy đặn như năm mâm cỗ, để xếp hàng. Ba mâm trên, mỗi mâm một chai rượu Văn Điển. Ông nọ nhường ông kia ngồi trên, rối rít. Chút mặc quần đùi, vì Chút không đem quần ta về, ngồi mâm thứ ba với Quy và anh Hương, anh Quán. Ông lý cùng mấy ông chú và xã Khoan ngồi hai mâm trên. Bà lý ngồi mâm thứ tư với Vót và hai bà thím. Bà ngồi liền cạnh Chút như để được gần Chút hơn mọi người. Bà quên hẳn chồng lẫn Quy tuy bà đã gây dựng cho nó lên chức phó lý. Mâm thứ năm như thể mâm thừa thãi để cho lũ trẻ cọn ăn với vợ phó lý Quy.

Các ông rượu vào, say khướt cười nói, thét bô bô. Các ông tỏ ý tiếc không được trẻ lại để ra lính cho mát mặt. Chẳng gì bằng rượu. Rượu vào, các ông đều trở nên can đảm cả. Nhưng các ông lại trở nên bướng bỉnh, gàn bát sách và ngang phè phè nữa. Chút định nói câu gì là các ông lại xúm nhau vào bẻ.

Chút ghét mặt, không thèm nói chuyện với các ông nữa, quay ra trả lời những câu ngớ ngẩn, thực thà của các bà dút dát vậy.

Chút cũng cố nhấp vài chén nên trong lòng thấy vui vui. Giá lúc ấy có Gái em ngồi đấy, Chút sẽ đủ can đảm nói những câu cợt nhả quá thành thực và sỗ sàng của nhà binh. Gái sẽ tha hồ mà đỏ mặt, quả tim Gái sẽ tha hồ đập mạnh như trống ngũ liên.

Cuộc rượu của các ông bắt đầu từ chiều, mãi tối mịt mới tàn. Ông lý đứng dậy rủ mấy ông chú đi tìm sóc đĩa. Xã Khoan càng say càng lỳ lỳ giở về nằm võng ngủ tít. Lũ cháu về từ nãy. Quy ngồi nói chuyện một lát rồi cũng lảng xuống nhà ngang tính toán công việc làm ăn với vợ. Nhà trên chỉ còn bà lý, Vót với Chút. Mùi rượu nồng, hơi cá tanh còn phảng phất trong không khí.

Gái thấy thầy về, đoán biết là cuộc rượu đã tàn, bèn rời khung cửi, vờ sang mượn cái thoi để lấy cớ ngồi nghe chuyện và nhìn Chút cho đỡ nhớ.

Bà lý coi Vót và Gái thân như người nhà. Bà không cần giấu diếm đem hết tâm sự của bà ra kể. Bà có ý muốn cho con thương bà mà đừng làm cho bà phiền muộn. Chiếc đèn hai dây chụp phẫn, ngọn vặn nhỏ, treo từ xà rủ xuống, chiếu ánh vàng lờ mờ.

Bà lý khuyên: "Con ạ, con chịu khó chăm chỉ mà làm việc quan, chớ có theo đòi, đua anh đua em mà chơi bời".

Vót nói chêm: "Này, tôi thấy họ nói trên tỉnh có nhiều nhà cô đầu và nhà thổ...".

Bà lý cướp lời: "Ừ, bu cũng nghe thấy nói trên tỉnh có lắm cô đầu và nhà thổ, con chớ đua vào nhỡ mắc bệnh thì khốn".

Chút nhìn Gái, nhếch mép cười. Gái xấu hổ, cúi xuống, hai tay vân vê chiếc thoi.

Bà lý nói tiếp: "Chớ có vào các sòng đánh bạc, nhỡ hư thân mất nết đi, rồi...".

Chút cười, nói to: "Bu đừng lo. Luật nhà binh nghiêm lắm. Quan tóm được, cứ "sít sết dua biđông" là ít. Cai đội có khi lột lon nữa". Tiếng Chút vang khắp nhà như những tiếng hô lính.

Đêm đã khuya, Vót thỉnh thoảng lại giục con về dệt vải. Gái vâng, nhưng vẫn ngồi lỳ cho đến khi mẹ đứng dậy về mới theo về, cặp mắt đen láy còn nhìn theo Chút một cách ngập ngừng như có vẻ mến tiếc.

Chút đứng dậy tiễn hai người ra cổng rồi giở vào chuyện vãn với mẹ một lúc mới đi ngủ. Bà lý xem chừng còn muốn kéo dài cho đến sáng nhưng lại sợ con đi đường mệt. Bà đặt lưng lên giường. Chợt nhớ đến Sồi, bà thương hại và tự trách đã quên bẵng không nhắc tới Sồi trong những lúc chuyện trò cùng Chút. Bà cất tiếng:

– Con ạ.

– Bu bảo gì cơ? – Chút nằm giường bên kia, chống tay ngóc đầu lên hỏi.

– Con có qua tỉnh Đông thì rẽ vào thăm cái Sồi một tí kẻo tội nghiệp. Nó lấy chồng ba bốn năm giời nay, chưa con cái gì cả, mà chồng nó làm ăn nghe chừng cũng chẳng ăn thua gì.

Chút đặt mình xuống, nhìn xà nhà nói:

– Từ đây lên tận tỉnh Lạng xa lắm, phải đi một mạch mới kịp. Thôi để lần sau con sẽ rẽ vào thăm anh chị ấy. – Tính Chút không

hợp với tính Sồi, nên Chút không ân cần lắm... Giá phải Hĩm nhưng Hĩm lại ở tận Cẩm Phả. Có đi, ít ra cũng mất một ngày. Nó tự hứa: lần sau thế nào nó cũng đến thăm chị Hĩm đã rồi mới về nhà.

– À này, con ạ. Mới rồi bu đi lễ miếu Nhị, có xin cho con quẻ thẻ. Thánh dạy: con phải giữ gìn cái tháng tư, tháng sáu, chớ đi sông đi ngòi, trèo đèo trèo núi mà mắc nạn đấy.

Chút không tin, nói dãn ra:

– À sào! Bu cứ hay tin nhảm... Với lại con làm lính, phải đi "mannớp" luôn, qua sông qua ngòi, trèo đèo trèo núi, kiêng thế nào được!

– Ấy chết! Có kiêng có lành, con ạ. Con nghe bu, nếu gặp phải những tháng ấy, con cứ nói thực với quan trên, xin phép nghỉ ở trại làm việc khác.

Chút chau mày:

– Việc nhà binh, bu làm như việc nhà không bằng... Vâng, thì đến những tháng ấy con sẽ xin phép quan trên ở lỳ trong trại. – Nói rồi Chút khoàng tay ra sau gáy cười thầm.

Bà lý chốc chốc lại nói. Mà câu chuyện của bà có gì? Quanh quẩn lại những lời khuyên mà bà đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Và nói xong bà lại tự trách thầm: "Mình phải để cho nó ngủ chứ, mai nó còn ngược sớm kia mà". Xong bà vẫn lải nhải khuyên con cho đến khi nghe tiếng con ngáy bà mới chịu nằm yên ngủ.

Sáng sớm tinh sương bà đã trỗi dậy, xuống bếp thổi nấu làm cơm cho con ăn. Bà không dành cho đầy tớ công việc ấy, cũng như khi xưa, bà không muốn ai săn sóc đến con nít của bà.

Chút vừa thức dậy, đã thấy mâm cơm bày giữa phản. Hai chiếc tỏi gà nùng nục những thịt dưới lần da mỏng, vàng như lụa đặt trên cái đĩa tàu cổ.

– Con đi súc miệng, rửa mặt rồi ăn cơm, kẻo chốc nữa họ đến đông. Nhà còn vài cút rượu, có nhấm với tỏi gà thì nhấm.

– Vâng, uống một tí cho nóng bụng. – Vừa nói Chút vừa cầm thau ra rửa mặt.

Bà lý xem xét mâm cơm:

– Tẹo ơi! (Tẹo là tên con đầy tớ). Thiếu đĩa muối đây này! Ra vại lấy dăm quả cà nén nữa để anh ấy ăn với nước suýt gà. – Bà chợt nhớ tới Quy: "À chào! Kệ xác nó". Nghĩ không nỡ, bà lại gọi Quy lên ăn với em.

Hai anh em đương ăn thì Vót sang. Một lát Gái cũng sang, nhưng thẹn không dám vào, đứng ngoài sân nói chuyện với vợ Quy.

Chút xỉa răng uống nước vừa xong thì mấy chú thím cùng vài người họ đến tiễn chân. Ông lý cũng vừa về. Ông nói dăm ba câu chuyện phiếm với Chút. Ông đối với con cái bao giờ cũng lãnh đạm, thờ ơ, trái ngược hẳn bà lý. Ông chỉ thiết tổ tôm với sóc đĩa.

Từ lúc ăn uống xong cho tới lúc đi, Gái và Chút chẳng nói với nhau được câu nào. Có lẽ vì đông người, anh chị ngượng ngập xấu hổ.

Bà lý nhắc lại lời khuyên: "Con chớ có đua đòi anh em chơi bời, chớ có đi cô đầu, nhà thổ nhỡ mắc bệnh vào thì khốn đấy". Bà nhắc nhiều lần quá đến nỗi bà chưa nói hết câu, Chút đã biết hết rồi. Chút chỉ cười như nhắc mẹ: "Con biết rồi, bu nói đi nói lại mãi". Bà thêm một ý mới: "Con nhớ gửi "tờ" về cho bu luôn nhé. Đừng để bu nóng ruột".

Chút cất mũ chào mọi người một cách niềm nở. Đi được vài bước, Chút quay lại chào Gái: "Chị Gái ở nhà nhé. Lần sau về, tôi sẽ làm quà chị phong bánh khảo nhân chè lam". Chút biết Gái thích thứ bánh ấy lắm.

Gái đỏ mặt, nói nhu nhú trong mồm: "Em cám ơn anh". Tiếng em, Gái nói sẽ quá, chỉ đủ cho Gái nghe thôi. Gái cảm động, thổn thức. Cặp mắt Gái trong, ướt, chỉ chực tuôn những giọt lệ nhớ nhung, thương mến xuống hai gò má hồng hồng.

CHƯƠNG X

Bà lý nhớ con. Bốn năm ngày liền, bà thờ thẫn, đến hết nhà này nhà nọ chuyện trò cho khuây khỏa dần và bắt đầu đi các chợ buôn bán.

Thỉnh thoảng có ai nhắc lại chuyện Chút, bà chăm chú nghe và sung sướng được người ta khen con. Những lúc ấy bà trở nên dễ dãi, yêu hết thảy mọi người, yêu cả chồng là người đã sinh thành ra Chút.

Thời giờ trôi hết ngày này qua ngày khác, lâu lâu bà hầu như quên đi. Vả chăng, bà còn bận công việc, nhất là bận để tâm đến ngày mùng sáu tháng giêng sang năm.

Mùng sáu tháng giêng sang năm là ngày ông lý nhà bà lên lão sáu mươi, một ngày can hệ, to tát, long trọng nhất của một đời người

chức dịch trong thôn ổ. Nói là ngày mùng sáu tháng giêng, chứ thực thì ngày ấy kéo dài thành ba bốn ngày; có khi năm sáu ngày tùy theo cái lão to hay nhỏ của nhà chủ. Vậy bà không thể dửng dưng với ngày ấy được. Bà phải sắp sửa từ bây giờ để được sẵn sàng đầy đủ. Bà phải nuôi sẵn sáu con lợn, vụ cám cho béo quay. Bà phải tậu vài ba con trâu, tậu vào thời sau mùa gặt hái để được giá rẻ. Bà phải đong hàng cót thóc trữ sẵn... Ôi chà! Cứ kể bà còn phải sắm sửa "này khác, các thứ", nhiều lắm, mất có tới hàng bảy tám trăm, một nghìn. Bà không thể tùng tiện được, dẫu bà không ưa gì cái tính liều lĩnh, bạt mạng, thờ ơ, ích kỷ, lường lật của ông lý nhà bà. Ghét thì ghét, bà không khi nào chịu để mang tiếng là vợ một ông cựu có vai vế trong thôn mà lại kém người đủ mọi vẻ. Không, hết vốn này, bà gây vốn khác, chứ kém người, thì nhất định bà không chịu kém. Bao giờ lo xong cái việc to tát ấy, bà sẽ thảnh thơi và ông lý nhà bà sẽ được tôn trọng lên bậc cụ, dù tư cách, tính hạnh ông không đáng bậc cụ chút nào, dù ông chẳng làm được trò trống gì cho làng cho nước.

Hiện thời bà đã mua được đủ sáu con lợn. Còn vài ba con trâu, bà đã nhờ ông trùm Súy đi các làng xem, nếu được trâu tốt, giá rẻ thì tậu cho bà. Thóc bà cũng đã đong ngay từ dạo đầu mùa. Công việc của bà gần như hoàn thành cả rồi. Họ hàng khu xóm cho đến làng nước cũng tấm tắc khen bà đảm đang quán xuyến. Tiếng bà lý lo cái lão cho ông lý đã vang khắp độ rầy. Và những bô lão, những chức dịch cho chí những nhiêu xã tép nhép đã được trông thấy trong tưởng tượng, những bữa chén no nê phè phỡn. Nhiều người gặp bà đã nói đến ngày mùng sáu tháng giêng, tuy ngày ấy còn xa đằng đẵng: "Sang năm làng ta có cả thảy mười bốn ông lão. Nhưng làm to nhất có cụ cựu nhà rồi đến cụ cựu thôn trong".

Bà lý hả dạ và kiêu hãnh, tuy ngoài mặt, bà làm như thản nhiên và nói một cách nhún nhường: "Thưa ông, người ta lo cho ông lão nhà người ta thế nào thì tôi cũng cố lo cho ông lão nhà tôi được thế, chứ ông tính, tiền của đâu mà làm to nhất làng".

– Hôm ấy thế nào chúng tôi cũng phải kiếm lấy đồng bạc với phong pháo đến mừng ông lão.

Bà lý vui vẻ:

– Vâng, được các ông đến mừng cho ông lão nhà tôi thì quý hóa nào bằng. Còn tiền nong xin các ông đừng ngại. Một phong pháo hay một lời mừng của các ông là quý lắm rồi.

– Có, thế nào chúng tôi cũng phải có chút đỉnh mừng ông lão chứ.

Những lời hỏi han như thế, bảo bà lý không sung sướng sao được. Nhưng ở đời, mấy khi ý định của người ta thành đạt, mấy khi hạnh phúc đến được dễ dàng như ý muốn. Thường thường cái khổ vẫn lẽo đẽo theo sau như một vị hung thần, chỉ đợi cơ hội tốt để chộp lấy người ta mà xâu xé mà vò nát.

Trong khi bà lý đương phấn khởi dấn bước, trong khi đời sống của bà đương đầy dẫy hy vọng thì một hôm, một buổi chiều hây hẩy gió đông nam, một buổi chiều hồng triệu chứng của một ngày mai tốt đẹp, bà lý đương nhẹ bước trên con đường làng lát gạch, cùng với các bạn buôn đi chợ Hộ về. Câu chuyện vui của bà đương làm cho các bạn cười ròn như nắc nẻ. Bỗng một tin dữ dội: "Sồi chết!" vụt đến đập mạnh vào thần kinh bà như sét đánh. Bà tái mặt, rụng rời cả tứ chi. Cái thúng đựng tơ lụa, từ trên đầu bà đổ ụp xuống đường. Bà ngồi sệp xuống theo. Những tấm lụa bán còn lại bừa bãi chung quanh. Bà kêu thất thanh: "Ối con ơi là con ơi! Ối giời cao đất dầy! Ối giời ôi! Khổ sở thân tôi. Khổ sở...". Bà không kêu được nữa, nằm gục xuống, cả thân bà rủn ra như sứa.

Các bạn ngạc nhiên đứng ngây ra nhìn, trí giác rối loạn làm át cả lòng thương xót. Vót đặt thúng của mình xuống vệ đường, nhặt những tấm lụa rũ tung, nhét vào thúng bà lý rồi giao cả thúng của bà lẫn thúng mình cho Lài, người bạn, đặt chồng lên thúng của họ. Đoạn Vót xốc nách bà lý nâng dậy: "Ô hay! Bác lý! Lạ chưa, đã biết thực hư thế nào. Dầu sao thì cũng là số nó, chứ mình làm gì được". Vót nhìn những người chung quanh: "Các bác vực bà lý hộ tôi tí. Chắc là họ đồn nhầm, có phải không, bác Chính?". Vót vừa nói vừa láy mắt ra hiệu cho người kia nói dối.

Xã Chính gái hiểu ý, trả lời: "Thưa cụ, họ đồn nhầm đấy chứ. Cháu ở đằng... ở đằng kia về có thấy gì đâu".

... Bà lý đã hơi tỉnh, kéo lê từng bước, hai cánh tay khoàng lấy vai Vót và xã Chính xốc nách hai bên. Bà nói, giọng mệt lả: "Thôi đi, các người đừng nói dối tôi. Tôi biết. Con tôi chết rồi". Bà thổn thức lại kêu: "Giời cao đất dầy ơi! Cực nhục cực nhục...". Bà đuối hơi, nhược sức, rủ đầu xuống như một cây héo rũ ngọn.

Hai người xốc nách lôi bà về nhà như lôi một cái xác không hồn. Cái Gái em chạy ra, mặt tái mét. Nó há mồm chực nói thì Vót đã ra

hiệu im: Nó lẳng lặng theo sau, hai gò má ướt đẫm nước mắt. Gái yêu Chút, coi mẹ Chút như mẹ đẻ ra Gái vậy.

Bà lý nằm vật ra giường, ngất đi từng hồi. Mỗi lần, hết cơn ngất, bà vật mình vật mẩy, kêu thất thanh như mấy lần trước. Mọi người thương hại dớm dớm nước mắt. Họ không còn cách gì, đành đứng yên nghe những tiếng kêu gào thảm thiết. Một lần, bà lý ngồi dậy, cố nhấc người lên đi, xong chân không giữ nổi thân, bà ngồi phịch xuống giường, mắt thao láo, nhìn vơ nhìn vẩn. Bà hỏi rồi bà lại tự trả lời: "Phải, tôi biết, các người đừng dối tôi. Con tôi chết rồi mà. Ối con ôi là con ôi!". Bà nói lảm nhảm. Bà gần như người điên.

Vót dặn dò mọi người trông nom bà lý rồi tất tả đi ra cổng, Vót còn hy vọng, mong cái chết của Sồi chỉ là một cơn ngất dài. Vót nghĩ: "Biết đâu, người ta có thể ngất đi hồi lâu. Cơn ngất ấy có thể nhầm là chết được". Nhưng hy vọng của Vót mong manh như sợi tóc, lập lòe như một tia sáng rất yếu ớt. Vót đi được một quãng đã gặp nhiều người quen và cái chết của Sồi không còn có thể mập mờ được nữa. Còn vì cớ gì Sồi chết thì mỗi người nói một phách. Người thì bảo: Sồi chết vì cơn uất quá mạnh, làm xúc động đến cái thai, người thì bảo Sồi ngã, cái thai sổ ra ngoài. Người bảo thế này, người bảo thế nọ, Vót không sao biết đích xác được. Vót nóng ruột cắm đầu rảo bước mong cho chóng tới nơi nên càng thấy đường dài và bước chân đi chậm quá. Khi thấy trước cửa quán Đất, người đứng xúm quanh, Vót rụt rè, bước chậm lại. Vót thấy chồn chân. Nhưng đằng nào rồi Vót cũng phải tới đích. Vót không dừng lại hỏi han ai, rẽ đám đông, lách vào trong quán. Quy đương đôi co, lời ra tiếng vào với người anh cả Mẫn chồng Sồi. Một người đàn bà đứng ôm đứa bé mới đẻ còn đỏ hỏn trong cái tã cũ rích. Chắc người ấy cũng đon đả, hay bỏ việc nhà, giúp việc người như Vót khi xưa. Không cần hỏi, Vót cũng biết là con Sồi. Giọt lệ thương tâm đọng trên gò má, Vót sẽ lật cái chiếu phủ trên mình người bất hạnh. Vót kêu sẽ như rên: "Chao ôi!... Khốn nạn!... Tội nghiệp!...". Rồi hết giọt nọ đến giọt kia, theo nhau từ từ rơi xuống áo, xuống yếm. Vót lấy vạt áo lau mặt và sẽ buông manh chiếu che kín lấy thân Sồi. Mọi người cảm động, ứa nước mắt. Những tiếng: "Tội nghiệp nhà chị ta" lầm rầm khắp chung quanh. Không khí như nhiễm đầy tình thương xót và lạnh lẽo, rùng rợn.

Vót lẳng lặng bước ra, chợt thấy Mẫn ngồi ủ rũ ở góc quán, quần áo lam lũ, đầu tóc bơ phờ. Vót đi lại, cầm tay Mẫn kéo dậy: "Ra bác

bảo". Hai người lững thững ra khỏi đám đông, đến một chỗ vắng. Vót, trước khi hỏi đầu đuôi việc xảy ra, khuyên Mẫn: "Này Mẫn, bác bảo... Việc đã rồi, dẫu tài thánh cũng không sao kéo lại được... Nhưng còn đứa bé. (Vót bối rối không kịp hỏi là giai hay gái) cháu phải săn sóc chăm nom đến nó. Thế là giời thương hại còn để lại cho cháu chút con, tức là hình ảnh của vợ cháu. Cháu thương vợ cháu bao nhiêu thì cháu càng nên trông nom, săn sóc lấy đứa con". Mẫn đứng ngây ra như khúc gỗ. Nó khổ sở quá, mệt nhọc quá. Nó đã khóc nhiều, không còn nước mắt đâu mà khóc nữa. Tim gan khô héo. Nó không còn tí máu mặt.

Vót ngừng một lát rồi hỏi: "Sự thể làm sao mà lại đến thế, cháu kể qua lại cho bác nghe". Sự tò mò muốn biết của Vót đã làm cho Vót không nghĩ gì đến nỗi khổ tâm của Mẫn, đã làm cho Vót quên rằng Mẫn càng kể càng thêm đau lòng, chua xót.

Mẫn thở dài rồi bắt đầu kể:

– Thưa bác, cháu nghĩ đến anh cháu lúc nào, cháu lại thâm gan tím ruột. Anh cháu tệ bạc quá, ác nghiệt quá, không còn có chút lương tâm nào. Rồi cũng có giời! Giời sẽ quả báo cho mà xem... – Nói đến đây Mẫn như nghẹn ngào vì lòng thù oán, căm tức. Mấy ngón chân bấm mạnh xuống đường như muốn dí bẹp một vật gì. Nghĩ một lúc Mẫn kể tiếp: – ... Nói ra càng đau lòng, chẳng qua chỉ tại nhà cháu hiền lành, đần độn quá... Khi chúng cháu còn ở tỉnh, thì mới hôm kia chứ lâu la gì, cháu đã giục nhà cháu vào nhà thương mà đẻ. Ở đấy có bà đỡ, có sẵn sàng đồ dùng, thuốc men. Mà nhà cháu lại sinh lần này là một. Cháu đã biết, việc đẻ con đầu lòng vẫn khó khăn, nguy hiểm lắm. Nhà cháu không nghe, cứ nằng nặc đòi về đẻ ở nhà quê cho được... Không biết đứa khốn nạn nào đã dọa nhà cháu rằng đẻ ở nhà thương có khi người ta mổ xẻ ghê gớm lắm, làm cho nhà cháu khiếp sợ, coi nhà thương như một nơi hành hình.

Những người đến hỏi thăm tản dần. Trước cửa quán đã thấy vắng. Không nghe thấy tiếng phó Quy nữa. Hắn đã trở về, ý chừng để báo tin cho mẹ biết. Mọi người qua lại bàn tán, không ai để ý đến Vót và Mẫn.

Mẫn thở dài, kể tiếp: "Cháu bất đắc dĩ phải chiều ý nhà cháu. Cái lúc nhà cháu ngồi trên ôtô hàng, cháu mới lo làm sao! Hai ba lần nhà cháu quằn quại đau bụng. Nhà cháu thì thầm vào tai cháu: "Không khéo đẻ ra đây mất, anh ạ". Cháu run sợ, mặt tái mét như gà

cắt tiết. Cháu phải vội nói sẽ: "Không, không việc gì". Cháu chỉ sợ người tài xế hay người làm công nghe rõ, đỗ xe lại bắt xuống thì nguy quá". Hai người đứng mỏi chân, cùng ngồi xổm xuống vệ đường. Mẫn tẩn mẩn nhổ những cây cỏ mọc ở khe gạch. Vót yên lặng nghe, tâm trí để cả vào câu chuyện. Mẫn lại kể: "Thưa bác, một giờ ngồi trên ôtô, cháu coi lâu bằng một thế kỷ... Lúc nhà cháu xuống, cháu sung sướng như người vừa thoát nạn. Cháu đinh ninh là nhà cháu sẽ được mẹ tròn con lành. Bác tính bước nguy hiểm trên xe như thế còn thoát được thì ai nào không tin một cách chắc chắn như cháu. Thế mà không ngờ!". Mẫn thở dài đưa mắt về phía quán mà rùng mình, tưởng cái quán như một nhà táng úp trên chiếc quan tài. Mẫn thốt ra mấy tiếng đau đớn: "Giời ơi! Sao mà tôi khổ sở quá thế này". Đoạn Mẫn lại kể: "Cháu tưởng như thế là xong. Còn ai không tưởng như cháu. Khốn nạn, bác ạ, hai vợ chồng cả mừng. Hớn hở về nhà... anh cháu. Chúng cháu mua một chục bánh tây làm quà. Cháu đã biết, anh cháu, nhất là người chị dâu cháu (Mẫn dùng tiếng người cho giọng nói bớt thân) thích bánh tây lắm, coi như một của lạ. Vợ chồng họ thấy chúng cháu về chào hỏi mừng rỡ. Chả biết mừng thật hay mừng ngoài mặt. Cháu mở gói bánh ra. Chị ta rú lên: "Ối chà! Quý hóa quá! ". Lũ trẻ xúm lại, tranh nhau cầm ngửi sung sướng lắm. Cháu thấy thế cũng mừng, mừng cho nhà cháu. Chuyện vãn hồi lâu, cháu nói đến việc nhà cháu về nhà quê để để cho anh em, chị em, họ đương nâng đỡ. Cháu tưởng nói là nói chứ việc sinh đẻ là việc thường, nhất là ở thôn quê lại càng coi thường lắm. Nào ngờ anh chị cháu sầm ngay nét mặt lại. Anh cháu vội kêu: "Ấy chết! Chú để thím đẻ ở đâu chứ chớ đẻ ở nhà tôi".

Thật không ngờ, cháu không ngờ anh cháu lại có cái ý tưởng lạ lùng ấy. Anh cháu tiếp luôn: "Chú phải nghĩ đến tôi, đến gia đình nhà tôi, đến cả một ngành nhà ta". Anh cháu nói thế là nghĩa thế nào, cháu không hiểu". Mẫn vừa nói vừa ngắt vụn những lá cỏ rắc lên gạch. Vót chăm chú nghe. Bỗng có tiếng oe oe trẻ khóc từ trong quán vẳng tới, Mẫn nức nỏm khen cái người lạ nào đã ẵm đứa bé, cho nó bú, chăm nom đứa bé như một người mẹ hiền. Rồi Mẫn lại kể: "Cháu không hiểu, nhưng rồi anh cháu bắt cháu phải hiểu, phải hiểu rằng: Từ thượng cổ không có cái gì xúi quẩy, lụn bại bằng trong nhà chứa một người đàn bà ở đâu đến đẻ. Táo bạo, liều lĩnh đến bực nào cũng không dám để một việc xảy ra như thế. Anh cháu nói như thế này, cháu còn nhớ lắm: "Chú ơi! Tôi chấp tay tôi lạy cả chú thím. Chú

thím thương tôi, thương đến vợ chồng con cái nhà tôi. Chú mà để thím ấy đẻ ở đây thì bằng chú giết tôi, giết cả vợ chồng con cái nhà tôi. Sao chú lại nỡ tâm thế. Nhà anh chú mà lụn bại, tan nát thì chú có ngồi yên hưởng sung sướng được không? Thôi, tôi tưởng chú chả nên có cái tâm địa ấy. Thà chú đạp đổ ngay cái nhà thờ này còn hơn". Nói rồi hai vợ chồng họ ẩy nhà cháu ra sân, vừa ẩy vừa nói một cách tàn nhẫn: "Thôi thôi, chúng tôi xin, thím đi đâu đẻ thì đi, đừng đẻ ở nhà tôi". Khốn nạn! Cháu trông thấy nhà cháu khóc khóc mếu mếu mà cháu thương hại... Dã tâm quá!". Mẫn vừa nói vừa lắc đầu, trề môi dưới ra để khinh bỉ cái hạng người quá tàn nhẫn, dã tâm đến thế là cùng. Hai người ngồi đã chồn chân, đứng dậy thủng thỉnh trở lại quán, lúc ấy chỉ còn lẻ tẻ một vài người mới đến. Hai người cùng vào trong quán. Người đàn bà ẵm đứa bé lại gần, tủm tỉm cười nói: "Nói dại đổ xuống sông xuống biển, thằng bé này hồng hào khỏe mạnh, dễ nuôi đấy cụ ạ".

– Thằng bé à, chị? – Vừa nói, Vót vừa cúi xuống ngắm đứa bé. – Chị tử tế quá. Không có chị thì thật bối rối không còn biết làm thế nào mà cứu được thằng bé. Thế nào giời phật cũng phù hộ cho chị.

Thằng bé oe oe khóc. Người đàn bà vội nhét đầu vú vào mồm thằng bé và sẽ nựng: "À đây đây. Tôi đền, tôi đền". Người ấy làm như thằng bé đã hiểu biết vậy. Mẫn khuyên người ấy nên để thằng bé khóc cho hả hơi. Người ấy không nghe, nói: "Ai lại thế". Hai người ngồi trên sàn gỗ. Sàn bên kia, cách một gian giữa, để trong là chỗ Sồi nằm đẻ rồi chết ngay đấy. Vót hỏi: "Thế rồi sao nữa, hở cháu?". Mẫn kể tiếp: "Cháu van lạy, xin cho nhà cháu đẻ ở dưới nhà ngang hay bất cứ xó nào cũng được, miễn nhà cháu đẻ được là nhất. Nói mãi, vật nài van lạy chán họ cũng chẳng nghe, cáu tiết, cháu bảo nhà cháu cứ xuống nhà ngang mà đẻ. Cháu vừa nói dứt câu, thì họ xúm vào lôi tuột nhà cháu ra cổng. Họ lôi mạnh quá nhà cháu ngã xoài nằm lăn ra đường. Cháu vội chạy đến nâng dậy. Vợ chồng họ được dịp vội đóng sập cổng, cài then chặt.

Nhà cháu vừa khóc thảm thiết vừa bảo cháu: "Thôi, họ đã dã tâm thế thì để tôi về nhà mẹ tôi, tôi đẻ vậy". Cháu xốc nách, nâng đỡ nhà cháu đi. Những người gần đấy trông thấy cháu làm thế tủm tỉm cười, coi như một sự lạ, chướng mắt. Có người nào bảo nhỏ cháu: "Để chị ấy đi. Đừng làm thế họ cười cho đấy". Cháu không nghe, cứ xốc nách, nâng đỡ nhà cháu đi.

Về đến quán, bỗng nhà cháu kêu đau, nhăn nhó, mặt tái mét: "Chết chửa, không khéo tôi đẻ ở đây mất!". Cháu vội đỡ nhà cháu vào trong quán. Nhà cháu nằm vật xuống sàn ngất đi. Một bà qua đây. Bà ta giục cháu chạy vội đi tìm bà Vị. Khốn nạn! Giời tạnh ráo hẳn hoi, đường thì lát gạch mà cháu ngã đến ba, bốn lần, hai đầu gối sứt bét.

Lúc giở về thì nhà cháu đã đẻ rồi và huyết ra nhiều quá. Cháu đoán là nhà cháu vì uất quá, sinh ra băng huyết. Nhà cháu lịm dần. Cháu lại gần. Nhà cháu nói được mấy tiếng: "Tôi chết mất, anh ạ!" rồi lịm hẳn. Nói đến đây, Mẫn nghẹn ngào, một tay ôm ngực thở.

Vót thương hại, khuyên: "Thôi, cháu cũng đừng nên nghĩ ngợi quá thêm bận. Số kiếp nhà cháu có thế thôi. Cháu nên tĩnh dưỡng mà trông nom, nuôi nấng thằng bé, để cho nhà cháu chết đi cũng được ngậm cười chín suối... Này chị, chị gì nhỉ... à chị Mít, bây giờ tôi mới nhớ ra, chị bế cháu về nhà tôi nhé. Thương đến cháu, thật là một cái phúc to đấy. Cả cháu nữa, cháu cũng về nghỉ nhà bác. Đừng sang nhà bà nhạc cháu vội. Cháu mà sang thì bà ấy lại nghĩ đến con mà thêm khổ ra thôi. Nhớ đấy, đừng có sang bên ấy vội. Việc sắm sửa đồ khâm liệm, chôn cất để mặc bác". Vót đứng dậy đi về phía khu ngoài, vào nhà phó mộc thửa một áo quan mộc mạc nhưng gỗ tốt, rồi giở ra, đến hiếu khách mua vàng hương, nến, vải về khâm liệm.

Lúc giở về, Vót đi thẳng đến nhà bà lý, thấy bà đương ngồi khóc con. Bà kể lể thảm thiết, ai nghe cũng không thể cầm lòng được. Ông lý đi ra đi vào, hết nhăn nhó lại thở dài. Vợ chồng phó Quy ngồi thừ trên phản nghe bà lý kể lể. Vót giở ra, biết lúc này không phải lúc an ủi.

Chiều, Vót sang vẫn thấy mẹ Sồi y ỷ khóc và kể lể như người điên. Vót thở dài, lắc đầu, nhếch mép cười ái ngại rồi lại giở ra. Mấy lần như thế. Vót nghĩ thầm: "Thế nào rồi cũng có lúc bác ấy bớt khổ. Lúc ấy ta sẽ tìm lời an ủi".

Sáng hôm sau, Vót lại sang. Bà lý nằm lả trên giường, suốt đêm hôm qua, bà không chợp mắt, nằm nói lảm nhảm. Bát cháo để cạnh đĩa muối trên ghế đẩu đã nguội lạnh. Ba bốn bà thím dỗ mãi chả được. Bà lý chỉ chốc lại uống một ngụm nước chứ nhất định không ăn. Bà kêu lắm, nói lắm đâm ra khản cổ, mất cả tiếng.

– Thôi, bác ấy không chịu ăn thì cháu chịu khó bưng xuống. Các bà ạ, chúng ta ra cả phản này ngồi, để bác ấy nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng.

Các bà thím nể lời Vót, ra ngồi nói chuyện thì thầm trên phản, thỉnh thoảng đứng dậy, ghé đầu ra ngoài nhổ quết trầu. Bà lý mệt lả, nằm thiu thiu ngủ.

– Ta hãy về để bác ấy yên ngủ. Chốc nữa ta lại sang. – Vót nói giọng nhẹ nhàng, nhưng không biết Vót có sức mạnh gì mà độc nói một tiếng là các bà kia nghe răm rắp.

Trưa, Vót lại sang, thấy các bà đã ngồi, uống nước ăn giầu, nói chuyện tự nhiên trên phản. Bà lý thấy Vót, sẽ đưa cặp mắt lờ đờ và chào bằng một giọng khàn đặc: "Bác đã sang". Bà không kể lể nữa ngồi bó gối, thỉnh thoảng thở dài não nuột. Nét mặt bà buồn thiu, tóc bà rối bù trông rất thiểu não.

Vót không đả động gì đến cái chết của Sồi, không nhắc lại những việc khâm liệm, chôn cất mà Vót đã thân hành đảm đang, xốc vác hết. Vót nói những chuyện đâu đâu, nhất là chuyện buôn chuyện bán cốt để đưa trí nghĩ bà lý đến việc khác. Vót chẳng khác một ông thầy thuốc chuyên chữa bệnh thần kinh.

Tối mịt, Vót lại sang, thấy trong nhà ba gian vắng tanh, trơ trọi một mình bà lý nằm thở ngắn thở dài trên giường. Bà vẫn giữ nét mặt buồn thiu. Vót ngồi ghé xuống cạnh giường. Một lát Vót nói nhỏ nhẻ: "Để tôi bảo cái Gái nó nấu cho bác tí cháo nhé?"

– Thôi, cám ơn bác, tôi mệt lắm, chẳng muốn ăn gì cả.

– Ô hay! Mệt mỏi phải ăn cho nó tỉnh táo ra chứ. Gái ơi! – Cái Gái em cũng theo mẹ sang, đứng ngấp nghé ngoài cửa, thấy mẹ gọi, nó dạ một tiếng rồi bước qua ngưỡng cửa đi vào.

– Con lấy gạo tám nấu cho bác con tí cháo nhé – Bà lý cảm động, nể lời Vót, để mặc cho Vót sai bảo. Vót ngồi kể đến chuyện vào lão sang năm; ông này sẽ làm to, ông kia sẽ làm nhỏ, ông này xin khoán chay với làng, ông nọ không đồng xu dính túi, phải bỏ làng trốn đi từ tháng trước. Bà lý tò mò nằm chú ý nghe. Nét mặt bà dịu dần. Một lúc lâu Gái bưng bát cháo nóng hôi hổi đặt trên cái khay, cạnh đĩa đường cát với cái thìa sứ. Vót giục ba bốn lần. Bà lý nể lời, ngồi dậy ăn. Vót đi lại, đứng trên phản lấy đóm tiếp ngọn đèn hoa kỳ sang ngọn đèn hai dây. Trong nhà đương mờ tối, bỗng bật sáng trưng. Không khí lạnh lẽo, buồn tẻ đã nhường cho không khí vui vẻ thân mật. Bà lý vẫn yên lặng và thỉnh thoảng thở dài. Vót thấy cơ

hội đã đến, bèn cất tiếng dịu dàng như một người chị khuyên em, tuy Vót kém bà lý những bốn tuổi: "Bác lý ạ... Đứa con nó trông kháu đáo để. Sau này giời cho nó ra người, bác sẽ có một thằng cháu ngoại khá giả".

– Nó sinh con giai à, bác? – Từ trước, họ đã báo tin cho bà biết nhưng bà chẳng để ý.

– Vâng, đứa con giai khỏe mạnh, tròn trĩnh, sáng sủa... Chị Mít tử tế quá, bác ạ. Chị ta bỏ cả việc nhà để bế ẵm cháu. Cả thằng con nhà chị ta, chị ta cũng ẵm sang nhà tôi. Tự nhiên một mình nuôi hai đứa trẻ. Ở đời lắm sự hay thật. – Vót ngừng nói, đi đến phản lấy hai miếng giầu đựng trong chiếc thau đồng con đưa cho bà lý một miếng, còn một miếng Vót bỏ mồm nhai nhỏ nhẻ và cười nói:

– Giời cho cánh mình cũng khá đấy chứ. Ngót sáu mươi tuổi đầu mà chưa rụng cái răng nào.

Bà lý hơi có vẻ tự đắc:

– Cỏ bác, chứ tôi đã ngoài sáu mươi... Sáu mươi mốt, hơn nhà tôi hai tuổi. – Giọng bà nói khàn đặc.

– Tôi năm mươi bảy, chẳng kém gì bác mấy... Bác ạ, bác lo nghĩ có một hôm mà trông người bác sút hẳn đi. Tôi sợ bác lo nghĩ quá thành ốm thì hỏng bét... Cố mà ăn uống, tẩm bổ cho lại người đi, bác ạ. Ta còn buôn còn bán, còn phải lo bao nhiêu công việc như bác, bắt đầu từ tháng giêng sang năm đã phải lo cho bác giai cái lão, lại không mất hàng bảy tám trăm, một nghìn ấy à... rồi thằng Chút, bác còn phải làm nhà làm cửa, lấy vợ, gây dựng cho nó được vẻ vang... Ối chà! Công việc cánh mình còn nhiều lắm.

Gái ngồi trên phản quay mặt vào nghe chuyện mẹ. Thấy mẹ nhắc đến Chút lòng Gái nao nao, cặp mắt trong Gái mơ mộng. Gái tưởng như Gái đã là vợ yêu của Chút rồi vậy.

Chuyện trò thân mật mãi đến khuya, hai mẹ con mới về.

Bà lý nằm nghĩ lại những lời khuyên chân thật của bạn. Bà càng suy nghĩ, càng thấy lời bạn là phải. Chồng bà dẫu chẳng ra gì cũng mang tiếng là chồng bà. Bà mà để chồng không mở mày mở mặt ra được với người ta, bà mà để cho chồng mất danh mất giá thì thanh danh "bà lý" của bà cũng mờ đi. Cái lão sang năm này mà không thành, chẳng nói gì không thành, chỉ luộm thuộm, khuyết điểm một

chút là nhục nhã, khổ sở, điêu đứng với người ta... Lại còn thằng Chút, phải, thằng Chút, đứa con cưng của bà. Hiện giờ nó chưa có nhà cửa, chưa có vợ con. Bà còn phải gây dựng cho nó. Rồi nhờ giời nó lên cai lên đội, lên ông nọ ông kia. Lúc ấy bà sẽ bỏ tiền ra khao vọng cho nó. Thế mà bao nhiêu công kia việc nọ đều nhờ ở cái tay quán xuyến, đảm đang của bà, nhờ ở cái đời quý hóa của bà. Nói dại, bây giờ mà bà ốm nặng... nhắm mắt đi, thì cả một đời danh giá của chồng bà, cả một tương lai tốt đẹp của con bà sẽ đổ ụp. Không, bà không thể chán nản được, bà chưa thể nhắm mắt được. Bà còn phải giả cho hết cái nợ chồng con.

Nhà xuất bản *Đời nay*,
Hà Nội, 1941.

NĂM HẠN
(Truyện ngắn)

Xóm Lũy vốn là một xóm vắng vẻ, tĩnh mịch hơn các xóm trong làng Cầm. Chiều nay bỗng trở nên nhộn nhịp, kẻ đi người lại chen chúc. Họ cùng đến nhà xã Chừng. Tất nhà ấy có sự khác thường. Và sự khác thường ấy tất không phải sự may mắn. Vì nét mặt những người ở đây ra đều lộ vẻ buồn rầu hoặc tẻ lạnh. Một người đi vào hỏi một người giở ra:

– Này bác, liệu qua khỏi được không?

Người kia lắc đầu thở dài:

– Khó lắm bác ạ. Tội nghiệp! Trông bác gái sụt sịt khóc mếu mà thương.

Mỗi người phàn nàn một câu. Những tiếng xì xào trong ngõ xóm tối tăm. Cảnh chiều tĩnh mịch. Sắc trời u ám lúc ấy như dành riêng cho nhà bác xã Chừng.

Cảnh trong nhà mới lại càng thê thảm. Trên cái sân đất nền rộng độ bốn manh chiếu, kê một cái chõng tre và một cái phản mục. Một ấm nước sứt vòi, vài ba cái bát sành mẻ miệng, một cái điếu da lươn, một cái khay gỗ tạp đựng trầu cau và một cái đèn "hoa kỳ" ngọn xanh ngắt vì quá nhỏ, để hỗn độn trên mặt phản, chung quanh quây quần những khách đến thăm. Mấy gian nhà trên tối om. Gian nhà bếp, trái lại vừa sáng vừa khói mù mịt vì lúc nào cũng có người đun nước tiếp khách.

Ông chủ không ra vẻ thiểu não lắm, ngồi trên chõng, quần vén tận gối, tay cầm quạt mo phe phẩy, nói luôn mồm như để dẹp nỗi đau khổ trong tâm. Bà chủ đầu tóc rã rượi, quần áo lôi thôi lốc thốc, ngồi bệt xuống thềm ôm mặt khóc sướt mướt. Bà lý Nhãn ngồi liền cạnh dỗ dành như dỗ con nít. Bà vốn khéo mồm miệng, khéo cả chân tay. Hàng xóm láng giềng động ai có việc gì, hoặc vui hoặc buồn đều có mặt bà. Có bà, cuộc vui càng vui thêm, nỗi buồn bớt buồn hẳn. Bà đáng quí như thế, thế mà vớ phải một anh chồng mất dạy. Không lấy

gì làm lạ. Ở đời có mấy khi được cả chồng lẫn vợ. Chiều nay, bà đến nhà xã Chừng trước hết mọi người, tuy bà ở tận đầu xóm. Bà không rời bác xã lúc nào. Bà tìm hết lời khôn lẽ khéo, đem những sự thiệt thòi, đen đủi, khổ não của người để làm khuây nỗi khổ của bác xã. Nhưng, nếu bà biết, với người đau khổ quá đỗi như bác xã thì những lời an ủi của bà khác nào như muối bỏ bể. Nếu bà biết, những tiếng khóc to, những giọt lệ tuôn ra càng nhiều thì nỗi đau khổ càng nhẹ bớt. Nếu bà biết thế thì bà đã để mặc bà xã khóc lóc cho hả hê.

Ngoài sân, mọi người đương bàn tán. Lý Cúc ở cổng đi vào. Lý Cúc tính lỗ mãng, động thấy người là thấy quát, thấy cười. Ai không biết cho là ông xấu bụng. Nhưng ông thực là người tốt, hay cứu giúp người trong lúc hoạn nạn. Không thì cũng không hại ai. Thoạt đến, thấy xã gái khóc, ông đã quát: "Cái bác này hay nhỉ. Việc gì mà bù lu bù loa lên thế. Phải để người ta xoay sở chứ".

Bác xã giai và nhiều người đứng dậy chào. Lý Cúc mau mồm nói luôn: "Ấy các người cứ ngồi. Ở đây chứ có phải chốn đình trung đâu mà phải khép nép". Tuy ông nói vậy, họ vẫn không dám vô lễ, sang cả bên chõng, ngồi chen chúc nhau để nhường riêng một mình ông cái phản. Còn các bà cố nhiên là ngồi bệt cả trên thềm và dưới bếp.

Ông lý quay ra hỏi bác xã giai:

– Thế nào? Tôi thấy nói khó lắm phỏng?

– Vâng, xem chừng khó lắm cụ ạ. Suốt từ trưa đến giờ, nhà cháu đã dùng hết cách. Thôi thì họ bảo sao nghe vậy. Nào sắc nước bồ đề cho uống, và giã lá cóc mắn rịt bụng. Rồi những lá các ông các bà đem lại cho, bảo là kiến hiệu lắm mà cũng chẳng thấy kiến hiệu gì cả. Bụng vẫn rắn, vẫn chướng cụ ạ... Vừa rồi anh khán cháu lại đem sang cho ít thuốc bột của chị mán bán thuốc ê. Cháu cả còn đương cho uống, chả biết có...

Vợ vừa nín được một lát bỗng lại òa lên khóc và kể lể: "Ối giời cao đất dầy ơi! Nó mà mệnh nào thì tôi cũng đến chết mất thôi. Sao mà cái số tôi nó khổ sở, điêu đứng thế này, hỡi giời!".

Mọi người cảm động ngồi lặng yên. Trên trời tối đen, những ngôi sao nhấp nhánh, cùng nhìn cả xuống sân nhà xã Chừng như để chứng kiến nỗi thê thảm của nhà ấy.

Bác xã gái vẫn kể lể: "Các ông các bà tính, năm nay vận hạn nhà tôi như thế đấy. Đầu năm mất đứa con. Tháng ba có đàn gà toi

sạch. Tháng mới rồi con lợn đương lành mạnh hẳn hoi, bỗng tự nhiên chê cám, phải bán vội lấy nửa tiền. Bây giờ lại... hu! Hu...! Ôi giời cao đất dầy ôi! Tôi tội lỗi gì mà giời nỡ đầy đọa tôi cực... nhục..."

Đầu bác gục xuống đùi. Tiếng khóc nức lên từng cơn. Thảm thiết quá đến nỗi bà nào cũng dơm dớm nước mắt. Một bà đa cảm không cầm được giọt lệ, lấy vạt áo lau vội, gượng cười, nói lẩm bẩm một mình: "Nghe bác ấy khóc thảm quá làm mình cũng khóc lây".

Thằng Đục nhớn, con cả xã Chừng, ở sân sau đi lên, tay cầm chiếc đèn chai. Xã Chừng ngoảnh lại hỏi: "Thế nào mày? Bụng nó có dẹp đi được tí nào không?"

– Cứ vẫn thế bố ạ. Chẳng đỡ tí nào sốt. Ông trùm Súy bảo: giá có quế cho uống thì khỏi. Ông ta đã chữa mấy đám...

Xã Chừng ngẩn người ra, nói bằng giọng chán nản:

– Quế thì biết tìm đâu ra bây giờ?

– Quế à? Quế thì hiện tôi còn một đồng cân. Để tôi về cầm lại cho.

Vừa dứt lời, lý Cúc đứng dậy đi liền, dáng điệu hấp tấp. Mọi người đua nhau khen lý Cúc. Người thì bảo: Ông bộp chộp thế mà rất tốt. Người thì khen ông dễ dãi, hào phóng, không biết tiếc của. Người vừa khen vừa chê ông coi tiền như rác, mở bát hàng trăm, bán ruộng, bán nương xoành xoạch. Bao nhiêu nết hay, nết dở của lý Cúc truyền từ mồm nọ sang mồm kia. Họ mải chuyện, quên cả nhà chủ, nhất là bà chủ đương đau khổ ê chề, rên khóc thiểu não.

Lý Cúc chưa kịp mang quế đến. Thằng Đục con ở sân sau, hớt hơ hớt hải chạy lên, vừa nói vừa thở:

– Ngã mất rồi bố ạ!

"Ngã mất rồi!" Cái tin dữ dội xuất ở mồm nó như luồng điện làm tê tái cả mọi người. Bác xã gái nằm vật xuống thềm kêu thất thanh: "Ối giời ôi là giời ôi! Thế là cơ nghiệp nhà tôi đi đời, giời ôi!". Bác thở hồng hộc. Bà lý Nhãn ngồi lặng yên, một tay vuốt ngực bác xã cho khí uất xuôi xuống. Bà nghĩ không còn cách gì hơn. Cái sân đã vắng ngắt chỉ còn bác xã nằm thiếp trên thềm với bà lý Nhãn và hai bà hàng xóm ngồi cạnh.

Không đợi lý Cúc hỏi, bà lý Nhãn đã nhanh mồm nói: "Hỏng, ngã mất rồi cụ ạ".

Lý Cúc chạy ra sân sau. Trước cửa chuồng trâu mọi người đứng xúm đen xúm đỏ.

– Quế đây! Quế đây! Thế nào? Hỏng rồi à?

Vừa nói ông vừa cố lách vào để tìm xã Chừng. Một người trong đám đông nhích ra trả lời:

– Ngã thật rồi cụ ạ. Bây giờ thì thuốc thánh cũng chẳng cứu thoát.

Lý Cúc đã lách được qua đám đông đứng thừ người ra nhìn dưới ánh đèn chai lờ mờ một con trâu chỏng quèo, bụng đen ngòm, chương lên, to như con bò tướng đại. Bốn chân khẳng khiu, như bốn cái que mà đứa trẻ nghịch cắm vào củ khoai. Cái đầu vươn ra, cái mõm đen ướt long lanh dưới ánh sáng. Cặp mắt vẫn mở to, đã mất hết tinh thần như cặp mắt giả. Xã Chừng cái lom khom. Mấy giọt lệ thương tiếc rỏ xuống sống mũi con vật làm ướt một mảng lông. Mắt nó không chịu nhắm, mở trừng trừng đôi mắt ốc nhồi nhìn bác như thể chưa muốn rời bác mà đi. Cũng như lý Cúc quên cả mùi nước đái trâu xông lên sặc sụa khắp chuồng, mọi người đứng thừ ra nhìn xác con vật khốn nạn. Họ thương hại nó thì ít mà thương hại vợ chồng xã Chừng thì nhiều.

Khốn nạn! Nghĩ tình cảnh vợ chồng bác thực đáng thương. Mới có chừng sáu bảy năm về trước còn túng đói cực khổ. Chồng cày thuê cuốc mướn, vợ mò cua bắt ốc. Cả nhà cùng bóp bụng, nhịn bữa sáng, ăn bữa tối, dành dụm cả năm mới được cái vốn vài ba đồng. Vợ bỏ nghề chân lấm tay bùn, xoay nghề hàng sáo. Sớm ngày đi khắp làng, vào các nhà giàu đong thóc về xay giã, sàng sẩy lấy thúng gạo, mẻ cám bán chợ. Nhờ giời hai thằng con đầu, thằng Đục nhớn, thằng Đục con, tuy bữa no bữa đói mà vẫn khỏe mạnh, nhớn như thổi. Chúng đã đi ở chăn trâu cho người và đã đem về cho nhà được ít tiền gom góp vào lưng vốn. Bốn năm giời, tích tiểu thành đại, vợ chồng đã tậu được con lợn nhỏ. Vận lúc đỏ làm việc gì cũng như có giời giúp. Không bao lâu, tiền của dư dật, tậu được con trâu.

Và từ khi có con trâu như có phép lạ, lợi lộc thu vào gấp bội. Ruộng nương sinh đẻ dần vì nó. Bầu được xã nhưng cũng vì nó. Vì nó mà sửa sang được cái nhà cho ra hồn, vì nó mà cả nhà no ấm. Chả thế mà khắp khu xóm phao đồn lên rằng: "Vì bác tậu được con trâu ẩn khoáy sau". Họ thường nói ra cửa miệng: "Ẩn khoáy sau làm giầu cho chủ". Con trâu có quý tướng như thế, bỗng lăn ra chết thì ai không đứt ra từng khúc ruột! Khốn nạn! Tình cảnh hai vợ chồng thật đáng thương. Nhưng biết làm thế nào? Con trâu khốn nạn đã tắt thở. Mọi người tản mát dần. Lý Cúc bảo xã Chừng:

– Bây giờ sự thể đã như thế, có buồn cũng không sao kéo lại được nữa. Chi bằng bác đi với tôi đến nhà lý trưởng để tôi bảo hắn lên quan xin cho phép chôn thôi.

– Bẩm cụ, liệu có phải mất quà cáp gì không ạ?

Lý Cúc suy nghĩ một lát rồi chậm rãi nói:

– Kể ra thì tôi với hắn là chỗ họ đương. Tôi còn là chú hắn. Nhưng mà tôi thiết tưởng... bác cũng nên đãi hắn một vài đồng thì hơn. Công việc sẽ được nhanh chóng, chứ cứ để nó nằm mãi đây nghĩ cũng phiền lắm.

Xã Chừng, nét mặt ủ rũ:

– Thì thôi trăm sự nhờ cụ dạy thế nào cháu cũng xin vâng.

Lý Cúc vắt tay ra sau lưng, lững thững bước một lên nhà trên. Bỗng đổi ý quay lại, nói:

– Hay là thế này. Bác đưa hẳn cho hắn ta ba đồng, nói nhỏ với hắn im đi, rồi bán quách cho thợ thịt lấy dăm bảy đồng. Như thế mình chẳng mất gì mà lại có phần lợi một tí...

Xã Chừng hốt hoảng, vội kêu:

– Ấy chết! Chớ! Tội nghiệp! Ai lại nỡ thế!

Lý Cúc hơi có giọng gắt:

– Tội nghiệp quái gì. Con vật chứ có phải người đâu mà tội với nghiệp. Bác này rõ lẩn thẩn.

Xã Chừng nghĩ đi nghĩ lại, vẫn không nỡ:

– Cụ đã có lòng tốt, muốn làm lợi cho nhà cháu. Nhưng mà thôi cụ ạ, kẻo rồi lại hối hận.

Lý Cúc có ý không bằng lòng, nói:

– Cái đó tùy bác. Nhưng mà tôi bảo thật: Bác lẩn thẩn lắm...

... Sáng hôm sau, trong quán đá chợ Cầm nguyên một phản thịt trâu đầy. Các bà lý, bà khán, thấy chồng lâu chưa được bữa thịt trâu bèn mua mỗi bà một miếng, hý hửng xách về làm nhắm cho chồng. Thì ra hai anh em thằng Đục tinh quái, đã bán ngầm con trâu cho anh hàng thịt lấy năm đồng, đèo thêm một miếng thịt thăn. Sáng hôm ấy, chúng nó cũng làm một mâm rượu tươm tất để bố khuây khỏa nỗi buồn. Bác xã gái tiếc quá, thành bệnh, nằm dần dọ trên giường. Bác luôn luôn lảm nhảm một mình:

– Biết thế bán mẹ ngay nó lấy sáu mươi nhăm đồng thì đâu đến nỗi. Chỉ tại thầy nó... Đến bực mình! Cứ để kệ thây người ta lại hóa xong. Hễ cứ động mó đâu là chết trâu đấy.

Chỉ vì tức uất quá mà bác gái đã đổ khuấy cho chồng. Thực thì tại cả vợ lẫn chồng. Tại vợ nhiều hơn, vì việc mua bán "này khác các cái" đều do ở như bà vợ cả. Ông chồng chỉ bàn suông thôi. Nếu không thì chuyến này đã bị đay nghiến, đủ tình đủ tội rồi.

Hai hôm sau, con trâu nhà quán Tý ở liền cạnh cũng chương bụng, lăn đùng ra chết. Rồi đến con trâu nhà khán Đa, con trâu nhà xã Thồn. Tin đồn dậy khắp làng: dịch trâu! Dịch trâu!

Bác xã khỏi hẳn bệnh. Chẳng gì an ủi bác bằng cái tin dữ dội ấy. Chỉ một câu nẩy tự trong tâm bác: "Chẳng riêng gì mình khổ" cũng đủ làm cho bệnh bác tiêu tán.

In trong *Truyện quê* (tập truyện ngắn),
Nhà xuất bản *Lượm lúa vàng*, Hà Nội, 1942.

AI PHẢI

(Truyện ngắn)

Ngót một tháng nay, Khoản trông có dáng băn khoăn, tư lự. Chiều nào cũng vậy, xong công việc đồng áng, dắt trâu, vác cầy về giao trả nhà chủ, hắn đi thơ thẩn trên con đường làng, hai tay vắt sau lưng hoặc đưa lên cằm mím môi lại nhổ râu, mặt cúi gầm, cặp mắt chăm chú nhìn xuống đất như đếm từng bước, hoặc ngửng lên nhìn vẩn vơ. Trong trí hắn đương mải so sánh nhà mình với mấy nhà bên cạnh. Hắn bực tức. Kể cũng bực thật. Mấy nhà ấy trước kia cũng bình thường như nhà hắn. Cũng cầy thuê, cuốc mướn, cũng thuê vườn, thuê ruộng của người, cũng chăm chỉ, cần cù đến như hắn là cùng. Họ cũng chẳng tài giỏi gì hơn. Không những thế, họ còn con cái đầy đàn, ăn tiêu có phần tốn hơn. Hắn trơ trọi có hai vợ chồng. Mãi năm ngoái mới thêm được mụn con giai. Thế mà, không hiểu sao, họ làm ăn cứ mỗi ngày một khá. Nay họ đã tậu thêm người vài sào, người một mẫu. Còn vợ chồng hắn thì từ khi ra ở riêng đến giờ vẫn quanh quẩn một cái nhà gianh tường vách, một cái nhà bếp lụp xụp như túp lều, một cái sân đất nhỏ xíu, và đằng sau nhà, một cái vườn rộng chưa đầy một sào với cái ao con quanh năm chỉ thả bèo để nuôi một con lợn, cái vốn độc nhất của vợ chồng hắn. Cố tìm tòi xem họ có bí thuật gì, hắn vẫn chẳng thấy gì khác. Vì thế hắn lại càng bực tức. Một lần, ăn cơm tối xong, hai vợ chồng ra ngồi xỉa răng, uống nước trên thềm, hắn đã thổ lộ ý nghĩ ấy thì vợ hắn trả lời gọn lỏn bằng một câu ca dao: "Mình này, số giầu đem đến dửng dưng, lọ là con mắt tráo trưng mới giầu". Hắn cáu kỉnh đứng dậy, vùng vằng đi lại võng:

– Phải, số. Cứ nằm dài ra mà ăn, mà chơi rồi đợi số.

Không để ý đến nỗi bực dọc của chồng, vợ tủm tỉm cười trả lời tiếp luôn bằng một câu ca dao nữa: "Này mình ơi! Số giầu lấy khó cũng giầu, số nghèo chín đụn mười trâu cũng nghèo". Nói rồi, vợ vào trong nhà ẵm lấy đứa bé lên hai nằm trên phản, đi đi lại lại, hát ru bằng mấy câu ca dao ban nãy. Giọng trầm bổng buồn buồn ngân

trong mấy gian nhà tịch mịch. Chồng nằm võng thở dài, rồi đưa tít đi, cốt để tiếng kẽo kẹt làm lấp tiếng hát của vợ... Một lúc lâu, chiếc võng đưa đi đưa lại chậm dần, chồng thiu thiu ngủ, đứa con nằm trong lòng mẹ cũng lim dim mắt. Vợ tươi tỉnh đi lại sát võng, định đặt đứa con lên ngực chồng:

– Này, mình bế con tí, nó ngoan ngoãn thế này chả đủ sướng hay sao, tội gì mà cứ nghĩ vẩn nghĩ vơ cho thêm phiền.

Chồng đang lúc buồn bực, lấy tay gạt cả vợ lẫn con ra, giọng gắt gỏng: "Hừ! Người ta đang khó chịu đây".

Vợ không giận, ẵm con lại giường nói nựng: "Bố cu kêu khó chịu. Việc gì mà khó chịu, nhỉ, cu nhỉ. Úi nao ôi! Chi sằng cu tôi nà ngoan nắm sôi, nó chẳng khó chịu tí nào sất".

Chồng càng bực mình, thở dài, gắt: "Im đi! Khó chịu lắm".

Không mấy chiều là Khoản không băn khoăn bực dọc như vậy. Nhưng chiều hôm nay, đi gặt thuê tận trên Hu về, hắn vui vẻ cất tiếng hát nghêu ngao ngay từ đầu xóm. Ai trông thấy nét mặt hắn hớn hở cũng biết hắn đương sung sướng một cách bồng bột.

Vợ gẩy rạ ngoài sân gọn lại thành đống, thấy chồng vui vẻ khác hẳn mọi ngày, lấy làm lạ, tươi tỉnh hỏi: "Này mình ơi, mình đắc chí cái gì thế? Ước gì lúc nào mình cũng vui vẻ thế nhỉ!"

– Hoài của, tiếc quá mình ạ.

– Tiếc cái gì cơ mình?

Nói xong vợ nhoẻn miệng cười, biết chắc chồng đương ưng ý sự gì.

– Tiếc thật mình ạ. Giá cánh mình nghĩ ngay ra từ độ ấy thì chẳng giàu cũng khá rồi, đâu đến nỗi vất vơ vất vưởng.

Vợ lườm chồng:

– Mình chỉ nói dở. Việc gì mà vất vơ vất vưởng? Nhưng mình nghĩ ra cái gì mới được chứ? Từ nãy chẳng hiểu mình định nói cái gì.

– Để lát nữa tôi sẽ bảo. Tiếc quá!

– Thì bảo người ta ngay bây giờ có được không? Khéo ỡm ờ lắm. rồi lại chẳng có cái gì cho mà xem.

– Có chứ. Nhưng mà để lát nữa. Bây giờ thì hãy uống bát nước chè nóng, hút điếu thuốc đã. Nhà có chè nóng không mình?

– Có, nhưng không được nóng lắm mình ạ. Hãy để tôi đi đun ấm khác cho mình.

– Thôi, âm ấm cũng được.

Lát sau, hai vợ chồng ngồi trên thềm, chân rủ xuống sân. Đứa trẻ thức dậy ngồi trong lòng mẹ, giằng tay mẹ ra, bò đi bò lại từ chỗ mẹ đến chỗ bố, từ chỗ bố đến chỗ mẹ bốn năm lượt, mồm luôn luôn kêu: "Bà, bà" chán rồi nó ngồi lấy tay di rãi của nó rỏ xuống đất.

– Bẩn nào! Quái ở đâu ấy!

Vừa quát, Khoản vừa vươn tay ra kéo thằng bé vào lòng. Hai vợ chồng cùng vui vẻ. Vợ bắt đầu vào chuyện:

– Thế nào? Mình vừa bảo nghĩ ra cái gì?

– Cũng không phải tôi nghĩ ra, mình ạ. Tôi lên Hu, gặt cho một nhà cũng vào bậc khá. Tôi để ý đến cái vườn chè và cái vườn cải của họ. Tốt quá! Cây nào cây ấy xanh mơn mởn. Chủ nhà là một người đàn ông khỏe mạnh, lực lưỡng trông có vẻ xềnh xoàng như mình. Giáng chừng thuở hàn vi anh ta cũng là một anh canh điền. Thấy tôi khen, ông ta thích chí kể lai lịch hai thửa vườn quí hóa của ông. Hai thửa vườn ấy, ông ta kể, trước kia chỉ bỏ hoang cho cỏ mọc vì đất vừa chua vừa rắn như đá, chẳng khác thửa vườn của chúng mình tí nào. Sau có người đến mách lấy bùn ao ngay liền đây phủ lên vài lớp mà giồng chè, giồng cải thì tha hồ tốt. Còn cái ao họ khuyên nên thả cá lợi hơn thả bèo nhiều. Ông ta làm theo, bây giờ mới khấm khá được thế. Mình ạ, giá chúng ta nghĩ ngay ra từ trước thì cũng đã khá rồi.

– Thế thì tiếc thật nhỉ. Hay bây giờ cánh mình bắt đầu làm.

– Ừ đã cố nhiên. Nhưng mà...

Vợ ngắt lời:

– Số cánh mình đấy, mình ạ. Tôi còn nhớ nhời thầy bói bảo mình năm băm nhăm mới khấm khá.

Chồng nhầm tưởng tướng mình chỉ vào vợ, thở dài:

– Thế thì mãi mười năm nữa mới khấm khá cơ à? Lâu quá nhỉ?

Vợ hất cằm về phía chồng, cười nói:

– Là thầy bói xem tôi mà đoán tuổi đằng ấy đấy chứ. Năm nay đằng ấy đã ba mươi rồi, còn năm năm nữa thôi.

Chồng sung sướng tủm tỉm cười:

– Có lẽ đúng đấy, mình ạ.

Đêm ấy, hai vợ chồng không nằm yên, cùng mơ tưởng đến cách làm giầu.

Chốc một, hoặc vợ hoặc chồng lại nhắc đến câu chuyện ban chiều.

Chiều hôm sau, vợ chồng đã sốt sắng vào công việc tát nước ỳ õm cho đến mãi nửa đêm. Chưa đầy ba hôm cái ao đã cạn sạch. Chồng nghỉ việc ở nhà lấy bùn đổ lên mặt vườn. Vợ vẫn có nghề bán bún riêu. Sáng chiều gánh đi các chợ hoặc ngồi ở đầu quán. Sáng nay bán vừa xong gánh hàng đã tất tưởi về cho chóng, đặt vội gánh vào một chỗ, ẵm con ra đứng bờ ao ngắm chồng làm việc;

– Cu ơi, cu có thương thầy không? Cu có quý thầy cu không? Thầy làm giầu cho cu đấy cu có biết không?

Nàng ôm con trong cánh tay, vừa nựng vừa nâng lên hạ xuống làm cho thằng bé thích chí cười sằng sặc.

Chồng vai gánh đôi gầu sòng như hình nửa chiếc thuyền thúng nhỏ, hẹp lòng và đầy bùn đen nháy, bước từng bước nặng nhọc lên những bực thang làm tạm bợ bằng những nhát cuốc bật xuống ria bờ. Đi qua trước mặt vợ, anh chàng vừa thở vừa khoe: "Bùn này phải biết. Cây nào cũng phải tốt". Vợ ngắm nghía những đống bùn như những cái chảo úp xếp hàng lũ lượt trên mặt vườn, mừng:

– Tốt thật! Hoài! Giá có vải nâu mà nhuộm để may sống thì tha hồ mà đen.

– Ừ nhỉ! Hay bu nó mua lấy mươi mười lăm vuông về nhuộm kẻo hoài.

– Nói thế chứ tiền đâu... Với lại mình cũng đủ mặc rồi, mua làm gì cho phí.

Công việc tát ao lấy bùn đã xong. Hai vợ chồng chỉ còn đợi cho bùn trở nên đất ải là khởi đầu việc trồng trọt. Cái ao chỉ còn đợi trời mưa xuống vài trận là có nước thả cá và nếu mộng tưởng tốt đẹp ấy đi xa độ vài ba năm nữa thì nương chè đã xanh um những lá non, lá già; cái ao đã đầy ứ những cá mè, cá chép. Con nào con ấy thi nhau mà nhớn mà béo mập. Thế là giầu. Thì ra biết cách làm giầu cũng không lấy gì làm khó.

Nhưng mà được hơn tuần lễ, xã Cỏn bên kia, tự nhiên bị đau mắt. Hai hôm sau đến thằng con giai cả. Rồi đến đứa con gái lớn. Rồi đến thằng ở chăn trâu, rồi đến vợ bác. Trong vòng có mươi hôm mà gần hết cả nhà cùng bị. Lạ thật! Chắc là động địa gì ở đâu đây chứ khi nào lại gần hết cả nhà cùng đau mắt bao giờ; chả còn cách gì hơn là đi xem bói. Chỉ thầy bói mới tìm được nguyên do cái tai nạn này. Bác xã gái nghĩ vậy. Cứ gì bác. Ai mà không phải nghĩ vậy...

Nghĩ vậy, bác liền đi chợ Hạ Am, lần đến ông thầy Tiên, một thầy bói giỏi nhất vùng. Vừa gieo xong quẻ, thầy đã bảo cho bác biết về phía đông có người đào ngòi xẻ rãnh nên động đến mả ông tam đại. Bác xã ngẩn người ra nghĩ... Bác nghĩ đến cái ao của nhà xã Khoản:

– Ừ, đúng thật. (Tuy cái ao ấy về phía bắc...) Chết chửa! Thế thì không đi xem bói, cứ thuốc men rịt chữa mãi có khốn không!

Bác thưởng thêm cho thầy một hào rồi đứng dậy không kịp mua bán, đi thẳng về mách chồng.

Cả nhà sợ thất điên bát đảo. Bác xã giai vội chạy sang bác Khoản. Bấy giờ vào độ chín mười giờ sáng. Vợ Khoản đi bán bún riêu chưa về. Khoản ẵm con trên lòng nằm võng sẽ đá đưa...

Thấy xã Cỏn hớt hơ hớt hải ở sân đi vào, anh bế con đứng dậy hỏi:

– Kìa bác xã. Có việc gì thế bác?

– Tôi, tôi...

– Việc gì thì bác hãy ngồi xuống đây uống với tôi một chén nước đã nào. Bác đã đỡ đau chưa? Tôi nghe thấy nói hai bác cùng đau mắt. Tôi bận quá, không lúc nào rỗi sang thăm các bác được. Bác đã đỡ rồi đấy chứ?

Xã Cỏn thở dài:

– Bác trông mắt tôi đây này. Khỏi được đã phúc. – Vừa nói, xã Cỏn vừa lấy mấy ngón tay nhấc miếng vải màn dầy cộp những dử – Chả giấu gì bác, tôi sang đây cũng chỉ vì việc ấy thôi.

Khoản còn đương ngẩn người chưa hiểu thì xã Cỏn tiếp luôn: –Bác ạ, việc này tôi phải nhờ đến bác mới xong.

– Nhờ đến tôi?

– Vâng phải nhờ đến bác. Ngoài bác ra, chẳng thuốc thang nào trị nổi. Thôi thì anh em xa không bằng láng giềng gần, bác nên thương tình tôi, thương cả nhà cả ổ tôi mà...

– Chết! Sao bác lại nói thế?

– Không, thật đấy mà. Bác thương đến chúng tôi, lấp lại cái ao cho cả nhà chúng tôi nhờ, không có thì nguy cho cả nhà chúng tôi mất. Tôi chắc bác chẳng nỡ vì một cái ao mà để cho cả nhà chúng tôi bị hại. Hay là bác có thiệt thòi, vất vả khó nhọc mất mấy hôm thì tôi xin nộp bác hai đồng, bác bằng lòng vậy.

Khoản đã nghe ra, vội chống chế:

– Bác cứ dạy thế, chứ khi nào tôi lấy tiền của bác. Nhưng mà tôi thiết tưởng cái ao nhà tôi nó có can hệ, động chạm gì đến nhà bác đâu mà...

– Ối giời ơi! Bác lại bảo không động chạm gì đến nhà tôi! Bác không coi lời thầy bói vào đâu à? Bác không biết chứ, bao nhiêu người ốm đau, khốn khổ, mất cơ mất nghiệp vì những cái rãnh, cái hồ đào phạm vào hướng nhà, vào năm tuổi, vào mồ mả, đất cát của người ta đấy!

Khoản ngồi đăm đăm nhìn ra sân, trí đương đeo đuổi công việc làm giầu.

Không thấy Khoản trả lời, xã Cỏn cho là Khoản đã xiêu lòng bèn đứng dậy kết câu:

– Câu chuyện của tôi quanh đi quẩn lại chỉ có thế, bây giờ tôi xin phép bác tôi về. Bác nhớ giúp tôi. Tôi không dám quên ơn bác. À, mà thế này thì tiện hơn. Mai tôi cho thằng ở nó sang hộ bác.

Nể quá, không lẽ chối từ thẳng ngay, Khoản đứng dậy tiễn khách, trả lời nước đôi:

– Bác hãy thong thả, để tôi còn bàn lại với nhà tôi. Có thế nào, mai tôi sẽ... Nhưng mà tôi cho lão thầy bói nói láo chứ khi nào cái ao của tôi lại dính dáng đến nhà bác... Vả lại tôi có đào đâu, tôi chỉ lấy bùn lên... Đào khác, lấy bùn khác.

Xã Cỏn đã bước xuống sân, quay lại vái lia lịa:

– Tôi van bác, tôi lạy bác. Bác đừng nên tiếc rẻ ít bùn mà nói thế, mất cả tình hàng xóm láng giềng. Ông thầy Tiên nổi tiếng thế nào bác đã biết đấy.

Thằng bé ngồi một mình, lê la mép phản ngã khóc òa lên. Khoản vớ được dịp tốt chạy vào ẵm lấy nó, dỗ.

Xã Cỏn còn khẩn khoản thêm một câu nữa mới đi hẳn.

Gần trưa vợ về. Khoản thuật lại câu chuyện của xã Cỏn. Vợ tức giận bĩu môi nói:

– Gớm! Dễ nghe nhỉ. Họ cho chúng mình như con nợ của họ không bằng... Thế đằng ấy có bằng lòng không?

– Tôi thấy hắn khẩn khoản chí thiết quá nên không nỡ từ chối ngay. Tôi có bảo hắn ta hãy thong thả để tôi còn hỏi ý mình xem đã.

Vợ nói gắt:

– Sao mình không chối phắt ngay bấy giờ có được không, nể với nang gì. Thế mình túng bấn thì họ có cưu mang mình không? Được, để mai tôi bảo.

Sáng hôm sau, thằng ở chăn trâu vác cuốc sang định làm giúp. Vợ Khoản bế con đứng trên thềm nói ra:

– Này em, về nói với các bác bên ấy rằng: việc bên này làm không có can thiệp đụng chạm gì đến bên ấy nhé.

Thằng bé lủi thủi vác cuốc về. Vợ Khoản nói thật to cốt để bên kia nghe rõ:

– Sao mà họ có ý tưởng lạ đời thế! Giá phỏng thầy bói bảo động vì cái nhà bên mình có lẽ họ cũng bắt mình rỡ nhà đi chắc. Nói thế mà nghe được.

Tưởng rồi hai bên chỉ giận nhau, không đi lại nhà nhau nữa là cùng. Ai ngờ, chiều, vợ xã Cỏn đi chợ về, nỗi cơn tam bành lên, xắn váy chạy ra cổng, chõ mồm sang nhà Khoản chửi bóng chửi gió thậm tệ:

– Cha con đẻ ra mẹ nó chứ! Nó đào tổ ông tổ cha nhà nó lên để làm hại nhà bà. Cha...

Vợ Khoản nghe rõ mồn một cũng vén váy chạy ra cổng chửi đổng:

– Cha con bà nhà nó chứ! Bà đào ao đào chuôm nhà, nghe tên Khoản thuật chuyện lại, thưa, thưa các cụ, bà, bà có đào tổ ông tổ cha nhà nó lên đâu mà...

Vợ xã Cỏn chạy xấn lại:

– À, con này giỏi thực, mày chửi bà đấy hử?

Rồi bất thình lình tát đánh đét một cái vào má vợ Khoản. Hai bên cùng túm tóc nhau rúi xuống. Một lũ con cái nhà xã Cỏn ùa ra đánh hôi. Khoản gái kêu la rầm rĩ:

Ối làng nước ôi! Chúng nó đánh chết tôi!

Nghe thấy tiếng vợ. Khoản giai đặt vội con xuống thềm, chạy ra cứu. Vốn tay lực điền khỏe như vâm, hắn xông vào đấm túi bụi. Trong lúc loạn đả, thằng con cả xã Cỏn thủ hòn gạch trong tay nện vào đầu Khoản. Vợ Khoản thấy chồng máu mê chảy ròng xuống trán sợ quá, kêu: "Ối làng nước ôi! Nó đánh chết chồng tôi rồi!". Hàng xóm bổ ra can. Hai bên cùng bị thương. Xã Cỏn thâm tím cả mặt mày, trán biêu lên bằng quả ổi. Hai người đàn bà không đau lắm

nhưng xống áo cùng rách bươm. Họ không cấu xé nhau nữa, nhưng cùng phân bua, viện lẽ phải cho nhà mình với những hàng xóm đứng xúm xít chung quanh. Chốc chốc lại sói nhau bằng những lời thô bỉ tục tằn. Chán rồi nhà nào về nhà nấy. Ngõ xóm chỉ còn sót vài ba người vô công rồi nghề đứng dốn lại bàn tán, kẻ đổ lỗi tại bên này, kẻ đổ lỗi tại bên kia.

Khoản giai đã rửa sạch những vết máu trên mặt và rịt chỗ đau bằng nắm lá nhọ nồi. Hắn ngồi trên thềm, hai khuỷu tay chống gối. Hắn vẫn còn căm tức, lẩm bẩm chửi rủa luôn mồm.

Khoản gái để nguyên áo rách ẵm con ngồi cạnh, xui chồng ra đình nhờ các cụ phân xử.

– Được rồi, ngày kia có việc làng, tôi phải đem việc này ra trình các cụ. Nó tưởng nhà nó đông người muốn ức hiếp người ta thế nào cũng được à? Tức thật!

Bên kia xã Cỏn cũng cho mình là phải, lăm le đợi ngày đi thưa. Cũng như Khoản, hắn ngồi trên thềm nhà lẩm bẩm:

– Chuyện này mày sẽ biết tay ông. Mày tưởng ao của mày, mày muốn đào ông đào cha mày thế nào cũng được hẳn?

Ba hôm sau, các cụ họp việc làng, không phải để phân xử việc của hai bác hàng xóm (hai bác là thứ gì mà được các cụ họp việc làng?) nhưng để bàn nhau đặt lại thể lệ khao vọng. Vì có nhiều ông chánh, phó lý cựu ghen tỵ với một ông vừa được bát phẩm. Họ dám tị cả với một ông hàn mới.

Họ phao đi khắp làng rằng: cái anh bát vừa rồi ra trình làng chẳng đáng ngồi trên họ chút nào. Chữ nghĩa vị tất đã bằng họ. Kể họ ghen tị cũng phải. Họ tốn công, tốn của để rồi cứ thụt lùi xuống mỗi khi có một ông bát, ông cửu, ông hàn, ông hiếc nào ở đâu mò về, bỏ ra một trăm hay trăm rưởi nộp tiền khao vọng chay cho làng. Không, không khi nào họ chịu lép thế!

Nhưng đến khi ra việc làng, các ông đều ngồi ngậm tăm, không ông nào dám đả động. Các ông sợ phạm đến các cụ chức sắc bên trên. Chỉ có lý Cúc, một tay lý cựu bướng bỉnh, gân guốc, lý sự, dám đứng lên nói: "Trên có các quan, các cụ và đông đủ mặt làng, tôi xin thưa vài lời, hay thì các quan các cụ để, mà có nhầm lỗi thì các cụ cũng đại xá". Trong lúc đợi các cụ cho phép, ông đằng hắng mấy cái để lấy giọng, đoạn ông nói tiếp:

– Thưa ông hàn, ông bát vừa rồi có nộp lệ làng theo thứ bậc. Nhưng tôi thiết tưởng, hàn năm bảy hạng hàn, bát năm bảy hạng bát. Hàn như các cụ là chân khoa mục hay ấm tử, ấm tôn, học rộng tài cao thì lại đi một nhẽ. Đằng này các ông ấy chữ nghĩa chẳng có gì, đi làm đi liếc ở đâu, tự nhiên vác cái phẩm hàn về đi ăn trên ngồi chốc, chúng tôi nghĩ như thế không được công bằng. Vậy xin các quan, các cụ xét lại cho các đàn em chúng tôi.

Nói rồi, lý Cúc ngồi xuống, để lại sự ngạc nhiên trong óc các ông rút rát. Ông hàn, ông bát mới đều không có đấy. Một ông trong họ đứng dậy cãi hộ: "Thưa trên có các quan, các cụ cùng đông đủ mặt làng, ông lý tôi nói thực vô lý. Tôi trộm nghĩ: chức hàn, chức bát là phẩm tước của nhà vua ban, ai mà không phải trọng. Khoa cử, chữ nghĩa lại là việc khác. Còn như ông ta bảo: chẳng công cán gì với làng, thì xin lỗi các cụ, tuy chưa có công với làng, nhưng đã có công với nước. Ông hàn, ông bát tôi cũng vậy, nếu không sao được hàn lâm, bát phẩm của triều đình ban cho?".

Hai bên đấu khẩu. Bên xin tăng tiền khao lên gấp đôi. Bên xin cứ giữ giá cũ, kẻ nói đi, người nói lại, từ sáng đến gần ngọ vẫn chưa ngã ngũ ra sao. Các cụ ngồi lâu đã nóng ruột, bàn đến phiên việc làng hôm rằm này, có quan tiên chỉ về chủ tọa mới nhất định thể lệ được. Ý các cụ muốn gấp đôi tiền khao vọng, hoặc vừa khao chay, vừa khao mặn cho đàn anh, đàn em khắp làng cùng hưởng. Nhưng việc khí hệ trọng, các cụ chưa dám thổ lộ ra. Có lẽ rồi cũng phải đến thế mới yên với bọn chánh, phó lý cựu.

Các cụ ra lệnh giải tọa, sắp đứng dậy về... Khoản nấp sau ông lý Hiểu, một đàn anh trong họ nhà hắn, lấy tay sẽ bấu lưng để nhắc ông về việc của hắn. Ông lý Hiểu bèn đứng lên thưa: "Xin các cụ hãy bớt ít thời giờ ngồi lại để phân xử về việc của tên Khoản, kẻo oan ức hắn lắm". Rồi ông kể từ đầu đến chí cuối câu chuyện lôi thôi của Khoản với xã Cỏn, kết luận: "Nhà ai có ao mà chả có lúc lấy bùn đổ ruộng hay đổ vườn cho tốt đất. Thế mà tên xã Cỏn dám vin cớ vì tên Khoản đào ao làm cho nhà hắn động, sinh ra đau mắt cả nhà rồi lại sinh sự đem cả nhà ra đánh đập vợ chồng tên Khoản. Thật là bạo ngược vô lý quá. Xin các cụ bắt lỗi tên Cỏn để làm gương cho kẻ khác". Lý sự của ông có phần chắc chắn, song lời ông vừa sẽ vừa dè dè, nghe mất cả hùng hồn. Ông vừa dứt lời thì bên kia, lý Tảo, bác ruột xã Cỏn, một bực lão, đạo mạo, có vai vế trong làng, đứng phắt dậy cãi hộ cháu.

– Thưa các cụ, ông lý tôi nói rất hồ đồ. Ông ấy chỉ nghe tên Khoản thuật chuyện lại, thưa, thưa các cụ, chính tôi đã mục kích sở thị. Tên Khoản cứ lấy bùn thôi thì ai nói làm gì. Nhưng tên ấy đã lấy đi mấy lượt bùn rồi, lại khoét thêm đất cho sâu ao xuống nữa, vì thế mới động đến nhà xã Cỏn. Sự còn rành rành ra kia; xã Cỏn đâu, ra trình diện để các cụ xem.

Xã Cỏn đứng sau lý Tảo dạ một tiếng thật to rồi ra đứng trước mặt cụ, mặt phủ vuông vải màn.

Lý Tảo truyền lệnh: "Nhấc cái khăn lên!" rồi quay sang phía các cụ nói: "Thưa các cụ, tên Khoản đào ao được bốn năm hôm thì, khốn nạn! Cả nhà xã Cỏn cùng bị đau mắt dữ dội như thế đó! Nếu không nhờ có thầy bói, chắc các cụ cũng biết tiếng thầy bói Tiên, nếu không có ông ta thì còn có biết đâu mà rờ. Các cụ rủ lòng thương mà xét cho nhà hắn nhờ. Khốn nạn! Vợ chồng con cái, cả đến thằng ở cũng bị. Không động thì khi nào lại có sự lẹ làng như thế". Tiếng ông nói oang oang. Chức vị cao quý của ông lại càng làm cho lý sự ông thêm vững như bàn thạch.

Các cụ còn phân vân. Cánh đằng xã Cỏn nấp dưới oai quyền lý Tảo nhao nhao lên cãi hộ. Một ông trong đảng đứng lên thưa:

– Bẩm các cụ, cụ lý chúng tôi nói phải lắm. Nếu ai cũng viện lẽ của nhà mình, muốn đào ngang đào dọc thế nào cũng được thì rồi làng ta sẽ động to mất.

Lý Tảo, nhân câu ấy, tìm ra được lẽ nữa, đứng dậy nói:

– Thưa các cụ, nếu tên Khoản mà tự do đào được, thì, xin lỗi các cụ, tôi đây có thửa vườn ngay trước cửa đình, tôi đây cũng có thể đào được.

Ông nói thế là vì ông đã biết cái vườn của ông thuộc vào kiểu địa lý tối can hệ của làng. Đắp cao lên còn được, chứ mà đào sâu xuống độ thép mai, chỉ một thép mai thì phải biết, cả làng động.

Nghe đến cái lý ghê gớm ấy, các cụ không còn phân vân nữa, liền kết án: bắt tên Khoản lập tức phải gánh bùn đổ xuống ao, đem giầu cau ra đình tạ tội và sửa lễ gà xôi tạ ông thổ cai quản cánh đồng có ngôi mộ tam đại nhà xã Cỏn.

Phép vua còn thua lệ làng, mà lệ làng ở như mồm các cụ đặt ra, Khoản chỉ còn cách cúi đầu vâng theo mệnh lệnh. Cả ngày hôm ấy, Khoản hỳ hục gánh bùn đổ xuống ao, bồ hôi, bồ kê tuôn ra đầm đìa. Trên gò má những giọt... không biết bồ hôi hay nước mắt...

Vợ Khoản ẵm con đứng thừ ra nhìn chồng làm việc, chốc một lại thở dài, thâm gan tím ruột vì các cụ. Có lúc uất quá, chị ta ứa nước mắt, lẩm bẩm nói một mình: "Các cụ xử ức thật. Những lúc này, muốn bỏ mẹ nó làng mà đi biệt cho rảnh".

Nửa tháng sau, cơn tức của vợ chồng Khoản hình như vẫn chưa nguôi hẳn. Xã Cỏn bên kia mắt vẫn còn đỏ như mắt cá rói. Có lẽ vì nốc nhiều rượu quá. Hắn vốn nghiện rượu, ngày chén hai, ba, bốn bữa không chừng. Đứa gái lớn đã khỏi, nhưng mắt thành lông quặm. Vành mắt và kẽ mắt lúc nào cũng đỏ hoe và ướt nhè.

Vợ Khoản nhiều lúc nựng con, nói có ý rủa bên hàng xóm: "Cu ơi! Cu nhớn lên, cu đừng có ăn hà ăn hiếp người ta lắm, nên giời làm cho toét mắt, chẳng ma nào nhìn. Rồi thì còn thong manh, còn đui mù nữa ấy cu ạ".

Hình như rủa được thế, lòng chị ta hả hê. Chị ta xốc nách thằng bé, nhấc bổng lên. Thằng bé thích chí, đập hai chân xuống quãng không, cười reo vang nhà. Chị ta âu yếm ôm chặt con trong lòng, vừa hôn hít vào hai bên má vừa nói đợt ra từng tiếng: "Hự! Hự! Bây giờ thì con tôi ngoan nắm đấy. Hự! Hự! Nhớn lên con ăn ở có nhân có nghĩa, có thủy có chung. Hự! Hự! Để giời thương thánh độ chứ chả khi nào lại vô phúc như lũ chúng nó, nhỉ con tôi nhỉ!" Sau mỗi cái hít là có hai tiếng "hự, hự" tiếp theo. Đoạn chị ta bồng con như đưa võng, hát ru:

A, a... Bồng bồng bồng... Có tài mà cậy chi tài, chữ tài liền với chữ tai một vần...

In trong *Truyện quê*, tập truyện ngắn của
tác giả, Nhà xuất bản *Lượm lúa vàng*,
Hà Nội, 1942.

LÒNG CHA

(Truyện ngắn)

Một buổi sáng về tháng sáu. Khắp các phố tỉnh Tuyên ngủ lịm trong sương mai. Năm thì mười họa mới thấy một cửa hàng hé mở như vừa ngáp dậy. Trên con đường theo dải sông Lô, vài ba chiếc xe tay lẽo đẽo đi bách bộ. Bên kia sông, xa xa, dẫy núi Tràng Đà hùng vĩ, ngọn phủ trong những đám mây trắng lơ lửng trên từng không. Dưới chân núi, rừng cây um tùm mờ mịt trong khói lam. Vài ba chiếc thuyền tẻo teo, chiếc lững thững trôi theo dòng nước đục lờ, chiếc quay mũi cho hành khách sang ngang.

Vắng vẻ, yên lặng...

Bỗng kẹt một tiếng. Hai cánh cửa của một nhà hàng trong dẫy phố quay mặt ra phía sông mở toang. Một người đàn ông ăn vận ta, tay khoác ô, tay xách va li ở trong tối bước ra, một thiếu nữ theo liền sau. Trông hai người trái ngược hẳn. Người đàn ông, nét mặt già dặn, da ngăm ngăm đen, tuổi trạc bốn mươi, vẻ lù dù như người nhà quê hơn là người thành thị. Người con gái, tóc để xõa, cài bím, nét mặt non nớt, nước da trắng hồng, mặc chiếc áo bom bay màu vàng nhạt và chiếc quần lĩnh trắng, tay xách cặp, trông rõ ra một nữ học sinh đặc tân thời. Song nhìn kỹ thì khuôn mặt của hai người cùng đầy đặn, hao hao giống nhau.

– Xe!

Mấy anh xe đương nghênh giời ngắm đất vụt chạy lại. Được một quãng, những anh chạy sau đứng dừng lại, nhìn một cách thèm thuồng và bực tức.

Hai chiếc xe cùng đỗ chụm càng vào nhau.

– Thầy đi hai xe.

– Không, một cái thôi.

Vừa dứt lời, người đàn ông bước lên một chiếc, ngồi sát vào thành dựa. Người con gái bước lên theo, ngồi ra mép đệm. Anh xe nâng đôi càng đi vài bước, rồi ngả người ra đằng trước, mau chân

chạy. Anh bị ế, dắt xe không, đứng thườn ra nhìn, mồm lẩm bẩm nguyền rủa. Chiếc xe kia bon bon chạy. Người đàn ông quay ra phía sông, chăm chú ngắm cảnh như người mới ở nơi xa lạ đến. Phải, người ấy ở tận miền bể. Và cô nữ học sinh là con gái đến ăn học ở nhà ông bác hiện làm giáo thụ ở tỉnh ly.

Anh xe rẽ sang phố chính, qua dẫy tường công viên, qua trại lính lê dương, qua cầu xi măng rồi đổ phịch trước cái cam nhông mầu thiên thanh, hiệu "ngựa trắng", đứng sừng sững bên vệ đường xuôi Hà Nội đón khách. Người đàn ông vừa đặt chân lên bực xe, anh phát vé vội chạy lại ngăn cản:

– Thưa ông những chỗ này đã có khách lấy vé từ trước.

– Chúng tôi cũng lấy vé từ chiều hôm qua.

– Vâng, thế thì mời ông và cô lên.

Anh phát vé trả lời và nhìn khách lạ bằng con mắt ngạc nhiên. Trong xe, bao nhiêu chỗ ngồi hạng dưới đều chật ních và lô nhô những học trò suýt soát đầu nhau. Cậu đội mũ trắng, cậu đội mũ dạ, cậu để đầu trần, tóc chải mượt. Đủ vẻ mặt: vui vẻ, lo lắng, buồn rầu, lù đù, nhanh nhẹn, ngơ ngẩn. Đủ thứ tiếng: thanh, trầm, to, nhỏ. Nhiều cậu thi nhau nhả nhớt cười cợt, ồn ào như một lớp học vắng thầy giáo.

Thấy cô nữ học sinh, một cậu nhỏm người lên nhìn, rồi ngồi xuống bảo chúng bạn:

– Con Nga đến chúng mày ạ.

Một cậu nói giễu: "Hằng Nga giáng thế mà trượt oách thì đáng buồn lắm nhỉ".

Nga, cô nữ học sinh tên là Nga lườm cậu học trò hỗn xược, bĩu môi nguýt một cái, rồi lẳng lặng bước lên xe, ngồi sát cạnh người đàn ông, cặp mắt tư lự nhìn thẳng ra phía trước.

Một hồi lâu, hai chiếc xe nữa từ xa lại. Mỗi chiếc xe có hai người: một đàn ông vận âu phục và một thiếu nữ độ mười bốn mười lăm cùng trạc tuổi với Nga, và cùng ăn vận đặc tân thời, hai cô bước xuống nhìn thấy bạn, reo mừng hớn hở như thể vắng mặt nhau hàng năm, Nga cũng tỏ vẻ tư lự, cười nói niềm nở.

Chợt thấy người đàn ông ngồi cạnh bạn, Tuyết, cô nhớn nhất và đẹp nhất, nhí nhảnh, có duyên nhất, hỏi thầm: Ai đấy Nga?

Nga thẳng thắn trả lời thân mật:

– Cậu em đấy chị ạ. Hoài của giá cậu em còn làm giáo học.

Thấy mình nói vô lý, Nga bỏ dở câu. Hai cô lễ phép cúi chào. Người đàn ông sẽ nhấc mình lên chào đáp lại. Hai người mặc tây thấy thế cũng cất mũ chào theo. Các cô vào khuôn phép chưa đầy chốc lát, đã lại nhí nhảnh cười nói ríu rít như lũ chim khuyên. Một cậu, vẫn cậu hỗn xược ban nãy, thì thầm với chúng bạn: " Phải đấy! Các cô cứ việc cười cho ròn để ít nữa trượt, khóc bù lại là vừa".

– Còn anh trượt thì sao, cười phỏng?

– Cười lắm chứ lị!

– Phải, cười,... cười nửa miệng.

– Tức là mếu xệch, phải không chúng mày?

Cả bọn cười ồ. Các cô mải chuyện không để ý hoặc không thèm để ý. Còn các ông cha đối đãi lẫn nhau xem chừng đã thân mật, sự thân mật xuất tự lòng thân mật của các cô truyền sang.

Xe đỗ đã thấy lâu và cậu nào cậu ấy đã thấy bồn chồn nóng ruột. Một cậu nói với lên: – Này, bác tài, bác cho xe chạy thôi chứ! Muộn lắm rồi!

– Chạy thế nào được mà chạy! Còn phải đợi hiệu còi của ông đội. Ông ấy ngồi trong hàng nước kia kìa.

Một cậu vươn mình ra khỏi cửa xe gọi to:

Ông đội ơi! Ông làm ơn cho chúng tôi đi kẻo nhỡ thi mất ông ạ!

Người đội xếp đứng dậy, giở đồng hồ ra coi, rồi ngửng lên cười, bảo cả bọn:

– Còn những năm phút nữa kia! Nhưng mà tôi cũng chiều ý các cậu. Cậu nào đỗ nhớ cám ơn tôi nhé!

Đoạn người ấy huýt một tiếng còi lanh lảnh. Anh "ét" khom lưng xuống quay "ma ni ven". Tiếng máy hoạt động, rú lên mấy lần. Người tài xế sang "vit tét" nới dần chân "côn"; chiếc xe từ từ như kéo nặng rồi bon bon chạy trên đường nhựa, lượn lên lượn xuống giữa hai bên rừng cây rậm rạp. Chung quanh đồi núi xanh rì, trùng trùng điệp điệp dưới bầu trời bao la xanh biếc. Những luồng gió mát rượi tạt qua làm cho tâm hồn khách nhẹ nhàng, khoan khoái. Xe chạy hàng giờ mà tịnh không thấy một bộ hành qua lại. Luôn luôn độc những đồi cùng núi, những rừng cùng rừng, bát ngát. Năm chừng mười họa mới

có một vài nếp nhà ngói treo leo tận đỉnh đồi, hoặc chen vào giữa những cụm chè tươi xếp hàng đều đặn trên khắp các sườn phẳng mịn như gọt xén. Đó là những trại của các chủ đồn điền dựng lên để tiện cho việc chăm nom giồng giọt...

Mặt trời lên cao. Sương mai tan hết. Chỉ còn khí núi bốc hơi trên các ngọn núi cao. Xe vẫn chạy đều trên đường nhựa vắt vẻo như dải lụa xám. Những cây gồi thẳng tắp vụt lên khỏi ngọn rừng với những chùm lá xòe ra hình giẻ quạt. Trái lại, những cây gồi mới mọc là là, cố lách khỏi bụi rậm để phô những tàn lá xanh non, bóng lộn, giương lên, xòe ra như đuôi công trong lúc múa. Những khóm tre lưa thưa, thân trắng, ruột vàng ối như thân trúc mọc tỏa ra khỏi rừng như không muốn cùng với những cây tầm thường tham sống chen chúc, bắt nạt nhau để cố tranh cướp lấy ánh sáng và khí nóng của mặt trời...

Hầu hết học trò đều mỏi mệt. Một vài cậu dai sức, hãy còn tò mò nhìn ra ngoài ngắm cảnh. Phần nhiều ngủ gà, ngủ gật hoặc gục lên vai nhau mà làm một giấc dài. Nhất là các cô. Tuyết kêu nhức đầu chóng mặt phải thoa dầu. Mai đưa vạt áo lên che mặt để tránh hơi nóng của ét săng và những bụi cùng khí nóng theo gió tạt vào. Nga ủ rũ nằm gục xuống lòng bạn.

Xe đến Đoan Hùng, đỗ trước một quán nước, ông K. thân sinh cô Mai gọi đùa:

– Này này các cô! Dậy viết "đích tê" (dictée) mau lên!

Các cô giật mình tỉnh dậy, nhìn nhau cười khúc khích. Ông Tr., thân sinh cô Tuyết nói tiếp:

– Giờ này và lúc này mà các cô, các cậu phải đua tài đua sức thì cứ gọi trượt hết... Này bác T. (T. là thân sinh cô Nga), nói dại đổ xuống sông xuống biển, trong ba ta mà một anh trượt thì bác nghĩ sao?

– Thì ba ta sẽ buồn cả chứ sao! Vả lại chúng ta trượt thế nào được, vì ba cô của chúng ta cũng khá cả.

Ông T. trả lời và cười tủm tỉm. Các ông "cha" không ai bảo ai, tự tiện cùng đổi tiếng ông sang tiếng bác và đã bắt đầu gọi tên nhau. Đằng sau, cả một khoang xe im phăng phắc như một lớp học đương mải làm bài thi. Chả bù lúc ban sáng! Mười lăm phút nghỉ ngơi, xe lại bắt đầu chạy. Đồi, núi, rừng rậm thưa dần... Bây giờ là những

đồng cỏ khô khan, những vườn mía cằn cỗi, những vườn khoai, những ruộng lúa xém vàng lẻ tẻ... rồi những đồng ngô, đồng lúa mênh mông bát ngát, những làng mạc ẩn sau những lũy tre xanh rì... rồi đến sông rộng. Nước phù sa đỏ ngòm cuồn cuộn chảy. Thuyền bè với những cánh buồm phình gió, xuôi ngược như lá tre... Rồi những dãy nhà ngói san sát: Việt Trì! Nơi mà các cô các cậu sắp thi thố tài năng để giật lấy mảnh bằng xinh đẹp.

Xe đỗ. Các cậu chen nhau xuống. Một vài cậu vươn vai ngáp, ra vẻ sung sướng được thoát khoải nóng nực và bụi bậm. Các cậu đi từng bọn, từng tốp đến các nhà trọ trong tỉnh.

Ông K. tính nhanh nhẹn và hay giúp việc, khuân vác hành lý của cả bọn lên một chiếc xe tay.

– Cánh mình đến cả "ô ten" Nam Long? Anh T., anh Tr., các anh nghĩ thế nào? Biểu đồng tình cả chứ? Ô ten Nam Long ở ngay gần ga và to, rộng, mát mẻ nhất tỉnh. Thường các ông chấm thi vẫn đến đóng đô ở đấy.

Cả hai cùng trả lời:

– Vâng, xin biểu đồng tình.

Mai, Tuyết, Nga mỏi mệt, đi có vẻ thờ thẫn. Ông K. khơi mào:

– Này anh T. anh Tr., liệu trong hai anh, có anh nào quen thân cánh họ không?

Câu hỏi tuy không được rõ ràng mà hai ông kia cùng hiểu vì hai ông cùng một ý nghĩ. Yên lặng chốc lát; ông T. cất tiếng:

– Quen cả thì quen thế nào được. Nhưng mà một vài thì cũng có thể.

– Còn anh Tr.?

– Tôi ấy à? Ông Tr. cười nhạt. Tôi thì tôi đã "đê tát sê" (détaché) sang Canh Nông từ lâu lắm. Chắc chả quen ai.

– Thế là cánh mình chỉ còn hy vọng vào anh T. (Ông K. vừa nói vừa cười).

Ông T. cũng cười, đáp lại: "Hy vọng một chút đỉnh... Một mảy may như sợi tơ trước gió, và có khi, và chắc là không có tí hy vọng nào cũng nên, vì tôi thôi giáo học cũng đã lâu lắm rồi".

Ông K. vui tính, cười xòa kết luận:

– Thế thì nhờ phúc phận vậy. Học tài thi phận, thánh nhân đã nói.

Và ông chấm câu bằng một bài thơ cổ, ngâm bằng một giọng trầm đủ cho sáu tai nghe. Ông Tr. nói đùa:

– Nếu thi với thơ đồng nghĩa thì để nhà thi sĩ thi hộ, chắc thế nào cũng đỗ hết.

Cả bọn tay ba cùng cười vang, làm cho cái vui lây xuống bọn ba cô đi dưới, vì các cô cũng đương cười nói xôn xao, quên cả mệt. Đã đến ô ten Nam Long. Cả bọn xách hành lý đi lên gác. Ông K. quen chủ, chọn được ở ngay đầu nhà hai phòng đối diện cách nhau bởi một cái "cu loa".

Ông T. giở xuống, đi vơ vẩn ngắm các gian phòng đầy bàn ghế. Ba người khách ngồi giải khát ở gian cạnh. Ông chú ý dò xét và ngờ là những tay chấm trường. Nhưng sau năm ba câu chuyện ông thất vọng, ra đứng cửa ngóng đợi.

Trên con đường từ ga lại, hai người âu phục tay xách va li thủng thỉnh. Một người đeo kính trắng trông dáng quen quen. Ông nắc nỏm mừng thầm... Lại một lần thất vọng. Hai người cùng lạ cả. Họ không để ý đến ông, đi thẳng một mạch lên gác, thản nhiên như vào nhà họ vậy.

Ông K. và ông T. xếp dọn hành lý, sửa sang chỗ ăn nằm, xem xét các phòng một lượt rồi cùng nhau giở xuống dò tin tức.

– Thế nào? May mắn chứ?

Ông K. cười hỏi. Ông T. thở dài:

– Chưa xơ múi gì cả. Có hai lão thì cùng lạ cả hai, và trông lão nào cũng có vẻ nghiêm khắc, nghiệt ngã lắm.

Ông Tr. an ủi:

– Mặt dữ nhưng lòng tốt, vả lại, thế nào mà chả có nhiều ông hiền lành dễ dãi.

Các ông ngồi giải khát, chốc một lại nhìn ra phía cửa như mong đợi ai.

Bỗng đi vào một ông bận âu phục, thân hình vạm vỡ, nét mặt hồng hào, một tay khuỳnh ra nâng chiếc cặp phồng lên những quần áo.

– Kìa! Me xừ Độ. Lâu lắm không gặp. May mắn quá.

Ông K. vừa nói vừa đứng dậy nắm tay bạn giật mạnh mấy cái. Ông Tr. đứng dậy theo, vỗ vai bạn, hỏi thăm, rồi giới thiệu với ông T. ngồi yên chỗ. Không ngờ Độ cũng quen cả T.. Độ cùng T. dạy học ở

Nam Định đã hơn mười năm về trước. Bốn ông ngồi chuyện trò niềm nở một hồi lâu rồi cùng nhau lên gác...

– Nos enfants, aspirantes. (Các con gái chúng tôi, nữ thí sinh). Ông K. xòe bàn tay ra giới thiệu. Ba cô đứng xếp hàng chắp tay cúi chào. Ông Độ tươi cười, hỏi han các cô về sự học, biết qua loa lực lượng của mỗi cô về từng môn. Ông đi lại bàn ăn, ngồi vào một chiếc ghế. Các cô và các người "chạ" đứng quây quần chung quanh. Thoạt đầu, ông khuyên các cô đừng rút rát, phải mạnh bạo, nhất là phải yên tĩnh, đường rối trí, dù bài khó mặc lòng, phải coi trường thi như trường mình và coi thường hẳn các ông giáo, đừng thấy họ quát tháo, dọa dẫm ra vẻ nghiêm khắc mà sờn lòng. Tuyết tươi như hoa, mỉm cười luôn miệng. Mai để mắt chăm chú vào những ngón tay ông gõ trên bàn, Nga đăm đăm nhìn cặp môi ông mấp máy. Chẳng cô nào để ý đến lời khuyên. Ông nói đến các bài thi, bắt đầu từ bài ám tả. Lần này các cô chăm chú nghe. Ông nói:

– Các cô phải biết, cần nhất bài "đích tê". Bài ấy mà kéo tới năm sáu phốt là đi đứt, dù các bài khác có trội hẳn lên. Vậy, trước hết, các cô phải lắng tai nghe người ta đọc lượt đầu để hiểu qua đi đã. Lúc viết, phải nghe cả câu rồi hãy viết. Tôi thấy nhiều người dại dột, vừa nghe được chữ đầu đã cắm cổ viết, đến những chữ sau quên tịt chẳng còn biết xoay xở ra sao, đành bỏ trắng từng quãng một. Những người ấy là cứ trượt đầu nước.

Ông giở đồng hồ ra coi rồi lại bỏ vào túi, rồi nói tiếp:

– Những chữ khó chưa viết bao giờ hoặc không nghe rõ chớ có loay hoay mất thì giờ, hãy để chừa đấy, chốc nữa hỏi cũng không muộn. Chữ nào dập đi hãy chữa lại, phải cho rõ ràng thẳng thắn, chớ có nhù nhòe mà phải phốt oan. Khi người ta đọc lại, phải chú ý nghe. Phải xem đi soát lại cẩn thận từng chữ, chớ có khinh thường những chữ dễ. Có nhiều thí sinh tưởng mình mất độ một hai phốt mà lỗi tới năm sáu phốt chỉ vì thế. – Còn – ông vừa nói vừa cười – cô nào muốn cóp cũng được, nhưng mà chớ cóp những người ngồi cạnh, sợ liếc ngang người ta bắt được thì rầy. Nhìn lên người ngồi bàn trên rõ lắm – các cô nhìn nhau tủm tỉm cười – phải tính xem chữ mình muốn biết ở vào dòng thứ mấy, rồi cứ khoảng ấy mà nhìn thì nhanh chóng, dễ dàng hơn. Ông đổi sang bài luận, khuyên các cô nên xem đi, xem lại cho hiểu rõ rồi hãy làm, chớ có hấp tấp mà bị lạc đầu đề. Ông giở đồng hồ ra coi, rồi giật mình đứng dậy cáo thoái:

– Chết chửa, xin lỗi các bác, tí nữa thì nhỡ tàu.

Ba ông cùng ngạc nhiên, ông K. vội hỏi:

– Ô hay! Thế các bác cũng không biết tôi đổi về đây.

Ông Độ cũng ngạc nhiên:

– Ô hay! Thế các bác cũng không biết tôi đổi về đây từ năm ngoái à? Năm nay tôi chấm thi ở Sinh Từ.

Ông bước ra khỏi cửa phòng rồi quay lại cười nói:

– Thôi chào các cô thí sinh. Các cô nghe lời tôi thì thế nào cũng đỗ. Chiều hôm nay các cô hãy ra thăm trường cho quen mắt để mai khỏi bỡ ngỡ.

Ông bắt tay các bạn một cách vội vàng rồi rảo gót bước mau như người chạy. Tuy vậy ông cũng còn ngoái cổ nói với một câu nữa:

– Lâu nay mới lại được thưởng thức đất Hà Thành.

Độ đi khỏi, ba ông nhìn nhau cười rũ rượi, vì không nói ra mà ba ông cùng tưởng vớ được dịp may mắn lạ thường. Cười chán rồi, một ông hỏi:

– Thế nào? Ta chịu bó tay thúc thủ ư?

Ông khác cười đáp:

– Nếu dịp may không gặp nữa thì chẳng thúc thủ cũng chẳng được.

Ông T. khôi hài bằng một câu kinh: – *Tìm sẽ thấy, gõ sẽ mở, cầu sẽ được*. Vậy chúng ta cứ cầu đi, cầu Chúa Trời cho ba ta cùng đỗ.

– Anh cầu Chúa thì tôi cầu Phật...

– Anh cầu Phật thì tôi cầu Thánh, tất ba ta phải đỗ.

Đêm hôm ấy, ở phòng bên kia, chẳng biết Mai, Tuyết và Nga có ngủ ngon giấc không, nhưng ở phòng bên này, các ông trằn trọc mãi. Chốc một, ông K. lại vắt chân chữ ngũ nằm nhìn trần, ngâm những câu thơ cổ về thi cử đời xưa.

Ông Tr. bực dọc, gắt: – Thôi tôi van ông đừng ngâm vịnh nữa. Cố ngủ đi để mai cho trí nhớ được sáng suốt và tâm hồn được nhẹ nhàng khoan khoái.

Ông T. đương mơ màng bỗng phì cười:

– Anh làm như cánh mình phải đi thi...

Ông K. được thể, cướp lời:

– Ừ nhỉ. Cánh mình có thi đâu mà phải ngủ cho trí nhớ được sáng suốt và tâm hồn được nhẹ nhàng. Vậy thì ta cứ ngâm khỏe để cho khỏi lo lắng và nóng ruột.

Nói xong, ông cất giọng ngâm luôn hai bài tứ tuyệt...

Năm giờ sáng hôm sau, các ông vẫn còn ngủ say tít, tuy cái đồng hồ mà các ông đã cẩn thận để trên chiếc bàn con ngay đầu giường rung lên một hồi thật dài.

Tiếng chuông chói óc vang sang tận phòng bên kia đánh thức các cô dậy. Các cô rửa mặt, chải đầu, trang điểm xong, ngồi đợi. Tuyết nóng ruột, rủ các bạn sang đánh thức thay cho đồng hồ. Ông Tr. mở mắt, choàng dậy, nói giọng hơi gắt:

– Còn sớm lắm. Đã năm giờ đâu?

Tuyết mỉm cười, cầm đồng hồ giơ lên trước mặt cha:

– Cậu nhìn xem, mấy giờ rồi?

Ông Tr. cười gượng, quay sang cạnh, lay các bạn:

– Dậy! Dậy! Muộn rồi! Đồng hồ đánh thức từ nãy.

Ông K. vươn vai ngáp xong, súc miệng bằng hai câu thơ:

Đêm sao đêm mãi tối mò mò,
Đêm đến bao giờ mới sáng cho?

của tú Đồng. Ông quay ra phía cửa sổ nhìn:

– Ô! Mà sáng bảnh mắt ra rồi nhỉ.

Mai nhìn cha, cười:

– Vâng, sáng bảnh mắt ra rồi. Và nếu chúng con không sang đánh thức thì các cụ còn kéo dài cho mãi đến chiều tối.

Các ông rửa mặt, mặc quần áo vội vàng rồi cùng các cô điểm tâm mỗi người một cốc cà phê sữa. Đoạn kéo nhau đi thủng thỉnh như đi hóng mát về phía sông. Nhân tiện trường thi cũng ở đấy. Cả bọn theo nẻo bờ sông đến một cái nhà vuông dựng ngay trước cửa đền.

Bên kia sông, sau những lũy tre xanh rì, phương trời vàng chói lọi. Một vài mái ngói rải rác điểm những vệt đỏ vào khe những ngọn tre xanh. Những cánh buồm nâu hoặc trắng lấp loáng ánh sáng. Theo dãy bao lơn của chiếc nhà vuông, các cô xếp hàng đứng ngắm, vẻ bâng khuâng như mến tiếc. Các tà áo lụa màu phấp phới theo chiều gió, tô điểm thêm vào phong cảnh xa xa kết lại thành một bức tranh đẹp đẽ, mặn mà, vui mắt.

Trên đường đã thấy nhan nhản những thí sinh. Từng quãng một, dưới bóng những cây xoan tây, hoa đỏ ối, những hàng nước, hàng quà phô bày những đồ giải khát để quyến rũ khách đi lại...

Một hồi trống giục. Trước cửa trường, hai ông chánh phó chủ khảo, ba cô giáo, các ông giáo chấm thi đứng xếp hàng trên các bực gạch. Chung quanh, những học trò, những cha mẹ, những kẻ tò mò đứng xúm xít đông như kiến. Bọn các cô đến sớm đã chọn được chỗ đứng, ngay sát cạnh các ông giáo. Một ông cầm tờ giấy gọi tên từng thí sinh, theo thứ tự A, B, C...

Nhiều lần, ông phát gắt vì phải gọi đi gọi lại một tên và đợi mãi mới thấy thí sinh lách qua hàng rào người đến.

Đám đông thưa dần rồi sau hết chỉ còn toàn những cha mẹ và những kẻ tò mò đứng lố nhố. Trái lại các lớp ban nãy còn trống không, bây giờ đã chật ních những thí sinh. Theo lệnh các quan giám trường, hết thảy mọi người đều bị xua đuổi ra khỏi sân. Nhiều người tản mát về. Hơn chục người còn tiếc rẻ đứng ngoài chấn song nhìn vào. Ba ông cùng có mặt trong bọn ấy. Ông K. trỏ hai tên lính khố xanh và anh "long tong" ngồi trên bực gạch nói khôi hài:

– Lúc này có phải các tiền để đổi lấy cái chức của mấy anh kia, mình cũng các. Trông họ đi đi lại lại mà thèm.

Một người đàn ông đứng gần đấy hỏi:

– Dáng chừng ông có con đi thi phải không?

– Ý thế.

Ông chánh chủ khảo đi giám sát một loạt, đưa cho mỗi lớp một tờ đánh máy bài thi. Một lát sau, những tiếng ông giáo, bà giáo đưa ra rõ mồn một: "La baie d'Àlong" (Vịnh Hạ Long). Ba ông chăm chú lắng tai nghe từ đầu đến cuối bài ám tả, rồi lắc đầu phàn nàn:

– Khó, khó chẳng kém gì bài thi "díp lôm".

Ông Tr. thở dài oán trách:

– Họ ác quá. Họ chẳng thương hại đến lũ trẻ thơ. Họ coi chúng như bọn thông thái không bằng.

Mặt trời đã lên cao, đem ánh nắng chói lọi và khí nóng nung nấu gội lên cảnh vật. Mọi người đứng ngoài giậu sắt đã về hết. Ba ông vẫn đứng lì một chỗ. Trong khi các thí sinh cắm cúi viết thì ngoài này các ông cũng viết, viết trong tưởng tượng với tâm trí băn khoăn,

rạo rực, chán nản, bực tức, khó chịu. Đến mỗi chữ khó hoặc mẹo mực lắt léo, các ông đâm chán kêu khẽ:

– Trời ơi! Thế thì chúng nó kéo sao nổi, hở các "Ngài chấm trường".

Tuy vậy các ông cũng cố theo mãi cho đến dấu chấm cuối cùng. Bây giờ trí được thả lỏng, các ông mới nghĩ đến nóng bức, đưa mùi soa lên lau mồ hôi đầm đìa trên mặt, trên cổ.

– Bức quá và khát quá, các anh ạ.

– Tôi cũng vậy. Hay ta đến ngồi hàng nước dưới gốc xoan kia nghỉ mát và làm mỗi anh một cốc nước chanh cho đỡ khát.

– Và đỡ bực tức vì bài thi quá sức học trò.

Ông nào ông ấy mệt lả, chẳng buồn tưởng đến phong cảnh đẹp bày ngay trước mặt.

– Ta về thôi chứ?

– Ừ, về thôi. Có đứng đấy cũng vô ích. Bây giờ chúng nó đương làm luận Pháp văn.

Về đến ô ten, các ông băn khoăn, bồn chồn, nóng ruột, đi ra đi vào, ngóng đợi, tuy các ông thừa biết còn sớm. Sau cùng không thể được, các ông lại dắt díu nhau đến ngồi thơ thẩn trong cái nhà vuông trên bờ sông và cùng cảm thấy thời giờ dài đằng đẵng, chốc chốc lại giở đồng hồ ra coi.

– Ngồi đây mát, nhưng mà nóng ruột lắm, các anh ạ. Hay ta đến đấy. Bức một tí nhưng đỡ phấp phỏng.

Ông Tr. bàn. Hai ông kia đồng ý. Các ông đi đến cửa trường thì vừa gặp ba cô trong bọn thí sinh tỏa ra khắp mọi chỗ.

– Thế nào, các cô? Bài vở có khá không?

Tuyết nhanh nhảu đáp:

– Bài luận chúng con đã làm ở trường rồi. Tả cảnh "un orage" (một cơn giông tố).

– Bài luận, ông T. nói, cũng chẳng kém gì bài ám tả. Thế nào cũng có nhiều cu cậu lắc đầu để tả nhầm ra bão táp. Hình như bài này đã ra trong kỳ thi breyet năm đã lâu.

– Thế còn *đích tê*? Ông K. hỏi.

– Cũng khá. Độ hai phốt.

Ba cô cùng nói nhưng cùng cười ngượng nghịu.

Các ông không tin. Về đến nhà, các ông bắt đầu chất vấn. Thoạt tiên ông T. hỏi con:

– Le bateau aux rames cadencées. Cadencées, cô viết thế nào?

Con viết "ơ ắc săng tê guy" (é).

– Thế thôi?

– Vâng.

Ông T. không thể trấn tĩnh được, gắt:

– "Dốt như con cầy" aux rames cadencées thì chữ cadencées phải hợp với rames chứ! Phải viết ê muet s. Dốt! Dốt! Thế mà cũng thi với cử làm gì cho thêm phiền.

Nga đỏ bừng mặt sắp khóc. Hai ông kia thương hại, bênh:

– Anh gàn lắm. Chữ ấy thì mấy đứa viết được. Anh tưởng bọn trẻ cũng giỏi như anh ấy.

Ông T. biết lỗi, ngồi lặng yên. Trong khi ấy thì ông K. hỏi con:

– Còn cô? Cũng nguội mất chứ?

Mai tươi cười đáp:

– Không, con viết được.

Ông K. đắc trí, cười khen và hỏi tiếp:

– Khá đấy! Còn chữ "pagaie" là cái bơi chèo cô viết có đúng không?

Mai ngạc nhiên đáp:

– Chết chửa! Con viết ra "pasgai" là không vui.

Ông K. đập bàn, gắt:

– Trời ơi là trời! Còn có ai dốt hơn cô Mai nhà tôi không? Phốt ngu ngốc ấy thì đánh gấp đôi gấp ba cũng còn là nhẹ. Thi thế mà cũng thi...

Mai bị cha mắng, tủi thân cũng sắp khóc. Rồi đến Tuyết cũng vậy. Rút cuộc ông nào cũng sẵn lòng tha thứ cho con người, và nghiêm khắc, nghiệt ngã với con mình. Thấy các cô buồn thiu, ba ông cùng hối hận và cùng tìm cách an ủi để làm phấn khởi lòng chán nản của các cô.

Buổi thi chiều, ông T. mệt lả nằm ngủ thiếp. Ông Tr. không quen nắng, kêu nhức đầu, chóng mặt. Ông K. bền sức, đi thay cho cả bọn... Khoảng bốn giờ, ông tất tả chạy về làm náo động cả phòng. Hai ông giật mình choàng dậy, hỏi:

– Cái gì thế, anh?

– Khó lắm! Khó lắm! Hai bài tính cùng khó. Tôi không làm nhưng tôi thấy họ la ó rầm lên. Cả hai bài tôi chép được đây. Các anh làm thử xem. Tôi thì tôi xin thú thực, tôi quên hết rồi.

Ông Tr. cũng thoái thác lấy cớ đã lâu không sờ đến tính. Ông T. chả nhẽ lại thoái thác nốt, ngồi loay hoay cộng cộng trừ trừ. Đến phép chia, nhiều con số quá, ông chia mãi không xong. Về sau ông cũng chịu, và cố chữa chần bằng một câu:

– Chắc anh chép nhầm.

Ông kia cãi lại:

– Nhầm thế nào? Anh cóc làm được thì có. Các ông bàn đi tính lại, sau cùng đều công nhận là bài nào cũng khó. Và chắc các cô đều trượt hết. Ông T. thấy mỗi người có vẻ chán nản bèn lấy tín ngưỡng an ủi:

– Các anh cứ vững tâm. Đã có đấng Thượng đế. Câu nói của ông chẳng thêm được chút hy vọng vào trong nỗi buồn của họ.

Một giờ sau ba cô trở về, nét mặt tươi tỉnh. Nga khoe Nga làm đúng. Tuyết khoe Tuyết làm đúng. Riêng có Mai là đúng một cái rưỡi. Ông K. không bằng lòng hỏi vặn:

– Đúng thì đúng cả chứ sao lại cái rưỡi là nghĩa lý gì?

– Vâng, vì con dại quá, làm cái khó trước. Đến cái dễ thì không kịp đành bỏ dở.

Chiều hôm ấy ba cô xin phép cha cho đi chơi mát để giải trí. Trên con đường theo dọc bờ sông, các cô thủng thỉnh bước một dưới rặng xoan đỏ ối. Cảnh hoàng hôn như ngụ một vẻ buồn man mác. Các cô yên lặng đi. Bỗng Tuyết cất giọng nhẹ nhàng:

– Các chị ạ. Em không muốn làm phiền lòng cha em. Chứ em biết trước thế nào em cũng trượt.

Mai ngạc nhiên:

– Kìa! Sao chị bảo: hai tính đúng cả?

Tuyết cười tươi như hoa:

– Vâng, đúng cả thực. Nhưng mà hỏng ngay tự bài đích tê rồi còn đâu.

Nga không tin, bẻ lại:

– Chị lại nói thế chứ khi nào chị trượt về đích tê. Ở trường chị vẫn bắt nhất đấy nhé. Chả có lẽ.

Tuyết vẫn giữ nụ cười tươi tắn:

– Ấy thế mà thực mới chết chứ!

– Không em nói thực đấy, hai chị ạ. Em tính nhẩm đã thấy mất tới năm phốt rồi. Chưa kể những phốt lơ đễnh. Mà... các chị đã biết, em vẫn bị cô giáo và cha em trách mắng luôn về tội đãng trí.

Mai và Nga yên lặng đi và cùng tin là Tuyết nói thật. Các cô đến nhà vuông ngồi tựa lan can ngắm cảnh. Mặt trời lặn hẳn. Cảnh vật từ màu tím đã đổi sang màu đen thẫm dưới bầu trời lam tối. Đèn điện các phố bật sáng. Trên mặt sông mờ mịt, những điểm sáng trong các khoang thuyền lập lòe như đom đóm. Tuyết thở dài. Một vẻ buồn thoáng trên khuôn mặt trái xoan:

– Em chỉ thương hại em. Chắc cha em sẽ buồn. Cha em thương yêu em lắm cơ hai chị ạ. Tuy ba em thường gắt gỏng mắng nhiếc mỗi khi cha em săn sóc đến sự học của em.

Luồng gió mát từ mặt sông thoảng qua. Những sợi tóc và tà áo mỏng của ba cô lay động. Tuyết ngừng chốc lát rồi nói tiếp:

– Học tài thi phận, chẳng đỗ khoa này thì khoa sau, nên em cũng chẳng lấy thế làm buồn. Nhưng, hai chị ạ... Em sẽ buồn... buồn lắm, nếu cha em buồn vì em. Vậy hai chị cũng vì em mà nói với cha hai chị cố khuyên giải cha em. Cha em vui vẻ thì em cũng vui vẻ – Tuyết cười nụ – chẳng vui vẻ thỏa mãn được như hai chị thì cũng vui vẻ được như thường, như thường.

Tuyết vẫn giữ giọng khôi hài, giọng sở trường luôn luôn theo liền sau nụ cười tươi như hoa mới nở của Tuyết.

In trong *Truyện quê*, tập truyện ngắn
của tác giả, Nhà xuất bản *Lượm lúa vàng*,
Hà Nội, 1942.

HỒ DZẾNH
(1916 - 1991)

Tên thật là Hà Triệu Anh, người gốc Hoa. Cha quê ở Quảng Đông (Trung Quốc), sang Việt Nam cuối thế kỷ XIX; mẹ là một cô gái lái đò ngang ở Thanh Hóa. Sinh ở huyện Quảng Xương (Thanh Hóa) – quê mẹ; tuổi nhỏ, sống với mẹ ở quê mẹ. Người mẹ Việt Nam đã ảnh hưởng sâu đậm tới tâm hồn nhà văn thường hiện ra trong nhiều sáng tác của ông. Hồ Dzếnh học trung học ở Hà Nội, sau làm gia sư, làm công cho các tiệm buôn người Hoa để kiếm sống.

Hồ Dzếnh làm thơ, viết truyện gửi đăng báo từ 1937; đã cộng tác với các báo: *Tiểu thuyết thứ bảy, Trung Bắc chủ nhật,* tập san *Mùa gặt mới...,* đều ở Hà Nội. Tập truyện ngắn *Chân trời cũ* (1942) là tác phẩm tiêu biểu nhất của cây bút văn xuôi giàu chất trữ tình đó. Trên văn đàn khi đó, Thạch Lam, Thanh Tịnh và Hồ Dzếnh là những cây bút truyện ngắn có phong cách rất gần gũi; có thể nói, họ đã tạo nên một "dòng" truyện ngắn riêng, có thể gọi là "truyện ngắn trữ tình".

Thơ Hồ Dzếnh được tập hợp in trong tập *Quê ngoại* (1943). Cảm hứng chính của tập thơ là mối ân tình sâu nặng đối với "quê ngoại" Việt Nam vô vàn yêu thương của tác giả. Bài *Chiều* (tức *Màu cây trong khói*) của ông – đã được nhạc sĩ Dương Thiệu Tước phổ nhạc – là bài thơ rất... thơ, mang đậm hồn thơ và tâm trạng riêng của Hồ Dzếnh.

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Hồ Dzếnh sống ở vùng tự do Thanh Hóa. 1953, về Hà Nội để chữa bệnh cho em. Trong Đại hội Văn nghệ toàn quốc họp ở Hà Nội sau khi giải phóng, Hồ Dzếnh được bầu vào Ban Chấp hành trungương Hội. Ông sống lặng lẽ, làm thợ đúc thép, thợ cơ khí ở nhà máy xe lửa Gia Lâm, nhà máy cơ khí Trung quy mô, sáng tác thưa thớt. Hồ Dzếnh mất ở Hà Nội.

Tác phẩm của Hồ Dzếnh:

– *Chân trời cũ* (tập truyện ngắn), Nhà xuất bản Á Châu, 1942.

– *Một truyện tình mười lăm năm về trước* (tiểu thuyết) – Ký bút danh Lưu Thị Hạnh – Nhà xuất bản Á Châu, 1942.

– *Quê ngoại* (tập thơ), Nhà xuất bản Nguyễn Hà, Hà Nội, 1943.

– *Cô gái Bình Xuyên* (tiểu thuyết), Nhà xuất bản Tiếng Phương Đông,1946.

– *Hoa Xuân đất Việt* (thơ), Nhà xuất bản Nam Hoa thư xã, 1946.

– *Người nữ cứu thương Trung Hoa* (kịch một màn, đã công diễn, chưa xuất bản), 1947.

– *Đi hay ở* (kịch một màn, đã công diễn, chưa xuất bản), 1955.

CHÂN TRỜI CŨ

(Tập truyện ngắn)

LÒNG MẸ

Quê mẹ tôi ở Trung Bộ. Nhà người – tôi không làm thơ đâu – ở bên kia một dòng sông nhỏ, êm kín với hai bờ lau xanh. Chính ở nơi này, lúc người mới mười lăm tuổi, thì một tình duyên đẹp đẽ gây nên, sự gặp gỡ giữa hai người xa lạ. Mẹ tôi thường thuật lại cho tôi nghe cuộc nhân duyên ngày trước, thuật lại bằng một giọng rất thờ ơ, hình như cho sự kết hôn với ba tôi là một điều không đáng nói. Tôi lọt lòng năm mẹ tôi đã ngót bốn mươi tuổi, thế nghĩa là khi tôi biết tò mò hỏi đến chuyện tâm tình của người, thì người đã già. Câu hỏi luôn luôn của tôi là:

– Hả mẹ, mẹ lấy ba có xe ô tô đi đưa dâu không mẹ?

Mẹ tôi cười, một cái cười chua chát cực điểm:

– Có con ạ. Mẹ lấy ba con có những ba mươi chiếc ô tô kia!

Tuy nhỏ, tôi hiểu ngay đó là một lời than kín. Thực ra, mẹ tôi lấy chồng trong một hoàn cảnh túng thiếu hết sức. Ba tôi hồi ấy còn nghèo, như phần nhiều những người bạn cùng nước mới sang đây.

Ngày nhỏ, tôi yêu mẹ tôi một cách bịn rịn. Người chiều tôi, có lẽ vì người đoán thấy ở tôi một số phận thiếu êm vui. Tôi đòi gì là người cho. Tôi muốn gì là người chiều ý. Sự nâng niu ấy rõ rệt đến nỗi ba tôi thường phải kêu:

– Cứ chiều nó như thế, thì chưa biết nó hư ngày nào. Câu nói ghẻ lạnh làm tôi tủi nhục, nhiều lần òa lên khóc. Mẹ tôi sợ tôi bị đòn, vẫy giấu tôi ra một nơi, ôm lấy tôi mà vuốt ve. Cứ thế, mỗi lần sự khắc khổ của người cha làm tôi đau đớn, thì một bàn tay âu yếm lại xoa dịu lòng tôi ngay. Tâm tình của trẻ con rất đơn sơ mà cũng rất phức tạp. Tôi làm nũng mẹ tôi luôn luôn để thấy cái thú làm lành của người sau những cơn thịnh nộ. Tôi chạy nhảy cùng nhà, la hét cốt để mọi người biết tôi có quyền la hét, hay muốn làm gì thì làm.

Năm lên tám, tôi cắp sách vào học tại một trường huyện. Nhà trường gần ngay chợ. Mẹ tôi, mỗi lần dọn hàng về, đều dừng lại trước cổng trường, đưa bánh cho tôi vào những giờ nghỉ. Có một lần mẹ tôi vô ý gọi to lên, giữa khi tôi đang ngồi trong lớp học.

– Con ơi, ra lấy bánh, mau!

Tôi giật mình nhìn ra thì thấy cái bánh giò đặt trên tay mẹ tôi, đưa qua hàng rào. Dưới nắng vàng vọt của buổi chiều hè, tôi nhận thấy mẹ tôi vui mừng một cách đáng thương. Một tay người giữ chiếc nón, còn tay kia thì run run. Người lách mình, cho khỏi bị gai ở hàng rào vướng. Quần áo người tiều tụy nhuộm ánh nắng xế chiều:

– Mau ra lấy bánh cho mẹ về, con!

Tôi đưa mắt nhìn thầy giáo rồi lại nhìn mẹ tôi. Sau cùng tôi đánh bạo lên xin phép:

– Thưa thầy, thầy cho con ra để mẹ con hỏi.

Thầy giáo đương mải xem quyển sách, gắt:

– Không đi đâu cả, ngồi đấy!

Nói xong, thầy bình tĩnh lẩm nhẩm: "c'est parfait! Parfait"

Tôi về chỗ, đưa tay ra hiệu cho mẹ tôi ném bánh xuống đất, vì tôi không ra được. Mẹ tôi không hiểu lại gọi to thêm. Lần này, thầy giáo ngoảnh mặt lên, nhìn ra ngoài rồi hỏi mẹ tôi:

– Bà kia muốn gì?

Tôi đứng ngay dậy thưa:

– Thưa thầy... mẹ con...

– Xin cho nghỉ à!

Tôi cuống lên, run run đáp:

– Thưa thầy, không ạ, mẹ con... mẹ con đưa bánh!

Thầy giáo tôi buông dài một tiếng "ôi chao" như hơi gió và bảo tôi:

– Cút ra ăn đi, rồi vào ngay, nghe không?

Tôi sung sướng suýt nhảy qua cửa sổ. Ra đến nơi, mẹ tôi hỏi:

– Sao lâu thế?

Tôi phụng phịu:

– Mẹ gọi to làm thầy giáo gắt. Từ rày có thấy con ra chơi mẹ hẵng đưa, còn không thì mẹ đem về cất vào ngăn kéo khóa lại kỹ cho con.

Mẹ tôi mỉm cười nhìn tôi – ôi! cái mỉm cười của một người mẹ!– dặn mấy câu rồi quay đi. Chiếc bánh hôm ấy, tôi ăn một cách không ngon lành và hơi vội. Lúc tôi vừa ném mớ lá xuống đất, thì tiếng trống bắt đầu báo giờ ra chơi.

– Mày ăn cái gì đấy? A, thằng này xỏ, nó ăn mau lắm anh em ạ.

Câu nói sau cùng làm tôi vụt cười, sặc ra ngoài miếng bánh ngậm trong miệng.

Thuở thơ ấu của tôi phần lớn là những ngày buồn bã, cái buồn bã không đâu, đến bây giờ còn theo dõi tôi mãi. Thỉnh thoảng tôi mới vui, nhưng cái vui, ác hại! lại dồn dập như giông tố, bỏ rớt lại một nỗi trống rỗng thiểu não trong lòng tôi sau khi tan đi. Tôi vui đấy mà buồn ngay đấy. Tôi lưu luyến một cái gì xa quá, hư huyễn quá, nhưng không phải là thú vui tìm kiếm trong gia đình hay trong đời sống. Bạn bè tôi lại rất hiếm. Vài ba gương mặt phảng phất lắng trong quá khứ thiếu tươi vui, vài tình cảm xưa cũ lẽo đẽo trong tôi trên đường đời. Có thế thôi, và thường thường tôi chỉ sống bằng mộng. Tôi không bằng lòng ai cả, hình như tôi cũng không bằng lòng cả tôi. Tôi phải kiếm cớ luôn luôn cho lòng mình thắc mắc, trong thứ tin tưởng quái gở là mọi người không ai yêu tôi. Đó thực là một cực hình cho kẻ nào, như tôi, chịu ảnh hưởng sự khủng hoảng tinh thần do chính mình gây ra, do chính mình ham thích.

Cách đây mấy năm, có lần tôi đã chép đoạn thơ của Baudelaire dán ở bàn viết, ngay trước mặt:

Jl me semble parfois que mon sang coule à flots

Ainsi qu'une fontaine aux rythmiques sanglots,

Je l'entends bien qui coule avec un long murmure,

Mais je me tâte en vain pour trouver la blessure.

Đôi lúc hình như máu xối nguồn

Tựa như lòng nước tiếng vang thương.

Ta nghe máu chảy sầu rười rượi

Khốn nỗi không tìm thấy vết thương.

Đậu bằng tiểu học xong, tôi lên tỉnh học. Trước khi thi vào ban thành chung và còn những ba tháng nghỉ hè thênh thang trước mặt,

tôi theo chúng bạn đến học tư với một thầy giáo tú tài. Tôi trọ ở nhà người chú, mỗi tháng chỉ phải đem gạo ở nhà quê ra thay tiền.

Tôi không hỏi ý kiến mẹ tôi, vì tôi cho việc học lúc ấy rất cần. Học được ba ngày thì thầy giáo tôi lễ phép nhắc với học trò bằng tiếng Pháp:

– Tôi mong rằng các anh trả tiền học trong vài hôm sắp tới đây, và tôi xin cảm ơn trước.

Học trò ai nấy nhốn nháo lên. Có vài người trong bọn móc ngay tiền túi mang lên trả. Các anh khác xin khất đến mai. Riêng tôi, tôi buồn lắm. Chỉ mãi đến lúc ấy, tội nghiệp, tôi mới nhớ đến mẹ tôi, tôi mới nhớ đến cái vốn liếng ít ỏi của người. Bốn đồng! Tính theo giá tiền ở Trung Bộ vào thời bình là hai mươi quan! Tôi làm một cái tính nhẩm và rùng mình biết rằng đó là một số tiền cắt cổ. Điều cần thiết là tôi phải mượn ở đâu lấy mấy hào về nhà quê trình bày lại mọi sự với mẹ tôi. Cái tráp tiền của chú tôi đóng lại với con cháu rất chắc. Hầu bao của các bạn cũng không thể mở được vì một cử động nhân từ nào. Tôi đành xin nghỉ một hôm, cuốc bộ về nhà lấy tiền trả cái "nợ học". Thấy tôi về bất thần, mẹ tôi ngừng tay xay lúa, hỏi tôi:

– Sao con lại về? Con không ở ngoài tỉnh mà học à?

Tôi bậm môi lại để nén tiếng khóc. Tôi không đủ can đảm nói cái số tiền học quá lớn kia nữa. Mẹ tôi thì lại ngờ rằng tôi bị hắt hủi nên hỏi nựng:

– Hay là bọn nó làm gì con?

Tôi lắc đầu, khóc:

– Thầy giáo... thầy giáo đòi tiền học!

Mẹ tôi cười điềm nhiên:

– Tưởng gì chứ đòi tiền học thì để mẹ đưa. Mấy hào?

Tôi giật mình nhìn mẹ:

– Hàng đồng kia!

– Ừ thì bao nhiêu?

– Bốn đồng!

Tôi thấy mẹ tôi lặng người đi, không nói được nữa. Nhưng có lẽ cảm động vì tấm lòng thương mẹ của tôi, người gượng gạo:

– Con cứ lên nhà nằm nghỉ, rồi để mẹ đưa cho.

Mẹ tôi nói dối. Mẹ tôi đuổi tôi lên nhà, để mẹ tôi khóc. Lúc tôi chạy xuống bếp lục cơm ăn, thì thấy đôi mắt mẹ tôi đỏ ngầu, vạt áo ướt đẫm.

Tôi ngả vào lòng người, rồi mếu máo:

– Con không đi học nữa mẹ ạ.

Mẹ tôi xoa đầu tôi, cười như thở dài:

– Dại nào! Con học đang giỏi thế kia mà. Để mẹ đưa tiền cho, đừng sợ.

Sáng mai thấy tôi sửa soạn ra tỉnh, người băn khoăn:

– Con cứ ra khất với thầy giáo vài hôm nữa, rồi mẹ mang tiền trả sau.

Tôi hiểu ngay là mẹ tôi còn phải chạy tiền nên ngoan ngoãn ra học lại.

Cả lớp đã trả tiền hết, trừ tôi. Tuy ngồi ở cuối lớp áp lưng vào tường, tôi vẫn tưởng nghe sau mình những tiếng cười chế giễu. Tôi đâm ngượng, cái ngượng của một người học trò không thuộc bài, nghênh ngang đứng trước mọi con mắt, tay xếp vòng tròn, vê mãi cúc áo của mình.

– Thế nào...? Thầy giáo hỏi tôi.

– Thưa thầy, thầy cho con khất đến hai hôm nữa.

– Nếu hai hôm nữa chưa có tiền học thì anh nghĩ sao?

Tôi đáp rất chắc chắn:

– Thưa thầy có ạ. Thế nào cũng có. Mẹ con đã bảo đúng ngày kia đưa tiền ra.

Tôi vừa học, vừa sợ. Ngày tháng chạy mau thêm. Hai tờ lịch rơi chóng quá.

Nhưng may, mẹ tôi đã ra đứng đợi tôi ngoài cửa nhà học, vì nơi học chính là một cái nhà thật. Mẹ tôi cắp cái thúng trong đựng mười quan tiền. Tôi ái ngại bảo mẹ:

– Trả tiền học bằng tiền, thầy giáo không nhận đâu mẹ ạ.

Tôi chưa kịp cản, thì mẹ tôi đã cắp thúng đến trước mặt thầy giáo, và đặt lên bàn mười quan tiền và hai tờ giấy bạc lấy ở nút buộc ruột tượng ra, làm tôi đỏ cả mặt. Mẹ tôi kể lể như khi kể lể với một người bạn thân:

– Cháu nó bảo thầy không tiêu tiền kẽm nên ngăn tôi không cho đem vào. Thầy tính, cháu nó còn nhỏ, tâm tính như con gái, hay sợ vơ sợ vẩn...

Thầy giáo sai người cất tiền đi, và chừng như động lòng trước cảnh nghèo túng của chúng tôi, thầy cầm lấy tay tôi, thành thực:

– Em chịu khó mà học đi. Em học khá đấy. Tháng sau thầy bớt tiền học cho.

Ra ngoài, tôi vui vẻ hỏi mẹ tôi:

– Sao mẹ có nhiều tiền thế, mẹ?

Mẹ tôi cười, nửa buồn nửa vui:

– Mẹ chỉ có mười quan thôi. Hai đồng bạc ấy là của thím con, mẹ thấy rơi ở đầu giường thím nằm nên mượn tạm!

Tôi rụng rời cả mình mẩy. Tôi thấy tất cả cái thành phố quê hương của tôi quay đảo trước mặt, nhà chất lên cây, cây chất lên nhà. Tôi hỏi mẹ:

– Sao mẹ lại lấy như thế, thím ấy nói cho.

Mẹ tôi cười gần như khóc:

– Người ta giàu, mình mượn tạm rồi trả sau cũng không sao. Mà thím ấy có nói thì nói mẹ, việc gì đến con mà con khóc.

Vừa đặt chân vào nhà, tôi nghe tiếng thím tôi réo:

– Tôi có ba đồng bạc để ở đầu giường, đứa nào lấy mất hai rồi?

Tôi toan cất tiếng, thì mẹ tôi vội bấu tay tôi, nói khẽ:

– Mặc nó!

Nhưng tôi không nghe. Tôi bảo thím:

– Cháu lấy đấy, thím ạ. Cháu trót đánh mất rồi.

Thím tôi lườm tôi, nghiến răng lại:

– Cháu giỏi nhỉ? Đồ ăn cắp!

Tôi chưa kịp nói thêm được gì, thì mẹ tôi đã đứng lên:

– Tôi mượn của thím đấy, để vài hôm nữa tôi mang ra trả lại.

Thím tôi bĩu môi, thõng thẹo:

– Ừ, bà mượn thế thì ai chả mượn được!

Câu chuyện trên đây theo dõi tôi như một ám ảnh cực nhục. Mỗi lần nhớ đến mẹ tôi, hay xét mình phạm tội, tôi thường đem nó ra để tự hình phạt. Nhiều năm đã rơi theo nhiều năm, và bây giờ, trong những đêm Hà Nội, cái thành phố hoa lệ chỉ quen tiêu bạc với hào, tôi vẫn rờn rợn nghe thấy âm thanh của mười quan tiền kêu lanh lảnh...

10 – 1937

NGÀY GẶP GỠ

Ngày nhỏ, mỗi lần chán chúng bạn tôi vẫn hay lại bên mẹ tôi cầu khẩn người kể lại sự cưới xin giữa người và ba tôi rồi để tôi đem thuật lại với hàng xóm. Tôi còn nhỏ, nơi mẹ tôi ngồi kể chuyện là một cái hè bằng đất nện trước nhà. Từ đó, tôi vừa nghe chuyện, vừa nhìn ánh nắng chiều nghiêng xế, và những bóng lá lung linh. Có khi đương giữa câu chuyện, tôi véo má mẹ tôi mà hỏi:

– Đố mẹ biết bao giờ đến Tết? Đố mẹ biết con được bao nhiêu tiền phong bao?

Mẹ tôi khẽ gỡ tay tôi ra, lặng lẽ nói tiếp và lặng lẽ ru tôi ngủ mất lúc nào! Tuy nhiên, trong giấc mơ kỳ dị, tôi vẫn hình dung được cả đám cưới, chú rể là ba tôi, cô dâu là mẹ tôi và,... tôi là người dự lễ! Dần dần tôi lớn lên. Qua mẩu đời sum họp của hai người sinh ra tôi, tôi nhận thấy một định mệnh khe khắt, một duyên phận tối tăm và buồn rầu. Vì thế, tôi được biết rằng phần nhiều, hay tất cả cũng được, những bà mẹ Việt Nam đều phải khổ đau ngay từ lúc lọt lòng. Mọi sự do "Trời" định, các tâm hồn đó chỉ biết vâng theo, một cách nhẫn nhục, một cách lặng lẽ, một cách chua xót vô cùng! Bao nhiêu thế kỷ rồi, những tiếng thở dài mất tăm trong đêm tối, những mái đầu bù rối nghiêng xuống bổn phận hàng ngày, tầm thường và nhỏ mọn. Cuộc hôn nhân của mẹ tôi, đến nay, tôi mới thấm thía được hết cái đơn giản, cái nghi lễ của nó.

Và đến ngày nay, tôi mới hiểu mẹ tôi hơn lúc nào hết, người con gái lái đò trên sông Ghép ngày xưa, người mẹ Việt Nam một cách dịu dàng và cao quý.

*

* *

Cách đây hơn năm mươi năm.

Một buổi chiều mùa hè vàng rực.

Trên bờ sông Ghép lặng lẽ của tỉnh Thanh Hóa, dân làng Ngọc Giáp bỗng thấy bóng một người ngoại quốc, tay xách một gói vải xanh và đầu chụp chiếc mũ rơm đã vàng ỏng.

Người khách lạ có chiếc trán rất lạ: nó nhỏ nhưng nhô ra một cách bướng bỉnh. Nhất là đôi mắt, sắc như dao, bén như nước, nhìn vật gì thì như hút lấy vật ấy. Hai cái đặc điểm đó nhất định không được tạo bằng thủy thổ Việt Nam, mà là bằng tinh hoa của một dân tộc khác. Một vẻ gì xương xương, rắn rắn độn khắp mình người khách, biến cái thân thể thoạt trông thì gầy kia ra sự chịu đựng khó nhọc, ở đấy, một nghị lực bền vững tiềm tàng.

Khách mặc một bộ quần áo bằng lĩnh Quảng Đông, nguyên mầu đen, nhưng sau khi trải nhiều phong trần, đã đổi sang mầu xám kệch. Y phục ấy gợi được trong lòng người gặp, bao nhiêu là cảm giác thanh thú, hương vị xa xôi. Từ đằng xa, những gợn lụa phơ phất như những gợn gió trùng dương, và khi lại gần thì gió trùng dương lại chỉ toàn xông lên một mùi cá mặn!

Linh hồn Trung Quốc phát lộ ra trong từng bước đi, điệu đứng, trong sự trầm mặc, trông tìm, trong cả cách đưa năm đầu ngón tay có móng dài vẩn ghét lên gãi sồn sột chiếc đầu gần như húi trọc tếch.

Đêm về trong những bước nhẹ, hắt hiu bốc hơi lên mặt sông. Nắng tắt dần dần chỉ còn ánh vàng pha sắc tím. Hoàng hôn ở đây không như hoàng hôn của Giang Tây, Hồ Bắc, hoàng hôn ở đây ưu hoài như một chinh phụ nhớ chồng.

Và như một gã giang hồ chạnh lòng khóc nước.

Tuy nhiên, đôi mắt trong và sáng kia không hề vẩn bởi mầu sắc thê lương, vẫn quắc lên nhìn những đợt sóng nhuyễn nhàng bò quanh mấy con thuyền ngái ngủ. Cử chỉ lạnh lẽo đó thật là trái hẳn với cảnh sông nước buồn rầu, cái cảnh tầm thường nhưng đã làm chuyển rời bao nhiêu cuộc đời ngang dọc.

Khách ngồi xuống vệ cỏ, không để ngắm cảnh chiều, mà để tháo cái gói vải từ bao lâu vẫn đeo ở tay, lấy ra một gói cơm nắm. Rồi không dao, không đũa, khách bẻ ngoắt nửa nắm cơm, đưa lên miệng, trong khi mấy ngón tay lần gỡ từng miếng cá khô. Đôi lúc khách ngừng nhai, chép miệng cho thấm xuống đáy lòng cái hương vị đậm đà của bữa cơm lưu lạc.

Chỉ sau mươi phút, không còn một miếng cơm, một khúc cá nào sót lại trên mảnh lá chuối héo. Tất cả lương thực ngọt ngào trôi qua cổ họng, đảo lộn trong cái dạ dày vô bệnh, để biến thành những dòng

máu hùng cường luân lưu nuôi mạch sống, và nuôi lớn mãi cái chí nguyện giang hồ.

Ăn xong, khách xoa tay đứng dậy, bước xuống bến sông rửa mặt và bốc nước uống, rồi lại trở lên nằm, đầu gối trên bọc hành lý. Tất cả những công việc ấy như đã được ấn định theo một phương pháp, nên có mạch lạc và quy củ hẳn hoi. Khách nằm rất bình tĩnh, tay chân ruỗi thẳng, mặt hướng lên không gian, tâm thần nhập định. Nhưng nếu để ý, ta sẽ thấy loáng trên bụng khách một lưỡi dao nhọn như là bùa hộ mệnh đặt ở đấy từ bao giờ.

Trời quang lấp lánh sao, hứa một đêm phẳng lặng. Gió sông lên đầy. Làng mạc, xa xa, chìm mờ trong bóng tối, đôi lúc để lọt ra vài tiếng chó sủa ma. Mấy điểm đen hạt đậu run trên sông như những con mắt buồn từ kiếp trước. Bỗng giữa khoảng triền miên rộng rãi, ngân đưa một điệu hát lơ lửng bay trên dòng nước, một điệu hát đò đưa, trầm trầm, lặng lẽ:

Muốn sang nhưng ngại vắng thuyền,

Muốn về bên ấy nhưng duyên lỡ rồi!

Nhịp hát gần lại, và xa đi theo chiếc thuyền nhỏ, cô độc, ảo não, trong sự tỏ bày kín đáo của một tấm lòng thương nhớ mênh mông.

Ở trên bờ sông bên này, người khách đã đứng dậy, tay nắm chuôi dao, mắt nhìn cái vệt lửa của chiếc thuyền đặt mờ trên mặt nước.

Thuyền hình như lại gần, vì sóng vỗ vào mạn đò mỗi lúc một mạnh. Và sau khi nhận đúng là chiếc đò chở khách, người lữ hành của đất nước Trung Quốc hô lên:

– Tồ ui! (Đò ơi!)

Sóng nước trả lời cái giọng kêu quái gở bằng một bóng vang lạnh lẽo. Tiếp đến từ dưới sông vọng lên, cái tiếng nhỏ nhẹ của người con gái từ xứ Trung Bộ:

– Ai gọi đò?

Một phút yên lặng. Người khách lạ khó nhọc lắm mới kiếm được câu trả lời.

– Ng... ộ... ộ! À "tui tây" (À tôi đây!)

Nói xong khách xăm xăm bước xuống đò, trước vẻ ngạc nhiên vô cùng của thiếu nữ.

Đò quay mũi, thiếu nữ yên lặng chèo. Tiếng sóng khua, làm rộn vào lòng nàng một nỗi lo sợ kín đáo. Vừa chèo, nàng vừa liếc nhìn người khách lạ mà thoạt trông, nàng có cái cảm tưởng hãi hùng như gặp một tên giặc cướp tàu ô ghê gớm.

Đò đã ra giữa sông. Một làn gió thổi mạnh. Người khách lạ lúc này đã như rời bỏ những tư tưởng riêng, bắt đầu ngoảnh lên nhìn thiếu nữ. Đó là một cái nhìn rất lẹ, nhưng rất chắc, cái nhìn vẽ rõ ra một sự quyết định, khiến thiếu nữ bậm môi lại, và tuy trong bóng sao mờ mờ, e thẹn nhìn lảng ra ngoài xa... Một thoáng cười chạy qua môi khách, làm dịu hẳn vẻ hung tợn vừa rồi khiến thiếu nữ sợ hãi.

Là vì lần đầu tiên trong đời, nàng chịu cái nhìn sắc mắt đó. Nó không tìm ở người nàng những điểm đẹp đẽ, mà chỉ cốt khám phá những điều kiện cần thiết cho sự gây dựng hạnh phúc gia đình, sự vững bền của nòi giống. Và biết đâu, trong khi nghĩ đến những gương cần mẫn đã từng lấp lánh phản chiếu cái đẹp huyền bí, thần thánh của góc trời phương Đông, người lữ hành kia đã không quan niệm người đàn bà Việt Nam như đã quan niệm người đàn bà Trung Quốc?

Cho nên, dưới bóng sao đêm ấy, trên dòng sông khuya, người con gái Việt Nam đã che đôi má ửng hồng trước một người khách lạ và cùng lúc không hiểu sao, nàng thấy ngậm ngùi chua xót...

– Nhà "nị" ở đâu?

Người con gái ngơ ngác một lúc lâu, rồi mới hỏi:

– Nị? Nị là gì? Tôi không hiểu.

Khách cũng ngẩn người trong vài phút mới tìm được cách cắt nghĩa:

– Nị là... nị! Là...

Một ngón tay theo câu nói bỏ dở, chỉ thẳng vào thiếu nữ khiến nàng không nhịn được cười:

– A! Nị là cô?

Khách lộ vẻ sung sướng đột ngột như người học trò không thuộc bài vừa được bạn nhắc:

– Cô ở đâu?

Thiếu nữ mỉm cười, đưa tay chỉ một cái xóm nhỏ gần đấy, nơi hắt hiu sáng vài chấm đèn dầu lạc loáng thoáng qua hàng rào tre thưa

mỏng. Trong đêm, vẳng đưa tiếng chầy giã gạo, đều đều rơi vào giữa cảnh tĩnh mịch, như kéo giãn thời khắc buồn bã không bao giờ tàn.

Đò ghé bến.

Người khách toan đưa đồng xu cầm sẵn trong tay cho thiếu nữ, bỗng lại ngần ngại:

– Cho "tui" ngủ một đêm ở nhà cô nhé?

Thiếu nữ đặt con sào lên thành đò, ấp úng:

– Ông hỏi mẹ tôi ấy. Tôi không biết!

Nói đoạn nàng bước vội đi trước, nhưng đôi lúc chân chậm lại, vì biết người khách đương rảo bước theo.

Đến một cái ngõ tre, thiếu nữ cất tiếng gọi:

– Mẹ này, có ông khách "tàu" xin ngủ trọ.

Một bà cụ trạc năm mươi tuổi, tay cầm chiếc đèn con, từ trong nhà đi ra:

– Ai?. Ai mà trọ với ngủ?

Người khách lạ cúi đầu chào bà cụ một cách kính cẩn. Bà cụ đáp lễ xong, quay lại bảo người con gái:

– Con xem dọn nhà trên, rồi nhường lại cái giường cho ông ấy nằm.

Bà cụ nói vừa dứt, cô gái đã vùng chạy vào bóng tối, đem theo cái mặt chắc là phải đỏ hơn ban nãy nhiều.

Trong khi ngồi tiếp chuyện khách, bà cụ thành thực hỏi:

– "Chú" đã xơi cơm chưa, để tôi bảo cháu nó nấu?

"Chú" khách cũng thành thực trả lời:

– "Tui" ăn cơm rồi. Tui ăn ở ngoài bờ sông!

Câu trả lời tự nhiên và ngờ nghệch đó khiến bà cụ mỉm cười và khiến cô gái đương ngồi đun nước gần đấy, cũng sặc cười theo.

Nhìn cả hai miệng cười cùng một lúc, người khách ngơ ngác đưa mắt liếc hai bà con chủ nhà:

– Cười? Cười "tui"?

Bà cụ đỡ lời:

– À, cháu nó thấy ông lạ.

Đêm ấy là đêm đầu tiên trong cuộc đời giang hồ, người lữ khách đặt lưng trên chiếc giường tre ẽo ợt, giữa những tiếng và hình ảnh khác hẳn với những cái quen biết ở quê hương.

Mái nhà tranh lợp sơ sài, để chảy xuống mặt khách một dòng ánh trăng hạ tuần, và ngừng lại ở đấy thành những đồng hào mới long lanh.

Gió thổi trong vườn cau, xào xạc.

Tịch mịch dễ làm đuối lòng người. Lữ khách lúc này, đã thấy chết chí phiêu lưu, bôn tẩu, để cảm khái trong niềm thương nhớ, trong giây phút chạnh lòng tưởng đến một mảnh đất xa xôi.

Lữ khách ngạc nhiên ghé tai vào cõi yên lặng, cái yên lặng mênh mông và u uất, không bị phá bởi một tiếng súng bắn cướp nào như ở quê hương.

Mấy tiếng tù và khuya rúc lên, bay vào gian nhà vắng. Lắng biết mọi người đã ngủ yên cả, vị thần tử của giang sơn Trung Quốc vắt chân chữ ngũ, khe khẽ ngâm một bài thơ cổ, qua nỗi xúc động đột nhiên tụ lại trong người:

Uyt loọc, vú thày sướng mủn thìn,
Coong phống, dì phổ, tui sâu mìn,
Cú chẩu sèng ngồi Hồn Sán sì,
Dề pun, chống séng tâu hạc sìn.

Nguyệt lạc, ô đề, sương mãn thiên,
Giang phong, ngư hỏa, đối sầu miên,
Cô Tô thành ngoại Hàn San tự,
Dạ bán, chung thanh đáo khách thuyền... [1]

Ngay lúc ấy, từ gian buồng bên nổi lên mấy tiếng gì như chuột rúc. Lữ khách, thấy dứt mạch cảm hứng, càu nhàu trong bóng tối:

– Ấy dà! Cẩm tố xỉ a! (Chà! Lắm chuột thế!)

Nhưng đó không phải là tiếng chuột rúc. Đó là tiếng người con gái chở đò ban tối cười qua hai làn môi kín đáo khép lại.

1 – 1940

1. Bài *Phong Kiều dạ bạc* của Trương Kế đời Đường (Trung Quốc).

NGƯỜI CHỊ DÂU TÔI

Dòng máu Trung Hoa thấm đến ba anh em chúng tôi thì không còn được nguyên chất nữa.

Người lo đến cái ngày lạc giống nhất, có lẽ là ba tôi. Triết lý qua làn khói thuốc phiện, chén nước chè tàu, ba tôi thường bảo:

– Thế nào một trong ba đứa cũng phải cho về quê mới được!

Công việc gây lại nòi giống được anh tôi đảm nhận bằng cách cưới, sau bốn năm trời nghiên bút, một người vợ đặc Tàu. Cái hỷ tin ấy bắn đến bên kia trùng dương sang khiến ba tôi vuốt râu cười khoái chí, trong khi mẹ tôi có vẻ không bằng lòng. Rồi, mặc dầu sự phản đối nhỏ nhặt của người đàn bà phương Đông yếu đuối, chị dâu tôi đã ở dưới cái nóc nhà thân mật với chúng tôi, cái nóc nhà sau này từng chứng kiến những ngày buồn thảm của đời chị.

Hỡi chị! Nếu số phận đã bắt chị vào làm dâu một gia đình cơ khổ, làm vợ một người chồng không bằng người, làm một người đàn bà lưu lạc, chị hãy nhận ở đây, trong mấy dòng chữ này, một lời an ủi, để may ra lòng đau khổ của chị được san sẻ một vài phần.

*

* *

– Ừ, rồi tha hồ mà vui. Chốc nữa chị dâu mày sắp về đấy!

Mẹ tôi bỏ rá gạo vo xong xuống miệng chum, nhìn tôi và cười một vẻ mai mỉa. Từ hôm nhận được tin anh tôi cưới vợ, mẹ tôi đâm ra buồn rượi suốt ngày. Là vì mẹ tôi đã định kiến sẵn về cuộc hôn nhân của anh tôi, và người con dâu của mẹ tôi phải là người biết gồng gánh, biết chịu khó xay lúa, giã gạo, cáng đáng mọi việc trong nhà. Tôi còn nhớ hôm cầm đến ảnh anh chị tôi, mẹ tôi thở dài:

– Cái ngữ này rồi lại chỉ xõng xác ra là hết!

Tôi nhỏ nên vẫn dễ tưởng tượng. Tôi tưởng tượng chị dâu tôi là một thiếu phụ sang trọng, đẹp đẽ, bó chân và chuốt bím bằng dầu thơm. Năm sáu lần, cầm bức ảnh chụp ở bên Tàu gửi sang, tôi sung sướng vì sắp được làm em một người Trung Hoa quý phái, yêu tôi

và cho tôi nhiều tiền. Mà chị dâu tôi đẹp thật, nói là yểu điệu thì đúng hơn.

Đôi má hồng luôn, và cặp mắt ngơ ngác như vừa qua cái thảm cảnh phân ly, chị tôi nhìn chúng tôi, thằng lớn dắt tay thằng nhỏ, ngó chăm chú cái con người bắt đầu đến làm thân với hơi bàn ghế trong nhà. Mẹ tôi lúc ấy không có ở đấy. Chỉ có mình ba tôi yếu đuối ngồi trên sập gụ mỉm cười. Tôi đánh bạo xán lại gần chị. Chị vui vẻ vuốt tóc tôi, và dúi vào tay tôi hai hào chỉ. Tôi càng mến chị tôi hơn lên, quấn quít bên chị suốt ngày. Hình như chị dâu tôi sống giữa sự lãnh đạm của mọi người, trừ anh cả tôi – chồng chị – và tôi, những người đem lại cho chị một phần lớn tình lưu luyến của gia đình.

Thậm chí đến anh hai tôi cũng thường bảo tôi:

– Mày cứ xán lại gần chị ấy, mẹ ghét lắm đấy!

Mỗi lần anh tôi mắng, tôi thường đem những đồng hào mới tinh ra khoe:

– Này, anh xem, chị ấy tốt lắm kia!

Chị dâu tôi sống trong sự bỡ ngỡ có đến ngót hai tháng. Một hôm đi học về, tôi ngạc nhiên thấy chị đang xay lúa, thở hổn hển và luôn luôn đưa khăn mặt lên lau trán. Tôi chạy ngay xuống nhà bếp, giận dỗi hỏi mẹ tôi:

– Sao mẹ bắt chị cả xay lúa thế? Chị cả có quen làm những công việc ấy đâu!

Mẹ tôi trừng mắt:

– Không quen thì không làm à? Tao mua con dâu về có phải để mà thờ đâu! Tôi ức quá, toan cãi, nhưng nghĩ đến ngọn roi mây, lại thôi. Mẹ tôi, nói đúng ra, không phải là người ác. Sự cần cù từ khi lấy ba tôi, và cái thành kiến xấu xa về mẹ chồng, con dâu nuôi ngấm ngầm trong những đầu óc bảo thủ, là hai cớ chính xui mẹ tôi khinh ghét những kẻ không quen làm.

Thông minh, chị dâu tôi dần dần làm được mọi việc. Từ chiếc áo dài hoa, đôi giày nhiễu, chị tôi đã nhũn nhặn đổi sang bộ quần áo màu chàm thẫm, đôi dép da trâu mà chị tôi không bao giờ rời ra nữa. Cực khổ nhất là mấy tháng đầu, khi chị tôi chưa nói thạo tiếng Việt Nam. Nhớ đến sự cực khổ ấy, có lần chị tôi đã nhắc lại:

– Thà cứ câm đi mà hơn, chú ạ.

Nhà tôi là nhà nghèo, cơm thường ghế khoai cho đỡ gạo. Trừ tôi là được ăn cơm trắng. Nấu niêu cơm ngon lành mà tôi thường ăn hết ấy, tai hại, lại là công việc của chị tôi, một người đàn bà Tàu xưa nay chỉ quen sống trong cảnh đài các. Một hôm ăn quá no, tôi bảo đùa chị:

– Chị ăn hộ cả cơm cho em nhé!

Chị tôi ăn thật, ăn ngon lành, nhưng với một vẻ sợ hãi làm tôi đoán ra là lâu nay chị thường thèm những bữa cơm gạo trắng lắm. Từ đấy, tôi thường kín đáo dành lại trong nồi một hai bát và bao giờ, chị dâu tôi cũng nể lòng ăn hết!

Chị tôi hay khóc lắm, khóc rưng rức suốt ngày. Chị thường bảo tôi bằng một giọng lơ lớ:

– Mẹ hay mắng lắm, em ạ.

Tôi còn nhỏ, không biết can gián, yên ủi thế nào cho khéo, ngoài cách khóc theo với chị tôi. Tôi hiểu biết người đàn bà ấy lắm, người đàn bà buồn khổ sàng từng hạt tấm xuống nong, trong khi trời chiều sàng từng giọt hoàng hôn xuống tóc. Trông chị ngồi tẩn mẩn làm những công việc hằng ngày mà có lẽ trước kia, chị không bao giờ ngờ sẽ phải dúng tay tới, tôi thấy tâm hồn xúc động, bâng khuâng... Tôi nghĩ đến cái tổ quốc xa xôi với những manh áo chàm giang hồ khắp tứ xứ, cái tổ quốc mà tôi chưa từng biết bao giờ!

– Tối rồi em ạ, thắp đèn mà học đi!

Ô hay! Sao lúc viết mấy dòng chữ này, tôi còn thấy như một niềm bối rối, gió tối bận bịu trong chùm tre, một chấm lửa lung lay châm loe vào bóng đêm bất tận!

Người chị dâu tôi... Người chị dâu tôi...

Tôi là người biết cảm sầu rất sớm, nên người đàn bà lìa quê hương ấy đã là cái đề cho tôi khóc bằng thơ để làm ố hoen cả một buổi bình minh đáng lẽ rất tươi đẹp.

Hai năm sau, chị dâu tôi sinh thằng cháu đầu lòng, thì ba tôi mất. Mẹ tôi yếu, gia đình sa sút thêm. Chỉ còn mình tôi là được đi học. Chị dâu tôi phải về ở nhà quê làm việc. Ngày đưa chân cả nhà tôi ra ga để lìa bỏ cái tỉnh thành bạc bẽo, tôi sụt sùi bảo chị dâu tôi:

– Chị về chịu khó hầu mẹ nhé. Đến Tết em về, em mua nhiều bánh cho cháu.

Chị tôi gật, ứa nước mắt.

Từ đấy cứ tuần tuần, tôi gửi về một bức thư, phần nhiều là thư khuyên mẹ tôi ăn ở rộng lượng với mọi người trong nhà. Làm như thế, tôi mong mỏi sẽ vợi được ở lòng người chị dâu đau khổ của tôi những nỗi buồn rầu khi xa đất nước...

Mỗi một dịp được nghỉ về nhà, với tôi hồi ấy, là sự giải thoát cái ngục tù thành phố, nơi tôi chỉ mơ màng thấy hình bóng một người đàn bà lưu lạc. Tội nghiệp, những lúc trông thấy mặt tôi, chị dâu tôi cứ đứng ngây người ra, vì cảm động. Tôi giấu mẹ tôi những thức quà biếu chị, có lúc là chai dầu thơm, có khi là vài thước lụa. Chị tôi thường phàn nàn:

– Chú tử tế với chị quá. Chị chả biết biếu chú gì được bây giờ.

Có, chị ạ, chị đã biếu em một thứ quà quý nhất, một tấm lòng thương người, một chân tình xứng đáng. Và bây giờ, trong cát bụi cuộc đời, tâm hồn em vẫn còn sáng mãi những cảm tình chân thật buổi đầu.

Thường thường, chị kể chuyện cho tôi nghe:

– Chú ạ, ngày xưa chị sung sướng lắm kia. Chị là con một trong gia đình quý phái, cũng được nuông chiều như chú bây giờ, có phần hơn thế nữa.

Nói xong, chị tôi lại khóc. Chị tôi chỉ biết khóc. Những bữa cơm khoai, những ngày lam lũ đã làm chị chạnh nhớ đến cảnh sum họp năm nào.

Thời hạn nghỉ của nhà trường rất ngắn, nên thường thường tôi chỉ ở nhà được ba hôm là cùng. Mỗi lần lên tỉnh, chị tôi hay cho tôi tiền, hoặc bỏ giấu vào túi áo, hoặc nhét dưới đáy va ly và dặn quen miệng:

– Chú chăm mà học, rồi về dạy cháu.

Anh cả tôi vì công việc làm ăn ở tỉnh, chỉ có thể về quê thăm nhà mỗi năm vào dịp Tết. Vắng hai người thân ái nhất, chị tôi trở lại sống buồn bã như ngày mới về nhà chồng. Tiếng xay lúa ồ ồ nhiều lúc đến tận hai giờ sáng, như những nhịp đời thương nhớ âm vọng trong thời khắc và lòng người. Hai năm sau, chị dâu tôi hoàn toàn thành một người đàn bà quê Việt Nam đặc. Trên cánh đồng rộng rãi của làng Đông Bích, người ta thường thấy một dải áo chàm in bật trên nền trời mỗi sáng, chăm chỉ và lặng lẽ như dấu hiệu một cuộc sống vâng lời, ngu muội.

Chị dâu tôi đã khác với ngày trước lắm rồi. Ba năm đôi, mấy đứa cháu tôi thi nhau ra đời, thi nhau sống một cách cơ cực và thi nhau kết thêm một ít dây liên lạc trói buộc chặt chẽ người mẹ chúng nó với cái đất nước này.

Người đàn bà ấy đã thôi không bao giờ còn dám hy vọng trở về quê hương nữa.

*

* *

Tôi ra đời, xếp sách vở lại, mang vào trong bụi bặm cái hình bóng một người chị dâu lam lũ, nghèo hèn, chút chân tình nhận được khi trái tim chưa biết đập một tiếng giả dối nào.

Sáu năm rồi, tôi không sao quên được dĩ vãng và những kỷ niệm buổi đầu. Vài ba lá thư mỏng mảnh thỉnh thoảng rơi vào trong cái tẻ lạnh của đời tôi, đem lại nỗi nhớ nhung còn vấn vương ở góc trời cũ. Mẹ tôi bây giờ đã già, ngót bảy mươi tuổi. Chị tôi thêm được mấy cháu, đôi mắt lâu ngày tôi chưa gặp, chắc đã mờ dần dần...

Tôi đi con đường tôi, đem châu báu của lòng ném hết vào những cuộc tình duyên vô vọng. Tôi phao phí thanh xuân đi để chóng thấy cái ngày già sắp tới, để tự phụ là mình biết sống đúng theo linh hồn.

Trên nền năm tháng cũ, hình ảnh chị dâu tôi vẫn đứng, buồn bã với manh áo màu chàm cũ, mắt nhìn từ quãng trời xa về, bóng hoàng hôn mơ hồ ôm trùm ên sự vật.

Chỉ có tôi là sống ích kỷ, còn người mẹ già, người chị dâu đau khổ, mấy đứa cháu rách rưới, vẫn sống theo khuôn phép, lặng lẽ và cần cù.

Sáu năm! Tôi xa quê hương sáu năm rồi mà không một lần nào nghĩ đến chuyện trở lại. Cái sức khỏe yếu ớt của mẹ tôi còn đứng được hay không, tôi không biết, và người chị dâu lưu lạc của tôi, có nói dối mấy đi nữa, chắc cũng đã quá chiều, xế bóng rồi...

4 – 1938

TRONG BÓNG RỪNG

Nói đến rừng, tôi quên sao được lớp nhà lá đẹp đẽ của ba tôi dựng trên một cánh đồng lớn, lớp nhà đổ xuống sân một đường bóng dài đậm, mỗi lần mặt trời nghiêng xuống dãy đồi cong. Chính ở nơi đó, tôi lớn lên, giữa những cuộc kinh doanh còn bề bộn của ba tôi. Chính ở nơi đó, trên đôi mắt trọng sáng của tôi, lần đầu tiên bóng rừng núi chạy qua, ánh sáng chiều phản lại và hai thứ này cùng nhịp nhàng trong tôi những cảm tưởng về thế sự buồn rầu và cảnh đời hùng tráng. Tôi thở cái hương rừng mọi rợ, yêu say mê mùa sim vừa chín đến, và tự mê hoặc mình bằng cách mê tín những bùa phép của dân Mường, Mán xung quanh.

Trước nhà tôi, thường thường đi về những người mặc áo chàm ngắn cũn, tay cầm lăm lăm dao quai. Trong đám người đó, lẩn vào những khuôn mặt mùa xuân đặc biệt sáng lên bởi những cặp mắt to và trong suốt. Bóng họ bình yên trộn vào bóng rừng thẳm và mỗi bước chân gieo xuống đất, làm sống lại những nỗi u kín của ngày xưa...

Tôi có trông theo toán người xa lạ ấy thì bất quá cũng chỉ để buồn vơ vẩn trước những sợi khói lam chầm chậm tỏa khỏi mấy nóc nhà chơ vơ trên lưng chừng núi.

Nhà tôi quay mặt ra hướng Bắc, gió tiện lối vào, đem theo về lòng tôi nỗi hoang mang của bốn chân mây vắng ngắt.

Ba tôi thường ngồi ngó ra khoảng cao rộng, lâu hằng giờ không nói và thỉnh thoảng gợi về cho tôi, bằng những câu chuyện kín đáo hơn tiếng thở dài của người, cả một xứ Trung Hoa bí mật, cái tình yêu tiềm tàng trong tôi, âm thầm như một niềm đau xót.

Tôi ngơ ngác theo từng chiều mắt, dò từng sợi tóc bay lên của người, và sau khi không biết được thêm điều gì, tôi cất tiếng hỏi:

– Ba tìm gì đấy, ba?

Ba tôi không đáp, đưa mắt nhìn xuống ngọn đèn dầu lạc. Những cử chỉ ấy, thoạt đầu còn làm tôi khó chịu, sau tôi quen dần đi, và thầm nhủ như thế này:

– Ba mình già rồi. Chỉ biết hút thuốc phiện. Thôi kệ!

Tôi nghĩ thế, rồi bỏ ba tôi, chạy đi tìm các trẻ nhỏ cùng xóm. Chúng tôi chơi bời với nhau, hồn nhiên và thân mật đến nỗi bây giờ tôi đâm ngờ cả những sự thân mật nhất mà loài người ban cho tôi, vì cớ là không còn tình gì trên thế gian, dưới mắt tôi, đẹp hơn thứ tình tôi đã để trôi mất.

Mỗi lần nghe anh tôi học về sự hại của thuốc phiện, tôi sốt sắng chạy lên gác, lại bên bàn đèn của ba tôi, mà khuyên người:

– Này ba ạ, thuốc phiện tối chi là hại đấy. Nó làm cho người ta xấu đi và tồi lắm. Ba bỏ thuốc phiện đi, ba ạ, không nhỡ nguy mất.

Một nụ cười hiếm hoi nở trên đôi môi của ba tôi. Người thủng thẳng:

– Ai bảo con là thuốc phiện làm cho người ta xấu đi?

– Anh Hai học thế!

Ba tôi đáp lạnh nhạt:

– Không có thuốc phiện thì ba đã chết từ lâu rồi. Không có thuốc phiện cũng không có con ngày nay.

Tôi ngạc nhiên, trụt đôi guốc, trèo lên giường rồi hỏi gặng:

– Thế thuốc phiện nó... đẻ được ra người ta, à ba?

– Đẻ thì không đẻ được, nhưng nó giải được thủy thổ bất phục.

– Giải được thủy thổ bất phục là gì, à ba?

– Là như có sơn lam chướng khí thì thuốc phiện đánh cho tan ra.

– Thế sơn lam chướng khí là gì, ba?

– Là hơi núi, khí đất không hợp với người ta.

– Ờ... ờ... Thế sơn lam chướng khí nó có biết đánh ba không mà ba đánh nó?

– Nó quấy ba như quấy mọi người. Ba hút thuốc phiện cho tiêu nó đi.

Ba tôi vốn hà tiện lời nói. Người khó khăn và nghiêm. Tôi còn nhớ rõ cái sống mũi dọc dừa trên một khuôn mặt xương gầy. Mẹ tôi bảo ba tôi giàu vì có hai cái tai nhọn. Tôi, tôi tin rằng ba tôi giàu vì ba tôi là người Trung Hoa. Ý nghĩ ấy đem tôi đến một cuộc phỏng vấn ngây thơ này:

– Ba hả, tại làm sao người Tàu không ở bên Tàu lại cứ sang bên nước Nam? – Tại vì người Tàu thích đi ra ngoài. Tại vì người Tàu

nghèo, dân nhiều, gạo ít. Tại vì ở bên Tàu lắm cướp. Cướp nó ở rừng, cướp ở đâu cũng có ăn, vì nó ăn cướp.

Ở vùng đây, ba tôi chiếm một địa vị khả quan. Không phải người có quyền tước gì, nhưng vì người buôn bán phát đạt nên được những cái đầu to, mặt lớn nể. Thêm nữa, ba tôi có tài ngoại giao, có cái oai thầm của những người Trung Hoa khiến kẻ bên cạnh phải sợ vì, những kẻ gian phi xa lánh. Ba tôi thường bảo trong đời một người đàn ông, không nên sợ gì hết, cứ thẳng mà tiến, ngang nhiên mà làm. Nhưng ba tôi làm tôi nghi hoặc câu nói cứng đó, nên tôi hỏi:

– Thế ba không sợ dì hai là gì?

– À chuyện, người ta là đàn bà, nể người ta một chút cũng chẳng sao.

Nơi ba tôi đi lại thân mật nhất là gia đình ông Châu Khâm. Ông Châu Khâm sống yên lặng ở trên một chiếc nhà sàn với người vợ, cô con gái – cô Fin – và con chó mực. Cả ba thứ động vật sau này đều học được tính chủ, nghĩa là rất ít nói, ít cắn, mơ màng. Cô Fin thì ngày ngày vẫn quay tơ, để tiêu bình thản thời giờ bằng cách rút hết guồng sợi này đến guồng sợi khác. Đời nàng như một dòng suối tù hãm, trên dải nước chết chỉ hơi lờ mờ gợn bóng mây, nó là những vẩn sống buồn bã, không đủ sức hun ấm động mạch cơ chừng đã chết lạnh trong người nàng. Fin có đôi mắt rất đẹp, vì chúng rất to và sáng, nhưng không phải là gương thông minh mà là biểu chứng của một tấm lòng ngây dại. Đôi mắt ấy, ngày nay vẫn còn mở trong trí tôi, như một ảnh hình khó mất.

Chúng tôi thường sang chơi nhà Fin bằng xe ngựa. Không biết tôi có nên gọi đó là chiếc xe ngựa không, vì đó thực là mấy mảnh gỗ chắp lại thành hình mui thuyền, và đúng là có họ gần với chiếc xe bò kéo.

Tuy nhiên, giữa cánh đồng lúa non thì con gái, chiếc xe ấy cũng đã đem lại cho tôi những giờ phút khoái trá, khi tôi thấy giàn giụa ra hai bên mình màu cỏ xanh thẫm, đậm đà thêm vị hương sắc thanh bình của thôn quê. Mỗi lần chiếc roi ngựa hạ xuống, mỗi lần chiếc xe chạy mau thêm, tôi rùng mình bảo ba tôi:

– Ba nhỉ, những con rắn con nhái chắc chả dám lên cắn con đâu.

Tôi còn nhớ con đường trải thứ đá răm từ ngoài ngõ chạy vút vào nhà Fin, nên mỗi lần xe ngựa của chúng tôi đến, Fin đều dừng tay việc nhìn lên vì nghe tiếng bánh sắt lăn trên đá.

Ba tôi để tôi ngồi cạnh mẹ Fin và Fin, rồi lên gác hút thuốc phiện với ông Châu. Tôi ngồi chăm chú ngắm Fin đắm chìm trong công việc, trong lòng trẻ nhỏ thốt nổi dậy một thứ rung động thầm kín, cái cảm giác đẹp đẽ mà tôi không tìm thấy được nữa trên đường đời. Trái hẳn với bản tính của những người Kinh trẻ tuổi, Fin rất ít nói. Nàng hồn hậu và nghiêm nghị, tươi tắn nhưng mơ màng. Nhiều lúc Fin nghiêng đầu, lắng tai vào không khí, tựa hồ như nghe ngóng một tiếng gì huyền bí, trong cái dáng điệu lơ đãng rất đáng yêu.

Năm ấy, tôi lên mười và Fin lên tám.

Bầu trời sáng và rộng, luôn luôn thấy những buổi hiền hòa, cây xanh gió mát nhịp nhàng với nhau như trong một bài thơ cổ. Tuần lễ một lần, ba tôi đánh xe ngựa sang nhà Fin, và cứ thế, yên yên, lặng lặng, trong tôi đã nảy nở tự bao giờ mối thiện cảm sâu xa đối với người em gái Kinh lai Mán.

Một lần tôi đột ngột hỏi Fin:

– Fin này, Fin có muốn lấy chồng không? Fin lấy tôi nhé?

Fin nhìn vào đôi mắt tôi hồi lâu rồi cười:

– Lấy nhau là cái gì?

– Là ăn cơm với nhau, như ba và mẹ tôi ấy.

Không hiểu sao, Fin vụt cười lên một cách vô cùng lạnh lẽo:

– À! Lấy thế thì không lấy.

Đương vui, bỗng như bị ai đánh, tôi sa sầm ngay nét mặt xuống.

– Thế là... Fin không thích tôi rồi nhé. Để tôi bảo ba tôi không đánh xe sang đây nữa cho mà xem.

Tôi rơm rớm nước mắt, chạy mách ba tôi thực.

– Ba này, Fin nó ghét con, nó không chơi với con, về đi, ba ạ.

Ông Châu ngồi dậy, nhại cái miệng mếu của tôi, rồi cười:

– Không, Fin nó thích con đấy, nó không ghét con đâu. Ra ngoài chơi rồi chốc nữa ông đánh nó cho.

Tôi thui thủi lại ngồi cạnh Fin, đưa mắt buồn nhìn cảnh rừng núi trước mặt, tâm hồn lần đầu rạo rực trong những cảm giác chán nản mênh mông. Lúc ấy, tôi mang máng nhận thấy rằng Fin là người con gái kỳ lạ, không bao giờ có thể trở nên bạn tôi. Và sau này, mỗi lần nhớ đến Fin, tôi vẫn rùng mình trước vẻ lạnh lẽo ấy.

Một hôm, tôi và Fin vào cánh rừng nhỏ gần đấy hái sim. Chúng tôi đi giữa hương mùa thu mới chớm, thanh sắc kỳ lạ của cỏ hoa không quen tên. Lòng tôi rộn lên một niềm say sưa, còn lòng Fin thì vẫn lạnh lẽo. Khi đến một gốc cây gần đấy, tôi chỉ tay bảo Fin:

– Fin này, ổi chín quá, tôi hái cho Fin ăn nhé.

Fin vẫn đi, trả lời buông thõng:

– Tôi không ăn, anh muốn ăn thì lấy.

Tôi tức giận nhìn Fin bước đi, hằn học, nhủ thầm:

– Đã làm bộ thế, ta cho biết tay.

Rồi tôi gọi Fin:

– Fin ạ, con ong nó đốt tôi.

Fin hốt hoảng chạy lại, hỏi tôi:

– Ong đốt đâu, anh có đau không?

Tôi cầm lấy bàn tay Fin hờ hững đưa ra, và sau câu nói:

– Nó đốt thế này này.

Tôi cắn mạnh vào tay Fin với tất cả sức điên rồ của một tấm lòng thơ trẻ. Tôi chỉ buông Fin ra cho nàng giãy giụa trên mặt đất, khi những tiếng kêu bất thần của Fin làm tôi chợt tỉnh. Tiếng kêu ấy làm giật mình ông bà Châu, ba tôi, và tất cả, người cầm súng, người cầm dao chạy lại cứu, vì đều ngỡ là chúng tôi bị nạn. Tôi quên làm sao được đôi mắt hờn oán của bà Châu, đôi mắt dữ dội của Fin nhìn tôi, sự yên lặng đầy miệt thị, lạnh lẽo như nước đá của con người sinh ra tôi. Tôi xấu hổ, đi lại phía sau, đưa tay áo ra gạt nước mắt...

Cuối năm ấy, ba tôi mất, vết xe ngựa hằn trên dải đường đưa đến nhà Fin đã mòn dần đi, và chặn lên đó những bước chân yếu ớt của chúng tôi, những người đôi lúc sang nhà Fin để làm sống lại chút ít sự thân thiết ràng buộc hai gia đình. Ông Châu bỏ tiền ra mua con ngựa trắng của ba tôi và giữ hộ ít hàng cho khỏi bị tịch ký. Thời gian êm đềm qua, tôi và Fin đã lớn. Xung quanh người con gái mười sáu tuổi ấy, mùa xuân bắt đầu rạo rực, ngày tháng bắt đầu thêu hoa. Fin đẹp một cách mọi rợ trong bóng rừng đã thấy nàng lọt lòng mẹ rồi sẽ đi lấy chồng.

Rồi tôi lên hai mươi, Fin mười tám tuổi.

Cách đây hai năm, nhân dịp nghỉ hè, tôi về chơi nhà ông Châu. Ông Châu già rồi, sinh lực tàn như ánh đèn dầu lạc. Mẹ Fin và con chó mực đã chết. Riêng Fin vẫn đẹp. Nàng vẫn ngồi quay chỉ, đạp guồng, mắt vẫn nhìn những đường trắng của lớp chỉ chạy đi, quên rằng thời gian bên nàng đã thay đổi tất cả.

Tôi ngồi cạnh Fin, hôm đó là một buổi chiều, một buổi chiều sương đục mờ mờ rây trên dải núi đằng xa. Tôi nhắc lại cuộc chơi bời ngày nhỏ và hỏi Fin:

– Fin còn nhớ ngày nào tôi cắn tay Fin không?

Nhưng Fin trả lời hời hợt:

– Lâu quá rồi, ai mà còn nhớ được.

– Nói xong, Fin không tỏ vẻ gì buồn bã cả, Fin điềm nhiên một cách lạnh lẽo, cả đến khi nghe tôi hỏi nàng câu thứ hai:

– Cô Fin sắp lấy chồng chưa?

Fin đáp một giọng lơ lớ:

– Tôi sắp lấy, anh nà. Tôi lấy một người con trai làng tử tế lắm.

Không dưng, lòng tôi nhói lên, như bị ai chích. Rồi tôi chợt hiểu. Tôi hiểu rằng, trong lòng người con gái của xứ rừng núi này, ẩn một cảm tình khác, nó chỉ đặc biệt ràng buộc với những cái gì thuộc về quê hương, mà không có sức mạnh nào, quyền phép nào, dẫu nhiệm màu, cao cả ở trên thế gian này mua được.

Nhiều lần, ở xa, nhớ đến người con gái vô tình đi qua ngày tháng của tôi, tôi mang máng nghe tỏa từ quãng mênh mông một tiếng gọi gì buồn bã, một tiếng gọi không hiểu chính của lòng tôi hay của khu rừng linh thiêng nghìn đời lặng lẽ:

– Em Fin! Em Fin!

Tôi còn yêu Fin được đến ngày nay, đó chỉ vì tôi ở xa Fin, và không bao giờ tôi gặp Fin nữa. Muôn trùng sở dĩ rạo rực được lòng người, vì muôn trùng là nỗi thương nhớ mênh mông của những tấm lòng rất bạn.

2 – 1942

CON NGỰA TRẮNG CỦA BA TÔI

Ba tôi lúc mới đặt chân lên đất nước này thì vốn liếng không ngoài mấy đồng bạc. Cũng được đúc theo khuôn khổ kiên nhẫn và cần kiệm như bao nhiêu bạn đồng hương khác, ba tôi hơn họ ở chỗ sớm biết tìm học chữ Pháp.

Tôi biết không được tường tận lắm về sức học của ba tôi, bởi tôi sinh ra quá chậm và khi cái tuổi lên mười bắt đầu mở hai con mắt ngờ nghệch của tôi ra xung quanh, thì ba tôi mất. Ba tôi bị bệnh đau xương trong một khu rừng ở Thanh Hóa, sau nhiều năm trời lăn lộn, gian nan, và mất đi, một buổi sáng, lúc tôi còn bận gỡ nốt một đoạn dây thả diều. Tôi nhận cái hung tin ấy với một tấm lòng bình tĩnh vô hạn, vì tôi chưa từng được chứng kiến một cuộc ly tán nào xảy ra trong gia đình tôi, từ ngày tôi cất tiếng khóc chào đời.

Hôm ấy, người vú già bảo tôi:

– Ông "già" rồi cậu ạ.

Tôi không hiểu nên đáp trơn tru:

– Không già mà lại có râu!

– Không, già là mất, là chết kia.

Tôi vẫn nhìn vú, bình thản:

– Thế mất thì phải làm thế nào u?

– Cậu phải chít khăn trắng, phải chống gậy, phải khóc nữa.

Tôi không hiểu làm sao lại có thể khóc được. Khóc được với tôi, chỉ có khi nào bị đánh. Tôi lo lắng tìm cách để khóc, khóc cho nhiều như mẹ tôi trong những ngày giỗ chẳng hạn. Tôi đem chuyện duyên cớ nỗi lo lắng nói với một người bạn nhỏ, thì hắn bảo rằng thế nào tôi cũng khóc được, vì "ngày xưa" hắn cũng đã khóc được một lần như thế rồi. Chúng tôi đem chuyện đám ma ra bàn với nhau, cuối cùng, cả hai đều thấy có những ý nghĩ vui vui. Nó nghĩ đến khi được mặc áo mới, chít khăn mới, còn tôi nghĩ đến những bữa cỗ bày ra để mời mọc xóm giềng.

Hồi ấy, chúng tôi chưa sống "văn minh" như bây giờ, để có được một tấm lòng tám chín tuổi đã biết suy nghĩ hay thao thức. Chúng tôi sống bình yên với cảnh đời thay đổi, chưa từng để ý đến những cảm

xúc bâng khuâng gợi lên bởi một mảnh áo hay một tấm lá. Cái vui của chúng tôi là cái vui của con diều no gió và cái nhớ viển vông chỉ có thể hơi làm buồn được những lúc vắng nhà.

Vậy, tôi đã đợi ngày rước linh cữu ba tôi về – ba tôi mất ở trong nhà thương – với những ý nghĩ hoàn toàn ngây dại như trên.

Tôi chỉ nhớ rõ một buổi sáng năm ấy, nhưng không biết về mùa nào, mới sáng tinh sương, tôi đã bị đập dậy bởi những tiếng kêu hoảng hốt của người vú già:

– Cậu! Cậu dậy mau! Về đến nơi rồi!

Đoạn vú cõng tôi một mạch chạy ra cổng làng. Khi chúng tôi đến nơi thì đã thấy hiện ra một đám người trắng lồ lộ. Ảnh ba tôi được phủ lụa điều, được bốn người khiêng lên như kiệu, và theo sau cái bài vị sơn đỏ, mẹ tôi và anh tôi đi đếm từng bước. Tiếng khóc mà tôi lo lắng từ mấy ngày nay làm sao cho có, thì lúc này tự nhiên bật ra, khi tôi thấy cái gì không còn nữa trong cái gì đang còn trước mắt tôi.

Đó là những tiếng khóc lần đầu tiên tôi biết, tiếng khóc sau này, khi tắt đi, còn vẳng lại một điệu thở dài chua xót trên ngày tháng bơ vơ của tôi. Mẹ tôi thấy tôi thì bù lu, bù loa lên, bế xốc lấy tôi, và đôi lúc đứng lại để xịt mũi hay lau nước mắt.

Tôi nhận thấy mấy cây cột nhà đứng bơ vơ hơn trước, bóng tối mau chiếm lấy sân và lòng tôi hay nhớ thương, ngao ngán.

Trong hơi lạnh lẽo bốc lên trước lúc gà vịt nhảy chuồng, bốn ngọn nến cùng nháy mắt trên chiếc bàn thờ mới dựng, thay chỗ cho nơi kê bàn đèn thuốc phiện ngày xưa. Tôi bắt đầu sợ bóng tối, rùng mình tưởng rằng ở đâu đây, vẫn còn rè rè những tiếng dọc tẩu kéo ngày xưa. Một tình thương mất đi, vừa khơi lũng xuống tháng ngày tôi sống.

*

*   *

Như trên kia đã nói, tôi biết ba tôi quá chậm. Bảy năm một, ba anh em chúng tôi thi nhau ra đời, tài trí và tính tình khác nhau quá xa. Khi tôi bập bẹ biết nói thì anh cả đã trưởng thành, và anh hai tôi cũng bắt đầu giật sợi dây diều xuống cùng với cái tuổi bay lượn của anh để vào trường. Tôi lớn lên giữa sự chiều chuộng nưng niu của một gia đình có thể kể vào bậc khá.

Thoạt đầu ba tôi làm thông ngôn cho một viên chức nhà đoan, rồi sau xoay ra lập một ty muối. Dần dần, vì công việc phát đạt, ba tôi góp phần cổ đông buôn gỗ. Những cuộc kinh doanh hồi ấy, tóe ra tiền, nảy ra bạc, nhờ ở cái thời mà mọi người chưa bị ngạt hơi vì sinh kế như bây giờ.

Tôi không hiểu rằng ba tôi đã học chữ Pháp với ai, bằng cách nào, vì một người chưa nói sõi tiếng Việt Nam đã "thạo" cái tiếng ngoại quốc ấy, kể cũng kỳ!

Đó là một sự hân hạnh lớn lao cho nhà tôi. Công nghiệp của ba tôi xưa, thường được mẹ tôi kính cẩn thuật lại, có khi đang thuật, người đưa mắt nhìn lên bàn thờ ba tôi... Ngày nhỏ, mỗi lần chạy chơi đâu về tôi thường mò lên gác, nằm yên lặng bên cạnh khay đèn, mũi hít từng hơi dài làn khói xanh thơm phưng phức, như khi chạy ra đường cái đón lấy cái mùi "étxăng" dễ chịu tỏa lại sau chiếc ô tô. Tôi tò mò đưa mắt ngắm mấy quyển sách chữ Pháp đặt cạnh đấy, mà ba tôi ít khi rời ra.

Ngoài cái sung sướng, hãnh diện có một người cha khác thường, thỉnh thoảng một vài cái xe ngựa đỗ lại ngoài cổng, đem đến nhà tôi những người ngoại quốc, lại làm tôi nghĩ ngợi về cái gia thế hẳn không phải là tầm thường của chúng tôi. Tôi thấy ba tôi nói chuyện với họ một cách dễ dãi quá. Người luôn luôn gật đầu, mỉm cười, khiến tôi nghĩ đến sự dồi dào chữ nghĩa ở bên trong khối óc hẳn phải rộng mênh mang! Thường thường, những buổi đàm luận rất thân mật kia đều được kết thúc bởi một bữa tiệc có bánh bích quy và rượu sâm banh.

Tôi thường hỏi anh tôi:

– Ba học ở đâu mà giỏi thế anh?

Anh tôi vênh mặt lên:

– Mày tưởng ba vừa chắc? Ba giỏi gấp trăm tao kia!

Chắc chắn là ba tôi phải giỏi, không còn ngờ gì nữa. Ba tôi đã có thể vào làng Tây được rồi. Nhưng tôi còn muốn biết thêm nữa, tôi muốn biết về mấy quyển sách đẹp đẽ mà ba tôi hay đặt lên ngực, khi mắt người lim dim, môi người mấp máy!

Nghe tôi hỏi thêm, anh tôi gắt với một vẻ tự phụ:

– "Lăngga făngxe, đíchxonne", hỏi mãi!

Nhưng những điều dẫn giải ấy không gạch được vào óc tôi một nét sáng gì cả. Tôi đành phục ba tôi vậy. Cái con người kỳ lạ ấy là cả một sự khó hiểu với tôi, khó hiểu như cái ngôn ngữ xa lạ kia không biết nhờ ở một phép bí truyền gì, lại có thể kết được ý nghĩ trên đôi môi chỉ quen mấp máy thứ tiếng phương Đông.

Sau này, đem chuyện ba tôi ra khoe với các bạn cùng lớp, tôi bị họ chế giễu:

– Ba mày có nói tiếng Tây... giả cầy!

Mặc dầu, tôi vẫn tin ở tài trí của ba tôi, vì hàng ngày những bạn ngoại quốc vẫn đến, vẫn vui vẻ nói chuyện và vẫn vui vẻ ra về.

Hai năm sau đấy, một chuyện phi thường vụt xảy ra trong gia đình tôi: anh hai tôi đậu bằng Cơ thủy Pháp – Việt. Đậu được cái bằng Cơ thủy, vào hồi ấy, người ta có thể được bổ dụng ngay rồi. Anh tôi về nhà, tay xun xoe đốt một bánh pháo tép, đá vào đít tôi một cái, rồi chạy tọt lên gác báo tin mừng cho ba tôi. Thực là long trọng! Mấy người ngoại quốc ngồi cạnh đấy rối rít xoa đầu anh, xì xồ nói những gì làm anh đỏ mặt. Tự nhiên tôi cảm thấy hổ thẹn, ghen tỵ, khi tôi thấy anh sung sướng chạy nhảy khắp nhà.

Tôi bảo anh tôi:

– Anh cũng không giỏi bằng ba đâu. Ba sắp mua cho em cái xe đạp ba bánh kia!

Anh tôi quay lại:

– Ừ thì mày có xe đạp ba bánh. Tao có tiền đây này.

Đoạn anh dằn lên nền gạch cho tôi nghe tiếng kêu coong coong của đồng bạc mới long lanh. Tức quá, tôi chạy lại bên ba tôi, khóc tấm tức:

– Bắt đền ba đấy. Ba không cho con tiền, ba cho anh hai.

Ba tôi bế tôi vào lòng, rồi móc túi cho mấy đồng hào còn mới tinh.

Thuở nhỏ, tôi chỉ được sống mấy năm sung sướng. Cái cơ nghiệp của ba tôi, những người nối tiếp là mẹ tôi và dì ghẻ tôi không giữ vững nổi. Chúng tôi sớm bị đuổi ra khỏi cuộc đời sung túc.

Trong tất cả những kỷ niệm ba tôi để lại, cái làm tôi nhớ nhất và tôi không hiểu tại sao lại nhớ đến thế, là con ngựa kim hoa trắng của ba tôi.

Những buổi trưa hè oi ả, mệt nhọc mang ba tôi từ những cánh rừng xa về, nó vui mừng hí lên khi nhận thấy cái mái nhà thân thiết

trên đấy đậu mấy con chim bồ câu. Chân nó đập lên những lối đi quen biết, mồm nó ngoạm những cây cỏ ngon lành... Tôi chạy ra đón ba tôi và thường thường người giao cương cho tôi cột nó lại. Dưới cánh những con muỗi bay vo ve, nắng hoa xôn xao, da nó động đậy, mỡ mượt trong một vẻ đẹp đẽ, oai nghiêm riêng. Rồi những buổi trưa không còn có trong đời tôi nữa, tôi theo người nhà dắt nó đi tắm, đánh nó bơi qua sông. Tôi sung sướng cười vang trên mặt nước lòa nắng, cưỡi trên mình con ngựa kim hoa mà tiếng hí quen quen, tôi chắc đã lâu ngày rồi, không còn rền qua cánh đồng ngập cỏ nữa.

Bây giờ đời tôi chỉ còn lại những trời quạnh vắng, những buổi trưa đột nhiên vọng một tiếng gà gáy lạ lùng. Tôi thoáng thấy bóng người cưỡi ngựa về sau hàng rào, đi ngược lại thời gian, run run như chỉ đợi một hơi gió mơ hồ là biến mất.

Mẹ tôi bán dần dần nhà cửa, ruộng vườn để trả nợ, và cả con ngựa trắng cũng bị đổi lấy tám mươi đồng. Hôm mẹ tôi định bán nó đi, tôi thấy lòng buồn vô hạn. Tôi không mấy lúc rời cái chuồng nhốt nó ra nữa, lưu luyến như đứa trẻ con bị đuổi khỏi căn nhà cũ, còn tiếc rẻ những chốn ăn nằm, đồ đạc quen thân. Tôi cầm một nắm cỏ đút vào mồm con ngựa trắng, vỗ vào mớ lông bờm trắng toát của nó. Từ ngày ba tôi mất đi, nó gầy gò thiểu não, mắt nó ướt và có ghèn, thỉnh thoảng cất tiếng hí không nhất định, mà tiếng hí mới buồn thảm làm sao!

Hôm người đến mua dẫn nó đi, tôi khóc bảo mẹ tôi:

– Mẹ đừng bán nó cho người ta. Mẹ để cho con.

Mẹ tôi thở dài:

– Nhà còn chả tiếc nữa là ngựa. Không bán đi thì xé xác ra mà trả nợ à? Con ngựa ấy ngày nay đã chết. Cũng như ba tôi để lại cái danh vọng tàn của những ngày rực rỡ, nó cũng đã từng nổi tiếng một thời về nước kiệu hay.

Anh hai tôi thường trêu tôi:

– Đồ người không nhớ người, lại nhớ ngựa. Rõ dở hơi!

Mà tôi dở hơi thật. Trên đường đời, tôi đã nhiều lần dở hơi như thế, và chắc sẽ phải dở hơi suốt đời...

Ngày nay, mỗi lần đi qua cánh đồng ngập cỏ, tôi vẫn còn phảng phất ngửi thấy mùi ngựa, nghe thấy tiếng ngựa, và hình dung một bộ yên cương vắng chủ, ngơ ngác đâu đây...

2 – 1940

EM DÌN

Trong số những người đọc tôi hôm nay, ít nhất cũng có đến một trăm người quen em gái tôi. Tôi nói một trăm, vì muốn để cho em tôi đỡ tủi, khi mưa xuân lướt về trên những mái nhà đầm ấm, và nắng xuân chợt bừng qua kẽ lá như ánh sáng chiếu lại từ những tấm lòng của các thiếu nữ đương tơ. Ngót bảy năm nay, chúng tôi xa nhau, ai biết em tôi đã qua bao nhiêu cuộc thử thách, người con gái vốn đã gầy yếu sẵn khi còn ở chung với chúng tôi? Và cả em nữa, em anh ạ, biết đâu em sẽ lại không đọc anh, đọc chính em, ngạc nhiên thấy đời em giống in như thiên truyện anh viết, và hết cả hồ nghi khi nhìn đến cái tên ký thân thiết dưới này. Nhưng em sẽ ở đâu đọc anh, gần anh, xa anh, hay không còn gần và xa nữa, trên đời này? Xuân đến! Mưa bay! Người ta bảo nhỏ anh rằng trong tháng giêng tốt lành sẽ có nhiều đám cưới. Anh không tin, mà tin làm sao, vì qua ánh sáng ngày xuân, anh vẫn thấy lòng buồn vô hạn.

*

*   *

Sau bốn năm ba tôi mất, trước hai năm tôi lên tỉnh học, em gái tôi, tôi nhớ đúng thế, vào đời. Cuộc đón rước đầu tiên ở ngưỡng cửa đời sống là một cuộc hò hẹn giữa em tôi và người bạn trai của em. Năm đó, em tôi mười lăm tuổi. Như thế em tôi còn là chậm biết đời nếu so sánh với những thiếu nữ bây giờ mới mười ba tuổi đã tỏ ra lịch lãm. Những khách nợ lâu đời nhất của dì ghẻ tôi – em tôi và tôi là đôi con cùng cha khác mẹ – được tôi lục ra và đi đòi hết. Em tôi trang điểm cẩn thận trước khi đi, và đi thật lâu. Tôi còn nhớ mùi nước hoa lần đầu em xịt lên tóc, một thứ hương vị ảo não đặc biệt cho mũi tôi lúc bấy giờ. Dì tôi nhìn em trang điểm thì gắt nhưng không phải là đe nẹt, mà lại ngụ ý khen. Riêng tôi, tôi nhận thấy em tôi đã đổi khác. Người con gái họ Hồ đó có lẽ sắp làm nên chuyện gì phi thường đây. Thành thử, hễ em tôi đi đòi nợ, là tôi trốn học đi theo. Chúng tôi "đuổi" nhau qua nhiều phố, cuối cùng, em tôi đến "đòi nợ" một người con trai nhỏ nhắn, xinh đẹp, đứng đợi em ở một phố vắng vẻ vùng ngoại ô. Ai đã từng có một người em gái tự do, tất hiểu lòn

tôi lúc đó, một nửa căm giận, một nửa e thẹn, chỉ sợ em biết được anh tò mò dò theo. Sự bắt được tang chứng kia càng làm tôi phục ba tôi là thông minh, khi một hôm, no thuốc phiện rồi, người nhắm mắt lại, rồi lại mở mắt ra, bảo với tôi đương loay hoay định ăn cắp một cái bánh ngọt trên khay:

– Ba biết con thèm ăn bánh lắm, nhưng sao con không xin ba? Ba đương mải nghĩ về em Dìn của con. Ba chỉ sợ sau này nó hư. Tướng nó không được tốt lắm. Chỉ có anh Hai con là tử tế thôi.

Tôi nũng nịu bảo ba tôi:

– Thế con không tử tế à ba? Lúc nào ba hút thuốc phiện chẳng có con ở ngay bên là gì. Còn anh Hai thì chỉ biết chạy đi chơi.

– Phải, con tử tế với mấy cái bánh. Nhưng thôi, các con nhờ trời cũng khá cả, cái đứa hư nhất ba sợ là con Dìn.

Và ba tôi đã nói đúng. Tôi cũng nghĩ đúng. Một dịp cho tôi khoe cái tài trinh thám với anh tôi:

– Đố anh biết đi đòi nợ là gì?

– Là đi bắt nợ, là đi thúc nợ.

– Là...

Tôi vít cổ anh tôi xuống, nói khẽ:

– Là đi với trai, em Dìn nó đi với trai đấy.

Anh tôi còn trẻ, nên cũng hăng hái hỏi tôi:

– Thật à? Bé thấy con Dìn ở đâu? Hay ai bảo? Nói mau lên, anh sốt ruột nghe lắm rồi đây!

Tôi kỹ càng thuật lại chuyện và cười bảo anh tôi:

– Anh em mình được như cái thằng cu ấy, cũng thích đấy nhỉ.

Ngày hôm sau, chúng tôi lại đi rình, và lại bắt gặp em gái tôi. Nhưng chúng tôi chỉ trông nhau mà không ai dám ra đánh mắng người con trai như ở nhà đã định. Mãi đến sau này, tôi mới kịp nhận thấy chúng tôi nhát gan và vô lý, nhưng lúc tỉnh ngộ như thế, thì em gái tôi đã vào đời!

Gia đình tôi là cuộc phân tranh ngấm ngầm và ra mặt giữa hai phe. Mẹ tôi và dì ghẻ tôi đánh nhau luôn, nhất là từ ngày ba tôi mất. Dì ghẻ tôi đã nhanh nhẹn chiếm được hết của cải của ba tôi, và khôn khéo sang tên dì ngay từ hồi ba tôi còn sống. Mẹ tôi không có cái gì cả, ngoài ba thằng con trai phải nuôi, và cái bàn thờ của ba tôi phải dọn sửa. Mẹ tôi bảo dì tôi là con một đứa hái củ nâu. Dì tôi chối phắt

cái gốc tích ấy đi, và trả lại cho mẹ tôi hai tiếng "lái đò". Rồi hai người đánh nhau. Anh cả tôi chạy can hai người ra, anh Hai tôi đóng cửa cho hàng phố khỏi thấy, còn em tôi và tôi thì khóc. Chúng tôi không biết ai phải, ai trái, nhưng chúng tôi người nào bênh mẹ người ấy. Em gái tôi phân bua với tôi:

– Mẹ anh tồi quá, cứ đánh mẹ em luôn.

– Mẹ em tồi ấy. Cậy có của lộng quyền.

Giữa hai chúng tôi có một cái gì ngăn trở. Chúng tôi tuy cùng ở chung một nhà, ăn cùng mâm, nhưng thực ra thì xa cách. Mẹ tôi tìm đủ cơ hội để dìm dì tôi xuống, và cố nhiên, người vin ngay lấy câu chuyện theo trai của em tôi để nói bóng gió. Hôm nay người cãi nhau, tôi được gọi ra làm chứng. Tôi thấy dì tôi ngồi trên sập, trước mặt một cái tráp trầu không vỡ đổ, nghiến răng hỏi tôi:

– Có thực chính mắt anh trông thấy con tôi theo trai không?

Tôi không đáp và đưa mắt nhìn em gái tôi đứng thút thít khóc ở xó nhà vì vừa bị mấy cái tát. Tiếng dì tôi vẫn dằn mạnh:

– Anh cứ nói đi để tôi đánh tan xác nó ra, đồ không có người dạy!

Mẹ tôi xen vào:

– Đừng có nỏ mồm. Bảo ai không có người dạy? Không được chạm đến con tôi! Giữa lúc tôi chưa biết nói làm sao cả, thì em gái tôi chắp tay đưa lên bụng, kín đáo lạy tôi mấy cái. Lòng thương một người con gái yếu ớt làm tôi quên hẳn sự hiềm khích giữa người trong nhà. Tôi đáp rất gọn:

– Không, con nói dối đấy chứ!

Tức thì dì tôi vênh mặt lên:

– Nghe nữa đi, nghe cái đồ nói dối nữa đi!

Và tức thì hai cái tát của mẹ tôi cháy bỏng trên má tôi:

– Ai dạy mày nói điêu, mày hai lưỡi!

Nhưng tôi lại chỉ có một lưỡi, khi ngồi ăn cơm với mẹ tôi:

– Đúng là con Dìn đi với trai, mẹ ạ. Ban nãy nó lạy con đừng nói.

Mẹ tôi lườm tôi và im lặng. Một chiều kia, đi học về, tôi ngạc nhiên thấy em gái tôi bị trói chặt như con lợn nằm ngoài sân, nhăn mặt dưới những vụt roi mây chập ba lại. Bên cạnh em, những tờ thư

vất bừa bãi, cái xanh, cái tím, cái vàng, cái lá mạ. Dì tôi sai anh Hai tôi đọc to lên từng cái một. Mỗi lần một bức thư đọc dứt, là một lần roi mây vụt xuống đít em tôi. Tôi ngẩn người nghe cái giọng nói khôn khéo ngọt ngào mà tôi được biết lần thứ nhất. Nó lọt tai và mát lòng quá. Đôi khi người con trai gọi em tôi là "quý nương" và tự xưng là "kẻ này". Tôi giấu một bức thư vào túi rồi đem ra học thuộc lòng. Em tôi chắc không muốn nghe lắm, nên nhắm mắt lại. Thực không gì đẹp bằng yêu nhau, xấu bằng yêu nhau!

– Đấy, em anh, anh xử lấy. Bây giờ ba nó đã chết rồi, tùy anh định liệu.

Anh cả tôi vốn hùng hổ nên đáp:

– Gọt gáy bôi vôi, đem trôi sông nó đi!

Em tôi nghe hai tiếng "trôi sông" thì nức nở khóc. Dì tôi nóng mắt, cúi xuống, giật từng cái áo của em mặc ra. Đột nhiên không ai bảo ai, ba anh em chúng tôi cùng quay mặt đi. Riêng tôi, tôi thấy nổi dậy trong lòng nỗi công phẫn đối với cách giáo dục tàn nhẫn kia. Và suốt đời, tôi không quên được cái thảm cảnh của một người con gái bị xử ngược chỉ vì phạm một tội rất thông thường là yêu vì nhẹ dạ. Sự đó rất có ảnh hưởng đến đời tình ái của tôi, một cuộc đời chỉ toàn thấy những dang dở vì lẽ tôi không biết giữ trong tay những hạnh phúc mau biến.

Sau trận đòn hôm ấy, em tôi trở nên buồn bã. Cuối cùng, dì tôi nhốt em tôi vào một cái buồng tối, khóa kỹ, chỉ cho giao tiếp với bên ngoài qua cái cửa sổ nhỏ. Tôi linh cảm rằng, tuy chúng tôi đã được yên lòng về cách nhốt em tôi như thế, một sự gì nghiêm trọng vẫn lảng vảng quanh nhà chúng tôi. Quả nhiên, một đêm kia thức dậy, tôi đứng ở trên gác nhìn xuống đường phố, chợt thấy một bóng người động đậy trong bóng cây. Ngay lúc đó, cánh cửa dưới nhà kêu lên, và người vú già tay cầm một tờ giấy trắng tiến lại phía cái bóng. Tôi ngẫm nghĩ và hiểu biết. Sáng mai, tôi chạy xuống nhà, lại căn buồng nhốt em gái tôi, bảo em:

– Sao em dám đưa thư cho vú già đem cho cái thằng nào đấy?

Em tôi đáp lại bằng một giọng cương quyết, rắn rỏi, một giọng nói làm tôi rùng mình, không ngờ có thể có được ở trên môi người con gái mới mười lăm tuổi:

– Tại vì... em nhớ người ta quá!

– Thế em không sợ người nhà đánh à?

– Trừ phi anh nói. Nhưng em biết anh tử tế, chắc chẳng bao giờ anh muốn em khổ hết; anh còn nhớ ngày nào chúng ta giữ trâu và ăn ổi với nhau không?

Tôi không quên được ngày đó. Nó là cái kỷ niệm đẹp đẽ của đời tôi mà em tôi vừa nhắc lại. Một cánh đồng cỏ xanh mượt nằm ngủ dưới chân đồi, mới ba giờ chiều đã mờ, vì bóng núi che khuất mặt trời đổ lên đó. Chúng tôi thả trâu cho tự do ăn cỏ, lòng thanh thản dưới một bầu trời sáng đẹp. Đôi lúc tiếng sáo của dân Mường từ xa vẳng lại, là những thanh âm độc nhất hiu hắt trong cái rộng rãi, cô quạnh của linh hồn. Chúng tôi đánh trâu bò lên đồi vào lúc mờ sáng, và trở về nhà khi nắng vàng chỉ còn nửa đốt ngón tay trên đầu bụi trúc.

Đàn vật nối nhau theo hàng một, từ trên đồi uể oải xuống, làm thành một cái dòng màu xám chảy chầm chậm trong ánh mờ nhạt của hoàng hôn.

Ngoài mấy người con gái mà tôi mến rất nhẹ nhàng và rất kỳ dị, em tôi là người bạn nhỏ hiền hậu của tôi ngày ấy. Chúng tôi cũng để lòng ước mong những chuyện không thể có, em tôi mơ được một căn nhà ngói dựng trên đồi, và tôi khờ khạo hơn, giản dị hơn, được bình yên chăn trâu trọn kiếp. Hai tôi lấy hoa sim cài lên đầu, lên áo, và cùng cho rằng hương hoa sim thơm, tuy thực ra nó vô cùng nhạt nhẽo. Chính ở cái chốn mà mây gió còn giàn nguyên màu dĩ vãng đó, chúng tôi lớn lên hồn nhiên giữa bài thơ tưng bừng của sự sống, hồn nhiên nhận biết cái tang máu mủ lần thứ nhất xảy ra trong cuộc đời chúng tôi: ba tôi mất. Cái chết lặng lẽ của người trái hẳn với tháng ngày sôi nổi người sống, làm nhiều khi tôi sinh lòng ngơ ngẩn trước thiên luật không thể cưỡng lại gieo xuống muôn loài. Đời sống lôi cuốn chúng tôi về những hoàn cảnh khác. Chúng tôi đau đớn thấy mây gió ngày xưa dần dần xa vắng bên những giấc mộng chỉ còn là nỗi thương tiếc nức nở giữa cuộc đời.

Người con gái ngây thơ, vô tội là em tôi ngày xưa, bây giờ đang yêu thắm thiết, yêu mê say và đang phác họa trong óc những bước đường liều lĩnh sau này. Một sáng, giấc mơ của tôi bị cắt đứt vì mấy tiếng kêu hốt hoảng của dì ghẻ tôi:

– Trời ơi, con Dìn nó trốn mất rồi!

Tất cả mọi người cùng chạy vội lại bên dì. Gian buồng nhốt em tôi đã từ bao giờ bật khóa. Rương của em tôi bị nậy nắp, bao nhiêu quần áo cũ, mới đều mất hết. Tôi chợt nhận thấy, trước quang cảnh đó, một sự gì hoang vắng lạ lùng, một nỗi gì lạnh lẽo không hẳn buồn rầu, nhưng kinh ngạc. Dì tôi lăn mình vật vã khắp nhà. Anh cả tôi suy nghĩ về cách trốn đó. Anh hai tôi thông minh hơn, chạy tìm em ở khắp các xó giường giăng đầy mạng nhện. Tôi thì chỉ biết yên lặng. Bỗng tôi để ý đến đôi mắt của ba tôi trong bức ảnh đặt trên bàn thờ, đôi mắt như quắc nhìn tôi. Nét mặt người buồn vì sám. Tôi ngờ như có sự trách cứ huyền bí nào đó, sự trách cứ chính đáng gieo xuống tôi, vì tôi là một kẻ phạm tội: tôi đã quá dung thứ sự thầm lén của em gái tôi.

Cuộc trốn đi được ngót ba tháng, thì một hôm, chúng tôi nghe tin em Dìn bị người con trai từ bỏ. Sự đoạn tuyệt đột ngột đó rất phiền phức và khó hiểu với tôi. Nhưng hai anh tôi lại tỏ ra rất tường tận, kinh nghiệm. Anh giảng cho tôi biết:

– Đại phàm yêu nhau mà lấy nhau là hỏng.

– Thế yêu nhau mà không lấy nhau là không hỏng à anh?

– Cái đó còn tùy mỗi người một duyên số.

Câu triết lý vu vơ của anh tôi thế mà đúng. Người ta yêu nhau chỉ để yêu nhau. Lấy nhau tức là tham lam, ích kỷ. Mà đã yêu nhau, sao lại không thể can đảm xa nhau, không thể cao thượng chịu đứt cái tình đau đớn được? Ái tình, mà cái tên thứ hai ở thế gian này là Đau khổ, không bao giờ cho phép người ta được thỏa nguyện. Chỉ có cha mẹ mới có quyền định đoạt được cuộc đời của con, và "Trời" muốn thế, vì các bậc đã phải mang nặng đẻ đau, ắt được đền bằng một bài tính đố chính họ tìm lấy con số đáp! Xa nhau là yêu nhau thêm lên, vì hai trái tim vẫn tưởng nhau đẹp đẽ, nghĩa là vẫn sung sướng đánh lừa được nhau, vẫn mơ hồ và... tưởng tượng! Em gái tôi không hiểu thế sự dám liều lĩnh đem cái tuổi mười lăm của mình ra thử thách một chuyện vượt lên trí óc, dại dột đem mình làm gương cho người sau, cho tôi.

Em tôi đi được ba tháng, thì dì ghẻ tôi cũng đi theo. Người đàn bà này đường hoàng đi ra bằng lối cửa chính, đem theo tất cả những của cải mồ hôi, nước mắt của ba tôi. Người khách thương ba mươi năm trời lăn lộn để gây chút sự nghiệp mong manh, không biết lúc này, ở thế giới bên kia, có thấy rằng chỉ những cuộc hôn nhân chính

đáng mới tạo được nên những người vợ hiền và con chính đáng? Còn những sự lấy nhau vì nhục dục, vì tham vọng, chỉ là cách tự thỏa mãn và không có nghĩa gì?

Từ bao lâu nay, tôi vẫn tin rằng mẹ tôi sung sướng. Nhiệm vụ một người vợ hiền, mẹ đảm Việt Nam đã được làm trọn vẹn, và danh vọng xứng đáng ấy được lấp lánh ở một chỗ cao quý nhất trong trái tim người. Cái phần thưởng đến với người tuy quá chậm và khó, nhưng chính sự khó và chậm ấy đã khiến tôi yêu mến nước Nam của tôi bằng một tấm lòng trọng đại, một mối tình vô song, nhất là quê hương thứ hai của tôi lại không được huy hoàng rực rỡ!

Một năm trôi qua. Mùa xuân đến. Chúng tôi đón Tết trong nhà nhỏ, ba anh em cùng ngồi quây quần bên mẹ, quanh một nồi bánh chưng sôi. Gió bên ngoài rét lắm, lật trái những tấm lá thấp thoáng trong ánh lửa từ bếp chiếu ra. Mưa rơi ngoài cửa. Bàn thờ ba tôi sáng trưng lên dưới một hàng nến đỏ nghiêm chỉnh như một toán quân đi chào cờ. Mắt mẹ tôi long lanh ướt. Người nhìn vào bếp lửa, đầu gối giơ cao để che lấp đôi mắt, chăm chú giở củi, nhưng thực ra là để che sự cảm động. Giữa lúc đó, người vú già ghé vào tai tôi:

– Cậu ra cho cô Dìn hỏi. Cậu ra một mình thôi!

Tôi ngạc nhiên đứng dậy, nói thác với mẹ tôi là đi tiểu rồi mở cửa bên chạy ra đường. Tôi thấy em tôi đứng nép dưới hiên một nhà người hàng xóm, rét run cầm cập. Tuy không trông rõ mặt và người em, nhưng tôi cũng biết được em gầy và yếu đi nhiều lắm. Em tôi nhìn tôi rồi hỏi:

– Anh ra có ai biết không? Mẹ em làm gì đấy?

Tôi giấu chuyện dì tôi bỏ nhà đi, và đáp:

– Không ai biết cả, vì anh nói dối anh đi tiểu. Cả nhà đang nhớ em, sao em không vào?

– Anh đừng nói cho ai biết em về nhé! Em van anh đó. Em xấu hổ lắm. Em lại đây thăm nhà vì em nhớ mẹ, nhớ các anh.

Tôi nghẹn ngào bảo em:

– Thôi em cứ về. Mẹ em năm nay ăn Tết ở nhà ông ngoại. Chả ai đánh em nữa đâu.

Nước mắt em tôi trào ra, em nức giọng:

– Không, em không vào. Em đến chúc Tết anh là đủ. Xong, em đi...

Tôi hốt hoảng:

– Em đi đâu?

– Em vào Sài Gòn. Mười giờ tối hôm nay có tàu. Em chỉ còn ở đây được hai giờ nữa thôi. Năm nay anh có được nhiều tiền phong bao không? Chắc bánh chưng ở nhà ngon lắm nhỉ?

– Ừ ngon lắm, em vào mà ăn.

– Em đã bảo em không vào mà lại. Em lại đây cốt được trông thấy anh, và xin anh... mấy xu mừng tuổi gọi là nhớ lại ngày nào anh mừng tuổi em!

Tôi sờ vào túi, móc ra được năm đồng xu, ngần ngại đưa cho em tôi.

– Anh nghèo lắm em ạ.

Em tôi đón lấy số tiền, và cười đau đớn:

– Thế là nhiều rồi anh ạ. Thôi em đi nhé!

Nói dứt, em tôi lủi vào bóng tối, trong lúc tôi chợt nhớ ra, hỏi với:

– Em... em vào Sài Gòn với ai?

Tôi bước vào nhà buồn bã, sau khi đưa ống tay áo lên quệt nước mắt, giữa lúc mẹ tôi đã đứng dậy thắp hương trên bàn thờ ba tôi, vì tiếng pháo giao thừa bắt đầu nổ. Xuân về!

Mẹ tôi yên lặng khấn khứa, đoạn quay lại phía chúng tôi, giọng nói của người như nhắc lại cả một dĩ vãng thiếu tươi đẹp:

– Không biết con Dìn năm nay bao nhiêu tuổi nhỉ.

12 – 1943

CHÚ NHÌ

Ba tôi có tất cả ba người em, tên nghe rất đơn giản: chú Nhì, chú Ba, chú Tư. Người ở xa chúng tôi nhất là chú Nhì. Chú ở tận một làng khuất nẻo bên Tàu. Muốn đến đấy, người ta phải dùng cáng, len lỏi qua những khu rừng rậm của tỉnh Quảng Đông mênh mông.

Từ ngày nhỏ đến bây giờ, tôi thấy chú Nhì tôi trước sau hai bận. Lần đầu trở sang Tàu, chú tôi mang theo vài trăm, số tiền tiễn hành của ba tôi tặng. Con người bí mật ấy giắt vào bao da thắt lưng cáu ghét số tiền kể trên một cách bí mật không kém. Ba tôi đối với chú có vẻ thân thiện. Mẹ tôi thì chiều chú cho có lệ, cho ra vẻ ta là chị dâu. Anh tôi và tôi cũng không thích chú lắm. Hôm chú trở lại quê, sau khi thăm chúng tôi lần thứ nhất, đưa chân chú ra ga, tôi hỏi chú:

– Chú cho chúng cháu tiền đi, chú!

Chú tôi cau mày, im lặng. Cuối cùng, muốn đỡ ngượng, chú tôi vén áo, móc trong ví da một hào chỉ đưa cho tôi:

– Đây cho hai đứa, để đi xe về.

Tôi thoáng thấy anh Hai tôi bĩu môi một cách rõ rệt. Nghe anh, tôi ngừng ngay cuộc tiễn chân lúc ấy, và không nói, không rằng, chúng tôi lẩn ra ngoài ga, về thẳng, để mặc chú với cái sọt quần áo to tướng. Anh Hai tôi vừa đi vừa làu nhàu:

– Thế mà mình cứ tưởng bở, ít nhất mỗi đứa cũng được dăm đồng! Nếu biết cung bực này thì thèm vào mà đi đưa, thêm tốn công.

Tôi vớ lấy dịp, hỏi luôn anh:

– Còn đồng hào đây, anh cho em nhé?

Anh tôi sực nhớ ra, bảo tôi:

– Để mua chuối tiêu, ăn chung.

– Ơ, sao anh bảo không thèm?

Từ đấy, chúng tôi có những ý nghĩ không tốt về một phần cái đại gia đình mất tăm trên dải đất Trung Quốc. Chúng tôi yên trí rằng chú hay bác, cậu hay mợ, tất cả cũng chỉ là những người keo kiết như nhau, như chú Nhì của tôi, không hơn, không kém. Duy có anh cả tôi là phục chú lắm. Chú tôi, dưới mắt anh, là một thi sĩ, một văn nhân. Chú thuộc lòng Tứ thư, Ngũ kinh, và điều này mới thật lạ, nhưng

đúng, là chú lại thông thạo đủ các môn võ nữa. Chú có thể, vẫn lời anh cả tôi, nhảy vút qua một cái nóc nhà chót vót, với một cái gậy tre, với hai cái vỗ vào đôi mông thực mạnh. Người chú quý hóa của tôi đã từng chống chọi với một toán cướp sáu người. Chú thắng trận nhưng bị tẹt một bên mũi.

Chú Nhì không có tài làm giàu như ba tôi, không "thạo" tiếng Pháp như ba tôi, nhưng về cái lượng hút thuốc phiện, chưa chắc chú đã thua. Chú hút mỗi ngày hai ngao thuốc phiện. Chất nhựa đen âm ỷ trong người chú, làm sạm thêm những mưu mô càng ngày càng sâu sắc. Tôi không tin, mấy cũng không tin, rằng con người hóc hiểm như thế lại có thể là một thi sĩ được. Thi sĩ, tôi đoán những người ấy phải hiền lành, ngây ngô và liều lĩnh. Đằng này, chú tôi nghĩ rất chín, làm rất lẹ, giấu tiền vào hầu bao đến không một ai liếc thấy được.

Năm ba mươi tuổi, chú tôi hỏng tú tài tam trường. Chú bực dọc về nằm thở dài giữa bốn bức tường xây bằng thứ đá tảng, bắt con cháu cung đốn thuốc phiện, để nghĩ thơ. Thơ đây không phải thơ của Lý Bạch, nhưng là thứ thơ áp dụng theo thể câu đối, áp dụng trong những công việc đình đám, vui mừng hay ma chay. Và chú tôi, chung quy, chỉ là một người viết mướn.

Gia đình tôi, trừ ba tôi và anh cả tôi là những người đã ở lâu năm bên Tàu, không một ai biết tường tận về những thân thích xa xôi hết. Họ như lìa hẳn chúng tôi, bởi họ cách xa chúng tôi quá. Đôi lúc, cái gia đình ở bên kia trùng dương lại gửi sang, để đánh thức tình thân ái của chúng tôi dậy, một vài người, một vài "chú Nhì". Nhưng khốn nỗi, những người này lại bí mật, dè dặt quá. Thành ra tôi sống để chỉ nhận biết có ba, mẹ tôi, anh hai tôi, và quá ra vài người gần nhất. Tôi chưa từng chiêm bao thấy khuôn mặt nào, ngoài những khuôn mặt kể trên.

Tôi thường được nghe ba tôi thuật lại cái vị trí hùng dũng của gia đình tôi ở bên Tàu: một căn nhà rộng lớn, với một khu vườn mênh mông, bao vây chung quanh là một thành tường chắc chắn dày gần nửa thước. Thêm nữa, trong nhà tôi lại có hai khẩu súng. Ba tôi kể thêm rằng nhà tôi không bao giờ bị cướp, vì linh hồn cụ tôi – chết rồi mà vẫn còn hống hách! – thường báo mộng về cho con cháu và hứa giữ gìn của cải trong họ! Nhưng dẫu có lời nói đáng tin được của ba tôi, vài năm sau, chúng tôi vẫn được tin quân cách mệnh đến chiếm đóng căn nhà ấy như thường! Hai khẩu súng treo bên cạnh bàn thờ

cụ tôi, hôm ấy, tai ác, lại không nổ được một phát nào. Chúng nó câm, vì biết cái thời kỳ làm quan của cụ tôi đã hoàn toàn bị trả lại cho đất nước Trung Hoa! Căn nhà ấy, mãi sau chú Nhì tôi mới tu sửa nó lại để làm chốn nương thân. Sửa nhà xong, chú tôi nghĩ đến cách sang Việt Nam thu tiền của ba tôi về, như tôi vừa thuật trên kia.

Họa hoằn, chú mới viết thư sang thăm ba tôi, bức thư có phong bì gạch đỏ, trên ấy tháu một hàng chữ như rồng bay. Đó là một chút lòng gửi vào trong không gian, rồi mặc cho gió cuốn, sau ba tháng, hay bốn tháng cũng không chừng, lạc lõng đến tay chúng tôi, rách, nhầu, thẩm đạm. Tôi thấy ba tôi ái ngại đọc những dòng chữ đó, đọc xong đút thư dưới khay đèn, rồi không nói cho ai biết hết.

Anh tôi bảo tôi:

– Anh biết chú Nhì chả hỏi thăm ai đâu, chú ấy chỉ tiền!

Cái con người ấy chỉ tiền thật! Rồi tôi đoán chả chóng thì chầy, chú tôi sẽ lại sang đây, lại về, rồi lại sang nữa. Có điều tôi chắc chắn nhất là không bao giờ chúng tôi đưa chân chú ra ga nữa. Tôi tâm niệm, cầu khẩn cho chú đừng sang, vì thấy chú sang, chả sao, tôi cũng hơi... ghét chú.

Cách đấy một năm, ba tôi mất. Hai cái dây thép đánh về quê báo tin buồn đều bị quay trở lại. Anh cả tôi viết tiếp theo hai cái thư nữa, nhưng vẫn không thấy trả lời. Một năm rồi hai năm, rồi đến ngày tôi học lên lớp nhì. Mẹ tôi đồ rằng nhà chúng tôi ở nơi xa kia không còn ai nữa, mà có còn thì chắc cũng lang bạt xa xôi. Sự ly tán, mãi đến thời kỳ ấy, mới khiến lòng tôi buồn bã. Tôi gợi lên cái bóng người gầy yếu năm xưa, và tình thương mơ hồ đi qua không gian, đánh thức lòng nhớ mong của tôi lần đầu tiên và cũng là lần sau hết.

Tôi buồn rầu bảo anh hai tôi:

– Chú Nhì hình như chết rồi, anh ạ.

Anh tôi lạnh lùng:

– Chú ấy còn sống nhé? Sống để rồi mang tiền về Tàu, rồi cho một hào chỉ?

Lòng tôi nghe vang một thứ gió âm u của miền sa mạc Mông Cổ, trôi qua Thiểm Tây, Cam Túc, luồn vào những khu rừng không tên của hai tỉnh Lưỡng Quảng, vượt trùng dương sang tôi, như tiếng thở dài não nùng của những linh hồn phiêu bạt. Không hiểu sao, lòng tôi rưng rưng... Tôi không yêu chú tôi thật, nhưng có cái gì, cái gì xao

xuyến, huyền ảo, đã khiến tôi bâng khuâng, và tôi nhận ngay trong đó có tình yêu giống nòi, gia đình, hòa lẫn với tình yêu đất nước.

Trong khi tôi buồn rất hão hờ, anh tôi vẫn nhất quyết:

– Đấy rồi xem, chậm lắm là vài tháng nữa, chú ấy lại không lò mò sang hay sao.

Vài tháng sau, chú tôi sang thật, lần này, với thêm một chiếc va li, thêm một vài nét sung sướng trên mặt. Tôi đang ngồi xếp bài tam cúc chơi, thấy chú liền reo lên:

– Chú Nhì đã sang đấy, mẹ ạ.

Mẹ tôi từ trong bếp chạy ra, khi thấy chú, thì mếu máo:

– Anh mất rồi, chú ạ.

Tôi chợt thấy như một tà thuật, ánh sáng sung sướng trên mặt chú tôi sầm lại. Trăm phần trăm đó là sự thất vọng, mà không phải lòng thương trắng trợn. Chú tôi yên lặng ngồi trên ghế, yên lặng tính toán. Mãi sau chợt nhớ ra là chưa đến thắp hương ở bàn thờ ba tôi, chú tôi nói để đỡ ngượng:

– Đâu, bàn thờ anh đâu, chị?

Sau khi nghiêng mình ba cái trước linh vị của ba tôi, con người ấy bắt đầu đưa mắt nhìn ra xung quanh... Anh hai tôi, từ lúc nào, không thấy bén mảng gần đấy. Mẹ tôi ngồi tiếp chuyện chú, kể lể cảnh nhà sa sút trong ít lâu nay. Tôi thấy đôi phen chú tôi cau mặt lại ngẫm nghĩ. Chú không hỏi thăm chúng tôi, không hỏi thăm ai hết.

Mãi đến trưa, lúc mẹ tôi đi đâu vắng, chú yên lặng lại bên tôi, hỏi bằng một thứ giọng hết sức dè dặt của người sợ lộ truyện bí mật:

– Cháu này, cái ấy đâu rồi?

Vừa nói, chú tôi ra hiệu bằng cách nắm tay để trước miệng. Tôi ngơ ngác không hiểu. Chú phải hỏi rõ:

– Cái dọc tẩu của ba cháu ngày xưa ấy mà!

Tôi lắc đầu:

– Cháu không biết. Hình như mẹ cháu bán đi rồi hay sao ấy!

Chú tôi thở dài một cách não nuột:

– Hoài của! Cái dọc tẩu hơn ba mươi năm!

Nói đoạn chú tôi thẫn thờ lại lục đống hành lý – một cái chăn bông, một bộ quần áo đựng trong cái sọt mây và chiếc va li – lấy ra

cái hộp sắt tây đựng những viên gì con con. Chú tôi sai tôi rót một tách nước trà, ngậm thuốc trong miệng, rồi nuốt đi.

Tôi ngây thơ hỏi chú:

– Chú đau bụng à? Mẹ cháu có thuốc đấy, để cháu lấy cho nhé?

Chú tôi lắc đầu, rồi lại nằm ở giường, mơ mộng. Tôi biết không hỏi thêm được điều gì nữa, nên chạy ra tìm anh tôi mà bảo:

– Anh ạ, chú Nhì đau bụng đấy.

Anh tôi ngạc nhiên:

– Thật à?

– Em thấy chú tiêu mấy viên thuốc gì đen đen với nước.

Anh tôi vụt cười:

– Mày dốt lắm! Chú ấy nuốt sái thuốc phiện đấy. Nhà ta làm gì còn giàu như ngày xưa để lúc nào cũng có bàn đèn trong nhà.

Chú tôi sống như ma xó. Chú lặng lờ đi hết vào buồng lại ra vườn, mắt như tìm một thứ gì, óc như suy một điều gì. Quang cảnh nhà tôi đã buồn, bóng con người bí mật ấy hắt lên cái váng tàn lại càng làm hằn rõ nỗi yếm thế vây bọc chúng tôi. Mẹ tôi biết ý chú, nên đi mượn một cái bàn đèn về. Quả nhiên, chú tôi hơi vui thật. Đôi mắt thâm và sâu của chú long lanh lên khi thấy cháy ngọn lửa con thân yêu, khi thấy bén mùi nhựa dễ chịu. Nhà tôi, từ đấy, đỡ được ít phần tịch mịch, tuy chịu thiếu thốn thêm ra, vì mỗi ngày mẹ tôi phải chạy vài hào chỉ thuốc phiện cung chú.

Một hôm, tự nhiên tôi thấy mất chú Nhì. Tôi chạy ra vườn rồi lại lên nhà, rồi lại ra vườn. Sau hết, ghé mắt nhìn vào chuồng tiêu, tôi vẫn không thấy con người kỳ dị ấy.

Tôi rối rít bảo mẹ tôi:

– Chú Nhì không biết đi đâu rồi, mẹ ạ. Hay là chú ấy bỏ về Tàu?

Mẹ tôi lạnh lùng:

– Dễ mà về được! Ai cung cấp thuốc phiện cho!

Khi tôi chạy ra đường, thì gặp chú đương đi lẩn lút ở một phố huyện vắng, mồm nhai nhồm nhoàm, và tay cầm một quả chuối bóc dở. Tôi đứng lại, lắc đầu nghĩ thầm:

– Cứ thế này rồi còn khá chán!

Chú tôi ăn xong chuối, dở đến gói kẹo lạc, lấy ở hầu bao ra. Tôi đi rình theo sau, nhưng vì vô ý bước mạnh quá, làm chú quay lại. Tôi hỏi chú trước:

– Chú đi đâu đấy chú? Sao chú không rủ cháu đi cho vui?

Chú tôi ngậm ngay miếng kẹo lại, nói rất mau vì sợ nó rơi:

– Đi chơi!

Tôi không có ý nghĩ xin kẹo của chú, vì tôi biết có xin, chú tôi không cho là thường. Ai cấm được người nghiện ăn tham, cũng như ai nỡ trách người nghiện lười tắm. Anh Hai tôi ghét chú tôi là có lý lắm. Cái lý ấy, mãi đến bây giờ, tôi mới tìm ra.

Chú tôi còn sống với chúng tôi ngót một tháng nữa, và sau khi nhận biết là vốn liếng nhà tôi không còn gì, chú mới ngỏ ý trở về. Mẹ tôi hốt hoảng giữ lại:

– Ấy chết! Chú ở chơi với các cháu ít lâu nữa đã.

Giọng mời của mẹ tôi rất thành thực. Là vì người chắc rằng chú tôi thế nào cũng hỏi một món vãng phí lớn. Chú tôi bảo:

– Chị có định cho thằng út về với tôi không?

Mẹ tôi lắc đầu:

– Chú tính về làm gì cho thêm tốn kém. Để sau này lớn lên nó sẽ tìm cách về thăm nhà cũng được.

Chú tôi được dịp tiếp theo khôn khéo:

– Cũng chả tốn mấy. Từ đây đi Hải Phòng mất độ 14 đồng, kể cả tiền ăn uống. Từ Hải Phòng đi Móng Cái rồi đáp thuyền buồm về tất cả độ 50 đồng.

Tôi thấy mẹ tôi có vẻ lo lắng:

– Những năm mươi đồng kia à chú?

– Thế là hà tiện, hoang ra, vài trăm!

Từ đấy, chú tôi vừa nằm hút thuốc phiện, vừa đợi món tiền vãng phí lớn kia để về Tàu. Mẹ tôi thì chạy ngược, chạy xuôi, hết mắng đầy tớ, lại đến gắt với chúng tôi. Đôi lúc, chú tôi, đỡ ngang dọc tẩu, mắt lim dim, tai hướng cả xuống dưới nhà, hỏi tôi:

– Mẹ cháu làm gì mà gắt dữ thế?

Tôi đáp:

– Mẹ cháu mấy hôm nay hình như buồn rầu nên gắt luôn.

Tôi thấy chú đặt dọc tẩu lại chỗ cũ, chép miệng:

– Việc gì mà phải buồn! Cứ đưa ra là hết chứ gì!

Tôi biết chú nóng ruột lắm, mà mẹ tôi thì cứ dùng dằng. Nửa tháng sau, số tiền vãng phí mới dồn đủ. Chú tôi tiếp lấy tiền, khẽ thở dài:

– Còn anh thì làm gì đến nỗi chật vật như thế này!

Mẹ tôi chêm vào:

– Phải, còn anh thì đã chẳng phải chạy chọt thế.

Từ hôm được tiền cho đến hôm ra về, chú tôi không cần nói chuyện với tôi nữa. Mỗi lúc tôi có mon men lại với chú, thì chú bảo nhẹ:

– Đi ra ngoài chơi, không nóng chết!

Hôm ra đi, chú tôi xét lại hành lý, và các vật dụng rất cẩn thận. Đến khi thấy rằng mọi thức vẫn y nguyên, chú tôi chào mẹ tôi và chúng tôi:

– Chị ở lại nhé. Các cháu nữa, chóng ngoan, rồi bao giờ chú sang, chú mua bánh cho.

Mẹ tôi bận không ra ga được, nên sai anh hai tôi và tôi đi tiễn.

Hai chiếc xe gỗ lăn bánh trên con đường cái quan, qua cánh đồng, rồi đến ga. Chúng tôi chia nhau ngồi làm hai toán: chú tôi với cái sọt và chiếc va li, anh tôi với tôi. Tôi lắng tai nghe từng tiếng bánh gỗ, long lở và rời rạc, như cái thanh thế đã đến lúc tàn của nhà tôi. Thỉnh thoảng, một cơn gió thổi tạt qua cánh đồng, cùng lúc đem theo lên một nỗi gì như xa xôi, bát ngát...

Chú tôi, lúc ấy, đã kéo sụp chiếc mũ dạ tàng xuống để che ánh nắng chiều vàng vọt và hình như khe khẽ thở dài...

Tôi hỏi anh tôi, để chế bớt sự im lặng nặng nhọc giữa ba người:

– Sao anh bảo anh không thèm đi tiễn chú Nhì nữa kia mà?

Anh tôi nói rất ơ hờ, nhưng rất ý vị:

– Trước khác, bây giờ khác. Bây giờ ba chúng mình đã mất rồi!

Bây giờ ba chúng tôi đã mất rồi. Cái người chú kia, dẫu keo kiệt, dẫu hóc hiểm, nhưng là cái bóng tàn còn sót lại ở một chi họ gần nhất, và cũng bắt đầu xa nhất của chúng tôi, như bóng chiều dần tan trên cánh đồng rộng rãi...

Lần đầu tiên, khói tàu hỏa che lấp bóng chú Nhì, ngừng lại trong mắt tôi, lâu lắm.

1 – 1942

SÁNG TRĂNG SUÔNG

Chị đỏ Đương có một cuộc đời không đỏ chút nào. Tóc chị rối ren như tâm hồn chị bận rộn, bập bùng và sầu thảm như ánh đèn dầu lạc soi không đủ sáng một góc nhỏ trong căn nhà tranh.

Chị đỏ Đương lạc chồng từ năm mười tám tuổi. Chồng chị, một buổi sáng kia, ngừng lưỡi cày đang thao thao rẽ những luống cổ điển trên mảnh đất nghìn đời, để nghe ngóng một tiếng gọi từ nơi nào vẳng lại: "Sà Goòng! Sà Goòng!"

Ấy thế là người dân đinh của xã Hòa Trường kia, giữa lúc máu trai chạy cuồng loạn trong người, đã ném cày, bỏ vợ, vất bà con, bước lên tàu sang... sang Tân thế giới.

Và chị đỏ Đương đỏ mắt đợi chồng.

Nhưng anh đỏ Đương không bao giờ còn trở lại. Chị đỏ Đương khóc đến đau mắt, và ba mùa thu qua, ba mùa thu của một tấm lòng nghi ngờ, thắc mắc, ba mùa thu đã trải lên đời chị đỏ Đương, như đã trải lên xã Hòa Trường, sự nguôi quên, lặng lẽ.

Chân trời xanh.

Mặt hồ lặng.

Người thiếu phụ Việt Nam đã thấy chết trong lòng niềm đợi chờ đau xót, bây giờ trở lại với cuộc sống bình thường, nhỏ mọn, nối sáng theo chiều, qua mùa hạ sang mùa thu.

Chung quanh chị đỏ Đương không ai nhắc đến anh đỏ Đương nữa. Mà có nhắc đến thì nghĩa gì mấy cái tiếng khô khan này:

– À, ở mãi bên kia Tân... *khí* giới!

Xa. Xa. Và xa. Lòng chị đỏ Đương tưởng tượng làm sao ra cái mầu xanh mênh mông của biển cả, để với qua đó bóng một người đã mang đi nửa cuộc đời của chị.

Chị đỏ Đương cần phải lấy chồng. Người làng ai cũng thấy vậy. Và chị đỏ Đương rất thẹn mỗi lần người ta khuyên chị bước đi bước nữa trong đời. Là vì chị đỏ Đương còn đẹp, có phần đẹp hơn trước đây, tuy không bao giờ chị dám chắc rằng mình đẹp hết. Đôi lúc, chị đỏ Đương soi trộm bóng mình lên mặt giếng, ngắm vội vàng, rồi thẹn thùng đưa mắt nhìn xung quanh, như sợ có ai vừa chợt thấy.

Mùa xuân năm đó...

* *

Cuộc đời thơ ấu của tôi đang diễn ra trong tiếng chim ca, trên bờ sông làng Chung Thượng giáp ngay nách làng chị đỏ Đương. Con đường đưa tôi đến nhà trường, hơn nữa, lại chạy qua trước nhà chị, một căn nhà nhỏ núp trong bóng dừa xanh, khiến tiếng nói của chúng tôi thêm thân nhau, cuộc đời chúng tôi thêm gần gũi. Đôi mắt người thiếu phụ ấy đã nhiều lần nhìn tôi qua hàng rào, và cái nụ cười chị từng nở trong bóng mát của một tấm lòng giầu thương yêu cũng như nhiều cực nhục, khiến tôi sung sướng nghĩ đến một ngày rất gần đây, tôi sẽ có chị đỏ Đương trong số những người thân thích.

Tôi chỉ biết rằng chị đỏ Đương đẹp, đẹp kín đáo, và tôi lựa ngay được một người để gán cho chị. Người đó là anh hai tôi.

Rồi tôi mang theo trong lòng từ đấy, trên dải đường đã bình yên thu ngắn cuộc đời học sinh của tôi lại, cả một giấc mộng to tát, giấc mộng phác vẽ, xây đắp hạnh phúc không cho mình, mà là cho một người, cho hai người thân thích.

Tôi nhìn nhận chị đỏ Đương bằng một vẻ niềm nở riêng, và chị đỏ Đương đãi lại tôi theo hàng thân thích.

Hàng rào râm bụt che khuất căn nhà chị đỏ Đương vẫn mùa mùa nở hoa, ngày ngày tươi thắm. Bên kia hàng rào, qua những kẽ lá loáng thoáng, về những buổi sáng mùa đông, tôi vẫn thấy hơi nóng bốc lên từ cái miệng thắm nước trầu không, theo câu hỏi:

– Em đi học sớm thế? Có rét lắm không?

– Chả rét chị ạ. Em có áo bông rồi.

Một lần, mừng được tin anh tôi sắp về ăn Tết, tôi chạy đến bảo chị đỏ Đương:

– Chị đỏ ạ, anh em sắp về Tết đấy. Mời chị xuống nhà em mà xem.

– Thế à?

Tôi tiếp theo, quên rằng những câu nói tự nhiên của mình đang làm cho một cô gái quê e thẹn:

– Thật đấy, ai nói dối chị. Anh em ở Hà Nội về ấy mà. Tết chị đến chơi với anh em nhé.

Nói xong, tôi sung sướng cười, trong khi chị đỏ Đương đưa tay vin cành cây, ngó xuống đất, ngón chân cái di đi di lại hòn đất trong vườn...

– Hà Nội chắc là vui lắm đấy, em nhỉ?

Tôi đáp như khi đứng trước các bạn cùng tuổi:

– Mà nào em có biết Hà Nội là cái... cóc gì. Nhưng chắc là vui vì nghe anh em bảo thế.

Không đợi cho tôi sắp nói nữa, chị đỏ Đương bước vào nhà, sau khi bảo tôi:

– Thôi, em đi học không lại muộn.

Trời thôn quê xanh ra, cao lên, soạn sửa đón ba ngày của một mùa thái bình, thịnh vượng. Gió trong ruộng đã thoáng lẫn hương xuân, và trong khi tắm biếc thêm lũy tre mườn mượt nhung, đã làm rớm chảy sự tươi thơm trong những tấm lòng trai trẻ. Trăm nghìn lần dò hỏi nỗi thanh tịnh của dòng sông, điệu hiền hòa của chim gió, tôi cảm nghĩ đến những tiếng pháo sắp sửa vang để rồi, bất thần, ngừng bước chân, tôi đưa tay viết lên không gian hai chữ con con, xinh xinh, mà tâm hồn tôi đã nhiều lần nhắc đến: Tết!

Chỉ còn ba ngày nữa là hết năm.

Tôi mong đợi kỳ hạn về của anh tôi bằng cách ngẩn người đếm từng tiếng trống trễ nải, những tiếng trống chậm chạp lắm mới đập được vào tai tôi, trong khi, từ đằng xa, tôi ngạc nhiên thấy người khán già đã nhấc hẳn lên cái dùi gỗ...

Chị đỏ Đương không có vẻ đợi Tết. Chị không biết trông chờ, mong ước, thì nghe làm sao được sự vần vụ mầu sắc của không gian, thấy làm sao được nỗi rộn ràng của thời tiết. Chị đỏ Đương gói bánh, giã giò, và nhờ những công việc này, chị biết rằng sắp Tết.

Hôm chạy một mạch từ nhà lên báo với chị tin anh tôi về, tôi vẫn thấy chị đỏ Đương ngồi yên lặng nấu bánh.

– Chị đỏ ạ, anh em đã về đấy. Chị xuống nhà em ngay đi!

Nói xong, tôi đặt vào bàn tay chị hai chiếc bánh trứng gà, nói là quà của... anh tôi biếu chị. Lần đầu tiên, tôi thấy người thiếu phụ ấy buồn bã rõ rệt, lần đầu tiên đang vui, tôi bỗng thấy lòng mình rạo rực, thắc mắc vì tôi trót lỡ lời.

Chị đỏ Đương không nói, không nhìn tôi, đôi mắt hướng về phía lửa cháy như người tính toán một điều gì. Sợ chị không bằng lòng, tôi hỏi gặng:

– Chị đỏ giận em à?

Chị đỏ Đương ngảnh lên nhìn tôi, mỉm cười gượng gạo:

– Không, chị không giận, nhưng chị không muốn lên.

– Chị chê nhà em chật à?

– Không phải, nhưng chị không muốn lên.

– Thế thì em bảo anh em... đến với chị vậy!

Chị đỏ Đương sặc lên cười. Tiếng cười dữ dội quá, lạnh lẽo quá, vì nó đột nhiên, vì chưa bao giờ chị đỏ Đương cười như thế hết.

Ra đến ngõ, tôi còn quay với lại:

– Chị Đương đừng giận em nhé!

Có tiếng đáp lửng lơ:

– Không!

*

* *

Tôi ngồi lọt vào giữa đám đông người nhà quây quần trên chiếc phản ngựa đặt hỏa lò, vì hôm đó là sáng mùng một Tết. Anh tôi hỏi tôi:

– Lâu nay bé học có khá không?

Tôi đáp:

– Em học cũng được anh ạ. Nhưng em có chuyện này muốn nói với anh...

Mẹ tôi mỉm cười, nói xen vào:

– Nó muốn nói đến con đỏ Đương ở làng bên đấy. Con ấy nó đã có chồng rồi, nhưng thằng va đi Tân... *khí* giới đã mấy năm nay không thấy về.

Sợ có sự dèm pha không tốt cho người tôi yêu mến, tôi nói trước:

– Chị ấy tốt đáo để. Anh cứ lấy đi, đến lúc chồng chị ấy về thì đã... xong rồi!

Anh hai tôi yên lặng. Mãi sau anh mới chậm rãi:

– Cứ kể ra lấy vợ nhà quê cũng tốt. Đỡ được mẹ. Nhẹ cả cho mình.

Ngay chiều hôm ấy, lấy chỗ tình quen biết, chúng tôi đến mừng tuổi chị đỏ Đương và nhân tiện để anh tôi xem mặt chị. Thấy chúng tôi đến, chị đỏ Đương luống cuống cầm gậy ra đánh chó, rồi quên cả chào hỏi khách, chị cứ nắm lấy tay tôi mà yên lặng.

Cảnh nhà chị đỏ Đương thanh bạch quá, Tết đến càng làm thanh bạch thêm. Mấy que hương đen ngậm ngùi cháy trên bàn thờ vắng vẻ, vài bông hoa giấy trơ trẽn thò ra ngoài chiếc bình sứ, không đủ điểm sáng sự u tịch đã có từ nhiều đời.

Chị đỏ Đương sống bên một người chị gái lỡ thời, tàn tật, thiếu hạnh phúc sum vầy, nhưng lại giàu lòng nhân đức. Hai tâm hồn ấy, một đã bị sa thải khỏi cảnh hoa nắng của đời, và một còn mang nặng cái dĩ vãng tình duyên không đẹp, đã ghé lại bên nhau, như bóng chiều nghiêng xuống túp lều rách, và cùng cảm hiểu nhau trong thứ tiếng nói thầm kín của đau thương.

Chị đỏ Đương có thật để lòng rung động trong buổi sơ ngộ với anh tôi hay không, tôi không dám chắc. Nhưng bảo rằng người con gái ấy đã để thoáng lẫn ý nghĩ muốn lập một gia đình thứ hai, tôi đã có một nhận xét không quá sai lệch. Điều khiến chị đỏ Đương dùng dằng trước ngưỡng cửa cuộc sống mới, đó chính là cái hình bóng chỉ còn là hình bóng thường run run ở một nơi mà chị mơ hồ đoán là xa lắm, có thế thôi.

Anh Hai tôi thì đã nếm mùi ăn chơi ở Hà Nội. Anh đã biết qua thế nào là chán nản, cái cảm giác tẻ ngắt, vô vị, rớt lại sau những buổi tiệc đời, sau những cái xoay lưng hung tàn của mấy người con gái. Rồi giữa lúc lòng anh rộn cảm sự hoang vắng, u tịch, anh tự nhiên nghĩ đến gia đình, cứu cánh của những tâm hồn bị ruồng bỏ.

Lần ấy, anh tôi nói trước:

– Năm mới, nhân dịp được về chơi, tôi đến mừng tuổi cô.

Chị đỏ Đương cúi mặt xuống, giọng nói run run:

– Cảm ơn anh...

Chị đỏ Đương chỉ nói được có thế, rồi bỏ tôi đi têm trầu, pha nước. Tôi đứng lấp ló sau thân cây cột, mỉm cười với anh tôi, đôi mắt nhìn anh dò hỏi...

Ra về, thấy tôi xoắn xuýt đến chuyện cưới chị đỏ Đương, anh tôi gắt nhưng với vẻ hiền hậu:

– Trẻ con... thì biết gì!

Cách đấy ít lâu, theo lời yêu cầu của anh tôi, mẹ tôi sang bên nhà chị đỏ Đương dạm ngõ. Lễ ăn hỏi thật là đơn giản với những người thoạt sinh ra đã sống một cách đơn giản. Chị đỏ Đương trốn biệt vào trong buồng, nghe qua kẽ vách, và nhìn trộm cũng qua đó.

Tiếng người anh chị đỏ Đương hỏi:

– Bây giờ thì cô định thế nào? Có bà bên làng sang bỏ trầu đấy.

Mấy phút yên lặng trong buồng, rồi có tiếng đáp vọng ra, tiếng đáp của người chị ruột chị đỏ Đương:

– Cô ấy... bằng lòng rồi!

Tiếng "rồi" bị ngạt trong cái bàn tay chụm lại.

Trên đường về nhà, anh tôi giơ cho xem một cái bã trầu không và nói:

– Đương nó ở trong buồng, nó ném ra cho anh.

– Thế là anh chị xong xuôi với nhau rồi đấy!

Thực ra thì công việc chưa xong xuôi được. Anh tôi phải trở ra Hà Nội làm, và việc cưới xin phải gác lại đến sang năm.

Hôm anh hai tôi lên tỉnh, nơi sẽ đáp tàu ra kinh đô xứ Bắc, chị đỏ Đương cũng trẩy chợ, sắm hàng. Cùng đi một đường, trong cùng một ngày, hai người bạn ấy đã trao đổi rất nhiều tâm sự với nhau, giữa những bông cỏ may phân phất theo một chiều gió đìu hiu... Tôi dừng lại ở đầu làng, trông theo họ, hai cái bóng mà tôi ước ao gần nhau mãi, mất dần đi trong lớp nắng mờ...

Rồi tôi mang theo trong lòng, từ đấy, trên dải đường đã bình yên thu ngắn cuộc đời học sinh của tôi lại, cả một giấc mộng to tát, giấc mộng cao quý, phác vẽ, xây đắp hạnh phúc không cho mình, mà cho một người, cho hai người yêu dấu.

Trong cảnh yên lặng của những ngày thôn dã, mất đi đều đều, không tăm không tiếng, đôi lúc người phu trạm gầy khổ đến gõ cái gậy tre trên cổng nứa, trao cho tôi những phong thư từ Hà Nội chuyển về. Những bức thư ấy, tôi đều đem đọc cho chị đỏ Đương nghe, và chị đỏ Đương đều xin tôi đem về giữ lấy.

Tôi còn nhớ mãi một đoạn này:

– Hôm anh ra Hà Nội, không nỡ xa Đương, vì tàu chạy rồi, anh còn thấy Đương lau nước mắt. Em nên vì anh đối với Đương tử tế, vì dầu sao, Đương cũng đã là con mẹ, là chị em.

Phải, chị đỏ Đương đã là chị tôi. Và tất cả những người như chị đỏ Đương đều là chị tôi hết.

Cứ gì phải chung sống dưới một mái nhà, chia uống một ngụm nước, cùng ngắm một dòng sông, người ta mới yêu được nhau? Tình yêu, nếu thực là tình yêu, thì không có quê hương, cố quận, bởi nó tỏa

ra từ một tấm lòng nghệ sĩ mênh mông, tự nó đã sẵn có sức hun nấu, và thâu suốt qua, và bao trùm lấy tất cả những gì đáng được sự thờ kính thiêng liêng.

Tôi yêu chị đỏ Đương của tôi và nhiều chị đỏ Đương khác, vì tôi yêu vô cùng cái dải đất cần lao này, cái dải đất thoát ra ngoài sự lọc lừa, phản trắc, cái dải đất chỉ bị bạc đãi mà không bạc đãi ai bao giờ.

Anh tôi đã không bao giờ còn trở lại làng Chung Thượng nữa. Những năm trụy lạc, tù tội đã làm cách biệt con người ấy với cuộc tình duyên ngày xưa, và làm phai dần những lời thề thốt cũ.

Rồi tôi cũng ra Hà Nội để chứng kiến cuộc đời lệch lạc, thiếu tin tưởng của anh tôi. Xa lắm rồi, lũy tre xanh vây kín xã Hòa Trường êm ái, và xa lắm, hình bóng người thiếu phụ thuở trước, tay vín cành găng, cố hỏi tôi bằng một giọng kín đáo:

– Anh em sao lâu về thế nhỉ?

Cách đây vài năm, tôi được tin chị đỏ Đương đã lấy chồng và đã có con ẵm. Tôi đem chuyện ấy nói với anh hai tôi thì anh cười chua chát:

– Người định nhưng trời đặt, ai biết đâu!

*

* *

Một hôm, nhân có việc trở lại chốn cũ, tôi tạt đến thăm chị đỏ Đương. Tôi tìm lại nhà chồng chị, bày đặt ra chuyện mua thóc và hỏi thăm về mùa màng. Tôi cốt nói to để chị đỏ Đương hay rằng tôi đã về. Nhưng đáp lại cách ân cần kín đáo ấy, một điệu hát ru con từ gian buồng bên đưa lại, một điệu hát não nuột, đều đều:

Hầu hơi...

Trăm năm đành lỗi hẹn hò
Cây đa bến cũ, con đò khác đưa...

Tôi nhận ra tiếng chị đỏ Đương. Một cảm giác gì chán nản chạy lướt qua đầu óc tôi, chạy khắp người, khiến tôi rùng mình khó chịu.

Tự nhiên, tôi không muốn gặp chị đỏ Đương nữa, bước ra ngoài, trong lúc bóng đêm hắt hiu về đầy cả bốn phía. Trời sáng trăng suông.

11 – 1943

CHỊ YÊN

Chính tên chị là An. Mẹ tôi gọi trạnh ra là Yên. Yên là con nuôi mẹ tôi, nuôi để thay cho người nhà, để có ai hỏi thì bảo: nó là con nuôi tôi. Mẹ tôi thường kể lại rằng mua chị ta với cái giá hai quan tiền vào một năm lụt lội, đói kém. Yên như biết số phận mình là con nuôi, nên không bao giờ lên mặt với tôi hết. Ngày tôi còn nhỏ, Yên giữ tôi. Đó là người bạn gái ngày xưa, để sau này thành một người chị rất tốt. Kể ra, đối với Yên, tôi chịu lỗi nhiều lắm. Lòng tử tế, trung thành của Yên, mỗi lần nhắc đến, tôi không khỏi ngậm ngùi. Ngày nay, tuy Yên không còn sống chung với tôi trên quả đất này nữa, nhưng hình ảnh Yên vẫn theo tôi bên những hình ảnh thân mến khác.

Chị Yên có một thân hình gầy nhẳng, trái hẳn lại với cái sức dai dẳng của chị. Cái nghệ thuật độc nhất, cái nghệ thuật đạt được đến độ tối cao của Yên, là bổ hết năm tạ củi trong một ngày liền. Mẹ tôi đảm đang là thế mà vẫn phải lắc đầu, mỗi lần thuật lại cái kỳ công ấy.

Một hôm, chị Yên cầm dao rựa bổ củi, vô ý để lưỡi dao phập vào đầu ngón chân cái bắn ra cách đấy vài thước. Không một tiếng kêu, chị lấy vạt áo bịt ngay chỗ máu chảy, lê dần nhặt đầu ngón chân lìa ra kia, chắp lại. Tuy bị thương, chị vẫn bổ củi, với một vẻ điềm tĩnh có một không hai.

Không phải chị Yên bị mẹ tôi bạc đãi, nhưng vì tính chị thích làm, nên Yên tự muốn đầy đọa mình luôn. Người con gái ấy, suốt trong mười mấy năm trời, đã chứng kiến cảnh lên xuống của gia đình tôi, đã chia chung niềm vui vẻ, nghèo khó với mọi người trong nhà. Ngày hai lượt, chị gánh hàng cho mẹ tôi đi, về chợ, tiếng kẽo kẹt của chiếc đòn tre trên vai, bình yên nhịp với tháng ngày âm u, vắng mọi xa hoa của một người đàn bà Việt Nam chân chính.

Chị Yên của tôi không đẹp, nhưng có duyên. Chị ăn trầu cắn chỉ và vá vai một cách tài tình. Đôi khi có ai giễu cợt chị, chị chỉ yên lặng. Tôi không hiểu có phải vì chịu thương chịu khó như vậy mà đời Yên chỉ là một chuỗi ngày đau khổ, nó thu ngắn cuộc sống của Yên lại không?

Trước sau, dưới sự phán xét nghiêm ngặt của kỷ niệm, đối với chị Yên, tôi vẫn là người bội bạc. Chữ bội bạc, tôi cho còn là nhẹ, tôi toan mượn hai tiếng "dã man". Tôi không thể nào quên được, một hôm, đi học về, lục nồi không thấy cá thu, thứ cá tôi ưa nhất, vì chị đã để cho mèo tha mất rồi, tôi nóng mắt, sẵn đôi giày đang đi, nhằm xương ống chân chị mà chọt một cái thật mạnh. Yên nhắm mắt lại, nghiến răng chịu đựng sự tàn ác của tôi. Chợt nghe tiếng guốc của mẹ tôi xuống nhà, Yên vội đứng lên, xuýt xoa:

– Khiếp! Cái bậc cửa cao quá, vấp phải luôn!

Mẹ tôi lườm chị mà mắng:

– Rõ mù! Người ta đi thì chẳng việc gì. Chỉ được cái bị thịt!

Tôi không còn biết nói thế nào cả, nên yên lặng. Đợi mẹ tôi đi khỏi, tôi tháo đôi giày tây ra, trói cả hai chiếc làm một, định vất xuống ao. Chị Yên thấy thế, vội can tôi:

– Đừng em! Vất giày đi lỡ mẹ hỏi không thấy, mẹ đánh chết!

Tôi phụng phịu trả lời:

– Nó đá chị, thì em vất quách nó đi.

Đôi giày ấy, tôi đem ném nó vào một xó, nói thác với mẹ tôi là đau chân phải đi guốc. Tôi vất nó đi, nhưng thỉnh thoảng Yên lại mang nó ra lau chùi, làm tôi phát gắt:

– Chị còn tiếc nó làm gì nữa. Để em chặt nó ra.

Tôi chặt nó ra thật. Từ đấy, không bao giờ tôi còn dùng thứ giày tây mõm nhái và có ống như thế nữa. Thậm chí tôi ghét lây cả những người mang nó. Tôi thương Yên ngày một thêm, bởi chỗ tôi đá Yên đã loét thành một mụn sâu quảng, rồi biến thành một vết sẹo thâm đen. Lòng tôi đôi phen thắt lại, rùng rợn nghĩ đến cái cử chỉ hung hãn của mình. Còn Yên, Yên không nghĩ gì hết. Mỗi lần tôi nhắc lại chuyện xưa, Yên chỉ cười mà gạt đi:

– Trò con nít, nhắc lại làm gì!

Lòng Yên chỉ biết có trung thành và tận tụy. Yên không thể nào như tôi, một người tự tạo ra đau khổ để sống, để sung sướng vì thấy mình đau khổ hơn người. Tâm hồn mơ ước kín đáo của người con gái ấy chỉ hé mở để rung động vì một trong số những người thích Yên.

Tôi biết chuyện, trêu Yên, và Yên chỉ đỏ mặt. Yên không biết chữ nên vẫn nhờ tôi đọc các truyện Phạm Công Cúc Hoa cho nghe.

Yên thuộc lòng từng đoạn và đôi khi ngâm lên. Dưới ánh sáng của ngọn đèn dầu con, nhiều tối, Yên chăm chú nghe tôi đọc, và đôi lúc đọc theo.

Cuối năm ấy, người yêu Yên đến hỏi Yên. Mẹ tôi bằng lòng gả, nhưng bảo đợi đến hết tang ba tôi. Non ba năm đối với người con gái ấy có là bao, đó chỉ là một sự đợi chờ nhỏ nhặt, bên cạnh những công việc liên miên. Hơn nữa, chị Yên lại không biết thế nào là phản bội, thì mối tình chị thầm nuôi trong lòng hẳn phải là đẹp đẽ, thủy chung.

Trong gia đình tôi, sau ngày ba tôi mất, xảy ra nhiều chuyện bất bình giữa mẹ tôi và dì ghẻ tôi, chuyện bất bình kéo theo nó cả một cảnh chia rẽ vĩnh viễn. Hôm cãi cọ đầu tiên, hai người xung đột nhau. Chị Yên giúp mẹ tôi một cách đắc lực. Chị lăn vào gỡ tóc cho mẹ tôi, chị tát, chị xé những người về phái khác, trong khi tôi vừa khóc vừa chạy loanh quanh. Rút cuộc, chị Yên được đôi mắt sưng tím, mất một mảng da đầu. Chị bảo:

– Giá chúng nó còn đánh mẹ nữa, thì chị cho nhừ đòn.

Trông chị Yên lúc ấy đến gan dạ. Ai dám bảo đó là một người con gái nhà quê, một người con gái gầy nhẳng, yếu ớt? Yên trung thành trên hết những người trung thành. Tuy nghèo nhưng chị Yên không bao giờ lấy cắp, mặc dù nhiều lúc mẹ tôi giao chìa khóa cho chị giữ.

Vốn liếng của Yên là vài hào chỉ giắt trong thắt lưng để ăn trầu dần. Chị Yên có cả chiếc gương nhỏ hình bầu dục, cả chiếc lược đồi mồi, và bằng những thức này, Yên giữ gìn nhan sắc để đợi một ngày đẹp đẽ đến trong đời Yên. Người thiếu nữ Việt Nam gương mẫu ấy còn một cách trang sức khác là soi dung nhan mình trên làn nước giếng lặng lẽ, rồi lấy tay từ từ rẽ ra bên tai mái tóc đen lanh lánh.

Bánh quà nhận được sau mỗi buổi mẹ tôi đi chợ về, tôi đều đem chia cho Yên. Nhưng Yên để dành, trả lại cho tôi. Tôi hỏi chị:

– Sao bánh ngon thế mà chị không ăn?

Yên đáp, đôi mắt buồn buồn:

– Chị lớn rồi, chị không thích ăn nữa.

– Chị lớn rồi, chị đi lấy chồng phải không?

Yên hơi đỏ mặt, đáp:

– Không, chị không lấy chồng, chị ở với mẹ và em.

Yên hay ru tôi ngủ. Tiếng hát của Yên rất buồn, buồn vì lòng Yên sẵn buồn, hay vì tự ngàn xưa tiếng hát ru em vẫn buồn như thế? Câu Yên thường hát là:

Cát bay vàng lại ra vàng

Những người quân tử dạ càng đinh ninh

Nếu văn mà bây giờ tôi tin là người, thì tiếng hát xưa kia, biết đâu, lại không là tâm hồn Yên một ít?

Ngủ trong tình thương của mẹ, trong tình thương của Yên, tôi say sưa trọn mười mấy năm trời đằng đẵng, và chỉ tỉnh dậy, cách đây không bao la, để tin rằng nước Việt Nam, quê hương thứ hai của tôi, còn đẹp lắm, người nước tôi vẫn rất đỗi hiền lành!

Đã bao nhiêu lần, cánh mây xuân ngừng trên quãng đồng đầy hứa hẹn, trên dòng nước sông trong, đã bao nhiêu lần, những người đàn bà nhà quê đau khổ, chua xót, nhưng vẫn bị sống quên lãng trong lũy tre xanh!

Hỡi nước Việt Nam! Tôi nghiêng lòng xuống Người, trên những luống cày mà hương thơm còn phảng phất, vì tôi đã từng uống nước và nói tiếng nói của Người, vì tôi đã thề yêu Người trên bậc tuyệt vời của tôn giáo. Trên dải đất xúc tích những tinh hoa của văn chương, những công trạng của lịch sử, tôi còn ghi cả những bóng dáng người xưa tôi thương yêu, và trong số những người này, chị Yên tôi là một.

Tôi kể nốt chuyện chị Yên.

Hình như bao giờ chị Yên cũng đứng trước mặt tôi với những nét nhăn nhó, với cái thân hình gầy oặt vì sức gieo nặng của đau thương. Chị Yên chết rồi, nhưng chết như chị Yên là thoát. Tôi sống không hơn một chiếc lá lạc, một cánh mây vương. Tôi lớn rồi, tôi đã hiểu thế nào là bổn phận một người sống. Tôi đã biết thế nào là tha thứ, mặc dầu mỗi khi nhìn lại thời xưa, tôi vẫn căm ghét hình ảnh con người đáng nguyền rủa mà đã có lần tôi từ chối không nhận trong sổ họ nhà tôi.

Còn hơn hai tháng nữa đến ngày cưới chị Yên thì nhà tôi nhận chứa thêm một người khách: cậu họ tôi. Đó là một cái bóng thân thích lạc đi đâu lâu ngày, rồi một hôm, không hiểu vì túng tiền hay buồn sao đó, sà xuống cái mái nhà quen biết một cách vô lý và hết sức vô duyên. Tôi không ưa được những hạng người như thế, những

người sống không ra sống, giằng cướp tay trên hạnh phúc không thuộc về mình.

Tôi hỏi mẹ tôi:

– Cái người nào đấy mẹ? Con trông ghét lắm!

Mẹ tôi trợn mắt lên:

– Hỗn nào! Cậu mày đấy! Một giọt máu đào còn hơn ao nước lã!

Cậu thì cậu, tôi nhất định không ưa. Tình cảm của tôi trao cho ai, tôi muốn nó thẳng một mạch. Bắt nó quẹo lại hay xiên đi, tôi rất hậm hực. Đến một bữa cơm, tôi so cho người ấy một đôi đũa xấu nhất, nhưng chị Yên lại đổi ngay cho đôi đũa đẹp. Làm như thế, Yên chỉ là do lòng tử tế, nhưng có ai hiểu lòng tử tế cho Yên? Yên đã bị hiểu lầm một cách tai hại.

Cậu tôi trông người xấu thế nào ấy, ăn thì ăn nhiều, ngủ lại ngủ mê mệt đến tám chín giờ. Từ ngày có mặt vị khách ấy, tôi mất vui. Chị Yên chắc cũng không vui gì, nhưng tính tình kín đáo, Yên không để lộ vẻ bất mãn như tôi. Có cái bóng gì hắt lên ngày sống vui tươi của tôi, làm tôi khó chịu.

Chị Yên hay dậy sớm đun nước pha trà. Biết lệ ấy, cậu tôi cũng lò mò dậy sớm, vào bếp, ngồi ngay cạnh Yên. Mỗi lần xuống bếp, tôi lại lộn tiết lên vì cái dáng điệu đáng ghét của cậu. Tôi bảo chị Yên:

– Sao chị không chừa cái mặt ấy ra?

– Chừa mặt làm sao được, vì cậu ấy là người nhà kia mà!

Tôi biết chị Yên đau khổ lắm. Chị bị vướng, bị ngáng, đủ tình đủ tội. Một hôm không nén được giận nữa, tôi bảo mẹ tôi:

– Mẹ ạ, mẹ đuổi quách cái cậu gì đi.

Mẹ tôi ngừng tay khâu, lườm tôi:

– Lần này là lần thứ mấy rồi hả?

Tôi ngập ngừng:

– Cậu ấy... cậu ấy...

Nhưng tôi im bặt, chạy vội ra ngoài sân. Tôi biết là nếu nói rõ sự thực ra, trong nhà tôi sẽ có sự xô xát, và chị Yên sẽ không còn được "cát bay vàng lại ra vàng" nữa. Cơn tức giận, hằn học, tôi trút cả vào bức thư gửi ra Hà Nội cho anh tôi:

"Anh ơi, nhà ta có cái người cậu gì ấy. Trông cậu ấy em chỉ muốn đánh chết đi thôi. Cậu ta cứ sán lại gần chị Yên rồi cười thế nào ấy. Em nghĩ giá anh có ở nhà thì mấy mà chúng mình chả làm nên chuyện. Không tin anh cứ về nhà mà xem, em không nói dối đâu. Chúc anh bình yên. Em tức lắm anh ạ".

"Tái bút: Anh có về thì mua bánh về nhé. Anh mua cả khăn chít đầu cho chị Yên nữa. Về mà xem, mau lên anh!"

Viết xong thư, tôi hả lắm, nhủ thầm:

– Rồi phen này biết tay nhau!

Mẹ tôi vẫn không hay biết gì hết, vẫn lặng lẽ ngày hai buổi đi về chợ, đều đều mua cho cậu những thức nhắm rượu. Tôi ngứa mắt lắm, nhưng không biết làm sao được. Yên cũng dần dần lây cái buồn của tôi. Yên hay ngồi một mình, thỉnh thoảng lại thở dài. Một sáng, tôi thức dậy sớm, thì đã nghe tiếng cậu tôi nói trong bếp:

– Trông Yên ngồi bên lửa hay lắm!

Không có tiếng trả lời, rồi tiếng tiếp theo:

– Người ta khen còn làm bộ!

Tôi vội gọi to lên:

– Chị Yên ra đây, chị Yên!

Yên vớ được dịp tốt, chạy ra với tôi, nét mặt hớt hải, xanh ngắt. Tôi cầm tay chị mà tội nghiệp hộ. Yên nhìn tôi, lộ vẻ cảm ơn, rồi lấy dải yếm lau nước mắt. Từ đấy, tôi không gọi cái người kia là cậu nữa, tôi gọi là "ấy" hay "này", mỗi khi bắt buộc phải nói chuyện với.

Rồi đến một sáng kia – độc ác thay là cái sáng hôm ấy – tôi đang ngủ thì chợt một bàn tay đánh thức tôi dậy. Tôi hốt hoảng nhận ra là Yên, Yên đang khóc. Lúc ấy trời sáng chưa rõ mặt người. Ngọn đèn canh trộm vẫn leo lét cháy, ủ dột. Tôi ngồi dậy, hỏi chị:

– Sao chị khóc?

Yên lắc đầu, không đáp, mãi sau mới nức nở:

– Em ở lại, chị đi đây.

Tôi rụng rời:

– Chị Yên đi đâu? Ai đánh chị Yên?

Yên như chợt biết câu nói của mình là hớ, nên vội chữa lại:

– Không ai đánh chị hết. Chị đi rồi chị lại về.

Thấy tôi giữ riết lấy vạt áo, mà bên ngoài thì đã có tiếng gà gáy báo trăng hạ tuần lên, Yên nóng ruột:

– Chị ra tỉnh mua hàng cho mẹ. Em có tiền cho chị vay mấy hào.

Tôi lục rương đưa cho Yên một đồng bạc, tiền mẹ tôi cho để mua sách. Chị Yên còn nắm tay tôi mấy lượt nữa rồi mới bước ra đi.

Bên ngoài, tiếng một con chó sủa bóng trăng lạnh. Tôi bắt đầu trở lại giường ngủ, thì chợt nghĩ đến một sự. Tâm linh vô cùng sáng suốt của tuổi trẻ đã cho phép tôi phác vẽ một chuyện ghê người. Tôi nhảy xuống đất, gọi:

– Cậu! Cậu đâu rồi!

Không có tiếng thưa. Tôi vặn to ngọn đèn lên, chạy lay tay cậu. Sự thông minh riêng làm tôi ngờ rằng cách ngủ của cậu tôi là giả vờ. Đợi tôi lay đến lần thứ năm – người lớn ai lại ngủ mê thế nhỉ – cậu tôi mới choàng tỉnh dậy, làm ra vẻ ngơ ngác nhìn tôi. Trước cặp mắt mở ra không vướng một bóng mệt nào của giấc ngủ, tôi tức điên lên:

– À, ra cậu gớm thật! Cậu tồi thật!

Cậu tôi tỏ vẻ kinh ngạc, hỏi tôi:

– Sao cháu lại bảo cậu tồi?

Tôi càng tức thêm:

– Còn không tồi! Được, để tôi mách với mẹ tôi cho mà xem!

Sáng hôm sau, vị quý khách ấy vội vàng từ giã nhà tôi, nói dối là đã tìm được việc làm.

Câu chuyện trên kia, tôi không dám nói cho ai biết. Tôi chỉ hiểu nó bằng khiếu thông minh của trẻ nhỏ, mà không bắt được tang chứng. Ròng rã trong hai năm trời tìm kiếm, mẹ tôi tìm thấy chị Yên ở làng Nhồi gần thị xã Thanh Hóa, an phận bên một người chồng ngày ngày xe đá về tạc những hình tượng xinh xinh...

Tôi sống bên núi Nhồi, bên chị tôi, trong hơn một năm trời nữa, hưởng lại, lúc cuộc đời bắt đầu chớm buồn, những ý vị đậm đà của một mối tình cao quý.

*

*   *

Ở Hà Nội, nhiều lúc tôi bạc bẽo quên mất người chị nuôi của tôi đi, vì phấn son và phù hoa đã quyến tôi đi xa ngày trước quá. Trong một bức thư gửi ra Hà Nội, thăm tôi, mẹ tôi báo tin chị Yên đã chết, một tháng sau chồng và hai tháng trước đứa con trai. Mẹ tôi thêm: "À, ra nhà nó bị trùng làm đấy con ạ".

Thế là hết, một trong những tấn kịch buồn bã nhất của gia đình tôi. Trên đỉnh núi Nhồi ngày nay vẫn còn nhô lên một mô đá, tượng hình người mẹ dắt con, đợi chồng trong quãng bao la vô hạn. Và ngày nay, mỗi lần về Thanh Hóa, ngồi trong tàu, đưa mắt nhìn mô đá cũ, tôi ngờ đó là hình dáng người chị dắt em...

2 – 1939

ANH ĐỎ PHỤ

Đã lâu, lâu lắm rồi, người dân xã Hòa Trường không ai còn nghe nói đến tăm hơi anh đỏ Phụ ở đâu nữa. Nhiều người đồn rằng anh đã chết bên Tân thế giới. Riêng tôi, tôi không sao quên được anh, mà không quên được anh, có nghĩa là anh vẫn sống, ít nhất là trong ký ức tôi.

Mãi đến năm hơn ba mươi tuổi, anh đỏ Phụ mới đến làm rể mẹ tôi để chờ ngày cưới chị Yên về làm vợ. Đó là một anh chàng rụt rè, nhút nhát, đối với nhà vợ rất nể sợ, nhưng lại tỏ ra hết sức tháo vát trong mọi công việc. Lui tới nhà tôi trong hơn hai năm, anh giữ gìn từng cử chỉ, lời nói, ngay cả việc giáp mặt chị Yên, anh cũng cố tránh để khỏi mang tiếng là suồng sã. Mẹ tôi thương anh vì anh nết na, cần cù, giao cho việc gì cũng làm đến nơi đến chốn. Mẹ tôi thường nói:

– Thằng Phụ nó nghèo nhưng là cái nghèo thanh bạch. Ông Biếm lại là ông đồ nho hay chữ nhất xã.

Ông Biếm là bố anh đỏ Phụ. Vác lều chõng đi thi hỏng tú tài, thất thế, ông quay về làng mở lớp dạy học. Cái thủa "chi, hồ, giả, dã" nhanh chóng qua đi, học trò ông Biếm sớm đổi ngọn bút lông sang ngòi bút sắt. Trong đám môn sinh thưa vắng dần, chỉ còn một người theo học, ngoan ngoãn nằm rạp trên chiếc chiếu, mài mực, chép bài. Người đó là anh đỏ Phụ, vừa là con, vừa là môn đệ của thầy.

Rồi anh Phụ cũng thôi học nốt. Vốn liếng chữ nghĩa bố ban cho, anh Phụ chỉ còn giữ lại được mươi trang luận ngữ và anh chuyển sang cách đọc chữ Nôm, dựa vào cuốn "Kim Vân Kiều truyện" khắc gỗ, in chân phương trên nền giấy bản:

Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài, chữ mệnh khéo là ghét nhau.

Tiếng anh đỏ Phụ ngâm Kiều nghe buồn như tiếng xẻ gỗ vào những chiều nắng tà hiu hắt. Và cái nghèo, cái đói cũng len lỏi vào ba gian nhà lá thừa tự, làm hốc hác thêm nét mặt người bố và làm rạn dần hai bộ quần áo may bằng vải trúc bâu, lâu ngày sợi đã bở, của hai bố con ông Biếm.

Hồi gia đình tôi mới đến "ngụ cư" ở xã Hòa Trường này, ba tôi tìm tới kết thân với ông Biếm. Ông là người được xóm làng vị nể, họ bên ngoại ông lại trùng với họ chúng tôi. Theo một tập tục đã có nhiều đời, ba tôi, mỗi khi đến ngụ cư ở đâu, thường vẫn tìm những người "đồng tính", hoặc "đồng tuế", "đồng hương" để kết nghĩa. Hơn nữa, ông Biếm lại am hiểu Hán học, nên qua những câu chuyện trao đổi, ông trở thành người bạn tâm đắc với ba tôi. Mỗi lần sang nhà ông chơi, ba tôi đều dắt tôi đi theo. Đó cũng chính là đầu mối thân quen đưa đẩy anh đỏ Phụ trở thành người con rể trong gia đình chúng tôi.

Còn chị Yên, chị gái nuôi, thì mẹ tôi đặt đâu chị ngồi đó, tuổi chị cũng xấp xỉ tuổi anh Phụ, và cũng ước mong kín đáo một tấm chồng chân chỉ như anh.

Thấy anh đỏ Phụ lần nào đến với chúng tôi cũng chỉ với cái áo cánh nâu, chiếc quần nâu, tôi hiểu ngay rằng anh chỉ có độc một bộ như thế mà khi về nhà anh cởi ngay ra, để mặc vào chiếc quần vá, hoặc đóng một cái khố nâu. Ở quê tôi ngày xưa, đàn ông nghèo đóng khố ra đường là chuyện thường thấy. Một lần, tôi bảo nhỏ anh Phụ:

– Anh em còn mấy bộ quần áo đấy. Hay là em lấy đưa anh mặc tạm nhé?

Tức thì anh đỏ Phụ rối rít xua tay, mặt ửng đỏ:

– Chết! Ai lại làm thế. Mẹ biết, mẹ cười cho!

Ý anh Phụ muốn nói:

– ... Chị Yên biết, chị Yên cười cho.

Nhưng anh không dám nhắc đến hai tiếng "chị Yên".

Đã là người thân của anh Phụ, tôi hay sang nhà anh chơi. Nhà anh ngăn nắp nhưng có vẻ trống trải, mái lá, vách đất, sân bằng đất nện, nửa sào vườn trồng mấy hàng cây cam, cây bưởi, vài thân cau. Từ ngõ chạy vào là hai hàng rào râm bụt cắt tỉa gọn gàng. Những ngày hè oi ả, sang nhà anh chơi, tôi có cái cảm giác như được hưởng những làn gió mát rợi, làn gió thường ngày vẫn lay động nhẹ nhàng chiếc quần vải trúc bâu phơi trên dây thừng, cái quần độc nhất ông Biếm đợi khô để nương nhẹ mặc vào, mỗi khi có việc ra đường hay đi ăn cỗ. Ông Biếm sống bằng nghề viết câu đối và tính hộ ngày giờ hung cát cho những đôi lứa thành thân.

Vốn liếng hàng năm của gia đình ông là hai mùa trẩy quả vườn đem ra chợ bán, chắt chiu để dành trong cái tráp gỗ sơn đen. Từ ngày được nhận làm thông gia với nhà tôi, ông Biếm mỗi năm ba bốn lần biện một món lễ sang sêu tết, có khi là mâm xôi, con gà, có khi là mấy gói chè hương, khay ngũ quả. Tôi còn nhỏ, nhưng cũng hiểu ra rằng, để sắm được một món lễ cho ra lễ như thế, ông Biếm và anh Phụ đã phải bóp bụng, bớt ăn trong nhiều ngày.

Hơn hai năm qua đi. Sắp đến ngày mãn tang ba tôi. Sắp đến ngày anh Phụ bỏ miếng trầu ăn hỏi, và thế là niềm mong ước bao lâu nay của ông Biếm đã có cơ thành sự thật. Lấy anh đỏ Phụ, chị Yên không phải sống xa nhà, chị có nhiều dịp tạt về thăm chúng tôi, cũng như tôi, bất cứ lúc nào, cũng có thể dễ dàng đến với chị. Cái hạnh phúc nhỏ bé của lòng tôi sao mà náo nức, thiết tha và gần gũi đến thế!

Chị Yên! Nếu đời chị đừng gặp một cái tai họa éo le, nếu chị cứ là chị Yên ước mong thầm kín một người chồng hiền lành như anh Phụ, thì đâu đến nỗi chị phải xa lìa tôi, lẩn tránh mọi người, và tôi đâu có phải viết ra câu chuyện tình đau xót hôm nay!

Cả anh Phụ nữa, sao cái bóng dáng hiền lành của anh lúc này không còn thấp thoáng hiện ra qua hàng rào cây ruối nữa, cái bóng dáng cố làm ra thản nhiên, nhưng kỳ thực là bối rối, xao xuyến, mỗi lần anh đến nhà tôi?

Chỉ còn một tháng nữa, ba mươi ngày nữa, một tuần trăng nữa, là anh đỏ Phụ sẽ đem lễ sang nhà tôi xin cưới chị Yên! Đột nhiên, như một cơn gió độc, người cậu họ tôi, không rõ từ đâu, sà xuống mái nhà chúng tôi, ở lỳ làm một vị khách báo hại. Những cái gì xấu xa, bỉ ổi xảy đến với người con gái đang khấp khởi tin vui, người con gái đau khổ, tôi đã có dịp viết hết ra trong truyện "Chị Yên".

Anh Phụ không biết gì hết.

Mọi người trong nhà tôi không ai biết gì hết.

Chỉ có hai người biết: cậu tôi – tên tội phạm – và tôi. Nhưng cậu tôi đã bỏ nhà tôi, trốn biệt. Tôi ở lại, nhưng tôi lại phải ngậm miệng, giấu tận đáy lòng một sự thật tàn nhẫn mà nếu hở ra, tôi chắc sẽ làm cho đời anh đỏ Phụ tan nát. Thà cứ để anh ấy không biết gì cả, cứ để anh ngờ vực, phỏng đoán, kín đáo dò hỏi xung quanh. Rồi không dằn lòng được mãi, một hôm, anh kéo tôi lại sát gần, hỏi rất nhỏ:

– Nói thật cho anh biết đi em. Tại sao chị Yên lại bỏ nhà ra đi? Ai đánh chị hay đuổi chị?

Tôi trả lời mà đôi mắt cay sè, nóng bỏng:

– Em không biết. Em không biết thật mà. Chắc là... chắc là chị ấy bị mẹ mìn dỗ đi không chừng.

Giá như mọi lần, nghe tôi nói như thế, anh Phụ đã cười. Nhưng lần này anh không còn có thể cười được nữa. Mặt anh đanh lại. Tiếng anh nói, tôi nghe thều thào, không thật, tiếng nói như rơi vào một khoảng trống rỗng mơ hồ:

– Lạ thật em nhỉ? Sao chị Yên lại bỏ nhà ra đi?

Rồi anh nằm vật xuống giường, một tay vắt lên trán, thở dài. Đó là một dáng nằm chán chường, tuyệt vọng. Tại sao tôi không nói thẳng cho anh biết rằng chị Yên của tôi, người vợ sắp cưới của anh, đã bị một tên khốn nạn làm nhục? Tại sao? Tôi chỉ còn biết trả lời cho chính tôi nghe mà thôi. Từ hôm chị Yên bỏ nhà ra đi, việc làm đầu tiên của mẹ tôi là sang xin lỗi ông Biếm và xin trả của lại cho ông. Mẹ tôi tính nhẩm lại những món lễ ông mang sang biếu nhà tôi, hết bao nhiêu, để mẹ tôi đáp lại bằng số tiền rộng rãi gấp bội.

Nhưng ông Biếm một mực từ chối. Đôi mắt ông vốn đã buồn, lúc này càng buồn hơn. Ông vẫn mặc bộ quần áo vải trúc bâu đã sờn để tiếp chuyện mẹ tôi, bộ cánh ngày nào ông mặc vào những lần sang sêu tết. Tôi nhận thấy ông già đi nhiều, đôi gò má nhô lên và nước da khô héo. Giọng ông run run, chậm rãi:

– Bà cũng như tôi, có ai muốn chuyện xảy ra như thế này đâu. Chỉ thương thằng Phụ nhà tôi, hơn ba chục tuổi đầu rồi mà vẫn còn chịu cảnh hẩm hiu. Chỗ đi lại thân tình từ ngày còn ông cụ, xin bà chước cho món tiền trả của.

Nói xong, ông lim dim mắt nhìn ra ngoài vườn đầy nắng gió. Vẫn là thứ gió hiền hòa, nhẹ nhàng phe phẩy ngọn cau, giậu hoa râm bụt, thứ gió đã đón tôi ngày nào tôi sang chơi với anh đỏ Phụ.

Không trả được của cho ông Biếm, mẹ tôi tính sang một chuyện khác, hy vọng có thể làm nguôi ngoai được nỗi lòng anh Phụ. Dạo đó, mẹ tôi quen biết một nhà thuyền chuyên đến khắp nẻo bến chợ, buôn bán, đổi chác các mặt hàng. Chủ thuyền là một bà trước đây ở thị xã, có một cô gái lớn chưa chồng. Họ cần một tay chèo lái. Dịp may hiếm

có, mẹ tôi giới thiệu anh đỏ Phụ. Thoạt đầu, anh không bằng lòng. Mẹ tôi cố nói vào để anh xiêu lòng dần:

– Anh chịu khó xuống thuyền với họ. Họ là những người làm ăn thật thà, may ra anh cũng có phận nhờ. Con Yên nó không lấy được anh là một thiệt thòi cho nó lắm. Anh phải thương lấy ông cụ, thương lấy anh.

Mẹ tôi đã tính toán và xếp đặt rất khéo. Anh đỏ Phụ đến sống trong khoang thuyền chật hẹp, làm sao khỏi có những "ra đụng vào chạm" với cô gái con bà chủ? Trước lạ, sau quen, huống hồ anh Phụ lại là người cần cù, chịu thương, chịu khó, thì sớm hay muộn, lửa gần rơm lâu ngày cũng bén.

Cuộc đời sông nước của người con trai xã Hòa Trường bắt đầu từ đó. Đã nhiều canh gà lạ eo óc trên những bến sông xa. Đã nhiều lần sao hôm, sao mai thay nhau hiện ra rồi lịm tắt. Nhưng hình bóng anh đỏ Phụ vẫn còn nguyên vẹn trong ký ức tôi, thấp thoáng bên kia hàng rào cây ruối, mỗi lần anh đến nhà tôi. Cũng như còn nguyên vẹn cái vẻ hớt hải của chị Yên, khi chị nắm chặt cánh tay tôi lần chót, rồi vội vã bỏ ra đi vào một buổi sáng còn chưa rõ mặt người.

Chị Yên! Chị đi đâu đấy? Tại sao tôi không đủ can đảm nói thật tất cả cho anh đỏ Phụ biết? Tôi không dám nói ra vì đó là sự thật! "Có những sự thật không nên nói ra", ai đã viết nên câu chân lý đó?

Tôi mong cho con thuyền đưa anh Phụ trên các triền sông được thuận buồm, xuôi gió, cuộc đời anh được bình an ghé lại một bờ bến yêu thương. Mẹ tôi có lần vui vẻ nói với chúng tôi:

– Thằng cha đỏ Phụ tưởng không gặp may, thế mà lại hóa ra tốt số. Thôi thì cũng mừng cho nó.

Nhưng mẹ tôi mừng hơi vội, vì một hôm, bất ngờ, anh đỏ Phụ đã trở lại. Anh không còn là anh đỏ Phụ ngày nào nữa. Nước da anh đã sạm nắng gió. Anh gầy đi trông thấy, đôi mắt đăm chiêu mỏi mệt. Chỉ khác trước đây là anh đã có thêm bộ quần áo bằng vải thô nhuộm mầu chàm xanh lơ như mầu sông nước.

Anh trở về, nhưng không còn ghé lại nhà chúng tôi như bao nhiêu lần trước nữa. Trong ba gian nhà lá thừa tự, bên cạnh người bố già, anh sống lùi lũi như một chiếc bóng cô đơn. Đã tắt hẳn cái giọng kể truyện Kiều kéo dài và buồn man mác. Ngay cả tôi là người anh vẫn từng tỏ ra trìu mến, anh cũng tìm cách lánh mặt, hôm tôi đến

gặp anh, trước khi lên đường ra thị xã học tiếp. Tuy anh không hé môi nói vì sao anh bỏ mẹ con bà chủ thuyền để trở về với cái xã Hòa Trường heo hút này, nhưng chúng tôi đều biết rằng, một lần nữa, đời anh lại "đứt gánh". Con thuyền buôn ghé lại ăn hàng trên các bến sông, đã thay chủ, và người chủ thuê mướn anh cũng đã thay lòng. Không còn chuyện "lửa gần rơm" như hôm nào mẹ tôi từng mong ước cho anh đỏ Phụ, cho chú rể hờ.

*

*   *

Tôi ra tỉnh vừa học, vừa làm "gia sư" cho một nhà hàng cơm sát ngay ga xe lửa thị xã. Tại đây, có nhiều toán người thay nhau đến ăn cơm và ngủ trọ. Hầu như ngày nào cũng diễn ra những quang cảnh lạ lùng: những đợt mộ phu đi đất đỏ cao su và sang Tân thế giới. Những tên cai mộ phu lỳ lợm, mặt cắt không ra một giọt máu, mở túi bạc trả tiền mua người theo một giá ấn định, sau khi đã cầm từng ngón tay bắt lăn và điểm chỉ lên tờ giấy cam đoan đóng sẵn con dấu nhà thầu: mười đồng một đầu phu sang Tân thế giới và năm đồng đến đất đỏ Nam Kỳ. Chỉ sau một cử chỉ khô, gọi là nhận số tiền định mạng, con người chợt thấy hoang mang, nghe như có nhát dao nào cắt đứt lìa mình khỏi cuộc đời quen thuộc, khỏi thân thích, quê hương.

Một hôm, đang đứng chứng kiến cảnh đau lòng kia, tôi bỗng giật mình nghe có tiếng ai gọi:

– Cậu! Cậu út!

Tôi đưa mắt tìm: anh đỏ Phụ. Bên cạnh anh là người chị gái nghe tin em đi phu, nên vội ra thị xã tiễn chân. Tôi chạy lại với anh. Anh vẫn mặc bộ quần áo xanh lơ màu sông nước, chỉ khác là phía trên ngực, vừa đính thêm một mảnh vải trắng mang hàng chữ số phu phen! Tôi nghẹn ngào hỏi anh:

– Anh đi đâu đấy anh Phụ? Sao anh lại ở đây?

Anh đưa ống tay áo lên gạt nước mắt, trả lời tôi:

– Tôi đi phu Tân thế giới cậu ạ. Ra đây tìm mãi không được việc làm. Thôi thì cũng liều một chuyến, có người, có ta, lo gì!

Từ phút gặp lại nhau, anh đỏ Phụ và tôi không lúc nào còn muốn rời nhau ra nữa. Cả hai chúng tôi cùng nằm chờ tàu ngoài sân ga,

suốt một đêm dài. Chúng tôi yên lặng nhiều hơn là nói chuyện, những câu chuyện ngày xưa vô cùng, vô tận, nhưng lại đứt đoạn, rời rạc, vì tâm trạng chúng tôi đang ở vào một cực độ hoang mang. Cũng như tôi, anh Phụ tránh không nhắc đến tên chị Yên, tuy anh có hỏi thăm mẹ tôi.

Đêm đó, tôi mong cho con tàu đừng đến, mong anh Phụ đổi ý, trở về. Nhưng tất cả chỉ là ước mơ hờ hão. Ảnh đỏ Phụ đã lăn tay, đã điểm chỉ rồi. Anh đã dúi vào bàn tay người chị gái tờ giấy bạc con công năm đồng, nửa số tiền bán đời mình để gửi về phụng dưỡng bố.

Và con tàu đang lù lù tiến đến, sau một hồi còi thét lên, xé ruột. Anh đỏ Phụ đứng bật dậy. Tôi ôm ghì lấy anh, khóc nức nở. Một bàn tay chắc nịch kéo tôi ra, ấn anh Phụ và toán phu vào trong cái toa sắt đen ngòm, cái toa thường ngày vẫn dùng chở súc vật, khóa lại.

Khi đoàn tàu lừ lừ chuyển bánh, từ giữa đám người còn hoang mang, ngơ ngác, chị gái anh đỏ Phụ vụt lao ra, đâm bổ chạy theo tàu, chạy theo em, chạy thật nhanh, gào khóc, vẫy gọi, như muốn giằng lại khối thép, cho đến khi đứt hơi, chị nằm ngã vật xuống bên đường.

Con tàu mở hết tốc lực, phun khói mịt mù.

Từ phút đó, không bao giờ tôi còn gặp lại anh đỏ Phụ nữa.

10 – 1941

NGƯỜI ANH XẤU SỐ

Trong ba anh em chúng tôi, mẹ tôi thương anh hai tôi nhất. Mẹ tôi thương anh vì anh khổ, vì anh, vẫn theo lời mẹ tôi, đã từng biết qua trong thuở đầu xanh những ngày đào củ chuối, nấu cháo cám ăn trừ cơm.

Nhưng lòng người mẹ càng nghiêng xuống đứa con thứ bao nhiêu thì lại càng xa đứa con cả bấy nhiêu. Mẹ tôi ví chúng tôi như cây mía có ba đốt đều nhau, sinh cách nhau đúng bảy tuổi, ba đốt mà một đã bị sâu, còn hai đốt kia thì "chưa biết".

Có lần, tôi hỏi mẹ tôi:

– Tại sao anh cả con lại là đốt mía cuối bị sâu đục hả mẹ? Sao anh hai lại được là đốt giữa?

Mẹ tôi gắt:

– Rồi mày liệu, không lại sâu nốt, con ạ.

Mà kể ra anh hai tôi cũng xứng đáng là đốt mía giữa thật. Anh có vẻ dịu dàng và phong nhã. Miệng anh cười rất xinh, làm núng hai đồng tiền ở má. Anh hai tôi ít nói, mà đã nói thì hết sức chắc chắn. Mẹ tôi yêu anh và gửi gắm vào anh những ngày già sắp rụng. Anh tôi chải tóc lật ra hai phía gáy, làm nổi rõ lên cái đường ngôi thẳng tắp. Bắt chước anh, tôi nhất định nuôi tóc để chải cho đẹp, nhưng mỗi lần thấy hàng thợ húi rong đi qua, mẹ tôi hay nhìn đầu tôi mà bảo:

– Bé định búi tóc hay sao mà chưa thiến bớt nó đi?

Nhìn cái tăng đơ tàn nhẫn cày từng mảng tóc âu yếm của tôi lên, tôi hùng hổ bảo người thợ:

– Sao anh không cắt mẹ nó cái đầu tôi đi luôn thể?

– Bà dạy thế. Vả lại cắt ngắn tóc cho mát, cậu ạ.

Tôi không nén nổi tiếng khóc vì bực tức:

– Hu hu... nhưng tôi muốn... bức kia mà!

Cuối năm ấy, ba anh em chúng tôi được chụp ảnh chung với nhau để gửi về quê nội. Bức ảnh đó, tôi vẫn còn giữ được, tuy thời gian đã làm phai nước đi. Cách một ngày trước hôm chụp ảnh, anh hai tôi đã

lo lắng về quần áo. Anh cả tôi lớn rồi nên tỏ vẻ lãnh đạm. Tôi thì chỉ suốt ngày ngắm anh hai tôi.

Rồi sáng hôm sau, chững chạc quá, anh hai tôi diện một bộ quần áo sọc, mái tóc chải dẹt xuống, hai mắt tươi cười, tay cầm một chiếc "mùi xoa".

Đến anh cả tôi mới thật khiếp! Anh mặc một bộ quần áo tây của ba tôi sửa lại, vai cứ dốc xuống, đôi ống quần bó lấy bắp chân như "xà cạp". Tôi đã mất công lục hết rương, hòm, rồi để chịu mặc một cái áo rộng tay và cái quần ngắn cỡn, vì có bao giờ mẹ tôi may cho tôi được một bộ quần áo nào vừa ý đâu. Cái thì rộng, cái thì hẹp, cái làm tôi đang gầy hóa béo, đang lớn hóa lùn. Nhưng cái nào cũng đẹp hết, vì mẹ tôi bảo: áo tàu mặc thế nào cũng... chững!

Ba chúng tôi ra ngoài sân với một cái ghế. Anh cả tôi ngồi giữa, tay cầm quyển sách. Anh hai tôi đứng chống nạnh bênh cạnh. Tôi nhỏ, đứng vòng tay cho có vẻ lễ phép, đôi mắt đờ nhìn vào ống máy ảnh. Mẹ tôi ngắm kỹ ba chúng tôi rồi bỗng giận dữ:

– Trông con mắt thằng cả! Cứ long lên xòng xọc thế kia, trách nào!

Tôi nghe anh cả tôi thở dài một cái. Tôi biết trong nhà sắp có chuyện, nên đưa mắt liếc anh hai tôi. Lúc người thợ ảnh sửa lại dáng điệu cho chúng tôi, mẹ tôi lại nhìn anh cả tôi, lè bã trầu ra ngoài miệng, giọng gắt gỏng:

– Người thì cứ sừng sững ra ấy!

Anh cả tôi vùng đứng dậy, bước ra ngoài, vất lại mấy tiếng:

– Để cho hai đứa nó chụp!

Mẹ tôi nóng tiết, quăng que củi cầm trong tay theo anh, gắt ầm nhà. Anh hai tôi bấm vào đít tôi một cái, dấu hiệu giữ mình chúng tôi vẫn báo cho nhau vào giờ phút nghiêm trọng. Mẹ tôi bảo ông thợ ảnh:

– Ông cứ chụp cho hai cháu cũng được. Thằng con đầu của tôi chết rồi!

Do một sự hớ hênh rất có ý nghĩa của người thợ ảnh, tấm hình được chụp ra với cái chỗ trống anh cả tôi bỏ lại. Đôi mắt tôi, mỗi lần đặt lên bức ảnh, chợt thấy thiếu một cái gì, và điều này làm tôi bồi hồi, cảm động. Tôi chạnh lòng, thấy số phận của anh cả tôi hẩm hiu quá. Ngày xưa cũng như ngày nay, người anh đau khổ ấy vẫn bước

những bước cô quạnh trong cuộc đời, sống với mình hơn là sống với người xung quanh, nóng nảy và liều lĩnh.

Một lần đang ngồi ăn cơm với nhau, không nhớ tôi nói hỗn điều gì, anh cả tôi ném ngay cái bát vào mặt tôi. Cơn nóng nổi lên, tôi quăng trả cái chén, và cứ thế, chúng tôi nhảy vào nhau, đấm nhau, cắn nhau.

Thường thường, sau những phút giận dữ như trên, tôi thấy lương tâm bị giày vò, day dứt. Tôi dịu ngọt làm thân với anh cả tôi, nhưng chỉ được vài ngày, chúng tôi lại xem nhau như thù địch. Có điều mãi đến nay tôi vẫn lấy làm lạ, là càng ghét anh bao nhiêu, tôi lại càng thương anh bấy nhiêu.

Trước đây, anh cả tôi có quen biết một người con gái mà đôi mắt, tôi còn nhớ, tròn như đôi mắt bồ câu. Nhưng tình yêu vốn là thứ hay vỡ vì bất cứ một cái chạm nhẹ nào, anh tôi đã thấy chết mối tình đầu âm thầm và vô vọng, rồi về quê nội lấy một người vợ mà tôi chắc rằng anh không yêu lắm.

Đây là một đoạn đời bất thường của anh cả tôi ở bên quê nhà do chính anh thuật lại:

– ... "Thế rồi đến lượt anh. Anh bị trói gô vào một xâu cùng với những người khác, chỉ vì anh là người lạ mặt lạc vào thành phố, đúng cái hôm nổ ra cuộc cách mạng đánh đổ nhà Mãn Thanh. Cây súng, anh còn nhớ rõ, cây súng có cái nòng ngắn, nhưng anh thấy nó đen ngòm và sâu không đáy. Bốn người bên anh đã ngã gục xuống, và sắp đến lượt anh..."

Tôi sợ quá, nhảy chồm lên, hỏi:

– Thế người ta có bắn anh không?

Anh hai tôi đang nghe chuyện, vênh mặt lên bảo anh cả tôi:

– Bé nó hỏi thật dở nhỉ? Đã bắn rồi thì làm gì còn sống mà ngồi kể chuyện nữa!

Anh cả tôi kể tiếp:

– ... "Thế rồi đến lượt anh. Nhưng lúc cây súng sắp giơ lên thì cũng là lúc cây súng... hạ xuống. Khi ấy là vào đúng ban trưa, vì anh nhớ rõ là trời nắng lắm. Thì ra hôm anh bị bắt, ông nội chúng mình đi vắng. May ông về kịp, hối hả gom góp được một món tiền và thuốc phiện lên biếu quan huyện. Thế là quan sai lính phi ngựa ra pháp trường, hô tên anh là Ho Yan lên, và cứu thoát!"

Nghe xong chuyện, anh hai tôi bấm tôi ra chỗ vắng mà bảo:

– Anh cả anh ấy bị một mẻ mất vía, nên từ đó anh mất vía luôn. Cứ buổi trưa trở đi là anh như người lẩn thẩn, và đêm nào cũng lảm nhảm nói mê.

Anh cả tôi có một tâm trạng đúng như vậy. Chị dâu tôi cứ việc yên lặng nằm bên anh mà cũng biết hết anh đã làm gì, nghĩ gì hay bậy bạ gì trong ngày hôm ấy.

Một lần, mẹ tôi mất năm chục bạc. Đến đêm, anh cả tôi tự khai ngay ra:

– Còn khoắng một mẻ nữa là ít. Ngần ấy đã ăn thua gì!

Đại để là thế. Ban ngày, anh tôi tính toán gì trong bụng, thì đến đêm nói hết ra ngoài miệng. Tâm hồn anh như căn lều trống, gió thổi qua không vướng một bức vách, thổi một mạch, thổi vù vù.

Trước đây mấy năm, và đây cũng là nguyên do khiến mẹ tôi ghét anh, một chiều đi học về, tôi ngạc nhiên thấy một quang cảnh đổ vỡ bừa bãi. Mẹ tôi, bên cạnh là người đầy tớ trai, đang giận dữ ném các đồ vật vớ được về phía anh, dồn anh vào một góc tường. Anh tôi không kêu, không khóc, nhưng nét mặt xạm lại, một nỗi hằn học lẫn đau đớn vỡ tràn trong cặp mắt ngầu đỏ.

Cuối cùng, tôi thấy anh cả tôi kêu lên một tiếng, ngã xuống: một dòng máu chảy ra trên vai anh, thấm vào manh áo rách. Trong cảnh hỗn loạn, bỗng nhiên, anh tôi vớ được một thanh mác, thứ khí giới phòng kẻ trộm hồi ba tôi còn sống, lao về phía trước mặt. Mũi mác cắm phập vào chiếc tủ đứng, và tiếng mẹ tôi la lên:

– Nó giết, nó giết tôi, các ông, các bà ơi!

Thực ra đó chỉ là cách chống đỡ điên cuồng và tuyệt vọng của một người bị thương, gần như loạn óc. Sau tiếng kêu của mẹ tôi, tôi nóng mắt, sẵn hòn gạch vớ được, ném về phía anh...

Từ đấy, mẹ tôi vẫn dùng hai tiếng "sát nhân" gán cho anh, mỗi lần tức giận. Lòng mẹ tôi đã gần như mất hết thiện cảm đối với giọt máu của mình, đốt mía sâu đục. Còn tôi, tôi không thiếu tình thương hại mỗi lần tôi nghĩ đến người anh đau khổ, nghĩ đến cái gì không tươi đẹp đã làm hoen ố cả một quãng đời của ba chúng tôi.

*

*   *

Rồi anh Cả tôi mất vào một năm lụt lội, đói kém. Anh bỏ nhà, đi lên miền ngược, tìm lại những người bạn ngày xưa, vì anh vừa đói cơm trắng lại vừa đói cơm đen. Nhưng anh đã chết ở dọc đường vì kiệt sức. Dân địa phương đi qua, làm phúc vùi tạm xác anh ở một góc rừng đâu đó.

Hôm được tin anh chết, tôi ở xa không về được, chỉ có chị dâu tôi và đứa cháu đầu lòng thất thểu kéo nhau đi tìm xác anh. Mẹ tôi thì già yếu, nhặt nhạnh được một thúng lá chuối khô, dặn chị tôi mang theo.

Tôi thương anh tôi khi anh còn sống, hơn là khi đã chết. Chết như anh là thoát. Tôi thương những giọt nước mắt mẹ tôi chắt ra từ đáy lòng để khóc lần cuối cùng đứa con dại dột. Và tôi hay nghĩ đến bó lá chuối khô của mẹ, thứ "cây nhà lá vườn", không tốn tiền mua, mà chị dâu tôi mang theo để gói hài cốt của chồng.

1942

Các truyện ngắn trong *Chân trời* cũ trên đây in lại theo Hồ Dzếnh – *Tác phẩm chọn lọc*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1988.

NHÀ NHIỀU CON

Thím Củ ngày nay so với thím Củ cách đây mười năm đã hoàn toàn khác. Khác, vì cái vẻ e lệ mảnh mai đã biến đi, nhường chỗ cho một thứ già đau khổ, thứ già "viễn xứ". Thím Củ thường nghe nhiều người nói: đàn bà Tàu lúc về già thì răng chìa ra, mắt sâu hoắm vào, gò má nhô lện, nước da se đét lại. Cách ăn mặc của người đó làm xung quanh thấy lợm lên một cái gì như keo cú, độc ác.

Thím Củ ngày nay đã già và xấu đi nhiều. Áo thím mặc đã từ mầu chàm đổi sang mầu bồ hóng, mà thím chỉ thay mỗi tháng độ vài lần. Bồ hôi thấm khắp áo bồ hôi lại khô đi. Áo thím chạy một hàng cúc bọc vải thô, lâu ngày bóng ghét vì mấy đầu ngón tay luôn luôn cài mở. Chân thím Củ to ra, đôi chân trước kia đã có thời bị bó nhỏ biến lại. Da thím sần sùi, dáng đi nặng nề, lệch bệch. Đã thế, mắt thím lại kèm nhèm, do cái khăn lau độc nhất là đôi ống tay áo đưa lên quệt dử, đã dày cộm.

Thím chan nước lã vào cơm nguội, húp lùa đi như người ta húp cháo. Sau mỗi miếng cơm, thím bẻ ngoắt một mẩu cá khô cho vào miệng, nhai và nuốt rất ngon lành. Thím vừa ăn vừa ngồi bệt xuống đất, nên đũng quần trắng bệch. Nhìn thím ăn, có người đã phải kêu lên:

– Khiếp! Thím ăn uống lạ quá!

Thím Củ nhe bộ răng đã ngả sang mầu vàng, cười hềnh hệch:

– Cơm của trời mà, nhà "tui" đông con, không ăn thế này thì cả nhà chết đói.

Thím Củ là mẹ của chín đứa con, bảy trai, hai gái. Con của thím như bầy lợn cùng chuồng, húc nhau, tranh nhau ăn. Nhiều lần thím quên khuấy mất một vài đứa chạy đi chơi, bỏ bữa ăn. Tối đến, chúng nằm ngủ la liệt trên hai chiếc giường kê thành một, chân đứa này gác lên mặt đứa kia, cổ thằng này nghẹt dưới cánh tay thằng khác. Chúng thụi nhau huỳnh huỵch dưới lần chăn bông to lù lù, cựa quậy trong chiếc màn vá nhiều chỗ, mép không liếm được đến bốn góc giường. Vì vậy, đầu thằng Mềng lọt ra khỏi màn, phơi cho những con muỗi đen vằn tha hồ đốt. Trong cơn mê, nó vẫn thấy ngứa, thỉnh thoảng lấy tay vỗ bốp vào mặt, làm vỡ xác mấy chú muỗi mọng máu.

Muỗi không chỉ ở ngoài màn, muỗi còn chui lọt vào tận trong, qua những lỗ hổng do chuột khoét. Có lần thằng Khuỳn thấy một con chuột nhắt rón rén bò vào màn, gặm đầu em nó. Nó nín thở, xem cái trò vui mắt đó. Nó đang trố mắt thích thú, thì bỗng thằng em bên cạnh đưa tay lên bóc vảy mũi, thản nhiên cho vào miệng nhấm nháp, làm con chuột ù té chạy mất. Giấc ngủ của trẻ, thường được ví như giấc ngủ thiên thần, trái lại, với mấy đứa con thím Củ, chỉ là những cơn mê sảng, một cuộc hành động trong mơ. Được nuôi nấng theo một cách thức bất thường của người Trung Quốc nghèo khổ, chúng ăn nằm không cần theo một trật tự nào cả. Bảy đứa là bảy tâm trạng, bảy sự xuất hiện quái lạ của tướng tinh, về ban đêm.

Thằng anh lớn chiếm một góc rộng nhất trên tấm phản. Thằng hai, thằng Dổng, hễ đặt mình xuống là ngáy. Thằng ba, đặc biệt hơn hai anh, nhiều lúc đang nhai cơm, bốn mí mắt nó bỗng gà gà vào nhau. Thế là nó để rơi bát cơm, quay ra làm một giấc ngủ đến tận sáng. Thím Củ biết tính con, điềm nhiên trút chỗ cơm thừa ở bát nó sang bát thằng Mềng, rồi ẵm nó, đặt mạnh gần như vất xuống chiếc chiếu rách. Thằng tư hiền lành và ngờ nghệch. Nó là một con cừu non giữa bầy sói, ăn nói nhỏ nhẹ, chịu đựng những cái đạp, cái gác của mấy thằng anh. Chính nó đã từng bị sặc nước tiểu của đứa em út xối vào hai lỗ mũi, trong khi nó cựa quậy thất vọng dưới lần chăn mà hai mép đã bị hai thằng lớn giữ chặt. Thằng năm là thằng Chống, một hiện tượng lạ của khoa ngủ: nó thích gập chân ngủ sấp, đôi mông hướng lên, nước dãi chảy thành hai bãi hình tròn, quánh sệt. Sáng dậy, nó lấy tay quệt chỗ nước dơ, bôi lên mặt lên mũi thằng em bên cạnh. Thằng Sáu mới đi bi bô tập nói, thằng bảy vừa chập chững đi. Thím Củ đỡ được phần săn sóc con, đói chúng tự tìm ăn, khát chúng tự tìm uống.

Thím Củ ngày ngày đi bán bánh rán, chiều về tạt qua chợ, mua mớ cá khô, bó rau giao cho hai đứa con gái nấu nướng. Đứa con gái lớn đã mười ba tuổi. Nó giúp gia đình bằng tiền công vá áo thuê mỗi ngày ba hào. Mỗi ngày nó mua cho mẹ và các em mấy xu nước mắm, còn bao nhiêu bỏ túi dành dụm may sắm áo quần, đôi lúc một lọ sáp thơm, chạy lén xuống bếp, bôi vội lên đầu. Đứa con gái thứ hai chưa kiếm ra tiền, nhưng thỉnh thoảng đã biết lấy trộm của mẹ mấy xu cho vào ống. Cả hai đều có nhiều bạn gái, những cô đồng hương giàu có thích dùng chúng làm tay sai vặt.

Tại một tỉnh nhỏ như tỉnh thím Củ ở, mọi người Tàu đều quen biết nhau, họp thành một cái xã hội gồm nhiều hoàn cảnh trái ngược. Ông bang Phèng giàu bạc vạn, thì ông Coóng nghèo xơ xác. Bà Phèng kẻ hầu người hạ thì bà Coóng chạy khắp phố bán quà rong. Nhưng con mắt của người này ít khi soi mói vào đống tiền của người khác. Cuộc sống đã như thành lệ: người giàu hay người nghèo là do số phận. Tuy nhiên, vợ chồng thím Củ vẫn gửi con đi làm công, tập việc ở một cửa hàng tạp hóa trong phố, như con ông bang Phèng. Phòng khách sang trọng của ông chủ hiệu chè Sinh Thái có biến thành nơi thờ thổ thần cũng chẳng sao. Cũng chẳng sao, những bãi đờm lẽ ra không được trổ hoa lên nền gạch bóng nhoáng ngay giữa hiệu. Trong cuộc sống lôi thôi, bừa bãi ấy, vẫn tiềm tàng một nề nếp cổ truyền. Những hôm hội họp để bàn cãi về việc hàng bang, già cũng như trẻ, giàu cũng như nghèo, tất cả tranh nhau nói. Chồng thím Củ cũng đi họp hàng bang như ai. Chú ăn nói sôi nổi, uống rượu đến mềm cả người. Rồi cuối cùng, đến mục bầu bang trưởng mới, lại vẫn ông bang chủ hiệu đồ hộp người Phúc Kiến thay ông bang chủ hiệu cao lâu người Quảng Đông. Chú Củ tán thành và cười xòa. Điều chú quan tâm, không phải ông chủ nào đứng đầu hàng bang, mà là chọn một cửa hiệu cho thằng con cả của chú vào học việc. Đời chú nghèo, nhưng đời con chú sẽ giàu. Con chú sẽ cung cấp các thứ cần dùng cho gia đình, có khi cả thuốc phiện cho chú nữa. Vì nếu con chú giàu, chắc chú sẽ nghiện, có nghiện mới giữ được của cho con, nhân thể di dưỡng tuổi già của chú.

Hai năm sau, thằng Lồng, đứa con cả, bắt đầu đi làm. Cử chỉ trước nhất của nó là cởi phăng chiếc áo ngoài ra, đánh trần nửa mình, với vỏn vẹn một chiếc quần đùi ngắn cỡn. Nó được đứng chân bồi bàn ở một cửa hiệu cao lâu, trổ hết tài nhanh nhẹn để chủ chú ý trong bước đầu thử thách. Trong đầu óc còn non nớt của nó, sớm đã hình thành một cửa hiệu bánh bo, tỉm xắm nguy nga. Tiền công mỗi tháng ba đồng, nó nhất định cất vào một chỗ bí mật. Tiền cắt tóc, tiền xà phòng đã có chủ cấp. Nó chẳng phải lo gì hết. Cuối năm nó sẽ có một số tiền khá, cộng với tiền hoa hồng ngày giáp Tết, có thể đến một trăm. Nó tính sẽ làm việc trong mười năm, khi ra đứng cửa hiệu riêng, bản lĩnh tay nghề là chân thớt ba, chỉ kém sư phụ xấp xỉ hai bậc. Nó vừa bưng bát vằn thắn từ dưới bếp lên, đặt trước mặt khách, vừa tính toán như vậy.

Tiếp đó, thằng Khuỳn, em nó, cũng vào làm ở một cửa hiệu tạp hóa. Nó bắt đầu tập gói bốn bánh xà phòng vào một mảnh giấy hẹp. Thế mà vừa vặn, kín đáo, vuông vắn, mỹ thuật. Khuỳn làm việc nhỏ nên lương cũng nhỏ: hai đồng một tháng. Nó định sẽ kéo thằng em thứ ba vào thay chân anh, khi nào chủ cất nó lên chức trên.

Thằng Lồng hàng ngày mang về cho mẹ và các em những chiếc bánh thừa, thằng Khuỳn những chiếc kim gỉ, những hộp giấy bỏ đi. Hai anh em thằng Lồng đi làm được một năm thì thím Củ cho ra đời đứa con thứ mười. Thằng bé ra đời muộn màng này gầy xanh và yếu nhẽo. Nó "nhỏ như con chuột" đó là lời thằng Mềng rón rén vào buồng thím Củ rồi chạy ra báo tin với anh. Nó bảo thấy ba nó cầm một vật gì dài dài, nhẽo nhợt, sau khi dùng thanh nứa cật cắt lìa cái dây đỏ lòng thòng khỏi ruột má nó. Nó thấy má nó đẻ con chẳng khó khăn gì cả. Y như gà nhảy chuồng thôi. Ba nó là bà đỡ, và cái buồng hẹp tối của hai người là cái nhà hộ sinh.

Dăm ngày sau, thím Củ đã đội thúng đi bán hàng. Lần này thím mang guốc, nước da xanh nhợt, tiếng rao bán bánh yếu đi nhiều lắm. Thím hay thở khò khè, đôi khi đưa tay xoa bụng. Thức ăn thím dùng vẫn là thức ăn thường ngày, chỉ thêm miếng "phù nhự" đỏ như tiết.

Một dân đinh nảy ra thêm ở cái gia đình nghèo khó, đông con, không được nhìn bằng cặp mắt trầm trồ. Nếu không có tiếng trẻ khóc trong buồng thì lũ con thím cơ hồ cũng quên rằng chúng vừa mới có em.

Chú Củ đặt cho đứa con nhỏ cái tên giản dị: thằng Xập. Xập là mười. Đứa con thứ mười, miệng ăn thứ mười. Một anh bạn hàng xóm hỏi chú Củ sao đã nghèo mà lại cứ thích đẻ, thì chú dửng dưng đáp:

– Đâu phải tại "tui". Tại má chúng nó! Tại cái "ô...ô...ng" trời!

Một buổi chiều, đi bán bánh về, thím Củ thất sắc thấy thằng Xập nằm sốt li bì từ bao giờ trên lần tã ướt, chồng thím đang hối hả xoa dầu vào bụng con. Thím vội vàng bế xốc thằng nhỏ dậy, vừa dúi vú vào miệng nó, vừa thét:

– Chúng mày chạy đâu cả rồi? Em sốt thế này mà không đứa nào biết!

Thằng nhỏ đã chối bú. Hơi thở nó nóng bỏng, hổn hển. Mắt nó nhìn lờ đờ. Ông lang thứ nhất mời đến đã tỏ ý chê bệnh. Thím Củ điên lên, chạy mời ông lang thứ hai, nhưng vẫn vô hiệu. Ông ta khuyên thím Củ:

– Bây giờ chú thím chỉ có còn cách này may ra cứu được thằng nhỏ, là đem nó cho nhà thương làm phúc của các bà xơ.

Bà xơ, thím Củ vẫn thấy đó là một nhân vật kỳ lạ, nói năng không giống thím, và là người thầy thuốc cuối cùng bà con người bệnh nghĩ đến trong lúc thất vọng. Thím Củ toan nghe lời ông lang, bỗng thím ngần ngại:

– Thế may ra nó khỏi, mình đòi lại có được không?

– Quý hồ nó khỏi, đòi lại làm gì?

Thím Củ nhìn chồng rồi hỏi ông lang:

– Người ta giữ nuôi thằng nhỏ này để làm gì ông?

Ông lang đáp:

– Người ta cho nó đi đạo.

Thím Củ vụt kêu lên:

– Ấy dà! Đi đạo à? Nhà tôi không có ai đi đạo cả! Thằng nhỏ trong tay thím Củ vẫn cựa quậy, thở hắt ra, da thịt nóng bỏng. Chú Củ nhìn con rồi giục vợ:

– "Nị" cứ đem nó cho bà xơ, sau này đòi lại thì ai cấm?

Thím Củ yên lặng, nhặt thêm mấy cái tã cũ, bọc kín thằng nhỏ lại, ra đường thuê xe kéo, giục chạy miết. Đến nhà thương đạo, thím không cần gõ cửa, chạy xộc vào, làm các bà xơ giật mình. Giọng thím hớt hải:

– "Pà" xơ làm phúc cứu con tui với. Nó sắp chết!

Bà xơ lớn nhất đưa tay đỡ đứa nhỏ, ngắm nó cẩn thận, rồi không một lời nói, chỉ với một cái đưa mắt khẽ, ra hiệu cho người nữ khán hộ ẵm thằng nhỏ đi. Quay sang thím Củ, bà nói nhẹ nhàng, an ủi:

– Thôi được, bà cứ về. Nó sống là con của Chúa, chết sẽ được vào nước Thiên đàng.

Thím Củ trố mắt, không hiểu bà xơ định nói gì. Nhớ đến lời ông lang ở nhà, thím nói như van lơn:

– Nếu may ra nó khỏi, bà trả lại cho vợ chồng chúng tôi chứ?

Bà xơ mỉm cười. Rồi muốn làm yên lòng người mẹ đau khổ, bà khẽ gật đầu. Thím Củ vừa toan bước ra, chợt nghe tiếng nói người nữ khán hộ từ buồng bên đưa sang:

– Trình xơ, thằng nhỏ mất rồi!

Thím Củ lặng người đi, choáng váng. Và bỗng nhớ đến câu nói của bà xơ: "... chết sẽ được vào nước Thiên đàng", thím chạy vụt lại,

giằng đứa nhỏ mình mẩy đã lạnh ngắt khỏi tay người tu nữ hiền hậu, ôm ghì lấy cái xác nhỏ nhoi, chạy một thôi về nhà.

Chôn thằng nhỏ xong, một buổi sáng, thím Củ bắt thằng Lồng cẩn thận chép những chữ đen láy trên tờ giấy bản gấp thành từng hàng thẳng tắp:

Ông Bang cho năm đồng.
Ông Coóng Sếch Thoòng cho một hộp hương.
Bà Làu cho một đỉnh vàng giấy, ba thước vải trắng
Vân vân và vân vân...

Chép xong, thím sai thằng Lồng đem tờ giấy bỏ vào cái tráp đen, khóa chặt lại.

6 – 1943

Theo *Hồ Dzếnh – Tác phẩm chọn lọc,*
Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1988.

MỤC LỤC

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM
TẬP 30

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập

Có chỉnh lý và bổ sung

TẬP 30

Chịu trách nhiệm xuất bản :

NGUYỄN ĐỨC DIỆU

Biên tập :

BAN BIÊN TẬP

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

Biên tập kỹ thuật :

NGUYỄN CỪ - ĐÀO TRỌNG CƯỜNG

Sửa bản in :

PHẠM VĂN TÌNH - HUỲNH THỊ HÒA

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG

Trình bày bìa :

ĐỖ DUY NGỌC

In 300 cuốn khổ 16x24 cm tại Công ty in Trần Phú – TP. Hồ Chí Minh
Số đăng ký kế hoạch xuất bản : 143 – 02/CXB do Cục xuất bản ký ngày 4 tháng 1 năm 2000. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2000.

TỔNG TẬP
VĂN HỌC VIỆT NAM

TRỌN BỘ 42 TẬP

